LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 191

HOẰNG MINH TẬP

SỐ 2102
(QUYỂN 1 →14)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2102

HOẰNG MINH TẬP

Thích Tăng Hựu trụ chùa Kiến Sơ
ở Dương Đô soạn vào đời Lương

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Phàm biển giáo không bờ, gương tuệ tròn chiếu. Sự giáo hóa kỳ diệu khắp trong cõi nước, nhưng lại mô phỏng theo Nghiêu Thuấn; nghĩa lý thật u huyền vượt ra ngoài ngôn ngữ mà tùy thuận theo Khổng, Chu. Nhưng đạo lớn thì khó tin, Thanh cao thì ít người hòa. Tu-di chót vót thì gió mạnh nổi lên; kho báu tích tụ thì sinh ra oán giặc. Khi xưa đức Như Lai còn tại thế, sự giáo hóa của Ngài chấn động khắp Đại thiên, mà còn bị Y ma phẩn nộ, sáu ngoại đạo sư oán hận, hà huống gì vào đời Tượng, Mạt này mà có thể tránh được ư? Từ khi giáo pháp truyền đến Đông thổ này, đến nay đã hơn năm trăm năm, về duyên thì có tin và không; về vận thì lúc hưng lúc suy. Người chánh kiến thì khen ngợi, kẻ tà mê thì hủy báng. Đến hàng nho học sinh ra thiển cận theo văn thì phản bác cho là dị giáo, còn kẻ tà đạo xảo ngôn thì dẫn dụng cho là đồng pháp. Như phản bác thì có cái mê mất bản giáo, dẫn dụng thì có cái loạn lợi danh. Từ đó bèn phát sinh nhiều luận già trẻ và từ ngữ điêu ngoa. Phàm chim hạt đán kêu ban đêm cũng không đổi được ánh sáng của mặt trời, chim Tinh vệ ngậm đá mà không làm suy tổn thế của biển lớn. Nhưng dùng tối để loạn sáng, dùng nhỏ để mờ che lớn, tuy không làm lay động mảy may, mà cũng có người nghe thấy, khiến cho kẻ yếu đuối theo lời ngụy biện mà mãi mãi lầm mê, hàng điên đảo thì theo tà

thuyết mà trường kỳ chìm đắm. Do đó mà dễ lạc vào chốn u đồ, khó bước lên cảnh giới thanh tịnh.

Tăng Hựu tôi vì hàng tu học thời mạt pháp, chí sâu rộng giữ gìn sự an tĩnh, mà lời thì tùy theo thế tục phẩn uất nơi tâm; nên trong lúc tật bệnh tạm an, thời giờ rảnh rỗi mới soạn ra những văn sáng xưa nay, những luận hay của đạo tục, với chủ ý phá tà, lập ngôn hộ trì chánh pháp; không phân Đại, Tiểu, tất cả đều chọn dùng. Cho đến Thư, Ký,Văn, Lục của các bậc Thắng sĩ đời trước mà có ích cho Tam bảo cũng được gom chép, phân loại, sắp xếp thành mười bốn quyển. Phàm đạo là do người hoằng dương, còn giáo thì dùng văn để làm sáng tỏ. Hoằng đạo minh giáo, nên lấy tên là Hoằng Minh Tập. Sau cùng có phụ một bài nói lên bản hoài thô thiển của mình, ngõ hầu dùng một hạt bụi, một giọt nước thêm vào núi cao, vào biển lớn. Nhưng tài học thì thấp kém, sự thấy biết thì nông cạn, hổ thẹn mình hạn hẹp, kính mong các bậc quân tử làu thông gia ân tăng bổ cho tập sách được sâu rộng thêm!

*****

1. MÂU TỬ LÝ HOẶC LUẬN.
Còn gọi: Thương Ngô Thái Thú Mâu Tử Bác Truyện

Mâu Tử vốn đã giỏi kinh truyện các nhà, lại còn rất thích các sách vở khác. Tuy không ưa binh pháp nhưng cũng xem đọc; dù xem các sách nói về Thuật thần tiên bất tử mà chẳng tin, cho là hoang đãng. Bấy giờ Linh đế đã băng hà, đất nước loạn lạc, chỉ có Giao Châu hơi bình yên, những dị nhân phương Bắc đều đến lánh nạn, nhưng phần nhiều theo thuật tịch cốc trường sinh của đạo thần tiên. Đối với những người có học bấy giờ, Mâu Tử thường dùng Ngũ kinh để gạn hỏi, các Đạo gia, thuật sĩ không ai dám luận đáp, giống Mạnh Kha phản bác Dương Chu, Mặc Địch.

Lúc đầu Mâu Tử dẫn mẹ lánh qua Giao Chỉ, đến năm hai mươi tuổi mới trở về Thương Ngô cưới vợ. Thái Thú nghe danh Mâu Tử học rộng nên mời ra làm quan, bấy giờ tuổi đang còn trẻ, dốc chí học tập, vả lại thấy thời thế nhiễu loạn, không có ý làm quan, nên Mâu Tử chẳng nhận. Các quan châu quận thời ấy nghi hiềm nhau, nên không kết giao qua lại, quan Thái Thú thấy Mâu Tử học rộng biết nhiều nên sai làm sứ mang lễ vật đến Kinh Châu. Mâu Tử cho rằng: Vinh tước thì dễ nhường, sứ mệnh thì khó tránh, nên chuẩn bị lên đường, lại gặp lúc quan Châu

Mục chuộng văn tài, mời ra làm quan, nhưng Mâu Tử cáo bệnh chẳng đến. Bấy giờ em của quan Châu Mục là Thái thú Dự Chương bị Trung Lang Tướng Sạ Dung sát hại. Châu Mục sai Kỵ Đô Úy Lưu Ngạn đem quân hỏi tội, nhưng sợ các châu quận khác nghi nan, không cho tiến binh. Vì thế Châu Mục đến hỏi Mâu Tử rằng: "Em tôi bị nghịch tặc sát hại, đau xót tình cốt nhục, hận đến tim gan, nay sai Lưu Đô Úy hành binh, nhưng sợ bên ngoài hiềm nghi, quân đi chẳng thông. Tôi nghe nói ngài văn võ song toàn lại có tài luận biện, nay muốn cùng đến thuyết phục Linh Lăng, Quế Dương mượn đường để lưu thông, ngài nghĩ thế nào?" Mâu Tử đáp rằng: "Được nuôi dưỡng đã nhiều, chịu ơn đãi ngộ đã lâu, thì kẻ sĩ sẽ quên thân báo đáp, mong rằng ra đi nhất định sẽ thành công!" Mâu Tử định sẽ lên đường, nhưng gặp lúc mẹ già qua đời, nên chẳng thể đi được. Lâu ngày nghĩ lại, mới biết vì luận biện thông đạt, cho nên thường được giao cho nhiều sứ mệnh, gặp lúc thời thế nhiễu loạn, chẳng phải là lúc để hiển lộ mình, nên than rằng:

- "Lão Tử bậc Thánh lìa Trí, tu thân dưỡng chân, vạn vật chẳng làm lay động được chí của ngài, thiên hạ chẳng thay đổi được niềm vui của ngài. Chẳng làm bầy tôi cho Thiên tử, chẳng làm bạn hữu của chư hầu, thật đáng tôn quý vậy!"

Bấy giờ Mâu Tử bèn chuyên tâm vào Phật Đạo, đồng thời nghiên cứu Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Uống Huyền diệu làm rượu ngon, xem Ngũ Kinh làm đàn sáo. Hàng thế tục bấy giờ đều chê bai ông cho rằng trái với Ngũ Kinh mà theo dị đạo. Ông nghĩ: "Như muốn luận tranh thì chẳng phải Đạo, còn im lặng thì chẳng thể được,"do đó mới dùng bút mực lược ghi lời của Thánh hiền để minh chứng và giải thích, đặt tên là Mâu Tử Lý Hoặc.

Người mê hỏi rằng: Phật sinh nơi đâu; có tông tổ quê hương chăng? Làm những việc gì? Hình trạng như thế nào?

Mâu Tử đáp: Thật hay thay câu hỏi này! Xin được dùng sự hiểu biết hạn hẹp của mình mà lược giải thích những điều cốt yếu. Từng nghe Phật hóa làm các hình trạng, tích lũy công đức trải qua ngàn ức năm không thể ghi chép hết. Nhưng lúc sắp thành Phật thì sinh nơi Thiên Trúc, gá vào thân phu nhân của vua Bạch Tịnh. Ban ngày phu nhân nằm mộng thấy cưỡi voi trắng sáu ngà, tâm vô cùng vui mùng nên cảm ứng mà có thai. Đến ngày mồng tám tháng tư, Thái tử xuất sinh từ hông phải của mẹ; vừa sinh liền đi bảy bước, tay phải chỉ lên trời nói rằng: "Trong cõi trời, cõi người này không ai hơn được ta!" Bấy giờ trời đất chấn động, trong cung sáng rực. Cũng trong ngày hôm ấy thị tì của

vua cũng sinh một bé trai đặt tên là Xa-nặc; ngựa trắng trong chuồng cũng sinh một con ngựa đặt tên là Kiền-trắc. Vua thường cho theo hầu Thái tử. Thái tử có đủ ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thân cao một trượng sáu, da màu vàng ròng, trên đỉnh đầu có nhục kế, hai gò má như má sư tử, lưỡi khi thè ra thì che phủ cả mặt, bàn tay có tướng Thiên bức luận. Ánh sáng trên đầu chiếu xa vạn dặm. Đó là lược nói về hình tướng vậy.

Năm mười bảy tuổi vua bảo Thái tử cưới một công chúa nước láng giềng làm vợ. Nhưng cả hai khi ngồi thì khác tòa, khi ngủ thì khác giường. Do đạo trời rỗng sáng, âm dương linh thông mà công chúa có thai sáu năm mới sinh ra bé trai. Phụ vương rất nuông chiều, trân quý Thái tử, nên xây cung điện, tuyển chọn mỹ nữ; châu ngọc quý giá bày biện trong ấy. Nhưng Thái tử không tham đắm niềm vui thế gian, ý muốn giữ đức hạnh. Vào khuya mồng tám tháng hai năm mười chín tuổi, Thái tử gọi Xa-nặc dẫn ngựa Kiền-trắc đến, rồi cùng vượt thành. Nhờ mười chín thần giúp đỡ, đưa ngựa bay vọt ra khỏi Hoàng cung. Sáng hôm sau mọi người cũng chẳng biết Thái tử đi đâu; vua quan và nhân dân đều than khóc, sai người đuổi tìm đến đồng ruộng thì gặp. Vua nói rằng: "Khi chưa có con thì ta cầu xin Thần thánh, nay đã sinh được con thì ta quý như châu ngọc, mong sẽ kế thừa Vương vị. Nay vì sao lại bỏ đi?"

Thái tử thưa rằng: "Vạn vật vô thường lúc còn, lúc mất nay con muốn học đạo để sau cứu độ khắp mười phương". Vua biết Thái tử đã kiên quyết, nên xa giá trở về. Thái tử cũng liền đi thẳng. Trải qua sáu năm tư duy về đạo, Thái tử thành Phật. Sở dĩ sinh vào tháng Mạch hạ, là vì thời tiết lúc này chẳng lạnh chẳng nóng, cỏ cây nở hoa, bỏ áo lông mà mặc áo vải, là thời tiết trung hòa. Sở dĩ sinh ở Thiên Trúc vì nơi ấy là khoảng giữa của Thiên hạ. Phật thuyết mười hai thể loại Kinh, gồm tám ức bốn ngàn vạn quyển. Quyển nhiều nhất có một vạn chữ trở xuống, quyển ít nhất cũng có một ngàn lời trở lên. Phật dạy dỗ trời người, độ thoát nhân dân. Ngài Niết-bàn vào ngày mười lăm tháng hai. Kinh giới của Phật vẫn tiếp tục tồn tại, người theo đó mà tu hành thì cũng đạt đến vô vi, phước lưu truyền đến đời sau. Người thọ năm giới, giữ sáu ngày trai trong một tháng. Vào ngày trai thì chuyên tâm khắc ý sám hối tội lỗi đã qua, tự đổi mình ngày càng tốt đẹp. Sa-môn thọ hai trăm năm mươi giới giữ trường trai, giới này hàng Ưu-bà-tắc chẳng được dự nghe. Oai nghi đi đứng đều giống như phép tắc xưa chẳng khác. Ngày đêm chuyên giảng đạo tụng kinh, không tham dự vào việc thế tục. Lão Tử nói: "Hình dáng của Đức lớn, chỉ tùy thuận theo Đạo", chính là

ở đây vậy.

- Hỏi rằng: Vì sao gọi là Phật? Phật nghĩa là gì? Mâu Tử đáp: Phật là thụy hiệu, giống như gọi Tam Hoàng Thần, Ngũ Đế Thánh vậy. Phật là nguyên tổ của đạo đức, là cội gốc của thần minh. Phật nghĩa là giác, trong chỗ mờ mịt mà biến hóa, phân thân chia thể, lúc còn lúc mất, làm lớn làm nhỏ, hay tròn hay vuông, hoặc già hoặc trẻ, thường ẩn thường hiện, đi trong lửa mà chẳng bị cháy, bước trên đao nhọn mà chẳng tổn thương, vào nơi dơ mà chẳng nhiễm, ở trong họa mà chẳng bị tai ương, muốn đi thì bay, vừa ngồi thì phóng ánh sáng, vì thế gọi là Phật.

Hỏi: Vì sao gọi là Đạo? Đạo đây là gì?

Mâu Tử đáp: Đạo tức là dẫn dắt, dẫn dắt mọi người đến chỗ vô vi, kéo mà không ở trước, dẫn mà chẳng ở sau, đưa lên mà không ở trên, đè xuống mà chẳng ở dưới, nhìn thì không có hình, nghe thì không thấy âm thanh, bốn phương là lớn mà bao phủ bên ngoài, mảy trần là nhỏ mà chuyển động tự tại ở bên trong. Nên gọi là Đạo vậy!

Hỏi: Khổng Tử lấy Ngũ Kinh làm Đạo để chỉ dạy, có thể cầm lấy mà tụng, theo đó mà thực hành. Nay ông nói Đạo là hư vô, mờ mịt, chẳng thấy được ý nghĩa, chẳng chỉ ra sự hành, vì sao lại khác với lời của bậc Thánh vậy?

Mâu Tử đáp: Chẳng thể xem thói quen là nặng, chỗ chưa biết là nhẹ, mê lầm theo vật bên ngoài mà đánh mất tâm bên trong. Lập sự nghiệp mà chẳng làm mất đạo đức, giống như điều chỉnh dây đàn mà chẳng mất cung bậc. Đạo trời thì có bốn mùa, đạo người thì có ngũ thường. Lão Tử nói: “Có vạn vật là do nơi hỗn độn tạo thành, có trước cả trời đất, có thể cho đó là mẹ của Thiên hạ. Ta chẳng biết nó tên gì, gắng gượng gọi là Đạo vậy!” Đạo đó là vạn vật; ở nhà có thể cung phụng cha mẹ, làm vua có thể cai trị nhân dân, đọc thì dùng để tu thân. Theo đó mà thực hành thì cũng khắp cả trời đất; phế bỏ đi không dùng thì nó tiêu hoại mà chẳng xa lìa. Vì ông chẳng hiểu, chứ đâu có gì khác?

Hỏi: Phàm chỗ chân thật cùng tột thì không rườm rà, lời tột cùng thì chẳng hoa mỹ. Lời ngắn gọn mà rốt ráo thì đó là đẹp, sự đơn giản mà đạt thành thì đó là sáng. Cho nên châu ngọc ít mà quý, ngói đá nhiều mà vô dụng. Bậc Thánh lập gốc của bảy kinh, chẳng hơn ba vạn lời, mà các sự đều gồm đủ. Còn như nay Phật kinh đến cả vạn, ngôn từ trên số ức, sức một người chẳng kham thọ học. Tôi cho đó là rườm rà mà chẳng thiết yếu vậy!

Mâu Tử nói: Sở dĩ sông biển khác với vũng nước là vì nó sâu

rộng; núi Ngũ nhạc sở dĩ khác với gò đồi là vì nó cao lớn. Nếu cao chẳng hơn đồi gò thì loài dê sẽ dẫm đạp trên đỉnh núi, nếu sâu chẳng hơn dòng nước nhỏ thì trẻ con sẽ tắm ở vực sâu. Kỳ lân chẳng ở trong vườn, cá kình chẳng bơi trong khe hẹp. Tách con ngao ba tấc mà tìm hạt châu minh nguyệt, lấy cái tổ gai tranh mà bắt chim phượng hoàng, thật là khó được. Vì sao? Vì nhỏ chẳng nuốt được lớn. Kinh Phật, trước nói về việc của ức năm, lại nói điều cốt yếu của vạn thế, lúc Thái Tố (vạn vật mới thành) chưa khởi, Thái thỉ (khởi đầu của hình tượng) chưa sinh, Càn khôn mới có tượng, vi tế không thể nắm bắt, nhỏ quá không thể vào trong. Phật nhất định bao trùm bên ngoài sự rộng lớn ấy, phân tích đến bên trong chỗ u vi ấy. Không việc gì là không ghi chép, vì thế kinh quyển mới lên số vạn, lời lẽ đạt đến số ức. Nhiều thì càng đầy đủ, đông thì càng phong phú, có gì mà không cần thiết? Tuy một người chẳng thể kham nhận, nhưng cũng như đến bên suối uống nước hết khát, mà đâu biết là nước thừa?

Mâu Tử đáp: Không được! Phàm mặt trời mặt trăng đều có ánh sáng, mà mỗi mỗi đều có nơi chiếu soi riêng; hai mươi tám vì sao mỗi mỗi đều có chủ; một trăm vị thuốc đều sinh mà mỗi vị đều trị mỗi bệnh; áo lông chống rét, áo vải che nóng, xe cộ thuyền bè thủy bộ khác nhau mà đều vì kẻ lữ hành. Khổng Tử chẳng cho năm kinh là đủ nên mới soạn Xuân Thu, Hiếu Kinh, đó là vì muốn mở rộng đạo thuật, khai phóng ý người vậy. Kinh Phật tuy nhiều, nhưng quy về một ý; giống như bảy kinh tuy khác mà then chốt là ở đạo đức, Nhân nghĩa cũng là một. Sở dĩ nói về Hiếu rất nhiều đó là vì tùy theo đức hạnh của người mà chỉ dạy. Như Tử Trương, Tử Du đều hỏi về một hiếu, mà Trọng Ni đáp mỗi mỗi khác nhau, đó là để công kích sở đoản của họ mà thôi, đâu có gì phải bỏ?

Hỏi: "Phật đạo thật chí tôn, chí đại", Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng há chẳng giỏi sao, mà trong bảy kinh chẳng thấy lời này; ông đã thích Thi, Thư vui cùng Lễ Nhạc, sao lại còn thích Phật đạo vui với Dị thuật nữa? Há có thể bỏ Kinh Truyện mà khen Thánh nghiệp ư? Trộm nghĩ ông chẳng nên giữ lấy vậy!

Mâu Tử đáp: Thư chưa hẳn phải là lời của Khổng Tử, thuốc chưa hẳn phải là phương dược của Biển Thước, hễ sách nào hợp nghĩa thì theo, thuốc nào trị lành bệnh là tốt. Người quân tử nên gom giữ mọi điều thiện để trợ giúp tu thân. Tử Cống nói: "Phu tử đâu có gì gọi là Thường Sư? Nghiêu thờ Doãn Thọ, Thuấn thờ Vụ Thành, Đám học Lã Vọng, Khâu học Lão Đam cũng đâu thấy ghi trong bảy kinh. Bốn vị tuy

đều là Thánh nhưng so với Phật thì giống như nai trắng so với kỳ lân, én so với phượng hoàng. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng hãy có phải học Phật. Huống gì Phật còn đủ ba mươi hai tướng quý, tam mươi vẻ đẹp, thần lực biến hóa vô cùng, đâu thể bỏ qua mà chẳng học? Sự và nghĩa của năm kinh thiếu sót nên không thấy ghi Phật, đâu cần phảinghi ngờ gì?

Hỏi: Phật có ba mươi hai tướng quý, tám mươi vẻ đẹp, vì sao khác xa với người thường như thế? Ắt là lời thuận tai chứ chẳng có thật?

Mâu Tử đáp: Ngạn ngữ có câu: “Phàm việc gì ít thấy, thì có nhiều điều quái dị” như thấy con lạc đà thì cho là ngựa bị sưng lưng; lông mày của vua Nghiêu có tám màu, mắt vua Thuấn có hai đồng tử; Cao Đào có miệng ngựa, Văn Vương có bốn lỗ mũi, Vua Vũ có ba lỗ tai; Chu Công lưng gù, Phục Hy mũi rồng, Trọng Nữ đỉnh đầu lõm; Lão Tử trán nhô cao, mắt đen, mũi có ba cây trụ, tay có cầm mười văn tiền, chân đạp hai mươi lăm văn tiền. Đó chẳng phải là các tướng khác người thường ư? Vậy Phật có tướng quý và vẻ đẹp đâu có gì phải nghĩ?

Hỏi: Hiếu Kinh nói rằng: Thân thể, râu tóc, da dẽ đều nhận của cha mẹ, chẳng dám làm tổn thương. Tăng Tử lúc lâm chung còn gọi đệ tử đến bảo rằng: “Dở mền ra để ta xem tay chân của ta có còn chăng!” Nay hàng Sa-môn cạo tóc, thì khác gì đã trái lời Thánh nhân, chẳng hợp đạo hiếu. Ta nghĩ ông luôn thích luận về thị phi, bàn về tà chánh mà lại trái với điều thiện sao?

Mâu Tử đáp: Phàm chê Thánh hiền là bất nhân, luận chẳng đúng là bất trí; bất nhân bất trí thì lấy gì mà lập đức, đức mà chẳng lập được thì đó là bọn ngu si, đâu dễ gì luận bàn? Khi xưa có hai cha con người nước Tề đi thuyền qua sông, chẳng may người cha rớt xuống nước, người con đưa tay nắm đầu vớt lên rồi dốc ngược đầu xuống đất để nước từ bụng trào ra ngoài, do đó người cha thoát chết. Phàm nắm đầu, dốc ngược cha đó là đại bất hiếu, nhưng làm cho cha toàn mạng sống. Nếu khoanh tay khư khư giữ lấy cái thường tình của người con hiếu, thì người cha chết chìm dưới sông rồi!

Khổng Tử nói: “Có thể được thì nói thật Đạo, chưa được nói quyền nghi. Nghĩa là tùy thời nghi mà thi hành vậy!” Hiếu Kinh có nói: “Tiên Vương có chí đức lại cầu đạo, mà Thái Bá cạo tóc, xăm mình, theo tục của Ngô Việt, trái với nghĩa giữ thân thể râu tóc, nhưng Khổng Tử lại khen. Có thể cho đó là người chí đức vậy”. Trọng Ni chẳng cho rằng Thái Bá cạo tóc là hủy hình. Do đó có thể thấy rằng nếu có đức lớn thì chẳng câu nệ việc nhỏ. Hàng Sa-môn lìa gia đình bỏ tài sản vợ con,

chẳng nghe tiếng, chẳng nhìn sắc, có thể cho là sự xả bỏ cùng tột; đâu trái với lời Thánh hiền chẳng hợp với hiếu nghĩa? Dự Nhượng nuốt than, sơn thân thể; Niếp Chánh rạch mặt mình; Bá Cơ đạp trên lửa, Cao Hành hủy dung mạo; người quân tử vì dũng, mà có nghĩa. Chẳng nghe có lời chê bai họ tự hủy mình. Hàng Sa-môn cạo bỏ râu tóc, so với 4 người kể trên chẳng phải đã hơn xa lắm ư?

Hỏi: Phàm tạo phước không gì hơn là kế thừa, bất hiếu không gì bằng tuyệt hậu. Hàng Sa-môn lìa vợ con, bỏ sản nghiệp, hoặc suốt đời chẳng lấy vợ. Sao lại trái với hạnh phước hiếu, tự làm khổ mình mà chẳng lấy làm kỳ; tự làm xấu mình mà chẳng lấy làm khác lạ?

Mâu tử đáp: Phàm bên trái dài ắt bên phải ngắn, phía trước lớn ắt phía sau nhỏ. Mạnh Công Xước làm đến Triệu Ngụy Lão thì được nhưng chẳng thể cho làm Đằng Tiết Đại Phu. Vợ con tài sản là việc của thế gian, thanh bần vô vi là chỗ diệu của đạo. Lão Tử nói rằng: "Danh và lợi, điều nào quý hơn, thân và tài cái nào nhiều hơn?" Lại nói: Xem di phong của Tam Đại, xét đạo thuật của Nho Mặc, đều là tụng Thi Thư, học lễ tiết, tôn nhân nghĩa, trọng sự trong sạch, người trong nước truyền sự nghiệp danh dự vang xa. Đó là chỗ làm của hàng Trung sĩ; người đạm bạc thì chẳng quan tâm. Cho nên trước thì có hạt châu của nhà Tùy, sau mới có hổ gầm, người nhìn thấy thì chạy, mà chẳng dám lấy. Vì sao? Vì trước lo đến thân, sau mới nghĩ đến lợi. Hứa Do lánh ở Sào Mộc; Di, Tề nhịn đói ở Thủ Dương; Thuấn, Khổng khen là người hiền rằng: "Cầu nhân thì được người nhân vậy!" Chẳng nghe ai chê họ là tuyệt hậu, không có tài sản. Hàng Sa-môn tu đạo đức, để thay cái vui thế tục, trở về với hiền tuệ để xa lìa niềm hoan lạc vợ con. Đó chẳng phải là kỳ, ai cho là kỳ, đó chẳng phải là lạ ai cho là lạ?

Hỏi: Hoàng Đế vô vi cai trị mà chế định y phục; Ky Tử đặt ra quy tắc lớn dùng dáng mạo đứng đầu năm việc, Khổng Tử soạn Hiếu Kinh, nêu phục sức là Khởi đầu của ba đức. Lại nói: Chấn chỉnh về áo mão, tôn kính cho người nhìn, nguyên Hiến nghèo mà chẳng bỏ áo mão, Tử Lộ gặp nạn mà chẳng quên thắc giải mũ. Nay hàng Sa-môn cạo tóc đắp ca-sa, thấy người không có lễ nghi quỳ lạy, không có dung nghi đường hoàng, thật trái với chế định về y phục dáng mạo; nghịch với trang phục của nho quan.

Mâu Tử đáp: Lão Tử nói: "Bậc Thượng đức chẳng phải đức mới thật có đức, hàng Hạ đức chẳng để mất đức tức là vô đức". Thời Tam Hoàng, con người chỉ ăn thịt, mặc vỏ cây, ngủ trên tổ ở trong hang, chuộng sự thuần phát, đâu cần áo mão cân đai? Nhưng người bấy giờ

được khen là có đức mà đôn hậu, thành tín mà vô vi. Hàng Sa-môn cũng giống như thế!

Hỏi: Như lời ông nói thì kinh sách của Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng đều bỏ hết, không đáng làm phép tắc ư?

Mâu Tử đáp: Phàm thấy biết nhiều thì chẳng mê, nghe thông suốt thì chẳng lầm. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng khéo về thế sự, Phật Lão thì chí tại vô vi. Trọng Ni đi khắp mười bảy nước, Hứa Do nghe nói nhường ngôi thì liền rửa tai bên suối. Đạo của bậc quân tử có lúc xuất thân có lúc ẩn lánh, hoặc nói hoặc nín, mà chẳng phóng túng tâm tình, chẳng mê loạn bản tánh. Cho nên phàm nói đến Đạo thì quý ở chỗ dùng, đâu có gì phải bỏ?

Hỏi: Phật đạo nói người chết rồi sẽ sinh trở lại, tôi chẳng tin lời này!

Mâu Tử nói: Người vừa chết, người trong gia đình leo lên mái nhà kêu gọi, đã chết rồi thì kêu gọi ai?

Đáp: Kêu gọi hồn phách của họ.

Mâu Tử nói: Thần thức trở lại thì sống, chẳng trở lại thì gọi thần thức là gì?

Đáp: Thành quỷ thần.

Mâu tử nói: Đúng vậy! Quỷ thần nhất định chẳng diệt, chỉ có thân này tự hư hoại. Thân thể được ví như gốc rễ cành lá của ngũ cốc, qủy thần ví như hạt ngũ cốc, rễ lá có sinh ắt phải chết, còn hạt há có diệt mất ư? Đắc đạo thì thân diệt. Lão Tử nói: “Sở dĩ Ta có nỗi lo lớn là vì Ta có thân. Nếu Ta chẳng có thân thì nào có lo lắng gì?” Công thành danh toại, thì thân trở về, đó là đạo trời vậy.

Lại có người hỏi rằng: Tu đạo cũng chết không tu đạo cũng chết, đâu có gì khác nhau?

Mâu Tử nói: Đó chính là kẻ không có một ngày làm thiện mà muốn hỏi tìm danh dự suốt đời vậy! Có đạo tuy cũng chết mà thần đến cảnh giới phước; còn làm ác đã chết mà thần sẽ còn bị tai họa nữa. Người ngu thì mê mờ nơi việc đã thành hình, bậc trí thì dự biết việc chưa phát sinh. Có đạo và không đạo như vàng và cỏ, thiện và phước như trắng và đen, sao chẳng khác mà nói là: Đâu có gì khác!

Hỏi: Khổng Tử nói: “Chưa thể phụng sự người thì đâu thể phụng sự thần? Chưa biết sống, làm sao biết chết”. Đây là lời của bậc Thánh. Nay nhà Phật thường nói đến việc sống chết, việc quỷ thần, đó ắt chẳng phải là lời của bậc Thánh triết. Phàm người đạt đạo thì nên sống rỗng rang đạm bạc, tâm ý thuần phác, vì sao lại luận sống chết để loạn ý, bàn

những việc quỷ thần viễn vông.

Mâu Tử đáp: Như lời ông nói thì chỉ thấy ngoài mà chưa biết bên trong. Khổng Tử bệnh, Tử Lộ chẳng hỏi gốc ngọn gì cả, lấy việc này để mà xét biết vậy. Hiếu Kinh nói: "Lập Tông miếu để quỷ thần hưởng thọ, tế tự hai kỳ xuân thu để luôn luôn nghĩ nhớ đến". Khi sống thì lo kính yêu, khi chết thì đau xót"; đó há chẳng phải là dạy người phụng sự quỷ thần, biết sống chết đó ư? Lại Chu Công vì Võ Vương mà tâu xin rằng: "Đán nhiều tài nghệ có thể phụng sự quỷ thần". Đó là gì? Kinh Phật nói cõi sinh tử, chẳng phải là nghĩa này sao?

Lão Tử nói: "Đã biết con, lại giữ mẹ, suốt đời chẳng nguy". Lại nói rằng: "Dùng ánh sáng ấy, lại chiếu sáng mình, thân không bị tai họa". Đó là nói đến chỗ về của sinh tử, là chỗ gá nương của lành dữ. Chỗ cốt yếu của chí đạo chính là chỗ rỗng lặng. Nhà Phật đâu có muốn nói, vì người đến hỏi, không thể không đáp. Chuông trống đâu thể tự kêu, có người đánh mới kêu.

Hỏi: Khổng Tử nói: "Di Địch có vua chẳng bằng các nước vùng Hoa Hạ chẳng có vua". Mạnh Tử chê bai Trần Tướng trở lại học thuật của Hứa Hành, nói rằng: "Ta nghe nói dùng phép Hoa Hạ để biến cải Di Địch, chứ chưa nghe nói dùng phép của Di Địch biến cải Hoa Hạ". Ông lúc hai mươi tuổi đã học Đạo Nghiêu Thuấn, Chu Khổng mà nay lìa bỏ, lại học thuật của Di Địch, chẳng phải đã bị mê hoặc rồi ư?

Mâu Tử nói: Đây là những lời luống suông khi ta chưa hiểu được đạo lớn. Như ông, tôi có thể cho rằng ông mới chỉ thấy được cái hoa mỹ của lễ nhạc mà chưa biết được cái thật của đạo đức; mới thấy ánh sáng của ngọn đuốc, chưa thấy được mặt trời trên thiên đình. Lời Khổng Tử nói là để thuận với thế pháp, lời của Mạnh Kha thì chuyên nhất. Khi xưa Khổng Tử muốn đến sống ở Cửu Di, mới nói rằng: "Quân tử sống nơi ấy cũng đâu có gì thô lậu?" Đến lúc Trọng Ni không được Lỗ Vệ dung nạp, Mạnh Kha chẳng được Tề Lương tin dùng, thì cũng đâu trở về làm quan nơi Di Địch?

Vũ sinh tại Tây Khương mà là bậc Thánh triết, Cổ Tẩu sinh ra Thuấn mà lại là kẻ ngu hèn; Do Dư sinh ở nước Địch mà xưng Bá ở Tần, Quản Tế xuất từ Hà Lạc mà lời được lưu truyền. Truyện ghi: "Sao Bắc Thần, đối với trời thì ở giữa, đối với người thì ở phương Bắc. Theo đây thì đất Hán chưa hẳn là ở giữa trời đất". Kinh Phật nói các loài vật có máu trong trời đất này đều thuộc về Phật. Vì thế ta tôn kính mà theo học, cũng đâu xả bỏ đạo Nghiêu Thuấn Chu Khổng! Vàng ngọc chẳng làm tổn thương nhau, châu ngọc chẳng làm hại nhau, chỉ có người khi

mê thì tự lầm mà thôi!

Hỏi: Dùng tiền bạc của cha mẹ bố thí cho người đi đường chẳng thể cho là ban ân huệ; cha mẹ còn sống mà tự giết mình để thay cho người, thì chẳng gọi là nhân. Nay kinh Phật nói Thái tử Tu-đại-noa dùng tài vật của cha để thí cho người ở xa, lấy voi báu của quốc gia ban cho oán địch, lại còn đem vợ con cho người khác. Chẳng kính người trên mà kính kẻ khác, đó là trái đức. Tu-đại-noa bất hiếu, bất nhân mà nhà Phật lại tôn kính, thì đâu chẳng khác ư?

Mâu Tử đáp: Theo nghĩa của Ngũ Kinh thì lập con trưởng làm Đích tử, nhưng Văn Vương thấy được chì của Xương, nên chuyển lập con út làm đích tử mà thành tựu sự nghiệp nhà Chu, đất nước thái bình. Lấy vợ theo nghĩa là phải thưa với cha mẹ, nhưng Thuấn cưới vợ mà chẳng thưa, lại thành tựu luân lý đạo đức cơ bản. Hàng Trinh sĩ cần phải có lễ mời mới đến, bậc hiền thần đợi chiếu triệu mới vào triều, nhưng Y Doản vác đảnh cầu kiến vua Thang; Ninh Thính gõ sừng trâu để mong gặp vua Tề; Thang phong Doản làm Vương, Tề phong Thích làm Bá. Theo lễ thì nam nữ chẳng được chạm nhau, nhưng khi gặp người đàn bà sắp chết đuối thì phải dùng tay mà vớt lên, đó là quyền biến khi có nguy cấp. Nếu muốn được việc lớn thì chẳng nên câu nệ việc nhỏ. Bậc đại nhân há lại chấp vào thường tình ư ?

Thái tử Tu-đại-noa biết tài vật thế gian vô thường chẳng phải là vật báu của mình, mới tự ý bố thí mà sau thành tựu đạo lớn. Quốc gia được phước này mà oan gia chẳng xâm nhập; cho đến thành Phật thì cha mẹ, anh em đều được độ. Đó chẳng phải là hiếu, là nhân thì cái gì là nhân là hiếu đây?

Hỏi: Phật đạo trọng vô vi, thích bố thí, chăm chăm trì giới như đứng bên bờ vực thẳm, mà nay có Sa-môn thích uống rượu, nuôi vợ con, giữ cái hèn mà bỏ chỗ cao quý, chuyên làm điều hư dối. Đó là sự trá ngụy của thế gian mà Phật đạo lại cho là vô vi ư?

Mâu Tử nói: Công Thâu có thể cho người búa kềm, mực thước chứ chẳng thể làm cho người khéo léo được; Thánh nhân có thể dạy cho người Đạo lớn chứ chẳng thể khiến người theo đó mà hành trí được; Cao Đào có thể trị tội kẻ trộm, chứ chẳng thể làm kẻ trộm khiến Bá Di, Thúc Tề được; năm loại hình phạt có thể trừ kẻ đại gian ác, chứ không thể làm kẻ ác thành Tăng Mân; vua Nghiêu chẳng thể cải hóa Đan Chu, Châu Công chẳng thể dạy dỗ Quản Thái. Đâu phải giáo Đường Nghiêu chẳng rõ, đạo nhà Chu đủ, nhưng không bằng kẻ ác, là vì sao? Ví như người đời học làu thông bảy kinh mà còn đam mê tài sắc, có thể cho lục

nghệ là tà dâm ư? Hà Bá tuy là thần, nhưng chẳng thể nhận chìm hết người trên đất liền được. Gió thổi tuy nhanh thật, nhưng chẳng thể làm cho nước trong lặng nổi bụi mù được; người đang lo sợ thì chẳng thể đi, đâu thể cho rằng đường Phật có hiểm ác?

Hỏi: Khổng Tử nói: "Xa xỉ thì chẳng khiêm nhường, cần kiệm thì sinh hẹp hòi". Thúc Tôn nói: "Cần kiệm là đức khiêm cung, xa xỉ là ác to lớn". Nay nhà Phật cho bố thí hết tiền bạc là danh, ban phát tận tài vật là quý. Như thế há có phước ư?

Mâu Tử đáp: Kia là lời nói nhất thời, đây cũng là lời nói nhất thời. Lời của Trọng Ni cho rằng quá xa hoa thì không có lễ nghĩa, lời của Thúc Tôn là chê Nghiêm Công xa hoa, chứ chẳng phải là cấm bố thí. Khi Thuấn cày ở Lịch Sơn thì ân đức chẳng thấm nhuần các châu quận; lúc Thái Công giết trâu thì ân huệ chẳng đến vợ con. Đến khi được trọng dụng thì ân nhuần tám cõi, huệ ban khắp bốn biển. Tài sản vô số thì quý ở chỗ hay ban phát cho người; nghèo túng không tài sản thì quý ở chỗ hành đạo, Hứa Do chẳng tham ngôi quốc chủ, Bá Di chẳng cam chịu ân lộc của quốc gia, Ngu Khanh dùng tước phong vạn hộ để cứu cùng dân nguy cấp, mỗi người đều có chí riêng. Hi Phụ Ky biếu một bữa cơm để bảo toàn nơi ở của mình; Tuyên Mạnh thí một bữa cơm mà cứu sống được thân mạng chẳng lường của mình. Âm thí thì hiển hiện bất ngờ, dương báo thì rõ ràng như ngày sáng. Huống hồ dốc tài sản, phát thiện tâm, thì công đức ấy cao lớn như Tung Sơn, Thái Sơn, mênh mông như sông biển vậy. Người có tâm thiện thì hưởng phước báo, kẻ mang lòng ác thì bị chiêu cảm tai ương. Không có việc trồng lúa mà được đậu, gây họa mà được phước!

Hỏi: Phàm về Sự thì không gì hơn Thành, về Thuyết thì không gì qua Thật. Lão Tử gạt bỏ lời hoa mỹ, chỉ chuộng ngôn ngữ thuần phát mà thôi. Kinh Phật khi thuyết không chỉ rõ sự, chỉ rộng dùng thí dụ, mà thí dụ thì chẳng phải là yếu nghĩa của đạo. Lấy dị làm đồng thì chẳng phải là chỗ diệu của Sự. Tuy ngôn từ rộng nhiều, nhưng cũng giống một xe ngọc vỡ, chẳng thể cho là vật báu.

Mâu Tử đáp: Khi Sự mà mọi người đồng thấy, thì có thể nói là Thật. Nếu một người thấy một người chẳng thấy thì khó cho đó là Thành. Khi xưa, một người chưa thấy Lân hỏi người đã thấy rằng: "Lân giống con gì?" Người đã thấy đáp: "Lân giống Lân". Người kia liền nói: "Nếu tôi đã thấy Lân, thì không hỏi ông, nay ông nói Lân giống Lân thì tôi đâu thể biết được!" Người đã thấy Lân bèn nói: "Lân có thân như cái cối, đuôi trâu, chân nai, lưng ngựa", người kia lại mờ mịt. Khổng

Tử nói: "Với người chẳng biết thì chẳng giận, chẳng phải cũng là quân tử ư?" Lão Tử nói: "Trong khoảng trời đất, nó giống như cái bể thợ rèn ư?" Lại nói: "Thí như Đạo ở trong Thiên hạ giống như ao nhỏ và sông biển vậy" như thế đâu có gì hoa mỹ đâu? Luận Ngữ nói: "Vì phép tắc mà dụ đức như sao Bắc Thần, dẫn trời dụ cho người". Tử Hạ nói: "Dùng dụ về các loại cây cỏ để phân biệt". Ba trăm bài của Kinh Thi đều dẫn vật để so sánh; từ sấm vĩ của các nhà, cho đến nghĩa bí yếu của Thánh nhân đều dùng thí dụ để thuyết minh; sao ông chỉ chê Phật thuyết kinh dùng dụ thôi?

Hỏi: Con người sống trên đời này, không ai chẳng thích giàu sang, ghét nghèo hèn; thích vui nhàn mà ghét khổ nhọc. Hoàng Đế dưỡng tánh lấy năm hào làm trên hết; Khổng Tử nói: "Đối với gạo thì cái tinh chẳng biết đủ; với nem thì sự tế nhuyễn chẳng bao giờ thừa!"Nay Sa-môn đắp ca-sa, ngày ăn một bữa, đóng chặt sáu căn, tự đoạn thế tình, như vậy đâu có gì là vui thú?

Mâu Tử đáp: Phàm giàu và sang là điều mà con người ước muốn, chẳng vì Đạo ấy, dù được nó mà chẳng ở; nghèo và hèn là điều mà con người chán ghét, chẳng vì Đạo ấy, dù gặp nó mà chẳng bỏ. Lão Tử nó: "Năm sắc khiến cho mắt người bị mờ, năm thanh khiến cho tai người bị điếc; năm vị khiến cho lưỡi người bị tê, dong ngựa săn bắn khiến tâm người phát cuồng, tài vật quý hiếm khiến hạnh người bị tổn thương. Thánh nhân chỉ vì bụng chẳng vì con mắt", lời này há hư dối ư? Liễu Hạ Huệ chẳng vì tước vị Tam Công mà thay đổi hành vi của mình; Đoàn Can Mộc chẳng vì thân mà đổi lấy sự phú quý của Ngụy Văn. Hứa Do, Sào Phụ sống trên cây, tự cho đã ở yên nơi Đế Cung; Bá Di, Thúc Tề nhịn đói ở Thủ Dương mà tự cho là đã no với cơm của Văn Võ, đó là do mỗi người đạt được ý chí của mình mà thôi, đâu có gì mà chẳng vui thú?

Hỏi: Nếu kinh Phật sâu xa vi diệu, ngôn từ hay đẹp, vì sao ông chẳng đem ra bàn nơi triều đình, luận với quân vương, dạy dỗ chốn khuê môn, giao tiếp với bằng hữu, mà lại đọc Kinh Truyện, đọc Chư Tử vậy?

Mâu Tử đáp: Chưa biết được nguồn mà chỉ hỏi đến dòng của nó vậy! Phàm bày lễ vật trước cửa quân doanh, dựng tinh kỳ khắp chốn triều đường, mặc áo lông cừu để chống với tháng năm, mang áo vải để chịu với tháng 11, chẳng phải không đẹp đẽ ư? Nhưng đã trái nơi chốn, lại chẳng hợp thời tiết. Cho nên phải giữ cái thuật của Khổng Tử mà vào cửa của Thương Ưởng, mang cái thuyết của Mạnh Kha để đến nơi

Tô, Trương. Công chẳng bao nhiêu mà họa thì to lớn. Lão Tử nói: "Bậc Thượng sĩ nghe đạo thì siêng năng thực hành, hàng Trung sĩ nghe đạo thì lúc nhớ lúc quên, kẻ Hạ sĩ nghe đạo thì cười". Ta sợ cười nên chẳng dám nói. Khi khát nước chẳng cần phải tìm đến sông hồ, mà uống nước giếng cũng được đã khát vậy! Vì thế lại phải đọc Kinh truyện.

Hỏi: Đất Hán mới nghe được Phật đạo, vậy Phật đạo từ đâu mà xuất hiện?

Mâu Tử đáp: Khi xưa Hiếu Minh Đế nằm mộng thấy một thần nhân, toàn thân có ánh sáng bay vào cung, Đế vui mừng khôn xiết. Sáng hôm sau Đế hỏi khắp các quần thần, rằng đó là vị thần nào. Có một vị quan tên là Phó Nghị học rộng biết nhiều tâu rằng: "Thần nghe ở Tây Thiên Trúc có một người đắc đạo, gọi là Phật, có thể bay trong hư không, thân có vầng ánh sáng mặt trời; ắt là vị thần này". Bấy giờ Đế mới biết, liền sai mười hai người như Trung Lang Thái Âm, Lang Trung Vũ Lâm Tần Cảnh, Bác Sĩ Đệ Tử Vương Tuân ... đến nước Nguyệt Chi chép kinh Tứ Thập Nhị Chương mang về giữ tại gian thứ mười bốn trong thạch thất Lan Đài. Bấy giờ Đế ban sắc xây chùa Phật bên ngoài Ưng Môn, phía tây thành Lạc Dương. Trên vách chùa có vẽ hình ngàn cổ xe vạn kỵ mã nhiễu tháp ba vòng. Lại tại Thanh Lương Đài ở Nam Cung và trên cổng thành Khai Dương cũng có vẽ hình Phật. Khi Minh Đế còn tại vị cũng dự định tu sửa Thọ lăng. Trên lăng có ghi: "Hiển Tiết cũng đã vẽ tượng Phật trên lăng". Bây giờ đất nước giàu có, nhân dân an lạc. Các nước ở vùng ngoại biên xa xôi mến chuộng đạo nghĩa, do đó người học Phật bấy giờ rất đông.

Hỏi: Lão Tử nói: "Người biết thì không nói, người nói thì chẳng biết"; lại nói: Giỏi luận như khờ, quá khéo như vụng, quân tử hổ thẹn vì lời nói vượt hơn việc làm. Ví như Sa-môn có chí đạo thì sao chẳng ngồi mà hành trì, sao lại luận thị phi, bàn tà chánh? Tôi cho đó là đức hạnh thấp kém.

Mâu Tử nói: Xuân đến sẽ đói mà Thu nay nhịn ăn, tháng mười một trời lạnh mà tháng năm lo mặc áo lông cừu. Tuy có dự định sớm mà chẳng thể không bị chê là ngu. Lão Tử nói: "Người đã đắc đạo thì xong, còn người chưa đắc đạo, đâu biết được gì?" Đạo lớn chỉ một lời mà thiên hạ an vui, đó chẳng phải là đại biện tài ư? Lão Tử chẳng từng nói Công thành thì Thân trở về, đó là đạo của trời; Thân đã trở về thì đâu có gì để nói? Nay hàng Sa-môn chưa đắc đạo thì đâu chẳng được nói; Lão Tử cũng còn nói vậy. Nếu Lão Tử chẳng nói thì năm ngàn lời kia làm sao mà tỏ bày? Nếu biết mà chẳng nói thì còn được; nếu đã chẳng

biết mà chẳng thể nói thì đó là người ngu. Cho nên có thể nói mà chẳng thể làm là thầy của nước, có thể làm mà chẳng thể nói là cái dụng của nước; có thể nói có thể làm là vật báu của nước nhà. Ba phẩm mỗi mỗi đều có chỗ thi hành, đâu phải là đức kém? Chỉ như chẳng thể nói, lại chẳng thể làm mới là đức kém.

Hỏi: Như lời của ông thì chỉ cần học luận biện thông đạt, giỏi ngôn từ là được, sao lại còn tu tâm tánh, hành đạo đức?

Mâu Tử đáp: Sao chậm hiểu như thế? Phàm ngôn ngữ, đàm luận mỗi mỗi phải hợp thời. Như Cừ Viện nói: "Quốc gia có đạo thì ngay thẳng, quốc gia không có đạo nghiêng mà hủy hoại". Ninh Võ Tử nói: "Quốc gia có đạo thì trí, Quốc gia không đạo thì ngu". Khổng Tử nói: "Đáng nói mà chẳng nói thì mất người, chẳng đáng nói mà nói thì mất lời". Cho nên trí hay ngu tự có lúc, luận đàm mỗi mỗi có ý riêng. Vì sao đang nói năng mà chẳng hành?

Hỏi: Ông nói Phật đạo chí tôn, chí lạc, vô vi, đạm bạc, vì sao các học sĩ thế gian phần nhiều phỉ báng rằng: "Lời nói rỗng suông khó dùng, giáo thuyết thì hư vô khó tin?"

Mâu Tử nói: Vị ngon quá thì chẳng hợp với nhiều miệng, âm cao quá thì chẳng thuận với nhiều tai. Soạn Hàm Trì, tạo Đại Chương, khởi Tiêu Thiều, Vịnh Cửu Thành, thì chẳng ai hòa được. Trương Trịnh, Vệ Chi đàn ca âm điệu thời tục thì không hẹn mà vỗ tay. Cho nên Tống Ngọc nói: "Khách ca ở đất Dĩnh, tấu khúc Hạ Lý thì cả ngàn người hòa theo, nhưng khi dẫn sang tấu Thương tấu Giốc thì chẳng có ai theo". Vì họ đều vui thích với âm bất chánh mà chẳng hiểu được âm lượng khoan hòa rộng lớn. Hàn Phi với cái thấy nhỏ hẹp của mình mà chê bai Nghiêu Thuấn, Tiếp Dư dùng thân phận thấp kém của mình mà phản bác Khổng Tử, họ đều là người chỉ tham việc nhỏ, chẳng biết việc lớn. Phàm nghe âm Thương trong mà cho là âm Giốc, đó chẳng phải do lỗi của đàn, chỉ vì người nghe chẳng đạt; thấy hạt ngọc của Biện Hòa mà cho là đá, đó chẳng phải là do hạt ngọc tầm thường, chỉ vì người xem chẳng rõ. Rắn thần đứt rồi có thể nối liền, nhưng chẳng thể khiến người chẳng đoạn; rùa linh báo mộng cho Tống Nguyên mà chẳng thoát khỏi lưới của Dự Tư. Đạo lớn thì vô vi, hàng phàm tục chẳng thể thấy được, Đạo chẳng vì người khen mà quý, chẳng vì người chê mà hèn; dùng hay chẳng dùng là do trời, hành hay chẳng hành là tùy thời, tin hay chẳng tin là do người mà thôi!

Hỏi: Ông dùng Kinh truyện của các nhà để giải thích lời của Phật, tôi thấy ngôn từ phong phú mà nghĩa lý rõ ràng; lời văn mạnh mà thuyết

giáo trọn vẹn, không có gì trái, đó ắt là do ông biện luận vậy?

Mâu Tử đáp: Chẳng phải tôi luận biện, vì thấy rộng nên chẳng lầm mà thôi!

Hỏi: Thấy rộng, có thuật gì ư?

Mâu Tử đáp: Từ Kinh Phật mà ra. Khi tôi chưa hiểu được kinh Phật, còn mê lầm hơn ông nữa! Tuy đọc Ngũ Kinh làu thông, nhưng lúc ấy chỉ mới là hoa, chưa kết thành quả. Khi tôi đã xem kinh Phật, xét tinh yếu của Lão Tử, giữ được tánh điềm đạm, quán hạnh vô vi rồi trở lại nhìn thế sự thì giống như đứng trên bầu trời mà nhìn khe cốc, lên núi cao mà ngắm gò đồi. Ngũ Kinh là ngũ vị, Phật đạo là ngũ cốc. Từ khi tôi nghe Đạo đến nay, như vẹt mây đen nhìn thấy mặt trời, cầm đuốc lớn bước vào phòng tối!

Hỏi: Ông nói kinh Phật như sông biển, văn từ như dệt gấm thêu hoa. Vì sao chẳng dùng kinh Phật đáp lời tôi; lại dẫn Thi Thư để giải thích, đó là hợp dị làm đồng ư?

Mâu Tử đáp: Người khát nước chẳng cần phải uống nước sông biển, người đói ăn chẳng cần phải đến kho gạo thóc mới được no. Đạo là vì người trí mà lập, luận biện là vì người biết mà giải thông, Sách là vì người hiểu mà truyền, Sự là vì người thấy mà bày sắp. Tôi cho rằng ông biết được ý này, cho nên mới dẫn việc ấy để thuyết minh. Nếu dùng lời trong kinh Phật, luận đến yếu chỉ vô vi, cũng như nói năm màu với người mù, tấu năm âm cho người điếc. Sư Khoáng tuy giỏi đàn, nhưng chẳng thể khảy đàn không dây. Hồ Lạc tuy ôm hận nhưng chẳng thể đốt người không có khí lực. Công Minh Nghị đàn âm điệu "Giốc trong" cho một con bò cái nghe, nhưng bò vẫn cắm cúi gặm cỏ như cũ. Chẳng phải con bò không nghe, chỉ vì tiếng đàn không có tác dụng đối với đôi tai của bò, nó cho là tiếng muỗi vo ve. Nếu có tiếng kêu của bò con thì nó liền vẫy đuôi, vễnh tai, bước lên nghe ngóng. Vì thế tôi dùng Thi Thư giải thích cho ông nghe vậy!

Hỏi: Khi xưa tôi ở Kinh đô đã vào Đông quán đến Thái học đã thấy được phép tắc của các tuấn sĩ, nghe được chỗ luận đàm của Nho gia, nhưng chưa từng nghe nói tu Phật đạo là quý, hủy hình mạo là cao. Vậy sao ông ham thích đến thế? Phàm đi lạc thì chuyển đường khác, suy cùng thì trở về nơi cũ, Ông khá chẳng suy nghĩ lại ư?

Mâu Tử đáp: Phàm người giỏi biến hóa thì không thể dùng sự trá ngụy để chỉ bày, người thông suốt Đạo thì chẳng thể dùng sự kỳ quái làm kinh sợ, người thấu rõ được ngôn từ thì không thể dùng lời nói để mê hoặc; người đạt nghĩa thì chẳng thể vì lợi lộc mà động tâm. Lão Tử

nói: "Danh là cái hại của thân, lợi là vết hại nhơ của hạnh". Lại nói: Dẫu đối lập được quyền, lấy hư vô làm quý, học lễ nghi chốn khuê môn, sự giao tiếp của thế tục, đạt đến chỗ tinh vi để cầu mong thích hợp đương thời thì đó cũng chỉ là việc làm của hàng Hạ sĩ, hàng Trung sĩ không màng đến. Hà huống chí đạo mênh mông là chỗ làm của bậc Thánh, lồng lộng như trời xanh, sâu thẳm như biển cả, chẳng hợp với kẻ có cái thấy nông cạn hạn hẹp cố chấp. Người thấy cái cửa, ta thấy cái nhà, người hái hoa, ta thâu quả, người cầu nhiều ta lấy chỗ chuyên nhất. Ông mau chuyển đường, ta xin ông thực hành Phật đạo, vì gốc của họa phước chưa biết thế nào?

Hỏi: Ông dùng lời trong Kinh truyện, ngôn từ hoa mỹ để tán dương hạnh của Phật, ca ngợi đức của Phật, cao thì vút tận trời mây, rộng thì khắp cùng mặt đất, như vậy có vượt cái gốc, quá cái thật chăng? Còn lời tôi phản bác thì như đã chẩn xét trúng căn bệnh vậy!

Mâu Tử đáp: Ôi! Lời khen của tôi giống như thêm mảy bụi vào núi Tung núi Thái, hứng giọt sương mai mà đổ vào biển lớn. Lời ông chê bai lại giống như dùng gáo múc nước muốn cạn sông biển, kéo chiếc cày mà muốn san bằng núi Côn Lôn? Dùng một bàn tay mà muốn che ánh mặt trời, ném một hòn đất để ngăn chặn Hoàng Hà. Tôi khen chẳng thể khiến đạo Phật cao, ông chê cũng chẳng làm cho Phật thấp.

Hỏi: một trăm bảy mươi quển lục Thần Thư của Vương Kiều, Xích Tòng Bát Tiên có nói đến thuật trường sinh có đồng với kinh Phật chăng?

Mâu Tử đáp: So về loại giống như Ngũ Bá với Ngũ Đế, Dương Hoa với Trọng Ni; so về hình thì như gò đồi với Hoa Sơn Hằng Sơn, ao vũng với sông biển. Xét về văn thì giống như da hổ với da dê, vải thô với gấm thêu. Đạo có chín mươi sáu loại, nhưng chỉ có Phật đạo là chí tôn chí đại. Sách của thần tiên tuy nghe thì đầy lổ tai mà tìm cầu chỗ công hiệu thì như nắm gió, bắt bóng vậy. Vì thế Đại đạo chẳng lấy nó, pháp vô vi chẳng quý trọng nó. Như thế thì đâu thể đồng!

Hỏi: Người tu Đạo hoặc là tịch cốc chẳng ăn, nhưng có uống rượu ăn thịt, cũng gọi là một thuật của Lão Tử. Nhưng Phật đạo thì xếp ăn thịt uống rượu vào trọng cấm, ngược lại ăn ngũ cốc, vì sao trái nghịch như thế?

Mâu Tử đáp: Đạo gồm chín mươi sáu loại nhưng chỉ có Phật đạo là đạm bạc nhất. Ta xem hai Thiên thượng hạ của Lão Tử chỉ thấy giới cấm ngũ vị chứ chưa thấy ghi tuyệt ngũ cốc. Bảy bộ sách của Thánh nhân cũng chẳng ghi về thuật nhịn ăn; năm ngàn lời của Lão Tử không

đề cập đến việc tịch cốc. Thánh nhân nói: "Ăn ngũ cốc thì có trí, ăn rau cỏ thì ngu, ăn thịt là hung dữ, hớp khí thì trường thọ". Người đời chẳng hiểu việc này thấy sáu loài chim nín thở, mùa thu mùa đông nhịn ăn, muốn bắt chước làm theo, mà chẳng biết mỗi loài đều có tánh riêng, giống như nam châm hút sắt, không thể dời đổi mảy may.

Hỏi: Có thể tuyệt ngũ cốc chăng?

Mâu Tử đáp: Khi ta chưa hiểu Đại đạo, cũng đã học qua. Phương pháp tịch cốc có đến ngàn, trăm cách, nhưng thực hành không có công hiệu, làm theo thì không thành tựu, nên tôi bỏ. Xem như ba vị thầy mà tôi theo học, mỗi mỗi tự cho là đã sống bảy trăm, năm trăm, ba trăm tuổi, nhưng tôi đến học, chưa đầy ba năm thì họ đã qua đời. Vì sao thế? Vì chẳng ăn ngũ cốc, mà ăn quả đủ loại, hưởng thịt đầy mâm, uống rượu cạn hủ, tai mắt điếc mờ, hoang dâm chẳng cấm. Ta thấy vậy mới hỏi căn nguyên, thì họ đáp rằng: Lão Tử nói: "Giảm rồi lại giảm, giảm đến chỗ không làm gì (vô vi)", chỉ ngày mai sẽ giảm". Nhưng ta xem thấy ngày càng tăng chứ chẳng giảm. Vì thế mỗi người chưa đến năm mươi tuổi đã chết. Vả lại Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng vị nào cũng chẳng thọ đến một trăm tuổi, mà người đời sau ngu si uống linh đan và tịch cốc để mong trường thọ!

Hỏi: Người tu đạo cho rằng có thể tự tiêu trừ bệnh hoạn. Khi bệnh chẳng cần châm cứu, uống thuốc mà bệnh tự lành, có tin như thế chăng? Vì sao nhà Phật khi có bệnh lại phải cần châm cứu, uống thuốc?

Mâu Tử đáp: Lão Tử nói: "Vật lớn thì sẽ già, đó là chẳng có đạo". Chẳng có Đạo thì sớm mất. Chỉ có người đắc đạo thì chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng lớn, chẳng lớn thì chẳng già, chẳng già thì chẳng bệnh, chẳng bệnh thì chẳng hư hoại. Vì thế Lão Tử mới cho thân là mối lo sợ lớn nhất. Võ Vương bị bệnh, Châu Công xin mạng sống; Trọng Ni bị bệnh Tử Lộ khẩn cầu. Ta thấy bậc Thánh đều có bệnh, chưa thấy ai chẳng bị bệnh. Thần Nông nếm cỏ trị bệnh đến mấy mươi lần, Hoàng Đế cúi đầu cho Kỳ Bá châm kim. Ba vị Thánh này đâu như các Đạo sĩ ngày nay? Xét kỹ lời này cũng đủ để phế bỏ rồi vậy!

Hỏi: Đạo thì chỉ có một vô vi, vì sao ông lại phân biệt ra nhiều loại khác nhau như thế, khiến cho người học sinh nghi ngờ? Tôi cho rằng uổng phí mà vô ích.

Mâu Tử đáp: Đều cho là cỏ, thì tánh chất của cỏ chẳng thể nói hết; đều cho là vàng thì tánh chất của vàng chẳng thể nói hết. Đồng loại mà khác tánh, vạn vật đều như thế, đâu chỉ có Đạo mà thôi? Khi xưa Dương Mặc bít đường đi của các nho sĩ, xe cộ người ngựa chẳng thể đi

qua, nhờ Mạnh Kha khai thông, mới biết được nơi đến. Sư Khoáng khảy đàn đợi tri âm mai sau; bậc Thánh chế định phép tắc mong rằng quân tử sẽ thấy. Ngọc đá chung một hòm, Y Thuận vì thế áy náy chẳng yên, đỏ tía tranh đoạt nhau, Trọng Ni vì thế mà than thở. Mặt trời mặt trăng chẳng phải không sáng, nhưng do các bóng râm che mất ánh sáng của nó, Phật đạo chẳng phải không ngay, nhưng bởi các điều tà vạy ngăn bít sự công chánh của đạo. Vì vậy ta chia chẽ ra để biện biệt. Lời trí của Tang Trượng, ngay thẳng của Vi Sinh, chân thật của Trọng Ni đều là lời trị thế, đâu có gì là uổng phí và vô ích?

Hỏi: Ông chê thuật thần tiên, bác bỏ điều kỳ quái, chẳng tin có đạo bất tử, vì sao chỉ tin Phật đạo độ được thế gian? Phật ở một cõi nước khác, chân ông chưa dẫm lên đất ấy, mắt ông chưa nhìn thấy nơi ấy, mới xem sách vở mà đã tin hành vi của Phật rồi. Phàm thấy hoa chưa thể biết được quả, nhìn ảnh chưa thể biết được thật hình. Tôi nghi điều ấy chẳng chân thật!

Mâu Tử đáp: Khổng Tử nói: "Thấy khởi nguyên của nó, xem con đường của nó trải qua, xét nơi nó an định, thì con người đâu thể che giấu được!" Xưa Châu Công, Lã Vọng hỏi Thi Chánh, thì mỗi người đều biết được nguyên nhân chung cuộc mai sau; ngày Nhan Uyên cưỡi xe tứ mã, thấy con ngựa của Đông Dã, mà biết ngựa sắp đuối sức; Tử Cống xem hội ở Châu Lỗ mà biết nguyên nhân có tang; Trọng Ni nghe tiếng đàn của Sư Khoáng mà biết được chi tiết của Văn Vương; Lý Tử nghe nhạc mà biết phong tục của các nước, cần gì phải đi đến nơi ấy, nhìn thấy cõi ấy?

Hỏi: Tôi từng đến nước Vu Điền, có vài lần gặp Sa-môn, tôi đều dùng đạo của mình để gạn hỏi, nhưng tất cả đều chẳng đối đáp được, mà lời lẽ lại lui sụt, phần nhiều đã hồi tâm cải ý. Chỉ có ông là khó cải hóa mà thôi!

Mâu Tử đáp: Lông nhẹ ở trên cao gặp gió nhẹ thì bay, đá nhỏ ở dưới đất gặp dòng nước thì lưu chuyển. Chỉ có Thái sơn chẳng bị gió làm lay động, đá tảng chẳng bị dòng nước xiết chuyển dời. Cây mai cây lý gặp sương thì lá rụng, mà cội tòng cội bá đâu dễ điêu tàn. Những Sa-môn đạo nhân mà ông gặp, chẳng qua vì học chưa đến, biết chưa rộng, nên mới bị khuất phục như thế. Như tôi ngu khờ, lại chẳng thể học đến cùng tận mà như thế, hà huống gì người đạt đạo? Ông chẳng tự sửa đổi mà muốn sửa đổi người, thật tôi chưa từng nghe nói Khổng Tử học theo đạo chích, Thang Võ bắt chước Kiệt Trụ!

Hỏi: Theo thuật thần tiên thì thu đông chẳng ăn, hoặc nhập thất

nhiều tuần chẳng ra, có thể nói rằng đã cùng tột đạm bạc rồi, tôi cho là tôn quý rồi, còn Phật đạo thì chẳng được như thế!

Mâu Tử đáp: Chỉ Nam là Bắc mà cho là không lầm, lấy Tây làm Đông mà tự nói là chẳng mê, lấy phận cú mèo mà cười phượng hoàng, với thân dế giun mà bỡn cợt rồng rùa. Ve nhịn ăn, bậc quân tử chẳng cho là quý; rắn ếch nấp trong hang, Thánh nhân không lấy làm trọng. Khổng Tử nói: "Tánh của trời đất, lấy người làm quý," chưa nghe nói tôn trọng rắn ve bao giờ! Nhưng người đời nay, có kẻ ăn xương bồ mà bỏ quế gừng, uống cặn rượu mà bỏ cam lồ. Mảy lông tuy nhỏ, nhưng nhìn thì rõ ràng, Thái sơn dù lớn mà quay lưng thì chẳng thấy. Về Chí thì có giữ và chẳng giữ, ý thì có bén nhạy và chẳng bén nhạy. Nước Lỗ tôn Lý Thị mà hạ thấp Trọng Ni, nước Ngô yêu kính Tể Thỉ mà chẳng thích Tử Tư. Điều ông nghi ngờ chẳng phải cũng nên sao?

Hỏi: Đạo gia cho rằng bảy mươi hai đệ tử của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, đều chẳng chết mà thành Tiên. Phật gia nói con người đều phải chết, không ai tránh khỏi, là vì sao?

Mâu Tử đáp: Đây là lời của loài yêu mị, chẳng phải của thánh nhân. Lão Tử nói: "Trời đất còn chẳng được lâu dài, huống gì con người?" Khổng Tử nói: "Người hiền qua đời, nhân hiếu thì thường còn". Tôi xem cả lục nghệ, đọc cả truyện ký thì thấy Nghiêu có Tồ Lạc (chết), Thuấn có núi Thương Ngô, Vũ có lăng Cối Kê, Bá Di Thúc Tề có mộ ở Thủ Dương, Văn Vương chẳng kịp giết Trụ thì đã chết, Võ Vương chẳng đợi Thành Vương khôn lớn mà băng; Chu Công có soạn một thiên Cải táng, Khổng Tử có giấc mộng hai cây cột, Bá Ngư có nói về tuổi thọ của cha, Tử Lộ có lời văn cháo thịt, Bá Ngưu có văn vong mạng, Tăng Sâm có từ mở chân, Nhan Uyên có ghi lời bất hạnh yểu mạng, Miêu Nhi có dụ chẳng đẹp... Tất cả đều có ghi trong kinh sách, là lời chân thật của Bậc Thánh, tôi dùng Kinh truyện để chứng minh để người đời nghiệm xét, nếu còn nói là bất tử, há chẳng mê làm quá ư?

Hỏi: Lời ông giải thích thật đầy đủ, đều là những điều mà từ xưa chúng tôi chưa được nghe. Nhưng lời ông giải thích lấy gì làm căn cứ, soạn ba mươi bảy thiên cũng có phép tắc chứ?

Mâu Tử đáp: Phàm thấy cỏ bồng theo gió xoay chuyển mà chế thành bánh xe; thấy khúc cây lõm trôi mà tạo thuyền chèo; thấy nhện giăng mà làm ra lưới, thấy dấu chân chim mà lập văn tự. Nên có khuôn mẫu thì dễ thành, không khuôn mẫu thì khó đạt. Ta xem kinh Phật thấy có ba mươi bảy phẩm thiết yếu, đọc Đạo kinh của Lão Tử cũng xét có ba mươi bảy thiên, nên ta lấy đó làm phép tắc vậy.

Bấy giờ, người kia nghe như thế thì kinh sợ mặt biến sắc, vội vòng tay rời chỗ ngồi, cung kính quỳ lạy thưa rằng:

Kẻ hèn này thật đui mù sinh nơi hèn kém, dám nói những lời ngu si, chẳng nghĩ đến họa phước. Nay nghe được lời chỉ dạy, bỗng chốc tan như sương tuyết. Nguyện đổi ý rửa lòng tự răn, xin được thọ năm giới làm một Ưu-bà-tắc!

*****

2. CHÁNH VU LUẬN
Không rõ tác giả

Có một người lạ vu báng Phật rằng: Doãn Văn có thần thông, thương xót cha con người nước Hồ, loạn dâm tham gian, giết hại mưu lợi, vô sĩ làm tổn hại người, thích giết chóc quần sinh, không biết nhún nhường, tàn ác không thể luận bàn, thí dụ đủ các các việc... lại bảo đệ tử đắc đạo biến hóa... cấm sát sinh, đoạn tuyệt việc hôn nhân, khiến không có con cháu nói dõi. Dẹp cái thuật người Hồ, ai giỏi hơn người ấy?

Chính ghi: Người vu báng đã nói không có Phật, lại cho rằng Doãn Văn có thần thông; có đệ tử đắc đạo, giỏi biến hóa thấu đạt hết cái lý thần diệu, đó thật là lời mâu thuẫn không suy nghĩ. Phàm Doãn Văn là học trò của Lão Tử, Lão Tử là đệ tử của Phật, cho nên trong kinh của Lão Tử có nói: "Nghe nói ở Trúc Càn có một vị Cô Tiên sinh, diệu nhập Nê-hoàn, vô thỉ vô chung, vĩnh viễn tồn tại chẳng diệt". Trúc Càn tức là Thiên Trúc, Nê-hoàn là tiếng nước Hồ, nhà Tấn dịch là Vô vi. Nếu Phật chẳng xuất thế trước Lão Tử, vì sao được gọi là Tiên sinh. Nếu Lão Tử chẳng sống trước Doãn Văn, vì sao Doãn Văn xin Đạo Đức kinh. Lấy đây mà suy thì biết Phật chắc chắn là Tổ tông của Doãn Văn, là khởi nguyên của các Thánh. Vậy đâu có lý đệ tử được thần hóa mà Thầy chẳng có? Phàm bậc Thánh đứng đầu thế gian ắt phải để giáo hóa dùng đạo mà cai trị, nếu người ở phương xa không phục, trước dùng Lễ nhạc cho yên định. Bất đắc dĩ mới dùng binh lực, thì cũng để trừ bạo, dẹp can qua, cứu vớt quần sinh, dùng tiểu sát để chấm dứt đại sát. Cho nên vào đời Xuân Thu, chư hầu chinh phạt, động binh một cách chánh thuận. Như nước Địch khi có biến động, thì đánh trống để nêu rõ tội lỗi, dùng binh chính nghĩa để đến bắt tội nhân, không bao giờ ngầm giết hại người. Vì thế người quy phục thì dùng lời nhu hòa để phủ dụ, không vội vã dùng trọng hình, võ lực mạnh; đắc thắng thì dùng tang lễ để đối xử;

giết người thì buồn khổ khóc than. Vì thế châm biếm, dụ dẫn là dùng để ngăn chặn căn nguyên diệt tuyệt. Nếu ôm lòng ác mà tính điều bất nghĩa, mượn đạo đức để mong toan thành việc bạo ác, thì cũng đã thấy trong Kinh truyện, Biến văn chê bai rất nhiều vậy. Cho nên hội minh ở Tống là để chế phục Sở, nhưng trước phạt Tấn là vì ghét sự dối trá của Tân Phi, mà tôn kính sự cao đẹp của Trớ Tín vậy. Phàm oán kẻ địch thì ân huệ chẳng đến được người nối dõi, ác trừ hết nơi thân thì bốn trọng tội chẳng còn. Đó là phép tắc rõ ràng của các vua, là tiểu lệnh để trị quốc. Đến khi các tướng thời mạt thế đều là kẻ thích dùng binh, sợ rằng đạo mỏng đức suy, mới mặc tình lừa dối, ra sức tranh giành, dùng mưu kế quỷ quyệt cộng thêm với tâm tàn độc, đánh ngoài đồng nội thì tự do tiến lên giết sạch, đánh trong trành quách chôn hết chẳng chừa. Cho nên Bạch Khởi bị chặt đầu nơi Đỗ Bưu, Đổng Trác táng thân ở triều đình. Người quân tử biết họ ắt sẽ chết, cả thế gian buồn vì họ bị giết; sự tệ hại của binh nhung cũng đến như thế. Điều này thật đáng đau lòng mà mãi thở than vậy, có bậc Thánh nào muốn bắn tên âm độc giết hết lê dân đâu! Hơn nữa, một làng bé nhỏ mà còn có hiền tài, hà huống gì vạn dặm bao la rộng lớn!

Trọng Hoa sinh ở Đông Di, Văn Mạng ra đời ở Tây Khương, bậc Thánh triết xuất sinh, há có nơi chốn nhất định. Hoặc diễn ná nơi này, im lặng giáo hóa nơi kia. Hình biến hiện hơn độ khắp vạn phương, nhưng lý chuyển vận không mảy may sai biệt. Sở dĩ đạo Phật tuyệt tích ở Trung Thiên mà sáng rực tại Tây Vức, đó là có ý thú đặc biệt, chẳng thể trình bày hết được. Đâu có bậc Thánh nào ghét cường địch, muốn giết sạch không chừa. Điều này đâu khác gì dịch khí đã lan, mà chẳng xua đuổi sạch, dù có thiêu đốt Trung Nguyên, hoa lan du cỏ du hôi thối đều cháy, lại sự bạo ngược của Kiệt Trụ còn chẳng như thế! Dẫu có khiến cho nước Hồ phần nhiều tin tà ác; như dùng bạo ngược thay bạo ngược, thì chẳng phải là chỉ thú của quyền biến. Dẫn các lời này vừa đủ để biết những lời hủy báng kia mê hoặc người ngu si, đâu thể hợp tình hợp nghĩa mà có tâm nghi nan?

Vu báng rằng: Doãn Văn khinh khi trời có ba mươi hai tầng ... lại vọng dẫn kinh Lâu Thán nói: Cung điện của chủ Thiên dài rộng hai mươi bốn vạn dặm, mỗi mặt mở một trăm cửa, cửa cao rộng vạn dặm...

Đính chánh rằng: Kinh Phật nói cảnh giới của trời đất thềm bậc cao thấp đều có hệ thống xuyên suốt, bộ vị rõ ràng, thứ tự hợp lý. Mà người vu báng hoặc thêm vào, dối tạo ngụy thuyết, hoặc điên đảo lầm lẫn không đạt được nghĩa cốt yếu. Đâu lý nào một cung điện rộng hai

mươi bốn vạn dặm mà cửa chiếm bốn trăm vạn dặm. Dùng một việc để xét thì biết rõ người ấy lầm lẫn rất nhiều. Người nô lệ hay trẻ chăn trâu còn biết được điều ấy sai lầm, huống gì bậc hiểu biết? Muốn tỏ cái rộng mà lại lộ cái ngu vậy!

Vu báng rằng: Phật cũng vào khắp năm đường; người phạm đủ các tội, làm việc ác mà còn thành Phật; vậy đây chẳng phải là pháp để khủng bố người làm ác. Lại tính tất cả chúng sinh thì người hành thiện ít, kẻ làm ác thì nhiều. Người ác chết thì đọa vào lục súc, thế thì từ khi có trời đất đến nay đã đủ từ lâu rồi, đáng lẽ nay súc sinh chiếm chín phần mười, còn loài người thì hy hữu mới đúng!

Đính chính ghi: Đúng như lời ông nói, Phật cũng từng làm ác, sở dĩ nay được thành Phật là do cải ác theo thiện. Nếu cứ mãi làm ác, chẳng hết mê lầm, sau tiếp theo trước, thì mãi mãi ở trong đêm dài chịu khổ, luân chuyển trong năm đường, không có cách nào ra khỏi. Nay đã nhổ gốc ác, diệt tắt lửa ba độc, tu năm giới thiện, học mười đức tốt; thấu hiểu được Bản tế, rõ ràng được ba đời là không. Nên mới hiểu được ngoài sinh tử hư vọng có cõi vô vi. Như nói đến các loài côn trùng thì chẳng thể tính lường hết, còn người ở tại chín châu thì chẳng bằng mảy may mà thôi, chín phần mười thì có gì đáng nói đâu? Cho nên tánh của trời đất lấy người làm cái tôn quý nhất. Vinh Kỳ sở dĩ tự được ba điều vui thú là vì phân biệt rõ ràng quý tiện.

Nay chẳng trở về nương tựa nơi con người, chẳng chán ghét súc sinh, lấy nước thải làm cam lộ cho sự trói buộc là an ổn, thì đâu chẳng vì đó mà sinh nhiều nghi ngờ?

Vu báng rằng: Có Vô Linh Hạ Kinh, Vô Linh Hạ kinh là sách yêu quái, chẳng phải là lời dạy răn trong ba phần năm điển, bậc thông đạt nho cũng chưa nghiên cứu đến. Lời của Tam Tằng Ngũ Tổ lại giống như hiểu tấu văn ư? Điều này chẳng cần cật vấn mà điều hư vọng cũng đã tự lộ rõ vậy. Nay tôi xin nói điều này! Hàng phàm tục thường cho rằng người chết thì hết, không có linh hồn, không có thần quỷ. Như không có linh hồn thì không có Thiên Tào, không thần quỷ thì không ai bắt thâu. Nếu con cháu thờ Phật mà vì trách tội tổ tiên, hoặc tổ tiên là hiền nhân quân tử vì lúc ở đời không hành sự đồng với con cháu, mà Thiên Tào thâu bắt về trị tội, khiến cho thi thể nhan hồi, nhiễm canh chịu hình phạt thống khổ vô ích, Tổ Khảo nhân từ thì lại càng oán hận di thể. Đó là đâu phải là vị thần thông minh chánh trực? Nếu chẳng phải như thế, thì các loại quỷ hồ lạc, võng lượng, dâm lệ vì sao có thể ngược lại áp chế linh hồn người hiền nhân, làm khốn khó người có giới hạnh. Lấy đây

mà luận thì biết đó là kinh sách tồi tệ.

Lại vu báng rằng: Người tu đạo Phật gom góp vật chất của bá tánh, xây dựng nhiều chùa pháp, lộng lẫy xa hoa, thì thật là hoang phí, vô ích.

Đính chính rằng: Phàm giáo thì có cạn sâu, hợp thời ứng vật, đã trình bày đầy đủ ở đầu luận rồi, nhưng đây xin được nói lại. Nói về tâm cần kiệm thì không ai hơn Nghiêu Thuấn, thế mà cũng đầy đủ lễ phục gấm nhung thêu núi, rồng, hoa, trũng. Vì thế Tả Truyện ghi: "Dùng tích, loan, hòa (đều là chuông của xe ngựa) và linh để phát ra âm thanh; dùng ba loại cờ áo mặt trời, mặt trăng và sao để phát khởi ánh sáng; dùng tỷ tượng xe cộ, binh khí ... năm màu để tỏ rỏ khí vật". Vì thế nơi vua chúa ở nhất định là cửa vàng, thềm ngọc, linh đài, cung phượng, để khác biệt với phàm dân, và phân chia quý tiện. Phàm con người tùy theo cảnh mình thấy mà cảm biết, như nghe tiếng trống, thấy cờ xí thì nghĩ đến tướng nái; nghe tiếng đàn, thấy nghi biểu an tường nghiêm nghị thì nghĩ đến quan ở triều đình. Thay đổi cảnh quan, thay đổi cái nhìn thì tâm tánh và dáng mạo cũng biến chuyển theo, khiến một số người thấy hình mà chẳng biết đến đạo. Không ai chẳng quý điều cao thượng mà bỏ chỗ thô lậu, vì thế người kính Phật ngưỡng mộ di tích, tư duy đến oai dung còn lại, mô phỏng theo để khắc họa thành hình tượng để thành kính chiêm lễ; lại dùng các tài vật quý giá tôn đạo chùa viện; khiến cho bậc Thượng căn đến xem thì quên hình tích mà giữ lấy ý vị cao xa; hàng Trung, Hạ đến xem thì khen sự hoa mĩ, thưởng thức cái rực rỡ của kiến trúc; trước làm vui hòa tai mắt, sau đó dần dần dùng chánh đạo để chỉ dạy họ. Cả ba bậc đều có thể thâu hút không sót, giống như vật chứa nước, túy theo dung lượng nhiều ít mà dùng, chỉ như thủng dáy không giữ được, thì mới chẳng thể chứa nước.

Lại có người dối rằng họa phước do Phật tạo ra, có thể cho rằng người ấy chưa hiểu vậy. Tôi cũng xin giải thích điều này. Phàm kiết hung và họa phước cũng giống như ảnh tùy hình, vang tùy tiếng tự nhiên như thế, không thể tránh khỏi, xa lìa nhau được. Hành thì do nơi mình mà lý thì ứng hợp một cách vi diệu. Phật và Chu Khổng đều nói về trung hiếu tín nghĩa, thuận theo thì gặp lành, trái nghịch thì gặp dữ. Như muốn qua sông thì phải nhờ thuyền bè, chẳng thể đi bộ mà qua được. Như phép dạy người, thuật cứu nguy cũng giống như Thần Nông bảo ăn ngũ cốc để trị đói, Hoàng Đế dạy may y phục để chống nóng lạnh. Nếu ngậm miệng mà muốn no, để trần mà cầu ấm thì chẳng thể cưỡng ép mà cho được. Lại nữa, sở dĩ Biển Thước được gọi là lương y là vì ông

tùy bệnh mà cho thuốc, chẳng sai lầm phương dược. Chẳng thể mong cầu ông khiến không có người chết. Hơn nữa Biển Thước cũng đã nói: “Ta có thể làm cho người đang sống chẳng chết, nhưng chẳng thể khiến người chết sống lại!” như làm con thì bất hiếu, làm tôi thì bất trung, cứ giữ chặt sai lầm chẳng chịu tỉnh ngộ, đưa thuốc hay chẳng chịu uống, đến ngày họa đến sắp chết thì lại đổ lỗi cho Thánh nhân, oán hận lương y, thì không chỉ đã mê muội mà có su thế rơi vào hầm sâu nữa.

Vu báng rằng: Ở Kinh lạc có rất nhiều Sa-môn, mà chưa từng nghe nói làm cho Hoàng đế được kéo dài tuổi thọ. Trên thì chẳng thể điều hòa âm dương, chẳng làm cho mùa màng bội thu, nhân dân giàu có, tiêu trừ tai nạn, xua đuổi dịch bệnh, định yên họa loạn; dưới thì chẳng thể nhịn ăn ngũ cốc, luyện khí ngưng thần, giữ mạng vượt nguy, trường sinh bất lão ...

Đính chính rằng: Chẳng đúng! Trang Chu nói rằng: “Người mà thấu đạt được thân mệnh, không mong cầu điều mà thân mệnh không thể làm được”. Như thế đã định kỳ hạn thì không thể dời đổi. Nếu như có dùng trí đức mà cầu cứu được tánh mạng, thì hai Thái tử Cơ Phát, Cơ Đán đủ khiến cho cha là Văn Vương thọ cả ngàn tuổi. Nhan Tử chết thì hợp mệnh trời, nhưng mọi người đều vô cùng thương tiếc, không biết làm sao để kéo dài mạng sống cho ông. Vả lại trải bao năm tháng, mang lấy vận mạng sáu trăm năm là cùng tột rồi đến lúc phải ra đi. Vì thế Nghiêu mới có nạn hồng thủy ngập trời, Thang có hỏa tai ngút đất; Trác Lộc máu đổ thành sông, Phản Tuyền thây đầy đồng nội. Vì sao chẳng ngồi yên mà cứu hết? Việc ấy chưa được như thế ư? Phàm thực hành các thuật dưỡng sinh của Đạo gia như “Hùng kinh vô duệ”, dẫn khí ra vào, tuyệt ngũ cốc hút nhụy hoa, hớp gió uống sương thay cho lương thực, lấy các thuật này mà cầu trường thọ, đều là có sự mong đợi. Như thế sẽ có lúc yểu vong mà chẳng thể trường tồn .

Hàng Sa môn xem Xích Tòng, Vương Kiều như những đứa trẻ chưa ra đời mới chẳng chịu để tâm cầu ra khỏi lưỡng nghi, mà ở mãi trong miền sinh tử. Thế thì đâu thể lóng tâm trong sạch để trường thọ sánh cùng Quyên Tử, Bành Tổ? Người vấn nạn nếu muốn dùng lời lẽ hoa mĩ để luận biện phản bác, lập ngôn từ mạnh mẽ để cản ngăn, lời không có tiết tấu, nghĩa chẳng hợp cung bậc, than ôi! Bắc Lý Loạn mất nhã phong, màu xanh kia đoạt mất sắc vàng. Còn tất cả âm điệu huyên náo khác chẳng có kỷ cương thì nhất luật tuân theo Tôn Sư chẳng đáp.

Vu báng rằng: Vào cuối đời Hán có Sạ Dung hợp binh theo Thứ Sử Từ Châu là Đào Khiêm, Đào Khiêm sai Dung làm Đốc vận (lo

chuyển vận quân lương); mà trước kia Sạ Dung theo đạo Phật, nên nay trộm lấy tài vật của quan quân, dùng tự lợi này làm chùa Phật, cấp rượu thịt cho người đi đường... Sau bị Lưu Dao đánh giết.

Chánh rằng: Câu hỏi này chẳng đợi trói mà đã tự buộc. Phàm Phật giáo luôn lấy nhân tử bất sát, trung tín chẳng lỗi lầm, liêm trinh không trộm cắp làm đầu. Như Lão Tử nói: "Binh khí là vật bất tường", đến gần thì hung hiểm, nhưng Dạ Dung lại nhẫn tâm đem binh kết cấu với giặc cướp, đó là phạm sát; nhận sứ mệnh của người, lấy mà chẳng báo đáp cho chủ, đó là phạm tội khi dối; cướp lấy vật của quan để tự lợi là phạm tội trộm cắp; Kinh Phật dạy không được ban cấp rượu cho người khác, mà Sạ Dung lại tự do cấp cho, đó là phạm tội uống rượu. Phạm cả 4 giới thì đi vào con đường chết vậy. Giống như kẻ làm quan đã treo ấn, trả mũ, mà hoành hành bạo ngược trên đường thì đứa bé cũng có thể chế phục, Sạ Dung chết dữ cũng đã giúp sáng tỏ được đạo lý làm ác gặp tai ương vậy.

Vu báng rằng: Thạch Sùng cũng rất Kính Phật mà chẳng tránh khỏi tội bị tru di tộc họ.

Chánh rằng: Thạch Sùng này, tôi biết rất rõ, đó là kẻ kiêu ngạo, đam mê rượu thịt, phóng túng vô độ. Cất chứa tiền bạc rất nhiều mà chẳng cứu giúp cho người cô độc. Luận về tài thì chỉ ra tay 1 lần là đoạt lợi, về đức thì không được mảy may. Tuy thờ Phật mà chẳng giữ cấm giới, giống như người thế gian; hình dáng thì có vẻ thanh cao, nhưng tâm thì ô uế; sắc diệu thì cứng cỏi nhưng trong lòng thì nhu nhược; miệng luôn khen Vũ Thang mà làm thì như Kiệt Chích. Tự chuốc lấy cái họa ấy, thì đâu có gì mà lạ?

Vu báng rằng: Chu Trọng Trí kính tin Phật cũng rất tinh tấn, nhưng rốt cuộc cũng chẳng hưởng được phước.

Đính chính rằng: Mới nghe lời này thì tựa như cái họa của người được ân sủng chẳng phải là lời thông đạt! Trọng Trí tuy có tâm mến mộ Phật đạo, nhưng chưa thọ giả làm đệ tử. Luận về bẩm tánh thì trong sáng, ngay thẳng, lịch lãm, kiệt xuất, có thể cho là bậc anh tài; nhưng còn lo về sức mạnh của thân, chưa hợp với chí thú anh nhi (dùng chì luyện thuốc)của Đạo gia. Như thế mà gặp kẻ mạnh tật đố tài danh thì ắt sẽ táng thân ngay. Như nói rằng tinh tấn mà bị hại, thì thật đã có. Việc ấy đâu khác gì Nhan Tử, Hạng Võ yểu mạng; Bá Di, Thúc Tề nhịn đói chết, Tỷ Can tận trung mà bị họa lấy tim. Công Tử Thân Sinh chí hiếu mà đau xót vì tự ải. Những việc giống như thế chẳng kể hết. Khổng Tử nói: "Người có đức nhân thì sống lâu; người có nghĩa thì sáng tỏ,"

vậy mà có người chẳng tránh khỏi yểu vong. Cho nên phải tin có đức mạng.

Vu báng rằng: Nhà Phật ưa tử ghét sinh, đến khi người thân chết thì cho rằng vì phước lộc mà đi, nên không có vẻ buồn đau thương xót gì cả?

Đính chính rằng: Người gạn hỏi ắt đối với vạn vật đã đạt được tâm minh bạch rồi; nếu không vì sao lại nói trái nghịch như thế? Phàm kinh Phật đã nói rằng người đắc đạo thì người, ta đồng nhất, dài ngắn như nhau; lội trong dòng sinh tử vẫn vắng lặng không phân biệt, vào trong cõi phước họa tâm vẫn bình đẳng chẳng nhọc nhằn lao khổ. Vui với trời, biết số mệnh, yên với thời, sống thuận đạo. Còn người chưa thể hội được Đạo, than ôi! Phải có tâm thận trọng đến lúc cuối đời; vì muốn tăng trưởng tâm này, thuần nhất không tạp, nên mới có nghĩa "Đại bi hoằng thệ". Phàm kẻ thù chết mà còn thương xót, dùng đức báo oán, chẳng nghĩ đến thù xưa, huống gì tình cốt nhục sâu đậm tự nhiên, mà có thể chẳng có lòng đau xót ư? Phàm thương người thân, chẳng dám gây ác với người khác, sợ rằng mãi mãi báo trả cho mình. Trái với tình, nghịch với đạo thấy rõ nơi đây vậy!

Thích Tăng Hựu trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô soạn vào đời Lương

Phàm biển giáo không bờ, gương huệ tròn chiếu. Sự giáo hoá kì diệu khắp trong cõi nước, nhưng lại mô phỏng theo Nghiêu Thuấn; nghĩa lý thật u vì vượt ra ngoài ngôn ngữ mà tùy thuận theo Khổng, Chu. Nhưng đạo lớn thì khó tin, thanh cao thì ít người hòa. Tu ơi chót vót thì gió mạnh thổi lên; Kho báu tích tụ thì sinh ra oán giặc. Khi xưa Đức Như Lai còn tại thế, sự giáo hóa của ngài chấn động khắp đại thiên, mà còn bị y ma phẩn nộ, sáu Sư oán hận, hà huống gì vào đời Tượng, mạt này mà có thể tránh được ư? Từ khi giáo pháp truyền đến Đông thổ này, đến nay đã hơn năm trăm năm, về duyên thì có tin và không; về vận thì lúc hưng lúc suy. Người chánh Kiến thì khen ngợi, kẻ tà mê thì hủy bán. Đến hàng nho sinh thiển cận theo văn thì phản bác cho là dị giáo, còn kẻ tà đạo xảo ngân thì dẩn dụng cho là đồng pháp. Như phản bác thì có cái mê mất bản giáo, dẫn dụng thì có cái loạn lợi danh. Từ đó bèn phát sinh nhiều ngụy luận và ngoa từ mạnh mẽ. Phàm chim Hạt đám kêu ban đêm cũng không đổi được ánh sáng của mặt trời, chim Tinh vệ ngậm đá mà không làm suy tổn thế của biển lớn. Nhưng dùng tối để loạn sáng, dùng nhỏ để mờ che lớn, tuy không làm lay động mảy may, mà cũng có người nghe thấy, khiến cho kẻ yếu đuối theo lời ngụy biện mà mãi mãi

làm mê, hàng điên đảo thì theo tà thuyết mà tưởng kỳ chìm đắm. Do đó mà dễ lạc vào chốn u đồ, khó bước lên tịnh cảnh.

Hựu tôi vì hàng tu học thời mạc pháp, chí sâu rộng giữ gìn sự an tĩnh, mà lời thì tùy theo thế tục phẩn uất nơi tâm; nên trong lúc tật bệnh tạm an, thời giờ rảnh rỗi mới soạn ra những văn sáng xưa nay, những luận hay của đạo tục, với chủ ý phá tà, lập ngôn hộ trì chánh pháp; Không phân Đại, Tiểu, tất cả đều chọn dùng. Cho đến Thư, Ký,Văn, Lục của các bậc Thắng sĩ đời trước mà có ích cho Tam bảo cũng được gom chép, phân loại, sắp xếp thành mười bốn quyển. Phàm Đạo là do người hoằng dương, còn giáo thì dùng văn để làm sáng tỏ. Hoằng đạo minh giáo, nên lấy tên là Hoằng Minh Tập. Sau cùng có phụ một bài nói lên bản hoài thô Thiển của mình, ngõ hầu dùng 1 hạt bụi, 1giọt nước thêm vào Thái Sơn vào biển lớn. Nhưng tài học thì thấp kém, sự thấy biết thì nông cạn, hổ thẹn mình hạn hẹp, kính mong các bậc quân tử làm thông gia ân tăng bổ cho tập sách được sâu rộng thêm!

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 2

3. MINH PHẬT LUẬN
(Còn gọi là Thần Diệt Luận)

(Đời Tấn, Tông Bích soạn)

Phàm đạo thật kỳ diệu, còn phong hoa thì tôn quý, nhưng người đời thì phần nhiều cho đạo Phật là hoang đãng. Tự nghĩ rằng “thân mình đây còn không quan tâm đến, đâu rảnh để nghĩ đến con cháu mai sau”! Việc trong vạn dặm ngoài một trăm năm thì chẳng còn như thế! Hà huống gì núi Tu-di to lớn, cả Phật vĩ đại, tinh thần bất diệt, người có thể thành Phật, tâm tạo vạn pháp, các pháp đều không, nhưng quá khứ kéo dài đến muôn ức kiếp sau mới thọ báo? Nhưng đây đều là các sự thật kỳ diệu, siêu tuyệt đáng tin. Nghe khúc Hoàng Hoa đâu thể tấu khúc điệu Vân Môn? Người đời lại quý kinh sách của Chu Khổng; từ đời Nghiêu đến Hán, chín châu ở Trung Quốc chưa từng được truyền đến, cõi kia có cảm gì, Minh Đế có đức gì mà chỉ có hào quang Phật chiếu soi? Những tình huống này đều để dẫn dắt dần dần hợp với tập quán xưa; chẳng thể dùng ánh sáng của nội tâm soi chiếu; nên chí lý chẳng xa, do nghi mà tự mất; thật buồn thay! Các bậc quân tử ở Trung Hoa hiểu rõ lễ nghĩa mà mờ mịt về tâm người thì sao biết được tâm Phật? Như ngày nay đối với sự nghiệp thế gian gần gũi đây, nếu mưu tính chẳng thành, thì còn hưng binh chém giết, hà huống là những điều do tinh thần tạo tác, nếu được thì thăng cao đến vô cùng, nếu mất thì vĩnh viễn đọa đến vô cực. Vậy có thể chẳng vào chỗ sâu mà tìm cầu, bước lên nơi cạn mà suy nghĩ ư? Phàm toàn cuộc thì to lớn mà phép toán số thì thiển cận; nhưng tâm cao rộng chưa từng có đắc, mà muốn dùng cái thấy hạn hẹp vọng ức chế bầu trời, cho đến muốn hãm thần vào vùng đất hẹp lậu, thật chẳng thể kham được ư? Nay dùng cái biết lờ mờ soi chỗ tối tăm, thì đã không thấy được cái mất, làm sao có thể chỉ soi rõ điều được. Chỉ cần biết rõ sáng tối để hướng đến hoặc xa lìa mà sống nơi thiện. Nhưng phải luôn

lấy kinh Phật làm chỉ nam mà tu tập. Vì kinh Phật đã hàm chứa đức sâu xa của Ngũ Kinh lại còn thêm sự chân thật cao xa; bao quát chỗ rỗng rang của Lão Trang mà có thêm nghĩa cùng tận không nữa.

Lời cao xa, lý chân thật thầm cảm đến Thần; nó sáng như mặt trời, mát như gió, chẳng phải là bậc Thánh thì ai nói đây? Chỉ cần dẹp sở kiến của thế gian, thể hội được lý Phật thì thấy rõ ràng.

Luận rằng: Nay ở từ chân tới đầu, cho đến cõi hư không kia, tâm hướng đến mà chẳng trọn, thế thì bốn phương, trên dưới đều vô cùng. Sinh Khống chỉ đến mà còn truyền nơi nương gá, truy cứu chỗ truyền ấy thì vô thỉ. Đời đời tương sinh mà chẳng dứt thì cũng vô chung. Thân này hằng ngày sử dụng đến cái chân thật vô ngần. Chính từ vô thỉ mà đến, lại truyền đi vô chung. Thế thì rộng vô lượng, lâu vô cùng, con người chắc chắn xâm phạm nhau để tự bày tỏ mình. Vậy sống ở Trung Nguyên chẳng nghi ngờ gì về tám phương. Nhưng nay trải khắp ba ngàn nhật nguyệt, giăng cùng một vạn hai ngàn thiên hạ, hằng sa thế giới, kiếp số như điểm trần, đồng dung nạp để âm thầm biến hóa, tất cả chỉ là mảy may trong chỗ vô cùng tận. Sao chỉ an nơi mình mà nghĩ về người?

Phàm một mảy lông giữa biển khơi, cái huyền diệu của nó còn có chỗ cùng cực; còn nay đặt thường lý vào hư khôn, vì nó bé nhỏ thì đâu thể nói được? Cho nên thế gian lớn, đạo nhỏ; người thì xa mà trời thì gần. Cảnh địa trước thời Hiên Viên thì xa quá ư? Thật là xa vậy. Như dùng kiến thức cao xa để thể hội được đạo, thì bao quát các việc hôm qua vậy. Kinh Thư gọi là tri viễn, nhưng biết chẳng vượt ra ngoài đời Đường Ngu. Các lời trong Xuân Thu đều nói về nghiệp Đế Vương, như cái tôn kính của lễ nhạc, trong âm của Thi Dịch. Nay trong cõi vô cùng, đốt ba ngàn nhật nguyệt để chiếu rực rỡ, xếp bày mười hai ngàn để xem rõ ràng. Như thế mới biết được điều trình bày của Chu Khổng; bao quát cả vùng biên địa. Nên cầu đối trị với cảm giác thô mà an định chung trong một đời. Còn những người ẩn dật ở ngoài thế sự thì không luận đến mà giữ lại. Nếu chẳng như thế, vì sao lại trọng thân hình lúc khởi đầu, mà bỏ qua thần lúc chung cuộc. Lên Mông sơn thì thấy nước Lỗ nhỏ, lên Thái sơn thì thấy Thiên hạ nhỏ, đó là có bờ mé. Vả lại Tam Phần Ngũ Điển đã mất, hàng tục nho chỉ soạn về phép trị thế mà thôi. Những ngôn từ vượt ra ngoài thế gian, hoặc ghi chép trong sử sách, hoặc tuyệt duyệt nơi hầm lửa. Nếu đạo của Lão Trang, thuật của Xích Tòng, Vương Kiều tiên nhân, tin rằng có thể tẩy tâm dưỡng thân, mà cũng đều chẳng dùng sáu kinh; nhưng người học chỉ giữ lấy Khuyết văn cứu cái

thô, lấy Thư, Lễ làm giới hạn, đoạn mất sự nghe biết, khiến cho sự thần diệu của sự vật, sự biến hóa nhiều kiếp ở trước mắt rõ ràng mà lại vĩnh viễn bỏ qua. Chẳng phải cũng đáng buồn ư? Than ôi! Có người như đi dưới đám mây mà chẳng tin có nhật nguyệt. Nay nói một âm một dương là Đạo, âm dương chẳng lường được là Thần; bởi vì cho rằng đến đạo vô vi thì âm dương hòa hợp, nên gọi là một âm một dương. Từ Đạo giáng hạ liền nhập vào tinh thần, thường hiện hữu ngoài âm dương, chẳng phải là chỗ truy cứu của lưỡng nghi, nên nói là âm dương chẳng lường được. Thuyết của Quân Bình nói từ một sinh hai là Thần chính là nghĩa này. Như hai câu này đều để nói về vô thần, vì sao lại dùng đến tinh thần? Thần của quần sinh, chỗ rốt ráo tuy đồng, nhưng tùy duyên dời đổi thành sự biết có thô và diệu, nhưng cái gốc thì chẳng diệt. Tuy Thuấn sinh từ Cổ Tẩu, nhưng tinh thần của Thuấn ắt chẳng phải do Cổ sinh ra! Vậy tinh thần của Thương Quân cũng chẳng phải do Thuấn dưỡng dục, thế thì "Tiền Tố" của sinh và dưỡng có thô và diệu. Gốc đã lập trước khi chưa sinh thì biết chẳng diệt sau khi đã chết. Lại chẳng diệt thì chẳng đồng, ngu Thánh có khác biệt, nên biết được phần ngu Thánh sinh tử chẳng đổi chẳng diệt. Cho nên nói "Tinh thần thọ nhận hình thể đi khắp năm đường, tồn tại cùng sự thành hoại của trời đất, chẳng thể tính kể". Phàm với cái chất ngờ nghệch mà sinh ra từ kẻ ngu si, với thân ngu si mà thọ hình nơi Hoàng đế, thì ngu Thánh cách tuyệt, làm sao mà tính cho hợp? Đâu chẳng phải linh thần của Trọng Hoa mới thô. Khi xưa, trước kết nhân từ nhiều kiếp, sau duyên hợp với vạn hóa mà có ư? May thì chỉ dứt tinh thần mà xưa đã có nhiều kiếp tiếp thọ cái thô, thế thì sự tinh luyện đã chấm dứt. Nếu như nói hình sinh thì thần sinh, hình diệt thì thần diệt, thì cũng nên cho rằng thân tàn thì bị thần hủy, thân bệnh thì thần đau. Nhưng có người thân hư hoại, hoặc sắp chết mà thần ý vẫn bình toàn, còn tự nắm tay. Lại có người bị bệnh quá nặng, mà vẫn làm chủ, không biến đổi đức hạnh. Đó là sự chứng minh cho trạng thái thần chẳng diệt!

Nếu nói thần nhất định sinh từ hình, chẳng do duyên hội, thì nay xin nói đến các vật, sau đó mới xét đến thân. Phàm bốn sông năm núi cho rằng chẳng linh, thì chưa thể đoạn. Như cho rằng có thần thì núi chỉ do tích tụ nhiều đất đá, sông chỉ do dung chứa nhiều nước mà thành. Chỉ có một linh vì sao sinh nước đất khác nhau, mà cảm gá vào núi sông để thành 1 thể? Dẫu núi bằng sông cạn thì đất, nước cũng chẳng mất. Thần chẳng phải do hình tạo ra nên chẳng diệt, con người cũng thế. Thần chính là diệu, vạn vật mà có lời. Nếu nhờ hình để tạo, tùy hình mà diệt

thì lấy hình làm gốc, đâu thể lấy lời làm diệu?

Phàm tinh thần thông bốn phương, lưu chuyển vô cùng, trên thì suốt đến trời, dưới thì chiếm khắp đất. Bậc Thánh đạt cùng, người Hiền suốt tận. Đến như Tể Tứ Trang Kê, Ngô Trác, Tử Phòng, tinh thần hoạt dụng đều không thể không cung kính, thấu triệt vũ trụ; nhưng hình thể thì tầm thường, thức ăn uống đồng với hàng phàm ngu. Như thế thì đâu có nhờ vào đó để sinh, tùy theo đó mà diệt? Cần phải suy nghĩ; Chu Công tế ở Giao đàn, Hậu Lăng cúng ở Tông miếu vào thời Văn Vương, hoặc cho rằng không biết hiếu, thì liền hỏi: lấy gì mà biết nhất định không? Thì hẳn không cách gì để biết. Nếu không có cách gì để biết thì linh thần của Văn Lăng chẳng thể nói là diệt! Ăn chay ba ngày ắt thấy được chỗ công hiệu, người ăn chay chẳng vì người khác chẳng thấy mà bỏ. Chu Công hẳn chẳng thấy ư? Ngày tang Doanh Bác lại nói rằng: “Xương thịt ắt trở về đất cát, hồn phách thì chẳng phải không có”. Đó chính là chẳng diệt. Phàm đến lúc thạnh trị cùng tột thì thiên hạ sẽ loạn lạc ngút trời, đó đều là do tâm thần tạo ra. Vua Nghiêu thì không đạo lý nào rõ, không dục nào chẳng trừ, đó là Thần sáng tỏ. Kiệt thì không ác nào chẳng làm, đó là do Thần mờ mịt. Chẳng phải Kiệt không biết điều thiện của Nghiêu, mà còn biết điều ác của mình, nên ác đã trừ sạch do sự ham muốn của thân, nên nghịch với Thần. Nhưng cái Thức mà biết được Nghiêu và ác đã trừ đó, thường tồn tại trong Thần. Nếu chẳng ở vương vị thì ngàn năm chẳng chết, làm ác thì sự oán độc đến, làm thiện ít thì ít có lòng khoan dung. Vậy sao chẳng dần dần diệt ác, dần dần tu thiện? Như thế thì cái Thức biết Nghiêu hàm chứa trong Thần trước kia, ắt sẽ có một ít tác dụng, nếu gia công thêm một ngàn năm mà chẳng bỏ, có thể tâm dục sẽ lắng hết, mà Thần cũng được tinh thuần như Nghiêu vậy.

Phàm trăng sao biến thì luật lữ động, sáng tối giao nhau thì nghieu sò tùy phần mà mở ngậm. Nhưng én nhạn, rồng rắn ẩn hay xuất đều là trước tiên từ sự minh hóa(âm thầm biến hóa), sau đó mới phát động đến vật loại. Tất cả mọi loài đồng được giáo dưỡng từ trong minh hóa; đâu chỉ một vài việc như thế, mà vạn hóa chẳng bao giờ tận ư? Do giết người mà bị chết, do làm tổn thương người mà bị hình phạt làm tội nhân nhiều kiếp. Đến nay thì người vô tội và kẻ có tội đồng như thế, đều là do duyên sâu kín đã cấu thành từ trước, mà người gây tạo hiểu phát sau này. Phàm ẩn và hiển chỉ là một, nhưng ác cấu thành thì sâu kín, mà phát động thì hiển lộ, không có gì phải kỳ lạ! Làm ác hiển lộ mà âm thầm chịu oán, cũng đâu có gì lạ? Nay với Thần chẳng diệt hàm chứa

Thức biết Nghiêu, ẩn hiển trong vạn đời; khổ vì tạo ác, vui do làm thiện. Lại thêm nhật nguyệt ở trên cao chiếu soi trợ giúp, thì duyên nào chẳng rỗng suốt, sau đó nghiên cứu thân nhập một đường thẳng đến đạo; Tự e rằng kiệt trụ ở kiếp xưa đều có thể từ từ thành Thang Vũ ở mai sau, hà huống ngày nay hàng phong tình đã ít, mà con có người để tâm đến đức hạnh vậy. Do đó có thể thấy rõ người có thể thành Phật. Phàm sinh khởi đều bắt đầu từ tình. Nay nam nữ cấu tinh, vạn vật sinh hóa đều từ tinh do tình cấu thành. Tình cấu thành nơi mình thì một ngàn chúng Thần thọ thân, rất giống như tình là gốc của sinh. Đến như Ngũ Đế, Tam Hoàng, tuy vượt khỏi tình đạt đến thần, nhưng không lý nào chẳng thuận. Nếu duyên xưa tụ hội, thì nhất định cũng tuân theo mà nhập tinh biến hóa, cùng nhau thuận sinh, tạo ra hàng vạn tộc họ. Hà huống ngày nay tình nhất quán với Thần, thân chết thì tình diệt. Đâu thể chẳng thọ lại thân, chịu sinh tử vô lượng?

Thức có thể lắng trong cái gốc bất diệt, thọ học pháp ngày càng giảm, giảm rồi lại giảm, giảm đến vô vi vô dục. Dục tình nếu có Thần độc chiếu vào thì không sinh, không sinh thì không có thân; không có thân mà có thần, đó chính là Pháp thân. Nay Hoàng đế, Ngu Thuấn, Cơ Công, Khổng Tử là các bậc thế gian kính ngưỡng mà tin phục. Xem việc buông thả dây cương thăng Thiên, rồng ẩn chim bay, làm đổi gió khiến lúa nẩy mầm tăng trưởng, hoặc nhịn ăn chỉ đàn ca đều do đã thấu đạt được linh thần là thể, nên công dụng của Thần ứng hợp, tự tại vô cùng. Nay hình lý tuy ở ngoài, nhưng khi tùy cảm ứng thì khởi diệt, cũng có lúc chẳng phải do sức người tạo mà dẫn đến, như Hoàng Hà hiện Đồ (Hà đô) sông Lạc cho Thư (Lạc Thư); cỏ Minh Giáp chẳng trồng mà mọc, ngọc huyền chẳng mài dũa mà tự thành; như dâu và lúa mọc ở triều đình, bỗng chốc lớn lên, bỗng chốc biến mất; lửa cháy ở cung vua mà vì chim; nặng nhẹ, lớn nhỏ của cái đỉnh, đều là do sự xao động biến hóa cảm với linh diệu mà tạo thành. Đó là các việc chẳng thể nghĩ bàn. Phàm Pháp thân rất linh, cơ cảm với diệu chúng mà hóa hiệu, chiếu soi đến công năng của Thần để làm sáng tỏ vật. Như thế thì điều kỳ diệu nào mà chẳng tạo được, sự biến hóa nào mà giới hạn được? Đâu chỉ vọt lên trời cao, ngầm đi trong đất, hớp gió nhịn ăn mà thôi? Phàm những điều kỳ lạ như hiển hiện nghi dong sáng rỡ, điềm lành báo hiệu Thánh quân ra đời, cho đến phân thân, từ đất vọt lên, di chuyển thế giới, sợi lông dung nạp biển lớn, đồng như Thần hóa vô cùng của Hoàng Đế, Ngu Thuấn, Cơ Công, Khổng Tử. Trước kia cái điềm lành mờ mịt ẩn hiện, nhưng đã ra khỏi hình mà nhập vào Thần,

thì cũng đồng âm thầm mà kỳ diệu giáo hóa, sao chỉ tin chỗ này mà bức ép điều kia? Đấng Minh Giác Pháp Vương trong sáng, vắng lặng; tin mà có bằng chứng, chẳng trái với Thánh quân, nhưng người mê chẳng biết thật buồn thay! Phàm Đại Pháp ứng với các điềm dứt lỗi đều do tâm mà hiện. Như các điềm cầu vòng vắt ngang qua mặt trời, sao Thái Bạch phạm vào sao Ngang, hang lạnh sinh lúa, thành đổ, sương rơi ... đều từ nhân tình phát khởi mà lấy những hình ở xa, cái sự việc trên bầu trời, những tướng trạng cố định làm hình ảnh. Nhưng không có hình thì không có ảnh, không âm thanh thì không có tiếng vang, cũng nói không có tình thì không có báo. Đâu chỉ có các điềm cầu vồng, sương rơi ... mà thôi đâu? Tất cả đều tùy tình ứng vật, vật chẳng thể giấu hình, hoặc giả là kết thành thân, hoặc là hiện nơi sự, giao kết rối rắm ẩn hiện mờ mịt, ai có thể thấy được bờ mé? Sự biến hóa khắp thế gian, hình tượng hiện đầy trước mắt đều là từ hàng vạn đời đến nay, do linh cảm mà nên. Vì thế kinh Phật nói: "Tất cả pháp đều từ ý sinh hình" lại nói: "Tâm là gốc của pháp. Tâm tạo thiên đường, Tâm tạo địa ngục", tức là nghĩa này. Vì thế lắng tâm sạch tình thì Diệu sinh vào cảnh tốt đẹp; nếu tình nhơ hạnh xấu thì vĩnh viễn đọa vào tam đồ. Đâu thể nói rằng trong chỗ xa xăm mờ sáng có thật lý mà bỏ qua, để cho hồn tiêu, tưởng tán, khiến tâm chí kinh sợ? Tuy nhiên, những tình nhớ nghĩ ... duyên nhau mà thành Thức, Thức cảm thành hình, mà thật chẳng có tánh. Từ khi có được sự khai ngộ đến nay; chỉ một tiếng vang đã hoát nhiên diệt trừ tâm lo sợ, chưa có pháp nào cùng tột như thế, xin được giải thích rõ thêm. Phàm cái Thần của bậc Thánh huyền chiếu mà không có Thức suy lường, đó là tâm và vật đã tuyệt dứt, chỉ còn Thần mà thôi. Cho nên cái gốc của hư minh (rỗng rang) trước sau vẫn thường trụ, chẳng thể tiêu hoại. Nay Tâm và vật duyên nhau, chẳng hợp nhất nơi Thần, tuy đạt đến chỗ u vi của Nhan Tử, nhưng cũng phải siêng năng tham cứu, thích điểu nhân, ưa núi rừng ngõ hầu đạt được không, như tâm dụng là Thức thì dụng dụng kỳ diệu tiếp nối, thức thức kỳ diệu tương tục. Giống hơi nóng của lửa tương tức thì thành sự đốt cháy. Nay vì ngộ được không nên bặt tâm, tâm đã dừng thì hình thức cũng dứt, nên Thần hoàn toàn sáng tỏ. Vậy sự cấu thành tình thức đã có mới cũ tương tục một cách kỳ diệu, thì đó ắt là nơi bất nhất, vậy đâu thể thường có? Ví như một đầu bếp nhìn ắt chẳng thấy hoàn toàn con bò. Kinh Phật nói Pháp biến dịch ly tán, tánh của Pháp thức như hư không, mộng, huyễn, hình ảnh, tiếng vang, bọt, bóng nước, bóng trăng trong nước, há chẳng đúng sao? Nhan Tử biết như thế, cho nên đối với có như không, chạm thật như hư, chẳng thấy có, phạm

mà chẳng chấp trước. Nay xem nghĩa thường không của Nhan Tử thì biết đã đạt được thật không, hà huống từ đây về sau lìa mất chân thật đã quá xa, tuy có người hướng đến Đạo lớn, mà giống như chạy nhanh về hướng Đông, nên gọi là người điên. Họ đều trái với lý, lầm với cơ cảm, trốn trời, quên hạnh càng trái với chân hữu. Hơn nữa chất, vị, thanh, sắc lại là ảnh hóa của Tình thức hư giả. Thế sự vô thường biến diệt nhanh như ngựa qua cửa sổ, như chớp. Vị lai chưa đến, quá khứ đã qua, hiện tại chẳng dừng. Trong khoảng một chớp mắt, một hơi thở, không có mảy may để y cứ thì muốn nắm bắt cái gì để cho là có đây? Thậm chí dùng cái có hư giả để che lấp thân. Nay có gương sáng, bấy giờ nếu có những bụi dơ bám vào, như ít, mỏng thì gương còn chiếu sáng, nếu bụi bám nhiều thì gương lu mờ, nếu bám quá dày thì gương vẫn chiếu mà chẳng sáng được. Chất vốn là sáng nên có bụi dơ mà vẫn còn sáng. Tuy từ chiếu sáng đến không còn sáng, nhưng cần phải theo nghĩa gương chẳng mất mà luận biện, như vậy vật ắt tùy theo sự dơ uế làm mất mà cấu thành tội lỗi. Lý về Thần của con người cũng giống như thế. Cái có hư giả đã che lấp thần, khiến thành cái Thức tinh và thô. Thức gá vào thần, nên tuy người chết nhưng chẳng diệt, mà dần dần đạt đến không, ắt sẽ huân tập dần dần đến cùng tận mà thông đạt Bản thần; đó chính là Nê-hoàn. Vì thế, lời nói cùng tột thì nhiều người nghe theo mà hoát nhiên đạt được không. Phàm người sống nơi núi rừng u tịch, xem mây nước là hư vô, chất chứa trong lòng mà đến, nhưng vẫn có lúc khoáng đạt, hà huống gì bậc Thánh đã đạt đến chỗ sâu xa, rỗng rang trao hư vô cho người mà chẳng lóng tâm tận dục ư? Vì thế người xưa từ nơi Hư vô mà nhập đạo, một hạt cát, một vị Phật, há chưa nhiều ư?

Hỏi: Thần vốn chí hư, vì sao đã nhuần thấm khắp vạn hữu, mà còn duyên với vạn hữu nữa? Lại Hư vốn đã đồng, vì sao còn phân làm Ngu Thánh? Lại nữa đã nói tâm tạo vạn hữu, vậy khi chưa có vạn hữu lấy gì làm lụy tâm để cảm sinh vạn hữu?

Đáp: Thần thì diệu, hình thì thô mà tác dụng lẫn nhau. Dùng diệu duyên thì biết dùng hư duyên với hữu. Hàng phàm phu tuy ngu, nhưng sống ở hiện tại cũng có thể biết được quá khứ, đến nơi này thì nhớ nơi kia. Đó đều là do công năng của Thần. Thế thì tu luyện đến cùng tận, biết được gốc ấy đều hư. Tâm tạo vạn hữu đã luận đầy đủ ở trước. Căn cứ vào ba điều kiện là Thấy, Quán và Thật thì chắc chắn tin như thế. Nhưng thế nào là từ vô thỉ? Bắt đầu của vô thỉ lại có thỉ ư? Việc này cũng như Huyền rồi lại huyền vậy? Trang Chu gọi là “nhiễm cầu”. Hỏi rằng: “Trước khi có trời đất có thể biết chăng?” Trọng Ni đáp:

"Cổ giống Kim". Nghĩa là tuy ở trước vô thỉ, nhưng tìm cầu chỗ khởi đầu của mé trước ấy thì mờ mịt. Giống như hôm nay "nhiễm cầu" vậy! Chỗ khởi đầu của thần minh và Tổ đầu tiên của quần sinh, thì mờ mịt, chẳng thể suy tưởng đến được. Há người học có thể thông hiểu được chỗ đến ư? Phàm bậc Thánh nhất định là lặng lẽ, có cảm sau đó mới ứng. Ý tưởng chẳng thể đạt đến. Tức đã ở ngoài lục hợp thì không lấy gì để cảm, nhưng Thánh vẫn tồn tại mà chẳng luận. Thánh mà chẳng luận thì dân do đâu mà ngộ? Nay cùng nhau đạp đất đội trời, nhưng Thánh tồn tại ngoài đất trời, vậy há có ghi chép hết ư? Như Vũ giúp đỡ thành lập ngũ phục, thâu đất đai, nhưng cũng chẳng hơn chín châu, là vì đạo ấy là con đường thế gian đạt đến! Như bên ngoài cõi xa xôi hoang vu là nơi mặt trời xuất hiện, chẳng phải là nơi mà con người có thể đến, thế thì bậc Thánh đã có điều chẳng nói. Hà huống còn những nơi xa xôi mờ mịt hơn nơi này nữa, há có thể luận bàn đến biên cương được chăng? Nay bỏ chỗ đạp đất đội trời này để cuối cùng đến chỗ chẳng thể bàn, cho nên được nhất thể. Bỏ thần dụng hôm nay mà cầu chỗ khởi đầu khi xưa, cuối cùng đến chỗ tồn tại của bậc Thánh mà chẳng nói ấy, cũng là một lý xuyên suốt, há có thể bàn được ư? Đó đều là do duyên sâu kín tùy vũ trụ vô cùng, mà vật tình cơ cảm thì có giới hạn. Các tâm nhờ có Thánh mà biết, giống như con mắt gặp khi có mặt trời thì có thấy. Như cách xa một vật nhỏ chưa biết khoảng một trăm tầm, nhưng nhờ mắt sáng nương ánh sáng mặt trời mà thấy được. Nay đặt một vật nhỏ bé ngoài một ngàn bước, mục lực hết tầm, không nhờ vào đâu để thấy, nhưng rõ biết chỗ xâu xa, cao rộng không thiếu vật gì. Đâu lại vì mê mờ việc một ngàn bước, mà nghi ngờ vật nhỏ trong một trăm tầm? Nay chẳng thông đạt gốc duyên, cơ cảm của tình thức không đạt đến, chẳng biết lấy gì để hội được Thánh, nhưng biết được bến bờ đạt đến chí đạo không thiếu xót gì. Vì sao do mê mờ chỗ khởi đầu của duyên, mà lại nghi sự biến hóa đã rõ ràng?

Hỏi: Có người nói rằng: Chẳng biết chỗ khởi đầu của duyên, nên chẳng tin Phật. Đó chẳng phải là cơ cảm ư? Vì sao Thánh nhân chẳng nói điều ấy?

Đáp: Nói cơ cảm, nghĩa là mới ôm giữ phần thăng tiến mà lý thì chưa đạt đến, cần phải nhờ Thánh để thông đạt, bấy giờ lý này mới thật cơ cảm. Vì thế ưa thân kẹt nơi Hữu thì dùng nghĩa khổ không để trừ, nhân ái chẳng rộng thì dùng tâm từ vào thân để chỉ dạy. Thể chẳng đồng đến, nên phân lập ba Thừa; nghiệp tu khác nhau nên thành sáu Độ. Bến bờ tùy ứng không một pháp nào chẳng đủ, có thể cho rằng

trước cảm rồi sau mới ứng. Vì thế nghe đạo nơi Linh Thứu, trời người đều vui sướng, mà đạt đạo rất nhiều. Đâu có viễn vông nghi ngờ khởi đầu của duyên, rồi sau mới đạt đến? Lý rõ ràng, dạy đầy đủ, như lời nói mà tu hành, thì chỗ nào mà chẳng đủ. Nhưng nếu còn chẳng tin, rốt cuộc ôm giữ lỗi lầm, nghi ngờ nơi mà Tưởng chẳng thể đến, thì sẽ tổn hại. Có bệnh, đưa thuốc chẳng chịu uống; trúng tên chịu đau chẳng nhổ, lại muốn biết khởi nguyên của thuốc và mũi tên, mà dẫn đến mạng vong, đâu khác gì việc này? Đó đều do từ xưa đã nghi ngờ đạo nên chưa hội được không lời, dẫn đến ngày nay đáng tin mà vọng nghi, thì đâu thể cho là thật lý để cơ cảm; mà cảm từ phi lý vọng nghi. Vậy chắc chắn không thể nào cảm được Thánh mà sáng tỏ.

Phàm Phi ngã mà cầu chỗ mờ mịt, mờ mịt mà cầu ngã; nhất định nên rỗng rang nơi tụ kỷ và thân nên tùy thuận sự biến hoá sâu kín, chí Thành dùng tin mà đến, sau đó mới ngộ, thì tùy ứng mà đi. Do tâm ngộ phát khởi mà cuối cùng có thể được sâu kín cùng tột. Nếu cứ giữ chặt lấy vọng nghi chẳng quay về chỗ tinh thần, thành kính, ắt sẽ đắm chìm mãi trong lưới mê, đâu thể có ngày mai? Thuận nghịch vừa sai thì lên xuống cách biệt, có thể chẳng cẩn thận sao?

Hỏi: Khổng Tử dạy không cần sống để hại đức nhân, sát thân để thành nhân đó là chí nhân, cũng là hạnh Bồ-tát mà kinh Phật đã nói. Lão Tử nói cùng tột của vô vi, tức Niết-bàn rốt ráo, mà chưa từng nói Thần ấy chung cho thành Phật. Há Khổng Lão có chỗ chẳng rốt ráo, muốn cùng với Minh đạo vì hiển vật mà ngăn che cái thật của chí đạo ư? Mối nghi về Không Thật đâu thể không phát sinh!

Đáp: Việc giáo hóa, mỗi mỗi chỉ vì tùy ứng theo đời mà trừ loạn, Khổng Tử hoằng truyền là hợp với đạo trị thế. Hai thiên Thuần Phong và Di Diên soạn ra là để ngăn dứt cái động. Ví như Nhan Nhiễm, Tể Tứ, Y Hĩ, Trang Chu, bên ngoài thì tán dương dấu vết Nho Huyền, để dẫn dắt thể tình đến chỗ cùng tột; bên trong thì vâng thừa cái học vô vi để chuyên cầu Thần lý, thế gian ai biết được? Đến như Nhiễm Lý, Tử Du, Tử Hạ, Tử Tư, Mạnh Kha, Lâm Tôn, Khương Thành, Cái Công, Nghiêm Bình, Ban Từ, Dương Vương hoặc có người suốt đời theo lễ giáo, hoặc tự chung mệnh ẩn dật nhưng không thích Phật pháp, họ đều thiếu duyên với chỗ cùng tột, không thể vượt qua được. Cho nên Khổng Lão mới dùng lời để chỉ dẫn. Từ đây, cơ cảm của họ mới hướng về chỗ đến, nên chẳng thể vượt qua lễ nghĩa. Nho thì hoằng truyền đức nhân, Đạo thì chế phục cái Động đều để dẫn dắt giáo dưỡng, như đã được bến bờ, thì không thuật nào chẳng cùng tột. Tuy từ Lương, vô vi cũng đồng một

dòng như Phật đã nói, nhưng Pháp thân, Nê-hoàn thì không thể nói hết được, cho nên chẳng nói. Vả lại tuy vô vi mà vô sở bất vi (không làm, mà không gì chẳng làm), cùng với Pháp thân vô hình thâm nhập vào tất cả, há chẳng đồng chỉ thứ ư? Do đó Khổng Lão, Như Lai tuy dạy khác đường, nhưng tu thiện thì đồng một vết.

Hỏi: Từ thời Tam Hoàng Ngũ Đế đến nay, cả Khổng Lão dạy tẩy tâm, Phật khai pháp yếu chỉ thấy có người mà dấu tích luận đáp chưa từng nghe qua, là vì sao?

Đáp: Ý nghĩa này tôi đã luận rõ ở đoạn trước, hàng tục nho ngày nay chỉ chuyên biên chép về việc trị thế, còn lời nói xuất thế thì hoặc là tản mác trong các sử sách, hoặc là bị thiêu đốt. Nay tôi lại trình bày điều nghi này. Phàm sách của Tam Hoàng gọi là Tam phần, nói về Đạo lớn. Bấy giờ hiếu từ gồm đủ thì đâu cần chỉ dạy nhân nghĩa, lại chẳng mất sự thuần phác. Như Lão Trang lại hiểu bày như thế nào? Nếu chẳng luận về Thần vốn vô sinh, rỗng không các tánh để chiếu soi chỗ cùng tột, thì lấy gì làm Đạo lớn? Văn này đã mất, người đời ai biết được đây? Tư Mã Thiên nói về Ngũ Đế đều cho rằng: Sống thì Thần linh, hoặc yếu mà có thể nói, hoặc tự nói tên, dùng sự sâu xa, thông đạt, trí huệ như thần, để so sánh. Phàm Bồ-tát Đại thừa hóa hiện mà sinh, sống trên gò Hiên Viên, lên Không Động, đến Thái Sơn, dạo nơi U Lăng, Bàn Mộc, buông chân vượt sóng. Làm sao biết được họ chẳng theo đạo Bồ tát? Đời Ngũ Đế rất dài, Nghiêu tại vị một trăm năm, Thuấn trị bảy mươi năm; trong đó Quảng Thành, Đại Ngỗi, Hồng Nhai, Sào Phủ, Hứa Do, Khoa Phụ, Bắc Nhân và bốn vị ở Cô Tạ đạo phong cao rộng lúc bấy giờ; nhưng trong ngũ điển và các loại khác chỉ có hai Thiên về Đường Ngu, mà rất ít ghi về Tử Trường. Lại cho rằng Bách gia nói về Hoàng đế, văn thì không phong nhã thuần chánh, về các Đại sĩ phu quan lại thì gạn hỏi, chỉ ghi nhiều về các việc đánh giết, còn các việc về trị chánh thì vạn điều chẳng ghi được một. Vậy há sự hưng thạnh của chí đạo chẳng thấy nơi các thiên thiếu sót, mà liền cho là đều hư vọng ư? Nay vị vua Thần minh dạo chơi nơi cõi rộng lớn, dắt bảy thánh tại Cụ Thư, gặp thần nhân nơi Cô Tạ, một đời giáo hóa đâu đủ để nói nhiều? Như chẳng nói đến chỗ tinh của đạo, thì đâu biết được chẳng thông đạt linh Thần ngoài ức kiếp. Quảng Thành nói: Chỗ Tinh của chí đạo thì mờ mờ mịt mịt, đó là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm; người đạt được đạo ta, trên thì làm Hoàng Đế, dưới thì làm Vương. Cũng là tùy sự biến hóa mà lên xuống, hoặc làm Phi hành Hoàng đế hay làm Chuyển luân thánh vương. Người mất đạo ta, trên thì thấy ánh sáng, dưới làm đất, cũng sinh tử trong cõi

trời người. Như cảm được di phong của Đại Ngổi thì gọi Thiên Sư, mà lui, cũng có mười danh xưng. Tự sợ rằng những bậc vô sinh biến hóa, đạo thì thông đạt sâu xa lúc bấy giờ, còn sự nghiệp thì lưu truyền siêu thế, nhưng về sự không làm hưng khởi được cái xưa, mà lý thì theo văn mà mai một. Cho nên những điều mà Bách gia nhặt lấy thì như sáng như tối. Còn hàng đại sĩ phu thì cho là chẳng phong nhã thuần chánh. Nay khiến cho hàng tùy thuận thế tục mà chẳng hiểu sâu về Đạo, y cứ theo sử sách, ngăn che chí lý, theo tình tướng ở gần mà quên mất sự biến hóa cao xa, làm khốn khó tinh thần vĩnh kiếp. Há chẳng đau xót lắm ư? Bá Ích nói về núi sông, cho rằng nước Thiên Độc, người gần gũi nhau và thương yêu nhau. Quách Phác truyện ghi: Xưa nói Thiên Độc tức là Thiên Trúc, là nơi hưng khởi của Phật. Nói ôi tức là ái, cũng là lời giáo huấn Đại từ của Như Lai. Chắc chắn cũng đã nghe nói vào đời Tam Hoàng, Ngũ Đế, sách vở của quốc gia chẳng truyền, thì chẳng cần phải nghi ngờ gì? Phàm trong khoảng thời gian sau Tam Đại đến Khổng Lão, những sách vở ngoài sử không thể tính được. Như Khổng Tử hỏi về Lễ, Lão Tử trả lời, sau Doãn lại hỏi thì lại nói về Đạo. Dẫu hai Thiên không có lời này, chỉ còn trong Lễ Ký, thì người học đời sau đâu thể không cho rằng hàng sĩ phu chỉ biết Lễ Lão, Nho; há chẳng thể hội được đạo ư? Nay sử sách của các đời sau khi đã tản mác trong lúc biến động, về nghĩa lý đã không còn đầy đủ, nhưng đâu thể chỉ dùng chỗ thấy mà đoán định để tuyệt dứt dấu tích của Khổng Lão ư? Như Đông Phương Sóc có thuyết Kiếp thiêu thời Hán Võ Đế, Lưu Hưởng nên bảy mươi bốn vị tiên trong kinh Phật, người học hạn hẹp nhìn vào đó rồi cho rằng Minh Đế chẳng phải khởi đầu. Nhưng người lìa thế theo thần thì nhiều mà rõ, người đạt đến chỗ u vi thì ít mà ẩn. Cho nên âm thầm cơ cảm, thật chẳng hiển rõ nơi vật. Đạo nhân Trừng Công Nhân Thánh vào đời Thạch Lặc Hổ, nói với Hổ rằng: Trong thành Lâm Trung có di tích chùa A Dục xưa, còn hình tượng và Thừa Lệ bàn ở sâu hai mươi trượng dưới gốc cây lớn trong rừng. Lặc Hổ sai người y theo họa đồ đào đất tìm thì được những vật đúng như lời nói. Lại Thúc Phụ của Dao Lược là Tấn Vương, nghe một người già ở Bồ Phản, Hà Đông cho rằng vùng đất của chùa A Dục Vương xưa, thường thấy có ánh sáng phát ra. Nên đến đào tìm, thì được di cốt của Phật cất giữ trong hộp bằng bạc đặt trong một hòm bằng đá, phóng ánh sáng rực rỡ lạ thường, Lược nghinh thỉnh về Kinh đô. Ở nơi Tỳ-kheo Bá Thượng nay thấy có một ngôi chùa mới xây dựng. Do đó mà biết đã có Phật sự ở đất Tề, Tấn từ lâu. Vì thế những điều chẳng nói ở Tam Truyện, thì cũng còn ghi ở Sử của Bảo Tôn Tha-

nh. Tuy không có lời tôn xưng Phật mà việc giáo hóa đã thạnh hành vào đời Tấn ở vùng Giang Tả.

Hỏi rằng: Nếu cho rằng Phật hiện tồn tại, thấu suốt tất cả, có sức oai thần tự tại với các pháp, vì sao chẳng làm rực rỡ tên nhau đến hôm nay, khiến cho kẻ ngu người trí đồng tin ngộ, thần lực chiếu sáng đến người cùng bách để cứu mạng sống oan uổng của họ; mà lại khiến cho hàng quân tử không thấy Phật, đồng chẳng tin, đọa vào nỗi khổ viễn đề? Lại như quân Tần Triệu, trong một ngày bị Bạch Khởi, Hạng Tịch chôn sống sáu mươi vạn người. Xưa nay những người được chọn làm quan và kẻ bị chôn sống chưa hẳn là có duyên lành lớn từ đời trước, mà đều chất chứa đại ác; nhưng không thấy Phật tỏ lòng buồn thương đau xót, khi tất cả đều bị chôn sống trong một ngày, mà vẫn thờ ơ ngồi nhìn sự tàn khốc, không ứng cứu; vậy vì sao gọi là Từ? Duyên chẳng thể che trời, đức chẳng siêu thoát thế tục, vậy không thể cứu giúp; đâu thể gọi là thần lực tự tại bất tư nghị? Lỗ Dương xoay mặt trời, Đam Cung khiến suối bay, Tống Cửu Giang, Hổ Vi Giang, là nơi châu chấu ẩn trốn. Đó đều là do sức của tâm thấu triệt, khiến cho hàng phi đạo thầm thông đạt, hà huống gì thần lực của Phật, làm tiêu dung cái khí của Bạch Khởi, đốt chảy cái tâm của Hạng Tịch để cứu sống hàng vạn sinh mạng dễ dàng. Như khi xưa nhét núi Tu-di vào hạt cải, thể hiện lòng nhân, thí thân cho hổ, cắt thịt cứu chim bồ câu. Nhưng nay tưởng mà Ngài chẳng đến, báo mà chẳng nghe, cầu xin mà chẳng cứu, trống vắng lặng lẽ như hư không chẳng khác. Trong đó cũng có Sa-môn thiêu thân, cũng có kẻ tuyệt đạo làm người cắt dứt sáu tình, có người dốc sức đem hết tài sản cúng dường chùa, tượng. Chỉ thấy đoạt mất tuổi thọ của họ mà chẳng thấy họ được gì! Than ôi, đáng tiếc thay! Nếu cho rằng tương lai mới có cảm ứng, thì sáu mươi vạn mạng kia thiện ác khác nhau, mà chết oan uổng lại đồng thời. Nay thiện ác tuy khác, mà thân sau đâu được hiện thế sai khác? Khác phẩm loại đã là một, thì chẳng mong được phân biệt. Vậy tương lai mênh mông mờ mịt, lại muốn mong cầu điều gì? Hà huống sợ thật chẳng có tương lai. Kinh ghi: "Ngón chân ấn trên mặt đất thì ba ngàn cõi Phật đều hiện, tất cả những người điếc, đuôi, câm ngọng, tù ngục, đau khổ đều được an ổn". Phật đối với những người ở gần hay xa, còn hay mất, có giới hay không có giới đều có tâm từ bình đẳng. Như có tâm này thì lẽ ra hiện sự thống khổ, hiện sự an lạc đồng với chúng sinh. Nhưng kinh thì có rất nhiều lời này, còn sự thật lại không có mảy may ứng hợp. Đâu biết rằng chẳng phải nước kia có bậc siêu xuất thế gian, tạo ra pháp không này để hỗ trợ cho sự bạo ngược. Như khéo luận đàm

thì có tình và sự sâu xa, có mỹ và thuần nghiêm chánh. Người dễ tin một khi đã mất thân, thì cứ mãi mãi nhận lãnh sự bất trắc, mà thế lực ấy không thể đoạn dứt ư?

Đáp rằng: Chẳng thấy đường, nên cho bằng phẳng là hiểm trở; như nhìn rõ con đường thì chẳng thấy hiểm nạn. Phàm thường vô là đạo, chỉ có Phật lấy Thần làm đạo. Cho nên đức và đạo là một, thần với đạo là hai. Vì có hai nên phải chiếu để giáo hóa; vì một nên có thường nhân mà chẳng tạo. Phàm vạn loài mỗi mỗi đều tùy nhân duyên, tự tạo tác từ trong Đại đạo. Nay sở dĩ Phật nói: Các pháp tự tại chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là nói chẳng do duyên số, vượt qua túc mạng mà cưỡng cứu giúp vậy. Vì chúng sinh do vô lượng công năng của Thần dẫn dắt, tất cả đều nương vào bến bờ mà thông đạt cùng tận. Sự chiếu soi của Thần chẳng thể nghĩ bàn. Thí như Hồng Thủy thì dù cho tứ hung có ngu si, cao ngạo cũng đều giáo hóa, Nghiêu Thuấn chẳng thể cải biến, mỗi mỗi đều nương theo bờ vực của nó mà tuôn nước ngập Tứ Hung; nếu có thể hài hòa được, đức ấy há chẳng phải là lớn lắm sao?

Phàm Phật tức là chẳng phải người khác, đó là đạo Thánh nhân, chẳng bỏ việc tục cứu giúp chúng sinh, diễn hóa đối với thế gian quên mình. Đến nơi người mà chẳng dung công, tự vật thành, chính là sự ứng hiện khác lạ của Nghiêu. Phàm âm luật của chuông là do tâm thầm nhận biết, hà huống bậc Linh thánh dùng Lý Thần để so sánh ư? Các bậc cùng nhau âm thầm thành tựu nơi Phật quốc, đều là do chí mạnh mẽ, thần trong lặng tích tập nhiều kiếp mà càng sáng tỏ. Nên đều cảm đến chỗ rỗng rang thông thấu, như Thích-ca phát ánh sáng mười phương đều ảnh hiện chiếu soi, Đa Bảo Phật từ đất vọt lên, Đăng Vương nhập thất ... Há Phật chỉ có hiển ư? Vì ta thấy được vậy! Đến như hôm nay quân tử chẳng sinh vận ứng cúng, nhưng trong cõi nước vua Vũ tích tập đều trái với xưa, cho nên sẽ nghịch với nay. Tuy trong như Di Tề, trinh như Liễu, Lý, nhưng chí khác thì làm sao cảm được mà thấy Phật? Hà huống hôm nay cho rằng từ đây về sau tuy dùng lễ nghĩa để tu thân, vang danh nơi thế tục, tình sâu đậm với người, mà chí chẳng theo đạo, dù là quân tử của loài người, nhưng thật ra là tiểu nhân của cả trời; tôn dung cực linh làm sao mà cảm được? Nếu như tùy duyên mà sinh đến, sáu Độ thật phát khởi từ túc nghiệp, cảm thấy được trong sáng, thì cũng sẽ có người ấy; nhưng đạo tục so sánh nhau lại do đâu mà biết nhau? Thế thì thô hay diệu là do nơi ngã, nên thấy và không thấy khác nhau. Đâu thể vì ta chẳng có dung nghi rực rỡ, mà nghi Phật chẳng tồn tại? Vậy trời đất có linh, tinh thần chẳng diệt đã rõ ràng vậy.

Nay quân của Tần Triệu, Thần và vũ trụ đều đến, tuy có thành bại, trời đất nhưng chẳng diệt mất. Khởi và Tịch đâu thể diệt được sáu mươi vạn thần? Vì Thần chẳng thể nào diệt. Vậy cái diệt mất là thân. Há chẳng nghe Phật nói ư? Thường diệt thân của quần sinh. Cho nên thân bị diệt, mà mạng số lại gặp nơi Khởi và Tịch. Vì sao biết? Phàm đạo trời biến hóa, mỗi mỗi đều có chánh tánh mạng. Đến như gà, heo, chó, dê, mạng của chúng cũng đều là một trong sáu chữ của càn khôn. Người ăn mạng để nuôi thân, bạo ác đồng như nhện giăng tơ vậy. Cọp sói chim ưng nếu chẳng cắn xé thì chẳng sống. Con người như ăn cơm rau mà tồn tại thì rất ngược vậy. Đạo trời chí công, cái quý hiếm nhất là mạng, vậy đâu cho phép làm ngược lại mạng mà ức chế sự âm thầm ứng hợp? Nay sáu mươi vạn người tuy có tốt xấu khác loại, nhưng đều nhẫn tâm ăn thịt quần sinh, e rằng chẳng khác. Vì tốt xấu khác nhau nên chỗ hưởng thọ trong đời ắt khác; vì đồng hại chúng sinh, nên bị chết đồng một ngày. Nay đạo gia nói nơi mà người thế gian sinh đến thì chẳng thể nói được. Đến như Vu Công, Bĩnh Cát, Ngu Di đức ứng đến ngày sau; Nghiêm Diên Niên, Điền Phần, Tấn Tuyên quả báo giết người hiện đời ứng nghiệm. Tất cả đều có ghi trong đời Ngụy Hán, có thể tin nhận. Phàm cứu sống người mà phước lạc còn lưu truyền đến con cháu, huống gì tinh thần làm chủ việc giết cứu, thì sẽ không có họa phước ở thân sau ư? Giết hoại cứu thân người ắt sẽ có báo nơi thân mình, hà huống khai thông hay ngăn chặn thần hóa người mà chẳng cảm lấy hưng phấn hay ... tiều tụy thần của mình sao? Phàm những kẻ mà Diên Niên giết gồm phàm phu tiểu nhân và các người giàu có như Đậu Anh, Vương Lăng, Tễ Mục. Hiền và ngu tuy khác, giàu và nghèo sai biệt nhưng quả báo chỉ là một. Báo đã đến thì không kể giàu nghèo, tướng văn, tướng võ, Tấn Vương đều chẳng khác. Đó há chẳng phải là trời chí công ư? Có tài và bất tài đều là người, về đạo lý bảo tồn tánh mạng không ở tại sang hén! Thế thì chim cá tuy hèn mà tính mạng của chúng cũng trong càn khôn. Xem chim mẹ quẩn quanh, chim con ríu rít, trâu nghe ngóng nơi Cát Lự, dê cơ cảm ở Tây Ba, mỗi mỗi đều chí tình yêu thương đồng loại. Nhưng nay có đàn bà mang thai, trẻ con ở nơi đây mà có xẻ mổ chém, thiêu đốt họ, thì thật là tai ương thống khổ, cơ cảm đến trời. Lại mùa xuân săn bắn những con thú mang thai, đốt nấu chim non, thì theo đạo trời, há chẳng có báo ư? Nhưng nay tướng và lý duyên nhau, vào đời uống máu này thì nghề săn bắn và đánh cá chẳng thể khiến nhanh chóng dứt bỏ, nên nhà bếp của Thánh Vương là nơi giáo hóa; bởi vì thuận theo tâm sát của dân để dứt trừ tai họa giết hại. Như

đến nhà bếp nghe tiếng kêu của con vật thì bất nhẫn; nhân sài lang và rái cá săn mồi mà lập tiết xuân thu tế tự trước khi săn bắn, nên chóng dẹp lưới, bỏ mành, chẳng đúng thời làm thương tổn đến các con thú có thai. Đó là nói lên sinh mạng của loài vật là quý trọng. Mạnh Kha thường tán thưởng đối với chuông có thoa máu của muôn sinh, nhưng khi nghe vua có đức thì liền bỏ sát sinh; như Tiêu Vương vuốt ve con nai để cứu mạng nó. Cho nên người có lòng nhân sâu dày thì chẳng khốn khổ với điều cấm này. Đức Như Lai thông đạt thần, thấu suốt đến cùng tận, nên Ngài đều xem trọng sinh mạng của năm đường. Cấm sát là đầu tiên của các giới. Vua Bình-sa hiện đời thọ báo làm thỏ trắng; Thích-ca ở quá khứ bị chết bởi cá vàng; đó là chỉ rõ thế lực của nghiệp báo mờ mờ mịt mịt, sâu xa mà chẳng lầm lẫn. Nếu đời trước nghe được đạo, kính tin tu tập giới pháp thì nhất định chẳng đọa vào Trường Bình để bị chôn sống. Nếu đã đọa đến đây, nhưng có tin pháp mà thấu triệt được thì cũng sẽ vượt qua được nạn ấy. Nếu duyên giết chúng sinh đến trước thì có quả báo trước; giới đức đến sau, ắt chẳng bị nạn chôn thân đến với mình. Dùng công năng của thần chiếu soi kẻ cùng bức, để cứu vớt các sinh mạng oan uổng, đạo lý như thế, đó là lòng từ cùng tột vậy. Tuy có tâm thiện thế giau, nếu không có tâm đạo, mà phạm tội giết mạng chúng sinh, thì lý đương nhiên sẽ bị quả báo bức bách. Lý của Phật thừa, chân thật là dùng pháp cứu vật, nếu không thực hành theo pháp thì không thể cưỡng cứu giúp. Thí như Biển Thước dùng thuốc cứu bệnh, nếu chẳng tin, chẳng uống thuốc thì bệnh chẳng lành. Đâu thể cho Biển Thức chẳng giỏi? Lỗ Dương, Đam Cung, Viễn Tổ Cửu Giang sở dĩ có thể xoay mặt trời, khiến suối bay, trùng cọp tránh đức, đều là do lòng chí thành cảm động. Thần cảm tức Phật cảm. Nếu vào thời Tần Triệu ắt chẳng hãm vào mạng ấy. Vậy người bị hãm ấy ắt chẳng chí thành, đâu thể cho rằng đặt tâm cơ cảm nơi Phật mà tiêu dung tâm khí của Khởi, Tịch. Dùng chúng thông thần để hợp ngôi nhà giáo hóa. Cho nên núi Tu-di hiện trong hạt cải. Tuy nay làm thân cọp, chim câu, nhưng xưa hẳn là người, từng có duyên gặp gỡ. Cho nên gặp vận tốt của Phật, gieo thân cứu đói, cắt thịt đùi thay mạng. Nếu không có cảm để động thân, dùng mạng bồi thường nghiệp sát, thì đâu được vọng làm tiêu dung tâm khí. Hàng vạn cái chết ấy đều do chính mình tạo ra mà nghi Phật ư? Phàm chí thành, thì tưởng sẽ hiện, báo sẽ nghe. Suy từ việc Chu Khổng cảm mộng tương giao, nói hình tìm thật, cho đến cổ kim lâu xa, núi non cách biệt mà âm thầm đối đáp vô ngại, thì có thể tin rằng chí thành tưởng niệm ắt cảm được Phật Vô Lượng Thọ cùng cảnh giới siêu việt

trăm ức, chẳng cần dụng công. Như thế sao lại nói là đồng với hư không? Phàm Đạo là do luyện thần chứ chẳng phải do bảo tồn hình thể, vì thế Sa-môn cạo tóc đốt thân luyện thần, bặt đứt chỗ đến, nhưng Thần chẳng thể diệt mà còn hướng đến nơi cần đến, há có gá nương ư? Lìa xa đạo lý làm người, 6 tình thì khó lượng biết, sao lại cầu được nơi thân mà làm hại đến thần? Tự cắt dứt thì ngày càng suy giảm tình, chân thật dần dần đến với đạo; cần khổ ra sức quán xét, dốc hết tài sản sinh sống, chưa bao lâu thì có được. Bỗng chốc thân diệt, danh thật đều thâu, thì cũng chẳng ra ngoài Đạo Khoa (tức Phi đạo). Lập đạo quán, thờ thần tượng, lặng lẽ sâu vắng. Hình do đó mà diệu, thần theo đó mà xa. Diệu thì ứng mới trong, xa thì phước mới kỳ. Đạo Khoa và Đạo cái gì hơn? Chóng đoạt tuổi thọ mới được siêu thăng; chuyên tu hành thì trợ giúp thần minh, tạo phước đức thì sẽ hiện ở thân sau, há có thấy chỗ đạt được ư? Nếu việc của người động ắt xuyên suốt đến Thần đạo; vật chẳng hư vong, nhưng cần phải có mới như thế. Ví như quả báo sâu kín chẳng đúng như lời luận bàn ở trên, thì sáu mươi vạn mạng sống vì lý do gì mà bị chôn? Đã vì quả báo mà chôn sống, ắt vì quả báo mà chẳng chôn sống. Người thời Chiến quốc, thông minh thì như An Kỳ, ngu tối thì như Tứ Hạo, Long Nhan làm Đế, Liệt Địa làm vua, danh thơm đức tốt chẳng thể tính kể. Tất cả đồng ở trong cái đích của người mà thôi! Vì sao như thế? Há chẳng phải mỗi mỗi do nghiệp báo đời trước cảm ứng ư? Đã thấy phước thành tựu từ hành vi đời trước, thì hành vi hôm nay không thể phụ thân sau, đã rõ rồi vậy! Hiện đời khác phẩm loại đã là do túc mệnh phân biệt, thì chỗ nhận lãnh của thân sau đâu thể lẫn lộn. Kinh cho rằng khi Phật hóa hiện, đều do lúc trước đã có hội ngộ tốt đẹp, nên hôm nay mới gặp như thế. Nhưng hôm nay không có ứng đều là do không có duyên, mà trái lại vu báng là chí pháp hư cấu. Than ôi! Thần chiếu soi rỗng suốt, ngăn chặn tai ương của Thánh nhân, thật cũng đáng sợ. Dám hỏi rằng: Hư cấu là để cho Thánh nhân, hay cho Hiền nhân hay Tiểu nhân? Thánh nhân không có tâm thường hằng, tùy theo tánh của vật mà giáo hóa, khiến chúng thuận theo. Nếu thân chết thần diệt, thì chỉ cần dùng nho giáo để chỉ dạy đến hết đời, đâu còn việc gì để luận? Mà lại dùng bất diệt để dối gạt, dùng thuyết thành Phật để khinh nhờn? Ví như cạo tóc đốt thân dứt tình chồng vợ, con cháu bị đoạn tuyệt không thể tính kể. Vả lại bậc Minh triết thông đạt nuôi dưỡng chỗ vô thường, hoặc cũng có lúc âm thầm ngăn bít. Hư cấu đâu có lợi ích gì mà còn gây khổ lớn nữa! Như thế thì biết chẳng phải do Thánh hiền tạo lập vậy! Nếu là người ư? Như Phiền Tu, thì cũng quy thân theo Chu Khổng, sợ

hãi dị thuyết, đâu dám vong tạo ra? Nếu từ đây trở xuống đều là hàng tầm thường thì đâu có thể lập tông gia ngoài chín phái, tăng tiến ngoài Lão Trang để chiếu sáng mãi ngàn năm sau? Như ngài Long Thọ, Đề-bà, Mã Minh, Ca-chiên-diên, Pháp Thắng, Sơn Hiền, Đạt-ma-đa-la trong năm trăm năm trước thuật, giảng dạy tạo Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận, A-tỳ-đàm, đều là bậc anh tài thông thần đạt lý. Gần đây có Tôn Xước soạn Tụng, tám bậc hiền là Kỳ Vực, Kiện-đà-lặc..., Chi Đạo làm phỏng theo đó mà soạn Tán. Trúc Pháp Hộ, Vu pháp Lan, Đạo Thúy Khuyết Công Tắc đều là các bậc chói sáng ở Trung Hoa; như ngài Trúc Pháp Hành ở Trung Quốc, người bấy giờ sánh ngài là Nhạc Lịnh. Ở vùng Giang Tả có Thi-lợi-mật, mọi người tôn kính sự siêu tuyệt của ngài. Quách Văn Cử rỗng rang mà thâm thúy chỉ tin phụng Phật pháp.

Từ ngài Long Thọ trở xuống, đâu đều mất thân mà lúc trước nói hàng tầm thường là dối gạt ư? Thế thì việc của Hoàng Diệu Phu Tử, đâu chẳng rõ? Nay ảnh tượng, xương cốt, răng, tóc, pháp khí, uy vũ còn để lại vẫn rực sáng ở bản quốc. Điều này cũng đã chứng minh cho Đạo vậy. Phàm tánh của cõi kia phần nhiều có tài tinh xét, rõ ràng, nhưng tham ái rất sâu, họ đều đứng trước Phật dâng hoa đích thân truyền trao, thế gian tôn kính sự chân thật ấy. Hình tượng, dấu tích, các việc còn để lại trợ giúp việc giáo hóa được sáng tỏ. Cho nên các vua đời sau dạy cả nước tuân thủ giới cấm, bốn chúng cần khổ, đến chết vẫn không xem thường. Nếu lý hư vọng, sự chẳng thật kỳ diệu, thì họ đâu chịu dốc lòng phá dục để tôn kính chỗ vô hình? Nếu hình tượng, sự vật không thật, âm thanh phát ra có đến di thì người đến xưa nay vì sao phải khổ thân lìa dục. Nếu là chỗ cùng tột, người đến lại quay trở về, lẽ ra nên thấy giải đãi, nhưng họ đều là những người dốc lòng siêng năng? Vì thế thì có thể xét rõ.

Luận rằng: Từ xưa sở dĩ thường hiển thị về đạo lý trị quốc gia là vì muốn giữ gìn chỗ sinh, mà khổ là do sinh đem đến, người mê muội chẳng biết. Cho nên chư Phật dùng khổ để ngộ, dùng vô sinh để dẫn dắt. Vô sinh chẳng thể trực tiếp thể ngộ, mà phải dẫn đát thì thiện ác đồng, thiện báo mà càng cao xa thì rộng lớn vô tận, có thể nương gá. Vì thế Đạo ấy rộng lớn như biển xanh, nhỏ không đâu chẳng là bến bờ, lớn thì không đâu chẳng thông thấu. Tuy xa mà cùng với đạo trị quốc giữ gìn cái sinh, trái lại thì cũng giữ gìn ngữ điển của Đào Tiềm, trợ giúp cho lễ giáo. Đời nay sở dĩ dối tạo họa phước nơi đạo trời, giống như Tư Mã Thiên cảm khái vì Bá Di. Khổng Tử há có nói dối ư? Ngài nói tích thiện thì được phước, làm ác thì bị họa, mà Nhan Nhiễm yểu mạng mà

con cháu chẳng nổi danh, cha của Thương Thần chết mà Trang Chu thành hiền bá. Phàm những việc như thế theo lý thật khó thông nhưng lý há có chỗ chẳng thông sao? Thế thì thuyết tạo phước mà thân sau thọ khổ nơi Tam đồ chẳng thể chẳng tin. Tuy hình có mất còn, mà tinh thần nhất định ứng đến hiện đời mà thọ báo, thì đâu có gì khác biệt? Chỉ vì nhân duyên có trước sau, nên đến có mau chậm. Giống như họa phước trong một đời đến sớm hay muộn vậy! Thế thì lời dạy của Khổng Tử, nhờ giáo của Thích Thị mà thông, có thể chẳng cho rằng đạo Huyền cực không biến dịch ư? Phàm lý của con người tản mác, mất còn như huyễn, trong vòng một trăm năm già trẻ đều tận. Tuy tóc bạc lưng còng mà vẫn còn tự biết khoảnh khắc trôi qua, hà huống gì thời gian ngắn? Thời gian thì chẳng dừng, vận thì vô cùng. Đã từ vô lượng vô số kiếp khi xưa, trong một chớp mắt đã đến hôm nay; nay trong chớp mắt đã đến một trăm năm, đâu từng khó đến, mà bỗng chốc đã được một nửa. Phàm cái đẹp của vật đối với thân sương sớm này, giống như không có sự thanh cao thoát tục chân thật vậy. Vì sao phải cam chịu dơ uế nơi hẹp lậu, để uổng phí tinh thần trường tồn mà chẳng tự học theo phong cách cao xa. Tuy là một nhà Danh pháp giúp đời, nhưng đâu không có phần nơi đạo lớn? Chỉ vì mãi lăn lóc trong cõi người, dại khờ nơi đường thế; cho nên chỉ biết nhiều về nhân đạo mà xem thường Thần tưởng. Nếu quay thân với miễu hoang dã, lên đỉnh núi cao, nhìn xa thấy rõ sự rộng lớn của vũ trụ trong xanh, sự kỳ diệu của nhật nguyệt chiếu soi. Thì há chẳng có liệt thánh oai linh tôn nghiêm trong đó sao? Chỉ cần xa lìa nhân quần, bỏ qua việc thế mà thôi! Nhất định sẽ ôm chí cao xa để khai mở tâm tưởng thần đạo, cảm sự tịch mặc để sáng tỏ sự ứng hiện của Linh minh. Khi xưa Trọng Ni soạn Ngũ Kinh ở đất Lỗ để giáo hóa Thiên hạ, và căn nguyên mờ mịt xa xôi của nó, nhưng Thiên hạ và Lỗ đều nhỏ bé, há chẳng phải Thần hợp với tám cực mà siêu việc một đời ư? Thế thì Ngũ Kinh được soạn trong khoảnh khắc ứng với không gian nhỏ bé kia. Vậy thế gian đâu được vì đối lập với Phật pháp mà chẳng tin? Xin hỏi nay chẳng tin vì cho rằng ngoài con người ra thì không có Thần minh ư? Hay cho rằng cũng có Thần minh mà không có Phật? Nếu không có Thần minh mà chỉ có người, thì ai bảo Huyền Ô giáng xuống sinh Thương, ai bảo cảm dấu chân lớn mà sinh Khí? Các đời Hán, Ngụy, Tấn, Tống đều có hiện điềm lành về Thiên mệnh. Cho nên biết ngoài điều thấy nghe, rõ ràng còn có Thần đạo. Có Thần lý ắt có diệu, đạt được sự linh diệu, chẳng do Phật thì do ai làm ra? Phàm nói Thần, tức nương vào Phương Sở mà ứng hiện, chẳng ứng thì chẳng tồn tại. Từ thật mà lập hóa thì đâu

sợ chẳng cùng tận. Há phải cần đến vật hư giả rồi sau mới chỉ dạy ư? Thế thì pháp này thật, giáo này đáng tin, chẳng cho nghi ngờ.

Luận rằng: Quần sinh đều lấy tinh thần làm chủ, nên cái linh của Huyền cực đều có lý để cảm. Như Nghiêu đã cách xa rồi mà trăm thú vẫn còn nhảy múa tán dương đức ấy, đó há chẳng phải là cảm ư? Vậy Phật là gốc của vạn cơ cảm. Trời trăng còn có Lễ sáng tối, nghĩa sóc vọng hà huống gì đạo chúng của Phật. Bậc cao thì thấu đạt được Thần, vượt ngoài nhân thế, bậc Trung thì thọ thân nơi diệu cảnh, bậc hạ thì cũng tránh khỏi ba đường. Việc trị thế mà giáo thế gian chủ trương, chỉ hạn hẹp trong một đời mà thôi. Phàm người đạt được đạo thì ít mà theo thế gian thì nhiều, như thế đâu chẳng từng cùng nhau học theo thế tình mà cao rằng chết thì Thần diệt? Cho nên mới chẳng mong cầu chí cho xa thoát tục, mà phần nhiều theo tình ngắn ngủi, từ đó mà đạo của bậc quân tử suy vi. Nếu dùng Phật pháp mà soi xét thì thân này chẳng phải là ngã, vì chỉ một lần ngừng dứt không thở là xong. Còn tinh thần mới là thân của ngã, vì nó rỗng rang trường tồn không bao giờ mất. Bậc thượng đức thì đức ấy lưu chuyển nơi mình đến vô cùng, bậc trung thì cái tốt đẹp sẽ từ từ thăng cao cho đến cùng tận, bậc hạ thì có cái xấu, nên mới có đường khác tự sửa đổi, có thể cải lỗi mà chuyển lên trên. Vì thế từ xưa trong cái tình thô, làm trong sạch mình, ôm chí cao xa chỉ mong thực hành hôm nay để định cho nghiệp mai sau, mà đạt xa hơn bậc chí đức thì nhiều không thể kể hết, đó là hiệu nghiệm của Phật pháp vậy. Đó là chỗ bế tắc của thế gian, chỗ khai thông của Phật pháp. Đạo ấy như thế, há chẳng rộng lớn mênh mông mà diệu kỳ có đường thông ư? Vậy vì sao lại bỏ qua mà không tin phụng? Phàm gió thổi qua lửa thì reo, thổi qua rừng thì mát mẻ, nước xao động thì đục, lắng đọng thì trong sáng. Dụng của Thần được hay mất thì cũng còn nơi nương gá. Nay chẳng tin Phật pháp, nên chẳng có phần là lẽ tất nhiên. Bởi vì trụ nơi ý thì như thế, thử lìa xa tâm nơi thế vật, chuyển đổi thành trong sáng vi diệu thì Lý Phật sáng tỏ, sự Phật đều đáng tin. Như thế chẳng khéo trụ nơi ý ư? Nhờ sự tin hiểu này mà cho đến cuối cùng sẽ được Vương đạo Thần đạo, sự nghiệp trăm đời trước đều có thể thành. U hiển đều vĩnh viễn được cứu độ, đó là đại hiếu; chúng sinh đều thấm nhuần lòng nhân, đó là chí từ; ngưng thần độc diệu, đó là cực đạo; rỗng suốt vô ngại, đó là tận minh vậy. Khai phát tâm của người tầm thường, đi đường phải theo dấu xe, thì dầu trải qua vô số kiếp thì cuối cùng ắt sẽ đạt đến chỗ rốt ráo huyền diệu. Kỳ diệu như thế, mà các ông trái nghịch với dấu, lạc mất đường đi, ngơ ngác loanh quanh đi mãi rồi vĩnh viễn chìm vào chín

cõi, chẳng đáng buồn ư? Nếu chẳng như thế, vì sao lại nuôi Hiền Thánh mà lại dưỡng kẻ ngu hèn? Trên là chư Phật, dưới đến bò, bay, cựa, động đều là do thế được mất về tinh thần. Nay con người với thân máu thịt già chết, thọ trong mấy kỷ này mà ban đêm đã chiếm hết một nửa rồi, các duyên bệnh, tang làm khổ nửa đời khỏe mạnh, trong đó hiển vinh, vui thú, đắc chí chẳng được là bao. Nhưng lúc tráng niên chẳng được vinh thì ắt là sự nhục, vui thú đi liền với lo buồn, nên cũng chẳng hoàn toàn là khương thái. Như thế mà tranh nhau bước vào con đường hiểm thế tục, đi ngược lại con đường thênh thang của Phật pháp. Đâu như người trí? Người đời vì chẳng đạt được duyên bản mà mê mờ Phật lý, thật cũng rất nhiều. Phàm duyên khởi thật mênh mông, truy tưởng chẳng thể đạt đến. Như mất đi chỗ dựa then chốt của sự chứng đắc, sẽ không có lý gì để cơ cảm được. Tức ngoài Lục hợp (vũ trụ) có Phật tồn tại mà chẳng luận ... như đã nói đầy đủ ở trước.

Đến đây xin được trình bày lần lượt tiếp. Phàm Thánh nhân tạo Kinh Dịch, trời hiện ra Tượng, thì những việc trị, loạn, hung, kiết có thể xem mà biết được. Nhưng truy tìm nguyên nhân của các trạng thái ấy, nếu Thánh nhân chẳng nói thì chẳng biết. Nay dùng cái chẳng thể biết để phế trừ cái có thể biết. Nghịch xem thì trái với trời mà động, há có điều chẳng quên ư? Chẳng thể vì chẳng biết Duyên Khởi đầu mà trái với Phật pháp cũng giống như vậy. Lại chẳng vì không nhớ ý của thân trước mà cho rằng thần chẳng tồn tại. Phàm con người lúc trong thai đến khi thành đứa bé, chẳng được cho là không có tinh thần. Trong cùng một thân, mà nay suy nghĩ còn mờ mịt chẳng nhớ, hà huống đã trải qua nhiều lần sinh tử, thay đổi nhiều thân. Khi xưa nhớ đâu thể chẳng quên. Chỗ nhớ đã quên mà không làm hại đến sự trường tồn của thần, thì chẳng đạt duyên đầu tiên cũng đâu ngại gì lý thường sáng tỏ. Tử Lộ hỏi về sự chết, Khổng Tử nói: “Chưa biết sinh, làm sao biết chết”. Hỏi về phụng sự quỷ thần. Khổng Tử nói: “Chưa biết phụng sự người, sao biết phụng sự thần quỷ?”. Đâu chẳng vì nguyên do đó, mà tận lực với hiếu dũng, dốc chỉ phụng sự vua. Nhất định cần phải dùng một đời đạt đến gốc của sinh tử quỷ thần. Tuy nói có hỏi, nhưng chẳng phải là thật lý cảm nên. Cho nên Tánh và Thiên đạo, chẳng được nhà Phật nói đến. Giống như là câu hỏi sau: Chúng sinh hữu biên hay vô biên ... bậc Nhất Thiết Trí đã bỏ qua không đáp. Thật ra như đáp thì đã không có lợi ích mà khiến họ đọa vào tà kiến. Thế thì đạo theo Thánh thờ Phật, chắc chắn phải cảm tạ chỗ im lặng đó và hưởng thọ chỗ ứng hiện đó. Như người khát uống nước sông, lấy nước trên dòng rộng lớn để no bụng,

đâu cần phải tìm đến tận nguồn ở Côn Sơn? Phàm trong Phật pháp, nếu trái với trời thì ngại lý chẳng thể nắm bắt được như thế, thì đáng nghi. Nay không có chỗ ngại chẳng thể nắm bắt được như thế, mà chỉ có sự thật thuận trời đạt thần, thì há chẳng thật như thế ư? Phàm người sinh thì mối lo cũng sinh theo, hoạn họa phát khởi nơi thời và Sự, tai ách sinh ra từ chốn tối tăm. Dù phú quý vô lượng, đồ chúng hàng trăm vạn, cũng chỉ có một hình và thần ngồi đợi vô thường đến, người nhà kêu gào, vợ con khóc lóc, bỗng chốc chìm đắm mịt mờ, hốt hoảng, thân người đâu đủ để gá nương. Vì thế thời gian trôi qua rất nhanh, cần phải mạnh mẽ, xa hoa thì mất sự minh hóa, phóng túng dục tình, xa xỉ thì có hại. Thần đã chẳng thể diệt, cần diệt chẳng thể được mà sẽ theo tội thọ thân. Nay các chúng sinh tầm thường, trùng kiến, dế giun vạn loại ... đều được ân cần soi chiếu, vì chúng mà toan tính, chỉ cần có tâm chí thành tin Phật, tu giới để cứu giúp tinh thần. Sống thì nhờ vào Linh lúc chết thì được trong sạch siêu thăng, siêu thăng đến vô cùng thì làm Phật. Phật hẳn đã nói như thế, mà người lại xem thường, vì sao đoạn làm người để làm Phật? Chẳng thể làm Phật, thì sẽ chẳng đọa vào nơi ác, vĩnh viễn chịu cực khổ ư? Than ôi! Lục cực (sáu hạng người cực ác). Khổ độc mà lại sống, vì vậy khổ nảo chẳng dứt. Người nghe thấy tinh tấn mà chết vì vậy kẻ chết mới nhiều. Người có thần ý an định mà có nguy cấp, nếu nhứt tâm niệm Quan Thế Âm, thì đều được cứu độ; tất cả phù hợp với điều gọi là “Sống thì nhờ linh thần đến chết thì siêu thăng” đã nói ở trước. Phàm làm bậc quân vương, mặt trời đã xế bóng mà chẳng kịp ăn, suốt một đời trị quốc luôn làm chỗ nương tựa cho muôn dân, thế thì lấy gì để tăng trưởng tinh thần mà làm vua vạn loài? Nay theo Chu Khổng để dưỡng dân, học Phật pháp để dưỡng Thần, thì sống làm Minh hậu (vua anh minh), chết làm minh thần mà thường trị hóa; vậy Như Lai đâu xem thường Ngã? Chẳng nên lập nhiều chùa tháp, đúc tạo nhiều tượng, nuôi dưỡng tăng xấu ác để hao tốn tiền tài, làm hại nhân dân. Đối với vật thì chẳng nên từ xa nhìn cái chân thật, rồi nhìn gần thấy chỗ xấu mà cưỡng hủy nhục. Như thế mới tôn kính Đạo, tôn phụng đại giáo; ngộ vô thường, không sắc, có tâm từ rộng khắp, chẳng nên trọng giàu khinh bỏ sinh mạng loài vật; không thuận theo kẻ tiểu nhân, trộm mặc y phục phi pháp; đó há chẳng phải là dùng Đức để dẫn dắt, dùng lễ để cứu giúp, khiến Thiên hạ trở về với nhân càng nhiều sao? Khi còn nhàn hạ và tấm thân quê mùa này, đâu có gì đáng tiếc, mà chẳng tự cứu tinh thần của mình? Khi xưa Hòa thượng Viễn tu tịnh nghiệp ở Lô Sơn, tôi có đến đó nghỉ ngơi năm tuần (50 ngày), thấy ngài là bậc cao khiết, cần khổ,

lý học rất tinh thông, chắc chắn sẽ lưu truyền lâu dài. Thầy của ngài là Pháp sư An cũng có linh đức kỳ diệu, các tỳ kheo tập hội đồng giữ Thiên chân, tất cả đều cùng nhau sớm hòa hợp với Đạo, nhưng sau một mình vào trụ nơi núi cao. Vì thế sự giáo hóa của thần minh vào sâu nơi rừng núi. Bỗng nhiên ngài nói với tôi rằng: “Trong khoảng núi rừng khe suối mờ mịt này mà có người đến, lời nói làm phép tắc để chấn chỉnh người, chính là ở luận này”. Đó là Hòa thượng y cứ vào yếu chỉ của kinh mà nói vậy. Phàm người khéo tìm cầu thì nhân dấu chân chim mà tạo chữ viết; thấu đạt thần minh cùng người khen ngợi, một lời của Đề Oánh mà nghiệp Bá Thành, nhục hình trừ bỏ; cũng có người bỗng nhiên cơ cảm mà cuối cùng đạt đến cao xa.

Nay dùng lời thô lậu này để kích phát chỗ cơ cảm ấy, đến khi bỗng nhiên thân diệt, thì đâu biết chẳng do đó mà được siêu thăng?

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 3

4. DỤ ĐẠO LUẬN

(Tôn Xước soạn)

Như có người nghi Chí Đạo, thì hiển dụ họ rằng:

Thiên hạ bao la, vạn loài đầy khắp, thiên biến vạn hóa mờ mịt chẳng có mối manh. Vì thế hàng có thức tình bốn phương mỗi mỗi đều mong có sở kiến, vậy loài mai vảy thì chẳng biết việc trên đất, loài lông cánh thì chẳng rõ thế lực của dòng nước; chỉ biết ở giếng ao thì kinh sợ với cái lượng rộng lớn của biển khơi; bay cao được vài trượng thì nghi ngờ sức mạnh vút trời; trói buộc trong thế giáo, chỉ xem dấu vết của Chu Khổng rồi cho rằng Nghiêu Thuấn là tận cùng của chí đức, Lão Dịch là tận cùng của diệu ngôn mà đâu thấy được chỉ thú kỳ diệu ngoài thế gian, sự chiếu soi siêu tuyệt trong hoàn vũ. Buồn thay! Giống như mũ của Nho sĩ bỏ nơi kẻ lõa hình; nhạc Thiều, Hạ mà trao cho người thô lậu; chí chân bị tuyệt nơi kẻ buông lung, Đại đạo phế nơi kẻ ngu si. Nếu đã cùng mê mà chẳng biến cải, thì lời lẽ dụ dẫn cũng chẳng thể cảm hóa được. Nay thử luận về chỉ thú này, ngỏ hầu có người ngộ nơi đây!

Phật là người thể hội được Đạo. Đạo tức dẫn dắt vạn loài, ứng cảm thuận thông, không làm mà không gì chẳng làm. Không làm, nên rỗng lặng tự nhiên; không gì chẳng làm nên, mới thần diệu giáo hóa muôn vật. Vạn vật mong cầu có cao hèn chẳng đồng, nên thuật giáo có tinh thô sai biệt. Ngộ được Thượng Thức thì nêu Tông bản; như người chẳng thuận mà còn gây họa như uống rượu thì bị trói thân, dâm tà thì phạt nặng, trộm cắp thì bị đánh, ba tích năm hình nếu phạm thì chẳng tha. Đó là pháp thường của các vua chúa do Tể Mục nắm giữ. Nếu bậc Thánh vương ra đời, trăm quan đều sáng suốt, thì các tội nhân kể trên ắt bị xét xử đến cùng tận, mà không có đất ẩn trốn. Khiến kẻ gian ác không thể tự do phóng túng. Thế thì quốc gia không nghịch với nhân dân, mà hàng hiền thiện ắt được trọng dụng làm quan vậy. Vả lại vua

anh minh, bầy tôi chí công thì đời an bình, thạnh trị. Lại còn làm cho thiện ác phân minh; thẳng cong chẳng lẫn lộn. Hà huống chỗ đến của thần minh mà không có xa gần, tăm tối, thông minh, chánh trực, phạt ác, giúp thiện ư? Cho nên một chút công lao, mảy may tội lỗi, thì thời kỳ báo ứng đến không bao giờ sai lệch. Xem những bằng chứng về họa phước từ xưa đến nay, đều có nguyên do, năm tháng, quê quán rõ ràng, há có giấu giếm ư? Đó là những gì? Như kẻ thường có âm mưu thì con cháu chẳng được hưng thịnh, làm tướng ba đời thì Đạo gia cúng giỗ lớn. Đó chẳng phải là do trong chiến trận hung hiểm giết người nhiều dẫn đến sao? Như Ngụy Khỏa theo di mệnh mà báo kết cỏ; Tử Đô giữ tín mà được ban cho ngựa quý; Tề Tương đổ tội cho người mà bị họa té xe; Tấn Huệ bỏ Lễ, nên gặp khốn ở Tế Hàn. Đó đều là ứng nghiệm về người chết báo người sống. Đến như Tuyên Mạnh Thương Ế Tang đói khát, Phiếu Mẫu cảm Hoài Âm mệt nhọc, mà dùng một bữa cơm cứu lúc đói rét; cho nên sau Triệu lại được ân bãi binh, Phiếu Mẫu được thưởng ngàn lượng vàng. Đây là tạo một mà báo gấp vạn lần, chẳng vượt ra ngoài thế gian. Cho nên lập đức trong chỗ mờ mịt, mà phước báo hiển lộ ra vạn vật. Âm làm dương hiển là thế lực tự nhiên vậy. Thí như gieo hạt trên ruộng sau đó thâu hoạch nhiều gấp trăm lần. Đất và hạt không có tình đối với người, mà lợi tự nhiên đến.

Có người gạn hỏi rằng: Việc báo ứng, thật có bằng chứng, vì sao giáo của Chu Khổng chẳng bảo trừ bỏ sát sinh mà để Thiếu Chánh thọ hình, Nhị Thúc bị tru diệt?

Đáp: Có thể nói ông mới biết được giáo thanh chứ chưa đạt được giáo tình, cho rằng Thánh nhân có tâm giết hại ư?

Không có!

Đáp: Ông thật biết Thánh nhân không có tâm giết hại. Giết hại là tâm của bá tánh. Phàm thời thay thế đổi, vạn vật có tốt có xấu. Trước khi Kết thằng (đời Thượng cổ, thắt dây thế văn tự) thì thiên hạ thái hòa. Đến thời Đường Ngu mới lập Lễ Pháp, đến Tam Đại thì chế định hình pháp kỷ cương rõ ràng. Đao phủ tuy nghiêm mà còn chẳng thể trừng trị. Đến như vua tôi chém giết nhau, cha con tàn hại nhau, ăn nuốt lẫn nhau, thật quá loài lang sói. Bậc Thánh biết sự cố chấp của tánh người, đối với việc sát sinh không thể dứt trừ trong sớm chiều, nên từ từ chế phục để cầu đoạn tuyệt. Giống như rắn rết độc cắn vào chân, phải mau chóng chặt chân để bảo toàn mạng sống. Bệnh ung thư nhiễm vào thân, phải giết bỏ để cứu nhiều mạng, mất một cứu giữ mười, cũng là quyền biến khinh trọng mà thôi. Cho nên xử chém phải thi hành vào mùa thu

đông, đó là thuận thời sát. Mùa xuân săn bắn, mùa hạ gieo cấy cần phải loại trừ những loài vật có thai. Vào ngày Lễ Tam Khu, nếu chim đến phải giấu cung tên, nghe tiếng kêu, thấy thịt đem đến thì chẳng ăn, đánh cá thì chẳng quăng lưới lớn; bắn thì chẳng bắn chim ngủ ban đêm. Phàm đối với các loài côn trùng phải có lòng trắc ẩn. Đến như lúc đoán ngục thì nên miễn tội chết; lầm lỗi nên tha bổng. Hình án nào còn nghi thì nên giảm nhẹ, cho đến nguyện làm mất tội danh. Khóc mà hạ búa, buồn bã xót thương, chớ nên vui mừng. Ân sinh dưỡng phải dốc lòng, đạo nhân ái nên tận sức. Còn như làm thì chẳng cậy, lớn mà chẳng tự cao. Đức gồm đủ mà nên cho rằng công chẳng ở nơi mình; hằng ngày sử dụng mà muôn vật chẳng hay. Nêu những điều này để cầu, thì đủ làm cho người ngộ được mà trở về.

Hỏi rằng: Chu Khổng bảo nên sát đúng thời, còn Phật thì muốn đoạn tuyệt, như thế lấy gì để trừng ác trị gian, lãnh đạo quân sinh.

Đáp: Chẳng đúng! Chu Khổng tức Phật, Phật tức Chu Khổng. Đó từ trong ngoài mà gọi tên. Cho nên ở ngôi Hoàng đế thì gọi là Hoàng, ở vị Vương thì gọi là Vương. Phật là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là Giác, Giác nghĩa là ngộ được vạn vật. Giống như Mạnh Kha gọi bậc Thánh là Tiên Giác, cũng cùng một ý nghĩa với ở đây. Ứng thuận thế gian, làm phép tắc cho muôn vật, lại cũng tùy thời nghi nữa. Chu Khổng cứu chở cực xấu ác, còn Phật thì luận rõ về căn bản. Cùng một giáo mà có đầu đuôi khác nhau, như bậc Thánh của ngoại giáo có dấu tích sâu cạn vậy. Vào đời Nghiêu Thuấn thì thiên hạ vua thái bình, cho nên hai nhường vị, thời Thang Võ loạn lạc nên hai đế tranh nhau. Im lặng và xao động, dấu tích của nó ở tại Hồ và Việt, nhưng nguyên gốc của dấu tích ấy đâu từng có bờ mé? Cho nên nghịch cầu thì thường thấy có hai, mà thuận thông thì không đâu chẳng là một.

Hỏi: Giáo của Chu Khổng lấy hiếu làm đầu. Hiếu đức là gốc của trăm hạnh. Gốc lập thì đạo sinh, thông đến thần minh. Cho nên con cái phụng sự cha mẹ, lúc sống thì hết lòng cung dưỡng, khi chết thì chí thành cúng tế. Trong ba ngàn tội, không tội nào qua tội tuyệt tự. Thân thể ta là của cha mẹ, chẳng dám làm thương tổn, vì thế Nhạc Chánh bị thương nơi chân mà suốt đời hổ thẹn. Nhưng đạo Sa-môn xa lánh chỗ sinh ra, lìa thân theo sơ, cạo bỏ râu tóc, hủy hoại dáng mạo trời ban. Sống thì không dưỡng nuôi, chết thì không tế tự, xem cốt nhục song thân như người qua đường, trái lý tổn tình không đâu hơn đây, mà nói là hoằng đạo, trải lòng nhân, rộng cứu quần sinh? Như thế đâu khác gì chặt gốc rễ, mé cành lá mà nói là không mất đi sự xanh tốt? Chưa nghe

nói da đã không còn mà lông sẽ mọc! Rất trái với thế giáo, ông lấy gì để trừ dẹp đây?

Đáp: Thật là điều quá mê hoặc của thế tục, lầm lẫn lớn của điên đảo kiến, xin được luận bàn mà chẳng thể im lặng vậy. Phàm cha con một thể, vì mạng đồng. Cho nên mẹ cắn ngón tay mình thì tim con co thắt, vì đồng khí mà cảm nên, chỗ đồng không gián đoạn. Như chỉ làm tâm mẹ được an vui tức đã tận hiếu. Cha thịnh thì con quý, con quý thì cha tôn cho nên hiếu là quý. Quý có thể lập thân, hành đạo, vĩnh viễn làm rực rỡ cha mẹ. Nếu cứ ra sức ôm giữ ngày làm ba con bò, mà chẳng khiến vạn vật tôn quý mình, cả đời ta nhờ đó để cung dưỡng cha mẹ thì cái vinh ấy rất gần vậy. Phàm duyên chính cho là Kinh, giữ lòng nhu là Thường, hình danh đều Tuyệt, Người thân và Ngã đều quên, đó là đạo phụng dưỡng cha mẹ. Đã nói về Tông rồi, bây giờ vì ông mà luận đến việc kế tiếp. Phàm Trung và Hiếu chẳng thể đồng lập. Như Dĩnh Thúc trái vua mà Kinh Thư khen là thuần hiếu. Thạch Thạc giết con mới toàn được tiết nghĩa. Tả Truyện ghi: "Con làm quan, cha dạy lòng Trung, ghi tên vào thẻ, trao hình cho vua, cả hai nên sáng tỏ!". Thế thì ung dung chết nơi triều đình thì bỏ đạo làm con vậy. Vì sao bị nguy ách trao cho thân mạng mà nguyện chẳng đoái hoài đến cha mẹ, đều có tên ghi trong sử sách. Về sự thì nêu hiếu làm đầu, mà người ghi chú há lại cho bất hiếu là tội? Cho nên ngạn ngữ có câu: "Cầu trung thần ắt phải đến nhà người con có hiếu!" rõ ràng tuy phạm một trái nghịch nhỏ với việc này mà đại thuận với việc kia. Hài cốt bỏ ngoài biên thùy mà Vũ chẳng bảo đem về; nếu như bỏ lệnh của Nghiêu để tìm cha, thì mất chí công ở nơi riêng tư. Đó chỉ là một điều thiện nhỏ, chưa phải là to lớn, cao xa. Như Tần Ba đời Chu lìa bỏ cha mẹ đến một nước xa xăm, cạo tóc vẽ mình, cha mẹ còn mất cũng chẳng trở về mà luận, cho là chí đức, Thư ghi là Đại hiền. Thật ra ông ấy đã bỏ ngôi vua tôn kính để giữ cái linh hư cao quý. Công lao ba lần nhường thì xa, tội làm thương tổn thì nhỏ, cho nên ông mới thay đổi lớn về tập tục của Di, truyền phong hóa, dạy dỗ dẫn dắt. Bá Di, Thúc Tề cùng nhịn đói ở Thủ Dương không thương hậu duệ của Cô Trúc, Trọng Ni cho là hiền nhân. Người luận đúng đắn, đâu thể nói đó là mất đức? Cao Hành đời Lương hủy hoại dung nhan để thủ tiết. Bá Cơ đời Tống vì thuận lý mà quên thân, danh đứng đầu liệt nữ, đức làm mô phạm cho các bà. Nêu hai người nữ này lên để tránh sự chê bai của người ngu muội vậy. Kể ra các việc trên thì chỗ khinh trọng giữ lấy có thể biết được. Khi xưa Phật còn là Thái tử, đã bỏ nước nhà mà tu đạo, Ngài cũng muốn bảo toàn thân hình để tu đạo, nhưng sợ rằng

không tránh được những trói buộc, nên mới cạo bỏ râu tóc, thay đổi áo quần. Vì bên ngoài biểu thị sự bất cập, bên trong cầu giản dị, nên mới bỏ cung điện đẹp đẽ, mà sống nơi rừng núi, vất long bào mà mặc da thú; kết cành cây làm nhà, nhờ vào cỏ làm đệm, bỏ lược gương phiền toái, dẹp nước nóng nhọc nhằn, ghìm dây cương rong ruổi, đóng cánh cửa dục động; mắt thôi nhìn sắc đẹp, tai bặt tiếng dâm, miệng quên ngọt đắng, ý chẳng vui buồn, tâm lìa các khổ, lòng chỉ ôm một, đó là hồn phách, trong niệm hơi thở, một sổ, hai tùy, ba chỉ, bốn quán, năm hoàn, sáu tịnh; tưởng quán Tam Tứ Thiền, xuất nhập mười hai môn, Thiền định lặng lẽ, núi dừng sông cạn, thần như tro lạnh, thân như cây khô, ngồi lặng sáu năm mới thành đạo lớn, hiệu gọi là Phật, đầy đủ ba minh, trọn vẹn sáu thông, thành Chánh giác vô thượng. Thân cao trượng sáu, có ba mươi hai tướng quý cùng tám mươi vẻ đẹp, lại thêm thần túc vô ngại. Bấy giờ Ngài bước ra ngoài ba cõi, tự tại giáo hóa trong cảnh giới vô tận. Nào xoay trời, chuyển đất, làm núi chạy sông dừng, mắt còn chớp mắt, thần biến cao xa. Nơi ý đến không đâu chẳng thông, làm phép tắc lớn cho quần tà, chuyển họ trở về đường chánh. Ma quân, Tiểu đạo thấy đều tuân phục. Lúc bấy giờ trời trong đất thấm, vạn loại đều được an hưởng. Loài trùng kiến được nước linh dưỡng dục, cây cối héo khô trở lại tốt tươi. Ngài lại trở về bản gốc rộng chuyển pháp âm, phụ vương cảm ngộ, liền đến đạo tràng. Làm hiển vinh cha mẹ như thế, có tâm hiếu nào bằng? Bấy giờ hàng hậu học cảm ngộ lời giáo huấn sâu rộng, tư duy đến phép tắc cao xa; tất cả đều do cha mẹ đồng lòng ưa thích, trước vâng theo tâm hoan hỉ rồi sau mới khiến cảm ngộ. Nếu có anh em thì cũng giáo dưỡng chứ chẳng bỏ. Như thế đã hoằng truyền được nghiệp lớn mà ân đức chẳng suy. Lại còn khiến người chết được phước sinh về cõi trời, chẳng cần phải lo tế tự theo thế tục. Đó há chẳng phải là ạo Hiếu thiện gồm thông ư?

Phàm nhà bên Đông giết trâu, nhà bên Tây tế tự, nhà Ân thích lúa thóc, nhà Chu chuộng minh đức. Việc hưng suy ở đây hiển lộ rõ ràng nhất. Đức Phật nói mười hai thể loại Kinh, trong đó có bốn loại chuyên nói về việc khuyên hiếu dưỡng, chỉ thú rất tha thiết có thể cho là cùng tột. Nhưng người đời chẳng biết nguồn gốc, chưa bước đến đạo tràng rồi lộng ngôn vọng thuyết sinh tâm phản bác. Dùng cái thấy biết của đom đóm mà nghi sự rực rỡ của trời trăng, với giọt sương trong kẽ lá mà ngờ lượng nước của biển sâu. Dùng lưới vu báng để luận biện, lấy sự ương ngạnh để nổi danh, thật có thể nói là khinh khi bậc Đại nhân, xem thường mệnh trời như vậy.

Cư Sĩ Tông Bính đáp thư của Hà Thừa Thiên gạn hỏi về Bạch Hắc Luận.

Thư Hà gởi cho Tông.

Gần đây tôi biết được Hiền giả qua thơ của Trung Lãng, trong thư nói Túc hạ siêng năng với pháp sự Tây phương. Hiền giả có chí lớn, đâu cho vạn kiếp là xa, chỉ hận cuộc đời quá ngắn không cách gì lường được cái Linh minh vậy. Nay có tạo nhân Huệ Lâm ở Dã Thành soạn luận Bạch Hắc bị chúng Tăng tẩn xuất, may nhờ gặp được minh chúa khéo cứu giúp, mới tránh khỏi tội Ba-la-di. Đã làm Tỳ-kheo thì chẳng nên luận điều này, còn hàng Bạch y vì sao chẳng nói? Túc hạ thử xem, hai nhà ai đúng, còn tôi rất mờ mịt, mong có vài lời khai ngộ quý báu!

Hà Thừa Thiên kính ghi. Tông Bính phúc đáp Hà Thừa Thiên.

Bộ luận Bạch Hắc của Huệ Lâm mà ngài gởi cho tôi thật văn hay ý đẹp, nhưng tôi còn mờ mịt chỗ nói về Chiếu Lý, chưa đạt được ý ấy. Đã nói: "Lý sâu kín chẳng cùng tận với nhân sự (sự động loạn, hay hành vi của con người), Chu Khổng nghi nên chẳng luận, Thích Thị Luận mà chẳng thật", thế thì lý sâu kín ngoài nhân sự kia là trống rỗng như hư không, hay còn có thần minh? Nếu trống rỗng như hư không, vì sao Lão Trang đều nói có thần minh? Nếu đã có thần minh, vì sao lại đoán là chẳng thật, như Phật nói? Nay cùng nhau tại cõi của người thường, tính toán việc gần gũi mà còn sai lầm để rước lấy tai họa, cho đến việc thô lậu như cờ bạc mà còn phải chú tâm nghiên cứu, hoặc cho rằng sinh rồi tử, hoặc cho tử là thật sinh. Trong các việc gần bên, chưa thấy việc gì thường còn mà chẳng mất. Vì sao quyết đoán trong chỗ mờ mờ ngoài trời đất, vượt ức kiếp, mà cho điều luận biện là không thật? Nếu suy cứ đến sự mà không đạt được chỗ chân thật, thì có thể nghi. Nay thân người thì quá thô, tinh thần thì chí diệu. Vì hình tùy theo thần, thì đâu thể đồng dứt tuyệt chỗ cơ cảm của tâm, như thành đổ, sương rơi, cầu vồng xuyên qua mặt trời, sao Thái bạch phạm đến sao Ngang, khí do chú thuật tạo che phủ; tâm tạo nước lửa thì lạnh nóng liền theo. Hà huống nay dùng cái trí cực sáng, cái chí cực thuần, chí thành thấu triệt cơ cảm để thọ thân. Lại sinh vào cõi bảy báu, thì vì sao chẳng cho là thật? Lại nói: "Chặt một mảy may của cây thì chẳng làm thương tổn đến sự mát mẻ của bóng cây, chất đống trong nhà trống cũng không làm mất vẻ đẹp của sự cao to tráng lệ của ngôi nhà. Gấm quý nhờ màu sắc mà rực rỡ, canh ngon phải dùng muối mơ làm chính", để ngăn bớt giáo thuyết bản vô, thì chẳng đúng vậy!

Kinh Phật nói Bản vô chẳng phải nói cái do các duyên hòa hợp

là không. Vì bóng mát hay sự cao lớn tráng lệ ấy tự có thể nơi vật, nên gọi là Hữu đế; vì tánh vốn không, nên gọi là vô đế. Tuy tôi chưa rõ hết lý Phật, nhưng lời này rất rõ ràng đúng như thế. Những cái Hữu thiên biến vạn hóa xưa nay, bỗng chốc trở về không, lại đang lúc Thịnh Hữu đâu chẳng phải là Thường Hữu, nhất định là thật của không, cho nên bỗng chốc mà được không ư? Cũng như Huệ Tử nói: "Vật vừa sinh liền tử, mặt trời vừa trưa liền chiều". Tử và chiều đã luôn dự biết trước khi chưa sinh, chưa trưa. Nhưng người ngu chẳng biết lý này, chỉ thấy lúc hiện hữu; nên Tề Hầu thâu lấy chỗ dư của họ Sàng Cưu, giả dối luyến tiếc sự vui thú. Bậc hiền thì tâm và lý là một, cho nên Nhan Tử gần như Từng Không, tức có mà như không, thật mà giống hư. Từ Nhan Tử về sau, mỗi mỗi tùy theo sự hiểu biết sâu cạn mà cũng nếm, được vị hư ấy. Vả lại càng về lâu sau dẫu cho chẳng thể tự thấu được chí ngôn để trừ hoặc cứ nổi lên, cũng đâu từng không có mảy may phảng phất. Đâu thể ngược lại vì một ngọn lửa trong cái lạnh, khiến luyến tiếc cái dục vui thú? Lại nói: "Nói vô thường thì tăng lòng mong được che chở, luận rõ khổ ngụy thì dốc lòng nghĩ đến việc xu thời". Lời này sai lầm vậy. Như các lời "thuyền qua khe nhỏ", "xe tứ mã qua đường hẹp" đều đã được nghe đầy tai ở Trung Quốc; chẳng phải là chỗ ảo diệu của lý, cho nên chẳng nêu làm giáo bản. Cho rằng phân tích lý này lại là do người, những người bình thường. Phàm các thí dụ "thuyền qua khe", "âm thầm diệt mất" Phật kinh dùng để nói về hiện tại chẳng dừng trụ. Thật như rõ được lý này thì vật ngã thường rỗng không, há chẳng phải là chỗ áo diệu của lý ấy sao? Bởi vì người ngộ quá ít, nên chẳng lấy đó làm gốc của sự giáo hóa. Chi Công cho rằng chưa đồng với Phật, vì sao lại dùng những lời đã được nghe ở Trung Quốc để miệt thị lời Thánh? Vả lại xét về thần quang thì thật không chiếu sáng được gang tấc, nghiệm về linh biến thì chẳng thật có mảy may, chỉ nói suông là thọ vô lượng, thì ai nấy được ông già một trăm tuổi. Những việc này đều cho là chẳng hợp sự thật. Phàm thần quang, linh biến và thọ vô lượng đều do lòng thành tín sâu kín kỳ diệu mà có. Cho nên khi sinh đến cõi Phật thì tự thân phát ánh sáng và tuổi thọ vô lượng. Nay bị chìm trong tà kiến, xem thường sự linh hóa, theo lý thì cách xa trời đất, vậy do đâu để thấy việc ấy phù hợp? Phàm, tâm chẳng tham dục là gốc của thập thiện, nhìn xuống thì không còn địa ngục, ngửa lên thì sinh thiên đường, đó là hiểu nghĩa, hành theo đạo, làm ngay thẳng tâm vậy. Nay bên trong ôm lòng chí thành kính ngưỡng, nên lễ bái sám hối tội lỗi. Như đạt được vô thường, nên lòng không bỏn xẻn, bố thí cả vợ con. Vậy đâu có gì mong cầu hơn

nữa? Vậy đâu thể nói không từ ý cung kính, không nhờ lòng không bỏn xẻn mà có?

Nê-hoàn lấy không vui làm vui, Pháp thân lấy không thân làm thân. Nếu vốn chẳng rỗng lặng, thì cũng có thể tăng thêm lòng đam mê, khởi lên tâm hiếu kỳ. Nếu thành thực tu tập thì đam mê tiêu trừ, đạt được lợi ích nơi không lợi ích. Vì sao lại nói quan hệ đến thế tục tranh đoạt danh lợi?

Lại nói: "Đạo ở tại vô dục mà dùng dục để tìm cầu", trong cuộc đời ngắn ngủi này, nếu không có lợi thì chẳng ai làm, sao lại vu báng Phật sâu nặng thế? Phàm chỉ thú của nhà Phật là do tám khổ đều do Dục mà có; luận rõ mười hai nhân duyên làm cho hàng cao diệu sáng được thần minh nơi vô sinh. Người muốn đạo này, có thể cho rằng có dục nơi vô dục vậy. Đến như dùng các việc thô gần để dẫn dắt, thì nói thiên đường địa ngục đều có ảnh hưởng chân thật. Cũng giống như Vu Công vì lòng nhân cứu sống, mà được phong chức, Nghiêm Thị Thích giết người mà bị tru di. Sợ tru di hay muốn phong tước, ắt phải bỏ tâm sát tu lòng nhân. Siêng năng Tu-diệu hạnh để mong sinh thiên đường; giữ năm giới để xa lìa địa ngục. Tuy có dục nơi vô dục, nhưng thật ra đó là con đường trong sạch dẫn đến chỗ mỗi ngày một giảm. Đó cũng là đi về phía Tây để về đất Dĩnh, lo gì chẳng đến? Ngặt vì xanh đỏ làm mê mờ con mắt kẻ thích sắc, gỗ đất dối gạt tâm ưa tráng lệ, tạo thành quyền riêng tư, cấu kết thế bè đảng, cầu mong danh dự, buông thả cái chí tranh đoạt, củng cố cái xấu của loài sâu đen. Hoặc có thể cho rằng cách làm ở nơi thuần lương, mà tệ hại như tham, vậy đâu thể khinh mạn Phật mà nói rằng: "Cách làm ở nơi tham"?

Vương Mãng trộm sáu kinh để soán Đế vị. Tần Thủy Hoàng nhân lễ Triều Cận mà xây cung A Phòng, đâu thể vì việc ấy mà đổ tội cho Lễ giáo của vua trước?

Lại nói: Nên phế bỏ dấu vết mập mờ mà giữ lấy yếu chỉ; nêu bày việc đời sau là che lấp mất đạo thích đó. Như nói "bất dắc dĩ", xin hỏi rằng cái chỉ thú đó muốn cầu điều gì? Ắt là muốn khiến người tu lợi, cải ác theo thiện để thành tựu cho cái tánh ấy. Thánh nhân không có tâm thường hằng, chỉ tùy theo tâm vật làm tâm. Nếu thân chết thần diệt là chân tánh của vạn vật, thì chỉ đem tánh ắt diệt ấy cùng với Chu Khổng ra sức chỉ dạy, khiến cho vạn vật không bẩm thọ, thế thì sự thật cải ác tu thiện, há chẳng thuần nhất ư? Vì sao lại phải dùng thuyết bất diệt dễ lừa, dùng Phật lý để dối gạt, khiến cho người cạo bỏ râu tóc, đốt da, dứt tình chồng vợ, đoạn tuyệt vô lượng con cháu; làm hại như thế, tổn

thương đến sự cao đẹp của Tận tánh, vì sao Thích Thị cho là bất đắc dĩ?

Nếu những người không tin, thì sẽ không chịu tu lợi mà cải ác theo thiện. Còn người tin thì ắt như Kỳ Vực, Kiền-đà-lặc, Di-đà-mật, Trúc Pháp Thừa, Bạch Pháp Tổ, Trúc Pháp Hộ, Vu Đạo Thúy, Trúc Pháp Hành, Vu Pháp Lan, Khuyết Công Tắc, Phật Đồ Trừng, Thi-lợi-mật, Quách Văn Cử, Thích Đạo An, Chi Đạo Lâm, Viễn Hòa thượng. Thần lý và phẩm đức của họ tựa hồ chẳng kém Lâm Tỳ-kheo, thì há họ lại vọng hủy nhân lý mà lạc vào sự giáo hóa của người chẳng thật? Đó đều là do sự thật linh minh kỳ diệu dẫn dắt cái tâm vô cùng, để thành tựu sự nghiệp đạt được thần, trong sạch chân tánh.

Túc hạ dựa vào tâm chẳng tin ấy, nên từ xa gửi cho tôi bản luận này, hơn nữa người nghi ở đời cũng đều cho là hay; nên tôi phải ra sức giải đáp để bày tỏ tâm ý mình.

Phàm thế gian chấp nhận hay phản bác Phật Pháp cũng đều là việc lớn hưng hay mất của con người, thì đâu thể cùng nhau ở khoảng giữa của việc thị phi ấy. Vì thế tôi dốc hết ngu ý để soạn Minh Phật Luận, hầu hiến tặng bản hoài của mình. Vừa soạn xong, tôi liền bảo người chép lại, nhưng không kịp với lá thư này. Sợ muộn nên tôi sai người mang thư hồi đáp ngài trước, sẽ gởi bản luận đến sau!

Tông Bính bạch. Thư đáp Cư sĩ Tông Bính giải thích Quân Thiện Luận

Lúc trước tôi có gửi cho ngài một bản Quân Thiện Luận, đồng thời thưa hỏi, cầu nghe được chỉ thú; ngài đã trả lời thật đầy đủ, và cho rằng cần phải hiểu rõ sự hưng diệt của lý này, không thể ở khoảng giữa của sự chấp nhận và phản bác. Tôi tuy chẳng thể y cứ hoàn toàn, nhưng cũng không chấp thiên kiến, chỉ cầu hạt châu dạ quang nơi biển lớn, đó là điều mà tôi chưa được.

Có người cho rằng kinh Phật hay hơn mỗi nhà của chín dòng (Cửu Lưu), xem lẫn Đạo và Mặc, từ bi và ưa bố thí chẳng khác Trung Quốc. Bậc Đại nhân quân tử lấy đức Nhân làm nhiệm vụ, tâm không ghi nhớ. Nhưng người đời dùng hình tượng trau truốt đẹp đẽ để làm vui tai mắt của kẻ tầm thường, điều ấy sẽ tổn giảm chỗ cao thượng. Vì chỗ dẫn dụng rộng và hiểu rõ, cho nên cả hai đều tồn tại. Đến như người hiếu sự nhân đó mà cho rằng siêu Khổng vượt Lão, chỉ có đây là quý nhất. Người này thật chưa thể tìm được gốc lập ngôn, mà mê mờ ngọn ngành vậy. Người biết lời này, ắt sẽ đợi bậc quên lời. Nếu chỉ tin về báo ứng thiên đường địa ngục, linh nghiệm nhân duyên bất diệt, ức chế tình

thức, ăn chay, siêng năng lễ bái, hầu được che mắt dưới lọng Bảo Xứng, lên tòa Tu-di, thì thật là một trò đùa lớn của Thuần Vu Sinh.

Ngài luận rằng: Các Thánh Lão Trang đều nói có Thần minh, vì sao lại đoán là không đúng như lời Phật nói? Tôi xin đáp rằng: Ở cõi sáng thì có lễ nhạc, ở chốn u ẩn thì có quỷ thần, vì thế bậc Thánh vương mới chỉ dạy, không có mảy may mê lầm về sự có ấy. Nếu thật có chuyện báo ứng đời sau, sao Chu Khổng im lặng mà nói một lời? Như đứa bé sa xuống hầm kẻ phàm phu thấy đều kinh hãi, bậc Thánh lại bất nhân ư?

Ngài luận rằng: Hình người thì quá thô, tinh thần thì chí diệu, vì hình tùy theo thần, thì đâu thể cùng diệt hết. Tôi đáp rằng: Hình và Thần nương nhau. Người xưa dùng củi và lửa để thí dụ. Củi ít thì lửa yếu, củi hết thì lửa tắt. Tuy có sự kỳ diệu, nhưng đâu thể chỉ một mình nó mà lưu truyền được?

Lại nói rằng: Tâm cảm nên thành đổ, sương rơi, cầu vồng xuyên qua mặt trời, sao Thái bạch phạm vào sao Mão, vì thuốc cấm khí, lạnh nóng liền theo; vậy như chí thành diệu cảm để thọ thân, lại sinh vào cõi bảy báu, thì vì sao chẳng được?

Xin đáp rằng: Thành đổ sương rơi, cầu vồng vắt ngang mặt trời, sao Thái bạch phạm vào sao Mão đều chẳng phải là thí dụ về đời sau, chẳng phải là việc cần phải dẫn ở luận này. Còn như thấy nước lửa cấm kỵ mà mong sinh vào quê hương bảy báu, thì giống như thấy vàng nấu chảy ra rồi mong cầu nó tự có thể đúc thành đồ vật, rốt cuộc chẳng thể được; vậy việc sinh kia không thể được, cũng có thể biết.

Luận lại nói: Hữu đế và vô đế, lời này hiển nhiên rất đúng; từ xưa những sự thiên biến vạn hóa, đang có bỗng chốc đều không. Ngay lúc thịnh có, há chẳng thường có sự thật về ắt không ư? Người ngu chẳng biết lý ấy, chỉ thấy lúc có mà thôi! Tôi đáp rằng: Như luận nói đang lúc thịnh có, đã có sự thật ắt không, thế thì vạn vật thường không, không và vật là một. Nay không và có chưa khác nhau mà hiền ngu đã phân biệt rồi, là vì sao? Xưa gọi là đạo thì ở nơi hình mà vô hình, nơi sự mà vô sự, lặng lẽ sâu xa, dưỡng trí an thần, đâu phải chỉ sợ chưa trừ ái dục và túc duyên? Chỉ thấy đến sự có (hiện hữu), há lại là lỗi ư? Lấy đây mà chê cười Tề Hầu thì giống như người mới đi được năm mươi bước mà cười người đi một trăm bước. Việc thuyền lướt qua khe, âm thầm biến diệt, kinh Phật dùng để nói đến nghĩa hiện tại không dừng trụ. Nếu thật có thể thấu rõ được lý này, thì vật ngã thường rỗng không. Xin đáp rằng: Âm thầm biến diệt chẳng dừng trụ, há chẳng phải từ sống vào chết, từ

có về không ư? Vì thế mới nói: Thân thể biến hóa mà tâm thần không suy tổn, hình hài thay đổi mà không sợ cái chết. Giả Sinh cũng nói rằng: "Hóa làm vật khác thì đâu có gì phải lo?" Đó là người đã đạt được sự biến hóa của sự sống chết vậy! Sao lại cứ khư khư lấy bỏ, lúc còn sống thì lo nghĩ đến cái chết, tâm còn bị vô lượng trói buộc mà chí cầu sinh thiên đường. Chúng tôi thường lấy làm lạ trước điều này!

Lại luận rằng: Thần quang, linh biến và thọ vô lượng do sự thành tín sâu kín kỳ diệu, nên mới phát ra ánh sáng; nay chìm vào tà kiến, theo lý chắc chắn cách xa như trời đất. Xin đáp rằng: Nay cũng chẳng theo kẻ dối trá để cầu ánh sáng, chỉ theo người thành tín để cầu vậy! Xét giáo pháp của Đức Thích-ca, thì dùng phương tiện khéo léo để cứu vật, nếu có ứng nghiệm như thế, vì sao không hiện sự linh biến ấy để cảnh tỉnh kẻ tà kiến? Như thế sao không tiếc nói vài chục, trăm, ngàn, vạn lời mà chỉ tiếc phát thần quang trong giây lát; chỉ luận bàn suông, rốt cuộc vẫn mê mờ nơi chân trí. Cho nên suốt đời lao nhọc mà chẳng biết chốn trở về, há chẳng đáng thương xót ư?

Ngài lại nói: Bên trong ôm lòng chí thành kính ngưỡng, nên lễ bái sám hối tội lỗi. Đạt được vô thường, nên lòng không bỏn xẻn, bố thí cả vợ con, thì đâu có gì mong cầu nữa đâu? Xin trả lời rằng: Lập nhiều phương tiện khéo léo để tạo nên việc, chẳng bằng trừ tham dục mà dứt tranh giành; tuân theo giới để sám hối rửa sạch tội, chẳng bằng bỏ vinh hoa mà cầu sự thuần phác. Huống gì dùng sự ưa chuộng dụ dẫn để cầu lợi, quên đi thiên tánh để cầu danh mà cho rằng chẳng mong cầu, thật tôi chẳng thể tin.

Lại nói rằng: Nê-hoàn lấy không vui làm vui, Pháp thân lấy không có thân mà làm thân, nếu thật có thể tuân phụng thì lòng đam mê tiêu trừ, đạt được lợi ích nơi không lợi ích. Xin đáp rằng: Nê-hoàn lấy sự lìa khổ làm vui, lấy việc thọ thiện làm thân. Vì thế mới khiến cho những người sùng phụng không thể tự dứt ra được. Nếu thật trở về nơi không lợi ích, thì người siêng năng đâu đạt được gì, mà nói là đạt được ở nơi không lợi ích? Đây là minh chứng cho việc hình và thần đều diệt; sợ rằng đó chẳng phải là lời mà bộ luận hay nên nói đến.

Ngài lại nói: Người muốn đạo ấy, có thể nói là có dục nơi vô dục. Đến như dùng các việc thô gần để dẫn dắt, nói có ảnh hưởng chân thật; cũng giống như Vu Công vì lòng nhân mà sống còn được phong chức; Nghiêm Thị hiếu sát nên bị tru diệt; gắng sức Tu-diệu hạnh để cầu sinh thiên đường, giữ kỹ năm giới để xa lìa địa ngục. Tuy có dục nơi đáng dục, mà thật đã bước trên con đường "ngày càng giảm". Cũng như đi về

phía Tây đến đất Dĩnh, lo gì chẳng đến!

Tôi xin giải rằng: Nói dùng các việc thô gần để dẫn dắt khai phát, vậy nên dùng báo ứng dụ như bóng và vang, chẳng phải cũng hay hơn chăng? Nhưng nhân của bóng và vang ắt là hình và tiếng. Hình bình thường thì đâu thể có được cái bóng tám vạn do tuần? Nếu chỗ trệ ngại là có dục nơi vô dục, thì còn thường trệ ngại vào chỗ dục. Tai mắt có nhiệm vụ riêng, công và nghệ cũng khác nghiệp. Công và thương đồng tồn tại, hoài nghi và tin thành chẳng cùng chung. Vì thế vàng đá được hòa hợp mà Thái sơn chẳng thể tự hiển bày sự cao lớn; chim hồng hộc vừa tụ tập mà mùa thu mờ mịt chẳng thể truyền ý chỉ; như thế mà muốn lấy có dục để thành vô dục, hy vọng việc ngày càng giảm, thì tuy nói đi về Tây mà cách đất Dĩnh càng xa, như thế thì làm sao?

Lại nói: Nếu thân chết thần diệt là chân tánh của vạn vật, thì chỉ cần cùng với Chu Khổng ra sức giáo hóa, vì sao lại dùng thuyết bất diệt để dối lừa, dùng Phật lý để gạt gẫm, khiến cho người cạo tóc, đốt da, cắt tình chồng vợ, làm tổn thương đến cái đẹp của Tận tánh? Xin đáp rằng: Trung Hoa và Di Dịch tự khác biệt nhau. Vì sao? Vì người Trung Quốc bẩm tánh trong sạch hòa hiếu, gồm đủ nhân nghĩa. Vì thế Chu Khổng dạy về giáo Tánh tập (tu tánh). Người ngoại quốc bẩm tánh ngang ngược, tham dục, hung dữ, nên Thích Thị mới nghiêm khắc đề ra năm giới. Đó là điều mà thư ngài nói: "Bậc Thánh không có thường tâm, chỉ theo tâm tánh của vật". Trừng ác thì không đâu khổ bằng địa ngục, khuyến thiện không gì tốt hơn là thiên đường. Muốn nhổ tận cái gốc của sự tàn hại, thì chẳng phải là lời Trung dung được. Chu Khổng chẳng phải như thế, chỉ thuận theo thiên tánh mà trừ bỏ đi những cái thái quá. Dâm, trộm thì nêu ở Ngũ hình, rượu chè thì nói ở Chu cáo. Đi săn vào mùa xuân thì không nên vây trọn, thấy sống thì không nỡ giết. Dùng ngũ phạm, không vây trọn (săn chỉ vây ba mặt), bắt cá mà chẳng giăng lưới; vì thế lòng nhân ái ban cùng khắp, ân đức nhuần thấm đến loài chim cá. Trong Gia Lễ (một trong năm lễ thời xưa: Cát, Hung, Quân, Tân và Gia) có mâm lễ vật, người già được ăn thịt, mùa xuân cầy cấy, mùa thu thâu hoạch, nuôi tằm dệt vải đúng thời, tam linh (trời, đất, người) cảm cách, trăm thần đồng hưởng. Việc làm ấy, há chẳng rộng lớn ư? Đặt ra sự ban thưởng là nghiêm phạt kẻ nghi pháp; thuật lại lời nói của Bồ Tế để làm gốc cho việc khuyến hóa; diễn lại lời đáp của Quân Hạo để làm rõ việc ứng nghiệm của đời sau; họ lại mặc lễ phục tốt đẹp, rồi trợn mắt nhướng mày mà khoe khoang thuyết này, như thế thì tâm của họ cũng ở nơi hung hãn vậy.

Luận lại nói: Những người như Kỳ Vức, Di-đà-mật-thi-lợi ... về thần lý và phẩm hạnh chẳng sau Lâm Tỳ-kheo. Vậy Túc hạ đã từng nói người tầm thường chẳng tính toán được việc gần. Vì sao nay lại biết được việc thắng bại trước một trăm năm, ngoài ngàn dặm? Như Tỳ-kheo Lâm có hình tướng Tăng sĩ mà rất thông minh, thấu suốt được chân ngụy. Cho nên chẳng chịu kỵ úy Kinh điển, giúp đỡ Thầy tổ tô vẽ cho ngụy thuyết. Điều đó khiến tôi kính phục. Tôn Hưng Công nói Trúc Pháp Hộ đạt sâu, Vu Pháp Lan chuyên và rộng, vậy Túc hạ muốn so với ai của Trung Thổ đây? Cho đến Sở Anh lập chùa Tu Nhân, Sạ Dung cấp thức ăn cho người đi đường đói khát; vậy những người này há lại có phẩm chất trong trắng chân chánh ư?

Xưa ở Đông Ấp có Sa-môn Đạo Hàm từ Ngô Trung đến, thấy rõ được sự khuyến dụ, có tâm rất thành khẩn, bèn ở lại ba đêm cùng nhau bàn về chuyện luyện thân thể làm trong sạch tinh thần và sự ứng nghiệm về tội phước khởi diệt; tất cả đều có hệ thống. Tôi khoanh tay ngồi nghe lời chân thật đến sáng quên cả ngủ nghỉ. Sau đó, tôi cho rằng sở dĩ kẻ sĩ có thể lập thân, dương danh, thủ tín, hành đạo được thật là nhờ vào lời dạy của Chu Khổng. Tử Lộ nói rằng đã nghe được mà chưa thể làm được, chỉ sợ có nhiều người nghe đến việc làm của ta vậy. Như thế vì sao lại bỏ đây mà mong cầu nơi kia? Vả lại xét phép tắc hợp tình lập văn, thì biết chuyện đời sau là xa vời, rốt cuộc suốt đời buồn bã mãi không thôi, mà hiểu thọ thân hình là khó được lại. Đã nói Thánh nhân là thầy của ta, vậy Chu Khổng há lại lừa dối ta sao?

Nhân Túc hạ có lòng chí thiết, nên tôi bày tỏ đầu đuôi; mong rằng bậc kỳ cựu đại trí chỉ dạy người không mỏi mệt, không thể im lặng về việc này. Trước tôi đã sai người lấy. Minh Phật Luận, đợi luận đến; mong rằng có thể làm sáng tỏ tâm mình. Hà Thừa Thiên Bạch. Đáp lời vấn nạn của Hà Hành Dương, giải thích Bạch Hắc Luận.

Kính xem bài luận ngài gởi đến, thì biết ngài đoạn dứt Phật giáo mà dốc chí vào nghiệp Nho. Ý nghĩa bài luận đã chặt chẽ mà văn tài biện bác thật xác thực, khéo có thể dùng để cảnh sách người đời. Thật là bài văn hay của Trung Thổ. Xét ý của Túc hạ, thì chẳng phải cho người chế định Phật Pháp chẳng phải Thánh, chỉ cho Pháp này là quyền chứ chẳng phải thật. Nhưng chưa thẩm định xong thì lấy gì để biết đó là không thật? Nay cùng với ngài đoán định, như mới nhìn thấy sự mà đã vội tính toán thì được mất đã qua một nửa rồi! Sự linh hóa vượt ra ngoài huyền cực, nhưng nguyên do thì kết chặt nơi cõi u minh; chưa từng có thần nhân chỉ bày dạy bảo, chỉ tin vào khuyết văn của sử sách còn lại

sau khi đã bị thiêu đốt, mà vội muốn phế bỏ thần hóa để trợ giúp cho tâm thống khổ này. Phàm bậc Thánh đạt cùng lý, thấu Tận tánh, cho đến đối việc cai trị muôn dân, nếu có người chết vì tai họa, giống như mình đẩy họ vào thành trì. Nay ngài vội nói rằng dùng thuyết bất diệt để lừa dối, dùng chuyện thành Phật để gạt gẫm khiến cho người cạo đầu, đắp y vàng, thiêu thân đốt tay, chẳng theo Thiên mệnh để dưỡng nuôi cái đạo cha mẹ, vợ chồng, cha con!

Phàm từ khi có Phật Pháp đến nay, từ sông Sa trở về Tây gồm ba mươi sáu nước, cuối cùng đến Trung Quốc, người cắt đứt sự nối dõi ấy, có thể kể đến ức triệu. Đông Di, Tây Khương hoặc có thể còn được, còn bậc Thánh và các người như Do Dư, Nhật Thiền, Đắc Lai ... muốn sống mà chẳng được sống cũng rất nhiều vậy. Ví như Phật Pháp không thật, thì sự thãm khốc của việc đẩy người vào thành trì đâu thể nói hết? Và sự quyền biến của kinh hợp với đạo gì, mà nói: Muốn dùng pháp cải lỗi quá đáng để trị những kẻ ngang ngược hung bạo? Phàm những kẻ hung bạo, dùng ba chương hình pháp để trói buộc, khen thưởng, trị phạt, chúng còn chẳng tin sợ, huống gì dùng những lời Tức sắc bản vô, Niết-bàn, Pháp thân, mười hai nhân duyên, vi trần kiếp số để trị? Người tin nhận được lời giáo huấn này đều là những người mà Túc hạ nói: "Bẩm chất trong sạch, hòa ái, gồm đủ nhân nghĩa" vậy. Nhờ vào sự trong sạch hòa ái để thông suốt lời vi diệu, gắng giữ điều nghĩa để tu tập diệu hạnh, nên họ có thể làm trong lặng sự chiếu soi, thấy rõ được các vật. Vật và chiếu đều không mà đạt đến đạo. Đó là các điều mà kinh Phật đều có ghi, Túc hạ đã tin vậy.

Đến như các bậc đã đạt được Thần, đức độ cao quý gần đây như tám Hiền mà Tôn Hưng Công đã khen, năm Triết mà Chi Đạo Lâm đã ca ngợi, đều là những bậc được người đương thời tôn quý. Cho nên hai công mới viết lời khen, vì sao lại là vọng ngữ? Tôn ca ngợi sự uyên đạt của Trúc Pháp Hộ, sự thuần bác của Vu Pháp Lan. Tôi chẳng quan hệ đến kẻ sĩ thế tục nên chẳng biết sánh họ với ai? Nhưng đệ tử của Pháp Lan là Đạo Thúy, chưa bằng thầy của mình. Tôn bàn rằng: "Bấy giờ như so với hàng cao quý thì có Dửu Văn Bính". Như Thế Hộ và Lan phải vượt trên Văn Bính; nhưng tôi thì hoàn toàn không biết Tỳ-kheo Lâm, lại bất tất phải luận theo thế tục. Nếu Túc hạ cho rằng người đồng với Văn Bính, thì chắc chắn sẽ không thua Đạo Thúy, nhưng còn kém Hộ và Lan. Vậy lời luận bàn trước chưa phải là sai lầm; thật đúng là có Tăng tướng, thông minh, hiểu sâu được lẽ chân ngụy, sao nhất định chẳng phải là trời Đế thích hóa thân? Vì thế mà dùng thuyết thành

Phật để khích lệ ư? Cho nên biết rằng Bạch Hắc Luận chưa thể cho là thành thật được. Ngài gởi đến nêu điều nghi rằng: Nếu thật có báo ứng đời sau, vì sao Chu Khổng chẳng nói một lời? Đây là mối nghi thường hằng của người thiên kiến, đúng là điều chúng ta nên cùng luận bàn. Phàm Thánh Thần sâu kín phát động, trước có cảm rồi sau mới ứng, chẳng phải xướng lên trước khi có vạn vật. Vào cuối đời Thương Chu, nhân dân rơi vào cảnh lầm than, nghịch tặc giết hại hoành hành khắp nơi. Nêu lên thế tình để cảm bậc Thánh chính là loạn lạc. Cho nên mới lập 6 kinh để ứng với trị loạn mà thôi, do vậy mà không có lời Phật. Lưu Hướng khen ngợi chín châu Vũ Cống, đó là thuật lại lời của Sơn Hải Kinh đã ghi: "Người dân nước Thân Độc gần gũi người và thương người". Quách Phác cho rằng đó là Thiên Trúc, nơi phát khởi của Phù đồ (Phật). Tuy nơi ấy là vùng đất của Di, nhưng có vạn cõi nước như sao trên bầu trời, rốt cuộc biết nước nào là Trung Hoa đây? Chỉ suy xét chỗ cảm về tình thân ái đó mà Phù đồ ứng hóa đến vậy. Chỗ thô của cõi kia là có việc loạn ngược, vua tôi bất trị. Điều tinh cõi này là tùy thời giữ đạo, Phật sự cũng tồn tại. Tuy có thể thọ nhận pháp tánh nơi y lạc, sùng phụng chân tế ở Chu Tứ, nhưng Sử Dật cho rằng chẳng phải là đạo trị nước nên chẳng ghi; Bốc Thương cho rằng trái với nho thuật nên chẳng chép. Dẫu có tồn tại trong những sách vở ngoài kho tàng thì cũng bị Tần Thủy Hoàng đốt sạch. Việc Chu Khổng không nói đến, do đó chẳng cần phải xét nữa. Phàm đạo hư huyền, việc linh tiên sách vở thế gian đều nói đến, nhưng lời đạo của Phu Tử, xa thấy ở thiên Trang Chu; yến tiệc của Diêu Trì lại tìm được từ Cấp Trủng. Thế thì học theo Ngũ kinh chưa thể thấu rõ hết những sự biến hóa kỳ diệu ngoài cõi trời này. Túc hạ gạn hỏi: Nếu "tức vật thường không", không và vật là một, khi không và vật chưa khác, vì sao có hiền ngu sai biệt? Phàm Kinh Phật nói: Tức sắc là không, lại chẳng khác không. Không, chẳng phải cho rằng không có gì, mà có tức là không vậy. Có thì hiền ngu sai biệt, không thì vạn sự sai biệt đều không. Phàm sắc chẳng tự là sắc, nên tuy sắc mà không, do duyên hợp mà có. Vốn tự chẳng có, nhu huyễn tạo ra, như cảnh trong mộng. Tuy có mà chẳng có. Tương lai chưa đến, quá khứ đã diệt, hiện tại chẳng dừng trụ. Có chẳng nhất định là có. Những nghĩa trên đây đều là lý cùng tột của bậc Hiền thánh, như dùng lời mà bài bác thì thật khó có thể thấu rõ được! Nhưng dùng đó để quán xét vật và ngã thì thật biết được nó rất rõ ràng. Cho nên sáng tỏ thì tăng thêm sự tẩy rửa trong sạch tâm mình. Còn Túc hạ lấy gì để có thể an định đây?

Lại nói: Hình và thần nương nhau, người xưa dùng củi và lửa để

dụ, củi ít thì lửa yếu, củi hết thì lửa tắt, tuy thần có diệu nhưng đâu thể tồn tại riêng biệt. Phàm lửa là do củi sinh ra, mà thần thì chẳng phải do thần tạo; ý có tinh thô cơ cảm mà được hình thể tùy theo đó. Tinh thần đạt đến cực tấc thì vượt ngoài hình thể mà tồn tại độc lập, không có hình mà thần vẫn tồn tại, đó chính là Pháp thân thường trụ. Vì thế đầu tiên là phàm phu, cuối cùng là Như Lai; tuy một đời vẫn còn thô, nhưng nếu biết hướng thượng thì vạn kiếp vẫn không mất, nếu tu tập sẽ trở nên trong sạch. Nhền nhện có con mà tò vò mang lấy, huống gì tại Thần minh, được che dưới lọng Bảo tích, được thăng lên tòa Đăng Vương, sao lại không có hy vọng? Lại nghi Đức Thích-ca dùng phương tiện khéo léo cứu vật, sao chẳng tiếc nói hàng chục trăm vạn lời mà lại tiếc hiện thần quang trong giây lát để khai ngộ cho kẻ tà kiến?

Tuy nói phương tiện khéo léo, nhưng cảm ứng, sáng tối mỗi mỗi đều y cứ vào tội phước. Xưa Đức Phật vì đại chúng mà phóng ánh sáng, mọi người đều đã tích lũy tâm chí thành tốt đẹp, nên mới có được thần thông du hý. Nếu bấy giờ nói xong rồi viết chép, nhất định kẻ ngã mạn sẽ nhìn thấy; ánh quang minh phát ra là do quán chiếu, tà kiến không do đâu mà phát sinh. Nay xem kinh mà không cải lỗi thì tà kiến vẫn hiện hữu như trước như thế lại có ích lợi gì? Nếu người hiền thành tín riêng họ sáng tỏ với thần minh chiếu soi, thì Túc hạ làm sao biết được mà nói tức là vọng thuyết. Các ngôi sao chẳng hiện vào đêm trăng sáng vậy. Xét niên đại thì Đức Phật sinh vào đêm phóng ánh sáng. Quản Ấu An ban đêm bị gió thổi trôi dạt trên biển, bạn đồng hành đều chết chìm, trong đêm tối An thấy luồng ánh sáng chiếu xuống đảo, nên chỉ một mình An được cứu sống. Đức Phật không yêu ghét, chỉ người thiện thì ứng mà hiện. Như Vương Tường, Quách Cự không thể nói ra mà họ cũng thấy ánh sáng thật phù hợp. Túc hạ chưa thấy, mà liền nói không có Phật sao? Vả lại sự trình bày của Chu Khổng như so với Phật là rộng lớn, nhưng đó là sự đầy đủ của bậc quân vương trị nước vậy; chỉ có tinh thần chẳng diệt âm thầm vận chuyển mà thôi, trong một chớp mắt một hơi thở của cuộc đời có đầy đủ tám khổ. Tuy khắc chí với nho nghiệp để an định trong giây lát, nhưng chưa bao lâu đã diệt mất. Các nạn Tam Giám cha con nghi ngờ nhau, anh em giết hại nhau. Bảy mươi hai người đều được tôn lên bàn thờ, đưa vào tông miếu, mà được sống đến tuổi năm mươi chẳng được vài người. Trong đó Nhan thì yểu mạng, Nhiễm thì bệnh tật, Do bị lóc thịt ướp muối, Tứ bị cắt râu, Khuông bị khổ ở đất Trần, đâu thể kể hết? Chịu đói khổ để hoằng đạo ở các nước loạn lạc, rốt cuộc lại cứu được những gì? Từ Phật Pháp mà nhìn, chỉ thấy sự

lo buồn như thế há chẳng phải do túc duyên của chúng sinh thế gian dẫn đến ư? Nếu thật lý đã gồm đủ, thì ở đây còn chưa được nói là sâu rộng. Nếu bên ngoài theo Lễ nhạc, bên trong tu vô sinh, lắng trong tinh thần nơi cảnh Nê-hoàn, lấy ức kiếp làm năm hiện tại thì há chẳng thật là rộng lớn lắm ư? Sự chẳng truyền về sau, lý chưa thể biết. Xin chớ y cứ vào các dấu vết thô thiển mà nói rằng: "Chu Khổng chẳng phải như thế". Người đời đều cho Phật là vọng ngữ, kinh Sơn Hải nói rằng có rất nhiều người chết rồi sống lại. Như núi Côn Lôn, đồng Quảng Đô, gò Hiên Viên, nước Bất Tử, thời tiết chẳng lạnh chẳng nóng, trứng chim phượng là thức ăn, cam lồ là thức uống, nghỉ ngơi dưới cây Can kỳ, tắm mát trong nước suối Chu, con người ở đây sống đến vài nghìn năm, rồi hóa thành màu vàng mà vào Vũ Uyên, các chuyện như Thân Sinh, Bá Hữu thì Tả Khâu Minh nói đến cũng chẳng ít. Như thế có thể suy xét cái thô ở chốn này mà tin được cái tinh diệu ở chốn kia. Xưa nhờ có đạo, nghe được Phật pháp mà lễ kính, người đó nhất định chẳng khác gì tạo ra cái chết ở Bồ Thành, kẻ sĩ có thể biết được vậy, đó là do chỗ nghe hiểu chưa cao ư? Chỗ nghe biết của Túc hạ đã cao, thì ngay đây có thể trở thành tốt đẹp. Con người là tinh thần vật, chỉ cần làm cho trở về tin được cái linh minh cùng cực ấy, thô nhận sự khuyên bảo, dẫu có cạn mỏng, yếu kém cũng đủ để cảm được; có cảm thì càng thăng cao, như thế há chẳng giải là kế hay cho việc phải thoát hoặc bất diệt ư? Sự thật của việc thần bất diệt, khi xưa như Phật đã nói, mà nay lại quay lưng với thần, hủy hoại tâm tự nghịch với cõi u minh, thì đâu biết được sự khổ sở của đời này chẳng phải do nhân đời trước sao? Vội dùng sự thấy biết của riêng mình để khinh ngạo lời chỉ dạy của Tôn thần, e rằng mê lầm mà tự để lại sự trở ngại vậy.

Kinh Phật nói khi xưa đức Phật Thích-ca Văn làm một Tỳ-kheo tu Tiểu thừa hủy báng Đại thừa, vì thế chịu khổ ở địa ngục vô số kiếp, hà huống là kẻ hoàn toàn chẳng tin? Như thế, vì sao lại đoán định kinh này là hư vọng? Điều Túc hạ cật vấn trong lá thư trước có nói rằng: "Nhân nơi chương cú của Lâm Đạo Nhân", ý này tôi đã tạm hiểu, nhưng chẳng thể một vài lời mà đáp xong. Nay Luận Minh Phật đã soạn xong, trong đó trình bày thông suốt mọi việc. Xin được gửi đến Túc hạ. Tôi gắng sức khéo léo tham tầm, trình bày đầy đủ điều phải trái trong đó. Tôi già yếu sắp qua đời viết thư này tiếp theo luận ấy. Mong rằng luận này đến thì liền nhờ đó mà tìm lời giải đáp. Vì tất cả đều đầy đủ.

Tông Bính bạch. Phúc đáp thư của Tông Cư Sĩ.

Xin đáp lại thư ngài rằng: Khi tôi đọc luận này xong, thấy trong đó

bày trận như Hạng Tịch, đủ để làm khốn khó cho Hán Cao Tổ, hà huống là kẻ sĩ hèn kém này? Nào là chứng minh thí dụ chặt chẽ rõ ràng, văn từ uyên bác và phong phú. Ngài thật muốn quảng bá lợi ích Phật Pháp nhuần thấm đến phàm dân, thấu rõ được dụng tâm của quân tử vậy. Túc hạ muốn ảnh hưởng để thần cách giáo ấy, cho nên tôi phải im lặng trước việc giúp cho người thành tựu điều tốt đẹp. Nhưng tôi thường cho rằng việc của nước ngoài chẳng phải là việc làm của người Trung Hoa, vì thế mới có lời nói khi trước vậy. Thật như nayngài nói trong ngoài đều đồng, thì tôi đã kém cỏi rồi. Xin thứ lỗi vì mình không sáng suốt. Tuy nhiên vẫn có một vài điều nghi, phàm người đạt rõ được tánh của trời đất thì chẳng mê hoặc nơi các việc quái dị, người thấu được con đường thạnh suy thì chẳng lao nhọc tâm mình đối với các việc ngoài lý. Ví như bộ luận hay kia chẳng do nơi phương tiện khéo léo, dốc lòng dạy dỗ mà đều do tình cảm phát ra, thì há chẳng phải là điều tệ hại của người đã thông đạt sao?

Tôi chưa có duyên gặp Túc hạ để bày tỏ, xin được dùng thư này để thay thế.

Hà Thừa Thiên bạch.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 4

5. ĐẠT TÁNH LUẬN
(Hà Thừa Thiên soạn)

Phàm lưỡng nghi đã lập, bậc Đế Vương tham cứu, thì trong vũ trụ không có gì tôn quý hơn. Trời thì có phân âm dương, đất thì có dụng cứng mềm, người thì có lập nhân nghĩa. Người mà không có trời đất thì chẳng thể sinh, trời đất mà không có người thì chẳng linh biến. Tam tài đồng thể nương nhau mà hình thành. Cho nên bẩm thừa khí chất trong sáng hòa mục, thần minh thông đạt. Tánh thì suốt cổ kim, trí thì ctùm vạn vật. Khéo léo tư duy đến tận cùng chỗ sâu kín, nguyện tạo tác đồng như tạo hóa, trở về đức nhân, ban cho năng lực. Vì thế bậc Quân Vương dưỡng dục lê dân, giúp trời hoằng đức. Trời trăng điều hòa, bốn linh phò giúp, gió lành trợ luật, đuốc ngọc chiếu soi; chín loại hạt, thịt cá, rau quả, mặn chua, trăm vị, gồm đủ món ngon vật lạ. Nhà cửa, thuyền xe, bạc vàng khắp đất; tơ lụa đen vàng cung cấp y phục. Văn thì dùng lễ độ, vui thì dùng bát âm, giúp vật lợi sinh lập bày đầy đủ. Phàm dân sử dụng cần kiệm thì dễ đủ, dễ đủ thì sức có dư, sức có dư thì ý tình thư thái. Như thế thì tâm an lạc phát sinh nơi đây. Còn như sự đơn giản thì chẳng phiền nhiễu, chẳng phiền nhiễu thì thần minh có linh biến, thần minh linh biến thì suy xét thấu đáo, từ đó mà việc cứu độ thành tựu. Vì thế trời đất dùng cần kiệm thuần phác dạy dân, càn khôn dùng giản dị để chỉ bày cho người. Cho nên ân cần chỉ dạy chí thành như thế, đâu được đồng với các loài bò, bay, cựa, động làm chúng sinh. Chúng sinh, khi giữ thì đúng thời, khi dùng thì hợp đạo; như đốt lửa thì đợi gió mạnh, săn bắn đánh bắt thì đợi lang sói rái cá, vì thế mà thuận thiên thời. Như Đại phu thì chẳng bắt thú con, thứ dân thì chẳng giăng lưới, hoa lau bên đường ca hát, dùng đức nhân giáo hóa; vì thế thương nhân dụng; nhà bếp chẳng gần, năm phạm là che chở; vua Thang chúc nguyện thả cầm thú, Khổng Tử bắt cá mà chẳng giăng lưới, vì thế làm sáng lòng nhân.

Đến như đã sinh ắt có tử, hình tan thì thần tán, giống như mùa xuân cây cối tốt tươi, mùa thu thì cây khô lá rụng, bốn mùa thay nhau, đâu có gì để lại thọ hình? Kinh Thi nói: "Quân tử vui mừng, cầu phước chẳng ngừng, nói hoằng đạo tại nơi mình; Tam hậu tại trời, nói tinh linh diệt mất". Như trong lòng tham dục, bên ngoài sợ quyền giáo, suy nghĩ sâu xa về việc lai sinh, bố thí mà cầu báo đáp, thì khi xưa thầy tôi chưa nói; tôi lại chẳng thông mẫn, không biết được, nên xin chỉ giáo.

Giải thích Đạt Tánh Luận của Hà Hành Dương.

Nhan Diên Chi.

Trước, tôi đã nhận được luận này, thật là thấy sâu suy rộng, tôn sùng nhân đạo mà gạt bỏ các loại chúng sinh khác. Vật thì có sáng tỏ, sự thì chẳng trái nghĩa, chỉ dùng tình mà giúp cho giáo. Đủ khiến cho các môn khác quét trừ quy tắc, hà huống do cầu được đồng, há lại quên mất chỗ nương gá ư? Chỉ sợ cầm sắt riêng biệt mà mất đi hòa điệu, cho nên mới lược trình bày vài điều, để giải thích trọn về hậu báo.

Túc hạ nói: Lưỡng nghi đồng thể cùng thành Tam tài, thì đó ắt là lời hợp đức, chứ chẳng phải tên gọi gặp người. Nhưng tổng quát các loài đều gọi chung là chúng sinh, cũng là tên của hàm thức, vậy đâu phải là thụy hiệu của bậc thượng triết. Thế thì Luận Tam tài không lấy dân đen, nói chúng sinh cũng đâu gồm bậc Thánh trí. Tuy tình tại nơi ta thì ta chẳng sợ loạn các loài. Nếu như hai việc là phương và giáo đều nêu lên, như đạt được nghĩa sẽ bỏ nơi kia, lìa được văn sẽ tham cứu nơi này. Cùng thật thì có thể khiến nghịch cung tự hòa, thế gãy khiến tự hợp, sao lại cứ khư khư chấp luật để phá lữ? Hơn nữa Đại Đức nói: Sinh có vạn chỗ đồng, đồng đã có vạn, thì đâu được nói sinh có sai khác, sinh chẳng khác thì nên hợp làm chúng. Nhưng trong các phẩm loại lại có ngu trí sai biệt: như con người sử dụng vật để nuôi dưỡng, con vật thì bị sử dụng để nuôi dưỡng người. Tuy khởi đầu, nhưng vì thuận nên rốt cuộc bị tàn diệt, nguyên nhân vừa khởi, lòng dục chẳng ngăn, tàn hại chúng sinh phiền thẫm, lý trời diệt tận. Hoàng đế xót thương như thế mà chẳng thể đạt lấy chỗ ngăn trệ, vì thế mới lập lời dạy đợi vật, đặt ra kinh Thuận Thời, để khai lòng nhân, dưỡng cái thức, và dần dần ngăn dứt sự thái quá. Người lấy đạo làm tâm chẳng đồng với các kẻ này, mà ngăn dứt; lại còn biết được phép tắc lớn sinh tử đồng như tươi tốt và khô rụng. So sánh với các nơi nếu có sự thành thật thì cũng nên như thế. Nhưng sự còn mất của thần lý giả như khác với tươi khô, biến diệt, theo như đồng cỏ cây ắt sẽ bị cháy sạch, mà nói là Tam hậu thăng hà, tinh linh tận trời? Nếu tinh linh còn thì nhất định là khác với cây cỏ, thế thì luận

thuyết về thọ hình thể không lẽ lại nhờ vào đó để nói, rằng Tam hậu tan nát thì thiện báo sẽ lên trời ư? Muốn phá bỏ thuyết hậu sinh mà lại lập chuyện thăng hà, cũng như muốn phế mà ngược lại là lập, chắc chắn biết chẳng phải ra sức trừ bỏ. Nếu chỉ có tinh linh, không có thể trạng, chưa biết khi sinh lên trời sẽ nương gá vào đâu mà lập? Tôi sợ hãi sự đoạn diệt nên mới mong cầu nương tựa, nhưng tới lui suy nghĩ tìm cầu mà chưa được an định. Phàm trong vòng khí số thì đều có cảm ứng, đạo thí báo thì tất nhiên phù hợp. Nói tất nhiên phù hợp thì đâu nghi ngờ gì lòng có mong cầu. Cho nên bỏ ân huệ thì không cầu, giữ công đức thì có mong. Mong giữ chưa được mà bỏ ân huệ, cho đến người đã có hiền ngu thì ý có công, tư chẳng thể thấy vật, hoặc mong báo, do đó cho rằng lập đức đều rất cần thiết. Hơn nữa kinh thế hằng luận rằng: Bố thí quý ở chỗ chẳng ghi nhớ, sĩ tử ghi nhớ chánh nghĩa, còn ban ân huệ thì chẳng có; huống gì nghe được chỉ yếu của đạo, chẳng được dối tâm mà động, ắt ôm lòng dục mà ngoài sợ quyền giáo ư? Đã chẳng dẫn đến cõi trên, mà thường đuổi khỏi cõi dưới, tuy có nhiều lời cười chê, chỉ trích, nhưng cũng có những lời trung thật chẳng thể đổi thay. Túc hạ thủ thành vững chắc khó có thể gởi thư, còn tôi thì lo lắng buồn rầu, về tình lý không thể chối từ, nên mới khen chê bày tỏ, muốn bày tỏ tâm ý, hầu đến giải thích nhưng lo sợ không được gặp!

Nhan Diên Chi bạch. Đáp thơ của Nhan Diên Chi.

Kính xem đọc những lời hay đẹp và nghiên cứu yếu chỉ sâu xa. Thấy Túc hạ phân biệt Tam tài, nghiệm xét đến chỗ tinh túy, tuyên dương đạo tâm, khen thưởng người bố thí. Xuyên suốt tối sáng, lòng chân thành đến muôn vật. Thực hành pháp ấy nơi mình thì quý, diễn bày nó nơi giáo thì rộng lớn, hầu như chưa được nghe đến. Nhưng suy nghĩ lại nguyên do của lời dạy quý báu, thì muốn khiến người xem thấy Bắc đẩu, mà trái lại mê lầm đường đi, hoặc lờ mờ chưa hiểu rõ, nên phải trình thêm những điều còn nghi ngờ trong lòng.

Túc hạ nói cộng thành Tam tài là lời hợp đức, bậc thượng triết cũng có thể làm như thế. Phàm đạo làm người thì phải giữ nhân nghĩa, lòng trắc ẩn là biểu thị của đức nhân, xấu hổ với điều ác là đầu mối của lòng nghĩa. Cây cối ở Ngưu Sơn bị chặt sạch bởi tánh bén của búa đao, tâm đạm bạc chìm đắm nơi sự suy nghĩ lợi hại. Thành thật ngay thẳng thấm nhuần mầm chồi, giúp ích cho thiện tâm. Như thế mới tồn tại, mà không tính được, chẳng lỗi với cho. Thư ngài lại nói: Bàn về Tam tài, không lấy dân đen; luận về chúng sinh cũng đâu gồm cả Thánh trí. Đã thọ nhận sự chỉ dạy mà còn chưa biết hai đường, thì nên lấy gì mà phán

xét. Như Y Doãn, Nhan Hồi kẻ dưới nương gá; Công Tôn Kiều, Lý Trác há có bậc trên cậy nhờ, trông mong chẳng mỏi mệt. Vì trừ bỏ chỗ chưa biết nên hai việc gồm nêu, cung hòa thế hợp, há chẳng cùng thiện sao? Thư lại nói: Đại Đức ghi: Chúng sinh có vạn chỗ đồng, đồng đã có vạn, há chúng sinh lại có khác? Chẳng phải cho là không đúng, nhưng nhân sinh tuy đều gồm đủ đức lớn, mà chẳng thể cho họ là chúng sinh. Thí như Thánh nhân tuy đồng bẩm thọ năm thường, nhưng chẳng thể cho họ là đồng chúng sinh. Như vậy đâu thể vin theo việc nhân sinh chẳng khác thì nhất định đồng là chúng sinh.

Thư lại ghi: Con người sử dụng sinh vật để dưỡng dục, sinh vật bị người sử dụng để dưỡng mình; phán định như thế thật là hẹp lậu. Đến như tình dục chẳng trừ, hại sinh thãm vật, những việc gọi là quá đáng, Thánh nhân đều đã dứt trừ. Lại nói: "Người lấy đạo làm tâm thì chẳng đồng như thế mà lại ngăn dứt". Xin hỏi nếu chẳng ngăn dứt thì chỉ chính mình chẳng sát sinh ư, hay khiến người thọ giác đều đồng? Nếu chính mình chẳng sát sinh mà nhận đủ nơi chợ búa, cho nên mới nói xa cách nhà bếp. Ý ắt muốn đổ tội cho các hộ dân! Tôi thấy bộ luận này không thể lập được.

Thư lại nói: Nếu đồng cỏ cây thì sẽ cháy hết, tinh linh ở trên trời nương gá vào đâu để thành? Xin đáp: Phàm thần phách chập chờn, du hồn biến hóa, khởi tâm xót thương cũng đâu có gì chẳng phải? Trọng Do chịu khuất khi biết chết, Tứ cũng bị mất nơi lời hỏi, mà chẳng trở lại thọ hình. Trong thư trước nói về chỗ nương gá, xin phụ nêu lời đáp của Phu Tử và đạo thí báo thì phù hợp tất nhiên. Nên cho rằng Vu thị nhà cao là do phước tích thiện, Bác Dương chẳng bị dẹp là do lộc công hầu, đâu liên quan gì đến đời sau?

Thư lại nói: Kinh truyện thường nói: "Người bố thí nên quên, kẻ sĩ chỉ ghi nhớ đạo nghĩa, ban ân huệ mà chẳng có". Lời này thật hay thay! Như vì niềm vui nhỏ của sự báo đáp để cầu được ban ân huệ đó là việc chính yếu của người thuyết, vui với sự báo đáp mà ban ân huệ là việc thường tình ở đời vậy. Nghi ngờ kinh là phạm tội nhiều kiếp; siêng năng bố thí bồi đắp cho sự báo đáp, chẳng giống như chúng ta vì Đạo vậy. Cho nên mới buồn bã. Biết rằng muốn dẫn đến cõi trên, (23) cũng là điều chẳng đáng tiếc lắm, nhưng bậc trượng phu sống nơi chân thật, rất hạn hẹp với sự hòa mỹ của việc biết trước, cho nên chẳng làm. Nếu bố thí chẳng đầy đủ cho kẻ nguy cấp, ban ân huệ để mong cầu danh dự thì bậc cao minh cũng hổ thẹn. Đó là tôi noi theo tâm thường hằng đã lâu, mà chẳng có thay đổi, trong hổ thẹn với ông, đâu rảnh để mà chê

cưới!

Hà Thừa Thiên bạch. Đáp thư của Hà Hành Dương (Thừa Thiên)

Lúc bận theo thời vụ, tự thân chuyên nơi vườn ruộng; khi rảnh rỗi việc nông gia thì cùng các già quê làm bạn; lời chỉ luận về thóc lúa, việc chỉ ra sức với cày bừa gặt hái. Bàn về mùa màng, tính đến cày xới; không nghe mà đạt nghĩa; lại được lời luận biện khéo léo, đáng dùng để bộc bạch an ủi; sự chỉ bày chí thành thật làm tôi càng thêm hổ thẹn. Nay lại không ghi những việc hoài nghi lúc trước, để chuyển đến những điều chưa nói. Phàm nhờ ý để xét lý chẳng bằng phân tích văn của bậc Thánh mà luận đến Tam tài, nhất định lập gốc Ba vạch, Ba vạch đã bày, vạch giữa gọi là Quân đức.

(Đoạn này không có bài sửa) (23)cũng chẳng là điều đáng tiếc lắm, nhưng bậc trượng phu sống nơi chân thật, rất hạn hép với sự hoa mĩ của việc biết trước, cho nên chẳng làm. Nếu bố thí chẳng đầy đủ cho kẻ nguy cấp, ban ân huệ để mong cầu danh dự thì bậc cao minh cũng hổ thẹn. Đó là tôi nói theo tâm thường hằng đã lâu, mà chẳng thay đổi, bên trong hổ thẹn với ông, đâu rảnh để mà chê cười!

Hà Thừa Thiên Bạch

Đáp thư của Hà Hành Dương (Thừa Thiên)

Lúc bận theo thời vụ, tự thân chuyên nơi vườn rộng; khi rảnh rỗi việc nông gia thì cùng các già quê làm bạn, lời chỉ luận về thóc lúa, việc chỉ ra sức với cày bừa gặt hái. Bàn về mùa màng, tính đến cày xới; không nghe mà đạt nghĩa; lại được lời luận biện khéo léo, đáng dùng để bộc bạch an ủi; sự chỉ bày chí thành thật làm tôi thật thêm hổ thẹn. Nay lại không ghi những việc hoài nghi lúc trước, để chuyển đến những điều chưa nói. Phàm nhờ ý để xét lý chẳng bằng phân tích văn của bậc thánh mà luận đến Tam tài, nhất định lập gốc từ 3 vạch, ba vạch đã bày, vạch giữa gọi là Quân đức.

Sở dĩ thần đặt Thái thượng sùng nhất đứng đầu, nên trước cho rằng tự chẳng phải thể hợp đất trời, không lấy làm thỏa ứng, nay rộng nghiên xét thanh lự đó, chưa chịu còn đồng, vì sợ gồm cả không bỏ, rộng ghi chẳng sót, dốc chí của vật, thật làm ưu thiệm, sợ lý vị tạp, vượt nghi ngờ Dương toại đông nhiều, như lo lắng chỗ phát cùng lượng của bác ái, xấu hổ chỗ thêm tận chánh của Hựu Trực thì thượng nhân thượng nghĩa, tôi không liên quan. Chỉ tình đó là ít, lợi đó là đông, dự có phần đó. Chưa đến cùng cực, chẳng được hai nghi phối phỏng. Nay mới khiến cùng cực thì làm thầy, chẳng cùng cực thì làm trò, hỗ trợ kính nhường,

dứt bỏ hại tranh, khiến Di phủ đúc nhọn, lợi hại nghỉ đầu mối, xua dân trăm đời ra đường tin thuần, thì mầm nào chẳng đượm, thiện nào chẳng giúp, mà luống dối vì chẳng tính chưa gặp ý đó. Trường hợp Ba tài, v.v... chẳng được lấy khí của thiên tài, chúng sinh làm hiệu, chẳng được lạm người vô sinh, nên đây bỏ manh lệ, kia luyện Thánh trí, cả hai đều nêu chỉ ở nơi đây. Như Kiều Trát chưa thể nói một. Hoàng Vương đâu được Thượng Phụ, Y Nhan còn chung nhờ khí hóa nghi ổ hạ lệ, chặt đứt hai đường đổi nơi trách chỉ. Lại biết cuộc sống con người tuy đều đầy đủ đức lớn, chẳng thể gọi đó là chúng sinh, thí như bậc Thánh tuy đồng bẩm năm thường, chẳng thể gọi đó là chúng nhân. Chẳng thể gọi đó là chúng nhân, vì mậu nhân là Thần minh, nay đã đều đầy đủ đồng chúng, lại sao húy đồng chúng, nên phải khác đặc linh đó, chẳng nên khác được sinh, luống kỵ tên chúng, chưa thiếu thật chúng. Được không tợ như Thục Lương lánh sợ, cuối cùng chẳng thể trốn, cái gọi là khiến vật làm dưỡng, thấy sai khiến dưỡng người là, muốn nơi ngu tuệ cùng dốc, tối toán cùng chế. Sự do trí mà ra, làm chẳng phải do lý trời, vì thế mới đầu cố gắng nẩy mầm, sau cùng đau buồn sầm uất diệt, đâu cùng Túc hạ lá cỏ trăm thứ chung chỉ quy. Phàm động mà khéo trói tánh của hạ dân, hóa mà cắt công của Thượng thánh, cẩn trọng làm tường ngăn còn lo ngại vượt tràn, huống chi không chẳng đầy đủ bày để sung nhiều chí, mới mở chỗ thái, sao bàn nghị bỏ nhiều. Nên biết nói bàn của thảm vật không được cùng bạc phu đồng buồn vui, giết ý khéo sinh tình lớn, cái gọi là cùng đạo làm tâm: Lớn ở sinh tình, sắp khiến bài bác luống dối theo chích thật, chớ kịp lợi đượm thông trời mà chẳng ban cho. Thường theo ân chỉ trứng,... Pháp sự sói rái ư? Suy đây mà đến, chẳng phải chỉ tự mình lại đổ lỗi đầu chợ cho đầu bếp, vả lại, ngoài đầu chợ chẳng phải không ngự dưỡng, chỗ thần nông ghi, điều trung tán thuật, công lý ngợi khen việc đó. Trọng Ngạn tinh rành nghiệp, là cũng xưa có truyện đó, nay nghe người đó, đâu hẳn lấy cắt mổ làm tánh của bẩm hòa, nấu nướng làm dụng cụ của giúp thiện ư? Nếu vì biên hộ khó bằng lo xấu luận chưa lập kiến đó, Nhị Thúc chẳng đều lo Chu Đức mất trước, ví như có thể bày để xa nhiều đời của Đồ Yếu, thì ngày tính có thể khắp, công năm có thể hẹn, cây cỏ tinh linh, quả nhiên đã riêng biệt. Đáp của du hồn, cũng là thuyết của tinh linh. Như tuy có không hình, thiên hạ sao có của có không hình? Trông lại đây chỉ nghi ngờ, nên thấy chánh định, Trọng Ni chẳng đáp có không chưa biện rành, Túc hạ đã nói có, đâu được đồng đáp với chẳng nói rành. Tuy ông ham học sợ chưa được chỗ nương gá, hoặc là sớm tối cách đường, việc ẩn hiển khác, bèn khiến

trăng sáng bỏ chiếu ở đời, trí hạng tâm biết cho rằng sẽ phù hợp, nói cực của thể ở không giảng cầu, trái ý như chẳng phải cùng tận, hoặc người đời giữ chất phải nhận nhường ngọc chợ đem dịch đều đòi tục trả, nói tình nước nếu chưa chiếu hết, xin lại bày đầy đủ gần thích. Báo thí đầu tiên xưng khí số là lấy làm vật không vọng, nhưng đều theo loại cảm, trong từng loại cảm, tâm người là lớn. Động của tâm thuật, lệ thuộc trải qua chỗ chẳng thể được, và chứa nhóm đến cùng có thể thắng nguồn mà phải đoán lấy đời thấy y cứ làm cao chứng. Trang Chu nói: Lỗ mãng diệt nát báo cũng như thế, Tôn Khanh nói: Thế của báo ứng, mỗi thường loại đến thân sau, chấp giới có thể chẳng kính cùng người của Từ Hộ, sâu thấy số này, nên chánh nói gốc, chẳng phải khơi bới ngọn, lớn mạnh tốt lành, dứt hết xấu ác, trở lại dân đại thuận, tế loại của có sinh, vào chốn của Khổng Tử, khiến mừng vui khắp triệu vật tôn quan cả trăm thần, làm sao thích hợp vận cực con cháu nối dòng, phước hạng khanh tướng mà thôi. Thường thiện để cứu thiện cũng theo thế đó, như ảnh bày chẳng lo, tự lại sao nói ư? Cần ban cho vui báo nghi tội khắc thí, dường như do gần nghiệm, lận tình xa lờn đức giáo, nên mới phạt kiêu công mà lạm lỗi quên hiền, sót còn nghĩa khác, công tư khác ý, đã đủ ở bạch trước, như chẳng nói lại, tưởng chỗ thật hẹp, hoa xấu là lại thấy đó ở dày bỏ mỏng, nếu thi vi chẳng phải khắp gấp, ban cho mà mong tiếng tăm, là người của như, thật là sâu mọt của đạo, chỉ hổ thẹn của con, khâu cũng hổ thẹn.

Lại đáp Nhan Vĩnh gia.

Tôi thuở nhỏ tin biết hẹp hòi, về già càng dốc chí. Đã nói, bèn cật nạn rằng: Đem tấc vuông nát đổ, nên gió mong nhờ Lưu để gá lân dung, Hậu ý dũ lòng ban cho để giải thích lại. Xét, chứng chu minh hoa từ bác thiệm, phàm lúc ngọc tốt có vết, kẻ tiện phu chỉ vết đó, trong buông ôm phách, người nhà quê nhìn thấy khuyết. Há khéo nói đó chưa được nói là: Đã đến thưa hỏi, mong để xét cùng chỗ dính mắc. Lại bảo rằng: Luận của ba Tài nên đáng bản của ba bức tranh, ba bức tranh đã bày Trung Xưng là Quân Đức, cho nên thần đặt để Thái thượng sùng nhất đứng đầu. Nếu như ý chỉ luận, cho ba tranh là ba tài, thì thứ nhất phỏng làm Địa hào, thứ ba bàn luận Thiên vị, nhưng trốn đời không phiền muộn, chẳng phải mục đích của chở dày, quân tử càn càn chẳng phải gọi là thương thương, quả nhiên Nhị Nghi không nương gá, cũng đâu lấy ở lập người, Chỉ Hào ở trung hòa, nên ứng với Quân Đức. Lại nói: Lo lắng cùng lượng của bác ái, hổ thẹn tận phương của Hựu Trực thì thượng nhân thượng nghĩa, bèn là tính thể nhân nghĩa là ba tài. Sau

đó lại nói: Kiều Trác chưa được thượng phụ, Y Nhan nên hạ lệ đó, cho nên người của Hoàng thường, đó còn chẳng bằng, tuy chỉ của trách, cao thấp không chuẩn, nên lầm hoặc là chưa ngộ. Âm dương luyện khí, cương nhu phú tánh, đầu tròn chân vuông, tiêu mạo chẳng phải khác, lo lắng hổ thẹn dần dặc đều vậy. Chỉ tham hiểu rõ, chỉ có hai nghi Tham và Thể hẳn nêu nhân nghĩa làm đầu mối, biết hạn dục dùng danh khí, thận trọng chỗ nhờ đó, bèn khiến người ban cho, kẻ thanh khiết, tánh bấc ở đàn lông cánh, ngõ hầu bậc hiền đồng khí với các tộc, ý của Lập tượng, há vậy đó ư?

Lại nói: Đã khắp đều đồng chúng vì sao húy kỵ chúng đồng, nên phải khác Đặc Linh, chẳng nên khác được sinh, phàm thần của Đặc Linh đã khác với chúng, lý của được sinh đâu từng tạm đồng, sinh vốn ở lý mà lý khác. Sinh của đồng chúng gọi là sắp an phụ, nếu chấp tên sinh đây hẳn khiến theo chúng, thì vật của hổn thành cũng sắp ở lệ ư? Lại nói: Cẩn trọng làm tường ngăn còn lo ngại vượt tràn, huống chi không chẳng bày đủ để sung nhiều chí, mới mở chỗ thái sao bàn nghị bỏ lắm. Mới đầu, Túc hạ nói: Hoàng thánh bày giáo của đợi vật, cẩn trọng kinh của thuận thời, sắp dùng trở lại dần dứt thái. Nay lại đem vừa mới mở chỗ thái làm nạn, chưa rõ đem cật nạn thô bỉ, bàn nghị sắp cười chê bậc Thánh. Lại nói: Bên ngoài đầu chợ, há không ngự dưỡng, chỗ Thần nông ghi, chỗ Trung tán thuật, đâu cần dùng cắt mổ làm bẩm hòa, nấu nướng là giúp thiện? Phàm yên ế... lật tông xả ba sinh, Hiếu Hương đậu trở để đãi khách, tuổi già bảy mươi, đợi thịt mà no, đâu được chỉ bày cỏ đá lấy đủ thuốc hay bậc thượng mà thôi, chỗ tôi lo chẳng lập là, chẳng phải gọi là Hồng Luận khó trì, lùi hiềm việc này, chẳng thể chóng bỏ ở đời. Lại nói: Thiên hạ đâu có phải vô hình, trông lại đây chỉ nghi ngờ, nên thấy chánh định, sau đó lại chỉ, tợ chẳng hiềm có quỷ, phải nói là quỷ nên có chất được không lầm hoặc. Sách của Thiên-trúc nói quỷ làm sinh loại riêng ư? Người xưa lấy quỷ thần làm giáo, mới xếp nơi điển kinh, bày ở phương sách. Trịnh Kiều Ngô Trát cũng cho là vậy. Vì vậy, mây hòa sáu biến, thật giáng trời thần, cửa rồng chín thành, người quỷ đều cách. Túc hạ nhã nắm theo Chu Lễ gần đây chợt nghĩa này, mới cật nạn phải vi vô hình làm biện rành về chi ly.

Lại nói: Thân sau chấp giới, có thể chẳng kính cùng người của Từ Hộ, thấy sâu số này, chưa rõ cái gọi là Từ Hộ là con của ai, nếu y cứ ngoại thư, thuyết báo ứng, đều là chỗ tôi gọi là quyền giáo. Giảng cầu không lý chẳng hề chiết lấy lời Thánh, phần nhiều dò tìm dối lạ để cùng giúp đỡ được không, chỉ tợ như nước giúp nước chăng? Lại nói: Vật

không vọng vậy, hẳn dùng loại cảm, thường thiện để cứu thiện cũng theo thế đó, như ảnh bày chẳng lo tự đến. Lời đó quả đúng như vậy, cho nên vật của loại cảm, khinh trọng phải có điều kiện, thế của ảnh bày ngắn dài có độ, cho đến trang nghiêm thổ mộc, chẳng phát tâm thương xót, thuận thời săn bắn, chưa có căn tánh của thảm ngược. Hoa nhạc cung trời đâu từng thẳng lên, u khổ nơi địa ngục nào phạt mà chìm đắm, xướng lời cùng ép nâng, lập pháp không cân đấu, một đến nơi đây, vả lại, sao gìn giữ bác ái thận trọng đến cả chuồng ruột, đầu bếp tốt nắm dao, tình xót xa họ mẹ, bậc Thánh kia là, sáng đồng mặt trời, hóa mở ba thống. Nếu khiến báo ứng phải phù hợp cũng đâu ngại đối với giáo mà giảm cục kỷ Hy Đường, chôn lấp đời của Chu Khổng, mở đầu buộc giềng lưới, dấy tội lụy ức, vẫn chế sinh lao, mở phạt đêm dài, bỏ sót bếp trời kia, cam chịu rau lá đây, đâu từng nhân từ của vớt đắm, giăng thành tàn khốc của nạp hoàng. Đó là không đúng, nên phân biệt vực lo. Nếu cho rằng trí của cùng thần, còn có chỗ chẳng tận, tuy cao tình ái kỳ tưởng, cũng chưa đến đến nơi khinh thường bậc thánh.

Túc hạ nói về nhân nghĩa thì nói: Tình là ít, lợi là nhiều, nói ban cho thì chấp thuận sót hiền, quên báo tại tình đã ít, ai năng sót hiền, lợi đó là nhiều, sao nói quên báo, nếu năng suy người ưa thí, để mong người ham nhân, diễn ý quên báo, riêng tâm hướng nghĩa, thì nghĩa thật ở đây, cầu nhân chẳng xa, đến nơi giúp loại của có sinh, vào chốn Khổng Tử, mừng vui khắp triệu vật, tôn quan trăm thần. Ý chỉ này rộng lớn, luận này chẳng sánh bằng, không là Tần Sư sắp theo hành nhân nói bày ư? Đâu có ngặt đó, ở tôi nói ông là, bậc Thánh ở trên, chẳng cùng trăm thần tranh lớn, có đầu có cuối, sao được chốn không chết. Nói rõ sáng tối, nghiên tinh thứ vật, trái lại mới đầu buộc dây cuối cùng lắm nhiều văn giáo, tánh do đạo dẫn nên bặt danh phạm húy của thân dự. Tạo hóa không thương tổn lượng của bác ái, dùng săn dùng chài, dưỡng gần hiền bỉ, được ba phẩm, thật đủ đầu bếp khách. Vàng đá phát hoa, sinh thược hợp tiết, say rượu no đức, hạng này muôn năm. Người ở mở nghiệp ngày mới, kẻ sĩ bày giáo của Tiên vương, thật hiển bày minh quân, đượm khắp muôn vật. Long Chương bày xem, khua ngọc tiết rảo, đó cũng là nhạc của Nghiêu Khổng. Và đó chẳng gặp khảo bàn, làm sao đượm để tốt thân đó, giết gà làm lúa, tạm giữ ôn nắm, hoặc vác đảnh cắt nấu, tung lớn tên nhiều đời, hoặc giết dê múa dao, cao chỉ giữa mây nổi. Đây lại là xử tâm của quân tử, sao hẳn hẹp hòi vận dài của chứa nhóm điều thiện, mong không nghiệm ở đời sau, sinh trái thật vui của năm nay huống nhọc mà chẳng phải trở về, hệ thuộc phong giúp

cảnh, chẳng phải vẻ đẹp Trung Dung, mến mộ Di Huyễn yêu hoặc trái ngược thấu đạt của người thông, quỳ mọp tiếp nhường, rốt cuộc chẳng đứng chung. Trộm mong tôi ông bỏ gồm xả mà gồm vâng một, và Thục Lương Nhị Thúc, người đời thí như của Dịch Tư chẳng phải chỗ tiếp nối của nghĩa gốc, nên chẳng còn nói đủ.

Lại giải thích cho Hà Hành Dương

Thánh lự khó tìm nguồn, thần ứng chẳng lường, Trung Tán nói rằng: Trong người tự kiệt, chẳng được đầu mối, há bờ cạn đó là chỗ có thể dò tìm. Huống lấy văn lớn bày thấy in khác đời, vọt theo râu tôm, lấy thẹn đương thời, nên việc của ngoài độ dùng ý cắt đó, Túc hạ đã xét hư thật, mới ghi chép đó chẳng mục nát, riêng soi kiên tinh, nạn lại nghi hỏi, tạm ghi các ôm ấp khác, y theo chiều đáp mà giải thích, sự vĩ ương phước, nghĩa tạp lẫn Hồ Hoa, tuy còn giảm chương tự đến phiền văn, qua đây đã rồi, tôi không muốn nói.

Đáp rằng: Nếu như luận chỉ, dùng ba bức tranh vẽ thành ba tài, thì thứ nhất phỏng theo Địa hào, thứ ba nghị Thiên vị, nhưng trốn đời không phiền muộn, chẳng phải con mắt của chở dày, quân tử càn càn, chẳng phải xưng của thương thương, quả thật, hai nghi không nương gá, cũng nào lấy lập nhân, Chỉ hào ở Trung Hòa, nên ứng với Quân đức.

Giải thích: Nghe ở tiền học, thuần tượng mới đầu ở tham họa, gồm quái cuối cùng ở sáu hòa. Tham Họa lập gốc vị ba tài, sáu Hào chưa biến, chỗ các rồng qua. Vì đây vậy sau của trùng quái thì dùng xuất xứ để nói, nên trốn đời càn càn, ngầm tàng đều đi, nghĩa của bậc Thánh vừa thời gần đạo đó. Nếu vì Hào thứ nhất chẳng phải địa, vị thứ ba chẳng phải thiên, dùng làm lưỡng nghi không nương gá, lập nhân không lấy, chẳng hay Túc hạ trước nói ba tài đồng thể, do đâu mà sinh, nếu còn nhận ở hệ thuyết chẳng cần thầy răn, sao riêng được đó, lại bói được đơn tượng của tang, như ngoài nghĩa văn lại có batài, đây tự ý mới Xuân Thu, tôi không hề biết. Vả lại, trốn đời càn càn, tuy chẳng phải tên của chở che, trong một thể chưa mất thật của thấp cao, đâu được dùng từ của biến động, phế bỏ nghĩa của lập gốc. Lại biết, vì Hào ở Trung Hòa nên ứng Quân đức, nếu không có Hào của Trung Hòa, thì không bao giờ có người của Trung Hòa, thì Hào lấy gì phóng, nếu Trung Hòa ở đức thì chẳng có người trái với Trung Hòa, luận của thể hợp hẳn chưa thể khác vượt.

Đáp rằng: Thượng nhân thượng nghĩa bèn là chấp nhân nghĩa: Là ba tài tầm. Lại nói: Kiều Trát chưa được hướng lên nương gá, Y Nhan nên hạ lệ, thì người của Hoàng thường còn chẳng bằng, tuy ngón tay của

trách, cao thấp không chuẩn, nên người mê người mê lầm chưa ngộ.

Giải thích: Các gọi là thượng nhân thượng nghĩa, tức là bao gồm cùng cực của nhân nghĩa, có thể dùng đối hưởng với trời đất. Chẳng phải nghĩa là ít có hổ thẹn mến ái thì đó là ba tài. Giải thích trước đã đầy đủ quái lạ, lại là hỏi bốn. Trong vực ấy chỉ vua là thể biết ba, lưỡng nghi đây chẳng phải Thánh chẳng ở, Dịch lão đồng quy về không còn lầm hoặc. Y căn cứ Đông Lỗ thềm sai, Kiều Trác Lý chẳng đáng hoàn bị, đâu do trên gá đến vị, nương chuẩn mực phương Tây. Y Nhan chưa được pháp thân, nên phải hạ lệ sinh phẩm, chưa luận cặp cơ nghị thích, nên cả hai giải ý này, mong để lấy xong trở lại đặt từ phí. Thánh làm vua thầy, Hiền làm tôi trò, tiếp sướng thần công, ảnh hưởng nghiệp lớn. Hành tàng có thể cùng, nói nín cùng đồng. Thể phân đến đây, đâu phụ hoàng thường. Bàn nghị là không thấy, chẳng được các vị. Đứng đầu Hoàng sinh chê hận, mà chẳng biết dẫn đến cực địa, lại chẳng phải tình của thủ tiết, chỉ đoán như thế sao gọi là không chuẩn.

Đáp rằng: Âm dương luyện khí, cương nhu phú tánh, đầu tròn chân vuông, tiêu mạo chẳng phải khác, lo lắng xấu ác dằng dặc đều phải chỉ hai nghi tham, thể chẳng nêu nhân nghĩa làm đầu mối.

Giải thích: Nếu cho rằng đầu tròn chân vuông, hẳn đồng thật của hổ thẹn lo lắng, tiêu mạo chẳng phải khác, đều có thể hai nghi tham, thể các hạng chân guốc cũng đáng ở số của ba tài ư? Nếu thật chẳng được chẳng thể thấy đồng của xoe mắt, bèn cùng Đại nhân đồng lệ. Còn hang dằng dặc, phẩm lượng khó bằng. Đã nói: Nhân là an nhân, trí là lợi nhân. Lại nói: Lực hành gần nhân sợ tôi cương nhân, nếu chánh vị của một sấp chân ngụy xung mạo lẫn nhau, Trang Chu nói: Trong thiên hạ, người thiện thì ít, người bất thiện thì nhiều, phần đó như đây, sao gọi là đều phải.

Đáp rằng: Biết hạng dục dùng danh khí, thuận chỗ nhờ đó, bèn khiến người bàn cho bậc thanh khiết ngầm tánh nơi loài lông cánh, ngõ hầu bậc hiền đồng khí ở các tộc, ý của lập tượng, há như vậy ư?

Giải thích: Danh khí có hạng, vì tư thể chẳng hoàn bị, tuy muốn nhờ đó nghi ngờ, Dương cho rằng Hàm Linh là người, loài lông cánh chẳng thể đồng, bẩm khí thành sinh, các bậc thanh khiết có chẳng được khác tượng, phóng linh đó chẳng phải tượng, sinh đó chỉ một mà thôi, không phải dối mạn.

Đáp rằng: Đã đều khắp đồng chúng, v.v... thần Đặc Linh đã khác với chúng, lý đắc sinh, nào từng tạm đồng, sinh vốn ở lý mà lý khác. Sinh của đồng chúng gọi là sắp an phụ, nếu chấp tên sinh này thì khiến

theo chúng, vậy vật của hổn thành cũng sắp tại lệ ư?

Giải thích: Trước tôi cho rằng: Đồng ở sở phương, đâu được sinh đó có thể khác, Túc hạ đáp rằng: Phi nghĩa là không đúng. Lại nói: Sao lấy sinh của chẳng khác, phải nên làm chúng thì bỏ tôi làm chúng, mà lấy tôi chẳng khác. Đâu có chẳng khác mà chẳng phải chúng ư? Do đó lại nói: Nên phải khác, đặc linh đó chẳng nên khác được sinh, nay đáp lại cho rằng lý được sinh đâu thường tạm đồng, sinh vốn ở lý mà lý khác, xin hỏi lý đắc sinh, có phải là âm dương không? Tôi chẳng thấy khác đó, mà Túc hạ cho rằng chưa tường tạm đồng, nếu có khác lý, chẳng phải lại chiếu chưng ư? Cho nên sự phô bày âm dương lại có thọ sinh đọa thú, ba đời đâu nên dựng lập, khiến sinh của hổn thành với đồng khí vật, đâu phải nghĩa của hỗn thành, nếu luống mượn tên sinh, chẳng thấy sinh thật, thì chẳng hạn vừa rồi nói, nói sinh chẳng phải sinh, tức là có vật, chẳng vật. Lý tẩu thuyết này hoặc lại có nghĩa đó, vì không hỏi vặn có, vả lại là chưa giống.

Đáp rằng: Cẩn thận làm tường ngăn, v.v... mới đầu nói Hoàng thánh bày giáo của đợi vật, cẩn trọng kinh của thuận thời, sắp vì trở lại dần dứt thái, nay lại dùng phương mở sở thái làm nạn, chưa rõ ở đây đem cật nạn thô bỉ bàn nghị làm chê trách bậc Thánh.

Giải thích: Trước xét luận này, từ cửu cốc trở xuống cho đến Khổng điếu chẳng võng, lúc đầu biết cao nghị, cho rằng phàm có tể làm đều ra bậc Thánh, tự thân làm sự tượng để dẫn trước hạ dân, cô bỉ vụng ý, tự cho rằng: Mỗi chỗ thi vi làm động hẳn có nhân, bậc Thánh theo làm tiết đó, khiến chẳng dời vượt hai thứ này, ôm đoạn lớn đó, chỗ đây kia chẳng đồng, tôi sắp tiết xa lưu, nên có thuyết dứt thái, Túc hạ mới rõ hoàn bị lập bày, chưa biết ở đâu bỏ lấm mà trúng. Đáp lại rằng: Cái gọi là lấm, là bậc Thánh hẳn đã bỏ đó, chẳng rõ ý này nên gần lại lấy sở thái làm câu hỏi. Đáp là chưa rõ ai cật nạn hoặc tự vọng báo trước.

Đáp rằng: Bên ngoài đầu chợ, v.v... Phàm, yên ế v.v... lật tông xả ba sính, hiểu hương đậu trở dùng để cúng dường tân khách. Lão của bảy mươi nhờ thịt mà no, đâu được bày cỏ đá lấy đủ thuốc hay bậc thượng mà thôi, mà lo chẳng lập chẳng phải nghĩa là Hồng Luận khó trì, thôi hiềm việc này chẳng thể chóng bỏ ở đời.

Giải thích: Thần nông định sinh, người Chu đủ giáo, đã xướng liệp thực, lại nói thước hay bậc thượng đã dùng hy lao, lại gọi làtần phồn, đạo của tế thiện, nên không định phương, trước nêu bên ngoài của đầu bếp, lại có ngự dưỡng, là chỉ dính mắc của mổ nấu xưa cũ, để nói diên tánh chẳng phải một, chẳng phải gọi là sự của trải đời, đều

phải lấy đầy đủ cỏ đá, nhưng công của rau cỏ, trải đến trăm năm, ý của chi truật, cùng vang ngàn năm. Do vậy mà nói: Già bảy mươi phải nhờ ân ở ăn thịt, chỉ tự bít một vứt là bỏ không thuật ở đây, tưởng chẳng thể bỏ ở đời, còn là chỗ giải thíchở trước, cái gọi là chẳng thể chóng đoạt chỗ dính mắc, mới đầu được Phù-đồng lấy chẳng quy về tốt lành, đã biết chẳng thể chóng bỏ, hoặc chẳng gọi là đạo tận cùng ở đây.

Đáp rằng: Thiên hạ sao có phải vô hình, v.v... tìm đến ý chỉ tương tợ chẳng hiềm có quỷ, phải gọi rằng quỷ nên có chất được vô hoặc. Sách của Thiên-trúc nói quỷ làm sinh loại riêng ư? Người xưa lấy quỷ thần làm giáo, mới nêu ở điển kinh, trang trải nơi phương sách. Trịnh Kiều Ngô Trát cũng lấy làm vậy. Do đó, mây hòa sáu biến thật giáng thiên thần, cửa rồng chín thành, người quỷ đều cách, Túc hạ nhã nắm Chu Lễ, chợt gần nghĩa này, mới cật nạn phải vô hình, là biện của chi ly ư?

Giải thích: Chẳng phải chỉ chẳng hiềm có quỷ, là cho rằng phải phải có hình, Túc hạ chẳng không là đồng ở có lại khác, vì vậy sánh bằng chất cật nạn muốn để cầu tận cùng, xin bỏ thuyết của Thiên-trúc, cẩn trọng nương kinh của Trung thổ (Trung hoa) lại đặt làm sinh loại riêng, cùng bàn lên mây thể trạng tinh linh có hay không, hẳn nhiên nên báo định, trong Điển Sách, quỷ thần lụy vạn, chỗ chẳng rõ là chẳng phải phải danh hiệu, sánh được ba luận, thời đến càng đông, muôn quỷ rốt cùng đến cuối chưa đáp chút nào tuy mở cáo rộng khắp chẳng phải giải mong khát, vô phải hình đã chẳng khéo lập, không cho rằng chi ly lấy làm thuyết chung. Nếu lấy xét chánh làm chi ly: sắp lấy nỗi mạn làm thẳng đạt ư?

Đáp rằng: Thân sau mang giới, v.v... chưa rõ, cái gọi là từ hộ là: Con của họ nào. Nếu y cứ ngoại thư, thuyết báo ứng, đều là cái mà tôi gọi là quyền giáo. Giảng cầu chí lý chưa từng chiết đó, lời thánh phần nhiều dò tìm dối lạ, để nâng giúp nhau, được không tợ dùng người giúp nước ư?

Giải thích: Chủ của từ hộ tính cũng nghe lâu, người đó trách vì ai ông dùng văn khác họ Thích, biết gọi là thuyết báo ứng, đều là quyền giáo, quyền đạo ẩn sâu, chẳng phải thánh thì chẳng tận, tuy ông thông thức lự cũng chưa thấy cùng cực, tôi nhọc ở tìm cầu mà Túc hạ vượt nơi riêng rõ, rất có xấu ác, nếu chỗ quyền giáo nói đều là khi vọng, thì trong tự nhiên không còn báo ứng. Tôi nhút nhác ở sự kiểu định, Túc hạ yếu kém ở sự chuyên đoán, lại cũng là sợ. Thần cao nghe thấp, hình thường có thể lừa dối ư? Tưởng rằng lời thánh đó hẳn là lời của

Cơ Khổng, nay chỗ bàn nói đều là việc tin thuận, mà cho là chẳng hề bị gẫy, lại chưa trải qua rõ ràng, tư duy lại luận lập cơ phế thích, nên tôi nêu dẫn thích phù hợp, đáp chẳng vượt hỏi, chưa rõ phần nhiều dò tìm do ngày nay đạn chẳng sinh hoa nhượng, sao hạng ngoài của phục chẳng có người cùng lý. Trong ngoài làm phán, thật cũng khó ư, nếu tự tin độ đó tư duy riêng, tai mắt tập quen phô bày về thức đều là dối lạ, thì tôi cũng thôi.

Đáp rằng: Lại nói vật không vọng, nhưng hẳn vì loại cảm v.v... lời đó quả nhiên vậy thì vật của loại cảm nặng nhẹ phải có điều kiện, thế của ảnh biểu, ngắn dài có độ, rốt cùng nghiêm sức thổ mộc, chẳng phát tâm thương xót thuận thời săn bắn, chưa căn tánh của thảm ngược, hoa nhạc cõi trời nào thưởng mà bay lên, địa ngục u khổ nào phạt mà đắm chìm, xướng lời cùng nâng ép, lập pháp không cân đấu, một đến nơi đây.

Giải thích: Thuyết của ảnh biểu dùng trưng cảm báo, lại ý nghi chẳng hẳn đều, hiềm vô độ ấy, tức lại trừ phước ứng, phước ứng chẳng phải do khí số khác sinh ra. Nếu diệt phước ứng tức không có khí số. Túc hạ Công còn giẫm nghiệm mà trở lại đánh chỗ biết, tưởng Tín đạo làm tâm là hẳn chẳng đến đây. Nếu cho rằng chẳng từ đối với trang sức của thổ mộc, có lắm thuận với giết hại, không là rất phụ tâm của phu nhân, phòng vàng ấn ngọc hẳn là tình của Nghiêu Thuấn, ở Lệ dưỡng đẹp đâu phải là ý của Thích-ca, trách thưởng của cõi trời, cầu phạt của địa ngục, vả lại loại người xưa cật nạn của á phu hỏi han của anh bố, có mùi vị ở lời đó, đây bởi chỗ rõ ràng của chúng dứt tâm, tôi có thể được mà lược quả.

Đáp rằng: Vả lại ai gìn giữ truyền ái thận trọng và chuồng ruột, đầu bếp tốt cầm dao, tình xót xa mẫu tộc, bậc Thánh kia sáng đồng mặt trời, hóa mở ba thống. Nếu khiến báo ứng hẳn phù, cũng nào ngại ở giáo mà bít cục kỷ của Hy Đường, chôn lấp đời của Chu Khổng, mở đầu kết giềng mép lưới, dấy tội nhiều cả lụy ức, bèn chế sinh lao, mở phạt của đêm dài, bỏ sót bếp trời kia mà cam chịu rau lá này, từng không nhân từ vớt đắm, giăng thành tàn khốc của nạp hoàng. Đó là không đúng, nên phân biệt với vực lo. Nếu cho rằng trí của cùng thần còn có chẳng tận, tuy cao tình ái kỳ tưởng chủng chưa đến nơi xem thường bậc thánh.

Giải thích: Biết gọi là nghĩa báo ứng, bít đời Hy Chu, lấy đây suy cầu làm chứng của chẳng phù, Hy Đường xa vời, rõ ràng của nhân anh, chỗ thượng thư ghi chẳng qua vài thiên, phương ngôn mất của đức hình, vội ghi nguồn họa phước. Nay đế điển vương sách, còn chẳng ghi việc

của tánh mạng, mà trưng bày khuyết văn lấy làm xưa hẳn không, đây cũng là lỗi của tâm thầy, vả lại tin thuận tốt xấu đều xếp vào sách vở của Cơ Khổng, gọi là chôn lấp, như đường nhỏ hẹp, chỉ nói có xa gần có cạn sâu, nên khiến người trí cùng đây mà đoạt kia ư? Phàm, sinh thì có dục, dục thì có cầu, dục thiếu thì tranh giành, cầu hợp thì vui mừng, tranh giành thì hại nhau, vui mừng thì cùng an, lập bày lưới tội, sắp bỏ hại để lấy an ư? Vả lại, săn chài sinh việc lao nhọc đó chẳng khác, đã biết sinh lao nhọc chẳng thể chóng bỏ ở đời nay. Lại cho rằng săn chài chẳng thể riêng bỏ ở xưa, chưa làm loại chung. Ham sống ghét chết ban xuống càng dốc, nên có chết là thuận tình, đoạt sinh là ngược tánh, bậc chí nhân còn vậy, sao lại phạm thuận mà ở nghịch ư? Vậy biết chẳng thể chóng đoạt chỗ dính mắc, nên nhân đó mà chế ra. Thánh linh tuy tốt lành nhưng không dùng duệ tâm mờ tối, dân của yếu kém sao có thể Thắng Luận. Lại của tội phạt đem vật tự lấy đó, sự xa khó thấu đạt, chẳng do bếp trời thấy sót vật, gần dễ vui nên thường rau lá là ngọt, cứu vớt chìm đắm ra thành là chỗ các triết chung cùng, chỉ hóa vật chẳng đồng, chẳng phải khác của đạo, nhường của chẳng tận, cũng như quá đáng, con lớn mừng lạ, vốn chẳng giống như đây.

Đáp rằng: Túc hạ nói về nhân nghĩa, thì nói tình là ít, lợi là nhiều, nói ban cho thì chấp thuận bỏ sót hiền quên báo, tại tình đã ít, ai có thử bỏ sót hiền lợi đó là nhiều, sao nói quên báo. Nếu năng suy người ưa thí, vì mong muốn lòng nhân, giảng nói ý quên báo, dẫn tâm của hướng nghĩa, thì nghĩa thật ở đây cầu nhân chẳng xa.

Giải thích: Tình nhân nghĩa là ít, lợi nhân nghĩa là đông, nghe đó ở trang thư, chẳng phải nay cô thuyết, chưa được rõ sánh đã bị quở trách, ở tình đã ít, lợi đó là nhiều, chẳng thể bỏ sót hiền, sao nói quên báo. Thật tôi trước sau chăm chăm lấy làm chẳng được, hai nghi phối nghĩ. Lại chẳng phải dốc chỗ luận y cứ chánh, nếu vui thí quên báo tức là thể nhân, còn quên báo mà thí thì là hợp nghĩa, có thể bỏ chữ dục và trừ tên hướng, ở đây chẳng xa, ai chẳng mến mộ.

Đáp rằng: Cứu giúp loài có sinh v.v... ý chỉ này rộng lớn, luận này chẳng bằng, không là Tần sư sắp theo hành nhân nói bày ư?

Giải thích: Túc hạ nói cặp cơ thích, tôi cũng đáp gần Nhung Chu, Túc hạ lấy đây ép kia, cho là phước cực cao môn, tôi bày giải thích kia, đây nói mừng khắp triệu vật. Túc hạ y cứ chỗ thấy này, cho rằng phước đức chỉ công hầu. Tôi tin chỗ nghe kia, nói Tôn puan trăm thần, vốn bàn nghị là tranh giành, sao nói chẳng bằng, phàm luận nạn đó, vốn lấy dễ đoạt làm thể, mất đó ngoài ra đều nói là rộng lớn. Đường lối của cầu lý

cơ hồ bít nghẽn, sự theo lời nói bày, hoặc chẳng ở đây.

Đáp rằng: Đâu cùng ép ngặt đó, ở tôi nói ông, bậc Thánh đối với trên chẳng cùng trăm thần tranh giành lớn, có đầu có cuối, đâu được chốn không chết,v.v...

Giải thích: Há sự bức bách đó, một sao chuyên đức, ở tôi nói ông, lại sao tráng từ, hễ làm lớn của vật, há chỗ tranh giành được, chẳng phải chỉ tranh giành, phải đem xuống đó, chẳng thể thấy tôn quan, trăm thần bèn cho là trăm thần tranh giành lớn, không là lấy đăng tiết, bỏ thể nhân biết đó, gọi là vật có đầu cuối, không có đất bất tử, cầu đó ở vức nội thật là Như lai thú, trước giải thích cái gọi là thắng loại, các khu có thật cũng nên như thế. Còn như chỗ bắt chước của Sơn Kinh, chỗ ghi của tiên truyện, mọi sự liên quan đời năm đã chẳng thể nguyên, huống chi là đạo dứt thường tình, lý cách thường chiếu, hẳn do ở ta, chẳng cũng đều phải dứt bỏ, đây lại là chỗ chẳng được an.

Đáp rằng: Nói về chương u minh, nghiên tính thứ vật, v.v...

Giải thích: Đợi xét chương này, nêu bày nhiều đời, văn rộng thể khắp, rất khéo sư pháp. Ca tụng đời thánh, đủ làm lắm tiếng, xét cầu đạo nghĩa chưa phải cần nói, xưa kia ở thời trẻ mạnh, từng trải các kỷ, khuôn phép của Hoàng Vương, vết tích của hiền trí, lắng nghe lược đó, dám nhục rõ ràng, dốc thiết của ban bày, thật cần chấp sự.

Đáp rằng: Sao hẳn hẹp hòi vận dài chứa mừng vui, mong không nghiệm ở đời sau, mọp quỳ tiếp nhường, trọn chẳng đều đủ, trộm mong tôi ông gồm bỏ cả mà vâng theo một, v.v...

Giải thích: Chẳng hẹp hòi chứa nhóm mừng vui, đã nêu bày ở điều tin thuận, xuyên suốt mong đời sau cũng đủ ở thuyết cảm ứng, áo vẽ cừu lớn cùng dùng một thể, quỳ mọp tiếp nhường đâu chẳng đều hành ở một đời, lý có thể gồm cả vô, nói là nên xả.

Đáp rằng: Hai thúc Thục Lương, người đời thí như của Dịch Tư, chẳng phải chỗ kế tiếp của luận này nên chẳng nói lại đủ cả.

Giải thích: Gần đây vài điều, tạm phát mối đùa bởn, cũng do vượt người hỏi bày, thấy tìm ở bàn nói trước, buông nghiệp đến cả không tưởng lắm lạ, nhưng hai thúc là hỏi, muốn dùng thì nghi ngờ của biên hộ, mất mà chẳng đáp, thật có mong mõi, Túc hạ liền nước, mây theo, rộng Luận Phong hành, tôi mờ tối sinh đơn lẻ nói, thường được trộm bàn, chẳng bằng nhau đây việc hẳn cố vậy, thật do chỗ thông tài cùng lý đó, bỗng nhiên quên phiền, tham đều dứt tâm.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 5

- Luận Cánh Sinh, của La Quốc Chương.
- Luận Thần Bất Diệt của Trịnh Đạo Tử.
- Luận Sa-môn bất kinh Vương giả (năm thiên) của Pháp sư Tuệ Viễn.
- Luận Sa-môn Đãn Phục (Hà Trấn Nam vấn Nạn và đáp) của Pháp sư Tuệ Viễn.
- Luận về Báo Ứng đáp lời Hoàn Huyền của Pháp sư Tuệ Viễn.
- Luận Nhân Tục Nghị Thiện Ác không hiện nghiệm ba báo của Pháp sư Tuệ Viễn.

****

LUẬN CÁNH SINH CỦA LA QUỐC CHƯƠNG

Lành thay! Lời nói hướng sinh, hỏi: Trời là gì? Là tên chung của muôn vật, Người là gì? Là một vật trong trời, do đây mà bàn nói, nay muôn vật có số mà trời đất không cùng, nhưng biến của không cùng, chưa bắt đầu có ra muôn vật, muôn vật chẳng lại sinh, thì trời đất có rốt cùng, trời đất chẳng có rốt cùng, thì sinh có thể biết.

Tim các luận cũ, cũng chép: Muôn triệu huyền định, chúng sinh thay tạ. Bậc Thánh soạn dịch đã đủ cùng cực, cùng thần biết hóa, cùng lý tận tánh, nếu thần có thể cùng, có hình là chẳng được vô số, vậy thì người vật có định số, ta người có thành phần, có chẳng thể diệt mà làm không, kia (người) chẳng được hóa mà làm ta, tụ tan ẩn hiển, xoay quanh đường của ta không cùng, hiền ngu thọ yểu, trở lại vật ấy, tự nhiên lần lượt, hào phân chẳng sai, cùng vận hết ở chẳng thành chẳng biết, xa ư? Vời ư? Đạo đó mịt mờ, trời đất tuy rất hỗn độn mà chẳng loạn, muôn vật tuy nhiều khu mà riêng biệt, mỗi tự gốc nó, tổ tông có thứ lớp, gốc cành trăm đời chẳng mất cũ. Lại thần và chất, là sự gặp nhau của tự nhiên, tình cờ có lìa hợp, biến của tử sinh, chất có tụ tan, thế của qua lại. Người vật biến hóa đều có tánh đó, tánh của bổn phận nên lại

thường vật, tan tuy hỗn độn mà tụ chẳng thể loạn, qua càng xa, nên lại càng gần. Lại thần chất minh kỳ phù khế tự hợp, đời đều bi hợp hẳn lìa mà chẳng yên, lìa đó hẳn hợp, đều biết tụ đó sẽ tan, mà chẳng biết tan đó sẽ tụ, chưa suy nghĩ đó thì há xa ư? Đời nay tức là đời trước, việc cũ của sanh tức là việc cũ, đối với thể không chỗ để ý, cũng đã ngầm mờ, đều chẳng tự hay, Ai nói hay đó ư? Nay bàn nói là không biết ta vừa rồi chẳng phải nay, mà chẳng biết nay ta nên xưa ta. Bậc đạt quán sở dĩ bằng tử sinh cũng nói tử sinh là tỉnh ngủ, thành thật thay lời nói đó.

Thư của Tôn Trường Sa của An Quốc.

Xét luận Cánh Sinh, bao gồm biến hóa, tìm tận cùng tan tụ nghĩ lý đã đẹp lại chỉ mùi vị từ đặt cũng khoái, là Hảo Luận. Nhưng ý tôi còn có đồng khác, vì khiến muôn vật hóa thành khác hình là, chẳng thể thắng số, ứng lý không mất, chỉ ẩn hiển có năm tháng, nhưng nay muôn vật còn ứng nhiều ít có trở lại được hình là không. Duyên tận nên phải mờ xa, tai mắt lại chẳng mở theo, nhưng sau mới trở lại gốc. Tôi cho rằng hình đã tan rã, cái biết cũng như vậy. Tan rã lẫn lộn hóa thành vật khác. Vật khác mỗi mất cũ đó, chẳng phải lại ngày xưa, phải tình đây là sở dĩ buồn than, nếu vậy thì Túc hạ chưa thể tự yên riêng.

Trả lời thư của Tôn An Quốc.

Được thử, văn lược chỉ từ, lý cũng gồm tình, tuy vui thanh thù chưa dụ, bèn ôm khư khư chẳng thôi, xin tìm gốc trước, gốc cũng không gọi là vật đều chẳng hóa, nhưng hóa thì đều tự được, sở hóa đó suy đổi cũng chẳng mất thể cũ, ai chủ đào luyện là tráii hỗn tráii, phán lời như vậy cho đến phân mà chẳng thể loạn. Như thế há từ một canh mà thôi ư? Sắp và không cùng mà dài canh. Cuối trở lại đầu, số đó rõ ràng chưa thể biết nay, làm sao biết được canh, bởi chứa buồn quên lời, hỏi cầu chỗ thông, đâu nói chỉ yên tạm để gởi tan mà thôi.

LUẬN THẦN BẤT DIỆT CỦA TRỊNH ĐẠO TỬ

Phần nhiều vì hình thần đồng diệt, chiếu thức đều tận. Sở dĩ như vậy có thể nói ở một đời. Đã lấy Chu Khổng làm cực, nhân nghĩa lễ giáo trước kết tâm đó, gốc của thần minh dứt mà không nói, nên chỗ của cảm thể tự hình đã trở lại, Phật xướng lời Chí Ngôn, lơ là chẳng tin, tôi đọa yếu lấp, nghĩ nhổ vớt đắm chìm, kính tìm huyền chỉ, nghiên cầu thần yếu, ngộ lý tinh ở hình, thần diệu ở lý, gởi tượng truyền tâm, thô cử chứng đó, ngõ hầu soi các nơi sắp ngộ, có công đối với dính mắc lầm hoặc.

Hình thần hổn hội, tuy đều tồn tại với sinh, đến như thô diệu nguồn

thì có không riêng khác, vì sao nói đó. Hình là năm tạng, sáu phủ, bốn chi, bảy khiếu cùng nhau làm một, nên sở dĩ làm sinh phải nó thọ sinh thì năm thường khác trao, vì vậy chi thể riêng bệnh, tai mắt lẫn khuyết, không đoạt đó làm sinh, bên trong một hình đó còn như thế, huống chi thần thể linh chiếu diệu gồm nhiều hình, hình và hơi thở đều vận, thần cùng Diệu Giác đồng lưu, tuy động tĩnh, giúp nhau mà tinh thô khác nguồn, há chẳng phải đều có gốc, nhân nhau làm dụng ư? Gần thì lấy nơi thân liền rõ lý, ngõ hầu có thể ngộ. Chỗ một thể giúp da cốt thì chỗ đau nhức biết, móng tóc thì chỗ dứt, vì sao ư? Há chẳng phải da cốt sở dĩ làm sinh, móng tóc chẳng phải gốc của sinh ư? Sinh ở gốc thì biết còn, sinh ở ngọn thì biết mất, dụng của một hình còn lấy ngọn làm hưng phế, huống chi thần làm gốc sinh, nguồn đó chí diệu, đâu được cùng bảy thước đồng khô, cửa nhà đều hết đó ư? Suy lý này vậy thì sự bất diệt của thần có thể biết.

Khách cật nạn rằng: Biện luận của ông là thần hình tận, tức lấy bên trong của một hình, biết và chẳng biết đều tinh, nhưng hình thần tuy thô diệu khác nguồn đều lấy có làm phần, cho nên là có thì sinh là gốc, đã ai có gốc đã tận mà vốn ở gốc là được còn riêng ư? Phô bày sinh ra thì rõ ràng mờ tận, đã mờ tận thì chẳng phải chỉ không chỗ lập. Nói cũng không chỗ lập là thức, thức chẳng lập thì thần sắp an giữ, đã không giữ làm sao chẳng diệt ư?

Đáp rằng: Cật nạn của ông, biện thì biện, nhưng chưa tận gốc các tâm, nên có cật nạn như thế. Phàm, muôn hóa đều có, tươi khô, thạnh suy, tử sinh thay nhau, một hình tận một hình sinh, đây có thỉ chung của sinh, còn như nước lửa thì càng xuyên suốt chúng sinh, trông mà chẳng hết, đâu chẳng phải thể lửa nhân vật, lý nước hư thuận, sinh không tự sinh mà làm chỗ giúp chúng sinh. Nhân tức là công, nên vật chẳng thể cạn kiệt ư? Đồng tại vực sinh, diệu đó như thế, huống chi thần lý riêng dứt, chỗ khí chẳng gần, mà hạn cục lấy sinh phô bày mờ tận, thần không chỗ gửi gắm ư? Do đây mà bàn nói, Thái Cực là mẹ của Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi là gốc của muôn vật, Thái Cực kia là khí của Hỗn Nguyên mà thôi, còn có thể gồm hóa căn này chẳng biến một đó, huống chi thần minh linh cực, có không gồm tận ư? Đó là bất diệt có thể để ngộ ư?

Cật nạn rằng: Ông nay thần chiếu ở hình phô bày, chỉ Thái Cực nơi vật trước, thật có nghĩa đó, nhưng lý quý ở tâm nhàm chán, sau đó bàn nói có thể rốt ráo. Thần hình chưa từng có lúc nào trái nhau, trái nhau thì không có thần, không có thần của cỏ cây vô thức, nên hình này tận, thần sắp an phụ mà gọi là bất diệt ư? Giả sử có thể bất diệt thì tự

trái linh đó chẳng giúp hình. Đã chẳng giúp hình, lý nào làm sinh với hình, trọn chẳng trái nhau, chẳng thể trái nhau thì sinh vốn là đồng, đoán có thể biết.

Đáp rằng: Có cật nạn này thần hình có nguồn, xin vì ông theo gốc mà giải thích: Lửa nhân củi mà có lửa, không củi thì không lửa. Củi tuy sở dĩ sinh lửa mà chẳng phải gốc của lửa, lửa vốn tự nhân củi làm dụng. Nếu đợi củi sau đó mới có lửa, thì trước toại nhân, không có lửa ư? Lửa vốn chí dương, dương là hỏa cực, nên củi là chỗ lửa gửi gắm, chẳng phải là gốc. Thần hình giúp nhau cũng giống như thế. Giúp nhau nhân nhau, là lý do của đường sinh, sao ở có hình thì thần còn, không hình thì thần mất, gốc hốt hoảng chẳng thể nói, xin vì tôi nói rộng loại ấy để hiểu rõ, ngay củi đó ở nước thì lửa tận, ra khỏi nước thì lửa sinh, một củi chưa đổi mà lửa lúc trước, thần chẳng nhờ hình, lại như đây vậy. Thần chẳng đợi hình, có thể ngộ ư?

Nạn rằng: Thần chẳng đợi hình, chưa thể chóng nói, y cứ như ông nói, giả sử chẳng đợi hình thì đó cùng riêng chiếu, lý đó thường một, tuy nói giúp nhau mà vốn chẳng tương quan, điều mà lý Phật nói hẳn nắn đúc nên thần đây để cứu giúp hình kia hay sao?

Đáp rằng: Câu hỏi của ông là nói có tâm, đây là chỗ cảm của dằng dặc mà chưa kịp gốc đó. Thần tuy chẳng đợi hình, nhưng hình kia sẽ sinh, hình của sẽ sinh, thần đây sẽ ở, hẳn ở hẳn sinh thì chiếu cảm làm một, tự nhiên giúp nhau, tự nhiên giúp nhau thì lý cực ở nắn đúc, nắn đúc cứu giúp thì công còn, công còn thì đạo hành, như bốn mùa đối với muôn vật, đâu có tâm ở cứu giúp nhau ư? Chỗ thuận của lý, chỗ đến của tự nhiên.

Cật nạn rằng: Hình thần tuy khác tự nhiên cứu giúp nhau thì kính nghe. Ông đã thí dụ thần đó đối với hình như lửa ở củi, củi không ý ở có lửa, lửa vô tình ở gửi củi, nên năng hợp dùng không cùng, tự cùng hóa trọn chẳng phải lửa của củi này dời đến củi kia, nhưng sau là lửa, lý Phật vì hình này đã tận lại gá vào hình kia. Thần hình đến đi do ở tội phước. Xin hỏi: Hình này làm tội có phải là hình không? Phải là thần không? Nếu là hình thì một vật lớn đúc. Nếu thần cũng là thần thì thần chẳng tự cứu giúp ở hình khác, thì luận của ông hình chẳng giúp nhau ở đây mà vấp.

Đáp rằng: Nên có câu hỏi này,, sau đó lý có thể tận, cái gọi là hình thần chẳng giúp nhau, thì đó khác gốc, đã lấy làm sinh, sinh bên trong của sinh đều khắp dụng đó, giả sử dùng sinh này để thành tội phước, thần đâu tự chiếu diệu đó chẳng làm dụng của hình này ư? Nếu

như vậy, thì có ý ở hiền ngu chẳng phải quên chiếu mà huyền hội, thuận lý huyền hội thuận lý tận hình, hóa thần ở hình, ông chẳng nghi đầu tiên, kia đây một lý mà tánh ở cuối cùng ư?

Cật nạn rằng: Thần ngay nơi hình làm chiếu, hình do thần mà làm dụng. Đây thì như vậy, ngộ đã do thần, lầm hoặc cũng ở thần. Thần tùy hình đây nên có hiền ngu, hiền ngu chẳng phải thần, mà thần làm hình dụng, ba đời trùm khắp, muôn kiếp không tính toán, hiền ngu chẳng phải đầu tiên mà công hiển ở giữa đường, không có lý huyền đầu tiên mà công ở giữa đường chưa thuần thục, có công của ở cuối, mà nhổ sợ không có bát đầu? Nếu có vui mừng chung thì theo bụi trần ở sau.

Đáp rằng: Ông trách đầu tiên có lời đó, lý không thỉ chung, huyền cực không bờ mé, đã sinh, đã hóa tội phước qua lại, tự nhiên sinh ra. Cái gọi là thông minh, thật do tai mắt, gốc của tai mắt chẳng phải thông minh, cái gọi là hiền ngu thật nên có thỉ. Đã là hiền ngu vô thỉ có thể biết. Hễ có vật thì không thể quản vật, chỉ có không vật sau đó năng làm chỗ vật quy về. Nếu có thỉ vậy thì chẳng thể làm chung, chỉ vô thỉ, sau đó chung thỉ vô cùng, đây tự chỗ lý đó chẳng vậy, chẳng thể nêu có thỉ của sự mà trách thần đồng với sự, thần đạo vời xa, chí lý không lời, phản phất tông đó cùng nhau làm ngộ, từ ngọn nêu gốc, động mất bao gồm, do vậy giữ một quán đây ngõ hầu thềm bậc cao vút, nếu bày biện tranh từ, tôi biết nó dứt.

Hồng Phạm nói gốc của sinh, đồng với Phật nói, con như điều Phật nói, thì nhiều như Hà Hán. Đây đấm chìm ở nhật dụng. Thương thần cực nghịch, sau nối dõi nghiệp lớn, Nhan Nhiễm đức hạnh, chết yểu không nghe. Giáo của Chu Khổng tự làm phương nội, suy lý này vậy, đó cũng có thể biết, xin nói rộng chứng để nghiêng cứu cho rõ ràng. Phàm bẩm Linh Nương Hòa, thể rất thuần túy, Nghiêu sinh Đan Chu, Ngoan Hung không rõ, chẳng biết nhân nghĩa, việc đó như nay, mà rằng lý Phật là xa vời, có thể chẳng ngộ ư!

Hoàn Quân Sơn Tân Luận về Hình Thần

(Quân sơn chưa nghe giáo của họ Thích, đến luận hình thần đã bày thí dụ củi lửa, sau lời đó mới mở tối, cùng đó hội nên có lấy đây).

Tôi thường qua Cố trần lệnh, đồng phòng quận xã thấy đó đọc sách Lão Tử rằng: Lão Tử dùng điềm đạm dưỡng tánh, đến nỗi thọ mấy trăm năm, nay hành đạo đó, làm sao có thể kéo dài năm tháng chẳng già ư? Tôi liền ứng đáp rằng: Tuy đồng hình danh mà chất tánh tài, cán là đều khác, độ có dáng vẻ mạnh yếu, cứng mềm, ái dưỡng vừa dùng đó thẳng sai hơn, thí như áo giày khí vật mến giữ đó thì hoàn toàn lâu dài,

tôi thấy bên cạnh đó có đuốc vừng mà bó đuốc duỗi dài đến một thước, thì nhân dùng thí dụ việc đang nói, tinh thần ở hình thể, như lửa đốt đuốc, nếu khéo giữ gìn tùy theo lửa nghiêng về bên nào mà có thể tắt mà trọn đuốc, đuốc không có lửa cũng chẳng thể đi một mình trong hư không. Lại chẳng thể sau đốt bó đuốc đó, bó đuốc giống như người già răng rụng, tóc bạc da dẻ khô cằn mà tinh thần chẳng vì đó năng đượm nhuần, trong ngoài khắp cùng thì hơi khí hết mà chết, như lửa đuốc đó đều hết, người gặp phải bệnh tà thương mà chẳng gặp cung dưỡng thầy thuốc tốt, là hoặc cương chết, chết thì da thịt gân cốt phải như nghiêng chích gió của lửa mà chẳng được cứu hộ, cũng qua diệt thì da thừa cán lớn. Ban đêm tôi thường ngồi uống, bên trong đốt đuốc, một nửa bó đuốc đè nghiêng muốn tắt, liền tự bảo sửa xem, thấy da đó có bóc khoét bèn giữ cho chuyển nghiêng, lửa bèn độ mà trở lại, thì chỉ thân người hoặc có khuyết bóc gọt quá lắm, năng nuôi dưỡng thận trọng khéo gìn giữ, cũng có thể được độ. Lại người chẳng thể biết lúc mới sinh, thì già và chết chẳng phải tự biết, xưa kia đời Hòa Bình, người dân mong đẹp thạnh mà sinh, đều kiên cường già thọ, đều trên dưới trăm năm mới chết, lúc chết chợt như nằm ra đó, còn quả vật lúa thóc thật lâu già thì tự rơi rụng. Đời sau gặp suy bạc ác khí, cưới gả lại chẳng phải thời, siêng năng khổ nhọc quá độ, là vì thân sinh con đều cùng thương tổn, mà gân cốt huyết khí chẳng sung cường, nên phần nhiều hung dữ nên chết yểu, giữa đường, họ bị bệnh hoặc đau đớn, buồn sầu, sau đó dứt mất, nên than hỏi ganh ghét cho chết là lớn. Nên xưa kia Tề Cảnh Công ngợi ca nước đó, mừng vui nhạc đó, nói là: Giả sử xưa mà không chết thì thế nào? Yếu Tử nói: Thượng đế cho cái chết của người là thiện, bậc nhân thì dứt, kẻ bất nhân thì như vậy, nay chẳng nghĩ gắng rộng bảo là học tự thông, để hướng đến lập thân nêu danh, như chỉ tham lợi sống lâu, phần nhiều cầu thọ dài thêm tuổi, thì lầm hoặc chẳng hiểu. Hoặc cật nạn rằng: Dùng lửa đuốc dụ cho hình thần, sợ tợ mà chẳng phải, nay da thịt của người lúc bốc lột tổn thương mà tự lành khỏi là bởi khí huyết thông hành, kia đốt đuốc khuyết hoại thương tổn, tuy có lửa ở đó, chẳng thể trở lại hoàn toàn là do thần khí mà sinh trưởng, như đuốc lửa chẳng thể tự bù đắp hoàn toàn, bởi chỗ đó lấy làm khác, mà sao muốn đồng đó? Nên nói rằng: Lửa thì từ một mối khởi, mà thần khí người ở thể phải từ trong ra, chút ít hợp ở ngoài, nếu do ngoài thấm đạt đến trong, chắc chắn chưa hẳn do đầu mối mà đến, thí như đốt đỏ lửa than, như nước quá độ đó cũng giảm chút ít nhưng sau lại sinh, đây cùng như người có khí huyết sinh trưởng da thịt, v.v... trông lại rốt cùng đó hoặc là than, hoặc

là bó đuốc, saò chẳng thể dụ ư? Về sau tôi cùng Bá Sư ban đêm đốt lửa mỡ cùng ngồi trò chuyện, mỡ trong đèn hết mà cháy rụi sắp tắt, thì lấy đó để bày hiểu, Bá Sư nói: Người già suy cũng như đèn cháy rụi kia, lại vì nói việc đốt đuốc mè ở trước, Bá Sư nói: Lửa đèn hết, phải thêm mỡ để đổi lửa, người già suy thì ngã té tiếp theo, tôi liền nói: Người đã bẩm hình thể mà lập, như kia gìn giữ đèn một ngọn lửa, đến lúc nó hết, làm sao tự hết, được đổi hết; đổi là do người, sự ngã té của người cũng do trời. Trời hoặc vì người khác, da cốt huyết khí giúp cho đầy đủ mạnh mẽ, thì hình thần lâu sinh ác, dứt bặt thương tổn, như lửa đó tùy mỡ, ngọn lửa ít nhiều dài ngắn làm chậm nhanh. Muốn lửa đèn tự thêm, đổi dùng chẳng được, chỉ thúc kiểm mỡ bên cạnh nhuần thấm đầu đó, chuyển nghiêng đốt cán khiến lửa được đứng yên thì đều sáng lại. Đến lúc gốc hết là cũng không thể dùng đốt, nay dưỡng tánh người, hoặc khiến cho răng rụng mọc lại, tóc bạc lại đen mượt, sắc da sáng nhuần, như kia thúc mỡ chuyển đuốc là đến thọ cực cũng riêng chết. Người thông minh biết đó khó cầu, nên chẳng dùng tự nhọc, kẻ ngu dốt khinh nhầm mà mong được, thêm mỡ đổi lực của đuốc, nên châm thêm chẳng dứt, lại cỏ cây ngũ cốc lấy khí âm dương sinh ở đất, đến lúc nó phát triển lớn thành thật, thật lại vào đất mà sau năng sinh, như người cùng cầm thú côn trùng, đều do trống mái giao tiếp mà sinh, sinh thì có lớn, lớn thì có già, già thì có chết, như bốn mùa thay đổi vậy, mà muốn biến đổi tánh đó, cầu làm khác đạo, mê lầm đó chẳng hiểu.

LUẬN SA MÔN BẤT KÍNH VƯƠNG GIẢ CỦA PHÁP SƯ TUỆ VIỄN

Vua Thành Khang đời Tấn, đời, Xa-ky tướng quân Dữu Băng nghi ngờ các Sa-môn chống lễ, lý mà vạn thừa nói là thế nào. Phiêu Kỵ có đáp (hai luận gia, đều ở mỗi tại bản tập) cho đến trong niên hiệu Nguyên Hưng, Thái Úy Hoàn Công cũng đồng nghĩa này, cho rằng lời nói của Dữu Băng chưa cùng tận, mới gửi thư cho Bát Tòa, nói rằng:

Sự hành hóa của Phật tuy lớn, vì mênh mông suy ngoài nghe thấy, lấy kính làm gốc, xuất xứ này chẳng khác, vì chỗ mong cầu có khác, chẳng phải cung kính, nên phế bỏ. Lão Tử đồng Vương hầu ở Ba Đại Nguyên, chỗ đó trọng đều ở chỗ tư sinh thông vận, đâu riêng vì bậc Thánh tại vị mà sánh cân hạn nghi ư? Dẫn lấy đức lớn của trời đất, gọi là sinh, thông sinh lý vật ở nơi vương giả, nên tôn thần khí đó mà lễ thật là lớn, đâu phải hư tướng sùng trạng nghĩa hoằng ngự mà thôi, cho nên Sa-môn sinh sống ở nước nhà, cũng thường dùng hằng ngày nơi lý

mạng, đâu có thọ đức mà bỏ sót lễ, đượm ân ban mà phế bỏ kính đó ư? Bấy giờ các hàng triều sĩ danh hiền cùng đối đáp rất đông, tuy lúc nói chưa ngộ nhưng đều cùng nhau ngợi khen, không đều hết chỗ nghĩ nhớ mà lý tích chứa ở tình, bèn khiến cho đạo phục vô thượng hủy bỏ ở trần tục, tâm lượng đáo khuất nơi nhân sự. Buồn thay! Đây mới là lý do của giáo táng, chẳng phải vận ngàn năm, rất lo sợ đạo pháp sắp đắm chìm, mến cảm chẳng quên việc trước, nên soạn thuật luận năm thiên, rốt ráo ý nhỏ nhiệm, đâu nói đợi thần lộ của hang vực, bởi bày võng cực, cũng mong các bậc quân tử sau này hoặc người tôn kính Phật giáo thử xem cho rõ.

Thứ nhất: Tại gia.

Phật giáo nói điều cốt yếu, lấy xuất gia làm khác. Người xuất gia gồm có bốn khoa, họ hoằng giáo thông vật thì công ngang với Đế vương, hóa gồm đạo trị, còn như cảm tục ngộ thì cũng không đời nào chẳng có, chỉ chỗ ngộ có hành tàng, nên lấy phế hưng làm ẩn hiển. Trong đó có thể được luận là, xin lược mà nói. Tại gia thời phụng Phật pháp thì là dân của thuận hóa, tình chưa biến tục, dấu vết đồng phương nội, nên có ái của thiên thuộc, lễ của phụng chủ, lễ kính có gốc, bèn do đó mà thành giáo bản, sở nhân thì công do ở xưa. Cho nên nhân mẹ dạy dỗ yêu thương, khiến dân biết có ân tự nhiên, nhân cha dạy kính khiến dân biết có trọng của tự nhiên, xưa nay hai điều đó thật do ngầm ứng, ứng chẳng ở nay thì nên tìm gốc, nên lấy tội đối làm hình phạt, khiến sợ mà sau thận trọng, lấy thiên đường làm tước ban thưởng khiến vui mà sau động. Đây đều là báo của ảnh hưởng đó mà rõ ở giáo, lấy nhân thuận làm thông mà chẳng đổi thay tự nhiên, vì sao? Vì hậu thân còn sinh, lấy có bít làm vướng lụy. Rễ sâu hẳn do ta, ngã chưa quên phương, đem lấy tình dục làm vườn uyển, thanh sắc làm dạo xem, chìm đắm vui đời chẳng thể tự khỏi mà đặc biệt vượt ra, cho nên chỗ xem xét của giáo là lấy đây làm bờ mé, chẳng nói rõ bên ngoài, bên ngoài chưa rõ thì đại đồng với thuận hóa, nên chẳng thể thọ nhận đức mà bỏ sót lễ, đượm nhuần ân tuệ mà phế bỏ kính, cho nên người ưa thích phong hóa của Thích-ca thì trước phải thờ phụng cha mẹ mà kính trọng vua, biến tục vất bỏ trâm là hẳn trì mạng mà thuận động. Nếu vua hay cha mẹ có nghi ngờ thì lui cầu chí đó để đợi đồng ngộ. Đây mới là sở dĩ trọng tư sinh giúp vương hóa của Phật giáo đối với trị đạo. Luận là ý chỉ của lập ngôn, dáng mạo có chỗ đồng, nên địa vị có phân nội ngoại để nói về chí của ở ba, lược thuật ý kinh, tuyên gửi điều ôm ấp.

Thứ hai: Xuất gia.

Người Xuất gia là khách của phương ngoài, vết bặt nơi vật, đó là giáo, đạt hoạn lụy duyên do có thân, chẳng còn thân thì dứt hoạn. Biết nhiều đời do nơi bẩm hóa, chẳng thuận hóa để cầu tông, cầu tông chẳng do thuận hóa thì chẳng trở lại vốn giúp cho vận thông. Dứt hoạn chẳng do còn thân thì chẳng quý ích lợi của hậu sinh. Lý này trái với hình, đạo này trái với tục. Nếu người này tự thể lúc đầu ở lạc trâm, lập chí hình ở biến phục, cho nên là xuất gia, đều trốn đời để cầu chí, biến tục để đạt đạo, biến tục thì phục chương chẳng được đồng lễ với thế điển, trốn đời thì nên cao chuộng dấu vết. như vậy thì vớt được người đắm tục ở dòng chìm, nhổ căn sâu tối trong nhiều kiếp, xa thông bến ba thừa, rộng mở đường trời người. Nếu khiến một người toàn đức thì đạo trị sáu thân, đượm nhuần thiên hạ, dù chẳng ở ngôi vị Vương hầu cũng đã khế hợp hoàng cực, tại giúp sinh dân, cho nên trong thì trái trọng của thiên thuộc mà chẳng trái hiếu, ngoài thiếu cung kính của phụng chủ mà chẳng mất kính. Từ đây mà quán xét, nên biết vượt ngoài hóa để tìm tông thì lý sâu mà nghĩa dốc, rõ thái tức để nói nhân, thì công ngọn mà ân ban cạn. Nếu vậy thì, tuy đem mặt che mờ núi mà xoay bước, vẫn còn hổ thẹn nghe phong cách đó, huống chi là dân của thuận hóa, hiền của thị lộc, đồng cùng hiếu kính.

Thứ ba: Cầu tông chẳng thuận hóa.

Hỏi rằng: Tìm ý của họ Lão, trời đất láy được một là lớn, Vương hầu lấy thể thuận làm tông, được một nên làm gốc của muôn hóa, thể thuận nên có công của vận thông, nhưng rõ tông thì còn ở thể cực, thể cực thì do thuận hóa, cho nên các bậc tiên hiền cho là lời nói hay, điều các luận chẳng thể khác, khác với các luận đó thì nghĩa không có chấp, mà nói là chẳng thuận hóa là sao?

Đáp: Do có phương đồng bẩm sinh ở đại hóa, tuy các phẩm muôn sai, tinh thô khác quán, thống cực mà nói chỉ có linh và không linh, có linh thì có tình ở hóa, không linh thì không tình ở hóa; không tình ở hóa thì hóa cuối cùng sinh linh, sinh mà chẳng do tình, nên hình hủ nát mà hóa diệt, có tình đối với hóa, cảm vật mà động, động thì vì tình nên sinh chẳng dứt, sinh chẳng dứt thì hóa càng rộng, hình càng chứa nhóm, tình càng dính mắc là lụy càng sâu, đó là hoạn, làm sao có thể nói hơn ư? Cho nên kinh nói Nê-hoàn bất biến, lấy hóa tận làm nhà, ba cõi lưu động lấy tội khổ làm trường, hóa tận thì muôn duyên dứt hẳn, lưu động thì thọ khổ không dùng. Lấy gì nói đó ư? Sinh lấy hình làm gông cùm, mà sinh do hóa, có hóa do tình mà cảm, thì thần dính mắc gốc đó mà trí mờ chiếu, ngay đó có bít thì chỗ còn chỉ đã xong, chỗ trải qua chỉ có

động, từ đó, dây linh mất ngự, đường sinh ngày càng mở, mới tùy tham ái ở dòng dài, đâu một thọ nhận mà thôi ư? Cho nên trở lại gốc cầu tông thì chẳng vì sinh mà lụy thần. Vượt rơi bụi bít là chẳng vì tình mà lụy sinh, chẳng vì tình lụy sinh thì sinh sẽ diệt, chẳng vì sinh lụy thần, thì thần có thể ngầm thần dứt cảnh, nên gọi là Nê-hoàn. Tên của Nê-hoàn, đâu phải hư cấu. Xin suy tìm sự thật, trời đất tuy lấy sinh sống làm lớn, mà chưa thể khiến sinh là chẳng hóa, Vương hầu tuy lấy tồn tại làm công, mà chưa thể khiến sự tồn tại đó không hoạn. Cho nên luận trước nói: Đạt hoạn lụy duyên do có thân, chẳng còn thân vì dứt hoạn, biết sinh sống do ở bẩm hóa, chẳng thuận hóa để cầu tông, nghĩa còn ở đây, nghĩa còn ở đây, đây là lý do Sa-môn chống kháng lễ muôn thừa, cao chuộng việc ấy, chẳng tước Vương hầu mà đượm ân ban đó.

Thứ tư: Thể cực chẳng gồm ứng.

Hỏi rằng: xem qua các sử trước, từ thượng hoàng trở lại tại vị ở tông, chưa từng khác nguồn gốc đó, gốc chẳng thể hai, cho nên trăm đời đồng điển, đều là một thống, cái gọi là chỉ có trời là lớn, chỉ có Nghiêu là đó. Như thế thì chẳng trí có chỗ chẳng chiếu, tự không ngoài chẳng thể chiếu, chẳng phải lý có chỗ chẳng cùng tận, tự không có lý để cùng tận. Lấy đây mà suy thì ngoài sự thấy nghe rỗng rang không chỗ gửi gắm, Lý không chỗ gửi gắm thì tông cực có thể rõ. Nay các Sa-môn chẳng ngộ ý của văn biểu mà mê lầm văn của giáo biếy. Đây là sai nhầm, hẳn đã hoàn toàn mất, nếu lại hiển nhiên có nghiệm đây, mới mong cái nghe của thế gian.

Đáp rằng: U tông rộng xa, thần đạo sâu mầu, có thể dùng lý tìm nạn, dùng sự vặn hỏi. Đã giẫm trải nơi giáo thì dùng nhân thời để kiểm, tuy ứng đời đó đủ hơn kém muôn sai, con như khúc thành ở dụng, cảm tức tâm dân mà chung phần đó, phần đến thì dừng chỗ của trí đó chẳng biết, mà chẳng liên quan bên ngoài. Nếu vậy thì chẳng phải thể cực chỗ của đó chẳng gồm, gồm thì chẳng thể đều ngự. Cho nên xưa nói đại đạo là năm biến mà hình danh có thể nêu, chín biến mà thường Phật có thể nói, đây chỉ là thềm bậc khác nhau của phương nội, mà còn chẳng thể chóng bày, huống chi ngoại đó ư? Xin lại suy nghiệm mà rộng đó, để xa loại đó, bên ngoài của sáu hợp có mà chẳng nói là: Chẳng phải không thể nói, mà nói, hoặc trái ngược, trong sáu hợp nói mà chẳng nói, là chẳng phải không thể nói, mà nói, hoặc nghi ngờ, Chí của tiên vương, Xuân Thu Kinh thế nói mà chẳng bàn luận là chẳng phải không thể bàn luận mà bàn luận đó, hoặc loạn. Ba thứ này đều là chỗ mà tai mắt của thân chẳng thế đến được. Lấy làm quan them chốt, mà chẳng liên quan

ngoài thấy nghe. Do đây mà cầu ý của bậc Thánh, thì đạo nội ngoại có thể hợp mà rõ. Thường lấy làm đạo pháp và danh giáo, Như lai cùng Nghiêu Khổng, phát rốt ráo tuy khác mà thầm cùng ảnh hưởng, xuất xứ thật khác mà trọn kỳ thì đồng, rõ ràng mà nói, chỉ quy có thể thấy, lý hoặc có trước hợp mà sau trái, có trước trái mà sau hợp. Trước hợp mà sau trái là Chư Phật, Như lai. Trước trái mà sau hợp là, quân vương các đời chưa đến chỗ thể cùng cực. Đây là hạng đó làm sao biết được? Trong kinh nói: Phật có pháp từ thần thông nhiên, hóa vật dùng quyền giăng rộng tùy chỗ vào, hoặc làm tiên linh, chuyển luân thánh đế, hoặc làm khanh tướng Quốc sư Đạo sĩ, các hàng như thế, tại chỗ biến hiện, các vua quân tử chẳng biết là ai, đây là cái gọi là hợp mà sau trái. Hoặc có mới đầu mở sự nghiệp lớn mà công hóa chưa xong, vết có so le nên chỗ thọ chẳng đồng, hoặc mong công ở thân sau, cũng chẳng thể tính toán, tuy ép dẫn vô phương, hẳn về đường có hội, đây gọi là trái mà sau hợp. Nếu nay trái mà sau hợp, thì phỏng bước đường thông đó hẳn chẳng từ bờ mé ở một đạo. Nếu nay hợp mà sau trái, thì Thích-ca và Nghiêu Khổng chỗ quy về chẳng khác, đoán có thể biết, cho nên tự trái mà cầu hợp thì biết lý hội sẽ đồng, tự hợp mà cầu trái thì ngộ, thể cực đó lắm phương, chỉ thấy chỗ chẳng gần của hình, nên lầm hoặc nhiều đường mà kinh sợ, do đây mà quán xét: Đạo trời đất công tận ở vận hóa, đức của đế vương lý cực ở thuận thông, nếu đem đối với giáo riêng bặt, tông chẳng biến thì chẳng được đồng năm mà nói sự hơn kém, cũng đã rõ vậy.

Thứ năm: Hình tận mà thần chẳng diệt.

Hỏi rằng: Luận chỉ lấy hóa tận làm chí cực, cho nên tạo cực hẳn là trái hóa mà cầu tông, cầu tông chẳng do ở thuận hóa, do đó nêu dẫn quân vương các đời khiến đồng với Phật giáo, giúp cho đến chỗ thể cực hoặc dùng quyền ở thống, đây là chỗ nương gá của Nhã Luận, tự hẳn ở đại thông, cầu đó thật đáng lý thì chẳng đúng, vì sao? Bẩm khí cực ở một đời, đời tận thì tiêu dịch mà đồng với vô thần, tuy diệu vật nên là hóa của âm dương, đã hóa mà làm sinh, lại hóa mà làm tử, đã tụ mà làm thỉ, lại tan mà làm chung, do đây mà suy nghiệm, nên biết thần hình đều hóa vốn không khác thống, tinh thô một khí, thỉ chung đồng nhà, nhà toàn thì khí tụ mà có linh, nhà hủy thì khí tan mà chiếu diệt, tan thì trở lại chỗ thọ ở gốc lớn, diệt thì lại về nơi vô vật, qua lại chung cùng đều là số tự nhiên. Ai làm việc đó? Nếu khiến gốc khác thì khác khí, số hợp thì đồng hóa, cũng là xứ hình của thần, như lửa ở gỗ, sinh đó thì còn, hủy đó thì diệt, hình lìa thì thần tan mà không gửi, gỗ nát thì lửa tàn mà

không bám, lý đó như vậy, giả sử phần của đồng khác tối mà khó rõ, thuyết có không hẳn còn ở tụ tan, tụ tan là lâm chung của khí biến, là sinh diệt của muôn hóa, nên Trang Tử nói: Sinh của người là tụ của khí, tụ là sinh, tan là tử, nếu tử sinh là bọn kia khổ, tôi nào lo hoạn gì. Thiện ngày xưa gọi là Đạo, hẳn có vì được đó, nếu quả nhiên như vậy, thì chí lý cực ở một đời, đời tận chẳng hóa, nghĩa có thể tìm.

Đáp rằng: Thần là gì? Tinh cực là linh, tinh cực thì chẳng phải chỗ mưu tính của quẻ tượng, nên bậc Thánh lấy điệu vật làm lời nói. Tuy có thượng trí, còn chẳng thể định thể trạng đó, thấu cùng u trí đó mà bàn nói, vì thường thức sinh nghi phần nhiều đồng mắt loạn, đó là lừa dối vậy, cũng đã xâu xa. Sắp muốn nói, đó là nói, chẳng thể nói, nay đối với chẳng thể nói lại cùng nhau nương mong, thần là viên ứng vô sinh, khéo tận vô danh, cảm vật mà động, mượn số mà hành, cảm vật mà chẳng phải vật nên vật hóa mà chẳng diệt, mượn số mà chẳng phải số nên số tận mà chẳng cùng, có tình thì có thể dùng vật cảm, có thức thì có thể dùng số cầu, số có tinh thô, nên tánh đó đều khác, trí có tối sáng, nên chiếu đó chẳng đồng, suy theo đây mà luận thì biết hóa dùng tình cảm, thần dùng hóa truyền, tình là mẹ của hóa, thần là căn của tình, tình có hội là đạo của vật, thần có ngầm là công của dời, chỉ bậc triệt ngộ trở lại gốc, kẻ mê lý đuổi theo vật, xưa kia luận đạo là cũng chưa có chỗ đồng xin dẫn nêu để nói, Trang Tử Phát Huyền Âm ở Đại Tông rằng: Đại khối nhọc ta dùng sống, dứt ta dùng chết. Lại cho sinh là sinh y, tử là trái chân. Đây chỗ gọi là biết sinh là đại hoạn, lấy vô sinh làm trở lại gốc. Văn Tử xưng lời của hoàng đế rằng: Hình có chẳng phải mà thần chẳng hóa, dùng chẳng hóa nương hóa, biến đổi không cùng. Trang Tử cũng nói: Giữ hình của phạm nhân mà còn vui mừng, nếu như hình của người, muôn hóa mà chưa bắt đầu có cực. Đây là cái gọi là biết sinh chẳng tận, đối với một hóa mới đuổi theo vật mà chẳng trở lại. Luận của hai ông, tuy chưa rốt ráo thật đó, cũng thường bên cạnh tông mà có nghe. Luận là chẳng tìm thuyết mới sinh mới chết, mà lầm hoặc tụ tan đối với một hóa, chẳng tư duy thần đạo có linh của diệu vật, mà cho rằng tinh thô đồng tận, chẳng đáng buồn ư? Ví dụ lửa gỗ vốn từ Thánh Điển, vì mất lưu thống, nên ngầm dấy chẳng tìm, nên lời theo chìm ở thường giáo, khiến người bàn nói, do đó thành nghi ngờ, vừa rồi giả sử lúc không có bậc ngộ tông thì chẳng biết có rõ của tiên giác, ngầm truyền đó công mất đời chẳng nghe, vì sao? Vì tình số cảm nhau, hóa đó không đầu mối, nhân duyên kín dựng ngầm cùng truyền ghi, tự chẳng phải đạt quán thì làm sao biết biến đó. Xin vì bàn luận xem xét.

Vì lửa thật truyền từ củi, như truyền của thần nơi hình, truyền của lửa khác củi, như truyền của thần khác hình, củi trước chẳng phải củi sau, thì biết thuật diệu của chỉ cùng, hình trước chẳng phải hình sau, thì ngộ cảm sâu của tình số, kẻ lầm hoặc thấy hình hủ nát ở một đời bèn cho là thần tình đều mất, như thấy lửa cùng ở một gỗ, cho rằng kỳ cuối đều hết. Đây là do theo bàn luận của Dưỡng Sinh, chẳng phải xa tìm loại ấy. Y cứ Như lai Luận, mượn khiến thần hình đều hóa, lúc đầu từ trời vốn ngu trí tư sinh đồng bẩm chỗ thọ, hỏi chỗ thọ là làm thọ đó ở hình ư? Hay làm thọ đó ở thần? Nếu thọ đó ở hình thì, hễ có hình đều hóa làm thần. Thọ đó ở thần là do thần truyền, thần thì Đan Chu và đế Nghiêu bằng thánh, Trọng Hoa và Cổ Tẩu đồng linh, đó có thể vậy ư? Đó có thể vậy ư? Nếu chẳng thể thì biết gây dựng của ngầm duyên ở kiếp xưa phân định có tối sáng ở hình đầu, tuy linh đều khéo vận, còn chẳng thể biến tự nhiên của tánh, huống chi giáng đây đã trở lại ư? Lấy lý nghiệm đó, thì nêu lời mà có răn, dùng sự mà sánh đó, thì có thể không mê lầm đối với đại đạo.

Sau khi luận thành, có khách về ở, giẫm trăng tỏ mà dạo trời xanh, cùng nhau chung nhóm nơi pháp đường, nhân đó hỏi rằng: Kính tìm Nhã Luận, đại quy có thể thấy, gần như không chỗ hở, một ngày thử nghiên cứu lại, bởi chỗ chưa tận cũng ít chấp thuận xử, ý cho rằng Sa-môn đức thức là khác chế của biến tục, danh khí của đạo gia thi vi ở vua cha, hẳn nên lược ở hình kính, nay chỗ nghi ngờ là, giúp mở là nghiệp của khó đến, xa mong là công của hóa biểu, ngầm đượm không công hiệu của hiện pháp. Lại bao mầu nhiệm mà chưa ứng, mới khiến các hàng vương công hiến cúng, tín sĩ khom mình, được ngồi không mà thọ nhân đức, vùi lấp nơi lụy của tính sớm, huống đượm ân tuệ đó, đồng người chê bai ăn chay ư? Chủ nhân giây lâu mới bảo: Xin vì các hiền gần lấy loại này, có người ở đây phụng tuyên thời mạng mà xa thông tục của khác phương chín dịch. Hỏi rằng: Vương giả đang giúp là dùng lương tích hay dùng kiệu phục ư? Đáp rằng: Đúng vậy! Chủ nhân bảo: Loại có thể tìm. Gọi là Sa-môn là gì? Nghĩa là họ năng mở sự mờ tối của mông tục, khai tỏa đường huyền của hóa biểu, mới sắp đem đạo gồm quên cho thiên hạ đồng đến, khiến người mong cao nắm được di phong đó, hàng thấm môn đượm vị bến thừa, nếu vậy tuy có nghiệp lớn chưa thành, nhưng xen vết tích vượt độ´, chỗ ngộ hẳn đã rộng lớn, nhưng công của vận thông, lợi ích của giúp còn, vẫn chưa đáp trả tâm thề ước đầu tiên đó, huống chi đáp nhọc của ba nghiệp ư? Lại người này là hình tuy có đãi tình không gần nương, xem cúng bốn việc cần dùng, như quá của muỗi khỉ trước

đó, ban tuệ của bọt bóng đâu đáng nói ư? Từ đó, các người khách mới tỏ ngộ đường ngầm, lấy mở vết làm công, lắng lòng để sạch, rốt cùng làm đạo, mới vui mừng thỏa lòng, ca vịnh mà lui về.

Đời Tấn, niên hiệu Nguyên Hưng thứ ba. Năm đó gặp phải chẹt lấp, Thiên Tử mất ngôi, dân chịu trăm điều buồn lo. Tôi đồng chí đều phán của thôi cờ, nên nhân đó mà thuật luận việc này

LUẬN SA MÔN ĐÁP Y BÀY VAI PHẢI CỦA PHÁP SƯ TỰ VIỄN

Có người hỏi rằng: Sa-môn mặc y bày vai phải (đản phục) xuất phát từ Phật giáo là lễ điển ư?

Đáp rằng: Đúng vậy.

Lại hỏi rằng: Ba đời trước khác chế, lễ ấy chẳng đồng, biến của chất văn đầy đủ ở điển trước, mà Phật giáo xuất phát từ bên ngoài, luận là đều có nghi ngờ, nếu có thấu đạt sâu mầu, thì mong dạy răn những điều chưa nghe.

Đáp rằng: Dân của Huyền Cổ, Đại Phác chưa thiếu, lễ đó chẳng có văn, ba vua ứng đời, nên cùng thời mà biến, do đó quán xét, chỗ chấp của luận là cách ngôn của phương nội, vì sao biết như vậy? Chỗ không của Trung quốc hoặc được đó ở khác tục, dân đó chẳng dời nên đạo đó chưa mất, vì vậy pháp nước Thiên-trúc, tận kính với chỗ tôn, tỏ thành thật với thần minh tất cả đều mặc y bày vai, cái gọi là rất lắm của nghiêm sức, tuy sách vở ghi chép ngọn ngành truyền đến xứ này, lúc đầu dường như có nghe, Phật ra đời nhân đó làm giáo, rõ chỗ hành chẳng phải bên trái nên ứng bày vai phải. Vì sao? Đem nói sang hèn nên tồn tại ở vị, vị lấy tấn đức thì chuộng tâm sinh của hiền, cho nên Sa-môn vượt danh phần vì trái thời, chẳng lui rồi mà cầu trước, lại chỗ hay khéo của người đều ở bên phải, nếu động chẳng dùng thuận thì gặp việc sinh rắc rối, quá mà năng lại tuy trung hiền còn chưa được, huống chi có dưới so với đây ư? Xin thử nói xem, hình lấy phái trái làm thể, lý dùng tà chánh làm dụng, xưa nay cả hai đều nương theo gốc, vướng rễ chẳng nhổ thì sự chưa thắng, ứng mà hình lý giúp nhau đạo đó, nhỏ nhiệm rõ hay đời quen chưa đổi, nên nêu khó nói mặc y bày vai đã rõ thì hình tùy sự cảm, lý ngộ tâm đó, dùng khí của ngự thuận, bày thể của thành thật, mà tà chánh hai hàng chẳng phải gốc đó, cho nên Đức Thế tôn dùng mặc y bày vai phải, dốc thành thật mà bỏ tà đó, khiến danh thật có đáng kính mạn chẳng tạp, sau đó mở đường xuất yếu dẫn chân tánh ở dòng mê, khiến bậc hiền của ẩn đời chẳng tự dứt nơi vô phần, còn hàng mong đến tới chẳng mê lầm đường mà trải bước, từ đó hạng

phục ứng cửa thánh đều trải chánh nghĩ thuận, khác vết đồng khuôn, kéo dài tố phong mà nghĩ nhớ xưa cũ, trái bỏ hoa tục rửa tâm, tìm gốc đạt biến tức gần ngộ xa, hình phục thẹn nhau, lý sâu cảm đó, như đây thì tình lễ chuyên hướng tu đó chẳng mỏi mệt, động thì dùng thuận bất chợt hình đó tự cung, đây mới là nhân bên ngoài của Như lai khuyên dụ, gom dấu vết diệu của thô mà mọi người bàn nói chưa dụ, hoặc muốn đổi thay, trái với đạo xưa, sao sâu vậy ư?

Hà Trấn Nam cật nạn.

Thấy hỏi đáp mặc y bày vai phải chỉ răn gồm nêu điều chưa thành văn ở huyền cổ giúp hình, lý ở gần dụng, khiến kính mạn khác dòng, thức phục đều hết, gần như không liên quan. Đến nơi sở dĩ nói rõ về thuận, còn có chưa đồng, vì sao? Vì lập bày của nghi hình, do thời mà dùng, vì vậy sự có nội ngoại mới có thể lấy cạn sâu mà ứng, Lý Thích cùng với Chu Khổng, tiệm thế dùng với di tục, ở nhân theo chẳng đồng, hẳn không khác của nghịch thuận thì rõ, nên lão nói binh hung ở phải, lễ lấy tang chế chẳng trái, vả lại tứ đẳng cùng chí của phụng thân, tam khu hiển nhân của vương tích, ở sau cần ý chỉ có thể thấy, sao có thể gửi chí thuận, nơi việc hung mà bày cát, thật ở tang dung ư? Trịnh bá sở dĩ hở bày thịt cũng như Hứa Nam Kiệu Thần, đều do vì cươi là nghịch, hẳn chịu phạt của chẳng lường. Lấy đây làm chứng thì thuận sẽ ở đâu? Nên dẫn chỗ nghĩ tưởng, lại rõ ràng hết, khiến trong ngoài có chỗ về!

Pháp sư Tự Viễn trả lời.

Kính tìm ý chỉ câu hỏi, bởi nghe đường xa, chỗ chiếu chưa tận, khiến tinh thô đều thuận, trong ngoài có chỗ về, ba lần răn đây, chỗ ngộ rất nhiều, thường lấy làm đạo răn đó cùng danh giáo, Thích-ca và Chu Khổng, phát đặt tuy khác mà thầm cùng ảnh hưởng. Xuất xứ thật khác mà cuối kỳ thì đồng, chỉ vết diệu ẩn nơi thường dùng, chỉ quy mờ tối mà khó tìm, bèn khiến chí ngôn cách vời thế điển. Người bàn nói phát khác đường với luận. Vì sao biết đó? Vì bậc Thánh mác móc để bỏ đó lắm, thuận bốn mùa để phân biệt phiền đó, lễ của ba khu mất cầm trước mà chẳng lận, lập bày của lưới tội hẳn đợi hóa mới dùng, thượng cực hành vi ở nhân. Nội diên Thích-ca ở từ, khiến thiên hạ bằng mình, vật ngã đồng quán, thì hợp gồm ở một, đâu có liên quan ở hơn kém mà chẳng phải cùng nhau ư? Nhưng từ dấu vết mà tìm, như đại đồng ở gồm ái, xa cầu thật đó thì thềm bậc sai có phân, chỗ chung của bên ngoài phân, chưa thể nói hơn, nên tạm đây để tấn đức, khiến sự hiển bày ở vua cha, theo đây mà quán xét, thì giáo nội ngoại có thể biết, tình của thánh có thể thấy, chỉ đường về chưa mở, nên vật chẳng biết, nếu chấp thuận đó

như đây thì nghĩa lý của mặc y bày vai phải chẳng cho nghi ngờ, lại bảo sao gọi là nên rõ ràng hết, nên trở lại xét thuật bản hoài, vốn hóa của hình, âm dương nắn đúc nhận thể của phải trái, tối sáng thay vận, có thuyết của tử sinh, nhân tình đều vui, sinh mà sợ tử, thích tiến mà ghét lùi, cho nên tiên vương đã thuận tánh dân, vỗ về tự nhiên, khiến khác chế, phải trái khác vị, do đó, việc lành chuộng bên trái tấn tước vì hậu sinh đó, việc dữ chọn bên phải, dáng buồn vì hủy tánh, đây đều vốn chỗ thọ nhận, nhân thuận vì thông giáo, cảm nơi sự biến nghĩ nhớ tiên đức, chỗ quý của đời là chẳng qua sống còn, sống còn mà co duỗi, tiến lùi đạo tận ở đây, ứng của cạn sâu ở đâu ư? Sa-môn thì chẳng phải như vậy. Thân sau lùi mình mà chẳng ganh hèn kém, thời đến chẳng phải ta, mà từ nhục, hèn kém, vì tự chăn dắt gọi là khiêm nhường, ở chỗ ganh ghét của nhiều người gọi là Thuận. Nhường thuận chẳng mất gốc, thì công của ngày tổn dễ chưa nhóm. Đường xuất yếu có thể bước đi, cho nên theo đợi bỏ sót vinh, trái tục mà động, động mà trái tục là cùng bậc hiền của phương nội, tuy dáng mạo đồng mà thật khác, làm sao rõ đó, phàm ở xuất gia là đạt hoạn lụy duyên ở có thân, chẳng còn thân vì dứt hoạn biết sinh sống do ở bẩm hóa, chẳng thuận hóa vì cầu tông, suy nghiệm đây mà nói hẳn biết phát chẩn đường về là chẳng vì sinh lụy thần đó, vượt rơi việc đời là chẳng vì tình lụy sinh đó, chẳng vì tình lụy sinh đó thì sinh sẽ dứt, chẳng vì lụy thần đó thì thần sẽ thầm, nhưng chỗ vừa rồi gọi là lành dữ thành lễ, phụng đích thân thờ vua, bởi là lời nói của một vức, chưa mới đầu ra nơi có bít, có bít chưa ra thì là ngu khờ, văn đó chưa đạt biến. Nếu vậy mới sắp kẹt danh giáo vì theo sinh, nương muôn hóa mà trái tông, tự chí thuận mà quán xét, được chẳng gọi là nghịch ư? Tạm đời đó cùng di tục chỉ còn ở đây.

LUẬN VỀ BÁO ỨNG CỦA PHÁP SƯ TUỆ VIỄN

Hỏi rằng: Kinh Phật cho rằng sát sinh là tội trọng địa ngục phạt đây. Minh khoa u ty ứng như ảnh hưởng. Tôi có điều nghi, vì sao? Vì thể của bốn đại tức địa, thủy, hỏa, phong, kết mà thành thân, lấy làm nhà thần, nương sinh gá chiếu bến thỏa minh thức, tuy gá đó để còn mà lý ấy thiên dứt, đâu chỉ giữa tinh thô, hẳn cũng không chốn thọ thương, diệt đó đã không hại ở thần, cũng không do diệt nước lửa trong trời đất.

Lại hỏi: Tâm của muôn vật, ái dục rất nhiều, chỉ riêng ta có sự sâu xa của tĩnh lự chính mình. Nếu nhân tình đặt để, báo nương cảm sinh, ứng thì đạo của tự nhiên, chỗ nào nương gá ư?

Đáp rằng: Ý cho rằng hai điều nay là quan kiện của lại hỏi, tân yếu của lập ngôn, tân yếu đã rõ, thì các nghi ngờ đồng mở tan, lúc đầu giẫm đến dòng, hoặc nhân đây để ngộ có thể là sáng tỏ kẹt tình ở bên ngoài thường thức, phát xướng lạ ở trước khi chưa nghe, nhưng Phật giáo sâu mầu, lời sâu xa khó nói. Giả sử chưa gần chỉ quy thì làm sao có thể thỏa sướng u trí, phải là nương cạnh đại tông, thử nói chỗ nghĩ nhớ, suy nêu tánh của bốn đại để rõ gốc của thọ hình, thì mượn nơi khác vật gá làm đồng thể, sinh như bỏ sót bụi trần, sanh diệt một hóa, Đây là chỗ vào tuệ quán, chỗ dạo mà chẳng phải ngã, ghé các hình nơi mộng lớn, thật ở có mà đồng không, đâu lại có bít chỗ thọ nhận, có hệ thuộc ở chỗ biến ư? Nếu lý này tự được ở tâm mà vật bên ngoài chưa ngộ thì buồn riêng thiện đó không có công, cảm tiên giác mà dấy lòng, từ đó nghĩ mở mang đạo để nói dạy răn, nên đức của nhân thứ còn vậy. Nêu ta người đồng được tâm không hai đối, dạo mũi nhọn thì hết sạch một huyền, trông nhìn giao binh thì chẳng nghịch gặp nhau, thương tổn đó đâu chỉ không hại ở thần, hẳn cũng vô sinh có thể giết, đây thì Văn-thù đè kiếm,vết nghịch mà đạo thuận, tuy là suốt ngày khua giáo múa nhọn mà không đất. Nếu vậy là mới sắp gá cổ vũ để tận hình, vận can nhung mà thành hóa, tuy công đủ khắp mà không thưởng, nào có tội phạt đó ư? Nếu trái với đây mà tìm nguồn, thì báo ứng có thể được mà rõ, suy nghiệm sự mà cầu tông, thì tội phạt có thể được mà luận, từng thử nói đó là, chỗ của nhân duyên, chỗ sinh của biến hóa, đâu chẳng do đạo ấy ư? Vô minh là vực thẳm của lưới mê hoặc, tham ái là dinh phủ của các lụy, hai lý đều dạo ngầm mà thần dụng, lành dữ hối lận, chỉ có động này, không dụng che chiếu đó, nên tình tưởng ngưng trệ ở vật bên ngoài, tham ái chung tánh đó, nên bốn đại kết mà thành các hình, kết thì ta người có bít, tình vướng thì thiện ác có chủ, có bít ở ta với người thì riêng thân đó mà thân chẳng quên, có chủ ở thiện và ác, thì biến sinh đó sinh mà chẳng dứt, từ đó cam chịu ngủ giấc mộng dài, mờ tối chỗ mê, ôm nghi ngờ đêm dài, chỗ còn chỉ có mê đắm, cho nên mất được cùng suy, họa phước theo nhau, ác chứa mà ương trời tự đến, tội thành thì địa ngục phạt đây. Đây mới số của hẳn nhiên, không chỗ dung chứa nghi ngờ. Vì sao? Hợp đó có gốc thì lý tự ngầm đối, triệu đó tuy nhỏ, thế cực thì phát, cho nên tâm lấy thiện ác làm hình tiếng, báo lấy tội phước làm ảnh hưởng, gốc lấy tình cảm mà ứng tự lại, đâu có u ty do ngự mà mất đạo. nhưng ứng của tội phước chỉ chỗ có cảm, cảm đó là vậy, nên gọi là tự nhiên, tự nhiên tức là ảnh hưởng của ta, ở bậc chủ tể, nào có công gì ư? Xin tìm cốt yếu của câu hỏi mà nghiệm đó ở

thật, ý chỉ cật nạn hoàn toàn chấp thuận địa thủy hỏa phong kết thành thân, lấy làm nhà thần. Đây tức nhà của chủ. Hỏi chủ đó ở nhà là có tình hay không? Nếu nói không tình thì kết của bốn đại chẳng phải chỗ cảm của chủ nhà, nếu vì cảm chẳng do chủ nên ở chẳng vì tình, thì ở nhà của thần không tình chẳng biết đau nhức. Thần đã không biết nhà, lại không đau nhức, lấy tiếp vật thì là phát cỏ cắt rừng dụ cho vô minh ở nghĩa. Nếu thật có tình, thì kết của bốn đại là chỗ cảm của chủ. Nếu vì cảm do chủ nên ở hẳn là tình, thì ở nhà của thần chẳng được không biết đau nhức. Thần đã có biết nhà lại không đau nhức, vì tiếp vật nên dụ đốn chặt cỏ cây là vô minh đối với nghĩa. Nếu quả hữu tình kết bốn đại là do chủ chiêu cảm, nếu chiêu cảm là do chủ thì phải có tình, cho nên thần nương gá không được chẳng biết đau, thần đã có biết nương gá, lại bị đau ngứa, vì tiếp vật nên chẳng được đồng với thủy hỏa trong trời đất là rõ. Nhân đây để bàn nói, phàm thần hình tuy khác, cùng nhau mà hóa, trong ngoài thật khác, lẫn lộn làm một thể, tự chẳng phải đạt quán thì đâu được ngằn mé ư? Giả sử chưa được thì thấng lâu thấng mê. Bẩm hình thọ xúc chẳng phải đều như thế. Thọ đã vậy, đều lấy riêng biến làm kẹt, kẹt rễ chẳng nhổ, thì sự sống càng chắc, nguồn ái chẳng dứt thì gìn giữ đó cũng sâu, lập bày một lý nghịch tình, khiến tâm mê loạn, huống chi khắp thể đều mất ư? Cho nên đồng nghịch nương nhau, cùng sinh lỗ thu, họa tâm chẳng ngầm thì gây oán chẳng dứt, giả sử lại khi rốt cùng chịu não, tình không sót hận, hình tiếng đã dính mắc thì ảnh hưởng tự bày. Lý không hẹn trước, thường hợp khiến vậy, tuy muốn trốn lánh, có thể được chăng? Đây thì nhân tình đặt để, báo nương lầm hoặc sinh ứng, nhưng yếu chỉ của lập ngôn vốn khác, nên hội đó chẳng đồng.

Hỏi rằng: Nếu vì vật tình trọng sinh chẳng thể nói trí táng, thì lý do của sinh tình là hoặc của tư biến. Nên dùng đạt quán để rõ, dùng đại phương để hiểu, đâu được y cứ mê trệ để làm đối của báo ứng ư?

Đáp rằng: Phàm, sự khởi thì do ở tâm, báo ứng thì do ở sự, cho nên tự báo dùng quán sự mà sự có thể biến, nêu sự thì trách tâm, mà tâm có thể phản, suy nghiệm đây mà nói, thì biết bậc Thánh do mê trệ đó để nói đối của báo ứng, chẳng y cứ mê trệ đó lấy làm đối của báo ứng, vì sao? Vì người cật nạn mà tỏ ngộ thì ngày đó lâu xa, vì thế Phật giáo vốn có lý do mà dạy răn thì có dần dần, biết thói quen lâu ngày khó phế bỏ ngay,nên trước lấy tội phước để chỉ bày, tội phước chẳng thể đều quên, nên khiến quyền có khinh trọng. Khinh trọng quyền ở tội phước, thì nghiệm thiện ác ở nhà tâm, thiện ác dính mắc ở riêng biến, thì dùng vật chung để suy ta, hai lý đều hoằng tình, không chỗ hệ thuộc, nên năng

Tôn Hiền, dung chúng thứ mình, thí an, xa tìm báo của ảnh hưởng, để giải thích mê qua lại, mê tình đã giải thích, sau đó lời của đại phương rất dễ hiểu, lụy của bảo sinh có thể dứt, phàm sinh lụy là tuy trung hiền con chưa được, há chỗ của thường trí thấu đạt ư?

LUẬN VỀ BA BÁO CỦA PHÁP SƯ TUỆ VIỄN

(Vì người thế tục nghi thiện ác không có hiện nghiệm nên soạn ra bài này).

Trong kinh nói: Nghiệp có ba báo: Một là hiện báo; hai là sinh báo; ba là hậu báo. Hiện báo là thiện ác mới ở thân này thì thân này chịu, sinh hóa là đời sau mới chịu, hậu báo là trải qua hai đời, ba đời hay trăm đời, ngàn đời sau mới chịu, sự nhận chịu đó vốn không có chủ, là do ở tâm. Tâm không nhất định ty, cảm sự mà ứng, ứng có chậm nhanh, nên báo có trước sau, trước sau tuy khác, nhưng đều tùy chỗ mà thành đối. Đối có mạnh yếu, nên khinh trọng chẳng đồng, đây mới là thưởng phạt của tự nhiên Đại lược của ba báo. Nếu chẳng phải bậc thông tài đạt thức nhập vào cốt yếu thì ít được môn đó. Hàng đây rồi trở lại, hoặc có mới đầu giẫm trải phương lớn, lấy ngộ trước làm kỳ quy, bao gồm nội tịch trở lại ba góc ở chưa nghe. Thầy bạn nhân tượng tập để dời tánh, sai đó thể được mà nói, xin thử luận đó. Phàm hứng khởi thiện ác do nó có dần dần, dần dần dùng ở cực thì có luận của chín phẩm, ở chín phẩm thì chẳng thuộc về hiện báo, nhưng hiện báo dứt hẳn loại thường có thể biết. Loại chẳng phải chín phẩm thì chẳng thuộc về ba báo. Vì sao? Nếu lợi hại giao nhau trước mặt mà chóng khuynh đoạt nhau, thần có tự vận, chẳng đợi tư lự mà phát, phát chẳng đợi tư lự, thì báo chẳng theo gót mà ứng, đây là một góc của hiện báo, dứt hẳn chín phẩm. Lại ba nghiệp khác thể, tự đồng có định. Báo định thì thời đến phải chịu, cầu nguyện chẳng chuyển dời được, chỗ miễn khỏi của trí lực, đem suy mà cùng cực, thì nghĩa sâu số rộng chẳng thể rõ ràng, rốt ráo. Nên nói lược tướng đó, hạng tham hoài Phật giáo vì có người được đó, ở đời hoặc có kẻ chứa điều thiện mà ương họa kéo đến, hoặc có kẻ hung tà mà lại lắm an vui, đây đều là hiện báo chưa đến mà hành trước mới ứng. Nên nói: Trinh tường gặp họa, yêu nghiệt được phước, nghi ngờ tợ hiềm đó là ở tại đâu. Làm sao nói ư? Hoặc có người muốn giúp chủ cứu thời, đạo giúp sinh dân, định bước vết cao, chí ở lập công, trong cơ nghiệp lớn mà trời nghiêng ương họa chóng tới. Hoặc có kẻ chậm rãi hành môn, không muộn phiền thế sự, lấy bước an nhàn làm vui dạo trọn đời, mà thời đến không vọng, chẳng gặp được vận, đời đạo giao nhau nơi nhàn tập, hoặc

có hạng danh trùm bốn khóa. Đạo ở nhập thất, toàn mến thể nhân, kính mến bậc thượng thiện để tấn đức, chính như người này. Ngậm xung hòa mà mắc bệnh, giẫm tin thuận mà chết trẻ, đây đều là ngang trái của lập công lập đức, biến chỗ của hiềm nghi để sinh. Đại nghĩa đã rõ, nên tìm đối đó, đối đều mỗi có gốc, đợi cảm mà phát, nghịch thuận tuy khác, đạo đó là một, vì sao? Vì thế của nương định là ở xưa, minh phù cáo mạng ngầm cùng đổi nhau, nên khiến khí của họa phước giao rụng nơi sáu đường, báo của thiện ác khác bày ở hai hàng, là khiến lúc sự ứng, ngu trí đồng lầm, nói là chứa nhóm điều thiện không an vui, chứa nhóm điều ác không ương họa, cảm thần minh mà buồn những đều phải gặp, xót thiên táng ở người thiện. Đều gọi là tận cùng của danh giáo không tông ở trên, trên khiến đạo lớn che mờ ở thành nhỏ, dùng chánh ngôn làm khéo dụ, ứng tâm cầu thật th không có chí lý ở đây, vì lý do đó, do dị điển ở thế gian lấy một đời làm hạn, chẳng nói bên ngoài, bên ngoài chưa rõ, nên tìm lý là tự rốt cùng bên trong nói thấy nghe. Tiên vương này tức tâm dân mà thông phần, lấy tai mắt làm then chốt, như nay hợp đạo trng ngoài để cầu tình của hoằng giáo, thì biết lý hội sẽ đồng, chẳng lầm hoặc các đường mà nghiệm khác, nếu năng nhìn ba báo để quán phần của cùng thông, thì Ni Phụ đó chẳng đáp Trọng Do, Nhan Nhiễm đối thánh tượng mà như ngu, đều có thể biết. Cũng có duyên khởi mà duyên sinh pháp tuy dự vào sự rõ ràng của đế, mà bỏ sót mến ái chưa quên, như lấy ba báo làm Hoa Uyển, hoặc đạp mà chưa lìa nơi vực thẳm. Suy nghiệm đây để quán xét, thì biết có khách của phương ngoài, phục ứng Diệu pháp, tẩy tâm huyền môn, một khi cảm đến thì vượt lên giai vị trên, hàng lớp như thế, ương họa trước tuy chứa nhóm, công chẳng ở trị lý thì tự an tiêu, chẳng phải chỗ hợp của ba báo, do đây mà nói, chỗ kinh Phật lấy vượt danh giáo dứt chín dòng, há chẳng sớ thần đạt yếu đúc linh phủ cùng, nguyên tận hóa soi xét muôn tượng ở nơi không có tượng ư!

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 6

- Luận Thích Ngự của Pháp sư Đạo Hằng.
- Luận Chánh Nhị Giáo của ngài Tăng Thiệu đời Minh.
- Chu Diệm Ngung cật nạn luật với Trương Trưởng Sử Dung.
- Luận Chiết Di Hạ của Tạ Trấn Chi.

****

LUẬN THÍCH NGỰ CỦA PHÁP SƯ ĐẠO HẰNG

Vào niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn, như nghe hai bậc Hiền Viên và Hà ở Giang Trái đều thương lược trị đạo, phỏng thích thời chính, tuy chưa thấy văn ý đó dường như nương bên cạnh bút chẳng phải thiên của Ngũ Đố, bèn cười chê thiếu sót của đời, phát luận ngũ hoạnh, mà Sa-môn vô sự bị rơi vào lệ đó, tội sợ lúc lòa mờ thì tình, đắm hẳn tà hoặc, chẳng thắng nổi chí tức giận, nên bày luận chủ khách để giải thích.

Có quân tử thúc giáo ở Đông kinh cật vấn người nhà quê ngạo tán ở Tây bỉ rằng: Tớ từng dự nghe Phật pháp cao sâu, chẳng phải chỗ bàn nghị của danh giáo, đạo phong cao xa chẳng phải chỗ phỏng theo của khí tượng, thanh hư nhàn thắng, chẳngliên quan đến hạng biết gần, khéo dứt các phải chẳng phải chỗ so lường của thường tình, nên luôn là chỗ tôn sùng của các vua đương thời, là chỗ kính ngưỡng của hàng quý đạt. Do đó các bè bạn như sấm tuôn đồng hướng đến, đều tán vịnh xưng thuật tốt lành rằng: Như nhuận thấm phong lưu thì tinh nghĩa nhập vi, nghiên cứu lý vị thì khéo khế thần dụng, quét bụi dơ trong cõi lòng, thoát gông cùm ở hình biểu, vượt tục lụy nơi lưới lồng, xa việc đời mà cao đạp, luận về Chân tố thì Di Tề không hơn tiết tháo đó, bỏ vinh sủng thì Sào Hứa chẳng thể hơn chí khí đó, nếm vị huyền chỉ thì Nhan Nhiễm không tham dự phong cách đó, dứt rối dơ thì thông kiểu chẳng thể so sánh sự thanh khiết đó, tin như chỗ làm nói thì nghĩa không liên quan, nhưng nay thấy các Sa-môn đều chẳng có tài đó, hạng ở hổn tạp chưa

thấy đẹp lạ, lẫn như Kinh Vị gợn sóng, sạch như Huân Du đồng tráp, nếu nguồn trong thì bến dòng sẽ đẹp, rễ sâu thì cành nhánh tốt tươi, khảo xét ngôn hành đó mà đầu cuối chẳng thường, cứu xét gốc ngọn đó gần như không có hiệu nghiệm, cho nên sự quái lạ của tôi tớ là do đây, như quên trí của hoàng đế, không còn sức mạnh của cứ lương đều ở khoảng của bệ lô nấn đúc để thành bậc Thánh. Nếu đạo chẳng hư hành, tài phải ứng khí, nhưng Sa-môn đã xuất gia lìa tục cao chuộng chí đó, trái thân thiên thuộc, bỏ trọng vinh hoa, hủy sự tô điểm của hình hảo, giữ giới cấm thanh tiết, nghiên tâm chí lý thuộc mình, chỉ pháp đặt chân, ăn chay mà thôi, khiến đức hạnh cao vời, được thời tôn ngưỡng nghi dung, ấp túc làm khuôn phép cho chúng sanh nhưng gặp việc thì quay lưng, không gặt hái được một điều gì làm sao nương gá chcao xa mà nghiệp còn xấu gần, còn như doanh cầu chăm chăm cấp, không tạm ngưng nghỉ, hoặc đào xới ruộng vườn như hàng nông phu, hoặc buôn bán đổi chác tranh lợi với mọi người, hoặc gắng cậy y đạo khinh làm lạnh nóng, hoặc cơ xảo dị đoan để giúp nghề nghiệp nuôi sống, hoặc xem tướng rỗng vọng, Luận chép tốt xấu, hoặc dối đạo giả quyền, phải bắn thời ý, hoặc gom nhặt chứa nhóm dung dưỡng có thừa, hoặc chỉ tay nói rỗng, ngồi ăn của trăm họ, đó đều là đức chẳng xứng phục, hạnh nhiều trái pháp, tuy tạm có một điều thiện cũng đâu đủ để nêu điều tốt đẹp cao thắng ư? Tự có thể vì một phong tục mà phế bỏ, đây đều không ích lợi đối với thời chính, có tổn hại đối với trị đạo, là chỗ bệnh sâu xa của hạng chấp pháp, chỗ có hoạn nạn lớn của nước nhà, vả lại ở đời có năm sự ngang trái, mà Sa-môn là một trng đó. Làm sao biết đó? Là bày phương tiện lớn cổ động ngu tục, một thì dẫn dụ, một thì bức hiếp rằng: Làm ác sẽ có ương họa nhiều kiếp, tu thiện sẽ có an vui vô cùng, luận tội thì có dò xét của u minh, nơi phước thì có cứu hộ của thần minh, cố gắng dẫn dắt khuyên răng hành nhân mà chẳng thể hành, cưởng bức gắng làm việc người chẳng thể làm, trên giảm dưỡng của cha mẹ, dưới tổn phần vợ tớ, hội đồng sự ngọt ngon của tận hào thiện, chùa miếu đẹp đẽ tráng lệ, cắt trân ngoạn của sinh dân, sùng hư phí của vô dụng, hết của chứa nhà riêng, thiếu tư thật của Quân Quốc, bày tiếng rỗng đến tương lai, đồ tượng không ở chưa điềm, nghe lời đó thì vời vợi mà đầy tai, nhìn dáng đó thì lạc lạc mà tràn mắt, khảo hiện sự để cầu trưng và chưa thấy nghiệm chân, cái gọi là buộc ảnh bắt gió chẳng biết đầu mối, thật chỗ của tình tớ chưa an, có chỗ của thức giả lầm hoặc lớn, nếu có vui tin xin tiếp hạ phong, nếu có tạm thì trọn hẳn dính mắc đó, chủ nhân bùi ngùi nghe vậy xót xa thở dài than rằng: Ôi! Lạ thay điều ông nói đó,

sao thấp hèn vậy? Phàm hạng thấp hèn chẳng thể vì nói đại đao dính mắc ở hình, kẻ khắc sĩ chẳng thể vì nói tông cực là hạn cục ở danh ấy. Nay sẽ vì ông mà lược nêu một góc, tự có thể suy nghĩ lại tông đó. Bởi bậc Thánh lập giáo ứng khí, theo pháp nhận lượng, có hạn nên giáo hóa thì dùng tiệm, ghi thiện tâm ở đầu mảy lông, quên bỉ lận nơi gò đống, thực hành chút điều thiện để giúp thân, mãi mãi, phước trong một niệm trọn làm thần dụng, mới khi giẫm một chiếc chiếu chẳng thể tránh lấy làm công của núi, vừa vào tuyệt cảnh chẳng trúng cùng lấy thật của bó bao, nhưng sở dĩ biển gọi là lớn, do không có cái trong của lắng sạch, Đạo sở dĩ gọi là mờ vết vì không quán rực sáng, phàm oán thân uyển biến có chỗ dính mắc của tâm, mà Sa-môn xả bỏ như cởi giày rách, danh vị tài sắc là chỗ coi trọng của tình đời, mà Sa-môn xem đó như cặn bã, có thể gọi là chỗ người nhẫn chẳng thể bỏ, đây mới là nhã thú của tiêu thượng, việc tốt đẹp của hoằng đạo, mà nói là thường, hóa chẳng phải chỗ gọi là tiêu thật ư? Vả lại, chí nghiệp chẳng đồng quy hướng trái đường, đường này phân vết, chẳng cùng lãnh ngộ, chưa thấy đẹp lạ cho nên thích nghi. Người xưa thường than tài là nạn, rất là đáng tín! Chu Hiệu lấm sĩ loạn thần mười người, đời Đường Ngu hưng thạnh niên hiệu Nguyên Khải hai tám, cửa khổng ba ngàn, đều là người tài giỏi trong nước, của Hải nội, chọn sung vào bốn khoa, số chẳng đầy mười, trong đó Bá Ngưu phế bệnh, hồi thì sáu cực, thương thì keo lận, tứ thì buôn bán, Dư cũng khó điều, Do thì hung dữ, cầu cũng tụ liểm, nhậm chẳng xứng chức, Trọng Cung tuy mặt đỏ bừng ra nơi sắc cày mà cả đời suy đức, làm tông của nhân luân, khâm chuộng khuôn phép, làm tiêu biểu của tấn thân, trăm đời vịnh Sa-di phong, ngàn năm kính ngưỡng cảnh hạnh, đến nơi Sa-môn mới khổ cùng bóc tiết, tàn khốc cùng ngói sỏi, đó há đạo của quân tử mở mang, là luận của nhã chánh ư? Đây do người lầm, hoặc vào làm phường trộm cắp, chẳng xứng xảo diệu của chỉ nam, chỉ cười chê tổn thương tay của kẻ vụng, rất đáng gọi là phục ứng hạ lưu, chí còn hèn kém xưa kia thừa tướng hỏi khách, ở đời nói chim si kiêu ăn thịt mẹ, có thật không? Khách đáp: Chỉ nghe quạ hiền mớm mồi lại cho mẹ! Tướng bèn buồn bã tự thẹn, nói nay ông xử tâm sắp không tợ hỏi của tướng. Quân tử bỏ ác bày thiện, trái đó gọi là gì? Lai nói đặt chân mà an, vả lại rừng hoang tiêu điều, mỗi lúc có hoạn giặc cướp, cạnh thành ra vào động mắc cười chê của giao du, xử thân chẳng phải chỗ thì chuốc lụy phong trần. Bà-sa Điền lý thì phạm luận của nhân gian, hai ba không thể tiến lùi chỉ lỗi, vũ trụ tuy rộng chẳng biết chỗ để, lại nói: Ăn rau cỏ mà thôi, nhân gian có thiếu thốn chẳng giúp, núi đầm

không chứa để tích nhóm, mới nên lấy cấp lại dùng pháp nương đó, chỗ vừa rồi cửu chiết ở đâu mà được lập. Nếu rành rành đời thánh mà có đói của Thủ dương, phàm rõ ràng thời yên mà có chết của xuống biển, khách ở nhã hoài thế nào, nhưng thể không lông cánh chẳng thể bày vai mà không y phục, bụng cũng bầu dưa chẳng thể buộc mà chẳng ăn, từ chưa tạo cực, phải có chỗ giúp. Năm được mùa thì lấy đủ ở trăm họ, lúc khó khẳn thì dốc sức để tự cung cấp, thật chẳng phải việc thích hợp nên chẳng được thôi, nên rắn độc cắn tay thì cắt bỏ để cầu toàn, suy nghiệm khinh trọng, bởi còn mạng lá quan trọng, tuy tạo dựng một mình mà chẳng cầu không được, cầu đó không hẳn là một đường, chỉ nêu cứu giúp, có lý cũng đâu hiềm ghét, nhiều nơi cho là phiền dơ, muốn sai khiến chẳng được vọng động, vì sao quá chấp vậy? Xưa kia, Bá Thành đích thân cày cuốc để trồng tỉa, cày bừa để tu nông, Đào Chu buôn bán để sinh sống, ở gò tưới rau để tự cung cấp. Thôi Văn bán thuốc để tiếp thiếu thốn, Quân bình bói quẻ để bổ bù không, Trượng Hành thuật số để nổi tiếng, Mã Quân kỳ xảo để sính công, cá vị đó chính là người trái tục trốn đời, chưa chánh kiến mà có xa vời, dứt trần cách vật như trời với đất mà đều cùng thán vịnh chẳng ngưng, nhưng trong Sa-môn vết vượt các thiếu thốn xấu hổ cùng dòng, động có muôn số đến nơi thể đạo, thần hóa nêu vượt người bít chẳng thể tính kể, mà chưa từng nói: Thế nào là bè đảng đó? Nên cùng tư duy so sánh sự thật, chẳng thể xưa nay khác luận, nhiều ít khác từ hiếm chọn làm quý, lờn nhiều khiến thấp hèn, sợ chẳng phải bàn nói để cầu tinh xét lý. Nói tự có thể dùng một phong tục phế bỏ, là nói gì ư? Bậc Thánh chẳng lừa dối mười nhà, ba người trong đó hẳn có thầy trò, phương lan đều tươi tốt mà muốn chất cao đốt đó, chẳng phải bạo ư? Trong đó tự có đức trùm sâu xa, khí nêu thời vọng, hoặc kiều sở ngao, khiết gá nghĩ xa trong, hoặc thiền tư nhập vi lắng thần dứt cảnh, hoặc bày diễn lời mầu, tán thích u trệ, hoặc siêng năng phước nghiệp khuyến hóa làm điều lành. Về Căn bản của việc xuất gia, ngày cạo tóc vất trâm, tâm miệng riêng thệ tình rất khẩn chí, tuy sinh tử càng dài, đường huyền xa vợi, phải tự cố gắng bước lên thềm đến đạo, sự vinh hạnh của kim luân chợt như bụi dơ, sự coi trọng đối với Đế-thích lại thường như căn bã, đầu tiên là tinh thành mới có chỗ cảm, tự chẳng phải một việc mà chóng đến thể đủ tròn đầy, khoảng đó sao có thể chẳng có mất nhỏ, vả lại đang ghi lục chân tố đó, lược nêu huyền hoàng, sao lẫn lộn nêu một đại khái, lại không luyện riêng? Chẳng thể vì thề của Quản Thái mà cơ tông giết hết, bạo của Tứ Hủy mà cả triều thả trôi, đây không khác người chỗ đầu chấy rận nhân muốn

cả đầu đều đốt, hoạn ở chân chân, bèn muốn bỏ cả đùi vế, cũng chẳng lạm ư? Lại nói: Không lợi ích đối với thời chính, lại có tổn hại ở trị đạo. người mở mang đạo là lợi ích cho đời, vật có nhật dụng mà vì chẳng biết, họ Lão nói: Hóa của vô vi trăm họ đều nói là ngã tự nhiên, lời nói đáng vậy, vì thế, can mộc gối cao mà nước Ngụy đại trị, canh tang khéo răn mà nhiều lớp quy nhân, Sa-môn ở đời, thật không có công của khảo khóa trước mắt, bên ngoài danh giáo thật có nguồn ích, gần thì lấy năm giới răn bảo chúng sanh chẳng phải trù của sáu kinh, xa thì dùng ba, nạn u hiểm chẳng phải xếp của hình pháp, xin lấy tam tạng mà thuyên tội chẳng phải lưu sướng của luật lệnh, lấy Bát-nhã để giải thích hoặc, chẳng phải lời của Lão Trang, nói Đạo phẩm vô lậu, nhổ nhân duyên khổ thì còn mà chẳng luận giáo của Chu Khổng, lý tận cực của hình khí chí pháp, gồm luyện thần minh, tinh thô thăng giáng, chẳng thể đồng ngày mà nói hơn kém, xưa kia bột trợ hóa dùng đạo giúp trị, cả nước bình an, dân biết nghĩa đó, năm được mùa chứa để, vật không dịch bệnh, chẳng phải lợi ích thì gọi là gì? Nói ở đời có năm thứ ngang trái mà Sa-môn là một trong năm thứ đó. Nói ngang trái là, vì chí nó không nghề nghiệp còn tan dối, chẳng danh hoặc bác dịch phóng đảng mà dốc hết gia tài, hoặc danh treo ở biên hộ mà trôi nổi trọn năm, hoặc thi lộc ăn không mà chẳng chịu dung tâm, hoặc ở thế chấp chính mà cá ăn trăm họ hoặc đua tranh tấn thú mà công tư đều tổn, hoặc buông lung hung bạo gian ngược mà thô tháo chẳng có khuôn phép, đây đều là tổn giáo, loạn chánh, đại bại phong tục, do đó nếu thỏa vui phấn bút mà luận của dạo cặp dấy phát, bút chẳng phải lông đơn mà văn của Ngũ Đố làm, cho đó làm ngang trái, lý đúng nên vậy, buông thả đó ở Sa-môn cũng chẳng luống dối ư? Quốc gia mới trên hết cùng đường ngu tranh giành tốt đẹp của cao vời, dưới cùng Ân Chu bằng với phong hóa thơm lừng, chẳng khiến cơ dĩnh có khách ngạo đời, thương lạc riêng nêu khách của gia tuần, phủ dục quạt lớn gió của vượt dân, sùng túc bậc sĩ của phương ngoài trông thấy ông đặt lông kinh lược thời chính, mới muốn theo gót thuật hiểm của mất Tần Hổ Lang, tập theo tệ pháp của thương quân khắc bạc, chôn đốt nho điển, trị không giếng mối, chế thuế hơn một nửa, nhà không của dạo, bày cấm ba, năm, đủ dân như giặc, thiên hạ là người sát sanh, người không nơi nương sống, khiến tộc của họ danh chẳng xong ở ba đời, họa của hai ông tức giết ở đương thời, ngày đến chịu hình mới là đuổi theo hận. Đầu tiên là sự sai nhầm của lập pháp, vốn muốn nước lặng dân yên, chẳng ý đề phòng cao lớn, trái lại chẳng dung việc mình đã qua, sao than đó kịp, lại nói: Một thì dẫn dụ một thì

bức hiếp, vả lại chúng sinh duyên có nồng có bạc, tài có lợi có độn, giải thích có khó dễ, hành có cạn sâu, vì vậy, đạo của cáo răn chẳng một ngộ phát đó do chẳng đồng, ép nâng chóng tỏa, chuyên khiến theo thiện, đây mới là cảnh sách của quyền mưu, bến cầu của khéo giúp, rất chẳng phải chỗ nói của dụ ép. Lại nói: Tội thì ngầm xét, phước thì thần giúp, phàm ngậm đức chí thuần thì các thiện quy về, Dịch nói: Giẫm tin nghĩ thuận, tự trời giúp đó, tốt lành không chẳng lợi. Lại nói: Làm điều bất thiện trong mờ tối, quỷ được dịp giết hại, há chẳng phải sự giúp đở của thần minh ở minh ty ư? Quả báo thiện ác, kinh có thật chứng, lại chẳng cần nêu. Lại nói: Hội tận hào thiện, chùa cực tráng lệ, đây là những nhà tu phước dốc hết của cải để chuẩn bị tư lương cho tương lai gần hết, tự làm mưu kế lớn của thân, đâu phải thần minh hưởng tráng lệ đó, chúng tăng tham vị đượm đó, do nông phu cày trồng, thợ thuyền xây dựng, mà đem chọn tốt quý đó để cầu tô điểm nhà cửa ư? Tinh tế chọn lựa hạt giống để lấy thật của mầm tốt, nên lúa mạ hẳn gieo cấy nơi đất màu mỡ, bói ở thì cần chọn nơi chốn cao ráo, vì vậy biết ba tên là phước của chúng sinh. Lại nói: Cúng dường là tự tu công đức của mình, nói cắt xén trân quý của sinh dân mà vui sùng hư phí vô dụng. Rộng thí gồm ái là đức dày của bậc ái nhân, sùng nghiêm tông miếu là dốc lòng của hiếu kính, thế giáo như vậy, đạo cũng như vậy, vật có tổn đó mà ích lợi là hẳn được. Vả lại của nổi như bụi đất. Thị tuệ làm thần dụng, thí như cây mục nát làm thuyền ghe mới chuyên chở vượt qua đến bến bờ, nào có hư phí ư? Muốn ngồi thẳng mà trông tự nhiên, khoanh tay mà mong an vui, giống như không rìu mà muốn chặt, chẳng ăn mà được no, làm sao được ư? Giả sử thân chẳng tu, mình làm khốn khổ, đâu hẳn là tệ tai mắt của trăm họ, bít đại thiện của thiên hạ, đã tự uống chất độc lại muốn mê người, sao tàn khốc như thể? Có thể gọi là mất ta vùi lấp người, cùng nhau đời mắc họa, vì thế đối của mù điếc câm ngọng, trải qua nơi tối tăm ương họa trong nhiều kiếp, quả báo của Điều-đạt, trải qua khổ của địa ngục Vô Gián. Nói hết của cải chứa nhóm cả năm, thiếu giúp thật của quân quốc, thánh vương ngự đời thuần phong tỏa xa, khua lưới đạo để duy sáu hợp, bủa lưới đức để trùm các bậc tài giỏi, sông không kẻ nổi sóng, hang không người hợp thán, bốn dân đều an nghiệp đó, trăm quan đầu tận phần, trăng nước dung thông chín châu đồng suốt, quân Nhung ở nơi giá ngủ, giáp sĩ bỏ chạy, đem phân lúa tốt gieo xuống đất ruộng, kho lẫm chứa để mà thành mục nát, trẻ con tấn đức ngày một mới, tóc vàng hết ở mày thọ, phải cùng đánh mầu mở để ca tụng thái bình, vỗ bụng để quán thạnh hóa. Ông sao lắm lo toan sâu

rộng đó, buồn thời chẳng đủ, cũng chẳng lỗi lầm ư? Lại nói Lận Thái Quan mà sưng miệng, đến biển cả mà nhiếp bụng, là thật chỗ nói của ông. Nói buộc ảnh bắt gió, chẳng biết đầu mối, phàm Ngụy biện loạn chân là chỗ buồn thương của Đại thánh, than thời chẳng biết báu, biện hòa do đó mà thương khóc, nhưng diệu chỉ hy di mà thể đó là đạo, xung hư chọn đến mà hội đó là được. Dụng xa năng bến cầu sụp đổ nhấm chìm, vớt u cứu kẹt tốt giúp, đương thời không ngoài hóa lưu. Thần huy hễ chấn động thì chỉ động đại thiên, ân tuệ tạm ngời thì chín châu đều đượm, cho nên Thích Phạm Ngộ u chỉ mà quy về thành thật, Đế vương trông huyền tông mà ủy chất. Tám bộ nắm linh hóa mà rửa tâm, sĩ thứ quán chân nghi mà chạy đến, lạc lạc vậy nên chẳng phải danh giáo trong vức, túc túc vậy mới là khuôn thầm của phương ngoài, nhưng tường thành vời vợi nên ít được môn đó, khí vũ sâu xa nên ít vào nhà đó, do đó đạo đế càng chìm mà lý trái với đó, đức bao không ngằn mà sự ngăn cách. Ông chấp mê tự xong, hết đời chẳng ngộ bởi lý do đó. Trời, trăng tỏa sáng giữa trời mà người chẳng thấy sáng, sấm sét rung chuyển mặt đất mà người điếc chẳng nghe âm hưởng đó, vậy là lỗi của ai ư? Mà muốn bàn nghị âm của cung thương, xem thường quán của văn chương, thật lỗi đó quá lắm! Xưa kia, Văn Lân đổi trông nơi diệu trước, phải khó khẩn mở nghe ở duyên sau, ông sao chẳng may mắc tội riêng ôm nghi ngờ đó trọn năm, so với chỗ buồn của mọi người rất đáng chỗ trước buồn! Từ đó, thay nhau, lui chỗ ngồi, buồn bã tự mất, ngưng giây lát bèn nói: Nghe thuyết của Đại Đạo càng rõ suốt nhân duyên đại phán xưa nay, cùng lý tận tánh, lập lý chẳng làm, năm đó hoằng đạo chẳng mong một đời, có thể gọi là nguyên thỉ hội chung về mạng. Tớ thật đấm ngủ đêm dài chưa đạt ý chỉ đó, nên mỗi tạo có bít nay mai nghe Luận thừa của đại phu, buộc mở nghi ngờ mất tan, chợt nhiên tỉnh giác, như vạch lớp đêm để trông mặt trời sáng tỏ, phát mờ che mà ngộ chân tuệ, tớ thật chẳng thông minh, kinh vâng lời dạy răn tốt lành!

LUẬN CHÁNH NHỊ GIÁO CỦA TRƯNG QUÂN (TĂNG THIỆU) ĐỜI MINH

(Đạo sĩ có soạn luận Di Hạ, nên soạn luận này để đánh chánh).

Kịp nghe lời bén nhọn của luận khác đặt trong nhà, bèn có sợ lo lừa dối thánh sắp nói chỗ trở về, nên trước phải nói rõ chánh (chỉnh) chỗ chứng câu của hai kinh, ngõ hầu cả hai đều ngộ rõ bến bờ sâu sắc.

Luận chép Đạo kinh chép: Lão Tử vào quan đến nước Duy Vệ ở Thiên-trúc, phu nhân của vua nước đó hiệu là Thanh Diệu, Lão Tử nhân

lúc phu nhân ngủ ngày bèn nương tinh của mặt trời mà vào trong miệng Thanh Diệu, qua năm sau, nửa đêm mồng tám tháng tư thì vạch nách phía phải mà sinh ra, vừa xuống đất liền đi bảy bước, dơ một tay chỉ trời mà nói "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, ba cõi đều khổ, đâu là vui ư!" từ đó, Phật đạo hưng phát (sự việc tại nội thiên huyền diệu, đây là chân điển của trong Hán, chẳng phải sách xuyên tạc).

Chánh rằng: Ý chỉ của Đạo gia, ở tại hai kinh của họ Lão bày ra huyền diệu đủ trong bảy chương Trang sinh, mà được một đều hư, không nghe kỳ lạ của hình biến, bành thương đều thọ, chưa thấy chủ trương không chết, nên lặng yên thiên hòa là chẳng chuyên biến thường, thời an thuận ở, nào lấy trường sinh, như nương tinh của mặt trời mà vào miệng vạch nách, năm tháng sự việc chẳng phù hợp, gá dị hợp thuyết, xưng chẳng phải đó có luống dối bàn nghị thần hóa, vọng yêu của Tần Hán kéo dài đến Ngụy Tấn, lời chẳng phải kinh thánh, sao gọi là chân điển?

Luận chép: Kinh Phật chép: Thích-ca thành Phật đã có số của trần kiếp, hoặc làm tông rừng nho, Quốc sư Đạo sĩ (đây đều thật là chánh kinh, chẳng phải thuyết phương tiện).

Chánh rằng: Tông căn của kinh Phật nói về cực giáo, mà ba đời không thật có, tục chứng giác đạo chẳng phải có thể sự bày, nhưng chỗ hội tinh sâu, định tuệ có nêu trong đó, chỗ duyên cảm ứng, nhân quả không vọng ở ngoài, Đức Thích-ca phát chân xướng cùng nguồn, để nói về chỗ thông của thần đạo. Nên luyện tinh nghiên chiếu đó chẳng phải công của dưỡng chánh, nêu thềm cực thiện, khác hết mọi tự bờ đường cứu giúp tại quên hình mà chỗ quý chẳng phải toàn sinh, sinh sinh chẳng quý tồn tồn, công nào quên công mà công hiển trước, tịch diệt mà đạo thường, ra nơi vô thỉ vào nơi vô chung, chẳng phải ứng chẳng phải thân, trần kiếp chẳng phải xa vời, đây là lý do đó là giáo.

Luận chép: Ý chỉ của đại kinh như hợp phù khế.

Chánh rằng: Phật mở ra ba đời nên viên ứng vô cùng, lão chỉ sinh hình (hiện đời nay) thì giáo cùng cực bạc thuần, do đó giáo ở hình chẳng bàn nghị đời khác, hóa của viên ứng đâu tận ở vật loại. Vậy Chu khổng, Lão Trang thật là thầy của đế vương mà chẳng phải chứng của thuyết trước, đã mở bít khác giáo lại trái nghiệm của phù hợp.

Luận chép: Đạo là Phật, Phật là đạo.

Chánh rằng: Giáo đã có vuông tròn, đâu thấy đó đồng, hễ do Phật thì có thể dùng quyền lão, học lão sao cho đồng với Phật? Nếu cặp giành mến mộ cao chọn hội tạp, vọng muốn nhân đồng đó mà dựng tà

bỏ chánh, thì học chẳng phải học, tự lọt đường mọt, chỉ nhiều chẳng lường, thấy hổ thẹn giữ khí.

Luận chép: Đó vào chẳng đồng, đó hẳn là khác, đều thành tánh nó, chẳng đổi sự đó. Lại nói: Hoặc chiếu điển ngũ thường, hoặc trải giáo Ba thừa, ở hoa thì hoa ngôn, ở hóa di thì di ngữ, lại nói: Phật đạo ngang bằng ở đạt hóa mà có Di, Hạ khác nhau.

Chánh rằng: Tịch cảm bền thông ở vật thì sướng, Phật dùng một âm mà tùy loại được ngộ, tại hóa của Di đâu hẳn giáo Ba thừa, đạo của hoa đâu hạn cục giáo năm thường? Xung dụng nhân cảm đã di hoa chưa khác, mà chỗ khác của tục nào có trái thánh thì tuy đó vào chẳng đồng nhưng giáo đó tự đồng đều.

Luận chép: Thẳng rủ tấn thân là dung của các hoa, cắt tóc hay y là phục của các Di.

Chánh rằng: Đem chỗ quý của cầu lý, nên không vốn lễ tục, men theo dị đạo chỉ là thời vật đó, nên quân tử báo biến, dân văn trước đổi, chuyên tôn ứng răn mất chí học ân, trí đức thiều võ thì thiền đại khác điển, hậu thánh có làm đâu hạn cục ở Di Hoa, huống chi do cực đó giáo hẳn bó buộc quốc phục ư? Do đó hệ thuộc phương thường đó mà mê giẫm động đó. Đất nước đã biến, rốt cùng xa có tiết, thí dụ thuyền xe được không san sát ư? Mà khắc thuyền, giữ gốc hẳn vì chỗ quy của hai kiến.

Luận chép: Dưới bỏ vợ tớ, trên phế tông kỷ, vật của ham muốn đều dùng lễ bày, điển hiếu kính, riêng dùng pháp khuất phục, bội đức phạm thuận, chẳng hề giác ngộ, lại nói: Toàn hình giữ lễ là giáo tiếp thiện, hủy mạo đổi họ là học tuyệt ác. Chỗ đáng quý của lý là đạo, đáng hèn của sự là tục.

Chánh rằng: Nay cho rằng phế bỏ tông kỷ là phạm, thuận còn ham dục để bày lễ, thì là điển hiếu kính, ở ta là được, tục không hẳn là thấp hèn. Hủy mạo dứt ác tự kia là xấu. Đạo không hẳn là quý, mến tục hạn cũ tông hoa chuộng lễ, quý hèn thay nhau đặt nghĩa thành thuyết riêng. Không muốn mọt cháo nơi phàm quán đâu mong gốc ký ở lời thánh ư?

Luận chép: Nê-hoàn tiên hóa, đều là một thuật, Phật hiệu là chánh chân, đạo gọi là chánh nhất, nhất quy không chết, chân quy không sinh.

Chánh rằng: Hầu vương được một mà thiên hạ trinh, chớ bàn nghị tiêu hóa, chết mà chẳng mất là thọ, bất luận không chết, tự nghĩ nói dối lạm từ chẳng phải đượm. Đại đạo đã ẩn, tiểu thành sanh khởi lẫn nhau. Thật thay lời đó! Các thứ dối trá báng mạn muốn dùng cẩu thả giúp trái

mà tìm lời thánh, hẳn chẳng cho che bai. Nay chỗ giáo của đạo gia chỉ lấy trường sinh làm tông, chẳng chết làm chủ, họ luyện ánh kim đan hưởng ráng bánh ngọc, linh thẳng cánh ve, thây giải hình hóa, là họ gá thuật nghiệm đó mà không hề thấy như vậy. Lại gọi là chẳng lên tiên, chết thì thành quỷ, hoặc vời giúp thiên tào, tùy phước gốc đó, tuy rất trái lập ngôn của Lão Trang, lý vốn như vậy còn có thể không trái với thế giáo, tổn muốn thú thiện nương hóa nhậm đến, quên ý chỉ của sinh sinh tồn tồn. Thật lý quy về vọng mà chưa làm loạn thường. Còn học trò của Trương Cát lại đều tạp dùng thần biến hóa tục quái lạ dối hoặc thế gian, phù chú chương hiệu đều gá chỗ truyền của Lão Quân, mà tùy nơi tăng rộng, bèn lại xa dẫn Phật giáo chứng thành Ngụy đó, lập ngôn lẫn lộn, thầy học không y cứ, xét nghĩa điển đó chẳng đúng có thể biết, sắp khiến chân vọng lẫn lộn lưu bày, người mong ngộ mãi mãi mê lầm chẳng thể nói rành, dối loạn đã quá lắm.

Khách đã đều chánh ở Phật và lão mà vẫn chưa gặp bến bờ. Nay đem canh thô mà nói một góc, khiến tự trở lại. Lý chiếu nghiên hai tâm, danh giáo hai được, mới có thể động tĩnh gồm hết, chỗ gặp tại thừa đây, giáo của Lão Tử là tu thân trị quốc dứt bỏ quý chuộng, sự chỉ phần đó, hư gốc vô vi, mềm yếu làm dụng, xem nghe trở lại, căn sâu yên cực, mạnh nghĩ thiên nguyên, lặng cao người đời, rộng khí dưỡng hòa, mất được không biến, cùng chẳng mưu thông, rốt mạng mà đợi, đạt chẳng mưu mình, lấy công làm độ, đây là lý do người học hỏi kính ngưỡng các dòng khác, mà đạo đó như còn, sao lấy nơi thần hóa vô phương, cứu đời chẳng chết ư? Đó tại điều ráng vũ hóa tinh biến cùng linh, đây tự khéo chứa thành trước sinh luyện khí lạ. Nên tuy gá giữ đó mà có nhưng nói lý là chẳng do, xét thần công đó nên kịp vật loại, lớn như lân phụng điềm lạ, nhỏ như biến hóa của tước trĩ. Đã một thọ hình mà mong học có rốt ráo ư? Cho đến Nhan Khổng đạo gần thân nhờ nạp cùng cực, hẳn sẽ ngưỡng linh rơi đọa mà ngưng dục, từ cuối do đó mà phân mạng chẳng vọng, có suy nghiệm thì có thể rõ. Nên Trọng Ni quý biết mạng mà có chỗ chẳng nói. Bá Vương bỏ kỳ thượng mà hẳn giữ vô vi, đều sắp vô ngưỡng chỗ của dối vọng đó mà tự đến. Nhưng cùng thần tận giáo phải do ở có công. Đạo thành sự được mỗi hội đều có nguyên. Hạnh nghiệp là ở đời trước mà cưỡng học vì cầu rốt ráo công đó, chứa nhóm thành nơi vốn yếu đuối mà ngang mến mộ để vọng đổi đó làm đầu, Yến cầu vượt hy vọng đến đó, do đâu ư? Nên học được sở học mà học để thành, làm đó có thể làm mà làm có thể rốt ráo, cho nên học soi rọi sinh linh, giữa trời bày giáo quán tượng lường biến, còn mà chẳng luận sâu của

kinh đời, là cực của Khổng Lão. Vì chưa có tận chiếu cũng duyên khác đời chung lý, luyện ngụy về chân, là chánh của thần công, hoằng của Phật giáo, mới là Phật rõ tông đó, Lão hoàn toàn sinh đó, giữ sinh là tệ, minh tông là thông suốt, nhưng lặng ngưng phương lớn là tuy tệ mà chẳng phải vọng. Động do tông đó thì lý thông mà chiếu cực, hẳn đức quý thiên toàn tự cầu đạo, sùng gốc giúp thông, công về bốn đại, chẳng mưu là chẳng đúng vậy, giữ giáo gìn thường, thuần chỗ được sở học của Khổng Lão, vượt tông cực nhìn tìm dòng xét nguồn, lấy có sinh làm trần độc, dứt kính ở vua cha, chẳng tợ bàn nghị hóa khác, chẳng chấp phương mà kinh hãi kỳ diệu, tịch quán để giúp suy nghĩ, công chưa kiến mà cần đến, thì tinh túy của Phật giáo rõ ở làm cho nên phàm học được chỗ học thì có thể dùng giúp toàn sinh linh mà giáo tôn trong vực. Rõ làm ở làm sắp mới diệt tập, trái ngược dòng mà xa trời người, qua đây đã hoặc biết của qua lại, được của tẩy lự đó gần ở đây.

LUẬT CỦA TRƯƠNG TRƯỞNG SỬ DUNG CHU DIỆM NGUNG CẬT NẠN

Nhà tôi nhiều đời cung kính Phật, họ cậu tôi thờ đạo, đạo cùng Phật cùng cực không hai. Vắng lặng chẳng động, rốt cùng thì đồng, cảm mà xa thông, đạt vết thành khác. Đó như chẳng trị của nhạc, chẳng cách bí của Năm thường, chẳng tập của lễ, chẳng điếu Thánh của Tam Hoàng, đâu ba và năm đều khác thời nên chẳng đồng phong, khác đời nên chẳng một nghĩa, sao có thể tạm giá dung ngu, dối hỏi thần cực, tôi thấy đạo sĩ và đạo nhân đánh nhau, đạo nhân và Đạo sĩ Nho Mặc bảo tù phải quấy, xưa kia, có chim hồng bay đầu trời, chứa xa nạn chim le, người Việt cho là chim le, người Sở cho là ất, người tự Sở Việt, hồng thường một hồng ư? Phàm lấng gốc tuy một, tôi tự đều tông gốc đó, vết chim hồng đã phân, tôi đã liệng quanh chỗ tập đó, ông hãy chuyên tông ở vết Phật mà không khinh thường gốc đạo.

Thư gửi cho Hai Hà Lưỡng Khổng của Chu Diệm Sơn Thứ.

Thiếu tử mang thư đến, các Du sinh nói rằng: Trương Dung nói chim buồn hót lúc gần chết, người thiện nói ở xế chiều, khoảnh khắc đã bệnh lớn sinh suy, đây cũng là hồn còn lại mấy hơi khí, huống chi sợ thuyền mất xà ngang ở ngôi trống, chân núi không gông buộc ở giữa đầm, nên giữa khoảng âm dương tuy tấc thường xa chẳng vá bổ chuyển dời, muốn cho phách sau ý thừa dây mực, em cháu nên làm môm luật, vài lầm hoặc một chương, thông nguồn hai đạo, nay tấu cùng các hiền, nên làm thế nào?

Trả lời thư của Trương và vặn hỏi Trương.

Chu Diệm Sơn Thứ mang thư về, Thiếu Tử nói: Chu Ngung cúi đầu thưởng chế lại ban, tiếp lại cao nhà đó thì người tham cứu không ngồi, thật chẳng đợi giúp kính, tìm đồng gốc có lường cao, tâm tuy là chỗ thần đạo quy về, tôi biết chủ đó, nhưng tự ngoài của thích, lưới Nho làm rộng, quá đây thì năng cùng Trọng Ni mà như nhau, Hoàng lão thật hùng, giáo đó lưu chậm phải chẳng không có tà tệ, gốc của Tố Phác, nghĩa có đáng sùng, tôi lấy bỏ nghĩ nhớ xưa thô có khi Kinh Vị đoạt nhau, chẳng đến Chu Tử, chỉ chứa nhóm ôm nghĩ chẳng kịp để nói, vết được trái thuận chẳng thể nhầm giữa đồng khác, văn nên có quy biện về ý chỉ, nghĩa là thấu đạt gốc thì đồng dường như chẳng phải, cái mà tôi gọi là đồng khác thời khác phong, lại chẳng phải chỗ tôi gọi là đồng thì khác, từ lâu muốn trong đây nhỏ nhiệm nêu điều xén, may nhân nhã thú, đây chung cực ngôn, vả lại lược như dưới đây chậm nghe so sánh sâu.

Thông Nguyên nói: Đạo cũng cùng Phật cùng cực không hai, vắng lặng chẳng động, rốt cùng gốc thì đồng cảm mà xa thông, gặp vết thành khác.

Câu hỏi của Chu là: Luận chép: Rốt cùng gốc thì đồng, vậy xin hỏi: Nghĩa gì là chỗ gọi là gốc ư? Nói đạo gia là há chẳng lấy hai thiên làm chủ, nói Phật giáo thì cũng nên lấy Bát-nhã làm tông, chỗ hai thiên quý là nghĩa cực hư vô, chỗ Bát-nhã quán là chiếu tận cùng pháp tánh. Hư vô và pháp tánh, vắng lặng tuy đồng vị, phương của tịch ý chỉ đó thì luận riêng, cái gọi là cùng cực không hai là, cùng cực lại có gốc khác, như hư vô và pháp tánh chỗ hướng về chẳng khác ư? Nếu có khác gốc, nghĩ suy cáo tình của khác gốc, nếu đó chẳng khác thì xin nghe thuyết của chẳng khác.

Thông Nguyên nói: Khác thời nên chẳng đồng phong, khác đời nên chẳng phải một nghĩa. Tôi thấy Đạo sĩ cùng đạo nhân đánh nhau, đạo nhân và Đạo sĩ nho mặc bỏ tù phải quấy, xưa kia có chim hồng bay đầu trời xa xa nạn chim le. Người Việt cho là chim le, người Sở cho là ất, người Tự Sở Việt, chim hồng thường một chim hồng ư? Lắng gốc tuy một, tôi tự đều y cứ, gốc đó vết chim hồng đã phân, tôi đã liệng quanh chỗ tập đó.

Câu hỏi của Chu là: Luận chép thời khác nên chẳng đồng phong, là Phật giáo khác với đạo. Đời khác nên chẳng một nghĩa, là trái của đạo ngôn đối với Phật. Đạo và Phật khác nhau, chẳng phải chim le thì ất, chỉ Túc hạ là chỗ gốc của tông, một vật làm chim hồng, rong ruổi

Phật và đạo Phật chẳng khơi hai lỗi, chưa biết soi cao, làm sao nhận biết gốc khinh mà y cứ, có ý chỉ ư? Nếu còn dùng hai giáo để đặt vị gốc, sợ đánh nhau bỏ tù mới khởi, chưa nghe tố tụng. Nếu tuy nhân hai giáo đồng lường nguồn giáo thì nguồn của giáo này không men theo giáo mà thấy, tự nên khẩn nai vòng gậy, chợt mắt thấy Nho Mặc mờ tối, xưa lại nào tranh, nếu hợp nguồn thì cùng phân vết, cả hai chẳng phải thì dụng của hai vết, nên đều lấy bỏ, sao vì chỗ liệng tập vừa rồi siêng chuyên chỉ Phật chuyên khí ôm một không cẩn trọng với đạo ư? Nói tinh chỉ xa vời, mong nghe cốt yếu sau!

Thông Nguyên nói: Ông hãy chuyên vâng dấu vết Phật mà không xem thường gốc đạo.

Câu hỏi của Chu là: Túc hạ chuyên vâng theo dấu vết Phật, không xem thường gốc đạo, tôi thì tâm trì thích huấn, nghiệp mến lời nho, chẳng hay Túc hạ nhã ý Phật Nho ở đâu? Là phải gốc một ngọn khác, hay gốc ngọn đều khác ư? Đã muốn tinh xét người và ta sánh nhau, nghiên cứu qua chỗ liên quan lý loại, chẳng được không thỉnh.

Đáp lại thư Chu Ngung của Trương Dung.

Trương Dung nói: Tôi chưa thể quên thân nên có tình, ngoài thân phần đã hóa cực phách, đầu lại bị con em lưu lại nơi đất, chẳng muốn khiến tấc vuông đó cũ đều đêm ngày hoang mất, chỗ bình sinh khốn hoạnh đầu mặt mà cỏ. Do đó chế luật ấy để làm muôn luật, vì là môn luật nên chẳng phải Phật và đạo môn dùng luật gì, cho nên cáo khí hoãn mạng, nhờ phách bày âm, vài cảm mười ứng, thông nguồn định gốc, thật muốn Túc hạ phát ý tôi lạ, nếu năng đùa đọc khởi tình khéo thấy chánh cần, đã khởi chí nay làm lời ông.

Câu hỏi của Chu là: Luận chép rốt cùng thì đồng xin hỏi nghĩa gì, là chỗ đây gọi là gốc ư?

Đáp lại Chu rằng: Tánh linh đó là tánh năng biết đạo đức là đạo có thể biết đó. Năng biết mà chẳng biết chỗ đáng biết, chẳng phải nghĩa năng biết, có thể biết mà chẳng làm năng biết, chỗ biết chẳng phải có thể biết, nên biết và năng biết sẽ đến chỗ đạo, có thể biết hẳn biết chỗ đến, mà hạ sĩ sấm tình sóng chiếu muốn tham thần, tinh minh xua động thức dụng trầm mờ, cho nên đảo tâm rót xuống chiếu cách đối với đạo. Đến như Bá Dương chuyên khí rất mềm, đình hư nhậm phách chuyển doanh nắm một, ở ngưng thông tĩnh, tĩnh chỉ là thông, cho nên chiếu không chỗ mất, phách đầu mối đình hư nên dung chứa tự đạo, Túc hạ muốn cho Bá Dương chẳng yên tĩnh, mà có thể được ư? Khiến tĩnh chẳng ghé đạo cũng ở đâu mà được, nay đã tĩnh mà hai thần thần

tĩnh mà đạo hai, trước tôi chưa nghe, nên cùng cực sở dĩ một là tánh dạo chọn, lại càng rõ rộng chẳng thể hành lại kế đánh nhau nghĩ định chiếm vũ nội chỉ bày chí xa của sinh linh, ngõ hầu Túc hạ không tượng để vỗ châu, cho nên đế thuộc năm mà thần thường một, hoàng có ba mà đạo không hai, giữa của chim le và ất nhất định là chim le ư? Cho nên tôi thẳng dây.

Câu hỏi của Chu là: Nói đạo gia là há chẳng lấy hai thiên làm chính, nói Phật giáo cũng nên lấy Bát-nhã làm tông, chỗ hai thiên quý là nghĩa cực hư vô, chỗ Bát-nhã quán là chiếu cùng pháp tánh, hư vô và pháp tánh tịch đó tuy đồng, phương của trụ tịch ý chỉ đó thì khác.

Trả lời Chu rằng: Pháp tánh tuy lấy tức sắc đồ không, hư vô thật là có nghĩa ngoài Trương, nhưng hoàn hội trong đó, Túc hạ phải thêm dùng một nửa tư duy, cho đến dạo không có tư duy mênh mông, tâm trần tự phủi, tư duy vì không mênh mông, một nêu trên hình là tuy quên có lão khiến giải thích, nhưng mà có quên giải thích chẳng thay lão, ngay thần đó vậy, dằng dặc tinh hòa ngồi phế bỏ vắng vẻ để lắng, thần đó bèn thông vì xung dụng đó, bước lên địa này, tôi chẳng thấy Thích gia cùng họ lão giẫm lên ý này. Tôi rất biết họ Lão và họ Thích sở dĩ của cùng cực không hai thân tình nên khéo được một, ngay vì vật cảm đã phân ứng vật khó hợp, nay muôn tượng cùng thấy nghe giao nhau, thấy nghe cùng muôn tượng ngang nhau. Đắm trước đó đã sâu, tức đó hẳn mới cạn, cho nên ông trong khổ tạm tàng tức sắc, thuận chỗ đó có chẳng động tình đó, tôn chỗ đó không thuận tiệm tình, và vật có tiếm bỏ, người thời muốn không. Đã có thể tây phong ngày nêu mà đến, nam tinh đêm mộng ngủ trong hồn hán, chẳng thể đó ư? Nếu khanh cho rằng họ Lão bất tận mà không thì chẳng phải mong ở được ý, nếu khanh cho rằng tận không mà chẳng tận hữu đắc ý, lại thỏa chỗ tôi mong, nếu khanh nghi họ Lão đều có mà chẳng tin dùng giáo thì họ Thích có tận, lấy gì cao vời vết, thời này nếu khanh vì họ Thích thì nên vết cao vời, đó như thời họ Lão cao vời vết đây, cùng cực đó đồng với ý tôi nay.

Câu hỏi của Chu là: Luận chép thời khác nên chẳng đồng phong: Là khác của Phật giáo đối với đạo. Đời khác nên chẳng phải một nghĩa, là trái của đạo ngôn đối với Phật, đạo khác với Phật chẳng phải chim le thì ất.

Đáp Chu rằng: Chẳng phải chim le thì ất vết hẳn vậy đó, tôi chẳng đáp lại, chỉ được đời khác thời, khác thế, chẳng nên khác cho nên khác.

Câu hỏi của Chu là: Chưa biết soi xét cao làm sao biết gốc?

Đáp Chu rằng: Dù cho biết ở gốc rồi nhã độc trước, tôi và họ Lão nhận biết nhau chánh như thế, chánh lại là mục kích đạo nay còn, khanh muốn hẳn cong quấp từ đó, tôi không biết đổi cho nên tự tố tụng.

Câu hỏi của Chu là: Nếu còn lấy hai giáo để vị gốc đó, sợ đánh nhau bỏ tù mới khởi chưa thể nghe tố tụng.

Đáp Chu rằng: Được ý có gốc đâu đến chấy giáo.

Câu hỏi của Chu là: Nếu tuy nhân hai giáo đồng lường xét nguồn giáo, thì nguồn của giáo này thường duyên theo giáo mà thấy.

Đáp Chu rằng: Chân thật thay lời nói đó, tôi sở dĩ thấy đạo chưa một nơi Phật, chỉ tôi đó tức lời này có kỳ lạ riêng.

Câu hỏi của Chu là: Tự nên khăn nai chợt nhiên mục kích Nho Mặc mờ tối từ xưa nay vì sao tranh?

Đáp Chu rằng: Đấu ruộng của hai nước Ngu, Nhuế, biết Văn Vương chẳng nát vụn bạch ngọc để hết đánh đấu, có riêng tôn ấy ư? Huống chi đêm đánh một chim hồng vọng quân chim le, chim ất. Đây tự không của khăn nai mang trên đầu, tự lừa dối của vòng gậy trong tay, tôi đâu được rõ đó ư!

Câu hỏi của Chu là: Giả sử hợp nguồn cùng phân vết, cả hai chẳng đúng phải dụng của hai vết nên đều lấy bỏ, sao là chỗ liệng tập vừa rồi cần chuyên chỉ Phật, chuyên khí ôm một không cẩn trọng đối với Đạo ư?

Đáp Chu rằng: Ứng cảm nhiều mối, thần tình số rộng, tôi chẳng liệng quanh nơi bốn quả, khanh còn không nghi tập Phật đó, tôi chẳng liệng quanh ở năm thông mà đối với tập đạo sao lại mờ tối, vả lại thánh báu nên gốc vết chẳng phải tình gấp, ví như tôi đã có thể tập chỗ tập mới lại dời liệng đó ư? Khanh được không hai đó ở hai doanh, chẳng cao vợi suất lấy bỏ đó.

Câu hỏi của Chu là: Tôi thì tâm thực hạnh theo lời dạy của Phật, nghiệp mến lời nho, chẳng hay Túc hạ nhã ý Phật Nho ở đâu, là phải gốc một ngọn khác, hay gốc ngọn đều khác ư?

Đáp Chu rằng: Tôi là tự nguyên hỗn trăm thánh đồng gieo một cực, mà gần luận thông nguồn Nho chẳng ở bàn nghị, Túc gạ nay cực Nho, phải muốn xếp nho quanh đạo, nên trước thuộc tường thành, oán nghĩ tiếm thầy, ban đêm bèn mưu tính bít lấp thành trời, sợ hiểm của khó thẳng chẳng phải chỗ ông leo lên được, thì tôi thấy ra của thầy chẳng thấy đó vào, tôi đã nói là trăm thánh đồng chỗ gieo, nào dung gốc đều khác, lại vì lịch thế đảo binh, tha khanh trí dũng chỗ trí dũng của tôi từ dọc ngang mà có ra.

Đáp thư của Trương Trưởng Sử của Chu Ngung.

Chu Ngung cúi đầu, có thể dùng vận gửi tình, ôm chẳng phải lý có thể làm thầy, thanh huấn trong ngoài, chỗ lên đường vâng theo mà khiến trong đây giới phân, bỏ lại không bạc, cho nên tấm tức mất đường tại ta sao khó, Túc hạ khéo muốn nói, tôi cũng nói đó chưa xong, tạm lại sang nghiên cứu, chậm nương chiết sau.

Thông Nguyên nói: Pháp tánh tuy lấy tức sắc mưu tính không, hư vô thật là có nghĩa ngoài trương, sở dĩ ông ở trong khổ, tạm tàng tức sắc, thuận chỗ có đơ, chẳng động tình đó, tôn chỗ không đó, dần tình thuận đó.

Câu hỏi của Chu là: Tàng ở trong khổ tức là sắc tin vậy đây nói, ở lại sợ có khi chẳng bằng tức sắc, dung chứa tự nương gá để năng tàng thì năng tàng là rộng, hoặc chẳng riêng ra nơi lệ hương. Hễ có đó có vật biết có đó, không là không người biết không đó, nhà của họ Lão có đề không ra vực này, thì tôi ba tông bỉ luận, cúi gọi là lấy bỏ rong ruổi, chưa có ai năng vượt độ đó, Phật giáo sở dĩ nghĩa đoạt tình linh ngôn dối trá thanh luật, bởi gọi là tức sắc chẳng phải có, nên chuyên dứt ở các nhà. Đường này chưa rõ, ở Lão làm sao tiếp tục, chí lăng xăng vọt ngang, đều do đấm trước có, gặp đạo chìm tục, nay vậy là hoạn, đã hoạn do có dính mắc mà có tánh chưa rõ, nấn nhà của có nhân sùng không thuật, có tánh chẳng rõ, tuy là rất tệ nhưng trái ai chuộng tĩnh giẫm lụy thật nhỏ nhiệm là lý do của Đạo gia có thêm hoằng giáo, trước nói: Cái gọi là Hoàng Lão thật là hùng, vương vào thuyết cũ đều nói Lão chẳng bằng Thánh. Nếu luận này chẳng được ảnh hưởng đối với Thích Tông thì địa vị lão của tôi chẳng đến như vậy. đại sĩ ra đời thể đó vô phương, hoặc là tông của rừng Nho, hoặc làm Quốc sư Đạo sĩ, đây là thành thuyết của kinh giáo, cho đến Tể quan, trưởng giả đều gá thân tướng, vì sao lão sinh riêng chẳng phải một vết, chỉ chưa biết quán qua cạn sâu, phẩm vị cao thấp. Đây đều là đại minh chưa mở, quyền tiếp một phương, mặt trăng xuất hiện lửa đuốc nên bỏ, vô dự đã nói thì các quyền tự dứt. Túc hạ còn muốn chôn lấp lửa thừa ở dưới mặt trời mặt trăng, rõ lửa này cùng trời trăng chung nguồn, đã tinh sùng đối với mặt trăng lại không xem thường đối với gốc lửa, chưa biết gốc lửa này là danh hay là thật ư? Danh mà đã vậy, gốc đạo ở đâu. Nếu nói muốn trời trăng của thật là thật, đây thì sự tận ở một Phật chẳng biết đạo đó, ý chỉ chung nguồn, nguồn chung với ai?

Thông Nguyên nói: Ngay thần địa đó dằng dặc tinh hòa bị phế bỏ, bước lên địa này tôi chẳng thấy họ Thích cùng họ Lão giẫm qua ý này,

tôi rất biết họ Lão đó cùng họ thích, lại nói nay đã tĩnh mà hai thần, thần tĩnh mà đạo hai, là trước tôi chưa nghe, lại nói: Bá Dương chuyên khí rất mềm mại, đình hư nhậm phách đầu mối phách đình hư, nên dung vậy tự đạo, lại nói: Tâm trần tự phủi, một nêu trên hình.

Câu hỏi của Chu là: Túc hạ pháp tánh tuy lấy tức sắc mưu không, hư vô thật là có, bày ở nghĩa ngoài, trộm nghĩ rằng Lão, Thích lại ra đối phân khu dã, chỗ cảnh vực đó không quá lời này, nhưng thần địa của họ Lão dằng dặc, tự dằng dặc ở ngoài có, tinh hòa của họ Thích gia bị phế, thường bị phế ở sắc không, lên địa của họ Lão thì họ Lão khác so với Thích, giẫm ý của họ Thích khác so với Lão. Thần đã tĩnh mà chẳng hai, tĩnh đã hai mà đạo hai, Túc hạ trước đó chưa nghe, tôi thì trước đã nghe, nếu vậy thì đầu mối phách đình hư là tự hư. Đó gọi là dung tự đạo, cũng chẳng phải cái mà tôi gọi là Đạo. Nếu là tâm trần tự phải một nêu trên hình, đều hoặc chưa giẫm nơi đại phương, chẳng dám lấy nguồn chung mà hòa nhau.

Thông Nguyên nói: Túc hạ muốn cho Bá Dương chẳng yên tĩnh mà có thể được chăng, khiến tĩnh mà chẳng sợ, đạo cũng ở đâu mà chẳng được.

Hỏi của Chu là: Lời Như lai nói tôi cũng suy nghĩ mà chưa cùng cực. Đây cái gọi là được ở nơi thần tĩnh, mất ở vật hư. Nếu cho rằng tĩnh nơi tĩnh chẳng gọi là cùng tĩnh, phách ở phách, chẳng gọi là tận phách, là điều tôi bác bỏ, không có liên quan.

Thông Nguyên nói: Nếu ông cho rằng họ Lão chẳng phải đều là không thì chẳng phải tưởng mong đắc ý. Nếu khanh cho rằng đều không mà bất tận hữu, đắc ý lại thỏa chỗ tôi mong.

Câu hỏi của Chu là: Tận có tận chẳng phải cực chẳng đủ, biết không biết có, tôi chấp thuận đạo gia đó, chỉ một địa của chẳng phải có chẳng phải không, lời của Đạo chẳng bằng, chẳng phải có chẳng phải không, chỗ ba tông chứa, thẳng như trông lo các thứ khác là chỉ Túc hạ xét đó, miệng chẳng khiến được ý đó cùng thỏa, dời mất nơi có quy về.

Thông Nguyên nói: Chẳng phải chim le thì ất, vết hẳn đó, vết hẳn đó, tôi chẳng đáp lại. Lại nói: Tôi cùng Lão, Thích biết nhau đúng như thế, chánh là mục kích đạo còn ở đây. Lại nói: Được ý có gốc, sao đến chấy giáo. Lại nói: Thật thay có lời nói đó, cho nên tôi thấy đạo đến một Phật.

Câu hỏi của Chu là: Chỗ của Túc hạ thấy đạo còn được ý, có gốc tưởng nghĩa chân của pháp tánh, là địa đó ư? Phật giáo có đó, chỗ Túc

hạ chấy chẳng phải lý do vì sao chấy giáo. Gốc của trông thấy tức ở dấu vết giáo, gọi là giác (hay biết) ất thì chim hồng đâu dần dần ư? Chân tánh các pháp, Lão không có ý chỉ đó, mắt thấy cao tình không còn vết lão, ý chỉ dấu vết cả hai đều mất, sạch tông không chỗ luận, cái gọi là không xem thường đối với gốc đạo, phải không xem thường ở địa nào ư? Nếu cho rằng dò tìm vết của Đạo gia thấy nó lại một nơi Phật, thì là thật nghĩa của Chân đế, duyên theo văn sẽ thấy, sắp duyên theo đạo chương mà được đó ư? Vì duyên theo đức thiên mà gặp, nếu cả hai không chỗ duyên theo mà khéo được tấc vuông đó, đây hoài bảo của tự Túc hạ cùng Lão Thích mà làm ba. Hoặc có thể lập riêng một nhà, chẳng phải chỗ của Lão dám dựng lập.

Thông Nguyên nói: Đấu tranh ruộng của hai nước Ngu, Nhuế chẳng phải chỗ Văn vương biết, đây tự không của khăn nai mang trên đầu, tự lừa dối của vòng gậy trong tay, tôi làm sao có thể rõ ư?

Câu hỏi của Chu là: Túc hạ cho rằng: Tam tạng trong khổ tức là sắc thì hư không có thiếu. Túc hạ cho rằng pháp tánh lấy tức sắc để mưu không, thì pháp tánh là đầy đủ, nay có người ở đây tháo vòng gậy mà nói pháp tánh, kẻ của khăn nai chấp hư vô mà lại cười trách rằng: Mày chẳng đồng ta, ta đến với mày, Túc hạ ung dung dựa gai nghe đoán, ở trong đó bảo: Đều chẳng thể, nghĩa là khăn nai đó không mang ở trên đầu, vòng gậy tự lừa dối ở trong tay, vì tinh của Túc hạ rõ ràng đặt đạt mà phán tụng như thế, là lý do Ngu Nhuế ở ấp.

Thông Nguyên nói: Tôi chẳng liệng quanh ở Bốn quả, khanh còn không nghi tập Phật, tôi chẳng liệng quanh ở năm thông, mà đối với tập đạo sao lại mờ tối.

Câu hỏi của Chu là: Túc hạ chẳng liệng quanh ở Bốn quả, còn siêng tu tập Phật giáo, chẳng liệng quanh ở năm thông, sao riêng bỏ ở vết đạo? Lý lệ chẳng chung mới bị kia bác bỏ.

Thông Nguyên nói: Phải muốn xếp Nho vây quanh Đạo, trước thuộc tường thành có lỗ thủng.

Câu hỏi của Chu là: Túc hạ chung nguồn chỉ nguồn đạo chẳng bằng Nho, tôi hẳn nghi ngờ là thiếu, cho nên hỏi nhau, nhưng chưa biết dung vậy tự đạo, chỉ đạo năng dung, đem dung của đạo theo Nho có thể hội chăng? Tuy chẳng phải nghĩa gốc, dù nói cũng nên kịp tưởng gốc thích phần nhiều rồi, may mắn ban cho âm thừa.

Tôi tìm Chu Trương nạn hỏi, tuy qua lại chứa nhóm cả quyển nhưng hai nhà lập ý, lý ở phen đầu, nên lược văn sau, ý chỉ ở nghĩa gốc.

THƯ CỦA TẠ TRẤN CHI GỬI ĐẠO SĨ HÔ TỐ

Tạ Trấn Chi nói: Kính xem luận của Di Hạ, biện xác một nguồn, rõ chứng cứ hai điển, từ ngữ văn vẻ cung thương có tự thể, huyền trí gắng gỏi, đó đáng mùi vị ư? Tôi chẳng mé mờ tối, dốc nhìn u tông, khổ chẳng nghĩ trách, không thềm bậc mãy may, chỉ soi lại qua ba, chưa tiêu lậu hoặc, tạm thuật chỗ nghĩ nhớ, mong nghe giải thích sau.

Luận lúc đầu nói: Phật là Lão Tử, Lão Tử là Phật, lại đem tiên hóa sánh với Nê-hoàn, sống lâu ngang với không chết, trích dẫn lời dạy của thế gian để phù hợp huyền giáo, gồm từ lệ đó vì đều đồng vậy, không chê xấu đẹp, phế phạm cũng như, trùng húc chim mổ, chẳng phải chỗ nên so sánh, xin thử nói đó, y cứ Chu Khổng lấy Nho Mặc làm điển, Lão Trang dùng biện giáo về nôm, đây đều mở dần phương gần, chưa đủ hồng hựu, vả lại trùng chim khác loại, hóa đạo vốn cách, hễ muốn thì đó, trước nên nghiên cứu lý do, nên người tham cứu hai nghi gọi là ba tài, chỗ ba tài bao gồm, đâu phân Di Hạ, thì biết người hẳn là loài người, thú hẳn là bầy thú, gần mà nêu đó, bảy trân là chỗ yêu mến của người, nên Hoa Di đồng quý, cung kính là chỗ của người, nên chín phục đều thuần, vì vậy liên quan chỉ ở phong hành trong bốn nước, huống chi chỗ đại hóa cách mà chẳng hợp ba ngàn ư? Nếu y cứ kinh mà nói thì, thầm nghe Đức Phật xuất hiện đời, xưa kia một pháp, muôn cõi đồng khuôn, Đức Thích-ca lúc mới tu hạnh Bồ-tát rộng hóa độ chúng sinh, đến lúc thành Phật mà có cõi đó, dự đượm ân từ đều sinh đến nước ta, ta là Diêm-Phù-Đề, chỉ lâu mê sinh tử tục lưu theo nhiễm, tạm mất đường chánh, chưa giác ngộ trước, vì bậc Thánh có ba đạt trí, thường quán căn đó, biết khu phẩm chẳng đồng, nên nói ba thừa mà tiếp đó. Hễ là chân đạo chỉ một, pháp cũng chẳng hai, nay phương tiện nói có ba, khác dẫn mà đồng về, nên dạo hội nói pháp, người ngộ như số cát sông Hằng, vớt đắm cứu mê không vượt ngoài pháp này, vì vậy tương lai hay quá khứ vô biên thế giới cùng một đạo này. Vậy biết trong chín mươi thì có năm chẳng phải dòng đó, kia là lúc đầu nói đồng mà cuối cùng nói khác, nên biết chỗ đồng của lúc đầu là chẳng phải đồng, chỗ khác của cuối cùng là chẳng phải khác, sắp chẳng phải sai lầm đánh đồ gốm chảo loạn hợp chuông vàng ư? Há chẳng phải lừa dối ư? Còn như toàn hình lễ, đội mão rủ đai, mặc bông rải bối chôn bụi đốt lửa, chánh âm của lúc đầu, vận của Lũ-la, đây là nhỏ khác của tục lễ. Nay thấy tại chim mà chim hót, tại thú mà kêu, đáng báo một của muôn ngàn, âm cảm khác loại mà khác ứng, bèn khiến Di Hạ cách hóa, một sao lẫn lộn ư? Thuyền khô quân đắm, có thể để cảnh răn kia, phàm tục lễ là, phát xuất từ bạc

bẽo của trung tín, chẳng phải nồng đượm của đạo, tu đạo nồng đượm là chuyên ở trái tục, tục đã có thể trái thì đạo có thể nồng đượm, khó của phản tục, nên bỏ quá đáng, bỏ quá đáng thì trước cỡi mũ cắt tóc, mặc áo vuông, bớt ăn, cỡi mũ thì không phí trang sức ở đời, cắt tóc thì không phiền bởi trâm lược, mặc áo vuông thì chẳng nhờ công cắt rọc, bớt ăn thì dứt tưởng ham vị. Đây thì đạo là ngày một tổn, đâu phải chỗ chế của di tục, kịp đó bày văn áo tịch ba tạng bốn hàm, đây thì vì hoc là ngày một lợi ích, đâu phải năng tạo của Hoa phong? Lại nói kinh Phật phồn hiển, kinh đạo giảm u, suy đây mà nói: Đó thì u là dùi ngưỡng khó mong hiển thì giẫm cầu dễ trông, giảm hẳn chẳng đủ để bày lý, phồn thì thú hội mà nhiều bến, Phật pháp lấy có hình làm không huyễn, nên quên thân để cứu chúng. Đạo pháp lấy tôi ta làm chân thật nên ăn mặc để dưỡng sinh. Vả lại, sinh mà có thể dưỡng thì hớp mặt trời có thể cùng ngàn thông sánh sương, chầu khuẩn có thể cùng muôn thung bằng tuyết ư? Hẳn chẳng thể vậy. Nếu thể nhận sâu sắc ba cõi là nhà của đêm dài, có sinh là chủ của mộng lớn thì tư duy đạo giác ngộ đâu quý ở hình hài, nếu hình đó có thể luyện sinh mà chẳng chết, đây thì Lão tông vốn khác, chẳng đồng với lý Phật, lấy gì nói đó? Phàm, ngẫu hình của thần giống như nghịch lữ, nếu đến nhà có thì nên thì đâu nêu luyến mến ở mái nhà ư? Biết của có biết, hình của có thể hình, chẳng phải thể của bậc Thánh, tuy là sinh của Nghiêu Khổng, thọ chẳng đầy trăm, đại thánh Nê-hoàn đồng với biết mạng. Vì vậy trọn kiếp trở lại, lắng luyện thần minh, thần minh đã lắng, chiếu bặt có không, danh vượt bốn câu, đây thì đạo của chánh chân thỉ chung chẳng sửa đổi. Lại khắc thuyền là cầu tâm nơi chất vàng, giữ gốc là mong tình ở vũ hóa, nên bít có mà hành sáu độ, ngưng trệ mà nẩy mầm linh chi, có bít tuy trái với thể của sáu độ, vì đó hoặc năng cứu giúp vật, ngưng trệ hẳn chẳng vũ hóa, tức sự đâu đủ gần người, tìm hai nguồn hơi vết rộng cục khác nghĩ, hơn kém rõ ràng, như hạng hiện nay, chẳng thể cật nạn đầy đủ, kia đều tự gần tình của ta, chẳng phải nhận biết rộng của thông phương, thì biết khác tục có thể để luyện đạo, buồn thay! Thánh đạo đã xa, văn vẻ tranh nhau nổi lên, có thể gọi là chỉ vết trùng làm vân xanh, ăn sữa độc làm đề hồ, rất đáng buồn thương, Phật đạo rộng sâu, trí lượng chẳng thể nói cùng, ứng vết khó dùng hình lường nói có, cho nên muôn tượng rậm bày như ngàn núi chót vót đều đứng, chiết đó là không, thì Thái sơn không tận cùng, mảy may đều tan, vận mười lực để dẹp tà, mở mang bốn đẳng để giúp tục, chống đuốc pháp của Bát-nhã, sao u tối mà chẳng đốt đuốc, tiếm pháp oai tam-muội, sao xa mà chẳng phục, sao nghi ngờ mà chẳng

công hiệu?

Lại gửi thư và tụng cho Đạo sĩ họ Cố của Tạ Trấn Chi.

Tạ Trấn Chi nói: Lăng nhục phản thích cứu xét rõ nguồn, huống chi đã hòa quang Phật đạo mà kinh vị thích lý, xúc loại lớn đó sao đến Cơ Dịch, bày Phật càng cao, tinh chỉ càng mờ, tô điểm hòm giác, trân diệu đêm chẳng nhóm, cái gọi là rong chạy dứt vết, nhảy động dứt ảnh, làm sao có thể khỏi ư? Theo chỗ Nhã Luận y cứ thì chánh vì trùng chim khác loại, Di Hạ khác tục, tôi lấy ba tài đều gồm, người lý là một, tục huấn khác ít, pháp giáo đồng nhiều, Túc hạ đáp rằng: Còn ở Chu Dịch, chẳng phải chỗ Hồ thư phỏng theo, bèn cho là Tố Kỳ đã nêu chẳng còn bày xét, Huyền Kỳ làm Tố Huy, khác với Quán Kỳ của Tào Tử. Tạm lại lược các cốt yếu gần, để nêu lớn về, nhưng tóc châu tuy ẩn chiều bốn dịch hiển, liền đem gửi đùa bỡn, thẳng chẳng đưa cho ngang ngược. Phàm thái cực mổ xẻ, lưỡng nghi vọng dựng, năm âm hợp hưng, hình thức nhầm lẫn rõ ràng, tình do lưu nhiễm nhân kết, hình vì ái tệ duyên sinh. Trước của Hy Hoàng, dân phần nhiều chuyên ngu thì ở hang ở ổ, ăn lông uống máu. Vua tôi cha con tự như Hồ Việt, giống như cầm thú, lại sánh với trẻ nít, chỗ đạo giáo chẳng vào, chỗ nhân nghĩa chưa dời. Đến lúc đắm chìm sóng chạm bờ nghĩ cứu, nghĩ cứu thì cầu thiện, cầu thiện thì thánh ứng, vậy thánh là gì ư? Cảm vật mà thông đó. Thông chẳng tự thông, cảm chẳng tự cảm, cảm thường ở đây, thông thường tự kia, tự kia mà lời huyền soi nhà cao, tự đây mà nói muôn tượng nay về, nên biết Thiên-trúc là ở chánh vực của Ta-bà, ở gia hội của thuần thiện, nên năng cảm thông với Chí thánh thổ trung, với ba ngàn thánh ứng đã tiếng kia khắp cùng, cho nên đây trông nhìn sáng tỏ của mặt trời, nào nhờ xét của lìa gốc, nghe tiếng sấm xét, đâu nghe việc của Tử dã, nên thấp cao khác vật, chẳng hiềm đồng đạo, phải trái lưỡng nghi không hại thiên quân, không hai thiên quân thì mây hành pháp giáo, chẳng hiềm đồng đạo thì mưa tuôn Di Hạ. Đạo là một, hình là hai. Đạo là chân, hình là tục, chân đã như một, tục cũng như hai, tận hai được một, nên một pháp đó, diệt tục về chân thì trái với tục. Vì vậy, Như-lai khuôn phép huyền kiếp đồng phong, dù khiến Khổng Lão là Phật thì là giấu sáng, tiếm dẫn cứu giúp lệch tâm. Lập nhân dựng nghĩa, sắp thuận gần tình, là vì toàn hình giữ tế ân tiếp sáu thân, nhiếp sinh dưỡng tánh, vật ngoài tự ngã, mới là tận mỹ chẳng phải tận thiện, vì có chế của bến bờ, chưa đánh sau đó, được định nói Bồ-đề, sánh với thánh Mâu-ni, Phật giáo bày rõ cốt yếu mà năng rộng lớn, cốt yếu mà năng rộng lớn thì tinh sơ đều cấp tinh sơ đều cấp thì cương nhu nhất trí. Vì vậy bến trong

sâu thỏa, thật là khuôn phép đáng y cứ. Lấy khuôn làm tròn thì dễ, lấy tây làm tròn thì khó, sẽ chẳng xả bỏ chỗ khó đó, theo chỗ dễ đó ư? Đạo gia kinh Dịch giản lậu, sinh ra nhiều xuyên tạc đến như linh bảo diệu chân, lượm nhặt Pháp Hoa chế dùng rất vụng, và như thượng thanh, chỗ hoàng đình ưa chuộng, ăn mặc ném đá hớp ráng, chẳng phải đồ pháp chẳng thể so sánh đạo, cũng khó đồng. Trong đó có thể lớn, chỉ ở đạo năm ngàn, hoàn toàn là dụng vô vi, hoàn toàn là dụng vô vi không thể bỏ sót có (phải). Bỏ sót phải vi nghĩ nhớ linh phương, sao dường nhà Phật chỗ ba thừa dẫn chín dòng đều tiếp, chín dòng đều tiếp thì động tĩnh ở đây được, lý của thiền thông là một trong ba, chẳng phải cùng cực. Thiền kinh nhiệm mầu cảnh tướng tinh thâm, lấy đó đề chân còn chẳng thể đến, nay nói đạo ở vô vi được một mà thôi, vô vi được một thì huyền khế ngàn năm, huyền khế chẳng ghi chẳng đợi cao xướng, hễ rõ tông dẫn hội dắt đạt phong lưu là, nếu phải phế bỏ học tinh tư duy thì cũng chẳng phải biếng lười ư? Đâu là môn của đạo giáo ư? Kính tìm chỗ nói, chẳng phải học trò chỉ chẳng hiểu Phật mà cũng chẳng hiểu đạo.

Phản loạn một bài liền đáp mở rằng.

Loạn rằng: Vận đến thì giấu sáng, huyền thánh thì tối mờ, đêm dài thì dằng dặc, các sao thì lấp lánh, thái huy đốt thì thăng diệu, xếp sao lâu thì tiêu tệ, thiên luân đánh thì khác tài, bày dây thì một chế, nếu chuyên mê thì chẳng ngộ, tăng thượng kinh hãi thì xa thệ biện hòa lo sợ thì gai nghiêng, đâu riêng vưu thì sở lệ, lương sô miệt thì Bát-nhã, cùng trách thì trí tuệ).

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 7

- Luận nạn Di Hạ của Chu Chiêu Chi.
- Luận Tư Di Hạ của Chu Quảng Chi.
- Luận Bác Di Hạ của Pháp sư Tuệ Thông.
- Luận Nhung Hoa của Pháp sư Tăng Mẫn.

****

LUẬN NẠN DI HẠ CỦA CHU CHIÊU CHI

Thấy Túc hạ cao đàm Di Hạ, biện thương hai giáo, điều lặc kinh chỉ, ngầm vậy huyền hội, khéo xướng thiện đồng, chẳng phải lời nói luống dối. Xưa, Ưng Cát Phủ ngang với Khổng Lão ở trước, tôi hiền lại đều Lý thích ở sau, khác đường của muôn đời đồng về ở một triều, nghi tranh của nhiều đời, vui vẻ ở ngày nay, thưởng sâu ngộ xa, quyên ủy lắm nhiều, bàn nói về lợi ích cho đời chẳng gì hơn đây. Còn như chỗ hay của mỗi lời, bèn là gan mật Sở Việt chẳng biết phương cam khổ, tuy hai mà thành tánh của thể hẳn một, mới công kích lẫn nhau, mối khác bèn khởi, qua lại rối ren, hại đó ttiếc rẽ chẳng ít, mới đầu như lên trời, sáng tỏa ngoài tục, cuối cùng như xuống vực sâu sáng càng ngời đắm. Đạo sư mất lối, thì người mê đường đông nhiều, nên quên cạn mờ tối, cứu vớt lẫn nhau. Nay trước bày nỗi lòng đó mà chưa nêu chỗ hận, tưởng theo thiện như dòng là chẳng tiếc, trái với một qua, núi sông dài xa, lời tốt chưa mong, tạm gửi ở đây để thay tình tạm đối, nêu một tiếp chỗ giải thích chẳng cạn.

Chu Chiêu Chi nói: Phàm, thánh đạo vắng lặng nên năng viên ứng vô phương, vì ứng vô phương đó, nên ứng không gì chẳng thích hợp. Do đó tự thánh mà xét tâm vốn không tên, ở muôn hội vật tự hội mà làm tên gọi, thì danh hiệu do đó tỏ rõ, vì thế trí không đâu chẳng khắp, thì gọi là Chánh giác, thông không đâu chẳng thuận gọi là bậc Thánh, mở vật thành việc, không gì chẳng đạt, gọi là Đạo, nhưng thánh chẳng

vượt hơn giác, giác chẳng ngoài đạo. Ông hãy biết vậy, sao phải xa cầu ư? Chỉ Hoa Di khác tục, tình hảo chẳng đồng, vì thánh động thường nhân nên lập giáo có lẽ khác, nhưng khúc lễ tịnh giới số đồng Ba trăm oai nghi, dung chỉ lại đồng ba ngàn, chỗ có thể làm khác, chánh ở danh của Phật đạo, ở trong hình phục. Bậc thấu đạt còn lại lấy hình hài làm nghịch lữ, cổn miện đâu đúng luận ư? Chỗ có thể bị chê bai, chỉ ở lúc đầu lập giáo. Hoa Di khác dụng, là tục của hiện nay, mà lại gồm trì chuyển dời biến đổi, một điều nên nói, nay phải nói đó. Huấn của bậc Thánh động hẳn nhân thuận, đông quốc quý hoa thì làm phục của cổn miện, dung của lễ nhạc, tiết của co duỗi cúi ngước, sức của áo mão trâm bội, để hoằng đạo đó, bởi dẫn mà gần đó. Di tục trọng tố, giáo dùng cực chất, râu rụng cờ dung, áo xiêm chẳng cắt rọc, nhàn tình mở chiếu, thần đó nhiều kiếp, để lớn tâm đó, suy mà xa lìa, đạo pháp thì dò tìm, ăn chi anh xan ráng phục đan, hô hấp quá một, nhã cũ nạp mới, lớn thì linh bay vũ hóa, nhỏ thì nhẹ mạnh không bệnh, để còn thân đó, tức mà so đó. Ba là đều ứng đó cảm đó, một là dùng chẳng phải cái ta gọi là đến, phàm cực của đạo là chẳng phải hoa, chẳng phải tố, chẳng tức chẳng khác, không gần không xa, ai bỏ ai ở, chẳng thiên chẳng đảng, chớ hủy chớ khen, viên thông tịch mặc, mượn chữ nói là không cảnh diệu, như vậy chỗ nào khác ư? Chỉ từ Hoàng Hy trở lại, mỗi hoằng phương đó, sư sư truyền nhau, chẳng quan hệ nhau, do vì đây kia đều đủ, không còn tìm cầu ngoài ta, nên từ đời Hán trở lại, thuần phong chuyển bạc, nhân nghĩa dần phế, khoa đại đạo chẳng truyền, môn học Năm kinh càng ít, đại nghĩa đã trái, lời mầu lại dứt, cửa các diệu chẳng dạo, nghi của Trung dung chẳng thấy, lễ thuật đã hoại, nhã nhạc lại nát, phong tục ngầm lấn, vua tôi không chương, chánh giáo lấn lướt, nhân luân không thứ lớp, từ đó thánh đạo càng xa, vận trời xa khắp, huyền hóa đông lưu, dùng từ là chúng sanh ở thế gian, đọc điều tu tập của người trước, ưa thích điều mới nghe, đổi mặt theo hòa, tinh nghĩa lại khởi, nên nhà vi ngôn nơi nơi đều dựng, khách của Huyền Vịnh, chỗ nào cũng đều có. Đây có thể dùng sự thấy, chẳng phải nói không của thật bày, sấp không vật chẳng thể để rốt cùng ư? Cho nên nhận đó để đồng người, nên tà ý đó, bậc Thánh vổ về trăm họ, cũng như mẹ hiền nuôi nấng con thơ, mới đầu ăn thì dùng bánh bột ngọt béo, ngọt béo đã nhàm, lại đổi dùng mỡ mật, mỡ mật đã nhàm thì năm thể tốt hòa, trong ngoài bình yên, là ích lợi đến, đó chẳng vậy ư? Lý đã như vậy mà giăng để chẳng phải biếm vọng cùng phân biệt, là chưa ngộ trong vòng chẳng thể cùng nghĩa, hai hiền suy động qua lại giải thích thế của tài, giả sử lại được giải, chẳng phải

làm của thuận lý. Thuận lý chiết đó đâu đợi suy động. Túc hạ phát nguồn mở mối, Khổng Lão là Phật, kết chương bàn nghị thì cùng đoạt treo nhau, sao tấn thân kích kỵ là các dung của hoa, cúi đầu chân Phật thì có biếm của chồn ngồi, thẳng rủ hết triết làm cung của đợi sân. Gối phải chấm đất, thêm nhục của chó ngồi, xin hỏi: Nếu Khổng là Chánh giác, Thích là tà kiến. bàn nói ở ngày nay tôi chẳng chịu nghe, chấp thuận là chánh chân, lý nào xấu cười, đã khuyết tàng của sợ thánh lại quên lễ của không cẩu thả. Lấy đó chỗ hận thứ nhất của tâm ta. Lại nói toàn hình giữ tế là giáo tiếp thiện, hủy dáng đổi họ là học dứt ác, con của thương thần có công tiếp thiện, phú chướng hủy bỏ có chí của dứt ác, suy tìm tên thật là hận thứ hai. Lại nói: Dưới thì bỏ vợ tớ, trên thì phế tông kỷ, phàm lý của quỷ thần mênh mang khó rõ, nên Tử Lộ có hỏi mà Tuyên Ni chẳng giải thích, phải do sinh tử khác đường, thần duyên khó lường, đâu vì thánh chẳng thể nói, chỉ bởi sợ hiền chẳng được, soi chiếu của ba đạt đó có còn, Túc hạ đã chấp thuận thần hóa đông lưu, mà lại lấy tang tế nương nhau đoạt nhau không nhất định, là hận thứ ba. Lại nói: Pháp thiết thực có thể để tấn khiêm nhược, pháp xa xôi có để thối mà mạnh, ba lại bàn nói này điên đảo chẳng giống, phàm khiêm nhược dễ xoay, có thể dùng xa xôi vào mà tiến, chừ mạnh khó hóa nên vì khổ thiết mới lùi, ẩn tâm xét việc, đó chẳng vậy ư? Gạo trấu ở mắt thì đông tây đổi vị, thiên đấm phân tâm thì từ nghĩa lầm hoặc, cái gọi là trái là hận thứ tư. Lại nói: Ép thì rõ là riêng tiến, dẫn thì tối là tranh trước. Lời đạo chân thật, kính đồng cao xướng, chở che muôn vật, dưỡng nuôi mọi hình, mà nói thì riêng tiến, dường như tự riêng tư, lời Phật nói ra thì tứ đẳng bao gồm, ba thừa đồng thuận, trời rồng đều ngợi khen, mà nói tối tăm thì tranh trước, cũng lại gần lừa dối, bàn nói của thám trách, mà vọng sinh bệnh hạn, dạo từ buông phát là hận thứ năm. Lại nói: Phật là phương của phá ác, đạo là thuật của khởi thiện, phương của phá ác tôi không liên quan, phàm ác dứt thì thiện hành mới là nguyên do của pháp giáo khởi vậy, chỉ chưa biết thuật của khởi thiện, thuật dẫn ai vậy? nếu thiện là đã thiện đâu dùng khởi thiện. Thiện là chẳng phải thiện, lại chẳng phải khởi thiện, thì danh nghĩa của khởi thiện không chỗ nương gá, nay đạo là thiện, lại dùng khởi thiện lấy ở danh nghĩa, rất nối tiếp giàu, chẳng vì khua ác làm giáo thiên lệnh ư? Đại đạo gần hoằng mà muốn hạn cục, là hận thứ sáu. Lại chép: Tàn nhẫn, ngang bướng thì bắt chước Phật làm lớn từ nhu hư thọ, thì phục đạo làm đến (chí). Đẹp núp mạnh mẽ xoay không gì chẳng tàn bạo, thật là huân lớn của Mâu-ni, chẳng trái với tuệ chỉ, chỉ có đạo lực cương

minh hóa công càng xa, thành tánh tồn tồn, ân không đâu chẳng khắp, kiêu chẩm đổi tâm, oai không gì chẳng chế, mà nói chỉ được hư thọ, rất là cạn lược, gần như vô ý chìm lấp, thiên chấp chẳng ngộ, hẹp kém tổn tạo, mở tìm đệ mục thì trước răn tự nghĩ nói, lập ngôn bày luận thì bất giác đổi tình, phân danh khó trì là hận thứ bảy. Lại nói: Tám tượng Tây nhung các điển rộng lược, gầm bày văn Kim Cương Bát-nhã, chẳng vượt ngàn bốn câu, chỗ hoằng đạo khắp muôn pháp, thô diệu đều buông, ít nhiều đều có, điển pháp nhỏ nhiệm răn, khoa lẽ đồng nát tinh thô hoạnh sinh, nói trái với thật, là hận thứ tám. Lại nói: Lấy nước nhà mà quán xét thì di ngược Hạ Ôn, xin hỏi: Khổ của pháp lạc đâu phải hình của Khương Trúc, buồn của đổ máu, há con của Tề Tấn? Khổ mổ xẻ hại chẳng tâm của Tả Nhậm, Sương Thu ngậm dơ chẳng phải bậc sĩ Hải Tân. Suy xét tánh tình, Hoa Di một đạo, hư thiết ôn nghiêm, là hận thứ chín. Lại nói: Bác Dịch hiền đối với mạn du, giảng tụng hơn so với đùa bỡn, tìm dòng phu phong sở dĩ được truyền, sở dĩ kinh tịch chẳng phế là nhờ giảng tụng, vì được thông hỏi cầu để thành ngộ, nên nói: Học mà chẳng giảng, là tôi lo buồn, mà sánh đó với đùa bỡn, rất là mạn đức, xin hỏi: Nơm của dụ khéo, đó sắp an giữ, mới đầu chưa được ý mà muốn quên lời, là hận thứ mười, có mười hận này chẳng thể tự giải thích, tướng mong quân tử thay vì nói bày, tạ sống cũng có so le, Túc hạ công kích đó rồi kín tạm chuyên, chỗ thỉnh chẳng còn thay thợ.

NGHI LUẬN DI HẠ HỎI ĐẠO SĨ HỌ CỐ CỦA CHU QUÃNG CHI

Chu Quảng Chi cúi đầu, thấy cùng Tạ Thường Thị qua lại luận của Di Hạ biện chương, nghĩa đồng quy, có thể gọi là giản kiến thông di bàn nói của thanh luyện, đến như Đam còn nghiêm sức của Đoan miện, phá tố thân của Tiển lạc, dùng cung nhục của chống quỳ, dùng cùm ngay của chồn ngồi, người Đông Hoa ngậm tuyệt pháp bên ngoài, dụ của thuyền xe tuy đẹp, tình của bình thứ chưa dốc, nguồn của đến hội đã phẳng, đường của nôm gửi mới lấp, nhưng ngộ của Ba thừa sâu mong cõi này, bến của sáu độ ở nay quyết lớn, mở kinh vui lý, bùi ngùi rất sâu, tạ sinh chê mất tiên đạo, khen ngợi Phật giáo, dùng thuật vũ hóa làm thuyết phù lạm, xướng của tàn hình làm văn của giẫm chân, không biết mình chỉ đó làm chỉ, chẳng biết kia chỉ đó không khác, đâu sở dĩ thông phương được ý gọi là khéo đồng ư? Chất phác xưa trước dẫn pháp hóa muộn đượm vị đạo phong thường tôn sùng không quý, không tông thú một, lưới môn đều bày nghĩa không nghiêng lấy, đều tùy hiểu vào,

chỉ chỗ tâm an, đâu hẳn áo rồng có thể lót mà anh lạc khó đeo ư? Tự nghèo lại nhiều việc nghiên học đắm chìm, ngậm quyển khăn độc lâu hơn mười năm, nhỏ tập nghe trước, linh lạc chóng hết, chứa chí không tuổi mở trông, chẳng phải thềm bậc, thường một mình bùi ngùi, đêm dài tạm mở, sáng sớm quên ngủ mà sạch lòng, xa tin buộc khổ càng dốc, nếu tin chẳng duyên theo lý, thì nhẹ nổi không chủ chuyển cười đến khách do đây mà khởi, vì vậy dốc hết cuồng quản ghi thuật tâm hèn, nguyện lại vì mở răn bày dẫn quyết nghi. Quảng Chi cúi đầu!

Luận chép: Chống quỳ chiết hết cung của đợi săn, chồn ngồi, chó ngồi nghiêm túc của Hoang lưu. Nghi rằng: Bang khác dụng cách lâu tự khó đều, đến như nổi được chỗ an, xưa nay chẳng biện, dung mạo của đợi săn, điều nói đáng vậy, mắt chồn chó chẳng riêng thương tổn.

Luận chép: Nếu cho rằng thấu đạt đó đã đều, pháp đó có thể thay đổi, mà xe có thể lội sông, thuyền có thể đi bộ ư? Hẳn là chẳng thể. Nghi rằng: Phàm, pháp là sở dĩ pháp tình, tình chẳng phải pháp, pháp đã không định do tình chẳng một, tình của chẳng phải một chỗ hướng khác đường, cương nhu đều rong ruổi, hoa nhung hẳn là đồng. Vì vậy, sông dài mênh mông không đáng với đây, bình nguyên đất xa đâu lấy ở kia ư? Thuyền xe hai chở dụng nào chẳng được.

Luận chép: Đã chẳng hoàn toàn đồng, lại chẳng hoàn toàn khác, dưới bỏ vợ tớ, trên phế tông kỷ, nghi rằng: Nếu phế kỷ ở trên chẳng thể dứt bỏ ở dưới, đây tự phỏng khác vào đồng, chẳng phải lỗi của đồng, sao có thể thấy trâu cày chẳng lên dụng của tông miếu mà bỏ hẳn dụng cụ nơi Lao hý ư?

Luận chép: Vật của ham dục đều dùng lễ bày, điển của Hiếu kính riêng dùng pháp khuất. Bội đức phạm thuận chẳng hề hay biết, nghi rằng: Nếu bội đức phạm thuận, không thí mà có thể Từ kính, ban cho hòa chạm đất mà thông, vì vậy tổn thức ăn hành đạo, chẳng phải nhà của trưng hung, phục miện ăn chay chẳng phải phương dưỡng chánh, sự trông mong của co duỗi có thể dứt nhau ở đây.

Luận chép: Có thể quý của lý là đạo, có thể hèn của sự là tục. Nay bỏ Hoa, bắt chước Di, nghĩa sắp an lấy, nếu vì đạo đó tà đạo hẳn phù hợp. Nếu vì tục, tà tục thì trời trái. Nghi rằng: Chí đạo hư thông nên chẳng tước mà tôn, tục không gì chẳng vướng nên chẳng truất mà hèn. Hèn là chẳng thể không lụy, Tôn là tự nhiên trời đủ, cảnh của trời đủ đã phù hợp, vức của tục lụy cũng đều, đạo phù lụy đều thì ai đẹp ai xấu? Nên đều là thánh hóa, chỉ soi chiếu chỗ lầm hoặc, lầm hoặc hết là sáng tỏ sinh, thì người và ta tự quên, đâu phiền chậm chậm nơi khoảng bỏ

sánh, rõ ràng ở giữa Hoa Di ư?

Luận chép: Giáo của Vô sinh xa xôi, hóa của vô tử thiết thực. Pháp thiết thực có thể để tiến khiêm nhược, pháp xa xôi có thể để lùi thì mạnh, nghi rằng: Vô sinh tức là vô tử, vô tử tức là vô sinh, danh trái thật, hợp dung được riêng biết của xa xôi và thiết thật ư? Nếu vì vết có sai giáng, nên hơn kém cách nhau thì nên lấy thiết thực ép mạnh, lấy xa xôi dẫn yếu kém, nên Khổng Tử nói: Cầu là lùi nên tiến, do là gồm người nên lùi, phương của trí giáo, chẳng như thế ư?

Luận chép: Phật giáo văn mà rộng, Đạo giáo chất mà tinh, tinh thì người thô chẳng tin, bác bỏ thì người tinh chẳng làm được. Nghi rằng: Nghe rộng biết nhiều hẳn duyên chiếu xa rộng, dốc tu hạnh lành phải nhân lý nhập vi. Chiếu sáng thì lý không gì chẳng tinh, lý tinh thì sáng không gì chẳng cùng tận. Nhưng tinh bác đồng công, lợi dụng lẫn nhau. Bác như tinh vậy, há chỗ người thô có thể tin, tinh như bác, há chỗ hoằng thông riêng thiếu.

Luận chép: Phật ngôn hoa mà dẫn, đạo ngôn thật mà chiết, chiết thì người sáng riêng tiến, dẫn thì người tối tranh trước, nghi rằng: Hoa chẳng cách lý thì làm đạt giám, chỗ luyện thật chưa đến hư nên làm toản thưởng. Chỗ nghiệp luyện có thứ lớp là làm chất tối ư hay làm đợi sáng ư? Chất tối thì sáng chẳng tiến riêng. Nếu hẳn đợi sáng thì tối chẳng được trước. Nếu sáng tối đều được sao chẳng phải ép dẫn diệu, huống chi chỗ nạn chương nên lại nói.

Luận chép: Kinh Phật phồn mà hiển, kinh Đạo đơn giản mà u, U thì diệu môn khó thấy, hiển thì đường chánh dễ vâng. Vâng chánh thì về đường chẳng mê, thấy diệu thì trăm lo đều được. Nghi ngờ rằng: Giản thì dễ theo, vì sao khó thấy, phồn thì khó lý, sao được dễ vâng vâng theo chánh thì về đường chẳng mê, có thể dùng cực của thềm đạo, tuy chẳng phải u giản tự nhiên huyền tạo, sao mượn thuật của khó sáng thay đường dễ hiểu ư?

Luận chép: Nếu hèn nhẫn ngang bướng thì bắt chước Phật làm lớn, Từ Nhu hư thọ thì phục đạo làm đến, nghi rằng: Tà kiến uổng đạo chỗ pháp chẳng còn, từ bi hỷ xả là chỗ dần lục hỷ thì năng thọ, xả cũng sẽ hư. Nghĩa hư thọ sâu xa lại hội, chẳng hay người hèn bướng nương vào pháp nào? Nếu cho rằng chỗ thọ là khác, thì vụt thành khắc thuyền, làm sao có phù hợp nhau ư?

Luận chép: Phật là phương phá ác, đạo là thuật của khởi thiện. Lại vì tánh của trung hạ chẳng thể bắt chước pháp của Tây Nhung. Nghi rằng: Bàn nói của khởi thiện là tốt đẹp. Lời nói chớ bắt chước

xem thường, chỗ ý chưa an. Xin hỏi: Tánh của trung hạ cùng với người Tây Nhung, là tánh hạ thuần thiện, người Nhung căn ác, như nay căn ác, thì đối với lý làm sao phá, nếu đó thuần thiện thì đối với nghĩa có thể khởi, nên biết có ác để phá chưa lìa nơi thiện, có thiện để khởi ở ác, Nhưng thiện ác lộn dòng mà cạn sâu khác nhau. Nên La Vân từ tuệ chẳng mượn Đông quang. Kiệt Chích hung ngược đâu chung Tây khí. Đâu riêng cao phong của Hoa mà khinh bỉ pháp của Nhung ư? Nếu vì thiện này khác với thiện kia, ác kia khác với ác này thì thiện ác vốn trái, đâu được đồng rốt ráo.

Luận chép: Nghi của Tôn Di, biên của Lũ la như trùng kêu chim hót, sao đáng thuật học đòi. Nghi rằng: Lễ dùng bày kính nhạc để cảm hòa. Tuy kính do lễ bày, mà lễ chẳng phải kính, hòa đồng nhạc cảm, mà nhạc chẳng phải hòa. Nên trên an dân thuận thì ngọc gấm đình sọt phong thuần, tục thái thì chuông trống liền hưởng. Lại, vận của chuông gấm chẳng cùng hai nghi đều là vị, vì lúc vớt chóng quyền chẳng đặng đừng mà hành. Nhưng mà chỗ đạo nghĩa còn không hệ hình dung, nếu tạo phản lại đó chẳng hiềm khác nhân, nay chồn ngồi chó ngồi ai bảo chẳng phải kính? Kính để bày tâm, ai bảo chẳng phải lễ? Lễ kính nay phù hợp, như sao không bỏ loại hàm thức? Người nêu điều họ quý, quý chẳng ở lời nói, lời nói ở quý lý, vì vậy lân phụng âm nhân, thấy ở thiên trùng linh, tinh tinh năng nói, nhận ở chương tao lễ. Chưa biết chỗ đó luận, nghĩa lấy từ đâu, nếu chấp lời tổn lý thì chẳng phải chỗ y cứ của người biết. Nếu cậy lý quên lời, thì kia vì phá tướng nói tông, nên thường của Lý Sưu chẳng phải chỗ danh muốn mà bằng. Duy-ma im lặng chẳng phải chỗ xảo biện đuổi tìm, xét lời đó vậy. Người ta đều đuổi bỏ, tìm ý chỉ đó, Lão Thích không bờ mé. Đều đuổi bỏ thì bọt nước có thể đuổi bỏ, không bờ mé thì chẳng phụ cao quý, sao là xa trông, danh Bát-nhã chẳng phải trí tuệ, bèn cùng bẻ đuổi, sánh loại như trùng chim. Nghiên lại vượt quá ngày chưa hợp lòng xấu. Vả lại, phương tục khác vận, đâu chuyên Hồ Hạ, gần chỉ trung bang, Tề Lỗ chẳng đồng, Quyền Dư thúc lạc, cũng xưa nay thay thuật, vì đó không phòng ngại chỉ lục, nên truyền trao thế tập, nếu kia chẳng đúng, thì đây chưa đúng, nếu đó đúng thì kia chẳng riêng chẳng phải. Đã chưa thể cũng phải thì đều ở với chẳng phải. Tưởng Hán âm đây trôi vào nước kia, lại thọ quá lắm của trùng đùa, cười chê của chim hót. Biện của Lũ la cũng có thể biết. Một vì đây nói đình doanh có thể bằng, hai nếu gồm trừ chẳng thông ư? Phàm nghĩa sâu kín chẳng phải chỗ nên tham, thật muốn xét phương huyền tượng tạm bày qua một, lắng tâm xa đợi chậm nghe giải sau!

BÁC BỎ LUẬNN DI HẠ CỦA ĐẠO SĨ HỌ CỐ CỦA PHÁP SƯ TUỆ THÔNG

Tôi an cư kiết hạ có rỗi mất việc chợt cảnh mở xem luận của Cố sinh, chiếu như mở mờ, thấy biện nguồn của đồng khác, rõ đường phải quấy, từ phong nghĩa hiển, văn hoa tình áo, mỗi lúc nghiên đọc quên cả nhọc mệt, như chỗ tuyên thảo chân gọi là hồng bút quân tử có làm nỗi lòng. Cho nên xét chỉ quy đó, nghi cười rất nhiều, thí như kẻ mù mò châu, nhặt đậu đỏ mà lại cho là được báu, người điếc nghe nhạc, nghe tiếng lừa hý mà vui ngừng là biết âm. Đây bởi bàn nói của quân tử Di Hạ lấy làm được lý, đó trái lắm vậy. Thấy luận dẫn đạo kinh càng có mờ tối. Xưa, họ Lão soạn văn chỉ có năm ngàn, ngoài ra hỗn tạp đều là thuyết của dâm lầm. Mà riêng xưng là Đạo kinh, từ đâu mà ra? Đã chẳng phải chỗ họ Lão khai sáng thì sao là chân điển. Lại đôi ba phen nghĩ thử bỏ lầm hoặc đó. Luận chép: Khổng Tử chẳng phải Phật thì ai xứng đáng? Đạo là Phật, Phật là đạo, lấy đó mà nói, gần như bến mê khuyết. Nên kinh nói: Ma-ha Ca-diếp kia xưng là Lão tử, đồng tử Quang Tịnh kia gọi là Trọng Ni, gần biết họ Lão chẳng phải Phật, đó cũng rõ vậy. Thật như tôi và ông thấy lý chưa rộng nên có chỗ cố chấp, nhưng mà họ Thị Trọng Ni là chỗ bỏ của Phật, vả lại tuyên đức bày vật hoa phước mà Phật giáo kia lưu truyền. Nhưng phàm, đại đạo khó vâng, tiểu thành dễ tập. Từ xưa mà đặt nạn chẳng phải chỗ bùi ngùi đến nay. Họ Thị soạn văn gồm có năm ngàn, mà xuyên tạc thì nhiều, hoặc thuật yêu vọng để xoay tâm người, hoặc truyền dâm ngược để làm rung động tánh chúng sanh. Nên làm lành là ít mà nhiễm ác thì nhiều. Tớ cho rằng: Nghiêm sức của tấn thân, cung của khánh chiết, lễ của tang tống, đó bởi thời của đại đạo phế. Nhân nghĩa do đó sinh, hiếu kính do đó ra. Trí muốn mới khởi, tình ngụy càng đượm. Bậc Thánh dùng lễ giáo để cấm, dùng pháp độ để chế, nên lễ là bạc của trung tín, là đầu của loạn, đã mất vô vi mà chuộng phải vi, đâu đáp thêm ư? Dung của cắt tóc, kính của chồn ngồi, tục của trọn đắm, tớ cho rằng hoa sắc chẳng đáng lận, tiền của chẳng thể giữ, cũng đã tin. Họ Thị cho rằng: Năm sắc sở dĩ khiến mắt người mù, phần nhiều giấu kín đó đến sau mất, nên mới cắt tóc, huyền phục, bỏ của bỏ đời, đến chỗ nhường vậy, vì thế, Thái Bá không đức, Khổng Phụ chỉ dạy, đây là loại đó. Hồ Quỳ mới đầu từ Thiên-trúc mà bốn phương theo đó, Thiên-trúc là trung tâm của trời đất, chỗ Phật giáo phát xuất. Đây mới là chỉnh túc của đại pháp, là tề nghiêm của chí giáo. Tôi và ông sánh đó như chồn ngồi, khuyết lý làm sao nêu? Nên, hung quỷ giúp ác, ma mạnh hủy chánh. Điều ông nói là vậy,

thí như giữ phao muốn giảm sông biển, nghiêng tay để che mặt trời mặt trăng chẳng thể tổn suối của sông biển, che sáng của trời trăng. Còn như lúc đầu của Thái cổ, vật tánh còn thuần không nhờ lễ giáo mà năng theo, chẳng buông hình phạt mà tự trị, chết thì chôn trong đồng hoang, chẳng bít chẳng dựng, tang lễ không hạn kỳ, buồn đến bèn khóc, đó mới là thuần phong của thượng cổ, đâu đủ sánh vậy, ông muốn chẳng phải, thì nghĩa đó đâu chấp. Lại, Phật giáo, Đạo giáo dùng xe thuyền mà dụ, hễ có thức nghe đó không ai chẳng hoang vậy mà cười, tớ cho rằng đạo trời chẳng nói bậc Thánh vô tâm. Vì vậy đạo do người mở mang chẳng phải đạo mở mang người, nhưng bậc Thánh thần xét, không chỗ nào chẳng thông, trí chiếu đâu có chẳng khắp mà nói chỉ đó chuyên một chẳng thể gồm giúp. Thí như Linh Huy sáng gặp, xứng vật nhận chiếu, thời phong đêm rưới, bày hình phú âm. Nên hình khác thì âm khác, vật khác thì chiếu khác. Ngày chẳng làm khác vật mà khác chiếu, gió chẳng làm khác hình mà khác âm, sắp biết ngày đó là một, phong đó là một. Bẩm đó là chẳng đồng. Tôi và ông lấy làm dụ thuyền xe nghĩa sắp xứng, nhưng Đại giáo không riêng tư, chí đức chẳng nghiêng lệch, hóa vật cùng ý chỉ, dẫn người đều thấu đáo. Tại Nhung địch dùng đều hưởng, ở Hồ Hán mà đồng âm, bậc Thánh sao lại phân đất khác giáo, cách ngụ khác phong, đâu có Di ư? Nào có Hạ ư? Xưa, Công minh nghi làm đàn trâu, thanh giác chi tháo phục ăn như cũ, chẳng phải trâu chẳng nghe hợp tai đó, chuyển thành tiếng ruồi muỗi cô độc, từ đó rung tai vẫy đuôi hớn hở mà nghe, nay chỗ tôi và ông nghe là bởi âm của ruồi muỗi. Riêng của Di Hạ, ý chỉ đó còn đâu? Lại nói: Dưới bỏ vợ tớ, trên phế tông kỷ, vật của ham dục đều do lễ bày, điển của hiếu kính, riêng dùng pháp khuất phục. Đạo tục có tối sáng khác nhau, trong ngoài có nói nín khác nhau. Còn như tông miếu hưởng tế, đề hợp Hoàng khảo, nhưng đến Hiếu kính thì đời chẳng thêm. Nếu là đài khói hương đêm, cung vận pháp sớm. Lễ bái sám hối cầu thỉnh không ngưng, trên đãi nhiều đời thân thuộc, dưới đến tất cả chúng sinh, như vậy sự rộng lớn của hiếu kính chẳng phải chỗ lường của kẻ ngu mù. Nước giúp dân làm gốc, vua nhờ dân mà lập nước, cho nên được yên là nhờ sức dân. Suy Như lai bàn nói tợ như rỗng bày. Lại nói: Khắc thuyền tang môn, giữ gốc Đạo sĩ, không giành lớn nhỏ đàn bắn lẫn nhau, mở vổ Hoa luận, giải thích sâu dính mắc lâu, tìm văn cầu nghĩa, ở đâu đáng về. Ngoại đạo dâm bôn, dời tuổi chứa kỷ, chìm tối chẳng đổi, đắm hoặc nào phản, dạo giẫm làng gò nổi vượt xóm lũy, công nhân thánh thuật, lén hành dâm loạn. Đắc đạo như thế sao nay đáng xấu hổ. Xưa kia người Tề ham đi săn nhà

nghèo, chó nai suốt năm rong ruổi chẳng được một con thú, từ đó lui mà về cày cấy, nay tôi và ông có biết về cày cấy được toán. Lại nói: Đại đạo đã ẩn, tiểu thành sanh khởi lẫn nhau, nói ngọng khuynh nhau, ai chánh cho đó? Chánh đạo khó hủy, tà lý dễ lùi, thí như cánh nhẹ ở cao gặp gió thì bay. Đá nhỏ tại cốc gặp chảy thì chuyển, chỉ Thái Sơn chẳng bị gió thổi động, bàng thạch chẳng bị nước dốc xoay. Vì vậy, mơ mận thấy sương mà rụng lá, thông bách gặp năm lạnh mà chẳng rụi tàn, là đáng tin. Thuật của dâm yêu gặp chánh thì gãy, ông là đại đạo, ai là tiểu thành tưởng, lại luận đó sau mới lấy biện. Như, Nhan Hồi thấy ngự xe của Đông Dã, thì suy lường sắp bại, Tử Cống trông gió của trâu lỗ xét đó sẽ mất. Sao ông không biết, như thế là quá lắm! Nên nêu riêng về ngu và trí, chọn hiền và bỉ khác nhau, tạm nêu một góc bày cho ông thấy mà có thể trở lại ba góc. Lại nói: Nê-hoàn tiên hóa, đều là một thuật, Phật gọi là chánh chân, đạo xưng là chánh nhất, nhất về vô tử, chân hội vô sinh, giáo vô sinh xa xôi, giáo vô tử thiết thực. Đây bởi tôi và ông biện chung năng nói bỉ phu xem thường để thêm. Nhưng thuyết Nê-hoàn diệt độ soạn ra ở Chánh điển, xướng tiên Hóa nhập đạo lý gần an phụ, Lão Tử nói: Dày của sinh sống hẳn ở đất chết. Lại nói: Trời đất sở dĩ dài mà lại lâu, vì nó chẳng tự sinh. Quên sinh là sinh còn, còn sinh thì sẽ chết, đường chết sắp đến nên gọi là thiết thực, đó khác thiết thực ư? Ngạn ngữ nói: Chỉ nam là bắc tự cho là chẳng lầm, chỉ Tây là đông, tự cho là chẳng mờ tối, ông lấy hẳn chết làm sắp sinh, sao trái ngược như thế. Nên cướp ngôi vua đoạn lương thực để tu tiên thuật. Tớ nghe họ Thị có răn của năm vị mà không có dạy tuyệt cốc. Vì thế, con ve, con Ngài chẳng ăn, quân tử ai trọng. Ếch trăn núp hang, bậc Thánh nhân ai quý. Vả lại, từ xưa thánh hiền không ai chẳng quy chung. Tôi và ông riêng cho là chẳng chết, sao lạm đó ư? Cho nên thuấn có phần của Thương Ngô, Võ có lăng ở Cối Kê, Chu Công có thiên cải táng, Trọng Ni có mộng của hai doanh. Tăng Sâm có từ của Khải Túc, Nhan Hồi có lời than bất hạnh, ông chẳng nghe ư? Đâu có nhầm lẫn. Xưa, có người chưa thấy kỳ lân, hỏi người từng thấy rằng: Lân giống như con gì? Đáp: Lân giống như lân, người hỏi nói: Nếu đã từng thấy lân thì chẳng hỏi, mà nói lân giống như lân là thế nào? Đáp: Lân là thân quân, đuôi trâu, móng nai, lưng ngựa. Người hỏi mới hiểu ra mà ngộ. Nay tôi và ông muốn thấy lân không? Chẳng muốn thấy thì bảo. Lại nói: Đạo kinh đơn giản mà u, u thì diệu môn khó thấy. Tớ cho rằng: Lão giáo chỉ ở năm ngàn, ngoài ra chẳng phải chân tịch, mà đạo văn trọng hiển hơn sâu nghi quái, phần nhiều là dối gá gian từ, rổng xưng câu đẹp. Thí như

người Chu ôm chuột để đổi ngọc, Trịnh Tử thấy đó mà tạm lui, chính là nghĩa này. Nói theo đây, lấy gì khắc đáng. Lại nói: Tàn nhẫn ngang bướng thì bắt chước Phật là lớn, từ nhu hư thọ thì phục đạo là dễ. Nên Lão Tử nói: Cường lương là chẳng được chết, tôi sắp lấy làm học văn, nên người sở dĩ bày hành răn tịch, hiển bày văn giáo lấy làm cũ của kẻ ngu mù, chẳng phải làm thí của bậc hiền triết. Trái đó là dữ, thuận đó là lành. Người ngang ngạnh bướng bỉnh la loại hạ ngu, đại giáo thương xót phương tiện vì đó chẳng phải hư học ư? Từ nhu hư thọ, tớ cho là thích nghi nói rỗng. Nay học đạo trái lại đó, bày hoàng thư họ là chân điển, đeo lục tía cho là Diệu thuật, sĩ nữ không phân, phòng the hỗn loạn, hoặc phục thực để cầu tuổi thọ, hoặc dâm giao cho là lành bệnh, luận của từ nhu ở đâu gá. Lại, vết đạo kín mà nhỏ lợi dụng ở mình, nên Lão Tử nói: Tôi sở dĩ có hoạn lớn là vì có thân, nếu tôi không có thân thì đâu có hoạn gì. Họ Thị cho thân là đại hoạn, tôi và ông cho thân làm bảo tồn lâu dài, sao trái đó nhiều vậy? Phàm thân sau mà trước thân, ngoài thân mà thân còn, chỉ nói ở mình, chẳng hay bàn luận này lấy gì làm biện. Lại nói: Biện của Lũ la đều có ra từ tục kia, tự cùng lãnh giải như trùng lúc nhúc, chim ồn náo, đâu đáng so sánh? Tớ cho rằng: Ăn cay là chẳng biết cay đó là cay, mà không với mùi vị ngọt, thích hôi là chẳng biết hôi đó là hôi mà chẳng thích tiêu lan, như ông và tôi chìm đắm dâm ngụy, đâu có nhớ tưởng Đại pháp. Thánh giáo diệu thông, chí đạo sâu rộng, đã chẳng được gọi là có, cũng chẳng được gọi là không, không có nghĩa bỉ ngã, đều nói đồng khác, lời nói còn bắn rơi, như mũi tên lìa khỏi dây cung, chẳng hối hận kịp, ông có cẩn thận lời nói ư, mà nói là trùng lúc nhúc, chim ríu rít, thì ý làm sao nương? Gần thì cháu con càn rỡ, hiển hành vô đạo, yêu dâm mất lễ, tàn nghịch phế nghĩa hiền sĩ đồng chí mà kẻ ngu lại ngụy xoay tâm, lũ gian đầy nhà, bạn ác chật cửa, gò ấp có buồn thống thiết, đường bờ có oán, lưới khổ. Đạo trời họa đầy, quỷ thần phước nhường, sau đó tự chuốc chìm lấp.

LUẬN NHUNG HOA BẮT BẺ LUẬN DI HẠ CỦA ĐẠO SĨ HỌ CỐ CỦA PHÁP SƯ THÍCH TĂNG MẪN Ở QUÃNG LĂNG

Xưa kia, Duy-ma là trong nương đường cao, công rộng ngoài việc. Rồng ẩn nhân gian, chỉ dương biển thẳm, thần rưới mười phương, lý chánh thiên hạ, nên để dấu vết ở cõi Tây hiệp đồng u xướng, như nói Linh biến đó, cho nên khiến trời đất ngã lấp, nắm kéo mặc tình, như nói chân chiếu, thì quên lo mà u ngưng, lời bặt đó vậy. Người như thế, có thể gọi là cư sĩ, chưa thấy ông xưng ý của cư sĩ. Nay ông múi bảy mạn

chưa xô ngã, hang năm dục chưa lấp đầy, mặt trời tuệ chưa chiếu, mây vô minh chưa tan, gió vịnh mờ chưa dứt, mê đi đêm chưa trở lại, ông đã hiểu như thường phẩm mà núi hiệu là Cư Sĩ ư? Bần đạo vui hưởng khí lượng, biết ông chưa kham chỗ y cứ, nhưng ở đây tuy hiệu cạn của Đại pháp mà cũng chưa dễ có thể đáng. Xét ý luận Di Hạ của ông cũng đủ soi lại tâm, bần đạo giẫm học thiên đàn hy chúc đây, huống chi đều ở đây nói, tài không đẹp của ngoạn văn, thức không hiệu của giám u, chiếu không tấc sáng, đượm không mốc nhuần, muôn đường khuyết đây, có nghĩa gì ư? Mà lại trong nắm tư duy mênh mang được tâm chấp tối, khinh đùa bút mực, ngước bói Thánh chỉ, hoặc lẫn lộn Đạo Phật hợp đồng, hoặc luận sâu cạn là khác, hoặc nói thần bang hơn kém, hoặc hủy thanh chánh hư thật. khổ lý lấm con mà cành gãy biến lớn, nhầm xương mà nhận kiêu, đây đều là thành chế của trên đời, bậc tài giỏi xa của hậu hiền. Nay đem bày ông danh nghĩa của đạo Phật là khác. Phật là biệt hiệu của Chánh linh, đạo là đô danh của Bách lộ, Lão Tử là triết của một phương, Phật y cứ tông của muôn thần, Đạo thì lấy tiên làm quý. Phật lấy lậu tận làm nghiên. Tiên đạo có thọ ngàn năm, lậu tận có linh vô cùng. Linh vô cùng nên diệu tuyệt thăm thẳm, thọ ngàn năm trên cưỡi rồng ngự mây, cưỡi rồng ngự mây là đạo sinh tử, linh của thăm thẳm là thường lạc tịnh hẳn. Như đây là mới năng toàn cơ đều ứng. Vết đến thành vua mà thông ngầm xa khiếu, gần ủy trọng cán nên buông muôn nước kia, thề vượt ba không. Rồng bay hoa quán, chỉnh giá đạo tràng, do đó mới đầu thì xướng ở vườn Nai, kế đến thì nhóm họp ở cung trời, giữa thì truyền bá ở Linh Thứu, sau cùng thì quạt ở Hy liên, nên mới sáng lớn chiếu xa, bạch nhật mờ tỏ, hoa hiên bốn lọng, phạm giá trời rũ, chín trời đều ca, các tiên ngộ cơ, dám dự có duyên, không ai chẳng nhóm hội quay về. Chỉ có chu hoàng biên bá, đạo tâm chưa khởi, vì vậy Đức Như lai khiến hiền oai hành đường tây, Bahiền đều dẫn đông đô, nên kinh nói: Đại sĩ Ca-diếp là Lão Tử người ấy, nên dùng giáo lừa dối năm ngàn, giúp tượng đời Chu, hóa duyên đã hết, trở về Thiên-trúc, nên có chỗ xa của xoay lưng của ải dẫn về Tây, người Hoa cho đó soạn kinh Hóa Hồ. Đến nỗi khiến ít thấy vịnh ca hoa mỹ. Ông chưa rõ u chỉ mà liền xướng lão Phật là một ư? Người nghe Đại thánh hiện tông của rừng Nho, bèn khiến Trang Khổng, Chu Lão đây đều là Phật, nếu vậy thì ông cũng có thể là Lão Tử ư? Bèn khiến năm đường các phẩm không gì chẳng phải Phật. Vậy thì sao nói ư? Thật nghĩa là cha giờ đuổi theo mặt trời hẳn chết khát. Ông nói luận Di Hạ là, Đông có xấu của Lân tế, Tây có dòng của Khương Nhung, Bắc có loạn đầu

phủ tóc, Nam có cắt tóc văn thân, Cơ Khổng bày lễ ở giữa, nên có Di Hạ riêng biệt, Nhung Hoa là đông thì tận ở hư cảnh, Tây thì cùng đến u hương, Bắc thì vượt qua ngoài bể, Nam thì cùng cực lao diêm. Đức Như lai quạt hóa trung độ, nên Nhung Hoa có khác nhau. Ông trách lấy tánh của trung hạ sánh với pháp của Tây Nhung là, ông xuất phát từ vực thẳm của giếng sâu, chưa thấy xa trông của sông hồ. Như kinh nói: Phật y cứ giữa trời đất mà thanh dẫn mười phương. Nên biết cõi của Thiên-trúc là giữa nước. Chu Khổng có chế độ nhã chánh, Như lai có hiến siêu tục, nhã chánh chế nên có khác đối với bốn Di, siêu tục hiến nên chẳng đồng với Chu Khổng, chế khắp bốn Di nên tám phương suy đức, hiến thêm Chu Khổng nên Lão tử trở lại Tây. Lão Tử trở lại Tây nên sinh các Nhung đó, Bốn di suy đức nên vượt thêm mê. Chánh thể không thể đổi, chân pháp chẳng dời. Chánh lễ không thể đổi, nên Thái Bá thì ở Ngô Việt mà chỉnh phục, chân pháp chẳng dời, nên Phật giáo lưu truyền phương đông mà không đổi. Duyên chỉnh phục nên lõa nhượng đùa xiêm, pháp không đổi nên khiến các bậc Hiền ở đất Hán cạo tóc, vì đùa xiêm nên khiến hạ trong hình bức, vì cạo tóc nên khiến ngưỡng bằng tây phong, hình bức Trung Hạ nên khiến núi tàng mà không mạn, xa bằng tây phong nên khiến gần thấy mà không ai chẳng tin. Nếu cho là khuôn phép thánh không nhất định, nên tùy phương mà khác là, Thái Bá cũng có thể lõa bước giang đông, nay ông cũng có thể chưa phục xiêm. Nên tuy là phương loại chẳng đồng, thánh pháp chẳng khác. Ông nói nghĩa sắp an lấy đó, nghĩa là lấy chánh đạo. Do đó, chỉ suốt huyền làm chánh, Phật lấy không không làm tông. Lão lấy thái hư làm áo (sâu mầu) Phật lấy tức sự làm thẳm. Lão cho rằng tự nhiên mà hóa, Phật lấy duyên hợp làm sanh. Đạo lấy phù chương làm diệu, Phật lấy giảng nói dẫn đất làm tinh, Thái hư làm áo nên có trung vô vô, ngay nơi sự làm thẳm nên chạm vật đây áo. Tự nhiên mà hóa nên tiêu đường chẳng lên, duyên hợp mà sinh nên tôn vị có thể lên. Phù chương làm diệu nên đạo không thần linh. Giảng nói dẫn dắt làm tinh nên nghiêm tầm thánh tâm. Có trung vô vô nên đạo thì chẳng phải đại. Chạm vật đây áo nên đường thánh xa rộng. Tiêu đường chẳng lên nên, v.v... luống nhọc, tôn vị có thể lên nên trí sĩ mất thân. Đạo không thần linh nên dáng đổ sao cứu, nghiên tầm thánh tâm nên Sa-môn như mây nổi, đó mới nên biết kinh của đạo thì ít mà cạn, kinh Phật thì rộng mà sâu, kinh của đạo thì nhỏ mà uế, kinh Phật thì rộng mà trong, kinh của đạo thì đục mà rỉ, Phật kinh thì trong mà trinh, kinh của đạo thì gần mà tối, kinh Phật thì xa mà sáng. Ông nhuộm phục đổi trắng thật dự tham cao phong. Đầu mũ khăn

vàng là tướng hèn xấu. Da đổi thiêm đảnh thật chẳng phải hoa phong, buôn phù bán lục là tà tục trong thiên hạ, tát má gõ răng là chí (đến) của đảo hoặc, trái buộc cúi đất là dáng mạo địa ngục. Phù chương hợp khí là cùng của gian giảo. Đây thì tối sáng đã bày, chân ngụy đã rõ, ông có thể chỉnh dẫn bè bạn xoay bước đường sạch. Bần đạo nhã đức bên trong, đoái hoài đông phụng thánh chân, đâu có ác ư? Tưởng hẳn chẳng nghịch, đáng với đẹp bày.

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 8

- Luận Biện Hoặc của Pháp sư Huyền Quang.
- Luận Diệt Hoặc của Ký Thất Lưu Hiệp.
- Luận Chiết Tam Phá của Pháp sư Tăng Thuận.

****

LUẬN BIỆN HOẶC (VÀ LỜI TỰA) CỦA PHÁP SƯ THÍCH HUYỀN QUANG

LỜI TỰA

Đại đạo xa tít, muôn hóa không ngằn, dạo trần cảnh mộng nhiễm mê thanh hoa, duyên tưởng thêm mờ sao biết minh chính, do thuần phong bạc bẽo khiến các ma lăng xăng tranh giành. Nếu nắm dối mưu vinh hẳn hành năm nghịch, oai cường dẫn mù hẳn thi sáu cực, khí trùng mờ khắp khiến hoạn chẳng phải một niệm, Đông Ngô mắc ách của thủy tiên, Tây Di chở danh của lính quỷ, Mân tẩu lưu uế của chủng dân, Hán diệp cảm ca của Tư Tử. Trung hiền vỗ tham dân trị lấn hết, quậy đất cát cỏ, sao đếm tội đó, giọt dòng học cuối chẳng biết gốc tông, thế giáo dối từ quỷ che Tam bảo, dân lão quỷ, v.v... vịnh than đầy đường, đều là tro nóng của Viên sơn, cạn bã của hà lạc, đắm chìm hiểm nạn, tôi rất xót thương. Giải thích tích xưa, để làm gương chưa đúng, chiếu mê đồng ở huyền hương, hiển diệu hướng về ngoài trần, gió tốt ngầm khắp, người và ta tình phân, đâu là chỗ lời tiếng có thể bày tả.

- Cấm kinh lên giá là một tội nghịch.

Phàm, huyền tích mây buông suốt đẹp xinh của không phải, Thánh hiền tích công sao chẳng do đây, thật là biển thẳm của học giả, trời trăng của sinh dân. Do đó, Bồ-tát Ba-Luân từ bi chiếu soi bình đẳng, ánh chớp sáng nơi đường mờ, dứt giặc trần nơi đầm hiểm, nổi thuyền linh ở gió tin, tiếp phù sinh nơi biển khổ, nghe đạo các kinh chế tạp ý

phàm, vết giáo tà hiểm, cho nên chẳng truyền, quái lại thay, đạo hoá không bị cấm cố, trông học giả ngày nay chẳng đoái hoài nghiêm khoa, chỉ được vàng lụa, bèn cho kinh đó, người nghèo tạo đó đến chết chẳng thấy. Tham lợi không tâm từ nghịch chẳng gì hơn đây. Lại nữa, phương thuật đó dơ đục chẳng trong, mới gõ răng làm trống trời, nuốt đàm dãi làm suối rượu, phẫn ngựa làm củi Linh, chuột già làm thuốc linh chi, nhờ đó cầu đạo, sao có thể được ư? Xưa kia, Tần Hoàng Hán Võ chẳng được khinh thân, khiến từ phước Công Tôn xa mờ mây sóng cầu đợi thông tiên, ảnh hưởng không bày, nhàn tâm dứt dục, thì sự gần với đạo, đâu mượn nhọc của chợt giẫm nuốt đàm dãi cắn răng ư?

- Vọng xưng chân đạo là hai tội nghịch.

Chất tốt ráng đỏ là, nói công của thần Đan, mở sáng tịnh trí hẳn khí của nương hoa, tuy gìn giữ đây là chân, mà chưa thể không rốt cùng, huống chi Trương Lăng vọng xưng là thiên sư, đã khinh mạn người quỷ, ngay nơi thân thọ báo, cuối niên hiệu Hưng Bình đời Hán làm chỗ trăn rắn hớp. Tử hành rảo tìm không biết đâu, sợ mang báo dèm chê thanh nghi, bèn giả bày quyền phương để bày vết Linh hóa, sinh buộc chân hạc, đặt đá đảnh lớn, mưu sự biện xong, hẹn kỳ phát đó. Đến niên hiệu Kiến An thứ nhất, sai sứ bảo rằng: Ngày mồng bảy tháng giêng, Thiên sư lên Huyền Đô, dân gạo săn núi nhóm họp ngoài làng đông như kiến, vân đài trị dân, v.v... cúi đầu lạy thưa: Cúi xin nghe thánh giá Huyền Đô, chúng tôi từ biệt, ngầm tiếp thây trần, mới hưởng cửu u, vừa tối thì hành nhập, giây lâu trở ra dối xưng rằng: Tôi xoay giá trở lại thần hoa, các người mỗi trở về chỗ trị, tịnh tâm hành trì, nhớ thầy niệm đạo, hành bèn kín rút dạo buộc hạc thẳng cân hư không, dân Liêu ngu xuẩn, kiểm lời lên tiên, bại chết lợi sinh khinh thường trời đất.

- Hợp khí giải tội là tội nghịch thứ ba.

Diệt tình dứt dục thì đạo minh chân quần tư ban tánh vọng tạo hoàng thư, chú bệnh không đầu mối, lại núp khinh cười (Chu nói Thiên Đạo xong ba, năm thành, mặt trời sáng, ra sâu thẳm vào mờ mờ, khí vào chân khí thông thần, khí trải đạo khí hành gian tà, quỷ giặc đều tiêu mất, thấy ta là mù, nghe ta là điếc. Dám có mưu đồ là ta trở lại chịu ương họa đó. Ta tốt mà kia xấu. Đến năm Giáp Tý ban chiếu làm tiêu lục, nam nữ sính hợp, tôn ty chẳng khác. Ngô Lăng, Tu Tĩnh lại chuyên cần thực hành). Mới mở cửa mạng, năm trẻ con chân nhân, xoay đùa rồng hổ, làm thế như đây, để tiêu tai tan họa, đó có thể vậy ư? Thời nhà Hán, nghi quân hành đây làm đạo, quỷ mỵ loạn tục, bị đuổi tới Đôn Hoàng. Sau đến tôn ân hiệp rộng thấm lắm, nam nữ chung chuồng

chẳng khác cầm thú. Sắc trần dễ nhiễm, ái kết khó tiêu, huống chi giao khí đan điền, diên mạng tiên huyệt, bày binh qua cấm của ngọc môn, biến thái cùng thế của rồng hổ. Sống không kết trung trinh, chết có khổ thanh đình, thật mong trời sáng xét soi, bọn này vật ta chánh trong, chẳng phụ minh chiếu.

- Hiệp đạo làm loạn là tội nghịch thứ tư.

Chân tông khó hiểu, thanh hoa dễ lầm, duyên lụy nhiều lớp núi, đức nhẹ gió thổi bày, như hoàng cân, v.v... diều trông nhà Hán, trái lại đổi trời rõ tội đều chịu giết, tiếp có Tử Lỗ lại xưng quỷ đạo. Thần kỳ chẳng giúp làm chỗ huyệt của nai hoang, sau cùng có tôn ân lại xưng là tử đạo, chẳng dùng khinh của dân hèn, muốn mưu trọng của Đế quý, làm mây hưởng nơi hang tối, phát vọng tưởng ở không huyền, thủy tiên mê hoặc vật, uổng giết già trẻ, phá nước hoại dân, há chẳng phải hung nghịch. Vì vậy, Tống Võ Hoàng Đế chỉ bùi ngùi đó, mới là rồng bay ngàn dặm, hổ bước ba sông, bít đánh bầy yêu, chẳng nhọc quanh khắp. Hàm thức vui mừng cỏ cây tươi tốt.

- Chương thư phạt đức là tội nghịch thứ năm.

Chí hóa là các trần khác chẳng thể dối che. Giải thích thụy linh phách chuyên nương minh đức. Đạo không có chân thể, vọng đuổi theo yêu không, liền nói đông hành say rượu mà mất, như kẻ mù này sao chẳng hẹp lánh. Lại đổi đạt thất tổ văn ý cạn mỏng, xin khỏi vốc cát đá, lâu thành quỷ đạo. Thánh trí cùng vi, có niệm đây chiếu, sao phiền tế rượu tốn phí giấy mực, nếu hẳn phải có văn tự mách báo sau mới phân phán, mới đầu biết đạo, ông không khả năng Huyền giám, Thiên tào không chiếu thiên nhãn. Ba quan nhọc bởi cẩn án, ty lại nhọc do xét bắt, nghe đó tấu chương vốn phỏng gấp gáp, mà ngày của Mậu Thìn trên hẳn chẳng đạt, chẳng đạt Thái thượng thì sinh dân uổng tử, than ôi buồn thay! Thật là năm tội nghịch.

- Sợ quỷ đeo phù cực phi pháp thứ nhất.

Chân tâm giẫm thuận, là yêu nghịch đổi khí, vì vậy chí thánh cao hiền vô tình với muôn hóa, nên năng đông dạo vàng đá, nằm ngủ trên mây khói, đây là thuần thành cảm thông, đâu đeo mang khiến vậy ư? Kinh đó từ đặt sính mạn quỷ tệ nói: Bên trái đeo chương thái cực, bên phải đeo thiết côn ngô, chỉ mặt trời thì dừng tỏa sáng, phỏng định quỷ thì máu phun ngàn dặm. Như Thọ Hoàng Thư, Xích Chương chép: Tức là Linh tiên lang triển vào tĩnh chẳng chầu Thái thượng. Đến nơi khiến thần lục giáp mà quỳ bái thanh xý (như Quách Cảnh Thuần cũng nói: Tiên lưu lên thanh độ ách trọn chẳng khỏi tai), ngu si điên đảo đâu biết

nghi tiết, nghe đó mang phù. Xưa kia Quân Tiêu, Trương Giác, Hoàng Phù, Tử Lỗ. Đới Giáng, Lư Tủng, Tử Tiêu, Tôn Ân, Cô Hư đều nắn hoặc vương sư, trọn diệt người quỷ.

- Chế dân khóa thâu cực của khí xảo thứ hai.

Giáo ngũ đẩu mễ phát xuất từ Thiên sư, hậu sinh tà đục lại lập mễ dân, người đời nhàm chán sợ hãi. Vì vậy, Tử Minh, Đỗ Cung đều khốn khổ ma trăn, lại đồ thán trai tịnh, sự khởi từ Trương Lỗ Thị Di rộng nan hóa mới chế pháp này, là lừa lún trong bùn, muối vàng mặt bùn, trích đầu treo ngang đất cho chín, pháp này chỉ ở biên thùy, chẳng thực hành ở Hoa Hạ, đến đầu niên hiệu nghĩa hy, có Vương Công, kế đó tham báu sợ khổ, trộm xét đánh tát, Ngô Lăng, tu tĩnh rất biết nguồn hẹp, như trán treo buộc mà thôi, cực của si hẹp, mong chớ nói Đạo.

- Giải trù cửa mộ cực bất nhân thứ ba.

Mở cửa đại thí cùng vật thông mỹ, trái đạo dư khí là cửa ngộ giải trù, gắng thân áo thực, ôm sắc thái của duyên ban, xưa kia Trương Tử, Lỗ Hán Trung giải phước, nhóm họp đông nhiều tế rượu, và các quỷ tốt (quỷ tốt là Dân quỷ, Lại quỷ, quỷ Đạo, đây là Tử Lỗ Khinh với Lỗ Di mà làm tên này. Lại Thiên sư, Hệ sư, Tự sư và ba nữ sư, đây là Trương Lỗ tự xưng tốt đẹp. Lại đạo nam quan, nữ quan, đạo cha, đạo mẹ, thần quân chủng dân, đây là sau hợp khí tặng tên vật. Lại dân mễ, họ mễ Đô Công tế rượu, đây là thời hoang tên vỗ hóa. Lại, bần đạo ba động Pháp sư trưởng an tăng vĩ làm tên này. Lại, tiên sinh, đạo dân tiên công vương Mạt lăng huyện dân, Vương Linh Kỳ làm. Lại Đạo sĩ giặc kiến chế rượu giặc mễ, đây là chỗ nhắm của người đời. Lại, Pháp sư, Đô Giảng, Thị kinh là Lăng tu tĩnh tựa Phật, nương đời mà chế tên đó. Lại, Thiên Công, Địa Công và xưng thần thiếp, đạo của Thái Bình, đạo ngũ đấu mễ, Đại đạo, Đạo tử, quỷ thần, sư quân đây là lúc làm giặc, mượn uy danh. Lại, giao đông loan đại bái, ngũ lợi tướng quân, tuy có cỏ tranh và đất mà không thần tiết, cuối thời Hán Võ, chẳng còn gọi nữa, vui tiến quá thường, bèn khiến buông lung, tiếng xấu lan tỏa xa tới muôn phương, Lưu Chương Giáo nói: Linh tiên dưỡng mạng, như tiết trùng sương ráng mà dày thân, ham vị làm sao có thể chuộng đạo? Tử Lỗ nghe vậy tức giận xấu hổ, ý sâu phạt quét đường đó, đời truyền Đạo sĩ, sau gặp nêu lên, để phòng nạn đó, gồm chế rượu trù mạng với hạng ba thăng, Cuối đời Hán lại gọi đó là Chế tửu, đến Vương Linh kỳ tước bỏ mục thề, tiên sinh đạo dân đều chấn tích, tuy có quý về năm lợi, nhưng lại làm tên của yêu vật.

- Độ ách khổ sinh cực hư vọng thứ tư.

Chất nguy thu núm, mạng mỏng như băng mùa xuân, gió nghiệp thổi lan, cỏ xoay hóa cảnh. Sở dĩ cảnh công nhậm ở duyên mạng, cháu con ghi làm hành thây, trò mê học cạn không biết đại phương, đến lúc bệnh tật suy họa vọng lắm, nguyên vực của yêu sùng, quỷ quán lấy làm tai ương, độ nguy ách ở sông xa, chiêm điếu tinh ở Huyền Lựu, tuyết Đan Chương ở Hoa Sơn mới cùng bức mặt mày dáng mạo dối mắng. Minh quỷ bảo rằng: Ba quan sứ giả đã đưa tiên sư đi, nên vậy không tang từ hóa, đây thật khuôn tế rượu, lợi của cân tư, tằm ăn trăm họ, công tư đều tổn, đến nỗi khiến nhà lửa kinh sợ đối với chí thánh, quy ca động ở người nghĩ.

- Trong mộng tạo tội cực ngoan si thứ năm.

Thiên thuộc hóa thủy mới biết chiếu làm nguồn, xả bỏ thân mạng, cỏ cây chẳng phải số. Nhưng đại địa núi gò không gì chẳng phải ta cho nên là trần, sông biển mênh mông đều là máu lệ của ta. Lấy đây mà quán, ai chẳng phải thân phải, hoặc mộng thấy người đã mất trước, liền bảo là biến quái. Người quỷ tuy khác nhưng sinh diệt là đồng, tình ân ái thời đến lại có ảnh hưởng, các tà không tướng trạng, chẳng biết thuận nghịch, triệu thực quỷ lại binh tấu chương đoạn, cắt tiệt u linh đơn tâm ai chiếu, mong nguyện vị lai chớ chuộng lời mê, khiến thiên đường không nghĩ thôi ăn, sông băng lắng tiếng niệm tĩnh tai.

- Khinh làm cực lạnh nóng, hung nịnh thứ sáu.

Lặng sâu tâm miệng là chân đức của muôn hạnh, mà chúng sinh cõi đều không từ ái, hổ hung tà nịnh phù chương tranh nhau làm, huyền môn thiếp hộ để lừa dối ngu tục, cao hiền có biết chưa an đó, tạo hoàng thần việt, chương dùng để giết quỷ, lại chế xích chương để giết người, thú vui tình đời chẳng kể tội ương, âm mưu ôm ghét kinh có y cứ cũ, chết vào địa ngục kềm sắt, sinh ra si quyết ngọng câm, tinh hài mê mục, chìm lìa trọn kiếp, ai biết điều này? Quỷ lão bọn dân tướng đạo chẳng vậy, sự đó nên chất. Phàm, luyện chích tuy khổ, người trí chịu nghe, nên lược đặt lời, mong thử ba lần suy nghĩ, có thể phủi vết đổi mưu, tức cùng đại hóa đồng phong. Bởi đó chẳng đổi xin đợi minh đức, đầy đủ chiếu tiếng cong để hiểu đêm dài, đâu là ngày nay chỗ từ yếu tỏ bày ư?

LUẬN DIỆT HOẶC CỦA LƯU KÝ THẤT HIỆP Ở ĐÔNG HOÀN

Mê hoặc soạn luận Tam Phá là, nghĩa chứng thường gần, từ thể quê kệch, tuy chí lý định ở thức sâu, mà lưu ngôn lầm ở tính cạn, cong vẹo hẹp thuyết, thật chẳng đáng nói, lại sợ người quê mùa nghe mà nghe tin theo, nên chọn điều trong đó đáng nói, lược nêu nhã trí.

Luận Tam Phá chép: Giáo của đạo gia, diệu ở tinh tư được một, mà vô tử (không chết) chứng thánh, hóa của nhà Phật, diệu ở tam-muội, thần thông vô sinh có thể mong cầu, gọi tử là Niết-bàn, chưa thấy học tử mà chẳng được tử.

Luận Diệt Hoặc chép: Nhị giáo chân ngụy rõ ràng dễ phân biệt, Phật giáo luyện thần, Đạo giáo luyện hình. Hình khí cuối cùng vướng ngại bên trong một bức tường. Thần thức vô cùng lại vỗ về bên ngoài của sáu hợp. Người sáng suốt nhờ ở giáo vô cùng thắng tuệ, kẻ tối tăm biến đó hẳn cuối cùng cuồng dùng tiên thuật, tiêu thuật cực ở bánh thuốc, tuệ nghiệp mới đầu ở quán thiền, Thiền luyện chân thức nên tinh diệu, mà Nê-hoàn có thể mong, thuốc dừng ở ngụy khí nên tinh tư mà vụt vọt không kỳ. Nếu là bỏ kho tàng diệu bảo, bỏ sót trí dưỡng thân. Y cứ lý tìm đó, ngụy ấy có thể biết, giả sử hình bay lên khoảng trời, thần tối diều bay lệ thiên, đâu khỏi làm chim, diệu quả Nê-hoàn, đạo chỉ có thường trú, bàn về học tử, đâu chiết lý ư?

Luận Tam Phá chép: Nếu nói Thái tử là giáo chủ, chủ chẳng cạo tóc mà khiến người cạo đầu, chủ chẳng bỏ vợ mà khiến người đoạn chủng, thật là đáng cười, biết rõ Phật giáo là thuật diệt ác, cúi nghe đức của quân tử thì thân thể da tóc thọ nhận từ cha mẹ, chẳng dám hủy thương, là đầu tiên của hiếu.

Luận Diệt Hoặc chép: Thái tử bỏ vợ, cạo tóc, việc ấy nói rõ trong kinh, mà phản trắng làm đen, cũng chẳng nhầm ư? Hiếu của nhà Phật chỗ bao gần xa. Lý do ở tâm, không thuộc ở tóc, nếu mến tóc bỏ tâm, sao lấy ở hiếu. Xưa kia, Thái Bá, Ngu Trọng cắt tóc Văn Thân, Phu Tử hai lần gọi là quyền trong chí đức, lấy hiền ở trong tục, nên tu thế lễ, cắt tóc nhường nước, thánh triết bàn nói ngợi khen, huống chi giáo Bát-nhã, quyền trong nghiệp thắng, quả Bồ-đề, Diệu lý khắc nhường đó ư? Diệu ký khắc nhường nên bỏ tóc theo đạo, Quyền trong nghiệp thắng nên bỏ vết cầu tâm, y cứ theo hai hiền không thiếu ở hiếu, soi lấy cảnh thánh,đâu có quái lạ ư?

Phá thứ nhất nói: Vào nước mà phá nước là cuồng ngôn thuyết ngụy, khởi tạo không phí, khổ khắc trăm họ, khiến nước trống dân cùng, chẳng giúp nước nhà mà sinh dân diệt tổn, huống chi người không nuôi tằm mà mặc, không làm ruộng mà ăn, nước diệt người dứt, do đó mà mất. Nhật dụng tổn phí, không ích lợi mảy may, hại của năm tai chẳng gì hơn đây.

Luận Diệt Hoặc chép: Đại thừa viên cực, cùng lý tận, nói về hai đế để bỏ phải nói về ba không để nêu vô, bốn đẳng mở rộng thắng tâm

sáu, độ dứt nghiệp khổ, sự chê cười của lời nói cuồng đâu tổn trời trăng. Sự xây dựng chùa tháp, mở mang linh giáo, công lập một thời mà đạo khắp ngàn năm. Xưa kia, võ hội chư hầu, vàng gấm muôn nước, đến lúc đánh phạt chỉ còn bảy vị. Thái Thủy Chính Phụ, nhà dân chật đầy, binh loạn xích my, ngàn dặm không khói, nước mất người diệt, đây là lý do? Thời của Hợi Anh, thạch cốc mười muôn, đời của Cảnh Võ chứa thóc hồng thối, chẳng phải cuối đời Tần lắm nhiều Sa-môn, mà đầu đời Hán không có Phật pháp, nghiệm xưa y cứ nay đâu tổn ở chính.

Phá thứ hai rằng: Vào nhà mà phá nhà, khiến cha con khác việc, anh em khác pháp, đuổi bỏ cha mẹ, hiếu đạo chóng dứt, buồn vui đều khác, ca khóc chẳng đồng, cốt huyết sinh thù, phục thuộc bỏ hẳn. Bội hóa phạm thuận, không quả báo của Hạo Thiên, năm tội nghịch bất hiếu, chẳng gì hơn đây.

Luận Diệt Hoặc chép: Lý hiếu chí cực đạo tục đồng chung, tuy trong ngoại khác vết mà thần dụng một đạo. Nếu mạng nối tục nhân vốn tu giáo, ở Nho Lễ vận bỏ đạo quả, đồng hoằng hiếu ở phạm nghiệp. Vì vậy thưa hỏi thân thích mà xuất gia, trong kinh Pháp Hoa có nói về nghĩa đó, nghe mà học sau. Duy-ma nêu ví dụ đó, đâu quên gốc ư? Có khi do như vậy, kia đều chiếu ngộ thần lý mà soi rọi người đời, quá bày giá ở cách ngôn, chết sông tổn nơi thượng triết, nên biết minh dứt tận dưỡng thì không tế u linh, học đạo bỏ thân thích thì khổ ngầm dứt hẳn, xét diệu cảm đó không sai, nói về Thắng quả đó hẳn như vậy, sở dĩ khinh trọng cùng dẹp, bỏ kia lấy đây, nếu là chỗ thực thi của phục chế, sự do đuổi tìm xa, cúng tế tuy nhân tâm, ép cũng duyên theo đời, xưa kia Tam Hoàng chí trị, Nghiêu Thuấn mến mộ, chết thì dùng củi làm áo, chôn lấp trong đồng hoang, dựng lập chẳng sửa, tư trảm không kỷ, đâu thể gọi Tam Hoàng giáo, dân bỏ nơi hiếu ư? Và Ngũ Đế, phục chế rõ ràng, chưa nghe Nghiêu Thuấn chấp lễ tìm trách Tam Hoàng, Tam Hoàng không trách, đâu riêng nghi Phật, không có phục của Phật, lý do dứt khổ, Tam Hoàng bỏ tang, sự theo thuần phác, thuần phác chẳng nghi mà dứt khổ thấy sáng. Cái gọi là sáng ba chiều bốn mà mừng vui giao bày. Biết rõ giáo của bậc Thánh xúc cảm viên thông. Tam Hoàng dùng thuần phác vô phục, Ngũ Đế dùng theo tình chế tang, Thích-ca dứt khổ nên bỏ tục về chân, xét vết khác đường mà huyền hóa đồng về.

Phá thứ ba rằng: Vào thân mà phá thân, thể của nhân sinh, một là có tật của hủy thương, hai là có khổ của hói đầu, ba là có nghịch của bất hiếu, bốn là có tội của dứt chủng, năm là có thể của sinh, từ mới nhận biết, chỉ học bất hiếu, làm sao nói ư? Răn khiến chẳng quỳ cha mẹ bèn

tranh theo đó, con trước làm Sa-di, người mẹ sau làm A-ni thì quỳ trước người con, giáo của chẳng lễ, Trung Quốc nên dứt, làm sao có thể được theo.

Luận Diệt Hoặc chép: Phàm, gá hình bẩm thức, lý định tiền nghiệp vào đạo ở tục, sự hệ nhân quả. Vì vậy, Đức Thích-ca ra đời, giáo hóa trời người. Trị nước, trông nhà đều chứng vết đạo. Chưa nghe thế giới khắp đồng xuất gia, vì duyên cảm không phải một, danh giáo có hai, Tấn thân Sa-môn sở dĩ có khác, chỉ vì mới đầu nhổ vức trần, lý do giới định, vợ là ái lụy, tóc là hình sức, ái lụy tổn thần, hình sức trái đạo. Do đó, lắng thần diệt ái, tu đạo bỏ trang sức. Lý ra thường đều mà giáo thì trái tục, nếu là chẳng quỳ cha mẹ, đạo tôn nên vậy, cha mẹ tôn đạo của lễ nên vậy. Lễ quan mới ra mắt mẹ, mẹ bèn bái đó, mừng đó đủ đức, khuất tôn lễ ty, bậc giới vị thấy vua chẳng bái, trọng nắm võ đó nên tôn chẳng thêm. Truy biện khinh mão, vốn không có thần đạo, áo mão hung khí chẳng có chí đức. Nhưng sự lẽ ra thêm cung thì vì mẹ bái con, cho nên dừng kính thì tôi chẳng quỳ vua. Lễ điển thế giáo, do Chu Khổng đặt ra. Luận về Biến Thông chẳng do một phép, huống chi tôn của Phật đạo nêu vượt ba cõi, thần giáo diệu bản, quần trí huyền tông, lấy đó thêm cho người thật tôn ở áo mão, áo mão trái lễ, xưa nay chẳng nghi ngờ, Phật đạo thêm kính, sao lại quái lạ.

Luận Tam Phá chép: Kinh xưa của Phật vốn chép: Phù-đồ, La-thập đổi thành Phật-Đồ, vì biết nguồn gốc xấu ác nên gọi là Phú-Đồ, vì người Hồ hung ác. Lão Tử nói: Hóa mới đầu đó chẳng muốn thương tổn hình, Hồ hói đầu đó, gọi là Phù-Đồ, huống chi đồ là cắt, đến sau Tăng Vĩ đổi thành Phật-Đồ, Vốn kinh cũ nói: Táng môn, Táng môn là do môn tử diệt, nói pháp ấy là giáo vô sinh, gọi là Táng môn, đến La-thập đổi thành Tang môn, Tăng Vĩ lại đổi là Sa-môn, Sa-môn do pháp sa thải, chẳng đáng gọi.

Luận Diệt Hoặc chép: Đời Hán Minh, kinh Phật mới đến, nên Hán dịch ngôn âm chữ chưa chánh, phù âm tợ Phật, táng âm tợ sa, là sự sai lầm của tiếng, lấy đồ là đồ là sự nhầm lẫn của chữ. La-thập ngữ thông Hoa Nhung, thức gồm âm nghĩa, cải chánh ba thỉ hẳn thích nghi. Ngũ kinh sách đời, học chẳng dophiên dịch mà Mã Trịnh ghi chú nói âm chữ đổi lẫn nhau. Từ đó, với mục chẳng ghi sai nhầm thầy trò, với Chu tụng đáng bít yên, sao trái Thánh đức, với sâu sắc của Nghiêu Điển chỉ giáo, sao ở hai chữ. Được ý quên lời, điều Trang Chu lãnh hội, dùng văn hại chí, điều Mạnh Kha chê trách, vốn chẳng đại lý, chỉ chữ là cầu, người Tống bày bó buộc, đâu còn gì hơn đây.

Luận Tam Phá chép: Có pháp của Tam Phá này, chẳng thực hành ở Trung quốc, vốn chỉ ở Tây Vực, sao nói vậy ư? Người Hồ không ác, ngang bướng, không có Lễ, chẳng khác cầm thú, chẳng tin hư vô, Lão Tử vào quan nên làm giáo của hình tượng hóa đó. Lại nói: Người Hồ tục tằn, muốn dứt sự xấy ác đó nên khiến nam chẳng cưới vợ, nữ chẳng lấy chồng. Phàm, phục pháp một nước tự nhiên diệt hết.

Luận Diệt Hoặc chép: Song thọ mờ vết, hình tượng thay nhau khởi, hẳn đã lý tích từ vô thỉ mà đạo khắp vô cùng xét Lý Tẩu ra quan, thuộc cuối thời nhà Chu, ở đời mờ tới, hiền giả dần ẩn, nên đi mà quên về, tiếp kiệu lánh đời còn diệt vết đó, huống gì vượt ra ngoài vức, ai thấy dấu vết đó. Do đó, gian giảo tế rượu soạn kinh Hóa Hồ, lý vụng từ quê, chỗ tư lệ truyền tìm, Tây Hồ lo sợ, Bắc Địch hung dữ, như Lão Tử diệt ác, bỏ đức dùng hình, nào mến Hung Địch mà phản diệt Hồ yếu ư? Bèn khiến Hiểm Duẩn bày hành độc hại muôn đời, sói lang giữa đường, mà Hồ Ly là giết, chìm đắm tàn khốc, chở che không nghe. Pháp của thương ưởng, chưa ngược như thế, đạo của Bá Dương, đâu đến nỗi vậy. Vả lại, chưa phục thì bầy tượng không thi vi, tin thuận thì bất giết có thể dứt. Đã phục giáo vậy mới thêm cực hình, một lời mất đạo, các ngụy có thể thấy, lời của Đông Dã đó là như lý sao?

Luận Tam Phá chép: Thầm nghe! TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ học trò của Tam Vương, vì sao học đạo đồng thời cảm ứng mà chưa nghe Phật giáo. Là vì Cửu Hoàng chợt vậy, hay Phật giáo chưa ra. Nếu là Phật giáo chưa ra thì là tà Ngụy, chẳng còn trở lại.

Luận Diệt Hoặc chép: Thần hóa biến thông, giáo thể chẳng phải một, linh ứng cảm hội, ẩn hiện không ngằn. Nếu duyên ở diệu hóa thì Bồ-tát mở mang đạo đó, hóa ở duyên thô thì thánh đế diễn đức đó. Phàm, Bồ-tát thánh đế tùy cảm hiện ứng, khác giáo hợp khế chưa mới đầu chẳng phải Phật. Nên biết từ Tam Hoàng đến nay cảm diệt mà danh ẩn, giáo của Hán Minh duyên ứng mà tượng hiện, nếu là Tam Hoàng đức hóa, Ngũ Đế nhân giáo, đây gọi là đạo, dường như chẳng phải Thái thượng, Hy nông bày trị, chưa nghe tấu chương, Nghiêu Thuấn tiếp chính yên chịu họa phù, Thang Võ cấm bạo đâu thưởng bánh Đan, điển tịch ngũ kinh chẳng kể Thiên sư mà cầu viện thánh đế, há chẳng buồn sao!

Luận Tam Phá chép: Đạo lấy khí làm tông gọi là được một, tìm khắp trung nguyên nhân sĩ không ai chẳng phụng đạo, nay ở Trung quốc có thờ Phật hẳn là giống của Khương Hồ, nếu nói chẳng phải tà, vì sao thờ Phật?

Luận Diệt Hoặc chép: Chí đạo tông cực lý quy về một, diệu pháp chân cảnh vốn hẳn không hai, là chỗ đến của Phật, thì không huyền vô hình mà muôn tượng đều ứng, vắng lặng vô tâm mà huyền trí càng chiếu. U số tiếm hội chẳng thấy cùng cực, công ngầm thường ngày chẳng biết, chỉ nói muôn tượng đã sinh giả danh, bèn lập Hồ ngôn. Bồ-đề, Hán dịch là Đạo, đó là hiển vết, thì Kim Dung dùng tiêu biểu thánh, ứng tục cho nên cung vua lấy làm hiện sinh, dùng Tứ thiền nhổ bỏ ngu làm đầu, dùng Thập Địa làm thềm cấp của tấn tuệ, gồm quỷ rồng mà đều dụ dẫn, cả xuẩn động mà đẳng từ. Quyền giáo vô phương chẳng vì đạo tục trái ứng, diệu hóa không ngoài, đâu vì Hoa Nhung cản trở tình. Vì vậy một âm diễn pháp khác dịch, cùng giải thích Nhất thừa, bày giáo khác kinh, đồng về kinh điển. Do quyền nên giáo của Khổng Thích khác nhau, mà Đạo khế giải đồng. Do diệu nên Hồ ngữ, Hán ngữ cách mà hóa thông, chỉ cảm có tình thô nên giáo phân đạo tục, địa phương có Đông Tây nên hạng nước có nội ngoại. Tỏa rộng đó là thần hóa nắn đúc chúng sinh không khác, dụng năng cứu vớt sáu đường gồm nhiếp đại thiên, đạo chỉ có chí cực, pháp chỉ có tối tôn, nhưng chí đạo tuy một mà đường rẽ sinh mê, chín mươi sáu thứ đều gọi là Đạo, nghe tên thì tà chánh chẳng phận biệt, kiểm pháp thì chân ngụy tự phân. Y cứ đạo gia lập pháp, khuyết phẩm có ba: Trước nêu Lão Tử, kế nói về thần tiên, sau tiếp Trương Lăng. Thái thượng làm tông, sau đó trụ Sử mừng trốn, thật chỉ đại hiền, viết sách luận đạo quý ở vô vi. Lý về lắng một, hóa vốn hư nhu, nhưng ba đời chẳng kỷ, tuệ nghiệp chẳng nghe, đây mới là lương thư (sách hay) của đạo tục, chẳng phải diệu kinh xuất thế. Nếu là thần tiên tiểu đạo gọi là Năm thông, phước cực sinh lên cõi trời, thể đều bay nhảy. Thần thông mà chưa khỏi phải lậu, thọ xa mà chẳng thể không rốt cùng, công chẳng phải bánh thuốc, đức duyên theo nghiệp tu. Do đó ngu giảo phương sĩ ngụy gá bèn đượm. Trương Lăng giặc mễ thuật ghi thăng thiên. Cát Huyền Dã viết truyện tiên, công ngu lầm hoặc ấy, người trí có thể không cùng, nay tổ thuật lý tẩu thì giáo mất như hiến chương kia, thần tiên thì thể kém như thế. Thượng trung là diệu còn chẳng đáng kể, huống chi bắt chước Lăng Lỗ tiếu sự chương phù, lập giáo năm đấu, muốn cứu ba cõi, dùng muỗi vác núi, ngu thường há hơn ư? Nêu danh đại đạo mà giáo rất ở tục, nêu hiệu Thái thượng mà pháp cùng hạ ngụy, làm sao biết? Ham sống sợ chết, chỗ đồng của hàm thức, nên nhục chi, thạch hoa dối dùng liệng vọt, ham sắc xúc tình, chẳng khác thế gian, nên hoàng thư ngự nữ dối xưng là địa tiên, da thịt đầy hư không mà chúng sinh đều ưa thích, nên báu tiếc đàm dãi dùng

rưới Linh căn. Lánh tai khổ bệnh là thường hoạn của dân, nên chém buộc ly mỵ để khoái ngu tình, ngu oai cậy võ, phong cũ của tục, nên lại binh móc cưới để động tâm cạn. Còn như tiêu tai dâm thuật nhàm thắng gian phương, lý dơ từ nhục, bút chẳng thể truyền, sự hợp manh thứ, sánh nhà về tông, vì vậy Trương Giác Lý, Hoằng độc truyền cuối đời Hán, Lư Tưng, tôn ân loạn đầy cuối thời Tấn, chỗ bao trùm sóng khác, thật phiền có học trò, tước chẳng phải thông đợi mà khinh lập hộ dân, điềm lành không hổ trúc mà lạm cầu thuế khóa, phí cháo sản nghiệp, trùng lầm hoặc nam nữ, vận nghịch thì nước Hiết, đời bình thì mọt dân, tổn chính mầm loạn, đâu đồng như Phật. Vả lại, Niết-bàn đại phẩm, sao sánh huyền thượng đại thanh, Kim dung diệu tướng đâu đẹp bằng nhà quỷ phòng không? Dẹp phục thiên ma chẳng cung kính dối trá của Huyễn tà, tịch tu giới hạnh, đâu đồng với xấu xí của xong khoán, chưa hoằng thệ ở tấc vuông, đâu đồng tạng cung, sắp ở đan điền, hồng chung vang nơi phạm âm, đâu như khua trống trời ở môi mép, lấy hình tích so sánh tinh thô đã cách, lấy chí lý xét hạch chân ngụy đâu ẩn. Nếu dùng thô cười tinh, dùng ngụy báng chân là kẻ mù đối với ly châu, nói là mình sáng.

Đáp Đạo sĩ giả xưng luận Tam Phá của Trương Dung của Pháp sư Thích Tăng Thuận (gồm mười chín điều).

Luận chép: Nê-hoàn là tử, chưa thấy học tử mà được trường sinh, đây là hóa của diệt chủng.

Giải thích: Phàm, sâu dày của sinh sinh cho đến vô sinh thì Trương Nghị học trò Đơn Báo là dạng đó. Vì thế nhà Nho nói: Người ta chẳng ai không mến chết mà lo sinh đó. Họ Thị nói: Nếu tôi không thân thì tôi nào lo gì. Trang Chu cũng tự đau nhức một thân đó. Ba vị này là hạng thánh đạt, không chỉ cho sanh là hoạn, muốn cầu Vô sinh không gì bằng Nê-hoàn, Nê-hoàn là diệu xưng của vô vi, bàn nói vết thì có văn về cung vua song tho, nói về thật thì có thuyết thường trụ, thường lạc. Ông mới luân hồi năm đường, do đâu nghe cốt yếu của Niết-bàn? Hoặc có ba kẻ mù sờ voi, người sờ tai voi, thì giành nói voi như cái nia, người sờ mũi voi, thì giành nói voi như cái chày giã. Tuy được một góc của voi mà chẳng hề hoàn toàn thật của voi. Ông nói Nê-hoàn là tử, thật là kẻ mù sờ voi.

Luận chép: Thái tử chẳng bỏ vợ mà khiến người dứt chủng.

Giải thích: Bậc thánh thật vắng lặng, vết có bày ứng, Thái tử cưới phi ở Trữ Nhị là vì muốn bày đạo nhân luân đã đủ, bèn năng bỏ báu lớn, dứt ân ái kia. Còn như các trời ban đêm xuống, cưỡi ngựa bạch bay vượt

thành. Lý của mười hiệu là ở đây, làm sao có vợ có con được? Vả lại, tớ trẻ đời là lụy rất sâu, đói lạnh thì sinh giặc trận, no ấm thì phát kiêu xa. Vì vậy, vợ bệnh đêm sinh gấp cầu lửa soi, chỉ sợ tợ mình lại là bệnh, chủng của phàm phu như bệnh sinh. Trong kinh chép: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, ngưỡng tìm thấy ý chỉ này thì là Phật chủng, bỏ nhà theo đạo, bỏ bệnh đến Phật là vui là lợi, sao lại là thêm. Ông mê nơi tục vận kẹt nơi mê hoặc nhiều lớp, mộng ở trong mộng, sao đáng hiểu ư?

Luận chép: Thái tử chẳng cao tóc mà bắt người cạo đầu.

Giải thích: Tại gia thì có mến ái đối với cha mẹ, xuất gia thì coi trọng thầy nghiêm. Nói về mến ái thì da tóc là trên hết, nói về nghiêm trọng thì cắt bỏ là khó, do đó y cứ cắt bỏ mà vui vẻ. Nếu lìa cha mẹ mà đi thẳng là vì muốn bỏ phiền não này, tức vô vi kia là sự luyến mến đối với da tóc còn có thể vất bỏ, mọi thứ là vật bên ngoài có gì đáng tiếc ư? Chẳng khinh da tóc thì lấy gì tôn đạo, chẳng từ Thiên thuộc, đâu cần thầy nghiêm? Thí như tang phục nêu ra là tiếp nối đại tông thì dẹp gốc đó sinh, mà lớn chỗ sau đó. Gần khiến ông đây chấp người xem trọng tông miếu, cắt bỏ tình của đoái hoài, trở lại gốc chánh từ một mộ, chẳng phải bạc mỏng sau của ân. Chóng bày ba năm sâu dày của thật nghĩa. Lễ Ký chép: Ra hẳn giáng là có ái ngã mà so sánh sâu dầy. Kinh chép: Chư thiên dâng dao cầm tóc, trên cõi trời không nói về cạo, là nói gì vậy? Ông chỉ mạnh ở xuyên tạc mà sợ ở tìm ý chỉ, là bùi ngùi lẫn nhau.

Luận chép: Con xuất gia trước, mẹ làm Ni sau, thì kính người con, mất lễ quá lắm.

Giải thích: Người xuất gia tôn thầy trọng pháp bỏ tục theo đạo, làm sao có thể một dạng mà cầu. Vả lại, Thái tử học, vua cha cung kính. Hán tổ vui mừng bảo đó rằng lấy Thái Hoàng làm bề tôi. Cao quý của Ngụy kính Tề vương ở nhà riêng, Trử Hậu đời Tấn thiếu cha ở cung đình, dẫn đây mà phán chẳng phải nghi ngờ.

Luận chép: Cạo đầu làm Phù-đồ.

Giải thích: Trong kinh nói: Phù-đồ Thánh Thụy linh đồ nổi biển mà đến, nên gọi là Phù-đồ. Phật đá ở Ngô trung trôi nổi trên biển chợt đến, tức là việc đó. Nay ông hủy đồ của đồ tượng, làm đồ của hình đồ, thì Thái Bá đoan ủy mà trị nên không thẹn đức, Trọng Ung cắt tóc Văn Thân thong dong mà hóa, gặp ông ngày nay hẳn mắc hơn việc của tiếng chó sủa, có tợ mà chẳng phải chẳng phải mà tợ là như ngoại thư cho Trọng Ni là bậc Thánh. Nội kinh nói Ni là nữ, có người bảo Trọng Ni là người nữ, Ông đâu tin đó ư? Giống như cùng loại của Phù-đồ, cũng

nào có khác.

Luận chép: Táng môn là môn tử diệt.

Giải thích: Môn là gốc, nói về chỗ ra vào của lý. Ra vào từ gốc mà khởi. Họ Thích có pháp môn không hai Lão Tử có môn các Diệu. Thư nói: Họa phước không có cửa, đều là rừng chằm của hội thông, nhà vực của diệu cơ, người xuất gia được nghĩa đó. Táng là diệt, nhọc của diệt trần, giải của thông thần, tức là táng môn. Tang đang là sai lầm của chữ thừa. Thừa môn, tức là môn Đại thừa, phiền tưởng đã diệt, gặp vật thừa này. Trước nói diệt môn, sau nói thừa môn, vả lại tám mươi bốn ngàn đều gọi là pháp môn, đâu chỉ có hai môn táng và tang?

Luận chép: Người Hồ chẳng tin hư vô, Lão Tử vào quan nên làm hóa hình tượng.

Giải thích: Hình tượng lúc đầu chẳng phải là ý của giáo bản, phải do sau của diệt độ, là luyến mất hình hương chiên đàn của mình, cũng có văn nói, vả lại Trọng Ni đã mất, ba ngàn học trò trọn nói mến mộ, vì có dáng rất giống phu tử ngồi trên giảng đường, khiến đó diễn giảng, môn đồ hỏi nghĩa cũng như ngày trước chẳng khác. Tăng sâm tự nhiên nói: Ông dậy, đây chẳng phải tòa của ông, suy đó mà bàn luận suy nghĩ có thể biết, Pháp sư La-thập sinh từ phương ngoài, thông minh, hiểu rộng, khéo nói về pháp tướng, mang vác kinh Phật lưu truyền quan phụ, giải thích hai từ ngữ chân tục, nghiệm lấy cảnh chiếu song tịch, rung gió mạnh vô vi, khơi dòng huyền ở chưa ngộ. Cái gọi là khiến cho đến nơi không khiến. Ông nói: Người Hồ chẳng tin hư vô, thật chẳng phải dốc luận, quân tử tự cường, lý có hơn kém, chẳng lệ thuộc hình tượng. Ông lấy hình tượng mà nói, cũng chẳng công kích ở mối khác.

Luận chép: Cạo tóc vốn chẳng cầu Phật làm phục Hung Hồ, nay người trong nước lấy chánh thần tự răn mà lấy pháp của ngoan Hồ.

Giải thích: Sáu Nhung, năm Địch bốn di tám man chẳng biết Vương hóa, chẳng nghe Phật pháp: Thí như súc sinh sự đều có tám nạn. Mới nay thánh chủ mở lớn cái trị của tam ngũ, xiển dương pháp Nhất thừa. Người trời đồng vui mừng, bốn biển giao hòa, sâu bò gằng thở, đều nương nhờ đó, trùng của suyễn nhu tự cho là được chỗ, nếu ông chẳng tự nghĩ để nói v.v... thì nên gấp bít lưỡi đó cũng đâu nhọc kéo dậy.

Luận chép: Sa-môn là nghĩa sa thải.

Giải thích: Dứt tâm đạt nguồn, gọi là Sa-môn. Đây là luyện thần rưới uế, ngược dòng về trong khiết, tức là nghĩa sa thải, ông muốn hủy đó mà nghĩa càng đẹp hơn, thật đáng kính đó càng cao, dùi đó càng chắc.

Luận chép: Vào nước phá nước.

Giải thích: Bậc thánh duyên cảm, không đến thì chẳng ứng, từ buộc dây về sau, dân kiêu tục bạc, đời sau vương giáo đối bày Nghiêu Khổng cho đến như chỗ đượm của diệu pháp, hẳn giúp tục làm hóa, chẳng đợi hình hại mà tự thuần, không mượn đánh đập mà lấy chánh thạch chủ sư lắng mà khởi nước. Vua xưa hỏi bột: Để làm cho đạo hưng thạnh. Văn về phá nước, từ đâu mà nói?

Luận chép: Vào nhà phá nhà.

Giải thích: Huấn của họ Thích là cha hiền con hiếu anh mến em kính, chồng hòa vợ dịu, có đủ tốt đẹp về sáu hòa, nào có bất thiện mà năng phá nhà, chỉ nghe Đạo sĩ học sau có xích chương trú trớ. Phát trích âm tư, hành đàn xủ tóc. Ôi! Trời dẫn đất chẳng hỏi thân sơ, đích thân nhàm chán giết, đây là pháp phá nhà.

Luận chép: Vào thân phá thân.

Giải thích: Thân là rất lụy về gông cùm, họ Thị hình hài là bụi đất, Thích-ca cho ba cõi là nhà lửa. Người xuất gia phải bỏ đeo tràng hoa, bỏ danh lợi, giác ngộ nạn nghịch lữ, thương mong vắng lặng, lấy đó làm vui. Hạng lưu tục trái đây để cầu toàn, tức cái gọi là sát sinh chẳng chết, sinh sinh là bất sinh. Gần đây có Đạo sĩ ham danh, tự nói thuật của thần hơn người, khắc kỳ nhẹ cử, giữa ban ngày lên cõi trời chưa được vài trượng, thì bị rơi xuống đất, đến xem xét thì chính là hai cách của con chim lớn, thật cái gọi là chẳng thể phấn phát mà bay. Nghiệm diệt mất nơi tức sự chẳng xoay gót mà chịu chết. Trương Lăng đời Hán vu võng công nói gọi là giặc mễ, cũng bị di tiễn, vào thân phá thân, không là giác cung ư?

Luận chép: Ca và khóc khác nhau.

Giải thích: Người khóc cũng khóc, là ngầm vết trong tục, đến chỗ tang mà cười mới là thản tình của phương ngoài, Nguyên Nhưỡng leo lên cây mà ca, Khổng Tử qua mà chẳng chẳng phải, đây cũng là một phương của danh giáo.

Luận chép: Chẳng triều tông.

Giải thích: Khổng Tử nói: Nho trên chẳng có bề tôi, Thiên Tử dưới chẳng có sự công hầu, Nho là một vật trong tục còn có thể như vậy, huống chi Sa-môn là người của phương ngoài ư? Xưa kia, Bá Thành Tử Cao Tử Châu Chi Bá chỉ mong huyền mộ đạo, dường như chẳng gần việc của người chẳng ra gì.

Luận chép: Cạo tóc Phạm Hủy thương.

Giải thích: Giải thích về tóc da đã đầy đủ ở đáp trước, tạm lược mà

trình bày . Phàm nói chẳng dám hủy thương chính là để ngăn ngừa,chẳng phải đó hẹp hòi xúc mạo Hiến ty, chỗ thêm của ngũ hình đến nỗi có tàn khuyết. Nay Sa-môn là phục ứng Thánh sư xa cầu Thập Địa, cắt bỏ râu tóc đắp mặc pháp y, lập thân chẳng trái, dương danh đắc đạo, trở lại độ thiên thuộc, có gì chẳng thể mà nhập vào nghĩa hủy thương? Hạng học trò giữ văn chưa đạt ý chỉ ngoài văn, luân bức còn chẳng dời thuật ở trẻ con, tôi làm sao nói ư?

Luận chép: Người xuất gia chưa thấy quân tử đều là trốn tránh làm việc nặng nhọc.

Giải thích: Than ôi! Sao ông khó dụ ư? Trái Tuyện chép: Lời là văn của thân, Trang Chu nói: Lời chẳng rộng chẳng đủ để nói đạo, tôi muốn không nói có thể được chăng? Người xuất gia đều linh căn xưa chắc, đức vũ thẳm sâu, lắng ở chiếu soi đó, xác ở chẳng bạt, vì thế thần ngưng tâm là đạo, siêu nhiên xa tưởng vũ trụ chẳng thể điểm, lồng ngực đó lặng, không giữ bụi dơ, làm sao có thể quậy tấc vuông đó, cắt ân trọng của cha mẹ, bỏ mến vui của phòng lồng, phòng trống sinh bạch, giữ huyền hành thiền, hoặc đầu-đà rừng trống, bố thí thân cho thú đói, hoặc tĩnh tiết ăn chay, tinh tâm không lười, sắp siêng cầu mười lực, vượt lên giải thoát vô thượng lưới trời tiêu tan màn đất, triệu trăm phước nơi chưa nẩy mầm, tế chúng sinh trong muôn kiếp, đây thật là hồng đồ của đại trượng phu, chẳng phải chỗ tôi và ông mở cửa. Bàn nói việc trốn dịch là nói sao ư? Khổng Tử nguyện miệng ba thước, tuy nói ra ở miệng mà chẳng hề dùng lưỡi dài phạm người thì miệng của ông ba trượng, sao là lụy nhiều miệng, thương tổn người sâu.

Luận chép: Ba đinh hai xuất, một sao vô duyên.

Giải thích: Vô duyên tức là duyên, vô duyên sinh. Có duyên tức là duyên có duyên khởi. Làm sao biết đó? Ở đời có đóng cửa vào đạo, nên nói duyên có duyên khởi. Có sinh chẳng biết Tỳ-kheo, nên nói duyên, vô duyên sinh. Mười sáu vị vương tử đồng một ngày xuất gia, theo cha vào đạo, thì là chỗ dẫn dắt của duyên, đóng cửa chóng đến, sao có việc xuất hai ư? Vô duyên là, tự y cứ trong vô duyên, cầu tìm ở chính mình mà thôi. Ông mới đọa hẳn vô gián. Nhàn rỗi lại luận việc này sắp chẳng muốn ngã, gặp phải chiến tranh ư? Nếu trái được mê, thì khác với chỗ mong.

Luận chép: Giáo của Đạo gia dưỡng đức thành nước.

Giải thích: Đạo có chín mươi sáu thứ, Phật là tối tôn. Học trò của Phạm Chí là bồi lũ, giả sử thần núi sông phát ra mây mưa đó cũng là chỗ cúng tế của nước nhà. Đó nói dưỡng đức thành nước, không gì

chẳng ít nhiều, chỉ rộng cứu giúp vô biên, trọn nhổ đồ thán, ta Kim Cương một thánh vời vợi riêng hùng. Lúc đầu của Thái cực mổ phân thì đã tự có Phật, chỉ ở thời chúng sinh nhân duyên chưa động cho nên thích nghi, vả lại mờ tối danh xưng, lấy gì để nói? Suy từ Tam Hoàng trở lên nào dung, đều không Lễ Dịch thì hai quẻ trời đất. Lý Dự hai hào bèn đáng cùng trời đất đồng sinh. Tuy nói là đồng sinh mà danh chẳng đồng ra, vì cơ cảm chẳng phát, thi dụng chưa hình, lý đó thường còn mà vết đó chẳng bày. Hai thánh trong ngoài, đạo đó là một. Nên lập Pháp hành rằng: Trước khiến Ba Hiền dần dụ tục giáo, sau lấy kinh Phật đổi tà theo chánh, môn Lý Lão thiên của họ Thích bổ ích. Kinh chép: Nơi nơi tự nói, tên gọi chẳng đồng hoặc làm tông của rừng nho hay Quốc sư, Đạo sĩ, hoặc tịch mặc vô vi mà làm Phật sự. Lời do miệng vàng nói hợp như phù khế, sao là Đông Tây nhảy cầu chẳng tránh cao thấp ư? Than ôi! Ngoại đạo mượn trí tuệ ta, nhờ thần lực ta, bèn muốn nhiễu loạn văn kinh ta, hiếp đánh giáo ta, không tốt lành của dạy người, một đến nơi đây.

Luận chép: Đạo là hơi khí.

Giải thích: Danh của đạo, lấy lý làm dụng, được lý đó thì đối với đạo là đầy đủ. Cho nên, Sa-môn hiệu là Đạo nhân. Dương Bình gọi là Đạo sĩ, Thích Thánh đắc tông của đạo, Bành Đam ở cuối của đạo. Tông của đắc đạo là chẳng đợi nói đạo mà đạo tự hiển, ở cuối của đạo là thường gọi là đạo mà đạo chẳng đủ, thí như Trọng Ni học rộng chẳng vì một việc mà thành danh, học trò của Du Hạ hoàn toàn dùng bốn khoa để lập danh mục. Trang Chu có nói: Sinh là khí tụ thì làm sinh, tan thì làm tử, y theo ông nói nếu đạo là khí thì phải có tụ có tan, có sinh có tử, thì đạo của ông là pháp sinh diệt, chẳng phải thường trụ, từng nghe đạo của ông lại có việc của hợp khí. Xin ông chớ nói, đây thật là nhục. Trang Tử lại nói: Đạo ở cứt đái, đạo cứt đái này chẳng phải tôi và đạo hợp khí của ông ư?

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 9

- Đại Lương hoàng đế lập thần minh thành Phật nghĩa ký (và Thẩm Tích ở Ngô Hưng soạn lời tựa chú)
- Tiêu Sâm cật nạn luận Thần Diệt của Phạm Chẩn.
- Tào Từ Văn cật nạn luận Thần Diệt của Phạm Chẩn.

****

ĐẠI LƯƠNG HOÀNG ĐẾ LẬP THẦN MINH THÀNH PHẬT NGHĨA KÝ (VÀ THẨM TÍCH Ở NGÔ HƯNG SOẠN LỜI TỰA CHÚ)

Phàm, thần đạo minh mặc, Tuyên Ni hẳn đã hết nói, tâm sở lý diệu, trụ sử lại chỗ chưa nói. Chẳng phải thánh trí thì chẳng khắp, vì tình gần khó dùng nói xa. Vì thế, Huyền nho đời trước bàn nói bỏ lại túc nghiệp, đời sau nói chung dễ chìm thân sau. Chẳng phải cực lự của thiên hạ, sao được mà rõ ràng. Nên kẻ lầm hoặc nghe thức thần chẳng mà hoàn toàn cho đó là Thường. Nghe tâm niệm chẳng thường mà toàn cho đó là Đoạn. Nói đoạn thì mê tánh Thường,´, nói thường thì nhầm dụng đó Đoạn. Nhân dụng nghi ngờ gốc cho rằng tại gốc có thể diệt, nhân gốc nghi ngờ dụng cho rằng tại dụng chẳng dời, chẳng thể tinh cầu, cùng nhau khởi thiên chấp, mới khiến giác tánh thiên tự mất. Bàn luận thánh vương bẩm lấy huyền phù, ngự đại bảo giác nỳ, tiên thiên rủ thì quán dân bày hóa, sắp sợ chi ly dối biện dựng nghĩa giăng dòng, nêu thuật lắm tợ đó ai có khả năng chấn chỉnh. Thích giáo di văn đó sắp mất. Vì thế soạn Nhã Luận này để hoằng chí điển tích, sớm niệm thân không gá tâm nội giáo, từng hưởng pháp âm, dùng quên ăn ngủ, mà tình mờ tối khó hiểu, chạm lý lắm nghi ngờ. Còn như đại nghĩa Phật tánh chóng mê đường tâm, đã thiên cáo dòng dự đồng vỗ thăm, muôn đêm được mở, ngàn tối trọn thấy, nghi ngờ của phân trừ rõ ràng đều suốt,

trộm chỉ sự và lý hạnh không vật nào chẳng biết. Dụng tùy đạo hợp, sao tâm chẳng nói, nên dùng trôi bồi hồi, còn cảm hòa của mỹ âm, cá dạo nhảy nhót còn thưởng vận của tơ trong, huống gì sự mầu nhiệm của nhập thần phát từ cung trời. Đây, tôi sở dĩ vũ đó mà chẳng thể tự mình, xin dùng da thọ kính cẩn làm chú thích, há chày ống đó dụng cùng thiên áo, ngõ hầu cố lầm hoặc sở dĩ giải thích. Phàm giẫm trải hành bản ở lập tín (Thẩm Tích nói: Phàm ngu tâm tối thì phát sáng lớn, sáng chẳng chợt phát, phát thì do hành, hành chẳng tự tu, tu phải do tín, tín là nhờ thầy nương lý, tâm của không trái. Nên năm căn lấy một tín làm gốc, bốn tín lấy chẳng trái làm tông, tông tín đã lập muôn thiện tự hành, hành thiện tạo quả, gọi là hành) tín lập do chánh giải (Thẩm Tích nói: Tà chánh chẳng biện, làm sao lấy tín, nên lập gốc của tín nhờ chánh giải). Chánh giải thì tà bên ngoài chẳng nhiễu, (Thẩm Tích nói: Một tâm chánh thì muôn tà diệt, vậy biết trong lòng chánh kiến thì tà bên ngoài chẳng động). Tín lập thì nội thức không nghi ngờ (Thẩm Tích nói: Bàn luận là tâm. Nên luận Thành Thật chép: Tâm ý thức thể một mà tên khác, tâm đã tin vậy lấy gì nghi ngờ). Nhưng chỗ tin hiểu nương, tông đó còn có (Thẩm Tích nói: Nương là cậy nhờ, an tâm có gốc thì chi hành tự theo, ý chỉ của gốc, nói ở câu sau). Vì sao? Vì nguồn thần minh lấy chẳng đoạn làm tinh, tinh thần hẳn về diệu quả (Thẩm Tích nói: Thần mà có hết, thì sao gọi là Thần ư? Nên trong kinh nói tôi thấy chết là hình hoại thể hóa mà thần chẳng diệt, tùy hành thiện ác, họa phước tự tìm theo, đây tức là nghĩa chẳng đoạn diệt. Nếu hóa đồng với cỏ cây thì đâu gọi là Tinh ư? Vì chẳng đoạn nên chung quy diệu cực, nhờ tâm địa này thì xúc lý đều rõ, rõ ở các lý, sao hành chẳng thành. Tông tin hiểu là nghĩa này). Quả mầu thể cực, thường trú tinh thần, chẳng tránh khỏi vô thường (Thẩm Tích nói: Quả mầu rõ lý đã đủ, cho nên thể chỉ cực thường tinh thần, giẫm hành chưa mãn nên nó chưa khỏi biến đổi). Vô thường là trước diệt sau sinh, từng sát-na chẳng trú (Thẩm Tích nói: Sát-na là tiếng Thiên-trúc, tên cực của Tấn tốc, sinh tức là diệt, nào có trụ ư? Nên Tịnh Danh than rằng Tỳ-kheo tức thời sinh, già diệt). Nếu tâm dụng tâm ở phan duyên, thức trước khác với sau, đó thì cùng cảnh đều qua, ai thành Phật ư? (Thẩm Tích nói: Tâm tùy cảnh động là dụng bên ngoài, sau tuy tiếp nối trước, mà trọn chẳng phải thật, luận nên biết thần bàn nghị tánh vắng lặng nhiên chẳng dời, vì vắng lặng chẳng dời nên chung quy ở diệu quả). Kinh chép: Tâm là chánh nhân, trọn thành quả Phật (Thẩm Tích nói: Lược nói về nhân Phật, nghĩa đó có hai: Một là duyên nhân; hai là chánh nhân, duyên là muôn thiệ, chính là thần thức, muôn

thiện có công của giúp phát, nên nói là duyên nhân. Thần thức là chánh gốc nên nói là chánh nhân. Đã nói trọn thành quả Phật, đây nghiệm về chẳng đoạn). Lại nói: Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh, theo kinh này thì lý cầu thế nào, vì sao? Vì tâm là dụng gốc, gốc một mà dụng khác, khác dụng tự có hưng phế, tánh của một gốc chẳng dời (Thẩm Tích nói: Đào thải trần uế, bản thức thì minh, minh và ám thay đổi, gọi là biến. Nếu trước đi sau lại, chẳng phải gọi là biến). Một gốc: Tức vô minh thần minh (Thẩm Tích nói: Thần minh vốn tối, nên lấy vô minh làm nhân) tìm tên gọi của vô minh chẳng phải mất của Thái hư, đất đá vô tình, đâu gọi là vô minh (Thẩm Tích nói: Thiện ác, khác nhau chẳng phải tâm thì chẳng biết, xét rõ phải quấy, chẳng phải tình thì chẳng biết, thái hư vô tình nên chẳng rõ ngu trí, đất đá không tâm, đâu biện giải mê hoặc. Nên biết giải mê hoặc còn ở có tâm, ngu trí ở nơi có biết, đã gọi là vô minh thì nghĩa ở tâm). Nên biết thức lự nên sáng thể chẳng khỏi lầm hoặc. Lầm hoặc lự chẳng biết, nên gọi là Vô minh (Thẩm Tích nói: Minh là bản tánh, vì thức sáng nhiễm trần nên ngoài nên trong chẳng khỏi lầm hoặc, lầm hoặc mà chẳng rõ, nên gọi là Vô minh, do đây đặt mà xưng, đâu chỉ không ư?) mà trên thể vô minh có sinh có diệt. Sinh diệt là khác dụng. Tâm vô minh nghĩa chẳng đổi, (Thẩm Tích nói: Đã có tự thể thì có dụng, nói dụng chẳng phải thể, luận thể chẳng phải dụng. Dụng có hưng phế, thể không sinh diệt). Sấp sợ thấy dụng đó khác, bèn gọi là tâm tùy cảnh diệt (Thẩm Tích nói: Lầm hoặc là mê thể dụng, nên chẳng năng tinh. Vì sao? Vì thể đó cùng dụng chẳng lìa, chẳng tức, lìa thể không dụng, nên nói chẳng lìa, dụng nghĩa chẳng phải thể, nên nói chẳng tức, thấy chẳng lìa đó mà mê chẳng tức đó, vì mê chẳng tức đó bèn gọi là tâm tùy cảnh diệt). Nên tiếp nối vô minh, thần minh tánh chẳng biến đổi (Thẩm Tích nói: Vô minh hệ thuộc trụ địa, vì bài xích mê thể đó mà bao gồm hạng lầm hoặc, chưa từng dẫn dụ). Tại sao biết vậy? Như trước tâm làm trọng ác vô gián, sau thức khởi Diệu thiện phi tưởng, lý thiện ác rất xa, trước sau cách nhau rất xa. Dụng này nếu không một gốc, làm sao được tương tục như thế (Thẩm Tích nói: Chẳng có một gốc thì dụng không chỗ nương, mà lầm hoặc là thấy đó tiếp tục làm một, nên nêu địa thiện, bài xích mê của tương tục). Nên biết ác trước tự diệt, thức mê hoặc chẳng dời, thiện sau tuy sinh, tâm mờ tối chẳng đổi. (Thẩm Tích nói: Chưa hề vì thiện ác sinh diệt mà khuyết gốc đó). Nên kinh chép: Nếu chung với các kết phiền não thì gọi là Vô minh. Nếu chung với tất cả pháp thiện thì gọi là Minh, há chẳng phải tầm thức tánh là một mà tùy duyên nên khác ư? (Thẩm Tích nói:

Nếu thiện ác cùng khởi đâu gọi là chung ư? Mà hằng đối lời đó mà thường mê ý chỉ đó, nên nêu yếu văn này để hiểu các lầm hoặc). Nên biết sinh diệt biến chuyển để đáp lại nhân trước, thiện ác tạ nhau sinh ở hiện cảnh (Thẩm Tích nói: Sinh diệt nhân do nghiệp gốc, chẳng phải hiện cảnh khiến nó vậy. Thiện ác sinh ở cảnh nay, chẳng phải nghiệp gốc khiến nó như vậy), mà tâm làm gốc, chưa hề khác (Thẩm Tích nói: Tuy là dụng do chẳng đồng, mà thể đó chẳng khác). Vì dụng đó vốn chẳng đoạn. Lý thành Phật rõ ràng, tùy cảnh thay đổi, sinh tử có thể hết là rõ ràng. (Thẩm Tích nói: Thành Phật rõ ràng, tướng trạng là gốc, sinh tử có thể hết, do dụng đó. Nếu dụng mà không gốc, thì diệt mà chẳng thành, nếu gốc mà không dụng thì thành không chỗ diệt).

CẬT NẠN LUẬN THẦN DIỆT VÀ LỜI TỰA CỦA TIÊU SÂM

Nội huynh Phạm Tử chân soạn luận Thần Diệt để nói về không Phật, tự cho là xô dẹp nhiều miệng, ngày phục ngàn người ý tôi còn có lầm hoặc, bèn muốn gom xét nghi ngờ, dò hỏi chưa ngộ. Luận đến nay chỗ trì là Hình Thần, chỗ tụng là tinh lý. Nếu là Xuân Thu hiếu hưởng làm tông miếu đó, thì cho là bậc Thánh, thần đạo, thiết giáo lập lễ phòng ngu, Đỗ Bá Quan Cung Bá có bị giới. Lại cho rằng: Giữa trời đất tự có quái vật, chẳng phải người chết làm quỷ, như đây thì chẳng được, dùng thi thư cật nạn so sánh việc đã qua, chỉ có thể ở trong hình thần, nói về ly hợp thì thoát hình thần một thể còn mất chẳng khác, thì Phạm Tử phấn dương đạp, Kim thang xa vời, như linh chất chia đường, Hưng hủy khác nhau, thì tôi khắc địch được mạnh, có thể việc xong, lại tôi tuy nói có Phật mà thể Phật chẳng tục với đồng. Gồm bày bản ý, liên hệ với luận như sau.

Luận Thần Diệt (hỏi đáp là từ của chủ khách trong luận này, cật nạn là chỗ hỏi ở nay).

Hỏi: Ông nói Thần Diệt, lấy gì để biết đó diệt?

Đáp: Thần tức là hình, hình tức là thần, vì vậy hình còn thì thần còn, hình mất thì thần diệt.

Hỏi: Hình là tên gọi của không biết, thần là danh của có biết, biết và không biết ngay nơi sự có khác, thần và hình lý chẳng dung một, hình thần tức nhau chẳng phải chỗ nghe.

Đáp: Hình là chất của thần, thần là dụng của hình, vậy thì hình là gọi chất, thần là nói dụng, hình và thần chẳng được khác nhau.

Cật nạn: Nay nói hình thần hợp thể thì nên có chứng của chẳng lìa, mà nói thẳng: Thần tức là hình, hình tức là thần, hình và thần chẳng

được khác nhau, đây nói mà nêu có trái dốc dụ. Nay ông y cứ mộng để nghiệm hình thần chẳng được chung thể. Đang lúc người ngủ, hình đó là vật của không biết mà có thấy, đây chỗ tiếp của thần dạo. Thần chẳng lập riêng, phải nhờ hình khí, như người chẳng xứ bày, phải có nhà ở. Chỉ hình khí là chất của dơ tối, nhà ở là chốn của ngăn bít. Thần trở lại trong hình, thì thức đó suốt mời tối, nên lấy thấy làm mộng, người về trong nhà, thì thần đó tạm bít lấp, nên lấy sáng lam tối, người đang nằm mộng nhảy vọt lên huyền hư, xa đến muôn dặm, nêu chẳng phải thần dạo thì là hình đi ư? Hình đã chẳng đi, thần cũng chẳng lìa, vì sao được như vậy. Nếu cho rằng là chỗ tưởng thấy, và thân an ngủ đó tợ khí của cây gỗ cứng, như tro lạnh gọi là chẳng nghe, vỗ đó không hay biết, tức gọi thần và hình đồng đều thì là trong ngoài đều mỏi mệt. Đã chẳng tiếp âm thanh bên ngoài, làm sao có thể bên trong dấy khởi tư tưởng. Đây là hình lắng thần rong, đoán có thể biết. Lại nghi về giấc mộng, hoặc trở lại trong dối gặp (Triệu giản Tử mộng thấy đồng tử lõa ca, có thể Ngô vào Trâu, Tấn Tiểu Thần mộng thấy Phụ công lên trời mà Phụ công ra nói ra các loại nhà xí). Hoặc lý chẳng dung (Lã ký mộng thấy bắn thỏ trong trăng, Ngô Hậu mộng thấy ruột ra nhiễu loại của xướng môn). Hoặc tiên giác chưa triệu (Lã Khương mộng thấy lên trời gọi con là Ngu, Tào nhân mộng thấy các quân tử mưu muốn giống như sĩ Tào). Hoặc mượn nhờ tượng loại (Thái Mậu mộng thấy lúa mất làm lộc, Vương Tuấn mộng thấy ba dao làm loại của châu ấy). Hoặc ngay nơi sự là không (người Hồ mộng thấy thuyền, người Việt mộng loại của họ cưỡi). Hoặc vừa nghiệm vừa chẳng phải (Ân Tông mộng thấy được truyền nói, Hán Văn mộng được Đặng thông Nghiệm, chẳng phải sự lắm nhiều, chẳng lại ghi đầy đủ). Đây đều là thần hóa mênh mông, tối sáng chẳng lường. Dễ dùng ước thông, khó dùng lý xét. Nếu chẳng chấp thuận thần dạo thì nên cầu tìm ở hình. Trong sợ khối ấy ngầm linh ngoài tuyệt thấy thăm, tuy dùng sáu mộng nâng đỡ, dùng tưởng nhân cứu giúp, lý cũng chẳng được.

Hỏi: Vì là Thần nên chẳng phải chất, vì là hình nên chẳng phải dụng, chẳng được làm khác, nghĩa đó ở đâu?

Đáp: Danh thì khác mà thể là một.

Hỏi: Danh đã khác, thể sao một được.

Đáp: Thần là ở chất, như sắc bén ở dao, hình ở dụng như dao bén nhọn, tên bén nhọn chẳng phải dao, tên dao chẳng phải bén nhọn, nhưng bỏ bén nhọn thì không dao, bỏ dao thì không bén nhọn, chưa nghe dao mất mà bén nhọn còn đâu được hình mất mà thần còn ư?

Cật nạn: Có bén nhọn của dao là do công của gọt mài, nên nước năng cắt giao ly, đất đoạn Hủy Hổ, nếu cùng bén nhọn thì đều dùng để bẻ gãy mũi dao đó, hóa thành mũi lụt. Như thế thì bén nhọn diệt mà dao còn, tức là thần mất mà hình còn, vì sao nói bỏ bén nhọn thì không dao, danh thì khác mà thể là một ư? Dao và bén nhọn đã đều chẳng diệt, hình và thần thì chẳng cùng mất, tuy năng gần lấy nơi thí dụ, mà lý thật là trái.

Hỏi: Dao cùng bén nhọn hoặc Như lai nói, hình đó cùng thần nghĩa đó chẳng như vậy. Tại sao nói thế? Chất cây gỗ là không biết, chất người là có biết, người đã có chất như cây gỗ mà có biết của khác cây gỗ, há chẳng phải cây gỗ có một mà người có hai ư?

Đáp: Nói Lạ thay! Người nếu có chất như cây gỗ lấy làm hình, lại có biết khác cây gỗ lấy làm thần, thì có thể Như lai nói vậy. Nay chất của người là chất có biết, chất của cây gỗ là chất không biết, chất của người chẳng biết chất cây gỗ, chất của cây gỗ chẳng phải chất người, làm sao có chất như cây gỗ mà lại có biết khác cây gỗ.

Hỏi: Chất của người sở dĩ khác chất cây gỗ là vì nó có biết. Người mà không biết, cùng với cây gỗ sao khác?

Đáp: Người không có chất của không biết, như cây gỗ không có hình của có biết.

Hỏi: Hình hài chết đó há chẳng phải chất không biết ư?

Đáp: Là chất của không biết.

Hỏi: Nếu vậy là người quả thật có chất như cây gỗ mà có biết khác cây gỗ ư?

Đáp: Chết là có chất như cây gỗ, mà không có biết khác cây gỗ. Sinh là có biết khác cây gỗ mà không có chất như cây gỗ.

Hỏi: Hài cốt của người chết há chẳng phải hình hài của người sống ư?

Đáp: Hình của người sống chẳng phải hình của người chết. Hình của người chết chẳng phải hình của người sống, thân đã cách thì làm sao có hình hài của người sống mà có hài cốt của người chết ư?

Hỏi: Nếu hình hài của người sống chẳng phải hài cốt của người chết, hài cốt của người chết thì lẽ ra nên chẳng do hình hài của người sống, chẳng do hình hài của người sống thì hài cốt này từ đâu mà đến?

Đáp: Hình hài của người sống đó biến thành hài cốt của người chết.

Hỏi: Hình hài của người sống đó tuy biến thành cốt của người chết, há chẳng nhân sống mà có chết, thì biết thể chết như thể sống.

Đáp: Như do cây tươi biến thành cây khô, chất của cây khô đâu phải là thể của cây tươi.

Hỏi: Thể tươi biến thành thể khô, thể khô tức là thể tươi, như thể tơ biến thành thể sợi, thể sợi tức là thể tơ, có gì lỗi ư?

Đáp: Nếu khô tức là tươi, tươi tức là khô, thì lẽ ra lúc tươi điêu tàn, lúc khô thì kết thật. Lại cây tươi chẳng nên biến thành cây khô, vì tươi tức là khô nên khô không có chỗ lại biến. Lại khô tươi là một sao chẳng trước khô sau tươi, mà phải trước tươi sau khô là sao? Tơ và sợi đồng thời chẳng được làm dụ.

Hỏi: Tàn tạ của hình người sống nên chợt đều hết, vì sao vừa chịu chết, hình miên lịch chưa thôi ư?

Đáp: Vì thể của sinh diệt phải có thứ lớp, hễ chợt sinh thì chợt diệy, dần dần sinh thì dần dần diệt, chợt sinh là vụt chợt. Dần dần sinh là động vật thực vật. Có là chợt có, dần dần là lý của vật.

Cật nạn: Luận chép chất của người là có biết, chất của cây gỗ là không biết, há chẳng vì người biết nóng mát đau nhức ư? Dưỡng thì sống, tổn thương thì chết ư? Cây gỗ cũng vậy, đang xuân thì tươi, đến thu thì tàn, trồng thì sống, nhổ thì chết, sao gọi là không biết? Nay chất của người giống như cây gỗ. Thần lưu lại thì hình lập, thần đi thì phế, lập là cây tươi, phế là cây khô, ông lấy gì nói? Đây chẳng phải thần biết mà gọi là chất có biết ư? Muôn phải đều do thần biết ,không do chất biết. Chỉ có tánh của cây cỏ côn trùng hay biết tươi khô, sống chết. Thức của sinh dân thì chung cả an nguy, lợi hại, sao gọi là chẳng phải có chất của như cây gỗ lấy làm hình, lại có biết của khác cây gỗ lấy làm thần ư? Đây thì hình thần có hai, ở có thể riêng. Chỉ cây gỗ bẩm thị khí âm dương của trời, người gần tinh chiếu của một linh, thức hoặc đồng, thần thì khác. Luận về hình hài, hài cốt, thuyết sống chết trao nhận, nghĩa đã định trước, sự lại chẳng trải qua, đâu dùng quanh co để nói ư!

Hỏi: Hình tức là thần thì tay, v.v... cũng là thần phải không?

Đáp: Đều là phần thần.

Hỏi: Nếu đều là phần thần, thì thần nên suy nghĩ, tay v.v... cũng nên suy nghĩ v.v...

Đáp: Tay v.v... có biết đau nhức, không có suy nghĩ phải quấy.

Hỏi: Biết và suy nghĩ là một hay khác?

Đáp: Biết tức là suy nghĩ, cạn là biết, sâu là suy nghĩ.

Hỏi: Nếu vậy, nên có hai lự, lự đã có hai, thì thần có hai hay không?

Đáp: Thể người chỉ một, thần đâu được hai.

Hỏi: Nếu chẳng được hai, thì sao có biết đau nhức, lại có suy nghĩ phải quấy?

Đáp: Như tay chân tuy khác mà chung là một người, phải quấy đau nhức, tuy là có khác, mà cũng gồm là một thần.

Hỏi: Suy nghĩ phải quấy chẳng liên quan tay chân, thì có liên quan gì?

Đáp: Suy nghĩ phải quấy, chỗ tâm khí làm chủ.

Hỏi: Tâm khí là tâm của Năm tạng có phải không?

Đáp: Phải.

Hỏi: Năm tạng có gì khác nhau mà tâm có suy nghĩ phải quấy riêng?

Đáp: Bảy lỗ nào khác gì nhau mà chỗ dụng chẳng đều là sao?

Hỏi: Suy nghĩ vô phương, làm sao biết là tâm khí làm chủ?

Đáp: Tâm đau thì suy nghĩ trái, do đó biết tâm là gốc của suy nghĩ.

Hỏi: Sao biết chẳng gửi lại trong các phần như nhãn, v.v...

Đáp: Nếu lự có thể gửi ở nhãn phần, vì sao nhãn chẳng gửi ở nhĩ phần?

Hỏi: Thể của lự không gốc nên có thể gửi đó ở nhãn phần, nhãn tự có gốc, chẳng nhờ gửi ở phần khác phải không?

Đáp: Vì sao nhãn có gốc mà lự không có gốc, nếu không có gốc ở hình ta mà có thể gửi khắp chốn khác, cũng có thể tình của Trương giáp gửi thân của Vương Ất, tánh của Lý Bính, gá thể Triệu Đinh, nhưng chẳng phải như vậy.

Cật nạn: Luận chép: Hình thần chẳng khác, tay v.v... đều là phần của thần. Đây thì thần lấy hình làm thể, thể hoàn toàn thì thần hoàn toàn, thể tổn thương thì Phật thiếu. Thần là gì? Tức là thức lự. Nay người hoặc chặt tay chân cắt da thịt, mà trí tư chẳng loạn, như Tôn Tẩn chặt chân mà binh lược càng sáng rõ, Lô Phù mở cổ tay mà Nho đạo mới yên lặng. Đây là thần lìa hình, hình tổn thương thần, thiết thực của chẳng hại là chứng. Chỉ thần nhận trí để sai sử vật, gá khí để chiếu chung, thấy nghe hương vị, đều có chỗ nương, mà tư thức trở về tâm khí. Thí như có nhà của người, đông mới hiền, hiên nam dẫn cảnh, cửa bắc vời gió, mác tây ánh trăng, chủ nhân ngồi yên, trung lựu để thâu dụng của bốn việc. Nếu Như lai nói miệng mũi tai mắt, đều có phần của thần, một mắt đau thì thấy hủy, hai mắt thì lẽ ra đều mù, một tai đau thì thần nghe tổn thương, hai tay thì lẽ ra đều điếc. Nay thì không như thế, vậy biết thần lấy làm khí, chẳng phải lấy làm thể. Lại chép: Tâm là gốc lự,

lự chẳng thể gửi ở phần khác, nếu ở miệng, mắt, tai mũi thì luận này là đúng. Nếu ở tâm khác thì chẳng đúng. Tai mũi tuy cùng thể này mà chẳng thể dùng lẫn lộn, vì sở ty đó chẳng đồng khí. Khí dụng đều khác. Tâm khác tuy ở hình kia mà có thể được liên quan nhau, vì thần đó lý đều diệu, thức lự bằng công. Nên thư nói: Mở tâm ngươi rót tâm trẫm, Thi nói: Người khác có tâm, tôi thốn độ đó, Tề Hoàn bắt chước mưu của Quản Trọng. Hán Tổ dùng sách của Trương Lương, là đều gốc đó ở hình ta gửi đó nơi phần khác, sao nói tình của Trương giáp chẳng thể gửi ở thân của Vương Ất, tánh của Lý Bính chớ được gửi nơi thể của Triệu Đinh ư?

Hỏi: Hình của bậc Thánh như hình của người phàm mà có sự khác nhau giữa phàm thánh, nên biết hình thần khác nhau.

Đáp: Chẳng đúng. Tinh của vàng là năng chiếu, dơ bẩn là chẳng thể chiếu, tinh vàng của năng chiếu làm sao có chất dơ bẩn của chẳng chiếu? Lại đâu có thần của bậc Thánh mà gửi ở khí của người phàm, cũng không có thần của người phàm mà gá nơi thể của bậc Thánh, vì vậy tám sắc trùng ngươi là dung của Huân Hoa, dáng rồng miệng ngựa là tướng của Hiên Phụ. Đây là khác của hình bên ngoài. Tim của Tỷ Can bảy lỗ đều nêu, mật của Bá Ước lớn như nắm tay, đây là khác của tâm khí. Vì thế khu phần của bậc Thánh đều khác thường phẩm, chẳng phải chỉ đạo cách chúng sinh, cũng là hình vượt muôn phải, phàm thánh đều thể chưa dám an.

Hỏi: Ông nói hình của bậc Thánh thì khác với phàm, vậy xin hỏi: Dương Hóa giống Trọng Ni, Hạng Tịch tợ Đế Thuấn, Thuấn Hạn Khổng Dương, trí cách hình đồng đó cớ sao ư?

Đáp: Mân tợ ngọc mà chẳng phải ngọc, cư giống phụng mà chẳng phải phụng, vật thật có đó, vì là người nên như vậy. Hạng Dương dáng mạo tợ mà chẳng phải thật, vì tâm khí chẳng đều, tuy có dáng mạo mà không có ích vậy.

Hỏi: Khác của phàm thánh, hình khí chẳng phải một thì có thể, bậc Thánh viên cực lý không có hai mà lại khác dáng. Dương Văn khác trạng, thần chẳng hệ thuộc sắc ở đây càng rõ.

Đáp: Thánh và thánh đồng, đồng ở thánh khí mà khí chẳng hẳn là đồng, như ngựa khác lông mà đều nhảy vượt, ngọc khác sắc mà đều xinh đẹp. Vì vậy, gai tấn, lúa sở đồng giá liền thành, Lân Lưu trộm ly đều đạt ngàn dặm.

Hỏi: Hình và thần chẳng hai, đã nghe việc đó, hình mất thần diệt, lý cố nhiên là như vậy. Xin hỏi: Làm tông miếu thì quỷ hưởng, nghĩa

là sao?

Đáp: Giáo của bậc Thánh là vậy, cho nên theo tâm của hiếu tử mà mài ý của du bạc, thần mà sáng là nghĩa này.

Hỏi: Bá Cơ mặc giáp, Bành sinh heo hiện, phần tố soạn thuật việc đó, sao là thiết giáo mà thôi ư?

Đáp: Yêu quái đầy khắp, hoặc còn hoặc mất, gượng chết thì đông mà chẳng phải đều thành quỷ, Bành sinh Bá có khả năng gì riêng ư? Vừa là người vừa là heo, chưa hẳn công tử của Tề Trịnh.

Hỏi: Dịch xưng nên biết tướng trạng của quỷ thần tương tợ với trời đất mà chẳng trái. Lại nói: Chở quỷ một xe, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Có cầm, có thú, bay chạy khác nhau, có người, có quỷ, U minh khác nhau. Người chết thành quỷ, quỷ chết thành người, thì tôi chưa biết.

Nạn rằng: Luận chép: Đâu có thần của bậc Thánh mà gửi nơi khí của người phàm, cũng không có thần của người phàm mà gá vào thể của bậc Thánh. Nay Dương Hóa giống Trọng Ni, Hạn Tịch tợ Đế Thuấn, tức là thần của người phàm gá vào thể của bậc Thánh. Mân và ngọc, cư và phụng chẳng được làm dụ. Nay mân tự gọi là mân, ngọc thật gọi là ngọc, cư gọi là viên cư, phụng gọi là thần phụng, danh đã gọi khác, mạo cũng sai thật, nay thuấn có hai con ngươi, Hạng Vũ cũng có hai con ngươi, chẳng phải có hai tên mâm ngọc, chỉ thấy hai con ngươi cùng loại. Lại có Nữ-oa thân rắn, người thợ gốm họ Cao miệng ngựa, chẳng phải chân thánh vào nơi phàm khí, bèn mới gá thể của vật trùng. Đây hình thần khác nhau, sáng tối chẳng đồng, nay càng rõ bày. Nếu hình thần là một, lý bặt ở nhân trước, thì thánh phải sinh ra thánh, hiền lẽ ra sinh ra hiền, mạnh sợ ngu trí đều là loại gốc đó, tức chỗ đào luyện của hình thần, chỗ mang dưỡng của một khí, chẳng được có Nghiêu Tuấn, Chu Huyên, Tẩu ngoan, Thuấn thánh. Luận lại chép: Thánh đồng thánh khí (hơi) mà khí (thân) chẳng hẳn là đồng, như ngựa khác lông mà đều nhảy vượt, nay lông lại vượt khí (hơi) ư? Ngựa có đồng sắc lông mà siêng nhác khác nhau là như thế, thì lông chẳng phải vượt tướng, do thể không phải thánh khí. Người hình hài không có khác nhau giữa phàm thánh, mà có khác nhau giữa Trinh Thúy, nên linh xa gá nơi chất xa, thần gần ngụ ở thể gần, thì chỉ đây mà thôi. Vừa rồi cái gọi là thể của bậc Thánh, chỉ nói thẳng hình của Khâu Thuấn, chẳng nói khí có thánh trí, chẳng phải thuyết mâu thuẫn, chớ gần mê hoặc điều này.

Hỏi: Biết thần diệt này có lợi dụng gì?

Đáp: Phù-đồ hại chính, tang môn rúc đục phong tục, mốc kinh hãi

rong ruổi mênh mông chẳng dứt, tôi buồn tệ đó, nghĩ cứu đắm đó. Bỏ hết của cải để đến làm tăng, phá tài sản để tới Phật, mà chẳng giúp thân thích chẳng xót thương cùng khốn, đó là sao? Vì tình của ta dày sâu, ý của cứu vật cạn. Vì vậy, khuê toát giẫm nơi bạn nghèo, lận tình động ở nhan sắc, ngàn chuông giao nơi phú tăng, vui lòng thỏa nơi dáng tóc, há chẳng vì tăng có nhiều lúa nếp, bạn không báo của di bính, chuyên thi vì chẳng liên quan chu cấp, lập đức thì ở mình, lại làm hoặc vì lời mờ tối, vì sợ khổ A-tỳ, dụ dùng từ của luống dối, vui lòng thú của Đâu-suất, nên bỏ vá nách, mặc áo rộng, phế trở đậu theo bình bát, nhà nhà bỏ thân ái, người người bặt nối dõi. Đến nỗi khiến binh tỏa nơi hàng gian. Lại không ở quan phủ, thóc hết ở biếng dạo, của sạch nơi nước đất, sở dĩ gian trộn Phật thắng tiếng tụng chuộng quyền, chỉ có cớ này, hạng đó chẳng thôi, bệnh đó không căn. Nếu biết đào luyện bẩm nơi tự nhiên, sum la đều với riêng hóa, hốt vậy tự có hoản mà không, đến cũng chẳng ngự, đi cũng chẳng tìm, nương phàm lý trời mỗi an tánh, tiểu nhân cam chịu gò ruộng, quân tử gìn giữ điềm tố, cày mà ăn, ăn mà chẳng thể cùng, chăn tằm để mặc, mặc mà chẳng hết, dưới có thừa để dâng trên, trên không làm vì đợi, có thể toàn sự sống, có thể toàn dưỡng thân thích, có thể vì mình có thể vì người, có thể giúp nước, có thể Bá Quân, là dùng đạo này.

Cật nạn: Có không của Phật giữ ở thần lý còn mất, đã có nói qua, lại muốn lược nói. Nay chỉ nói tổn hại và lợi ích, lấy cho ngay phu tử bàn nói về quá chánh. Tử nói: Hoặc Thích đục tục tổn hóa, phí của tổn dịch, đây là kẻ lầm hoặc làm, chẳng phải lỗi của Phật. Phật lập giáo vốn lấy mến sống ghét giết, tu thiện chuyên thí, mến sống chẳng phải chỉ muốn nuôi nhiều chim thú, lấy nhân linh làm trọng, ghét giết đâu thể được hoãn giúp trốn lánh, dùng ai căng đoán xét. Tu thiện chẳng hẳn là nhìn hình trượng sáu, lấy trung tín làm trên hết. Chuyên thí chẳng cẩu thả khiến hết sạch của cải nước đất, lấy chu cấp làm tốt đẹp. Nếu dứt bặt nối dõi, thì hẳn pháp chủng sẽ chẳng truyền, như đều khởi Phù-đồ, lại cũng gieo trồng mà không có đất. Người còn biết đó, huống chi họ từ ta sao vui vậy ư? Nay giữ gốc tang môn, mê mù tục sĩ, thấy kẻ lạnh thì chẳng thí cho áo hạt ngắn, gặp kẻ đói chẳng ban cho chút lương đậu, mà tranh nhau nhóm họp làm tăng không hiểu biết, giành tạo Phật lắm nhiều, thân thích bỏ mà chẳng đoái hoài, tế tự phế mà chẳng tu, bởi hội nát ở trên chùa, đan kim vòng ở dưới tháp, mà gọi là làm ruộng phước, mong được báo nghiệp, đây đều hiểu Phật chưa sâu, rõ pháp chẳng diệt. Tuy gọi Phật là Phật mà đâu hiểu ý chỉ của Phật, gọi Tăng là tăng, mà

nào đạt ý nghĩa nương tăng, đây cũng là thần chẳng giáng phước, tôi không lấy vậy. Thuật của sáu nhà đều có lưu tệ, nho mất ở hẹp. Mặc mất ở tệ, pháp mất ở cao, danh mất ở dối. Đều do bắt chước mất truyền để đến nổi đắm bùn sình. Nay ông chẳng lấy hẹp tệ để giết Khổng Mặc, lấy cao dối để trách Hàn Đặng, mà riêng buộc tội Như lai tai, chê Chánh giác này, là giận sóng gió mà hủy thuyền chèo. Nay, những người nghịch bội, những kẻ không chỗ nương nhờ, trên không vua cha, dưới loại ngược đảng, hoặc chẳng kỵ minh hiến mà chợt sợ u ty, sợ sức mạnh của Diêm-la, lo tàn khốc của đầu trâu, bèn hối hận sự uế ác hóa mà đổi thiện, lợi ích của Phật. Lại, lý tội phước chẳng nên khác với thế giáo trái với nhân tình, nếu có người dùng lòng trung thờ vua, chỉ hiếu phụng cha mẹ, lấy tín chơi với bạn bè, người như vậy còn dùng một mất mù bít đức, xem thường mà bỏ. Cất phạm cá trùng lấp vào địa ngục, đó là không đúng. Lòng trung chẳng ai hơn Y Duẫn, hiếu chẳng ai hơn nổi tăng sâm, Y Công giết một con vật để nấu ăn, tăng tử nấu hai con chim để dưỡng điểm, mà đều rão đến vạc lửa, đồng tới cây nhọn. Vậy thì công lớn mất ở lỗi nhỏ, kính phụng trên trái với ban ân dưới. xưa kia, Di tử kiểu giá, còn vì nghĩa rộng mà được miễn tội chết. Than ôi! Từng cho rằng linh gần chẳng như gìn giữ quân tử ư? Nên biết đây là ngăn ngừa của người nhẫn, mà chẳng phải răn dè của người nhân. Nếu năng soi chiếu hạng kia đảng hấn chẳng ở Phật, xét xem họa phước này, ngộ giáo mở dụ, nghĩ dứt ngọn để tôn gốc, chẳng nhổ gốc để cứu ngọn, nghĩ quên ta để mở mang Phật pháp, chẳng dùng pháp sau để lợi ta, thì tuy nói không phải Phật tôi cũng cho đó là Phật.

Cật nạn về luận Thần Diệt của Phạm Trung Thư của tào Tư Văn. Nạn về thần diệt thứ nhất (đồng thời khải chiếu đáp), Phạm đáp thứ nhất, lại nạn thần diệt thứ hai (lại khải chiếu đáp)

- Nạn về luận Thần Diệt của Phạm Trung Thư, của tào Tư Văn.

Luận chép: Thần tức là hình, hình tức là thần, là vì hình còn thì thần còn, hình mất thì thần diệt.

Cật nạn: Hình chẳng phải tức là thần, thần chẳng phải tức là hình, là hợp mà làm dụng, mà hợp là chẳng phải tức. Sinh thì hợp mà làm dụng, tử thì hình còn mà thần đị . Lấy gì nói thế? Xưa kia, Triệu Giản Tử bệnh năm ngày chẳng biết người, Tần Mục Công bảy ngày mới tỉnh lại, đều là thần dạo đến Đế Sở, Đế ban cho quân trời rộng vui, đây là hình lưu lại mà thần mất? Nếu như Luận chép, hình diệt thì thần diệt; hình đây cùng thần nên như ảnh hưởng hẳn là chung, nhưng hình đã bệnh thì thần cũng bệnh, vì sao hình chẳng biết người và thần riêng dạo

Đế, mà hân hoan nơi quân trời rộng vui ư? Đây đó ngủ thì hồn giao, nên thần dạo nơi hồ điệp, tức hình cùng thần phân. Đó tỉnh giấc thì hình mở vội vàng cùng khắp, tức hình hợp với thần, thần và hình có phân có hợp, hợp thì cùng làm một thể, phân thì hình mất mà thần đi. Vì vậy, Diên Lăng chôn con mà nói là: Cốt nhục trở về với đất mà hồn khí không đâu chẳng có. Đây tức là hình mất mà thần chẳng dừng, nhưng kinh sử minh chứng rõ ràng, như thế sao là hình mất mà thần diệt ư?

Luận chép: Người hỏi rằng: Kinh nói làm tông miếu thì quỷ được hưởng. Thông nói: Chẳng có quỷ, đó là giáo của bậc Thánh, sở dĩ đạt tâm của hiếu tử mà mài ý của du bạc.

Cật nạn: Nay điều Luận chép đều là tình nói, chẳng phải thánh chỉ. Xin nêu kinh ghi để chứng minh giáo của bậc Thánh. Hiếu kinh chép: Xưa kia Chu Công giao tế, Hậu tắc dùng phối với trời, tông kỷ văn vương ở Minh Đường để phối với thượng đế. Nếu hình thần đều diệt, thì ai phối với trời ư? Và ai là phối với đế ư? Vả lại, không thần mà là có thần, Tuyên Ni nói: Trời có thể khinh thường ư? Nay Tắc không có thần, mà phối Tắc ở đây đó là Chu Đán khinh thường trời ư? Quả thật đó không có Tắc, mà không dùng phối với trời, tức đó khinh thường trời, lại khinh thường người. Đây là giáo của bậc Thánh. Giáo dùng khinh vọng. Bày khinh vọng để lập giáo, lại sao đạt tâm của hiếu tử, mài ý của du đảng ư? Vốn tìm ý chỉ của luận, lấy không có quỷ làm nghĩa. Thử lại cật cấn đó là: Khổng Tử dùng canh rau để cúng tế tổ nể. Lễ nói: Vui để đón lại, buồn để đưa đi, thần đã không thì, đón là đóm cái gì? Thần đã không thì đưa là đưa cái gì? Đón đến mà vui, đó là nhờ vui ở dáng khổng, đưa đi mà buồn, lại lệ suông đối với thể Khâu. Đây là tế tự của phu tử, khinh ngụy đầy nơi tấc vuông, hư giả tràn cả miếu đường. Giáo của bậc Thánh là như vậy ư? Mà nói giáo của bậc Thánh là sao ư?

Tư Văn thưa: Trộm thấy luận Thần Diệt của Phạm Chẩn, tự làm khách chủ, có hơn ba mươi điều. Tư Văn chẳng chỉ lờ mờ, về cật nạn đại chỉ của luận hai điều mà thôi, mà muốn làm đổ ngã gốc rễ đó, kính cẩn mạo trình trên nghe. Nhưng Tư Văn tình dùng cạn hẹp, sợ chẳng thể nêu chiết quỷ kinh, ngưỡng phiền trời soi, cúi tìm theo động lòng, kính cẩn khải trình.

Hai điều cật nạn phải xem cho rõ.

- Đáp Tào lục sự cật nạn luận Thần Diệt.

Nạn rằng: Hình chẳng phải tức là thần, thần chẳng phải tức là hình, là hợp mà làm dụng, mà hợp chẳng phải tức.

Đáp rằng: Nếu hợp mà làm dụng: Là nói chẳng hợp thì không dụng, như kháng cự giúp nhau, phế một thì không được, đây mới là tinh cứ của diệt thần, mà chẳng phải nhã quyết của còn thần, ý ống vốn muốn xin chiến mà định vì ta viện binh ư?

Nạn rằng: Xưa kia, Triệu Giản Tử bệnh năm ngày mà chẳng biết người, Tần Mục Công bảy ngày mới tỉnh, đều là thần dạo ở đế Sở, đế ban cho quân trời rộng vui, đây là hình còn lại mà thần dạo đó ư?

Đáp rằng: Thượng khách của Triệu Giản Tử, dạo thượng đế của Tần Mục, đã nói tai nghe quân trời, ở vậy miệng thưởng thức trăm vị, cũng có thể thân an Quảng Hạ, mắt vui Huyền Hoàng, hoặc lại mặc áo của Văn Tú, nắm dây Bí của Như Long, nên biết thần đó phải đợi đã chẳng khác người, bốn chi bảy khiếu, đều bằng với hình, một cánh chẳng thể bay đến xa, nên chẳng tỷ chẳng bay, thần không thiếu gì, cớ sao cậy hình để tự lập?

Cật nạn: Nếu như luận chỉ hình diệt thì thần diệt là, nay hình đó cùng thần nên như ảnh hưởng đó, hẳn là chung đồng. Nhưng hình đã bệnh thì thần cũng bệnh, vì sao hình chẳng biết người, thần riêng dạo Đế Sở?

Đáp rằng: Nếu như ý vừa nói là hình bệnh mà thần chẳng bệnh. Nay thương tổn đó thì bệnh là hình đau, mà thần chẳng đau. Não thì buồn là hình buồn mà thần chẳng buồn, buồn lo đau hình đã được đó như thế, đâu cần nhọc thần ở vô sự ư? (Tào lấy làm sinh thì hợp mà làm dụng, bệnh phế là đồng. Tử thì hình còn mà thần đi, thì nên dạo đế chẳng đồng hình với).

Cật nạn: Đó ngủ thì hồn giao nên thần dạo nơi Hồ Điệp, tức hình phân chia với thần. Đó tỉnh giấc thì hình mở, vội vàng cùng khắp, tức hình hợp với thần.

Đáp rằng: Cật nạn đây có thể gọi là cùng biện, chưa thể gọi là cùng lý, ông cho rằng thần dạo Hồ Điệp là thật làm trùng bay ư? Nếu vậy là hoặc mộng làm trâu các càng xe người, hoặc mộng làm ngựa vào người đạp dưới, đến sáng sớm nên có trâu chết ngựa chết, mà không vật đó là vì sao? Lại, trường nhiễu xương môn, người đây liền chết, đâu có bỏ sót gan phổi, mà có thể để sống ư? Lại, trời trăng sáng giữa trời, vòng lớn ngàn dặm, không dung dưới theo xếp vợ gần vào tay áo. Mộng huyễn hư giả không có tự đến, một mai thật đó bởi đủ lớn. Rõ buộc tưởng, trong đêm ngồi khắp trời biển, thần tối ở trong, vọng thấy khác vật. Đâu Trang sanh thật loạn vườn nam, Triệu Giản thật lên xướng hạp, em ngoài họ trâu là Tiêu Sâm cũng lấy mộng làm văn câu rất đều,

tưởng đến lấy xem.

Cật nạn: Diên Lăng chôn con mà nói là: Cốt nhục về với đất, mà hồn khí không đâu chẳng có, đây tức hình mất mà thần chẳng mất.

Đáp rằng: Sinh của người nhờ khí ở trời bẩm hình ở đất. Vì thế, hình tiêu ở dưới, khí diệt ở trên, khí diệt ở trên nên nói không đâu chẳng có. Không đâu chẳng có là từ của chẳng lường, đâu hẳn thần đó có khởi biết ư?

Cật nạn: Nay chỗ Luận chép đều là tình nói chứ chẳng phải thánh chỉ, xin nêu kinh ghi để chứng giáo của bậc Thánh. Hiếu Kinh chép: Xưa kia. Chu Công giao tế Hậu đắc để phối với trời, tông tế Văn Vương ở minh đường để phối với thượng đế. Nếu hình thần đều diệt, thì ai phối với trời ai phối với đế ư?

Đáp rằng: Nếu đều là bậc thánh đạt, vốn tự không giáo, chỗ bày của giáo thật ở đầu đen, tình của đầu đen thường quý sinh mà hèn chết. Tử mà có linh thì lớn tâm của sợ kính, tử mà không biết thì sinh ý của mạn dịch. Bậc Thánh biết như thế, nên miếu thiêu đàn thiện để dốc thành tâm, trải chiếu trao án để toàn mất mình, tôn tổ để cùng kính của giao thiên, nghiêm phụ để phối hưởng của Minh Đường. Vả lại, người của trung tín giữ tâm có kẻ hữu địa cường lương, ở đây sao là sợ? Do đó thanh giáo chiếu ở trên, phong tục thuần ở dưới, nên dùng đạo này. Nên kinh nói: Làm tông miếu thì quỷ hưởng, nói dùng đạo quỷ thần, đặt để hiếu hưởng. Xuân Thu cúng tế, lấy thời suy nghĩ, nói mạnh đó đuổi xa, chẳng thể sáng chết tối mất. Tử Cống hỏi: Chết có biết không? Trọng Ni nói: Tôi muốn nói chết mà có biết, thì hiếu tử khinh sống để theo chết. Tôi muốn nói chết mà không biết, thì con bất hiếu bỏ mà không lễ tang. Tử Lộ hỏi về thờ phụng quỷ thần, Phu Tử bảo: Chưa thể thờ phụng người, làm sao thờ phụng được quỷ? Vừa rồi nói quỷ hưởng, tại sao chẳng chấp thuận thờ phụng đó ư? Chết mà có biết khinh sống mà theo, vì sao chẳng nói đó có mà làm du mạn đây để đáp ư? Nghiên cầu nghĩa đó, chết mà không biết cũng đã xét, tông miếu giao xã đều là vết giáo của bậc Thánh, đạo luân thường, không được phế bỏ.

Cật nạn: Vả lại không thần mà làm có thần, Trọng Ni nói: Trời có thể khinh thường ư? Nay Tắc không thần mà dùng tắc phối, là Chu Đán khinh thường trời ư? Đã khinh thường trời, lại khinh thường người, đó là giáo của bậc Thánh dùng khinh vọng, dùng khinh vộng đó làm giáo làm sao đạt tâm của hiếu tử, mài ý của du đảng ư?

Đáp rằng: Bậc Thánh là hiển nhân tàng dụng cùng thần tận biến, nên nói thánh đạt tiết mà hiền giữ tiết. Sao có thể cầu ở đề thuyên cục

nói giáo. Khinh thường nghĩa là tổn thương hóa bại tục, dẫn dắt người chẳng phải đạo. Nếu có thể dùng an trên trị dân, dời phong đổi tục, ba ánh sáng tỏa trên, muôn dân vui ở dưới, thì nào có khinh vọng ư? Xin hỏi: Thang Thả Kiệt, Võ đánh Trụ, là giết vua chẳng phải ư? Mà Mạnh Tử nói: Nghe giết riêng Trụ, chưa nghe giết vua. Ông chẳng trách vết của bậc Thánh thả giết mà chăm chăm ở vọng của giao tắc ư? Giao khâu minh đường chính là phủ sâu của nhà nho, chứ chẳng phải nghĩa của thần hình, phải như đây là sao ư?

Cật nạn: Vui để đón đến, buồn để đưa đi, v.v...

Đáp rằng: Đây nghĩa chưa thông mà tự thích, chẳng cần phí từ đối với vô dụng. Lễ Ký có nói nhiều về việc này, gần đây ghi điều này chỉ tiếc đôi chút là chưa khắp?

Tư Văn khải tấu: Lúc đầu được Phạm Chẩn đáp về luận Thần Diệt, con chấp mê trước. Tư Văn thử liệu lý đó đến cùng, xung bốn chứng đó. Kính cẩn mạo tấu trình, chỉ Tư Văn tình thức ngu cạn, không dùng chiết bén nhọn, ngưỡng trần thánh giám, cúi theo run sợ, kính cẩn khải tấu!

Chiếu đáp đầy đủ một vài điều, Phạm Chẩn đã trái kinh để khởi nghĩa, trái lý để đặt đàm. Diệt thánh nạn thánh tránh, trái lý nạn dùng lý cật vấn, như vậy thì luận ngôn ngữ lược thành sẽ dứt.

TÀO TỪ VĂN LẠI CẬT NẠN LUẬN THẦN DIỆT CỦA PHẠM TRUNG THƯ

Luận chép: Nếu hợp mà làm dụng là rõ, chẳng hợp thì không dụng, như giúp nhau mà chống cự, phế một thì chẳng được, đây mới là tinh cứ của diệt thần, mà chẳng phải nhã quyết của còn thần. Ý ông vốn muốn xin chiến mà định vì ta viện binh. Luận lại chép: Hình đó ở thần như dao đó ở bén nhọn, chưa nghe dao mất mà bén nhọn còn, há hình mất mà thần còn ư? Lại bày lời của Diên Lăng nói: Tức hình tiêu ở dưới, thần diệt ở trên, nên nói không đâu chẳng có. Lại nói: Phối tắc với trời chẳng phải khinh thường trời, như Thang thải kiệt Võ đánh Trụ chẳng phải giết vua. Ông chẳng trách vết của bậc Thánh thả giết, mà chăm chăm nơi vọng của giao Tắc ư?

Cật nạn: Củng củng cự hư là chứng của hợp dụng mà chẳng phải y cứ của hình diệt tức thần diệt. Vì sao nói vậy? Vì cũng chẳng phải hư, hư chẳng phải củng, nay diệt củng củng mà cự hư chẳng chết, chém cự hư củng củng chẳng mất, chẳng phải tương tức. Nay dẫn đây để làm tinh cứ về hình thần đều diệt, lại làm lương viện của cứu binh. Nay ngã dáo

trao người mà muốn cầu còn mãi, bBuồn thay! Đây tức chứng thứ nhất của hình diệt mà thần chẳng diệt.

Luận chép: Hình và thần như dao bén nhọn, chưa nghe dao mất mà bén nhọn còn, đâu được hình mất mà thần còn ư? Nhã Luận y cứ hình thần đều diệt, chỉ một chứng này mà thôi, ngu có lầm hoặc. Vì sao? Vì Thần và hình là hợp dụng của hai vật, tức chỗ luận dẫn củng cự giúp nhau. Là nay dao đó ở nơi bén nhọn mà hai tên của một vật, nhưng một vật mà hai tên, nên bỏ dao thì không có bén nhọn. Hợp dụng của hai vật, nên hình mất thì thần đi. Nay dẫn hai tên của một vật, nêu hợp dụng của hai vật, sai này nếu mảy may là nào xa ngàn dặm. Đây lại là chứng thứ hai của hình diệt mà thần chẳng diệt. Lại bày lời của Diên Lăng nói, tức là hình tiêu ở dưới, thần diệt ở trên. Luận chép hình thần là tức nhau của một thể, tức này hình diệt ở đây, tức nên thần diệt ở trong hình. Đâu được nói hình tiêu ở dưới, thần diệt ở trên, mà nói không đâu chẳng có ư? Đây lại là chứng thứ ba của hình diệt mà thần chẳng diệt. Lại nói: Phối tắc với trời, chẳng phải là khinh thường trời. Như Thang thả Kiệt, Võ đánh Trụ, chẳng phải là giết vua. Tức là quyền giả để trừ ác? Nhưng vua của Đường Ngu không mắc hoạn của thả đánh. Nếu là vận phải thái bình, đời gặp ba cuối, quyền giả lập giáo để cứu một thời, cho nên quyền tắc phối với trời, mượn văn phối với đế thì có thể, nhưng có vua thiên hạ của họ Ngu. Đề Hoàng mà giao khốc, tổ chuyên mà tông Nghiêu, đã thuần phong chưa hết, thời chẳng phải quyền giả, mà khiến khinh thường trời không vua, là sao ư? Dẫn chứng như nay. Đây là chứng thứ tư của hình diệt mà thần chẳng diệt. Bốn chứng nay đã lập, mà gốc rễ tự nghiêng đổ, ngoài ra cành lá còn lại ngõ hầu không đợi gió mà chẳng còn.

Luận chép: Vui thì đón đến, buồn thì đưa đi, nghĩa này chẳng nhờ thông mà tự thích, chẳng cần phải phí nơi vô dụng, Lễ Ký có nói nhiều. Lại nói: Phàm, nói khinh thường nghĩa là thương tổn hóa bại tục, nếu có thể dùng an trên trị dân, lại nào có khinh vọng ư?

Cật nạn: Cật nạn trước nói đón đến mà vui là mượn vui ở dáng Khổng, đưa đi mà buồn lại là hư lệ ở thể khâu, đây thật là vân thê của bỉ nạn, phong đích của nghĩa kém, tại lời này, mà đáp chẳng hề có tuệ giải, chỉ nói chẳng nhờ thông mà tự thích. Xin lại nói đó là y như luận chỉ, đã chấp thuận Khổng là giả vui mà hư lệ. Lại chấp thuận phối trời của Tắc, là chỉ không để làm có. Tuyên Ni nói: Mất mà làm có, rỗng mà làm đầy, chỗ hào tượng chẳng chiêm, mà chỗ cách ngôn xả bỏ, dùng gió này để quạt, sao được chẳng tổn thương, tục này ở đâu chẳng

bại, mà nói có thể dùng an trên trị dân. Từ hóa ở đâu? Luận chép: Đã thông mà mờ tối là chưa ngộ, tạm lại sang hỏi, lắng nghe dắt dẫn.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 10

- Đại Lương Hoàng Đế sắc đáp hạ thần luận Thần Diệt.
- Pháp sư Pháp Vân chùa Trang Nghiêm gửi thư cho các công vương triều quý. (và công vương triều quý đáp)

****

ĐẠI LƯƠNG HOÀNG ĐẾ SẮC ĐÁP HẠ THẦN LUẬN THẦN DIỆT

Địa vị hiện chính luận, cần phải có tự thể, muốn bàm nói không Phật, nên lập bày chủ khách, nêu lên tông chỉ, nói về trường đoản, lại y cứ Phật lý để khuất phục Phật lý, thì có nghĩa của Phật đã trở ngại, luận của Thần Diệt tự hành, đâu có chẳng cầu ý khác, vọng làm mối khác, vận cách tâm, cổ xúy vọt miệng, hư họa bệnh tật rỗng đặt chê trách, trùng của dốc thời, kinh nghi ở qua lại, ếch của kẹt giếng, Hà Hán ở xa lớn, vì sao? Luận mờ biếng lười mà tranh một hơi thở, ôm cô lậu mà giữ cán giếng, đâu biết sự dài lâu của trời đất, rộng lớn của biển khơi. Mạnh Kha có nói: Chỗ biết của người chẳng như chỗ chẳng biết của người. Tin thay! Xét ba thánh lập giáo đều nói bất diệt, văn ấy rộng lớn khó có thể chép đủ. Chỉ nêu hai việc thử để làm lời. Tế Nghĩa nói: Chỉ hiếu tử làm năng hưởng thân thích. Lễ Vận chép: Ba ngày trai sẽ thấy chỗ tế, nếu cho rằng hưởng chẳng phải chỗ hưởng, thấy chẳng phải chỗ thấy, trái kinh trái thân thích, ngôn ngữ có thể dứt. Luận thần diệt là điều trẫm chưa rõ.

PHÁP SƯ PHÁP VÂN Ở CHÙA TRANG NGHIÊM GỬI THƯ CHO CÁC CÔNG VƯƠNG TRIỀU QUÝ (VÀ CÔNG VƯƠNG TRIỀU QUÝ ĐÁP LẠI)

Chúa thượng đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, nay dâng tấu bày. Thần diệu vắng lặng có thể biết mà chẳng thể nói, nghĩa qua khâu mà

chưa hiểu, lý đến sớm mà còn mờ, chúa thượng ngưng trời chiếu gốc tiếp đạo tới có, rủ đáp hạ thần, ý chỉ dạy răn xét khắp. Lễ hiếu hưởng đã rõ, Kiệt mang mến mộ của Tăng sử, lời ba đời lại mở mang. Trụ hiệp tình của ba luân, dự chẳng phải cỏ cây, ai chẳng ca thán, mong đồng ân phong du, cùng thêm khen ngợi.

Thích Pháp Vân tấu trình.

- Lâm Xuyên Vương đáp:

Được sở đưa đến sắc đáp luận Thần Diệt, cúi xem ý chỉ sâu xa, lý tinh từ tới, đạo hai giáo hợp ngay năm nay, rường cột ba đời ở ngày nay, đủ khiến mê đường tự trở lại, diệu thú càng sáng, chậm gần trái đối, lại đủ vạch chiết.

Tiêu Hoằng kính lễ.

- Kiến An Vương Vĩ đáp.

Nhục cáo ban bày, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, thiên thức chiếu xa, thánh tình sâu phát, cúi xem huyền vi, thật hiểu dung tối, bàn năng còn bày, sâu tiếp dốc đoái hoài.

Tiêu vĩ kính lễ.

- Trường Sa Vương Uyên đáp.

Ân chỉ sắc đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt, duệ chỉ lắng ngưng, cơ chiếu sâu xa. Có thể vì thuyên đề lầm hoặc thấy, răn dẫn tâm mờ, dìu ngưỡng cùng khắp, tẩy rửa trần lự, bèn năng còn bày, giấu cuộn sâu tốt.

Tiêu Nguyên Nghiệp kính lễ.

- Thượng thư lịnh Thẩm ước đáp.

Thần vốn chẳng diệt, chỗ lâu xa phục ứng, bàm nói thần diệt, bởi dụng sợ hãi. Gần đây Pháp sư ước từ trong điện ra, cũng được sắc đáp hạ thần một bản, vui mừng cung kính, tìm xem quên nhọc. Đâu luống phục ngoại đạo, có thể dùng để dẹp hẳn chúng ma, Khổng Thích đều hoằng, từ đó ở đâu? thật diệu chỉ chẳng phán, thuyền bè của muôn đời, đệ tử cũng tức luận đó, nhỏ nhiệm trải qua nghi ngờ xét sánh bày đủ để tấu trình.

Thẩm ước kính lễ.

- Quang Lộc lãnh Thái tử phải xuất Phạm Tụ đáp.

Tụ tôi kính lễ, cúi thấy chiếu chỉ chỗ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, soi chiếu vực sâu, động soi cơ nhọn, nêu dẫn ngoại điển hoằng nội giáo này, phát mờ mở kẹt, răn dẫn chưa ngộ, mới khiến bốn biển bẩm thọ, kính ngưỡng, mười phương khen ngợi. Dị kiến ngậm miệng, đạo tục đều mừng, kính cẩn thêm tụng tập, thức ngủ thư thân, ban cho đợi chỉ

dạy, sâu tiếp nghĩ nhớ.

Phạm Tụ kính lễ.

- Duẫn Vương Oánh ở Đan Dương đáp.

Nhục cáo cúi xem sắc chỉ nghĩa thần chẳng diệt, sáng nghĩ có sâu, tình trời mây vén, nêu lý sáng sánh so như băng tan, chỉ sự tạo lời cùng như mặt trời chiếu, dùng mở ngu tối, chuyển dời mù che. Hễ là loài hàm thức không ai chẳng nương theo, kính dùng thư thân phụng đó mất xỉ.

Đệ tử Vương Oánh kính lễ.

- Trung Thư lệnh Vương Chí lễ.

Nhục cáo cúi xem đáp hạ thần luận Thần Diệt, ý chỉ cao nghĩa rộng, chiếu như phát mờ. Đệ tử xưa kính thờ Thích giáo, luyện phục nghe cũ có khi tự đến, chẳng phải chỉ mây đồng xa lớn tán kích thiên chỉ mà thôi. Vả lại rủ đáp hai giải, yểm phục tâm linh, mở rộng thấy nghe, lại chẳng biết lấy gì mở mang đạo pháp, sáng rõ thánh thuật. Vả lại được võng tượng chẳng bó` buộc ở chân, trong ngoài không rối như nói kẹt, thật nghĩ tốt biện bèn ban cho lại bày, bội xuân chỉ có sâu xa.

Vương Chí kính lễ.

- Phải Bộc Xạ Viên Ngang đáp.

Nhục cáo đều cúi thấy, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, kính đọc xoay quanh, chóng tỉnh mê buộc. Phàm, thức thần mênh mặc, lý đó khó cùng, bèn tại dong ngu, đâu thể dò xét, gần lấy trong các hài, cốt nhật dụng chẳng biết, huống chi sâu tối, lý về lầm giải, kính tìm thánh điển, đã hiển lời chẳng không, chỉ nên tông giáo quy y mà có, căn cứ có, bàn có nói còn chưa thể tận tánh. Bèn ở chẳng không luận không đây có thể xa. Tự chẳng phải thần giải, riêng thoát, cơ giám chẳng ai bằng, đâu thể khéo lường chẳng đoạn, ngộ sâu ý chỉ tương tục, gồm hai chứng dẫn dụ, mới thấy thần có rõ ràng. Cầu ở ba đời, lý chẳng diệt càng hiển rõ, có thể gọi là, dùi đó càng chắc, ngưỡng đó càng cao. Mới khiến các lầm hoặc trần mở, các mê trở lại đường, cúi tụng không thích múa may chẳng hơn.

Đệ tử Viên Ngang kính lễ.

- Vệ Úy Khanh Tiêu Ngung đáp.

Nhục cáo đều cúi thấy, chiếu đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Ba đời tuy nói, Nhất thừa giáo xa, hoặc có thiên tệ như chấp mối lạ. Thánh thượng dò ẩn xét vi, ngưng thần buộc biểu, cùng lý tận tánh bao gồm trời, người. Trong ngoài phân tích, từ chỉ điển áo, đâu ngay quần sinh chẳng phải lầm hoặc, thật cũng mở mang liền hiểu, mới tuyên dương bốn biển, để lại khuôn phép đời sau, ân ban khiến mở thấy chỉ sâu đeo

mặc.

Cô Tử Tiêu Ngung cúi đầu kính lễ.

- Lại bộ thượng thư Từ Miễn đáp.

Ý chỉ trời đáp hạ thần về luận Thần Diệt, một ngày thô tối dủ bày, nhục cáo lại đưa đến, cúi thêm nghiên đọc, cùng lý tận tịch tinh nghĩa nhập thần, văn nghĩa đều rõ, vượt sâu ngoài tục, ngưỡng rõ ba đời, sáng như phát mông, chẳng phải ngay kính cẩn thêm tụng trì, liền khiến chưa ngộ của ban, ân bày nương quyến đến.

Đệ tử Từ Miễn kính lễ.

- Thái tử Trung Thứ Lục Quả đáp.

Lục Quả tôi kính lễ, cúi xem sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Từ gốc vô trụ, tại điểm ngăn nghĩ, phục Như lai tạng, sâu tuyệt khó nói, nên khiến trọng sơ khởi chấp củi lửa, Tuệ Viễn rộng nạn về đốt diệt, truyền nghi ngờ chúng bàn nói, đạp chìm lâu năm. Thần thông trời cao, thánh chiếu chúng sinh biết, rõ căn trao thuốc, tùy phương vận tiện, bèn nói lễ nắn uổng chỉ hiếu bày góc. Do mê phát tục học, khiến tuc bạc để sánh đạo, lầm hoặc vốn từ văn ngoài, tức y cứ ngoài để rõ trong, nhậm lời để ra kỳ lạ, nhân chỗ y cứ lý hẳn dùng thành lũy, ba đời mong đợi chúng sinh, hiện ở phá tối, tương lai xé lưới, giữa một độc, ở đâu chẳng lợi ích của một lời, há có thể quanh co, sinh nhân xưa mừng vui, chí đức đồng thời, dự vâng luận khác, cung kinh hớn hở, ân bày chẳng sót, sâu ôm dốc niệm.

Lục Quả kính lễ.

- Tán Kỵ Thường Thị Tiêu Sâm đáp.

Đệ tử Tiêu Sâm kính lễ, nhục cáo cúi thấy, chỗ sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, khéo lường cơ thần phát huy lễ giáo, thật đủ khiến tịnh pháp thêm sáng. Nho môn kính nghiệp, vật ngộ duyên giác, dân nghĩ hiếu đạo. Gốc của nhân luân ở đây càng sáng, dối kinh loạn tục chẳng đánh tự hoại, đọc tụng tráio biện, cung kính chẳng gì hơn. Gia đệ tối ngắn vời lỗi, nay ở so sánh lý, công tư tiển sợ, tình lự động vượt, không vì ngưỡng độc Hồng Hán, đối nêu tinh nghĩa, vâng hóa nghe đạo, cúi dùng sợ làm, cúi sáp bày minh, khắp đeo nhân dụ.

Đệ tử Tiêu Sâm kính lễ.

- Thường Thị Vương Bân Vương Hàm đáp.

Nhục cáo cúi thấy, sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, Thánh tư sâu lắng, thiên lý dứt bặt, biện ba đời thì thích nghĩa rõ, nêu hai sự thì hiếu đạo thỏa, bít đường dùi xét, ngậm miệng đường khác, đủ khiến tường ma chìm hẳn, núi chánh thì cao, Đệ tử phục ứng chí đạo, vâng giữ

phép trời, tâm vui hớn hở, đâu lại thường chuẩn.

Vương Bân Vương Hàm kính lễ.

- Thái tử Trung Xá Lục Hú đáp.

Bèn nhục đợi cáo, cúi thấy chí tôn đáp hình hạ xét luận Thần Diệt, cúi ngước mọp bái, bồi hồi dầu rổng. Trộm nghe thánh chỉ một đạo, Đường Ngu chưa có lời trước, biết mấy vị thần đó, ngày nay riêng phụng Lương chiếu đạo chở thì muôn phải đè chìm mê. Đức thọ thì cửu phục dương chiếu thệ, mới có thể giúp dàn nuôi đức, trăm năm đều nhiếp nhận. Nhọc dân động vật, ngàn xưa đều chiết phục. Pháp sư trí sâu quyết định, trì của thọ trì đều xứng đáng, chỉ hợp thông minh, nương thần của thần đều hài khắc.

Lục Hú kính lễ.

- Hoàng Môn Lang Từ Côn đáp.

Từ Côn tôi kính lễ, phục cáo đều đợi bày, sắc đáp về luận Thần Diệt, cúi xem ý chỉ sâu, sơ tâm rộng lụy, chỉ gốc của Hy Di khó tìm, nguồn của diệu chỉ khó thấy, tự chẳng phải thượng thánh, không bàn nói tông đó, chẳng phải bậc chí duệ, sao có thể nói chỗ cùng cực đó. Hoàng thượng tận cùng thần thức, thể lắng soi đạo, ở nhỏ nhiệm phát đức âm thì ba đời tự rõ, trái lời thiện mà ngàn dặm tiếp hưởng, thật hợp lễ kính, nghĩa cảm người cầu, lý quạt gió huyền đức trùm u hiển, dằng dặc đêm dài mờ tối chợt tỏ xuẩn động ngu sinh, một mai riêng ngộ, gắng ngầm công của vườn Nai, rót dòng pháp nơi nhật dụng, danh lớn lan tỏa, tốt thật mới rong ruổi, mê trệ biết trở lại, chìm nghi tự dứt. Đệ tử quy hướng sớm sâu, bồi gồm biện duyệt, liền vâng phụng để chu toàn, chẳng dám nói đọa lạc, chỉ lo lường ống nhàn, trọn ôm như mất.

Từ Côn kính lễ.

- Thị Trung Vương Giản đáp.

Uổng cáo đều vâng xem, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Thánh chỉ chiếu soi huyền diệu, mở ngộ quẩn mông. Nghĩa bày u vi, lý tuyên lắng mờ. Phàm, kinh thuật nên nghĩa của thân, phồn thuật là bàn nói về du hồn. Chỗ ngu cạn biện đã chẳng phải diệt, huống chi duệ tư rộng xa, tận lý cùng vi, dẫn văn chứng điển, rõ như băng tan, người mắt thịt cung kính hồi hướng, chúng của hoặc lụy sợ đổi tâm phù, phát minh đã qua, răn dẫn sắp đến. Cúi vâng giáo sâu, vui mừng không thôi.

Vương Giản kính lễ.

- Thị Trung Liễu Uẩn đáp.

Nhục cáo ân bày, chỗ sắc đáp hạ thần về luận Thần Diệt. Chỉ quy không hai, tông trí vốn một, tiếp tục nên chẳng dứt hoằng quy của Thích

Huấn. Vào thất dung tiếng, mở rộng ý sâu của kinh. Hai thánh trong ngoài, ảnh hưởng hợp nhau, tuy lý ở cố nhiên mà si chấp cùng một nửa. Cúi vâng ý sâu chiếu như phát mông, ngang hội huyền thú, cùng thần biết lắng, lường tình hết trạng, trời đất tương tợ, ngàn năm khuyết nghi theo băng xuân đều tan, một đời điên đảo, chung mở với mây nổi, chỉ tụng hoàn hồi, mãi dùng huyền giải, côn cả đến đoái hoài, do vì buồn giấu.

Đệ tử Liễu Uẩn cúi đầu kính bạch.

- Thường Thị Liễu Trăng đáp.

Nhục cáo ân bày, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, ý sâu mạo xung, lý cùng cơ áo, trộm vì, tu nhân hướng đến quả, thần không hai thức, do đạo được diệt, Phật chỉ một tánh, người ân bày dân có biết. Khổng Tử tế thì thần còn, hoặc lý truyền diệu giác, hoặc nghĩa diễn sinh biết mà dương mặc rối ren, luống vậy xuyên tạc, ngưng trệ bèn qua, che lấp danh giáo, thánh tình chiếu mầu, lý chứng không ngừng, khua cổ nắm giềng, buông bày lông mắt, ép nâng ba đời, cấp dẫn đồng về, hai pháp thật, giả, sáng suốt vô ngại, cúi vâng tuần hoàn, nghi lận đều hết, lại bảo còn cả buồn ân chỉ có sâu.

Liễu Trăng cúi đầu kính bạch.

- Thái tử Chiêm Sự Vương Mậu đáp.

Vương Mậu tôi kính lễ, nhục cáo cúi thấy, sắc chỉ đáp luận Thần Diệt, cung kính vui mừng chẳng kịp biện vũ, thần Lý rộng lớn, tuy chẳng phải chỗ lập lời cùng cực, nhưng Di Văn của Liệt thánh, cũng rõ ràng hiển trước, không ai chẳng vổ biện kiền câm, thử vâng theo phép thường, đâu thể vọng bày dối nắn, dày lừa cáo trước, cho rằng chẳng kỳ hẹn của duyên sau, bỏ chí lễ của hưởng tiến, mê lối mênh mông, về đường chẳng thoáng, khổ không đến cùng lúc, có hối cũng không kịp, Chúa thượng ngậm sáng thể thánh, khéo suốt chân giả, phát nghĩa chiếu từ, thuyền bè chìm đắm, đâu chỉ trời người khen ngợi, kính ngưỡng tin, mà Chư Phật cũng hồi quang. Đệ tử xưa gá tâm, vốn nương tịnh độ, vài phen may mắn, dự gặp đời thạnh, mới đúng chứa nhiều nhân sau trọn luyện, thật của từ dụ tráio duyệt, chẳng phải chỉ ngày nay chưa được chỉ nêu, thường sâu cuộn liệng, sánh nên tu theo, bạch này không bày.

Vương Mậu kính lễ.

- Thái Thường Khanh Dữu Vịnh đáp.

Nhục cáo ân bày, Chí tôn sắc đáp hạ thần về luận Thần Diệt, cúi xem chưa khắp, khói mây lại vén. Trộm chỉ nguyển động có biết cây cỏ không có thức, Thần Diệt là luận mù, muốn đem có biết đồng với vô

thức này. Mới cho là chủng trí cũng cùng hình hài đều tận. Đây là đều đáng buồn của thật lý, tự chẳng phải đức hợp trời đất đều lớn trong vức, thuộc ngày ngược dòng, gặp cơ của uống hóa thì lời về hai đế không được trùm khắp, bàn nói về ba đời, cơ bồ dứt. Thánh thượng xót thương bốn loài này chìm trong sáu đường, nghiên sánh Khổng Thích, chung cùng dẫn chứng, khiến cùng đất biết biển, tối tăm đều thấy mặt trời, chí cùng thu dương đồng sáng, các nghi cùng băng xuân đều tan, tuy phát luận hoằng đạo, đức cảm xung khâm, mà dự nghe răn dạy, cúi mừng nghiệp trước, Pháp sư phục ứng pháp môn sâu đồng vui mừng này. Kính cẩn đang tán vị ngâm tụng, đầu cuối không dịch.

Đệ tử Sưu vịnh kính lễ.

- Dự Chương Vương Hành Sự Tiêu Ngang đáp.

Nhục cáo tuyên bày, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, thánh chỉ vạch chiết, khiến kẻ lầm hoặc được hiểu rõ. Thần đó chẳng diệt, hiển trước ở cáo chung, lý đã xa mặc, nên đến nỗi có mê. Chúa thượng thức chiếu biết vị lai, soi vượt tạng qua, mở diệu tư của ngoài cơ, dẹp bỏ thuyết sai lầm dị đoan. Lại dẫn lễ kinh, lấy nghiệm hư thật, Đạo hiếu kính ở đây mới mở rộng.

Cô Tử Tiêu Ngang cúi đầu kính lễ.

- Thái Trung Đại Phu Dữu Đàm Long đáp.

Nhục cáo cúi thấy, chúa thượng đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, mờ tối mở ngộ, sáng rỡ chiếu soi. Chí lý vắng lặng, đạo thú không vi, thượng thánh cực trí mới đáng cùng diệu thật, hạ phàm phu sinh tự chẳng nói được vực huyền. Như nghe lập luận là kinh diễn dũ răn, đều là vết giáo, đến như ở Phật, nên sách dối lạ, khó dùng lý mong. Đây thì bặt đường ngôn ngữ, ngưỡng nhọc thánh tư, vì hạ thần giải thích các tình, há chẳng mừng khen, chép nắm minh chỉ, gồm dùng đầu cuối, Pháp sư răn kỹ, càng thêm hổ thẹn.

Đệ tử là Dữu Đàm Long kính lễ.

- Thái tử Tẩy Mã Tiêu Mỵ đáp.

Ân ban sắc đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt, mở xem chưa khắp, tình dùng biện vui. Chúa thượng ngưng thần vút trời, gần thánh lắm tài năng, văn áo chẳng phán, từ tràn nhiều ngoài, nghĩa chứng chu kính, tình hiếu trị hiển trước, ý chỉ gồm Thích Điển, tâm của đại từ càng dốc. Kính cẩn đặt đó ngồi gốc, bày nơi án gối ngủ dậy mở xem, mãi dùng thư thân, ban ngày chẳng sót, giấu cuộn tốt dầy.

Đệ tử Tiêu Mỵ kính lễ.

- Ngự Sử Trung Thừa Vương Tăng Nhụ đáp.

Nhục cáo ân bày, đưa đến chỗ chúa thượng đáp, các quan kính hỏi về luận Thần Diệt, cúi xem tuần hoàn, chuyển sâu dùi phụng, phát mờ bỏ tệ, sáng như vén mây. Trộm vì sự chứa khó hình, chẳng phải thánh thì chẳng mở mang, lý tịch khu vị tại ngu thành lầm hoặc. Nếu chẳng phải thần vượt ngoài buộc, tư vượt trước cơ, đâu thể soi sáng lời huyền này, như mở vàng đá suốt cảnh diệu này, từng chẳng phải vướng vít lối đi, dùng hẳn dâng dụ đó, lấy như có bày, khiến người trì luận chẳng trọn vùi nơi vết xa, kẻ chuyên sai lầm không chìm hẳn nơi biển hoặc. Dự vâng vực mê, ai chẳng mừng kính. Cất đáp bạch này, chẳng bày buộc múa.

Vướng Tăng Nhụ kính lễ.

- Hoàng Môn Thị Lang Vương Ấp đáp.

Nhục cáo ân bày, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Trời xanh huyền mặc, vốn dứt nói bàn, tánh cùng đạo trời hẳn cũng khó nghe, nhân của mến nuôi nương phương cảm động, giáo của mở dẫn, duyên sự mà giáng bày, hạn cục ếch dưới hang giếng, buồn ách ve sầu ở tấc bóng. Tư phát thần chung lời nhiệm gương lý. Dẫn cứ kinh trước, văn ước ý xa, ngưng thần mờ che, một lý năng suốt, phần điển rối ren một lời dùng che, hiểm ngưng ý của các thánh, quyết dính mắc hoặc của kiếp xưa. Còn diệt do đây mà hiểu, Hiếu kính do đây mà lớn, tin đủ để cảnh răn nhiều lớp mê, khuôn phép trăm đời cái gọi là lời thánh mênh mông, lời tốt Khổng Chương. Đệ tử đã thẹn, nói lý càng mờ, biết âm thì được, dự nghe đạo răn rõ thấy tảo tốt, thứ vỗ dưới bày, trọn rũ phép thánh.

Đệ tử Vương Ấp kính lễ.

- Lại Bộ Lang Vương Thái đáp.

Một ngày khúc mông vui riêng, dự nghe mang trung thư có luận Hình Thần tiếm diệt, người nay kinh đình, chẳng gần tình người, lấy ngay tài kém, chẳng thể bẻ sừng của năm nai, nhục cáo rủ bày, thánh chỉ nêu dẫn, hiếu đạo phát dương, thầm đến cẩn đáng, tìm đọc dứt mê lầm hoặc.

Đệ tử Vương Thái cúi đầu kính lễ.

- Thị Trung Thái Tôn đáp.

Nhục cáo vâng tuyên sắc chỉ, đáp hỏi luận Thần Diệt. Thần lý huyền diệu, khéo nạn đều nói, tuy là thánh trước chẳng nói, hiền sau còn lầm ý trời dẫn thích, rõ như phát mông, hẳn dùng vượt muôn xưa mà chuyên ngộ lạ, mới lại dùng chẳng hủ nát, cúi vâng chầu nghe, chở sâu vổ nhảy, kính cẩn dùng thư thân, dứt hẳn mê trệ.

Thái tôn kính lễ.

Kiến Khương Lệnh Vương Trọng Hân đáp.

Trọng Hân thưa rằng: Nhục cáo ân bày, chỗ chiếu đáp hạ thần về luận Thần Diệt, cúi đọc vực lệ, vỗ chẳng thắng vọt, hoàng đế duệ tánh từ trời, cơ thần riêng xa, chiếu ngoài năm lễ, ánh trong ba minh, kim luân từ từ chuyển thì đạo giúp tám hoành, ngọc toản đã bày thì hiếu tỏa bảy miếu, mở mặt trời tuệ nơi Thanh Hán, bủa mây pháp ở đại thiên, nghĩa như tại, lại mở rộng ở buổi này, minh của thường trụ trọn chứng kiếp sau, nên dùng đức trùm trăm vua tiếng cao muôn xưa, đệ tử gá tâm vào pháp môn, kính tin đại điển, thật của múa đạp, riêng sâu le tảo.

Vương Trọng Hân kính lễ.

- Kiến An Vương Ngoại Binh Tham Quân Thẩm Tích đáp.

Đệ tử là Thẩm Tích kính lễ, duỗi bày sắc đáp hạ thần về luận Thần Diệt, cúi sâu vui mừng hớn hở. Đệ tử trộm nghĩ, đạo chẳng tự mở mang, mở mang thật do người, người phải biết điều đó, phải biết vị đó. Bậc Thánh mà Chu Dịch gọi Đại bảo gọi là vị, đâu ý đó ư? Nhưng hoặc vị mà chẳng có người, hoặc có người mà chẳng vị. Ba là nói đầy đủ lý đó rất khó cho nên Tuyên Ni dứt bút ở được lân, Mạnh Kha trái thân ở Thiên tước, thật không có vị đó. Than ôi! Chân hóa sắp chìm mất. Nay thiên tử dùng nhân thánh thạnh sáng, y cứ giai vị chí tôn, bởi tầng núi có thể để các khí ấm vụt, hòa đó chẳng thể dời. Chuông trống có thể vì gà heo loạn, gõ đó chẳng thể nghe, sắp khiến nguy sợ đầu đen, giúp ích đêm dài, tự chẳng phải đức hợp trời đất, ai có thể năng như vậy. Đệ tử sớm gội linh phong, đã nghe điều đó. Nhưng sự nhóm họp của yến tước vẫn còn lờ mờ, cửa bay bồng còn tự giao cấu. Thánh chỉ viện giáng từ cao lý thỏa, dùng thiện của trời, người để đôn đúc, dùng hình của chẳng lớn để răn. Một lời làm huấn, trong ngoài đều vui. Hễ đem con nít xuống giếng, thì phàm dân còn bị thương, huống chi thánh từ ngự vật hẳn dùng trắc ẩn làm tâm ư? Năng chỉ chẳng phải trắng của ngựa trắng, còn thấy khuất ở trung dung, đến chỗ thần hưởng ngoài cơ, chỉ còn hoằng hóa, quỷ mỵ đẩy má lưỡi đó, đâu đáng nói ư? Thần tích trời quý vốn chẳng lén nhìn, bèn năng còn bày, dùng thẹn ngầm đức.

Đệ tử là Thẩm Tích kính lễ.

- Từ Bộ Lang Tư Mã Quân đáp.

Nhục cáo đều rủ bày sắc đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt, cúi đọc khắp dòng, thử ca lại múa. Thức lự trầm ẩn, tinh linh u diệu, bước gần không dùng đuổi theo, phàm tình chẳng thể lường, Thánh ngoài biết đó như thế, sở dĩ ép mà chẳng bàn nói, cho nên hợp với Khổng Phụ đó

còn mờ tối kinh, cơ công đó chưa sáng, mà hạng thấp hèn quên lý tin nhắm chùy họa, dòm ống dị kiến chóng khởi, nếu theo danh lìa hiền, bèn mê thật của sương tuyết, Ngu hoặc đến đây rất là xót thương. Vua ta đạo khắp u hiển, sáng hơn trời trăng, cùng cực của trời đất, tận chỗ sâu kín của đầu cuối, kỵ phòng của Du Tử khác khí, loạn của mân trĩ phụng ngọc. Viện phát thánh ctung giáng nghĩa nhã này, tin đủ đó để sáng dương Diệu giác, cực khuyết chìm bùn, gần chiếu cực tánh linh, xa rõ gốc hiếu đức. Thật khiến dị học cắt bỏ tà tâm đó, hướng phương dốc dáng mến mộ đó, lầm vì lắm may dự vâng đào quân, gội đượm uống hòa có gồm vui mừng hớn hở, lưu thông khúc bị mang đội càng sâu.

Tư Mã Quân kính lễ.

- Vương Công Tào ở Dự Chương là Tham Quân Thẩm Côn đáp.

Thẩm Côn tôi kính lễ, đệ tử trộm lấy đạo của giao cầu, hẳn lấy cùng làm giúp, đến nơi tục mông bày cáo, thì không đặt xung xung quán của điều chợt, gần sắp có thể dứt. Sở dĩ tự dứt thưa hỏi nhận sùng sâu chẳng lén nhìn, thật tự là thẹn, luống vì ám thức nhân quả tu cục, thật mong giẫm sương chẳng lùi, băng cứng có thể đến, mà Pháp sư hoằng tâm rừng chầm may năng giấu bịnh, tuy chưa thăng đường mà vời lấy dòng pháp. Đỗ Di nói: Vời ngựa khát ở suối Bưu, chẳng đợi roi rút mà tự đến. Duỗi bày thượng đáp hạ thần về luận Thần Diệt, sớm hôn cúi đọc, dùng quên nhọc ngủ, dựng cột pháp này, dẫn mê dòng kia, thiên thuộc đã bày, ba đợi lại nói, quỷ thần tình trạng ở đâu có thể cầu, nhưng cho rằng biển thật rộng, rộng sao biết được? Cho rằng trời che cao, cao chẳng thể lương? Thánh luận móc ý cỉ sâu, vượt ngoài hệ thuộc, tình mờ dễ dốt, là ác năng, châm rỗng cuối bày, trọn thẹn dùi ngưỡng.

Đệ tử Thẩm Côn kính lễ.

- Kiến An Vương Công Tào Vương Tập đáp.

Ân bày sắc đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt, trộm nghĩ thần là minh mặc, các thánh chưa truyền. Tuyên Ni còn gọi là chẳng nói, Trang Sinh không dựng lời đó, cầu ở phương sách, khen mờ giao sâu thấy nhầm. Nay luận ân trời phát sâu, diệu chỉ lắng ngưng chí lý đã mở rộng, hiếu cơ gồm cực, tin đủ ẩn vượt, ngàn xưa chiếu soi đến nay, đệ tử sinh gặp thời thạnh, dựa xem thánh tráio, đã băng tan ở ôm giữ, tin hiểu lầm hoặc ở tùy tiện. Phàm thiếu linh tri, thì ai chẳng khen kính. Ví dẫu đó mờ tệ, khơi vỗ thật sâu.

Vương Tập kính lễ.

- Phải Vệ Tướng Quân Vi Duệ đáp.

Chí lý hư tịch, mờ tối khó biện, nói có dường như không, nói không

là thật có, diệu ở lão bàn, tinh ở Thích giáo, từ sáng sách vàng, văn ngời là Ngọc, xưa nay còn vậy. Chúa thượng đạo gồm vũ trụ, sáng đồng trời trăng, cơ ẩn hiển hẳn chiếu, sự quan trọng về có không đã xem, bèn dũ soạn Minh Luận, trọng chiết hạ thần dẫn dụ đã sâu, răn nghĩa mới hợp, phàm ở có tâm, ai chẳng mừng may, mong bày trời chế, kính thêm đọc tụng, mây dơ lận tiêu, đặc gồm thường vỗ, Pháp sư quả sâu, duyên xưa nhân hội, nay pháp lìa năm dục mà nhập vào tám giải, bỏ ba cõi mà đến một thừa. Lại được dự nghe đức âm, càng đủ mừng khen, âm cáo đượm khắp đeo thật sâu.

Vi Duệ kính lễ.

- Đình Úy Khanh Tạ Xước đáp.

Tạ Xước tôi kính lễ, nhục cáo mong bày sắc đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt. Cúi xem mô sâu, để sạch phủ hồn, đã vạch đoản nói thật, mở các nghi ngờ. Trộm nghĩ chỉ nhân sinh tối linh, thần dụng chẳng cực. Trên thì biết lại giấu đi, kế là gần thứ vào cơ. Lấy đây quán đó, lý không thể diệt, vì thế, nho bày tế đó, thờ phụng đại từ, chiếu sinh duyên đó, trong ngoài phát sáng, đã đủ bỏ trệ. Huống chi trời răn đinh ninh dẫn dụ càng rộng, hoằng giúp mới đầu dân thứ, đạo biết nghiệp ở tinh sảng, hẳn khiến mở núi tối, chướng ngồi so lường trùng huyền, dị đoan đã bặt đường chánh nay trở lại, luận là thẹn mực đó, gìn giữ họ mạng, ngộ bệnh dữ đó, dự tại có biết ai chẳng cử tán. Chỉ đệ tử theo âm dạo thánh trọn mờ dòm ống, kính vâng hớn hở, trọn mừng âm dụ.

Tạ Xước kính lễ.

- Tư Đồ Tế Tửu Phạm Hiếu Tài đáp.

Đệ tử Hiếu Tài kính lễ, đợi sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Trộm nghĩ: Bành sinh thỉ lập, gọi hiện Tề Công, Nguyên Bá rủ sự Cao Hán sử. Vả lại, chặt thẻ làm dụ nghĩa ở hẳn thần còn chẳng diệt, pháp tục đồng suốt muốn diệt thần đó, trong ngoài đều mất, cái gọi là trông ống sâu cực, sao phân biệt được đông tây, mọt đụt qua bể cả, làm sao biết phảng phất, ý trời rộng sâu ân cần ở diệu tượng, thánh tình ẩn trắc, nối liền ở hưởng tế, đâu ngay kinh giáo thêm lớn, thật khiến mông ngu ngộ đạo, cuộn đợi chỗ bàn co duỗi ban đến, minh răn dụ này mới đầy tất lòng.

Đệ tử Mang Hiếu Tài kính lễ.

- Thường Thị Vương Lâm đáp.

Nhục cáo ân bày, chí tôn đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, kính cẩn hết ngu hẹp, nghiêm cung xem thánh chế, tiếng đầy vàng đá, lý suốt suối sâu, nghĩa xuyên sáu hào, lời gồm ba đời, đủ khiến hẹp học biết

tông, mê đường bay trở lại, đệ tử sinh ra đời gặp thôi sáng, thân đội ân đượm, lại được nghiêng tai trời làm phủi mắt, thần trảo thật của vỗ le vì không kỷ cực, bèn ân ban đợi ghi hớn hở chỉ trọng.

Đệ tử Vương Lâm kính đáp.

- Khố Bộ Lang Hà Đát đáp.

Hà Đát tôi kính lễ, nhục chỗ ban thư và duỗi bày đáp, hạ thần xét luận Thần Diệt. Trộm nghe thần như còn, cầu tiền vương mà chưa lường trụ. Thường trụ chẳng đổi dời, phục ứng mà hiểu, vùi ngưỡng sâu kín, đổi đó băng tan, nên biết rối ren vết thánh chẳng do một đạo. Sâm sai động ứng vốn tự nhân thời, nay dòng bạc đã dứt, vô minh sắp mở, chúng sanh có căn cơ giáo chỉ phát ở đây, dốc nghĩa của hiếu trị, rõ ý của giác giả, dự có linh thức ai chẳng biết mừng, đâu là chỗ Viêm Hạo được giành cân, chẳng phải chỗ Hiên Đường năng đua sáng, vời vợi chí đức, chẳng có hoặc để gọi, rõ ràng đại đạo ở đây là cùng cực.

Hà Đát kính lễ.

- Dự Chương Vương Chủ Bộ Vương Quân đáp.

Vương Quân kính lễ nhục cáo duỗi bày thượng đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Trộm nghe phảng phất có thấy cách ngôn của lễ điển, nay thì chẳng diệt hoằng chỉ của pháp giáo, nhưng diệu tướng hư huyền, thần công ngưng lắng. Tự chẳng phải lễ đạo thì đâu thể mặc lãnh tông đó. Chẳng có biết cơ là không do đâu ngầm ứng hội đó. Thánh chúa vết suốt muôn cơ, tâm dạo bảy tịnh, xót thương chúng sinh, ôm ấp mọi vật tẩy che buộc kia, gắng dùng giải tuệ, bỏ mê hoặc đó, theo nơi nhân thọ, tin là lớn thay! Làm vua khéo nói trí độ đó vậy, đệ tử nhiều đời thờ phụng đại pháp, nhà truyền đạo huấn, mà học cạn hành sơ, bít lụy còn vết, đã được hưởng bẩm thánh giáo, dự nghe hoằng dụ, một lời được mở, muôn thiện đều có, tình hớn hở, không thể thí dụ nói.

Đệ tử Vương Quân kính lễ.

- Thượng Bộ Lang Tôn Ấp đáp.

Nhục cáo ban bày sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Cúi vang mừng ngưỡng, vui chẳng tự chi. Sông biển sâu rộng chẳng phải chỗ ếch giếng đến được. Phạ nhiên vào định, há ngoại đạo có thể phá được một sợi lông chẳng động thì các tà lui tan. Thuyền bè đã qua mà bờ kia vượt lên. Thánh Hậu thể chứa hai nghị, đức gồm ba đại. Võ Linh có mà gồm cực, nắm thượng trí để điều dân. Phát hiệu ban lệnh thì gió thổi cỏ rạp, lâm triều tôn mặc mà hóa động như thần, lớn năm Đế để sánh vết, vượt muôn kiếp phương đó trọn, còn lại khua tiếng vàng nơi ngón tay giáng diệu tư để phát mông, lý đã ngưỡng mà hướng về phương sâu, càng dùi

mà vượt xa đều châu báu ở vô giá, bằng hoa sen chẳng bụi dơ. Hiếu kính khắp các loại. Huấn phạm tỏa ngời tiên thánh, chi hành suyễn thở đồng biết vui mừng, vút bay xuẩn động, chung luyện an vui này. Ban cáo chưa đến dụng sâu vinh đội, cẩn đảnh nhận thư thân mở hẳn ngu hoặc.

Đệ tử Tôn Ấp kính lễ.

-Đáp lời Thừa Tiêu Chân Tố ở Đan Dương.

Nhục cáo đều cúi thấy sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, tánh cùng thiên đạo gọi là lý bặt. Nhiều kiếp lắm may bèn ban diệu huấn, tiếp chân đảnh nhận, mừng kính chở hoài. Trộm nghĩ thần đạo vắng lặng, biển pháp khó bờ, vì vậy Trí tích lau vừng mà chẳng lường, thức rõ sắc trần mà còn mê, đâu chỗ dong mạt đó, có thể kích ngưỡng. Nhưng tự mây tuệ đông dần, thuyền báu đến nam, năm tháng lâu dài, pháp âm truyền xa. Vua sáng quan tốt tuy đời năng tôn phục, còn như tự rót nguồn huyền, gần bày diệu cực là trọn chưa nghe. Vì thế hai đế tám giải riêng khuyết hoàng ngôn, chín bộ ba minh, rỗng hoang quốc học. Than ôi, đáng làm than dứt. Trộm tìm khởi của Thần Diệt, thì người ra kinh Lăng-già gọi là vệ thế, tuy nghĩa khuất Đề-bà ma tục khác chưa thôi, nên khiến các nghị dị học tập để thành kiến, nếu chẳng bẩm giáo của tiên giác, thật trọn lụy ở đời sau, thánh thượng đạo cứu giúp thiên hạ, có suốt vô phương, hổ nhìn cùng cung rồng đều xem chí đức cùng thật tướng đều dẫn nên năng phù tục giáo mà đế chân đạo đức hiếu hưởng để mở mang giác tánh, chiếu khốn mê đây, nhổ lưới nghi này, tuy là mềm dịu khéo nói của Mâu-ni. Rộng ước khéo dụ của Khổng Khâu, sao dùng dụ này, vời vợi thay mười thiện đã thành kim luân nào xa, Pháp sư bẩm không tuệ trong nhiều đời, Tập học rộng ở kiếp này, bánh xe pháp xong mà tám bộ mây nhóm, vi ngôn phát mà trời người nhiếp nhận. Nên năng tỏa hương giới ở phụng vi, vẽ hoa giác ở thần trắc, đáng tin thay! Năng dùng tiếng Phật đạo, khiến tất cả được nghe. Đệ tử không ghi Thích tạng, chẳng đợi Khổng môn, tuy nguyện chầu nghe, trọn thẹn lận mỏng, ngõ hầu duyên pháp vô tận gồm lợi ta và người, chóng bít giúp tâm đó lo lắng sợ hải kính dốc lực cắt, giải thích, nghiêng đời hỏi bày, vâng theo chí giáo vậy.

Đệ Tử Tiêu Châm Tố cúi đầu kính lễ.

Trung Thừa Lang Phục Hằng đáp.

Bèn duỗi ban này, chỗ Chí tôn đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, cúi vâng ý sâu, chóng dứt các nghi, thiên tình riêng chiếu diệu xem xét cao soi, nên chẳng phải chỗ phàm ngu có thể kính ngưỡng, nhưng thường sư

quán kiến cũng trộm ôm khuê cầu. Nay lại bẩm vâng giáo nghĩa, xa tìm ý kinh, lắm nhiều khuôn mẫu, tin như phù khế, Pháp sư tuyên dương lý sáng, mở rộng lời thánh, mới khiến hai giáo đồng về, chân tục nhất trí, dự được hưởng gội răn dụ, nung nhiễmchí hóa, vỗ đánh hạ phong thật gồm múa nhảy, đời sánh hỏi xem mới tận khâm thành, đến thưa mừng đeo chẳng biết cất thuật.

Phục Hằng kính trình.

- Ngũ kinh bác sĩ Gia Sương đáp.

Nhục cáo duỗi bày sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, kính ngưỡng trở lại, tụng vị tuần hoàn, nên biết diệu chưa cơ đầu sự cách phàm cạn, thần ngưng buộc bày, nghĩa bặt tình thường, hoàng thượng sáng xem thông u, tánh cùng thiên đạo, sở dĩ cơ thấy anh xa, riêng ngộ vượt sâu, thuật ba thánh để dẫn chưa hiểu, nêu hai việc để tẩy thiên hoặc, nên là ý chỉ của một hệ hiếu càng sáng, tông của nhân quả càng thỏa, thúy điển núi quật tức đây lại rõ, nước rửa Thanh giáo ở đây lại trong, thí như trời trăng, không được vượt qua. Đệ tử tuy ngầm phiền lắm tệ, lầm vâng cách ngôn, nghiên cầu diệu thú, giống như nhảy múa. Pháp sư tuyên dương chí đạo, mở sáng đường lớn, bèn ân ban chưa kịp càng thêm khắc đội.

Đệ tử Gia Sướng kính trình.

- Thái tử Trung Xá Nhân Lưu Hiệp đáp.

Nhục cáo vâng xem, chỗ sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, cúi mở tố trát, ngước xem bàn huyền. Văn suốt thiều hạ, nghĩa lường quái phồn, đựng gồm kinh điển, lồng chuồng thuật làm, mở mang chánh giáo kia duỗi đến phương giảm. Hy Di vợi vậy khó được mà nghe, châm chước hiền thánh, mổ phá mảy may, gồm thông lối nói trong ngoài, qua khoảng trời người, tự chẳng phải thể chí đức đây, nghĩ hợp tới thần, đâu thể sâu sáng cốt yếu đạo người biết mang kịp, kính ghi các thần, trọn dùng làm bội, lạnh nơi đã vào chiếu như phát mông, giúp nên tu đến cùng bày giảng lại.

Đệ tử Lưu Hiệp cúi đầu kính trình.

- Ngũ kinh bác sĩ Nghiêm Thực Chi đáp.

Nhục cáo, cúi thấy sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Hình thần giẫm thô, hoặc nhỏ ẩn khó ngộ, huống chi thức lý tinh mật, há mê thấy mà hiểu được. Sở dĩ đoạn thường giao vụ một khác giành chạy. Nếu trung đạo ở lòng thì muốn đi có thể trở lại. Hai bên kẹt ý, bờ kia dài trái. Luận Thần Diệt này chương thật nhiều, kính nhờ thánh chúa rường cột chí giáo. Minh chiếu viện phát rõ, như vén mây, chẳng phải trực

minh phù huấn điển phụ hoằng hiếu nghĩa. Bởi diệu đạt sinh nguồn, sâu cùng hành gốc khiến tánh chấp lễ đạp sương mốc mà càng dốc, thức nghiên thần, ngưỡng thuyền duyệt mà thêm tâm, đều phải tập đường nhẫn tuệ vụt dòng biển hoặc. Đệ tử sớm nêu cõi lòng chưa biết bến giúp, cúi đọc mừng vui tràn đầy thân thức, bèn ân này còn gắng đội cuộn chỉ sâu! Nghiêm Thực Chi kính trình.

- Đông Cung Xá Nhân Tào Tư Văn đáp.

Nhục đưa đến sắc thư, đệ tử vừa gần cũng thân vâng phụng ý chỉ này, Phạm Trung Thư bèn mê kẹt, như vậy rất đáng buồn. Thánh thượng lo sâu, dân chúng rất lầm hoặc, ban chiếu chiết trung. Ý chỉ này một hành, tuy là thức ngu tối, rõ biết thần chẳng diệt. Đệ tử gần nương đến Chu Khổng lấy làm khó, nay phụ phân biệt nhau, nguyện ân ban một lần soi xét, chiết quỷ kinh đó chẳng tìm, buộc bày chẳng lắm.

Đệ tử Tào Tư Văn kính lễ.

- Bí Thư Thừa Tạ Cử đáp.

Nhục cáo ân bày, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, trộm nghe nói rằng: Muôn vật rối ren thì treo các thiên tượng, mọi lời lộn xộn thì chiết ở Thánh lý, rõ ràng từ xưa sự chứa ở thời nay, cúi nhục duệ huấn, duỗi văn nghĩa sâu nung đúc xứng tượng, chẳng đến hy vi, ai biết luân u chí cực, tận tánh cùng thần xót thương sáu tệ này, buồn lo bốn chấp này, truất loạn đạo của tiểu ngôn, giúp hành nơi đường lớn, ý chỉ ban mà ẩn, nghĩa uyển mà rõ, rộng ước chở rộng, rộng lớn đều khắp, một lời nửa kệ, hiển ngộ bạt này, tuệ nhật chánh nước tràn trần mê này, giúp tông áo có quy giáo tư thưa còn, mối lạ tự dứt, dối thiện biết dứt, ngưng buộc bày nơi đầu dây, dẫn thiền lưu ở biển khổ, há đó ngậm chứa ba tạng, mũi mão bảy tịch mà thôi ư? Đệ tử may gặp đến vận, nghiêng thưa cách dụ, gội tắm hoan kích, vâng dùng thư thân.

Tạ Cử bạch.

- Ty Nông Khanh Mã Nguyên Hòa đáp.

Nhục cáo ban bày sắc chỉ duỗi đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Trộm nghe nêu ý chỉ của cơ, chẳng phải chỗ phàm trông, khế của phù thần, chỉ có nhân là cực, nên các giáo bồi hồi đến nơi hưởng thiện, các kinh ủy khúc tận nơi mở giúp. Cúi vâng, chỉ chí tôn trước trời chế vật, thể đạo cắt hóa, lý bặt lời đầu, nghĩ bao ngoài tượng, kích lấp mối lạ, mở dẫn về một, muôn phải biết tông, người trời kính thức, tin thuyền cầu của biển cả, trời trăng của huyền tiêu, luận về Thần Diệt nên chỗ chưa an, vì sao? Thánh trước bày giáo, ép dẫn chẳng đồng, bao gồm mà nói, lý thật không hai, Dịch nói: Nhà chứa việc thiện sẽ có an vui,

nhà chưa việc ác sẽ có ương họa, Hiếu Kinh chép: Sinh thì thân an, tế thì quỷ hương, tuy chưa hiển luận ba đời mà ý đó đã hiển trước, củi hết lửa tắt, Tiểu thừa quyền giáo, diệu phải vắng lặng, rốt ráo thuyết chung nhân tình tức lý, lý thật đáng nương. Vả lại cẩn thận lúc sắp qua đời và vói nhớ đến người chết đã lâu xa, dân đức về hậu lễ, có nước có nhà, nhiều đời do đó. Báu của ba tài chẳng đồng giáng tình, soạn luận Thần Diệt, ngại chính thật nhiều, chẳng phải bậc Thánh là không pháp, chẳng phải hiếu để là không thân, hai là đều trái, khó thực hành ở đời thánh. Đệ tử ngu dốt mù tối đối với chí đạo, lạm được ban hỏi, chỗ y cứ phàm cạn, thật của đội sự, tìm dùng không nơi để.

Đệ tử Mã Nguyên Hòa kính lễ.

- Công Luận Lang Vương Tĩnh đáp.

Trình bày thánh chỉ, đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, cúi nghĩ chỉ Chí tôn duỗi khoanh cao rộng, dạo tâm muôn xưa, ở không bỏ ngày, đạo thắng chỉ có cơ, chẳng lẽ hỏi han việc quần hạ thực hành hiếu đạo rộng lớn, duệ tảo nguồn huyền, lý mầu sâu cực tự chẳng phải khắc rõ vua của theo bằng, đến ngày chủ của trông mây, đâu có mổ phán ngầm lặng rõ bày Nhã Luận. Mở mang đại thánh trong khoảnh khắc, định tục nghi ở chốc lát, chẳng phải chỉ lý lượng thần trung cũng là nghĩa thiết tôi con, hợp hòa bang của uống ân ban, áo xiêm vức của đạo tố, không ai chẳng nghiêng đầu nhân được tắm gội đường phong, đệ tử riêng sinh ở Giang Hoài, chẳng học không thuật, tuy là theo thầy xoay mặt về phương Bắc một kinh chẳng rõ. Giả sử nhớ văn cũ đâu đó phảng phất, năm kinh rối ren sự loại rộng lớn, ý của thần minh nghĩa đó nhiều mối, còn như tiếng vang của vàng đá tơ trúc, thuyết Công Đán đánh Võ, sao chẳng phải thánh chỉ? Vả lại, nghĩa tế mà bàn nói rất hiển cứ, nếu luận không thần cũng có thể không thánh. Chấp thuận đó có thánh thì lẽ ra có thần, thần lý rõ ràng đâu cho tịch dứt, chỗ đệ tử thấy ngu cạn, không dùng để tuyên dương chí trạch, đã giẫm phỏng đợi, liền nêu ra điều ấp ủ.

Đệ tử Vương Tĩnh kính lễ

- Tán Kỵ Thị Lang Lục Nhậm, Thái tử Trung Xá Lục Thùy đáp.

Nhục cáo ân bày, chỗ Chí tôn đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, xưa kia, Dị học tranh đường. Mạnh Tử chống pháp của Chu Công, Tiểu thừa loạn đạo, Long thọ bày giáo của Thích-ca. Từ đó, bọn của Dương Mặc lưỡi le miệng há. Bọn lục sư vết loạn cờ chẳng phải, nói thần diệt là có thể gọi là học hẹp mà chắc. Đường nam cầu yến, xe bắc đầu sở, lấy đến đạo đây ngàn dặm mà xa, thánh thượng xót thương mê lầm đường đó, viện vẽ trời cũ móc sâu đặt xa, tận hóa biết thần, khiến nhân này

đều như băng tan´, bày yếu đạo này đồng trăng chiếu kia. Đệ tử đều vì phạm bạc mới trộm ân kỷ, dây mũ triều Tắc Thiên, hưởng bắt luận của xét cổ. Thật của tán hạnh, riêng thêm hớn hở, bèn ban cáo đợi, kính cẩn dùng thư thân.

Lục Nhậm, Lục Thùy kính trình.

- Lãnh Quân Tử Mã Vương Tăng Thứ đáp.

Nhục cáo, ân bày sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Lắm thay lý đó lớn! Đây sao chỗ thấy của tấc ống, nói tánh đó có thể nghe mà tùy loại thản gặp, vui thay được thích vâng đội chu toàn, dùng thứ lớp, dùng tụng. Pháp sư đức xa hiện nay, tiếng nêu muôn xưa, bàn biết mười mỗi hội, giàu của khởi dư hẳn đáp, tưởng xiển hoằng thánh chỉ sang ngời mây tan ư? Đệ tử học thẹn nhóm đom đóm, thức chẳng phải thấy chung, sao năng ngưỡng tán hồng huy, tuyên dương diệu phạm đó ư? Chỉ luận là chấp tình của một hoặc, theo vết vủa một lần qua, hẳn chẳng thể để nói đại phương, sao biết đạt xa sợ hẳn bùn sình ư? Phàm, lý u minh rõ ràng chẳng sai, tướng nhân quả khởi, nghĩa không lập riêng hình diệt tự có thể dùng cỏ cây làm lũ, thần minh thường tùy duyên mà có. Sở dĩ họ Trái có Bành sinh heo, thấy thượng thư thì tổ khảo lại cách. Lễ chép: Như lạc chín biến, người quỷ có thể được lễ. Quả báo của kết cỏ há đó bèn diệt, giấc mộng của nguyên quy đâu được không thần, thần minh chẳng diệt hiển trước nơi miệng vàng, lời Khâu Ni nói càng có lắm chứng cứ. Nếu văn tuy năm ngàn, thi mới ba ngàn, đắc lý đó là tự có thể một lời mà dùng tệ, nên chẳng lại phiền cầu rộng chứng. Ba thánh tuy có minh giáo, trăm nhà thường đặt hoằng lý, mà còn khiến cuồng giản văn vẻ thành chương, kích công lũ làm. Nay, Hoàng Minh thể chiếu u tịch, thức suốt trong ngoài, dùng lâu xa của tiền thánh cảm vọng hứng của mối khác, đượm nhuần viên phát mới duỗi cuộn thâu, khiến xiển đề một khi ngộ liền được quả thông, diêm phù chấp hoặc chợt nhiên tẩy trệ, huống chi các bậc Tấn thân làm ích nhân hoằng đó ư? Đệ tử hưởng đạo không ghi, Pháp sư hứa một trách, bèn năng ban đợi thần tráio, khiến được dự gội thanh phong, vừa mừng hớn hở, không dùng tự thí dụ giấu khắp càng sâu, càng nhiều.

Đệ tử Vương Tăng Thứ cúi đầu kính lễ.

- Ngũ Kinh bác sĩ Minh Sơn Tân đáp.

Nhục cáo ân bày sắc chĩ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Nguồn sâu thú xa, nai thỏ đâu thể lường được, tùy loài được hiểu, hoặc cũng mỗi chỗ đó thấy, vâng dùng chu toàn chẳng hơn múa nhảy, Pháp sư học trùm một thời, đạo hợp ngàn năm. Thuyết của Khởi Dư gửi tại

minh đức, nghĩ hoằng tuyên diệu chỉ, không còn sót chứa ư? Đệ tử nghiệp rụng chuyên kinh, trí chẳng phải thức chung, đâu thể ngưỡng thuật đường sâu, tán dương phong giáo, luận là hạn lấy xem nghe, đâu đạt rộng xa, mắt thấy trăm năm, tâm lầm ba đời, cho rằng hình phách đã mất, thần hồn đều diệt. Đây đã trái thích điển, lại trái khổng giáo, làm sao có thể cùng nói chí đạo bày diệu lý ư? Minh thì có lễ nhạc, u thì có quỷ thần. Vì vậy, Khổng Tuyên duỗi phép để biết chết hỏi đáp, Chu Văn lập giáo dùng nhiều tài thay chung. Thi xưng ba hậu tại trời, Thư nói: Tổ Khảo lai cách, vả lại, Hào thượng anh hoa soạn luận Phương Sinh. Trụ hạ duệ triết xưng quỷ chẳng có thần, làm củi mà lửa, truyền giáo tay mà sinh tạ, đây đều bày đó, chuyển tịch phô bày đó rõ ấy vậy. Vì duyên giả nên có diệt, nghiệp tạo nên vô thường. Vì vậy, năm âm hợp thành, cuối cùng đồng khói hết, bốn vi hư cấu hội đều lửa diệt, cũng nghĩa là đạo của thần minh, chẳng phải nghiệp chẳng phải duyên, vì chẳng phải nghiệp chẳng phải duyên nên tuy đổi dời mà chẳng diệt, vì năng duyên năng nghiệp, nên khổ vui khác báo. Đây diệu xướng của năng nhân, chỗ ép của Tấn thân, tuy giáo có khác đường lý về nhất trí. Nay bỏ chánh văn của Chu Khổng, trái chân thuyết của họ Thích, chẳng hay vì đây sắp muốn về đâu! Chánh pháp trụ đời còn có thuyết Đoạn Thường, huống chi tượng pháp đã lưu mà không luận về mới khác, có thần chẳng diệt là ba thánh đồng phong, tuy điển tịch ghi rõ, phần nhiều trải qua thời gian và nơi chốn, thông Nho thạc học đều chưa thể gặp. Hoàng thượng trí khắp có không, chiếu cực nguồn thần, bèn phát thánh trung, thân nhuộn bút thần, hoằng giúp chí giáo mở ngộ lầm mê, khiến các người học bỏ hẳn nghi hoặc, quyến đợi chẳng sót, khiến người được dự phong huấn, gội nhuần đảnh đội, bởi gồm mừng giấu.

Minh Sơn Tân kính lễ.

- Thông Trực Lang Sơn Kiềm Lũ đáp.

Hiếu Kinh chép: Sinh thì thân an, tế thì quỷ hưởng.

Nhạc Ký chép: Minh thì có Lễ Nhạc, u thì có quỷ thần.

Thi nói: Túc ung hòa minh, Tiên tổ nghe đó.

Chu Quan Tông Bá Chức nói: Nhạc chín biến người quỷ có thể được mà lễ.

Tế Nghĩa nói: Vào nhà thờ dài sẽ có nghe tiếng than thở Thượng Thư chép: Nếu thế thì ba vua có trách con hay không?

Trái Truyện chép: Huyền thần hóa hành hoàng năng, Bá có làm yêu, Bành sinh dám thấy.

Bảy điều trên đây, đệ tử sống trăm năm này, sớm nghe ba đời

nghiệm lấy các kinh câu các cớ thật. Chứng của thần quỷ đã trải sách trong nước. Quả Bồ-đề lại bày học của Tây thiên. Thánh giáo phù hợp nhau, tánh linh không hết. Đặt lời hoặc khác, đạo đó chỉ một, chỉ vì hóa của bậc Thánh, nhân vật thông cảm, ép dẫn theo gấp, cùng đoạt tùy duyên. Chẳng hội thì không nói, nói thìthành chuyên. Chẳng phải thời chẳng cảm, cảm chỉ cứu vật, mà nghiệp báo so le, đường lấy bỏ nên phân, duyên qua lại nhóm, tình chìm ngộ cùng sai, lờn biết nhỏ đó mờ ý lớn này, kẹt gần nghe thấy chẳng nói u vi. Đây chỗ du phương lấy cười chín muôn. Chỗ xích huyện dùng bao trùm đại thiện nên đó thích nghi. Nếu thường của đây bèn dựng xuyên tạc, giá ách biện, cổ xúy lời ngụy quạt chẳng phải học, đó gọi là mối khác, nên là chỗ hại của Trọng Ni. Hoàng thượng ta kế tiếp ba, năm mà đến muôn cơ, nối dõi bảy trăm để ngự sáu biện, huân cách không xưng, đạo lại thuần túy, đức của kinh trời vĩ đất, sáng của trời trái trăng phải. Chỗ hoàng vương chưa hiểu, chỗ các thánh chẳng đủ, chỗ ức triệu nên thông, chỗ tương lai sẽ đến, không gì chẳng đến sóng huyền đó mà đạt u trí. Cúi xem thần luận, gồm trùm chân tục. Ba tài chuyển sáng, chín phục đổi tâm, kỳ hành xuẩn động còn biết múa đạp, huống chi ở sinh linh ai chẳng an ủi. Đệ tử thiếu sót chút ít, dưới chỉ tệ hại gọi là lý, đã phù hợp với chí nguyện xưa, thầm rất hớn hở, đến như trăm nhà khôi khôi chỗ thuật rất nhiều, tìm thần linh quỷ hiển nghiệm chẳng phải một. Vả lại, sách Bát-nhã vốn nói về nghĩa này, đã chỗ bọn ma bày đặt, tạm không gồm dẫn, tự chẳng phân cách ngôn, ai năng lấy chánh? Lược nói bảy điều, đều theo kinh điển, thí như nhờ Năm nhạc của mảy lông, phụ sáu quân của họ xúc, dám thấm vi trần, chỉ thêm sợ bẩn.

Đệ tử Dữu Kiềm Lũ kính lễ.

- Thái tử Gia Lệnh Ân Quân đáp.

Gần nhục cáo ân bày, chỗ chúa thượng sắc hạ thần xét luận Thần Diệt. Tánh cùng thiên đạo thật chẳng được nghe. Hạng quán hai đế thông cả ba thánh, đều mở rộng chút lời chiết diệu nửa chữ. Hàm linh từ trong Năm lễ, ý chỉ bao trùm ngoài sáu hợp. Thí như kỷ địa của sông biển, giống như sáng rực trời của mặt trời mặt trăng. Cúi đọc thỏa thích hồn cảnh đều vui, vì sao Đệ tử xưa đào luyện huyền hóa cho đến lúc lớn chẳng thiếu, thường sợ thức nghiệp chưa rộng, giữa đường lùi ngã, hoặc lắng yên tỉnh, niệm tâm vùn vụt mà chẳng bạc, hoặc nhã lời bày luận thì bị khuất phục bởi biện thông. Đại đạo rất rộng sâu mà mọi người ưa vượt tắt, đều dùng đây vậy. Nay bèn vâng phụng thần chỉ rõ ràng như phát mông, vừa phục vừa tụng mãi làm thân báu. Vài ngày nay việc

công tư lôi kéo, xong trở lại chóng nằm chưa bạch đáp ngay, ngậm cuộn càng sâu.

Ân quân kính lễ.

- Bí Thư Lang Trượng Miện đáp.

Tìm ba đời rõ ràng, hai quả phô bày, sao có thể lầm hoặc sáu trần mà chẳng hiểu, mê năm đường mà mất mãi, lấy làm hình mất thần diệt, hài mất thức nát, đây là tà kiến của ngoại đạo, đâu thể khống ngự chánh pháp của Cù-Đàm. Cái gọi là khinh bày một vòng địch bén nhọn rành rành, tạm rong ngựa hèn cùng ngựa giỏi đồng hành, sợ nhiều kiếp có tận lãnh trùng mới đến. Một thân chết hoại lại thọ một thân, tinh thần không gá người súc tuy duyên. Văn nói về Niết-bàn, thụy ứng nói cao. Chúa thượng thánh chiếu sâu tối gương soi đầm xa, thí như hai kỳ tế mà biết chẳng diệt, dụ như vọng làm trái thân, nghĩa tùy tám dẫn mà vào sai, nói sánh tánh đạo mà khó nghe, đệ tử lúc nhỏ đạo chơi nước cạn thọ giới quanh quẩn bên sư Đặng, đến Pháp sư Kỳ ở chùa Bạch Mã thường vì giảng nói dường sâu sinh tử, thường bày diệu chỉ của tinh thần, từ đó đến nay quy tâm dứt bặt nghi tưởng này, lại thấy phán này, càng phá bọn ma, chẳng phải chỉ xem ở nay mới kết duyên sau, luống biết quy tín, tối sánh cầu danh, bèn ân ban đượm bày, sâu nương quyến dốc.

Đệ tử Trương Miện kính lễ.

- Ngũ Kinh bác sĩ Lục Liên đáp.

Lục Liên kính bạch đợi cáo duỗi bày sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, cúi đọc thiên chỉ chiếu soi trần mông. Đệ tử môn y theo Tam bảo, thuở nhỏ vâng theo đạo huấn, tuy thật quy về chí giáo mà thức tối bến huyền, kính tìm trong ngoài các thánh mở dẫn khác văn. Như lai nói ba thừa để nêu một rốt ráo, nói hai đế để ngộ chỗ dính mắc, tiên vương giải thích năm lễ để thông ái kính, tuyên sáu nhạc để dẫn tánh linh, hoặc hiển ba đời để bày nhân quả, hoặc nói thành cảm để nghiệm ứng thật, đâu thể chóng bày nguồn thần, dứt hẳn duyên thức ư? Nếu vậy thì quả báo thiện ác dối bày, thiết lập tế kính là vọng, tình của cầu, lý đó có thể an ư? Mà hạng người lầm hoặc còn nhiều thiên chấp, vì vậy thánh minh cao soi thần dạo cửa diệu, động lời ra lý rõ như sớm mai, phát văn bày chứng rành như đuốc đêm, chóng đủ bày ngu, tối thỏa tin phàm bỉ. Cúi học chiếu chỉ, xét chung nguồn tâm, kính lại thưa bạch, chẳng tuyên vỗ múa.

Đệ tử Lục Liên kính trình.

- Dương Châu Biệt Giá Trương Phiên đáp.

Nhục cáo, cúi thấy sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Thạnh chỉ

cùng cơ, vi ngôn hợp đạo, sinh biết ra đầu của sáu nho, tự nhiên gồm ngoài của mười thánh. Còn như khuôn phép cảm quả, lý chiếu ba đời, phép hiếu hưởng nghĩa suốt trăm vua diệu hội cùng băng xuân đồng tan, chí thú như trăng thu cùng sáng, đủ khiến điều xiển biến tình, kiệt chích dời chí, trở lại phong bạc mà theo xưa, khua sóng thuần tợ phương sách. Lời hay tốt thật bèn theo chẳng đánh chuông. Pháp sư tài tú tinh lý, chiếm cao dưới mặt trời, đều gội nhuần thánh hóa, riêng dạo thần minh soi sâu đạo uẩn, rỗng suốt đường tông, đệ tử xưa nghe sư ngộ ý chỉ của thái nho, nay gặp thời thạnh vâng theo lời dạy chẳng diệt, tin dùng chiếu triết, mong mờ ở tẩy trần, bởi chân giẫm tay vỗ ngôn tượng có thể hơn.

Trương Phiên kính lễ.

- Thái tử Suất Vương Trân Quốc đáp.

Nhục cáo, cúi thấy sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Sự chẳng diệt của thần, kinh điển có văn nói rõ, tức tâm nói sự rành rành ở lý, luận Thần có diệt thật chỗ kinh khen. Trời chiếu sâu ngưng, diệu chỉ rộng khắp, bỏ mối khác kia, mở mang nhã phạm này. Tin có thể dùng sáng ngộ đường tối, rường cột ngàn năm, cúi xem kính mừng, trộm sâu không cùng, khiến nên đến bày đợi được hỏi tỏ.

Vương Trân Quốc kính trình.

- Lãnh Quân Tướng Quân Tào Cảnh Tông đáp.

Uổng cáo chỗ bày đáp sắc thần diệt, lý khắp muôn xưa, ý chỉ gồm ba đời, sáu đường mê lâu, ngay đây ngộ hẳn, năm đường thường nghi, hiểu như phát mông, tự chẳng phải soi cùng tám giải, chiếu đều mười hiệu, bày không vượt quá tục, đâu được như thế, vâng đeo thư thân, dám trái ăm ngủ. Pháp sư thức vượt có cảnh, học đến vô sinh, thiện của dụ dương sáng như làng đông. Vạch vui khắp cùng dùng quên chỗ bệnh.

Tào Cảnh Tông trình đáp.

- Quan Lộc Huân Nhan Thiện đáp.

Bèn uổng minh cáo, ban thuật sắc chỉ, xét thần chẳng diệt để đáp hạ thần. Lý cứ thấy nhiên, trong ngoài gồm diệu. Sở dĩ tuệ hiện riêng tuyên, thuyền càu hợp khế. Chỗ mắt chẳng thấy, màn chắn làm ngăn, chỗ tai chẳng nghe xa vời bưng bít, chẳng được vì chẳng nghe chẳng thấy thì là không tiếng, không vật. Nay muốn cật hỏi nội giáo phải nương ngoại thư, ngoai thư chẳng khác nội giáo. Nay hiện thư nói: Hồn khí không chỗ nào chẳng có. Kinh Phật lại nói: Mà thần chẳng diệt tức nội ngoại Phù-đồng với việc thần còn, không có lắm nghi. Nghi diệt tức là phù du chẳng biết tối sáng, tuệ hựu chẳng phải Xuân Thu, sao biết sự

vĩnh cửu của đại thung, vô cùng của mặt trăng, chúa thượng thánh minh vượt xưa. Vi diệu thông thần, ý chỉ ba đời có chứng lý hiếu hưởng nay sáng, trời xanh thấy qua ống đã tối mà lại hiểu, muộn tục đắm chân đã mê mà lại ngộ. Đệ tử xưa gieo trồng may gặp dự theo hưởng đạo, gieo tâm Từ thị quy kính thật sâu, chỉ duyên hèn kém lại có thể mong chuyển tảo le mà thôi.

Đệ tử Nhan Thiện kính trình.

- Ngũ Kinh bác sĩ Thẩm Hoằng đáp.

Đệ tử Thẩm Hoằng cúi đầu kính lễ, nhục cáo cúi xem, sắc đáp hạ thần xét luận Thần Diệt. Chỉ mấy điều khó hiểu, dùng mờ dễ tối tự chẳng phải ngưng thần xét đây, dò trách sáng đây, đạo đâu thể vén lấm mây nơi có cảm, đâu thể vận riêng thấy ở không sáng. Trộm nghĩ, chỉ có đại thánh ngự vũ thượng đức biểu vật, duỗi mây pháp để đượm nhuần, mở mặt trời tuê để thêm sáng. Xa sánh bể cả, gần ví giếng cạn, vừa nay vừa xưa ai năng biết ở đây. Còn như kính dụ chim bay bình còn, lửa tắt chữ còn. Lễ chép: Chẳng phải loại chẳng am tường cúng tế mới giáng phước. Vả lại, mộng lan để trao Trịnh Mục, bện cỏ để chống Đỗ Hồi, phàm các trường hợp này chẳng thể đều ghi. Lại năm đường đắp đổi qua lại, sáu độ đồng về, đều là sự hiển nghiệm của thần, u chỉ chẳng diệt, chỉ khích khắc múa chân, đâu theo Hàm Đan sánh vết. Lư Ngao liền đến, sao cùng Nhược Sĩ đều có dấu vết, nay ngưỡng rơi thiên giáo, cúi đợi xiển-đề, cái gọi là như vạch nhiều lớp sương để vin hợp bích, ra đêm tối mà thấy đuốc rồng, ngắn bện viện cấp trông sóng ngắm biển, thật vui mừng cung kính như châu báu vô giá.

Thẩm Hoằng cúi đầu kính lễ.

- Kiến Khương Bình Tư Mã Cảnh đáp.

Nhục cáo ân ban sắc cật nạn luận Diệt Tánh. Trộm nghĩ: Sóng từ vỗ khắp, đạo gồm các linh, trí chiếu ngưng sâu, lý bặt mọi loài. Xưa kia, giải thích bảy thiền tám tuệ, sự nhỏ nhiệm của ba không bốn đế, nên dùng sáng ở tráii tịch rõ nơi thông cáo. Do đó, Ưu-đà nói: Dụ như trăm bài đều âm đồng khen ngợi Diệu giác còn chẳng thể nói một trong muôn phần. Nghiệp sinh thì báo khởi, nhân qua thì quả lại, tuy nghĩa mấu nhiệm mà sự thì bày rõ, cũng lý sâu mầu mà chứng hiển hiện, từ gần có thể dùng để biết xa, tìm vết có thể để dò gần, thí như trời trăng treo giữa trời, không nhờ mắt của Ly Châu, khua ở tai chẳng nhọc nghe của Tử Kỳ. Mà bàn nghị là tự mê đường khó hiểu, nếu theo chỗ nghĩ nhớ, ngồi điên hố hầm, cúi xem lệnh của hoàng thượng, lý diệu lìa nhục, rốt cùng móc sâu, rất vắng lặng mà lại xiển bày mở đường mê để

trở lại sáng, tuy là các thánh đều đủ các kinh liền sâu kín. Miệng vàng từ Linh Sơn, lưỡi ngọc tỏa nước thiền, chẳng thể nào bỏ đây để cầu thông, trái đây mà được chánh tín! Tháo sóng vẩn đục của Giang Hán để tẩy rửa, dẫn dức đều lễ trở lại phong tục, pháp tục gồm thông, ở đó là đâu? Nhờ mượn lời bày mới hết thuật tán.

Đệ tử Tư Mã Cảnh kính trình.

- Trái Thừa Khâu Trọng Phu đáp.

Cúi xem sắc chỉ đáp hạ thần xét luận Thần Diệt, thánh chiếu vực sâu, bao gồm chân tục, Lý vượt ngoài hệ thuộc nghĩa trùm các nhận biết. Toản phụng thần du, cúi sâu múa nhảy, ân bày còn cuộn.

Khâu Trọng Phu kính bạch.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 11

- Hà lệnh thượng chi đáp việc Tống Văn Hoàng Đế khen ngợi Phật giáo.
- Hai pháp sư Cao và Minh đáp việc lý Giao Châu Miểu cật nạn Phật chẳng thấy hình (và thư của Lý)
- Tư Đồ Văn Tuyên Vương gửi thư cho Khổng Trung Thừa Trĩ Khuê giải thích nghi hoặc (và tiên thư)
- Hằng Công và Tiêu Công trả lời thư của Diêu chúa xúi giục bỏ đạo. (và thư)
- Tăng Khế, Tăng Thiên, Cưu-Ma đáp lời tâu của Diêu chúa.(và thư)
- Pháp sư Tuệ Viễn đáp thư Hằng Huyền khuyên bỏ đạo.
- Thích Tăng Nham trả lời thư của Lưu Thanh Châu khuyên hoàn tục.

****

HÀ LỆNH THƯỢNG CHI ĐÁP VỀ VIỆC TỐNG VĂN HOÀNG ĐẾ KHEN NGỢI PHẬT GIÁO

Ngày mồng năm tháng năm niên hiệu Nguyên Gia thứ mười hai, Phải Ty tấu Đan Dương Duẫn Tiêu Mô dâng lời nói Phật hóa trùm khắp nơi trong nước đã trải qua bốn đời, chùa tháp hình tượng hiện có đến hàng ngàn, tiến thì có thể để buộc tâm, lùi đủ để vời khuyên, mà tự khi làm khuynh về đời sau tình kính ngọn nổi, chẳng lấy tinh thành làm chí, lại lấy xa xỉ đua tranh làm trọng, nhà cũ đổ nát chẳng hề tu sửa mà đều tạo dựng mới mẻ khoe chuộng, trải đất bày ở đây gần hết, rừng trúc đồng vẻ không gì chẳng tổn hoại vô cực, trái trung vượt chế, nên thêm xét cắt, chẳng vì đó phòng ngại hạng theo chưa thôi. Xin từ nay về sau, nếu muốn đúc tượng đồng đều đến đài tự nghe, xây dựng chùa tháp, tinh xá đều đến chỗ tại hai ngàn thạch, thông phát gốc ngọn, y sự bày

nói ở Bản Châu, đều phải báo chấp thuận, sau mới thi công. Như có đúc đồng tạo chùa nhà, đều phải vâng theo chiếu thư. Luật luận đồng nhà gỗ ngói đều mất, sung vào của quan. tấu như vậy.

Bấy giờ, có Sa-môn Tuệ Lâm giả mặc tăng thứ mà hủy pháp, soạn luận Bạch Hắc. Thái Thú Hành Dương là Hà Thừa Thiên cùng Tuệ Lâm so sánh hơn kém, cùng nhau kích dương, soạn luận Đạt Tánh, đều buộc kẹt một phương, chê trách Thích giáo. Vào niêu hiệu Vĩnh Ga, Thái Thú Nhan Diên Chi, Thái tử Trung Xá Nhân Tông Bính là ngườin tin pháp xét hai luận đều có hơn vạn lời. Tuệ Lâm, v.v... lúc đầu cũng qua lại nhưng chưa đến chỗ triệt để, rồi thôi. Tông Bính do đó soạn luận Phật để nói rộng tông, Đế ngợi khen mà bảo với Hà Thượng Chi rằng: Ta thuở nhỏ chẳng đọc kinh, lại không rãnh rỗi, với nhân quả ba đời chưa được hiểu rõ, mà lại chẳng dám lập dị; vì những bậc tiền đạt cho đến các ông đều là những bậc tài giỏi ở đương thời mà đều kính tin. Phạm Thái, Tạ Linh Vận v.v... từng nói: Văn điển sáu kinh vốn ở cứu tục làm trị, hẳn cầu chân áo tánh linh đâu được chẳng dùng kinh Phật làm chỉ nam ư? Chiết đạt tánh của Nhan Diên Niên, cật nạn Bạch Hắc của Tông Thiếu Văn, nói về Phật vời vợi rất là Danh lý, đều đủ mở giúp ý người. Nếu khiến khách khắp nơi đều thuần hóa đây, thì ta ngồi yên đến thái bình! Lại vì việc gì mà gần đây Tiêu Mô xin chế chưa toàn khiến kinh thông tức đã cùng bày, ủy khanh thêm tổn, hẳn có dùng thử qua, phù dâm không thương tổn giúp đó mới đáng trước lệnh. thượng Chi đáp rằng: Hạng người lo lắng phần nhiều chẳng tin pháp. Vì tôi ngu tệ riêng nắm đối đáp, sợ vì khuyết bạc chuốc dơ đại giáo, nay mới lại đội ân khen phủi, chẳng phải chỗ dám cáng đán, còn các bậc hiền đời trước thì chẳng phụ lòng minh chiếu, từ trung triều đã xa, khó lại biết hết, từ vượt sông trở lại, thì vương đạo Chu Khải là lộng mũ của tể phụ, Vương mông tạ thượng là vũ nghi của nhân luân, Khích Siêu, Vương Thản, Vương cung, Vương Mật, hoặc gọi là tuyệt luân, hoặc xưng là riêng bước, khí tốt tình trinh lại là bên ngoài vật. Quách Văn, Tạ Phu, Đái Quỳ, v.v... đều dùng thanh thức làm mẫu mực cho đời. Vương Nguyên Lâm côn Quý, dùng tài hoa trùm triều, ngoài ra còn như Phạm Uông, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải, lược mấy mươi vị, không ai chẳng là bậc tài giỏi của thế thời. Lại, chỗ nêu của Tông Bính thì các Sa-môn v.v... như Bạch Đàm Thúy v.v... là đó. Chỗ cùng tỷđối thì Duy Nguyên Quy, từ Thúy trở lên thì có như Hộ Công, Lan Công, v.v... đều sắp vết Á trong hoàng, hoặc là người chẳng lường, các hàng đạo tục ở đời gần đây so sánh, bàm nói bèn vậy, nếu phải nêu đầy đủ

Di Hạ bèn đợi Hán Ngụy. Kỳ tài đức lạ làm sao có thể nói hơn, sao phải không yểu tánh linh, chịu bỏ thiên thuộc, chìm đắm lầm hoặc ở thuyết huyễn vọng, tự vùi lấp nơi hóa của không trừng ư? Bệ hạ, ân suốt ngoài cơ, lự cao ngoài tượng, móc sâu thấu xa, không dung lấy gần, ở đây từ bề tôi, v.v... trở xuống nếu kính cẩn suy lệ đây, thì các bậc thanh tín không thiếu ở thời nay, cái gọi là người có khả năng mở mang đạo, há là lời luống dối ư? Pháp sư Tuệ Viễn có nói: Tự giáo hóa của họ Thích không chỗ nào chẳng thể đến. Đạo nhân từ nguồn giáo, giúp tục cũng là việc cần yếu, thế chủ nếu năng cắt lấy luống dối đó, giúp nghiệm thật đó, cùng chính của hoàng đều hành khắp bốn biển, u hiển hợp lực, cùng đôn đóc lê thứ, đâu thành khương văn cảnh riêng có đáng lạ không? Khiến lúc đầu của Chu Hán lại gồm hóa đây, tố tụng làm hình thanh gấp bội, phải nhanh chóng vậy, trộm nghĩ rằng: Thuyết này có khế lý mầu. Vì sao? Làng có trăm nhà mà trong đó có mười người giữ năm giới thì mười người thuần cẩn. Ấp có ngàn nhà mà trăm người tu mười điều thiện, thì trăm người hòa hậu. Truyền phong huấn này cho khắp trong nước, biên hộ ngàn muôn, thì người nhân từ trăm vạn. Đây là nêu toàn cụ của giới thiện. Nếu giữ một giới một thiện, đều tính làm số là ép đem mười có vai ba. Thực hành được một điều thiện thì bỏ một điều ác, một điều ác đã bỏ thì dứt một hình phạt, một hình phạt dứt ở một nhà thì vạn hình phạt dứt ở mặt nước, bốn trăm ngục tù, đâu đáng khó bỏ. Nhã tụng đó cùng lý nên nhanh gấp bội, tức ở dưới thềm cái gọi là ngồi yên đến thái bình. Luận Lý thì như thế nêu việc thì bề tôi lại nói, trước sử gọi là Tây Vực, phong tục đều thờ Phật, kinh pháp, nên chúng của nước lớn có hàng muôn, nước nhỏ có hàng trăm, mà chẳng cùng kiêm đều sau của nội thuộc, tập tục rất tệ, còn lắm thuần nhược, ít thực hành đánh giết. Lại, từ Ngũ Hồ loạn hoa trở lại, sinh dân đồ thán, chết chóc ngang trái, oan uồng chẳng kể tính kể số đó. Trong đó nếu được sống lại, đều là nhờ ở Thích giáo, nên Phật-đồ-trừng vào đất Nghiệp, mà thạch hổ giết hại giảm một nửa, tháp báu diêu trì tỏa ánh sáng mà Phù Kiên cưa đứt Mông Tốn, trái lại cắn xé kẻ vô thân, ngổ ngược như lang hổ, mạt tiết cảm ngộ bèn thành người thiện, đạo nhân pháp Dãi sức mạnh bằng muôn người, có loạn sông vị mặt trói chịu chết để đến sư ách, vì đây chẳng phải có người khác kính tin.

Thần đạo giúp giáo có khi tự đến, chỗ sấm sét đánh, nắng mưa việc thường, và bày miếu gặp thần, mà thư làm ẩn núp, triều của Kiệt Trụ, chết oan chẳng thể tính kể, mà Chu Tuyên Tấn Cảnh riêng được hình sâu nhận sùng, xem xét số báo ứng đã có chẳng phù hợp, nêu lệ

xưa nay, chỉ lại thêm lầm hoặc, mà kinh sử ghi chếp, đó dùng để bày khuyên răn, muôn một ảnh tượng còn nói thâm thiết, đâu như Phật giáo tránh ngôn nghĩa thì có thể, đáng tin đến rốt cùng. Khảo sự thật lại không rồi trái lỗi đã vọng. Vả lại, chỗ đại sĩ quán giáng nghiệm gần đều tức bày thân, mọi người ở đời mắt đều trông thấy. Nhà nhà cầu nguyện sự đó tiếp nhau, cho nên làm khuyên răn, cho nên làm thâm thiết, đâu đáng cùng kia đồng ngày mà bàn nói ư? Mà hạng ngu đối cẩu thả bèn hủy báng, bèn chết lớp nhẹ, kẹt tiểu mê đại, giận bặt dưỡng tốt của tăng ni, ghét đỏ tía của tháp tượng, đây như đức của sinh dân mang đội che chở, nhật dụng mà chẳng luận, sử ty khổ nhọc bởi chôn giấu, có thời mà chê mạn, Tuệ Lâm nương trời che cũng thế! Tiêu Mô Khải chế, bề tôi cũng chẳng cho là toàn quấy, chỉ thương khoét đạo tục, rất quan trọng là ở tăng ni không hạnh mà tình mạo khó phân, chưa thể khinh bỏ vàng đồng gỗ đất, tuy tốn phí đây nhiều nhưng hẳn là chỗ phước nghiệp gửi gắm lại khó chóng dứt. Bề tôi sánh nghĩ làm châm chước tiến lùi khó an, ngày nay kính thờ đức âm, thật dụng rộng lớn.

Bấy giờ, Lại Bộ Lang Dương Huyền Bảo đang ngồi, bèn đứng dậy tâu: Ở đây nói lúc che khắp trời người, đâu phải chỗ bề tôi nên dự, trộm nghĩ sợ vâng phụng chỗ luận thuật của binh mạnh, Tôn Ngô hết kế của thôn tính, gần như không lấy ở đây ư? Đế báo đây không phải công cụ của chiến quốc, vì như khanh nói: Thượng Chi nói lễ ẩn dật thì chiến sĩ biếng lười, quý nhân đức thì binh khí suy, nếu dùng Tôn Ngô làm chí mà ở gặm nuốt thì cũng không lấy đạo của Nghiêu Thuấn, đâu chỉ Thích giáo mà thôi. Đế vui vẻ bảo: Thích môn có khanh cũng như họ Khổng có Quý Lộ, cái gọi là lời xấu ác chẳng để vào tai!

HAI PHÁP SƯ CAO VÀ MINH ĐÁP SỰ LÝ GIAO CHÂU MIỂU CẬT NẠN PHẬT CHẲNG THẤY HÌNH (VÀ THƯ CỦA LÝ)

Đạo ở Thanh hư, bốn đại thường lý, mà có pháp môn khéo ra các vực, nếu gọi là xảo năng thì lợi vật độ thoát vô lượng làm giáo, cớ sao chẳng thấy chân hình ở đời, chân không thuyết mà không có thật ư? Nay Chánh tìm cội nguồn ở phương Tây, cúi xin đại Hòa-thượng dũ lòng doãn nạp. Hạ tâm không tiếc thần cáo.

Đệ tử là Lý miểu kính lễ.

Thích Đạo Cao bạch: Vâng hỏi cho đến vết tích của chí thánh hiển ẩn, lý vị sâu rộng, từ nghĩa chiếu tẩy, kính xem trở lại càng cao đức âm, khiến quân tường thành cao sâu, được cửa tự khó, tạm dốc hết ống ngu, võng tượng Huyền Châu. Như lai ứng vật là gồm có ba: Một là thấy

thân phóng quang động địa; hai là chánh pháp như Phật tại thế; ba là tượng giáo phản phất, nghi quỹ phảng phất, nghi quỹ ứng kim nhân tình, nhân tình cảm tượng, ai là thấy ư? Nên kinh Tịnh Danh nói: Khéo giải pháp tướng, biết căn chúng sinh. Đến như rảo đầu cuối thành, ba hội Long Hoa, nhân tình cảm thấy, ai làm ẩn ư? Nên kinh Pháp Hoa chép: Lúc ta và chúng tăng đều ra khỏi núi Linh Thứu, cung của Hoài Khư quẩn bách có thể mong, mà cội nguồn ở phương Tây vì sao chẳng thấy, mà nghi ngờ của đời phần nhiều cho là: Kinh nói chẳng phù hợp, tối cậy tình ít đều vì chẳng thấy sinh kẹt. Ba Hoàng năm đế, ba Đại, năm Bá, Cơ Đán, Khổng Khâu, san thi chế lễ, đều nghe sử tịch, ai thấy đó ư? Họ Thích đánh trống pháp ở vườn Nai, Phu Tử tỏa đức âm ở Trâu Lỗ, đều là chỗ mắt tai chẳng đến được, đều tin đó ở thư khế, nếu chẳng tin kia, chẳng hoạn nghi đây, đã năng rõ kia. Sao lại riêng dính mắc đây? Khiến quân thánh nghĩ sâu xa, soi suốt ba đời, nguyện tìm giáo của thọ lượng chưa tận, gần lấy vết của Định Quang Nho đồng, giữa suy tập của Đại Thông Trí Trấng để giải thích u trệ của mọi người, như vạch đêm dày ở thái dương, bần đạo lời cạn từ vụng, nói chẳng bày tâm, mong vâng ngày của thấy, đáng nơi luận nạn bày đó, kính bạch!

Lý Miểu kính lễ, toàn tỉnh Nhã Luận, vị thứ phân riêng từ huống xung mỹ, mừng gặp rất nhiều. Cái gọi là cảm hóa khác thời, tượng chánh khác tục, vin dẫn ngoài để rõ soi trong, nêu văn để xét thật, kính phạm hướng lại, không có gián cách, nhưng lý do được ngộ, là nhờ soi xét. Tối cậy sinh nghi, nghi chẳng phải ngộ gốc, như chỗ thứ khế còn khác đời đồng giải, sau của muôn đời có thể chẳng đợi thánh mà bắt chước. Nếu là vết tiếng đều nhờ ngôn tượng giúp nhau, đại nghĩa đã trái, Nho Mặc tranh nhau khởi, há luống chánh tín, chẳng rõ sấp cũng báng nhầm thêm hấn, được không lấy chứng ở thấy ấn ký để tự chắc ư? Đại thánh dùng tuệ vô ngại, dũ lòng từ bất thỉnh, sao là keo lận sáng rành rành, tối khí của bội tìm ư? Dứt các mong ở sau Nê-hoàn, dấy tội cấu ở trước ba hội, sô cẩu rỗng bày, đó năng ngộ ư? Nghi tượng hư thiết, đó năng tin ư? Đến như đế vương cơ Khổng huấn chỉ đương thời, việc ở đời sau còn mà chẳng nói, nên đó ẩn thấy hưng quyền chẳng biện, nay khuôn nghiệp của Như lai cùng suốt ba đời, từ bi đượm khắp, chẳng được dùng thấy ở hạn định, các mê cầu giải chẳng thể dùng diệt tận đến cùng, là vì hóa độ chẳng chỉ ở thiện tịch, Phật sự khắp bày nơi muôn vàn. Hỏi nay gọi là Phật sự, nó ở đâu ư? Nếu như nhã huống chỗ tin ở đây, chỗ nghiệm ở kia, mà thánh chẳng ra đời, Khổng Thích khác đường, tức sự mà bàn nói không gì chẳng mâu thuẫn, điều đó có thể

nghiệm nhau không? Chưa thể điểm phế, tạm là ngụ ngôn, mong lại nghiên cứu rõ ràng, châm thấy thanh thích!

Thích Đạo Cao bạch: Lại vâng huấn sâu, nghĩa hoa ý xa, ba lần đọc, chín phen nghĩ mới phục rốt sâu. Biết chí lý chẳng phải thường gần năng lường. Vi ngôn áo từ, kẻ thô vụng chẳng thể tham dự. Nay kính cẩn đem thường cạn thô bày chỗ nghĩ tưởng. Muôn điều thiện làm giáo, đường đó chẳng phải một. Có thiền yên nơi rừng chằm, có tu đức bên cạnh thành, hoặc khom mình búng ngón tay, hoặc ca tụng nói vịnh, đều là chỗ mắt tai cùng rõ làm, cũng vô lượng. Đây là bến của được ngộ, do xưng của mờ xương tối cậy, đâu hẳn được ngộ ở nhân, soi xét đâu hẳn mờ tối nương cậy, đó thì sinh nghi, nghi cũng ngộ gốc, xin nói điều đó. Nghi thì cầu giải, giải thì năng ngộ, ngộ thì vào đạo, chẳng phải gốc thì sao? Tuy Nho Mặc đó giành hưng khởi. Phải quấy của chín dòng, mới là chẳng tắt của lửa đuốc, chẳng phải mặt trời chẳng sáng, sao gấp ở bày hiện mà hối thúc ở đồng về? Nay chẳng đồng cuối tục không chứng, xét dùng nêu thật, cũng chẳng sai nhầm Đại giáo, lận ánh sáng rõ ràng, mà nghi ngờ thế gian là quẩn, vì chẳng thấy hình, bèn mê dài ở mông lớn, hoạnh đắm chìm mà vùi sinh tử, nho xưa đến thời triết thô có thuyết cũ, đường không khác vết, tạm thuật lại mà chẳng sáng tác. Vong thân chí thành nếu có cảm, cảm thì đều thấy, chẳng cảm chẳng thấy. Đó có thấy là vì cáo chẳng thấy. Đó chẳng thấy là hội chẳng tin thấy. Bậc Thánh đâu từng chẳng ở sinh, đâu từng chẳng thấy ư? Nghe pháp âm mà xưng thiện, chó nhồi bông chẳng gọi là rỗng bày, thấy hình tượng mà cúi mình, linh nghi đâu là lập suông, Cơ Khổng cứu đời suy đổ mà chẳng đủ, nào rảnh bày vật để tương lai. Nếu Khâu Đan sinh gặp ở thất dây thì rõ ba đời mà chẳng thôi, hỏi: Nay Phật sự, nó ở đâu ư? Cúi đầu chấp tay không gì chẳng phải Phật sự, chỉ khiến ngộ sâu mới có khác đường đồng về. Chỗ sớ trước rộng nghi kia đây, tin là chánh, vì người đời chẳng thấy bèn cho là không Phật, nên thủ chẳng thấy, Chu Khổng làm thành tiêu chuẩn. Đây mới là khoanh tay mà theo nhau, đâu gọi là mâu thuẫn ư? Khiến chúng sinh biết không mượn tố khí thiện nhiên, ở chốn đại bảo, vận tư duy về Dĩnh thoát, lưu lãng vườn nghĩa, giẫm bước vườn nhả nạp rỗi thừa thong dong cả ngày, đức âm đã tuyên, không ai chẳng nghiêng tai lắngnghe, bần đạo học nghiệp thô cạn, càng thẹn phân biệt, dâng đáp nhầm lược, sợ bụi trần lấm vẻ, càng thêm sợ lo, đổ mồ hôi đẩm ướt, kính cẩn bạch.

Lý Miểu kính lễ! Nhã Luận nói bến được ngo, sao tự nghi được tối cậy có thừa không chấp soi xét, cúi mình tán tụng đều đủ đến đạo,

xem so sánh qua lại càng thấy sâu sắc, nhưng cáigọi là tượng pháp trái chánh, cầu ngộ lý thô. Mượn thuyên hội ý không nhờ bày thấy, đây hẳn Cơ Khổng sở dĩ bày răn. Huy quang sở dĩ duỗi bày, biểu tắc lấy đó, thế Điển tốt đẹp sao đủ. Phát ra ánh sáng động đất là luống uổng ư? Nếu chánh tin chẳng dừng ở cúi ngước, mà Phật sự đủ khắp ở hình thanh. Sở do đại giác diệu sắc đó, giẫm cầu đó, có thể nền tảng đó đầu tiên, nên biết tin là hẳn Nho Mặc khiến nghi ngờ, người học do không chứng tự hối, lận sáng không lỗi với ba năm, ngầm cảnh đạo đức có lỗi với mười hiệu, há chẳng vậy ư? Lại, cái gọi là Cơ Khổng cứu giúp đời suy đổ, không rảnh đời sau. Nếu ở buộc dây, ba đời tự rõ, cũng lại chẳng vậy. Chỗ bảy kinh nói nghĩa gần cả vị lai, thích điển phô tráii sự chánh duyên báo, nên Dịch nói: Làm điều thiện thì có an vui, làm ác thì có ương họa. Kinh chép: Không ta không tạo tác, không nhận chịu, nghiệp thiện ác cũng chẳng mất. Đây là duyên giáo thường hoản, gồm huấn đã mở mang, đâu gọi là chỗ chuyện ở đây, chỗ thiếu ở kia ư? Luận này tuy tốt đẹp, nên thuyết của tự tuần hoàn. Mong lại quấy mới diễn khác, để rửa sạch dính mắc xưa nay, khiến đường rộng thênh thang, chứa ngại rất thông. Rất mong đại hòa-thượng duỗi nhận tin thật.

Đệ tử Lý Miểu kính trình.

***

Giải thích pháp rõ ràng, luận lớn ban giáng, kính xem nhiều ngày, thơm như u lan, trong như gió tuệ, bần đạo khí chẳng phải sương đĩnh, vận chẳng phải bào sinh, động trái khoảng lý, riêng múa nghi sợ. Vì từ vụng ý kẹt, mổ khó sao bày, ngu gọi là nị ám cậy kỳ lạ, soi xét bày thấy, khom mình ca tán cảm động linh biến, đều là bến cầu của đến đạo. Hội tốt của thanh thăng, nên hẳn cậy xét nêu vài điều nghi nghiệm hai hàng, đâu được bãi dứt bày thấy chóng rò rỉ thần thái, bằng khuôn phép Cơ Khổng đồng mẫu mực thế huấn, phát ra ánh sáng động đất luống là nói rỗng. Pháp thân bất động, diệu sắc vắng lặng, nên năng ẩn hiện thuận thời, hành tàng chẳng lường. Hiển thì nương như mà đến, ẩn thì khéo qua mà đi, tức lời cầu ý chỉ sao mắc lỗi với mười hiệu ư? Ngoài ra chỗ ánh sáng đủ ngời ở cuối tục. Tin là đầu vì đóm đuốc thêm nghi, chánh hướng sáng sớm hắc bạch sánh vai. Tháp tượng kinh sách càng đầy khắp thế giới. Người học đâu vì không chứng tự hối, lại dẫn nghĩa của bảy kinh gồm cả vị lai, làm thiện thì có an vui, làm ác thì có ương họa, tuy thường sinh diệt giao tay thay rụng, nghiệp thiện ác, chẳng thể chẳng chịu, đây là quá rõ ba đời, càng sáng suốt bảy kinh, nêu bút xét thật thì nghe mạng. Luận trước nói: Đế vương Cơ Khổng Huấn chỉ

đương thời, việc đời sau còn mà chẳng luận. Nên có ẩn thấy phế hưng quyền thật chẳng nói, dường như mâu thuẫn nghĩa sắp an cậy. Ngay nhân chẳng nhượng, cúi nghe sâu sắc, sớ trước thô thuật, chí thánh nổi chìm, mà nghĩa quẩn chưa chiếu, từ huấn chưa hết, kính cẩn lại nghiên cứu rõ ràng cùng mở mang chí đạo. Chúng sinh ngủ lâu dài nơi ba cõi, các thức mãi mê tối ở sáu trần, tiến dời làm chủ của gặm nuốt, nối tiếp làm vòng xoay chuyển, hình sung quán nghịch lữ, thần đang khách của quá nghĩ. Qua lại ba đường ác khổ sở kinh lìa tám nạn mà chua cay, hoan lạc tạm vui, buồn sợ nhiều kiếp, một thân chết hoại lại thọ một thân, tuy thế trí biện thông, các sách đầy, bụng, trăm nhà liền triết rõ suốt, chín dòng hẳn đạt. Biết sống chết có mạng, giàu sang ở trời, quỷ thần chẳng quan trọng. Thánh triết chẳng thể can dự, chưa khỏi thấy lầm bởi mờ tình, nghi tợ vì can lự, cậy nghĩ ở vu tinh, chí thành đối với phù chú, chấp tà để mong chánh, còn ngụy để đợi chân, chậm xoay ở hai tâm, thùi thụt nơi hai lối. Phóng quang động đất có thể thấy ư? Sở dĩ huyền tịch lưu bố bày nơm đợi cơ. Cơ động thì cảm, cảm mà sau ứng. Tự có gá chí nhà Huyền, hạ tháo sâu đạt càng rõ, một đời như sương mai, nói chẳng luống dối của ba đời, buông dây nơi thuật thanh chân, kiễm khống ở đường tục ngụy. Gieo đức cày tà mà um tùm, dựng phước rưới chánh mà phù sơ, khổ tiết tranh thời ở tấc bóng. Khiết mình tranh qua nơi tang du, ôm thật bao hướng cảm mà bèn thông, há chẳng thân ngời ánh sáng mà thấy linh biến đó ư? Nếu chỗ tai mắt tự rõ, hoặc chỗ thấy của thông mộng. Như Hán Minh nhân mộng để cảm thánh, đại pháp từ đó mà dạo đến. Đế chúa chân thành mà quy đức, anh hào vén áo mà phục hóa, Sa-môn sánh vai với Vương Công, tăng ni thẳng mình nơi Thiên Tử, trong chín mươi sáu thứ ai là cao ư? Tống Hoàng Đế lúc mới lên ngôi, mộng thấy một đạo nhân ôm bát đến xin, nhân đó bảo rằng: Vua ở đời trước cúng Phật Duy-Vệ một bát cơm, nay được ngôi vị này, bèn sai người hỏi Nghiêm Công xem xét hư thật. Nghiêm Công liền trình lên kinh Thất Phật. Ngô chủ Tôn Quyền lúc đầu nghi Phật không ứng nghiệm, ngay dừng bãi bỏ xét bèn được Xá-lợi, ánh sáng soi chiếu trong cung, vàng sắt chẳng thể đập vỡ, khuôn lò chẳng thể nung đúc. Nay thấy chùa Kiến Sơ ở đế kinh. Ở quận Ngô có tượng Phật đá nổi trên mặt biển, Đạo sĩ, thầy đồng người theo có hàng trăm, phù chương cổ vũ, một chẳng thể động, áo đen năm sáu chiếc, vài ba thù trướng, mõng vậy phụng tiếp bèn cùng dất hơn, tức nay thấy ở chùa phía bắc quận Ngô Thuần thành đến nước, không ai chẳng hữu cảm. Chu Liên nhiều đời thờ Phật, do đó thấy hiệu nghiệm, Trí Quách Văn cử chỉ tôn sùng

Tam bảo, chánh tín vững sáng, tay mò hổ nghạch rất biết an nguy, điện Phật của Lan Công nghiêm tuyết với thú dữ, Hộ Công cảm suối khô mà chảy tràn, đều là cao hạnh vượt quần, thanh thần xa tục, đều có vết lạ, đời đều ghi chép, từ đây ra ngoài chẳng thể luận hơn. Bần đạo thuở bé biếng học đến lúc bạc đầu, hẹp hòi ít nghe. Rõ ở mình thật, lời thẳng từ chất phác chưa hẳn có thể lượm nhặt chẳng xứng đáng, cúi tìm thẹn sợ kính cẩn trình bạch.

Cứ sĩ Tông Bính ở Kinh Châu soạn luận Minh Phật, xưng Bá Ích thuật núi biển, người của Thân-độc gồm người mà mến người. Quách Phác ghi chú: Thân-độc tức Thiên-trúc, nơi Phù-đồ xuất phát (Phù-đồ tức là Phật đồ, lưu hướng có truyện liệt tiên thuật bảy mươi bốn vị tại kinh Phật nhòm ống của người học là ở đây, lại chẳng phải Hán Minh Đế mà đầu tiên. Đạo nhân Trừng công nhân thánh, ở đời Thạch Lặc, Thạch Hổ, bảo với Thạch Hổ rằng: Trong thành Lâm Truy có chùa A-dư Vương cổ vẫn còn hình tượng thừa lộ bàn, ở rừng sâu dưới cây lớn, sâu dưới đất hơn hai mươi trượng. Thạch Hổ sai sứ y theo Phật-đồ-trừng mà đào bới tìm kiếm, đều như lời nói mà được, chú Vua A-dục tức là vua A-dục, chú của Diêu Lược làm Tấn Vương ở Bồ Phản ở Hà Đông nên già, gọi là nơi chùa của A-Dục Vương thấy có ánh sáng, đục khoét tìm được cốt Phật bên trong hợp đá tráp bạc. Ánh sáng khác thường theo đường nghịch thấy nơi Bá Thượng, Tỳ-kheo nay thấy chùa mới, do đây mà xét, có Phật sự ở đất Tề Tấn đã lâu. Sở dĩ chẳng nói ở ba truyện là cũng còn ngàn báu, sử của Tộ Thạnh không lời xưng Phật diệu hóa thật rõ, có Tấn mà hưng thạnh ở Giang trái.

VĂN TUYÊN VƯƠNG GỬI THƯ TRUNG THỪA KHỔNG TRÍ KHUÊ GIẢI THÍCH NGHI HOẶC (VÀ TIÊN ĐÁP)

Xem thư vua đủ một hai, luôn lo phù ngôn đó ngăn ngại chánh đạo, kích liệt đó thương tổn thuần hòa cũng đã lâu. Mạnh Tử có nói: Quân Vương không ham trí, Quân Vương không có dũng khéo, Trí đó quá sinh nơi họa hoạn, chỗ vâng chánh đáng, nhân nghĩa làm gốc, nay nhân tu thích huấn, mới đầu thấy chỗ thực hành này phát thệ nghĩ thực hành muốn thấp cao đều tốt đẹp, vả lại lấy dụ giải thoát, chẳng được chẳng nhỏ còn mất, lớn đến ngoài hình, tự chẳng đáng nói, giáo chân tục rốt ráo đó chỉ là một. Thủ đó là chưa đạt, nên khởi lên đồng khác một cách ngang trái, vua nói: Chứa nghiệp gá tin bèn là ngôn hành cùng lỗi, đâu có kính thờ thân thích một hủy một kính mà nói là đại hiếu, trước đây chưa nghe. Hành của người có lòng nhân chẳng phải

tàn hại thêm tốt đẹp. Tiết tháo liêm khiết chẳng bởi nghèo trận thành đức. Như thế thì ba quy y năm giới cấm há một niệm mà có thể bỏ, mười thiện tám chánh sao mù tưởng mà đáng quý, chưa thấy khinh gốc mà năng trọng ngọn, cái gọi là gốc đã nghiêng thì sau cành lá nghiêng theo, nay nói hai đường lìa khác đâu được cùng thuận. Lời này nên lá thấy bàn nói của đó cạn gần. Vua chẳng thấy chỗ kinh luật nói rõ, vì sao nghiêng chí một phương, vùi lấp đường thông? Phu sĩ chưa hề lìa tục thi huấn, giáo của thế gian có thể dùng biết. Nếu nói pháp không thì thành dối vọng, lại thêm nghi ngờ, nên phải hủy diệt, y cứ tức nhân mà nói: Khuê môn hiếu để là liền làng tiếp xóm có được mấy người. Nay có thể được gì không nhiều kế tiếp các huấn cáo. Kinh sử châm răn đều hãy đốt bỏ, chẳng vua nay đợi nghi nơi nội giáo, cũng lại rất khác với đây ư? Sở dĩ quy tâm thắng pháp là chẳng vì ở ta nên quên vật. Nay ân cần khắc kỷ là chánh vì hạng của vua các ông. Muốn cùng nhau bỏ kiêu căng, trừ mạn ngạo, tiết tình dục, chế tham cầu, tu phước nhượng tập khiêm cung, phụng nhân nghĩa, thuần hiếu để dùng bác thí khóa, dùng phiếm ái rộng, dùng Anh Hiền để thưởng, dùng tuấn dị để nhổ, sao lại thẹn với quỷ thần ư? Chăm chăm răn gắng, rất tại ở đây. Tuy chưa thể vâng phụng, cũng ý chẳng quên, nay chưa có gieo của dạ quang, mà đè kiếm đã khởi, muốn đối nhau bằng đạo đức, sao chẳng lắm thẹn. Phải do chưa thấy tình đây nên thường tin mong tâm, ở lòng thì chẳng như vậy, thường khổ đó chẳng bằng, phủ Tư Đồ vốn năm giáo là khuyên mới cùng dốc hạnh đẹp đây để dẫn không tham muốn, khiến dối vọng, xiểm nịnh mong ngóng cửa mà tự mới, phù ngụy mông lung giẫm sân mà biết vết, đồng quán của tức tâm kia, bằng đài của không tham muốn này, cũng chẳng tốt lành ư? Một thì ngưỡng thuận thần cực từ của khắp trời. Hai là kính phụng thiện của Chử hoàng duỗi ái. Sớm tối kính sợ là chánh lo hoạn tâm này không Toại. Lời của lo lắng khéo tự nhiều mối. Đó nói: Nguyện điều thiện nên nói chưa biết trọng của thương hóa, thẳng khiến dối sự để trung hiếu, nịnh vui để nhân nghĩa. Hư bày để lễ nhường, giả cong để vuông thẳng, mới đến một ngày, khắc kỷ thiên hạ quy nhân, huống chi năng tuần sóc có thừa, chỗ mong quá vậy, vốn tự chỗ mở tâm nhận chánh, như thế nấn chẳng nhiều, như đó đây phiền chưa rộng, nên bỉ mộng rất bùi ngùi. Vua chính nên hiện can ngăn trái đó, mở phát chưa đạt, vì sao nói thương tổn hiếu vốn nói tổn hại nền tráing nghĩa, ở ấp có nghĩ nhớ chẳng phải điều mong mỏi. Nếu việc này có thể bỏ thì mừng nghe các điều thiện khác. Lại nói: Chưa hẳn khuyên người trì giới, phải khiến khéo do dưới phát, phải như thế

mà hoằng giáo là buông giúp phải bốn hung đổi, mà khải thánh ngu thuấn đợi thương quân hiền mà đức sáng, như thế mà tốt đẹp, điều đó có thể mong ư? Ý này của vua thì nên rộng có chỗ chiết, bèn đáng nói Nghiêu dùng kiệm của thềm đất, mừng sự rực rỡ của Ly cung, biếm Võ dùng xấu của cỏ tranh, tôn sùng chỗ quý của A Phòng, thẹn chánh dung của cấp ảm, vinh nhan sắc của Chúc-đà, ngoài ra tiết nghĩa trinh tín, đức của khiêm cung đều phải đổi đường mà trái mặt. Lại sao hành đó có thể tu? Hễ nghe ở lời, thì xét hành đó, nhìn ở hành thì cầu ở lý, nếu lý chẳng trái mà hành chẳng vượt là: Xin không tạo ở mối khác, vả lại khác đường đồng về, chưa hẳn quẩn bách một quán. Khoảnh cũng có nhiều với vua, ý này đồng nghĩa là nay gửi lời giấy này tình chẳng chuyên nhất là để tâm ở nghi vọng, vua nước khắp tuyên bày đó lược nói nghĩ nhớ, không thấy phảng phất vết bút dễ phiền, trọn chẳng tận ý, vừa thấy vua riêng lại giáo phó cả thảy.

Phàm dùng chẳng đồng của tâm người còn như dáng mạo đó, há cho phép một mà đồng trí đó ư? Soi sâm của có đợi đủ thấy trái lỗi của tình linh. Một được chí đó chẳng phải chỗ tận của nói bàn, một trái đường là đâu chỗ trái của du thuyết, thấy vua tuy là nói mặt mà gửi hết cũng không bằng chỗ này, vì cái thấy của mình và người đã khác, mong có thể đều giữ phương sai đó, chẳng phải không chấp phải quấy, khởi lên báng nghị một cách ngang trái, gá tâm vào tin là trước nhờ đều có chí này. Nay dùng bắt chước thiện đó làm vui, nên bỏ kiêu lăng để đợi vật, nếu vua dùng đắc vượt qua hiền thánh hơn tu ở trước, trí vượt các loại, địa vị cùng cực người quý là tự có thể tiêu dao ở ngoài thế gian, dùng đạo giáo hóa vật, cao chuộng nghĩ nhớ, không cầu tự đủ mà lùi phỏng trước, bởi sợ chưa thể huyền bặt không, nắm giữ hai đường, riêng khác thắng pháp, nếu lo lắng cùng mong vốn chẳng bằng nói, ý tại chẳng bạc vì là bày mong nhớ, gần mặt riêng một hai, gần tạm có giải thích nghị trệ này hai quyển, tưởng ở ngoài đã đáng thấy có, nay đưa đến cùng bày. Nếu đã xem là giao trả lại, mong không nhọc hình mắt, giả như chưa xem là vì có thể một trải ý, vốn chẳng mong người khác đổi chánh là tự giải thích nghi trệ. Vua thấy đó sẽ vỗ tay! Tiêu Tử Lương kính sớ.

Thư và đáp của Khổng Trĩ Khuê.

Trĩ Khuê Khải: Dân sớm thờ phụng Minh công, nhân của nâng phủi, rất đượm đại từ, huấn của hoằng dẫn, chỗ ân giúp xua tánh mạng đều hết, dám thấm gan tủy, xin chiếu thần khâm. Dân nhiều đời gia nghiệp nương thờ Lý Lão. Lấy xung tĩnh tâm, dùng biểu thối thành hạnh,

vết đạp vực thẳm của muôn điều thiện, thần mong nhà chí thuận. Dân ngưỡng vin khuôn phép trước tự dứt bụi thu mà chỗ tông tâm hướng về, còn chưa dám rơi đến nơi minh giáo của đấng Đại Giác, nguồn chánh Bát-nhã, dân bình sinh chỗ kính sùng lúc đầu chẳng chống trái. Thường suy tôn chí lý, chí lý thì về một, đặt đó ở cực tông, cực tông chẳng dung hai, tức ngưỡng bẩm huấn của Minh công, nương tiếp phong của Minh công, dùng chánh thừa đất dẫn, dùng thông giới dẫm. Khiến dân sáu dính mắc chóng dứt, năm tình vừa ló dạng, xoay tâm đảnh lễ chấp tay nguyện trì. Dân đều cung kính quy y sớm tự tịnh tín, trọng luật khinh điều vốn đã hợp một nửa. Sở dĩ chưa biến y bát cuộn hoàng lão là, thật vì môn nghiệp có gốc, chẳng nỡ một ngày chóng bỏ, tâm thế gian có nguồn, chẳng muốn trọn chầu hối theo. Đã vì hai đạo đồng một gốc, chẳng dám tiếc hồi hướng thật, nên nói xưng nghiệp thẳng trước chẳng nhẫn bỏ chí nhà. Há chẳng nghĩ vui mới rộng chăm chí nhất thừa, huống là ngưỡng nhờ Minh công đều lễ đạo đức thêm phải thờ tụng. Minh công thanh tín, chí chế tịnh trú ông rõ, muôn nhà sáng sâu, ức phẩm tuyên huyền. Nói tuy nguyện trái, tâm chẳng tỉnh say. Lại chưa lường diệu của minh công khéo dụ, một đến như thế, rộng theo lăng xăng, tinh huy chiếu sáng ra, muốn bãi bỏ còn chẳng được, muốn trái sao dùng khỏi hướng, mà xưa mà trước dân cố chẳng rõ, mà nay mà sau đây nói xin sự, ngu tâm của dân chánh chấp khuôn nhà, tình ở Thích lão chẳng dám khác đồng, mới đầu hòa đuổi tìm, nhà dân xưa từng rõ nghĩa kinh của một đồng, dùng đây răn dạy Trương Dung, Trương Dung bèn soạn luận Thông Nguyên. Nó tên Thiếu tử, điều Thiếu tử rõ, hội đồng đạo Phật dung đó, ngộ này ra khỏi nhà dân. Nhà dân đã vậy, dân lại nào ngại, mới đầu là chầm chậm chấp vết, nay tạm dùng tâm gồm kính, một chẳng không bỏ Hoàng Lão, một thì quy y Chánh giác, chẳng mong một mai chợt nhiên đại ngộ, chỗ ngộ dẫn nêu từ Minh công, chẳng hơn chí hớn hở, kính cẩn khải tấu.

Lại, sự dùng tấu rõ, lại trộm nghiền ngẫm đạo đó khác Phật, chỉ tại luận cực chưa tận. Đạo đó luận cực, cực ở chư thiên, Phật là kém đây, chẳng ra khỏi ba cõi. Đó thì tinh thô xa gần thật có thẹn với đại phương. Nhưng tìm Đạo gia, giáo đây chỉ bày cơ quyền, đó như ngoại điển Trọng Ni rất chỉ thiên địa che khởi chỗ trăm họ thấy hai nghi mà thôi. Giáo vốn do tâm, chấp hội muôn vật, dùng chỗ thấy đó thuận mà vâng theo. Phải chốn vâng đó đều cùng diệu vật, nên thác thược của Khổng Tử, Vô ngã của Duy-ma hợp đức trời đất, Dịch gia có thái cực, cho nên nhân sùng trời của vật bèn tôn sùng đó, dùng cực diệu mà chí

cực, trọn có đất sâu chắc liên can đến ngoài trời. Lão Tử cũng nói: Có vật hổn thành trước trời đất sinh, đã là đạo ở ngoài trời, hơi chẳng dùng trời làm đạo, nào khác nhà Phật La-hán cũng chí cực bốn quả mới đến, Thắng-man tự biết chốn phải dư, sùng thiên cực của đạo như Phật có quả La-hán, Phật chẳng hề dừng nơi La-hán. Đạo cũng chưa dứt ở trời. Giúp chỗ đạo của tin đạo nhất định chung nguồn với Phật đạo. Chỗ quy của tâm dân nay tạm quy một hướng của Minh công, đạo gia giới thiện, nên đồng với nhà. Hai xứ đồng, dân chẳng cẩu thả bỏ đạo pháp, chỗ khác của đạo tạm uyển tạm vào công Đại thừa, xin ở ngày nay chẳng dám là địa vị khác đồng, chí của phục ứng, kính cẩn khải dưới thật, cúi xin nhặt chưa hối tiếc đó, tin thật địa vị lúc đầu, lui tự hối tiếc mới đầu tự cung tự sợ, kính cẩn khải trình.

Lại, ngày hai mươi chín tháng mười một, Châu Dân Ngự Sử Trung thừa Khổng Trĩ Khuê Khải được bày đủ nghĩ nhớ rất đỗi vui mừng, lý vốn không hai, lấy bỏ nhiều đường tranh luận, v.v... chỗ thường xót xa. Chỉ ở lúc đầu thông đạo thì nên vậy, học mà người học chưa thể, vua chỉ rộng tìm các kinh, chẳng lo loạn dính mắc vết đó, sánh mặt riêng một hai.

Tiêu Công đáp rằng: Ông thư này rất hay, nên rộng bày cho những người chưa thấu đạt!

PHÁP SƯ ĐẠO HẰNG VÀ ĐẠO TIÊU ĐÁP THƯ CỦA NGỤY TẦN CHÚA DIÊU LƯỢC KHUYÊN BỎ ĐẠO (VÀ THƯ CỦA DIÊU CHÚA)

- Diêu chúa gửi thư cho Hằng Công và Tiêu Công.

Các khanh vui đạo thể nhàn phục ứng pháp môn, tháo nghĩa của Hạo Nhiên thật đáng vui mừng, chỉ trẫm đến bốn biển trị hẳn phải tài, mới muốn vời lại đầy đủ theo nơi núi rừng, tìm dính mắc ở đồ tứ. Huống chi các khanh chu toàn, chỗ trẫm trước biết, đều là khả năng lúc nắm cán mà ngầm chốn riêng thiện, đây đâu phải chỗ chí tình cầu hiền của trẫm, các khanh gồm hoằng thú sâu ư? Người xưa có nói: Nước có ngựa giỏi mà chẳng cưỡi, mới bàng hoàng mà lại cầu tìm, chính là nghĩa này. Nay ban sắc thượng thư lệnh hiển nhóm họp các khanh, tâm phước của Nhị thừa do khanh, dung thất của thanh danh ngầm heo thời lợi ích cho đời, há chẳng lớn sao? Giả sử tâm còn đạo vị, sao hệ thuộc hắc bạch, mong rõ lòng này, chẳng thể dùng giữ tiết làm từ!

- Thích Đạo Hằng và Đạo Tiêu đáp thư của Tần chúa.

Vâng phụng sắc chiếu đi từ ngày hai mươi tám tháng trước. Thượng

thư ra lệnh nhóm họp Đạo Hằng, Đạo Tiêu, v.v... chúng tôi pháp phục vâng mạng lo sợ, năm tình mất giữ, cúi ngưỡng thẹn sợ, không chốn tự để, Đạo Hằng v.v... chúng tôi thật tài chất tối ngắn, nhiễm pháp chưa lâu, chỗ còn đã nặng, cuộn cuốn cũng sâu, bèn được ưu chiếu khen sắc quá hay, mờ dụ khuyên lời lý đầy đủ đến cùng. Chỉ chỗ của tình sao thật ôm ấp không thôi, dưới của pháp phục, thề dốc thân mạng. Gồm thiếu tập Phật pháp, chưa nhàn thế sự, huống chi phát việc của chẳng thường, không hề có công khác lạ. Tuy có tên của nhổ năng, mà không có dụng của ích thời, chưa thấy bổ của mảy lông, gồm có tổn của núi non. Trộm nghĩ vì bệ hạ chẳng lấy. Quang Võ còn buộng tâm của Nghiêm Lăng, Ngụy Văn toàn tháo của Quản Minh, thiết nghĩ cao của Chí tôn, bèn nêu chí của thất phu. Tại giúp các phương không gì chẳng tự hết, huống chi bệ hạ dùng đạo ngự vật, gồm mở mang Tam bảo, khiến các hàng Nghĩa học khắp bốn phương đông đúc nơi kinh đô, kinh điển mới lạ lưu tỏa xa vời, hưng long đại pháp ở đây rất thạnh, mới mở mang hoằng hóa, giúp cho thêm sóng, nối tiếp di hưởng của Ký-hoàn, thổi phong thừa Linh Thứu, dựng khuôn phép của ngàn năm, làm bến đường của hậu sinh, mà thường bằng đều đâu thể riêng khuất đối với minh thời, chẳng được bày chí nguyện đó, cúi mong soi tinh nguyên nguyên, đặc biệt duỗi lý của mênh mông thông vật, lại ban minh chiếu, nghe bèn vi tâm, thì ngậm ân chín suối, cảm đức nhiều kiếp, chẳng hơn nối lo sợ, kính cẩn tấu trình để rõ.

- *Diêu Lược ban chiếu đến Hằng Công Tiêu Công.*

Xét điều tấu đủ ý, nay sở dĩ khuất phục nhau là, chỗ thời phải vậy, chẳng là cùng suy bản tâm để kịp nơi đây, phiền ân cần rộng tự liệu lý, tình thú của ta, tưởng các khanh dùng ở tố của thể, chẳng cầu phiền nói, bèn có thể vâng thừa thời mạng, gắng tiếp vết của Bồ-tát.

- *Thích Đạo Hằng và Đạo Tiêu lại đáp Tần chúa.*

Đạo hằng, v.v... chúng tôi gần đây tự bày ghi, mong ngộ thánh xem xét, lại vâng phụng minh chiếu, chẳng mong khen thứ, cúi đọc lo sợ, như không thần giữ, bệ hạ nhân hoằng chở che, khiến vật vui tánh đó, Đạo hằng, v.v... chúng tôi thuở nhỏ ít tập học pháp hóa, chỗ ngu tình ưa thích thề đem mạng bé nhỏ cùng pháp phục đều hết, mà quá ân duỗi và cuộn quên, bỉ lậu đó, khuyên mở mang đạo Bồ-tát gồm giúp nhưng chí lực có hạn, thật chẳng kham nổi, chẳng luống tuổi thừa, cẩu thả tự cầu khỏi, thẳng qua chỗ nghỉ còn riêng nghỉ hẳn giữ, cúi mong xét thứ, thật của một đi, chẳng trách lỗi của thiên chấp, đặc biệt ban ân chỉ, nghe toại vi tâm, từng kéo minh chiếu theo dùng sợ nghỉ chẳng thắng

chí của nguyên nguyên, kính cẩn lại tấu trình để rõ!

- Diêu Lược lại ban chiếu đến Hằng Công và Tiêu Công.

Được trình tấu lại, một hai đầy đủ. Tình sự đủ như chiếu trước, chỉ phải mở ý để theo thời mạng, không lại phiền với trịnh trọng!

- Thích Đạo Hằng và Đạo Tiêu lại đáp Tần chúa.

Đạo Hằng, v.v... chúng tôi chỗ ngu ý chấp, đủ như Văn Biểu trước, tinh thành nhỏ mỏng, chẳng thể cảm ngộ tâm thánh. Phiền được chiếu ban đến, chưa được từ thứ, cúi ngưỡng lo sợ, không còn tâm tình, bệ hạ đạo ôm rỗng nạp, dưỡng vật không ngằn, nguyện mở ân trời đất, được toại chí của một phần, thành thật của ngu giữ dốc mạng không tội, phân nhận lỗi trái chiếu, cam dẫn không giới hạn, luôn ngàn thánh nghe, đuổi tìm dùng sợ dứt, chẳng nhậm tình võng cực, kính cẩn tấu trình để tỏ rõ.

PHÁP SƯ TĂNG KHẾ TĂNG THIÊN, CƯU MA KỲ BÀ ĐÁP THƯ CỦA DIÊU CHÚA ĐÌNH CHỈ HẰNG TIÊU TẤU TRÌNH

Riêng có dùng mấy tuần, toàn có tư tưởng, tạm ấm so sánh tự thế nào, Tiểu Lỗ xa nêu lại không xử phân, chánh có rối ruột, sự lớn lao của muôn viec, phải tài để lý đó, gần đây chiếu cho Đạo Hằng, v.v... khiến cởi phục của La-hán, tìm vết của Bồ-tát, tưởng đang lạc hoàn. Đạo không đâu chẳng có, Pháp sư có thể khuyên tiến đó, dù cho phế tâm tìm đạo, cũng đâu hẳn phải vậy, đặt để ý Tăng Thiên thượng nhân riêng làm sao giống, chẳng xét Tăng khế thống lại thế nào, lắm việc chẳng thể một hai làm thư, Đạo Hằng, v.v... cũng đâu phiền, các thượng nhân khuyên đó khiến tu hạnh Bồ-tát.

- Diêu chúa gửi thư cho Tăng Thiên, v.v...

Xét điều sở dẫn, một vài đủ đó, trẫm lấy làm tốt lành của Độc thiện, chẳng như công của gồm giúp, tiết của tự giữ, chưa như lớn của cứu vật, tuy Tử Lăng Long bay liệng ở Quang Võ, Quân Bình hỏi bến nơi Thục Tứ, Chu Đán từ lộc ở Hán triều, Đỗ Vi xưng điếc ở Gia Cát, đây đều là những bậc riêng chuộng rõ ràng. Đâu đủ để mở yếu lãnh của nói nín, đường của cao thắng ư? Nay chín có chưa đến, dân đen đắng cay. Trẫm vì kém đức riêng phải chịu tệ đó. Nghĩ được các bậc anh tài cùng mở mang chí trị, Pháp sư, v.v... tuy ngầm tâm pháp môn, cũng tỳ thế tuyên giáo, dù chẳng thể dẫn vật hóa thời, khuyên người làm trị, mà xa tốt lành lìa đời như Hứa Do, gần cao tan tóc với tạ phu, như chín song ngang dòng, người đều làm cá, Pháp sư, v.v... tuy tỳ thế tuyên giáo, cũng đâu thi vi ư? Mà Đạo Hằng, v.v... phục ứng pháp huấn là lâu ngày. Nhưng tài dụng đó đủ thành chuyên, nên muốn uổng đoạt chí đó

để giúp mờ chính, nếu phước báo có nêu, Phật chẳng nói suông. Công của cứu đời bệnh gấp, huân của tế thế yên trị, sợ phước ở đây mà chẳng ở kia, có thể cùng răn dụ, chỗ mong của thời phó.

- Tăng Khế, Tăng Thiên, Pháp Phục, Pháp Chi, Cưu-ma-kỳ-bà v.v... tấu cầu chấm dứt việc bãi đạo của Đạo Hằng, Đạo tiêu.

Kính nghe: Thái thượng dùng đạo dưỡng dân, mà vật tự thứ lớp có đức mà thiên hạ trị. Vì vậy, minh vương thời xưa xét khó ngự của trái tánh, ngộ dễ nhân của nhậm vật, nên Nghiêu thả Hứa Do ở Ky Sơn. Lăng nhường buông trượng ở nước Ngụy, Cao tổ buông Tứ Hạo ở Chung Nam, Thúc Độ từ Bồ Luân vào đời Hán nước Tấn, Tái Đạt trùm áo ở huyện Diệm. Tạ Phu trải tóc ở Nhã Da. Bởi dùng tánh vừa hiền mà được hiền, nên trên có minh quân, dưới có Thúy Đái, phong của vượt dân duỗi răn ở nay. Nay Đạo Tiêu, Đạo Hằng, v.v... đức chẳng phải viên đạt, phân ở giữ tiết, vả lại thiếu thời học tập huyền hóa, phục ứng Phật đạo, thành thật của một đi, hẳn chí chẳng phải tịch, đến như phô diễn diệu điển nghiên cứu u vi, đủ để mở ngộ trẻ con, công đức giúp hóa, khiến vật nhận biết tội phước, thì có lợi ích cứu khổ, nếu Phật chẳng nói rỗng, Đạo Tiêu, v.v... có mở mang lời dạy ở Tỳ-da. Trộm nghĩ ngày gần đây bèn được ưu chiếu, khiến thích pháp phục sắp dắt Thúy Kiều ở trên hàn điều, tỏa phù cừ ở dưới trùng băng, đây thật bệ hạ nhân ái vui vẻ rộng ân của chẳng đời, nhưng Tăng Khế, v.v... chúng tôi trộm có ngu tâm, vì bệ hạ dất lưới của đạo đức để bủa sáu hợp, khôi phục lưới chín đức để trùm bốn biển, khiến gió huyền thổi trước ngàn năm, nhân nghĩa luyện sau của muôn đời, bên ngoài vũ trụ cảm thuần đức vì hóa rộng. Bên trong chín vực, bày bến huyền để tiêu dao, thất phu không có oán hang ngòi, Ly phụ không thán của Đình Vĩ. Đây thật sở dĩ duỗi hóa hải nội, sở dĩ ngưỡng nhờ, người ngu cho rằng Đạo Hằng, Đạo Tiêu tuy khư khư một giới giữ sở kiến làm tiểu dị, nhưng nên ở trong giềng lưới, tức là một trong đạo hóa của bệ hạ. Bề tôi xưa có giúp trị mười hai năm, chưa nghe cởi đoạt pháp y hình phục đời bàn nghị. Nếu ở đời có bổ ích thì trong ca sa cũng có hoằng ích, đâu đáng lại đoạt đạo và tục trái với tánh thích hợp. Xưa kia, Sào Do chống tiết, Nghiêu Hứa đều cao, bốn hạo chẳng giáng, trên dưới đồng tốt đẹp. Đây mới là một đạo của xưa nay, đồng phong của trăm đời. Vả lại đức chẳng phải Quân Trọng, chẳng đủ hoa hiên đường phụ, trí chẳng phải Khổng Minh, đâu đủ ba lượt trông lại Thảo Lư, xin bệ hạ thả ân đã qua, theo chí nhỏ đó khiến trên chẳng quá ân ban, dưới chẳng mất phần, thì hóa của Hoàng Đường do đây mà có, khách của Ky Dĩnh lại thấy ở ngày nay, Tăng Khế ,v.v...

thường gần dân ngu, nói thẳng sợ xúc phạm thiên oai, tìm dùng sợ dứt, Tăng Khế ,v.v... kính tấu.

PHÁP SƯ TUỆ VIỄN Ở LÔ SƠN ĐÁP THƯ CỦA HOÀN HUYỀN KHUYÊN BÃI ĐẠO (VÀ THƯ CỦA HOÀN HUYỀN)

- Thư của Hoàn Huyền.

Chí đạo dài xa, lý Phật sâu nhiệm, đâu là chỗ hạng thường lo lắng có thể tập cầu, Sa-môn dứt bỏ tình của sáu thân, hủy bỏ hình hài, miệng dứt vị đượm, áo hạt mang đeo, gá rừng gối đá, trọn trái việc đời, trong trăm đời ngõ hầu hoặc một khoảng của phảng phất. Đạo sĩ đời nay, tuy ngoài hủy nghi dung, tâm hơn người tục chỗ bàn nói ở giữa đạo tục, có thể gọi là học bước Hàm Đan, lăn lóc mà về, các bậc tiên thánh có nói: Không biết sinh làm sao biết chết, mà khiến trong một đời khốn khổ hình thần, mới cầu suối vàng xuống phước, đều là nhìn qua ống chưa thể nhận đại hóa, mê mà biết trở lại, cách đạo chẳng xa, có thể chẳng ba lượt tư duy, vận chẳng ở người, chợt bỗng sắp chết, có thể còn đuổi tìm ư? Tạm ban tặng chí ngôn, mong có thể nạp nhận!

- Pháp sư Tuệ Viễn đáp.

Đại đạo cao xa, lý đó sâu mầu, ngậm cao chỉ đây thật Như lai bàn nói, nhưng bần đạo xuất gia thật là khách của phương ngoài, tuy chưa giẫm đức của hiền xưa, lấy chí của một đi, dứt bỏ tô điểm, trang sức, bỏ danh cầu thật, nếu khiến u inh có uổng, nên phải chẳng tạ người tục, bên ngoài dường như bất tận, bên trong như cất vàng, có thể gọi là thấy hình chẳng kịp đạo. Buồn thay! Buồn thay! Kẹt đòi gối đá, đẹp mà chẳng thật, người nhìn qua ống chẳng đủ đẹp. Tuy là dưỡng tố núi rừng, nào khác cây gỗ? Phàm đạo tại tấc vuông, mượn luyện hình làm chân, biện hòa kêu thương ở Kinh Sơn, vì lo hoạn người chẳng khác. Xưa nghe danh, nay thấy người, nên Trang Chu buồn thương, nhân sinh giữa khoảng đất trời, như qua lỗ hổng của chó trắng, lấy đây mà tìm ai được dừng lâu? Đâu thể chẳng vì làm khách tương lai. Nói học bước Hàm Đan: Mới thì không công mất bản của công, nên khiến người Hàm lăn lóc mà về, trong trăm đời có một lần này, đâu hỗn đồng để thông đó, bần đạo đã trái việc đời, hình tạm ở lưu tục, muốn ở trong đó, giáo hóa người chưa giáo hóa, tuy là tắm gội cứ ngạo v.v... sao nghi kết vậy? Sự vinh hoa trong một đời nhanh như điện chớp, tụ thì đến lìa, đâu đáng tham ư? Hạng người thấy cạn mê hoặc, có thể gọi là Hạ sĩ, nghe đạo lớn mà cười, thật đáng gọi là mê mà chẳng trở lại, bần đạo hình chẳng vượt ngoài con người, tài chẳng ứng thế, cho nên hủy chất bỉ lậu đó, đắp mặc

pháp phục cắt rọc, lý chưa thể tâm ngầm huyền hóa, xa còn chế của đại Thánh, đâu bỏ bản hoài đó mà đáp cao huấn, bần đạo tuổi và thời suy đồi, chỗ hoạn nạn chưa lành, mới lại co duỗi quan ủy, cảm mừng giáo đến. Đàn Việt tín tâm sâu xa đáng chỗ đại pháp cậy gửi, đâu có một thương hủy gốc đó, e chẳng phải ngôn từ của ba tuần thử nhiễu, vụng ít nghe mới đáp cao mạng, bởi là ôm ấp của chẳng nghịch!

PHÁP SƯ TĂNG NHAM TỪ THƯ CỦA THỨ SỬ LÀ THANH CHÂU LƯU THIỆN MINH NÊU TÚ TÀI (VÀ ĐÁP CỦA LƯU THIỆN MINH

Bần đạo xuất gia từ nhỏ, sớm trái việc đời, tâm thích da phong, chỉ trái Khổng giáo, tuy là đạo tràng chưa tức cũ, cũng thù huấn dài xa, mới sắp bỏ thân cho thú đói, ngõ hầu vượt công phu trong chín kiếp, rạch da mớm chim, tình còn ngự của cưỡi mây, sao có thể duỗi phụ trong ruộng trái vết chậu lồng, bỏ vừa phải của giữa đường, buộc lụy của miếu đường này ư? Vả lại, vị quan nhân dùng khí vị thì phải tài, chưa có việc vượt phần, trọn có thể gìn giữ vinh đó. Nay tạm vâng phụng trở lại bản mạng, mong nhận quá ân, không khiến Tào Công lại than, Vương Chu lại thẹn. Đá của phụ tú chẳng phải chỗ kham khắp, Thích Tăng Nham kính trình.

- Tề Lưu Công đáp thư Pháp sư Tăng Nham.

Trang thiện có nhầm của nhược táng, Thích điển có mê của cùng tử, mỗi lúc đọc sách vì đó mà bùi ngùi, kính thận da tóc bày danh sử sau, ngưỡng bày đã trọng, cúi hoằng là lớn, xa tìm thánh ngôn giáo đó là trên hết gần láy nơi thân thật mê tình lý. Cù-đàm thấy đây cũng phải chẳng nghịch ở tâm, huống chi quân biện phá mảy lông nhận biết suốt xưa nay, xé mũ chẳng nghi, nhổ gốc chẳng ngộ, u minh cũng hãi, xa gần khiến kinh. Xưa, Lã Thượng ân cần ở tuổi tám mươi, chí câu do thời chưa gặp vua, đấm chìm chưa kịp mong có thể có tốt đẹp như người, như đó chẳng vậy, há chẳng buồn ư? Tớ nhục ly tử đông đúc tại minh, nghiêng nhìn cống đế đình hẳn tận tài ý, nên muốn thông chỗ chưa thông, khuất phục chỗ chưa khuất phục, Như lai cáo lăng xăng, có trái với chân xướng, nếu là dối nói, thì đâu có chỗ mong ư? Xưa, Vương Tường nhặt củi bên cạnh Sông Nghi, đến tuổi thuận tai mới ứng châu mạng, Công Tôn Hoằng chăn heo trên biển, đến bạc đầu mới sung hương cử, trọn năng đặt để vị nguyên đài, chầu trời khắp đất, Đạo Sướng đang tuổi tiếng tăm lưu tỏa muôn năm. Ý ông thế nào? Kính bày tim lòng tưởng lại mưu tính, Lưu Quân tự đáp.

- Pháp sư Tăng Nham lại đáp.

Rối nhục lại răn, ưu chỉ vẫn ban, nêu trang viện Thích Lý cứ Hạo Nhiên, hạng muốn phục nghĩa biện tình cuối nguyên do cũng xong, tuy nghĩa cao vượt ngoài tượng, vi ngôn vào thần chỗ hẹp ôm chấp còn hoặc có thể hiểu, vì sao? Vì biết người là Triết, tự xét là Minh, quên phần mờ tiến bởi chỗ chưa an. Xưa kia oai trực ứng mạng, trọn được thẹn của giảm danh, tuân tổ sính tài năng rốt cùng hổ thẹn của Dương Hộc, nếu để lại ta muốn bắt chước kia, tìm vết Vương Lã sợ phơi bến cá rồng, chấm trán là nhiều, khí cùng trộm đồng tội, nêu mất tài đó, cũng khách chủ cùng bỉ lậu, có thể chẳng thận trọng ư? Lại nữa, Lễ chép: Chẳng phải chỉ ngọc bạch là hiếu ư? Đâu chỉ gìn giữ da, nên xẻo da không chê cười đời trước, cắt tóc có thêm ở thời xưa, tư hạp chặt tay toàn thân, chỗ còn là lớn, sao quái lạ ư? Mong chuộc ngu chấp, ban toại lậu khâm. Thích Tăng Nham kính trình.

- Lại đáp Pháp sư Tăng Nham.

Lại được thư đến, lúc đầu thấy ngộ của huyền giải rõ ràng, có thể gọi là cùng xem mà cười. Ông nhận biết soi xét các dòng, trí gồm thông lý sâu kín, thường xét kiểm nguồn của cảm ứng, tìm tận cùng thuyết phân thạch đâu thường không phá từng câu suốt tận nghĩa tông, mà cẩu thả tự khiêm sáng trái nghiêng tịch, vẫn theo che xe, không hối vết bại, chẳng biết đó khó hành đó, không dễ. Bỏ nước ba năm thấy tợ người nhà là mừng làm khách lâu ngày, sao chẳng bi tâm, nay thề bỏ gánh nặng mà an tọa. Vất la lữ như về nhà, đối hảo của Khổng hoài, dốc đẹp của chín tộc, vào cửa mừng rỡ là vui đã lắm, huống chi văn minh ngự vận, có triệu hợp chính, nghĩ hiền tán đạo, bóng xế quên ăn. Lấy tài của ông hoằng đức của ông, mang tiếng ngọc châu, vạch gấm động xa, công giúp đời tốt, danh tỏa đời sau, cùng như nhục của cắt tóc, khổ của góa vợ, đâu thể đồng năm mà nói ư? Tướng cùng khế hoạt lâu cần phải luyện, chí sâu như ẩn, hiền của triển cầm sợ chuốc trách họ Tàng chẳng trung, nên lực vội đề tâm lại bày bạch trước, tuổi nói là xế chiều, thời chẳng cùng đợi, ông nên cố gắng, chớ có hối của cắn rốn, Lưu Quân bạch đáp.

- Tăng Nham lại gửi thư cho Lưu Thứ Sử.

Việc của một ngày, là có thể tạm làm một vui, chẳng gọi là ân chỉ, ràng buộc phương âm chợt đến, dày của nhọc răn một đến ở đây, cúi đọc chưa xong, thẹn đổ mồ hôi, nhưng chí hẹp hòi khư khư đã nói đủ ở khoảng trước. Vả lại, tráng kiện của Nham, còn sau đối với người, nay đã già, đâu thể có làm. Dùng tuổi già suy, chỉ phất cờ thành việc,

đây dự thương linh, đặc viện mượn đầu mất công, hiệp giúp anh tài như rồng bay, phụ chúa tiếm đổi mạng, nay muốn dùng nông phu của đông mẫu, trử tẩu của tây viên, nghiêng cảnh sáng trước, xen vết bày xưa, không khác đánh ngựa hèn đủ để ngựa giỏi, buộc trỉ đầm để bằng loan hộc, chẳng bằng ở đây, nào đợi xét sâu, xưa kia Tử Thái cúi mạng vỗ tiết Công Tôn, dự báo biết sâu mất thân chẳng hối tiếc, ngày nay quả thường đức liệu hai hiền, Chánh hận tuổi xa vời vợi, tuổi gấp mênh mông, nuốt than ngược giáo, mãi cách với nguyện, sờ tới giấy xót xa, không biết điều trình bày, mong thâu nhận quá cuộn, chẳng còn phiền lại. Thích Tăng Nham kính trình.

- Lại đáp Pháp sư Tăng Nham.

Ông bàn trời nói đất, thần tình như gương soi, rút hào phủi giản, trí tư vào sâu, mà trẻ mất gốc lý, ngơ ngác tóc bạc, tiếc cả tài ông, thường dùng than thở. Ông tuy tâm còn trên mây mà hình ở dưới đất, đã làm bầy với chim sẻ vàng, sợ mất đẹp của phượng hoàng, nên dẫn lễ của cung bạch, khuất ứng cử của chủ khách, huy độc ba đổ, trác hẹp lại răn, giả sử tự khiên xung cố từ lấy cớ tuổi già, đội tuổi đức ông mới hưởng nguyên cát, chưa thể phụ chí là chánh phải dạo liệng chọn cây, đợi cơ đồng trúc thật, khinh thường lệnh đòi sao đủ giáng ư? Kính tiếp gió mát, chỉnh túc theo chỗ chuộng, vốn mưu tính đã trái, cắt trở lại thẹn xót, Lưu Quân Bạch đáp.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 12

- Tập Tạc Xỉ gửi thư cho Thích Đạo An.
- Tiếu Vương Thư luận về Khổng Thích, Trương Tân An đáp.
- Trịnh Đạo tử gửi thư cho Vương Tư Đồ nói về ngồi ăn.
- Phạm Bá Luân gửi thư cho Vương Tư Đồ nói về ngồi ăn.
- Pháp sư Nghĩa đáp thư của Phạm Bá Luân (và Phạm Bá Luân đáp).
- Phạm Bá Luân y cứ thực gửi thư cho Pháp sư Sinh và Quán.
- Phạm Bá Luân Biểu và Chiếu về ngồi ăn đối đáp bốn bài.
- Tấn thượng thư Lệnh Hà Sung, v.v...tấu chấp Sa-môn chẳng nên kính Vương Giả (và chiếu hai bài).
- Hoàn Huyền gửi thư cho Bát tọa nói về việc đạo nhân kính vương (và bát tọa đáp).
- Hoàn Huyền gửi thư cho Vương Lệnh nói vềviệc kính Vương (và Vương Lệnh đáp qua lại có tám bài).
- Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn đáp thư Hoàn Huyền nói về Sa-môn chẳng nên kính Vương giả (và thư Hoàn Huyền).
- Hoàn Huyền sắc chiếu Sa-môn lại chẳng kính Thiên Tử (và Biện Từ Chi, v.v... đáp qua lại gồm năm bài)
- Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn gửi thư cho Hoàn Huyền nói về phân biệt Sa-môn một bài (và Hoàn Huyền giáo một bài).
- Pháp sư Đạo chi Lâm gửi thư cho Hoàn Huyền nói về Châu Phù cầu danh tịch Sa-môn.
- Thích Đạo Thạnh ở chùa Thiên Bảo khải tấu Tề Võ Đế nói về kiểm thử tăng sự.

****

Hoằng Minh do Tôi (Tăng Hựu) soạn đều là nhóm họp luận của Hộ Pháp, nhưng dẫn ghi thư biểu là, bởi sự sâu nên. Tìm Sa-môn khước từ tước lộc ở đời, từ thời Hán Ngụy đến nay, trải qua anh thánh đều đặt để lễ mà chẳng cầu bái, mà sưu quân chuyên oai vọng khởi mối khác. Họ Hoàn Nghi Dương kế tiếp Phù nghi, nếu Hà Công chẳng nói thì pháp tướng chìm hẳn. Tuệ Viễn chẳng luận thì tăng sự chóng mất, nhìn lại xưa đuổi tìm bùi ngùi, làm sao có thể chẳng biên ư? Cổ Hào của Dịch chẳng thờ Vương hầu, nho hành của lễ, chẳng tôi Thiên Tử, tại tục bốn dân còn có chẳng khuất, huống chi bỏ tục theo đạo, sao trách tôi lễ, nên chẳng ở nơi tốt sáng mà loại ra ở cuối vận. Còn như Đạo Hằng, Đạo Tiêu từ Diêu Lược, Viễn Công sự lại Hoàn Huyền, tuy toàn đã chẳng phải kỳ lạ, nhưng cũng đủ dốc gắng yếu, đuốc ngày đã tỉnh là lời tủa thế tục. Tôi làm ba hạch cũng là thuyết dẹp ma, nên gồm ghi lại.

TẬP TẠC XỈ GỬI THƯ CHO THÍCH ĐẠO AN

Ngày mồng năm tháng tư niên hiệu Hưng Ninh năm thứ ba, Tập Tạc Xỉ cúi đầu kính lễ, nương ứng chân giẫm chánh, minh bạch nội dung, từ huấn gồm chiếu, đạo tục đều che. Tông hư là ngộ ý chỉ vô thường, còn có là đạt quyền ở ngoài thân, tảo Thanh Phong ở Trung hạ, loan hưởng mài ở Bát minh, Huyền vị đường xa, nào vinh như thế. Đệ tử nghe trời trọn chầu mà mưu sáu hợp là mây của Dĩ thiên, hoằng nguồn sâu để nhuần tám cực là dòng của bốn đại, chân vô vi kia giáng mà muôn vật được đượm, gốc không tâm này hành mà cao thấp được nhuần, huống là thương đời giáng bước xót thời mà sinh, nhờ lúc đầu hệ thuộc ở độ vật, Minh đạo còn ở luyện tục, nương sự dấy khởi của không bịnh để hợp với đạo không xa, mạng giá ở ngoài thân, để ứng cầu của mười phương mà có thể được ngọc nhuận ở một núi, băng kết ở một hang, ngóng gió rộng mà chẳng xoay nghi, tổn đời này mà chẳng răn độ? Vả lại, từ khi Đại giáo lưu truyền đến phương Đông đã hơn bốn trăm năm, tuy thời cư sĩ Phan Vương có kính phụng, mà chân đan huấn cũ hành trước từ đời xưa, đạo vận thời đổi, tục chưa đều ngộ. Vẻ vui gợn sóng hàng hạ sĩ mà thôi, chỉ Túc Tổ Minh Hoàng Đế, thật trời ban đức, lúc đầu phụng khâm đạo ấy, tay vẻ họa dung tướng của Như lai, miệng đượm vị ý chỉ của tam-muội, giới hạnh cao vợi nơi non ẩn huyền tổ thỏa sướng với vô sinh, khối lớn đã xướng, muôn lỗ đều kêu, hiền triết quân tử không ai chẳng quy tâm, mặt trời tuy xa quang cảnh càng sáng, lớn mạnh của đạo nghiệp chẳng đâu thạnh so với nay, há cái gọi là nguyệt quang đạo lắng, sắp sinh cõi chân, linh bát về đông chợt nghiệm ở đây

ư? Lại nghe ba ngàn đắc đạo đều thấy Nam Dương, minh học khai sĩ luyện diễn chân ngôn, trên là khảo huấn của thánh đạt, dưới lường nghiệm của đạo hạnh, thâm kinh qua khắp chẳng phải đây là ai? Ôm đạo xa dạy nhà đây ai giáng, cho nên xứ này chư tăng đều có khuynh tưởng, mắt ưa điềm lành của sắc vàng, tại đợi kho tàng của vô thượng, già trẻ đồng nguyện, đạo tục đồng mong, buộc tình của vịnh chẳng phải nói thường, nếu mây lành mọc ở phương Đông, ma-ni xoay chiếu, một theo tòa bảy báu, tạm xem đèn minh triết, mưa cam lồ nơi cỏ tốt, trồng chiên đàn ở ven sông, thì giáo của Như lai lại sùng ở ngày nay, sóng huyền vượt hưởng lại tràn rưới ở một đời chẳng thắng mời dự rọc thư gấm tích chứa của tâm ý, sao nói năng thỏa sướng, đệ tử Tập Tạc Xỉ ở Tương Dương cúi đầu kính lễ (sưu xiển lạc hiền đường tụng, bài tựa cũng nói Tiêu Tổ Minh hoàng đế nhã hảo Phật đạo, tay sờ linh tượng).

THƯ CỦA TIỂU VƯƠNG NÓI VỀ KHỔNG THÍCH

Phật giáo dùng tội phước nhân quả có như ảnh hưởng. Thánh ngôn minh xét khiến người lạnh lòng. Nhưng từ thượng cổ, Hoàng đế Văn Võ Chu Khổng, điển mô huấn cáo không gì chẳng đủ khắp, chưa thuật rõ ba đời, nêu bày báo ứng. Các bậc thánh kia đều cùng lý tận tình, chiếu hiểu vật duyên, đâu được nhẫn xem chìm lấp, chẳng chịu trao tiếp, không hề một lời chỉ bến đường đó. Vả lại câu mà chẳng lưới, chặt chẳng bắn trước, rộng lớn béo mập, Thượng đế là hưởng, lấy đó quán xét, bởi chỗ khó rõ, tưởng vài ba ông khua vạch mà bày, khiến họa vẽ vậy có chứng, vén lầm hoặc đó.

Trương Tân An đáp.

Kính đáp lại ý chỉ sâu mầu, chẳng phải gần giáo ấy, phụ chỉ chưa tạo khom mình rộng đối. Trộm lấy làm bèn giúp chung nhờ cảm, chẳng phải ngộ nhờ duyên. Thật nhân tốt nhỏ nhiệm thì Hà Hán đượm mê hoặc, nên đợi thưa hỏi ở khua chuông, khải phát nhờ ở tức giận. Diệu giác cùng lý, là thánh là thần quang cảnh soi rọi tám duy, cúi ngước nhìn chín hữu, nhưng vận gặp trăm tuổi sâu thẩm đều muôn kiếp, há chẳng phải duyên tốt chưa gây, nên nghiệp hóa chẳng mở ư? Vì vậy, thánh linh liền khuôn, văn đây chẳng chép, chẳng phải được rõ lý nhiệm kết quy chỉ bài bác tông trí, chỉ dùng nhỏ nhiệm hiểm uyển mà thành tiếm dời mờ xa, ham sống dẫn nguồn ba đời, chứa điều thiện mở vết của báo ứng, võng vốn chiếu nhân, sưu miêu hoằng tín, đã vì đần thấm tập thành, lận kẹt ngày một bỏ, sau đó, đạo sướng thích triều của Hoàng Hán, huấn phô kỷ của Vĩnh Bình, vật không lóa nhòa người đây cỏ rạp.

Thật biết phóng hoa còn mờ, văn tuyên chưa rõ, chẳng phải ý chỉ trái vì khác thông, thật lý quân bình mà đều vấp là, phụ hội cao xa, ai di mạo ngôn, nhầm phạm chẳng phải, khinh suất cuồng giản.

TRỊNH ĐẠO TỬ GỬI THƯ CHO THIỀN SƯ NÓI VỀ NGỒI ĂN

Lời dạy của bậc Thánh, tu vốn bỏ ngọn, tức tâm làm giáo nhân sự thành dụng, chưa có phản tánh trái hình mà dốc đại hóa. Tuy là hình khác với tục, sự cao ngoài đời đến như tiết của bái kính, lễ của vái nhường, do chỗ bày chí đạo tục chẳng khác, nên trai giảng tứ nghiệp thì đủ pháp phục, lễ bái có thứ lớp, trước sau có thường, kính tâm trong đủ mà hình chỉnh túc ở ngoài, cúi đầu đến đất chẳng dung, lễ của việc ngồi, kiểm vén ở bái sự, chẳng phải thiên ngồi dự, mà lấy ngồi ăn làm tâm dụng, bỏ sót nghị mà kiểm thô, sự lý đều trái, chưa thấy thông đó. Giáo của phải vi, nghĩa đều có đó. Còn như ban chu khổ hình để còn đạo, đạo thân mà hình sơ, hành đó có lý, dụng đó có gốc, giáo của ngồi ăn, nghĩa không có chỗ mở rộng, tiến chẳng phải khổ hình. Lùi chuốc mạn dịch, thấy hình mà chẳng kịp đạo là, mất tình của cung túc, mà khởi lời của hãi mạn. Há bậc Thánh nhân sự mà làm giáo, chương phủ chẳng nghĩa của thương việt? Nguyên chỗ đó khởi, hoặc xuất từ tánh của khác phương, hoặc nơi trong của nấn cong, chỉ có chỗ cứu, như bệnh gấp thì thuốc chóng, chẳng phải phục ngự pháp của lâu dài. Hình giáo xứng nhau, sự nghĩa có thường, đã chế ba phục, thực hành lễ bái, tiết dùng pháp cổ, bày dùng thứ tự, đâu được ngóng ngồi, khoảng đó chỉnh mạn trái nhau đó ư? Thuở xưa, thích nghi thì chỗ vừa việc đến, dụng của một ngày, chẳng thể làm huấn của nhiều năm. Lý có thể biết, nên hỏi nhân là đông nhiều mà lại lễ làm gốc, nay lễ niệm hóa tâm mà giữ vết chẳng biến, lại lý đã ngọn, ở dụng lại thô. Cẩu thả chỗ chưa đạt, dám chẳng trải lòng, Trịnh Quân cúi đầu.

PHẠM BÁ LUÂN GỬI THƯ CHO CÁC VỊ NHƯ VƯƠNG TƯ ĐỒ NÓI VỀ ĐẠO NHÂN NGỒI ĂN

Phạm Thái (Phạm Bá Luân) kinh bạch các hiền giả công khanh! Ngày nay Sa-môn ngồi có hai pháp, xưa kia, tại Kỳ-hoàn dường như chẳng đúng. Y nay ngôn ngữ nước ngoài chẳng đồng dùng bỏ cũng khác. bậc Thánh tùy tục chế pháp, nhân phương hoằng giáo, còn chẳng thay đổi lời, sao hẳn khổ đồng chế! Chỉ một nước chẳng nên có hai: Một nhà làm sao có thể chẳng đồng, mà nay thường tin thiên kiến, mình phải người quấy, chẳng tìm ý chế tác, chỉ có sấm đồng là đẹp, trấn đó

không chủ, bèn đến nơi đây, không hư ở nhận người, có dụng ở hẳn chấp, chẳng cầu thật của cá thỏ, tranh kích ngọn của lưới nôm. Phong này chẳng đổi, khó ở giữ đạo, thọ vương sáu năm để đến Chánh giác, lúc đầu nói về huyền tông tự trải tòa cao đều ngồi kiết già, chẳng hề thiên cứ. Ngồi thiền để định, nghĩa chẳng bày đợi, cái đẹp của ngồi ăn, vì ăn chẳng cầu no, đây đều thiên pháp của một nước, chẳng phải chế chung cho thiên hạ, cũng do xứ lạnh không có lễ của Hy Hoành. Nhật nam tuyệt luật của chiên cừu, chẳng thể thấy mới đầu của Đại Võ cởi xiêm, bèn cho là không còn chương phụ. Xin bỏ cả hai, đều giao cho quân tử chiết chung. Phạm Thái khư chánh mong nay tập đồng của một cách ăn, qua đây trở đi, hoặc chưa biết đó, lễ dùng hòa quý, tăng pháp chuộng đồng, nay lên trai đường đối thánh tượng như thần hiện có, trong tượng bốn song tám bối, nghĩa không nói khác, tình của tự kiêu, làm sao có thể thử tạm, chẳng phải ta thích công xưa ở Tương Dương, thiên pháp trở lại nghĩ mà chẳng biến, đáng có ý chỉ đó, vì vậy ném gậy cưỡi xe, nghĩa còn đồng chúng, gồm thiền sư đạo tràng thiên hội cũng mới ngồi đó, đâu chẳng phải còn đại lược tiểu lý chẳng gồm nêu cũ ư? Mới ngồi không thời mà thiên ngồi có thời, từ mới lấy luôn vừa khác làm khó, thường biến lấy đồng làm dễ. Vả lại, chủ nhân hạ mình kính khách có từ xưa nay. Lại hỏi nghĩa công, hoàn toàn chẳng thấy đáp, vì vậy kính bạch đồng ý để cầu trong khuyết, nguyện ban thừa của họ nghẹn,đạo để che tâm khiếp sợ.

THÍCH TUỆ NGHĨA ĐÁP THƯ CỦA PHẠM BÁ LUÂN

Tại chùa Kỳ Hoàn, Sa-môn Thích Tuệ Nghĩa ,v.v... tất cả năm mươi vị kính thưa cùng các Đàn Việt: Pháp Sa-môn chánh nên cẩn trọng giữ kinh luật, lấy tín thuận làm gốc, nếu muối trái kinh trái luật, tâm thầy tự cho là phải, đây thì hoạn sâu của đại pháp, dứng đầu uế đạo. Như lai chế giới mở thì thực hành không nghi, đóng thì chẳng dám phạm. Giới phòng ngăn Sa-môn chẳng được thân và tay chạm gần người nữ. Các vị trì giới thầy người thân đắm chìm nơi nước sâu, thấy người đó chết mất không dám cứu vớt, do đó người đời cho là Sa-môn không có tâm từ, đây sao có của đạo? Do vậy Như lai vì người đời chê trách nên mở một giới này, nếu gặp nạn thì cho cứu giúp, Như lai lập giới là họa vẽ chế của một, chánh có thể cẩn thận giữ gìn thực hành, đâu cho dùng ý chuyên liền đổi làm, tục Nho còn chuộng cẩn trọng giữ gìn hạ ngũ, chẳng dám thêm tháng đó là, sắp muốn phòng ngại sâu xa của hạng người xuyên tạc, dứt bặt khách ham mới vui lạ, mà huống chi bậc

Tam đạt chế giới, đâu dám vọng có thông bít, Đàn Việt Phạm Bá Luân muốn cho chúng này đổi thiên theo phương, cầu hòa của chẳng khác, tuy tham hòa đó làm đẹp. Nhưng hòa chẳng dùng đạo, thì là cầu đồng, chẳng phải cầu hòa, chùa Kỳ-Hoàn từ lúc có chúng đông về sanh đến nơi pháp tập, chưa hề có hai chúng phương thiên, đã không có kinh luật làm chứng, mà chợt muốn sửa đổi Phật pháp, đây chẳng phải là việc nhỏ, thật chưa dám cao đồng, chùa này thọ trì luật Tăng-kỳ ngày tháng đã lâu, luật có văn nói, nói pháp thiên thực. Gồm tám nghi, vốn không có chế về thiên thực thì không hai trăm năm mươi. Nói thức ăn chẳng được đặt trên giường, chỗ bỏ thức ăn đặt ở hai bên. Lại nói: Chẳng được tréo chân xếp cẳng, ở đây há chẳng phải minh chứng của thiên thực ư? Giới luật là bí pháp của Sa-môn, quốc chủ cũng chẳng được dự nghe. Nay Đàn Việt nghi hoặc phương thiên, muốn sinh hưng phế, bần đạo chẳng được không quyền khinh trọng, lược nêu vài điều, bày đó có gốc, cam nhận tội tuyên giới, Phật pháp thông bít, tiếp nối các Đàn Việt, thông thì cùng được công của hộ pháp, bít hẳn cùng nhau có tội diệt pháp, cúi mong ba lượt tư duy khiến u hiển không hận.

Đáp lại Nghĩa Công.

Đáp rằng: Luận trước đã bao gồm, đây thông ý thượng nhân khí mạnh chẳng tìm, giới để ngăn quấy, đâu phải không có giới? Cho nên hạng ngu hoặc giới đó tùy theo tục mà biến luật. Hoa hạ vốn chẳng nghiêng lạch, thì luật của nhóm xương giao cẳng, nên có thể được mà lược, giới dùng tay vốc ăn, không dùng văn muỗng đũa, sao xem trọng thiên ngồi mà khinh ở tay vốc ăn? Luật nói chẳng được tay chạm người nữ, sau đó lại cho phép người thân bị chìm được vớt thì đó là điều nghi của phàm phu, quả thật đủ để sửa đổi luật của bậc Thánh. Càng biết hai trăm năm mươi chẳng phải định pháp tự nhiên, như thế thì cố giữ chẳng phải hoàn toàn hiểu được tâm thầy, không đáng quái la lắm. Năm thứ dưới thiếu văn cố giữ chẳng gì nghi ngờ, nói cẩn thận chỗ thấy nếu hiểu rõ thì đâu được trông lại chúng mà động, trông đó làm nghĩa, ý là nên tiến, muốn chóng thì sự chẳng được hành, ngồi yên thì bất an chỗ ở, thời có kẻ cứ ngạo, nên chẳng phải chỗ lễ pháp chấp thuận một nhà hai chế, đồng hết sạch của thượng nhân mà chẳng trái nghịch, hòa trọn của đệ tử cũng riêng lẻ, sao dám đáng năm mươi trận lớn, là dụng sợ địch mà im, ngõ hầu cứu của thượng thiện!

PHẠM BÁ LUÂN GỬI THƯ CHO PHÁP SƯ SINH VÀ QUÁN

Phong tục nước ngoài lại tự chẳng đồng, Đề-bà từ đầu đến nay,

hạng người nghĩa quán không ai chẳng tắm gội kính ngưỡng, vì đây là pháp Tiểu thừa, bèn cho rằng chỗ cực của lý là Vô sinh, kinh Phương Đẳng đều là ma viết. Đề-bà sau cùng nói kinh bèn chẳng lên tòa cao. Pháp Hiển sau đến Niết-bàn mới xướng, bèn cho rằng lời của thường trụ là ưu tối của các lý, Bát-nhã tông cực đều ra từ dưới đó. Lấy đây mà suy thì là không chủ của trong có nghe liền biến, thí dụ ở sau bấn phá đoạt trước thì biết luật của nước ngoài chẳng phải pháp nhất định, nhà của thiên tọa không có thời mà chánh, tòa cao nói pháp cũng là ngóng ngồi, ăn của nước ngoài ở tay vốc, thật không muỗng đũa, học trò của Tuệ Nghĩa biết nên chẳng đổi, còn như thiên tọa trọn chẳng thẹn đồng, tự làm mâu thuẫn đó si năng giải ý đệ tử, thường cho rằng cùng người đồng mất, hiền ở tự thay, đó là suy tâm vui đồng, chẳng dám chấp thuận để cầu thẳng. Nay người tại gia thờ pháp quyết không thể đắp mặc theo nước ngoài, Sa-môn sao phải khổ giữ thiên pháp!

BIỂU VĂN NÓI VỀ SA MÔN NGỒI ĂN CỦA PHẠM BÁ LUÂN

Thần nói: Bệ hạ thể đạt Phật lý, sắp đến rốt ráo, tâm mong xa vời nghiên tinh vào chỗ sâu xa. Chỉ tiếc khởi cho tôi chẳng phải xưa đối dương chưa dễ, thần từ nhỏ kính tin đại pháp, chứa nhóm pháp lành, lại nghe luận khác phảng phất huyền tông, xưa kia hầu tòa, quá được quyến dụ, ý hèn từ vọng chẳng thể có chỗ vận thông, đây là tiếc trọn đời không thôi, thần gần đây cật nạn Tuệ Nghĩa về ngồi ăn, bởi khư khư ý của vui đồng, chẳng dám cầu lớn ở người, nghiêng hưởng dưới phong đã đạt trời chấp thuận. Thần xin việc này tự thiên pháp của một nước, chẳng phải kinh thông trọn chế hẳn, phong tục nước ngoài chẳng đồng, ngôn ngữ cũng khác, bậc Thánh chẳng biến lời đó, sao riêng khổ đổi dụng đó, nói để bày ý, ý đạt quên lời, nghi để còn kính, kính lập hình phế, vì vậy bậc Thánh do sự chế giới, tùy tục biến pháp, đạt đạo mới có thể không luật, nghĩ phàm đó phòng càng nhiều, dùng xả có thời thông bít chỉ lý, dán trụ giữ gốc chẳng vì sợ ư, Sa-môn ngày nay, khéo dụ của tượng, đạo không lớn một, đều tin chỗ thấy, ít hay hư thọ, cho đến giành khác ở trong của một nhà, chẳng hòa ở đời, ủng hộ của đời, thầm trộm hổ thẹn, huống chi ở khác thần đó ư? Tư Đồ Hoằng Đạt ngộ trong có lý, chẳng vì thần nói là quấy lệnh của nay mong tin đạo chưa dốc ý không định trước, lấy hai thuận làm đẹp, chẳng đoạn làm lớn, đợi đây mà thế sông có thể trong. Tuệ Nghiêm, Đạo sanh vốn tự chẳng mong, tuệ quán dường như hối, địa vị mới đầu cúi độ, tâm thánh phàm đang có, ở nay chẳng mong minh chiếu riêng phát, chỉ khiến thánh chỉ thô đạt,

Tể tướng thì xét xuống mà hóa, ai bảo chẳng xứng đáng, hoàng phong mới đáng xa thỏa, văn quỹ sắp đến đại đồng, tiểu dị tuy nhỏ nhiệm, dần chẳng thể lớn, xanh xanh chẳng chặt, sắp tìm cán búa, nên phải từ gần đến xa, nay không nghĩ chẳng phục, trong giang trái dựng tòa cao, lại dạo mừng vui Hoa Hạ, chẳng nói chế này, thích công tin đạo lại dạo mừng vui hoa hạ, chẳng nói chế này, Thích Công tin đạo rất dốc, chẳng khổ tiết đó, nghĩ mà chẳng đổi, có dung ý chỉ đó, La-thập siêu việt không mắc tội, bất chánh có thể lường cạo tóc mà chẳng thiên cứ, như là có thể tìm, thiền sư lúc đầu đến cung khuyết cầu thông, muốn dừng tống xưa vào cứ, lý chẳng thể mở, nên chẳng chấp thuận tiến lên, sau đông an chứng nhóm họp, quả nhiên chẳng thiên thực. Đây là việc cũ triều trước, là điều bề tôi trông thấy kính cẩn khải trình.

- Lại tiếp biểu văn.

Bề tôi nói: Gần đây bệ hạ có đến Kỳ-hoàn, bề tôi cố thỉnh viết bài toán trên bia, như lớn phảng phất là có hứa, pháp giá đã xoay liền kính khắc trên bia là “Hoàng Đế Tán” chánh ba chữ này mà thôi, tội của chuyên liền, nghĩ chỗ thần cam chịu, đến chỗ ghi trong phước minh kia bằng, nếu ban sắc bút thần cài chữ, thần chết lại chẳng mục nát, lấy đó mở mang phong hóa còn có ích mà không tổn, muôn cơ, giả sử có chưa rảnh, thánh chỉ tự có thể viện, thần của trái sứ thị vệ, sao không tâm tự bắt chước, giúp tin thế thúc có nào xa, có thể chẳng nhọc thánh lự, cũng là ý của cờ mũ, thần phụng sự lâu dài suy tạ, đường sống đã tận, khư khư ở tâm chỉ đời sau mà thôi, thần thọ ân sâu nặng, lộc ban tặng có thừa, tự độ không hề báo với thánh thế xong, che đầu đều thành thật kết cỏ, xin bệ hạ xót thương mà chẳng trách! Thần nói: Chiếu biết cùng Tuệ Nghĩa nói về ngồi ăn, gần đây cũng thô nghe suất ý, chẳng khác ý chỉ đưa đến, chỉ chẳng xem kinh Phật không duyên chế sở dĩ thấy vậy, chẳng biết Tuệ Nghiêm, vì sao Đạo Sinh bèn là treo đồng Tuệ Quán, dường như chưa chịu hối, họ là địa vị đầu tiên. Sánh tự có thể cùng các đạo nhân lại cầu trong đó ư, Kỳ-hoàn bia tán mới chẳng nhớ cùng hứa, đã chẳng phải chỗ tập thêm vì không rảnh, chẳng được cùng đáp, rất lấy làm tiếc.

- Lai tiếp biểu văn.

Bề tôi nói: Vâng phụng minh chiếu, lo sợ lắng doanh, doanh huyệt thiên kiến, chẳng đáng bày nghe, lấy ngay việc rồi thượng đạt chẳng sao ngủ im, nay sắc ban lại khiến tìm cầu trong đó, là dùng càn rỡ lại bày bản hoài. Bề tôi cho rằng: Sở tại của lý, may có thể chẳng dùng văn hại ý, ngũ đế chẳng cùng nối tiếp lễ, ba vua chẳng theo nhạc đó, cách mạng

tùy thời, nghĩa đó đều lớn, Trang Chu lấy xưa nay thí như xe thuyền. Mạnh Kha lấy chuyên tín thư chẳng như không thư, cho nên chứng dê chẳng nghe thẳng, hai dụng đây hành của đại đạo, thiên hạ làm khư khư của nhà thần, đồng của một nhà, mà huống chi khác tục thiên chế, vốn chẳng phải giáo của trung dung, đạo sinh Tuệ Nghĩa, Tuệ Quán được nhờ hoằng tiếp thánh chỉ, nếu như dưới hỏi, mong đó y cứ lý dâng đáp, chẳng dám dùng nhiều tự, giúp lớn ở người, Tuệ Quán đáp bề tôi đều không lý y cứ, chỉ dùng quá lời khen thần, lấy can quấy tránh thần, suy nghi đây đó hẳn hối chưa tiệm có từ trở lại khéo nhờ, thần hoằng cũng cho là vậy, Tuệ Nghĩa hoằng trận đã sụp đổ, chạy núp cùng đường, cậy đây vì cứu khó ở tự khởi, huống là ty khế ở trên. Đạo từ biết cùng thần gần đây cật nạn Tuệ Quán, tạm lại dâng trình như sau, thần vì ngu hẹp sắp trí mà già, đầu chỉ nói đó chẳng trúng, rất sợ bất chợt mê đó, bề tôi thị vệ, thật mong có lúc, đã chẳng thể khen ý này của bề tôi, lại chẳng thể răn thần chẳng đợi, đây đều là bề tôi tự chuốc ở tự lỗi mà thôi. Cúi mong bệ hạ, ghi chép một lần đến, chẳng lấy biết vụng làm tội, lại xúc mạo mê mờ ngàn uế, trộm cậy cổ điển chẳng thêm hình đó?

THƯỢNG THƯ LỆNH HÀ SUNG TẤU SA MÔN KHÔNG NÊN TẬN KÍNH

Niên hiệu Hàm Khương năm thứ sáu đời Tấn, vua Thành Đế còn nhỏ, Dữu băng phụ chính cho rằng Sa-môn nên tận kính vương giả, thượng thư Lệnh Hà Sung v.v... bàn nghị chẳng nên kính, hạ lễ quan tường nghị, Tiến sĩ nghị đồng với Hà Sung, môn hạ nương sắc chỉ của Dữu hăng làm lộn xộn, thượng thư Lệnh Hà Sung và Bộc Xạ Chử Dực, gia cát khôi, thượng thư Phùng Hoài, Tạ Quảng, v.v... tâu sa-môn không nên tận kính.

Thượng thư Lệnh, quan quân, phủ quân, đô khanh, hầu Thần Hà Sung, Tán kỵ thường thị trái bộc xạ trường bình bá Thần Dực, Tán kỵ thường thị phải bộc xạ kiến an bá Thần Gia Cát Khôi, Thượng thư quan trung hầu Thần Phùng Hoài Thủ, Thượng - thư xương an tử Thần Tạ Quảng, v.v... Thế tổ Võ Hoàng Đế dùng thạnh minh cách mạng, Túc tổ Minh hoàng đế thông thánh huyền lãm, há thời đó Sa-môn chẳng dễ co gối, trông lại dùng chẳng biến pháp tu thiện, sở dĩ thông chí của thiên hạ, Ngu cho rằng nên vâng theo việc cũ của tiên đế, đối với nghĩa là lớn, Dữu băng lại đọc chiếu chỉ, bảo là nên tận kính, thay Tấn thành đế mà làm chiếu chỉ.

Muôn phương khác tục, thần đạo khó nói có từ xưa đến nay. Đạt

quán bàng thông không đáng quái lạ, huống chi lễ của bái quỳ vì sao phải chuộng? phải là nguyên ý của tiên vương cho nên chuộng đó, đâu ngay ham khuất chiết này mà ngồi gặp quanh quẩn ư? Hẳn chẳng như vậy, nhân kính giữa cha con, lập thứ lớp vua tôi, chế pháp độ tôn sùng lễ trật đâu theo vậy ư? Bởi có như vậy. Đã có dùng đó, vậy sao lại đổi? Nhưng bày của danh lễ, nó vô tình ư? Vả lại, quả thật có Phật? Hay không có Phật? Có Phật sao đạo đó cố mở mang, không Phật thì nghĩa lấy ở đâu, kế tin đó hay việc của phương ngoài, việc của phương ngoài, há là thể của phương trong, mà phải uốn nắn hình hài trái với việc thường, dễ lễ điển khí, danh giáo là chỗ tôi rất nghi, danh giáo có lý do, chỗ trăm đời chẳng phế, mờ sớm chẳng bày, đời sau còn sợ, sợ đó là tệ nên khó tìm, mà nay đang xa kính mộ manh muội, y hy chưa phân, bỏ lễ ở một triều, phế giáo ở hiện đời, khiến phàm phu ngạo vượt hiến độ lại là chỗ tôi rất nghi, dù cho tin vậy, dù cho có vậy, tôi sắp thông đó ở thần minh, được đó ở nổi lòng, quỷ hiến hoằng mô, hẳn chẳng thể phế ở chánh triều, phàm các loại này đều là dân của nhà Tấn nói về tài trí lại là người thường, mà phải nhân chỗ nói khó nói, nhờ phục sức để lấn độ, chống kháng ngạo lễ của khác tục, thẳng hình hài nơi muôn thừa lại là chỗ tôi chẳng lấy, các ông đều là quốc khí, ngộ lời nói thì phải lướng u vi, nói về trị thì phải trọng quốc điển, nếu chẳng như vậy thì tôi lấy gì mà thuật ư?

- Thượng thư Lệnh Hà Sung và Chử Dực, Gia Cát khôi, Phùng Hoài, Tạ Quảng, v.v... lại tấu biểu văn.

Thượng - thư - lệnh - quan - quân - phủ - quân - Đô - lương - hầu Thần Hà Sung, Tán - kỵ - thường - thị - trái - bộc - xạ - trường - bình - bá Thần Chử Dực, Tán -kỵ - thường - thị - phải - bộc - xạ - kiến - an - bá Thần Gia Cát Khôi, Thượng - thư - quan - trung - hầu Thần Hoài Thủ, Thượng - thư - an - xương - tử Thần Tạ Quảng, v.v..., nói chiếu thư như trên, chúng tôi mê tối, chẳng đáng để tán đương thánh chỉ, tuyên sướng đại nghĩa, cúi xét minh chiếu run sợ lắng doanh, liền cùng tìm rõ có Phật hay không, hẳn chúng tôi chẳng thể định đoạt, nhưng tìm di văn, dùi yếu chỉ đó, năm giới cấm thật giúp vương hóa, hèn danh hạnh rõ ràng, quý ngầm tháo mờ mờ, hạnh đức ở nơi quên thân, ôm thanh diệu của một tâm, vả lại hưng từ đời Hán đến ngày nay, tuy pháp có thạnh suy mà tệ không yêu vọng, kinh thần đạo lâu chưa có gì sánh, phàm nguyền rủa có tổn, chú nguyện hẳn có ích, ngu thành của bề tôi thật mong nhỏ nhiệm của bụi mốc thên đượm nơi Tung nhạc, huống chi khư khư trên giúp hoàng cực, nay một khiến họ bái hoại pháp đó, khiến tục

của tu thiện phế ở đời thánh, tập tục sinh thường hẳn khiến buồn sợ ẩn đó, tâm bề tôi trộm nghĩ chỗ chưa an. Bề tôi tuy tối tệ, đâu dám dùng thiên kiến nghi nhầm thánh chấp thuận, thẳng cho rằng: Thế kinh ba đời người lại minh thánh, nay chẳng vì đó khế không thiếu, vương pháp mà cách của u minh có thể không bít lấp, vì vậy lại bày ngu thành, xin duỗi xét soi kính cẩn khải trình.

- Thành Đế lại ban sắc chiếu.

Xét chỗ trình bày đầy đủ tình chỉ, việc trong mờ tối thật chẳng phải chỗ ngụ ngôn cùng tận, nhưng vết đó lược và đại, người thần thường độ, thô lại có phân lệ vậy, đại để trăm vua chế pháp tuy chất văn tùy thời, nhưng chưa có dùng khác tục xen trị quái đản tạp hóa, há bậc thánh xưa chẳng đạt, thánh sau đó hoằng thông ư? Vả lại, tài của ngũ giới khéo thô phỏng tợ nhân luân, mà lại đối với thế của lược bỏ lễ kính đó ư? Lễ là trọng kính là đại, lưới của Lâm trị tận ở đây. Vua của muôn thừa chẳng phải ham tôn, dân ở khu vực chẳng phải ham ty. Mà ty tôn chẳng bày, vương giáo chẳng được chẳng một, hai đó thì loạn, đây chỗ thánh xưa dùng hiến chương thể quốc, chỗ thích nghi chẳng lầm, thông tài bác thái xưa đủ việc đó, tu đó nhà có thể dùng, tu đó nước và triều chẳng thể, đây há chẳng xa ư? xét chỗ trình bày quả thật cũng chưa thể rõ có đó hay không, giả sử rõ đó còn gọi là chẳng thể dùng tham trị, huống chi đều không mà phải dùng hai hàng ư?

Thượng thư Lệnh Hà Sung, Bộc Xạ Chử Dực, v.v... lần thứ ba tấu việc chẳng nên tận kính.

Bề tôi v.v... tuy thật tối tệ chẳng thông ý xa, đến như càn càn túc dạ nghĩ theo vương độ, thà nếu chấp thiên doanh mà loạn đại luân, thẳng từ Hán Ngụy cho đến đời Tấn chẳng nghe dị nghị, tôn ty hiến chương không hề tạm thiếu, nay các Sa-môn cẩn thận giới trì chuyên chuyên, và vì lễ đó một mà thôi, còn như dốc giữ giới là mất thân chẳng tiếc, đâu dám vì hình hài mà khinh mạn lễ kính ư? Thường thấy đốt hương chú nguyện, hẳn trước vì nước nhà muốn lớn mạnh phước hựu, tình không cùng cực đã phụng thượng sùng thuận, ra nơi khoảng của lễ nghi tự nhiên, bởi là chuyên một giữ pháp, vì vậy tiên thánh ngự đời, nhân mà chẳng đổi, lưới trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt chúng tôi cung cẩn lấy làm, chẳng khiến bái quỳ, với pháp không thiếu, nhân chỗ lợi mà ban ân, khiến hiền ngu chẳng dám chẳng dùng tình, thì trên có thí của trời che đất chở dưới có người giữ tu một thiện, kính cẩn lại trình bày ngu cạn, mong được soi xét, kính khải trình, khi ấy Dữu băng luận nghị ẩn mất, chẳng thi hành lễ kính.

HOÀN HUYỀN GỬI THƯ CHO BÁT TỌA NÓI VỀ VIỆC ĐẠO NHÂN LỄ KÍNH

Hoàn Huyền lại bái bạch cúi đầu, tám ngày ban đến các cựu Sa-môn đều chẳng kính vương giả, Hà Sung và Dữu Băng tuy đã luận đó mà đều dẫn chỗ thấy chưa là lý khuất phục nhau. Ý Dữu Băng lại ở tôn chủ mà lý y cứ chưa cùng tận, Hà Sung phát xuất từ thiên tín nên chìm trong danh lễ, hể làm việc giáo hóa của Phật, tuy dối dùng mênh mông ở ngoài thấy nghe, nhưng lấy kính làm gốc, xứ này chẳng khác, bởi chỗ mong là khác chẳng phải cung kính nên phế bó. Hiếu tử đồng Vương hầu ở ba lớn, vốn chỗ đó trọng đều ở giúp sinh thông vận, đâu riêng vì bậc Thánh ở tại vị mà sánh xứng hai nghi ư? Gần lấy đức lớn của trời đất gọi là sinh, sinh chung vật lý, còn ở vương giả, nên tên thần khí đó mà lễ thật lớn mạnh, đâu là cùng sùng trọng nghĩa còn quân ngự mà thôi ư? Sa-môn sở dĩ đời đời giúp còn cũng là nhật dụng ở lý mạng, há có thọ đức mà bỏ sót lễ, đượm ân ban mà phế kính đó ư? Đã chỗ lý chẳng dung cũng chỗ tình chẳng an, việc lớn một đời, nên cùng câu chung tưởng, lại cùng nhau nghiên tận, vừa rồi tám ngày khiến rõ định, Hoàn Huyền kính lễ cúi đầu.

Bát Tòa đáp (bài này xuất xứ từ cố sự)

Trung – quân, tướng – quân, thượng - thư, lệnh – nghi, dương – khai, Quốc hầu hoàn khiêm,v.v... lo sợ tội chết, vâng theo lới răn khiến Sa-môn kính lễ Vương giả. Hà Sung và Dữu Băng tuy nói nhưng chưa nghiên cứu cùng tận, đây là viêc lớn nên khiến thỏa đáng, thật như Nhã luận, nhưng Phật pháp cùng Nghiêu Khổng khác dường, lễ kính chánh trái. Người lấy da tóc làm trọng, mà cắt rọc chẳng nghi, xuất gia từ bỏ thân thích chẳng lấy sắc dưỡng làm hiếu, gỗ đất hình hài dứt dục, bỏ tranh giành, chẳng mong một đời, cần phước muôn kiếp, chỗ quý của đời đều đã rơi rụng, chỗ trọng của lễ giáo, ý đều dứt đó, giúp cha thờ vua chí của thiên thuộc, còn lìa thân ái, đâu được đặt lễ muôn thừa, chấp tự nên phế, mà trải qua ba đại, đặt dứt tội đó, phải dùng thần minh vô phương để bày chẳng dùng bờ xét, ngoài thấy nghe hoặc có lý riêng, nay bèn khiến đặt cung kính, sợ nên đổi đó, phần nhiều chẳng phải chỉ khởi bái. Lại nữa, vương giả thờ pháp xuất xứ từ kính tin, lễ đó mà biến nghi, lại là chỗ tình chưa trọn, tức là dung đó, mới là hoằng vương của tại hựu, khiến dùng đáp riêng, công cật nạn Khổng Quốc Trương Sưởng ở tưởng kia đã tận, mặt hỏi chỗ hoài mong đạo báu, các đạo nhân đều đủ đối đáp cao chỉ, hạ quan v.v... chúng tôi chẳng biết rõ Phật lý, dẫn tình để nói, thẹn chẳng đủ xét, hoàn khiên v.v... sợ tội chết!

HOÀN HUYỀN GỬI THƯ CHO VƯƠNG LỆNH NÓI VỀ VIỆC ĐẠO NHÂN NÊN KÍNH VƯƠNG GIẢ

Sa-môn Kháng lễ chí tôn, chánh tự là chỗ tình chẳng an, việc lớn một đời nên cùng luận bàn cho càng tận, nay gửi thư cho Bát Tọa, vừa rồi đã đưa đến đô, nay giao tin này, ông nên nhậm lý này, chậm nghe đức âm.

- Vương Lệnh đáp thư Hoàn Huyền.

Lãnh - quân - tướng - lại - bộ - thượng - thư - trung - thư - lệnh - Võ Cương Nam Vương Mật lo sợ tội chết, vâng theo răn bảo, và đạo nhân kháng lễ chí tôn, đều thấy gửi thư cho Bát Tọa, đầy đủ tiếp nhận cao chỉ, xương lên dung âm, từ lý đều đến, gần đây cũng thô nghe công đạo chưa được nghiên cứu tường tận, tìm ý chỉ của Hà Sung và Dữu Băng cũng tiếc chẳng xoay, vì làm hai luận rò rỉ ở thiên kiến không hiểu nhàm tâm nhưng ở chân như nhã hối, sự hưng khởi của Phật pháp phát xuất từ Thiên-trúc. Tống vốn tối xa khó dùng lời nói, đã dẫn xen nơi giáo nên có thể lược nói, ý lấy làm khác phương di tục, tuy chỗ an thường trái, còn như lý của quân ngự, không gì chẳng hẳn đồng, nay Sa-môn tuy úy sâu ở kính, chẳng lấy hình cúi cong làm lễ, vết tràn khắp nơi mà thú vượt phương nội. Vì thế, vua của nước ngoài không ai chẳng giáng lễ, vì đạo còn thì quý, chẳng lấy người làm khinh trọng, tìm đại pháp tuyên lưu ngày đó thật lâu xa, hơn bốn trăm năm trải qua ba triều đại, tuy phong dời chính đổi mà mở mang đó chẳng khác, há chẳng vì hóa của riêng đi tuyệt có nhật dụng ở luyện dần, phong của thanh ước không hại ở Long Bình ư? Nên Vương giả cung mình chẳng tiếc, tiếc ở thiếu nhà, Sa-môn gìn giữ chân chẳng tự nghi ở dối đời, nương lấy thông sinh lý vật ở Vương giả, khảo các lý về thật như gia luận, ba là đức âm chẳng thể xong rồi, tuy muốn vâng đáp, lời sắp không gửi, còn lấy làm công cao là chẳng thưởng, ân tuệ sâu là quên tạ, tuy là một bái một khởi, cũng đâu đủ đáp đức của tế thông ư? Công cuộn nhìn chưa sót bèn thấy đợi hỏi, liền dẫn bày ngu hẹp chẳng khiến hiềm ở chỗ kính phụng. Mong chẳng vì người phế lời, đến bạch phản trắc, hoàn mật lo sợ tội chết.

- Hoàn Huyền cật nạn.

Đã chỉ dạy rằng: Sa-môn tuy ý sâu ở kính nà chẳng lấy cúi mình làm lễ, vậy hỏi rằng: Kính của Sa-môn, há đều lược hình còn tâm, sám hối lễ bái cũng dốc ở sự, Thầy của viện kịp đợi nơi Thượng tọa cùng người đời bái quỳ, chỉ vì tiểu dị chế đó. Đã chẳng thể quên hình đối với kia, chợt nghi thức đối với đây? Vả lại, làm lý của sư lấy giúp ngộ làm

đức, quân đạo thông sinh thì lý nên ở gốc, nghĩa ở ba, há chẳng phải cực của tình lý ư?

Đã chỉ dạy rằng: Vua ở nước ngoài, không ai chẳng giáng lễ, vì đạo còn thì quý, chẳng vì nước làm khinh trọng. Hỏi rằng: Vua ở nước ngoài chẳng nên ví dụ, mà hưng khởi của Phật giáo ý chỉ đó cũng có thể biết, há chẳng dùng sáu nghĩa kiêu cường, chẳng phải chỗ hóa của thường giáo, nên bày lớn linh kỳ khiến cho sợ phục, đã sợ phục đó, sau mới thuận theo khuôn phép, đây đều là vốn sợ quỷ thần, việc của phước báo, đâu là y cứ đạo diệu huyền ư? Đạo còn thì quý, e khác với nhã chỉ, đâu được đắp pháp phục, bèn đạo còn trong đó, nếu dùng đạo còn sau đó làm quý, y cứ như ông nói, đạo của bậc Thánh là cùng cực của đạo, kính của vua tôi là thuần dốc ở lễ, như thế thì Sa-môn chẳng kính đâu được lấy đạo làm quý ư?

Vừa rồi nói: Trải qua hơn bốn trăm năm và cả ba triều đại mà mở mang chẳng khác, há chẳng vì hóa của riêng dứt có nhật dụng ở luyện dần, phong cách của thánh ước không hại đối với Long Bình ư? Hỏi rằng: Các đời chẳng đổi thay, chẳng phải chỗ lấy làm chứng, ngày xưa người Tấn xem thường không thờ Phật, đồ chúng Sa-môn đều là các người Hồ. Vả lại, Vương giả cùng đó chẳng tiếp, nên có chỗ nhậm tình phương tục, chẳng vì đó xem xét. Nay chúa thượng thờ Phật, thân tiếp Pháp sự, sự khác với xưa, làm sao có thể chẳng khiến lễ đó có chuẩn, nhật dụng thanh ước có giúp cho giáo đều như ông nói, đây bởi là công của Phật pháp, chẳng phải chỗ lợi ích của Sa-môn ngạo dối. Nay dốc lấy cầu kính e rằng không được nhiệt tình giúp đỡ.

Đã chỉ bày rằng: Công cao mà chẳng thưởng, ân sâu mà quên tạ, tuy là một bái một khởi đâu đủ đáp ân của tế thông? Hỏi rằng: Lý chí không đáp, thật Như lai dạy, nhưng tình còn võng cực thì kính tự theo đó, đây là lý do bậc Thánh duyên theo tình mà chế lễ, mà đều chung gửi. Nếu vì công sâu ân nặng, hẳn lược tạ đó, thì đức của Thích-ca là sâu hay cạn ư? Nếu cạn thì chẳng nên vì tiểu đạo mà loạn Đại luân. Nếu sau thì đâu được kia trang nghiêm cung kính đó mà đây dứt kính đó ư?

- Vương Lệnh đáp Hoàn Huyền.

Hỏi rằng kính của Sa-môn đâu đều bỏ hình còn tâm, sám hối lễ bái cũng dốc ở sự phải không? Đáp: Đạo Sa-môn tự lấy kính làm chính, nhưng bến đường đã khác, nghĩa không giáng khuất, nên tuy trọng hình của thiên thuộc, lễ đều cùng tận. Sa-môn sở dĩ suy tông sư trưởng tự sùng kính nhua là vì tông trí đã đồng thì già trẻ đều thứ lớp, tự thông có

hệ thì sự cùng tâm ứng, nguyên Phật pháp tuy thoáng rộng mà chẳng bỏ sót điều thiện nhỏ, công của một phần, báo cũng ứng theo, chưa mảy may thành núi, nghĩa đây rõ ràng.

Hỏi rằng quân đạo thông sinh thì lý nêu tại gốc, nghĩa ở ba đâu chẳng phải cực của tình lý ư? Đáp: Quân đạo thông sinh thì lý đồng tạo hóa. Phàm, luyện đục phô khí, công thì mở mang, mà chưa có tạ ân ở chỗ bẩm để cảm ở lý gốc đó sao, vì gốc mờ u dứt, chẳng phải chỗ nêu của vật tượng, vận thông lý diệu, đâu phải năng đáp của vết thô. Vì vậy Phu tử nói: Có thể khiến lý do, chẳng thể khiến biết, là nghĩa này.

Hỏi rằng: Vua của nước ngoài, chú giải phải chỗ nên ví dụ, sự hưng khởi của Phật giáo, y chỉ đó có thể biết. Đâu chẳng vì sáu di kiêu cường, chẳng phải chỗ hóa của thường giáo. Nên thiết lớn linh kỳ, khiến đó sợ phục. Đáp: Phàm, thần đạo lập giáo thật khó dùng lời nói, ý lấy làn thiết lớn linh kỳ, nêu bày báo ứng, đây là thật lý rất ảnh hưởng, căn yếu của Phật giáo, nay nếu cho ba đời là luống dối, tội phước là khiếp sợ, thì chỗ nói của Thích-ca, gần như không nương cậy, thường lấy làm hóa của Chu Khổng cứu sự thậm tệ đó, nên nói vết tận ở một đời mà chẳng mở đường muôn kiếp, nhưng xa dò ý chỉ đó cũng thường có thể tìm, hiếu để nhân nghĩa rõ chẳng mưu mà tự đồng, sinh sát của bốn mùa thì tâm thấy của căng từ, lại thuộc ức trọng do đó hỏi, cũng dường như có ý chỉ sâu, chỉ giáo tâm đã khác nên xứ này thường mê mờ. Lắng tĩnh mà cầu, gần như là vậy ư? Gần như là vậy ư?

Hỏi rằng: Kính của vua tôi thuần dốc ở lễ, như thế thì Sa-môn chẳng kính đâu được lấy đạo còn làm quý ư? Xin đáp: Lại tìm Cao luận, lấy làm quân đạo vận thông, lý đồng ba lớn. Vì vậy, điều trước đã thô nói ý lấy làm đạo của vua người, trộm đồng cao chỉ. Cần như kính của vua tôi thì lý tận danh giáo, nay Sa-môn đã chẳng làm tôi Vương hầu nên kính cùng đó phế bỏ.

Hỏi rằng: Lịch đại chẳng đổi thay chẳng phải sở dĩ làm chứng. Ngày xưa người Tấn xem thường không thờ Phật, đồ chúng Sa-môn đều là các Hồ. Vả lại, Vương giả cùng đó chẳng tiếp, nên có thể mặc tình phương tục đó chẳng vì đó xét. Xin đáp: Trước sở dĩ nói trải qua có niên đại là, chánh vì đạo của dung dưỡng, vì cần phải có dùng, chẳng phải gọi là việc đã vậy, không thể sửa đổi ở lý, đây bởi nói chỗ đến của thế, chẳng phải chỗ y cứ của họa vẽ, nên người chẳng tiếp Vương giả, lại như cao xướng chẳng luận của đời trước, có lẽ ở đây ư?

Hỏi rằng: Đây bởi là công của Phật pháp, chẳng phải chỗ lợi ích của Sa-môn ngạo dối. Nay dốc dùng cầu kính, sắp không càng đượm

nồng giúp đó ư? Đáp rằng: Kính tìm luận lại, là chẳng lừa dối Phật lý. chỉ vết của ngạo dối có thiếu đại hóa, thật Như lai răn dạy! Thật Như lai răn dạy! Ý nói là đạo Sa-môn có thể được gọi khác mà chẳng phải ngạo dối, nay nếu cuối của ngàn năm, thuần phong trở thành mỏng manh, hang hoạnh phục phần nhiều chẳng phải người ấy là, dám chẳng ôm thẹn, nay chỉ nói là từ lý mà im lặng, như có thể bỏ sót người mà nói đạo. Đáp trước rằng: Chẳng vì người mà khinh trọng ý nhỏ nhiệm ở đây.

Hỏi rằng: Nếu vì công sâu ân nặng sẽ bỏ tạ đó thì đức của Thích-ca là sâu hay cạn? Nếu cạn thì chẳng nên vì tiểu đạo mà loạn đại luân, nếu sâu thì đâu được kia cung kính đó mà đây bỏ kính ư? Xin đáp: Vì đạo của Thích-ca sâu thì vậy, mà người chiêm ngưỡng càng dốc kính là, do đây luân của tạo đạo này hẳn giúp hành công, cái đẹp của hành công chẳng chuộng ở đây, như nay bèn chứa nhóm sở nhân của hành, then chốt của đời sau. Vả lại chính kính sư trưởng công còn khó ép, huống chi là phỏng tâm tông cực mà có thể tiếm lễ ư? Nên tuy cúi ngước nhiều kiếp mà chẳng gọi là Tạ ân!

- Hoàn Huyền lại cật nạn.

Xét nêu bày vẫn chưa giải thích chỗ nghi. Nhân đến cáo lại thô có cật nạn đó. Lý của tình kính đâu dung có hai, đều là từ trong để kịp đến ngoài. Đã vào cảnh của phải tình thì chẳng thể không được. Nếu Như lai nói: Vương giả đồng với tạo hóa, chưa có Tạ ân đối với chỗ bẩm để cảm ở gốc lý, là công huyền lý sâu chẳng đâu lớn bằng đây, thì sự hóa độ của Phật lấy gì hơn đây mà luận xưa nay chép: Bến đường đã khác thì nghĩa không giáng khuất, tông trí đã đồng thì già trẻ thứ lớp, tư thông có hệ thì sự với ứng tâm, nếu lý ở mình, vốn đức sâu ở cực, đâu được nói khác của bến đường mà nói giáng khuất ư? Tông trí là gì? Nếu lấy học nghiệp làm tông trí, thì sở học của học, nên là phát tánh của tự nhiên, nếu tự nhiên có ở nguyên do mà bẩm thì gốc của tự nhiên ở đâu sẽ biết. Ngộ của tư thông lại là phát ánh ở ngọn, sự ứng với tâm sao được ở đây mà chẳng ở kia?

Lại nói: Hóa của Chu Khổng cứu sự thậm tệ, nên tận ở một đời mà chẳng mở đường của muôn kiếp. Hễ dùng thần kỳ làm hóa thì giáo đó dễ thực hành, khác ở dốc dùng nhân nghĩa tận ở nhân sự. Vì vậy, bọn Hoàng cân yêu hoặc đều đến như mây, nếu đây là thật lý, thì thực hành dễ, bậc Thánh vì sao bỏ thật đạo của chỗ dễ mà làm việc ngọn của khó hành, đó là chẳng đúng? Cũng đã rõ, hay lấy hóa giáo khác tục, lý ở quyền tế, bàn nói của lộng dối thú hướng có thể biết. Lại nói: Kính của vua tôi, lý tận danh giáo, nay Sa-môn đã chẳng làm tôi Vương hầu, nên

kính cùng đó phế sao làm đó. Lý của kính, đã nói rõ trên giấy, kính của vua tôi đều là chỗ sinh của tự nhiên. Lý dốc ở tình gốc, đâu là sự của danh giáo ư? Luận trước đã nói: Đức lớn của trời đất gọi là sinh, thông sinh lý còn ở Vương giả. Nếu chỗ thông ở đây, sao đây chẳng phải chỗ trọng của tự nhiên ư? Lại nói luân của tạo đạo phải giúp công hành, chứa sở nhân của hành là then chốt của đời sau, phỏng tâm tông cực chẳng thể thế kính, tuy cúi ngước nhiều kiếp mà chẳng gọi là tạ ân, xin lại y cứ ý chỉ nêu lại mà mượn lấy làm cật nạn, Như lai cáo, kính đó là hạnh đầu, là trọng của kính, công hạnh là phải tính nhọc của làm công, sao được lấy ngay quý ngưỡng Thích-ca nói chẳng chuộng ở đây ư? Ân tuệ không chỗ tạ, chỗ người đạt giả không lầm hoặc, chỉ lý căn sâu cực, tình kính chẳng thể không được, kính vua cả bề tôi đâu tạ ân đó ư?

- Vương Lệnh lại đáp Hoàn Huyền.

Vâng phụng cáo văn và lại cật nạn, đủ tiếp nhận cao chỉ, lý này nhỏ nhiệm, rất khó đặt để lời nói. Lại, việc lớn của một đời ứng thời biết rõ, Hạ quan tài chẳng phải nhổ tối giữ thiếu nghiên cứu chiết Trung. Vả lại, diệu nạn ràng đến càng thêm mờ hoặc, chỉ vì cao chỉ đã đến chẳng dám im lặng, bèn lại dẫn đoản kiến đó vọng đáp lại hối, không dùng khải phát dung trí, chỉ dùng phản trắc, mong lại hỏi các đạo nhân thông tài hết chẳng đợi đó, ông nói: Tông trí là gì? Nếu lấy học nghiệp làm tông trí, thì sở học của học nên phát tánh của tự nhiên. Nếu tự nhiên có ở nguyên do mà bẩm thì gốc của tự nhiên ở đâu sẽ biết. Nay lấy làm tông trí là, là chí đạo của chỗ thú hướng. Học nghiệp là nôm lưới của nhật dụng, nay sắp muốn thú hướng chí cực kia chẳng được chẳng mượn nôm lưới để tự vận dụng. Nên biết công của chỗ mượn chưa là bặt xứ. Phàm chứa học dùng cực đó là hẳn thềm thô để đến diệu, được cá thì nôm phế, lý thấy ở đây, ông cho rằng sự hóa độ của thần kỳ dễ, công của nhân nghĩa khó, bậc Thánh có gì bỏ thật đạo của chỗ dễ mà làm việc ngọn của khó lành, đó là chẳng đúng? Cũng rõ ràng. Ý cho là giáo của Phật cùng thánh bên trong hẳn khác, đã nói khác lý thì không đều, nay luận Phật lý nên phải y cứ tông đó mà lập ngôn, nhưng sau đường thông bít có thể được rõ ràng. Đáp ở trước sở dĩ nói: Hành của nhân lành là ý chỉ của bất sát, đó nếu tợ thể đồng là nên dẫn để đến đây. Còn như mở lời chống luận chỗ bến đường về, nên khó được làm một, nhưng chỗ ngu ý thấy là lại cho rằng Phật giáo là khó. Vì sao nói thế? Vì nay điều nội thánh nói lấy làm ra lời đó khéo ứng như ảnh hưởng, như đó chẳng thiện ngàn dặm xa, như đây thì thiện ác lẽ ra trong chốc lát, họa phước giao nhau trước mắt. Vả lại, làm nhân do mình, mở mang

đó thì bỏ chánh tức tà, trái đạo mà theo ham muốn, huống chi Phật giáo dụ một đời như búng ngón tay, quan trọng là ở nhiều kiếp. Nói không địa vị của linh dị, bày báo ứng khi chưa hiện điềm, lấy đó có thể tin, cũng chẳng khó ư? Vì vậy hóa đến Trung quốc ngộ đó là ít, nên kinh Bản Khởi chép: "Chánh ngôn dường như trái lại, chính là nghĩa này. Ông nói: Hành công là phải tính nhọc của làm công, sao được lấy ngay quý ngưỡng Thích-ca mà nói chẳng chuộng ở đây ư? Xin thử nói rằng: Vì Phật đạo rộng sâu, sự số càng nhiều, có thể dùng luyện thần thành đạo, chẳng phải chỉ một việc. Còn như ở tâm không nhọc ở sự năng nhọc quý ngưỡng tông cực, bèn là một của hành công, đáp ở trước sở dĩ nói: Chẳng chuộng ở đây, là tự cho rằng phỏng vết tâm tông, lý đó khó chuộng, chẳng gọi là sự của lễ bái. Bèn là không lấy, chỉ đã ở vực của chưa tận, chẳng được chẳng có tâm của mong thông, tuy nhỏ nhẹ của một phần, hẳn trọn chỗ cần của mong đó, ông nói kính của vua tôi đều là chỗ sinh của tự nhiên, lý dốc ở tình bản, đâu là sự của danh giáo ư? Kính vái cao luận, chẳng cho không trống, vì thế đáp ở trước nói: Đạo của vua người trộm đồng cao chỉ là ý ở đây. Còn như kính của vua tôi, sự tận tiếp bái, nên cho đây là danh giáo, chẳng phải gọi là khoảng tận của cùng nhau ở hình vết. Xin lại trình bày để tận ý nhỏ nhiệm. Phàm, đời Thái Thượng, vua tôi đã phân vị, tự nhiên tình ái thì nghĩa rõ ở gốc hóa mãi đến thời nay, thì hình kính chẳng thèm nghe, quân đạo hư vận, nên lý của cùng vọng hưng thái, thần (tôi) đạo ngầm luyện, nên sự cùng tận ở biết đủ, do đây mà suy, hình kính chẳng với có ảnh hưởng tâm, gàn như rõ ràng, thân dự đã sinh, lễ này mới hưng, há chẳng phải chế của hậu thánh, làm sự cùng thời ứng đó ư? Lý này hư xa, bởi cật nạn mà làm biện, như thế chưa thỏa đáng, xin đợi cao chuộng.

- Hoàn Huyền lại gửi thư cho Vương Lệnh.

Vừa rồi cật nạn, v.v... tay bút rất đẹp, rất là văn vẻ, có thể dùng để giải thích điều nghi, mà chỉ là chưa đến, bèn cùng kích nạn chưa thấy đó thôi, nay lại phân biệt rõ lý ở ba, để biện đối khinh trọng, thì lý của kính hay không sẽ biết, tưởng công của nghiên vi hẳn ở khổ chiết, tám ngày đã đến nay gửi thư cho Phải Bộc Xạ, khiến thi hành đạo của kinh sự tôn chủ, khiến thiên hạ không ai chẳng kính, tuy là Phật đạo không lấy thêm tôn đó, há chẳng tận thiện ư? Sự tuy đã hành không dự chỗ luận nên rốt ráo, tưởng các người hoặc lại có tinh chiết, có thể để bày trọng văn.

- Hoàn Huyền lại cật nạn.

Vừa rồi được bày lại, và chỗ luận của các vị đều chưa có để giải

thích điều nghi, y cứ mà cật nạn, gần như lưu chuyển, nay lại trình bày ý trước mà quanh co, tưởng Túc hạ có dùng đến dây của ngựa trắng, biết có của biện chế. Chỗ coi trọng của Phật giáo hoàn toàn lấy thần làm quý, cho nên thầy trò y cứ nhau, chẳng có hai luân, phàm sáng tối của thần đều có bổn phận, chỗ nhờ của phận là bẩm thọ có gốc, làm công của thầy ở nơi phát ngộ, thí như kinh phác mà oánh phất. Nếu chất chẳng phải là ngọc đẹp thì mài giũa đâu ích gì, đó là tốt xấu còn ở tự nhiên. Đức sâu ở vốn nơi lúc đầu, công của phất oánh thật đã ở ngọn, đã ôm ngọc ở trong, lại thợ làm thành đồ dùng, chẳng phải quân đạo (đạo vua) thì không dùng bày, bèn nay mà thông làm đạo đó. Vì là trọng của ba mà thầy là cuối. Vì sao nói vậy? Đạo vua gồm thầy, mà thầy gồm vua, giáo dùng để mở mang pháp dùng để cứu giúp, là đạo của vua, há chẳng đúng ư? Há có thể vì khinh ở lý mà đoạt kính của nên tôn? Ba là lý đó, hơn chỗ nghi sợ, ý chỉ của chế tác sẽ ở kia mà chẳng ở đây, nhầm mà dùng, tệ đó càng quá lắm. Tưởng là lãnh thú hướng mà quý sự, được đó trên ao.

- Vương Lệnh lại đáp Hoàn Huyền.

Lại Khuyết Gia Hối nói: Làm giáo của Phật lấy thần làm quý, sáng tối của thần, đều có bổn phận, làm lý của thầy là ở phát ngộ. Còn như đạo vua thì có thể dùng bày, bèn đời này chung làm đạo đó. Bày làm thầy, không đẹp của gồm thông, vua có gồm đức của thầy, hoằng sùng chủ đó. Đại lễ chiết sâu cạn ở ba, thật như Cao Luận. Hạ quan gần đây sở dĩ thốt lời hẹp thấy đến nơi qua lại, duyên nhìn lại hỏi đã um tùm mà chẳng cho có ẩn, mới lại thành riêng biện một lý, chẳng phải chỉ lầm hoặc của tập thường, đã nghiên cứu lại diệu chì, lý thật rộng xa, thoáng như phát mông, đó là ở đâu? Nhân đã bảo Dữu hằng thi hành sự chí kính, thời định công tư, may lắm hạ quan chiêm ngưỡng, chỗ ngộ nghĩa ở kích tiết, đến nơi răn bảo trên ao, chẳng dám đương đầu vâng mạng.

PHÁP SƯ TUỆ VIỄN Ở LÔ SƠN ĐÁP THƯ CỦA HOÀN HUYỀN NÓI VỀ SA MÔN CHẲNG NÊN KÍNH VƯƠNG GIẢ (VÀ HAI THƯ CỦA HOÀN HUYỀN)

- Thư của Hoàn Huyền gửi Pháp sư Tuệ Viễn.

Sa-môn chẳng kính Vương giả, đã là chỗ tình chẳng rõ, với lý lại là chỗ chưa hiểu, việc lớn một đời, chẳng thể khiến cho thể đó chẳng thỏa đáng, vừa rồi Bát Tọa có gửi thư, nay bày tỏ cùng ông, ông hãy nêu lý do chẳng, kính ở đây thực hành việc đó, một vài khiến rõ sai

tưởng, ông phải có để giải thích chỗ nghi ngờ. Vương Lệnh Quân rất có nhậm ý này, gần đây cũng cùng đến Tạ Trung, tạn mặt hỏi nhau đó, chỗ y cứ lý khác chưa giải thích điều nghi. Nay Quách Giang Châu lấy lời ông đáp, có thể giao ý chỉ cho.

- Pháp sư Tuệ Viễn đáp.

Xét biệt cáo và thư của Bát Tòa, hỏi lý do Sa-môn chẳng kính vương giả, ý nghĩa ở tôn chủ sùng thượng, xa còn danh thể, nêu dẫn họ Lão đồng Vương hầu ở ba đại, để giúp sinh đạo của vận thông, nên phải trọng thần khí, nếu suy gốc đó để tìm nguồn đều bẩm khí ở lưỡng nghi, thọ hình ở cha mẹ, thì dùng của đời đời vận thông hoằng tư, còn lý nhật dụng làm đại, nên chẳng nên thọ đức mà bỏ sót lễ, đượm ân tuệ đó mà phế kính, đây là chỗ y cứ của Đàn Việt lập ý, bần đạo cũng chẳng khác đối với sự nghĩ nhớ cao xa, cầu đó ở Phật giáo, để tìm đạo lý của Sa-môn thì chẳng đúng. Vì sao? Vì điều mà kinh Phật nói, gồm có hai khoa: Một là ở tục hoằng giáo; hai là xuất gia tu đạo. Ở tục thì lễ của phụng thượng kính của tôn thân, nghĩa của trung hiếu, phô diễn tại văn kinh, huấn của ở ba nói rõ ở thánh điển. Đây cùng vương chế đồng mạng có như phù khế, điều này hoàn toàn được Đàn Việt rõ biết, lý chẳng được khác, xuất gia thì là khách của phương ngoài, vết bặt ở nơi vật đó là giáo. Đạt hoạn lụy duyên ở có thân, chẳng còn thân để dứt hoạn, biết nhiều đời do bẩm hóa, chẳng thuận hóa để cầu tông, cầu tông chẳng do thuận hóa, nên chẳng coi trọng sự giúp của vận thông. Dứt hoạn chẳng do ở còn thân, nên chẳng quý ở lợi ích của sinh dày, lý này trái với thế gian, đạo đó ngược với thế tục, vì thế người xuất gia đều ẩn cư để cầu chí, biến tục để đạt đạo, biến tục thì phục chương, chẳng được đồng thể với thế điển ẩn cư thì nên cao chuộng vết đó, như vậy thì cứu vớt được thế tục trong dòng chìm, nhổ căn sâu tối ở nhiều kiếp, xa thông bến của ba thừa, rộng mở đường của trời người, cho nên trong trái với tụng của Thiên thuộc mà chẳng trái với hiếu đó, ngoài thiếu cung của phụng chủ mà chẳng mất kính. Nếu người này tự thề bắt đầu từ lúc cất vất trâm tóc, lập chí thành ở tuổi già, như nay một bậc toàn đức thì đạo đượm cả sáu thân, thấm khắp thiên hạ, tuy chẳng ở địa vị Vương hầu, hẳn đã hợp khế hoàng cực giúp đỡ sinh dân. Như thế đâu ngồi thọ nhận đức đó, luống đượm ân huệ đó cùng bậc hiền của hộ lộc đồng hưởng không đó? Đàn Việt hoặc là có phục mà không có người, nên lắng trong giản luyện, dung mà chẳng tạp, mạng này đã tuyên, trăm người đều thành thật, toại đó càng sâu, chẳng phải chỗ nói dụ, nếu là mở vết của xuất xứ để hoằng đạo của phương ngoài, thì kẻ hư câm ôm lấy di phong, hạng

súc dòng vị bến thừa đó. Nếu sau của lắng chọn còn chẳng xứng tình, trong đó hoặc Châu Ngụy mạo phạm nhau, kinh vị chưa phân, thì có thể dùng đạo phế người, chẳng nên vì người phế đạo. Dùng đạo phế người thì nên bỏ phục, vì người phế đạo thì nên còn lễ đó, lễ còn thì ý chỉ của chế giáo có thể tìm, vết phế thì hân hoan cuả toại chí chẳng nhân do, lấy gì để nói rõ? Sa-môn phục chương pháp dụng tuy chẳng phải điển của sáu đời, tự là khác chế của đạo gia, danh khí của ngoài tục, danh khí xen lẫn nhau thì sự gốc đó, sự trái gốc đó thì lễ mất dụng. Cho nên kẻ mến phu lễ hẳn chẳng thiếu danh khí. Được thì chẳng thể thiếu cũng có từ xưa đến. Xa vâng cổ điển là nếu còn khí dương của cáo sóc, khí còn thì có thể còn lễ, đâu sánh cới pháp phục Như lai ư? Suy đây mà nói tuy không đạo đó thì nên còn lễ đó, lễ còn thì pháp có thể mở mang pháp có thể mở mang thì đạo có thể tìm. Đây là đại pháp xưa nay chỗ đồng chẳng đổi khác. Lại ca sa chẳng phải phục của triều tông, bình bát chẳng phải khí của lang miếu. Quân quốc khác dung, nhung hoa chẳng tạp. Người cắt tóc hủy mình, chợt bỏ lễ của các hạ thì là voi của khác loại lẫn nhau, cũng trộm chỗ chưa an, Đàn Việt vận kỳ, nổi bất từ tuổi trẻ, phong lưu xa nơi cuối tục, còn tham cứu thời hiền để cầu trúng, đây mà suy đó hẳn chẳng vì người phế lời, bần đạo tuổi đã già nua, mượn ngày tháng để đợi chỗ tiếc của tận tình, đâu còn một mình cẩu thả keo lận chỗ chấp. Bởi muốn cho Tam bảo hưng thạnh ở vận của mạng thế, minh đức tỏa thơm ở sau trăm đời, nếu một mai hành Phật giáo này chìm mất, đại pháp của Như lai từ đây diệt sạch, người trời cảm thán, đạo tục đổi tâm, bần đạo chỗ sâu thật mong mỏi sao mà an cậy. Duyên cuộn gặp lớn mạnh, nên thản bày chỗ hoài mong, cầm bút buồn xót bất chợt lệ trào hoen mi.

Hoàn Huyền đáp thư của Pháp sư Tuệ Viễn. (và chiếu vua dừng việc Sa-môn kính lễ)

Biết vì phương ngoài bỏ sót hình nên chẳng quý ích lợi của chúng sanh. Cầu tông mà chẳng do thuận hóa nên chẳng trọng tư của vận thông. Lại nói: Trong trái trọng của thiên thuộc mà chẳng trái hiếu, nhân thiếu cung của phụng chủ mà chẳng mất kính. Nếu Như lai nói lý vốn không trọng thì không duyên có tình của chí hiếu, sự chẳng phải giúp thông, chẳng nên còn có nghĩa của trí kính, tình của vua và cha chấp thuận đó chưa tận, thì chỗ cậy của tình làm sao là dứt đó? Lụy mắc ở tâm, vướng kẹt chẳng do hình kính, hình kính bởi là chỗ dụng của tâm, nếu là ở gốc đó mà giả sử dùng hình kính, đây là chỗ chưa dụ. Lại nói Phật giáo mở mang cả hai, cũng có giáo của ở tục, hoặc thấm khắp

thiên hạ, đạo đượm sáu thân, phải dùng hợp tán hoàng cực mà chẳng luống đượm đức. Phật giáo còn hành đều dùng sự ứng nhân duyên có gốc, phải đến không sai, như thế thì người hành đạo cũng nào trái ư? Cho nên đạo của Thích-ca chẳng thể vượt bến cầu Bạch tịnh, tuy chưa đắc Tu-đà, cho nên đồng là chỗ mong của người cả nước, y cứ lời Như lai nói đây tự có đạo, công của đức sâu hẳn chẳng phải chỗ của nay gọi là thích nghi giáo là chỗ có thể phỏng bàn, vừa rồi nêu bày chưa thể cùng cầu lý đó, nêu khiến rất bùi ngùi. Cho nên chưa dụ đó, tưởng chẳng lầm hoặc trệ của lưu thường, mà nhầm dụng của tình lý.

HOÀN SỞ BAN SẮC CHẤP THUẬN SA MÔN CHẲNG KÍNH LỄ

Môn hạ đối với Phật khắp sâu rộng chẳng thể rõ, suy tình của dốc chí đó, nên lắng yên cùng kính. Nay sự đã ở mình, nếu chỗ chẳng rõ tạm phải lắng yên theo lược, các vị đừng nên lễ nữa. Bèn đều có thể khiến nghe biết.

Ngày mồng ba tháng mười hai.

Thị Trung thần (tôi) nối tiếp cấp - sự - hoàng - môn - thị - trung thần (tôi) Viên khác Chi nói: Chiếu thư như trên thần đạo mờ tối, thánh chiếu sâu xa, chỗ bệ hạ mở mang là rất viên đãi, đạo nhân thờ Phật vậy. Dân cả nước không ai chẳng phải tôi của vua, mà vì hướng hóa pháp phục bèn chống kháng lễ của muôn thừa, chỗ ngu tình chưa an. Lễ của bái khởi đâu thiếu đạo đó. Đại luân tôn ty chẳng nên đều phế, nếu chấp thuận ngoài của danh giáo, thiếu nghi bái kính, thì xin một đoạn dẫn thấy khải có thể ghi biết.

Kính cẩn khải trình, duyên gì vậy, bèn nên vâng chiếu.

Ngày mồng bốn tháng mười hai niên hiệu Thái Hanh thứ hai, Môn hạ Thông sự - lệnh – sử thần Mã Phạm, Thị Trung thần Tự Chi nói: Khải trình sự trong được Minh Chiếu, Sùng Chí của xung ấp, che đạo của khiêm quang, ngu tình cuộn cuộn trộm có chưa an. Trị đạo tuy khác, trí lý đồng về. Tôn vua tôn thân, giáo pháp chẳng trái. Lão Tử nói bốn đại là một tôn. Chỗ Sa-môn tiếp nối tuy khác vết mà chẳng vượt đời, đâu được chẳng đồng với dân trời, bệ hạ thật muốn mở mang đó ở trên, nhưng lễ của thấp cao, điển của kinh trị, Ngu cho rằng nên duỗi thuận các tâm, mãi mãi làm pháp thức cho tương lai, xin như chỗ có trình trước, kính cẩn khải trình.

Đặt để đó khiến tự mình cũng là gồm mến chín dòng, đều toại đạo đó.

Thị - trung - tế - tửu - thần Tự Chi nói: Lại được sắc chiếu như trên,

bệ hạ chí đức viên hư, khiến thổi muôn vàn tự mình chín dòng mỗi theo tốt đẹp, bày tối và cực trí, linh đượm u lưu. Vô tư chẳng sợ, các phương sở dĩ giúp chung trời, người sở dĩ giao sướng thần (tôi) nghe Phật giáo dùng thần tuệ làm gốc, dẫn đạt làm công, từ đây trở lại, bởi là dụng của kiệm thô, thần lý vời xa, tìm đó ở hình mình, mà trên là chí thành chính túc bái khởi, không thiếu ở trì giới. Nếu hành đạo chẳng mất làm cung đó, phép vua đều kính ở khắp nơi. Đạo hiền đều lớn mạnh, trong ngoài đều được. Thần (tôi) trước thọ ngoại nhậm, nghe tiếp sơ đoản, mới chẳng biết xuân trước đã có Minh luận, gần đây sắc chiếu, bèn dốc ngu tình, chẳng sợ xứng hợp, trở lại đây mới thấy này đã trải qua thần bút, tông trí vời xa, lý chiết nhỏ vời, chẳng phải chỗ thần (tôi) dốt nát có thể khen ngợi, Sa-môn chống lễ, đời trước đã hành, nay sáng lớn đã lên, đạo hóa không ngoài, khắp nước đại luân không thể có thiếu, xin như chỗ khải trình ở trước, nhiếp ngoài thi hành, kính cẩn khải trình.

Từ khi có trong ngoài đều mở rộng là, sao đó đối với dùng lý đời trước mà khanh khư khư tiếc rẻ? Lại chẳng phải khen ngợi đạo đó.

Thị - trung - tế - tửu - thần (tôi) Từ Chi nói: Lại vâng sắc chiếu, từ khi có trong ngoài đầu mở mang là thánh chỉ sâu thông, đạo suốt trăm vua, cúi đọc ngưỡng tán, người cạn kịp chẳng phải được tôn chủ cầu pháp là tiết của hạ thần, vì vậy cuồn cuộn thường chấp chỗ giữ, minh chiếu vượt xa lược thường đều, thần (tôi) tối tăm chẳng đạt, tìm dùng thẹn sợ bèn vâng sắc chiếu giao ngoài nhiếp vâng theo, kính cẩn khải trình.

Ngày hai mươi bốn tháng mười hai niên hiệu Nguyên Trị năm thứ nhất kính dâng.

PHÁP SƯ TUỆ VIỄN Ở LÔ SƠN GỬI THƯ CHO HOÀN HUYỀN NÓI VỀ PHÂN BIỆT SA MÔN (VÀ THƯ CỦA HOÀN HUYỀN)

- Hoàn Huyền phụ chính muốn sa thải chúng tăng và Liêu thuộc giáo.

Thần đạo mịt mờ, chỗ mà bậc Thánh chẳng nói nhưng chỉ chế tác chỗ mở mang đó như sắp có thể thấy, chỗ Phật quý vô vi, ân cần ở nơi dứt dục, mà so sánh lấn lướt bèn mất đạo đó. Kinh đô tranh giành, xa xỉ hoang dâm, vẻ vang lăng xăng nơi triều chợ, thiên phủ vì đó mà nghiêng úp, danh khí vì dơ nhuốc, lánh dịch chung ở trăm dặm, bắt trốn doanh nơi chùa miếu, cho đến một huyện, mấy ngàn bèn thành gian truân lưu lạc. Lạc ấp nhóm họp những kẻ dạo ăn, khắp nơi chứa nhóm hạng chẳng ràng buộc, đây sở dĩ thương trị hại chính vẩn dục Phật giáo,

hẳn đã đây kia đều tệ, thật bẩn phong quỹ vậy, bèn có thể nghiêm hạ tại chỗ các Sa-môn có thể bày thuật kính cáo, xướng nói nghĩa lý, hoặc cấm hành tu chỉnh phụng giới không thiếu, luôn làm A-luyện Nhã là hoặc ở núi rừng dưỡng chí, chẳng doanh sự lưu tục là đều đủ để tuyên gủi đại giữ hóa, cũng sở dĩ bày vật, dùng Đạo mở mang dạy bảo làm khuôn phép, may gồm trong ngoài. Đó hoặc có trái với đây là, thảy đạo bãi đuổi, tại chỗ lãnh hộ tịch đó nghiêm vì đó chế, chóng bày dưới đó và nêu trên vậy, chỉ Lô Sơn là nơi các bậc đạo đức nương ở, chẳng ở lệ của tìm chọn.

- Pháp sư Tuệ Viễn gửi thư cho Hoàn Thái Úy nói về phân biệt Sa-môn.

Phật giáo bị lấn lướt uế tạp đã lâu ngày, mỗi lần nghĩ tới buồn giận đầy lòng, thường sợ vận ra chẳng phải ý, lẫn lộn đắm chìm. Đây sở dĩ đêm trước than sợ quên ngủ và ăn. Thấy Đàn Việt lắng lọc các đạo nhân dạy, thật xứng bản tâm, sông Kinh dùng sông Vị phân thì đục trong khác dòng, cong dùng thẳng ngay thì kẻ bất nhân tự xa, suy đây mà nói: Phù mạng đã hành thì hai lý đây được, nhưng lệnh tiết Ngụy lấy dâng đó, tự bặt nơi đường của xa thông, tin đạo mến chân là không còn chê ghét phụ tục, như đây thì đạo đời đều hưng, Tam bảo lại thạnh ở nay. Bần đạo sở dĩ gửi mạng Giang Nam, muốn gá có đạo để còn chí nghiệp, thạnh suy của nghiệp do người, gặp đang năm của Đàn Việt thì thật vận của bần đạo Trung hưng, chỗ u tình gá đã ngầm đó ở xưa. Vì vậy thư sớ trước sau tạm dùng nhờ gửi làm đầu, mỗi lúc tìm cáo ủy cuộn lòng chẳng quên, chỉ sợ tuổi trái với thời, chẳng tận hóa của Đàn việt hưng thạnh. Nay muốn thưa hỏi vài điều, như ở biệt sớ, chỗ kinh giáo mở gồm có ba khoa: Một là thiền tư vào vi; hai là phúng vị di điển; ba là xây dựng phước nghiệp, ba khoa thật khác, đều lấy luật hành làm gốc, Đàn Việt gần đây chế tợ đại đồng với đây là chỗ chẳng nghi, hoặc có người tạo phước, bên trong chẳng hủy cấm mà vết chẳng phải A-luyện-nhã, hoặc phần nhiều tụng kinh phúng vịnh chẳng dứt mà chẳng thể thỏa sướng nghĩa lý, hoặc tuổi đã già lớn tuy không có ba khoa để ghi nhớ, mà thể tánh trinh chánh chẳng phạm lỗi lớn, hạng người như vậy đều là chỗ nghi, nay tìm lệ của Đàn Việt xua đuổi chẳng nên hỏi đây, mà vật ngoài sợ nhầm chẳng dám tự yên, nên dùng thưa riêng: Hình vết dễ xét mà chân ngụy khó phân biệt, tự chẳng phải xa xét tin được là khó, nếu Sa-môn ở đô ấp, trải qua thấy nghe của Đàn Việt, hẳn không chỗ nghi, nếu bên cục xa ty nhận biết chẳng kịp xa thì chưa đạt giáo chỉ, hoặc nhân phù mạng lạm nơi người lành, đây rất là lo sâu, nếu quan

sở tại chấp pháp, chỗ ý chưa rõ, và thời không trước mong, Sa-môn có thể dùng cầu trúng được, khiến tấu đến đại phủ dùng kinh cao xét thì với lý là hoằng tưởng Đàn Việt thần lự đã được ở tâm, ngay là tình của bần đạo thường gần, nên chẳng thể chẳng kịp. Nếu có dòng họ con em vốn chẳng phải dịch môn, hoặc nhiều đời kính thờ Đại pháp, hoặc nhỏ bé mà thiên ngộ, muốn bỏ tục vào đạo cầu làm Sa-môn, suy lệ tìm ý tợ chẳng lấp bít đường trong sạch, nhưng cần phải hỏi định khiến tẩy tâm hướng vị thì không còn là tâm tự nghi, xưa kia, các vua nước ngoài phần nhiều, tham hoài thánh điển, cũng có vị nhân thời giúp hoằng đại hóa đỡ nguy cứu tệ tin có từ xưa đến nay. Đàn Việt thường mong người thời xưa, nên lại lược nêu điều đã nghe.

PHÁP SƯ CHI ĐẠO LÂM GỬI THƯ CHO HOÀN HUYỀN NÓI VỀ CHÂU PHÙ CẦU DANH TỊCH SA MÔN

Ngày mồng năm tháng tư niên hiệu Long An thứ ba, khắp kinh ấp các Sa-môn, v.v... cúi đầu trình bạch, tiêu cực có tông thì ngưỡng đến chí cực, Lý khế thần minh thì gội tẩy càng sâu, nên Ni phụ tố thất, Nhan thị lưu luyến, đâu chẳng vì đạo lớn đức thạnh, đi thẳng quên trở lại ư? Bần đạo, v.v... tuy người phàm hạnh bạc, kính thờ Tam bảo, mến tự thiên chí, tin chẳng đợi tập, chỉ ngày tổn công đức vỗ tâm thêm giận, nhờ thánh chủ triết vương lại tự thân mở đạo, được khiến người ở núi sính nghiệp, kẻ nương thành nhàn đạo, duyên hoàng đượm rộng, rưới cây khô được tươi, nhưng Sa-môn ở đời như thuyền rỗng giữa nơi hang lớn, họ đến chẳng vì sự lùi cũng nương nhàn, trong bốn biển trọn tự không có vườn nhà, nước loạn thì chống gậy dạo riêng, đạo hợp thì hân hoan nhóm họp, sở dĩ từ xa mà đến, bởi có lý do. Sắp khua bủa lưới nơi cuối đời, bày tâm thành ở trăm kiếp, mà vừa rồi từng bị Châu Phù tìm cầu danh tịch, tiển thiết rất gấp, chưa ngộ cao chỉ, người quê mùa dễ sợ, âu lo thật sâu, bèn khiến thiền nhân mất lắng, cần sĩ phế hạnh, mất tinh dứt khí, đến sáng sớm chẳng ngủ, đòi vậy chẳng biết lấy gì tự an, cúi mong minh công quạt gió Đường ở thượng vị, đãi bạch túc ở dưới, khiến mến mộ đạo được giúp có chí đều toàn, thì thân mất thể tận, dốc mạng với đây, trời nghe xa khác, hoặc chưa phân biệt, kính cẩn trình dâng, cúi tìm sợ dứt.

THÍCH ĐẠO THẠNH CHÙA THIÊN BẢO KHẢI TẤU VIỆC HOÀNG ĐẾ TỀ VÕ NÓI VỀ KIỂM THỬ TĂNG

Sa-môn Thích Đạo Thạnh ở chùa Thiên Bảo kính khải trình: Xưa

Trọng Ni nuôi dưỡng ba ngàn học trò, người học thiên văn thì đội mũ tròn, kẻ học địa lý thì mang giầy vuông, Sở Trang Chu đến Ai Công nói là: Thầm nghe nước này có người biết thiên văn, địa lý chẳng ít, xin thử đó. Ai công liền tuyên lệnh trong nước người biết thiên văn thì đội mũ tròn, người biết địa lý thì mang giày vuông đến nhà, chỉ có một mình Khổng Khâu đến cửa không gì chẳng đối, nên biết các người khác đều là trộm phục. Đức Thích-ca ra đời giảng nói Bốn đế sáu độ, chế giới oai nghi, Xá-lợi-phất, v.v... đều đắc A-la-hán. Nên biết đại pháp chẳng phải không có tông, nhưng từ đó đến nay lại, căn cơ người chuyển thành độn, xa bỏ đạo huyền, tập quen lầm hoặc buộc tâm, nếu năng cách ý thì hợp luật khoa, chẳng vậy thì đều là kẻ trộm phục, cúi mong bệ hạ, thánh minh rộng thứ, lý này chẳng đến. Phàm phu cầu đạo của bậc Thánh, xưa kia Quảnh Tử Sản xưng rằng: Đại hiền còn chẳng thể thâu mất, vì bày chỗ chứng vui mừng dèm chê, huống chi Tỳ-kheo đời Mạt thì chẳng thâu mất? Nếu chẳng thâu mất, thì sẽ khởi tâm ác, ba quân của chùa lấy gì để kham mạng. Nước có điển hình mong ban ở chỗ y tội trị phạt, may có thể chẳng loạn thánh đức, Đạo Thạnh tôi tuy già bệnh nhưng xa kính mến bảng gỗ dám bày tấu trình, cúi đầu giấy đổ mồ hôi, kính cẩn khải trình.

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 13

- Hy Gia Tân kính vâng pháp yếu.
- Nhan Diên Chi đình cáo hai chương.
- Vương Cai nhật nguyệt chúc.

****

HY GIA TÂN KÍNH VÂNG PHÁP YẾU

Ba tự quy là: Quy Phật quy mười hai bộ kinh, quy Tỳ-kheo tăng, quá khứ hiện tại và tương lai, Phật ba đời mười phương, kinh pháp ba đời mười phương, tăng ba đời mười phương, mỗi lễ bái sám hối đều dốc lòng quy mạng, và thương nhớ tất cả chúng sinh, nguyện cho đều được độ thoát, tiếng nước ngoài là Nam-mô. Hán dịch là Quy mạng; Phật, Hán dịch là giác; Tăng, Hán dịch là chúng. Năm giới: Một là chẳng giết hại, chẳng được bảo người giết, thường phải giữ chắc suốt đời; hai là chẳng trộm cướp, chẳng được dạy người trộm cướp, thường phải giữ chắc suốt đời; ba là chẳng dâm dục, chẳng được bảo người dâm dục, thường phải giử chắc suốt đời; bốn là chẳng lừa dối, chẳng được dạy người lừa dối, thường phải giữ chắc suốt đời; năm là chẳng được uống rượu, chẳng được đưa rượu cho người uống, thường phải giữ chắc suốt đời. Nếu dùng rượu làm thuốc, phải biết tính nặng nhẹ, nhưng quan trọng là chẳng được say, say có ba mươi sáu lỗi, kinh giáo lấy làm răn sâu, chẳng giết hại thì trường thọ, chẳng trộm cướp thì thường an thái, chẳng dâm dục thì thanh tịnh, chẳng lừa dối thì người thường kính tin, chẳng uống rượu thì thần lý minh trị. Đã hành năm giới thì tu mỗi năm ba tháng, mỗi tháng sáu ngày trai: Mỗi năm ba tháng trai là: Tháng giêng từ mồng một đến ngày rằm, tháng năm từ mồng một đến ngày rằm, tháng chín từ mồng một đến ngày rằm. Mỗi tháng sáu ngày trai là: Ngày mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi. Ngày trai đều chẳng được ăn dùng cá thịt, ăn đúng giữa ngày, đã

quá nửa ngày thì mọi thứ mùi vị ngọt ngon đều chẳng được nếm, rửa tâm niệm đạo, quy mạng tam tôn, hối lỗi tự trách, hành bốn đẳng tâm, xa lìa phòng nhà, chẳng đắm sáu dục, chẳng được đánh đập chửi mắng, cưỡi chở trâu ngựa, cầm nắm binh trượng, vợ người, gồm bỏ hương hoa phấn sáp các thứ nghiêm sức, ngay thẳng tâm ý, chuyên ở nhu thuận. Trai là khắp vì người đã mất, hiện tại tri thức thân thuộc cùng với tất cả chúng sinh, đều phải do đây chí thành thường cùng phát tâm, tâm đã cảm phát thì thoát khỏi tội khổ, vì vậy mọi người trung hiếu chuyên tâm cố gắng, vì gần công cứu giúp, chẳng phải không ở nơi mình nên như vậy, ngày trai chỉ được chuyên việc huyền quán giảng tụng nói pháp, nếu chẳng thể thành không, phải tập sáu tư niệm, sáu tư niệm là: Niệm Phật, niệm kinh, niệm tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên. Sao gọi là niệm thiên? Mười điều thiện, bốn bình đẳng là ứng thiên hạnh. Lại phải xứng lực chỗ gắng cứu giúp chúng sinh. Mười điều thiện là: Thân chẳng sát, đạo, dâm. Ý chẳng tật, nhuế, si, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, hai lưỡi, ác khẩu. Sao gọi là chẳng sát? Thường phải xót thương tất cả các loại nhuyễn động, tuy gặp phải khốn gấp nhưng chẳng hề hại nó. Chúng sinh ách nạn đều phải tận tâm cứu giúp, tùy đất nước đó mỗi khiến được chỗ xứng hợp, nghi có vì mình mà giết hại, đều chẳng đáng nhận. Thế nào gọi là trộm? Lấy của cải chẳng phải mình có, chẳng kể lớn nhỏ, và cả quan vị chẳng thanh liêm, đều gọi là trộm. Thế nào gọi là Dâm? Tất cả các thứ mê đắm, đều gọi là Dâm, thí sắc dục chẳng phải vợ chánh thì đều chẳng được phạm. Lại riêng trộm bất công cũng thuộc tội trộm. Nói Tật tức nghĩa là ganh ghét. Thấy thiện của người, thấy người có đức, đều phải vui mừng thay, chẳng được có tâm tranh giành ganh ghét. Nói Nhuế, tức là tâm ôm ấp tức giận chưa kết bên trong. Nói si, là chẳng tin Đại pháp, nghi ngờ kinh đạo. thế nào là nói dối? Lấy không làm có, hư tạo không đầu mối, sao gọi là thêu dệt? Văn sức xảo ngôn, hay lo mà chẳng thật, sao gọi là hai lưỡi? Trái ngược khác từ, đối đây nói kia, sao gọi là ác khẩu? Nghĩa là mắng chửi. Có người nói: Miệng nói việc bất thiện khiến người nương lấy làm tội, cũng là ác khẩu. Mười việc đây đều chẳng được tạm khởi ý nghĩ, đó là mười điều thiện, cũng gọi là mười giới, năm giới kiểm hình, mười thiện phòng tâm, sự có thưa dày, nên quả báo có nhẹ nặng. Phàm ở cảnh hữu phương, gọi chung là ba cõi, trong ba cõi, gồm có năm đường: Một là trời; hai là người; ba là súc sinh; bốn là ngạ quỷ; năm là địa ngục. Giữ đủ năm giới thì tướng người hoàn bị, đủ mười thiện thì sinh cõi trời, giữ được một giới thì cũng được làm người, người có cao thấp, hoặc thọ hoặc yểu

khác nhau, đều do giới có ít nhiều, trái với mười điều thiện thì gọi là mười đều ác, mười điều ác đều phạm thì vào địa ngục chống đánh mạnh dữ, chẳng nhận trung cản, khi tâm độc bên trong tràn đầy, theo riêng khinh cấp thì hoặc đọa vào súc sinh, hoặc sinh làm rắn hổ, san tham chuyên lợi, thường khổ chẳng đủ thì đọa vào ngạ quỷ. Tội đó nếu chuyển ít mà nhiều che chở, tình riêng chẳng công thật đều đọa vào quỷ thần, tuy thọ phước nhỏ nhưng chẳng khỏi đau khổ. Đây gọi là ba đường cũng gọi là ba đường ác. Sắc đau ngứa suy nghĩ thức sinh tử, gọi là năm ấm. Phàm, ngoài một vật có hình để thấy, đó là sắc, mất đó thì ưu não là thống, được đó thì hân hoan là dương, chưa đến nghịch niệm là tư. Quá khứ tìm nhớ là tưởng, tâm niệm mới khởi là sinh, tưởng qua ý thức diệt là tử, từng liên quan với tâm ẩn giấu mà chẳng quên là Thức. Thức là trải qua nhiều kiếp, như mầm đó ở trong lòng, tuy mờ tối lý do, mà vướng kẹt ở căn, ngầm kết mới đầu từ mảy may cuối cùng thành núi vực. Vì vậy, người học phải chuyên thận trạng tu tập, ngũ cái: Một là tham dâm, hai là sân nhuế; ba là ngu si; bốn là tà kiến; năm là điệu hý, nói riêng đó thì: Cầu dục là tham, mê đắm là dâm, ngoài phát là sân, trong kết là nhuế, hệ nơi buộc đắm, xúc lý đảo hoặc là ngu si, nhân duyên của sinh tử thì si là cội gốc, tất cả các mê đắm đều bắt đầu từ si, địa ngục khổ khốc phần nhiều do nhuế. Trong kinh nói: Lính đánh giết người, tội đó còn nhẹ, ôm độc ngậm mưu thì nhiều kiếp càng kết, không giải thoát, sáu tình, còn gọi là sáu suy, còn gọi là sáu dục, nghĩa là mắt thọ sắc, tai thọ thanh, mũi thọ hương lưỡi thọ vị, thân thọ láng mịn, tâm thọ thức, thức tức là thức ấm nói ở trên, năm ấm sáu dục là cội nguồn sinh tử, lý do của tội khổ, phương của tiêu ngự đều nói đủ trong các kinh. Trong kinh nói: Tâm làm trời, tâm làm người, tâm làm địa ngục, tâm làm súc sinh, cho đến đắc đạo cũng là tâm. Phàm lự phát nơi tâm đều niệm niệm thọ báo, tuy sự chưa đến hình mà u đối minh cấu. Phàm tình niệm tròn nhanh, chợt vậy vô gián, cơ động mảy may bèn đầy vũ trụ, tội phước hình đạo không gì chẳng do đó. Lành dữ hối lận định ở chốc lát, vì vậy người hành đạo phải riêng cẩn thận ở tâm, ngăn ngừa các suy nghĩ nhỏ nhiệm, lúc đầu dùng chí lý làm thành trì, thường lãnh gốc để giữ ngọn, chẳng gì sự hình chưa mê đắm mà khinh khởi tâm niệm, đâu chỉ nói ở phòng nhà mà ngàn dặm ứng đó, chẳng thấy chỗ ân thận trọng ở hình ư? Kinh Dị Xuất Thập Nhị Môn nói: Người có điều thiện thường phải che giấu, có điều ác nên khiến phô bày. tâm của quân tử, không ưa thích không chán ghét, lỗi mà không hối phải chẳng tự đắc. Nên nhậm hành tàng ở chỗ gặp, đâu có tâm ở ẩn hiển, nhưng chỗ thi vi

của giáo đó là ở thường gần ư? lý trời ở nơi tội phước, ngoài rỉ thì càng nhẹ, trong kết thì càng nặng, đã dấu vết hiển ở việc người, thì có tổn hại ở minh ứng. Vả lại, phạt thiện nhọc làm, tình lớn của có sinh, nép chẳng phải văn phá, chỗ đồng của phẩm vật. Thiện hiển trước thì vết rõ bày, vết rõ bày thì tiếng tăm nhóm họp. Nếu tình hệ cản trở khuyên mà tiếng tăm nhóm tập ở ngoài, tâm của giấu lận sẽ đầy ở trong. Vả lại, quân tử của người còn là tiểu nhân của trời, huống chi nhân đức chưa đến mà danh nổi ở thật, được lệ u minh nên hẳn vậy đó, nếu chẳng đầy đủ đức thìcó chẳng khắp, ví như mà công đó thì cùng sự mà tan, nếu là tâm của phụ lý, hoài bão của khắc ghi, mà ngoài tu tình mạo để khỏi người oán, thâu nhóm tiếng tăm thế tục, thì rất lừa dối lý trời, thệ của tự nhiên được chẳng càng nặng ư? Vì vậy, Trang sinh nói: Làm điều bất thiện ở trong tối tăm, quỷ thần biết được mà giết, lại tình của người, chẳng thẹn với lý mà thẹn với vật, khiên trước thì hủy chí, hủy chí mà xấu hổ sinh. Tình còn gần lại thì tệ chẳng đến chứa, cậy chẳng bày rõ, thì trọn chẳng chừa đổi, thêm vì, trời thề bên trong thỏa đáng mà sợ bên ngoài, hiển thì “ lự muôn mối, khéo phòng càng kín, chỗ cùng năm còn, chỉ mục đích này, trời ương vật lụy trọn hẳn chóng nhóm, bởi do chẳng phòng mầm mưu lúc đầu mà núp lì chẳng phải dương thiện. Kinh Chánh Trai nói: Chỉ được nói người trăm điều thiện, chẳng được nói người một điều ác. Nói điều thiện của người tâm thiện bèn sinh, nói điều ác của người bèn khởi ý giận, ý lúc đầu tuy nhỏ, dần cùng chứa nhóm, vì vậy một điều thiện sinh cự ức muôn điều thiện, một đường ác sinh cách ức muôn điều ác. Người xưa nói: Dấy khởi của nhà binh chẳng ngoài ba đời. Trần Bình cũng nói: Ta nhiều âm mưu, con cháu chẳng xương thạnh nổi, dẫn lấy làm giáo, thật đủ để có hoằng, nhưng Tề Sở thuần di nối tiếp ở nhiều đời, Nhan Nhiễm chẳng phải hiển báo ở con cháu đời sau, đã là hiển bày đó ở sự nghiệm, chẳng đợi suy lý mà sau rõ. Vả lại cổn mất, võ nổi, mâu phụ khác hình, bốn tội chẳng kịp, trăm đời phép chung, triết vương ngự đời còn không dâm lạm, huống chi tự nhiên huyền ứng chẳng dùng tình đó, mà khiến tội phước lầm nhận thiện ác không chương, là lừa dối lý, hẳn cũng là sâu. Vả lại, Tần chế hình của thâu nô còn lấy người phạm làm chính, chủ mắc phạt đó, sau trách đến các kẻ khác, như thề chăng ngay thân mà ương gần thân thuộc, dùng đây chế pháp, đâu chỉ chỗ của thánh điển chẳng dung, hẳn cũng bày chỗ của Hàn hẳn bỏ. Vì thế, kinh Nê-hoàn chép: Cha làm bất thiện, con chẳng chịu thay, con làm bất thiện cha cũng chẳng chịu, thiện tự được phước, ác tự chịu ương, rốt ráo thay lời nói đó xứng tâm ứng lý! Dấy khởi của thế giáo,đâu

chẳng dùng tình nhận, chỗ còn chẳng dừng ở mình, chỗ kịp càng rộng thì răn sợ càng sâu, vì thế ẩn lý thật ở uẩn độc, mỗi bày gần để kiểm thô tiến không thiếu ở răn khuyên mà có thích hợp ở vật, nên có những người ôm ấp đó, nên lược việc đó mà dụ lãnh sâu u chỉ, nếu là giữ văn mà chẳng thông biến đó, theo giáo mà chẳng đạt giáo tình, dùng đó ở tâm theo lý đạo cũng ngoài ư? Tội phước ở nghịch thuận nên hẳn ứng mà không sai. Nếu mờ tối đạo, thì tà chánh không vị, gá tâm không u cứ. Còn như xét đó ngay năm ấy thì tin tràn mà ít nêu, lý không lỗi trái mà sự hằng hiển trước, đâu được chẳng về các duyên xưa, suy đó ở đời sau ư? Vì vậy có tâm với lý là xét khó lừa dối ảnh hưởng, phế sự chứng mà ngầm gửi, đạt hoằng sớ của lưới trời, nên mong đó chẳng rỉ lọt, ngộ vận qua nơi vô gián, lẫn lộn muôn kiếp ở một triều, bao gồm ba đời mà huyền đồng, cốt yếu rốt cùng về nơi sẽ đến. Đâu vì hiển mờ đổi tâm, ngầm xa thay lự ư? Đây rất là căn chí của tin đầu tiên, mà chỗ tâm nghiệp mong sâu. Kinh Thập Nhị Môn chép: Có lúc tự chấp: Ta đoan chánh hảo, bèn tự nghĩ là trong thân không có gì, chỉ có gan ruột, tỳ phổi, xương máu cứt đái, có gì tốt đẹp? Lại quán trong thân người khác, xấu bày đều như vậy, nếu khởi ý san tham, phải nghĩ của cải châu báu sinh chẳng đem đến, chết chẳng mạng đi, mà đổi dời biến hóa sớm tối khó gìn giữ. Thân chẳng còn lâu, vật không thường chủ, nên phải tức thì ân ban tuệ, dùng của cải giúp thiếu thốn, dùng thuốc thang cứu tật bệnh, suốt ngày mừng vui chuyên lo giúp đỡ. Nếu khởi ý sân nhuế, phải rất sinh bình đẳng, gồm hộ mười giới, Sai-ma-kiệt nói: Bồ-tát sở hành, nhẫn nhục là lớn nếu mắng chửi là im lặng mà chẳng báo, nếu đánh đập là cam nhận mà chẳng giao, nếu sân nộ là tự tâm hướng về. Nếu hủy báng là chẳng nghĩ xấu ác. Kinh Pháp Cú lại chép: Tâm chịu nhục như đất, hành nhẫn như chốt cửa, đất và chốt cửa đều lấy giấu dơ nhận bẩn, suốt ngày chịu giẫm đạp. Kinh Thành Cụ nói: Kia dùng bốn lỗi gia vào mình thì giác biết lỗi của miệng, dùng lời hòa tiếng lành báo đó, chí thành chẳng trang sức, bốn lỗi là, chỗ trên gọi là hai lưỡi, ác khẩu, nói dối và thêu dệt. Kia đem điều ác đến, ta dùng thiện mà ứng, nếu tâm chẳng phải gỗ đá, lý không chẳng cảm, chỉ lo hoạn ở đó mà chẳng thường, mở rộng chẳng chứa nhóm. Nếu mỗi việc đều nghĩ đến nhẫn, thì hối lận tiêu ở hiện đời, phước báo hiển ở tương lai, kinh Hiền Giả Đức chép: Chỗ tâm chẳng an chưa hề thêm vật, tức gần mà nói thì đạo trung thứ, suy mà cùng cực là, nghĩa bốn đẳng, bốn đẳng là gì? Tức từ, bi, hỷ, hộ. Sao gọi là Từ? Xót thương chúng sinh đồng là một vật như ta, suy mình tha thứ cho kia, nguyện khiến đều an, mến cả côn trùng, tình

không đồng khác. Sao gọi là Bi? Bác ái gôm cực, mưa lệ nghiêng tâm, phải khiến công thật, ngầm trước chẳng có tâm thẳng mà thôi. Sao gọi là Hỷ? Là vui vẻ, mềm dịu, bố thí mà không hối. Sao gọi là ái hộ? Tùy theo phương tiện, gặp loài khéo cứu, bến cầu hội thông, chuyên còn cứu giúp, thực hành được bốn đẳng, ba cõi cực tôn, chỉ chưa thể ngầm tâm không điềm, thì có số hẳn rốt cùng. Vì vậy, kinh Bản Khởi chép: Các trời tuy vui nhưng phước hết cũng mất, quý cực mà đạo trời cùng địa ngục đối cửa, kinh Thành Cụ lại chép: Phước là có khổ, có tận có phiền, nhọc có qua lại, kinh Nê-hoàn chép: Năm đường không an, chỉ có vô vi là vui sướng, kinh nói hành đạo là trước phải bỏ tám việc ở đời: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, nghe điều thiện chẳng mừng, nghe điều ác chẳng sợ, tâm tin trời chắc, khuyên không để động chí, vùi căn ở trong, vật ngoài chẳng thể liên can đến sự lo lắng đó. Vả lại, chỗ gặp ở năm ấy hẳn do duyên xưa, duyên xưa vận xa, tin đồng bốn mùa, nó đến chẳng thể ngự, nó đi chẳng thể cản, hẳn phần thuận mà an, vui mà xong siêng năng thêm đạo, tập kỳ các vọng tâm hình báo đã phế, mới được rất an. Lý vốn ở tâm, mà báo rõ ở sự, như hình ngay thì bóng thẳng, tiếng hòa thì vang thuận, đây là huyền ứng tự nhiên, sao có làm đó ư? Nhưng khế tâm thần đạo, hẳn nên mong ở thông lý, chuyên còn xa trong thái hư chánh mính mà không mong ngoài giúp, chẳng thể tiếp để thấp nhàm, phải dùng tình cầu. Đây mới là then chốt để lòng,điều người học nên suy nghĩ vậy. Có chỗ cho rằng: Tâm niệm hẳn có báo, lý đồng ảnh hưởng, chỉ phải cầu ở mình mà thôi, hẳn không sự ở u minh, nguyên bày của kinh giáo, bởi sỡ dĩ ngộ thì cầu ở mình, nhưng phương của cầu mình, chẳng phải giáo thì chẳng ngộ, ngộ nhân ở giáo, thì công do thần đạo, mừng cảm phát trúng hẳn hình ở sự, cũng do ca vịnh chẳng đủ thì dùng tay múa, nhưng phụng và kính đó, bởi chỗ lý chẳng hẳn an mà chỗ tình chẳng thể phế, nên buông mình sâu hiểu giáo chỉ quên ôm mừng tưởng, sắp lấy mình dẫn vật đồng ở đông nhiều, sở dĩ hẳn mới giẫm nơi chí mà khiến cậy lòn có nghi ngờ. Kinh chép: Khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ tử, khổ chét mà phải thấy mặt, khổ yêu thương mà phải chia lìa, khổ sở cầu bất đắc, gặp các khổ này thì chỉ nêu duyên đối gồm rõ ma ngụy, dùng đạt quán mở đó, dùng đẳng tâm mà quán hoằng. Vả lại, khư khư một đời có đồng qua lổ hổng, chỗ gặp tuy khác nhưng trọn về khô mục. Được mất ít nhiều, hẳn chẳng đáng chấp, gồm dùng số đường thì tâm này tự dứt. Lại nếu chưa vào đạo thì hưu thần thay dụng, tụ tan đi lại hiền ngu đồng rốt ráo. Vì vậy kinh nói: An thì có nguy, được thì có mất, hội hợp có lìa, sinh thì có tử, bởi thế thường của tự nhiên, định kỳ của

hẳn đến, suy mà an đó thì không trụ chẳng dời. Duy-ma-Cật nói: Tất cả các pháp định ý sinh hình, nhưng mà điềm động ở lúc đầu sự ứng cuối cùng. Niệm khởi mà có lự dứt thì không, chỗ an của ý thì xúc gặp mà di, chỗ ngại của tình thì không đi mà dính mắc, do đây mà nói, lý do của thông bít, tại ta mà chẳng tại vật. Nếu là sợ sinh ở tâm thì thề nương ở ngoài, thề ngoài đã nương sợ trong càng kết, nếu lo hoạn mất đó không chỗ nào chẳng đến. Vì thế trong kinh nói là lúc trượng phu sợ thì phi nhân được dịp làm hại, thật năng trụ tâm dùng lý cửa trời trong chắc, thì người quỷ không liên quan, duyên đối tự dứt, muôn phải không vì mắc, các tà chẳng thể tiếp nối. Bốn phi thường là: Một là vô thường, hai là kho, ba là không, bốn là chẳng phải thân, lớn nhỏ khác hình, gò hang khác xứ, gọi là vô thường, thạnh suy nối tiếp nhau, vui hết sẽ buồn, gọi là khổ, tất cả muôn phải trọn về nơi không, gọi đó không, thần không vườn nhà đường biến hóa chẳng dừng, gọi là chẳng phải thân. Kinh nói: Ở chốn mê hoặc thì vui giác đối hẳn là khổ, bởi suy thay rụng ở qua lại, xét vui qua thì suy đến, nên ở an lự ách, đêm sợ vinh quán. Nếu phàm sâu nơi khổ thì gọi là kiến đế, đạt có tâm thì có kẹt, có kẹt thì khổ còn, tuy quý cực trời người, vị gồm sùng cao, chỗ nương càng nặng, thương đắm càng sâu, chỗ của tình vui đối với lý càng khổ, nên trong kinh nói: Ba cõi đều khổ, không thể vui được. Lại nói: Chúng sinh năm đường cùng ở trong một ngục lớn, nếu tâm ràng buộc nơi phải thì tội phước đồng suốt, nên gọi chung ba cõi là một ngục lớn. Phật hỏi các đệ tử: Thế nào là vô thường? Một vị đáp: Một ngày chẳng thể gìn giữ, gọi là vô thường. Phật bảo chẳng phải đệ tử Phật. Một vị khác nói: Chừng khoảng bữa ăn chẳng thể gìn giữ, đó là vô thường. Phật bảo cũng chẳng phải đệ tử Phật. Một vị khác đáp: Một hơi thở ra chẳng thở vào đã qua đời sau, đó là vô thường. Phật bảo ông thật là đệ tử Phật! Vô thường hiển chứng thường ngày bày ở trước, mà muôn đời đồng về, mà chẳng hề ngộ, không an trong nháy mắt, hơi thở, gìn giữ kế trọn đời, sợ chẳng ở giao thì mỗi sự hết biếng lười, dùng đó tấn đức, thì công không che lấp, lấy đó trị tâm thì lười chỗ tập đó, vì thế người có đạo, chỉ tấc bóng mà tiếc qua, thường tự cố gắng ở roi, nghiệp sau cùng thời đua tranh, chỉ ngày chẳng đủ thì loạn niệm không nhân mà sinh, duyên đối chẳng lý do mà khởi! Sáu độ gồm: Một là thí; hai là giới; ba là nhẫn nhục; bốn là tinh tấn, măn là nhất tâm; sáu là trí tuệ, chứa nhóm mà năng tan đượm giúp chúng sinh, là thí, cẩn trọng giữ mười điều thiện, dùng thành thật đóng bít tà, là giới, phạm mà chẳng sánh, thường khéo thấp mình là nhẫn nhục, chuyên hành chỗ tập, sớm tối chẳng lười, là tinh tấn, chuyên tâm

giữ ý, dùng ước liễm nhiều, là nhất tâm. Phàm năm việc hành này vì có tâm, gọi là tục độ, lãnh để gồm quên, gọi là đạo tuệ, kinh bản khởi chép: Chín mươi sáu thứ đạo thuật đều tin chỗ sự đều vui sống an, ai biết lầm hoặc. Mừng được ác mất, vui còn suy mất bởi thường của yếu đuối, kẹt chỗ có sinh cảm đồng, nhưng minh lực ngầm rụng, chẳng phải chỗ thương luyến lưu lại, đối đến mà ứng đâu chỗ trí dụng chế, vì thế người học phải quy tâm hóa gốc, lãnh quán huyền tông, vui đó quý đó các niệm tự phế, phế thì có quên, có quên thì duyên bặt, duyên báo đã bặt, sau đó nhập vào vô sinh, đã chẳng thọ sinh nên có khả năng bất tử, vì vậy, kinh Phổ Diệu chép: Không chỗ theo sinh chẳng phải chỗ chẳng sinh, ở các chỗ sinh mà không chỗ sinh, kinh Nê-hoàn chép: Tâm thức lắng nghĩ thì chẳng tử chẳng sinh, tâm làm giống gốc, hạnh làm đất, báo làm kết thật, tợ như gieo giống đều theo loại nó, thời đến mà sinh, chẳng thể hết được. Gieo giống mười ác, giới thiện thì báo của thọ sinh đủ ở chương trên, thêm giống bốn không như v.v... thì quý cực Thiên đạo, Bốn không và thiền vài kinh đều ghi nghĩa đó, từ tầng trời thứ nhất đến tầng trời thứ hai mươi tám, tùy sự hành đó, phước chuyển tăng gấp bội, gieo giống thiền Phi thường, đều trái với Đế, đắm trước không thì đắc La-hán Nê-hoàn, chẳng kỵ phải vi, chẳng hệ quán không, gặp lý mà ngầm không chấp không cậy là không chỗ gieo giống. Đã không chỗ gieo giống nên chẳng thọ báo, rỗng rang huyền phế là Nê-hoàn của Phật, Nê-hoàn, Hán dịch là Vô vi, cũng gọi là Diệt độ, Duy-ma Cật nói: Lục sư kia nói: Ỷ là Đạo, theo sư đó là trú các kiến, là đọa biên tế là về tám nạn, chẳng được lìa đạo sinh tử, tuy huyền tâm thường tập mà ngay đó vi động, còn đều sáu sư kia đồng kẹt một phải, huống chi tham sinh cậy tưởng, chấp ta giữ hóa, tuy là phước theo núi sông, quý cực ba cõi, cậy cực xoay quanh, trọn rơi vào tội khổ, đâu được yên thần đại tạo, mênh mông cao rộng ư? Phàm sinh thì có tình, thế trời dẫn đến, chẳng nhất định ở thiện thì ở nơi ác. Vì vậy, mới đầu hành đạo là phải có cậy. Sở nhân của cậy hẳn nhân nơi phải, sở tư của là giúp ở phiền, vì vậy trong kinh nói: Muốn ở trong không tạo lập cung thất, thì chẳng bao giờ thành, lấy cõi nước Phật là chẳng phải ở không, nhưng mà năm độ bốn đẳng mới đầu chưa thể phế, chỉ phải tức sự dụng đó mà bỏ kỷ tâm đó, về nơi Phật thì không giải nơi Phật, về nơi giới thì không giải nơi giới, thì thiền đế cùng năm ấm đều ngầm, ngọn dụng cùng gốc quán đồng hết, tuy là các hạnh gồm bày, hẳn là không trung hành không, hoặc lấy làm không thì không hành, hành thì chẳng phải không. Đã có hành không mới mất không ư? không là tên gọi của quên lòng, chẳng phải

nghĩa của phủ nhà chẳng phải thật không. Còn không thì kẹt bít, có thật là có, cả hai quên thì huyền giải. Nhưng có không do nơi tấc vuông, mà không hệ ở vật bên ngoài, khí tượng tuy bày ở sự dụng, cảm dứt thì lý ngầm, đâu diệt có mà sau không, thềm tổn để đến hết ư, do đây mà nói: Có hẳn chẳng phải kẹt, kẹt có thì trái tông, ngược dòng về gốc thì tự sướng. Vì vậy, Khai sĩ hành sâu gồm dùng một quán, đạt thường minh của muôn tượng, nương chỗ ngụ mà huyền, lãnh biết trước không của lai lý, luôn được đó ở đồng rốt ráo, ngộ không điềm của bốn sắc, thuận bản tế mà đều phế, xét dự nhiên của các quán, nên tuy hành mà chẳng phải vết, Kinh Phương Đẳng sâu đều hết một, ba đời mà chưa thường, gọi là thấy ở làm phải thì ý chỉ không trung hành không nay thấy.

ĐÌNH CÁO HAI CHƯƠNG CỦA NHAN QUANG LỘC DIÊN CHI

Đạt thấy đồng thiện, thông biện khác khoa: Một là ngôn đạo; hai là nói về Tâm; ba là hiệu lý. Nói Đạo là; gốc đó ở trời, nói tâm là bàn đó ở người, hiệu lý là lấy đó ở vật, theo mà riêng đó, theo lối lẫn bày, cần mà hội đó, rốt cùng có thể một. Phàm như kinh của Huyền Thần, thuyết của cùng minh, nghĩa gồm ba mối, đến không hai cực, chỉ nói ra phạm phương, nên thấy phỏng thế học, sự khởi khác luân, nên được chẳng phải tình thường, phú đạo của trời chẳng phải hoa khương hồ, bẩm linh của người đâu hạn cục trong ngoài, một dùng tư duy này, có thể không nghĩ tưởng rọc. Hành đạo là bởi xuất xứ từ pháp tiên, nên lấy luyện hình làm trên, sùng Phật là vốn ở Thần giáo, nên lấy trị tâm làm trước. Nhà của luyện hình hẳn y cứ sâu rộng, phản bay linh hầu chu thạch lạp chi tinh, sở dĩ trở lại tuổi tức già, trải hoa chú thể, muốn cho thể hợp huân ráng khuôn khắp trời biển, đây là sở trường đó, và Ngụy là làm đó thì kỵ ở sùng thô nguyện lẫn, sĩ nữ loạn yêu chánh đây là sâu mọt lớn. Thuật trị tâm, hẳn từ thân, chợt bít thân tánh sư tịnh, giác tín duyên mạng. Sở dĩ trái một vô sinh, khắc thành thánh nghiệp. Trí xa đại minh, chí hẹp nhiều kiếp. Đây chỗ đó quý, và dối trá là đó thì nhờ cắt tóc, lờn tinh hoa, dựa vinh thanh, mưu lợi luận, đây rất lừa dối. Vật có chẳng vậy, sự không trọn tệ. Cân đá bày thường, ngày còn lo hoạn sai lầm. Huống chi Thần đạo chẳng có hình, hẳn chỗ mượn của các mối chưa thể thế nhập thần mà chẳng nghi thần là vô, lấy làm linh tánh kín nhiệm, có thể dùng chứa lý mà biết, hồng biến chợt nhiên có thể dùng đại thuận đợi chiếu như gương, thiên túc như nhìn vực thẳm, năng dùng lý thuận làm người là có thể cùng nói có thần. Nếu là không chân mà trách tệ đó là chưa thêm tâm chiếu.

NHẬT CHÚC CỦA VƯƠNG CAI

Tìm điển của chí đạo, sướng nguồn của sinh tử, nêu báo thiện ác, mở bến lăng hóa, huấn giới minh bạch, lũ la đầy đủ. Nhưng tin lời chẳng đẹp, văn nhiều từ rộng. Lụy mờ bặt tối, lắm vực cách sóng. Vì vậy, người học chưa được môn đó, hoặc chưa lưu ý, tạm nhặt âm xa của hàm trì, vừa làm khác gần của làng xóm, mượn Tiểu thông Đại thảng có thể tiếp tục, giúp trời tỏa sáng gọi là Nhật chúc. Luyện hoằng cáo của tiên giác, mở huyền quản ở linh môn khắp thái hư để dạo ngắm, cứu mênh mông mà không bờ, thế che đất ở phương tục, trời mũ tròn ở đậy bồn, xa vời vợi của ba cõi, dựng khói ấm của hai khí, tìm bản ngầm của đại tạo, lường căn sâu của hóa dục. Hình mượn bốn đại mà bọt tan, thần diệu muôn vật mà thường còn, kia đạt phần của dân tốt, nên buồn sống mà vui hồn, phàm luân của hàm khí, thần đó vô phương. Loại nhuyễn động chất đó vô thường, cậy như thế nước, gá như lửa sáng. Tùy hành quyến luyến thay khô đổi thơm, qua lại vào ra mênh mang mang, biển lớn xoay dòng, đại biến luân hồi, nương sóng xa nổi, cứu đến sao thềm, uyển chuyển trong ba đường, chìm kẹt giữa tám nạn, xót không kỳ của mong khiếu, thương có về của dung làm, ngắm có thể chóng của sùng đức, soi nên chậm của nhóm dữ. Đây dễ thấy thành việc, chẳng phải động vi của tiên kiến, năm phước khởi ở dẫm phải, sáu cực dựng ở đạp quấy, lý cảm tự nhiên, ngầm đối huyền ngưng, phước chừ ai tạo họa chừ ai gây, nước vận chung thấp, nhân đạo xấu ghét, thề nhân chứa nhiều, phước duyên khiêm thăng, trẻ nhỏ chánh mà quỷ lùi, trượng phu tà mà mỵ lấn, xét lượng ngẫu của hình thanh, xét song trưng của hưu cữu. Lý gieo tư duy mà hợp khế, vết trông mắt mà tương ưng, như ôm khuôn của vòng tròn, tợ phụ dây của thẳng góc, thương khuyển ra nơi đế phục, Hoàng Hùng hỏi ở thánh tử, bèn trưng hóa mà chẳng cứu, sao nói y cậy của thiên thuộc, thực cầu phước ở mình, tin ở mình của con người, tư thứ hớp chẳng phải thường, biết chợt đi sao dừng, kia thập ngập của phi nhân, đâu chỗ mới đầu của không khí, buồn chết yểu của uyển luyến, lại gá sinh ở voi heo, xưa kia nuôi dưỡng mà ôm ấp, nay giết mổ để làm lễ. Thần ở diệu mà thường ngã, hình thọ biến mà đổi thể, chưa một tuần mà quên nhau, có thể than dài mà rơi lệ, phàm xiển ngu đều như vậy. Chẳng phải riêng mày của người ấy, xét ít mang ở loại tốt, ngộ sinh nhiều ở sâu trùng, dụ linh lâm đó còn mong, như đổ gạo của đãy phước, dùng thường ngày làm ồn náo, ai biết phục mà đạt nương, chẳng phải năng lường của tình tôi. Lầm nghe đó vì như vậy, như phàm tộc của ngã đặt mịt mờ dời sinh, binh phong đã đến, chợt nhiên ngầm chinh, thần

đạo tuy tối, quỷ pháp rất sáng, bồi hồi trung ấm sinh thành sắt kia, đêm dứt mong tha, ngày không ánh linh thân tạo chuồng của tránh ngạc, chân đạp sân của lửa than, núi Dao Sương vút ma chứa nhọn, rừng kiếm vuốt nhọn mà túc tinh, lò đồng sùng sục như biển vọt, vac lớn sóng tràn mà sấm gầm. Diêm vương lãnh duyệt, lính tốt bên cạnh cầm xoa, ba lặc một phẩy, trăm ngàn lưới lụy, chẩm chẩm bén mổ hoàng hoàng lửa xe, đinh nhọn sao chổi giảo cẩu ngưng răng, dâm đồ cháy tiêu ở huyễn trụ, tù đói khô nát nơi cát bụi, nhờ linh chất của khinh diệu, càng dễ thêm của đau giết, trọn phiền oán cả cùng kiếp, sao có thể qua tàn khốc này, ba sáu lưới vút chẳng thể xé lũ, ngàn điều khác kịch, muôn mối khác khổ, chẳng phải thở giằng mà chẳng qua, bỗng chốc bèn đến mà quên nhà, tôi lược một triều nói đó, sắp trọn năm mà chấn sở, bèn có năm đức không vết, mười thục đạo toàn, tịch dương khổ qua, mừng lên chín trời, điện báu sáng rực, cao dựng hư huyền, phòng quỳnh gồm trăm, nhà dao xoa ngàn, cửa vàng rực rỡ, sáng của thủy tinh, lối ngọc ánh ngời mới của lưu ly, cây châu bày bên cạnh đường, oanh phụng hót trên cành nhánh, hoa thơm xinh đẹp mà tươi vẻ, gió hương linh tỏa mà bay khói, tưởng áo vẻ thề để che thân, nghĩ ăn thơm dùng đầy trước, kia là dài xa của hy hòa, trọn một ngày mà muôn năm, không việc làm vì can tánh, thường thong dong với tự nhiên, ánh ngời rực rỡ của nhụy, xa bày vùn vụt của nhẹ dất, rốt chí lạc của diệu âm, cùng ca vời của phải sinh. Bỏ đời hẹp hòi mà lên giúp, bạn vượt thường đó mà cao đổi, nhưng phàm hưởng đức cũ này, nhật dụng ngọc thực, khuyết thổ chẳng mảy lông, không bày mầm mống, chứa nhóm tuy nhiều, đâu có chẳng hết, linh vận tuy tu trọn về diệt, ba tai nổi dậy mà cung nhà tiêu tan, bảy chứng đến mà lộc trời dứt, hội thu lớn để khảo, không riêng của rơi lộn nấm thung. Vì vậy, Đức Như lai Đại thánh ba đạt chiếu suốt, thương ta khốn mờ, hiểu rõ đạo yếu, thiện quyền lệ lạc, hoặc thô hoặc diệu, như vận chảy của biển cả, như tỏa sáng của ngày trời, thượng sĩ hư hoài quên lời đó, trung tài trinh chí chấp giáo đó, giáo không định phương, vừa vật sở do, dùng xe đến đất, dùng thuyền dạo nước, phô bày, v.v... rộng thuật vằng vặc, quynh chưa lấp đến ba trăm, cần chỉ tại nơi một u, nắm cổ lưới của lụy huyền, xua lòng mất ở lưới cửu, lồng rộng đại huấn mở trí phần của ta, tri không gì chẳng đều, chất có lợi độn, hư đi thật về, mỗi đủ tấc vuông, ngu dốt đều dụ, rồng quỷ đều hóa, muôn đường rậm về một do Bát-nhã, thí như kia vượt biển chẳng phải thuyền chẳng qua, ruổi muôn động nơi đạo tràng, rốt cùng vô vi mà dứt giá, vốn phàm mới đầu của ba thừa đồng về một không, tài chiếu đều khác thấu đạt dụng

so le, ứng chân quên có mà cầu không, bèn đắm không mà vui vẻ, Duyên giác thật lụy ở biết vi, bèn đổi huyền mà chẳng ở, tuy vết diệu đó lại mất, như có đuổi mà chưa rỗng, khai sĩ giải vật ở đều hết, làm không còn đó sao trừ, ngộ đó chợt ở soi trước, rõ đó ngầm ở ý đầu, lý lại sâu mà dứt vận, trù khắc thực mà nghiệp nhiều, từ cổ tại xưa dân trước có gặp rành rành râm ngời tự thâu thọ thánh dụ, chăm chăm mọi nơi, người tai mắt ngưỡng tiếng ho, hoặc phát mông ở một họ, hoặc đổi mặt ở một mớm, đều do lời nói mà sau hóa, chưa có người mà chẳng độ, Thiện Thệ mãi đến nay đạo vận trở nên suy, đại giáo tuy còn, vị đó thường hiếm, chiên đàn với đồng mùi liệu tô, dạ quang cùng Tập diệu đều ngời, ở dân vượt đời, tông thể huyền chỉ, vui trốn núi đầm, nhân cảm hổ hủy, hộ công lắng tịch đạo đức sâu đẹp, vi ngâm cốc sâu suối khô đượm nước, thiếu tẩu lên tiêu, vệ độ hệ quỹ đều đạm bạc ở vô sinh, đều thoát hài ở bất tử, nay thì chi tử đặc tú lãnh nắm huyền nêu, đại nghiệp xung tử, thần phong thanh túc, một lời phát ra thì chứa kẹt vạch, ba phen bày thì lắm mở rõ, thấy đó đủ để tẩy rửa bỉ lận, nghe đó thể để rơi cân kiêu, tốn trạc chảy để vượt khế, vịnh toại mới đầu ở đông cao, vị nào sâu để gá tố,đại bảo nhẹ ở mảy lông, chỗ của đạo phong quạt rộng. Chỗ của thâm đạt tiêu dao, tài chẳng khó thì hiền chẳng quý, ngu chẳng cười thì thánh chẳng cao, tiếng xa thấy hẹp ở gần tai, ai năng quên cự ở nghe vận ư? Sao vừa chẳng phải đạo, sao đó không thần, lý có tinh thô vật có ngạn chân, lớn ở tế quân (vua nhỏ) nhỏ làm thạc thần (bề tôi lớn) loài lông lệ thuộc cách vàng, loại vảy lệ thuộc tu-luân, lưỡng nghi y cứ theo thái cực, các sao hệ ở bắc thần, vì vậy chín mươi sáu thứ cành nhánh bày nhiều, khinh đạo trọng căn đạp phế Tĩnh vương đều nói cùng thánh, đều chiếm một phương, hoặc dời núi mà trú dòng, hoặc chợt vậy ở còn mất, mạng vẻ đẹp của áo trời thổi mùi thơm của bếp linh, diệu thúc chấn lữ nơi hung bạo, hóa cung hóa sỏi đá ở lâm lang, kiệt quật kỳ của biến huyễn, tiếc không lớn của có đợi, đây mới là ngọt thuần của số nội, chẳng như cặn bã của chí đạo, kịp hàng của liệt tiên thứ của luyện hình, gấu qua quạ bày hô hấp thái nhất, tối hưởng du âm cùng tố nguyệt, sớm nắm ráng dương và chu nhật, xích phủ sống lâu ở cuống đan, quyên tử vụt bay nơi bánh truật, sao mong lâu thấy ở mảy thông, phong nhân nhẹ nâng ở bách thật, kia chỗ sâu của hòa dịch, đủ chi niêm mà trú chất, trong chẳng di mà ngoài y, dời lên mây mà chết mất, đều nắm đãy để cứng trứng, hẳn đồng cửa mà cùng ra, lý chưa lên ở Nhan đường, trọn bít mong ở Khổng thất, quý ở năng bay thì bướm ngài cao liệng, kỳ ở khó già thì rùa rắn phải khảo, ấy là dạo khí của

nghịch lữ, chỉ đáng báu của tâm huyền, còn hình là chẳng đủ cùng luân thần, lờn tục là chưa thể cùng nói đạo. Đạo làm sao nói ư? Không hỏi không đáp, hỏi là gõ cùng, đáp là phụ trong, im đó nay thông, nói vậy thì hết, phải ở huyền châu cùng giảng đạo, tôi thành võng tượng không, nghĩa là ngột nhiên vắng lặng, huyền thù có châm tông tản phù hưởng, chẳng ngộ minh âm, mong đó càng nhầm, tìm đó càng chìm, người Dĩnh qua đó làm thợ búa, ai bày nơm lưới nơi vực rậm, đợi cá thỏ ở sông rừng, thảm như được ý ở ngoài bàn nói, cùng mắt thấy mà phế tâm, không tận trông đợi qua vậy, lại đây nhẫn lập hiền đạt chợt như đi đêm, ngàn sư dối hóa, điềm qua một sáu, Từ Thị mới khởi, ngưỡng mong nhân dục. Ai bảo: Số xa mù như máy mắt, dây linh tuy tới duyên chốt chẳng cùng, kia không gốc nêu, ta có đầu cuối, gá bước cuối của điện chớp, nương nghỉ trong của đá bay, biết sợ đường mà kinh cướp, mê trần dục ở trái Nhung, ngầm xa thắng mà lam gần gọi là xa kiệm mà giao phong, chẳng phòng ngại khô, cơ chưa nổi, đã linh lạc ở gió cứng, nghỉ trái mang mà lại đẹp, kết muôn hối hồ đó sung, vì vậy hạng của đại thệ đốt ngón tay xuyên đá, ngầm mong không đợi, chí cùng tâm chứa, lướt ao trí sùng vách tuệ, rút kiếm thần khua mác giới, tưởng dẫn mầm mà rộng chém, tình hướng triệu mà cắt mổ, quét sáu giặc ở rong ngực, nghỉ năm đạo mà làm hoài, khoanh mình trị trong tổng trì pháp nhẫn, ba đời đều lắng, nhất tâm chợt hết, gửi tai không rõ, ghét mắt chẳng chuẩn. Lại theo không rơi uế cùng hư rớt, rỗng vậy linh ngộ nhân quyền làm duẫn cự khắp an độ. Đại bi ai thương, gá cừ lô để hòa quang, thường dạo ở nơi ngầm sạch, nhậm thiên hành cùng vật hóa, nhưng không vết của đạp nước, mới là diệu biến thần kỳ, lý chẳng nghĩ bàn, Đại thiên nâng trong lòng bàn tay, hạt cải chứa cả núi Tu-di, bốn biển vườn nhà nơi lỗ chân lông, bảy báu trọn ở kiếp dời, có thể tin mà chẳng thể tìm, có thể do mà chẳng thể biết, chẳng phải chỗ tuyên của bàn vịnh, ác năng vạch của Hòa Tố, thiện ở lời của Ưu-đà. Khiến người trí đầy ở thiên hạ, người có trăm đầu, đầu có trăm lưỡi, lưỡi trăm nghĩa biện tài chọn vượt, hợp người này khen đạo, vẫn muôn phần mà chưa được một, chỉ giác giác đó cùng khen ngợi mới phô sướng mà rõ hết, ví như cố hẹp hòi của ngu muội, gá cuồng giản mà ngưỡng thuật, ánh lập lòe của lửa đóm muốn thêm sáng để sánh với mặt trời đó ư? Than ôi! Linh tạng phương ngoài xa vời đản đảng, các diệu cao sâu, các sâu kín vô lượng, nhỏ thành chẳng mượn, lớn nói giăng mất, đức đất có thể dày, ở đâu chẳng có, sợ nghe hốc lớn, kinh nhìn núi cao. Hạ điển ghi chép cầm nắm, hoang kinh liệt ở nhà đó, chu đã đạt mà chưa tận, tin nhỏ xấu đều hài hòa,

thấy bằng côn mà nêu lớn, mà chẳng thấy chim vua cùng cá mẹ. Than ôi! Việc kỳ vĩ chứa mượn xa mạn có thể xưng ghi, y hoàng xem đó khắp gồm đủ thám u mà thể khác, sao gần hiềm ở cát vương lại lớn dối ở lửa dệt, huống chi dưới đây mà buộc giáo hướng tới bánh quyền của Nghiêu Khổng, thường chuyên chyên mà giữ kiểm, sợ giữ vượt đạt ở sở ty, đều phế lý chứng lời chẳng xúc loại lấy ý, luống rộng lớn mà lấm dựng, lại thêm lờn mà khiến kỵ, ngộ ngạc vật của trí trang sức, nên gom bút mà tạm nghỉ, gởi một gốc ở ngạnh chỉ, đợi thể tin ở minh thức đó thay!

■

HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 14

- Văn Hịch Thái Sơn của Trúc Đạo Sảng.
- Văn Hịch Ma của Thích Trí Tĩnh.
- Văn Phá Ma Lộ bố của Thích Bảo Lâm.
- Lời bạt luận Hoằng Minh của Thích Tăng Hựu.

****

VĂN HỊCH THÁI SƠN CỦA TRÚC ĐẠO SẢNG

Sa-môn Trúc Đạo Sảng dám cáo Thái Sơn Đông nhạc thần phủ và đô lục sứ giả, bởi huyền nguyên mở phán hai nghi mới đầu phân, trên đặt toàn cơ thì dùng ba quang (ba thứ ánh sáng) để giúp, dưới bày hậu thổ thì dùng năm nhạc trấn đó, âm dương trải hóa ở tám phương, muôn vật sinh ra trong đó. Vì vậy, Thái Sơn cứ vực của Thanh long, hành hoắc ở nghi của Chư Dương, hoa dương hiển cảnh của Linh ban, hằng đại liệt khách của u võ, tung kỳ bên trong của Hoàng Xuyên. Trấn chỗ phần của bốn ngồi, đây đều bẩm khí vận không uế của tà, thần đạo tự nhiên sùng chánh chẳng ngụy, nhân che của trời, thuận chở của đất, thuần phác vuông thẳng, điềm nhiên huyền tịnh, tiến đạo mối của bốn vận, lùi giẫm tinh của năm giáo, trong ẩn vốn của thông vi, ngoài bày sáng của đạo đức, trên đạt hư vô, dưới dưỡng thương sinh, ngậm đức ngầm thông không xa đâu chẳng suốt, dạo bước chín bờ liệng quanh huyền thiếu, nên năng hình không chánh, mới đầu hô hấp âm dương, âm dương, nắm quậy trời đất, đẩy bước tám hoang. Đông nhạc là bắt đầu của long xuân, khí của thanh dương nuôi dưỡng mầm sống, vị của vua cha. Nam ky Bắc đẩu giữa hoàng chín trời, Đông vương Tây mẫu, Vô cực tiên quân, cưỡi khí phụng liệng bỏ u huyền này. Lắng ở Thái Tố chẳng ở nhân gian, rộng nêu các bẩn đạo đó tự nhiên, mà sao quỷ yêu tường, tinh vọng lượng, gá đạo Đông nhạc, mượn linh ở núi, nhân cuồng dối của du hồn, mê hoặc ngu tình của người tục, khắc tượng thần điển, ngụy lập thần

hình, gốc không chỗ ghi, ngọn không chỗ qua, ngoài có khí độc hại sinh, trong thì lưu hành trăm quỷ, ngày thì cốc cơm thành thế, đêm thì các tà ở sân. Đây đều là bầy quỷ lang sói, hư thanh của kiêu trăng, từ thời Tam Hoàng mở cơ đồ truyền chuyển tới nay. Chỗ các đời sùng chưa thấy hưởng này. Nên Linh Chinh Ký nói: Thần chánh thì ngầm diệu sâu tối, trên vọt cao tượng, dưới đùa huyền thiếu, tiêu dao ảnh mây, rồng liệng tám cực, gió cuốn mưa tuôn hóa như sấm chớp, hành trù chẳng bày, trăm vị tự nhiên, ngậm từ nấm tố đượm nhuần thương sinh, ân quá hai dưỡng, tuệ như triều dương, ứng trời mà ăn chẳng hại các mạng, đây là diệu tiết của linh tường, thần đạo của thanh hư. Nếu thần chẳng chánh thì liên can đến muôn vật, nhân thời gá hưởng, truyền lầm hoặc ở tục nghe, thành trở ngại phác khơi động tâm người, dốc của cực giết, cắt đứt các mạng, uổng hại trung niên, chết cốt nhục đó, tinh thần lìa chóng, đau thương nguyên khí, thần của Đông nhạc há như vậy ư? Nên lời răn trong gối nói là: Ngậm khí xuẩn nhuyến, trăm trùng chớ mắc, không ăn trứng chim, trong có thần linh, trời nguyên thọ mạng, sân đất có hình, thô bẩm hai nghi sao có tâm hại sinh, đây đều là bản kinh trái lý nghịch đạo, muôn dân ngậm từ thuận trời chẳng giết, huống chi hại heo dê mà uống máu, lấy đây mà suy, đó chẳng phải thần. Lại Ngũ nhạc chân thần thì hầu của tinh, trên pháp định cơ, dưới cưỡi trời đất, bẩm đạo thanh hư, không âm không hưởng, kính đó chẳng dùng hoan, mạn đó chẳng dùng thích, ngàn khen muôn hủy, thần không thêm bớt, mà ngươi kiêu xưng giả, gá sinh nhân, nhân hư động khí giết hại ở miệng, thuận thì ban ân, trái thì có họa, tiến thối xiểm ngụy, không hề có phép hiền, hủy nhục chân thần, chẳng phải đạo đó. Nên Huyền Trung Ký ở kinh Hoàng La Tử chép: Hễ tự xưng là thần Sơn Nhạc thì phải là trăn rắn, tự xưng thần sông biển thì phải là cá rùa, tự xưng thần cha mẹ trời đất thì phải là chồn mèo dã thú, tự xưng thần tướng quân thì phải là gấu beo hổ báo, tự xưng thần sĩ nhân thì đó là khỉ vượn, dã nhân v.v... tự xưng thần vườn nhà thì đó là chó dê heo trâu, cửa nhà giếng táo thuộc về phá khí, quỷ mỵ giả hình đều xưng là thần, làm kinh khủng muôn họ, khí của dâm quỷ. Đây đều là điều mà kinh ghi, nghiệm rõ của truyện. Từ ngươi yêu tường dần vượt sáu tráii, vời lại bốn xa không gì chẳng hưởng ứng, đưa nhanh mà qua như nước nhỏ về biển, được chết là trở lại buồn kêu đầy đường, trọng là tiên vong bèn nói toán tận, khinh là dễ giáng tự xứng phước đó. Nếu khiến lại lo hoạn khó giúp thì người không ân, bệnh của Trung Dung chẳng phải chỗ ngươi cứu chữa. Hai là không công liệu, sao có thể kính thờ, mới khiến các dân gieo tâm quy mạng. Đã không

có thầy giỏi thuốc tốt, chẳng phải năng hàng của tóc tan, trải qua tuần tháng không hề ảnh báo, lấy đây suy đó, có gì chứng nghiệm? Lại nữa, quốc thái nguyên hoàn vương và phong tích ý tiết của sáu nước, phụ quang của ba đài, tán hoàng gia lê không từ vui, thiên họa lầm thêm, thể mắc bệnh nhỏ, bảo là cầu của người năng cảm linh đức, nên tuyên đức tin mạng đến điện thần của ông, hiến dâng ba sinh thêm tăng quý lạ. Nếu ngươi thánh đạo thông càn thần trí diệu, sao chẳng trên trình cửu hoàng, dưới hỏi hậu thổ, xen nhóm trăm linh hiển bày diệu thuật, khiến nước nhà tốt giúp tiêu bệnh được an, đã không hưởng ứng, mới ngầm chôn xa, nghiệm luống dối này đâu đáp kính thờ ư? Lại nữa, Xưa kia, Thái Sơn thạch lập, xã dời thần linh giáng tượng tiếng xa muôn đời, đây là chỗ chiêu cảm của trời đất, hiểm làm thời tốt lành, ngươi gá xưng là thánh, đã chẳng thể giăng mây đổ mưa để biểu hiện thần đức, mưu đồ yêu tà để tổn chân đạo, chánh khiến cho ông năng chân mâm động đũa, giơ chén hết rượu, còn là quỷ huyễn, chẳng phải chân chánh, huống chi không trưng bày, nào có thần ư? Lại Thái Sơn là thống của vua Diêm-la, đất đó mờ tối, cùng đời khác linh, Đô - lục - sứ - giả giáng đồng thần đi, định bản mạng ở hoàng ký, xét đô tịch ở Thiên Tào, các ác không nhỏ nhiệm chẳng bỏ, mãi thiện bé bỏng mà không sót, gồm nhóm hồn linh, chẳng phải sinh nhân ứng phủ, mà sao tệ quỷ dối xưng ý chỉ này, hoành bủa nhân gian khinh gấp muôn mối, cây của rừng rậm, hoang dã của quạ thước, máy động xa gần nêu bày trong từ điển, tụ hội nam nữ tâm thọ tục, khí uế ngoài thề, tiếng kêu tỏa xa, độc chung cảnh vua làm hại quá lắm. Mây mốc che trời, các tà ngăn chánh, tự ngươi yêu dị lắm chỗ thương hại, tôi tuy ở cuối dòng đủ giẫm ba phục, thường xem kinh truyện mà thấy nghiệt này, suy xưa nghiệm nay, tà chẳng ở chánh, tôi dẫn lắm uế, sáng tỏa thánh đạo, cáo đến nghiêm câu, quỷ đảng lại đi nơi mồ mả, ăn quả uống nước suối, đường của đủ sống, đã khiến mọi người khốn đốn, dốc hết của cải, chim thú không chết trong lưới võng. Nếu là mến luyến mong ăn chẳng bỏ đi, tôi dẫn tuyên tập Tỳ-sa-thần Vương - hòa - la – tử,v.v... đem trao đồn Kim Cương, chân sư dũng võ, thu sương lấn động, ba ngàn oai mãnh khó đương đầu, dáo ngời kiếm sáng phỏng thì xô núi hàng rồng dẹp ma, không gì chẳng cúi đầu. Ông là tiểu quỷ dám xúc chạm ba quang, lông hạc vào lửa than,cá lội vạc sôi, nghiêng sông dập lửa, sương mai thấy mặt trời. Ta nghĩ nhân từ xót thương sở hành của ông, chiêm ách hết đây, lo thì thương tâm. chóng ở trước tôi trở lại hình gốc của ngươi lớn về muôn dặm, sóng gợn bên biển, chở nên xét ở lại rõ thuận vâng hành.

VĂN HỊCH MA CỦA THÍCH TRÍ TĨNH

Thích Trí Tĩnh cúi đầu minh tướng quân luân hạ, cùng nhau đường huyền khác bến, người trời một thống, tông sư tuy khác, ba cõi đại đồng, mỗi khuôn tốt hợp trải bày xưa chưa, mà nêu bảng chưa ngầm, do đó khiến cách, nay pháp vương ngự đời, mười phương nghĩ thuận, lưới lính vừa giăng giềng mối cùng that, đại thông có kỳ hạn, cao hội ở gần, chẳng nhậm kiều tưởng và thư dụ ý, phàm thời bít có thông, vận cùng thì thái, ngàn thánh theo nhau, các sư tiếp nối, xưa Hoàng tổ ta, bản nguyên thiên vương thể hóa ứng phù, rồng bay đầu vực. Cậy quyền hình để phụ muôn bang, khua búa tuệ để che sáu hợp, oai tỏa bốn tà, quét sạch ba cõi, mới đáng kháng tám khu dọc ngang, vội rút lưới nơi vũ trụ. Rộng lắng bày hoang yên một chín cõi, mà minh tông chẳng điếu, chân dung lắng tĩnh, sáng suốt nhiều lớp, thuyền rỗng phủ sóng, nên khiến cho nhóm kiến tà, kiêu thấy bạo khởi, nghẹn nhiễm đường chân, bụi mờ thanh chúng, tuyết chung thương sinh, độc lưu muốn kiếp, phải tình mến đạo, khác tâm đồng giận. Đấng Pháp vương của ta cưỡi vận ưng kỳ lý loạn, trên tiếp cao trụ, dưới gá tâm chúng sanh, năm cờ lớn để trùm ba ngàn, cầm thánh đồ để hưng lỏng đại nghiệp. Mây bủa bốn cung, Loan liệng Thiên-trúc, giáng thần ở Ca-duy làm thời thành hào, buông vỗ mọi người khéo an quan sĩ, dẫn dắt các tình ủy dụ có ganh ghét, nghiêm búa tuệ nơi lòng ngực, mặc giáp thần ở ngoài thân, thương mười tám không tội, xót bặt lối của ba không, chí giúp thái hoang, hẳn bình lắm nạn, trăm vức ngàn bang cao phục phong hóa, nương quân chẳng kỵ lắm mê tự che,sâu nhiếp lòng ngu nên giữ ngụy kiến, sói chiếm trời Dục, cú kêu cửa thần, tan vỡ cương trường, chống kháng linh tiết, gọi là vị lớn có thể lên, khuôn rộng có thể đổi, xem vài ba đây, bèn là than thở, xưa kia đại thông ngự các phương ảnh phụ, có thiên ma ngụy si chẳng vâng chánh tiết. Phạm nghịch thánh nghe, bày quấy thần lự, lãnh lính bít hư, quyền hình muôn biến tinh giáp chiếu hy, sương dáo phủi vức, trống linh giành gióng, vang tỏa phương ngoài, kiểu bước cầu đất tự cho là mạnh mẽ, vương sư phấn phát, các tà chết mất, các mê đổi tâm, trông phong ảnh phục. Huống chi quân đơn tướng kiểu, mà một cõi sĩ không phương, chúng chẳng thành lữ, mà muốn trái ngược lấn lướt hoa ấp, gôm tập linh quyền vọt xa tối thắng, lấy làm nhục chân, có thể chẳng lầm ư? Nay tức Thích-ca ở đời, đạo tỏa kiếp trước, diệu hóa mênh mông, lưới thần xa ngự, trí sĩ đông đầy, mây bủa che đời. Võ phu rồng nhảy khống huyền muôn đội, hiệp lực ứng chân, mưu kỳ vượt trội, nên mạng khiến trì tiết, tướng quân xông trước, đô đốc Diêm-phù về

nghĩa hầu Tát-đà-ba-luân, riêng bẩm thiên kỳ bụi mờ gương huyền, thần cao Tu-di, khí mạnh trùm đời khéo võ kính văn trung bày cửa vua, lãnh chúng bốn mươi muôn ức, dương náo đầu đường, khiến trì tiết oai, xa đại tướng quân bốn trời đô đốc đạo lợi công. Đạo sư võ thắng nêu các văn vượt, hoằng mưu khéo giữ bặt trần, tâm gá ngoài mộng, lo thời quên thân, chí hẳn giúp đời, lãnh chúng trăm muôn ức, loan bay đường trời, khiến trì tiết đánh, ma đại tướng quân, sáu trời đô đốc, Đâu-suất vương giải thoát nguyệt, diệu tư hư huyền cao bước ngoài trần, lược đều đồng chân, công đều chín địa, xót thương ba đường, giận như tung hại, rút kiếm khẳng khái, rồng về phấn phát, lãnh chúng bốn trăm muôn ức mây về cửa trời, khiến trì tiết thông vi đại tướng quân, bảy trời đô đốc, Tứ thiền vương Kim Cương Tạng. Chất sáng ánh ngời, dáng vàng xa chiếu, ân quá cửu dương, lực nghiêng núi biển, trông phía phải thì mông phạm bay sống, nhìm phía trái thì phù tang rơi diệu. Đức không đâu chẳng chiếu, oai không đâu chẳng phục, lãnh chúng bảy trăm muôn ức hổ liếc Tu-di, khiến trì tiết trấn vực đại tướng quân, chín trời đô đốc, tám trụ vương đại Duy-ma-cật. Kỳ toán chẳng nghĩ, búa pháp xa khua, thể ngậm dáng thần, quyền dụ muôn biến, hô hấp thì chín phục mây theo, gặm nhấm thì mười phương gió phất. Thương hạ dân kia không tội ba sở, lãnh chúng chín trăm muôn ức ngựa uống bến hư, khiến trì tiết giám hậu. Đại tướng quân, mười ba trời Đô đốc tiểu thiên các quân sự chín trụ vương Đại Văn-thù nương trụ xa nguyên hình ngời ba cõi, nối dõi từ cung tía thần cao thể lớn, ứng vừa ngàn đường, cao tính muôn kế, các động cảm ở một thân, các lự lắng ở một niệm ôm sâu từ bi, tình gồm bốn nhiếp, lãnh chúng như bụi trần bay liệng ở đây, khiến trì tiết giúp giáo đại tướng quân, lục ma các quân sự các tà hiệu úy trung thiên vương Quán Thế Âm. Trí lược lắng sâu, búa tuệ xa động, minh đạt bốn thông, sáng soi ba cố, hoặc gá vết các tà, diệu kỳ bèn khởi, hoặc quyền hình hai chín, dứt đồ thán kia, khua tay thì thiết vi sườn núi đổ, hà hơi thì mây nổi ngùn ngụt, làm người bạn chẳng mời của muôn phương, lãnh chúng không nghĩ, gậy dáo hổ gầm, khiến trì tiết bố hóa đại tướng quân, ba cõi đô đốc bổ xứ vương đại Từ Thị, diệu chất tung lưới, dáng trời nêu Kiệt, thể vượt Kim Cương, tâm trùm ngoài trần, khí mạnh đường mây, búa tuệ xa khua, vô sinh chuyển trong lồng ngực, quyền trí ứng ngoài sự. Chí có khuôn phép, không đi chẳng đến, oai ân song hành chân tục đều bày. Lãnh chúng tám muôn bốn ngàn nghiêm cảnh đãi mạng, hạng của nhảy ra tràn đầy đại thiên, sĩ của Kim Cương rộng bít tám cực, oai nghĩ giúp qua, chiếu cuộn sáu hợp cưỡi xe báu các độ, giữ

đường tu của tám chánh, vượt ngựa linh của sáu thông, khống dây thần của hư tông, bật cung cứng của Bốn thiền, buông tên nhọn của quyền kiến, hý ngựa hoàn hoàn, nhẹ bước kiểu kiểu, vâng mạng sân thánh không hề có thiếu, đạo sư quý lang năm trăm thắng tử. Xét sâu thiên mạng lại gieo vương hóa, thánh thượng mở áo cả khí về thuận, đều trao danh tước phong thưởng liệt sĩ, bạn công tôi cũ, tiếng tỏa muôn vực, mà ông sao tâm hoạnh sinh khác kế, rạp núp bên hoang, khuôn phép vị thường, độc hại nổi ở thương sinh, tai họa tràn ở nhiều kiếp, chẳng thể buồn ư? Chẳng thể lầm ư? Xưa, ông nhân thời mà làm chỗ vật cảm, cuồng mê tâm ông gieo ách ngoài hang, trăm hạnh một lỗi hiền đạt thường mất lâu, nghĩa là ông hay biết, phản ngu pháp về tội tượng, ngụy buộc thân ném trâm, đồng dạo các tài tuấn, dùng đạo tự mừng vinh danh đầu cuối, vì sao nhiếp ngu giữ làm ở yên vị tà, gá núi Si để tự cao, cậy rừng kiến để dạo nghỉ, đắm uế trần của sáu dục, vui tà mê mà thỏa tánh, dựng phướn cao kiêu ngạo, dẫn hung trận vô minh, rộng bước đường hoang, nhẹ đùa thần khí, trộm lấy cung trời, kháng cân nhật nguyệt, sợ chẳng quả ư? Dắt tay mà ngời ba quang, nắm đất để lấp biển lớn, tuy phỏng tâm rỗng nêu việc đó khó thành, tướng quân gieo phước bến huyền bốn tiếp rộng xa, hoa mạo ngời tỏa các tình chăm mắt, cơ của vọng trụ dễ lên, công ở xưa nay đáng tiếc, ông có thể phản đi tu lại, vụt nhiên về thuận tạ quá cửa Chu, vì đạo đều tốt, nước nhà đều còn, vua tôi đồng hiển, thân danh được an, hiểu tự mê đạt quán quyến thuộc an nhiên, có thể chẳng đẹp sao? Nay vương sư khắc cử mười phương dây múa, tây nâng lưới pháp cùng múa các thánh, búa đạo ngời ở khu trước trống linh nổi ở đội sau, chuông thần một gõ mười phương nghiêng úp, sóng biển vọt bay, đất bằng nhảy lộng, ở thời nay. Núi Tu-di nhét vào một hạt bụi, trời đất xoay ở một xe, không động an nơi áo trái, diệu lạc ngời ở tay phải, thần lực như thế, đâu có thể đáng Đấng Pháp Vương ta thể đạo nhân từ, chẳng nỡ bèn noi theo, quyền dừng các quân, tạm dây đài linh. Đến đường đưa thư ngõ hầu xoay giá mê, ông có thể sớm định mưu tốt, mặt buộc về khuyết, giao mạng sân hoàng, thong dong cảnh huyền, lớn danh trong tỏa dạo hình gửi ngoài, phương trên tức nhậm, chẳng phải ông thì là ai? Phàm tuệ phải nhận biết cơ, minh quý khỏi họa, cùng mà biết phản là chỗ đẹp của quân tử, đây mới là cao thu của chuyển họa, tiết tốt của lấy công. Xưa kia, hạ kiệt vô đạo, vua ân khiến đánh, Thương trụ thủ loạn, Chu Võ lập quân. Đây tức kỳ quy của xưa nay, lời răn của tướng quân, cùng nhay tuy trái với hiện tại, nhưng phong lưu nên đồng ở đạo vị, người trời vời vợi, đâu đủ khiến cách,

tưởng tiện quyền nhiên. Thông thư đến mạng, sở dĩ trộn đau từ đó, quanh co qua lại là chẳng muốn cho lan thơm hạ tàn, tu kha bẻ gậy, sâu nghĩ đặt lời, khéo tự lường tính, không khiến thân ông nghiêng giúp ba đường, chẳng khiến sáu trời khom sinh đề bại, tạo dĩnh liếc mắt giúp lòng sợ hái,đến đường gửi thư các tình nhiều giận, nói chẳng mượn ý.

VĂN PHÁ MA LỘ BỐ CỦA THÍCH BẢO LÂM

Hiền kiếp đại thiên vi trần năm, năm trược đảnh vọt sóc hiện thọ ngày trăm tuổi, khiến trì tiết Đô đốc Hằng sa thế giới các quân sự đánh ma đại tướng quân. Thứ sử Tịnh Châu thập địa vua tôi Kim Cương Tang, khiến trì tiết đô đốc tám muôn Ba-la-mật các quân sự phá kết tướng quân lãnh Ma-man hiệu úy đại tư mã, thứ sử Sở Châu Bát Địa công thần giải thoát nguyệt v.v... cúi đầu kính lễ trình dâng. Thánh triều thượng thư, kính cẩn y cứ phàm sáu hợp đồng soi của Diệu Linh, các dòng về vua của trăm hang. Muôn hóa đều không huyền, các kỳ tông ở một trí. Đây bởi lý có thống của tông cực, vật không hội của khác đường, vì vậy Như lai vượt lấm mờ tối mà riêng nổi, úy cần công ở nhiều kiếp, người cao sáng của ba đường. Nhổ nghi lớn ở mới tạo, cùng tận khu áo của thánh đức, cứu hư trí của vô sinh, xem then chốt của vật hóa, nắm nút buộc của mở đức, đến như dáng anh đỉnh đặc, thần quang rực rỡ, tuy là ngàn sáng đều chiếu hẳn đã dứt. Thân khác muôn trọng mà chẳng phải đông nhiều, thể hợp chí diệu mà chẳng phải một, ứng ra năm đường mà chẳng phải sinh, bày vào hình mất mà chẳng phải diệt. Hy Di hoảng hốt không danh không tượng, chẳng lường sâu đó, chẳng biết rộng đó, ứng các cảm mà chẳng nhọc, khắp muôn động mà thường tĩnh, trải Hằng sa đề chợt nhiên, vỗ tám hoang ở khoảnh khắc, lưỡng nghi đổ lấp mà chẳng di, lục phụ ngầm dời mà chẳng dịch, hớp lửa lớn mà chẳng cháy, ôm dòng lớn mà chẳng chìm, trời đất chẳng đủ để nói đức, văn huyền chẳng đủ để rõ đạo. Cự bao sáu hợp chẳng thể gọi là lớn, khéo vào Vô gián chẳng thể gọi là nhỏ, ấy mới dừng độc thương sinh, hóa gồm thỉ mẫu, vô dục vô vi mà không gì chẳng làm, bay liệng nơi đường ứng biến, tiêu dao ngoài có không. Đỉnh đạt đầu mối của các thánh, điềm đạm cảnh vực Niết-bàn, hai thừa giấu nghĩ ở rốt ráo của lấm quên, Thập trụ dứt lự ở cơ động tĩnh. Phạm vương dò hỏi để trở về đức, Đế-thích phục ứng mà chán vị. Đó là bậc thánh, cũng đã cùng cực. Từ đó ứng xa dự ghi của Định Quang, nghiệm Đồ Lục của Đại Thông. Ra khỏi năm đường mà rồng nổi, vượt đế hoàng để mạng thế. Đạo vương ba cõi, đức trùm mười phương, mấy điện Hằng sa, đô ấp Đại thiên núp thất

nhàn của chín định, lên quán mây của bảy giác, rửa ao trong của tám giải, dạo vườn rộng của Tổng trì. Đó mới là ở điện của từ bi, ở tòa đồng với không, suy rồng các tốt thiên quan đảnh tướng, trái giúp dòng của Di-lặc, phải đỡ phái của Văn-thù. Trước Ca ngợi Nhã Tụng của Đại Phương, sau múa loan phất của bốn Nhiếp, dùng tám trụ gìn giữ thể rỗng thất sĩ, dùng bốn quả hầu cận, vời vợi thông tiện, ba đài chỉ có thánh, sáu phủ chỉ có hiền, ấy mới tuyên giáo Cơ Khổng. Tể thú đường ngu, dương oai Thang Võ, châu mục Tam Hoàng. Đó là hóa, thản đường bằng tám chánh, mở bến thông của Ba thừa, bày nhà diệu vô vi, cứu khổ lớn ở trần lao, bít đường gian bá ác, mở hoan lạc ở trời người. Tước dùng vị của quả Bá, Lộc dùng hưởng của cam lộ, công lớn là thưởng dùng phong của tịnh độ, huân nhỏ là chỉ chỉ dùng an của hóa thành. Đây mới là nghiệp lớn của trăm vua, chí trị của thái bình. Năm đường là thanh triều của hoạn thân, bốn là tông cực của sĩ vị, mà các mê gặp hiểm, trái chân rộng thoáng, mừng vui với gần đủ của bọt bóng, quên giang hồ ở xa toàn, nên ma vương ba tuần gieo ngu căn ở khoáng thỉ, chứa tâm mê ở cảnh vọng, chìm nổi sóng lớn của ba nhiễm, vào rừng rậm tà kiến, cho đến trộm lộng thần khí giả ngụy mạo chân, khoe vua cung trời, phân bày núi non chế mạng sáu trời, buông tuồng thiên oai, trong dùng ba công, các độc khanh tướng chín kết, ngoài dùng quân tướng sáu sư nhung tốt bốn binh, trong hành ương ngạnh chẳng kỵ hoàng hiến, tự lửa đom đóm lập lòe tranh sáng trời chiếu, nên mới khuynh là chống hành thần oai, dương binh đạo thọ, chấn lôi công tiếng sấm sét, nêu gánh vác chúng của nhả lửa. Lại trì thế khiến lầm hoặc ở tĩnh thất, ba-luân buồn gào ở Đô tứ. Đây đều si cuồng tung bạo thiếu ở thánh tiết, làm loạn trung hạ ngày tháng lâu dài. Thánh hoàng thương kẻ điếc mù của dân tục, buồn trẻ chết để thêm lo, dẫn chung các tà để đều thấy hợp chín dòng mà đồng bến. Từ đó, mạng dẫn hạng của thế lớn, phân biệt các loại Kim Cương, lường vàng kẻ gặm sắt, xung băng bậc của đạp lửa, lính mạnh nhiều như cát bụi, kiêu hùng muôn ức, sao dời gió động, rồng vọt cảnh ma, đặt quân sách của muôn toàn, bức cướp hoang của hẳn chết, mà ma giặc chẳng cầu, dám chấp khuấy động của man kinh, kháng trốn ngạo của tông hội, dựng cờ nơi đất của tự kiêu, kết chắc nơi hiểm của mây mê, dựa đường lắm lớp cậy lũy nhiều thứ. Vả lại hình thế đó thì núi Si cao vời, chắc trước đó nước ái mênh mông tuôn ở sau, rừng tà rậm rạp mờ bên trái, khe Si sâu thẳm đeo bên phải, lính sài của trần lao nhìn nơi cảnh giao, tướng hổ của sáu sư bước nơi đường lớn, trông như mây nổi che trời, sương lấp sáu hợp, đó là hưng thạnh, mở bít ít có,

bề tôi, v.v... từ đó nương oai xa của thánh triều, ra kỳ lược của siêu đồ, che lồng của cao toán, bủa dùng vây của huyền sách, tinh kỵ ngàn lớp, bước lính muôn vòng, du sư che đồng trống, truân bít yếu hại, khiến tướng quân đàn na ở trước trông san huy để thẳng tiến, quân Tỳ-da ở sau rão lính lười ở sau. Thiền-na lược dạo cưỡi ở bên trái, Thi-la phòng mật gian ở bên phải. Quân ngoài hòa ca sóng cưỡi đội trên bình nguyên, chạy đợi lính ở dưới của cật quật, bày hổ lữ nơi cao tương, thiết nguy cơ ở u phục, trung quân Bát-nhã nắm diệu giám của huyền xu, cầm kỳ thuật của chiến thắng, khống hùng tướng của ức triệu, bít lính mạnh của cát bụi. Từ đó các quân hưởng ứng, muôn đường giành tiến, cảm động sáu hợp, tiếng động khắp đất trời, bậc hùng phấn oai, sóng vọt sáng của bạch nhận đoạt nơi hy diệu, tiếng của trống pháp loạn nơi sấm động, ngựa siêng dự bàn để vọt ném, voi tiến bay khống để rong ruổi, thiền cung khói dậy mà mây nổi, mũi tên tuệ mưa rưới để lưu hư, roi dùng sách của giả danh, rão vào nguồn có không, nghiên dùng tiếng rống của sư tử, thích dùng âm khổ không, huơ gươm giáo để loạn trận, động dao kiếm ở tranh đấu, thây ngổn ngang ở đồng trống, chảy huyết nhọc ở dòng dài, đổ cao vời của núi Si, kiệt dòng lớn của nước ái, cùng tiếm ở hang các kiến, bẻ cao nơi ổ bảy mạn. Từ đó, giặc ma tiến, không có dụng của kháng vảy, lùi không ẩn của mong thoát, lự tận đường cùng hồi hoàng chẳng có y cứ, ma vương mặt buộc nơi sân ma, các tướng đưa mang đến cửa quân, các thiên lôi cuộn để về hóa, hạng mê gió ruổi ở sáng đầu, hoàng oai quết sạch, như dập sớm của mặt trời, sương đổ dòng lớn để dập tắt lửa, nên khiến trốn cướp của muôn đời, đất lở ở sùng triều, xưa kia ở Trung hoa khó túc thanh ở chốc lát. Đây thật là kỳ công ở thánh hoàng thần hội, hưu liệt của nhiều đời hiển trước, tuy xưa kia Ân Thang dựng vân công ở Giao Hạ, Chu Võ quét thanh khí ở thương dã, đây mới là hùng kỳ ở thượng cổ, đâu dùng được bằng với thánh huân, bề tôi tạm vâng tuyên hoàng du, hoảng ủy phụ lúc đầu. An dùng vườn nhà đồng với không, sung dùng dòng của tám giải, phòng dùng lễ của giới thiện, tu tập phong cách của sáu độ, người già ngộ thì chân ở mới xướng. Trẻ mới đầu nghe về cùng âm. Ứng trời thuận phạt là đạo Xuân Thu, Hưng Công định loạn là chỗ đẹp của tiên vương, nguyên ác vì khách chỉ theo thánh hiến, sáu hợp đồng rõ, rỗng sạch trong nước, huyền phong xa thổi, khắp chốn hòa vui, triều đình có ca của Khương thay, thôn dã có vịnh của nhạc giao, công cao đạo lớn, chẳng phải chỗ thấy bày, thánh lự sâu mầu chẳng phải lời năng nói. Thô điều hoàng oai là phương của kỳ toán, lại nêu các quân là thế của Long Tương, điện

nối sao liền kính cẩn lộ bố để trình nghe, bề tôi, v.v... thật sợ vì vỗ, Tôi nhân rảnh rổi việc giảng, tạm lại trọn ngày gá lời mượn việc, ngõ hầu rõ đại đạo, mong hạng ham mê chẳng xa mà trở lại, trong kinh nói: Niết-bàn vô sinh mà không gì chẳng sinh, chí đạo không chiếu mà không gì chẳng chiếu, đó chỉ Như lai ư? Chiến thắng chẳng nhờ công của dáo mác, lược địa chẳng vì binh mạnh thiên hạ, hoàng vương chẳng phải tôn của xử một. Bá thần chẳng phải quý của Hoàn Văn, giáo của Khâu Cơ ở đây xa. Lời của Đam Chu tợ mà chẳng đúng, nên biết tông cực còn ở ngoài tục kiến, chí tôn vương ở trong chân giám, trung hựu trù trứ ở khoảng có không. Hạ Ngu sợ cười ở cảnh của thường mê, nay ngõ hầu nhìn xem là xả tự nhiều của thu thủy Hà bá,xa dạo nơi vực thẩm Hải nhã, chẳng buộc tình ở giáo gần, mà sợ thần ở thuyết hoang đường.

LỜI BẠT LUẬN HOẰNG MINH CỦA THÍCH TĂNG HỰU

Tôi nhóm tập Hoằng Minh làm pháp ngự khinh, người thông Nhã Luận, thắng sĩ diệu thuyết, đường dẹp tà phá hoặc, hào của hoằng đạo hộ pháp, cũng đã đầy đủ, nhưng người trí chẳng mê, kẻ mê trái trí. Nếu dùng pháp sâu để dẫn dắt thì chẳng thể nào lãnh hội, nên phải gồm nêu thế điển chỉ sự lấy nêu. Lời chẳng phải vinh hoa, lý về thật chất, ngõ hầu người mê lầm chẳng xa mà trở lại, gồm giải thích mọi thứ nghi ngờ nên gọi là Hoằng Minh.

Luận chép: Hai đế sai khác, đạo tục từ đây phân, đạo pháp vắng lặng gồm ba cõi để đồng quán, tục giáo bít lấp, chấp một nước để hạn cục tâm. Tâm hạn cục ở một nước thì ngoài của tai mắt đều nghi ngờ, đồng quán xét ba cõi thì lý thần hóa thường chiếu, chấp nghi vì mê chiếu là chúng sinh, cho nên mãi chìm đắm. Xét rõ tục giáo và hiến chương năm kinh, chỗ tôn chỉ trời, chỗ pháp chỉ thánh, nhưng chẳng lường hình trời, chẳng thấy tâm thánh, tuy kính mà nói, còn mịt mờ chưa rõ, huống chi Phật tôn ở trời, pháp tôn ở thánh, hóa vượt trong vức, lý bặt ngoài ràng buộc, vai tôi vẫn kinh sợ với Hà Hán, tục sĩ sao chẳng nghi hãi ở biển giác ư? Đã biển giác thì kinh hãi đồng Hà Hán, một là nghi kinh nói xa dối lớn mà không nêu, hai là nghi người chết thần diệt không có ba đời, ba là nghi chẳng chân Phật, không ích lợi với quốc trị, bốn là nghi xưa không pháp giáo, gần đây ra ở đời Hán, năm là nghi giáo ở phương Nhung chẳng phải hoa tục, sáu nghi ở thời Hán Ngụy pháp nhỏ bé đến đời Tấn mới thạnh, vì sáu điều nghi này nên tín tâm chẳng lập, sắp đắm chìm nên cứu vớt, vì vậy, so sánh mà luận. Nếu

Nghi kinh nói xa dối lớn mà không nêu là vì nhiều kiếp chẳng cùng, thế giới vô biên. Đời nay đều biết ngoài trăm năm sẽ đến muôn năm, mà chẳng tin chứa nhóm biến của muôn đến nơi nhiều kiếp, là hạn cục tâm để lường tạo hóa. Đều biết ngoài của huyện lớn hẳn có bốn cực, mà chẳng tin chứa nhóm xa của cực, lại có thế giới là chấp thấy để phân chia thái hư. Xưa kia Thang hỏi Cách rằng: Trên dưới tám phương, có cùng cực chẳng? Cách đáp: Ngoài của vô cực không còn có vô cực, trong của không tận lại không còn có vô tận. Do đó trẫm biết vô cực không có cùng tận. Từ thời thượng cổ, các bậc đại liền y cứ lý huấn của thánh, ngàn năm phù khế, xa hợp với kinh, hạng nhận biết đáy giếng làm sao biết được việc khác, dùng tâm tấc vuông mưu tính thêm mình mà khiến lầm hoặc, tròng ngươi chỉ phân tròn cách vách tường chẳng thấy, mà muốn xem thường tôn kinh, trái ngược thánh nói, lừa dối nhiều kiếp không có thế giới. Đáng vì xót thương là một. Nếu nghi người chết thần diệt không có ba đời là tự lừa dối tánh linh đó mà khinh miệt, vất bỏ tổ nể, nhưng Chu Khổng chế điển, xướng nói quỷ thần, Dịch chép: Du hồn làm biến, do đó mà biết tình trạng của quỷ thần, đã tình lại trang, thì vô hình ư? Thi nói: Ba hậu ở thiên vương phối ở kinh lên linh thượng mân, đâu nói là diệt ư? Lễ nói: Hạ tôn mạng thờ quỷ kính thần, chỗ đại võ kính cầu, sao huống dối ư? Thư chép Chu Công Đại Võ nói: Phụng thờ quỷ thần, Cơ Đán cầu đáo thân thích, có thể huống dối ư? Nếu chết mà có linh thì ba đời như gương, biến hóa luân hồi, ai biết cực đó, tục sĩ chấp lễ mà trái với năm kinh, chẳng phải thẳng lừa dối Phật mà cũng khinh thường bậc thánh. Nếu tin quỷ ở năm kinh mà nghi thần ở Phật nói, đây hẳn là hàng mù điếc. Chẳng phải chỗ bàn luận kịp, đáng nên xót thương là hai. Nếu nghi chẳng thấy chân Phật, không ích lợi cho quốc trị, thì cúng tế mong cầu cũng nên phế bỏ, vì sao? Rờn rờn chứa giữa khoảng không ai thấy dáng mạo của Thượng đế, mênh mông nhiều khối, sao biết hình của hậu tắc, dân tự thân cày cấy, xã thần lực nào, người tạo thành lũy, lạp quỷ nào công, nhưng do thạnh phí của hy sinh, nhiều người cúng tế năm được mùa, không ai chẳng vì u linh, nên tôn mà dạy dân khéo báo ư? Huống chi trí Phật khắp cùng không giới, thần ngưng ngoài vực thượng đế thành trời, duyên theo tâm từ của hun đúc đo, Thánh vương làm người nương giới của đình dục đó, sùng pháp thì sáu trời đều mừng, phế đạo thì muôn thần đều giận, nay người chẳng thấy hình trời, mà xưng tế giao có phước, chẳng thấy Kim Dung mà cho là kính thờ không báo, khinh gốc trọng ngọn, đáng nên run sợ là ba. Nếu nghi xưa không Phật giáo, gần đây ra từ thời nhà Hán. Thần hóa ẩn

hiển, đâu lường đầu cuối ư? Tìm Hy Hoàng vời xa chính tích còn mất, kia có pháp giáo cũng nào được nghe, xưa Phật-Đồ-Trừng biết Lâm Truy phục thạch, có tượng cũ lộ bàn, Kiền-đà-lặc thấy bàn chí trong núi có nền móng chùa cũ, mọi người đào bới đều đúng như lời nói, đây là di trưng của muôn đời, hiển nghiệm của đời Tấn, ai phán ở thời thượng cổ hẳn không có Phật ư? Liệt tử xưng ở thời Chu mục vương, phía Tây cực có hóa nhân lại vào nước lửa xuyên vàng đá, phản núi sông dời thành ấp, cưỡi giữa hư không chẳng rơi, xúc chạm thật chẳng ngại, ngàn biến muôn hóa chẳng thể cùng cực, đã hình năng biến người, lại vừa lự của đổi người, mục vương kính đó như thờ thần như vua, xem linh tích đó mới là hóa của bậc khai sĩ, mầm điềm đại pháp đã thấy ở đầu đời Chu, ngầm dần cảm ứng, chẳng phải bắt đầu ở đời Hán, mà bít chấp một thời, đáng nên than thở là bốn. Nếu nghi giáo tại Phương Nhung, hóa chẳng phải Hoa Hạ, thì là bậc thánh trước chấp địa vực để định giáo, chẳng phải lập giáo để dời tục. Xưa kia, Tam Hoàng vô vi, năm đế đức hóa, Bá vương lễ hình, bảy nước quyền thế, địa vực thường các hạ mà thế giáo chín biến, nay trái lại dùng nguồn chí đạo, gương dùng huấn đại trí, cảm mà bèn thông, sao đến chẳng khắp. Võ xuất xứ từ Tây Khương, Thuấn sinh ở Đông Di, ai nói địa giặc mà bỏ thánh, khâu muốn ở Di, Đam đến Tây Nhung, chỗ ở của đạo sao chọn địa vực. Phàm dùng tục thánh thiết giáo còn chẳng hệ thuộc ở Hoa Di, huống chi Phật gồm cả đại thiên đâu hạn cục hóa ở Tây Vực ư? Y cứ lễ Vương Chế nói: Bên trong bốn biển vuông ba ngàn dặm, chỗ Trung Hạ chiếm cứ cũng đã chẳng rộng, y lạc gốc hạ mà khom làm nhung khư. Ngô Sở vốn di mà vụt thành hoa ấp, Đạo có vận lưu mà địa vực không hằng hóa, Vả lại, phàm chở dầy không lũy hoàn vực khác thống, bắc thần tây bắc, nên biết Thiên-trúc ở trung tâm, nay lấy khu phần trung thổ xưng Hoa để cách chánh pháp, tuy muốn cách bít mà thần hóa thường thông, đáng buồn lạnh đó là năm. Nếu nghi ở thời Hán Ngụy pháp nhỏ bé đến đời Tấn mới thạnh là, đạo vận sùng tiếm chưa thể cật nạn. Tìm tu Thích giáo của Sa-môn, đâu khác thuật Đường Ngu của họ Khổng? Khổng tu chỉnh năm kinh thùy phạm trăm vua, nhưng thời Xuân Thu chư hầu chẳng chịu tuân theo, chiếm phạt khinh miệt đó sắp rơi xuống đất, dần đến Tần hoàng lại thêm thiên thủy, há Trọng Ni đó ngu hèn, mà thi thư đó cạn dở ư? Gần đây, đến thời Hán Võ mới hiển hành Nho giáo, nêu tướng của minh kinh, dùng thuật của Khổng thánh, sao có thể vì thấy khinh bảy nước mà bèn phế ở đời sau ư? Y cứ đời của Hán Nguyên, Lưu Hướng Tự Tiên nói: Bảy mươi bốn vị xuất xứ từ kinh Phật, nên biết kinh

lưu truyền đến trung hạ từ đó đến nay đã lâu. Mãi đến thời Minh Đế cảm mộng mà truyền Hịch xưng Phật. Từ đó, Tần Cảnh từ phương Đông đi sứ, Ca-diếp Ma-đằng từ phương Tây đến, mới đồ tượng ở quán của Quan Dương, tàng kinh ở thất Lan đài, chẳng giảng văn sâu nên chẳng biết áo nghĩa, vì vậy, Sở Vương tu sửa từ của nhân khiết, Hiếu hoàn dựng lập cúng tế lọng đẹp, pháp tướng chưa dung, chỉ có thần mà thôi, đến thời Ngụy Võ chẳng xem xét thư thuật Diệu hóa, Tôn Quyền hùng lược xây dựng chùa tháp. Đầu đời Tấn Võ, cơ duyên dần sâu, kỳ vức tỏa vết thần thông. Trúc Hộ tập tạng pháp bảo, do đó trăm vua Tấn thân tẩy tâm để tiến đức, muôn bang lê hiến, khắc ý mà đổi thiện, đến thời Tấn Minh Dĩnh ngộ nắm một nhiếp thần, tay vẽ tượng báu ngoài quán để vui xem. Đã an mà trên hoằng kinh ở Sơn Đông, thập công tuyên pháp ở Quan Hữu, tinh nghĩa đã nêu thật tướng càng chiếu, anh tài thạc chí đều nghiệm lý mà phục ứng. Nên biết mây pháp mới đầu ở chạm đá, nước tuệ chảy đến lạm thương, giáo hẳn có dần thường của thần hóa, cảm ứng nhân thời, chẳng phải duyên làm sao. Nên Nho thuật chẳng phải ngu ở Tần mà trí ở Hán, dùng và chẳng dùng. Phật pháp chẳng phải cạn ở Hán sâu ở Tân, bởi rõ mà chẳng rõ. Vậy biết năm kinh thường thiện mà sùng tiếm tùy vận, Phật hóa thường mà thông bít ở duyên. Lấy một này để tư duy, có thể không lầm hoặc sâu, mà chấp nghi chẳng ngộ, thật đáng đau thương, đó là sáu! Tin thuận nền phước, mê báng cửa họa, huống chi hạng một mờ phần nhiều chẳng lường năng lực. Lấy chỗ mình không biết, mà lừa dối biết khắp của bậc Tiên giác, lấy chỗ họ chẳng thấy, mà khống phải cái thấy rõ của chí nhân, soi đạt ba đời lại gọi là tà tịch, chuyên hạng cúc trước mắt mà tự cho là minh trí, từ đó mê nghi bít lồng ngực, nhạo báng đày mồm, khinh bàn nghị để bày trọng khổ, hiển phỉ gạt để mua u phạt, lời nói không công của cân lạng, lo lự không ích của mảy may, vào như bay ẩn núi như chớp một hơi thở chẳng trở lại, lặng lẽ qua đời sau. Báo theo bóng đến, hồi đó chẳng kịp. Thần hóa mênh mông, u minh thay vận, Năm đường biến hóa ở đâu chẳng đủ, cõi trời hiển nghiệm, (gậy) của Triệu Giản Tần Mục, đường quỷ giao báo, thấy của Đỗ Bá Bành sinh. Tu đức phước ứng, nghiệm Tống Cảnh đời Ân, giết nhiều họa tới, chứng của bạch khởi Trình Tấn. Hiện đời u minh đủ rõ điển tịch, đời sau minh ưng trải ở tôn kinh, chỉ duyên cảm lý áo, nhân quả nghĩa sâu kín. Sâu kín khó lãnh hội nên lược mà chẳng trình bày, chỗ các bậc tiền triết biện giải, then chốt đã chánh, khinh suất lòng xấu tiếp đó ở cuối, tuy văn chẳng phải khuê chương, mà sự đủ để kích xét, chỉ vui mừng quân tử tự cầu nhiều phước.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 191

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

SỐ 2103
(QUYỂN 1 → 18)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2103

BÀI TỰA
QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

Cuối đời Đường, Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh soạn.

Cuối đời Đường, niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất, Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở chùa Tây minh.

"Quảng Hoằng Minh Tập" từ đời Đại Hạ lưu truyền dần về phía Đông. Đây là do tình hình hỗn loạn, ba hiền, trí ngu, bốn chiếu nên khiến cho bọn ác nghiệt vọng nêu ra tà phong làm ảnh hưởng đến những người chân chánh.

Lúc bấy giờ, gặp được những bậc có tài hùng biện, do đó giáo pháp được truyền đến nước Trung Quốc hơn sáu trăm năm. Riêng nước Trung Quốc này bị tai họa ba lần tàn phá, không kịp trở gót. Sau cùng, nhìn lại sự tốt đẹp và tai họa đã bị xảy ra trước đây, lấy đó làm trò cười cho thiên hạ. Hơn nữa, lòng tin là mẹ sinh ra các công đức; trí là nhân của bậc Thánh, là bắt đầu Tổ đạo, là cuối cùng của sự chứng quả.

Theo luận lý này thì bên trong kính mến sự mê hoặc của tám món kiêu mạn. Xét sự đồng tình kia thì bên ngoài dẹp được sự che lấp của sáu trần.

Nghiêm trang bên ngoài không phải là sự trau chuốt của đạo, tiến lên chỗ cao xa rộng lớn chính là chỗ ngao du của bậc thượng nhân. Nhưng do thời gian trải qua (ba pháp tệ, đắm chìm của năm Tể), không biết tà chánh. Lựa chọn cương pháp của trời người, cho nên bên trong dạy kinh vĩ, lập pháp y để nhiếp cơ. Bậc hiền minh, kẻ thế tục nương văn luận để làm khuôn phép.

Xưa, vào đời Lương, Pháp sư Tăng Hựu ở chùa Định lâm o núi

Chung sơn học thông hết thuyết của Cửu Lưu, nghĩa bao gồm mười đế, dốc lòng từ cứu giúp nghĩ đến vấn đề tồn tại lâu dài của Phật pháp. Tất cả các vị anh hùng đời Tấn, đời Lương đã lưu tâm đến pháp soạn bài tựa mười thiên, soạn bộ "Hoằng Minh Tập" gồm mười bốn quyển. Thảo luận về phong quy của họ Nhan, họ Tạ; bao gồm môn đồ của ông Châu, ông Trương, chọn chỗ sâu xa của tình lý, nghiên cứu so sánh tánh linh. Thật là chỗ cao tột của người trí, (đầy đủ chỗ sâu kín, bày tâm trần) nhưng người trí thì không mê muội, mê muội thì không phải người trí. Vì thế, bậc trí sĩ khi phát ra lời nói hay cử chỉ thì tâm đều lãnh ngộ (các điều quan trọng). Người mê thủ ngộ cần phải nhiều lời nói mới được sự cung kính của thần. Nếu tin hiểu sẽ giúp cho thần dụng, khế hợp sẽ tinh thông khuôn phép. Vì thế tin có ba: Tri, kiến và ngu.

Tri là sinh tri, trụ ba hiền mà nhập chánh tụ.

Ngu là ngu tẩu, dính mắc bốn hoặc mà chìm đắm trong dục trần. Hóa mà không thể đổi kẻ hạ ngu bằng với bậc Thượng trí.

Sách Trung Dung nói kiến, tín từ thiện, kia hoặc lưu tai. Đây do pháp làm mai một ba đời, đều vướng bận kẻ ít học. Vì thế, được tâm của thầy, dứt trừ tai họa, dự tính vạch ra "Đồ Bát tạng tông", văn nghĩa thành công, tìm manh mối cứu thức, thông đạt chỗ mê giải của người trí thì lòng tin chân chánh như mặt trời sáng. Năm lọng dù che mà hơn được ánh sáng hay sao?

Tôi đã dò xem kỹ bộ "Quảng Hoằng Minh" để làm giang biểu năm đời, hưng thịnh Tam bảo? Quân thần sĩ tục không khác, tôn là xưng văn quốc, người trí nương vào văn để khai. Ở Trung Nguyên, đời Châu đời Ngụy trọng đạo Lão, khinh đạo Phật, tin và hủy báng lẫn nhau, đến nỗi kiến cho công ngôn đã bày ninh hãnh tư cập.

Lúc bấy giờ không thiếu bậc hiền, nội tâm đặc đạt. Nhưng tối sáng xen nhau, tà chánh lẫn lộn. Căn cứ theo tượng thì có hai phần vân nê, luận về tình thì nương cậy giao dưỡng. Đây là sáu thuật tuyên dương Phật Tam Trương Xương đối với pháp lưu đều là quyền mưu của Đại sĩ, là thích hóa của bậc chí nhân. Đây đầy đủ hạnh nguyện tà kiến của ba độc. Ngài Tịnh Danh hàng phục Ma vương sáu tầng trời cõi Dục, hoặc mở đường khác ép ngặt, đều lập bánh xe lớn chống lại. Vả lại, y cứ theo hành sự kia chắc chắn dính mắc ở tư lăng.

Thí dụ rõ suốt như dòng suối, lời sớ chung cả tánh hải. Còn như ông Khấu Khiêm chống cự với Thôi Hạo họa phước rõ ràng. Trịnh Ái chiến đấu với Châu Quân thành bại trong khoảnh khắc. Diêu An chép luận ức chế đạo Lão ở Nho lưu. Trần Lâm viết sách mở mang đạo Phật

vượt hơn mẫu mực của triều đình. Đây là đọc và bàn luận nhiều mà không lưu loát, rồi vào các điều sai khó mà chấp nối được. Lại hai quan võ đời Lương, đời Chu đều phân rõ nghi hiển hối, hai vị vua tài đức đời Tống, đời Ngụy đồng nương yếu lược của hoằng dụ. Tâm từ cứu giúp của Thẩm Hưu Văn; quy tâm của họ Nhan. Lời văn cao tuyệt, mở rộng vật biểu, thường dùng hoàn cảnh khác răn nhắc, nêu những điều tệ xấu trong "Duy Hư Tổng Tập Lạo Lạc", có Hán Âm Bác Quán Sa-môn làm văn tán thành, kỷ cố duy trực? đặt bút trình bày. Nếu xem xét điều chương, suy tìm nghĩa sẽ ngộ Hiền minh, tóm lược phụ nêu ra, gọi là "Quảng Hoằng Minh Tập", một bộ ba mươi quyển, do Lương Sở soạn, hoặc chia ra nghiên cứu. Lược tùy theo điều lệ, chọn đề mục rõ ràng để nêu ra, ngõ hầu bày tỏ với người chưa đọc rộng tin đạo Phật. Vốn không phải luống dối. Như còn chỗ nào ẩn khuất xin tìm xem sẽ rõ.

- Thiên thứ nhất Quy chánh: Nói Phật là Đại thánh phàm tục nương về quy y. Hai nghi, ba ngũ (tam quy, năm giới) không đáng quy kính.

- Thiên thứ hai Biện hoặc: Nói chánh tà xen nêu, cuồng triết thay nhau lấn hiếp mà xét định không cần quy cảnh.

- Thiên thứ ba đức của Phật

- Thiên thứ tư Pháp nghĩa: Xe báu chuyên chở nhiếp độ, người từ bến này vượt qua bờ kia, tâm soi chiếu khắp.

- Thiên thứ năm hạnh Tăng: Người nối gót bậc Thánh để mở mang đạo pháp, thật xứng đáng là một trong ba ngôi Tam bảo, chỗ quy về nương tựa.

- Thiên thứ sáu Từ trắc: Được người đời xem trọng, tha thứ, thương xót lấy đó làm giác bổn.

- Thiên thứ bảy Giới công: Răn nhắc sự buông lung biếng nhác, kiêu mạn, lăng mạ, muốn ngang bằng bậc Thánh, xem xét sự sai trái không biết sợ.

- Thiên thứ tám khởi phước: Phước là việc làm hằng ngày, tài vật quý giá khi đem làm phước không chấp trước.

- Thiên thứ chín Diệt tội: Tội được diệt trừ rồi, mà khởi lại, tâm ưa thích, che giấu khi sám hối tập khí tánh tướng.

- Thiên thứ mười Tổng quy: Vâng theo điều chân chánh dẹp tà thuyết, y đạo thành đức, thần giải đã thông suốt, nêu bày lời ca vịnh.

Bài tựa của Thiên Quy Chánh trong "Quảng Hoằng Minh Tập" ghi rằng: Tà chánh lộn xộn, trí ngu xen lẫn, không phải là bậc cực Thánh (Thánh cùng tột) thì đâu thể khai mở. Vì thế, Thiên ma ở cõi Dục còn có thể hiện tướng Phật, huống chi những hình tượng khác, ai có thể

biết được ư? Phải biết trong một châu có muôn nước, một nước có một ngàn vị vua, thay nhau lên ngôi truất vị không thể bình luận hết. Đây là dùng chín mươi sáu bộ để nối tiếp gốc trời ở thượng giới, để nghiệm xét minh bốn của cực kế, đều trình bày chánh sóc, gọi là Tam bảo đối với mọi người hoặc xưng là đại tế, ban bố (Từ, Bi, Hỷ, Xả) khắp trong thiên hạ. Lại có Lỗ Bang, Khổng Tử noi theo lễ nhạc ở chín châu. Lý Công ở nước Sở khai linh huyền trang Ngũ nhạc, chẳng phải xưng là giáo chủ đều trình bày đối với Tiêu vương, khen ngợi thời thể quốc, các thần sử đối với cơ vụ. Đây là ngã tư đường phân cách bờ cõi (là vùng sa mạc ở phía Đông do Khổng Tử giáo hóa và sông Thông ở phía Tây do Bộ khác thống lãnh. Biện ngự quai trương trời lý lộ khác. tự riêng biệt như vậy, sao rõ như vậy ư? Vì thế Đại Hạ ở Tây Vức thành lập Ngã thần, đạo Nho ở Đông Hoa đại lược ở thân quốc. Ai biểu vọng tưởng lưu ái ràng buộc ở Cửu cư. Đảo điên luống trệ, trừ bỏ bảy thức, đến nỗi khiến cho mê hoặc cương yếu, che lấp tâm đâu biết chỗ hướng về. Mờ mịt giữa sóng nước đâu rõ chỗ trở về. Không thể bắt chước làm điều lầm lạc, cần phải phản tỉnh. Phàm tiểu đạo, đại đạo từ xưa thường bàn luận, Đại thánh Tiểu thánh thời nay cùng thuật. Còn như đối diện trước mình mà không hề hiểu biết. Theo thể phụ theo đó mà cạnh tranh, vì thế có khắc niệm làm Thánh, cuồng triết xen nhau xưng, ngay đây là luận chưa khế hợp đầu mối.

Xưa Hoàng Giác ở nước Xá-vệ, hai mươi lăm năm, chín ức biên hộ nghịch tùng Thái Bán, Tố Vương ở huyện môn học ba ngàn. Tử Hạ coi thường mà sinh ra sự nghi ngờ lời nói của Nhan Hồi không thể lường được, dùng đây luận bàn về đạo lại có thể ngờ lạ (mê lầm) được sao?

Do thấu hiểu chân chánh gọi là Thánh, không chỗ nào chẳng thông suốt, căn trần không ngại đối với có không, giáo hóa không ngại nơi tánh dục. Hình không thể dùng tướng mà được, vượt hơn thân vàng ba mươi hai tướng tốt. Tâm không thể dùng trí để cầu.

Mười tám món bất cộng, đây chỉ có một người xưng là Phật Thánh, vì thế cứu giúp các cõi, u hiển đều quy y. Từ chỗ cao rộng khác, như con đường cõi trời chưa lên được. Vả lại, địa vị trong nước khác nhau không lạm quyền được. Trên trời không thể có hai mặt trời, nước không có hai vua chỉ có Đức Phật xưng là Đại Thánh, ánh sáng của Ngài chiếu khắp thiên hạ. Vì thế, khiến cho môn học ngày càng thạnh, không nước nào chẳng kính mến phong tục kia. Giáo nghĩa phải tu, người hiểu biết đều tham dự kiến giáo pháp kia. Địa vị của Khổng Tử và Lão Tử đồng thế tục chẳng khác người thường, noi theo tiên vương không dạy bảo làm

sao được so sánh với Đức Phật mà chống đối nhau ư?

Vả lại, y theo lược âm dương tám sát, cúng tế núi sông. Bảy chúng nương theo đó làm di chúc, năm giới bỏ đi không đoái hoài đến. Xem một đường này, cao thượng tự đủ đầu thành, huống chi là có các bậc Hiền thánh là bậc Thầy trời người ư? Phải biết trên trời dưới đất chỉ có Đức Phật là tôn quý. Sáu đường bốn loài đều khổ, là thân tâm thường khổ nghĩa tất rong ruổi. Không suy nghĩ điều này, ôm lòng vọng cho là cao lớn. Lớn mà có thể xưng lớn thì không bị vùi lấp trong hữu vi. Đã đến chỗ phi thường, thì hãy trở về chánh giác, có sự loại như thế nên bạo dạn soạn bài tựa này.

Quảng Hoằng Minh Tập, thiên thứ nhất: Quy chánh. Mục lục của thiên Quy chánh trong Quảng Hoằng Minh Tập, đời Lương:

Tổng mục của thiên Quy chánh trong Quảng Hoằng Minh Tập, đời Đường.

- Trong Tử Thư, đời Thương, quan Thái Tể hỏi, Khổng Tử cho rằng Phật là bậc Thánh.
- Lão Tử, Phù Tử nói Phật là Thầy.
- Đời Hán, Hiển Tông khai Phật hóa lập bổn truyện.
- Đời Hậu Hán.
- Ngô Chủ Tôn Quyền nói về Phật hóa ba tông.
- Tống Văn Đế. Tập Triều Tể nói về Phật giáo.
- Đời Nguyên Ngụy, Hiếu Minh Đế nói Thích Lão môn nhân nói về tông.
- Sách đời Nguyên Ngụy nói về chí khí của đạo Phật và đạo Lão.
- Thiên Nam Tề Giang Yêm Toại Cổ.
- Thiên Bắc Tề, Nhan Chi suy qui tâm.
- Bài Tựa, Lương Nguyễn Hiếu tự thất (bảy) lục.
- Bắc Triều, Vương Thiệu Tề Chí nói về Phật giáo.
- Lương Cao Tổ bỏ sự đạo chiếu.
- Bắc Tề, Tuyên Đế hạ chiếu bỏ thờ đạo.
- Luận Tùy Thích Ngạn Tông thông cực.

Quảng Hoằng Minh Tập. Thiên thứ nhất Quy chánh. Đời Thương, Thái Tể hỏi Khổng Tử ai là bậc Thánh, xuất xứ từ Liệt Tử.

Sách Tử Thơ cho rằng: Phật là thầy, xuất xứ từ Khổng Tử, Phù Tử.

Hán Pháp Bổn Nội Truyện, không rõ tác giả.

Hậu Hán, Giao Tự Bổn Chí, xuất ra từ sách “Phạm Hoa Hậu

Hán”.

Ngô Chủ Tông Quyền Luận Phật Hóa Ba Tông, xuất xứ từ sách nhà Ngô.

Tống Văn Tập Triều Tự Phật Giáo, xuất xứ từ “Cao Tăng Truyện”.

Đời Nguyên Ngụy, Hiếu minh thuật Phật tiên hậu xuất xứ từ sách đời Ngụy.

****

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 1

THIÊN THỨ NHẤT: QUY CHÁNH (PHẦN I)

Đời Thương, Thái Tể hỏi Khổng Tử ai là bậc Thánh, rút ra từ Liệt tổ.

Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng:

- Phu Tử có phải là bậc Thánh không?

Đáp: Phu tử là người kiến thức cao rộng chớ không phải bậc Thánh.

Lại hỏi: Ba vua là bậc Thánh phải không?

Đáp: Ba vua khéo dùng trí, dũng, còn phải là bậc Thánh hay không thì Phu Tử không biết.

Hỏi: Năm đế có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Ngũ đế khéo dùng nhân, nghĩa, còn có phải là bậc Thánh hay không thì Phu Tử không biết.

Hỏi: Ba Hoàng có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Tam Hoàng khéo dùng thời, còn có phải là bậc Thánh hay không thì Phu Tử không biết.

Thái Tể ngạc nhiên, hỏi rằng: Vậy ai là bậc Thánh?

Phu Tử nghiêm sắc mặt đáp: Ta nghe ở phương Tây có bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự hành, mênh mông như vậy, không thể gọi tên.

Theo đây mà nói thì Khổng Tử biết rõ Đức Phật là bậc Đại thánh. Vì thời cơ chưa đến nên im lặng mà biết, nay có cơ hội nên nêu ra, sang chưa nói đến chỗ cùng tột kia.

*** Đức Phật là Lão sư:**

Lão Tử có nói rằng: Thầy của ta du hóa đến Thiên Trúc khéo nhập Niết-bàn.

Phù Tử nói: Thầy của Lão Tử là Đức Thích-ca. Tôi tìm xem biết

được ba Hoàng, năm Đế có thờ Bôn Hãn và Văn Đông Thê ở phương Tây, vì thế ngựa xe đến nước Hoa Tư, Vương Thiệu nói rằng tức là Thiên Trúc. Lại đến núi Côn Luân tức Hương Sơn. Lão Tử theo dấu đó đến Trầm Phù Phong, sử thuật ở vùng sa mạc. Mà các sách Đạo gia đã nói đều là Tây thăng côn khưu mà lên cõi trời do sự rõ đó đều từ cõi nước của Đức Phật. Vì thế Bá Ích nói nước của Thân Độc Sơn Hải gần gũi và thương yêu người. Quách Phộc là người am hiểu việc thời xưa nói rằng: Thiên Trúc tức Thân Độc, đã xây dựng tháp Phật, nay nghe việc đó nên nói rằng: Vật hư hoại trong đất màu đỏ sẫm rất đẹp đẽ. Nhân dân biết rõ về nhân, trí; thế tục thông lý học, lập đức rộng lớn giúp chúng sinh nào có cậy nhờ các nơi. Xưa gọi là nước thương yêu nước, là bậc Thánh hiền đỉnh đạt ở đời há là hư cấu ư?

*** Đời Hán, truyện vua Hiển Tông khai mở Phật hóa pháp. Không rõ tác giả.**

Truyện rằng: Thời Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba, vua mộng thấy có một vị thần, thân màu vàng, cao trượng sáu, ở cổ có vầng ánh sáng. Khi thức dậy, hỏi các hạ thần, quả quyết so sánh biết được có Đức Phật ra đời ở Thiên Trúc, bèn sai sứ đến đó tìm cầu, được kinh tượng và hai vị tăng. Vua lập chùa Phật, vẽ tượng, ngàn xe muôn tượng nhiễu quanh tháp ba vòng. Lại ở trên đài Thanh Lương ở Nam Cung và cửa Cao Dương có xây một ngôi Lăng lớn, vẽ tượng đứng và kinh Tứ Thập Nhị Chương để kín trong nhà bằng đá ở Lan Đài, rộng như tập trước Mâu Tử đã nói.

Truyện rằng: Lúc bấy giờ có Sa-môn Ma Đằng, Trúc Pháp Lan, lập hạnh khó lường, chí để tâm vào sự khai hóa vua thầm lặng sai người đến thỉnh Ma Đằng đến, không giữ theo đến Lạc Dương.

Dẫn dắt vật tình, kính minh tin bổn.

Vua hỏi Ma Đằng rằng Đức Phật xuất hiện ở đời giáo hóa thế nào, sao không đến đây?

Ma Đằng đáp: Nước Ca-tỳ-la-vệ, là trung tâm của tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức mặt trời mặt trăng, chư Phật ba đời đều giáng sinh ở nước đó, cho đến trời, rồng, quỷ, thần có hạnh nguyện đều sinh ở đó, lãnh thọ sự giáo hóa của Phật đều được ngộ đạo, còn chúng sinh những nơi khác không có duyên cảm Phật nên Phật không đến. Đức Phật tuy không đến nhưng ánh sáng của ngài cũng chiếu đến những chỗ đó. Hoặc năm trăm, hoặc mười ngàn năm, hoặc hai ngàn năm đều có bậc Thánh truyền sự giáo hóa của Phật mà hóa độ dẫn dắt chúng sinh.

Nói rộng giáo nghĩa, văn rộng nên lược.

Truyện rằng: Ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, Đạo sĩ ở các núi Ngũ Nhạc triều chính chi thứ tự tương mạng chép:

Thiên Tử bỏ Đạo pháp của ta, xa cầu Hồ giáo (giáo pháp của rợ Hồ). Nay nhân lúc triệu tập hãy làm tờ biểu để dâng lên, tờ biểu lược rằng: Mười tám núi ở Ngũ Nhạc quán Thái Thượng Tam Đổng Đệ Tử Đỗ Thiện Tín v.v...

Sáu trăm chín mươi người chết tội nói ở trên, thần nghe Thái Thượng vô hình, không tên, vô cực vô thượng, hư vô tự nhiên, Thái thượng xuất thế trước tạo hóa, Thượng cổ đều vâng theo, trăm vua không sửa đổi. Nay bệ hạ nói Hoàng Đức cao tột, Nghiêu Thuấn cao thượng, Bệ hạ bỏ gốc theo ngọn cầu giáo ở Tây Vức, chỗ thờ chính là Hồ Thần, chỗ nói không can dự đến Hoa Hạ, xin Bệ hạ tha thứ tội cho thần, Bệ hạ cho phép thần thử nghiệm. Các Đạo sĩ ở các núi, phần nhiều nhìn rộng nghe xa, thông suốt kính điển. Từ thời Nguyên Hoàng đến nay, các sách Thái Thượng phù chúc của Thái Hư không đâu chẳng thông thạo đạt đến bờ kia. Hoặc sai khiến quỷ thần, nuốt sương uống khí, hoặc vào lửa không cháy, hoặc xuống nước không chìm, hoặc thanh thiên bạch nhật hoặc ẩn hình không lường được, còn như phương thuật chẳng chỗ nào không làm được, xin được tỉ thí với kia.

1- Thánh thượng an ủi.

2- Nói lược chân ngụy.

3- Đại đạo có chỗ quy y.

4- Không loạn phong tục Trung Hoa.

Các thần nếu so tài không đúng trách nhiệm thì sẽ xử quyết nặng. Nếu kia thắng thì xin trừ hư vọng. Vua ra sắc lệnh sai Thượng thư khiến Tống Tường dẫn vào cung Trường Lạc, vào ngày rằm tháng nay hãy tập trung tại chùa Bạch mã. Các Đạo sĩ liền lập ba Đàn tế. Đàn riêng khai hai mươi bốn cửa.

Đạo sĩ ở Nam Nhạc là Chử Thiện Tín, Đạo sĩ ở Hoa Nhạc là Lưu Chánh Niệm. Đạo sĩ ở Hằng Nhạc là Đàn Văn Độ. Đạo sĩ ở Đại Nam là Tiêu Đắc Tâm. Đạo sĩ ở Tung Nhạc là Cung Tuệ Thông Hoắc. Đạo sĩ ở Sơn Thiên Mục, Ngũ Đài, Bạch Lộc v.v... ở mười tám núi là Văn Tín v.v... Đều đem linh báu, và các sách chân văn Thái Thượng, Ngọc Quyết, Tam Nguyên Phù v.v... Năm trăm lẻ chín quyển để ở đàn phía Tây. Mao Thành Tử, Hứa Thành Tử, Huỳnh Tử, Lão Tử v.v... hai mươi bảy nhà Tử Thư gồm hai trăm ba mươi lăm quyển để ở Đàn giữa, dọn

thức ăn cúng một trăm vị thần ở đàn phía Đông. Vua ngự ở điện thuộc cửa phía Nam chùa. Xá-lợi Phật và kinh tượng để đạo Tây. Ngày rằm, thiết trai xong rồi, các Đạo sĩ dùng củi thơm, chiên đàn, trầm hương làm đuốc, đi nhiễu quanh kinh điển mà khóc rằng: Các thần thượng khải Thái cực đại đạo xưa nay trời tôn quý, các Đạo sĩ có một trăm sự linh nghiệm, nay Hồ Thần loạn hạ, chủ tin tà giáo, chánh giáo mất dấu vết, huyền phong mất cội nguồn nay các thần xin để kinh trên đàn dùng lửa thử nghiệm, vì để khai thị tâm ngu tối, làm rõ chân ngụy. Nói xong, dùng lửa đốt kinh, kinh từ trong lửa bay ra, lửa tắt. Các Đạo sĩ thấy vậy nhìn nhau tái mặt sinh tâm sợ hãi, toan muốn bay lên trời ẩn hình, nhưng không thể được. Các quỷ thần có uy lực lớn quát rằng không nên có tâm xấu hổ. Đạo sĩ ở Nam Nhạc là Phất Thúc Tài tự hổ thẹn mà chết. Thái truyền Trương Diễn nói với Chử Tín rằng: Các khanh thử không có hiệu nghiệm tức là luống dối, Tây lai đúng là chân pháp.

Chử Tín nói rằng: Mao Thành Tử cho rằng: Sự linh báu Thái thượng trời còn tôn trọng, tạo hóa cho là Thái Sách, đây há là luống dối ư?

Trương Diễn đáp: Thái Sách có tên quý đức, không gọi là ngôn giáo, nay ông nói có ngôn giáo là không đúng. Tín nghe vậy, liền yên lặng.

Lúc bấy giờ, xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm màu chiếu thẳng lên hư không xoay thành vòng tròn như lọng báu, che khắp đại chúng và phủ lấp cả ánh sáng như thế Pháp sư Ma Đằng bay vụt lên cao, ngồi nằm trên hư không, hiện các thần biến. Lúc đó, trời mưa hoa báu trên tượng Phật và chúng tăng. Lại nghe nhạc trời nổi lên cảm động lòng người, đại chúng vui mừng chưa từng có, đều vây quanh Ma Đằng nghe nói pháp, phát ra Phạm âm khen ngợi công đức Phật, cũng khiến cho đại chúng xưng dương Tam bảo. Nói về nghiệp lành, nghiệp ác đều có quả báo. Sáu đường ba thừa các tướng chẳng phải một. Lại nói công đức xuất gia, phước đó rất cao. Đầu tiên lập chùa Phật đồng phạm phước lượng? Quan Ty ở Dương thành là Hầu Lưu Tuấn, cùng các quan, nhân sĩ, thứ dân v.v... hơn mười ngàn người xuất gia. Đạo sĩ ở các núi Tứ Nhạc như Lữ Tuệ Thông v.v... sáu trăm hai mươi người xuất gia. Phu nhân của vua, các quan Tiệp Dư nữ v.v... cùng các phụ nữ trong cung hai trăm ba mươi người xuất gia. Liền xây dựng mười ngôi chùa, bảy ngôi chùa ở ngoài thành thì Tăng ở, ba ngôi chùa trong thành thì Ni ở.

Từ đây về sau sẽ nói rộng. Truyện có năm quyển, lược không chép đủ. Có người nghi truyện này thuộc cận đại, vốn không có việc

đọ sức.

Xét trong sách nhà Ngô nói Phất Thúc tài cảm động chết, vì thế truyện cho là ghi lại sự thật.

*** Hậu Hán Thư Giao Tự Chí (xuất xứ từ Mang Hoa Hán thư):**

Chí nói: Phật: Sách Hậu Hán dịch là Giác, dùng giác này giác ngộ chúng sinh. Bao gồm giáo pháp kia là dùng tu thiện, tâm từ bi làm chính. Không sát sinh, chuyên thanh tâm, tinh tấn là Sa-môn. Dứt tâm cạo tóc xuất gia, dứt tình bỏ sự ham muốn mà quy về chỗ vô vi.

Lại cho rằng: Người chết tinh thần không diệt, trở lại thọ thân đời sau. Đời này làm các việc lành và ác, đời sau đều có báo ứng; tôn quý thực hành các việc lành để luyện tinh thần kia, luyện mãi không thôi, cho đến vô sinh sẽ được thành Phật. Thân Phật cao một trượng sáu thước, sắc vàng, quanh cổ có vầng ánh sáng, biến hóa vô cùng, không chỗ nào không đến. Vì thế, có thể hóa thông vạn vật mà cứu giúp chúng sinh. Kinh điển có đến mấy ngàn quyển, dùng hư vô làm tông, bao la cùng khắp, chẳng nơi nào không thống nhiếp. Khéo nói lời rộng lớn thù thắng, chỗ cầu ở trong một thể, chỗ nói trong chốn thấy nghe. Quy y vi diệu, sâu xa khó lường được, vì thế Vương Công Đại nhân quán bờ mé sinh tử báo ứng không đâu chẳng phải bỗng nhiên tự mất.

Sách nhà Ngụy nói: Kinh của Đức Phật đại khái nói về việc sinh tử đều do hạnh nghiệp mà khởi, có ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Tu đạo, giai cấp v.v... chẳng phải là một đều từ duyên cạn đến sâu, khoan dung, nhiệm mầu dùng làm thứ lớp. Noi theo việc chứa nhóm lòng nhân, thuận tập hư tịnh mà thành thông chiếu v.v...

*** Ngô Chủ Tôn Quyền trình bày ba tông của đạo Phật, xuất xứ từ sách nhà Ngô.**

Đời Tôn Quyền, niên hiệu Xích Ô năm thứ tư, có Trưởng giả Khương Cư là Đại thừa tướng trong nước, bỏ tục, xuất gia, tên là Tăng Hội, họ Khương, thần nghi đỉnh đạt, lấy việc du hóa làm trách nhiệm.

Lúc bấy giờ, Tam quốc quyền lực ngang nhau mỗi nước đều chiếm lấy oai quyền. Phật pháp từ lâu ở Trung Nguyên, chưa đến Giang Biểu. Tăng Hội muốn đạo Phật truyền đến chỗ chưa được nghe bèn du hóa đến Nam Quốc. Đầu tiên đến đất Nghiệp, lập một lều tranh, lập ra tượng Phật để hành đạo. Người nhà Ngô, lúc đầu thấy vậy bèn cho là kỳ dị. Có một vị quan tâu lên nhà vua, vua Ngô hỏi rằng: Phật có linh nghiệm gì?

Tăng Hội đáp: Sự linh nghiệp của Đức Phật đã xuất hiện hơn mười ngàn năm nay, đã lưu lại xá-lợi ứng hiện vô phương.

Vua nói: Nếu có được xá-lợi thì ta sẽ xây tháp. Ba tuần sau thì vua được xá-lợi, năm màu chiếu sáng, càng bền chắc hơn, đốt không hề cháy. Ánh sáng phát ra lửa thành hình hoa sen lớn chiếu sáng rực rỡ cả cung điện, nhà vua và quần thần thấy vậy đều kinh ngạc, đây thật là điềm lành ít có. Thế là, nhà vua phát khởi lòng tin, do đây xây tháp, độ người lập chùa.

Sự giáo hóa bắt đầu hưng khởi, vì thế gọi là chùa Kiến Sơ.

Vua hạ chiếu bảo quan Thượng Thư Linh Hám Trạch rằng: Từ đời Hán Minh để đến nay đã bao nhiêu năm, Phật giáo truyền đến nhà Hán đã lâu, vì sao nay mới đến Giang Đông.

Hán Trạch tâu rằng: Đời Hán Minh đế, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười, Phật pháp mới đến, cho đến nay là niên hiệu Xích Ô năm thứ tư tính ra là một trăm bảy mươi năm rồi.

Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, lúc Đạo sĩ ở núi Ngũ Nhạc đọ sức (so tài), kết quả Đạo sĩ không thắng. Các Đạo sĩ ở Nam Nhạc như Chử Thiện Tín, Phất Thúc Tài v.v... ở trong hội động tâm chết, môn đồ đệ tử quy táng ở Nam Nhạc. Không dự xuất gia không người truyền bá. Sau gặp chánh sách nhà Hán xâm lấn binh đáo không dứt. Kinh nay chép nhiều, bắt đầu thạnh hành.

Lại nói: Khổng Tử, Lão Tử có thể so sánh với Đức Phật được chăng?

Hán Trạch tâu rằng: Khổng Tử, Lão Tử là bậc anh tài lỗi lạc, Thánh đức siêu vượt, người đời gọi là Tố Vương. Chế thuật kinh điển, dạy bảo khắp nơi, giáo hóa đời sau, phong cách nhà Nho thấm nhuần xưa nay. Cũng có những người sống ẩn dật như Hứa Thành, Tử Nguyên, Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử v.v... trăm nhà hiền triết đều tu thân tự vui. Thong thả nơi hang núi, ẩn dật tâm kia. Học quy về đạm bạc, sự trái nhân luân những người già trẻ cũng được an vui. Còn vua Hán Cảnh Đế dùng nghĩa lễ của Huỳnh Tử, Lão Tử rất sâu xa. Đổi tử làm kinh mới lập đạo học, ra lệnh khắp nơi đều tụng. Nếu đem giáo lý của Khổng Tử, Lão Tử so sánh với Phật pháp thì thật thua xa. Vì sao như vậy? Vì giáo pháp của hai đạo Khổng và Lão, do pháp trời chế dùng, không dám trái ý trời. Còn chư Phật lập giáo thì chư Thiên phụng hành không dám trái Phật. Do đây mà nói, thật không để so sánh được.

Vua nghe xong, rất vừa ý.

Hám Trạch là Thái tử Thái Truyền v.v...

Tống Văn Đế tập Triều Tể bàn luận về Phật giáo.

Văn đế là con thứ ba của Tống Cao. Thông minh, tài ba lỗi lạc, trị vì được ba mươi năm. Những ngày rảnh rỗi thường hỏi quan Sử bộ Dương Huyền Bảo là Thị trung Hà Thượng rằng: Trẫm lúc nhỏ ít đọc kinh, gần đây lại không có thời gian rảnh rỗi, nhân quả ba đời cũng chưa biết rõ, lại không dám lập điều khác.

Tạ Linh Vận Thường nói: Văn sáu kinh điển vốn cứu giúp người đời là chính, quyết tìm tánh linh chân thật, đâu không dùng giáo pháp đạo Phật làm kim chỉ nam ư? Gần đây thấy các luận: “Nhan Diên chi chiết đạt tánh”, “Tông Yên nan bạch hắc” nói Phật pháp rất sâu xa, rất là đúng lý, đều đủ khai mở tâm ý cho người. Nếu khiến cho đều mê mờ sự giáo hóa này thì trẫm ngồi đến thái bình cũng đâu có việc gì?

Thượng đáp: Bọn hoang đường phần nhiều không tin Phật pháp. Thần là kẻ tầm thường, lại đảm nhiệm việc quan không dám trái. Còn như các bậc anh tài đời trước không dám trái lời vua ban xuống. Từ đời Trung triều trở đi khó còn có người biết hết. Từ thời Độ Giang đến nay thì Vương Đạo Chu Khải, Dữu Lượng Vương Mông, Tạ Thượng Hy Siêu, Vương Đán, Vương Cung, Vương Bật, Quách Văn Cử, Tạ Phu Tài, Lục Hứa Tuần và anh em Cao tổ đã mất cùng với Vương Nguyên Lâm, con cháu là Phạm Uông Tôn Xước, Trương Huyền Ân Khải,... hoặc là con với Tể Phụ, hoặc bà con với nhân luân, hoặc lúc tận tình với trời người, hoặc chống lại dấu vết khỏi sóng, đồng thời bẩm chí quy y, gá tâm kính tin. Trong đó so sánh thì lan hộ khai thế, sâu xa kín đáo, đều không có người sánh bằng.

Pháp sư Tuệ Viễn có nói: Sự giáo hóa của đạo Phật không đâu chẳng thích hợp, đạo vốn từ nguồn gốc giáo hóa, cứu giúp mọi người là việc gấp trộm xét lời nói này có sự khế hợp. Nếu khiến mọi nhà đều vâng theo giới cấm của Phật thì tội dứt, hình phạt không còn, bệ hạ cái gọi là ngồi yên hưởng thái bình, thật đúng như ý chỉ của Đức Phật.

Dương Huyền Bảo nói: Lời bàn này trùm khắp trời người, đâu phải chỗ biết của thần. Trộm cho là đời Tần đời Sở luận về việc binh mạnh. Tông Ngô hết cách thôn tính cũng không dám thử nơi đây.

Vua nói: Đây không phải là dụng cụ chiến quốc như lời khanh nói:

Thượng Chi đáp: Phàm lễ ẩn dật thì chiến sĩ lười biếng, quý nhân nghĩa thì binh khí quy kém. Nếu dùng Tông Ngô làm chí, ví như có nuốt chững cũng không giữ đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn, đâu chỉ giáo lý đạo Phật mà thôi ư?

Vua nói: Đạo Phật có khanh cũng như đạo Khổng có Lý Lộ, cái gọi là lời xấu không vào tai. Từ đây Văn Đế để tâm đến kinh điển của Phật, đồng thời gặp các vị Tăng như Nghiêm Quán v.v... cùng luận bàn nghĩa đạo. Vua thường mời đến cung điện dự hội, đích thân vua cùng ngồi dự tiệc với vị tăng. Lúc bấy giờ, có Sa-môn Trúc Đạo Sinh là bậc kỳ tài xuất chúng, hào kiệt nhân từ, vua rất tôn trọng. Thường thuật nghĩa đốn ngộ, các vị Tăng thần nạn, vua nói: Dù cho chết cũng đáng vui thích, đâu vì các ông mà oan ức.

Lúc bấy giờ, Nguyện Diện Chi soạn luận Ly Thức, vua mời Nghiêm Pháp sư biện về sự giống và khác nhau đó. Vua đi đi lại lại cả ngày, cười nói: Các ông ngày nay không thẹn với lời bàn của Chi Hứa.

*** Nguyên Ngụy, Hiếu Minh Đế Thiệu Thích Đạo Môn Nhân luận trước sau.**

(Đời Nguyên Ngụy, Hiếu Minh Đế mời môn nhân của đạo Phật và đạo Lão đến luận bàn về tuần tự trước sau), xuất xứ từ sách đời Ngụy.

Niên Hiệu Chánh Quang năm đầu, Minh Đế gia triều đại xá cho thiên hạ. Mời môn nhân của hai tông Phật và Lão đến trước điện, dùng cơm xong, Quan Thị Trung là Lưu Đằng tuyên bố sắc chỉ mời các Pháp sư luật nghị với Đạo sĩ để giải thích lưới nghi cho các đệ tử. Lúc bấy giờ, Thanh Thông Quán Đạo sĩ, Khương Bân cùng vị Tăng ở chùa Dung Giác là Đàm Mô Tối biện luận.

Vua hỏi rằng: Đức Phật và Lão Tử có cùng thời hay không?

Khương Bân đáp: Lão Tử đến phương Tây giáo hóa giặc Hồ. Phật có cùng thời.

Đàm Mô Tối hỏi: Vì sao biết được như vậy?

Bân đáp: Khảo xét trong kinh Khai Thiên của Lão Tử mà biết được.

Đàm Mô Tối hỏi: Lão Tử sinh vào năm nào, nhằm thời vị vua nào của nhà Chu, năm nào từ phương Tây đến?

Bân đáp: Lão Tử sinh vào đêm 14 tháng 9 thuộc năm Ất mão thời Châu Định Vương thứ ba, tại ấp Khúc Nhân, làng Lệ, huyện Khổ, nước Sở. Đến thời vua Châu Giản, năm Đinh sửu thứ tư, thời vua nhà Chu giữ kho sử. Đời vua Giản Vương năm thứ mười ba đổi làm quan Thái Sử. Đến niên hiệu Kính Vương năm đầu tức năm Canh Dần, năm tám mươi lăm tuổi thấy Chu Đức hình phạt tàn nhẫn và giam cầm, nên khiến Doãn Hỷ đến phương Tây giáo hóa giặc Hồ, từ đây mà rõ biết.

Mô Tối nói: Đức Phật giáng sinh vào ngày mồng 8 tháng 4, niên

hiệu vua Châu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn. Diệt độ vào ngày rằm tháng hai niên hiệu. Mục Vương thứ năm mươi ba. Tính ra, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn ba trăm bốn mươi lăm năm mới đến niên hiệu Định Vương năm thứ ba (tức thời Chu Định Vương năm thứ ba) thì Lão Tử mới sinh. Năm Lão Tử được tám mươi lăm tuổi là niên hiệu Kính Vương năm đầu, tính ra là bốn trăm hai mươi lăm năm cùng Doãn Hỹ đến phương Tây, y theo năm tháng này thì chênh lệch quá xa, không phải sai lầm ư?

Khương Bân nói: Nếu nói Đức Phật sinh vào thời Chu Chiêu Vương, thì có sách nào ghi lại không?

Mô Tối đáp: Trong "Dị Ký Hán Pháp Bổn Nội Truyện" sách nhà Chu, đều có ghi.

Khương Bân nói: Khổng Tử đã là bậc Thánh chế pháp, đương thời đối với Phật không có sách nào ghi ư?

Mô Tối đáp: Sự hiểu biết của người có lòng nhân đồng như ống dòm, nhìn xem không rộng xa. Khổng Tử có kinh Tam bị bốc nghĩa là Thiên Địa Nhân (trời, đất, người). Sách của Đức Phật nêu đầy đủ trong đó. Lòng nhân tự mình nghiên cứu không có sự mê lầm ở đây.

Khương Bân nói: Bậc Thánh Khổng Tử không nói mà biết, đâu cần bói toán?

Mô Tối: Chỉ có Đức Phật là vua của các vị Thánh là Thầy trong bốn loài, thông suốt tất cả hàm linh hai đời trước sau, nguyên nhân kết quả của sự tốt sự xấu không cần bói toán, còn các bậc Tiểu thánh khác tuy hiểu mà chưa thấu suốt, phải nhờ sự bói toán để thông suốt sự linh nghiệm.

Quan Thị Trung Thượng Thư bảo Nguyên Hựu tuyên bố sắc chỉ rằng: Đạo sĩ Khương Bân luận không có tông chỉ phải xuống tòa.

Lại hỏi: Kinh "Khai Thiên" từ đâu có và do ai nói? Liền sai Trung Thư Thị Lang Ngụy, Thượng Thư Lang Tổ Tổ Oánh v.v..., đến lấy kinh xem, vua bảo luận nghị.

Thái Úy: Đan Dương Xương, Tiêu Tổng Thái Truyền, Lý Thị. Quan Vệ Úy: Hứa Bá Chẩm. Sử Bộ Thượng Thư: Hình Luyến Tán, Kỵ Thường Thị, Ôn Tử Thăng v.v... một trăm bảy mươi người, đọc xong tâu rằng: Lão Tử chỉ chép năm ngàn lời không có lời nói, chỗ luận nghị của các Thần, tội của Khương Bân đã mê hoặc chúng, vua gia cực hình Khương Bân. Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề Lưu Chi can ngăn nên được tha chết, đày đi Mã Ấp.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 2

THIÊN THỨ NHẤT: QUY CHÁNH (PHẦN II)

- Nguyên Ngụy Thư Thích Lão Chí (bổn đời Minh không có mục lục này) đời Tề soạn, đời Ngụy thu lục.
- Cao Tề thư thuật Phật Chí, tùy trước tác Vương Thiệu.
- Ngụy Thư Thích Lão Chí.

Đại nhân làm quan Ty Mục sinh dân, thâu kết sách trước đây không cho lưu hành. Từ đời Hy Cán về sau đến Tam Đại, dấu vết sách xưa bị nhà Tần đốt. Nhà Hán sưu tầm sách còn sót lại như sách của Sơn, Khưu, vốn khiến cho sáu nhà bảy lượt, họ ban họ Mã phân chia. Người học đạo Phật nghe vua Võ Đế đời Tiền Hán, Nguyên Thú Trung Hoắc hết bệnh được ngọc quý và tượng người vàng cao hơn một trượng, vua cho là Thiên thần, thờ ở cung Cam Tuyền, đốt hương lễ bái. Từ đây Phật đạo dần dần lưu thông và đến biên giới Tây Vức, sai Trương Khiên đi sứ đến Đại Hạ, trở về nói rằng: Nước Thiên Trúc có giáo pháp của Đức Phật. Ai đế nguyên thọ, trung cảnh hiến thọ, Đại Nguyệt Dân Vương Khẩu trao kinh Phù-đồ. Đời Hậu Hán, vua Minh Đế nằm mộng thấy có người thân sắc vàng, ở sau cổ có vầng ánh sáng, bay đến trước điện. Vua ra lệnh đem tượng Phật để trước vua. Sai quan Lang Trung là Thái Âm, Tiến sĩ Tần Cảnh v.v... đến Thiên Trúc viết di tích của Phật. Cùng với Sa-môn Ma Đằng và Trúc Pháp Lan trở về Lạc Dương. Lại thỉnh được kinh "Tứ Thập Nhị Chương" và tượng Đức Phật Thích-ca. Nhà vua bảo vẽ tượng thờ ở đài Thanh Lương và trên lăng Hiểu Tiết. Cất kinh trong thạch thất Lan Đài.

Phù Đồ hoặc gọi là Phật-đà, thanh tướng chuyển. Dịch là Tịnh giác, nghĩa là dứt trừ dơ uế thành đạo sáng suốt là Thánh ngộ. Phàm ý chỉ kinh Phật, đại khái nói về việc sinh tử đều do hành nghiệp mà khởi, có quá khứ, hiện tại, vị lai trải qua ba đời thần thức thường không diệt. Làm việc lành hay việc ác đều có báo ứng, dần dần chứa nhóm các

nghiệp lành, sửa đổi những nghiệp xấu, trải qua vô số kiếp thao luyện thần minh cho đến vô sinh mà thành Phật đạo. Trong đó, ngôi vị thứ lớp tu chứng chẳng phải một, đều từ cạn đến sâu, từ thấp đến cao, nương vào chỗ vi diệu mà trụ, noi theo việc tích chứa lòng nhân, thuận ích ưa muốn, tu tập thanh tịnh mà thành chiếu chung. Vì thế, ban đầu tu tâm thì phải nương Phật, Pháp, Tăng gọi là Tam quy y, như ba úy (ba đều đáng sợ) của người quân tử. Lại có năm giới: Không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, đại ý giống như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Nếu phụng trì thì được sinh về cõi trời, nếu thiếu và phạm thì bị đọa vào các đường khổ ngạ quỉ, súc sinh v.v... lại thiện ác gồm có sáu đường.

Những vị mặc pháp phục của đạo Phật thì cạo bỏ râu tóc, cắt ái từ thân xuất gia, tìm Thầy vâng theo giới luật, ở chung hòa hợp, sửa đổi tâm tánh tu tịnh hạnh, khất thực để tự sống, gọi là Sa-môn, hoặc gọi là Tăng môn, cũng là thanh tướng cận. Căn nghiệp khác nhau gọi là ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Do ngôi vị này có thể vận chuyển để đến đạo làm tên.

Thượng căn là tu sáu độ cho đến vạn hạnh. Cứu giúp trải qua thời gian lâu xa, đến được chỗ giác ngộ gọi là Phật.

Đức Bổn sư Thích-ca, Hán dịch là Năng Nhân, nghĩa là đức cao đạo đủ cứu giúp muôn loài, giáng sinh làm con của vua nước Ca-tỳ-la-vệ ở Thiên Trúc. Sinh vào ngày mồng tám tháng tư, từ bên hông phải của mẹ mà sinh ra. Hình tướng khác thường có ba mươi hai tướng tốt, trời hiện điềm lành cũng có ba mươi hai điềm ứng.

Ngày rằm tháng hai nhập Niết-bàn, gọi là diệt độ, có chỗ nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Nói không có sự dời đổi và các sự khổ lụy.

Lại có chư Phật có hai nghĩa:

1- Chân thật: Thể chí cực nhiệm mầu, dứt bặt sự ràng buộc. Không thể dùng nơi chốn, thời gian, chẳng thể dùng hình tướng hạn lượng, có cảm thì có ứng, thể thường vắng lặng.

2- Quyền ứng: Sống chung với sáu đường cùng muôn vật ở đời, sinh diệt tùy thời, tốt xấu ứng vật, hình do cảm sinh thể không thật có. Quyền hình tuy hết nhưng thật thể không thay đổi, chỉ vì thời cơ không diệu cảm nên không được thường thấy mà thôi. Do đây mà biết được Phật sinh không phải thật sinh, diệt không phải thật diệt.

Đức Phật đã nhập diệt dùng gỗ thơm đốt nhục thân, linh cốt phân vụn ra, lớn như hạt lúa, đập không bị vỡ, đốt cũng không cháy, nhưng thấy có ánh sáng linh nghiệm, gọi là xá-lợi. Đệ tử thỉnh về phụng thờ hương hoa chí kính, ngưỡng mộ, lập cung thờ, gọi là tháp, giống như

Tông miếu. Vì thế, lúc bấy giờ gọi là Tháp miếu là do đây.

Sau một trăm năm, có vua A-dục dùng thần lực phân chia xá-lợi Phật. Sai khiến các quỷ thần tạo tám muôn bốn ngàn ngôi tháp, cùng khắp thế giới đều đến cùng một ngày. Nay ở Bành Thành Lạc Dương và Cô Tạng Lâm Truy đều có chùa Dục Vương, bởi theo di tích này. Nhưng các ảnh tích như móng và răng thì để lại Thiên Trúc, người tới lui đều nói là vẫn còn thấy.

Ban đầu nói giáo pháp, sau đều có ghi chép. Nghiệm xét sâu xa không có chỗ nào thiếu sót sai lầm, vì thế ba tạng và mười hai bộ kinh có khác với chín dòng. Gồm nhiếp số nhiều kia chung quy đều dùng ba thừa làm gốc. Sau có các vị La-hán, Bồ-tát kế tiếp nhau soạn luận nói rõ nghĩa kinh. Để phá ngoại đạo, đều nương vào đại nghĩa các tạng bộ, giả lập bên ngoài để hỏi nhưng dùng nội pháp (Phật pháp) để giải thích, giáo pháp truyền đến Trung Quốc dần dần truyền bá rộng ra.

Đời Hán, ban đầu có Sa-môn đều đắp y bằng vải đỏ, sau đổi thành tạp sắc. Còn như lời nói tinh vi, nghĩa ẩn chưa nghiên cứu rõ ràng.

Có Sa-môn ở Thường Sơn Vệ là Đạo An, tánh thức thông minh, một ngày tụng hơn muôn lời, nghiên cứu cầu ý chỉ nhiệm mầu. Bùi ngùi vì không có bậc sư tượng, một mình ngồi trong tịnh thất mười hai năm tư duy thiền quán, tinh thần ngộ được ý chỉ nhiệm mầu sâu xa. Vì trước đây kinh nêu ra phần nhiều có sự lẫn lộn. Chính là chỗ sai lầm ấy. Về sau, Sa-môn truyền pháp, phần nhiều chép ở Trung Nguyên.

Đời Ngụy, Tiên Vương lập nước ở Huyền Sóc, phong tục thuần nhất, thuần nhất với Tây Vức rất tuyệt. Vì thế, giáo pháp của Phật chưa được nghe. Đến thời Nguyên và Ngụy, Tấn khắp tìm kiếm học hỏi. Văn Đế ở Lạc Dương; Chiêu Thành ở Tương Quốc đã nghiên cứu đầy đủ ở Nam Hạ kính thờ Phật pháp. Thái tổ bình định Trung Sơn, trải qua các quận, các nước gặp các vị Sa-môn đều chí thành cung kính, cấm quân lính không được xúc phạm đến Sa-môn. Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Lãng ở ẩn với đệ tử trong núi Thái. Vua gởi thư và các vật như lụa trắng, nệm bông, bình bát, tích tượng đến lễ. Nay còn gọi là Lãng Công Cốc.

Niên hiệu Thiên Hưng năm đầu vua hạ chiếu chỉ rằng: Sự hưng thịnh của Phật pháp rất lâu rồi, cứu giúp lợi ích cho cả kẻ còn người mất. Thần tích, giáo pháp truyền lại đáng tin để làm chỗ nương tựa.

Lại ra sắc chỉ cho quan Hữu Ty, ở kinh thành thành lập khuôn phép, tu sửa các cung xá, để cho những người có lòng tin Phật pháp hướng đến và có chỗ tạm nghỉ. Cũng vào năm đó, xây ngôi tháp Phật cao năm tầng, xây dựng điện ở núi Kỳ-xà-quật và núi Tu-di. Tiếp tục

sửa chữa giảng đường, nhà thiền, phòng xá cho đến tòa của Sa-môn thật trang nghiêm đầy đủ. Vua Thái Tông lên ngôi cũng noi theo đời vua trước. Kinh đô thôn ấp bốn phương đúc tạo hình tượng Phật, thường khiến Sa-môn dẫn dắt dân chúng.

Thời Hoàng Thỉ, ở quận Triệu có Sa-môn Pháp Quả giới hạnh trang nghiêm, giảng nói pháp yếu. Thái Tổ cho vị Sa-môn này thống lãnh Tăng đồ. Vua rất thỏa thích, cúng dường trọng hậu. Vua Thái Tông cung kính Sa-môn càng hơn trước.

Niên hiệu Vĩnh Hưng, lần lượt trao chức Phụ Quốc cho Nghi Thành Tử, Trung Tín Hầu An Thành Công, đều một mực từ chối. Vua thường đích thân đến đó, cửa nhỏ hẹp xe không thể qua được, nhà vua liền sửa cho rộng thêm.

Đến năm tám mươi tuổi, nhằm niên hiệu Thái Thường thì Sa-môn Pháp Quả thị tịch. Vua ba lần đến dự lễ an táng, làm lễ truy điệu thụy tặng danh hiệu: “Lão Thọ Tướng Quân Triệu Hồ Linh Công”. Pháp Quả năm bốn mươi tuổi mới làm Sa-môn, trước khi xuất gia có con tên là Pháp Mãnh, vua hạ chiếu cho Mãnh noi theo Pháp Quả và phong cho chức tước.

Thế Tổ kế ngôi cũng noi theo nghiệp của Thái Tổ, Thái Tông, thường cùng các vị Sa-môn cao đức bàn luận. Ngày mồng 8 tháng 4, các tượng Phật được chở đi ngang qua con đường lớn, nhà vua đích thân ngự đến cửa lầu nhìn xuống rải hoa để tỏ lòng cung kính. Thái Tổ bình định Hách Liên Xương. Các vị Sa-môn: Tuệ Chỉ, Bổn Trương Thị, Thanh Hà Nhân nghe tin ngài La Thập xuất bản kinh, những vị này liền đến Trường An yết kiến ngài và tu tập thiền định ở Bạch Cừ Bắc. Ban ngày thì vào thành nghe giảng, tối về ở phủ Tịnh Tam, người trí thức phần nhiều theo về.

Lưu Dụ diệt Diêu Hoằng, giữ Nghĩa Chân lại để trấn giữ Trường An, Nghĩa Chân và quan huyện đều kính trọng. Sau Nghĩa Chân bỏ Trường An, Hách Liên dương cung đuổi theo nhưng thất bại, người đạo kẻ tục đều bị chôn sống. Lúc đó, Tuệ Thỉ mang bạch đao (kiếm trắng) nên thân không bị tổn thương. Hách Liên nổi giận gọi Tuệ Thỉ đến trước mặt dùng kiếm báu đâm nhưng cũng không thể hại được, thấy vậy Hách Liên bèn kinh sợ mà tạ tội. Sau Tuệ Thỉ đến kinh đô giáo hóa dẫn dắt nhiều người, mọi người không thể sánh được dấu vết của Ngài. Vì thế Thái Tổ rất tôn trọng, càng kính lễ thêm. Từ khi mới tu tập thiền định đến khi thị tịch hơn năm mươi năm không hề ngủ nằm. Chân không mang dép lội dưới bùn đất mà chẳng dơ chân, gót chân trắng nõn nên

người đời gọi là Cước A Luyện. Tự biết giờ qua đời, hôm đó trai giới thanh tịnh, ngồi ngay thẳng, Tăng chúng có mặt đầy đủ, thanh thản mà thị tịch. Thi hài để mười ngày mà dung sắc vẫn như thường. Hơn mười năm, khải tẩn cải táng, nhục thân không hư hoại, thật là điều kỳ lạ ở đời. Lễ an táng có hơn sáu ngàn người đến dự, đều cảm động. "Trung Thư Giám Cao Sung" là truyện ca tụng về đức tính của Tuệ Thỉ.

Trên phần mộ lập một tinh xá bằng đá, hình tượng vẫn còn.

Thế Tổ ưa thích Trang Tử, Lão Tử, phụng thờ sớm tối, quý kinh Xuân Thu. Ý chí lanh lẹ, có tài võ công. Tuy quy y Phật pháp, kính trọng Sa-môn, nhưng không hề xem kinh giáo, thâm cầu ý chỉ duyên báo. Được đạo của Khấu Khiêm, cho là thanh tịnh vô vi có chỗ chứng tiêu hóa, bèn tin và thực hành theo. Quân Ty Đồ Thôi Hạo cũng kính thờ đạo của Khấu Khiêm, không tin Phật pháp, thường cùng với vua nói những lời phỉ báng, cho rằng đạo Phật là hư dối hoang đường làm cho đời hao phí công sức, vua cho là Khấu Khiêm biện tài rộng lớn nên tin theo, Ngô phản ở Hương Thành, ở đất Quan Trung làm loạn, nhà vua đi chinh phạt đến Trường tu, vào chùa tham quan. Thấy Sa-môn ăn uống giống như những vị quan. Vào tiếp trong thất thấy tài sản, cung tên và những đồ vật của người giàu có. Trước vua nổi giận cho là Sa-môn phi pháp. Lúc bấy giờ Hạo theo nhà vua, nên vua bảo hạ chiếu giết Sa-môn ở Trường An, đốt phá tượng Phật chỉ để lại Đài Hạ. Khắp nơi đều y theo Trường An mà hành sự. Lại ban chiếu chỉ: Sa-môn kia giả Tây Nhung hư dối hoang đường vọng sinh yêu mị, không phải là đồng nhất giáo hóa cùng khắp, đức thanh cao trong thiên hạ. Từ đời Vương Công sắp về, nếu ai cung cấp cho Sa-môn đều để cho qua kỳ, không trao cho Sa-môn, có ai chết thì đều để dồn vào một cửa.

Bấy giờ, Cung Tôn làm Thái tử giám quốc (giám sát trong nước), rất kính đạo Phật. Ở sông Dỉnh nêu bày hình phạt giết hại, lại không phải là tội về hình. Hai, ba lần vua không bằng lòng, bèn hạ chiếu rằng: Xưa, vua đời Hậu Hán hoang đường tin hoặc tà ngụy, vọng dựa theo điềm mộng, tin tưởng yêu quỷ để loạn thiên hạ, từ xưa Cửu Lưu không ai như thế. Khoe khoang dối trá không có nhân tình. Đời của Thúc Lý mê vua loạn chúa, đâu không phải là quỷ thuật ư? Do đây chánh giáo không thực hành, lễ nghĩa bại hoại, ma quỷ thạnh hành, bắt chước vua xem thường Phật pháp. Từ đó trở đi đời kế họa loạn thiên phạt cực hình, dân chúng chết hết. Trong năm phục (năm loại áo tang) cúc chi khưu khu ngàn dặm tiêu điều không thấy dấu chân người đều do ở đây. Trẫm vâng theo sự phó thác của trời, phải đích thân thay đổi sự xấu tệ kia,

muốn trừ ngụy định chân. Lại sửa đổi hy nông tất cả trừ dẹp Hồ Thần, diệt bỏ dấu vết kia ngõ hầu không tạ tội với nhân dân. Từ đây về sau người nào dám thờ Hồ Thần và đúc các hình tượng bằng đất bằng đồng sẽ bị giết.

Tuy nói Hồ Thần, hỏi nay người Hồ hoặc có hoặc không đều là đời trước người Hán không nương các đệ tử Lưu Nguyên Chân, Lữ Bá Cường tiếp nối lời hoang đường của Khất Hồ. Dùng sự luống dối của Lão Tử, Trang Tử phụ thêm vào đó, đều không phải chân thật. Đến nỗi khiến cho phép vua phế bỏ không thực hành, là do bọn đại gian. Đời có người phi thường có khả năng làm việc phi thường, không phải trẫm thì ai có thể trừ bỏ sự tà vạy nhiều đời.

Quan Hữu Ty tuyên bố rằng ở nơi nào có hình tượng Phật và kinh điển đều đập phá và đốt bỏ. Sa-môn bất luận lớn nhỏ đều chôn sống, năm này là tháng ba niên hiệu Chân Quân năm thứ bảy. Cung tôn noi tuy chưa dừng, sang còn hoãn tuyên chiếu thư. Do đó, xa gần dự biết đều mưu tính được, Sa-môn ở các kinh thành, làng ấp khắp nơi lẫn trốn mà Phật thoát khỏi, các tượng báu vàng bạc, kinh luận phần nhiều được giấu kín. Còn cây gỗ, chùa chiền, tháp, kinh điển không dấu cất kịp đều bị thủ tiêu hết.

Tập luận nói: Vua người làng Nhung Mã, bặt dấu vết văn nghĩa. Đã tham gia quân sự, rất tàn bạo. Chỉ có việc này là chính, còn những vấn đề khác không nghe nói đến. Vì thế giết người viết sử xấu hổ nói lỗi kia. Thôi Hạo thầm gièm pha nhưng vua đâu biết ông ta nịnh hót nên làm việc giết trừ. Lúc đó, chỉ vì sự khoái ý một đời mà thôi không bao lâu phát bệnh hủi, ăn năn cũng không kịp. Xem Thôi Hạo như thù oán, đã tàn ác dã man bị thiên hạ chê cười.

Ban đầu, Thôi Hạo cùng Khấu Khiêm đều là đồ đệ, Khấu cùng Hạo tranh luận Hạo không nghe theo, Khấu Khiêm bèn nói: Khanh nay tuổi còn trẻ sao giết hại dòng dõi như vậy?

Đến niên hiệu Chân Quân năm thứ mười một, Hạo bị chết phải chịu đủ năm thứ hình phạt. Bấy giờ, được bảy mươi tuổi. Thấy vậy rất hối hận, nhưng việc đã làm rồi khó mà sửa được. Cung Tôn thầm muốn phục hưng nhưng chưa dám nói. Bấy giờ, pháp lệnh khoan hồng, nhưng nhà nào còn lòng tin Phật pháp được kính thờ Sa-môn, thầm mặc pháp phục giảng tụng kinh rất đông người tham dự.

Đến tháng hai năm thứ mười ba, vua bị bệnh hủi rồi băng. Thái tử Hoãng do Hạo gièm pha cũng bị giết, người cháu lên ngôi. Bộ Kiểm Biệt truyện ghi rằng: Thôi Hạo chê bai Phật pháp. Tôn sùng Thiên sư

Khấu Khiêm, học Đạo Tiên. Những người họ Khương kính tin đọc tụng kinh điển của Phật như kinh Kim Cang, kinh Bát-nhã, Hạo lấy đốt hết bỏ vào nhà xí, rồi bỏ lên xe tù chở đến thành phía Nam, cho mười vệ sĩ đi tiểu trên đó, tiếng kêu oái oái trên đường.

Hạo nói: Đây là hiện báo của việc ta quăng ném kinh. Ban đầu, Hạo mặc ý dua nịnh vua, giết hại môn đồ họ Thích, viết văn phỉ báng, xướng lời hạ chiếu, nên bị cho là đứng đầu ma quỷ, vua chưa rõ việc đó. Có thể cho rằng người phi thường làm được việc phi thường?

Dòng họ của Hạo bị giết hết. Họ Hạo ở Thanh Hà không có bà con. Và họ Lư ở Phạm Dương, họ Quách ở Thái Nguyên, họ Liễu ở Hà Đông đều là bà con bên ngoại của Hạo đều bị giết hết.

Có lời thơ rằng:

"Gièm pha khắp nơi,
Giao loạn bốn nước".

Hiệu nghiệm ư?

Bộ Tập Luận nói: Xưa, sự gia hình của Tam Công, đây là rất tàn ác. Đâu không hận lời dối trá tà nịnh độc ác nhân từ, cho đến khi bị bệnh hủi thì chính thân phải chuốc lấy quả báo không thể tránh khỏi được. Tàn bạo gièm pha, ăn năn lỗi trước, khắc chế tự mình vốn là điều khó. Không tự trách mình về sự ám hoặc kia, làm việc bạo ngược với người, không nào thể hết được tội lỗi kia, ắt hẳn là cắn tới cái rốn của mình.

Xưa, Long Phùng gặp Hạ Kiệt, Bỉ Can phanh thây Ân Tân, lập Bào Lạc làm cây nghiêm hình, ao rượu để vui lòng hạ thần (đổ rượu xuống ao). Lúc bấy giờ, mọi người đâu cho là chánh giáo ư? Buông lung phô bày điều quấy mà gọi là tốt. Đến đời Hậu Nam Sào bị phóng cờ trắng treo đầu, không có người thay thế phải tự mình đương đầu mà chịu, nước mất thân không còn, không thể tránh khỏi được, tai họa đến không kịp trở gót tự mình phải chuốc lấy. Từ đây về sau, đời đời noi theo đạo của Khấu Khiêm, văn đời Ngụy khai mở Thật Lục kia. Xem xét đời chung cổ, vua Nghiêu bua Thuấn còn bị bệnh, vì thế kinh Phật nói rằng: Hai nghi còn mất, nước nhà có gì là thường, đây là lời chí lý. Thế Tổ có tự hỏi lại mình vốn thuộc lễ nghi, không thực hành lòng từ cứu giúp, do đời sau không rõ, không biết rằng khi xưa nương vào nghiệp gì mà có Trung Nguyên, vì sao lại buông lung mê mờ hung ác làm việc bạo ngược này, việc này thật không thể được. Đây là tự khuyên nhắc mình, ăn năn được ư?

Xưa có Sa-môn Huyền Cao là bậc tài giỏi của Không môn. Thông

linh cảm chúng, được Đạo Vương Lương Bình ở Hà Tây và Thái Võ ở Đông Quy tin tưởng kính trọng, là Thầy của Thái tử Hoảng.

Thái tử Hoảng hiếu kính với vua, tôn kính Phật pháp. Thôi Hạo và Khấu Khiêm may mắn được lòng vua, sợ Thái tử nhiếp chánh sẽ gặp nguy hiểm bèn thầm gièm pha với vua rằng có mưu đồ khác phải lo trước. Vua tin theo liền nhốt Thái tử vào cung sâu. Đêm đó, vua mộng thấy ông nội của Thái tử tay cầm kiếm, nổi giận nói rằng: Thái tử là người đầy đủ nhân hiếu trung thành, vì sao tin theo lời gièm pha như vậy.

Vua thức dậy, tập trung các quan trong triều để kể lại giấc mộng đó. Các vị Bá tước anh hùng tâu rằng: Thái tử là người vô dụng, đáng bị nhốt ở thâm cung.

Lại một lần nữa, vua tin theo.

Vào tháng giêng niên hiệu Chân Quân năm thứ năm, vua hạ chiếu rằng: Trẫm vâng theo đầu mối của Tổ tông xán lạn, suy nghĩ rằng đã mở mang nghiệp lớn, khôi phục hưng thịnh muôn đời. Võ Công tuy sáng rạng nhưng văn giáo chưa thông suốt, không phải là chỗ để muôn dân tôn sùng và cai trị cho đất nước thái bình. Nay ở Tây Vức an lành, muôn dân giàu có, nên theo chế độ là pháp của muôn đời. Phàm âm dương có qua lại, bốn mùa có thứ lớp. Thọ tử nhậm hiền đâu hoàn toàn giao cho nhau được. Do đó phải nghỉ ngơi lao nhọc, cách thức vốn lâu dài, xưa nay không dễ gì tìm được người mẫu mực. Có thể cho Hoàng Thái tử là người hợp lý muôn cơ, gồm nhiếp muôn việc. Lại nêu các vị hiền lương để nêu đủ chức vị, chọn người trao trách nhiệm mà truất vị. Tất cả kẻ sĩ, thứ dân trong triều đều xưng thần với Thái tử v.v... Thôi Hạo lại gièm pha rằng: Việc trước của Thái tử thật có âm mưu, chỉ kết với đạo thuật của Huyền Cao vì thế khiến trước kia vua nằm mộng. Như vậy chớ luận bàn, sự tích khó rõ ràng, nếu không sớm trừ thì sẽ có hại lớn, vua lại nghe theo Thôi Hạo, liền giết Thái tử chết và bắt Huyền Cao treo cổ ở phía Nam Bình Vức, bấy giờ nhằm niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi mốt, đời Tống. Đêm đó, đệ tử ngài Huyền Cao không biết Ngài bị chết, bỗng một luồng ánh sáng nhiễu quanh tháp rồi vào phòng, có tiếng nói rằng: Ta đã chết rồi.

Các đệ tử nghe vậy vội chạy đến chỗ thi hài xin Ngài ban cho vài lời dặn dò.

Huyền Cao bỗng nhiên ngồi dậy nói: “Đại pháp ứng hóa tùy duyên có lúc thạnh lúc suy. Thạnh suy ở nơi dấu vết, lý thường vắng lặng. Chỉ lo cho các ông không bao lâu cũng bị như ta mà thôi. Các người sau khi

chết pháp sẽ hưng thịnh trở lại, phải khéo tự mình tu tâm đừng để sau này hối hận". Nói rồi liền nằm xuống thị tịch.

Lời gièm pha của Thôi Hạo đã thâm độc, có thể khiến cho cha phải hiềm nghi con, cho đến giam nhốt đến chết, huống chi Sa-môn ư!

Ngày mồng 5 tháng 2 niên hiệu Chân Quân năm thứ hai mươi ba, vua Thái Võ băng hà, Thái tử đã bị chết. Ngày mồng chín Ngô Vương lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Bình. Đến ngày mồng 1 tháng 10 Ngô Vương lại băng hà. Cháu của vua húy là lên ngôi, đổi niên hiệu là Hưng An, đây là văn Thành Đế, miếu hiệu là Cao Tông. Nhưng Phật giáo cao xa, sáng chói cả bốn biển, châu đây muôn nước không vua nào không phụng thờ. Bắc Ngụy tuy trừ nhưng Nam Tống càng mạnh, xưng là Chân Quân minh chủ, không mê hoặc ư? Ngờ vực con tin theo bọn giặc thần ai dám thương tiếc ư? Cảm quả báo bị bệnh hủi tự mình chịu sự đau đớn của căn bệnh này. Đây thật là tàn ác! Dân chúng suy nghĩ dù sao đi nữa tồn vị chẳng phải một.

Niên hiệu Hưng An năm đầu, Cao Tông nối ngôi, hạ chiếu rằng: "Phàm làm vua phải thờ kính linh minh hiển bày lòng nhân đạo. Kia có thể ban ơn cho chúng sinh, cứu giúp lợi ích cho muôn loài. Tuy còn xưa nay, vẫn nói theo phong cách kia, đây là dùng sách Xuân Thủ gia thêm lễ sùng minh. Sách cúng tế ghi chép công của dòng họ cúng thí, huống chi giáo pháp của Đức Như Lai công cứu giúp cả đại thiên thế giới, ân huệ lưu truyền khắp mọi nơi. Người nghiên cứu về việc sinh tử thì khen giáo pháp kia là quán sát thông suốt, người xem văn nghĩa thì tôn quý kia là pháp môn nhiệm mầu, giúp cho pháp luật ngăn cấm của chính sách cai trị của vua, lợi ích cho thiện tánh của lòng nhân, trí, bài bác bọn tà, mở rộng chánh giác, vì thế đời trước đến nay đều tôn trọng. Cũng như quốc gia của ta thường tôn trọng. Đời Thế Tổ, Hoàng Đế Thái Võ rộng mở biên cương, đức thấm nhuần mọi nơi. Sa-môn Đạo sĩ hạnh lành thuần thành như Tuệ Thỉ không nơi nào chẳng đến. Phong cách oai nghi cảm hóa mọi người, thường như rừng cây. Ở núi sâu biển cả có nhiều quái vật, bọn gian dâm được nhờ ơn. Trong các chùa đến nỗi có bọn hung đảng. Đây là do triều đại trước giết hại có tội kia. Quan Hữu Ty theo ý chỉ sai lầm cấm đoán tất cả Hoàng đế Cảnh Mục thường bùi ngùi. Lúc đó, việc quan, việc quân, việc nước quá nhiều, chưa kịp sửa lại. Trẫm theo sự nghiệp lớn lao, vua đến muôn nước, suy nghĩ lể lại ý chí trước để hưng thịnh đạo này. Nay ra lệnh cho các châu, thành, quận, huyện chỗ nào đông người ở đều cho phép xây dựng một ngôi chùa, tài dụng xây dựng không chế hạn lượng. Ở những nơi đó có người nào ưa

mến đạo pháp, muốn làm Sa-môn, bất luận lớn nhỏ hễ xuất thân từ gia đình lương thiện, tánh hạnh trong sạch, dốc chí cầu đạo, biết rõ làng xóm thì cho phép xuất gia. Đại khái ở Đại châu có năm mươi người, Tiểu châu có ba mươi người, đủ để đổi ác thành thiện mở mang đạo pháp. Trong thiên hạ vâng theo phong tục lại tu sửa tượng Phật, kinh luận đều được công khai hiển bày. Lúc bấy giờ, dòng họ vua nước Kế Tân là Sa-môn Sư Hiền. Từ phương Đông du hóa đến kinh thành, lại đến kinh Hạ, nhân lúc Phật pháp bị suy vi, phương tiện giả làm y thuật mà giữ đạo không sửa đổi. Đến lúc khôi phục lại, liền làm Sa-môn. Đồng bọn có năm người, chính thân nhà vua xuống tóc, Sư Hiền làm Tăng Thống v.v...

Niên hiệu Hưng Quang năm đầu, vua ra sắc lệnh cho quan Hữu Ty ở chùa lớn năm tầng cầu phước cho năm vị vua Thái Tổ trở xuống, từ đúc năm tượng Phật Thích-ca, mỗi tượng cao một trượng sáu thuớc, dùng hai mươi lăm vạn cân vàng tía để sơn phết.

Vua lễ Sa-môn Đàm Diệu làm Thầy.

Yêu cầu vua ở kinh Tây, Vũ Châu, Tây Sơn, Thạch Bích, khai đào hang để điêu khắc, mỗi hang điêu khắc một tượng Phật. Tượng cao nhất là bảy mươi thước, kế cao sáu mươi thước, chạm khắc kỳ vĩ nhất đối với muôn đời nay. Thời nay, có người đến đó nhìn thấy, kể lại rằng: Hang sâu ba mươi dặm. Phía Đông là chùa Tăng, gọi là Linh Nham; phía Tây là chùa Ni. Đều đục đá làm bàn thờ (khám). Chứa cả ngàn người. Trở về phía Bắc có vách núi đá cao bảy dặm đỉnh cao nhất bảy dặm. Bàn thờ Phật liên tiếp các nơi. Bấy giờ, có lúc làm, có lúc nghỉ, số lượng tượng Phật ai có thể tính đếm được. Có một đạo nhân, tám mươi tuổi, lễ tượng Phật làm nghiệp. Cứ một tượng lạy một lạy đến trong bàn thờ (khám) mà chết. Thi hài nằm dưới đất, dùng đá đậy lên, nay vẫn còn thấy. Đâu thể tính được thời đại. Ở phía Đông Sóc châu ba trăm dặm, phía Tây thị trấn Hằng An hai mươi dặm, người thường đến, kể lại như vậy, thật là một việc phước không thể nghĩ bàn.

Niên hiệu Hoàng Hưng năm đầu, Cao Tổ Văn Đản xây dựng chùa Vĩnh Ninh ở đài phía Bắc Hằng An, tượng Phật có bảy bậc, cao hơn ba trăm thước, chu vi khuôn nền này là bậc nhất trong thiên hạ.

Lại, đức tượng Đức Phật Thích-ca tại chùa Thiên Cung, cao bốn mươi ba thước, dùng mười vạn cân vàng đỏ và sáu trăm cân vàng ròng để sơn phết tượng. Tiếp đó, xây dựng tượng Phật bằng đá ba tầng cao mười trượng. Rui, nóc, xà ngang, cột trên dưới nhiều lớp kết nhau, lớn nhỏ đều bằng đá, kiên cố đẹp đẽ, đây là quang cảnh trang nghiêm ở

Thủ đô Bắc Kinh.

Niên hiệu Duyên Hưng năm đầu, Hiển Tổ Hiến Văn nhường ngôi cho Thái tử, Tăng Cái Nhất Danh Hoằng tức Hiếu Văn. Lúc lên năm tuổi, sáng suốt anh minh thấu rõ lý nhiệm mầu, cùng thần biết căn cơ. Khi mới lên ngôi, Hiển Tổ dời đến cung Sùng Quang ở Bắc Uyển xem xét học tập về sách nhiệm mầu. Lập chu vi Lộc dã ở Tây Sơn thuộc Uyển Trung. Cách cung Sùng Quang về bên phải chừng mười dặm, xây thiền thất để chúng Tăng tu thiền ở.

Niên hiệu Thừa Minh năm đầu, Hiểu Tổ Thái Thượng Hoàng băng, xây dựng chùa Kiến Minh, sau đó làm phước, độ tăng, lập chùa chẳng phải một.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười sáu hạ chiếu: Mỗi năm vào ngày mồng 8 tháng 4 và ngày rằm tháng 7, chó phép ở Đại Châu một trăm người, Trung Châu năm mươi người, Hạ Châu hai mươi người xuất gia làm Tăng Ni, vì muốn lấy đây làm phép tắc bình thường.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười chín, thường đến chùa Bạch Thái ở Từ châu, nói với các Thần vương hầu rằng: Chùa này có vị danh Tăng là Pháp sư Tung thọ học luận Thành Thật với ngài La-thập, sau trao lại cho Pháp sư Uyên, Pháp sư Uyên lại trao cho hai vị Pháp sư là Đăng và Kỷ, trẫm thường xem luận Thành Thật này, có thể cho là người đạo thích thâm tình, vì thế trẫm đến chùa này. Dáng dấp oai nghi của Đạo Đăng có nghĩa nghiệp, Cao Tổ thường nhìn ngắm và đợi nghe giảng luận ở trong cung. Đến khi Đạo Đăng thị tịch, vua rất thương tiếc, cúng dường cả ngàn tấm lụa. Mời tất cả chúng Tăng vào kinh thành hành đạo bảy ngày. Hạ chiếu rằng: Pháp sư Đạo Đăng là Thầy của trẫm bỗng nhiên bị chết. Sau lưng Ngài bị đau dữ dội không thể chịu được. Đã tìm mọi thứ thuốc để trị, cẩn táng thận chưa cho phép liền đi, nhớ lại nghĩa thầy, khóc ngoài các cửa, người xuất gia, tại gia đều vinh hiển.

Ở Tây Vức có Sa-môn Bạt-đà, đạo nghiệp rất cao sâu, vua rất kính trọng, vua ban chiếu chỉ lập chùa Thiếu Lâm ở Thiểu Thất Sơn Âm, mời Sa-môn Bạt-đà đến ở và cúng dường y thực.

Tháng năm năm thứ hai mươi mốt hạ chiếu rằng: Pháp sư La-thập có thể gọi là bậc Thần xuất năm tài, chí nhập bốn hạnh. Nay ở chùa vẫn còn di tích, khâm phục dấu tích tu hành của Ngài và tình cảm thấm nhuần xa gần, nên ở giảng đường xưa xây tháp Phật ba tầng. Lại thấy bị ép ngặt, bạo ngược vì đạo bỏ thân. Đã đồng lễ của thế tục, lẽ ra có con cái nói dòng. Nên trước là lập giám Phước Tào, lại đổi thành Chiêu Huyền, đủ có quan thuộc để giải quyết việc Tăng, tức đồng như nay là

Sùng Huyền Thự của chùa đây.

Lúc bấy giờ Cao Tổ biết tên các vị Sa-môn như Đạo Thuận, Tuệ Giác, Tăng Ý, Tuệ Tự, Tăng Phạm, Đạo Biện, Tuệ Độ, Trí Đản, Tăng Hiển, Tăng Nghĩa, Tăng Lợi, Cao Tổ đều tôn trọng.

****

Có Ngụy Hiếu Văn Thánh Thiên Tử, năm năm tu thiền, mười năm làm quan. Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười tám dời đô đến Lạc Dương. Năm thứ hai mươi đổi thành họ Nguyên. Trăm bài văn chương lỗi lạc xưa nay, khi mới lên ngôi thì nhờ các quan hữu ty, niên hiệu Thái Hòa về sau đều tự mình vận bút, trước sau các vị vua không thể bì kịp. Như Thiên Tăng Hành đã hạ chiếu.

Thế Tông lên ngôi, hạ chiếu rằng: Giới luật đã khác, pháp luật cũng không giống. Vì thế đạo giáo xen nhau hiển, nghiêm cấm và khuyến khích đều có sự thích nghi. Tăng phạm tội trọng giết người thì y theo pháp luật thế gian mà xử, còn phạm những tội khác đều giao cho Chiếu Huyền dùng giới luật của Tăng giải quyết.

Niên hiệu Hy Bình năm đầu, hạ chiếu cho Sa-môn Tuệ Sinh đi sư sang Tây Vức sưu tầm kinh luật, trải qua bảy năm, đến mùa Đông niên hiệu Chánh Nguyên thứ ba mới trở về, số kinh luận đã được gồm một trăm bảy mươi bộ. Niên hiệu Cảnh Minh, vua Thế Tông hạ chiếu cho Đại Trường Thu Khanh, y theo hang đá chùa Linh nham ở đại kinh. Tại núi Y Khuyết thuộc Lạc Nam được Hoàng Thái hậu của Cao Tổ là Văn Chiêu xây dựng hai hang đá cách mặt đất ba trăm mười thước. Sau do phá núi quá cao phí công, khó được, bèn dời xuống thấp hơn, cách đất chừng một trăm thước, hai đầu (Nam, Bắc) cách nhau một trăm bốn mươi thước.

Vào niên hiệu Vĩnh Bình, được Thế Tôn xây dựng ba hang đá, từ niên hiệu Cảnh Minh năm thứ nhất, đến niên hiệu Chánh Quang năm thứ tư, tính ra hai mươi bốn năm mới hoàn thành, với tám mươi vạn hai ngàn ba trăm sáu mươi sáu công thợ.

Thời vua Túc Tông, niên hiệu Hy Bình, trong thành xây dựng chùa Vĩnh Ninh. Linh Thái hậu đính thân đốc suất cả một trăm người xây nền lập chùa, tháp có chín tầng cao hơn bốn mươi trượng, phí tổn không thể tính kể. Niên hiệu Cảnh Minh chùa tháp ít hơn. Sau, thời quan Tư chùa tháp rất nhiều.

Niên hiệu Thần Quy năm đầu Ty Không Thượng Thư khiến lãnh nhiễm thành, Vương Trừng phụng thờ chùa tháp dần dần nhiều thân, ngại cho chỗ ở của dân.

Lược rằng: Đức Như Lai mở mang giáo pháp phần nhiều ở núi rừng. Nay Tăng chúng quyến luyến người thân, thành thị, há chỗ chật hẹp là chỗ thích nghi cho việc kinh hành, ồn ào là chỗ ngồi thiền ư? Sẽ bị lợi dưỡng dẫn dắt tâm kia đâu thể dừng lại. Vả lại, người ở đã đánh mất sự chân thật kia, người xây dựng chùa chiền tổn phước kia. Chính là cặn bã của dòng họ Thích, là con chuột của pháp môn, giới luật không dung chứa, phép vua cũng đáng bỏ. Có thể làm được ư? Không bao lâu thiên hạ tán loạn, thêm họa ở Hà Âm. Quan chức trong triều có người chết lại bỏ nhà kia mà vào chùa, nên liền cấm không cho làm nữa.

Niên hiệu Hưng Hòa năm thứ hai vua xuống chiếu dùng cung xưa ở Nghiệp thành làm chùa Thiên Bình. Đời Thế Tông đến cuối thời Vũ Định, các vị trong pháp môn biết tên như: Tuệ Mãnh, Tuệ Biện, Tuệ Thâm, Tăng Xiêm, Đạo Khâm, Tăng Hiến, Đạo Hy, Tăng Thâm, Tuệ Quang, Tuệ Ngung, Pháp Vinh, Đạo Trường đều xem trọng đạo và tục. Từ khi nhà Ngụy lên ngôi đến khi nhường ngôi, kinh Phật lưu thông đến Trung Quốc tính ra có bốn trăm mười lăm bộ gồm mười ngàn chín trăm mười chín (1.919) quyển. Niên hiệu Chánh Nguyên về sau, thiên hạ phần nhiều lo lắng rất sợ nhà vua bắt đi thú ngoài biên ải. Đối biên hộ sở tại đây theo nhau vào đạo. Mượn cớ là kính mến Sa-môn, nhưng thật ra là để tránh sự điều động đi thú ngoài biên ải. Thật là quá hèn nhát. Từ khi Trung Quốc có Phật pháp đến nay chưa khi nào có trường hợp như vậy. Lưu tệ không quy nhất đến nỗi như thế. Người trí thức phải dừng ở đó.

Nguồn gốc của đạo Lão phát xuất xứ từ Lão Tử, Lão Tử tự nói như vậy. Trước trời đất sinh để giúp muôn loài. Trên, ngọc kinh là tông của Thần chủ. dưới, tử vi là chủ của phi tiên. Ngàn muôn biến hóa có đức không đức, tùy cảm ứng vật khuyết tích vô thường. Trao càn xe ở Nga Mi. Giáo Đế cấp báo ở Mục Đức Đại Vũ nghe pháp bí truyền trường sinh, Doãn Hỷ thọ ý chỉ đạo đức, nói diệu hữu linh đỗng không thể thù thắng, kia chính là giáo. Hoặc trừ bỏ tà lụy tháo tuyết tâm thần, tích hạnh thọ công, chứa đức thêm thiện, cho đến bạch nhật thăng thiên, trường sinh trên đời. Đây là do Tần Hoàng Hán Võ cam tâm không dứt, lao tâm kiệt sức để truy tìm, nhưng không được, thoái hận về sau. Vì thế, có việc giết hại ba họ Loan, Đại và Từ. Nhưng đạo kia mê hoặc người bắt chước học theo chẳng phải một.

Linh Đế dùng hoa che rồng to lớn, lập ra đàn tràng làm lễ, và Trương, Lăng thọ đạo với Hộc Minh (Thiên Nga kêu). Truyền chương Thiên Cung một ngàn hai trăm (1.200) chương. Đệ tử truyền nhau việc

làm kia. Đàn chay cúng tế quỳ lạy đều có thành pháp. Đối Tam nguyên cửu phủ đây có một trăm hai mươi vị quan, tất cả các thần đều gồm nhiếp. Lại xưng kiếp số, tạm trộm kinh Phật và kiếp kia hết gọi là trời đất đều hoại. Sách đó phần nhiều cấm mật, không phải bọn họ thì không được xem. Còn như hóa vàng, tiêu ngọc, bùa chú, sắc thủy, ỷ phương diệu thuật muôn cách ngàn điều. Trên nói là hóa cánh bay lên trời, kế gọi là tiêu trừ tai họa. Vì thế, người ưa điều khác lạ thường thường tôn thờ. Ban đầu, Văn Đế đến nước Tấn, người theo hầu nói rằng: Đăng Tiên y khuyết, Thái Tổ ưa lời nói của Lão Tử, tụng vịnh không mỏi mệt.

Vào niên hiệu Thiên Hưng Nghi Tào Lang Đổng Mật, vua đọc kinh đạo Tiên mấy mươi bài. Bèn sắp đặt vị Tiên Bác sĩ, lập tiên phường nấu luyện một trăm vị thuốc, giao cho Tây Sơn để cung cấp củi. Khiến cho tử tội uống, phần nhiều chết không linh nghiệm. Thái Tổ còn riêng tu. Thái y Chu Đam cố sức kỳ tiên thái chi dịch, muốn bỏ việc kia. Âm khiến vợ hóa thành vị Tiên Bác sĩ vợ của Trương Diệu, Diệu che giấu tội. Diệu sợ chết, do đó xin sống ở nơi xa xôi hẻo lánh (Tích cốc), Thái Tổ cho đó, cung cấp đồ dùng cho Diệu, tạo Tĩnh đường ở Uyển Trung, cho người quét dọn hai nhà, làm nơi luyện thuốc, làm Tiên lục. Thời gian lâu, Thái Tổ mệt mỏi mới thôi.

Thời Thế Tổ, Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi tự là Phụ Chân, người Châu Nam Ung là em của Sử Tán. Trước theo đạo Tiên, tu theo thuật của Trương Hội, uống thuốc cả năm mà không có hiệu quả. Có vị Tiên Thành Công Hưng làm thuê cho nhà Khiêm Chi. Sau đó, Khiêm Chi tính Thất Diệu, Hưng hoang mang không rõ, liền nói: Sao không giải thích?

Khiêm Chi nói: Ta học toán nhiều năm, gần đây tính Chu Bể không hợp.

Hưng khiến theo lời nói trình bày, trong giây lát liền giải quyết được. Khiêm Tán Thục muốn tôn Hưng làm Thầy. Hưng một mực từ chối, xin làm đệ tử của Khiêm Chi. Không bao lâu cùng vào Hoa Sơn ở thạch thất (tịnh thất bằng đá) Hưng tìm thuốc cho Khiêm uống, không bị đói. Lại cùng vào thạch thất ở núi Tung, nói rằng sẽ có người đem thuốc đến, được thì uống chớ nghi. Sau đó, có người đem thuốc đến, đều là thuốc độc. Khiêm Chi sợ bỏ đi. Hưng trở về hỏi sự việc đầy đủ, liền than rằng: Tiên sinh chưa phải là tiên, chỉ có thể làm Thầy Đế vương mà thôi. Hưng thờ phụng hầu hạ Khiêm bảy năm. Một hôm nói rằng không được ở lại đây lâu, sáng mai nên đi. Đến lúc sắp mất, thấy có hai đồng tử, một người cầm pháp phục, một người cầm tích trượng và bình

bát đến chỗ thây chết của Hưng, Hưng bỗng nhiên đứng dậy đắp y cầm tích trượng và bình bát mà đi.

Khiêm Chi thủ chí có Tung Nhạc, do Thần báo điềm lành vào tháng 10 năm thứ hai, gặp vị Đại thần cỡi ngựa nương mây và một trăm vị thần linh đi theo tập trung ở đỉnh núi, xưng là Thái Thượng Lão Quân, bảo Khiêm Chi rằng: Từ khi Thiền sư Trương Lăng tạ thế đến nay, người cai quản ở đời, văn thân trực lý của Khấu Khiêm Chi, ta muốn trao địa vị Thiên sư cho ngươi, tặng cho ngươi "Vân Trung Tân Khoa" hai mươi quyển. Từ khi khai mở đến nay không lưu truyền ở đời, người phải tuyên truyền Tân Khoa Thanh Chỉnh đạo giáo của ta, trừ bỏ Tam trương ngụy pháp thuế gạo, thuế tiền và thuật hợp khí của nam nữ. Đại đạo thanh tịnh đâu có việc này, chuyên dùng lễ độ làm đầu, lại thêm nấu ăn, luyện thuốc, khiến cho Ngọc Nữ Cửu Nghi mười hai người lãnh thọ sự dẫn dắt bằng lời nói của Khiêm Chi, bèn được tích cốc khí thạnh, nhan sắc đẹp đẽ, đệ tử có hơn mười người đều được phương thuật đó.

Tháng 10, niên hiệu Thái Thường năm thứ tám có Mục Sĩ Thượng Thư Lý Phổ Văn đến Tung Nhạc nói là cháu chín đời của Lão Quân. Xưa ở Đại Quận Tang càn. Thời Hàn Võ Đế được đạo làm Cung Chủ Mục Sĩ. Thống lãnh ba mươi sáu nước nhân quỷ, địa phương rộng mười tám vạn dặm. Trong đó làm phương vạn dặm, có ba trăm sáu mươi phương. Bảo đệ tử rằng: Tung Nhạc chỗ thống lãnh phương vạn dặm để giao cho Khiêm, làm lời cáo v.v...

Lục Đồ sáu mươi quyển, Chân kinh giao cho ngươi, phụ tá phương Bắc, Thái bình chân quân nêu pháp Thiên cung tịnh luân. Nếu xây dựng thành công thì vượt lên chân tiên.

Lại nói: Chúng sinh đời nay, kiếp mạt sắp đến hành giáo rất khó, nam nữ lập đàn tràng sớm tối lễ bái v.v...

Lại nói: Trong Nhị nghi có ba mươi sáu cõi trời, mỗi cõi trời có ba mươi sáu cung. Mỗi cung có một người chủ. Những người đứng đầu trong dó gồm: Tùng Vương, Kiều Hàn chung, Trương An Thế, Lưu Căn, Trương lăng, những vị Tiên đời cận đại, đều làm tùy tùng, bảo Khiêm Chi cùng các vị tiên làm bạn.

Lại nói: Khi xưa Phật ở Tây Hồ đắc đạo, ở cõi trời ba mươi hai làm Diên chân cung chủ, dõng mãnh khổ giáo nên đệ tử của Phật đều cắt tóc nhuộm y, dứt bặt giao tiếp với người. Y phục cõi trời đều như vậy. Trong niên hiệu Thỉ Quang, ban đầu kính phụng sách kia, hiến cho Thế Tổ, khiến Khiêm Chi dừng việc cung cấp thực vật cho Trương Diệu ở Tích cốc (sống một mình ở nơi hẻo lánh). Trong triều, ngoài nội nghe

đó hoặc còn hoặc mất chưa hoàn toàn tin. Thôi Hạo riêng khác lời nói đó, tôn làm thầy mà thờ, lãnh thọ pháp thuật kia. Dâng sớ làm sáng tỏ việc ấy rằng: Thần nghe Thánh vương thọ mạng thì có thiên ứng, mà bộ "Hà Lạc Đồ Thơ" nương lời nói nơi văn trùng thú, chưa phải ngày nay do thần tiếp đối tay viết, buồi cười từ chỉ thâm diệu, từ xưa không có việc này. Xưa bậc Hán cao anh thánh, tứ hạo còn lấy làm hổ thẹn không chịu luồn cúi. Nay Thanh đức ẩn tiên không mời tự đến. Đây thật là Bệ hạ ngang hàng tung tích phù chú Hiên Huỳnh ứng thiên, đâu thể để thế tục thường bàn luận chịu lệnh của Thượng linh, thần thầm sợ đó. Thế Tổ vui vẻ, bèn khiến yết giả phụng Ngọc Bạch Sinh lao quán sát Tung Nhạc. Tiếp đón đệ tử khác ở trong núi, kính thờ Thiền sư ở Tung Nhạc, lập đàn tràn mở mang Tân pháp, thông báo thiên hạ thực hành đạo nghiệp, phụng thờ Thiên sư rất cẩn bạch bái lễ, bị người chê bai.

Lúc đó, hơn ba mươi Đạo sĩ ở núi Tung đến phía Đông nam của Đạo Tràng kinh Thiên Sư, đàn cao năm tầng, y theo chế độ Tân Kinh. Cung cấp y thực cho một trăm hai mươi người, trai giới nghiêm túc sáu thời. Mỗi tháng tập trung ở nhà bếp hơn ngàn người.

Khiêm Chi tâu rằng: Bệ hạ cho Chân Quân mà giao du ở thế gian, lập Thiên Cung Tĩnh Luân, từ xưa chưa có, nên đến thọ phù lục, giúp pháp điều khiển lá cờ đều màu xanh để theo màu của đạo gia. Từ nay về sau các vua lên ngôi đều như vậy.

Cung Tôn thấy Khiêm Chi xây dựng Thiên Cung Tĩnh Luân phải thật cao để không nghe tiếng gà gáy tiếng chó sủa và giao tiếp với Thiên thượng, công lao muôn kế, qua cả năm mà chưa hoàn thành, bèn nói với Thế Tổ rằng: Đạo của trời người định lực cao thấp khác nhau. Nay Khiêm Chi đã ước định thời gian mà không thành, nói việc không đúng, tài sức phí tổn, trăm dân khổ nhọc, đâu thể như vậy được. Quyết phải đúng như lời nói, không gì bằng nhờ Đông sơn có bờ cao muôn nhận, là công lao sai khác, vua rất thâm hiểu.

Chỉ vì Thôi Hạo tán thành nên khó trái với ý của ông ta. Trầm ngâm giây lâu, Thế Tổ nói: Ta cũng biết việc kia không thành, đã như vậy sao tiếc năm, ba trăm công?

Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ chín, Khiêm Chi chết. An táng theo lễ của Đạo sĩ. Các đệ tử cho là thi hài tan rã, biến hóa mà đi. Thế là Thiền cung Tĩnh Luân cuối cùng không hoàn thành, liền xây dựng lại.

Lúc bấy giờ, kinh Triệu Vi Văn Tú ở ẩn trong núi Tung. Thế Tổ tìm hỏi Phương Sĩ việc Kim Đan.

Phương Sĩ đáp: Thần thông sâu xa biến hóa không lường. Có thể

không công khai, khó dự định thời gian. Thần khi xưa thọ nơi tiên sư, chưa làm việc đó. Thế Tổ trọng hào tộc ôn hòa nhã nhặn, cho Thượng Thư Thôi Trách đến núi Vương.

Hợp tan cuối cùng không thành công.

Lúc bấy giờ, Phương Sĩ đến, trước sau mấy mươi người lịch xuất danh hành. Kỳ Tiêm ở Hà Đông ưa tướng nhân Thế Tổ thân mật, bái Tiêm Thượng Đại Phu.

Tần Dương Phùng vừa nghe Hỷ Ngô khuyến khích hướng dẫn cách dưỡng sinh, hơn một trăm tuổi mà thần khí không bị suy hao. Các Đạo sĩ Hằng Nông, các bình rộng đọc, một trăm nhà không thể đạt ý, nhưng đối chiếu từ thì sẽ ghi chép được. Phù Phong Lỗ kỳ gặp Hách Liên phản nghịch, trách vào núi Địa Hàn truyền giáo được mấy trăm người, ưa phương thuật ít ham muốn.

Thức ăn của La Sùng ở Hà Đông là nhựa cây thông, không ăn ngũ cốc. Nói rằng thọ đạo tu ở núi, có huyệt đạo Côn Lôn, Bồng Lai được thấy vị Tiên thường đến. Vua khiến về quê lập đàn cầu thỉnh, ban chiếu chỉ Hà Đông cung cấp chỗ cần thiết. La Sùng vào hàng (huyệt đạo) một trăm bước, cùng đường quay lại, quan hữu ty vu khống chẳng nói, tâu tội lên vua.

Thế Tổ tha tội cho, để mở ý tiếp đãi người hiền. Đông lai, Vương Đạo, Đực Ẩn, Hàn Tín ở trong núi bốn mươi năm. Không ăn lúa gạo ăn lúa mạch, thông suốt kinh chương phù chú không giao tiếp thế tục. Hiển Tổ sai Thứ sử Thanh Châu đến kinh đô, vẫn giữ bổn tháo, bèn khiến Tăng Tào cung cấp y thực trọn đời.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ hai mươi lăm, ra chiếu chỉ rằng: Phàm chí đạo vô hình, vắng lặng vô chủ. Từ khi có nhà Hán về sau làm đàn cúng tế, triều đại trước do thuận kia có thể quy y, vì đó lập ra chùa chiền.

Xưa trong kinh thành Cư xá còn ít. Nay nhà cửa san sát, người dân đông đúc, chẳng phải là chỗ tôn sùng chí pháp, cung kính thần đạo. Có thể dời đến phía Nam kinh Đô thuộc phía Bắc Tang Càn, phía Nam núi Nhạc. Xếp đặt cung cấp năm mươi hộ để làm chỗ cúng tế, gọi là chùa Sùng Hư. Mời ẩn sĩ ở các châu, được chín mươi người, dời đến đất nghiệp nối tiếp việc như cũ. Đạo tràng đó ở Nam Giao, vuông vức hai mươi bộ, vào những ngày mồng bảy tháng giêng, mồng 7 tháng 9, mồng 5 tháng 10, Đạo sĩ Đàn chủ một trăm sáu mươi người hành lễ cúng bái. Các Đạo sĩ ít có thể tinh chí, lại không có tài thuật cao.

Niên hiệu Võ Định năm thứ sáu, quan Hữu Ty bảo ngừng. Ở Hà

Nam, các ông Trương Viễn, Du Hà Gian, Triệu Tĩnh Thông, Tề Văn, Tương Vương lập riêng Quán Kinh Sư, trong đạo thuật đó mà lễ bái.

Tôi xét sự trình bày của Thiên sư Khấu Khiêm Chi về Thái Thượng Lão Quân giống như lư hải hạ của cảnh Bồng Lai, phi phù thiên thượng của Côn Luân.

Lại nói: Ba mươi sáu nước muôn dặm, là phương ba trăm sáu mươi v.v..., có khác gì ba mươi sáu phương của Trương Giác ư?

Trong truyện "Hoàng Phủ Cao" đời Hậu Hán chép rằng: Cự Lộc Trương Giác tự xưng là Đại Hiền Lang, thờ phụng Huỳnh Lão, thực hành thuật của Trương Lăng, dùng pháp bùa thủy chú để trị một trăm bệnh. Cho tám người đệ tử đi hành hóa đạo pháp khắp bốn phương, truyền nhau cuồng hoặc, trong hơn mười năm chúng đông đến mười vạn. Dân chúng ở tám châu: Thanh, Từ, U, Ký, Kinh Dương, Duyễn và Tượng đều ứng theo. Bèn lập ba mươi sáu phương. Phương còn gọi là Tướng quân. Đại phương có hơn vạn người, Tiểu phương có sáu vạn người, ngoa ngôn thương Thiên chất, Huỳnh Thiên lên ngôi, năm Giáp tý thiên hạ rất tốt. Dùng bạch thổ viết ở cửa kinh Ấp Chùa, làm chữ Giáp tý. Ngày mồng 5 tháng 3 niên hiệu Bình Nguyên trong ngoài đều khởi, Đạo sĩ mặc y phục màu vàng, đội mũ màu vàng. Hoặc giết người cúng tế trời. Lúc đó, bọn giặc mấy vạn người, ban đầu nổi loạn ở Dĩnh Xuyên làm loạn thiên hạ, truyện "Hoàng Phủ Cao" thảo luận bỏ bớt, còn lại thì cất giấu, hiện nay vẫn còn.

****

Sách nước Tề nói về chí của Đức Phật - thứ chín.

Thiều nói rằng: Đạo Thích (đạo Phật) không thể nhìn bằng ống dòm mà hiểu được. Đại khái là các ông chỉ vọng ngữ thôi. Lại dẫn "liệt ngữ khấu thư" nói về việc Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử về bậc Thánh. Lại Huỳnh Đế nằm mộng thấy đến nước Hoa Tư Dân nước Hoa Tư Dân nơi Phật thần dạo đi mà thôi, đây là chỗ nói lờ mờ đối với Phật. Kinh Thạch Phù Diêu Thế giảng dịch rộng khắp, bởi muốn thu phục tâm người, vì thế dùng ngụ ngôn để làm phương tiện. Không biết đây vì sao mà thần kỳ lờ mờ đến thế. Kia nói thân tâm người, nhân duyên việc đời thiện ác, Từ Bi Hỷ Xả, Thường Lạc Ngã Tịnh, thủ biện chí sáng suốt như mặt trời mặt trăng, không phải là bậc Chánh giác thì ai chứng được. Phàm bọn dân đen (kẻ ngu dốt) đâu không quy mạng, người hiểu biết thì dè thân khẩu, tu định tuệ, bình đẳng giải thoát rốt ráo Bồ-đề và một số ít người không thông lý, uổng công vô ích tài lực công lợi trói buộc. Còn như sáu Kinh có chỗ lỗi lầm, chưa được thâm sâu.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 3

THIÊN THỨ NHẤT: QUY CHÁNH (PHẦN III)

- Thiên Thúy Cổ - Đời Lương, quan Thị Trung tên Giang Yêm.
- Thiên Quy Tâm - Đời Bắc Tề, Nhan Chi Thôi.
- Tựa Thất Lục - Nguyễn Hiếu Tự Xử sĩ, đời Lương.

****

Thiên Toại Cổ - Thị trung Giang Yêm, đời Lương:

Bộc Thường là bài tạo hóa, do học xưa chế nay, xúc loại mà mở rộng nên có bài này, gồm tượng Thiên Vấn, dùng để suy nghĩ

Nghe rằng Toại Cổ lửa bừng cháy
Nước cũng bến bờ không ngằn mé
Nữ Oa luyện đá để vá trời
Chung sức va chạm không khắp núi
Hà lạc giao chiến há vực sâu
Huỳnh Viêm tranh đấu Trá Lộc Xuyên
Chín người Nữ kỷ là họ tiên
Sư Vưu chế nỏ mấy ngàn năm
Mười ngày đều xuất vào đời Nghiêu
Hậu Nghệ che trời sợ lửa dậy
Hằng Nga trốn vào trăng ai truyền
Phong Long nương mây chứa linh tiên
Hạ Khai cưỡi rồng nhân duyên gì
Truyền thuyết nương sao đâu được nói
Khoa phụ Đặng Lâm nghĩa cũng khó
Tìm cây ngàn dặm, ôi dễ luận!
Mục Vương, Chu Lưu lại trở về.
Vương Mẫu Hà Tông có thể nói
Thanh điểu chỗ mở đường thành thật
Ngọc thạch năm màu xuất Tây thiên

Núi Côn Luân ở giữa Hải Bắc.
Bỏ tông kia một vạn hai ngàn
Kinh sách núi xưa loạn biên thiên
Quách, Thích có hai chưa tinh chắc
Trên có cương khí nói Đạo gia
Trời trăng ngôi sao đều trên không
Bỏ cảnh lìa đất vượt khói mây.
Dưới chín lớp đất như có trời
Thổ bá cửu ước giống như tiên
Tây phương nhục thu ty kim môn
Bắc cức ngu cường là thường còn
Hai con gái vua dạo nguồn tương
Trời trong đuốc sáng đều rực rỡ
Thái nhất ty mạng đầu nguồn quỷ
Quỷ núi nước nguy, hồn dạo đi
Ca-duy-la-vệ đạo rất tôn
Thân sắc vàng ai có thể bì
Hằng tinh không thấy đâu thể nói
Thuyết kia rõ ràng nhiều Thánh nói
Trong tâm sáu hợp thường vẫn đục
U minh tánh quỷ làm trí mờ
Hà đồ lạc thư tin như vậy
Khổng Giáp nuôi Rồng xưa cũng truyền
Vua Vũ ngăn gió ở Ngung Sơn
Xuân thu trường địch sống nơi nào
Sông Thao thấy được do duyên gì
Nước ở Bồng Lai cạn phía trước
Sóng ở Đông Hải là ruộng dâu.
Núi lở ấp chìm yên mấy ngàn
Đá sống đất lớn phải nhiều năm
Hán tạc Côn Minh toàn tro than
Ngụy khai tế cừ ếch nhái đầy
Bạch nhật nhiễm trung ai làm vậy
Bắc đẩu không thấy ẩn nơi nào
Lập chương phượng khuyết thần quang hợp
Chưa ươm hạt hoa nở hoa tươi
Đồng làm binh khí trước đời Tần
Trượng phu ái gấm đầu sáu nước

Thời Chu nữ giới xuất thế gian
Ban Quân giày lụa dạo núi Thái.
Ranh giới người quỷ có ẩn chìm
Ngoài bốn biển ra, gì vuông tròn
Ôc, Thư nghiêm túc bên Đông bắc
Tay dài hai mặt cũng ngồi thuyền
Đông nam nước Nhật đều văn thân
Ngoài kia Hắc Xỉ dân khỏa thân
Người lùn ba thước là hàng xóm
Tây bắc leng keng lại Ô Tôn
Xa sư nguyệt chi chủng loại nhiều
Nước có vó ngựa khéo chạy nhanh
Tây nam Ô dặc và Kế Tân
Tây Vức phần nhiều đều người Hồ
Nhánh nhóc đâu dứt nước Tây Hải
Dấu vết người đến tận Đại Tần
San hô, châu sáng, đồng, vàng, bạc
Lưu ly, mã não được bày ra
Xà cừ, thủy tinh đâu chẳng chân
Hùng hoàng thư thạch xuất núi bạc
Hoa sen trong trắng đầy bến nước
Cung điện lầu gác đều bảy báu
Đất liền biển cả lại có dân
Mắt to đùi rộng há vua tôi
Trượng phu người nữ và ba thân
Buộc thân trở lưỡi một tay người
Kỳ chủng giao hình cùng vũ dân
Nước không mất là do duyên gì.
Mênh mông tạo hóa lý khó theo
Bậc thánh không lường huống kẻ ngu
Rảnh rỗi đặt bút viết văn này
Sắp tối sấm sét dễ quên sầu.
Lại chỉ bày cho ông.

Sách đời Lương viết rằng: Giang Yêm vị đăng kim tử. Khi mới lên sáu tuổi đã có thể thuộc văn làm thơ. Lớn lên hiểu biết cao xa, ưa kỳ thượng. Đến hai mươi tuổi trao Ngũ Kinh cho các vua đời Tống, tiếp đãi như khách. Năm mươi ba tuổi, nhà nghèo, ông đi lượm củi bán kiếm tiền nuôi mẹ, có tiếng là hiếu thảo. Đến đời Lương, sáu lần thay đổi

chức quan Thị Trung. Một đêm nằm mộng thấy Quách Phát xin cây bút năm màu, Yêm liền cho. Từ đây không viết văn nữa, mọi người cho rằng ông hết tài, nhưng vì không đắc chí. Có viết một tập gồm mười quyển. Rất tin văn của Duyên Quả ở Thiên Trúc.

Tôi nghĩ việc này không khác với truyện. Thuật tiếp Phật lý, phần nhiều không chép, vì kia có bài riêng, biết ý chí của mặc minh hiền mà thôi.

****

Bài gia huấn quy tâm:

Của Quang lục Nhan Chi Thôi, đời Bắc Tề.

Việc ba đời, tin phải có chứng cớ. Gia nghiệp quy tâm chớ nên xem thường. Những ý chỉ nhiệm mầu trong đó đều có đủ trong các kinh luận, chớ không phải chỉ chút ít lời trong đây mà khen ngợi đủ. Chỉ sợ các ông chưa tin chắc nên tóm lược một vài điều để khuyên bảo, răn nhắc vậy thôi.

Vốn xét bốn trần năm ấm phân tích ra hình dáng mọi loài; sáu thuyền ba xe duyên chở chúng sinh. Muôn hạnh rốt về không, ngàn cửa quy về thiện. Trí tuệ biện tài đâu chỉ bảy kinh, thiên hạ rộng bằng ư! Nói là không phải bậc Thánh của Nghiêu Thuấn, Chu Công, Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử bì kịp được.

Hai giáo pháp nội điển và ngoại điển vốn là một thể, lần đến chỗ cực điểm là khác bởi cạn sâu khác nhau.

Nội điển về cửa pháp ban đầu lập năm điều cấm, ngoại điển có năm thường đều phù hợp.

Nhân hợp với điều cấm: Không sát sinh

Nghĩa hợp với điều cấm: Không trộm cắp

Lễ hợp với điều cấm: Không tà dâm

Trí hợp với điều cấm: Không uống rượu

Tín hợp với điều cấm: Không vọng ngữ.

Còn các việc: Cày ruộng, săn bắn, đi quân dịch, yến tiệc, xử hình phạt là bởi tính tình của người dân không thể dẹp bỏ, nên còn phải dùng các việc ấy để làm chừng mực, khiến cho dân không lộn xộn mà thôi. Thế mà, những kẻ tin Chu, Khổng mà trái với Đạo Phật, sao lại mê mờ như vậy.

Đối với giáo pháp của Đạo Phật, kẻ thế tục chê bai, đại khái có năm điều:

1. Họ cho là việc ngoài thế giới và thần thông biến hóa vô cùng đó là viển vông dối trá.

2. Họ cho rằng các việc tốt xấu, họa phước chưa thấy có báo ứng là lừa phỉnh.

3. Tăng Ni phần nhiều hạnh kiểm không được tinh thuần, cho là gian là giấu.

4. Tiêu phí tiền của, hao tốt xâu thuế, họ cho là tổn hại của nhà nước.

5. Dù có nhân duyên, quả báo thiện ác, đâu thể nào A cực khổ ngày nay mà đời sau B lại được hưởng lợi ích ư? Vì là người khác, nay đều giải thích rõ dưới đây.

Giải thích điều thứ nhất: Vả chăng, với vật gì quá xa quá lớn đâu thể đo lường được. Chỗ hiểu biết của người đời nay không gì hơn trời và đất. Họ cho rằng: Trời là chất chứa khinh thanh, mặt trời là tinh của khí dương; mặt trăng là tinh của khí âm; ngôi sao (tinh tú) là tinh thần của muôn vật. Đó là thiên văn học của nhà Nho đặt để vậy. Như nói tinh tú rơi xuống bèn thành đá. Vậy tinh thần đã là đá thì không thể sáng được, tánh chất nó đã chắc chắn và nặng làm sao buộc được trên hư không.

Chu vi của một tinh cầu lớn hàng trăm dặm; một tinh tú từ đầu đến cuối cách nhau cả mấy ngàn dặm, những vật ở xa ngàn trăm dặm: Cái này cách cái kia vài trăm dặm, nhưng ở đây ta thấy liên tiếp nhau, rộng hẹp ngang xéo thường không nới ra thâu vào, vì sao?

Lại, tinh tú và mặt trời mặt trăng màu sắc giống nhau chỉ lớn nhỏ là khác thôi. Nhưng mặt trời mặt trăng lại là đá ư? Đá thì nó cứng và kín thì làm sao chứa được kim ô, ngọc thố? Đá ở giữa khí khinh thanh, đâu thể tự xoay chung quanh mặt trời mặt trăng tinh tú. Nếu là khí thì bản thể của nó nhẹ nổi lên phải hiệp với trời qua lại vòng quanh đâu được sai trái. Mà trong đó hoặc mau, hoặc chậm, lẽ ra đồng một bề với nhau mới phải. Vì sao mặt trời mặt trăng, năm ngôi sao, hai mươi tám vì tinh tú đều có chừng mực dời động không quân bình với nhau, đâu phải cái khí rơi xuống rồi thoạt nhiên biến thành đá được?

Đất đã là cặn đục, lẽ ra phải chìm xuống, người ta đào được mạch nước, vì sao nó lại nổi trên mặt nước được? Lại còn phía dưới chỗ chứa nước còn vật gì nữa không? Sông lớn, sông nhỏ, trăm mối từ đâu mà phát sinh, chảy mãi về biển Đông vì sao không tràn?

Hang Quy khư, đá Vĩ lư rút nước chảy đến chỗ nào? Đá Ốc tiêu nhờ khi gì mà cháy. Nước thủy triều chảy đến đâu, rút về tới chỗ nào ai có thể biết chừng đỗi. Ngôi sao Thiên hán treo trên trời sao không rơi xuống. Tánh nước chảy xuống sao lại vọt lên. Trời đất khi mới khai mở liền có tinh tú. Nước Trung Hoa từ khi chưa phân chín châu, chưa cắt

các nước, ai làm lớp lang cắt ranh, chia khu vực. Từ khi phong kiến đến nay ai đã chia cắt. Nước nhà có thêm bớt, tinh tú không tới lui. Tai ương điềm lành, họa, phước trong đó không sai là sao?

Trời thì lớn, ngôi sao thì nhiều, vì sao phân chia khu vực lại lệ thuộc nước Trung Quốc.

Sao Mão là sao Mao đầu, nó chỉ chiếu ngay xuống nước Hung Nô mà thôi. Còn các nước Tây Hồ, Đông Di, Điều Đê, Giao Chỉ, nó lại bỏ đi không chiếu đến?

Lấy lẽ trên đây mà tìm hỏi, chắc không ai hiểu đúng. Đâu được y cứ việc tầm thường ở cõi người để giải quyết được việc ngoài vũ trụ ư?

Chỗ tin của kẻ phàm, là những điều mà tai mắt họ nghe thấy được, còn việc gì ngoài tai mắt thì họ đều nghi ngờ cả.

Đối với trời, nhà Nho nói có mấy người: Hoặc nói Hồn thiên, Cái thiên, Tuyên thiên, An thiên.

Quanh giáp ngoài Bắc đẩu, nó làm chủ các sao sở thuộc. Nếu đến gần nhìn thấy thì không dung không đồng, nếu xét lường thì đâu đáng để y cứ. Vì sao tin lời bịa đặt của người phàm, nghi ngờ ý chỉ nhiệm mầu của bậc Đại thánh, mà muốn không hẳn có hằng sa thế giới và vi trần kiếp số ư?

Như ông Trâu Diễn cũng có nói về chín châu. Người ở trong núi không tin có cá lớn bằng cây. Người ở biển không tin có cây lớn bằng cá. Đời Hán, vua Võ Đế không tin có loại keo gắn liền dây cung. Đời Ngụy, Văn Đế không tin thứ áo giặt bằng lửa đốt. Người nước Hồ thấy gấm không tin có loài trùng ăn lá cây nhả ra tơ rồi dệt thành.

Xưa ở tỉnh Giang Nam, không tin có một cái mùng bằng vải lông nằm được ngàn người. Còn ở Hà Bắc không tin có chuyển thuyền chở được hai vạn cục đá, đây đều là sự thật cả.

Ở đời, cũng có các Thầy luyện thần chú và các trò huyễn thuật, còn có thể đi trong lửa, bước trên gươm, trồng dưa, dời giếng, chỉ trong chốc lát đã ngàn lần biến vạn lần hóa. Sức người có thể chuyên luyện được như vậy, huống chi là pháp thần thông cảm ứng không thể nghĩ lường. Chẳng hạn như: Cây phướn báu cao ngàn dặm, pháp tòa cao trăm do-tuần hóa thành Tịnh độ; dưới đất vọt lên ngôi tháp nhiệm mầu.

Giải thích điều thứ hai: Con người ta khởi lòng tin hay chê bai đều có ảnh hưởng, tai nghe mắt thấy việc ấy rất nhiều.

Hoặc người tinh thành chưa sâu, nghiệp duyên chưa cảm, thời gian sai khác, cuối cùng đều khó tránh khỏi quả báo. Việc làm thiện ác

là chỗ để cho phước họa quy về. Chín dòng, trăm họ đều đồng lời bàn luận này, đâu chỉ kinh điển đạo Phật mà cho là luống dối ư?

Hạng Thác, Nhan Hồi bị chết yểu, Nguyên Hiến, Bá Di bị đói rét. Đạo Chính, Trang Kiểu được phước thọ. Tề Cảnh Công, Hoàn Đồi hưởng phú quý, với hoàn cảnh của những người này nếu dẫn nghiệp đời trước, chịu lấy quả báo đời sau thì đúng thật như vậy.

Nếu chỉ lấy việc làm lành mà phải trả báo bị họa như Nhan Hồi; làm ác mà may mắn hưởng phước như Đạo Chích, thì sẽ vội oán trách là luống dối, thì cũng như lời của Nghiêu Thuấn dối trá và Chu Công, Khổng Tử nói không thật, cho nên biết nương vào đâu để tin chắc mà an thân lập mạng ư?

Giải thích điều thứ ba:

Trong thế giới này, từ khi khai mở đến nay người ác thì nhiều người lành thì ít, do đâu mà chê trách sự tinh khiết ư?

Thấy các vị danh tăng cao hạnh, họ bỏ đi không nói gì đến, nếu thấy các vị phàm tăng còn tập tục liền sinh phỉ báng. Vả lại, tại người học không siêng năng đâu phải lỗi do người dạy. Tăng tục học kinh luật khắc gì Nho sĩ học kinh thi, kinh lễ. Thử đem cách dạy của kinh thi kinh lễ so với những người ở triều đình thì thiếu gì người không hoàn toàn tiết hạnh. Lấy điều cấm của kinh luật so với người xuất gia lại trách việc không phạm giới ư?

Vả lại, quan thần thiếu hạnh còn cầu bổng lộc địa vị, người hủy phạm giới cấm sao chẳng hổ thẹn với sự cúng dường của đàn việt ư? Những vị ấy đối với giới hạnh có phạm, nhưng một phen mặc pháp phục rồi, đã xếp vào số Tăng rồi, tính trong một năm nào là ăn chay trường, giảng pháp, tụng kinh niệm Phật, so với người tại gia vẫn còn hơn như núi và biển.

Giải thích điều thứ tư:

Nội giáo nhiều đường mà xuất gia vẫn từ một pháp này mà thôi. Nếu người giữ lòng trung thành hiếu nghĩa, lấy nhân tuệ làm gốc như ông Tu Đạt, Lưu Thủy thì không cần cạo bỏ râu tóc. Đâu thể khiến khắp cả ruộng nương đều xây chùa và khắp dân chúng phải xuất gia làm Tăng Ni làm gì? Đều do không thể tiết độ, khiến cho chùa phi pháp choán đất trồng tỉa cắt gặt của dân chúng. Các vị tăng vô nghiệp luống mất xâu thuế của nhà nước, chớ không phải bổn ý của Phật.

Vả lại, luận rằng: Người cầu đạo là kế để tu thân; kẻ tiếc của hao phí là mưu để lợi nước. Với thân kế, nước mưu một người không thể đủ cả hai điều kiện này được. Vị quan trung thành theo vua phải bỏ cha mẹ,

an hiếu lo cho gia đình đành quên việc nước, đều có hạnh riêng cả.

Nhà Nho cũng có kẻ không chịu lòn cúi ở vương hầu để cao chuộng lấy sự thể. Ẩn sĩ cũng có người nhường ngôi, từ chức để tránh đời nơi núi rừng. Đâu thể xâu thuế mà buộc tội cho người ư?

Nếu có thể đều là dân đen, đồng vào chốn đạo tràng như đời của Di-lặc, nước của vua Nhương Khư thì thế giới này lúa gạo tự nhiên có, kho báu vô tận, đâu cần đến cái lợi làm ruộng nuôi tằm nữa?

Giải thích điều thứ năm:

Hình thể dù chết nhưng tinh thần vẫn còn. Con người khi còn sống ở đời, trông mong đến thân đời sau. Đến khi chết rồi thì cùng thân đời trước dường như lúc già với lúc trẻ, mai với chiều vậy thôi.

Ở đời, có quỷ hồn của người chết về tỏ bày trong giấc chiêm bao của người còn sống. Hoặc giáng ở tôi đòi; hoặc vào xác vợ con để đòi ăn uống, hoặc yêu cầu làm phước siêu độ cũng là không ít.

Người đời nay nghèo khổ, bệnh tật đâu không tự trách mình: Đời trước không tu công đức, lấy đây mà luận thì đâu không vì đó mà làm phước ư?

Vả lại, con cháu chỉ là thương sinh trong trời đất này mà thôi chớ nào có can dự gì đến thân sau của ta mà ta thương yêu để dành gia nghiệp. Còn tinh thần của ta lại đành muốn bỏ đi. Vì thế hai điều được một, nhiều đời ca ngợi mà càng sáng tỏ?

Phàm phu bị vô minh che lấp không thấy được đời sau, vì thế nói rằng đời kia và đời nay chẳng phải là một thể liên hệ nhau. Nếu có Thiên nhãn soi rõ thì thấy được niệm này dứt, niệm khác sinh, thân này cũng thế sinh diệt không dứt, đâu thể không lo sợ ư?

Lại người quân tử ở đời, điều quý nhất là hãy tự mình dẹp lòng ích kỷ để đem lại điều lễ mà giúp đời cứu vật.

Trị nhà là muốn một gia đình yên vui hạnh phúc.

Trị nước là mong cả nước được an ổn, tốt đẹp. Bộc, thiếp, thần, dân cũng không thân thiết gì với ta thế mà ta phải siêng năng khổ nhọc? Cũng là Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng luống mất sự yên vui. Một người tu đạo, cứu giúp được biết bao chúng sinh, giải thoát được bấy nhiêu thân tội lụy, mong hãy suy nghĩ kỹ điều đó.

Người sống ở đời, phải đoái hoài đến sinh kế, gây dựng gia đình. Chưa bỏ được vợ con để xuất gia, thì nên tu hạnh nghiệp, để tâm tụng đọc làm tư lương cho đời sau, thân người khó được, chớ để luống qua!

* Bài tựa Thất Lục - thứ mười hai, Xử sĩ nhà Lương là Nguyễn Hiếu Tự soạn.

Ánh sáng mặt trời mặt trăng, không phải quang cảnh thì không thể chiếu được. Tung Hoa tải dục, không phải gió mây thì không thể huyền hoặc.

Bậc Đại Thánh xuất hiện ở đời, ứng thời dạy đời, do đó cứu giúp phong tục, sửa chữa điều xấu, nếu không có sách xưa như kinh Thi, kinh Thơ, Lễ, Nhạc của Khổng Tử thì lấy gì để thành công sâu xa hầu giáo hóa rộng lớn? Cho nên đạo rộng lớn mất. Hoàng đế hưng khởi vẽ quẻ hào (một quẻ của kinh Dịch), kết dây ẩn nghĩa. Vua chỉnh sửa văn tự kia. Từ đây noi theo xưa mà truyền bá khác, công thành trị định đều có phương sách. Chánh tông đã hết, nhạc mất, lễ hoại.

Pháp của bậc Tiên thánh có sự nối tiếp nên Trọng Ni khen rằng: Hạnh của đại đạo. Và bậc anh hùng của ba đời Trọng Ni chưa đến kịp. Vì thế từ nước Vệ đến nước Lễ bắt đầu lập Tố Vương (vua không ngai), đối với đây bỏ bớt kinh Thi, kinh Thơ lấy Lễ, Nhạc. Lệ năm đối với xuân thu, nêu mười giúp Đạo Dịch. Phu Tử đã mất thì lời nói cũng dứt. Thất Thập đều mất, đại nghĩa đều trái. Đến thời Chiến Quốc thù tục chánh khác trăm nhà tranh khởi, chín dòng xen lầm, đầy sự ganh ghét nên xảy ra họa chôn sống chúng Tăng, đập phá kinh tượng. Đến Hán Tuệ năm thứ tư mới trừ được luật hiệp sách. Sau đó, bên ngoài có tạng của Thái Thường, Thái Sử, Bác sĩ; bên trong có phủ của Duyên các Quảng nội bí thất. Mở đường Hiến Thư, bố trí quan tả thư. Đến đời Hiếu Thành, có một ít bị thất lạc, bèn sai Trần Nông tìm số sách bị sót và thất lạc trong thiên hạ, ra lệnh cho Quy Lộc đại phu Lưu Hướng và Tử Lâm v.v... so sánh xem xét sổ sách. Mỗi bài xem xét xong thì liền chép tâu lên Hội hướng vong táng, vua cho Hâm nối tiếp nghiệp trước. Dời sách trong Ôn Thất để trên gác Thiên Lộc. Hâm kiểm chung tất cả sách lâu lên bảy lượt. Và trong đài Hán Lan làm Thư bộ. Lại ở cửa cung Đông Quản và Nhân Thọ soạn tập Tân Ký.

Kiểm giảo sách: Lang Bang, Cố Truyền Nghị và Điển bí tịch. Cố bèn nhân lời của bảy lượt soạn bộ “Hán Thư Bộ Văn Chí”, sau đó soạn thuật. Viên Sơn Tùng cũng có chép sách kia. Đời Ngụy, đời Tấn sách càng nhiều đều cất ở gác Bí Thư Trung Ngoại Tam. Đời Ngụy, Bí Thư Lang Trịnh Mặc san bổ văn xưa, thời đó luận giả cho là Chu Tử khác nhau.

Đời Tấn, Lĩnh Bí Thư Giám Tuân Úc, từ kinh sử đời Ngụy mà chép thành bộ mới, chia ra hơn mười quyển của bốn bộ riêng khác. Loạn Tuệ hoài, sách kia lược hết, Giang Tả (Giang Đông) mười phần không còn được một. Sau đó, tuy có tập trung lại nhưng rất hỗn loạn, và

soạn Tả Lang Lý Suy Thỉ thêm phần san bổ đính chính. Do pháp của bốn bộ xưa mà đổi sách Ất bính kia, lược bỏ tên các bài, dùng Giáp Ất làm thứ tự, từ đây phán quyết đối sau thay nhau thuật.

Đời Tống, Bí Thư Giám Tạ Linh Vận, Thừa tướng Kiểm Tề, Bí Thư Thừa Vương Lượng, Tạ Khuất v.v... đều có đổi mới, lại soạn mục lục làm thất chí. Trong đó, sách sót trong triều thâu tập cũng nhiều, nhưng số bị mất cũng hơn phân nửa. Cuối đời Tề, binh lửa kéo dài đến Bí Các. Đầu đời Lương cũng bị mất rất nhiều. Viên Mạng Bí Thư Giám Nhậm Phương Cung gia thêm Bộ Tập.

Lại ở trong điện Văn Đức cũng có cất nhiều sách, sai học sĩ Lưu Hiếu Tiên v.v... tiếp tục xem xét, phân văn thuật số làm thành một bộ. Sai Triêu Thỉnh Tổ soạn danh lục kia. Trong lầu Thượng Thư cất chứa kinh sử, tạp thư. Ở vườn Hoa lâm tập trung kinh luận đạo Phật. Từ khi bài văn Giang Tả thạnh hành chưa khi nào vượt hơn đương thời.

Hiếu Tự lúc nhỏ ưa thích kinh sách, lớn lên mỏi mệt, bệnh hoạn nghỉ ngơi gần như vô trần. Thần quang chưa mở, tương sáng đã tán. Tiêu lậu đã phân lục trật mới đóng. Không thể nghiên cứu cùng tột lưu lược, sưu tầm hết chỗ sâu kín. Thường phân tích trong lục để bỏ bớt chỗ nhiều hoặc bổ sung thêm chỗ thiếu, văn sót kia được sưu tập lại.

Từ đời Tống, đời Tề đến nay các Vương công nhậm chức, nếu tích trữ được sổ sách sẽ nghĩ đến danh bạ. Nếu đã gặp hoặc thấy hoặc nghe, xem xét mục lục nếu có thiếu sót thì tập trung hết các nhà, soạn Tân lục.

Kinh sử phương nội cho đến thuật kỹ hiệp làm năm lục gọi là Nội thiên. Phật đạo phương ngoại làm riêng một lục gọi là Ngoại thiên. Vì phân lục có bảy nên gọi là Thất lục (Bảy lục).

Xưa, Tư Mã Tư Trương ghi chép việc mấy ngàn năm. Bậc tiên triết thương xót sự siêng năng của ông, nhưng vẫn còn có sự trách móc là có thêm bớt. Huống chi tổng quát các sách hôn bốn vạn cuốn, đều thảo luận nghiên cứu tiên chế tông chỉ, mới hổ thẹn về sự trình bày thông học, thẹn với sự thông suốt. Bang nối nghiệp nên thưởng sách. Đông Quán ở Vi Huỳnh Hương, bỗng nhiên muốn nghiên cứu một ít sách, nếu có chỗ nào nghi ngờ dính mắc, không tin theo điều phải thì kia là sai lầm cũng không nhiều, vì sợ tội sau này, há không ở lục này hay sao. Như có chỗ nào cầu đính chính, xin đợi bậc quân tử.

Xưa, Lưu Hướng xem xét sách liền làm một lục, nói về ý chỉ quy về và giải thích sự sai lầm, làm xong tâu lên, đều có chép trong Bổn thư.

Lúc bấy giờ, lại chép riêng các lục gọi là Biệt lục tức Biệt lục ngày nay đây. Hâm tóm tắt chỉ yếu kia, chép thành Thất lược (bảy lược). Một thiên kia là bao gồm toát yếu sáu thiên, vì thế lấy tóm lược làm tên. Sáu thiên kế: Nghệ lược, Chư Tử lược, Thi Phú lược, Binh Thư lược, Số Thuật lược và Phương Kỹ lược. Vương lấy Thất chí đổi Nghệ lược thứ sáu làm kinh điển. Kế là năm Chư Tử lược, thứ bốn Thi Phú lược là Văn Hàn lược; thứ ba Binh Thư lược là Quân Thư; Thứ hai Số Thuật là âm dương và thứ nhất Phương Kỹ là Thuật Nghệ. Do nước tuy gọi là Thất lược mà thật ra thì có sáu điều. Vì thế lập riêng Đồ Phổ một chí, dĩ toàn thất hạn (?). ngoài kia ra, Thất lược và trong sách Hán Nghệ Văn Chí kinh bạ chỗ thiếu đều là kinh Phương Ngoại. Kinh điển của đạo Phật và kinh sách của đạo Lão xếp làm một. Lục tuy kế theo sau Thất chí nhưng không nằm trong số đó. Nay chỗ soạn Thất lục phải cân nhắc Vương và Lưu. Họ Vương cho rằng lược thứ sáu Nghệ lược là không đủ. Nêu kinh mục đổi thành kinh điển, nay theo đó. Vì thế tựa "Kinh Điển Lục" làm Nội thiên thứ nhất. Họ Lưu, họ Vương đều cho là các sử hiệp ở xuân thu. Sử thư đời họ Lưu rất ít, phụ thấy ở xuân thu thật được xếp vào bia. Nay các nhà ghi chép truyện gấp bội kinh điển kia. Còn từ tâm chí, thật là phức tạp. Vả lại, trong Thất lược: Thi phú không theo Nghệ lược và Thi lược các bộ. Bởi vì sách kia đã nhiều, vì thế làm riêng một lược. Nay y theo sự liệt kê này phân ra các sử. Tựa Ký Truyện Lục là Nội thiên thứ hai.

Chư Tử lược thì Lưu và Vương đều đồng.

Lại Lưu có Binh Thư lược, Vương cho rằng Binh là thấp kém, quân thì sâu rộng, vì thế đổi chữ Binh thành chữ Quân. Thầm cho rằng xưa có Binh cách, Binh nhung, Trị binh, Dụng binh, đây đều là tên chung của võ sự. Do đó đổi chữ quân từ chữ binh. Binh thư đã ít, không đủ riêng một lục, nay phụ cuối phần Chư Tử, gọi chung là Tử binh, vì thế tựa "Tử Binh Lục" là nội thiên thứ ba.

Họ Vương cho là tên Thi Phú không gồm các chế khác, nên đổi là Văn Hàn. Thầm cho rằng văn tự thời cận đại tổng gọi là tập, đổi Hàn là Tập, đối tên rất rõ, vì thế tựa "Văn Tập Lục" là nội thiên thứ tư.

Họ Vương cho rằng: gọi là Số thuật có sự chê bai là phiền tạp nên đổi thành âm dương.

Phương Kỹ thì sự không có điển cứ, lại đổi thành Nghệ thuật. Thầm cho là âm dương có riêng phức tạp không gồm chung như số thuật. Thuật nghệ thì xen lẫn nghệ thuật và số thuật, không hiển bày chỗ cốt yếu của Phương Kỹ, vì thế lại y theo họ Lưu giữ tên cũ. Nhưng

phòng trung thần tiên đã nhập Tiên đạo, y kinh, kinh Phương không đủ sáng lập riêng, vì thế hợp với kỹ mà gọi, lấy tên “Nhất lục” là nội thiên thứ năm. Họ vương thì Đồ Phổ một chí, họ Lưu không có. Họ Lưu, trong số thuật tuy có, Lịch Phổ khác với Kim Phổ. Thầm gọi là thiên Đồ Họa. Từ tranh vẽ làm bộ, nên tùy tên kiamà hiển bày đều phụ Lục Phổ xưa, thuộc loại ghi chú, cùng sử thể tương tham nêu chép ở cuối phần ký truyện. Từ đây về trước đều là nội thiên.

Giáo pháp đạo Phật thật giúp cho mọi người, giảng nói về đọc tụng, phép tắc của họ Khổng. Họ vương tuy chép trong Thiên mà không có trong Chí Hạn, tức lý cầu sự chưa phải là chỗ an nên lấy tựa “Phật pháp”, chép làm ngoại thiên thứ nhất. Sách của Tiên đạo, cầu hơn được ư?

Họ Lưu, Thần tiên trình bày ở cuối phần Phương kỹ. Họ vương thì kinh sách của đạo Lão ở ngoài Thất Chí. Nay hiệp lại lấy tựa “Tiên Đạo”, chép làm ngoại thiên thứ hai.

Ho Vương thì trước là đạo Lão sau là đạo Phật. Nay thì trước là đạo Phật sau là đạo Lão. Bởi tông chỉ không giống nhau, cũng do giáo pháp kia có cạn có sâu. Hai thiên nội ngoại hiệp thành Thất lục. Thiên hạ đối với sách của đời trước để lại phải thầm ghi nhớ, may ra mới cùng tột nơi đây.

Có Lương Phổ Thông bốn năm. Tuế duy đơn át, giữ xuân mười ngày có bảy ngày. Trong Kiến Khương Trạch Lý Trạch bắt đầu soạn sách này. Thông nhân Bình nguyên Lưu Liễu theo tôi dạo chơi, nhân đó nói việc này. Lưu Liễu là người có chí, chứa nhóm từ lâu nhưng chưa, nghe nói tôi đã vui thích hợp ý. Phàm chỗ sao chép đều cùng với chỗ thấy nghe kia thật có năng lực. Đây cũng thành công, đối với sự truyền bá đạo Phật, đều quy về sách của Tử Thận.

Cổ Kim Thư toát.

Sách Thất Lược gồm có ba mươi tám loại, sáu trăm ba mươi nhà, một bạn ba ngàn hai trăm mười chín quyển. Năm trăm bảy mươi hai nhà mất, ba mươi mốt nhà còn.

Sách Hán Thư Nghệ Văn Chí gồm ba mươi tám loại, năm trăm chín mươi sáu nhà, một vạn ba ngàn ba trăm sáu mươi chín quyển. Năm trăm năm mươi hai nhà mất, bốn mươi bốn nhà còn.

Sách Viên Sơn Tùng Hậu Hán Nghệ Văn Chí thì tám mươi bảy nhà mất.

Sách Tấn Trung Kinh Bạ Tứ Bộ gồm một ngàn tám trăm năm mươi bộ, hai vạn chín trăm ba mươi lăm quyển. Trong đó, có mười

sáu quyển kinh Phật, Thư Bạ ít chỉ có hai quyển, không rõ chỗ chấp. Khoảng chừng một ngàn một trăm mười chín bộ mất, bảy trăm sáu mươi sáu bộ còn.

Tấn Nguyên Đế Thư Mục Tứ Bộ gồm ba trăm lẽ năm pho, ba ngàn lẻ mười bốn quyển.

Đời Tấn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ tư, mục lục của Bí Các bốn bộ.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ tám Đời Tống, mục lục Bí Các gồm một ngàn năm trăm sáu mươi bốn pho, một vạn bốn ngàn năm trăm tám mươi hai quyển (năm mươi lăm pho, bốn trăm ba mươi tám quyển kinh Phật).

Niên hiệu Nguyên Huy thứ nhất đời Tống mục lục Bí Các Tứ Bộ Thư gồm hai ngàn hai mươi pho, một vạn năm ngàn bảy mươi bốn quyển. Niên hiệu Vĩnh Minh năm đầu đời Tề, mục lục Bi Các Tứ Bộ gồm năm ngàn pho hợp với hai ngàn ba trăm ba mươi hai pho, một vạn tám ngàn lẻ mười quyển.

Đời Lương, niên hiệu Thiên Giám năm thứ tư, mục lục của Văn Đức Chánh ngự Tứ bộ và Thuật số thư hiệp gồm hai ngàn chín trăm sáu mươi tám pho, hai vạn ba ngàn một trăm lẻ sáu quyển (Bí Thư Thừa Ân Chước soạn "Bí Các Tứ Bộ Thư" ít hơn "Văn Đức Thư" nên không xếp vào số đó).

Tân Tập Thất Lục Nội Ngoại Thiên Đồ Thư tính có năm mươi bộ, sáu ngàn hai trăm tám mươi tám loại, tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy pho, bốn vạn bốn ngàn năm trăm hai mươi sáu quyển. (Sáu ngàn bảy mươi tám loại, tám ngàn hai trăm tám mươi bốn pho, bốn vạn ba ngàn sáu trăm hai mươi bốn quyển kinh sách. Hai trăm lẻ ba loại, hai trăm sáu mươi ba pho, tám trăm bảy mươi chín nhân quả Đồ Phù.

Nội Thiên Ngũ Lục có bốn mươi sáu bộ, ba ngàn bốn trăm năm mươi ba loại, năm ngàn bốn trăm chín mươi ba pho, ba vạn bảy ngàn chín trăm tám mươi ba quyển.

(Ba ngàn ba trăm mười tám loại, năm ngàn ba trăm lẻ sáu pho, ba mươi bảy ngàn một trăm lẻ tám quyển kinh sách. Một trăm hai mươi lăm loại, một trăm tám mươi bảy pho, bảy trăm bảy mươi lăm quyển Đồ Phù).

Ngoại Thiên Nhị Lục (hai lục ngoại thiên) có chín bộ, hai ngàn tám trăm ba mươi lăm loại, ba ngàn không trăm năm mươi bốn pho, sáu ngàn năm trăm ba mươi tám quyển (ba ngàn bảy trăm năm mươi chín loại, năm ngàn chín trăm bảy mươi tám pho, sáu ngàn bốn trăm ba mươi bốn quyển kinh sách. Bảy mươi tám pho, một trăm quyển Đồ Phù.)

MỤC LỤC CỦA TẤT LỤC (Bảy lục)

**** Kinh điển lục - Nội thiên thứ nhất***

- Dị Bộ Đại có bốn loại, chín mươi sáu pho, năm trăm chín mươi quyển.
- Thượng Thư bộ có: Hai mươi bảy loại, hai mươi tám pho, một trăm chín mươi quyển.
- Thị bộ có: Năm mươi hai loại, sáu mươi mốt pho, ba trăm chín mươi tám quyển.
- Lễ bộ có: Một trăm bốn mươi loại, hai trăm mười một pho, một ngàn năm trăm bảy mươi quyển.
- Nhạc bộ có: Năm loại, năm pho, hai mươi lăm quyển.
- Xuân Thu bộ có: Một trăm mười một loại, một trăm ba mươi chín pho, một ngàn một trăm năm mươi ba quyển.
- Luận Ngữ bộ có: Năm mươi mốt loại, năm mươi hai pho, bốn trăm mười sáu quyển.
- Hiếu Kinh bộ có: Năm mươi chín loại, năm mươi chín pho, một trăm bốn mươi bốn quyển.
- Tiểu Học bộ có: Bảy mươi hai loại, bảy mươi hai pho, ba trăm mười ba quyển.
- Hữu Cữu bộ có: Năm trăm chín mươi mốt loại, bảy trăm mười pho, bốn ngàn bảy trăm mười quyển.

**** Ký Truyện Lục - Nội thiên thứ hai:***

- Quốc Sử bộ có: Hai trăm mười sáu loại, năm trăm lẻ chín pho, bốn ngàn năm trăm chín mươi sáu quyển.
- Chú lịch bộ có: Năm mươi chín loại, một trăm sáu mươi bảy pho, một ngàn hai trăm hai mươi mốt quyển.
- Cựu Sự bộ có: Tám mươi bảy loại, một trăm hai mươi bảy pho, một ngàn không trăm ba mươi tám quyển.
- Chức Quan bộ có: Tám mươi mốt loại, một trăm lẻ bốn pho, tám trăm lẻ một quyển.
- Nghi Điển bộ có: Tám mươi loại, hai trăm năm mươi hai pho, hai ngàn hai trăm năm mươi sáu quyển.
- Ngụy Sử bộ có: Hai mươi sáu loại, hai mươi bảy pho, một trăm sáu mươi mốt quyển.
- Tạp Truyện bộ có: Hai trăm bốn mươi mốt loại, hai trăm tám mươi chín pho, một ngàn bốn trăm bốn mươi sáu quyển.

- Quỷ Thần bộ có: Hai mươi chín loại, ba mươi bốn pho, hai trăm năm mươi quyển.
- Thổ Địa bộ có: Bảy mươi ba loại, một trăm bảy mươi mốt pho, tám trăm sáu mươi chín quyển.
- Phổ Tạng bộ có: Bốn mươi hai loại, bốn trăm hai mươi ba pho, một ngàn không trăm sáu mươi bốn quyển.
- Bộ Lục bộ có: Ba mươi sáu loại, sáu mươi hai pho, ba trăm ba mươi tám quyển.
- Hữu Thập Nhị bộ có: Một ngàn không trăm hai mươi loại, hai ngàn bốn trăm bốn mươi tám pho, mười bốn ngàn tám trăm tám mươi tám quyển.

**** Tử Binh Lục - Nội thiên thứ ba:***

- Nho bộ có: Sáu mươi sáu loại, bảy mươi lăm pho, sáu trăm hai mươi quyển.
- Đạo bộ có: Sáu mươi chín loại, bảy mươi sáu pho, bốn trăm ba mươi mốt quyển.
- Âm Dương bộ có: Một loại, một pho, một quyển.
- Pháp bộ có: Mười ba loại, mười lăm pho, một trăm mười tám quyển.
- Danh bộ có: Chín loại, chín pho, hai mươi ba quyển.
- Mặc bộ có: Bốn loại, bốn pho, mười chín quyển.
- Tung Hoành bộ có: Hai loại, hai pho, năm quyển.
- Tạp bộ có: Năm mươi bảy loại, hai trăm chín mươi bảy pho, hai ngàn ba trăm ba mươi sáu quyển.
- Nông bộ có: Một loại, một pho, ba quyển.
- Tiểu bộ có: Mười loại, hai mươi pho, sáu mươi ba quyển.
- Binh bộ có: Năm mươi tám loại, sáu mươi mốt pho, hai trăm bốn mươi lăm quyển.
- Hữu Thập Nhất bộ có: Hai trăm chín mươi loại, năm trăm năm mươi ba pho, ba ngàn tám trăm chín mươi bốn quyển.

**** Văn Tập Lục - Nội thiên thứ tư:***

- Sở Từ bộ có: Năm loại, năm pho, hai mươi bảy quyển.
- Biệt Tập bộ có: Bảy trăm sáu mươi tám loại, tám trăm năm mươi tám pho, sáu ngàn bốn trăm chín mươi bảy quyển.
- Tổng Tập bộ có: Mười sáu loại, sáu mươi bốn pho, sáu trăm bốn mươi chín quyển.

- Tạp Văn bộ có: Hai trăm bảy mươi ba loại, bốn trăm năm mươi mốt pho, ba ngàn năm trăm tám mươi bảy quyển.
- Hữu Tứ bộ có: Một ngàn không trăm bốn mươi hai loại, một ngàn ba trăm bảy mươi lăm pho, một ngàn bảy trăm năm mươi lăm quyển.

**** Thuật Kỹ Lục - Nội thiên thứ năm:***

- Thiên Văn bộ có: Bốn mươi chín loại, sáu mươi bảy pho, năm trăm hai mươi tám quyển.
- Vi Sấm bộ có: Ba mươi hai loại, bốn mươi bảy pho, hai trăm năm mươi bốn quyển.
- Lịch Toán bộ có: Năm mươi loại, năm mươi pho, hai trăm mười chín quyển.
- Ngũ Hành bộ có: Tám mươi bốn loại, chín mươi ba pho, sáu trăm mười lăm quyển.
- Tạp Chiêm bộ có: Mười bảy loại, mười bảy pho, bốn mươi lăm quyển.
- Hình Pháp bộ có: Bốn mươi bảy loại, sáu mươi mốt pho, ba trăm lẻ bảy quyển.
- Ý Kinh bộ có: Tám loại, tám pho, năm mươi quyển.
- Kinh Phương bộ có: Một trăm bốn mươi loại, một trăm tám mươi pho, một ngàn hai trăm năm mươi chín quyển.
- Tạp Nghệ bộ có: Năm mươi loại, mười tám pho, sáu mươi sáu quyển.
- Hữu Thập bộ có: Năm trăm lẻ năm loại, sáu trăm lẻ sáu pho, ba ngàn bảy trăm ba mươi sáu quyển.

*** Phật Pháp Lục ba quyển - Ngoại thiên thứ nhất**

- Giới Luật bộ có: Bảy mươi mốt loại, tám mươi tám pho, ba trăm ba mươi chín quyển.
- Thiền Định bộ có: Một trăm lẻ bốn loại, một trăm lẻ tám pho, một trăm bảy mươi sáu quyển.
- Trí tuệ bộ có: Hai ngàn không trăm bảy mươi bảy loại, hai ngàn một trăm chín mươi pho, sáu mươi quyển.
- Luận Lý bộ có: một trăm mười hai loại, một trăm sáu mươi bốn pho, một ngàn một trăm năm mươi tám quyển.
- Hữu Ngũ bộ có: Một ngàn bốn trăm mười loại, hai ngàn năm trăm chín mươi lăm pho, năm ngàn bốn trăm quyển.

**** Tiên Đạo Lục - Ngoại thiên thứ hai:***

- Kinh Giới bộ có: Hai trăm chín mươiloại, ba trăm mười tám pho, tám trăm hai mươi tám quyển.

- Phục Nhĩ bộ có: Bốn mươi tám loại, năm mươi hai pho, một trăm sáu mươi bảy quyển.

- Phương Trung bộ có: Mười ba loại, mười ba pho, ba mươi tám quyển.

- Phù Độ bộ có: Bảy mươi loại, bảy mươi sáu pho, một trăm lẻ ba quyển.

- Hữu Tứ bộ có: Bốn trăm hai mươi lăm loại, bốn trăm năm mươi chín pho, một ngàn một trăm ba mươi tám quyển.

**** Văn Tự Tập lược một pho ba quyển. Tựa Lục một quyển***.

- Chánh Sử San Phiền mười bốn pho, một trăm ba mươi lăm quyển.

- Tựa Lục: Một quyển.

- Cao Ẩn Truyện: Bốn pho, mười quyển, Tựa lục một quyển.

- Cổ Kim Thế Đại Lục: Một pho bảy quyển. Tựa lục hai pho, mười một quyển.

- Tạp Văn: Một pho mười quyển.

- Thinh Võ: Một pho, một quyển.

- Hữu: Bảy loại, hai mươi mốt pho, một trăm tám mươi mốt quyển.

Trần Hiếu Tự soạn không đủ các lục trước chép ở đây.

Hiếu Tự Trần Lưu Nhân, là chất của tướng Lãnh Quân Hâm đời Tống, Tổ Tuệ Chân Lâm Gia Thái Thú. Cha là Ngạn làm quan Thái Úy Tùng Sự Trung Lang.

Năm mười ba tuổi, Hiếu Tự đã thông đại nghĩa của Ngũ Kinh. Theo cha đến Tương Châu làm việc, không ghi trong giấy Nam để thành sự trong sạch của cha.

Năm mười sáu tuổi, Hiếu Tự thọ đại tang, không mặc y phục lụa tốt, tuy ăn rau nhưng có mùi vị gì thì liền ói ra. Ở Chung Sơn nghe giảng. Mẹ là Vương Thị bị bệnh, lúc đó Hiếu Tự đang ở trên giảng tòa bỗng tâm thấy lo sợ liền vội về nhà. Hợp thuốc cần phải có nhân sâm tươi mới trị được bệnh cho mẹ. Hiếu Tự đích thân lên đỉnh cao núi Chung Sơn, trải qua một ngày mà chưa tìm gặp. Lúc đó, bỗng có một con Nai đang đi phía trước, trong lòng lấy làm lạ liền đến chỗ Nai đang nghỉ, quả nhiên có nhân sâm, thế là bệnh mẹ được khỏi.

Đời Tề, Thượng Thư Kinh Vương Yến, thông gia quyền quý đến

hầu, xưng hô như vợ, Hiếu Tự không thích nên chui rào trốn đi. Vương Yến có biếu tặng gì đều không nhận. Thường ăn tương nhưng cho là ngon, có người hỏi mới biết đây là Vương gia tặng. Những khi ăn hay bảo mọi người che đậy những thức ăn mặn như thịt... Đến khi Yến bị giết, phi đãng được miễn, thường dùng núi rừng làm tinh xá, chỉ ở chung quanh ao rừng, dứt bặt sự giao tiếp, ít khi thấy được Hiếu Tự. Ngự Sử Trung Thừa Nhậm Phưởng muốn đến đó nhưng không dám. Bèn đến rình nhìn ngắm tinh xá của Hiếu Tự ở Lộc Lâm, nói với Huỳnh Lý rằng: Tịnh Thất này thì gần nhưng người đó rất xa. Thái Trung Đại Phu Ân Vân tặng bài thơ. Nhậm phưởng ngăn, nói rằng: Vượt xá nếu khác dùng gì giao thiệp nhau, ở đây trọng sự không đến mời chỉ giao thiệp với Trinh Tử.

Niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười hai, Bí Thư Giám truyền mời đến nhưng không đến. Thiên tử cho là: Đây chỉ lập hư danh để phô bày danh dự. Từ đó không mời nữa. Cho nên con cháu Hiếu Tự đều được toại nguyện cao chí. Nguyên Tương ở Nam Bình nói với Lý rằng: Hiền đệ sao lại chấp chí kia?

Hiếu Tự nói: Như con Hoẳng có thể là con Ngựa tham, sao lại cho là khác con Ngựa ký ư?

Vương làm nghĩa Nhị ám và tánh tình, đều chỉ bày đó, xin làm nhuận sắc (xin sửa lại văn tự).

Thế Tổ soạn bộ “Trung Thần Truyện”, “Tập Thách Thị Bi Minh”, “Chu Dương Y Lục Nghiêm Thần Ký”, đều trước chọn lọc cư sĩ, sau mới phát hành.

Trung Liệt Vương ở Hồ Bá Dương là anh rể của Hiếu Tự. Vương và các con năm đó đến dâng thức ăn cho Hiếu Tự, nhưng một vật hiếu tự cũng không nhận. Từng tự mình bói quẻ để biết khi nào chết, nói rằng: Cùng lưu trước tác đồng năm. Mùa thu năm ấy Lưu Liễu mất. Hiếu Tự bèn bói xem mình thử nói rằng: Ta đến lúc nào đây? Vài tuần nữa thôi. Thế là Hiếu Tự mất năm năm mươi tám tuổi. Hoàng Thái tử sai người đến phúng điếu và cúng tế. Tặng đồ tẩm liệm rất ân huệ. Tử thứ theo tiên chí, từ chối không nhận, môn nhân được truy tặng danh hiệu: Văn Trinh Xử Sĩ.

Hiếu Tự là người rất thông minh, biết rất nhiều sách, chẳng một loại sách nào không thông thạo. Tinh tấn nỗ lực học tập ghi nhớ là chỗ y cứ của người học. Soạn các sách Thất Lục, Tước Hệ v.v... gồm một trăm tám mươi mốt quyển đều lưu hành ở đời, kế là Phật Đạo cho là Thiên phương ngoại, là khởi ở đây.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 4

THIÊN THỨ NHẤT: QUY CHÁNH (PHẦN IV)

- Cuối đời Đường, niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất, Sa-môn Thích Đạo An chùa Tây Minh, Nam Sơn soạn.
- Ra chiếu chỉ bỏ thờ đạo Lão của Lão Tử của Lương Cao Tổ Võ Hoàng đế.
- Chiếu phế bỏ đạo pháp của Lý Lão.
- Vua Cao Tổ Văn Tuyên Hoàng đế đời Bắc Tề

Luận Thông Cực. Sa-môn Thích Ngạn Tông Đời Tùy soạn

Đời Lương, Cao Tổ Võ Hoàng đế, năm ba mươi bốn tuổi lên ngôi, trị vì được bốn mươi chín năm. Tuy công việc rất bận rộn nhưng tay không rời quyển sách, nội kinh ngoại điển đều nằm lòng, đã huấn giải hơn mấy ngàn quyển. Sống chừng mực, tiết kiệm, hàng dệt bằng tơ lụa không dùng đến. Cuộc sống rỗng rang, vắng lặng, ngày đêm không giải đãi, đến nỗi dùng mền bằng vải thô xấu, chiếu cói, giày cỏ, khăn bằng vải gai.

Lúc mới đến Đại Bảo đã đủ việc này, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, không dùng những thức ăn mặn tanh hôi, từ khi có ngôi Đế vương chưa có ai bì kịp xưa khi xưa Lão Tử tôn sùng Phù Đồ, Hoàng Võ đế thảo luận cùng tột cội gốc kia có đồng vọng làm, vua bèn đích thân vận thần hạ bút ban chiếu chỉ bỏ Đạo. Văn rằng: Ngày mồng 8 tháng 4 niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, Lương Quốc Hoàng đế Lang Lăng Túc diễn cúi đầu kính lễ chư Phật mười phương, tôn pháp mười phương, Thánh tăng mười phương. Kinh Phục Kiến chép: Phát tâm Bồ-đề tức là tâm Phật, còn những việc lành khác không được làm thí dụ. Phát tâm Bồ-đề giúp cho chúng sinh ra khỏi cửa khổ trong ba cõi, vào được con đường thù thắng vô vi. Vì thế Đức Như Lai lậu tận, trí bất động thành Chánh giác. Là bậc chí đạo thông suốt các căn cơ đức đầy đủ chứng bậc Thánh,

phát khởi đuốc tuệ chiếu soi kẻ mê lầm, gương pháp lưu để lóng trong sự dơ uế. Khởi điềm tốt ở Thiên cung. Sáng rực oai linh ở tượng vương, đưa những kẻ mê lầm ra khỏi biển dục, dẫn hàm thức đến Niết-bàn, lên được núi cao thường lạc, ra khỏi chỗ sâu của sông ái. Ngôn bỏ bốn câu, ngữ dứt trăm phi. Thị hiện tướng đản sinh ở cung vua Tịnh Phạn cõi Ta-bà. Bước một bước ba cõi đều tôn trọng, dưới cội Bồ-đề thành Chánh giác, ánh sáng chiếu khắp cả đại thiên, chỉ vì căn cơ chúng sinh tâm cạn mỏng ưa sống nhàm chán biếng nhác.

Rằm tháng hai, ở Sa-la song thọ giảng nói viên thường, lại thâu ánh sáng ở Hạc thọ. Xà Vương diệt tội, Bà tẩu trừ ương. Nếu không gặp được bậc Đại thánh pháp vương thì ai có thể cứu vớt tiếp dẫn. Ở nơi tích tuy ẩn mà đạo kia không thiếu. Đệ tử đã mê lầm thờ đạo của Lão Tử, trải qua nhiều đời nối nhau nhiễm tà pháp này. Tập nhân thiện phát, bỏ mê biết phản tỉnh. Nay bỏ đạo xưa trở về nương vào chánh pháp, nguyện đời sau dõng mãnh xuất gia, mở mang kinh giáo hóa độ chúng sinh cùng thành Phật đạo. Ở trong chánh pháp không trôi lăn trong đường ác, không ưa thích giáo pháp của Lão Tử để được sinh về cõi trời, hướng đến tâm Đại thừa lìa niệm Nhị thừa, cầu mong chư Phật chứng minh, Bồ-tát nhiếp thọ, đệ tử chí thành kính lễ.

Lúc bấy giờ, vua và đạo tục hai vạn người ở điện Trùng Vân, Trùng Các, tay viết văn này phát tâm Bồ-đề.

Đến ngày 11 tháng 4, lại ra sắc chỉ trong nước rằng: Trong Đại Kinh nói: Có chín mươi sáu đạo, chỉ có đạo Phật là chánh đạo còn chín mươi lăm đạo kia là tà đạo. Trẫm bỏ tà đạo để thờ chánh đạo của chư Phật, Như Lai. Nếu có công khanh nào có thể vào chánh đạo này đều hãy phát tâm Bồ-đề. Lão Tử, Chu Công, Khổng Tử tuy là đệ tử Phật mà hóa tích đã là tà, thì chỉ là thiện ở thế gian, không thể đổi phàm thành Thánh. công khanh, trăm quan, vương hầu tông tộc nên bỏ ngụy về chân, bỏ tà nhập chánh. Vì thế, "Luận Thành Thật" nói rằng; Nếu tâm kính trọng đối với ngoại đạo, tâm khinh thường đối với Phật pháp tức là tà kiến. Nếu tâm bình đẳng, đây là tánh vô ký không thiện không ác. Nếu người thờ Phật tâm mạnh, thờ Lão Tử tâm yếu, đây chính là thanh tín. Thanh tín: Thanh là trong ngoài đều tịnh, cấu uế hoặc lụy đều hết. Tín là tin chánh không tin tà, vì thế nói là thanh tín đệ tử Phật. Còn những người tin theo đạo khác đều là tà kiến, không được gọi là thanh tín. Môn hạ mau thi hành.

Đến ngày 17 tháng 4, Thị Trung An Tiền Tướng Quân Chu Dương, Y Thiều, Lăng Vương tâu lên rằng:

Thần có nghe: Như Lai nghiêm tiếng vòi vòi nơi hữu đảnh, sắc thân vi diệu rộng lớn không bờ mé. Nương kim luân mà khởi vật, nhờ kim túc mà ứng phàm. Dồi mài dao bén Bát-nhã, đạt đến diệu quả Niết-bàn, chèo thuyền vượt biển khổ sinh tử, cứu giúp đưa đến bờ thường lạc, vì thế có thể giáng xuống mây từ bi, mưa xuống nước cam lồ. Bảy chỗ tám hội giáo hóa không cùng, bốn đế năm thời lợi ích vô tận. Nước trong trời sáng sương tan, mây hết. Đuốc lửa sáng rực che ánh sáng, nóng bức tự tịnh, có thể cho là nhập tục hóa nơi tối tăm, thật là chân thật xuất thế khiến cho người ở Trù lâm tà đồ kính mến pháp môn không mỏi mệt. Kẻ khát ái mù điếc ngưỡng mộ dò xét nghiên cứu mà biết quay về.

Đạo thọ ban đầu ở Ca-la, đức âm thanh ở kinh Lạc. Hằng tinh không thấy, chu giám thần trưng, trăng tròn sáng đẹp nửa đêm nằm mộng, năm pháp lưu truyền vạn đức tốt đẹp.

Giúp ba minh này soi chiếu đường mê, nương nhờ bảy giác cứu khổ trong đêm dài. Gặp Hoàng đế, Bồ-tát ứng thiên ngự vật phụ thần Lâm thị. Chứa đựng vũ trụ chiếu soi sấp biển cả, dũ lòng từ vô ngại biện để dắt dẫn muôn dân. Vì năng lực bổn nguyện nhiếp thọ chúng sinh, nên tùy bệnh cho thuốc, thị hiện phương tiện hiển nhân. Tôn sùng ý chỉ Nhất thừa, mở rộng nền móng Thập địa. Do đây muôn nước hướng về, đều bẩm thọ chánh pháp, u hiển linh kỳ đều nhờ ơn cứu giúp. Loài người phát nguyện thành Chánh giác muôn vật khởi tâm Bồ-đề. Đâu ai chẳng quy về tông chỉ, vui vẻ trở lại bổn nguyện, cùng nhau dũ lòng từ bi, siêng tu nhẫn nhục. Cái gọi là làm đường sá, bờ bến để giúp đỡ lợi ích mọi người. Đạo đã sáng, dân cũng được giáo hóa. Ứng chân cao vút, tiếp dẫn chúng sinh, phá tà ma ngoại đạo, giữ gìn quốc gia chân chánh làm tinh xá, cõi báu trông mong, giảng đạo truyền kinh, đức âm đầy tai. Thần khí xưa chưa hiểu được lý nguyên, bẩm thừa ngoại đạo, như muốn được quả ngọt mà lại trồng cây đắng, muốn trừ khát mà uống nước mặn. Nay biết được đó là mê lầm biết quy hướng, thọ giới Bồ-tát, tiết chế thân tâm, bỏ tà đạo của Lão Tử, đến giáo pháp chân thật. Cầu mong đức đại Từ dũ lòng thương xót hứa khả cho, thành kính cẩn bạch.

Ngày 18 tháng 4, Thư xá nhân thần Nhậm Hiếu cung tuyên sắc chỉ rằng: Có thể đổi mê nhập chánh, có thể gọi là do đời trước gieo trồng nhân thù thắng nên đời nay mới được như vậy. Phải ra sức dõng mãnh.

****

**** Đời Tề, Cao Tổ ra chiếu chỉ bỏ giáo pháp của đạo Lão.***

Xưa Kim Lăng Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh hướng về đạo môn. Hai triều đại Tống và Tề noi theo Tam Trương, Hoằng diễn. Học trò của Hy

Trương thọ Đồ Lục, bèn xuyên tạc thêm, rộng chế trai nghi. Ràng buộc lãng phí rất phiền ý, Vương giả tôn phụng.

Lương Tổ Khải vận hạ chiếu bỏ đạo, Tu Tĩnh không hơn thận trọng, bèn cùng môn nhân đến biên cảnh mà vong mạng. Trở lại Bắc Tề, lại khuynh tán vàng ngọc tặng các vật quý. Nương gá trong mong hưng khởi đạo pháp, Cao Đế nghi ngờ.

Tháng 9 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu, bèn hạ chiếu các Sa-môn cùng Đạo sĩ những người thông suốt mười vị cùng so tài. Lúc bấy giờ, Đạo sĩ chú nguyện khiến cho y bát của Sa-môn hoặc bay hoặc di chuyển, chú nguyện cây xa nhà hoặc ngang hoặc dọc. Sa-môn biết không học phương thuật, im lặng không một ai đối đáp lại. Sĩ nhân ồn náo vui vẻ, họ cho là môn đồ của mình đã thắng.

Các Đạo sĩ vui mừng hớn hở, lớn tiếng tự khoe. Phô trương tự hào đạo thuật của mình, lại tuyên bố rằng thần thông quyền thiết khuất phục được kẻ mạnh, Sa-môn hiện một ta hiện hai. Nay chỉ hiển bày một ít phương thuật, vẫn rút lui khuất phục, sự cũng có thể thấy.

Vua khiến cho Pháp sư Thượng thống so tài với Tịnh Giác. Thượng Thống nói: Phương tục tiểu kỷ, tục Nho hổ thẹn, huống gì xuất gia ư? Tuy nhiên thiên mạng khiến phải chống cự, há không được nói. Bèn cho vị tối hạ tòa đối lại, liền đến tìm kiếm, có một vị tăng tên là Đàm Hiển, không rõ người ở đâu, du hành không định, ăn uống đông như người thế tục. Bấy giờ có người đồn rằng đây là bậc liễu ngộ cao xa. Thượng Thống biết năng lực của vị này, nên giao thiệp riêng. Lúc đó, các vị danh Tăng đã nhóm họp đầy đủ, Đàm Hiển ở cuối tòa, uống rượu say sưa ngồi cao ở đó, quan Hữu Ty không dám gọi, báo việc này lên Thượng Thống.

Thượng Thống bảo rằng: Đạo sĩ cúng rượu thường đạo sở hành. Chỉ là đạo nhân uống rượu mới có thể nói chuyện mà thôi. Bèn đem rượu đến. Lúc đó, mọi người đều khiếp sợ. Oai quyền của Thượng Thống, không ai dám can ngăn. Bèn có hai người dìu Đàm Hiển lên tòa cao. Lên tòa rồi liền đứng dậy cười nói rằng: Ta uống rượu say, trong tai nghe có chỗ nói rằng: Sa-môn hiện một ta hiện hai, lời nói này hư hay thật?

Đạo sĩ đáp: Có thật.

Hiển liền co một chân đứng nói: Ta đã hiển một, khanh có thể hiển hai hay không?

Đạo sĩ nín thinh.

Hiển nói: Ngươi chú thuật y bát bay, ta cố mở cửa thử khanh có

thuật được không, bèn bảo lấy để cho Đạo sĩ chú thuật. Các Đạo sĩ cùng nhau chú thuật nhưng không có một vật nào lay động cả, vua ra lệnh lấy, bèn cho mười người không nhấc lên nhưng chẳng động đậy gì được.

Hiển bèn để y trên các cây xà nhà. Lại bảo Đạo sĩ chú thuật, nhưng đều không có một vật gì linh nghiệm cả. Các Đạo sĩ nhìn nhau không làm gì được, còn dùng ngôn biện tự cao rằng:

Đạo Phật gọi là nội, nội thì ít.

Đạo của ta là ngoại, ngoại thì nhiều.

Hiển liền lên tiếng nói: Nếu như vậy thì Thiên tử ở trong định ít, một trăm quan ở ngoài định nhiều ư?

Tĩnh và các Đạo sĩ làm thinh không nói được.

Vua cho rằng: thật linh nghiệm, liền hạ chiếu rằng: Pháp môn không hai, chân tông là một, tìm cầu con đường chân chánh vắng lặng làm gốc. Đạo giả cúng rượu trong đời giả vọng, tục nhân chưa ngộ bèn có sự tôn kính. Men rượu là vị thanh hư ở nem thịt. Vị ngọt đây từ bi hằng cách. Trên khác với nhân từ, dưới trái với tế điển, đều cấm bặt không được tôn thờ. Thông báo xa gần khiến cho nghe biết. Những Đạo sĩ quy phục đều giao cho Pháp sư Chiêu Huyền Đại Thống Thượng độ cho xuất gia. Những người chưa phát tâm, có thể khiến cho thế phát. Ngày đó số người bị chém đầu chẳng phải một. Số người tự cho mình là thần tiên thì cho họ lên đài cao lao thân rơi xuống đều nát thân như bùn đất, dối trá đều dứt từ đây. Đến nỗi khiến cho trong nước không tin hai đạo. Đến đời Tùy, lần lần khai thuật đến Đông Xuyên ngày nay, tông này vi mạt không dám kháng cự.

Vua húy là Dương, là con thứ hai của Thừa tướng Cao Hoan đời Nguyên Tống. Đích huynh trừng cấp tánh bị giặc hại, Dương vị kia làm tướng quốc. Đời Ngụy sắp hết, Dương xây đàn ở Nam Giao. Bói gặp quẻ đại quang đại kiết Hán văn, bèn đúc tượng vàng, một lần rót đồng đúc liền thành công. Ngụy thâu làm thiền văn, Ngụy đế nhận chức đó, tức thọ thiền kia là Đại Tề. Hành vi không thể so lường với ngu trí kia. Giao việc hành chánh cho Phộc Tạ Dương Tôn Ngạn. Vua xây chùa Phật, Tăng Ni khắp các châu. Mùa đông mùa hạ cúng thí hành đạo không dứt.

Lúc bấy giờ, Trù Thiền sư khuyên vua rằng: Đàn Việt La-sát, đến sông tự thấy. Vua đến đó thấy chúng La-sát ở sau, bèn không ăn thịt. Cấm các loại chim như chim Ưng, chim Diều không được ở gần quan. Những người làm nghề đánh cá, giết mổ, các món ăn có vị cay nồng

như hành hẹ v.v... đều trừ bỏ hết, không được đem vào chợ. Vua thường ngồi thiền suốt ngày không xả thiền. Lễ Phật kinh hành, kia mau như gió, thọ giới với Chiêu Huyền Đại Thống.

Pháp thượng diện ếm đất.

Khiến thượng lý phát mà trao.

Trước tiên, vua ở Tấn Dương, sai người cưỡi Lạc đà đến, ra sắc chỉ. Đến chùa lấy hòm kinh.

Người sứ hỏi chỗ nào?

Vua bảo: Cưỡi Lạc đà ra khỏi thành, và Lạc đà đi mau như mộng đến một ngọn núi. Nửa chừng núi có một ngôi chùa. Các Sa-di từ xa thấy nói rằng: Cao Dương cỡi Lạc đà đến. Lúc đó, có một vị Lão Tăng bái lạy hỏi: Cao Dương làm Thiên tử như thế nào?

Đáp: Thánh minh.

Vị Tăng hỏi: Đến đây làm gì?

Đáp: Lấy hòm kinh.

Vị tăng nói: Dương ở chùa làm biếng tụng kinh khiến cho Bắc thành Đông hiển.

Người sứ trở về tâu lại.

Ban đầu vua đến chùa Mộc Tỉnh ở Cốc Khẩu, có một người điên không hiểu lời nói, bỗng nói với vua: Ta cách ông đời sau.

Đêm đó người điên chết, vua băng hà ở Tấn Dương.

****

**** Luận Thông Cực, đời Tùy, Sa-môn Thích Ngạn Tông soạn*.**

Phàm hai đường ẩn hiển, không thể định được sự vinh nhục. Hai mối chân tục ai có thể phân ra đồng khác. Do đó đại hiền thì chợ bói không ồn náo, cao đạo (chỉ người ở ẩn) thì núi rừng không buồn bực, không chẳng ngoài sắc, trời đất tự đồng chỉ mã. Danh không nghĩa lý, can đảm có thể như Sở việt hoặc nói hoặc nín. Pháp thuật của Lương Du ngữ mặc hoặc có hoặc không, lòng tin không hề có giới hạn. Như phù vân hồng chấn khổng tước bay xa. Tịnh Danh hiện bệnh, Tỳ-kheo sợ biện tài cao xa của Ngài. Phát tâm tức là xuất gia, nào có quan hệ gì đến việc cạo bỏ râu tóc, bỏ tục mới gọi là nhập pháp, đâu phải rút bỏ trâm. Đây chính là môn nhiễm tịnh, quyền thật mà chưa rõ; lý nép phục lành dữ mà chưa ngộ. Bài khiến cho Trang sinh tông luận tề đều một, Thích Tử nói ý chỉ hội hai. Thật lớn lao thay. Tha thứ là sâu xa, thật có tìm xét tới. Trộm nghe âm dương hợp thì muôn vật thành. Mặn lạt hòa thì thành món ăn ngon. Sao bỏ bốn thời hằng tựa, năm vị riêng khác. Do đây mà nói há có chân tục lẫn lộn, ẩn hiển khác nhau, hoặc có người hiểu biết

ít ỏi, thì muốn trí như Lăng, Chu, Khổng. Hầu hạ thấp kém liền sánh địa vị mình với Đế vương. Tự gượng cho là lớn để lập thân, nghĩa là một người mà thôi, không tin có nhân quả, bèn nói không có Phật pháp. Khinh hủy Tăng Ni, coi thường Sa-môn. Ngu si noi theo nhà Nho cổ hủ để vời lấy minh họa. Hoặc có người mới bỏ y phục thế tục mà tướng trạng như đức quan trời người. Vừa có được danh tăng ý dường như thinh cao hải vức, tự cao tự đắc tôn xưng là bậc cực Thánh. Đâu biết rằng mười triền còn chướng, ba món học vô lậu chưa nghe. Không tùy cơ mà tiếp vật, cuối cùng ôm lấy ngu si mà tự giữ. Than ôi! Hai cái thì khác đường, một cái sao lẫn lộn được. Bậc cao hoài thông đạt ai có thể như vậy ư?

Trông mong muốn bỏ sự rối rắm, khuất phục sự sắc bén giả lập cơ trống. Tuy có trầm bổng nhưng rốt cuộc cho đạo là tông chí. Kia dụ như năm màu lẫn lộn, gần Tu-di mà hội đồng. Muôn vạn sum-la nương hư không mà tập trung, quy về từ vật đông đảo. Tiếp thu các khe suối thật là biển lớn mênh mông. Đây thật là xán lạn, đối với Phật đạo, khen ngợi huyền môn. Ngõ hầu khiến cho vô ngã, không tà, đầy đủ khiêm cung kính cẩn.

Bộ Thức Di Hậu Tiến Luận nói rằng:

Có vị Tăng Ấn Độ tiên sinh xa lánh trần tục, ở một mình nơi gò núi hiểm trở, anh minh ẩn dật hơn cửu thiên. Chiếu bằng cỏ tranh, gối bằng đá, cạo tóc nguội tâm.

Y phẩn tảo khác với áo của Dương Tục, giường dây không giống giường của Quản Ninh, tự ẩn mình ở Tây Nhạc mấy mươi năm, bền chắc không thể lay chuyển được, đạm bạc vô vi. Thường tự than rằng: Cùng tột thì riêng khéo thân kia, thông suốt thì gồm cứu giúp thiên hạ. Nhưng trăm họ phiền não, ràng buộc ở lưới ái, không thể tự mình đến chỗ thanh tịnh. Ngồi quán cảnh lầm than khốn khổ, lại phải bỏ đông đúc ở nhân gian. Đối với đây khuất tích tạm du hóa, mới đặt chân đến kinh thành làng ấp kế đó là Bá Thượng. Có Hành Lạc Công tử, Rồng phun nơi dòng nước, hạc bay che mây nổi. Y phục lụa là tốt đẹp, huân phong hợp khí, cương vàng yên ngọc, ánh sáng rực rỡ. Nhất định biết yêu mến trịch quả là thuộc Phiên Sinh, ân sủng của Cát Trừu đã mệ Hán Đế. Ven thành Tiếp Chẩn dự tiệc với Tào Vương, bên ao Liên Lộc thưởng thức với Sơn Công.

Tiên sinh Đạo Phùng lấy làm lạ hỏi rằng:

Tiên sinh tướng mạo như học trò của Yến Triệu. Tóc như khách của Ngô Việt, dung sắc dường như Trần Thái. Y may không liên quan đến Sở Lỗ, bước đi từ từ thong thả, mắt nhìn xuống lời nói nhỏ nhẹ,

mày nhịu lại, bình bát bằng sành thường đem theo, chẳng khác phong khí của Nhan Hồi. Tiếng tích trượng leng keng nào khác cây trượng của Nguyên Hiến, ở nước này chưa thấy, tôi chưa hề nghe danh, nay xin hỏi tiên sinh từ nơi nào đến?

Tiên sinh yên lặng giây lâu, từ từ đáp rằng: Quán Tử tung hoành đối với danh lợi, mê muội đối với sắc thinh. Đội trời còn không lường được cao kia, đạp đất không thể biết dày kia. Tôi nghe ở dưới giếng sâu vốn không có vảy cá nuốt thuyền, há có cánh chim quạt mây. Tôi chẳng phải học trò của Quán Tử ư? Kia có thể biết ư? Tôi thử vì ông mà nói, hạnh Tử Tạm Lưu Cao Thinh là Thầy tôi. Đức vốn thâm cao. Thọ từ đầu ba A-tăng-kỳ, diệu quả cao xa thành nơi cuối một trăm kiếp, cả pháp giới làm trí, khắp hư không dùng làm thân, đâu chỉ khí bẩm hai nghi đạo Chu muôn vật mà thôi. Vì thế, thân không đâu chẳng ở mà lượng cùng tột ngoài khuôn phép. Trí không đâu chẳng làm mà dụng dứt trong nghĩ bàn. Không thể đem việc của người mà so sánh, đâu được dùng xứ (chỗ ở) mà luận bàn. Phải nêu việc thấy nghe của kẻ ngu, cần bày ảnh tích của chân nhân. Kia giống như tùy cốc phong mà Hổ gầm lên, tùy Khánh Vân mà Rồng bay cao. Cảm ứng với nhau chỉ là thường lý. Giống thần trên cung trời Đâu-suất, nương tượng đến thành Ca-tỳ-la-vệ, họ là Cù-đàm, dòng Sát-lợi, tên đời là Tất-đạt, đạo tự là Năng Nhân, chính là Thái tử của vua Tịnh Phạn. Gia thế nhiều đời làm luân vương, môn phong thì truyền nhau Thánh đạo. Trong cõi tam thiên đã khác nơi Lạc Ấp, quốc triều tám vạn hơn nơi Kê Lĩnh, tông nhân (dòng họ) quê quán, ai có thể rõ được ư? Đến khi sinh Thầy ta, khôn hình sáu động, chợt đi bảy bước, mưa hoa năm màu đầy cả nước, hai Rồng phun nước khắp hư không. Điềm lành đã đến, hiện tượng tốt gồm hợp. Xem trăm đời chưa hề có. Song, khi mang thai thì khác Nghiêu Hiên, lúc sinh không giống Vũ Khế. Còn Hắc Vương nằm mộng thấy ánh sáng màu trắng chiếu đầy nhà cho là điềm lành, đâu thể nghĩ bàn. Thân màu vàng, cao hơn một trượng, giữa hai đầu chân mày sợi lông trắng năm thước, trước ngực có chữ vạn, dưới lòng bàn chân có bánh xe ngàn căm. Nói đại khái là có ba mươi hai tướng. Không thể dùng mặt Rồng mắt Hổ tám màu sắc hai con ngươi, diệu sắc của ta so sánh với sự thăng giáng kia. Tuy lại là tướng Lữ Công, đời Cao Đế cho là biết người. Hoặc thí như sự thấy của Tư-đà thì thầy ta chưa thể đồng ngày. Lúc đó tôn sùng nghiệp, chánh vị Đại bảo Thiểu Đương, Giáp Quán khai trương, Lang Lâu kiến lập, còn như tài nghệ song toàn, văn võ lỗi lạc, không liên quan sư bảo từ nhân thiên cốt. Hoặc đối với Thái tử ngày trì lâm phiếm. Vườn nhìn rộng lúc nhàn

rỗi, sức cảm phục được hương tượng, khí dẫn đầu được thần công.

Hán doanh hạ khởi đâu đáng nói. Vua cha ban đêm phòng vệ rất nghiêm ngặt, dòm ngó càng kỹ càng. Chín lớp cửa cấm, có tiếng động thì cách bốn dặm cũng nghe. Ba mùa ở kín trong cung điện, mỹ nữ hai vạn người. Nhưng vì đạo tành sẵn có, chí nguyện mạnh mẽ, tuy ở trong cảnh ba hoặc mà không thay đổi khí tiết của nhất tâm. Dạo chơi bốn cửa thành, thấy ba nỗi khổ già, bệnh, chết, bèn tự than rằng: "Cuộc sống con người như thế này, ở đời làm sao mà kham chịu nổi? Thoát tục tìm chân lý chính là lúc này".

Lúc bấy giờ, hoa đào rơi lác đác, khoảng giữa xuân (rằm tháng hai), trăng nửa vầng khuất sau lầu gác.

Hằng đêm suy nghĩ, quán kỹ nữ như thây chết, ngộ cung điện như nhà hư. Thiên Vương nâng chân ngựa trắng vượt thành. Cấp Sử đem mũ báu đến cổng. Đời Tần, Túc Sử Chu Thời Tử Tấn, Hứa Do rửa tai ở núi Ky. Trang Chu kéo đuôi nơi sông Bộc. Phương Tư bỏ tục sao không bằng kia. Đây là nơi rừng tiên bắt đầu bỏ tâm, sông Thiền khởi dấu vết khổ hạnh. Tắm nước sạch dòng sông Kim, dạo kiết thọ đạo tràng, thức ăn dùng hạt mè, tòa thì dùng bằng cỏ. Mười phương trí khắp, chứng sáu món thần thông, ma binh sạch hết, đại nghiệp khắc thành, riêng xưng là Phật, đây là thầy ta.

Ban đầu chuyển pháp luân ở Nại Quốc (thành Ba-la-nại) Tăng lữ đầu tiên độ Kiều-trần-như, anh em Ca-diếp, bạn hữu Mục-liên. Thế tục ở Tây Vức, điềm lành ở phương Đông. Hai mươi tám tầng trời, làm vua mười sáu nước, đâu không phục dạ mà nghiêng tâm, trọng phong cách mà chắp tay. Ở cung Tha hóa mở mang Thập địa, núi Kỳ-xà hội họp ba thừa. Thiện kiết bàn tông vô đắc Tịnh Danh, hiển bày ý chỉ vô ngôn. Hàng phục Thập tiến ngoại đạo, chế ngự nhóm sáu vị Tỳ-kheo. Trước ngực thì tiếp nhận sông hồ, trong tay thì khuấy động cả núi rừng.

Nói về kiếp thì phương thạch thường tận, biện về số thì vi trần có thể cùng tận. Đây chính là vị Đại sư trong ba cõi, vị Độc Tôn của muôn xưa. Tôi tài hèn nói sao cho hết, dù khiến cho chế lễ tác nhạc của Chu Công, thuật dịch hình thi của Khổng Tử, ngôn ngữ của Mâu Tứ, văn học của Thương Yển cho đến Tả Nguyên phóng cát, Hiếu Tiên Hà Thượng Công Quế Hạ Sử đều khư khư ở phương nội, làm sao nói đủ ư? Hàm linh của ta phước hết, Pháp vương ra đi, bèn khiến phương Bắc ban đầu tuyên bố ở sông Hà, xuân thu có tám mươi thiên. Ứng thân nát vụn. Lưu huyết tìm đâu. Tranh quyết nghi tối hậu, đua phụng cúng lúc lâm chung. Than ôi! Đuốc tuệ tiêu, mây từ diệt, đêm dài các đệ tử thật đáng

thương. Bây giờ, chiêm ngưỡng tướng tốt ở hương đàn, ghi thuyên đề nơi lá bối. Ba tạng thọ trì, bốn y bổ xứ. Nhưng phong cách của thầy ta không mất, đặc biệt như thế. Chỉ vì thế đạo rối rắm, chúng sinh giả dối, thay thế xưa nay. Nay vận chuyển đến phương Bắc lại lần lần chuyển đến phương Đông. Do đó, Lưu Trang nằm mộng thấy người vàng. Ma Đằng khuyên Thái Âm, Di giáo truyền đến đất Hán, khởi đầu từ đây cho đến hơn năm trăm năm.

Về sau, có Khương Tăng Hội, Trúc Pháp Hộ, Phật Đồ Trừng, Cưu-ma-la-thập nối gót theo sau mở rộng Phương Đẳng. Bèn khiến các bạn Đạo Sinh, Đạo An; các đồ đệ Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán đều bỏ danh tiếng trả mũ quan cùng nhau quy hướng Phật pháp. Tăng chúng đông đúc mạnh mẽ có thể hơn đạo Lão.

Ta từ nhỏ đến lớn ở Sơn Đông, tôn sùng mẫu mực (khuôn phép) của Tố Vương. Chiều dạo Quan Hữu (cửa Tây), ngưỡng mộ huyền môn của Huỳnh Lão. Đều chưa vượt khỏi sông khổ còn trôi lăn trong nhà lửa. Có thể lâu xa, có thể lớn lao chỉ có giáo pháp của Phật mà thôi. Trông mong sự trong sạch của đời trước, kính mến dấu vết xa xưa của bậc anh tài. Trở về với chánh đạo, đây là tự cứu mình ra khỏi chốn trầm mê. Mới chính là người ẩn dật lìa sự tham muốn; là đại tướng bẻ dẹp tà giáo. Đồng bọn của ta chính là đây.

Công tử nghe rồi, nhăn mũi (tỏ vẻ không vừa ý) nói: Lời biện luận của Quán tiên sinh tuy có thể bàn về trời, nhưng chỗ biện luận đó sao quá hoang đường. Xét ra, Phật vốn là thần của sự khởi hóa tương đương với vận của Đông Chu ta.

Tự nói rằng; Ta-bà gồm nhiếp, không đâu chẳng phải là chỗ quy về, hoặc ánh sáng chiếu soi không bờ mé, âm thanh chấn động đến tầng trời Hữu đảnh. Hoặc tám bộ tập trung, mười phương nhóm họp. Tính ra Thiên Trúc cách nước ta hơn mười muôn dặm, đều ở phía Nam núi Tu-di, cùng ở trong Diêm-phù-đề. Vì sao dân chúng ở đây không đến chỗ Phật, Đức Như Lai vì sao phân biệt riêng không chiếu ánh sáng đến. Trừ sinh ngã Tần Hán không chở phần mộ quê quán của ta. Càng rõ hai, ba điều nghi ngờ này, tôi nghe tinh không dứt tục, ẩn không lìa người thân. Do đó, hòa ánh sáng nơi trần, hoa sen mọc trong lửa. Còn việc buộc đai, rũ mũ mà không ngại tu đức. Cài trâm dưỡng tóc đủ để nhàn cư. Vả lại, đạo vốn rỗng thông, va chạm không đâu chẳng phải là đây. Sao lại bỏ mũ lìa tâm chuyên cây tích trượng và bính bát. Thầm cho là không tổn thương di thể mới chấp trước tâm hiếu. Đâu chẳng phải vua quan trọn theo triều mạng. Nay đã đắp y đỏ đầu không có tóc, chưa rõ

tội kia. Không làm Thiên tử, tự xin hỏi tiên sinh, xin giải thích rõ ràng.

Tiên sinh đáp: Ta nghe âm thanh lớn không vào lỗ tai, kia có linh nghiệm ư? Còn muốn dùng ống trúc một tấc mà dòm trời, dùng con ốc nhỏ để đo lượng nước biển. Mà pháp môn của ta không phải ta thể cùng tột. Ta lại phải nương vào thần lực mới có thể vì ông mà nói. Thầy ta hóa đạo rộng xa tất cả hàm linh đều được giúp. Chỉ vì chúng sinh duyên ít tự làm chướng ngại mà thôi, đâu có liên quan gì đến oai lực của Phật không rộng lớn và sự thấm nhuần của Thánh không bình đẳng. Kia dụ như mặt trời mặt trăng sáng rực trên trời, sấm sét phát ra âm thanh rung chuyển trời đất, nhưng lựa người mù người điếc, nào phải do ánh sáng ít và âm thanh nhỏ. Tuy nhiên, Phật du hóa đến Xá-vệ, còn có hơn hai kỷ ba ức gia đình chưa nghe thấy Phật, thì nào có lạ gì các vùng biên địa mười muôn dặm. Thầm cho là chỗ sinh sống của Chu Khổng, xưa chỉ ở ấm của xứ Hoa Hạ Di Địch không tin lý kia ư? Còn như trăng non ở phương Đông mọc trên trời, vua ở Hoài Nam nhập Đồ Lục. Nhưng cỡi chim Phụng đẹp mây mù, ở đời có người như vậy. Muốn không lớn nơi Thần tiên, bí mật không ghi chép, đâu thể hiểu được đạo thuật của Thầy ta. Chép đó ở trong sử ư? Huống chi Tần Hoàng đốt hết kinh điển sổ sách đâu còn giữ văn đây. Không thấy đó là việc lớn. Nhưng có người cho rằng kia chánh chân cam chịu theo thế tục, chưa ngộ được thân không trong sạch thì đâu có đạt mạng. Vô thường phục ngoạn thì nhiều lớp không thôi, san tham thì một sợi lông cũng khó rớt. Ngu dân khinh thường thật là đáng thương. Ta không thể bảo vệ được hình hài thì ai có thể mưu lợi nơi huyễn ảo. Râu tóc đã cạo, tâm ta tự khắc phục. Chỉ mặc y hoại sắc thì ái tình nào khởi. Do đó, năm điều cấm để giữ tưởng, sáu thời buộc niệm. Kính cẩn vật ngoại là nghịch lưu. Thầm nghe Hạ, Vũ phân tán Tứ Xuyên thì lao nhọc chân tay. Mặc Địch lợi vật thì không tổn gót chân. Giết thân mình để thành lòng nhân, chịu đói chết để giữ chữ người, đây đều là trái với đại hiếu. Nhưng vẫn phong phú trong các sách. Tôi dưỡng tánh nơi nhiệm mầu, lập thân hành đạo, muốn rộng cứu giúp chúng sinh trong sáu đường, trông mong được muôn đức, há học tử hạn cuộc ở chi tiết nhỏ, để ý nơi da tóc ư? Có chút vinh danh việc khóc, theo triều của Bắc diện. Nếu kia hiệu quả không nhiều, bổng lộc ít ỏi thì chỉ lao nhọc chân tay. Không nhàn rỗi, công cao ngôi vị cùng tột thường sợ nhiều sự bất an. Ngàn nhận (nhà Chu định tám thước là một nhận) bỏ hạt châu, một sao khinh của quý. Nhưng hoa sen trong lửa không phải là chỗ phát khởi của tôi, nhiễm mà không nhiễm nào có phải là chỗ biết của ông.

Công Tử nói: Tiên sinh gượng khoe hoa kia để trau chuốt cho điều sai, giữ cỏ trên tường mà không quét, nghe luận nghịch tai, lược điều tệ có bốn. Tôi nghe cây ngọc không cùng rừng với cỏ kiêm cỏ lau. Chim Phụng oai vệ không cùng đàn với chim Yến, chim Sẻ. Tiên sinh đạo tuy vi diệu. Môn nhân sao ngu hèn. Hoặc thân hình xấu xí, dòng họ ít ỏi, hoặc giống loại thấp tinh thần mờ tối. Không có ba điều kiện để tham dự vào kẻ sĩ, không có mười mẫu để làm dân thường. Biếng nhác sự bận rộn của vua, xấu hổ không lập nhà riêng, trốn tránh quân dịch trong chùa Phật, dung thân trong pháp phục, thấy người không thể trình bày lạnh nóng, đọc kinh không hiểu nghĩa chính. Không biết cao tâm với trăm họ, trái lễ với cha mẹ, do đó không tự mình vinh hiển. Đây là điều tệ thứ nhất.

Tôi nghe tiết kiệm nền đất cây gỗ là lý do vua Nghiêu thương dân. Đây cả nhà ngọc, đài vàng là lý do Thương Tân bại tục: Huống gì hạnh của Như Lai chỉ là ít ham muốn, đức vốn đại bi. Chỉ ngồi yên ở gò mã, kinh hành dưới gốc cây, làm sao trang sức chùa chín tầng, kiến lập đài bảy báu. Không xót thương người làm lao nhọc, không xấu hổ lối sống ẩn dật, do đó tự mình không có sự ước lượng. Đây là điều tệ thứ hai.

Tôi nghe: Không tự khoe công là cực giáo của Lão Đam, không khen đức mình là cách ngôn của Phật. Lao nhọc khiêm nhường là điều tốt của người quân tử. Biết khắc phục nhịn nhường là điều hay của bậc Thánh. Đức bên trong đầy đủ thì bên ngoài tiếng tốt vang xa. Rong ruổi theo khách bạn, ngồi đến ngợi khen. Huống chi tâm Phật thanh tịnh, quên các lỗi được mất. Như thế nào mà riêng được hiệu Thế Tôn. Không muốn nhường cho người, nhưng các kinh kia tông chỉ không hai, các lời bàn xưng là bậc nhất, tự sinh ra sự mâu thuẫn, làm sao để thông suốt, nên không tự khiêm tốn, đó là điều tệ thứ ba.

Tôi nghe: Tình giữ hai món báu, tâm dè dặt bốn biết, mới gọi là sự nhã nhặn của người thông suốt, là khí tiết cao của người liêm sĩ. Hoặc tán mất dòng họ, hoặc bỏ núi sông. Huống chi đạo nhiệm mầu thanh tịnh, trái với thế tục làm Sa-môn mà lại buông lung cầu sự vô nhàm, tham lợi hữu vi. Khuyên người thế tục thì khiến họ không giữ tí não, nói về bố thí thì không nhường một phân một hào. Hoặc trải qua sự giàu có, hoặc từng là thượng khách. Không dùng tâm rỗng không mà tiếp đãi. Trước trình bày bội số của tài năng, đây chính là đồng bệnh của trí thức. Trong biển cùng biết, do đó không phải tự liêm chánh. Đây là điều tệ thứ tư. Tôi nói thẳng tuy đắng nhưng có thể làm thuốc. Chỉ có tiên sinh là người cao kiến xem xét để trình bày cho rõ ràng.

Tiên sinh đáp: Tôi bất tài sao gọi là đạo ư?

Ông chỉ ưa lý do đồng kia mà đâu biết lý do khác. Luống muốn phá hủy nhưng không tổn hại Kim cang. Đạo của ta rộng lớn sâu xa đâu thể xem thường ư? Ta nghe muôn căn cơ gồm nơi đây, do đó Thánh hoàng xưng là Đại. Trăm sông nạp nơi đây, do đó sông lớn gọi là sâu. Vua thì không hổ thẹn với dân, biển thì không nghịch với sông nhỏ. Huống chi thầy của ta là bậc Đại đạo rộng lớn không đâu chẳng cứu giúp. Có tâm từ bi nhiếp hóa tất cả không phân biệt kẻ oán người thân, từ phẩm giới đức lớn nhỏ, dòng họ lộn xộn cao thấp, vì thế có trừ người thấp kém, có liên quan đến vị vô sinh. Ứng thư quý sĩ, đọa ngục vô gián. Nội bí khó phân, tướng ngoài làm sao biết được. Vì sao ông tự chuyên làm cái cân, trong khi ta chưa từng làm gương soi. Nếu chỉ dùng tướng mạo để đoán người thì có lỗi lớn. Bèn khiến cho Thúc Hướng tin phục lời nói của Cô miệt, Trưởng giả ngộ lời nói của Sa-di. Vả lại, cùng thông hữu vận phủ thái vô hằng, hoặc trước vinh sau nhục, hoặc đầu suy sau thịnh, khác với dấu vết bánh xe luân chuyển, có thể nói tóm lược. Còn như dùi đứng không có đất, chẳng phải kính mến đức của Nghiêu Thuấn. Mầm mống khác không nối nấm, há truyền Thánh cho vua Thang vua Võ. Đâu biết rằng thôn tính sáu nước, kia trước thích người mến ngựa. Ước pháp ba chương, thì chỉ vong mạng lý tưởng. Phàn Quán phát khởi từ nghề buôn bán, giết mổ. Y Lữ xuất thân từ nghề đầu bếp, câu cá. Nhiều đời tiếp tục noi theo cao môn. Bèn dùng bốn biển, gượng lập năm lăng. Quý thị mũ miện, Lăng vân phong lưu, vì đời như mặt trời ban mai, sương buổi sáng còn đọng lại, khó giữ người hèn. Ban đêm cỏ đội sương, lẫn lộn khó phân. Đây là biết dụng và không dụng, Hổ Chuộc sao thường. Tìm ngọn xét gốc, tổng quát nhân luận. Sao bỗng xem thường xe cộ, miệt thị vò hũ. Tuy là tài Phương Chu Đán cũng đâu đáng thấy. Thử nghiệm nói đó. Triều chợ hư phiền, thân tâm không tệ. Người trước đồng bỏ, bậc hiền đều chê. Chỉ biết hoài bão đây đang nhập. Do đó tránh đất mà quy lại. Ta thì nhàm chán khổ tương lai mà biết điều quấy quá khứ. Ông thì đam mê sự ham muốn quá khứ mà mờ mịt điều phải hiện tại. Đâu tự mình an nghèo vui đạo, ít hèn nhát mà nhiều tài năng. Đâu dùng sự hy sinh của Thái Miếu, phanh nhạn của Thu Tử. Nay ta tự sống với phẩm chất trong sạch, mặc niệm không lẫn lộn, không nhờ vào sự dẫn dắt của nhân nghĩa, há loạn tưởng nơi phồn hoa, cho nên cũng sót lại tự quên ăn ngủ. Há giữ ít tài lạnh nóng, chút khéo léo âm nghĩa. Tu tâm để báo đức sao hạn cuộc nghi định tĩnh. Mở mang giáo hóa để dắt dẫn há dừng việc cúi ngước, đó gọi là điều thù thắng thứ nhất của ta.

Chỗ nhan rỗi yên vui của Thầy ta không phải chỉ có xóm làng. Khinh vi căng nạp đâu chỉ có châu báu, anh lạc. Do đây do thân trụ năm núi, thần dạo ba lối. Hoặc thọ đồng sĩ, hoặc ăn lúa ngựa khen ngợi tiểu thí của tịnh tâm, chê bai bỏ nhiều của tạp tướng. Ngỏ hầu mượn điều này mà lập căn lành, do đây mà nêu bày lòng tin chân thật. Đây là tu đại lễ, cúng dường hằng thức, há chỗ muốn dùng của thân Phật. Chính là đạt chí của Hàm sinh. Chỉ do phàm tục khó ngộ, kiêu căng ganh ghét chưa dứt. Tranh hiến danh báu, lợi thâu nhiều phước, do đó dùng mâm ngọc chùa cao. Che mặt trời nửa ngày, tú giác chẳng mờ, mây trôi dừng lại, tranh giành danh tiếng cao thượng. Điều lành vẫn còn, trước tướng quả thức, cho đến lúc nào.

Tuy trái với lý chí chân nhưng đủ cảm được niềm vui vinh hoa. Chúng sinh chỉ có việc này làm công, Như Lai vì sao ức thuyết, đây là điều thù thắng thứ hai của ta.

Ta nghe bàn về của báu vô giá, mong muốn cứu giúp người nghèo. Khen thần hương không chết, chỉ muốn càng mau. Nhưng chúng sinh tin theo thuốc độc tà vạy, bỏ cam lồ Chánh giác. Do thuốc độc đã thấm sâu, mê muội từ lâu, vì thế Thầy ta ra đời, vốn muốn cứu giúp chúng sinh làm công đức, biết chúng ta trông mong không nỡ làm thinh, khiến chúng sinh biết chỗ chân thật để hồi hướng, sao tự giữ phải quấy. Hai Đức Phật không cùng xuất hiện ở đời, hai mặt trời không ở chung trên trời. Quyết hiệu vô đẳng giá hoằng chí giáo. Chẳng phải Quân tử tiểu thánh thờ phong cách của khiêm nhường. Đã đến chỗ chí lý đồng quy theo tình dị thuyết.

Kinh này gọi là tối thắng, đều phải nên nghe, đây là chỗ thù thắng thứ ba của ta.

Ta nghe không vượt qua lợi của bốn dân, chẳng đến vàng của trăm tông. Nhưng đại hoạn chưa quên, còn đợi tu dưỡng. Ta gọi là khất sĩ thì thọ đó để biết đủ. Ông gọi là thí chủ thì nghiêng đổ để cho quốc thành. Tại sao trách rằng ta tham lam. Chẳng phải không tự mình lường được sự xan tham của chính mình mà nên nghiệm đầy đủ để biết. Phân tài đều được, riêng mình quản bảo.

Ta nghe Thiên vương xuất cấp vũ khí, còn không do kẻ hạ thần, huống chi thầy ta phước vật lấy cho, đâu riêng trách nhiệm phàm tăng. Xưa tuy chúng mà đến, nay riêng vì Tam bảo mà dùng. Vì đạo cúng dường, nghĩa trái với làm phước. Đã là của thường trụ mười phương, không nói rằng nghĩ riêng cho mình. Tự dùng thì pháp luật không cho, xin chúng thì không lý do hòa hợp (hòa tăng). Ông đức gì mà tiêu được,

ta tình gì mà dám chiếm lấy lợi riêng. Chỉ sợ cùng lỗi của ta, đâu muốn tham lợi dưỡng ư? Một hạt cơm nặng bảy cân, rớt xuống nước thì thành nước sôi, rơi vào lửa thì thành tro than. Ăn một bát, thí cho người thì các loài no đủ. Phật còn không bỏn sẻn với con chó bị đói, đâu có tham tiếc với con chim bị đói.

Đây là biết thường dùng vốn để cho dư thừa, lại đem bố thí để được lợi ích. Thật vì chúng sinh ít phước chứ không phải thầy của ta có tâm nhỏ hẹp. Còn loài ngạ quỉ không thấy dòng nước, người bệnh không biết mùi bị ngon. Do tội phước nên ngạ quỉ và người bệnh thấy thiếu đâu phải nước và mùi vị không có? Trộm nghe công thần thờ chủ lúa thóc lụa là không thứ lớp mà thưởng công. Minh chủ trách thân, trời xanh không nói mà hiện đức. Ông không thể tự căm ghét, không có cảm tình, chuyên chê bai Thầy ta không có nhân ái. Còn Trịnh hầu khuynh sản đối với việc giao du, Điền cư bố tâm đối với tân khách. Luống phân chia tiếng tăm thế lực của kẻ hào đảng, đâu nghĩ phước điền mà khen ngợi. Đây là điều thù thắng thứ tư của ta.

Ta tuy nói không đủ mà lý có dư. Ông phải kinh sợ chỗ chưa nghe hoặc chưa thấy. Đối với những lời nói của ta đây ông hãy ngộ (hiểu)?

Công Tử đáp: Tiên sinh tuy nói từ trên trời nhưng cuối cùng đồng như giữ gốc cây. Chỗ nói về báo ứng sao mà xa xôi, nhỏ mọn. Tôi nghe khai mở hỗn nguyên; phân tích sự thanh tịnh và ô trược. Phong tục tốt xấu bẩm thọ khác nhau, kẻ ngu bậc Thánh phái riêng dòng khác. Còn đầu chân vuông tròn, vây cánh bay lội. Mạng sống ngắn ngủi, thân danh vẻ vang hay ô nhục, đâu chẳng phải tạo hóa tự nhiên, há là do nghiệp đời trước có thể làm ư? Trộm thấy cảnh hành không thiếu. Yểu thân thế mà bị tai họa. Ngông cuồng vô lễ, cuối cùng trọn đời hưởng phước, hoặc bị đọa, nếu nhân quả như thế làm sao mà nghiệm biết. Vả lại hơi thở còn thì sống, hơi thở hết thì chết, thân tâm trên quy dưới trầm, muôn việc lớn nhỏ trong một trăm năm mà thôi, chỗ nào là Thiên cung, ai là địa ngục. Chỗ tin của kẻ ngu, lời nói của người trí, tiên sinh còn chấp vào phong cách, xin suy xét lại.

Tiên sinh nói: Công Tử nói về kẻ sĩ ư? Thấy gì là ngu hèn. Chỗ bàn không vượt hơn một trăm đời, chỗ từng trải không ra khỏi tám cõi xa xôi. Đâu thể hiểu được thời kỳ cuối cùng của quả báo, xét kỹ cội gốc của nhân duyên, không thể hạn cuộc nơi sáu thức của phàm phu, mờ mịt ở ba minh của bậc Thánh. Ta nghe gieo trồng trăm thứ ngũ cốc, chẳng phải chỉ có công của nước và đất. Thợ gốm đúc tượng bốn sinh đâu chỉ có năng lực của âm dương. Đã có gốc nơi chủng loại, cũng không lìa tập

khởi. Trộm thấy hoặc thể hợp chồng vợ con cháu không cần phải mang thai. Hoặc thân chẳng phải cô độc nam nữ không đều. Còn như con đom đóm bay, con ve biến hóa, con ong trong tổ, con kiến từ trứng, chẳng phải sinh ra từ hai tinh (tinh cha huyết mẹ), há mang thai từ hai tạng.

Nếu chỉ bẩm thọ ở trời đất, thì người cũng đâu nương nhờ nơi cha mẹ,. Cần ủy vận từ hiếu quy về đâu, đây là biết nhân từ chỗ sai lầm nên quả mới luân hồi. Chia ra ba thứ quả, đầy dẫy muôn phẩm, hoặc đời nay thọ quả báo mau, hoặc thân đời sau biết mới đến. Lý này tất nhiên cũng nào có sai. Thưởng phạt không quá lạm, Minh pháp của vua, tội phước chẳng khác. Công lớn của nghiệp đạo, chánh trị thì năm hình phạt, bỗng lộc thì thưởng. U đồ thì ba đường tội, người thì được phước trời. Trước mắt có thể cho là gương soi, há lời nói của ông luận bàn luống dối ư? Ông chưa bị nhốt vào nhà tù thì ai tin có quan coi ngó triều đình. Không dạo đến núi Thái Sơn cho rằng: Không có quan coi ngó loài quỷ. Hễ thiện ác chứa nhóm thành tựu thì điều ương lụy hoặc vui vẻ sẽ có, đều có nói đầy đủ trong kinh sách. Đến như Sơ Lặc ứng Dũng Tuyền, cảm Đại Giang Huỳnh Thạch. Dương Công bạch ngọc, Quách Cự huỳnh vàng. Thông Tiêu là ngựa của Bào Tuyên, Châu Hàng là hạt của Khoái Tham. Viên Cập Tuyên Vương chết do Đỗ Bá. Tương Công sợ Bành Sinh. Chứng cớ Bạch Khởi cam chịu chết. Nghiệm Lý Huỳnh không Vương hầu. Lăng Hàn tai ương thì truyền lại đời sau, Quách Ân bị họa thì dứt thân, đây rất là rõ ràng, ai nói tối tăm. Tuy có tri vô tri sáu kinh không nói, nhưng tế thần cúng quỷ ba đời vội truyền. Ắt vậy thì chết là lặng lẽ, đâu cầu tồn tại lòng nhân. Không bỏ tiểu giáo của Nho, Mặc, mất đại lý của u minh. Ông tiếc lương tài mà quá ngu si phải sớm quy y sám hối lời nói chân thật của ta.

Công Tử nói: Tuy Tiên sinh biện luận cao xa nhưng vẫn còn chỗ che giấu. Tôi nghe trời sinh lũ dân cương nhu đều có cả. Do đó biến hóa hình khí, hàm dưỡng khí linh. Hôn nhân là phép tắc từ xưa, giá thú là lễ bao đời. Tội ứng không thiếu với con cháu đạo cũng không ngại với thê thiếp. Khiến cho Thiện Tuệ bán hoa, Diệu Quang thí châu. Chúng hương sáu vạn còn gọi Pháp sư, Tỳ-gia hai ngàn còn gọi Đại sĩ. Đâu chỉ Khoáng Tư, Cừu Ngẫu che tình tánh này. Kháng Long có hối hận, kia muốn như vậy. Phẩm vật do đâu sinh, Phật chủng do ai nắm. Đây là điều che giấu thứ nhất của tiên sinh.

Tôi nghe loài thú dữ là nghiệp của người nóng nảy hung bạo, trùng độc gồm tánh của người tổn thương vật. Do đó, khí hậu thuận thì mùa thu đi săn, trừ độc thì mầm mộng mùa hạ, là lẽ thường của thiên

đạo có tội gì mà sợ. Còn như các loài vật như trâu, heo, muông, nai, chim nhạn đã chuẩn bị, vận mạng thuộc về tay của người đầu bếp, thân hủy diệt do bụng của người khách. Vốn là chỗ sinh của trời, chẳng phải do đây dùng. Nhưng chim tàn (già) tự chết, nghe được chút ít bên trong. Vì sao thiếu dưỡng hình mạng, luống làm bùn đất. Đây là điều che giấu thứ hai của tiên sinh.

Tôi nghe trên trời có ngôi sao kỳ, dưới đất có nhiều suối. Rượu đó vì vật, kia đến còn lâu. Tiêu sầu vừa tánh, riêng có ích ư? Do đó, bảy bậc hiền ở Kê Nguyên. Hưng Tình đối với lượng của thăng thạch. Huân Hoa hai Thánh, thạnh đức đối với việc uống chung một bình. Quản thì nhờ đây mà bàn về lễ nhiệm mầu; Vu thì do đây mà quyết đoán địa ngục nghe các bậc tiên triết, chưa hề không dự tiệc rượu, chỉ cần tự giữ lễ cần gì ngăn trở các việc ô trược hay thanh tịnh. Đây là điều che giấu thứ ba của tiên sinh.

Tôi nghe tám điều khuôn phép giúp cho lương thực của dân chúng dồi dào, năm vị giúp cho thân đạo phẩm. Lưu thông con đường hít thở và ăn uống này. Dám vì sinh loại mà vu khống chẳng có lý do. Tự mình có thể ăn no, dụng tâm không bỏ phế đạo nghiệp, cần gì phải giữ trai giới, nhọc sức có thiếu đối với việc siêng tu. Đây là điều che lấp thứ tư của tiên sinh.

Nếu Tiên sinh sửa đổi những điều này, tôi cũng kính mến.

Tiên sinh đáp: Ta nghe ngang bướng khó giáo hóa vốn là ông mà thôi. Đây là điều che lấp của ông ư? Tự mình không biết điều tệ kia là chỗ thông suốt của ta. Ông đâu biết chỗ thông kia? Do đây mà thấy, chưa thể nói đạo với ông. Trộm cho rằng: Lời nói của kẻ ngu hèn không khiêm tốn còn tránh người thân, kẻ tà hạnh không có lòng nhân còn hổ thẹn với người thông suốt. Nhưng người nam kia thì vừa rời tả lót, ham muốn có đôi nên lấy vợ. Người nữ thì mới lìa vú mẹ, oán giận phòng không mà cảm tình. Nếu ham vui nhỏ, công hành thế lễ, chứa nhóm sinh thường hồn nhiên ai lạ. Đây thật là không biết hổ thẹn, bắt chước loài chim cun cút, chim khách. Đem việc chế hôn của loài nhỏ bé dám chê sự đôn hậu nhã nhặn của bậc cao thượng. Vả lại chữ hôn là tối tăm mờ mịt. Sự nương mờ mịt mà thành. Sáng chẳng phải khuôn phép của sự hiện rõ. Tha thứ là nguy hiểm của người ngu hèn. Riêng có thao (cách) mở cầm thú dưới cây liễu, có thể bạo ngược hoang dâm. Thuật Bành Tổ nằm một mình có thể dưỡng hòa tánh. Đây là truyền bá sách hay, khen ngợi văn khéo. Huống chi giáo pháp của Thầy ta, mở mang kinh điển tinh hạnh. Há lại thuận với tà giáo kia, giúp cho lưới

tham dục, toan nêu ra bên ngoài của sáu tầng trời, còn không dắt được vợ con. Đã vượt ngoài cõi trời tứ không, đâu thể dìu được vợ con. Tuy có hai quả tại gia, buộc nghiệp thông hứa. Nhất sàng cư sĩ tinh vòng khó lẫn lộn. Nhưng phẩm vật sinh tự có duyên gá, đâu cần phải đợi sự tương phối của ta mới con nối dòng. Đối với Thầy ta riêng không nghe đồng nhất hóa sinh, sĩ vô nữ nghiệp, đều che lấp bốn đại, pháp hỷ giúp thân. Đây là điều chung thứ nhất.

Ta nghe sinh tử đến đi đồng như con sâu bò, ẩn hiển trên dưới không khác tuần hoàn. Chỗ chuyển nghiệp người và súc vật làm sao chuyển. Đây là do bọn vệ Cơ Thục Đế, hàng Ngưu Ai, Bá Kỳ. Cáo là mỹ nữ, Ly là thư sinh, khó thể suy nghĩ, đâu dễ rõ ràng. Trì giới không sợ quỷ, rồng, chứa đức không sợ ong trùng. Dọa nạt Bồ câu rơi thân, hổ dữ vượt sông. Ta làm lành thì quả báo được minh châu, người làm ác thì quả báo chịu hơi độc. Suy xét để dứt sinh tử. Đâu cầm thú chỉ hại vật ư? Tuy loài bay hoặc đi hình thể khác nhau nhưng sự tiếc thân mạng đâu có khác. Luân hồi từ vô thỉ, ai chẳng phải là người thân của ta. Suy mình là thí dụ lại nỡ nào! Há có thể giết loài máu thịt có sự sống lấp đầy cơ da vô dụng. Còn như chết mà quy về đất thì vật và ta đều như vậy. Do đó, Huỳnh không ăn Ba Ba, Khổng còn đây giấm. Huống chi ta trắc ẩn lòng nhân từ, ai nỡ ngon miệng nơi thân béo mập tươi ngon. Năm giới tạm khai, nhưng tòng lâm hằng chế, đây là điều chung thứ hai của ta.

Ta nghe khi xưa ao rượu trâu uống, tuy Bách lục số cùng, cũng loạn quốc khởi lên, ba mươi lỗi hẳn có lý do. Chỉ khiến cho thân say rượu, đây có thể nghiệm biết. Đời sau u ám làm sao lại thôi. Còn như tổn (lớp bịt đồng tròn như đầu dùi ở cán mác) của Văn Cử chẳng trống không. Nhắm mắt như Huyền Thạch khó ngộ. Bởi chỉ cuồng khách đam mê rượu, đâu có nói đến Đạo ư? Hễ khiến càng rượu thì lỗi càng nhiều, ít dự yến tiệc thì tội giảm bớt. Nói uống rượu mà không có lỗi thì chưa có. Giới hạnh tinh nghiêm của các bậc Hiền, bởi do đây, dầu không liên quan đến mạng sống của sinh vật cũng không nên đụng đến rượu, đây là điều chung thứ ba của ta.

Ta nghe giới tự cấm tâm, trai giới đều là ý chí, có thể gọi là việc làm đầu tiên để vào đạo, là pháp căn bản để dạy chúng sinh. Nhưng chi phần lập thì thân làm sao biết. Nếu buông lung tham muốn, thì khó được đầy đủ. Do đó hạn chế hai thời, đầy đủ bốn đại. Biết con bọ ngựa theo sau, thấy con chó sói ở trước, lúc nguy ách đến, tình đói khát bèn hoãn. Tự vui đạo thù thắng mà no béo, sao lại than thở thức ăn thiếu thốn mà mỏi mệt. Đế Vương cúng tế tông miếu, Phu Tử thỉnh Bá Dương còn

phải không dùng món ăn mặn trong sạch trai giới. Huống chi ta muốn quên thân để học đạo, đâu còn lưu tâm đến việc ăn ngon ư? Chỗ giải thích của ta, mong ông suy nghĩ mà theo.

Bấy giờ, Công Tử đầu lạy sát chân, toàn thân đổ mồ hôi, hồn bay, mật nát, năm sắc vô chủ, đã như thấy Hổ, lại tợ như gặp Rồng, hoảng sợ như cuồng, không biết đối đáp. Thấy vậy Tiên sinh xoa đầu nói: Ta thương xót muôn loài, vì sao ông lại sợ? Công Tử nghe vậy mới thấy an tâm, khóc lóc nói rằng: Tôi vốn sinh khổ thấp hèn, không nghe tên bậc Đại giác, bẩm tánh lơ là, lại nối gót kiến chấp tà giáo, không gặp được tiên sinh thì sẽ gặp biết bao nhiêu tai họa. Gặp cuối đời mạt pháp tinh nghĩa nhập thần, kính mong bậc Đại giác tha cho lỗi trước, xin được cạo tóc xuất gia, thọ nghiệp với môn đồ của Tiên sinh.

Tiên sinh nói rằng: Ông đã ngộ được điều mê biết trở về điều thiện?

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 5

BÀI TỰA
THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 1)

Hoặc của thế tục đại khái có hai:

Một: Nghi Phật là huyễn ngụy, dắt dẫn tâm người.

Hai: Nghi nhân quả đắm chìm, giữ gìn thân thế.

Phật là bậc Đại giác soi chiếu cùng tột căn cơ, xét rõ nhiều phương của tánh dục, luyện huyền đạo thuốc để trị bệnh. Vì thế, có thể thị hiện kim thân, cao một trượng sáu; ánh sáng chiếu khắp, đuốc tuệ soi suốt, thông khắp cõi Đại thiên mà mở mang giáo hóa. Khiến cho người lãnh thọ chánh đạo, chứng được trần sa. Bên trong hàng phục được sự ràng buộc của mười món kiết sử, bên ngoài trừ sạch sự tệ hại của tám thứ ma. Vì thế, có thể đi trên lửa nước mà không ngại. Nhiếp hết Rồng quỷ mà tinh thần vui vẻ. Ba món minh sáu món thần thông, thấu suốt diệu thuật linh khâm. Bốn thứ biện tài, tám món giải thoát, biến hóa con đường rộng lớn cứu giúp muôn vật. Đạo kia rõ ràng chênh lệch khó trình bày đủ. Còn như Lý Tẩu xưng đạo, vừa mở rộng hai thiên. Danh vị sử thần của nhà Chu, môn học quan lại của nhà Chu. Sinh ở làng Lệ, chết ở làng Quỷ. Trang Sinh có thể làm Thật Lục Tần ẩn dật, thật không phải vọng bàn, mà Sử Thiên khen ngợi nói rằng: Tây độn lưu sa. Hán cảnh kính tin, mới khai mở đạo học Đông hạ. Sau đó tông phái dần dần mở rộng thêm. Cuối cùng trí tuệ ở Thần Châu, bặt trí giữ sự yếu mềm. Hoàn toàn chưa nghe nơi hoàn hải. Người thế tục ngu si tin tô điểm cho sự dối trá, khen ngợi cho là chân thật, bèn soạn kinh Lão Tử Hóa Hồ v.v... So sánh bốn quả, mười địa, kiếp số, luân hồi của Phật pháp. Kết đất làm người, Quán Âm thị lão. Huỳnh Thơ độ mạng, Xích Chương yểm chúc. Đây là nói vội vàng không đáng khen ngợi. Muốn vượt hơn Đức Phật mà nói khoác Tăng Ni, muốn mạnh hơn thế tục mà làm bậc tôn cực. Người hiểu biết cao xa tự dứt sinh thường, kẻ học ít mê mờ đồng chìm đắm. Vả lại,

hai thiên đạo đức, Quyên Tử đã nói, Bá Dương vì y mà truyền, đây là kể lại mà không phải làm ra. Còn như bốn quả trở xuống, hoàn toàn chẳng phải đạo lưu. Đây chính là do môn nhân hậu học mở rộng con đường rộng lớn. Nói liền dẫn loại trở lại lụy ở bổn tông. Vì thế trong bộ Thần Tiên Truyện chép: Không nói Đạo sĩ vọng truyền, Lão Tử đời đời làm Quốc sư, ấy là quá lạm. Cát Hồng có thể gọi là người sinh tri, ngàn năm một lần gặp. Các kẻ ngu hèn xe ngựa đi trước. Kinh Phật không nêu trong Lý Đam, sách đạo Lão phần nhiều có liên quan đến lời dạy bảo của đạo Phật. “Nhân lưu mộ thượng” là lời ngạn ngữ xưa, “Ác cư hạ đồ” là hành sự (việc làm) của thế tục nay. Do đó, tùy có tướng trạng đều nghĩ bàn, là bổn khí của đạo. Không có hình tượng để vẽ, nay thì nghi kim thân Đức Phật. Nêu riêng thiên đàng địa ngục. Liền đúc tượng thực hành năm giới, mười điều lành không hề có dấu vết khác. Cuối cùng, tài dụng kém cỏi không thể tự lập tông khoa.

Trộm kinh cấp nghĩa nương đó mà xưng đạo, còn như Dương Hùng Thái Huyền siêu nhiên cư dị, Bảo Phác nói đạo chẳng ai bằng khai quyền. Ẩn tuệ của Trang ban bố có thể làm danh tác. Nam Hoa gần núi cũng đủ mạng gia. Đâu như nguyên mật của Thượng hoàng, lấy hiệu của Hán Triệt. Sinh giải phẩu ở nách bên trái, dùng nghi so sánh của bậc Năng nhân. Đây là con đường ư? Đủ như ở sau sẽ nói rõ.

Lại thế tục nghi ngờ nghiệp ba đời. Bấy giờ, khinh quả báo trong bốn đường. Người chết ở đây sinh, sinh cũng không biết đến chỗ nào, do đây trầm luân, ra khỏi cảnh vô duyên. Nếu không gồm nêu việc vượt quá mê mờ, cột chặt hiềm nghi thì làm sao tóm lược đó.

Lại tựa rằng: Nếu giải được nghi ngờ kia, còn ở bậc Bác kiến nghĩa cử, truyền văn thầm ghi, tin thì khó nói đơn sơ. Vì thế, bốn tịnh bất hoại, vị đầu tiên nhập lưu. Một nhóm chánh định mới xứng hợp cõi chánh. Còn lại thì ban đầu nhiễm sợi lông nhẹ, tùy gió thổi không thoái chuyển, cây sơn tuy mài không mỏng nhưng đây do bỏ hoặc được chánh, khai căn cơ ngộ đạt. Vững thân an đạo, quyết căn cứ đức của Kê Minh. Từ khi Phật pháp truyền bá đến Chấn Đán, tin hủy xen nhau. Phần nhiều do ức đoạn tâm sư thống quyết, việc ba đời tất nhiên như vậy, bèn cho là ngụ ngôn. Sáu đường hình chiêu ảnh, nói là luống dối. Phàm do luân hồi sinh tử, theo nghiệp mà trở lại. Theo niệm niệm mà trả thân, nên kiếp kiếp truyền thức. Do đó, những vị tài giỏi soạn luận phương sinh. Quế Hạ hác triết, xưng quỷ kia không thần. Có thể gọi là thời gian dài có hết mà bở sinh không cùng. Vũ phụ đã hóa Huỳnh Hùng. Hán Vương biến thành Thương Thái. Bành Sinh đọa làm con

heo, việc này hiển rõ trong việc Trang Công vào Tề Hầu. Nguyên Bá tòng quân danh cao Hán sử. Đây là đồ chúng ư.

Khó đủ thư thân. Bọn vô thức vọng sinh suy thác, liền nói ba hậu do trời là phép tắc cao của sự dẫn dụ, bày cúng quỷ hương là mưu kế của sự hiếu đạo. Đây là mưu mô của con người, vượt hơn hành sự bình thường, hại kinh loạn tục không đáng nói. Như lời bàn lệ thuộc du hồn, nêu bày công việc ở đời trước. Chiêu Mục có tự Tôn Tổ trọng thân. Cẩn thận lúc lâm chung, nhớ cha mẹ xa, do lại đồng ngưỡng, tiễn sương hưng cảm nêu sự rộng lớn, đâu bỏ mất chỗ sinh, chuyên còn các đời. Luận "Hoành Trần Vô Quỹ", thuật "Tự Hứa Có Thân", tập trước đã nói nay lại nói rõ. Cần phải so sánh danh lý, nghiên cứu kinh luận, quyển bộ năm ngàn hoặc xem xét mục lục kinh. Nghĩa thông tám tạng diệu thức tông quy. Nếu hiểu rộng việc này sẽ dứt bặt nghi ngờ. Thầm cho rằng sáu nhân bốn duyên, tùy theo thiện ác mà thành nghiệp. Bốn loài sinh, sáu đường vời lấy quả báo nổi chìm. Đạo này thản nhiên không học thì không rõ. Đâu thể tin ức đoán (đoán chừng) của phàm phu mà bác bỏ lời dạy rõ ràng của bậc Đại thánh ư? Huống chi nêu thuyền nhân từ sáu độ, tâm lớn cứu giúp nơi biển khổ. Chia giai cấp (thứ lớp) bốn để, dẫn dắt núi tà của kẻ tiểu trí. Dùng ba món học vô lậu để gồm nhiếp hai thừa, bốn lần chuyển pháp luân để bẻ dẹp tám nạn. Đại khái như vậy, không có lý do nghi ngờ mà được. Lại dùng chùa tháp cao sang lộng lẫy lãng phí tài của. Tăng đồ cúng thí, lạm dụng nơi phước điền. Rõ ràng quá phạm, thế tục chê bai, nhiễm ô Phật pháp hoặc bị mất đi. Vì thế, hai quan Võ Chu, Ngụy sinh ở U Bộ, hai quân Xích Liên con cháu dòng rợ. Quê hương không phải là chỗ nhân nghĩa, tánh dứt tâm soi xét, chuyên sát hại thật không đáng sợ hãi. Nay nêu chung thời đại xếp theo thứ lớp đó. Ngõ hầu dứt hết những điều nghi ngờ mê lầm mà chứng ngộ, kính ghi lời tựa

Hoằng Minh Tập – đời Lương Mục lục Thiên Biện Hoặc

Mâu Dung biện hoặc

- Luận Vong danh chánh vu.

Luận Tông bính nạn hà thừa thiên bạch hắc.

- Luận Hà thừa thiên đạt tánh luận nhan Diên chi nạn. Thích đạo hằng thích bác.

- Luận Trương dung môn luật chu Ngung nạn Thích huyền quang biện hoặc.

- Luận Lưu Hiệp diệt hoặc.

- Luận Lý Lâm nạn bất hiện Phật hình.

- Luận Tiêu Tử Lương thích nghi hoặc thư.

Quảng Hoằng Minh Tập – đời Lương Tổng mục thiên biện hoặc.

- Đời Ngụy, luận biện đạo của Trần Tư Vương.
- Đời Tấn, luận Thánh hiền cùng phép tắc, Lão Đam không phải là Đại hiền của Tông Thạnh.
- Đời Tấn, Tông Thạnh nêu đạo trở lại hỏi, Lão Tử nghi hỏi.
- Đời Nam Tề, Chẩm Hưu Văn luận đồng bậc Thánh và lời giải nạn, nêu lời giải thích vua quan nghi ngờ.
- Đời Nguyên Ngụy, Thái Võ ban chiếu chỉ bãi bỏ Phật pháp.
- Đời Chu, Cao Tổ nhóm Tăng luận về phế lập.
- Đời Chu, Sa-môn Thích Đạo An nói về hai giáo.
- Đời Chu, luận Tiếu đạo của Chân Loan.
- Đời Chu, Cao Tổ ban chiếu chỉ bỏ hai giáo.
- Đời Chu, Võ Bình Tề nhóm Tăng luận về phế lập.
- Đời Tiền Chu, luận Kháng đế của Sa-môn Nhậm Đạo Lâm.
- Đời Chu, Biểu Thỉnh Hưng Pháp của Sa-môn Vương Minh Quảng.
- Đời Đường, Truyền Dịch dâng lời biểu phé bỏ Phật pháp.
- Đời Đường, Lý Trọng Hương luận mười dị chín mê.
- Đời Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm luận về phá tà.
- Đời Đường, Sa-môn Thích Minh Khái trình bày việc lập Phật pháp.
- Đời Đường, Lý Sư Chánh luận về nội đức.
- Đời Tấn, luận Tài An giải thích nghi và Diêu chủ giải thích nghi.
- Đời Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tịnh luận phá trừ nghi.
- Phần thứ nhất của Thiên Biện hoặc thứ hai trong Quảng Hoằng Minh Tập.
- Luận Biện Đạo - Đời Ngụy, quan Trần Tư Vương tên Tào Thực Tử soạn.
- Luận Thánh hiền đồng phép tắc, Lão Đam không phải Đại thánh. Đời Tấn, Bí Thư Giám tên Tông Thạnh an quốc. Lão Tử nghi ngờ, trở lại hỏi của Tông Thạnh đời Tấn.
- Luận đồng bậc Thánh, đời Tề, Thường Thị Chẩm Ước.

****

Luận Biện Đạo - Đời Ngụy, Tào Thực soạn.

Sách của Thần tiên, lời nói của Đạo gia (đạo Lão) nói rằng: Theo truyền thuyết trên là sao Thàn vĩ, sao Mộc tinh giáng xuống là Đông

phương sóc.

Vương An ở Hoài Nam bị giết ở Hoài Nam mà cho là được đạo khinh cử. Câu bị bắn chết ở Vân Dương mà cho là quan tài trên hư không. Những trường hợp này rất luống dối. Ở Trung Hưng, người dốc chí soạn luận, Hoàn Quân Sơn, soạn sách rất hay. Lưu Tử Tuấn thường hỏi người rằng: Thật có thể đứng trước sự tham muốn mà nhắm mắt bịt tai, có thể không suy tàn ư?

Lúc đó, trong sân có một cây Du đã già, Quân Sơn chỉ nói rằng: Cây này vô tình, ham muốn có thể nhẫn được, không có tai để bịt không có mắt để nhắm, nhưng vẫn khô héo hư mục. Tử Tuấn bèn nói: Nếu không khô héo hư mục thì không bàn.

Cư Sơn vịn vào cây Du để ví dụ là chưa đúng. Vì sao? Vì tôi trước đây làm điển nhạc cho vua, Đại phu nhạc ký rằng: Văn Đế được Ngụy Văn hầu nhạc nhân Đậu Công. Năm một trăm lẻ tám tuổi, hai mắt bị mù. Vua hỏi làm sao mà thi hành.

Đáp: Năm Thần lên mười ba tuổi đã không nhìn thấy ánh sáng. Cha mẹ thương sợ không làm được việc gì bèn dạy cho Thần nghề khảy đàn, thần không thể dẫn dắt không biết thọ được bao nhiêu.

Quân Sơn luận rằng: Đã bị mù từ nhỏ, chuyên nhất bên trong thấy tinh tế, không có sự trợ giúp bên ngoài. Trước là nạn Tử Tuấn do bên trong thấy không có lợi ích. Sau luận Đậu Công cho là không xem xét. Tôi chưa thấy định luận kia.

Quân Sơn lại nói: Phương Sĩ có Đổng Trọng Quân, nhốt trong ngục, giả vờ chết. Vài ngày từ trùng mà ra. Chết rồi lại sống, sau đó chết lại sống, cuối cùng cũng chết. Quân tử hiểu rõ thí dụ kia như thế nào ư?

Chí thần không hơn trời đất, không thể khiến cho loài sâu bọ mùa hạ thì ẩn núp sợ sấm sét, mùa Đông thì xuất hiện. Khi biến thì vật động, khí thay đổi thì sự ứng. Trọng Quân kia có thể ẩn khí kia, chết thân kia, rách da kia, xuất hiện loài trùng kia, không phải là điều quá lạ?

Đời có Phương Sĩ, Ngô Vương đều mời đến. Cam Lăng có Cam Thỉ. Lưu Giang có Tả Từ. Dương Thành có Huy Kiêm. Ban đầu có thể hành khí dẫn dắt. Thuật của Từ Hiểu Phòng Trung, Kiệm Thiện quần cốc, đều nói là ba trăm tuổi chết. Do đó, tập trung ở nước Ngụy, thật sợ cho đồ đệ của người này. Tiếp nhận kẻ gian, dối trá coi thường mọi người làm việc yêu ma để mê hoặc người. Vì thế tụ tập lại để cấm.

Cam Thỉ già nhưng dung sắc còn trẻ. Từ thuật sĩ khác đều quy đến. Song lời nói của Thỉ rất nhiều mà ít thật, lại có những lời quái lạ.

Nếu gặp Tần Thỉ Hoàng, Hán Võ Đế thì lại thong thả, thị biến học trò lớn. Vua Kiệt, vua Trụ khác đời mà đều ác. Người gian khác đời mà cùng dối trá.

Lại ở đời luống dối có thuyết vị Tiên. Tiên nhân ấy là thuộc loài vượn, cùng người đời đắc đạo, hóa thành vị Tiên? Con chim Sẻ xuống biển thành con Sò. Con chim Trĩ xuống biển thành con Sò. Kia đang bồi hồi, cánh kia nhầm ao. Cánh kia còn tự biết. Bỗng nhiên rơi xuống, thần hóa thân biến, lại cùng đàn với loài Ba ba. Há lại tự biết bay lượn nơi rừng rậm, bờ thành cho là vui ư? Nhìn lại thấy Thất phu chán nãn nạp lời luống dối tin lời huyễn hoặc. Trọng lễ để kêu gọi Thần, kính việc sinh sản để cung cấp hư cầu. Buông bỏ ngôi vua để vẻ vàng, tìm chỗ nhàn rỗi để ở. Trải qua nhiều năm không có công hiệu gì. Hoặc chôn vùi dưới gò đất, hoặc chết ở Ngũ Tạc. Đến lúc giết thân kia, diệt dòng tộc kia, rõ ràng đủ làm trò cười cho thiên hạ. Song tuổi thọ dài ngắn, thân thể mạnh yếu, đều tùy mỗi người. Khéo dưỡng thì sống trọn đời, nhọc nhằn lo âu thì nửa đời người, hư dụng ấy thì chết yểu. Kia gọi như thế ư?

Thực tự là Tử Đạt, là con thứ tư của Võ Đế đời Ngụy. Lúc đầu phong chức Đông Á Quận Vương, sau làm chức Trần Tử Vương. Thuở nhỏ ngậm ngọc Khuê, mười tuổi có thể thuộc văn, hạ bút liền thành. Lúc đầu không có chỗ sửa đổi được, thuật nghệ của thế gian đều khéo léo. Thuần ở Hàm Đan (Hàm Đan Thuần) thấy vậy lấy làm lạ, kính phục gọi là Thiên nhân.

Mỗi khi Thực đọc kinh Phật thì quyến luyến khen ngợi cho là tông cùng tột của Chí đạo. Bèn chế chuyển tụng bảy âm thanh có âm hưởng thăng trầm khúc chiết. Vì thế, đời gọi là phúng tụng, hoặc gọi là Hiến Chương. Thường dạo chơi ở Ngư Sơn, nghe trên hư không Phạm Thiên khen ngợi, sinh tâm kính mến mà truyền đời sau. Đủ thấy trong bộ "Pháp Uyển Tập" song gồm nhiếp nguồn đạo, nghiên cứu Tiên lục, rất là dối trà, vì thế soạn luận để nói rõ.

****

- Luận Thánh hiền đồng phép tắc, Lão Đam không phải là đại hiền, đời Tấn, Tông Thạnh soạn.

Được an nhàn trong chốc lát, lại trình bày chỗ vịnh. Tôn kính sự nhiệm mầu của bậc tiên triết, xét linh thuật của bậc đại hiền. Xem rõ phong lưu, nghiên cứu hành chỉ. Phân biệt cao thấp gần như lờ mờ. Đại Thánh nương thời nên thành tích ở sở nhân. Đại Hiền kém hơn nên cùng Đại Thánh phương tiện có thay đổi sở nhân không đồng. Vì thế, có

nhường nhịn và đấu tranh thành tích trái nhau. Kém hơn nói là á. Vì thế phép tắc hành tạng chẳng khác. Cũng có Rồng Hổ theo phong vân, hình tướng hợp ảnh hưởng, lý vốn tự nhên không phải kêu gọi đến. Đây cho nên ngôi sao ky đồng như điềm báo. Điềm lành nơi mép con Hổ con Tê giác, Nhan khổng đều suy đồi. Ung dung nơi khuông trần. Đời Đường, Nghiêu là vua, Tắc Khiết mong sự giáo hóa kia. Cách mạng của vua Thang vua Võ, Y Lữ khen công lao. Do đây mà nói, dùng luận xả ảnh hưởng, chỉ có ta bàn luận với ông, há không tin ư? Vì sao? Đại Thánh hầu như quán (nhìn) tượng biết khí. Quán tượng biết khí dự trước lành dữ. Đây là vận hình đồng ngự trị nhân ứng, đối tiếp các phương cuối cùng bảo vệ nguyên kiết, thông suốt vướng mắc chỉ là một.

Nhưng kính trọng Thánh ưa đổi, có tiếp đãi thì hưởng thụ. Khâm minh mà không thể minh, vui vắng lặng mà không thể vắng lặng. Do đây có hơn kém mà thôi. Đến bậc Hiền thứ ba, cách xa bậc Thánh. Vì thế đạo minh thể chưa hết, tự nhiên vận dụng, tự không được đồng nhiệm mầu. Nhưng trông mong còn thắng, cao tưởng liền đủ. Kính mến thuần phong, chuyên vịnh chí hư. Vì thế, có người ở một mình nơi rừng núi hiểm trở, hoặc nói và thực hành chống cự dây cương ngựa như bọn người của Lão Bành. Cũng chẳng phải cố nhiên lý tự nhiên. Hễ thân xao động thì ưa tịnh tính nhu thì thích cương. Quấy nhiễu chỗ thường tập, tham chỗ ít nghe, đây là lẽ thường của thế tục. Đây là do thấy từ của riêng chống cự, lại không tìm sự ưa thích nhân ứng, thấy luận giả dối, lại không ngộ được lỗi quá thẳng. Xét việc làm của Lão Tử giống với Thánh giáo. Thí dụ này là thay thế ngón chân cái của con Ngựa biên, có nguy có Thánh giáo. Là xa cứu đời, trái minh đạo hoặc mê muội nghĩa. Sáu kinh sao thường thiếu lời dạy hư tịnh, lời dạy nhún nhường lặng lẽ.

Khổng Tử nói: Thuật mà không làm, tin mà ưa thích. So sánh ta với Lão Đam, nghiên cứu ý chỉ xa. Thì đạo của Lão Bành dùng lồng đậy kín trong Thánh giáo mà thôi. Vả lại, chỉ nói hai sự mà thôi không phải là lời nói thật, làm sao rõ được. Bậc Thánh thanh tịnh sao lại không thích ư? Lại ba Hoàng, năm Đế về sau không ở đâu chẳng chế tác. Vì thế cho nên dịch tượng kinh phần, rõ ràng xán lạn, cột nhà, áo quần cùng thời khởi lên, đâu ở nơi thuật mà không làm ư? Vì thế kinh Dịch nói: Bậc Thánh làm mà muôn việc thấy đây là chứng cớ. Bởi chỉ nói đức của Lão Bành, dường như giống nơi chốn của hình thuật mà thôi. Cũng giống như che giấu oán mà trái với người kia. Tả Khưu hổ thẹn thì Khưu cũng hổ thẹn. Há đối với lời nói của ta chẳng có chỗ nào không

nói cùng tột của tướng thể. Vả lại, Nhan Hồi, Khổng Tử không dùng dưỡng làm sự mà Lão, Bành thì dưỡng. Khổng Tử, Nhan Hồi giống như người đây mà Lão, Bành thì khác. Những người này không đâu chẳng phải là dấu vết của Á Thánh. Mà sách kia thường thường mâu thuẫn, nêu sơ như ở dưới. Đại Nhã làm quan may mắn dứt bỏ được điều tệ kia. Lại không đạt được ý chỉ khinh cử của Lão Đam, muốn truyền bá dẫn dắt Nhung Địch, dẫn dắt phong tục khác ư?

Nếu muốn truyền bá dẫn dắt loài khác (phong tục khác) thì mặc áo trái không phải là chỗ huyền hóa, dạo một mình không phải là cử động gia độn. Các họ Hạ, Lăng, Trì mở rộng lời dạy của Tổ Tiên. Giáo pháp của bậc Thánh từ gần đến xa chưa có cách lừa dối tránh hiểm nạn như đây. Nếu sợ tai họa mà tránh đất, thì bậc Thánh có thể ẩn thương triều. Lỗ Bang không có. Nếu được đạo kia thì Du Nhậm có dư. Chạm đất Nguyên kiết đâu tránh tâm trời. Đối với các dân tộc thiểu số như Nhung. Mạch không thể như vậy, không nhiều ẩn nơi triều nhưng đồ đệ của thần tiên ư?

Xưa, Bùi Dật có soạn hai luận: Kính có trọng không. Lúc bấy giờ, người bàn luận hoặc cho là không thông suốt đạo hư thắng; hoặc cho là giả bộ, thời lưu đơn giả. Tôi cho là tôn thượng cái không đã mất, trọng cái có cũng chưa được. Đạo vì vật chỉ hoảng hốt. Nhân ứng vô phương, chỉ thay đổi chỗ thích hợp. Gặp lúc lóng trong thì tư khiết rủ xuống, gặp hóa vạn động thì hình thể bộc phát. Đây là so soi suốt tuy giống nhưng giáo pháp có, không trình bày khác. Thánh giáo tuy một mà tên gọi có khác. Từ đời Đường, Ngu không mong ràng buộc. Vua Thang, vua Võ không định nhường nhau, đâu có khác ư? Chính vì thời vận. Nhưng Bá Dương do chấp đạo xưa để ngăn có ngày nay. Họ Dật muốn chấp có ngày nay để dứt phong tục xưa. Ta lấy hai chữ kia, do không rõ mất đạo viên hóa, thương xót cho một phương kia mà thôi.

Luận Lão Tử nghi hỏi lại Tôn Thạnh, đời Tấn.

Kinh Đạo Lão nói: “Nên thường vô dục để quán diệu kia”, “nên thường hữu dục để quán sát điều kia”. Hai câu này đồng nêu ra nhưng tên thì khác, cùng gọi là huyền. Huyền lại có huyền các môn diệu kia.

Xưa nói và Vương Bật giải, Diệu là thỉ; kiểu là chung. Phàm quán thỉ yếu chung, thấy diệu biết chấp, là gương của người thông suốt. Đã dùng dục lóng thần sáng diệu thỉ kia, thì từ đây cần phải giữ gìn, đâu cần phải có dục để được chung kia ư? Có dục đều xuất ra diệu môn, đồng gọi là huyền. Nếu như vậy thì trước tại sao riêng quý vô dục?

Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp của cái xấu, đều biết thiện là thiện

của điều ác.

Tôn Thạnh cho là: Tên gọi thiện ác, sinh từ sự thật đẹp xấu. Đạo đức thuần tốt thì có danh tốt, ngu dốt không nghe không thấy thì có tiếng xấu. Vì thế kinh Dịch nói rằng: Điều xấu không chứa nhóm không đủ để diệt thân.

Lạc nói: Điều tốt ở trong đó, thông suốt tứ chi mà phát sinh nơi sự nghiệp.

Lại nói: Tốt đẹp hết vẫn chưa hết điều tốt.

Song rất tốt rất thiện, thiên hạ đều biết, đâu được nói rằng đây ác ư? Nếu hư mỹ chẳng phải mỹ thì thiện cũng chẳng phải thiện. Được mỹ quá mỹ được thiện trái thiện. Nếu đây đều là chỗ bệnh của thế giáo thì Thánh vương răn dè thiên hạ cũng tự biết. Đây là lời bàn.

Không tôn trọng người hiền, khiến cho người dân không đấu tranh, không quý hóa khó được khiến người không trộm cắp. Thường khiến cho người dân không biết thì không ham muốn, người biết thì không làm.

Lại nói: Người tuyệt học không lo, Duy và A cách nhau bao xa? Thiện và ác cách nhau thế nào?

Chương sau nói rằng: Người thiện, người không thiện là thầy. Người không thiện, người thiện là trò. Không quý thầy kia, không thương trò kia. Tuy trí quá mê, Tôn Thạnh cho là do dân không ham muốn, cũng tại sao sơ sư đối với sư? Thầy và trò không học, vì sao không thiện cái thiện của Thầy vì sao không tôn trọng hiền. Tôn trọng, thương mến đã còn thì thiện ác chẳng được không chương. Không cách nhau vì sao gọi đó.

Lại chương sau nói: Giáo pháp của người ta cũng đem dạy cho người. Ta nói rất dễ biết mà thiên hạ đều có thể biết.

Lại nói: Ta sẽ cho là cha dạy vốn ở lời này, chưa là tuyệt học. Cái gọi là tuyệt ấy là sự học của Nghiêu, Khổng ư? Sự học của Nghiêu và Khổng Tử tùy thời lập giáo. Lời nói của Lão Tử một kia chỗ tôn trọng tùy thời lập giáo, do đó đạo thông trăm đời. Một kia đã tôn trọng, chẳng được không dính mắc nơi thích biến. Đây lại là ám tệ, chỗ chưa thể thông.

Nói rỗng không mà dụng lại không đầy đủ. Hòa quang kia, đồng trần kia. Tôn Thạnh cho là Lão Đam có thể gọi là tri đạo, không phải là thể đạo. Xưa Đào Đường tới thiên hạ. Không có ngày hiểu ư? Tắc duy chiêu nhập chúng sư tích thất phu, cho nên thầm trao thiền, há chẳng phải rỗng không mà dùng ánh sáng đồng trần kia ư? Bá Dương

thì không phải như vậy. Đã ở vị trược lại xa lánh Tây Nhung (các giống Rợ ở phương Tây). Hành chỉ thì điên cuồng dấu vết kia. Viết sách thì dối trá lời nói kia. Hòa ánh sáng với cát bụi đồng trần vốn như vậy ư? Tôi vốn cho là biết đạo, thể đạo thì chưa.

Kinh Đạo Lão nói: Ba là không thể gạn hỏi. Hồn nhiên là một. Thằng thằng hề không thể gọi. Lại trở về chỗ vô vật. Tượng vô vật gọi là hoảng hốt.

Chương sau nói: Đạo ấy là vật. Chỉ có hoảng và hốt. Hoảng ư! Hốt ư! Trong đó có tượng. Hoảng ư! Hốt ư! Trong đó có vật. Hai chương này hoặc nói không vật, hoặc nói có vật. Trước có chỗ không thích nghi.

Chấp đạo xưa để ngăn có ngày nay. Chương sau nói chấp tay là thất, làm đó là bại, lại nói rằng: Chấp đạo xưa để ngăn có ngày nay; hoặc chấp hoặc không, được không rơi vào luận mâu thuẫn?

Tuyệt Thánh, bỏ tri, lợi dân gấp trăm lần.

Tôn Thạnh nói rằng: Nếu có nhân tránh ắt có đức nhân Thánh, thành tích này mà không tôn sùng thì Đào Huấn làm sao dung. Nhân nghĩa không tôn trọng thì đạo hiếu từ táng mất. Lão Tử nói là dứt Thánh, mà mỗi chương liền xưng bậc Thánh. Đã xưng bậc Thánh thì dấu vết thành tích đâu được dứt. Nếu muốn dứt thì dứt dấu vết của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng. Vậy thì chỗ xưng tánh ấy, là dấu vết của bậc Thánh nào ư? Như lời nói kia thì bậc Thánh có nên diệt dấu vết kia, có nên xưng dấu vết kia chăng? Xưng và diệt khác nhau, ta theo ai?

Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại hiếu từ.

Nếu bàn như vậy, Nhân nghĩa không dứt thì không hiếu không từ.

Lại nói: Ở thiện địa cùng thiện nhân, không xem xét cùng nhân của thiện nhân, đây là ở trước chỗ nói là muốn dứt ấy là sai ư? Như thế là đúng, như thế thì không nên gọi là thuật, như kia là sai. Thì chưa rõ nghĩa của hai nhân. Một nhân nếu bặt một nhân nói lên. Đây lại là chỗ chưa đạt. Nếu cho rằng Thánh không Thánh, bậc không bậc thì giáo pháp đã trách phạt không nên tuyên bố.

Đến như Trang Chu nói rằng: Bậc Thánh không giết, không trộm, không chỉ.

Lại nói: Điền Thường trộm nhân nghĩa để Tề quốc, trời đất hun đúc thiện ác gồm nuôi dưỡng, đều bẩm thọ lý tự nhiên không quan hệ nhau. Chim Ái, chim Châm phun chất độc không nhờ học nơi chim Loan chim Phụng. Chó sói, Hổ hại người không mượn thuật ở Kỳ lân. Đây đều là thân chất tự nhiên, không cần cật bên ngoài. Tại sao riêng kẻ

hung ác phải nhờ lòng nhân nghĩa để giúp kẻ gian kia ư? Như Xương Đốn giết cha. Trịnh Bá cướp, há lại trước nhờ hiếu đạo hại được kia ư? Mà Trang Lý phê phán sát căn, hủy bỏ chánh huấn, sao khác với giặc trộm mà hun đúc vũ khí, thấy thức ăn bị nghẹn mà bỏ ngũ cốc ngon ư?

Người sau bàn đó, tuy sai lệch nghĩa kia, phân biệt giải thích, đâu không gian truân đối sát thánh, khốn khổ đối với vong thân.

Người biết ta ít thì ta quý.

Chương trước nói rằng: Bậc Thánh ở thiên hạ. Trăm họ đều chú ý tai mắt kia. Thầy và tư cách, quý trọng và thương mến phải nêu bày muôn vật. Như vậy thì người biết đâu được ít ư? Người biết ít thì cần gì phải quý trọng ư? Tức thân của mình thấy quý, cửu phục nào được. Trái sự thật kháng cự nói rằng: Quý trọng, do biết ít ư? Đây là vì muốn đè nén hành động, giữ gìn phong tục, nên phát lời nói này mà thôi. Thánh giáo thì không như vậy, trung hòa lời kia dùng lý dạy dỗ dẫn dắt, vì thế nói rằng ở nhà sẽ nghe, ở nước sẽ nghe, nghe đây sẽ phải hiểu. Chẳng thấy thiện mà không buồn bực. Ẩn đức của Rồng, người chẳng biết mà không ấm ức, Đạo của quân tử, các điều tốt phải xét lại, các điều xấu phải xét lại. Đã không do biết nhiều mà hiển, cũng không do biết ít mà quí. Dạy bảo dẫn dắt có đủ trong lý tự nhiên. Sao đồng ngày với lời nói của Lão Đam, mà nói là hơn kém kia ư?

Lễ ấy: là sự non kém của lòng trung tín nhưng là đầu tiên của loạn. Tiền thức là hoa của đạo nhưng khởi đầu của sự ngu si. Đây là do đại trượng phu ở chỗ sâu sắc, không ở chỗ kém cỏi kia. Ở chỗ thật, không ở chỗ xa hoa.

Tông Thạnh nói rằng: Lão Đam biết đủ lệ nhạc của bậc Thánh, chẳng phải dụng cụ huyền thắng. Không được tự mình chế tác, vì sao bỏ đó ư? Cho nên trừ bỏ lễ học để hoàn toàn tín nhiệm kia. Luận tự nhiên, há không biết Thục mạt, không còn được phản đạo tự nhiên. Thẳng muốn nêu hoài bão của mình, nhưng không khỏi tình cảm đối với chỗ vui, chẳng phải là chú tâm cứu vật. Chẳng những không cứu mà chính là khuyến khích tệ kia. Có người nói: Sở dĩ Trang Lão cố nói ra lời này bởi cùng với Thánh giáo làm trong ngoài đối với đào vật minh huấn, kia quy về một.

Tôn Thạnh cho rằng: Không đúng, đạo của bậc Thánh rộng lớn đầy đủ. Dụ như mặt trời mặt trăng treo trên trời, có vật gì mà chẳng chiếu ư? Lời nói của Lão Tử đều lẫn lộn trong sáu kinh. Đâu đợi có chỗ sai lầm, giúp đỡ Đam, Chu ư? Tức Trang Chu cho rằng: Mặt trời mặt trăng phát ra ánh sáng ra mà đuốc lửa không dứt ở đây. Còn như lời nói

dối trá, lừa lọc, kinh lạ còn dính mắc nơi một phương mà hành xưng không phải là ỷ từ của kinh.

Vương Hầu được một cho là thiên hạ trinh. Trinh là chánh.

Chương sau nói rằng: Ai biết chỗ cùng tột kia, chỗ không chánh kia. Đã nói rằng: Người thiện không thiện là thầy của người, mà lại nói rằng yêu quái.

Thiện của thiên hạ là một. Chánh đạo của thiên hạ là một. Mà nói chánh lại là nương vào đây mà phản kẻ quê mùa dốt nát chỗ thấy chưa thể thông suốt.

Thạnh tự là An Quốc. Đời Tấn, làm quan đến chức Cấp Sự Trung Bí Thư Giám. Lúc nhỏ, dạo đến phần sách, dùng sử sách làm hoài bảo. Vì thế nói rằng: Thánh hiền cao xa được các ngôn biểu. Mà nhân ái tự ngã đào nhiễm thứ vật. Công phu dần dần thấm vào, đâu hơn kinh sử. Soạn bộ Tống Dương Xuân Thu ba mươi quyển, bình phẩm về bậc Trunghiền của Lão Tử. Vì thế, biết là do Doãn thuật sách, chính là tổ truyền thừa có y cứ.

Kê Tử nói rằng: Lão Tử theo Quyên Tử học thuật Cửu Tiên, nghiên cứu dẫn dắt, lời nói này có y cứ với bậc Thánh, nên chẳng nói là học. Nên nói rằng: Người sinh tri là Thượng, người học tri là thứ, vua đâu có ngôi vị rộng lớn. Vì thế Ban, Cố thứ lớp lệ như cửu đẳng. Khổng, Khưu đồng là Thượng thượng; đều là loại Thánh. Lý Đam đồng là Trung thượng; đều là loại hiền. Thánh có Chí thánh và Á thánh. Hiền có Đại hiền và Trung hiền. Đều do thần cơ có lợi độn, nên trí dụng có tiệm có đốn.

Tôn Thạnh nêu Lão Tử không phải là bậc Đại hiền, thủ sự an nhàn không thể gồm cứu giúp thiên hạ. Ngồi xem Chu suy kém ở Tây Duệ. Đi đến Tần Nhượng, chết ở Phù Phong, an táng ở làng Hòe. Chẳng tin là tiên lánh ở trên trời ư?

****

Luận Đồng bậc thánh. Đời Tề, Thẩm Ước soạn.

Từ thiên địa quyền dư, dân sinh bắt đầu. Vì sao tinh vi cao xa không được nói? Không được nói, vì có tượng để nói. Còn như khoảng hư không rộng lớn của Thái hư, mênh mông từ vô thỉ, há chỉ nói tượng không dòm ngó ư? Bởi tâm lự sự bặt, đến trời đất nhỏ bé trong nhà kia. Biển lớn trong lỗ chân lông, ở đây chẳng cần thí dụ nhưng từ khi có trời đất đến nay, dụ như một niệm. Chỗ lâu xa của ta không quá Hiên Hi, mà trời đất ở trong Thái hư kia cũng như Hiên Hi ở trong trời đất, chỉ cho Hách Tư là xa, sao vụn vặt kia hạn cuộc trong một niệm ư, thế gian có

Phật không biết bắt đầu vào lúc nào. Trước Phật sau Phật, đạo kia chẳng khác. Pháp thân vắng lặng đều do cảm ứng. Cảm đã vời thì vượt quá cõi Đại thiên chỉ trong gang tấc. Duyên nếu chưa ứng tuy theo sát gót chân cũng không thấy. Phía Nam cõi Ta-bà gọi là Diêm-phù. Thông Lãnh ở Tây, kinh đồ gần sát. Duyên vận chưa khai, tự cho lý cách, do đâu mà nói. Nhà Hạ, nhà Ân về trước thư truyện còn ít. Nhà Chu thọ mạng kinh điển còn đủ. Tượng nương Địch tùy phương thọ chức. Trùng dịch nhập cống tổng quát chỗ quan trọng, mà tám giống Mán ở phương Nam, năm giống Địch ở phương Bắc đâu không ngu si. Văn tự không biết, huấn nghĩa không thông. Hoặc dâng nạp Vương Phủ, đăng lạc Thanh Triều. Tây quốc gần sát, quyết lộ không xa, tuy diệp thư hành tự, Hoa, Phạm khác nhau. Nghĩa sâu xa, lý nhiệm mầu do đâu có ra. Đường, Ngu ba đời chưa có khi nào không dung. Sự riêng giới hạn ở phương Tây, đạo chưa truyền sang phương Đông. Há chẳng phải khư khư cho rằng Trung Quốc duyên ứng chưa khởi. Cầu hội quy kia, nghiên cứu chỉ yếu kia há đồng ngày với Tây Di mà nói ư? Chẳng phải là Cơ Công để lại, bởi do pháp này nên ẩn lấp. Đời Viêm Hạo chưa có lửa, chưa có gạo, ăn thịt cả da. Việc của Nhân trắc khơi dậy hoài bão. Không thịt không da, khi qua đời chết đứng. Tuy bậc Đại thánh ân cần suy nghĩ cứu giúp cho khỏi, nhưng thân mạng này giúp lý khó đốn đoạt. Thật nên dẫn dắt để dần dần khai mở nguồn kia. Vì thế đốt đuốc hóa lửa, biến thịt sống thành thịt chín. Sống chín đã biến, bởi mầm móng tốt của Phật giáo. Vì sao? Vì biến thịt sống thành chín, việc kia dần dần khó, chứa điều dần dần khó này có thể thành. Đến thần nông rủ xuống kéo lên, ngũ cốc bắt đầu gieo, dân dùng gạo ăn. Bụng đói trống không, chẳng có thịt để no, thì toàn mạng giảm bớt giết hại, đối với sự càng nhiều. Từ đây về sau lòng thương xót bảo hộ ngày càng rộng, đi săn mùa xuân khỏi bào thai kia, mầm móng mùa hạ thủ hại cốc kia. Lễ đi săn mùa thu, lệ đi săn mùa đông đã hại thật nhiều. Nạn mau qua, đầy đủ thuyết trước, tông điều của hai vị thánh Chu và Khổng tương đối rộng. Thấy kia sống không nỡ giết. Nghe tiếng kêu không nỡ ăn thịt. Cây cỏ chặt đốn có lúc. Trứng không được vọng phạm. Đánh cá không được hết ao, làm ruộng không được thả lửa đốt đồng. Câu cá không dùng lưới, dao, nỏ đánh bắt ban đêm. Ăn thịt, mặc áo tơ tằm đều phải người già. Trâu, dê, chó, heo vô cớ không được giết. Đây là giới có năm điều. Lại khai một kia. Còn say sưa trong rượu, dâm mê nơi sắc, dối trá với người, buông lung tự mình, những điều này ngoại điển cũng cấm không đợi gì giáo pháp của Đạo Phật. Bốn ấy là phạm người. Con người đứng đầu trong hàm linh. Một

là hại loài thú. Thú là cuối cùng của sinh phẩm. Thượng thánh khai tông phải có thứ lớp. Cũng do giới của Đức Phật giết người là nghiệp nặng nhất. Nội thánh, ngoại thánh nghĩa đồng lý nhất. Nhưng bọn mờ lý không biết ngoại giáo, cho rằng nấu dê, làm heo lý vốn tự nhiên. Hoặc nói: Như trong sách của đạo Phật đều có nghiệp của duyên báo, vậy thì Võ, Thang, Văn, Võ đều bị cắt mổ. Chu Công, Khổng Tử đều bị vào vạc dầu sôi. Đây vì sao nói về kiến đạo, dốc chí như thế ư? Thử nghiên cứu chứng cớ này, có thể có chỗ ngộ.

Luận rằng: Phật trước, Phật sau đạo kia chẳng khác, nhà Chu thọ mạng, tượng nương Địch đề tùy nơi thọ chức. Tây Quốc gần gũi, quyết lộ không xa. Đường Ngu ba đời chưa có không dung. Sự riêng giới hạn phương Tây, đạo chưa truyền đến phương Đông. Chẳng phải Cơ Công để lại. Bởi đạo này nên đổi. Đốt đuốc hóa lửa biến sống thành chín. Bởi mầm móng tốt của Phật giáo.

Tông điều của hai vị Thánh Chu và Khổng tương đối nhiều. Thấy kia sống không nỡ giết, nghe tiếng kêu không nỡ ăn thịt. Cây cỏ chặt đốt có lúc. Trứng không được vọng phạm. Lại giới có năm điều. Bốn là phạm người. Người đứng đầu trong hàm linh. Một là hại thú, thú là cuối cùng trong sinh phẩm. Nội Thánh ngoại Thánh nghĩa đồng một lý.

Hỏi rằng: Khảo xét kinh Phật thì một Đức Phật xuất hiện trải qua nhiều kiếp, chưa xét kỹ Phật trước Phật sau cách nhau bao nhiêu. Hiện đời Đức Thích-ca gần với Trang Vương. Đường, Ngu, Hạ, Ân chưa hẳn đã có. Chu Công không nói, sợ do chưa ra đời, không liên quan đến việc nên ẩn. Dục vương xây tháp, bắt đầu đời kính vương. Diêm-phù có bốn thì Đông quốc không cho đều ít. Phu tử tự dùng Hoa lễ khởi giáo đâu phải nói pháp của mọi rợ. Vì thế than rằng: Nước mất lễ, cầu ở bốn dòng mọi rợ, cũng bởi do ý riêng. Vả lại, nhạc của bốn dòng mọi rợ, xuất xứ từ địa phương của Yêu Hoang, nương bốn dòng mọi rợ. Cũng gần sát ranh giới của Nguy Vũ. Dấu vết của vua Võ đã đến không bì kịp với nguồn sông. Việt thường bạch trĩ thượng xưng trùng dịch. Thì Thiên Trúc, Kế Tân đã lâu đâu có khác với Thượng quốc. Nhà Chu về sau hoặc có nghe. Vì thế Trâu Tử cho là Xích Huyện trong vũ trụ, là một trong chín châu mà thôi. Ban đầu Trường An có chùa nhưng kinh tượng mờ mịt. Trương Khiên tướng mạng Đại Hạ; Cam Anh xa khuất phục An Tức. Còn không thể tuyên tịch phong giáo mở mang pháp này, quyết kia phát điểm vua nằm mộng, bèn dần dần hưng điển. Đây thì dường như thời đến có, thông có ngại, chẳng liên quan đến vận mệnh có khởi có phục. Như phải do duyên ứng có hội, thì chúng sinh thật thà khi

xưa sao lại có tội, chúng sinh khe khắt ngày nay sao lại được may mắn. Dù cho pháp kia vốn là để cứu giúp, tội không hơn nơi giết hại. Khi ăn thịt, ai giết ư? Mà lửa ở các phương khởi dậy chánh giáo. Đối lòng đại bi, thần lực không bị trở ngại. Nếu lương thực, lúa mạ chưa gieo trồng thì việc giết hại khó dứt, chẳng biết chư Phật quá khứ dùng pháp gì để giáo hóa, mầm móng của pháp này khởi vào thời Đức Phật nào. Gồm bốn giới phạm người, là quả báo nhẹ. Một giết hại loài thú thọ đối càng nặng. Đầu nhẹ sau nạng cũng chưa rõ suốt. Nếu lập đạo của con người nói là nhân và nghĩa. Châu, Khổng nói rằng: “Nghe tiếng kêu không ăn, đốc chặt có lúc.” Đây là bởi muốn làm sáng tỏ đạo nhân nghĩa. Đối với chim thú, cây cỏ còn nói như vậy, huống chi đối với người mà bạo ngược được. Chẳng phải cho là bên trong cẩn thận, ý ở duyên báo. Thấy tích hoặc tợ, luận tình đốn trái. Không xét kỹ hai vị Thánh nội và ngoại, việc kia có thể cho là bằng nhau hay không. Trong đây tham khảo khó dùng để đốn ngộ. Cẩn thận đề phòng bàn bạc. Xin khai mở dụ ở các tế. Bắt bẻ rằng: Hiện Đức Thích-ca xuất hiện ở đời gần với Trang Vương, Đường, Ngu, Hạ, Ân chưa hẳn đã có. Chu Công không nói sợ vì chưa xuất hiện ra đời, không liên quan đến việc nêu ẩn. Dục Vương xây tháp, đầu đời Kỉnh Vương Diêm-phù có bốn, thì Đông quốc chẳng cho đều là không.

Đáp rằng: Đức Thích-ca xuất hiện ở đời, năm tháng chẳng thể biết được. Kinh Phật đã không có nên lịch ghi chú, pháp này lại chưa truyền đến phương Đông, làm sao biết được thời của Chu, Trang. Chẳng qua do sách Xuân Thu nói tháng tư ngày Tân mão năm thứ bảy Lỗ, Trang sinh ra đời, hành tinh không thấy làm y cứ. Ba niên đại đã không giống nhau, không rõ nước ngoài dùng lịch pháp gì, do đâu mà biết Lỗ, Trang sinh vào tháng tư, đây là tháng tư của nước ngoài ư? Nếu ngoại quốc dùng lịch nhà Chu làm chánh thì tháng 4 ngày Tân mão suy ra là ngày mồng 5 không phải là ngày mồng 8. Nếu dùng lịch nhà Ân làm chánh thì tháng 4 của nhà Chu là tháng 3 của nhà Ân. Dùng lịch của nhà Hạ làm chánh thì tháng 4 nhà Chu là tháng 2 nhà Hạ đều không giống mồng 8 tháng 4 của đạo Phật. Nếu lấy thàng 4 của nhà Lỗ làm chứng cớ thì ngày tháng không đều chẳng thể nhất định. Nếu không lấy đây làm chứng thì tháng không có chứng cớ để nghiên cứu. Vả lại, Đức Thích-ca khi mới đản sinh, trên hư không sáng rực chẳng phải là tinh tú không hiện. Điềm lành xã hội, lại có mặt trời, mặt trăng, ngôi sao dừng lại không vận hành. Lại nói: Khi sao mai xuất hiện, Ngài bước xuống đất đi bảy bước. Ban đầu nói không có ngôi sao không hiện ý hằng trái

với sách Xuân Thu nói hành tinh không hiện.

Vua Dục Vương xây tháp là đời Kỉnh Vương. Cõi Diêm-phù có bốn, đạo này đã truyền bá đến phương Đông. Từ Kỉnh Vương về trước đối với sáu nước, ghi chú rất nhiều không có đại khái. Dục Vương xây tháp chẳng phải là thời Kỉnh Vương, lại rất rõ ràng. Tình Công Đán đâu được chưa có (Đông quốc đâu được chưa có).

Bắt bẻ rằng: Phu Tử tự dùng hoa lễ lập giáo, vì sao nói pháp của dòng mọi rợ, vì thế than rằng: Trung Quốc mất lễ, cầu của bốn dòng mọi rợ, cũng có ý riêng.

Đáp: Mở mang giáo pháp theo thứ lớp, luận trước đã rõ. Ở đây không bàn lại.

Bắt bẻ rằng: Nhạc của bốn dòng mọi rợ chép ra từ địa phương của Yêu Hoang, nương các giống mọi rợ, cũng gần sát sinh giới của Nguy Vũ. Dấu vết của vua Vũ đã đến không kịp nguồn sông. Việt thường bạch trỉ còn gọi trùng dịch, thì Thiên Trúc, Kế Tân từ lâu cùng Thượng quốc đâu có dứt. Nhà Chu về sau hoặc có nghe. Vì thế Trâu Tử cho là Xích Huyện ở trong vũ trụ, chỉ là một trong chín Châu mà thôi.

Ban đầu Trường An có chùa nhưng kinh tượng mờ mịt. Trương Khiên tuy tướng mạng Đại Hạ. Cam Anh xa khuất phục An Tức, còn không thể tuyên dịch phong giáo, quyết báo mộng cho vua, bèn gọi là hưng hiển. Đây là thời tợ thời có thông có ngại. Không liên quan đến vận mệnh có khởi có phục.

Đáp: Vốn do Tây Vức đường gần mà đại pháp (Phật pháp) không truyền đến. Đây là do duyên ứng chưa phát, không thể cho là đường kia xa. Đường kia đã gần mà pháp đây thường không truyền đến phương Đông, nếu không phải duyên ứng chưa đến, vì sao đến đây.

Về sau, phương Đông được truyền đến đều do duyên ứng, phát thông ngại, đều có thời kia, luận trước đã có ghi.

Bắt bẻ rằng: Nếu cho rằng duyên ứng có hội, như vậy thì xưa chúng sinh thật thà vì sao lại có tội, còn chúng sinh khe khắt vì sao được may mắn, dù cho pháp này để cứu giúp kẻ khe khắt, nhưng không quá đối với việc giết hại, khi ăn thịt ai giết. Phương hầu lửa cháy bỏ làm giáo minh. Đối đại bi thần lực không hề trở ngại. Nếu lương thực, lúa gạo chưa gieo trồng thì việc giết hại khó dứt. Chưa xét chư Phật quá khứ dùng pháp gì để giáo hóa. Mầm móng của giáo pháp này phát khởi vào thời Đức Phật nào. Và bốn giới phạm nhân thì quả báo nhẹ. Một giết hại thú vật thọ tội lại nặng, trước nhẹ sau nặng cũng chưa rõ suốt. Nếu lập đạo người thì đó là nhân và nghĩa. Chu, Khổng nói rằng: Nghe

tiếng kệu không nỡ giết, chặt đốn có lúc, đây là muốn nêu rõ đạo nhân nghĩa. Đối với chim chú còn nói như vậy, huống chi đối với con người mà có thể bạo ngược như vậy. Chẳng phải cho là thận trọng bên trong, ý ở duyên báo. Thấy tích hoặc tợ, luận tình đốn trái. Không xét kỹ hai vị Thánh nội và ngoại, việc kia có thể cho là bằng nhau hay không. Trong đây không đồng đều, khó dùng để đốn ngộ gần đủ là trước tiên, xin khai mở đầy đủ các tệ hại.

Đáp: Dâng lên thịt này mà lửa chưa khởi liền khiến cho không có thịt thì lời dạy đâu được thực hành. Luận trước đã nói đầy đủ, ở đây không giải thích lại.

Chúng sinh duyên quả đã gặp đều có thời gian.

Xưa Phật giáo chưa truyền đến đây là do lúc nghiệp ác quá mạnh. Về sau được nghe pháp là lúc nghiệp thiện bắt đầu khởi. Thiện ác đều có thời kỳ, đâu có liên quan gì đến chúng sinh hiền lành hay khe khắt. Năm giới đều có nhẹ nặng. Chẳng phải chỉ có giới sát sinh là nặng, còn bốn giới kia là nhẹ, năm giới tuy khác nhưng xen nhau phát khởi. Giới phạm với người (giết người), người là quan trọng thuộc tội nặng nên nêu trước. Giới phạm với súc sinh, súc sinh tội nhẹ nên nêu sau. Đạo huấn giới thứ lớp như vậy.

Chu Công, Khổng Tử mở rộng lòng nhân ái, luận trước đã nói, ở đây không nói lại. Nếu cho là giáo pháp của Đạo Phật trái với đạo lý của Tây Vức, thì ngoài sự học của một nhà ở đây ra thì không đạo nào dám nói.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 6

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 2)

Nhiều đời vua quan trệ hoặc giải thượng.

Đời Đường, có Thái sử truyền dịch, bổn tông Lý Lão, nghi kỵ đạo Phật, thầm mưu đồ tiêu diệt.

Đầu niên hiệu Võ Đức, trong bộ Thượng Thư có chép đủ. Đã chẳng phải kinh sách đương thời trong nước liền bỏ đi. Truyền Dịch không thắng được liền tức giận, bèn nêu ra số vua quan xưa nay chê bai Phật pháp gồm hai mươi lăm người. Soạn thứ lớp danh mục thành bộ "Cao Thức Truyện" mười quyển. Sao chép đem bán ở chợ, muốn phô trương rộng điều không tốt kia, lại tăng thêm tội nặng kia.

Còn như Trương Lỗ y cứ vào Hán Trung Huỳnh Cân trái lại với thiên hạ. Đây đều là học trò của họ Lý phản nghịch, che giấu không nói ra điều xấu, cho rằng hết lòng đối với văn luận. Phàm thánh cao dễ đổ, cây tốt nhành lá sum suê. Chỉ có ta là thanh cao, vì thế dị đạo ganh ghét, không đáng lấy làm lạ cho bọn thấp kém kia. Thật chưa thấy bọn này xấu xa lại thêm nhục nhã. Mắt không bị nhặm thì cần gì phải ngăn ngừa. Vì thế, do kia lập lời tùy thuận khai dụ. Đây thời xưa nay hành sự giải thích phán quyết thiên phần, người chưa thấy rộng cho là mới làm. Xưa Liêu Trần giải lược nêu lên lý do, giúp thần đây khai mở cũng xưng là Cao Thức. Lại Truyền Thị trí thức kém cõi, tài năng nương ở người. Đều trình bày thời gian, sự việc có suy có thạnh. Việc Thái Bán đào hầm chôn sống chúng tăng và đốt hết kinh tượng có thể gọi là không đúng chánh sách. Cần dứt bỏ những điều sưu tầm được. Đây thật là gốc giáo hóa của vua. Vì thế, giới luật của Tăng, khuôn phép của thế tục đời đời thêm rõ ràng. Đây là cấm điều sai quấy, đâu thành hủy bỏ.

Truyền Thị (truyền dịch) thông nhập phế bỏ giới hạn đây là bọn mang lông phải chịu sự lầm than, thật là đáng thương!

Truyền Dịch học sử của Chu Tử, ý muốn trừ bỏ. Tìm tòi mở rộng

các đời, nói về pháp pháp, đâu theo sự còn mất, gồm có hai mươi lăm người, đại khái chia làm hai:

Một: Ban đầu tôn kính Phật pháp, sợ có sự dâm uế, vì thế phải sa thải hết mới được trụ trì.

Hai: Oán ghét ganh ghét để hiển bày sự nguy thân oán gấp, vì thế phải trừ sạch để đề cao chí khí.

- Một nêu Vương Thần trụ trì gồm mười bốn người. Bộ Cao Thức Truyện của truyền Dịch chung riêng bị phế bỏ, nay lựa chọn là những vị cao quý.

1- Tống Thái Tổ
2- Đường Cao Tổ
3- Vương Độ
4- Nhan Diên Chỉ
5- Túc Ma Chi
6- Chu Lãng
7- Ngu Nguyên
8- Trương Phổ Tuệ
9- Lý Tích
10- Vệ Nguyên Tung
11- Cố Hoan
12- Hình Tử Tài
13- Cao Đạo Nhượng
14- Lư Tư Đạo.

Hai là nêu Vương Thần hủy diệt gồm mười một người. Cao Thức Truyện của Truyền Dịch, nêu những vị Cao Thức, nay người tìm xét bèn loại bỏ.

1- Ngụy Thái Võ
2- Chu Cao Tổ
3- Thái Mô
4- Lưu Thư
5- Dương Huyễn Chi
6- Tuân Tế
7- Chương Cừu Tử Đà
8- Lưu Tuệ Lâm
9- Phạm Chẩn
10- Lý Tự
11- Truyền Dịch

Tựa đầu nói sa thải tăng chúng là do cỏ xấu mọc lẫn lộn trong

đám lúa tốt. Tệ của vinh hoa bạch thủ, bởi có là do đây. Vì thế, lỗi của nhóm sáu vị Tỳ-kheo xảy ra ở Xá-vệ. Mười điều phạm pháp phát khởi ở thành Tỳ-xá-ly. Do đây bậc Đại thánh lập điều chương, người không học làm sao biết đúng sai. Bèn có bảy tẩn để lượng tội nhỏ kia, bốn pháp để trừ tội lớn. Mở rộng giềng mối để chỉ bày ba ngàn oai nghi, hiển thật nghi để trình bày tám muôn tế hạnh. Vì thế, chánh pháp tượng pháp đều xưng là hữu đạo, đồng gọi là vô trần (không dơ uế). Từ khi pháp dần dần đến cửa vua, những hình phạt bằng khổ cụ không xảy ra, Tăng chúng có khắp nơi, che giấu lỗi mình, nêu chung để sửa trị bằng dây pháp.

Tùy căn cơ, tùy thời gian khuyên bảo, dụ cầm nắm tự gần. Làm người ai không có lỗi, ban cho lời răn dạy như hạt châu có thấm nhuần, dấu vết xấu đổi tốt, bịt tai che mắt lỗi khó thấy. Do đó, vua Tống, vua Đường đồng các bậc hiền, soi xét sự mờ mịt hay sáng suốt của vật tình, hiểu được sự thuần hậu và kém cỏi của thời tiết nhân duyên. Nêu lên sự phân chia của đạo Phật thì có loạn ở sông Truy sông Thằng. Phê phán được mất của chúng Tăng thì sông Truy, sông Vị khác dòng. Khiển trách kẻ thô bỉ tham lam cạnh tranh, hủy bỏ điều xấu của Tăng, giữ lại đạo đức cao thượng. Coi trọng việc ban ơn để nhiếp hóa mọi người. Còn các đời Hán, Ngụy, Tề, Lương là chánh. Lưới trời lồng lộng thư lậu thôi chu soi xét chánh sự của vua cùng và việc ác nghiệt, do đó mở mang Phật pháp, giúp khắp năm thừa. Gồm hợp thời giáo hóa, chọn lọc kẻ xấu người tốt (kẻ ô trược người thanh tịnh), khiến cho người xấu biết trở về, tự sửa đổi mình ngày càng đổi mới. Người tốt thì nuôi lớn dễ ngộ biết được nhiều phương (nhiều cách) thích hóa. Quần tiểu cho là đổi thiện, vua Nghiêu vua Thuấn há chẳng phải là Thánh chủ mà giáo hóa không bằng Đơn Chu, Hán Tổ đâu thích sự loạn lạc mà trái nghịch điều thanh cao. Khổng Môn, Lý Lộ (học trò Khổng Tử) tuy ít mà sẵn sàng thăng đường. Đệ tử Phật phần nhiều là tà mà được tham dự vào chúng thanh tịnh. Đây là biết quyền đạo có thăng trầm, thần cơ lợi dụng. Hoặc thâu vào hoặc phóng ra. Sự việc nêu ra phải tùy thời.

Bài tựa sau bỏ Tam bảo, nếu bảo vệ thân, giữ mạng nên có việc quý trọng sự sống. Quý trọng tài của, ưa thích ăn ngon là sự trân trọng chung của người đời, vì thế xưng là Đại bảo. Do không bẻ dẹp được sinh tử, phá được núi xanh, đâu có mất nơi già bệnh. Đây là lời dạy của Phật. Vì thế, bốn ngọn núi ép ngặt ngôi vua không thường tồn. Ba tướng thay đổi, cuộc đời có vận mệnh. Đây là Thật Lục. Thế tục có truyền lời Sấm Ký, không rõ do đâu mà có. Có chỗ nói rằng miệng trao, hoặc thuật Phù

Đồ. Hư nhiên hiển mật, nêu bày sĩ tục. Thầm cho là năm vận cách y đế giả một người tự, còn lại thì ai ghi chép.

Châu Tổ về trước đã ghét họ Hắc, sao có Hắc nhân nối tiếp Thiên vị. Cho nên Tề Tuyên lo sợ muốn diệt trừ Thiền sư Trù. Thiền sư Trù dùng nhân tình hỏi. Châu Tổ đáp có Hắc nhân sẽ lên Thiên vị.

Thiền sư Trù đáp: "Đây là lời nói đùa. Hắc không qua Tất (sơn), sẽ có thể làm được ư?"

Tề Tuyên Vọng giải giết người em thứ bảy, vì thế đáng chê cười.

Chu Thái tổ ban đầu tin theo lời sấm ở thế tục. Ta tên Hắc Thái, có thể tương đương. Đã vào đến ải đổi thành Hắc đạo. Triều chương dã phục hoặc đều đồng với đó, khiến y của Tăng màu vàng để theo đúng Sấm Vĩ (lời chiêm nghiệm tốt xấu trong lời sấm). Võ Đế hùng lược, đầu không xỉ đó. Trương Tân định bá, Phú thi của Nguyên Tung, trọng đạo Lão nghi đạo Phật sẽ phế lập. Có Thiền sư Thật, là môn đồ của đạo Phật, vua cũng kính trọng, hỏi vận mệnh sau này ai là người sẽ được.

Thiền sư Thật đáp: Đây chẳng phải là chỗ Tăng biết.

Vua nói: Như lời Sấm của truyền: Hắc là người được. Tăng phần nhiều mặc y màu đen, thầm có chỗ nghi.

Thiền sư Thật đáp: Tăng chỉ một thân, ai là người phụ trợ, quyết định chẳng phải Tăng.

Vua nói: Tăng không được, vậy thì Hắc là ai?

Thiền sư Thật đáp: Đại nhân là bậc chí tôn mà tin lời nói đùa đó, ngoại tướng nếu nghe đâu gọi là bậc chí Thánh. Hắc ấy, đại khái có quạ cũng đen, hạt đậu đen cũng đen, như vậy chẳng phải một, có thể cũng được ư?

Vua nghe có họ. Ô họ Đậu. Dù cho hơn cũng vốn là tình bổn. Nghi ý ở lời giải thích của Thiền sư Thật, liền trừ diệt.

Ngụy Thái Võ xưa ở quê hương của giống rợ Nhung (Tố Vô Văn Mặc), tám tuổi lên ngôi, thường tin theo Thôi Hạo, vì thế trung hậu của hai vua, tin theo lời gièm pha và lời sấm, nhục mạ tàn ác đối với Phật pháp tự gánh chịu tai ương. Không bao lâu thì được hưng thạnh. Hưng thạnh là do thời đến, không hẳn do sức người. Vì thế kinh truyền rằng: Phật giáo hóa tuy lâu xa nhưng cũng ở trong thời gian sáu muôn năm trụ trì. Tiểu Thánh Công trong chín ức vô học, không thể tước đoạt được.

Thái Mô sắp về sau thờ các bậc Hiền, đều có tâm oán ghét những vị Tăng nhàn rỗi, nổi giận mà quên thân. Huống chi Phật pháp, viết những tội trạng, văn sâu xa mà treo hình cương. Ngốc tặc do kinh sợ

sự thấy nghe. Yêu hồ động Vương Thần, vả lại luật khiến điều chương, chưa giống như mật đặc, lưới trời mênh mông tự có người nhắm mắt. Nói giặc ở đây là giới trộm. Thuật yêu tương đương với giới sát. Thủ Biểu Thạnh gọi là yêu tặc. Chưa biết yêu tặc là ai, có thể cho là sách giấu tên tác giả. Cần phải tra xét hư tích tự hình. Trước sau thờ tuy có mười vị hiền. Tuân Tế một người, có chút tài dụng quan dư liên tả, chưa đủ người nghe. Truyền dịch đời sau tụ thoát. Nói không có điển cứ, tài khí thấp kém.

Gạch ngói gọi là báu. Hiền ngu đúng khinh, nhưng Dịch Tố Bổn không có đạo môn khởi gia, nghèo khổ nương nhờ Tăng khất thực. Không toại nguyện được hoài bảo ôm lòng tức giận, chê ghét bổn chí kia. Đầu niên hiệu Võ Đức, từ phương Tây vào kinh, nương nhờ Đạo sĩ Vương Vị. Vị hướng về tà đạo, đô thành thôn ấp đều biết. Thấy Dịch Tố đói lạnh bèn mời đến ở nhà riêng của mình. Vị là người thông suốt, tiếp đãi như thượng khách. Được vài ba ngày, bèn tư thông với người phụ nữ dẫn vào nhà đùa giỡn, không hề trách người. Vị có người anh là một vị tăng, chùa ở gần nhà Vị, do thường thấy nên Dịch rất tức giận. Vị Tăng này kể chuyện này lại cho Vị nghe. Lúc đầu Vị không tin nói rằng: Truyền Dịch là bần sĩ, tađến ở nhà, chẳng lẽ không đúng phép tắc hay sao?

Vị Tăng nói: Chú nếu nghi ngờ, hãy một lần đến xem thử, thế là cùng nhau đến nhà, quả đúng như lời của vị Tăng nói, vị tức giận bỏ về.

Vị có tỳ nữ là Quả Nghị, cũng thường nói việc đó. Dịch đã thầm tư thông với phụ nữ nhiều không thể tính kể. Như trong bộ: "Đường Sử Đô Đường Lâm Minh Báo" có nói: Thần là người bùn, kia vốn có đúng không? Như có chỗ hiển bày riêng.

Đại nghiệp nhà Tùy được tám năm. Thiên tử ở nước Liêu. Có Vương Văn Đồng, người ở Giao Đông Vương Bảo. Trước đây tranh lợi Thủy Ngại với chúng tăng. Ra sắc lệnh tuần tra hỏi xét binh lính. Bèn giả bộ tập hợp Tăng sĩ, gông cùm khảo xét khiến Tăng sĩ chống cự. Lại cho người dẫn vào ấp cùng bàn luận mưu tín giết hết Tăng đồ ở quận Hà Gian. Giết đạo tục gần một ngàn người. Truyền Phù Đạt ở Bồ Châu là người tàn ác có tiếng khắp trong nước. Bấy giờ, Đậu Khánh làm Thái Thú ở Hà Đông soạn bài trạng tâu lên. Vua rất giận, giết Đậu Khánh ở Hà Gian. Chưa kịp gia hình, thì trăm dân cắt thịt ra ăn sống, bỏ đầy khắp đất. Đây là phản lệ hạ thuật. Tăng cùng phù hợp, do ban đầu tăng chê bai Phật pháp. Hoặc do sự sân hận lúc trước, không suy nghĩ đến việc bị

chìm đắm trong nhiều kiếp mà chỉ muốn khoái chí trong một thời. Tiết lộ với vua, thần không liên hệ việc trên không ngôi vị thì không có mưu đồ, đã như lỗi trước. Luống bị búa rìu cuối cùng bị giày vò trong lòng. Vì thế, người viết tùy lời truyền mà trình bày đó, ngõ hầu làm gương soi cho người đời sau.

- Thế Tổ đời Hậu Ngụy.
- Cao Tổ đời Chu.
- Thế Tổ đời Tống.
- Cao Tổ đời Đường.
- Vương Độ đời Triệu.
- Thái Mô đời Tấn.
- Nhan Diên Chi đời Tống.
- Túc Mạc Chi đời Tống.
- Chu Lãng đời Tống.
- Ngu Nguyên đời Tống.
- Trương Phổ Tế đời Ngụy.
- Lý Tích đời Ngụy.
- Lưu Thủ đời Tề.
- Dương Huyễn Chi đời Ngụy.

Hậu Ngụy, Thái Tổ Võ Hoàng đế, đầu tiên lập đạo học (đạo Lão), dựng đạo tràng Lão, phế bỏ đạo Phật.

Vua tên là Thác Bạt, húy là Phục Ly, sau tên là Hy, là dòng giống riêng của người Hồ, thuộc dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Quốc. Thời loạn của Tây Tấn có Thác Bạt Lư, chiếm cứ phương Bắc. Nhà Tấn phong cho làm Đại vương. Cháu của Lư là Thập Dực Kiện hoặc gọi là Khuê, đóng đô ở Lạc Du Thạnh, chúng có mười vạn người.

Bắc Liên Vân Trung, Tây chiếm cứ Âm Sơn. Phía Nam Vân Trung cách đất Hán bốn ngàn dặm. Đời Đông Tấn, niên hiệu Hiếu Vũ Thái Nguyên năm đầu, từ phía Nam đến Sóc Đông (phía Bắc, Đông) ba trăm dặm. Bình thành đóng đô hơn hai mươi năm. Y theo Trung Hoa xây dựng điện thờ Phật đạo. Ở ngôi được ba mươi bốn năm. Đến Tấn Đế Long An Trung, chúa thứ ba Thác Bạt Hy lên ngôi, khi mới lên tám tuổi, còn nhỏ mà đã tín nhiệm Tư Đồ Thôi Hạo. Hạo không tin Phật, xem trọng tiên thuật của Lý Lão. Trao kinh Đạo Đức cho vua tụng đọc, do đó vua càng kính trọng hơn. Lên ngôi được hai năm, vua mời các phương sĩ (Đạo sĩ) trong nước. Trong đó có Đạo sĩ Khấu Khiêm là người giỏi nhất của Đạo môn (học trò đạo Lão). Tự nói rằng ở Tung Sơn gặp chư Thiên bảo bay xuống đây. Vua tặng Khấu Khiêm hiệu là Thiên sư. Phong hiệu

Thái Bình Chân Quân, dựng lập Thiên cung Tịnh Luân, sẽ được Đạo Tiên. Mọi người nghe đó như có thật. Hạo rất tin. Ở Bình Thành giao vua lập đạo tràng, chu vi hai trăm bước, nhiều tầng cao vút và chuẩn bị đầy đủ hậu lễ, đủ như trong "Thích Đạo Chí" đã nói. Sau đổi hiệu là Thái Bình Chân Quân, để kịp với đạo mạng của Khấu Khiêm. Nhân Cái Ngô làm loạn, ở Quan Trung có Sa-môn, cất chứa cung tên. Thôi Hạo liền đến cùng Ngô mưu tín. Bèn giết Sa-môn ở Trường An, đốt phá kinh tượng, khắp nơi cũng như vậy, chỉ để lại đài hạ mà thôi.

Đến niên hiệu, Chân Quân năm thứ bảy, tất cả đều trừ diệt hết. Chôn sống chúng Tăng, phá tượng tự cho là đắc chí. Bị gièm pha rằng đã làm nhơ nhuốc Thái tử. Ác tật ương thôn đến với Thôi Hạo đâu than thở kịp. Không bao lâu bị Yêm Nhân Tông giết, cuối cùng bị bắn chết. Cháu lên nối ngôi, bèn khai mở Phật pháp trong thiên hạ rất hưng thạnh.

Vua thứ sáu là Hiếu Văn, là Văn Tổ, đổi họ là Nguyên, đổi triều đại là Ngụy. Bỏ Hồ phục định quan danh. Y mũ Hoa Hạ, dời đô đến Hà Lạc, Phật pháp rất hưng thịnh. Thế Tổ mạnh về võ lược nhưng yếu về văn nhã. Coi thường việc tự mình suy xét và coi trọng việc tin lời không thật mà Dịch trình bày. Minh hậu nói mạng người thật là dối trá. Tìm xem sự xem xét các triều đại và đạo Phật, đại khái có năm, trước đã nói rõ, nay nói lại lại.

Một: Do nghiệp vận mê mờ, quả báo xen nhau nhiều thêm.

Hai: Do giáo chỉ tục ngụy cuối cùng trở về không diệt.

Ba: Do chùa tháp cao sang tráng lệ, xảy ra sự chê bai trách cứ.

Bốn: Do Tăng có tạp hạnh, cướp đoạt tài sắc.

Năm: Do trước đây Tăng là người thế tục nên không nhận lễ.

Năm tướng tuy mê hoặc người nhiều, nói theo tạp hạnh thì đây là khúc sĩ không thông suốt.

Nếu là người xuất gia thì phải cất bước vượt các phương, tâm hình khác thế tục. Giữ gìn chủng tử Phật, chấn nhiếp ma vương. Thiên đế còn đến đảnh lễ, long thần đều kính thờ. Không đâu chẳng phải năm, ba tạp hạnh phạm pháp, phụ tâm đắm nhiễm đối với sắc vị, tham lam danh lợi. Những việc làm này trái với sự giáo hóa của Phật, là cỏ dại có hại cho chánh pháp. Kinh Niết-bàn gọi đây là Thốc nhân (người trọc đầu); kinh Phạm Võng gọi là Đại tặc. Như thây chết trong biển giới luật của Phật, không tiếp nhận vào hàng chúng tăng. Tài sắc dứt bặt, đây là điều cấm hiển nhiên, vọng tạo tội với Đức Phật, thật không thể được. Đến như tục sĩ mạnh mẽ thì quốc gia sẽ bình an, người trinh khiết thì được tôn trọng, người tham lam cạnh tranh thì có tội. Có thể thấy một người

sai trái mà cả nước bị giết, một vị quan không thanh liêm mà cả triều đình đều bị tiêu diệt, điều này không thể được. Việc này thấy trong sách đời Hậu Ngụy và sách Xuân Thu của mười sáu nước.

Thế Tổ thấy một ngôi chùa đã xây dựng, giết hết chúng Tăng cả nước. Bất luận lớn nhỏ đồng một lúc giết hết, có thể gọi là quan trưởng mọi rợ. Phán sự hùa nhau, Dịch dẫn ra để làm minh lược, người sáng suốt nên trốn đi. Lại do thấy chúng Tăng thọ sự cúng dường rất trọng hậu liên tiếp, tự mình không thể bỏ được ganh ghét mà còn thêm thái độ thù ghét. Tăng là ruộng phước, kính thờ thì được phước báo. Quan là người lo việc chánh trị, bổng bộc để thạnh công kia. Nay vua thưởng cho Hạ thần, người nhường bổng lộc đó là ai? Người thế tục cúng dường tài vật cho chúng Tăng, người không thọ nhận có thì thường có. Quan không bổng lộc chưa nghe có trong nước, người nhận bổng lộc thì đầy chật cả chín châu. Đâu thể do một vị quan nhân của đút lót mà cả triều đình bị cho là phế vụ, một vị Tăng lạm dụng của tín thí mà tất cả đệ tử Phật đều bị hiềm trách, lại không thể như vậy được.

Vì thế phải biết thanh tịnh ô trược khác đường, đạo tục đều có. Quan lớn sửa chữa nơi bảy pháp. Hình phạt phân xử nơi tội nặng hoặc nhẹ, đây là chánh sách của thế tục. Giới luật để xem xét nơi lỗi lầm, đuổi hay phạt đối ba cách. Tăng chế để ngăn ngừa tội phạm bên ngoài, pháp lệnh giúp tội trong tâm. Đây là giáo pháp của Đức Phật. Cho nên giới luật của đạo Phật, pháp lệnh của thế tục đầy đủ rõ ràng, soi chiếu khắp bốn phương, hiển rõ ở năm chúng, có gì mà không rõ. Phải y theo lời nói trên. Do đó, Thượng đế ở trên cao chín tầng ân cần soi xét khắp bốn biển, dân thường không thể soi xét việc của vua mà là bổn phận các quan phải lo. Ông chẳng phải là quan mà vọng dính líu vào việc chính trị (hành chính), luống làm việc giám sát, làm sao tương đương với quan được. Vì thế Thượng sự ở sau ít có người theo. Cho nên, kinh nói bốn y dự phần ngụy lạm. Người trí khó phân biệt, pháp trí dễ sáng. Vì sao thấy một vị Tăng phạm lỗi, liên lụy đến đạo Phật, thấy thiếu một giới liền coi thường chánh pháp. Chỉ có thể dùng đạo để bỏ người vì không mở mang đạo. Chớ không thể dùng người mà bỏ đạo vị cao tột vượt hơn trời người, phải biết rõ đó. Nay dùng năm thường để kiềm chế con người, sao người có thể đủ, dùng năm hiếu để kiếm chế kẻ sĩ, sao kẻ sĩ cho là đủ đó. Đọc kinh Dịch mà quân lý âm dương, giảng kinh lễ mà còn tâm kiêu căng, tâm vua mờ tối, Thần phản nghịch các triều đại vẫn thường có. Ngồi không hưởng lộc, loạn triều chính, thường tướng phần có nhiều. Học trò của Khổng Tử ba ngàn một mình Nhan Hồi

là đức hạnh. Vua chúa hai mươi chín đời, Đường Nghiêu (vua Nghiêu đời Đường) thường nương cậy kia nói sơ lược. Gồm rõ thì đệ tử Phật là những tấm gương tốt có khá nhiều.

Đời Chu, Cao Tổ Võ Hoàng đế mến thích đạo Lão, đích thân lãnh thọ phù chú, rất ghen ghét đạo Phật.

Vua tên Vũ Văn, húy Ung, là con thứ ba của Thái Tổ Ngụy Thừa tướng hắc Thái. Dòng tộc vốn là dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Quốc (Tiên Ty).

Cuối niên hiệu Nguyên Ngụy, vua Thái Tổ bức ép nước Ngụy, Bình Dương Vương Tây đốn quan trung. Trải qua bốn đời vua nhà Ngụy, hai mươi ba năm thì chết.

Thế Tử Lạc Dương Công nối ngôi nhà Ngụy xưng là Chu, ngay năm đó bị truất phế. Em là Ninh Đô Công lên ngôi, hiệu là Minh Đế làm vua được bốn năm thì băng hà. Con còn nhỏ nên lập người em là Lỗ Quốc Công lên làm vua tức Cao Tổ.

Đổi niên hiệu là Bảo Định năm đầu. Tâm rất mưu mô độc đoán đố kỵ, dấu vết thân sơ để mong trí thuật.

Niên hiệu Bảo Định thứ sau đổi niên hiệu là Thiên Hòa. Trước sau trải qua được một kỷ (mười hai năm). Quan Tể tướng Phổ Quốc Công Vũ Văn Hộ Thái Tổ dụ như con. Chính thân thọ di chiếu phụ dực Đế đồ. Hùng lược nhiếp ngự quang thời tả quốc. Sợ có người truất phế ngôi vua liền dẫn vào bên trong giết, gồm mười ba người, dòng tộc rất lớn gồm sáu nhà.

Đổi niên hiệu là Kiến Đức, giết hết các bậc hùng vũ trong thành xa lo cân nhắc, oai hùng tự giữ. Nhưng hay khuyến khích răn nhắc mình. Biểu lộ như kẻ hạ thần, thường ăn uống sơ sài đạm bạc, lạo nhọc khiêm tốn tự giữ mình. Chính thân ta ra chiến trận, đến các nơi núi rừng hiểm trở, vì thế rất được lòng chiến sĩ (binh lính), chết cũng không nhàm chán.

Lúc bấy giờ, có lời sấm ký nghi kỵ áo đen. Cho rằng: Sa-môn sẽ lật đổ thời vận. Ban đầu vua rất tin Phật, vì sự ép ngặt này nên vua trừ diệt hết.

Niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba, Đạo sĩ Trương Tân nịnh hót, liền diệt hai giáo, lập Thông Đạo Quán Dụng vừa ý với bổn hoài.

Đến niên hiệu Kiến Đức năm thứ năm, bình định đã xong, tự mình cho là thần giúp cho phước diệt pháp. Đổi niên hiệu là Tuyên Chánh. Đến tháng năm bị bệnh hủi, băng hà ở Vân Dương. Con là Vũ Bân nối ngôi. Giết cha con Tề Vương gồm mười người.

Ngày mồng một tháng giêng đổi niên hiệu là Đại thành. Nhường ngôi cho Tử Diễn, đổi niên hiệu là Đại Tượng, tự xưng hiệu là Thiên Nguyên Hoàng đế, khai mở Phật pháp. Song họa sâu phước mỏng khó lấp công kia. Tháng năm năm sau thì băng hà. Hiệu là Văn Tuyên.

Tháng giêng năm sau đổi niên hiệu là Đại Định. Tháng hai nhường ngôi cho nhà Tùy. Vì thế dịch thuật rằng: Xem Võ Đế làm chánh trị, quả quyết có thể xét đoán, đây là ý chí.

Đã trừ giáo yêu tà, chỉ chuyên lo việc binh lính hùng mạnh. Giữa năm thứ năm, tổ chức lập công, tập trung rất đông, tổ chức đó được thành công. Trong số người tập trung có Dịch nói rằng: "Không có Phật thì nước An, ngôi vị lâu dài". Như vậy vì sao Chu, Võ giết trừ vừa xong thị bị điều không lành, bỗng qua đời, đây thì lời Dịch luống dối. Nhưng Võ Đế chỉ có uy đức, không hề chậm nghi, tùy tâm quyết ý liền giết hại. Hại chú hủy báng Phật tâm khinh khi lừa dối quá nhiều, ngôi vị ngắn ngủi, niên lịch dời đổi, vốn thích nghi với tâm kia. Huống chi thân bị bệnh hủi, than vãn nào kịp. Ương họa tập trung, thật đáng thương xót. Chính vì cho Phật là yêu tà, tôn ngụy đạo làm thầy. Vua mờ ám, chúa hoang đường, đâu đợi Hạ Ân cố làm lợi ích Phật pháp. Vua nhà Ngụy, nhà Chu, diệt pháp đều bị oai lực cũng không thích nghi ư? Còn lại, có những người trừ diệt hủy báng Phật, tướng trạng chiêu cảm quả báo, như có thuật đầy đủ.

****

Đời Tống, Thế Tổ Hiếu Võ Hoàng đế, sa thải chúng Tăng và chuyến việc hành chánh (chánh trị).

Vua họ Lưu, húy Tuấn, là con thứ ba của Văn Đến. Phản nghịch cha, giết anh là Thiệu ở Nam Giao và ba mươi mốt người. Tự lên ngôi, đổi niên hiệu là Hiếu Kiến. Niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai giết người chú là Nghĩa Tuyên. Niên hiệu Đại Minh năm thứ hai, giết cha con Vương Tăng Đạt. Có người dân tộc Khương (phía Tây Trung Quốc) tên là Cao Xà Phản. Việc này đến tai Sa-môn Đàm Tiêu. Vua hạ chiếu chỉ rằng: Phật pháp dối trá, Sa-môn hỗn tạp. Chưa đủ giúp cho giáo pháp rộng lớn mà thành trốn tránh. Lại thêm tâm gian xảo, phát khởi tình trạng hăng, thường hay nghe đó. Bại đạo loạn tục, nhân thần rất tức giận. Giao phó cho sở quan nơi đang ở, gia tội sa thải. Sau có ai trái phạm sẽ bị giết, bèn lập các điều chương. Nếu vị Tăng nào tự mình giới hạnh không đầy đủ đều cho hoàn tục, ban chiếu chỉ thì nghiêm trọng nhưng cuối cùng không thi hành.

Trước đó, vào thời Thánh đế nhà Tấn, Sưu Thủy chuyên việc

triều chính, muốn Sa-môn phải kính lễ Vương Hầu, nhưng nhà vua yên lặng, phản đối lời bàn không đồng ý. Đến khi Hoàn Huyền cướp ngôi, lại nói lời bàn trước nhưng cũng không thực hành. Đủ như trong phần nói riêng.

Thế Tổ, vào niên hiệu Đại Minh thứ sáu, khiến quan Hữu Ty tâu lời bàn, khiến Sa-môn kính lễ. Đã làm hành động bạo ngược như cắt chém mổ. Dùng roi đánh vào người, nứt nẻ mặt mày mà chém đầu, không có gì tàn ác bằng.

Vả lại, Tăng lễ bái Vương Hầu không phải là phép tắc của nước, nên cũng không thực hành.

Niên hiệu Đại Minh năm thứ tám, vua Thế Tổ băng hà, con lên nối nghiệp. Tìm xét cho là Minh Đế đã đoạt, mà Truyền Dịch trình bày vua là bậc cao thức. Lạm hình sao biết có thể cao thức ư? Không bao lâu bị tuyệt tự, thân danh đều diệt, có thể cho là hết lòng soi xét ư?

Trong bộ "Túc Tử Hiển Thuật" nói rằng: Họ Tống tự xưng thủy đức, thừa vận điển ngọ, tám vị vua chánh vị, mười năm năm kỷ, bốn kinh tuyệt đích, ba hiệu hưng thạnh. Cửa ải họa nạn, cốt nhục lấn hiếp nhau, đâu thể nói được?

****

Đại Đường, vua Cao Tổ là Thái Võ Hoàng Đế ban chiếu chỉ sa thải hai đạo Phật Lão. Cuối niên hiệu Võ Đức, Tăng đồ càng nhiều, hạ chiếu chỉ lựa chọn thanh lọc người nghiêm túc để lại, không gọi là trừ diệt, rất sai ý chỉ. Vì thế ban chiếu chỉ: Trẫm sẽ kỳ ngự Vũ, làm hưng thạnh giáo pháp, suy nghĩ lợi ích, để tâm hộ trì, khiến ngọc và đá dễ phân biệt, cỏ thơm cỏ hôi (tốt, xấu) dễ biết, trường tồn diệu đạo, hẳn giữ vững phước điền, chính là muốn tăng đồ trong sạch nên phải sa thải những người không chân chánh. Đây chính là chiếu chỉ của trẫm.

Thế nhưng, Dịch đã cho là diệt pháp thì thật là vu khống tội cho vua. Lưới trời không lọt một việc gì, may mắn gặp được chánh sách khoan hồng, nên mới còn vị thủ lĩnh kia mà thôi. Còn lại như lời kể ở sau.

Truyền Dịch lại dẫn, đời Nguyên Ngụy, Thượng Thư ban lệnh Vương Trừng nhậm thành tâu lên rằng: Không cho trong làng ấm xây dựng chùa chiền, cấm không cho người ở.

Lại dẫn lời Thượng Thư khiến Cao Triệu tâu rằng: Tăng kỳ hộ túc cấp tán cho Bần nhân xem xét lời biểu tâu lên mà không trừ diệt. Chỉ bỏ tướng trạng, sửa chữa hàn hac, chỉnh đốn giáo pháp trừ bỏ sự nguy hiểm kia. Đây là lời khuyên can về sự mở mang ủng hộ.

****

Đời Hậu Triệu, quan Trung Thư Thái Nguyên tên Vương Độ tâu sớ lên vua.

Thạch Hổ hỏi rằng: Phật hiệu là Thế Tôn, quốc gia kính trọng, làng xóm mọi người không dám xem thường. Vậy có nên thờ Phật hay không?

Lại, Sa-môn là người thanh khiết, cao thượng, thinh chánh. Hạnh có thể thanh tịnh, nhưng sau mới làm Đạo sĩ. Nay Sa-môn quá đông. Hoặc có người gian, trốn tránh quân dịch, những người đó làm sao phân biệt. Đây là lời sớ Vương Độ đã tâu lên.

Do Vương giả tế lễ trời đất, cúng bái trăm thần, nên tế lễ thượng có hưởng. Đức Phật giáng sinh ở Tây Vức, chẳng phải là Trung Hoa kính phụng.

Hán Thị đầu tiên được đạo kia, chỉ nghe ở Tây Vức rợ Hồ lập chùa. Ngụy theo phép tắc của Hán. Triệu do điều lệ xưa, yêu cầu người họ Triệu không được đến chùa. Người nào đã làm thì phải hoàn tục. Kẻ sĩ trong triều đồng ý theo lời sớ tâu này. Thạch Hổ hạ chiếu rằng: Lời sớ tâu lên vua của Vương Độ cho là Phật là vị Thần ở nước ngoài chẳng được các nơi ở Trung Hoa kính thờ. Trẫm ra khỏi biên nhung, nghi tùng bổn tục (?). Phàm phép tắc do vua ban hành nhiều đời thi hành, nếu sự việc đầy đủ không thiếu, sao lại hạn chế triều đại trước. Di Tiệu làm Đạo sĩ, số người ưa thờ Phật đều nghe rất nhiều. Truyền Dịch làm văn trau chuốc phần nhiều là trình bày sự dối trá, sách của đạo Lão ngụy vọng từ xưa. Huỳnh thư hợp khí, sĩ nữ dâm hành. Xích Chương nhàm cúng, u minh loạn khởi, đây là biết vọng làm là hung; loạn tục là giết tội có dư. Vì sao? Vì truyền Dịch nói rằng: Phật Đồ Trừng khiến đệ tử du hóa các quận các nước. Học trò của Chi Tuần là người giúp việc đắc lực cho họ. Trái lại ba ý chỉ huyền diệu, trau chuốc tà giáo. Đây là nói chê bai trời đất, trời đất không dung tha, là sao?

- Phật Đồ Trừng là người của Thánh. Lỗ ở ngực ánh sáng thông suốt, không nhờ đèn đuốc soi chiếu. Nhìn cái linh chiếu trong bàn tay mà ngồi xem sự thắng bại. Hai vua kính trọng Ngài như vị Thần, trăm dân tôn sùng Ngài như Phật. Phật Đồ Trừng đã dự biết được sự phản bội của Đông Trừ (Đông Thái tử), nêu trước họa của Thạch Thông, cho đến nạn sinh yêu hiện; can ngăn Thạch Hổ dùng hình phạt quá nặng sẽ hưởng thọ không xa, đây là lời nói rất chí thiết, mà Truyền Dịch nói rằng: Đồ Trừng xúi Thạch Hổ giết cháu để giữ ngôi vị Đế vương kia, sao lời nói này quá đáng như vậy.

Lại nói rằng học trò của Chi Tuân là cánh tay đắc lực của Đồ

Trừng. Đời Tấn, Nam Độ chỉ có một Đạo lâm tuy là đồng thời, nhưng giang sơn đồ việt đâu có được phân tán ra, đến phương Bắc làm cánh tay đắc lực cho triều đại Triệu.

Lại nói: Phản lại ba ý chỉ huyền diệu, trau chuốc tà giáo, đây cũng là lời luống dối, đâu được vọng chỉ. Hơn nữa, thuật tác của đạo Lão chỉ có năm ngàn quyển, mà hơn mười ngàn quyển là luống dối. Đủ rõ việc của Ngụy Nhật, Khương Bân?

Song tự ngẫm nghỉ là thẩm, cho rằng Tăng cũng vậy. Giáo nghĩa của Phật tổng hợp có chỗ trở về. Văn trước sau không trái nhau. Tìm manh mối kinh của đạo Lão xen vì sao mà lạm nhau quá vậy, không thể tự lập một nghĩa. Chê bai đạo Phật, hoặc bốn quả, mười địa liên kết trong kinh; hoặc cõi trời, địa ngục đầy đủ trong sách Phật. Đây đều là sự thăng trầm của nghiệp hành, là lúc thạnh của báo nhân (là lúc quả báo đầy đủ quả báo).

Hỏi: Vì ngôi vị có giai cấp nên sự vượt quá lời của kẻ nói khoác. Như vậy tại sao nói là Đồ Trừng truyền mê loạn chân, không có mảy may giúp cho sự giáo hóa.

Thật đáng thương thay

****

Thái Mô, tự Đạo Minh, người ở Trần Lưu. Đời Tấn, quan Thái Thường Bành Thành Vương Hoành Biểu. Túc Tổ ưa đạo Phật, chính tay vẽ hình tượng ở giảng đường Lạc Hiền. Trải qua các nạn giặc mà giảng đường vẫn còn. Hoặc biên soạn, hoặc tác tụng, hiểu biết nêu ra cho Hoằng Biểu bàn bạc.

Thái Mô nói: Phật là người giống như mọi rợ (dân tộc Di), chỉ mới nghe biến Di từ Hạ, chưa nghe biến Hạ từ Di.

Thiên đế dù nhiều tài, hứng thú vẽ tượng đây chưa phải là hình dung của Đại Tống thạnh đức. Nay muốn phát vương mạng, ra sắc lệnh cho sử quan trên xứng với chí của Tiên đế ưa thích Phật, dưới là vì dân tộc Di Nhung làm bài tụng khen ngợi hình tượng đó, đối nghĩa đây có nghi chăng?

Khương Đế lên ngôi bái Tư Đồ, tháng năm, năm thứ tư niên hiệu Vĩnh Hòa ra chiếu chỉ, cố chấp không đến. Dâng sớ xin hài cốt, Hiếu Tông không ngự đến chính điện mà đến nhà ngoài, có mời Thái Mô nhưng không đến. Hoàng Thái hậu ra chiếu Chỉ bãi triều. Công khanh nhà Tần mời Thái Mô đến Đình Úy (tức huyện Úy) chịu tội, Mô sai đệ tử là Tố Phục đến Đình Úy để chịu tội. Vua ra chiếu chỉ miễn trị thứ dân, liền đóng cửa không ra ngoài. Đây đều là kẻ dốt nát cố chấp, khư

khư đối với quẻ khảm, làm sao Tỉnh. Thế mà, Truyền Dịch cho là Thần trung thành, chưa phải là bàn luận thành thật. Vì sao lời đề nghị châm biếm của Thái Mô y cứ hạn cuộc thần châu một nước, cho đây là Trung Quốc. Đức Phật thì y cứ chung cõi Diêm-phù-đề là một châu, cho đây là vùng biên địa. Từ nêu bày, phía Đông nước đây y cứ bờ biển, ba phương thì không. Không thì chẳng thể cho là không có biên giới để thấy. Châu đây mà bàn thì bốn phía vây quanh biển. Trung tâm nước Thiên Trúc từ Hạ đến Bắc hành. Trong phương không có ảnh là chánh quốc của thiên hạ, vì thế Đức Phật giáng sinh ở đây. Huống chi là giai cấp bì kịp chính giữa ba ngàn mặt trời mặt trăng, vạn ức trời đất. Chỉ có Đức Phật thống nhiếp Thái Mô chẳng thể hiểu được.

Vả lại, người tầm thường cố chấp, chấp cho là giống khi xưa, nghĩa là nhà thì tự cho là đất của ta vui, người thì tự cho là dân của ta tốt, không đáng lấy làm lạ. Trung Nguyên, Tung Lạc Thổ khuê trắc cảnh cho là chính giữa. Chính là riêng biệt của Thần châu.

Đến khi phân chia không thể nhất định được.

Giang Biểu đất bằng phẳng, khí hậu thấp, vì thế gọi là Dương Châu. Họ Tấn bôn ba đến liền xưng là Văn Quốc. Biến Di từ Hạ, đây là nói có lý do, Khổng Tử ở Cửu Di không phải là quê mùa. Vả lại, có đức thì quân nhân, vô đạo thỉ nổi loạn, vì thế Hạ, võ sinh phương Tây Văn Vương lớn lên từ phương Đông. Đời Nguyên Ngụy dòng dõi Thác Bạc là Rợ Địch phương Bắc, vua đến núi cao, hướng về phía Nam, há cho là không sinh ở Trung Hoa mà nghịch lại phong hóa đó. Còn như do đủ là một thần thuộc Rợ Nhung ở phương Tây, Tần Mục do đó mà chiếm đoạt ngôi. Nhật Thiền thuộc giống Rợ Hiểm Duẫn, Hán Võ thu nhận mà ngôi vị còn. Vì thế, biết đạo là ở chỗ tôn trọng, chưa hạn cuộc ở Di, Hạ. Thái Mô kiên cố tự thủ, chưa gọi là thông nhân (người thông suốt) chống chiếu chỉ trái mệnh lệnh, phạm tội điện phế, đáng bị gia hình. Lại nói rõ. Ngọc Bích lớn nhỏ chỉ giới hạn của mỗi nước, bậc Thánh tài ba cùng Thần đạt lý không giới hạn phương hướng. Vì thế, núi Không Đổng chẳng giới hạn chín châu, núi Côn Luân chính là đất Thiên Trúc, mà Huỳnh Đế cỡi xe từ phương Tây đến. Lý Lão, Doãn Hỷ tiếp Võ mà đăng vị, đây là sao ư? Biết có thể quy về chăng. Vả lại, thấy đúng thời cơ thì làm không nên đợi, giống như Hạ, Kiệt làm chính trị. Đốt Huỳnh Đồ, giết Long Phùng là việc bạo ác của chánh sách nhà Tần. Đốt kinh sách chôn sống Nho sĩ, lúc bấy giờ thế tục truyền bá, đây là vua vô đạo nhưng đất đai xa rộng, gạch ngói nhiều Công Kiệt, bắt đầu từ Hoàng đế ta chưa tôn cung đức, nhưng nhiều đời thạnh hành nghĩa phải có khen

có chê. Người xưa có nói, vua Nghiêu, Thuấn chưa chắc là Thánh hoàn thiện; Vua Kiệt, Trụ đầu có thể là cực ngu. Nhưng đều quy về lỗi ở Hạ, Ân, tôn nghiêm ở Đường, Ngu, sự dối trá của bọn thiên đảng không đáng nói. Thái mô tâm hẹp hòi đâu đáng nói.

Đời đường, "Sách Đặc tiến Trịnh Công Ngụy Trưng" có một trăm điều, trong đó có một điều hỏi rằng: "Sự hưng thạnh, sớm muộn, được mất của kinh Phật như thế nào?"

Đáp: Ngôi sao tròn ban đêm rơi xuống, Phật giáng sinh lúc sao mai mọc, ngựa trắng sáng sớm đến, pháp hưng thạnh vào đời Hán. Nhưng vị Pháp vương tự tại biến hóa không cùng, thâu núi Tu-di trong hột cải, che mặt trời mặt trăng dưới hoa sen. Mây pháp, mưa từ, châu sáng, thuyền báu, đem các con ra khỏi nhà lửa, cứu chúng sinh trong biển khổ. Mũi tên bằng đá được dồi mài thì chặt xương dứt gân,e được thoa dầu nhớt thì ngựa nhanh xe gấp. Cần phải tinh tâm hồi hướng, khiến chí quy y. Nên tin lời nói của Truyền Nghị, không theo lời tâu của Thái Mô, đây là vị trọng thần của nước. Có thể gọi là bậc cao thức có chỗ quy y. Vì thế, Thái Tông kính làm bia, tay vẽ đá kia, chôn chung ở Chiêu Lăng, đây là gương mẫu của muôn đời. Thái Mô cuộc đời đã hết (tuổi tác đã nhiều) mà công dụng thì ít. Tự đắn đo không có tài năng nên một mực từ chối việc công chánh. Nhưng nêu việc Hoa Di ngăn cách, chưa gọi là thông nhân (người thông suốt), lại không đáng khen ngợi. Đời Tống, Nhan Diên Chi người Lang Gia, có học thức, ưa uống rượu, buông lung không giữ gìn oai nghi tế hạnh. Đời Tống, vào niên hiệu Nguyên Gia dời đến Thái Thường. Sa-môn Tuệ Lâm dùng tài học hướng về cứu giúp, được Thái Tổ khen thưởng. Mỗi khi làm lễ thăng tòa, Diên Chi ganh ghét nói rằng: "Tòa Tam Đài này có thể để người khác ngồi". Vua nghe vậy liền thay đổi sắc mặt. Truyền Dịch nêu đó là Danh sĩ, ở đây có thể biết. Do Sa-môn Tuệ Lâm được Văn Đế sủng ái. Diên Chi không thể làm quan, ganh ghét mà chê bai. Đã không dự vào triều chính, lui về ở làng quê Tư Tuấn làm Thứ sử Dương Châu, cỡi xe về nhà, Diên Chi chống gậy tránh đi vì chê bai. Không kinh doanh sự nghiệp, áo vải, cơm rau một mình dạo chơi ở chốn hoang vắng. Bấy giờ, Nhan Diên Chi không tham dự vào các bậc hiền của triều đình nhưng hiển luận không ai bì kịp. Còn lại như trong "luận Đạt tánh" có nói.

Song Diên Chi soạn luận khen ngợi rất nhiều. Còn như ảnh tích chung của Phật, đảnh răng, móng, y, bát, tích trượng, hai tấm mền lông của Phật. Không như vậy đều là đặt điền cả là mẫu mực của bậc cao bạt tài giỏi.

Nói người khác là chê Sa-môn Tuệ Lâm nhất thời mà thôi. Bốn luận kia đều thấy trong bộ “Lục Trừng Tục Pháp Luận”, đời Tống.

****

Túc Mạc Chi, người Lan Lăng, đời Tống. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười hai làm quan Huyện ở Đơn Dương. Làm sớ tâu lên vua khen ngợi sự giáo hóa của Phật giúp Trung Quốc đã trải qua bốn triều đại. Chùa tháp, hình tượng tính ra cả một ngàn, tối có thể buộc tâm, lui đủ để khuyến khích. Từ xưa đến nay, kính tình ngọn ngành, không cho tinh thành là cùng tột, lại cho sự xa xỉ cạnh tranh là trọng, trái trung vượt chế.

Xin từ nay về sau đúc tượng đồng, xây chùa tháp. Trước đến sở tại (sở quan) trình bày sự việc, đợi trả lời sẽ làm. Xem lời tấu trạng kia, bảo bỏ việc xa xỉ cạnh tranh. Chẳng phải nói là trừ bỏ. Đây thật là tướng trụ, ở đó để mở mang.

****

Chu Lãng người Nhữ Nam, đời Tống Thái Tổ làm quan Nội sử ở Lư Lăng, làm sớ tâu rằng: Từ khi họ Thích, lưu truyền giáo pháp, kia có nguồn gốc, trích dẫn dung nhuận cũng đã rộng, mà xen lộn y thuật nương việc bói toán, ngoại hình cũng dung, nội giáo không hối, nhưng rộng lớn trong thiên hạ, không loạn sát. Nay phải nghiêm giữ luật Phật bổ ích cho nước nhà. Người có các lỗi lầm thì cho nghỉ, phân bổ đi nơi khác. Số còn lại tùy theo tài năng, đều có điều lệ, khiến cho Thiền nghĩa kinh tụng mọi người đều đồng nhất. Ăn uống sơ sài đạm bạc, mặc áo vải. Nếu có người độ thì khiến họ trước tu tập nghĩa hành bổn. Thần tâm kia có thể hủ lậu, trời người kính sợ. Nếu trước đây tuy là Hầu Vương Gia Tử cũng không nên câu nệ, ý đồng như trước.

****

Ngu Nguyện người ở Cối Kê. Đời Tống Minh Đế làm quan chức Trung Thư, dung mạo điềm tĩnh nhưng lời nói hay ngang ngược.

Vua ưa Truyền Dịch phế bỏ chánh sự. Ngu Nguyện nói rằng: Vua Nghiêu dùng đây Đơn Chu, chẳng phải nhân chủ ưa thích.

Vua nghe vậy nổi giận, lôi xuống dưới điện, ban đầu không tỏ vẻ sợ sệt. Hai ba ngày sau lại kêu đến chỗ Minh Đế. Sau xây dựng chùa Tương Cung rất rộng lớn.

Nguyện nói: Xây dựng chùa này, đào hang làm tổn thương loài dế, loài kiến. Nung gạch ngói cháy loài sâu loài trùng. Gian nan cực khổ, trăm họ kiệt sức. Vợ con buôn bán, ôi thôi! Đầy đường. Nếu Phật có biết, nghĩ kia có tội. Nếu Phật không biết thì làm đó có lợi ích gì.

Ngang ngược ra giữ Tấn An. Đây thật là loài của bậc đại từ, được Phật truyền đạt.

Thế nhưng, Truyền Dịch cho rằng trừ bỏ, chẳng phải ý kia.

****

Trương Phổ Tế, người ở Thường Sơn. Lời nói trăm nhà đều thích. Trong niên hiệu Thái Hòa đổi thành Gián Nghị đại phu. Đến đời Hiếu Minh lên ngôi thì không gần gũi triều đình nữa, chuyển sang tôn sùng Phật pháp. Việc Giao Miếu (cúng miếu) giao cho quan Hữu Ty. Tạo dựng chùa tượng không nghỉ ngơi. Bèn can ngăn rằng: "Kính mong cẩn thận oai nghi, muôn nước làm nghi thức".

Chính thân đến bói ở Giao Miếu, trong lòng buồn bã đến tế lễ ngày mồng một, ngày rằm. Một người có được niềm vui thì dân chúng nương nhờ theo đó. Nhưng sau tinh tấn đối với Tam bảo, tín tâm đối với Như Lai. Đạo do giáo hóa mà được thâm nhập. Vì thế các lậu có thể hết. Phàm tùy lễ chứa nhóm, vì thế bờ kia có thể đến. Sớ tâu tên không được trả lời. Lời của Trương Phổ Tế như vậy. Thế nhưng Truyền Dịch lộng bút vọng thêm vào. Dâm Tăng hoan ố, đạo ở nội cung, làm việc phi pháp. Phi chủ này đều thông dâm.

Trăm dân khổ nhưng trên không biết. Đây là nói gian xảo buông lung, đâu được vọng cúng thí. Cung cấm có hạn, phòng ngự có lúc. Chuyên nói dâm ô, túng bút vọng trình bày, y cứ quan Thái sử.

Nói chung về căn cơ thận trọng: Thường hay tức giận, tỏ vẻ khinh chê. Con chim kiêu có thể ăn thịt chim mẹ, người quân tử hổ thẹn nghe, Đình viết chữ bách nhân. Hán Hậu ban đêm đi tuần tra, chẳng phải cuồng chẳng phải say, đây là nạn điếm nhục. Nhưng Truyền Dịch tự làm việc dâm ô, bọn ấy thường có vợ con, cho nên gia đình của Lý Nhĩ, Lý Tư Vương; con cháu của Trương Hoành, Trương Lỗ dòng dõi hiển nhiên không tế nghi thì không có. Chẳng hiểu vì sao ngày nay Đạo sĩ bắt chước Tăng sĩ xa tài dứt sắc, thanh cao độc vãng không dính líu với thế tục, rất lấy làm lạ. Vì thế, Truyền Dịch trọng tài sắc kia đồng như thế chê bai Tăng.

Như trong kinh "Lão Tử Hóa Hồ" nói rằng: Đã hóa Hồ Vương khiến Doãn Hỷ thành Phật. Người tánh hung hăng, hủy hình bỏ việc trang sức đẹp đẽ, không cưới vợ, chẳng có con nối dõi tông đường nên gọi là Sa-môn. Còn lại những kẻ yếu hèn dựa theo gốc kia, thì vợ con không bỏ. Y theo đây mà bàn việc ấy. Đạo sĩ Quán Trung, y phục, mũ phép tắc không khác thế tục, vợ con nối dõi, nương theo đạo pháp, không đáng lấy làm lạ. Do đây, Tiên đồng, ngọc Nữ hầu hạ sự thấp hèn của Lão

Quân. Huỳnh Đình Chu Hộ nói về việc của mạng môn. Dự định muốn làm cho dấu vết của Tăng khó hết, bèn phỉ báng cùng khắp. Vốn ý định kia là như vậy ư?

****

Lý Tích, người ở đất Triệu. Làm bạn với Duyên Xương Mạt Đời Ngụy Vi Cao Dương Vương. Bấy giờ, dân chúng phần nhiều bỏ nhà làm Sa-môn. Lý Tích dâng sớ tâu rằng: Lễ để dạy đời, pháp dẫn dắt đời sau. Dấu vết đã khác, phân chia cũng không giống. Vì thế trong ba ngàn tội, không có gì lớn bằng tội bất hiếu. Tội bất hiếu lớn chẳng qua là tuyệt tự. Nhưng tội tuyệt tự thật không có gì lớn bằng. Tình đâu được xem thường trái lễ ý buông lung hướng về Phật pháp. Nào được bỏ cái chánh đường đường mà theo pháp của quỷ.

Linh Thái hậu trách Tích vì sao cho là pháp của quỷ, chê bai Phật pháp.

Lý Tích tâu rằng: "Thần trộm muốn thanh minh Phật pháp giúp cho đạo tục đều thông, chứ không dám vọng cho là chê bai. Hơn nữa, tên quỷ đều là thông linh đạt xứng. Ba Hoàng năm Đế đều gọi là quỷ. Trong kinh Dịch nói: Biết tình trạng của quỷ thần. Trong sách Châu Công Tự Mỹ cũng nói: Có thể thờ quỷ thần. Kinh Lễ nói: Minh thì có lễ nhạc, U thì có quỷ thần. Phật chẳng phải trời, chẳng phải đất, vốn sinh ra từ con người, ứng đời dẫn dắt thế tục, đạo kia u ẩn gọi là quỷ. Ngu tôi không phải chê bai".

Linh Thái hậu nghe vậy không kết tội Lý Tích. Sau Tích bị hại ở Hà Dương, rõ Lý Tích đã dâng sớ muốn sa thải tích tả, không phải là phỉ báng.

****

Lưu Trú, người ở biển Bột Hải (khoảng giữa bán đảo Sơn Đông và bán đảo Liêu Đông, Trung Quốc). Tài thuật không thể tự đủ, đều không phải là kẻ sĩ. Chấp tài cao không được trao truyền, do tự so sánh.

Dâng sớ tâu rằng: Phật pháp lừa dối. Số người trốn quândịch đông như rừng, lại dùng lời bịa đặt mắng nhiếc thậm tệ rằng: Có Ni, có Ưu-bà-di (nữ cư sĩ) thật là vợ con của Tăng. Tổn hại thai nhi, giết con cái, tình trạng kia thật khó nói. Nay Tăng Ni chừng hai trăm vạn nữ cư sĩ hướng về có hơn bốn trăm vạn. Sáu tháng một lần phá thai, như vậy trong một năm diệt hai trăm vạn nhà. Nghiệm xét điều này, Phật là quỷ đầu thai không phải bậc Thánh. Cũng nói Đạo sĩ không phải là nguồn gốc của Lão, Trang. Dùng tà thuyết của Phật làm phối tọa kia mà thôi. Rõ ràng sách đây đã nói. Dứt sự nghe thấy trần cảnh, chuyên nói phá

thai giết con, há là lời nói của chánh sĩ ư?

Khổng Tử thấy một người làm lành mà quên đi một trăm tội kia. Bào Sinh thấy một người làm ác mà trọn đời chẳng quên. Tích rộng lớn và hẹp hòi đoán có thể biết, tâm của kẻ cuồng, người khôn cách xa nhau. Song thiên hạ tôn sùng Sa-môn có hơn trăm vạn, tài sắc không ham, danh lợi chẳng ưa. Đây là vọng ẩn đức, rộng làm việc dâm sát. Một năm giết hai người con, Sa-môn cũng vậy, một năm có hai người nam, gia đình là ai. Nói lời thô lỗ chưa đủ rộng, thế mà Truyền Dịch lại can ngăn cho là đúng. Và sau dâng sớ trở lại trình bày sơ lược việc này. Xét ra Dịch là học trò của Lưu Trú.

****

Dương Huyền Chi, người ở Bắc Bình, cuối đời Nguyên Ngụy làm chức Bí Thư Giám. Thấy chùa Phật xây dựng cao sang đẹp đẽ hao tổn vàng ngọc. Vương Công cạnh tranh nhau xâm lấn tài lợi của trăm dân, không thương xót dân chúng. Sau dâng sớ tâu rằng: Giáo pháp của đạo Phật dối trá, chỉ là luống phí, không cầm binh khí bảo vệ Tổ quốc mà hưởng thọ vật chất cúng dường, là bọn trốn tránh quân dịch, là hạng tôi tớ thấp hèn, tránh khổ tìm vui chẳng phải tu đạo. Lại Phật nói: Có là luống dối đều là vọng tưởng. Đạo nhân biết rõ Phật lý (đạo lý của Phật) nên tránh lỗi hư dối kia. Vì thế, dẫn tài lợi, khất thực, tham tích trữ không thỏa mãn. Lại nói: Tụng kinh Phật tôn trọng đồng như Đế vương. Vẽ Phật họa Sự hoàn toàn không cung kính. Mời thỉnh Sa-môn giống như Khổng Tử Lão Tử bái tục, việc làm phần nhiều là phù phiếm nguy hiểm, yêu cầu lập đàn để biết chân ngụy (thật giả), sau đó Phật pháp có thể vâng theo, Thầy trò không xen lẫn.

Như vậy thì bọn trốn tránh quân dịch trở lại nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Nước giàu, binh lính đông đảo, thiên hạ rất hạnh phúc. Huyền Chi đã tâu sớđây đại khái đồng như lời của Lưu Trú. Lời nói phần nhiều quê mùa nhỏ mọn không hơn Chu, Khổng, vì thế tuy có tâu lên nhưng không thi hành. Nhưng Truyền Dịch khéo léo sửa chữa đối với quan phủ, đến nỗi khiến cho lời nói tịnh thu phóng đảng chép đủ nhưng không truyền lại. Đây là chỗ buồn bả xót xa của khúc sĩ, chẳng phải là chỗ để tâm của người thông suốt.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 7

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 3)
LƯỢC NÊU VUA QUAN CÁC TRIỀU ĐẠI TRỆ HOẶC GIẢI HẠ

- Đời Lương, Tuân Tế.
- Đời Tề, Chương Cừu Tử Đà.
- Đời Chu, Vệ Nguyên Tung.
- Đời Tống, Lưu Tuệ Lâm.
- Đời Tề, Cố Hoan.
- Đời Ngụy, Hình Tử Tài.
- Đời Lương, Cao Đạo Khiêm.
- Đời Tề, Lý Công Tự.
- Đời Tùy, Lư Tư Đạo.
- Đời Đường, Truyền Dịch.

****

Tuân Tế người Dĩnh Châu, sau ở Giang Tả. Hiểu biết nhiều loại sách, ý chí nhu hòa hơn hẳn người thế tục. Khi Lương Võ Đế chưa lên ngôi, Tuân Tế và Lương Võ Đế quen biết nhau. Đến khi lên ngôi, làm quan thì không đến nữa. Tuân Tế giận dỗi nói rằng: “Từng biết lông mày ở trên lỗ mũi, mài mực viết lời hịch mà thôi”.

Vua nghe vậy rất bất bình.

Lương Châu Thứ Sử Âm Tử Xuân Tả Thiên: Tế làm bài thơ tặng, văn truyền ở thế tục, hoặc xưng là đế. Vua nói: “Cá nhân tuy có tài, nhưng loạn tục, ưa phản không thể dùng”.

Tế cho là không đắc chí, trong tâm buồn bã ấm ức hơn hai mươi năm. Thấy vua tin trọng đạo Phật, chùa chiền, hình tượng hưng thịnh, lúc đó liền dâng sớ nói Phật giáo tham dâm, xa xỉ, yêu vọng. Lại chê trách xây dựng chùa rất phung phí, thật là tai hoạn. Tóm lược lời tâu kia như vậy. Do ba phần (sách của vua Phục Hy, vua Thần Nông và vua

Hoàng đế), năm điển (kinh thi, thơ, lễ, nhạc, Xuân Thu) là quan trọng nhất của Hoàng đế. Bốn phương sáu kỷ là tầm cỡ muôn đời. Và Hán Võ cúng tế người vàng, Huỳnh Tân kiến lập nước, Hoàn Linh cúng Phù đồ (chùa), Yểm thụ chống cự. Do đây ba nước như cái đảnh ba chân đứng vững, năm Hồ vẫn còn cúng tế thức ăn, áo mũ bôn ba đến Giang Đông, giáo pháp của Rợ Nhung hưng thịnh ở Trung Nhưỡng, khiến cho sự gần gũi của cha con bị ngăn cách, nghĩa quân thần trái nhau, sự hòa thuận của vợ chồng thiếu sót, lòng tin của bạn bè không còn, trong nước nổi loạn ba trăm năm. Tuân Tế đã thuật những lời khống chế đối với hẹp hòi, còn như người trinh tiết trong sạch dứt bặt ở thế tục thì không nêu ra, đây là thiên vị. Thuật việc người vàng (Đức Phật) lúc mới giáng sinh, đến việc soán ngôi của Huỳnh Tân v.v... đều là an nghỉ đến việc nhà Chu giết vua Trụ đâu đã thấy kinh Phật. Nhà Tần chôn sống Nho sĩ không liên quan đến việc giáo hóa của Phật. Lễ mất, Nhạc loại chưa thấy chùa chiền. Chiến quốc không vua nào liên hệ đến Tăng ngụy (Tăng dối trá). Bèn nói là loạn giềng mối, làm sao loạn được. Chồng vợ, cha con người nào không đúng, chỉ vong nói mà thôi, không đủ để nói. Song tế cực lực chê mắng Tăng, hủy báng Phật. Đều biết dâng sớ lên quyết không hội ý chỉ, cũng biết không thể bác bỏ Phật pháp. Thật là hận vua không cứu kẻ thấp hèn, không vinh hiển triều đình. Do đó, đã dùng lời thấp hèn mắng nhiếc Tăng, viết văn sâu sắc chê bai Phật. Kia thật là ý muốn mắng nhiếc Thượng đế. Những lời xấu xa ở sau đều có ý định như vậy.

Tuân Tế dâng biểu rằng: Xét các tích xưa, không hề tôn sùng mang tà, trọng sự tham lam. Năm tháng ngày giờ cúng tế Tổ tiên không hề sử dụng ống sáo, nem thịt, miến, súc vật lừa dối tông miếu, trái sữ tôn trọng của Huỳnh Ốc, theo đường lối Thương Đầu. Sáng tối cung kính Hồ quỷ yêu quái, hết lòng cúng dường bọn trọc đầu tham dâm. Đam mê tin tưởng tà Hồ, dối cúng chùa làm việc dâm tà. Sợ không phải là do thông minh ngay thẳng mà có thể do phước của Bệ hạ. Tuân Tế đã nói lời này, nên vua rất giận. Lương Tổ cúng tế ngày ba mươi, bốn mùa thay đổi vào lúc ôn hòa mát mẽ, nước mắt chảy động nơi thiên hạ, khởi lời phú đối lòng hiếu ân. Vì thế, cảnh Dương Đài chí kính điện, hoặc trình bày Văn Tổ hiến cúng Hiến Hậu. Nào được nói là chưa từng gần gũi, vì thế trái với việc trước, mặc tình mắng nhiếc.

Cây sáo, thịt (nem), miến, súc vật dùng thay thế cho súc vật và lúa gạo. Rau, cỏ tần cúng tế mùa xuân đâu chỉ có đời Lương. Khuất phục từ cao đến thấp chính là việc ít có của muôn đời. Di nhược cởi giày

đâu phải việc hư cấu của trăm vua. Tự phi hành tổng, tám hằng vị lân thượng nhẫn. Đâu thể thực hành lòng từ dứt lòng tham muốn lúc thạnh, trường trai hết sức chí thành lúc việc xong ư?

Lại nói: Thần xin nói về việc được mất để so sánh phải trái.

Xét nguồn gốc đầu tiên của họ Thích vốn bị Trung Quốc chê bai. Đến nơi hoang vắng làm loài yêu quái ly mị. Cho đến thời vua Thuấn, ba tai ách chạy trốn, giết, ngu dốt, bọn gian của Tả Truyện Duẫn Tánh ở Trảo Châu. Đỗ Dự cho là Tổ riêng của Duẫn Tánh Âm Nhung, cùng Tam Miêu đều buông xả nơi ba nguy ách.

Bộ “Hán Thư Tây Vức Truyện” nói rằng: Dòng họ Tắc vốn là giống Rợ Nhung của Duẫn Tánh, ở Đôn Hoàng (thuộc tỉnh Cam Túc, nơi có nhiều văn vật Phật giáo Trung Quốc thời xưa. Bị họ Nguyệt ép ngặt đuổi đi, bèn ở Thông Lĩnh Nam Bôn. Lại gọi Huyền Độ, Hiền Đậu, Thân Độc, Thiên Độc. Bèn dối chuyển cho là dòng họ Tắc và dòng họ Thích, kia thật là một. Duẫn Tánh và Tam Miêu so sánh chỗ ở và giáo tích hòa hợp. Họ Thích không thực hành trung, hiếu, nhân, nghĩa; tham lam dối trá nên gọi là Phật. Phật là lệ, hoặc gọi là bột, bột là loạn, mà Bệ hạ cho là thạnh vị của Trung Hoa, bèn tôn trọng dấu vết của Diêu Thạch Khương Hồ.

Đây là điều thứ nhất không thể chấp nhận.

Xét ra chỗ ở của Duẫn Tánh là ở Đôn Hoàng Tây Nhung. Huyền Độ, Hiền Đậu v.v... thì ở Nam Phạm. Tây Nhung tức Vũ Cống đã truyền, Huyền Độ về sau bị Cẩu Tế chê bai, không đọa Tam Sử thì do đâu mà quyết định được. Xét ra Huyền Độ chính là cùng sâu xa hiểm trở của Bắc Thiên, nhờ phép tắc mà qua. Hiền Đậu là nhân phong sở hành của Thiên Trúc. Bốn mùa hòa nơi ngọc chúc, đất bặt lưu sương. Bảy chúng soi chiếu nơi gương vàng, thần cơ lạnh lẹ. Người truyền lời của trời, chữ phát ra văn của trời. Từ xưa đến nay không chiếm đoạt nhau. Đây là tâm địa gọi là Trung Quốc.

Người thực hành trung hiếu sao gọi là không như Tế đã nói. Đồng Điền Long tội Tam Hoàng chẳng phải là năm Đế, đâu thể nghe ư? Lại xét ra Đức Thích-ca thuộc Rợ Nhung, sinh ra từ hông phu nhân Ma-da. Sinh được bảy ngày thì Ma-gia qua đời. Sự việc này phù hợp với trường hợp như con chim kiệt, con kính ăn thịt mẹ. Lớn lên tranh giành ngôi vị. Trong không tự an, trái cha phản vua, rất là trái nghịch. Bị Đạt-đa ném đá, Nan-đà giương cung, thay đổi đạo thường, tự đổi hình hài, đâu thể cứu giúp muôn vật. Nhóm họp bọn hung ác, đổi áo cạo tóc, nói lời luống dối không đáng vâng theo. Trong chín mươi sáu đạo, đạo này là

tham nhất. Hợp bọn dâm ngu kia, phần nhiều kính tín. Còn như lưu ly trù Thích, Cù-đàm Lộ Tả nhìn thấy. Sinh thân còn chẳng tồn tại, đã chết rồi làm sao cứu được. Đây là thực hành trung hiếu. Thiên hạ học theo, Bệ hạ thì không tự xử.

Đây là điều thứ hai không thể chấp nhận.

Xét trong kinh nói sinh ra từ bên hông, nghĩa xuất xứ từ kinh trước. Vì mang thai một vị Thiên sư nên công đức rất lớn, chẳng phải sự cung kính của các người cho là kính phụng. Lại biết người mẹ kia sắp qua đời, vì thế sinh được bảy ngày rồi, quả báo được sinh lên cõi trời. Song thời sinh ra từ bên hông, mổ sau lưng cũng có, không giống như loài chim kiệt, kính ăn thịt mẹ. Vì sao lại dẫn việc Nan-đà giương cung, Đạt-đa ném đá, nêu ra quyền hành. Phản bạn nghịch tiết trao lại chê bai. Tự nhịn đối để giáo hóa ngoại đạo. Biến tục để tịnh cửa tham. Thế mà nói trong các đạo, đạo Phật là tham nhất, hoàn toàn trở thành chê bai. Phản nước mà không hộ trước, nêu nghiệp khó quên, các kinh có rộng nêu. Lý hiển bày không uẩn khuất. Tuân Tế khéo léo hòa hợp, bổ sung thành văn. Đây là có tài không ngại việc không có cáo trạng.

Tuân Tế lại nói rằng: Nay Tăng Ni không cày bừa, không lập gia đình, đều dứt việc sinh sản, kiêu căng với vua, lấn hiếp người thân, trái lễ tổn hóa. Đây là điều không nên thứ nhất.

Xem lời chỉ trích của Tế đây là chuyên cho là vua chính thân vô tướng rõ Tăng Ni dứt sự tham dục, lực dụng siêu vượt chúng sinh, nghĩa này đáng theo, cố tình không nghịch. Song không lập gia đình dứt việc sinh sản, bác bỏ vua thực hành. Không cho hiển luận bèn mượn Tăng mà mắng nhiếc vua.

Lại nói: Đối với loài sinh linh, vợ chồng phối hợp, sinh sản nam nữ, pháp của Rợ Hồ thì ngược lại. Phần nhiều tạo tượng bùn đất, cây gồ chuyên cầu việc bố thí, đâu chẳng phải là quá tội lỗi, đây là việc không nên thứ hai.

Việc Tề cho là không nên, đây là sự hiển bày, pháp của Hồ không dâm dục. Hồ từ đâu có bùn gỗ, bố thí, nêu việc này thấy có sự chê bai. Song Phật chẳng phải là rợ Hồ, mà chính là Thiên chủng (dòng dõi vua chúa).

Hồ chính là giống Rợ Nhung khác Phạn hương (quê hương của quý tộc ở Ấn Độ). Như nói Thần Châu gọi là Hán địa. Nay xét ra Hán chỉ có thể thuộc đời Lương. Hán tuy nói là ban đầu phong Đế đều ở tại kinh Lạc. Ngô, Sở chưa gọi là Trung Hoa, Lăng Hổn quán Nhung, lại Nhung thay đổi Hạ. Chỉ có một giáo pháp của Đức Phật dứt bặt sắc tâm.

Hai dòng Hồ Phạn đời đời thường học theo.

Tuân Tế nói: Bọn Rợ Hồ quỷ quyệt dối trá, tự xưng là bậc đại giác, mà Tỳ-kheo hành dâm, giết con, Tăng Ni cũng vậy. Hại các loài dế, loài kiến để xây dựng chùa chiền, phí tài của công sức để cất giảng đường. Nếu Mâu-ni hay chiếu mà cố tình buông lung dâm dục giết hại, lại dối xưng là tư bi, có thể chiếu mà không thể cứu. Lại đại giác ở đây không có lợi ích chúng sinh nhưng thiên hạ không biết.

Đây là điều không nên thứ ba, lời chê bai này rất kỳ quái. Những người thông suốt há nói lời kia ư? Việc hèn hạ xấu xa há y theo đây ư? Nhưng bọn đại trộm giữ nước, tội nhân của thiên hạ. Hành dâm giết con là giặc của Phật pháp. Kẻ hèn hạ xuất hiện thì đuổi ra khỏi bốn nước, quả báo đến thì phải chịu chìm đắm trong ba đường ác, thế mà cho là Tăng Ni đều như vậy. Đây là lời vu khống quá đáng.

Lại nói là bậc Đại giác không có lòng từ. Lại nói: Không lợi ích chúng sinh. Đây đều là dùng trí lượng của kẻ ngu cho là Thánh cứu giúp kẻ phàm ngang với sự thành thục giáo hóa của bậc Đại giác, làm mất đi sự hành thiện của một người đức hạnh. Có thể cho là con Bọ ngựa có dũng cảm cự luận, con ếch dưới giếng bị vướng mắc tâm dưới vực sâu của giếng.

Tuân Tế nói: Giáo pháp của Hồ san tham, chỉ có tài lợi là chờ đợi, thật là thực hành ba độc có hại cho muôn phương. Chưa thấy tu sáu độ để làm hưng thạnh Tam bảo. Đây là điều không hay thứ tư.

Hơn nữa, tài thật nhiều là chỗ ẩn núp của người tham, tích chứa làm tán mất tính tình của người liêm sĩ. Trong sáu độ, bố thí là bậc nhất. Chỉ có đạo Phật lập ngôi vị Tam bảo, Phật là giáo chủ, chính là bậc Chánh giác ban bố lòng từ, không có Phật pháp thì đâu có công của sáu độ, dứt lòng từ thì đâu biết Tam bảo là chánh hóa. Tuân Tế do không được chí kia, nếu bị đắm chìm chỉ tăng thêm lòng tham, cạnh tranh đổ lỗi cho người, chưa hiển sự nhàm thân để bỏ đi sự trì trệ. Kẻ sĩ trong đời còn không có lời hư dối, Tuân Tế thật là kẻ nhỏ mọn, khinh thường mọi người, sử dụng tài cầm bút của mình, không nghe Cố ung bái muôn Hộ phong nhà mà người không biết. Gia Cát Lượng thọ ba Quận (ba Đô) thưởng kho không có một tấc lụa. Tạ An bình trăm muôn giặc, vẻ mặt thay đổi. Bậc Năng nhân bỏ bốn cõi, di chúc của vua như nước mắt, nước bọt, đây là Thật lục. Huống lại bỏ thân thọ thân, xem ba cõi như lao ngục, chỉ có tài thực, thật là rắn độc của tám món vi diệu. Y bát thường bên mình, như chim bay vào khoảng hư trống, đi ở không vướng bận, giống như loài vịt trời nổi bồng bềnh trên sông rộng. Những thí dụ

này gọi là Sa-môn. Vì thế kinh nói: Tăng không phạm giới không thanh tịnh. Nếu trái với đây thì chẳng phải Tăng. Há được cho giặc Thần nghịch chúa so sánh với tắc, tiết cùng Đường, Ngu, Cơ Đề, gai gốc sánh với lúa tươi cây tốt, hễ lập lời can ngăn hai phần trong đục. Toàn võng dĩ hôn hung. Đều che giấu những kẻ sĩ tài giỏi, lý đâu thể như vậy vào thời Lương có chính sách, lòng nhân làm đầu. Vua thì dứt sự tham dục, ăn uống đạm bạc, Tăng thì ở rừng núi hiểm trở. Đi vào chỗ mạo hiểm có thể rơi vào chỗ Hổ, Beo, Chó, Sói. Người thông hiểu soạn làm luận thì đều bỏ khuyết điểm, che giấu lỗi lầm, việc làm thông thường của kẻ sĩ. Vì thế Nho của Lỗ chỉ có một người là Khổng Tử. Lạm xuy thiết phục thời chỉ nghiêng nước, Tăng thật giả, quyền thật khó phân. Chỉ có Phật biết được, còn lại chỉ thấy nghe. Vì thế, Tuân Tế không thông suốt thì không đáng nói. Hận cho kia sớm bị lửa tro cận kề, há không biết phản tỉnh hay sao.

Tuân Tế nói: Giáo pháp của Đức Phật để lại dạy rằng: Không được cày bừa khai khẩn ruộng nương, không tích trữ tiền tài ngũ cốc. Khất thực, nạp y tu hạnh đầu đà làm việc chính. Nay thì không như vậy, vài mươi vạn chúng không có để tâm nỗi Lan-nhã, theo lời dạy không cày bừa thì đông. Thiên hạ có nỗi khổ đói khát thiếu thốn. Trái giáo lập pháp, không thực hành thì cần gì có pháp này. Tới lui chưa hết lý. Đây là điều không nên thứ năm.

Nhưng Tuân Tế biết có lời dạy của Phật để lại, biết có đồ chúng ở Lan-nhã. Nhưng chưa biết giáo pháp có lúc căng lúc dịu. Há gán cho cơ nghiệp của Tam bảo. Đức của Phật rộng lớn, chư Thiên cúng dường còn tự xuống Tăng điền. Phước rộng lớn thần nhiều nghĩa đáng vọt cao. Giáo có khai hợp tùy căn cơ mà chế ra cho thích nghi, không thể hạn cuộc ở lương thực lúa gạo dùng cho đạo để chung lợi vật. Vì thế, kinh nói: Nếu đệ tử ta đúng như pháp tu hành thì lấy một phần của trăm ngàn vạn phần vô lượng công đức trong tướng bạch hào của Đức Như Lai cúng dường cho đệ tử ta thọ dụng không hết, cho nên biết vì đạo xuất gia, vì đạo cúng dường, vì đạo thọ dụng, vì đạo hoằng phước, đạo vốn thông suốt chẳng phải như sự trù tính của thế tục. Vì thế, thọ dụng từ sự trở lại tôn đức vủa Phật.

Kinh nói: Tu hành đúng pháp lãnh thọ ngàn vàng cũng được; trái lời dạy của Phật thì một ly nước cũng không cho. Vì sao được nói vọng chỉ tham tài, thực?

Lại kinh nói: Trụ pháp thí thọ của ta, vào chỗ tối mà không thấy tối. Ngược lại mà thực hành thì như khoảng không vô tận. Đây là biết

ngoài tâm không cảnh, thấy cảnh là tâm. Cho nên, khiến cúng thí tùy tâm chứa nhóm không ngoài.

Kinh nói: Sáu độ ở tâm không ở sự, đây là lời chân chánh. Dẫn chứng rất dễ hiểu.

Tuân Tế nói: Niết-bàn dựa trên việc Đức Phật nhập Niết-bàn mà khởi lời hỏi. Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, kinh giáo của Đức Phật khác với kinh của ma Ba-tuần. Xem đây, phát lời hỏi thì ngày Cù-đàm còn tại thế, các đệ tử không thể phân biệt chân và ngụy. Huống chi số Tăng lữ gian trá trốn tránh quân dịch ở Trung Hoa mà không bị mê hoặc ư?

Xét lời nói này của Tuân Tế, hoàn toàn không biết văn nói về diệt độ, ma Phật khó phân, há nói được cuộc đời Đức Phật. Các đệ tử không biết ba chủng, bốn y trong kinh, khảo xét quyết định ma Phật, tà chánh, không phải là chỗ biết của Tuân Tế, kia cũng không nói.

Lại nói rằng: Tăng lữ gian trá trốn tránh quân dịch ở Trung Hoa, không mê hoặc người, đây là lời nói thẳng thắn, thật không thể hiểu. Chẳng phải trốn tránh quân dịch thì có thể phân biệt được. Vì sao sao không nói che giấu điều tốt, nêu bày điều xấu chuyên làm việc chính.

Kinh Niết-bàn nói rằng: Người nào trốn tránh quân dịch, không có tâm chí hướng về đạo, ta sẽ cho thôi tu hoàn tục làm quan, Công sử, đây là lời nói chân chánh, vì sao không chép vào phần trên.

Tuân Tế lại dẫn kinh Niết-bàn rằng: Vua A-xà-thế hại cha, Kỳ-bà bày tướng trạng. Phật dùng trí trừ khiến kia mà mê giải. Tục tuy sự kết, lưới hoặc càng sâu, vì thế dùng ấm giới nhập cầu cha không được, chỉ vọng tưởng gọi là cha. Thật là người ngang ngược mưu hại chiếm ngôi vị kia. Nếu nước hiểu được, biết cha vốn không thì cần gì khởi nghịch. Nước cũng không có, do Phật khai hóa, ngộ đạt vọng tâm, hối hận hổ thẹn không có tín căn. Tuân Tế không đạt điều này dùng sự chứng lý, chê trách Thiên tử chú giải kinh, chê bai hạ thần nghịch loạn. Cho rằng Phật nói không có cha, không cha cần phải trừ, chấp tích mê giáo, không đáng lấy làm lạ cho sự ngu tối kia. Còn những việc lặt vặt như tượng, so sánh luận vốn đồng như ở đây.

Lại dẫn luận của Trương Dung, Phạm Chẩn ba lần phá, tập trước ghi đầy đủ rõ ràng, có lời chống đối của Dung và Chẩn, thấy ở phần thuật sau, nên nói rằng: Dung và Chẩn lập luận không thể phá, đây là lời hư dối.

Tuân Tế nói rằng: Từ xưa các bậc Đế sư, chư hầu, bạn khách ngàn năm một lần gặp dụ như sáng tối. Bậc hiền minh ít có ở đời, vũ trụ lập riêng. Nay bèn cạo tóc, ngàn dân không quan, vạn chúng xưng là Đế

sư, chưa thể được. Diêu Thạch Ngọc Thực ba ngàn chùa Phật. Tám trăm cung ngọc cúng dường trọng hậu. Cuối cùng miêu dân đồ diệt, Tống Tề đã hàng đâu hề trị được lỗi trước. Còn có lời thô lỗ mắng nhiếc Tăng, đủ có thể bịt tai. Cuối cùng là lời nguyền rủa vua, đồng như ngụ ngôn của Trang Mông.

Lại nói: Tăng ra khỏi cảnh nghèo hèn, luật lệ được miễn thuế má, quân dịch. Không có kỳ hạn hướng về đạo, chí đắm trong sự tham lam, dâm dục; thầm trộm kinh điển Trung Hoa, chiếm đoạt quyền triều đình.

Có mười trường hợp:

1. Buôn bán, sửa chữa nhà lờn. Đây là lấn chiếm chỗ ở của Hoàng đế.

2. Xây dựng dựng tịnh thất lớn, trang sức tượng Hồ. Đây là lấn quyền minh đường tông tự.

3. Rộng diễn dịch lời yêu mị khuyên thực hành và lưu truyền cùng khắp. Đây là đàn áp chiếu chỉ sắc lệnh của Đế vương.

4. Giao nạp vải lụa khinh thường hư quả của năm đức thiên đường. đây là chiếm đoạt đức thưởng của đại quân.

5. Dự trước mua chuộc khỏi tai ách ở sáu cực địa ngục. Đây là chiếm đoạt hình phạt của nhân chủ.

6. Tự xưng Tam bảo, nương nhờ bốn y; ngồi cao ngạo với quân vương, đây là chiếm thuật oai nghi.

7. Xây dựng nhiều chùa, độ nhiều Tăng Ni. Đấy là định làm bá chủ trong nước.

8. Ba thường, sáu kỷ bốn đại pháp tập. Đây là biệt hạnh chánh sóc, mật hạnh trưng phát.

9. Lập cõi tri lạc để dắt dẫn kẻ ngu muội, bồi hồi lo âu để kêu gọi hội xa. Nêu bày cõi nước của Phật an vui, chê bai sự giáo hóa của vua là ách khổ. Đây là biến đời, đổi phong tục thuế má.

10. Pháp tịch tu hội tà mưu biến thông, xứng ý thưởng vàng, hủy phá phỉ báng. Đây là sáu thao (phép binh của Thái công), bí sách của Lữ Thượng.

Mười việc này không dung một việc. Điềm báo ẩn lộ tực phải tru di. Nay bằng túng ý lưu hành bác bỏ sự giáo hóa của vua. Lại đánh tiếng hồng chung ở đài cao. Mong tiễn lậu (vật dùng trong cái hồ để tính thời khắc của ngày xưa) của khuyết đình. Treo cờ phướn, lọng báu ở Trường sát, phóng Lỗ Bộ (các thứ nghi vệ hầu hạ) ở Sung Đình. Trưng ngọc thực để trai hội, tạp yến tiệc của Vương Công. Xướng cao vượt tán

tụng. Tượng thực xướng lên đăng ca khen công đức thì so sánh với chú sứ của Trần Từ. Thọ cúng thí thì đồng thứ bậc của Thúc Bạch. Lập ra oai nghi thì bắt chước văn vật của lá cờ, các việc làm đều dự định triều nghi v.v...

Bệ hạ lại khuynh trừ cúng chùa, muôn thừa nghĩ là nghi thức tầm thường, lễ bái Tăng Ni. Ba việc chấp lễ của Bồi Thần (bầy tôi); sùng ái đã long trọng, khinh lờn cũng quá lắm. Thần không chấp nhận ấy là bốn.

Xem Tuân Tế đã nêu ra mười trường hợp trên, đồng quy về một hư dối, khiến cho vua thêm động tâm. Muốn thông đạt cơ thần của vua, ngậm sâu tỏ ý khinh bỉ của vua, không thể thông được. Ôm lòng tức giận, chê bai để thỏa thích sự chê bai của mình. Nói tuy như thần mà thật là khinh khi. Vì sao ở trước nêu Tăng dối trá, không có điềuác (điều xấu) nào mà không nêu ra?

Nói: Vua xem trọng, vua không biết, đây thì nói riêng chúa ám muội, không nói tự hình, trau chuốc lời nói để che sự xảo trá. Dấu vết tốt đẹp thì sẽ lộ hình. Cho nên nói rằng: Biết người là khó, người thật khó biết. Biết được cái khó kia thì ngàn năm chỉ có một. Lương Tổ biết rõ tính tình của Tuân Tế không thể kham lãnh việc triều chính, nên nói là có tài nhưng ưa phản. Há lời này là luống dối ư? Nhưng sự việc nêu ở trên là ở biện luận của Tế, cách nhau một trời một vực, vì thế mới dâng tờ trình vụng về.

Tuân Tế nói rằng: Bệ hạ cho rằng nhân quả phải có thời kỳ nhất định, nghiệp báo ứng không dời đổi. Cho nên tôn trọng tượng pháp cúng dường càng long trọng. Nhân dân cực khổ, cây cối bị chặt. Thiêu đốt, đào quật các loài ếch, kiến; làm tổn thương hòa khí. Há là lòng từ bi của bậc Đại giác ư? Hồ quỷ có thể tạo phược, có thể phế bỏ đạo Nho. Đạo Phật có thể trừ họa, dứt việc binh khí. Nay coi trọng việc phòng vệ của ải chuẩn bị không lầm. Đánh mõ để tranh đất trống. Giết ếch kiến mà tạo lập công đức. Đã trái với kinh điển Đạo Phật, tôn sùng yêu tà mà làm việc cúng tế nịnh hót. Lại thiếu danh số. Năm thước, đứa bé chăn trâu còn biết không nghi, tôn nghĩa bốn biển không có hai, ba đức.

Thần vì Bệ hạ không chấp nhận điều thứ năm này.

Biết rõ Tuân Tế đã dùng sự để bày lý. Nay thì dùng lý để thông sự. Phàm nhân quả báo ứng như bóng như tiếng vang. Nếu không tin nhân trước quả sau thì không cho rằng hình động thì bóng động theo hình đó. Vật lý hiển nhiên, sao đến nỗi lầm được. Chặt cây, đào đất là quy tắc từ xưa của thiên thường, xây chùa, cúng dường là sự cung kính

trọng hậu của nhân luân. Làm nhân dân lao nhọc, tổn hại trùng kiến sao vua không có? Đây là do phước không tự nương nhờ. Bốn tục không từ lao nhọc, tội không do người khác. Trăm loài trùng chết mà không có tội, cho chánh pháp là sách yêu mị. Đem sự trong sạch để cúng tế nịnh hót. Đây đều là chỗ tha thiết của u minh, là chỗ thương xót của Hiền thánh. Nhưng Tuân Tế không biết nhạc độc Đại thần kính thờ Phật mà cầu phước, trời đất, linh Thánh đảnh lễ để thỉnh huyền chương (kinh sách nhiệm mầu). Vì thế, xây dựng chùa chiền sẽ được bốn món vô úy. Riêng ở cõi không xứ đủ bốn món biện tài, Tuân Tế chẳng thể biết, biết mà cố chê bai để động lòng vua.

Tuân Tế nói: Chánh sách nhà Tần chịu sự lừa dối ở ba núi. Thuế má nhà Hán bị khinh khi ở năm lợi. Lòng tin thuận theo sự lừa gạt, phải đến nỗi như thế. Không xét kỹ tính tình dối trá thì đâu rõ được lỗi lầm trước, lại dẫn năm việc để rõ.

Hai triều đại Tống, Tề trọng Phật kính Tăng, nước dời miếu đổi ấy, chỉ vì Phật dối, Tăng không thật, gian trá làm tâm, phá thai giết con, hôn dâm loạn đạo. Vì thế khiến cho hai triều đại Tống, Tề bị tiêu diệt. Nay chùa tượng thời Tống Tề còn đó, Bệ hạ lại tôn thờ. Như vậy thì những tai vạ của hai triều đại này, Bệ hạ không tin mà biểu lộ sự tôn kính như vậy. Nay Tăng Ni an cư không giết hại ếch, kiến là thương tánh mạng của hàm linh, mà cao ngạo với vua, cha. Quên lòng nhân từ với loài côn trùng. Phá thai giết con trở lại nuôi dưỡng loài muỗi mòng.

Phàm dịch ấy là quân thần, vợ chồng, cha con ba cương sáu kỷ. Nay đạo Phật vua không vua, cho đến con không con, ba cương sáu kỷ hỗn loạn.

Tuân Tế dẫn trường hợp hai triều Tống, Tềdo tin Phật mà sớm diệt vong. Đây là khinh vua. Sao chê bai Phật mà cũng chê bai cả thần kỳ. Phàm vận nước bại hoại hay hưng thịnh là thường số của trời. Nhường ngôi phóng trù có biến chung của cả nước. Vua trước tự hưởng được muôn năm, vua sau không thích nghi giữ ngôi vị. Đây chính là hằng lý của giao tạ, là thời kỳ sinh diệt.

Sao được chấp một đời thường còn, mà mê mờ sự thay đổi vận mệnh của trăm vua, đều không thể như vậy.

Các vị vua đời Tống Tề sở dĩ trọng Phật kính Tăng là vì biết nguyên do mà ngôi vua có được, nên mang ơn đó mà đền đáp trọng hậu. Lại biết ngôi vua không được bảo tồn nên gây nhân để trông mong được quả lâu dài. Nhân xưa đã ngắn không thể kéo dài đến muôn đời, vì thế mới có nhà Lương nối ngôi. Nhân nay chưa đến, không thể ngay nhân

mà thành quả nên phải thọ quả báo ở đời sau. Đây thì biết nghiệp vận theo nhau, bốn tựa không mất, vì sao khinh Phật không có báo ứng ư? Nếu khinh không có báo ứng, thì các thần miếu, thần, trời, thần vườn, thần đất, phương trạch, núi sông trông mong hưởng lộc cũng đều trừ bỏ hết, đâu riêng chỉ có Phật tăng luống thọ dối trá. Bèn nói phá thai giết con, nay còn oán thù. Ông cũng ưa oán thù, sao can phạm triều chính mà không thấy.

Sớ trình lên, Lương Võ rất giận, tập trung kẻ sĩ trong triều đem Tuân Tế gia hình. Tế lén trốn đi, đến đòi Ngụy muốn vua yên tĩnh. Sự việc bại lộ bị Tề Văn Tương đốt chết. Năm đó Tuân Tế được tám mươi tuổi.

Việc làm của Tuân Tế thật phi lý, mặc tình thi thố tài thuật, can phạm đến triều chính mà việc vinh hiển, phụ trí tự diệt.

Xưa nói rằng: Không ngự ngôi vua kia thì không nên toan tính việc triều chính. Tuân Tế là người dân áo vải (dân thường) má toan tính việc miếu đường thật là quá lắm. Phật thực hành lòng từ giáo hóa không tổn hại Vương thần, giữ tâm trong sạch, trừ tà diệt hoặc, đây là lời dạy của Phật. Vì thế dùng ba món học vô lậu và tám món chánh đạo để dẫn dắt người xuất gia. Sáu độ, bốn thệ nguyện rộng lớn để khai mở kẻ sĩ và thế tục. Trong đó, thông cuộc, thích hóa tùy duyên giác ngộ làm tông chỉ. Còn lại thì không phải ý Phật. Mà Tuân Tế không nói về chánh hạnh của kẻ sĩ, chuyên thuật người loạn nghiệp. Dùng ngụy bác bỏ chân, dùng tà lấn hiếp chánh. Dĩ quả phạt chúng dĩ tích loạn toàn họa không cầu thân, lén nêu kinh điển của bậc Vô thượng, bị tai ương không nói hết. Cuối cùng bị sự báo thù đốt thân, thật là đáng thương.

****

Chương Cừu Tử Đà, người ở quận Ngụy. Đời Tề, niên hiệu Võ Bình làm Nho lâm học sĩ. Lúc đó, rất tôn trọng Phật pháp, tạo chế cùng cực.

Phàm quyết lương ốc đều là tăng. Có khuynh kiệt phù tàng sung Phật phước điền tục sĩ không bì kịp. Tử Đà không làm quan nên không được sự may mắn kia, bèn dâng sớ trình bày rằng: Đế vương trên thờ Thiên thần, dưới thương mến dân chúng. Vua quan, chồng vợ, cha con ba cương sáu kỷ có nguồn gốc. Từ đời Ngụy, Tấn đến nay Hồ yêu loạn Trung Hoa. Trái vua, phản cha, không vợ, không chồng mà gian trá xa xỉ khống ngự oai phước, ngồi không thọ hưởng lại được cung kính, khinh khi sĩ tục. Hậu phi ban đêm vào phòng tăng. Con em tối ngủ phòng Ni.

Lại nói: Thần không kinh không sợ không tránh vạc đảnh. Tấm

gội xong, du thần dâng lời sớ lên để nghe. Có hơn mười tờ, vua nghe xong nổi giận, muốn giết Tử Đà.

Cao Na Hoằng nói rằng: Người này tìm danh muốn được chết. Nếu bệ hạ chém đầu y, rơi đầu nhưng nhờ thuật nội y, sẽ sống lại. Bệ hạ phải cấm, khiến cho y tự chết, vua nghe theo đó.

Trải qua hai năm thì Chu Võ Bình Tề xuất hiện. Nhà Tùy ban đầu vẫn còn, không lường được kia. Nay đọc lời sớ dâng của Tử Đà, chỉ nói về việc yêu dâm, chứa để tài sản của Tăng, không có gì khác. Nói lời nặng nề tùy sự làm rộng ra. Người không biết cho là việc trên rất nhiều, người thông suốt thì chỉ hai vết bánh xe đi qua, gọi là tài sắc. Đại khái giống như lời nói của Tuân Tế, tài lý như mây như bùn, không kịp đương thời. Hai triều đại Ngụy Tề, các vị danh tăng rất đông, cử Thập Thống làm quan, lập Chiêu Huyền làm quan hữu ty. Nhờ che chở không theo, hình hài, tư lương chỉ có áo và cơm, khốn khổ, nghèo túng, đói lạnh, nên thấy Tăng được cúng dường trọng hậu sinh ganh ghét đến nỗi trình bày lời kháng biểu. Cuối cùng bị chèn ép thối lui, không toại nguyện. Truyền Dịch lại thêm phấn, mực. Nói chuyển phù toái, là chỗ cười kẻ hạ ngu, huống gì đối với bậc thượng đạt ư?

****

Vệ Nguyên Tụng, người Hà Đông, xa Tổ theo quan đến nước Thục. Cuối đời Lương làm một vị Tăng giả điên đi lang thang đây đó. Chu thị bình Thục, nhờ đó mà được vào cửa ải.

Niên hiệu Thiên Hòa thứ hai dâng sớ, lược rằng: Sự giáo hóa của triều đại Đường Ngu không có chùa để trị nước mà nước được an. Triều đại Tề Lương có chùa để giáo hóa dân mà dân không vững, như vậy là chưa hợp đạo. Nếu nói dân bại hoại không do chùa chiền, nước trị há do có chùa. Chỉ do tâm dân hợp đạo mà thôi. Dân hợp đạo thì nước được yên, đạo thấm nhuần vào dân thì việc trị nước được vững. Đây là do triều đại Tề, Lương dốc lòng giữ gìn, pháp mà xây dựng chín cấp Phù đồ. Đường Ngu lo cho thứ dân mà lụy thổ đều tiếp địa. Nhưng Tề Lương chẳng phải không có công đối với chùa nhưng giả dối nên không kèo dài. Triều đại Đường Ngu đâu có công với chùa nhưng trị nước được lâu, chỉ do lợi dân ích nước thì hợp với tâm Phật mà thôi. Tâm Phật dùng đại từ làm gốc. An vui chúng sinh không hề có khổ dịch thứ dân. Cung kính bùn gỗ tổn thương loài hữu tình, che chở lợi ích loài vô tình. Mà Đại Chu khởi vận chuyết lịch ưng đồ gồm có sáu hợp. Đối với nhất tâm, mặt trời mặt trăng song chiếu, dưỡng chúng sinh như đất che chở muôn loài. Đồng huyền thiên thật, ba Hoàng hưng khởi, than

ôi! Triệu dân lần đầu tiên gặp, đời Ngũ đế mới lập mừng thứ dân được gặp há không kính mến phong cách thù thắng của Đường Ngu, để lại mạt pháp của triều đại Tề, Lương. Tung thỉnh xây dựng chùa lớn Bình Duyên, chứa được muôn loài trong bốn biển, không khuyên lập Khúc Kiến già-lam Thiên an năm bộ Nhị thừa. Chùa Bình Duyên đó bất luận đạo tục, chẳng lựa thân sơ. Dùng Thành Hoàng làm chùa tháp, tức vua Chu là Như Lai. Dùng quách ấp làm Tăng phòng. Vợ chồng làm Thánh chúng, suy linh đức làm ba cương, Tôn kỳ lão làm Thượng tọa. Chọn người nhân trí làm chấp sự. Tìm cầu người dũng cảm làm pháp sư. Thực hành mười điều lành để phục chỗ chưa an, nêu bày vô tham để dứt trộm cướp, đây là đem áo cho kẻ lạnh lẽo không có gì che thân, nuôi dưỡng những kẻ mồ côi, cô độc, góa bụa. Thương xót cứu giúp những người già bệnh khỏi sự nghèo cùng, thưởng cho người có lòng trung hiếu, phạt bọn hung nghịch, thăng chức cho người trong sạch, đuổi các thần sử dua nịnh. Sáu hợp không có tiếng oán vua Trụ; tám hoang có lời vịnh ca vua Chu. Phi trầm an ổn nơi hang ổ kia. Thủy lục được sự trường sinh. Tung đây nói ở trước, có sở nhân. Đã có đọc luận Trí Độ, thấy chánh linh của Phật Thiên Vương, vì thế lập chùa Bình Duyên. Song thuật Phật đại từ, hàm linh an vui, đây được lý vậy. Sự thì không như vậy. Vợ chồng hòa thuận chưa thể dứt dục vọng. Thành Hoàng nhiều chùa chưa phải là đất Thánh, vì thế không thể được. “Tức sắc là không”. Chẳng phải chánh trí thì không hiểu. “Ngay phàm là thánh”, phàm phu đâu thể thông được. Vì thế, cần phải hai đế song hành, hai thừa (hai luân) đều vận, dùng đạo thông tục, có lúc xuất yếu.

Tung nói rằng: Không khuyên lập Khúc Kiến già-lam là vì tổn thương người và súc vật. Nếu làm thì trái với tâm đại từ của Phật. Xưa vua A-dục xây tháp, một ngày sai khiến muôn thần. Nay xây dựng chùa nhiều năm tổn hao tài mạng. Huống lại hòa đất làm bùn, nung ngói thành màu đỏ. Vì cỏ trùng mà làm kiếp hỏa, giúp ếch kiến mà khởi thiên tai. Kính mến nhân từ không nên trái lời dạy. Đây thật là giới. Vì thế, Tỳ-kheo làm phòng trước trừ phòng nạn, nếu có tổn hại thì không được làm. Chạm loài vật khởi lòng từ tức là nhân tháp, lý cùng tột chân chánh, sự ít thực hành.

Lại nói: Thỉnh người có đức, kẻ nghèo cùng miễn định thâu khóa (miễn thuế). Phú Tăng Vô hạnh thâu khóa miễn định. Thâu khóa miễn định thì cư Tăng sẽ hướng đến việc đình khóa tranh dứt san tham. Người nghèo cùng miễn định (miễn nạp thuế) thì mọi người sẽ hướng đến miễn định đó mà lo tu trung hiếu. Thực hiện được như thế thì Phật pháp

được hưng thịnh, quốc gia an ổn. Thật chẳng phải diệt Tam bảo mà làm cho trăm dân khổ ách. Có mười lăm điều, đều là sự ý, khuyên thực hành bình đẳng không diệt Phật pháp.

Khuyên không bình đẳng là diệt Phật pháp.
Khuyên thực hành Đại thừa.
Khuyên nghĩ đến kẻ nghèo cùng.
Khuyên bỏ tánh xan tham.
Khuyên người phát lồ sám hối.
Khuyên lợi ích quốc gia, dân chúng.
Khuyên lo liệu vì dân.
Khuyên người hòa hợp.
Khuyên ân ái hội.
Khuyên lập chợ búa.
Khuyên thực hành cúng dường.
Khuyên chùa không có người lính.
Khuyên lập Tam Tạng vô tham.
Khuyên lập một ít vị Tam Tạng.
Khuyên lập Tăng huấn Tăng.
Khuyên kính Đại thừa.

Những điều răn nhắc nêu như trên, nếu ngược lại thì diệt pháp, thuận theo thì pháp hưng thịnh. Gồm trình bày hai luận Biểu trạng và Phật đạo, lập chủ khác nói về tiểu đại.

Tung dùng lý thông, nói rằng ta không thờ hai nhà, chỉ thờ Chu Tổ. Do hai không lập lời nói kia, mà vua nhà Chu chính thân thờ việc kia. Vì thế, ta thờ vua không thờ Phật. Lập lời rất nhiều, gồm ba mươi sáu tờ. Đại khái là dùng lời từ bi cứu giúp làm đầu. Thiền Tăng xa xỉ không tôn sùng pháp độ, không nói chê bai Phật, có lời chân thật.

Vì thế, trong các sách: "Đường Sử Bộ", "Đường Lâm Minh Báo" có ghi lại, v.v...

****

Lưu Tuệ Lâm, người quận Tần. Xuất gia tại chùa Trị Thành ở Dương Bộ. Là người có học thức. Lư Lăng Vương đời Tống đã biết. Soạn "Luận Quân Thánh". Luận này khó thông suốt cùng tận. Sau Thiền Pháp Nghĩa mới đầy đủ. Đại lược rằng: Chỉ biết sáu độ cùng năm giáo đều thực hành tin thuận và từ bi đều lập, thù đồ đồng quy, không nên chấp dấu vết bánh xe lúc khởi hành.

****

Phạm Chẩn, người ở quận Nam, lúc nhỏ mồ côi kiến thức vượt

hơn các bạn cùng học. Ở trong môn hạ nhiều năm thì áo vải giày cỏ ra đi, ách ngôn cao luận, xưng là không có Phật, có nơi tự nhiên. Lời nói đó cũng chép đủ trong thiên Pháp Nghĩa ở sau, thẩm hưu văn khó, nên không phiền chép ra đây.

****

Cố Hoan, người quận Ngô. Đạo Phật và đạo Lão thay nhau chê bai. Cố Hoan soạn luận "Di Hạ" để thống nhiếp.

Đại khái rằng: Đạo Phật nói thật tướng, ở đạo gọi là Huyền tẫn. Đại tượng của đạo Lão tức pháp thân của đạo Phật. Đạo Phật ở giống Di nên dùng Di ngôn. Đạo Lão ở Trung Hoa nên dùng Hoa ngữ. Riêng lập không đổi, bặt học vô ưu. Các vị Thánh nhiều kiếp cùng vâng theo đây. Lão Thích chưa bắt đầu phân, người mê phân chưa hợp. Ý thiện khắp tu, tu khắp thì thành Thánh. Tuy mười hiệu ngàn, xưng không bao giờ hết. Song văn kia ức chế đạo Phật mà mở mang đạo Lão, đây là môn nhân. Không đủ để bình luận. Ý luật của Trương dung cũng đồng như Cố Hoan. Tập trước đã rõ, sau lại lược dẫn, cũng đủ trong thiên Pháp Nghĩa. Hơn nữa, Phật thì thân vàng trượng sáu, đạo Lão thì đầu trắng đồng phàm phu. Phật thì bỏ ngôi vua, đạo Lão thì Thần vương. Đạo Phật giáo hóa không có nước nhà thì không có, đạo Lão thì không nêu thần châu. Đạo Phật thì tháp miếu khắp cõi Diêm-phù, đạo Lão thì mồ mả ở làng Hòe, hoàn toàn khác nhau, làm sao được dẫn dắt để nghỉ luân.

Hình Tử Tài, người Hà Gian. Sĩ Ngụy soạn Lang Thiên Trung Thư Huỳnh Môn Lang, cho là họ người không thể bảo đảm, nói với Nguyên Cảnh rằng: "Vì sao khanh họ Vương? Nguyên Cảnh đổi sắc mặt. Hình Tử Tài nói: Vì sao tôi cũng thọ hình có thể bảo đảm được năm đời ư? Nhưng Phật là bậc Thánh ở Tây Vức, đã nhầm diệt, khiến cho Thần lại sinh, đâu thể khổ nhọc Hình Tử Tài đời nay. Vì thân sau trương A-đắc-gia, cũng khó giải thích, như trong thiên pháp nghĩa, tự tin mà xem.

****

Cao Đạo Nhượng, trong bộ "Lương Thư" chép Sự giáo hóa của họ Thích, nghe phong cách kia mà vui vẻ, sinh nghĩa sinh ngoài trời đất, lời nêu trong tai mắt. Đây là Hồng Trí của Tưởng Giáo, một dòng trong chín dòng. Sự ưa thích đã nhiều thì thuật kia cũng cao. Chùa chiền trang sức cùng tột tài của Hải Lục. Người tạo không tiếc vàng ngọc, hết sức của sinh dân, há là ý của bậc Đại giác ư? Nhưng chí kính không văn, chí thần không sức, chưa thể hết được muông sinh (súc vật cúng tế) của thiên hạ. Vì thế cúng dường trời dùng, chưa thể cùng tột văn của thiên

hạ, nên dùng thần để cao kiết.

Nếu có sự chí thành kia thì tần, tảo (rau tần, rong biển) đều xếp vào trăm phẩm. Minh đức không mùi thơm thì giết trâu để tế xuân. Huống gì thuật ở Thứu Sơn; kỳ lạ ở bờ kia, mà có thể hư cầu ư? Bèn có phù du đô bỉ tránh khổ trốn kịch, vốn sự thành tâm kia, mười trăm điều chỉ chép có một.

Đã đỏ tía lộn xộn, cáo, chuột trong thành xả uế làm dơ bẩn sự tinh hoa của đại pháp, tổn yếu vụ (mùa vụ chính) của nông tang. Người chấp văn tự không cho là loạn, người đang hoành không cho là ngôn. Có nước nhà phải soi xét mà tiết chế. Đây là Đạo Nhượng là thuần thần hộ pháp. Truyền Dịch vì sao lựa chọn. Có thể cho là người cao thức mà chép vào truyện Cao Thức.

****

Lý Công Tự, người quận Triệu. Thông suốt kinh sử, giỏi về âm dương. Thấy nhà có đám tang thì lo cúng để cầu cầu phước lợi, liền nói: Phật giáo xem thường cha mẹ, khinh khi Đế vương, bỏ sáu thần không cần lễ nghĩa. Áo đỏ, đầu trọc tự sánh hình dư. Vọng nói để mê hoặc, chỉ lợi cho mình. Âm dương danh mặc, tuy thử mâu, xét nét nghiệt ngã mà bốn mùa thời tuết dùng có chấp. Đến như tư thuật thì dương hóa nương u làm đường quy. Tiếc thay cả nước đều mê, chúng kia ngã ít, buồn thay cái chết của ta, phước sự tất cả đều bỏ, bỏ hoa tức Nhung, có thức không được.

Đệ Khái tự Quý Tiết, thuộc văn tụng kinh Phật, chân tay bị kẹp. Đây là sĩ tục ở Bắc biên tự bảo chuyên chấp đại khôi.

Tiếc thay! Sinh là luống sinh, không có điều lành để giúp thần. Tử là luống tử, có điều ác bị quả báo trầm luân. Mờ mịt tùy nghiệp, phản bổn nào có lúc. Tương lai không biết, hiện tại nào hay, đâu có khác loài súc sinh ngu muội?

****

Lư Tư Đạo, người Phạm Dương. Đời Tề, làm quan chức Huỳnh môn lang. Lúc Chu Võ bình Tề Tư Đạo đến kinh đô có soạn bộ "Tây Chinh Ký", đại khái rằng: Diêu Hưng ưa thích Phật pháp. La-thập dịch kinh luận. Chùa Phật khắp trong nước. Số người làm Tăng Ni có khoảng mười sáu, mười bảy vị lãng phí của công của tư mỗi năm rất nhiều. Vua lược bỏ, là thượng sách của nước mạnh dân giàu, lại soạn luận "Chu Võ Hưng Vong", lược nói rằng: Chu Tổ mới lên ngôi, Đại Trưng Tề Vũ, Văn Hộ, Do Tử của Thái tổ. Bần Đồ làm Tể, thân thọ cố mạng. Chu Tổ ở trên cao nhìn thấy, một hôm, không có mặt ở trong cung, thấy được di

mậu, bèn bỏ xa dâm, truyền bá công đạo, ở chỗ khuất cũng cung thân truyền bá. Ban đầu sáu cung giúp nơi chín phục, cho là đạo Phật giáo hóa lập giáo, vốn quý việc thanh tịnh. Cận đại đến nay tiêu phí tài sức, bèn hạ chiếu bãi bỏ, đây cũng là chỗ chưa được của vị vua trước. Nghĩ đạo soạn luận nói về sự lãng phí kia. Nếu bỏ thì gọi là sách của nước giàu dân mạnh, đây là tiểu thức một đời không phải là hoằng lược cao xa. Phàm hành hóa Phật pháp cốt yếu là tinh thần trong sáng, dứt trừ các hoặc nghiệp. Kia phí tài vật tôn sùng phước, là vì biết thân mạng tài vật cuối cùng quy về chỗ tán diệt, luống cho là bảo ái. Đây là kẻ trọng sinh mạng thủ tài vật. Vì thế ở đời nói rằng: Chứa nhiều sẽ tán mất. Thạch Sùng do tài sắc mà chịu chết. Ân Tân cũng đồng mà sớm không sống được. Từ xưa đều như vậy. Đầy tràn nơi tai mắt mà không thể dừng, khiến tham hoặc sai sử như vậy.

Xưa, Hán Võ Thọ, Lăng Tần Hoàng, Chung Lũng, tài bảo đầy tràn đều bị xâm chiếm. Sao bằng xả bỏ tham chứa mà làm phước, do chí thành tôn kính ngưỡng mô hủy bỏ hình hài mà theo đạo hóa, để noi theo chỗ cùng tột của toàn chánh mới được như vậy. Không như vậy mà cất chứa luống tự nhọc mình và người khác. Hình thân so sánh, sáng tối không rảnh, thân chết gọi là diệt, cuối cùng cũng qua tay người khác. Nay xưa cũng vậy, thói quan như vậy, được nêu cận đại, đời Tề làm phước, chùa tháp sùng thạnh, Tăng chúng tạp tu. Không thể tiết lượng bằng đạo, dù cho lẫn lộn, cũng còn luật minh cho phép sám từ. Chu vận nghe liền giải giáp, Tề Hậu là vị vua mờ ám. Quyền thủ quốc tư không thể chu cấp. Vũ Văn đả phá, kho chứa đầy ắp không mở, đích thân dùng chìa khóa mà đến cửa quân, tài báu đều là của Chu. Chu Tổ đã bỏ hai giáo, tự cho là thượng sách của muôn đời. Tây bình đông luận không đến khắc phục, cho là diệu lược của diệt pháp. Trời vốn rộng lớn. Thống thâu tề dư truyền hóa cưu cáp. Họ Tố nghèo, nước kiêm khoáng toàn bố. Một hôm tìm được, đầy cả tai mắt, liền tay kéo lụa, dắt dẫn đường dài. Đây là kẻ trộm diệt nước, bèn cho là thạnh nghiệp của sư. Sinh diệt được mất không hề toan tính. Chỉ nghi trước mắt vừa ý, không lo lắng về sau. Ta đã phá người khác thì người khác cũng phá ta, từ xưa còn như vậy, chẳng được không suy nghĩ. Chu Tổ cho rằng: Muôn đời thường còn cùng với trời đất đều thọ. Dò xét cùng tột hang núi vẫn còn chứa để. Giữ gìn tiết kiệm, ăn uống đạm bạc, tự khắc phục mình để khuyến khích thế tục, muôn đời chỉ có một người. Ngay năm đó vua băng, thái tử dùng đó. Đại Trương Văn Vật, Cao Trần thanh thế, tức khai mở Phật pháp, để theo tâm vui vẻ của trăm họ. Lại hiển bày tướng thù thắng, để

bày tỏ oai hùng của đại quốc. Lập bốn Hoàng hậu, nêu tám trụ quốc, trước sau các thứ nghị vệ hầu, hàng ngũ gấp bội, mỗi thứ đều có hai mươi bốn. Hoàng vương từ xưa dự định. Lập nguyên tuyên chánh thiền vị cho con nhỏ. Bấy giờ, còn nhỏ tự xưng là Thiên Nguyên Hoàng Đế. Xuân thu giàu có, chưa cho táng thân. Chưa đầy một năm lại theo muôn xưa. Con nhỏ không lập, hậu phụ khống chế. Lịch di vận tùng tùy cao thọ thiền. Ngôi vị và tài vật của nước đều là tùy có. Đây có thể là sư mà không phải sư. Tùy tuy trọng pháp, tạo nhiều chùa tháp, còn như tài sự không đáng nói. Vì thế khiến chứa để ngũ cốc, vải lụa khắp trong nước, kho lẫm đầy đủ thật không thể tán thí. Cho nên cửa phước tuy mở mà vẫn còn, đến cuối đời vua dương đế, thiên hạ sục sôi, thành lũy kinh sợ, điện chớp sương giăng. Lúc m lên ngôi, ca tụng đức của vua mà nói là muôn năm, sau lăng trì, tùng xẻo (một thứ hình phạt thời xưa. Giết phạm nhân bằng cách cắt chân tay xẻo từng miếng thịt cho chết). Hoặc mắng nhiếc mà nêu ra những tội lỗi. Kho lương thực mục nát không cùng, hình hài chấp nơi thần giặc, trăm quan khốn cùng nơi vị thủ lĩnh. Nêu đây để gồm nói không được cố chấp. Lời dạy của Phật tin thì sẽ nghiệm biết. Vì sao biết được kia như vậy ư? Từ xưa lên ngôi đều xưng to (vạn tuế), năm có muôn, ở đây có kỳ hạn. Huống giảm ở muôn thì triều nào lại không có. Vua trước đã không chấp ở vạn năm thì biết vua sau không vượt hơn đó. Đều chấp muôn năm, nay ở chỗ nào? Năm vận tập nhau có thể không phải là soi sáng. Đây là do minh hậu anh hiền, biết năm nhà quyết tán. Bậc thượng trí cao thức, xét ba kiên có thể tu. Tài của đã dùng như đuổi theo bóng, vật chưa dùng không thể cho kẻ oán người thân. Do đó đối với nước đối với nhà coi đó như tháo bỏ đôi dép. Hoặc tài, hoặc mạng bỏ đó như bụi trần, trang nghiêm tánh đức, khiến cho sớm đầy đủ pháp thân, thành tựu thiện căn, làm chiếc cầu vượt qua các cõi, đây là chí giáo. Còn lại các huyễn biết nói như thế nào, nên kinh nói: Kiếp thiêu cuối cùng, trời đất đốt cháy, Tu-di biển lớn đều là tro nóng, trời rồng người quỷ ở trong đó điêu táng. Hai nghi còn mất, nước có gì là thường. Pháp cú như thế có thể tìm chân thật.

Trừ kẻ phàm phu vốn chẳng có việc này.

****

Truyền Dịch, người Bắc địa Phạm Dương. Vốn ở Tây kinh, theo Ngụy chinh phạt Tề. Bình nhập Chu, làm quan Thông đạo quán. Đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba cùng Lý Bá ở Trung Sơn làm Đạo sĩ. Đến năm thứ mười bảy, thờ Hán Vương. Từ kinh dời đến Kỳ châu. Hoàng vận ban đầu trao cho chức Thái sử lịnh.

Niên hiệu Võ Đức năm thứ tư, dâng sớ giảm bớt Tăng Ni, ích nước lợi nhà, sự việc có mười một điều. Cao Tổ nghe rốt cuộc không thực hành theo dịch. Truyền dịch bèn viết nhiều tờ biểu trạng truyền khắp xa gần. Các vị Tăng ở kinh đô soạn luận phá tà để chống đối Truyền Dịch, như ở sau có nêu. Tờ biểu của dịch rằng: Tăng Ni sáu tuổi trở xuống bắt phải hoàn tục làm dân, thì binh lính mạnh, khuyến nông.

Kinh Dịch nói rằng: Nam nữ cấu tinh muôn vật hóa sinh, đây thì âm dương, cha mẹ, trời đất, đại tượng không thể trái. Nay Tăng mạnh khỏe, Ni khéo léo, thất lễ không lập gia đình, phá thai giết con giảm tổn nhân khẩu, cũng không cảm thương ư? Nay Đạo Phật trái với sự hóa của trời đất, nghịch với đạo âm dương, chưa thể được. Xin nương theo điều trước mà xét. Lão Tử là bậc chí Thánh còn yết kiến Đế vương, Khổng Tử là bậc Thánh còn lễ Tể tướng. Huống chi đạo nhân không có đức, nghĩa chưa dày, hạ nhẫn công khanh, chống đối Thiên tử. Nếu kẻ thần ngu thấy xin xếp đồng như đệ tử của Lão Tử Khổng Tử yết kiến vua quan trình bày nên triều điển. Dịch tâu như vậy, chưa đủ lý luận, xuất xứ khác đường, không thể nói một.

Kinh Dịch nói cấu tinh, Phật nói dứt dục. Vốn biết đạo môn của họ Lý tương kết sánh đôi ngày đêm cùng hội thuận dịch âm dương. Không thuận thì nào khác đạo Phật, nếu thuận thì kia vốn là hằng tục, làm sao học theo Tăng giữ thanh tịnh, dứt dục, vô vi. Dùng sự mà thảo luận thì triền miên tự hiển. Như trên đã nói, người mê chưa tìm xét.

Vả lại con cháu của Lý Nhĩ đầy khắp trong thiên hạ, Trương Lăng nối dòng rải rác khắp châu, Tổ tông để lại đâu có khác. Nếu khác với trước thì đây đã tuyệt tự. Trong ba ngàn tội không có tội nào lớn hơn tội tuyệt tự. Huống chi Huỳnh Thơ phục khí, kinh Tam Ngũ Cửu Thập, trên dưới hòa nhau, lời dạy bốn mắt hai lưỡi không thể tiêu trừ. Phật giáo không phải như vậy, dục là nguồn gốc của tội lỗi, việc đầu tiên của giới là dứt bỏ tham dục. Đây là phân đồ của đạo Phật. Người cao thức hãy lãnh hội điều đó.

Lại nói rằng: “Hãy đồng với môn nhân của Khổng Tử, Lão Tử yết kiến vua quan”, không biết Truyền Dịch nói ra câu này, sao lại tự nêu lời chê bai tăng, cao ngạo với cha mẹ, chống cự vua không phải là trung hiếu. Vốn biết Đạo sĩ thường lễ bái vua và cha mẹ. Vì sao thấy Đạo sĩ theo Tăng kháng cự lễ, không thể tự giáo hóa những người đó, lại dùng phê bình người thật mà nói. Đạo sĩ do đến bái lễ yết kiến. Trộm hình lạm xuy lầm nhập bọn xuất gia. Pháp nghi trái lễ đây là khuôn phép của người xuất gia. Còn như y phục của Lý Lão vốn noi theo triều chương;

mũ, giày giống Lan Đài Thái Sử; tiếp nhượng đồng nghi của đại phu. Vì sao môn nhân chống đối ngôi vị của tiên sư, kính mến pháp của Sa-môn đều không thể được. Từng gặp chính sách khoan hồng trí, chẳng trói buộc, dùng pháp để nghiêm trị tội thì chỗ nào trốn tránh được.

Nhưng Truyền Dịch dâng sớ tạp loạn có kinh điển, hoặc nói tà pháp của Hồ Phật trở về Tây Vức; hoặc nói: Ba muôn hộ châu chì còn một chùa, không đủ để xét.

Mười một điều trong sớ dâng của Truyền Dịch là:

1- Đời Đại Đường, số Tăng Ni khỏe mạnh gồm hai mươi vạn người, cùng kết tâm Hồ, có thể không đủ để dự bị. Một cặp vợ chồng một năm sinh mười vạn đứa con đây là cách tính xưa của Lưu Sinh. Không cần trình bày, như ở trước nêu. Đây thì người nữ mang áo giáp, đàn ông cầm binh khí, nhử bọn giặc gánh vác việc nước, làm sao có thể cười được. Vào đời Đại Đường, chùa chiền kinh sách Phật đạo, hai chúng chưa đầy bảy vạn, sao dám dối gạt dâng sớ lên vua chỉ có hai vạn. Đây là tự hình không nhọc chỗ khác.

2- Chùa làm bằng cỏ bằng đất thì Tần Hoàng, Hán Võ cho là vua có đức. Bởi đạo Phật buông lung xa xỉ, chùa tháp tám vạn bốn ngàn, đây đối với trong nước thì tăng gấp bội. Mười trăm thứ dân lo nghĩ tội đã qua, mưu tính phước sắp đến. Nói dối cõi trời bậc nhất, nguyền rủa người Trung Hoa. Còn như Tần Hoàng, A-cát, Hán Võ cam tuyền. Cổ tích, cung quán không quá mười số. Sử quán thư hiệu là vô đạo, không hề nói Phật vô đạo, lại dẫn lời nói ba lần phá của Trương Dung, rộng như trong tập trước đã ghi, nay cũng nêu rõ lại. Sự giáo hóa của Phật là nương gốc cây làm nhà, thân hình có gì liên lụy thì quyền khai nhà nhỏ. Chùa tháp cao rộng là do người có tín tâm xây dựng, cầu xin phước điền chứ chẳng phải do chúng tăng xây dựng. Còn như quả báo cõi trời, địa ngục, thiện ác có khác nhau. Phẩm loại phân biệt thăng trầm không giống nhau. Không biết đạo đã trải qua cũng nói địa ngục. Cần phải xem xét có bao nhiêu cõi trời, địa ngục thế nào v.v... Vì thế nói bộ hư rằng: Trời người đồng nguyện kia, phiêu diêu vào tử vi. Thất tổ sinh lên cõi trời, thân ta bạch nhật thăng thiên, như đây chẳng phải một là nói về cõi trời. Không cho Tăng v.v..., đây là lỗi của ai ư?

3- Xin giảm chùa tháp thì dân an nước trị, câu này ý của Phó Dịch cho rằng: Yêu Hồ dối nói phước tạo chùa, kẻ ngu phu tin theo đó mà xây dựng chùa tháp. Chùa nhỏ thì một trăm vị Tăng, chùa lớn hai trăm vị Tăng. Dùng binh suất năm chùa hợp thành một phái. Tính chung các chùa, binh nhiều sáu quân, tâm tổn thức ăn của nhân dân, quốc gia đại

hoạn. Yêu cầu ba vạn hộ châu chỉ còn một chùa. Lại dẫn từ xưa đến nay Tăng phản lại có hơn mười điều. Bọn hung đãng đến nay vẫn còn, cần phải trừ sạch hết hồ khí. Trong giáp tuần vũ trụ rộng lớn thanh tịnh. Phó Dịch tâu lên vua như vậy. Vọng thuật binh nhiều. Lúc đó, hai chúng không đủ bảy muôn, một nửa là ni chúng, đâu bằng sáu quân của đại quốc ư?

Lại nói rằng: Tăng hung đãng vẫn còn, Tăng nghịch là chỗ câu nệ của thế tục. Một thân độc lập làm sao động chúng được. Dẫn bừa lời trau chuốt giả dối, loạn tục dối vua, trời đất không dung tha, nên sớm bị hoại diệt. Lại gồm nói. Thần giặc, sứ hung đời nào cũng có, đương quan trược lạm thời nào không có. Nghiêu phát ra bốn hung chẳng phải do thờ Phật. Vua Nghhiêu đã tuyệt tự há là Tăng phong. Không thể do một tuần nghịch mà tiết cử sớm đồng chết. Một vị Tăng làm lỗi mà toàn tông bị diệt. Truyền Dịch tâu tờ trạng trông mong y theo đó thực hành. Rõ ràng thành quần thể cho nên dứt lời bàn luận ấy.

4- Tăng Ni mặc áo vải, ăn uống tiết kiệm thì người nghèo không đói khát, tằm tơ không bị chết. Thần nghe Phật dạy Tăng Ni mặc y phấn tảo dùng bình bát năm lần nứt, giữa ngày ăn một bữa, ngồi một mình trong núi, ở chỗ vắng thiền tụng. Đây là chương pháp của Phật. Nếu giết làm để lấy tơ may áo thì trong giới của Phật không cho. Nay thì biết lý Phật luống dối nên sinh trái phạm. Còn lại thì dùng lời mắng nhiếc thậm tệ. Không đáng nghe.

5- Dứt chỗ ở của Tăng Ni, chứa lợi thì trăm họ đầy đủ, tướng sĩ đều giàu có.

6- Đế vương không Phật thì đại trị lâu dài. Có Phật thị nghịch chánh ngắn ngủi.

7- Phong giáo Chu Khổng, tặng cho Tây Vức, Hồ quyết không thực hành.

8- Gồm luận về Phật pháp dối nhiều, thật ít.

9- Ẩn nông an tượng, trong nước giàu dân mạnh.

10- Đế vương thọ mạng đều đổi chánh trị trước kia.

11- Lời nói thẳng, lời can ngăn trung thành phát ra từ miệng họa đến thân kia.

Mười một điều này giải thích rộng thì rất nhiều, ở đây chỉ nêu lại lời đại khái đồng với các giải thích khác, Cao Tổ xem rồi rất vừa lòng, hạ chiếu phế bỏ chùa tháp ở các châu. Đến ngày mồng 4 tháng 6 năm thứ chín, vua nói rằng: Lời tâu quá thẳng như vậy sợ giết người, từ nay về sau chớ sợ.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu, lại dâng sớ, khiến Tăng thổi loa không cho đánh chuông.

Lại nói: Phật pháp yêu ngụy. Sắc chỉ Túc Vũ. Vụ nói: Phó Dịch không phải là bậc Thánh, không có pháp.

Dịch phản đối rằng: Từ đời Tiên tổ của Vũ đến nay không thờ tông miếu, chỉ tôn sùng Hồ quỷ, chẳng phải hiếu ấy thì không thân. Từ khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa cho đến nay, kẻ sĩ thấy cao xa có phản đối lời bàn của kẻ yêu hoặc kia là do các bậc cao thức, truyền v.v... Phó Dịch biết được điều này, nói rằng: Cao Tổ nghe theo lời nói kia mà phế bỏ chùa, đây là vu khống vua. Há có năm thứ tư thờ kính, năm thứ chín mới phế bỏ giảm bớt chùa tháp ở các châu. Cuối cùng không có chiếu này, làm sao mà tin được. Một điều không thật thì muôn điều cũng có thể như vậy. Sau khi Phó Dịch chết, xuất bản truyền bá đó, lời nói tuy sửa lại chiếu chỉ mà không có mạng để chết.

Lại nói: Dâng sớ không cho đánh chuông, đây là vọng làm.

Kinh nói rằng: Đánh trống răn dạy binh, đánh kiền chùy nhóm chúng.

Lại nói: Đánh tiếng chuông Phật,đây chẳng phải là giáo pháp ư?

Lại nói: Túc Vũ kthờ tông miếu, chỉ thờ Hồ Phật, đây là khinh khi Tể Bá.

Sách đời Lương chép: Cao Tổ cúng bảy miếu, mỗi khi cúng tế nước mắt nước mũi chan hòa, ở đây sao lại nói vậy.

Nay Kinh đô hai nơi Đông Tây đều có Tông miếu, bốn mùa hưởng cúng tế, Hương dâng ngang mày, nghĩa không lạm nghe, rộng soạn truyện này, lại đáng tức cười. Chỉ có thể luống dối, theo bọn tiểu thức, chưa đủ để nêu bày Trung Hoa. Tiếc thay tịnh thức một phen theo nhiễm ô sẽ bị trầm luân, làm sao có lúc phản tỉnh. Ở trước đã nêu người cũng như trước nói về hưng vong Thái Bán, tùy loại rõ đó.

Kiểm Đường lâm minh báo ký v.v...

Thái Sử lịnh Phó Dịch (?)

Từ đầu niên hiệu Võ Đức đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn, thường chê bai Phật và Tăng, vào mùa Thu năm đó bị bệnh nặng chết.

Ban đầu, Phó Dịch cùng Đạo sĩ Phó, Nhân Quân là Tiết, Trách cùng hành thiện. Sau Phó Tiết đều lãnh thọ chức quan. Nhân Quân chết trước. Trách nằm mộng thấy Quân hỏi rằng: Tiền nợ lúc trước giao cho người nào?

Trách hỏi: Ai đó?

Quân trả lời: Phó Dịch đây.

Đêm đó Thiểu Phó y theo Trường Mạng lại mộng ở nơi khác, thường thấy việc chết lúc trước. Trường Mạng hỏi việc tội phước trong kinh Phật có thật chăng?

Đáp: Chắc chắn có thật.

Lại hỏi: Như Phó Dịch bình sinh không tin Phật chết sẽ bị quả báo thế nào?

Đáp: Phó Dịch đã đến Việt châu làm Nê nhân.

Trường Mạng sáng mai vào Điện Đình, gặp Tiết. Trách hỏi về việc đã thấy trong mộng. Trách trình bày cho Mạng nghe. Thế là hai giấc mộng phù hợp. Đến cùng nhau than thở. Trách liền đem tiền giao cho Dịch và nói việc nằm mộng cho Dịch nghe. Sau vài ngày Dịch chết. Xét ra Nê nhân là người trong Nê lê. Nê Lê là tên khác của địa ngục. Tám địa ngục lớn ở dưới đất. Còn các ngục khác rải rác ở núi ở biển mà chịu khổ, thật là đáng thương!

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 8

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 4)

- Chiếu chỉ dẹp tượng, đốt kinh, chôn sống Tăng. Ngụy Thái Võ.
- Nhóm họp đạo tục, phế lập hai giáo nghị của Châu Võ.
- Luận Nhị giáo - Thích Đạo An.

****

- Ban chiếu chỉ dẹp tượng, đốt kinh, chôn sống Tăng của Thế Tổ Thái Võ Đế đời Nguyên Ngụy.

Vua húy là Hy, lên ngôi vào thời Minh Nguyên Đế niên hiệu Thái Thường thứ tám, lúc mới lên tám tuổi, còn thơ ấu, việc tư chánh sổ do chỉ nhờ vào Thai Phụ.

Lúc bấy giờ, Tư Đồ Thôi Hạo không tin Phật. Vua đến hỏi thăm về quốc sự, Hạo thường nói Phật pháp luống dối hoang đường làm cho thế tục phung phí và tai hại. Huỳnh Lão Tiên đạo đáng lưu tâm. Hạo đã quá tin đạo tiên, bèn trao cho vua các kinh, vua nghe theo lời Hạo tin dùng không hề phân biệt, liền lập đạo tràng, bốn phương tìm phương sĩ. Đương thời Phật pháp hưng thạnh, Hạo rất ganh tỵ thường tìm sự xích mích. Cùng Cái Ngô phản nghịch ở Hạnh Thành. Quan trung bị quấy nhiễu, vua bèn chinh phạt. Lúc đó, Hạo đi theo. Đã đến Trường An, có Sa-môn Chủng Mạch ở trong chùa. Vua đến có quan ra tiếp đón dẫn ngựa. Vua vào xem, Ngựa cũng theo quan vào. Thấy trong phòng Tăng có cung tên. Trở ra tâu vua, vua giận nói rằng: Những vật này không phải đồ dùng của Sa-môn, bèn cho rằng Cái Ngô thông âm mưu hại người mà thôi. Ra lệnh cho quan Hữu Ty trừng phạt cả chùa, xem xét tài sản trong chùa, và thâu giữ những vật cho nhà giàu đã gởi cất trong các châu quận. Đã dùng muôn kế. Ra chiếu chỉ đốt phá tượng Phật, chỉ để lại Đài Hạ. Bốn phương đều y theo Trường An mà hành sự.

Niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ năm, vua được hai mươi chín tuổi. Xuân Thu mới thạnh nhờ Võ Công. Thôi Hạo âm mưu cùng

nhau giao phiến phương sĩ. Tiên Quán Nhật có đến, chúng thanh tịnh của đạo Phật đều bị giết hết.

Lại hạ chiếu rằng: Ngu dân không biết tin theo yêu ngụy. Tư dưỡng Sư vu khống tàng sấm ký, học trò của Sa-môn lợi dụng sự hoang đường của Tây Vức, dẫn đến yêu nghiệt. Không phải là lý do nhất tề chánh hóa, ban bố thuần đức khắp trong thiên hạ. Từ Vương Công trở xuống cho đến thứ dân, có ai tư dưỡng Sa-môn thì hạn chế đến ngày rằm tháng hai năm nay, quá kỳ hạn này mà còn tư dưỡng thì chính thân bị giết. Nếu còn thì giết một nhà.

Lúc bấy giờ, Cung Tông làm Thái tử Giám Quốc, rất cung kính Phật pháp. Thường dâng sớ trình bày việc hình phạt giết chết Sa-môn, lại chẳng phải làtội của việc vẽ tượng. Nay bỏ đạo Lão theo cửa chùa, đời không tu phụng. Đất và cây cối tuyệt vời tự nhiên hủy diệt. Như vậy hai, ba lần không được bằng lòng. Lúc đó, có Sa-môn Huyền Cao, một vị lỗi lạc của đạo Phật là Thầy của Thái tử Quang. Quang cung kính như Phật. Thôi Hạo may mắn được lòng vua, sợ Quang nhiếp chánh, hoặc gặp ách nạn. Lén gièm pha với vua rằng: Quang có mưu lạ, nếu không lo trước thì sau hối hận không kịp. Quang kết nạp Huyền Cao. Cao lại thông linh quỷ vật khéo được tâm người, không thể nghi ngờ?

Vua ban đầu không theo, dần dần sâu xa ẩn khuất, lại mộng thấy Tiên Tổ nói rằng: Thái tử vô sự, lại hỏi trăm quan, đều đáp là Thái tử có hiếu, luống gặp u nhục. Vua bèn cho Quang quy y chánh đạo Thôi Hạo lại gièm pha, vua tin liền giam chết Thái tử Quang trong cung cấm, treo cổ ở Giao Nam, Thôi Hạo đắc chí với triều đình. Các quan không dám nói lời nào cả.

Đến tháng ba, niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ bảy, vua hạ chiếu tất cả trừ diệt hết. Chỗ nào có hình tượng kinh Phật đều đập phá thiêu hủy, Sa-môn bất luận lớn nhỏ đều chôn sống hết. Đây đều do ý kiến của Thôi Hạo đưa ra. Về sau vua bị bệnh hủi rất khổ não, Thôi Hạo bị giết. Than ôi! Đau đớn không thể nói được. Sự tích như trong phần "Thích Bảo Chí" có nói rộng.

****

Chu diệt Phật pháp, nhóm họp đạo tục bàn việc.

Chu Cao Tổ có tâm ganh tỵ, hay oán hận hiềm thù. Quan Tể Tướng nước tấn là Công Hộ quyền hành trăm quỹ quyết thông thứ chánh. Vua ganh ghét, sợ chiếm đoạt ngôi vua, bèn kêu hộ vào nội cung, chính tay vua giết chết. Cùng Đại thần sáu nhà đều diệt hết gia tộc. Vua cho đó là đắc chí trong thiên hạ, không có gì lo lắng, nhưng trong tâm rất tin Sấm

Vĩ (sự chiêm nghiệm tốt xấu).

Từ xưa truyền rằng Hắc giả được đó. Nghĩa là có Hắc tướng (màu đen) sẽ được thiên hạ. Dụ như Hán Mạt nói dối rằng áo vàng sẽ làm vua do tượng của Huỳnh đại xích thừa vận. Nói hắc cũng vậy. Do đó, Chu Thái Tổ hiệp Ngụy tây bôn, y vật cờ xí đều biến thành màu đen, là do nghe theo lời nói ngoa sấm này. Đây cũng là dư mạng của Hán Quang Vũ.

Xưa có Cao Dương khai mở vận nước Tề, thế tục cũng có lời bịa đặt này. Dương nói Hắc là Thiền sư Trù Thiên tử áo đen, phải đem giết.

Hiểu được Thiền sư Trù trí thức cao xa, chứng ngộ mà được khỏi tai họa, đầy đủ như trong phần biệt thuyết. Vì thế, Chu Tổ bất nhiễm đầu tôn trọng Phật pháp, kính lễ Sa-môn. Đều mặc áo vàng cấm màu đen. Có Đạo sĩ tên Trương Tân lừa lọc vu khống vua, lén thông đồng với bọn giặc kia, cho rằng đạo Phật màu đen là điều cấm kỵ của nước, đạo lão màu vàng là điềm lành của nước. Vua nghe lời này, tin đạo lão khinh đạo Phật, chính thân thõ Phù lục, thân mặc áo mũ của đạo Lão.

Có Tiền tăng Vệ Nguyên Tung răng môi sứt mẻ, hoặc động lòng vua rằng: Tăng phần nhiều biếng nhác, tham cầu tài thực, không có tư cách để tôn trọng.

Vua mời một trăm vị Tăng vào nôi cung hành đạo bảy đêm. Bấy giờ, đã biết được càng gia tâm khẩn cầu chí thiết. Vua cũng ngủ với Tăng, dò xét được mất, hoặc đọc tụng với Tăng, hoặc tán tụng lễ sám. Tăng đều kính trọng ngạc nhiên việc làm vi diệu của vua. Đã mãn kỳ hạn, không sao dừng nghỉ. Đến niên hiệu Thiên Hòa năm thứ tư nhằm ngày mồng 15 tháng 3 năm Kỷ Sửu, vua ra chiếu chỉ mời chúng Tăng có đức, các vị danh Nho, Đạo sĩ văn võ, bá quan tất cả hơn hai ngàn người. Vua đến chánh điện so lượng thuật của ba giáo. Cho rằng Nho giáo là trước, Phật giáo sau, Lão giáo tối thượng. Do ở trước đã nêu ra các vị vô danh nêu vượt hơn thiên hạ.

Bấy giờ, ý kiến thảo luận đều phân vân thấy trái lỗi, không định mà giải tán.

Đến ngày 20 tháng đó, nương theo "Tập Luận" trước phải trái có nói rộng, không phân biệt tâm vua. Vua nói: Nho giáo, Đạo giáo (Lão giáo) nước này thường tôn trọng, Phật giáo sau này ý trẫm không lập, ý kiến mọi người như thế nào?

Lúc đó, bàn luận rằng trình bày lý không phải lý do trừ bỏ. Vua nói: Ba giáo giúp thế tục, nghĩa không thể đầy đủ.

Đến đầu tháng tư, lại y theo lập luận trước, phải cùng tột trình bày

lý không được phụ họa theo.

Lại ra sắc chỉ cho Tư Lệ đại phu Chân Loan xem rõ hai giáo Phật, Lão. Quyết định sự cạn sâu, phân biệt chân ngụy giữa hai giáo này.

Vào niên hiệu Thiên Hòa năm thứ năm, Chân Loan bèn dâng “Luận Tiếu Đạo” ba quyển, để giễu cợt tên Tam Đổng.

Ngày mồng 10 tháng 5, vua nhóm họp các quan đến xem luận của Chân Loan dâng lên. Các quan cho là tổn thương đạo pháp, vua nghe theo. Không đợi lâu liền đốt tại điện đình. Lúc đó, Pháp sư Đạo An lại dâng luận “Nhị giáo” tức nội giáo và ngoại giáo luyện thuật về tâm gọi là Tam thừa tức nội giáo. Dạy thuật về hình gọi là Cửu lưu tức ngoại giáo. Đạo không có giáo pháp khác tức ở Nho lưu. Đây chính là chỗ khiêm nhường của kinh dịch.

Vua xem luận rồi, hỏi các quan trong triều, không có ai chống đối, vua bèn đi ngủ.

Năm năm sau, đến niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba nhằm ngày 17 tháng năm Giáp Ngọ, vua ra sắc chỉ dứt bỏ hai giáo: Đạo Phật và đạo Lão, Sa-môn và Đạo sĩ đều phải hoàn tục. Phước tài Tam bảo phân tán và cấp cho các Thần hạ. Chùa, Quán (nhà thờ của Đạo sĩ), tháp, miếu thưởng cho Vương hầu Công tước. Còn lại như trong phần nói riêng.

Bấy giờ, Vệ Vương không chịu được việc đó thẳng vào cung thiêu đốt hóa môn, vây đánh vua không được, lui về Hổ Lao, bắt vào cung, cha con gồm hai mươi người, những người đồng âm mưu đều bị giết hết.

****

Luận Nhị giáo (luận về hai giáo) của Sa-môn Thích Đạo An.

- Thứ nhất: Quy tông hiển bổn.
- Thứ hai đạo Lão, đạo Nho thăng giáng.
- Thứ ba vua làm giáo chủ.
- Thứ tư gạn nghiệm hình thần.
- Thứ năm Tiên khác Niết-bàn.
- Thứ sáu sự hơn kém giữa đạo và Tiên.
- Thứ bảy Khổng Tử, Lão Tử không phải Phật.
- Thứ tám Thích khác đạo lưu.
- Thứ chín pháp phục không phải đạo Lão.
- Thứ mười nói về kinh chân ngụy.
- Thứ mười một giáo chỉ thông và hạn cuộc.
- Thứ mười hai y theo pháp dứt nghi.

****

- Thứ nhất: Quy tông hiển bổn.

Có Đồng tử Dật Tuấn ở Đông Đô hỏi tiên sinh Thông Phương ở Tây kinh rằng: Tôi là kẻ phong lưu khuynh đọa, do đó sáu kinh biên soạn, càng thêm sự khoe khoang, hai kinh tác thuật, nên làm cho mọi người tin phục, khắp thấm nhuần muôn vật, cứu giúp tất cả gọi là đạo Nho. Dùng đó không thiếu đối muôn vật quyết thông gọi là đạo Lão. đây đều là thần công của Khổng Tử và Lão Tử, có thể được rõ ràng.

Gần đây, xem giáo pháp của đạo Phật, văn rộng nghĩa phong phú. Xem rất hấp dẫn, chắc chắn khéo dẫn dắt mọi người. Mục đích của ý thú kia là gắng gỏi thêm tốt. Song ba giáo tuy khác, nhưng khuyên người làm việc lành thì nghĩa chỉ một. Thành tích thì khác mà lý hội thì giống nhau. Còn Lão Tử than thở thân hoạn, Khổng Tử than ra đi không tranh luận, cho đến tồn sinh. Cảm đến để biết vật hóa. Nào có khác với thuyết nhàm thân vô thường của kinh điển đạo Phật, nếu câu trệ chưa theo đuổi đến chỗ cao quán, không thể bằng trời đất nơi một ngón tay, đồng phải quấy ở một khí (một hơi thở). Đến nỗi khiến cho chỗ bàn luận thường có những điều không giống nhau. Đây tức cái gọi là giấu Ma-ni trong thai trứng, che ánh sáng trong đêm dài. Trương thuần phong không hai, lấp huyền chỉ rỗng suốt. Cầu đó càng lâu, đâu thể gặp được ư?

Kính thỉnh tiên sinh mở bày cho.

Tiên sinh Thông Phương nói rằng: Lời hỏi của ông có vẻ cảm kích, có thể nói cùng nhưng chưa hết lý. Tôi tuy không sáng suốt, khể nghi thượng quốc. Khâm phục linh chương đào phong hạ lưu. Nay sẽ vì ông tóm lược tiết yếu kia: Muôn hóa vô sinh mà sinh. Sinh mà vô sinh. Ba tài triệu vô thỉ mà thỉ, thỉ mà vô thỉ. Nhưng tánh của vật vô sinh vô thỉ có tụ của người có hóa có sinh. Tụ tuy một thể mà hình thân có hai thứ khác nhau. Tán tuy tánh chất riêng mà tâm có số không mất. Vì thế giáo pháp cứu hình, giáo pháp này gọi là ngoại. Kinh điển giúp thần, kinh điển này gọi là nội. Đây là dùng trí độ có hai kinh nội ngoại. Nhân Vương nói hại luận nội ngoại. Phương Đẳng nói hai luật nội ngoại. Bách luận nói hai đạo nội ngoại. Nếu thông luận nội ngoại thì bao gồm Hoa và Di kia, nếu hạn cuộc thân ở phương này thì có thể gọi là đạo Nho, đạo Phật. Phật giáo là nội, Nho giáo là ngoại, bày đủ Thánh điển không phải là hoang đường. Chép rõ trong sách hãy nghiên cứu thảo luận nguồn gốc kia. Giáo chỉ có hai đâu được có ba. Sao lại tích huyền cổ phác tố, phần điển chưa mở mang. Thuần phong vừa lìa văn Khưu Tác có chép. Vì thế gồm luận bảy kinh, bao gồm chín dòng, du là mưu trị quốc, là thuật để tu thân. Cho nên Nghệ Văn Chí nói rằng:

(1) Nho lưu: Bởi phát xuất từ quan Tư Đồ, giúp người thuận âm dương, rõ giáo hóa. Văn ở trong sáu kinh, lưu ý ở năm đức. Noi theo Nghiêu Thuấn, Hiến chương văn võ, Tông sư Trọng Ni, đạo kia rất cao.

(2) Đạo giáo lưu: Bởi xuất xứ từ Sử quan, thanh hư để tự giữ, thấp kém để tự trì. Quân nhân đây là thuật của Namdiện, hợp với sự khiêm nhường của vua Nghiêu, nhịn nhường của kinh Dịch. Đây là sở trước kia.

(3) Âm Dương lưu: Bởi xuất ứ từ quan Hy Hòa. Tánh thuận trời, lịch tượng, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, kính thọ dân thời. Đây là sở trước kia.

(4) Pháp gia lưu: Bởi phát xuất từ Lý Quan. Tin thưởng, sẽ phạt để giúp cho lễ chế.

Kinh Dịch chép: Tiên Vương cho là minh phạt sắc pháp, đây là sở trường của lưu này.

(5) Danh gia lưu: Phát xuất từ lễ quan. Xưa ấy danh vị không lễ cũng khác dị số.

Khổng Tử nói: Là quyết, chánh danh ư? Danh không chánh thì lời nói không thuận. Lời nói không thuận thì sự không thành. Đây là sở trường của lưu này.

(6) Mặc gia lưu: Xuất xứ từ quan Thanh miếu. Nhà tranh, đây là do quý kiệm. Dưỡng ba lão năm canh, đây cho là kiêm ái. Lựa sĩ đại xạ, đây cho là Thượng hiền. Tông tự nghiêm phụ, đây cho là có quỷ. Đây là sở trường của lưu này.

(7) Tung hoành lưu: Phát xuất từ quan Hành nhân. Khổng Tử nói: Tụng trì ba trăm sử ư? Bốn phương không thể chuyên đối. Tuy nhiều cũng đâu cho làm. Lại nói: Sử ư! Sử ư! Nói kia đương quyền sự chế nên thọ mạng mà không thọ lời. Đây là sở trường của lưu này.

(8) Tạp gia lưu: Phát xuất từ quan nghị: Gồm Nho lưu và Mặc lưu, gồm danh pháp. Biết lễ của nước có đây, thấy vua trị mà không thông suốt. Đây là sở trường của lưu này.

(9) Nông gia lưu: Phát xuất từ quan Nông tắc, gieo trồng ngũ cốc, khuyên cày ruộng, trồng dâu để đủ ăn đủ mặc. Vì thế tám chánh: Một là thực, hai là hóa. Đây là sở trường của lưu này.

Nếu nói về phái thì khác, nên có chín giáo. Nếu hợp chung thì đồng thuộc về Nho tông nói về quan kia thì đều là một chức của Vương triều. Nếu nói về sách kia thì đều là một thư tử của Hoàng gia.

Muốn đối trong một đời khiến chín lưu tranh xuyên đại đạo, khiến nhỏ thành tranh biện. Há chẳng phải trên tổn thương phong cách của

Hoàng cực không hai; dưới khai mở cái tệ của sự hạn cuộc buông lung, biếng nhác. Thật cái gọi là con đường rộng lớn soi sáng trong triều ngoài nội.

Phật giáo là cách ngôn của cùng lý tận tánh, là vết xe của người xuất thế nhập chân, nói về văn ấy thì chia ra mười hai bộ. Nói về ý chỉ ấy thì bốn món tất-đàn. Trong chỗ lý nhiệm mầu đó danh hiệu không thể bì kịp. Trong hóa thiện tình trí không nghiên cứu được còn việc để lại nôm thì đào thần đều chiếu gần thì vượt sinh tử, xa thì chứng Niết-bàn. Mở mang năm thừa, dắt dẫn chỗ cạn sâu của các cơ, gồm nói sáu độ phân biệt việc nổi chìm trầm của thiện ác.

Lý không đâu chẳng cùng khắp. Gần đây, Vương hóa mà sự không đâu chẳng bao gồm. Có thể rộng, có thể tóm lược, không chất không văn, tự chẳng phải là chỗ lo của thiên hạ, ai có thể cùng giáo pháp này chăng? Tuy Nho đạo ngàn nhà. Mặc, Nông một trăm họ, lấy bỏ bôn ba cũng chưa vượt qua giáo pháp kia được. Chỉ có giáo pháp của họ Thích (đạo Phật) lý giàu quyền thật. Có bất liễu nghĩa là quyền, liễu nghĩa là thật. Gồm nói là khéo dẫn dắt, sao thành diệu thưởng. Ông cho rằng: Ba giáo tuy khác mà khuyên làm lành thì đồng một nghĩa.

Tôi cho rằng thiện có tinh thô, hơn kém khác nhau. Tinh thì vượt một trăm hóa mà thăng cao. Thô thì luân hồi trong chín cõi mà chưa dứt. Đâu thể đồng năm mà nói sự hơn kém đó.

Lại nói: Giáo tích thật khác mà lý hội thì đồng. Dẫn lời dạy ở đời để phù hợp với giáo pháp nhiệm mầu. Đây bởi mờ mịt hoang đường chưa đến chỗ căn bản kia. Giáo ấy là gì? Nghĩa là giải thích lý. Lý ấy là gì? Là sở thuyên của giáo. Nếu giáo có khác thì lý đâu được đồng, nếu lý quyết đồng thì giáo đâu khác được. Cái nôm không bắt được cá, lưới không bắt được thỏ. Toan cho là danh ư? Lý đồng an tại. Phu hậu sinh tình, dốc thân lo lắng, nói lời răn bảo. Không rõ sự dời đổi, than thở sự chết chóc mà khởi lời than vãn. Đều là chí đàm của phương nội. Thiết tưởng không phải là cự xướng của du phương. Vì sao tìm tòi sắc ở khắp cực vi. Chỗ chưa phân biệt được của Lão Tử, nghiên cứu tâm cùng tột nơi sinh diệt Tuyên Ni chưa nói được, có thể gọi là nhìn thì dường như hết mà quán xét kỹ thì chưa cùng tột. Vì thế kinh Niết-bàn chép: Phân biệt sắc tâm có vô lượng tướng, các Thanh văn Duyên giác chẳng thể biết được. Thanh văn và Bồ-tát đều vượt ra khỏi chỗ vọng tưởng. Bồ-tát thì ân huệ gồm chín cõi, Thanh văn thì riêng thiện một mình. Kia dụ như sương móc mà so sánh với sông biển; vi trần mà so sánh với núi Tu-di. Huống chi thức tưởng của phàm phu sao cho bằng được ư? Vì thế

kinh Tịnh Danh chép: Không thể cho rằng: ánh sáng của mặt trời đồng với lửa con đôm đốm. Nếu cho là bằng mà bằng không bằng ấy là chưa bằng. Cho là bằng mà bằng thì chưa bằng ư? Tôi nghe khéo bằng thiên hạ ấy là do không bằng mà bằng thiên hạ. Sao cần phải san bằng núi cao lấp đầy vực sâu, sau đó mới bằng phẳng. Nối đây cắt kia mới bắt đầu đây bởi sự bàn luận quê mùa của kẻ hẹp hòi đâu phải sự quán sát tinh thành của người thông suốt.

Vì thế Ngạn ngữ nói: Tím thật tối hơn đỏ, cuồng lạm triết kia. Xin xem rộng loại kia để hiểu rõ. Trên đến Thiên tử dưới đến thứ dân, đâu không nương vào sắc tâm để thành thân, bẩm thọ âm dương để hóa thể. Không thể cho sắc tâm là đồng mà xen lẫn cho là trí ngu. Đâu được cho âm dương nghĩa đồng mà khiến đồng với sang hèn. Đây không thể đến lý rõ ràng, tuy gượng nói là bằng mà nghĩa kia vẫn còn.

- Thứ hai: Sự lên xuống của đạo Nho, đạo Lão.

Nho thông sáu điển. Đạo (Lão) chỉ có hai thiên. Hai việc thăng giáng nêu đủ bốn sử.

Hỏi rằng: Sự trong đục của tiên sinh và sự trong đục của đạo Phật không dính líu gì cả. Nho, đạo lấy bỏ rất xen lạm. Sử thiên sáu họ, đạo Lão là trước. Ban Cố chín lưu Nho tông là trên. Thảo luận nói theo kia đến có thể mạng gia. Luận hiến chương kia chưa trái điển thức. Muốn nói đều sai tình cho là chưa thể, cho kia đều đúng sao phải bỏ lấy.

Đáp: Xóa bỏ khuôn phép thì trái thuận chẳng thể không quy về, giữa đỏ và tím có một khoảng cách.

Mười chí trong Hán thư đều là phép tắc xưa. Năm hành trong Nghệ văn đâu phải nay mới có. Nông là trị bổn, sử thiên không nói, đâu bỏ ngang dọc, quan điển đều lậu. Vì thế, Mạnh Tử kiên cố soạn thuật. Nay xưa phô trương kia là phải. Luận của Tử Trương thấy điều sai, thế nên Tiền Hán Thư nói: Thứ tự sách của Sử Thiên thì trước là Huỳnh Lão, sau là sáu kinh. Luận về hào hiệp thì lùi xử sĩ tiến gian hùng. Nói về hóa sinh thì tôn trọng thế lợi, coi thường bần tiện. Đây là tệ kia.

Hậu Hán Thư nói: Thái Sử khiến Tư Mã Thiên sưu tầm tả dân quốc ngữ bỏ bớt thế bổn. Sách chiến quốc y cứ theo sách Xuân Thu của Sở Hán nêu bày thời sự. Trên từ Huỳnh Đế, dưới ngật hoạch lận. Làm bổn kỉ ba mươi nhà nêu truyện. Thư biểu gồm một trăm ba mươi thiên nhưng thiếu mười thiên. Còn việc tìm kinh soạn truyện phân tán mười nhà, rất nhiều sơ lược không bằng bổn kia. Muốn nghe nhiều chép rộng làm công, luận nghĩa cạn cợt không thuần nhất, luận kia là thuật

học. Tôn sùng Huỳnh Lão, coi thường năm Kinh, khinh nhân nghĩa, coi thường thủ tiết. Đây là chỗ quá tệ làm tổn thương đạo, lỗi của cực hình.

Lại trong Tấn thư lễ nghĩa chí ghi rằng: Đời xưng Tử Trương sử ký kỷ mà không cùng khắp. Kỷ nghĩa là bát cổ viễn đạt, không cùng khắp nghĩa là tệ đối với Nho, Đạo. Nho, Đạo (Lão) đã tệ thì Thánh giáo không hưng thịnh, sao vua mến đó. Trọng Đạo (Lão) bỏ Nho hoặc loạn thiên hạ. Biến phong hủy tục, khiến cho Ngụy, Tấn cho là lăng trì. Tứ Di giao xâm Trung Quốc. Đây đều là văn của bộ Quốc Sử Thật Lục. Đâu thể so sánh được mất kia. Nêu rõ trong Điển chí. Thư xả thăng giáng nào có can dự đến hoài bão thấp hèn.

Hỏi: Giáo pháp của Lão Tử là tu thân trị nước, bặt khí quý thượng. Nói về đại đạo thì nguồn gốc của ba tài. Nói về thượng đức thì căn bản của năm việc: Dụ như thành tạo của Đào Cai; ví như chỗ không cùng của tiếng kèn, vì sao Tiên sinh ức chế Nho giáo.

Đáp: Tôi nghe điềm chí đại hòa không chuyên biến thường. An thời xứ thuận không cầu phản cổ, cho nên kinh Thi nói là không. Diễn chẳng quên suất do chương xưa, Nghệ văn hạnh thành, kinh Dịch rất ưu. Chúng ta cho rằng: Lão cùng kinh Dịch sao bằng. Xưa Mật Hy Thị ngước lên xem tượng trên trời, cúi xuống xét pháp dưới đất. Gần thì giữ các thân, xa thì lấy các vật. Đây là lúc bắt đầu làm bản đồ bát quái để thông đức của thần minh, để rõ tình của muôn vật. Văn Vương trọng quẻ sáu hào, Khổng Tử hoằng mười dực, vì thế nói rằng: Dịch đạo sâu xa. Người lại ba thánh, đời thì ba cổ, vì thế có lời rằng: Dịch thì có thái cực, đây sinh lưỡng nghi. Kinh Dịch nói: Phàm có hình thì sinh ở vô hình. Nên nói có Thái dịch thì có Thái cơ, có Thái thỉ thì có thái tổ.

- Thái dịch là chưa thấy khí.
- Thái sơ là đầu tiên của khí.
- Thái thỉ là đầu tiên của hình.
- Thái tố là đầu tiên của chất.

Khí hình chất chưa lìa nhau gọi là hỗn độn, nhìn mà không thấy, nghe mà chẳng nghe, theo đó không được nên nói là dịch.

Trong Hiếu Kinh nói: Kỳ là dương tiết, ngẫu là âm cơ. Được dương mà thành, hợp âm mà ở số tướng phối ngẫu bèn cho là đạo. Cho nên nói một âm một dương gọi là đạo, âm dương không lường gọi là thần. Đây là xa nhìn đủ bậc hiền đối với đạo lão.

Ông cho rằng: Lòng nhân do thất đức mà hưng khởi, lễ sinh lòng trung tín. Đâu được học tập kia mà bỏ chỗ không thấy. Vả lại, đại nhạc

cùng trời đất đồng hòa, đại lễ cùng trời đất đồng tiết. Há ở năm cung kính, năm trách báo ư? Song ý chí của Lão Tử vốn cứu giúp sự khắc khe buông lung. Hư nhu thiên hạ tu thân có thể được. Không tôn thượng hiền có thể đối với việc sửa trị thì sao tiếp tục? Đã một khiêm của phù dịch, là một phái của Nho giáo. Hạnh hốt đồng phóng, bỏ cả năm đức.

- Thứ ba: Vua làm giáo chủ.

Đời cho Khổng Tử là người hoằng giáo, xem trong các kinh điển thì cho là vua làm giáo chủ.

Hỏi: Trong bộ "Kỉnh Tầm Tiết Chế Phẩu Chiết Ly Hợp" chép rằng: Nếu phái chia ra thì có chín giáo, nếu thống nhiếp thì đồng một Nho tông, tìm cầu lý thì còn gọi là chưa thỏa đáng. Vì sao danh tạp Đặng Doãn, pháp tham Khôi Thương. Mặc xuất do Hồ, nông hưng dã lão. Đây đều là chế thông hiền đạt, không thể cho là giáo thủ.

Khổng Tử, Lão Tử là bậc Thánh ư? Có thể cho là mạng giáo. Vì thế trong chín dòng thì luận có hai lưu. Nho giáo, Đạo (Lão) giáo chẳng lẽ không khéo léo ư?

Đáp: Lời hỏi của ông dường như chưa thông suốt. Đế Vương công thành làm nhạc, trị định chế lễ. Đây là công việc đầy đủ của Hoàng Nghiệp. Tả sử ký ngôn, Hữu sử ký sự. Sự là kinh Xuân Thu, sự là sách Thượng Thư. Trăm vua đồng một phong cách ấy, muôn đời đồng một khuôn phép. Nếu có ngôi vị không có tài, còn thiếu mở mang. Có tài không ngôi vị rõ ràng hoàn toàn thiếu. Xưa, Chu Công nhiếp chánh bảy năm, bèn chế sáu quan. Khổng Tử, Lão Tử là người gì mà làm giáo chủ. Khổng Tử tuy Thánh mà không ngôi vị. Tự bảo vệ luân hồi, đầu tiên mở mang khuôn phép. Chính có thể gọi là tu thuật, không phải là nguồn gốc của giáo pháp. Dù cho sử nơi triều đình vốn chẳng phải đều khen ngợi. Phát xuất từ nhà Chu nhập vào nhà Tần là ngôn đạo của Doãn (trùm trưởng), không nghe có các chư hầu, huống chi là Thiên tử. Đã là tiên hiền, vẫn còn thiếu hai. Đạo thuộc về Nho giáo đã nêu ở trước.

Hỏi: Khổng Tử học lễ ở Lão Đam, thì nghĩa Thầy còn. Lại Luận Ngữ nói. Khổng Tử tự xưng rằng: Ta thuật mà tác, tin mà ưa xưa. Thầm so sánh ta với Lão Bành. Tử nói: Khổng Thanh mà nói rằng: Lão hiền so nghĩa này thì nghĩa vẫn còn, khen chê, trái thuận, cố chấp là xem thường bậc Thánh.

Đáp: Tôi là kẻ mê muội nào dám xuyên tạc. Bỏ Thánh nhậm thức chỉ y theo sách vở.

Kê Tử nói rằng: Lão Tử đến Quyên Tử học thuật Cửu tiên, nghiên

cứu luyện nhị, đều có việc đó, còn đối với Thánh thì không gọi là học.

Luận Ngữ nói: Sinh mà biết là thượng, học mà biết là khó.

Theo Tiền Hán Thư, Khổng Tử là bậc Thượng thượng, đều là Thánh. Lão Tử là bậc trung thượng, lại vì sao xét Vương Bật đều nói rằng: Lão Tử chưa phải Thánh, đây đều là điển đạt sở vị, tôi có thể khác ư?

Khổng Tử nói: Tôi là vô thường sư, học lễ ở Lão Đam, đây là nghĩa ấy.

Có người hỏi về nông, nói rằng: Tôi không bằng lão nông. Lại hỏi vườn trồng rau, nói rằng: Tôi không bằng cách trồng rau của Lão Tử. Vào Thái miếu thường học hỏi. Há là người làm nông, trồng rau, trong thái miếu, mà bậc hiền đối với Khổng Khưu ư? Thiết tỉ tốn từ giống như loài ấy. Vì thế biết người khác phê bình thì thật, tự khiêm nhường là hư. Bàn luận khinh thường bậc Thánh, lại tự mình bị Vương lụy.

Hỏi: Lỗ Ẩn Công là vua hiền nhường nước, mà người phê bình là hạ hạ. Lão Tử là Đại thánh vô vi mà Hán Thư bình phẩm là trung thượng. Vì thế, biết cha con Ban Bưu vượt qua nguy hiểm, vì sao Tiên sinh dẫn đó làm chứng.

Đáp: Chúng ta gần thì lấy lời bàn của Đỗ Dự, xa thì lấy ý của kinh Xuân Thu.

Ẩn Công là thứ huynh của Hoàn Công. Hoàn Công lúc nhỏ làm việc hành chánh. Đến khi Hoàn lớn lên thì đại quy chánh Hoàn Công. Tuy có thể quy chánh mà không thể bỏ sự nghi ngờ. Tán độc tung hoành ở đây, bèn vì Hoàn Công mà giết. Đã không tự mình hãm hại đứa em bất nghĩa, nhường nước cuối cùng còn gì. Đây chẳng phải hạ thì có ai hạ ư? Sự phê bình trong Hán Thư, đối với đây là đúng. Vả lại Khổng Tử thọ mạng hiệu là Tố Vương, chưa nghe chép trong sách. Gọi Lão Tử là Thánh, nói không liên quan với kinh sách.

Quân Tử Sở Tám hỏi Thượng Thư rằng: Người cuồng khác niệm thì làm Thánh, bậc Thánh buông niệm thì cuồng.

Tử nói: Thánh thì không liên quan đến việc học, ở đây nói thế nào?

Đáp: Khổng nói sinh trí, học nói chứa nhóm.

Trước nói về Nho giáo, sau nói đạo Phật. Thượng trí, hạ ngu vốn không tùy hóa, bọn ngu hèn thuận theo sự hóa thiên. Thánh có thể cho là cuồng thì không phải bậc thượng trí. Cuồng có thể cho là Thánh lại chẳng phải kẻ hạ ngu. Sách nói về cuồng Thánh đều là thấp hèn.

Lão Tử nói: Dứt Thánh, bỏ trí thì dân lợi gập một trăm lần. Đây là

bởi Thánh của tài, không phải là thượng trí.

- Thứ tư: Xét nghiệm về hình thần.

Hình thần ở bài đầu đã nói, nay gạn lại, để xem xét điển chứng.

Hỏi: Tiên sinh nói rằng: Giáo pháp cứu hình, giáo gọi là ngoài. Tìm xem trong Nhã Luận thật chưa thành thật.

Kinh Dịch nói: Biết bao nhiêu thần kia ưa? Đâu được đồng bảy điển đều là hình giáo, đạo Phật nói về thần cho là còn mãi.

Đáp: Kinh Thư gọi là tri viễn, viễn cùng tột Đường Ngu kinh Xuân Thu thuộc về Từ, từ cùng tận Vương nghiệp. Còn kính lương của lễ, Nhạc, ôn khiết của Thi, Dịch, đều nói nếu một thân há luận ba đời. Vốn biết giáo ở hình phương, chưa đủ thần giúp. Nêu ẩn dẫn ư? Sinh biểu còn mà chưa bàn luận.

Kinh Dịch nói: Cơ là tinh tế của động. Có thể chiếu tinh tế kia không phải thần thì là gì? Đây là nói thần, mà chưa nói về luyện thần. Luyện thần là đóng tình khai chiếu. Kỳ thần nhiều kiếp u linh không mất. Chứa nhóm thành Thánh. Ngôi vị Thập địa mà vượt qua, hơn Cửu trạch mà cao xa, đây là giáo pháp của đạo Phật đã mở mang.

Kinh nói: Giúp thần cứu khổ không bằng tu điều lành. Sáu độ nhiếp sinh, tịnh tâm không phải sự cố.

- Thứ năm: Tiên khác với Niết-bàn.

Đạo tiên nói thuật kéo dài thời kỳ, không đâu chẳng chết, Niết-bàn là quả thường trụ, rõ ràng khác nhau.

Hỏi: Đạo Phật gọi là Niết-bàn, đạo Lão nói là tiên hóa. Đạo Phật nói vô sinh, đạo Lão nói không chết, xét đó là một, sao gọi là khác?

Đáp: Linh phi vũ hóa đều gọi là năng lực của thần đơn. Không bệnh nhẹ nhàng cũng nói là công của hai phục. Thương thay không biết khéo chứa nhóm thành công trước, sinh chân dị khí. Trường thọ và chết yểu là do nhân, tu đoãn ở nghiệp. Phật pháp cho là có sinh là không huyễn, vì thế bỏ thân để giúp vật. Đạo Lão cho là thân ta là chân thật nên phục nhị ở dưỡng thân. Đời đời không quý, tồn tại có thành tích gì? Dầu khiến cho kéo dài thời gian sống cũng chẳng thể không chết. Vì thế Trang, Chu xưng Lão Tử rằng; xưa cho đó là ẩn hình trôi. Ban đầu cho là người kia, nay thì không phải. Chẳng phải ẩn tiên của trời, cho nên có phúng điếu Tần dật, tử phù phong táng làng Hòe.

Niết-bàn là thường hằng thanh tịnh không có sinh tử. Tâm không thể dùng trí để biết, hình không thể dùng tượng để suy lường. Không

biết, do đó gượng cho danh (tên) là Tịch, kia là chí lý. Cũng cho là cùng tột ư? Dần ở song lâm ánh sáng dứt chiếu mà linh trí thường còn. Thân thị hiện hỏa táng mà xá-lợi thường còn. Tuy lại đại xuân tuổi thọ so với lão Bành là thua, không phải tưởng nhiều kiếp và không chọn đối hộ.

Phàm thánh lý không giống nhau, động tịnh khác xa, đâu thể cùng thời mà nói về thăng trầm ư? Làm sao chúng ta giấu lửa cháy lan dưới mặt trời mặt trăng, mà muốn tranh với ánh nắng mặt trời, đến chỗ hẹp hòi sao quá lắm như thế.

- Thứ sáu: Đạo và tiên hơn kém.

Đạo thì thản nhiên ít ham muốn, ưu ở chỗ phù hợp với khiêm đức, tiên thì nhị phục phân vân, liệt chỗ ở luống công không có hiệu quả.

Hỏi: Tiên sinh bàn về thọ mạng và chết yểu, khéo tích chứa đời trước, nghiệp quả tuy rõ, chi đan bèn lược. Vả lại, cùng tột của đạo gia, cùng tột nơi trường sinh. Thở ra một hơi nên nạp mới vào. Ông muốn xếp chỗ kia có thể được ư?

Đáp: Ý chỉ của Lão Tử lấy hư vô làm căn bản, nhu nhược làm dụng. Hồn tư thiên nguyên điềm cao nhân thế, hạo khí dưỡng hòa được mất không thay đổi. Cùng không mưu thông, đạt không mưu kỷ. Môn học này do vâng theo các dòng khác, đạo kia hoặc còn. Nếu luyện phục kim đan ăn sương uống ngọc, linh thăng xác khác thi chết rã hình hóa. Đây đều rất trái với lập ngôn bổn lý của Lão Tử, Trang Tử. Kia lưu tiệm, không phải là cùng bọn của đạo, chỉ ghi mà có. Nhưng nói đạo là không thư. Xin Hán Võ ưa phương kỷ, bèn có yêu biến đại. Quang Võ tin Sấm Thư đến nỗi có nghi Hoàn Đàm. Thư là phương kỷ không nhập vào phần lưu. Người là phương sĩ nào có quan hệ đến nhã chánh. Chúng ta sao lại bỏ lớn mà theo nhỏ, trái lý mà đến chỗ hoang đường ư?

- Thứ bảy: Khổng Tử, Lão Tử chẳng phải Phật.

Hỏi: Tây Vức gọi là Phật, Hán dịch là Giác. Tây Vức gọi Bồ-đề, Hán dịch là Đạo. Tây Vức gọi Niết-bàn, Hán dịch là Vô vi. Tây Vức xưng là Bát-nhã, Hán dịch là trí tuệ. Theo nghĩa này thì Khổng Tử và Lão Tử là Phật. Vô vi, đại đạo trước đã có nói.

Đáp: Kẻ quê mùa không thể đạt đạo vì trệ nơi hình. Kẻ khúc sĩ không thể biện tông cực vì hạn cuộc nơi danh.

Mạnh Tử nói bậc Thánh là Tiên giác, cùng tột trong bậc Thánh đâu hơn được Phật ư? Vì thế, trong kinh nói giác là Phật. Giác có ba: Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn.

Mạnh Kha một phen biện há đủ ba món Bồ-đề.

Xét trong luận Đại Trí Độ dịch rằng: “Vô thượng tuệ nhiên tuệ chiếu linh thông, Hán dịch là đạo, đạo là tên chung đại tiểu”.

Sách Luận Ngữ nói: Tiểu đạo không thể quán, đến nỗi xa sợ chìm đắm. Nếu nói về kinh điển đạo Phật, thì đạo là tên chung cho tà chánh.

Kinh nói: Chín mươi sáu đều gọi là đạo, nghe tên kia thì chân ngụy khó phân biệt. Nghiệm pháp kia thì tà chánh tự phân biệt. Bồ-đề đại đạo dùng trí độ làm thể. Đạo của Lão Tử dùng hư không làm trạng. Thể dụng đã khác, vốn khó ảnh hưởng. Ngoại điển vô vi dùng dứt sự làm nghĩa. Nội kinh vô vi không có ba tướng. Danh đồng mà thật thì chẳng phải một, vốn không giống nhau. Vì thế phải biết mượn tên gọi ở xứ này mà phiên dịch tông của nước kia. Nương tên bàn thật nào có nghi. Theo đây thì Khổng Tử và Lão Tử chẳng phải Phật, vì sao nói như vậy.

Xưa Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng: Phu Tử có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Khổng Tử rộng nghe giỏi ghi, nhưng chẳng phải là bậc Thánh.

Lại hỏi: Ba Vương là bậc Thánh phải không?

Đáp: Ba Vương khéo dùng trí dũng, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khổng Tử không biết.

Hỏi: Năm Đế là bậc Thánh phải không?

Đáp: Năm Đế khéo dùng nhân, tín, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khổng Tử không biết.

Lại hỏi: Ba Hoàng là bậc Thánh phải không?

Đáp: Ba Hoàng khèo dùng thời, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khổng Tử không biết.

Thái Tể lấy làm lạ hỏi: Vậy ai là bậc Thánh?

Khổng Tử thay đổi sắc mặt nói: Ta nghe nói ở phương Tây có bậc Thánh, không trị nước mà nước không loạn, không nói mà mọi người tự tin, không giáo hóa mà tự thực hành. Rộng lớn nơi dân không thể nói được. Nếu Lão Tử là bậc Thánh, Khổng Tử vì sao không nói, dùng lý này so sánh thì lý phải thua Phật.

Trong bộ “Lão Tử Tây Thăng Kinh” nói: Đại thuật trong thiên hạ, thuật của Phật là bậc nhất.

Trong bộ “Tây Thăng Huyền Kinh” nói: Thầy ta giáo hóa từ Thiên Trúc, khéo nhập Niết-bàn.

Lại Phù Tử nói: Thầy của Lão Tử là Đức Thích-ca, nay y cứ trong đạo thư đều nói Thầy là Phật.

- Thứ tám: Thích khác với đạo lưu.

Ba thừa xuất thế, bốn đại trong vực, cách nhau như trời đất, khác hơn trần ngục.

Hỏi: Trong "Hậu Hán Thư" nói: Phật đạo thần hóa hưng khởi từ Thân Độc (xét trong "Sơn Hải Kinh" nói Tây phương có nước Thiên Độc. Quách Cảnh Thuần chú giải rằng: Đây là nước Thiên Trúc. Nhưng trong bộ "Hán Thư Tây Vức Truyện" nói rằng: Thiên Trúc còn gọi là nước Thân Độc). Nói tâm thanh tịnh kia là lời giáo huấn của đạo Phật, không có là lưu Đạo Thư. Do đây mà suy thì Đạo giáo gồm thâu Phật giáo.

Lại kinh Phật nói: Tất cả văn tự đều là Phật nói chẳng phải sách của ngoại đạo, thế mà tiên sinh cao vị Thích giáo trong Nho, Đạo, không tự hạn cuộc mà gần như lừa dối bậc Thánh?

Đáp: Ông dẫn trong Hán Thư để hỏi, tôi cũng dùng Hán Thư mà đáp.

Trong bộ "Hậu Hán Tây Vức Truyện" nói: Trương Đằng viết về Tây Trúc, chỉ nói đất phần nhiều ẩm, nóng. Ban Dũng thì ghi là nước Thân Độc. Chính là nói phụng thờ Phật, không sát sinh mà tinh văn, công thiện pháp dẫn dắt thông suốt, không có truyện ký. Tôi nghe về sau ghi như vầy: Nước kia màu đỏ sẩm, bằng phẳng, trong đó ngọc chúc hòa khí, chỗ giáng và tu tập của các linh trí, là chỗ sinh ra của các bậc Hiền triệt. Thần tích quỷ quyệt thì lý bặt nhân khu. Cảm nghiệm rõ ràng thì sự vượt ngoài trời. Mạch Siêu không nghe, há đạo kia bế vãng vận số khai tịch diệp ư? Nếu không thì sao nhiều kinh điển như vậy.

Hán từ Sở Anh, ban đầu thạnh việc trai giới. Hoàng đế lại tu sửa lọng đẹp, nghĩa vi tế chưa giải thích, chỉ thần minh ư? Vả lại ưa lòng nhân ghét việc giết hại, bỏ tệ tôn sùng việc lành. Do đó, quân tử hiền đạt phần nhiệu thọ pháp kia. Song ưa thích không kinh, quyền thuật không thôi. Tuy Trâu Diễn bàn về trời, Trang Chu nói về sự nhỏ bé nhưng chưa đủ để nói về muôn một kia. Tìm trong Lục của Hán Thư gồm có chứng cớ. Lấy nghĩa sâu kín kia được giải thích thì nói là lưu của Đạo Thư, bàn thần kia cảm nghiệm thì nói lý bặt thiên biểu. Bốn tạng rộng xem, hai đế đều trình bày gồm luận chín đạo thì không đâu chẳng phải Phật nói. Nói riêng ba thừa thì Nho, Đạo không lưu. Đây chính là minh chứng của ta, không phải là tình quyết của ông.

- Thứ chín: Phục pháp không phải Lão Tử.

Dứt Thánh bỏ trí là tâm của Lão Tử.

Huỳnh Cân cấm yểm là pháp của họ Trương.

Hỏi: Kinh nói: Đức Thích-ca thành Phật đã trải qua trần kiếp. Hoặc là tông của Nho Lâm, hoặc là Đạo sĩ quốc sư. Biết Phật đạo như thầm khế hợp.

Lại trong "kinh Thanh tịnh pháp hành" nói: Phật cho ba người đệ tử đến nước Chấn Đán để giáo hóa. Bồ-tát Nho Đồng kia xưng là Khổng Tử; Bồ-tát Quang Tịnh xưng là Nhan Uyên; Ma-ha Ca-diếp xưng là Lão Tử. Tiên sinh biện khác mà dường như bí ẩn.

Đáp: Đạo Thánh vắng lặng, viên ứng vô phương. Ứng vô phương hòa hợp với quần phẩm. Khí lượng có cạn sâu, cảm thông có nhiều ít. Vì thế khiến tượng mà vô tượng, tượng khắp mười phương. Ngôn mà vô ngôn, ngôn đầy tám cực, ứng thật trần sa, đại khái có hai:

Tám tướng cảm thành, Song Lâm hiện diệt, đây là đại.

Quyền (phương tiện) nhập sáu đường, hối tích trần quang, đây là tiểu.

Tiểu thì họa quẻ để ngự thời; hoặc gieo trồng thật nhiều để lợi dân; hoặc tu chánh để định loạn; hoặc hành lễ để răn dạy chúng sinh; hoặc bàn không mà cao ngạo sự vinh hoa; hoặc nói có mà tôn trọng chức tước. Vì sao cho là lão sinh riêng chẳng phải một tích?

Vì thế trong "Tu-di Tứ Vức Kinh" nói rằng: Bồ-tát Bảo Ứng Thinh gọi là Phục Hy. Bồ-tát Bảo Cát Tường gọi là Nữ Oa. Nhưng Đạo sĩ ngày nay, bắt đầu từ Trương Lăng, bèn cho là quỷ đạo, không quan hệ với Lão Tử, làm sao biết?

Trong sách: "Lý Nhạn Thục Ký" nói: Trương Lăng tránh bệnh sốt rét ở Khưu Xã, được Thuật Thư chú quỷ, bèn giải thành quỷ pháp. Sau bị đại xà hít vào, đệ tử vọng thuật thăng thiên. Sau Hán Thư nói Bái nhân Trương Lỗ, người mẹ có dáng dấp thùy mỵ, gồm hợp với quỷ đạo, thường đến nhà Lưu Diên. Thứ Sử Ích Châu là Lưu Diên bèn tín nhiệm Lỗ, cho là Đốc nghĩa Tư Mã. Lỗ bèn cùng biệt bộ Tư Mã Trương Như đem binh giết Thái Thú Hán Trung là Tô Cố, dứt gia cốc (tên một cái hang ở Thiểm Tây) giết Hán Sử. Đã được Hán Trung, bèn giết Trương Tu và cận vệ kia. Đối với Hán là nghịch giặc. Tải Huỳnh Cân, phục Huỳnh Cân.

Lỗ Tự Công Kỳ, thời Sơ tổ Văn Lang Thuận Đế. Đến nước Thục học đạo ở núi Hạc Minh, làm Phù Thư để mê hoặc bá tánh. Người thọ đạo đó phải nộp năm thăng gạo nên đời gọi là Mễ Tặc. Lăng được đạo

kia ở Tử Hoành. Hoành được truyền ở Lỗ. Lỗ bèn tự gọi là Thiên sư quân. Chúng học kia, ban đầu hiệu là quỷ tốt, sau hiệu là Tế Tửu. Tế Tửu thống lãnh bộ chúng. Nhiều thì gọi là Bộ Đầu, đều dạy để thành tín, không cho xem thường. Có bệnh chỉ lãnh thú quá mà thôi. Các Tế Tửu đều khởi nghĩa bao gồm ở Đồng lộ. Đồng lộ Huyền Đình để gạo thịt, cung cấp cho khách đi đường. Người nào ăn phải lường bụng vừa đủ, nếu ăn quá nhiều thì quỷ sẽ làm người bị bệnh. Người phạm pháp, trước gia ba lệnh, sau mới hành hình, không để trường sử.

Do Tế Tửu trị dân, càng tin hướng về. Triều đình không thể thảo luận, bèn đến bái Lỗ Trấn Di Trung Lang. Đem cống hiến kia. Từ Lỗ ở Hán ba mươi năm. Đời Hiến Đế, niên hiệu Kiến An năm thứ hai mươi, Tào Tháo đem binh đánh Dương Bình, Lỗ muốn cử Hán Trung ra hàng, con là Vệ không nghe, đốc xuất mấy vạn quân chống cự, cố thủ cửa ải. Tháo thấy vệ chém đầu đó. Lỗ nghe Dương Bình đã bị chiếm phá, cho sắp cúi đầu quy hàng, Diêm Phố nói rằng: Nay do đến gấp công kia còn nhẹ, không bằng y theo đất Ba trung, rồi mới ủy chất, công chắc chắn sẽ nhiều. Do đây, bèn đến hai bên Nam Sơn, muốn đốt các thứ báu trong kho.

Lỗ nói: Vốn là muốn quy mạng quốc gia, ý kia chưa đạt. Nay ra đi là vì tránh mũi gươm nhọn chớ không có ý ác. Bèn giao kho mà đi. Tháo vào Nam Trịnh rất tốt, là do Lỗ vốn có ý tốt nên cho người an ủi. Lão cùng cả nhà ra đón rước. Bái Trấn Nam phong Lan Trung Hầu. Mà Trương Giác, Trương Lỗ v.v... vốn nhân quỷ ngôn Hán mạt Huỳnh y đương vương, ư nhị thỉ phục chi Tào Tháo thọ mạng từ Huỳnh Đại Xích. Giặc Huỳnh Cân đến đây mới bình. Từ đây về sau bèn có tệ này. Đến đời Tống, vua Võ Đế đều dứt hết. Đến thời Khấu Khiêm, có trở lại, nay đã là đại đạo thì phong hóa phải đồng. Tiểu vua cân sắc thật phải sửa đổi. Hơn nữa Lão Tử là bậc Đại hiền dứt khí quý thượng, lại là triều thần, phục sắc đâu khác. Xưa có chuyên học kinh mà chẳng khác phục tượng. Huỳnh Cân bố y (khăn vàng áo vải) xuất xứ từ Trương Lỗ. Sách của quốc gia nói rõ đâu có luống dối. Thánh hiền làm lời dạy bảo, mở rộng ôn nhu, quỷ thần nghiêm ngặt làm lạnh nóng. Lão Tử răn dạy cúng rượu đều uống. Trương chế quỷ phục huỳnh bố đều đồng. Chân ngụy rõ ràng, gấp hoãn rất dễ thấy.

Từ đây trở xuống lược dẫn một số điều vọng thuyết của họ Trương, Dùng trừng cách chưa nghe.

- Hoặc cấm kinh chỉ giá: "Huyền Quang Luận" nói: Cáo kinh của đạo Lão, chế tạp phàm ý dạy tích chứa tà hiểm. Vì thế cho nên không

truyền. Chỉ được kim bạch liền cùng với kinh kia. Nghèo tạo ra đó, đến chết không gặp, tham lợi không lòng từ bi, nghịch không hơn đây. Lại phương thuật kia uế trược không thành, bèn có khấu xỉ làm thiên cổ; hí nhổ làm rượu, phân ngựa làm củi; chuột già làm thuốc. Dùng đây cầu đạo, đâu thể được ư?

- Hoặc vọng xưng chân đạo: "Thục Ký" ghi rằng: Trương Lăng vào núi Hạc Minh tự xưng là Thiên sư.

Đời Hán, cuối niên hiệu Gia Bình bị Đại Xà hít Tử Hoành đến tìm xác không được, sợ chê bai bèn giả lập quyền phương để tiêu biểu tích linh hóa, sinh... Hạc túc để trên đỉnh Thạch Nhai.

Đến niên hiệu Quang Hòa năm đầu, sai người đến bảo rằng ngày mồng bảy tháng giêng Thiền sư thăng Huyền Đô. Ở núi Mễ Dân, rợ Lão (thuộc phía Tây nam) nhân đó vọng truyền, làm lợi sinh chút ít, nghịch không hơn đây.

- Hoặc hàm khí thích tội: Vọng tạo Huỳnh Thư, chú lại vô đoán. Bèn khai man môn ôm trẻ em. Hồi Long Hổ... đủ như trong Huỳnh Thư nói. Ba năm bảy chín thiên la địa võng. Sĩ nữ buông tuồng không khác cầm thú, dùng tiêu tai họa. Kia có thể như vậy ư?

- Hoặc hiệp đạo tác loạn: Huỳnh Cân quỷ đạo, độc lưu Hán thất. Tông ân cầu tiên, họa duyên rộng lớn, phá nước hại dân, hoặc loạn thiên hạ.

- Hoặc Chương Thư đại đức.

- Hoặc sợ quỷ đeo phù. Bên trái đeo thái cực chương bên phải đeo Côn ngũ thiết, chỉ mặt trời thì ánh sáng dừng lại, nghĩ quỷ thiên lý huyết. Nếu thọ Huỳnh Thư Xích Chương tức là linh tiên này.

- Hoặc chế dân thâu khóa: "Thục Ký" nói rằng: Thọ đạo kia, thâu gạo, thịt, vải lụa, đồ vật, bút giấy, dâng cúng năm màu. Sau sinh tà trược, lập thêm mễ dân.

- Hoặc giải trừ cơ môn: Tả đạo dư khí cơ môn giải trừ. Xuân Thu hai phần cúng ông Táo, Thổ Địa. Đông Hạ hai mùa cúng tế đồng như thế tục. Trước thọ trị lục, binh phù xà thế, đều nói quân tướng sử binh, đều không nghĩa răn dạy.

- Hoặc khổ vọng độ ách. Đồ khôi trai: Sự khởi từ Trương Lỗ.

- Hoặc trong mộng gây ra tội: Mộng thấy tiên vong, liền cho rằng biến quái, mời quỷ thần ăn. Quân tướng sử binh tấu chương dứt bỏ.

- Hoặc khinh tác dụng nịnh: Tạo Huỳnh thần việt chương, dùng trì sát quỷ. Lại tạo Xích chương dùng để trì sát người. Thủ bặt thế tình không cho ương tội âm mưu hoại tật, hung tà rất lắm.

Đây đều là quỷ pháp của Ba Trương, há bổn hoài của Lão Tử ư? Từ Thượng Đài cho đến Phù Diêu, đều gọi chúng Tăng là Đạo sĩ. Đến đời Khấu Khiêm, bắt đầu trộm hiệu của Đạo sĩ, thầm đổi tên là Tế Tửu. Sự chọn Diêu Thư, lược có thể rõ.

Nhưng trong "Pháp Hành Kinh" thì không có người dịch. Tuy nhập nghi khoa nhưng chưa thương hoằng chỉ. Ma-ha Ca-diếp là đệ tử của Đức Thích-ca. Bẩm đạo mở mang, cự hy phương già, Ba Trương Phù Lục. Dối trá lời lão tìm kiếm lời quỷ quyệt để giúp nhau. Lại dẫn thật đàm để chứng lời luống dối kia.

Than ôi! Rất đáng thương, xin xét cho kỹ.

Hỏi: Nghiên cứu đạo Lão, khuyết phẩm có ba:

1. Lão Tử vô vi.

2. Thần tiên nhị phục.

3. Phù lục cấm yếm.

Còn Chương Thức có tình và thô.

Thô thì yếm người giết quỷ, Tinh thì luyện thây chết kéo dài thọ mạng. Lại có Thanh Lục, thọ phải Huỳnh bạch. Vương Hầu thọ đó thì kéo dài tuổi thọ, thêm phước. Thứ dân thọ thì mạnh khỏe ít bệnh. Ông sao không luận chỉ chê là quê mùa ư?

Đáp: Như ông đã nói, sao cho là quê mùa?

Vương làm không phải sơ sài mà đến được, quyết phải có linh mạng để ứng với trời người. Còn như phù thủy không đâu không giáng xuống. Trên thì Hà đồ lạc thủ, kế thì Quy Long Lân Phụng, đây là Phù lục của Hoàng đế. Nay Đại Chu ngự vũ, Ứng Lịch thọ đồ. Xuất chấn là thần, Điện Hiên lưu cảnh. Trên nói Cù Thất dưới mở Linh Đài. Nêu ba quang kia, xa giúp hai bính. Mà đức mâu chuông trống, động thực giao linh. Nhân gồm hai nghi, u minh dâng cúng. Vì thế chân dung biểu tướng. Bất giả tầm ư cụ Trừng chiếu uyên du, không cầu tượng võng. Trói buộc ngữ mặc, đàn áp danh ngôn, vượt ngoài có không, vượt xa kia đây. Sô cẩu muôn cơ, chẳng thể cho là có, từ hiếu triệu thứ chẳng thể cho là không. Bốn biển một nhà không thể cho là kia. Chín châu xa rộng chẳng thể cho là đây. Vì thế, người dạo đi không thể so lường chỗ cạn sâu kia. Người giẫm lên đó chưa cùng tột được dày mỏng kia. Thêm ba chân, chín đuôi, chim đỏ, rùa xanh. Điềm tốt tìm nhau không hẹn mà đến. Đây là đại đạo hoằng nhân, sáng khắp bốn biển, điềm tốt gồm hợp phước dày không cùng. Há là thanh ninh của Thánh đức, đa sĩ của thiên triều. Còn tin luận quỷ lục, còn truyền thuyết đồng cốt ư? Xưa thần tặng Quách Điền, như nghĩa ban đầu cầu điền. Nhân dân cúng Triệu Tước,

do chứng cớ ban đầu thọ ngôi tước, đó đều là lời nói ủy hạn bỉ, ông theo chỗ không nên theo.

Hiệu Hoàng đế là nghĩa tôn cực thiên hạ. Tên Vương giả là nghiệp đại tận bá công. Thọ mạng thần tông, rộng phong hóa ở hoàn cầu. Phong thiền sơn nhạc quả báo thành công trong trời đất. Không thấy quỷ nói đầu tiên của tượng kinh luân, không hề có lời dối trá đạt đến tông xa kia. Luống dối hoặc sinh dân, bại hoại Vương giáo. Chân tục nhiễu loạn, quy chánh không theo. Khổng Tử quý tri mạng. Bá Dương bỏ kỳ thượng, đâu thể lấy quỷ phù mà mong thọ mạng kia. Nếu nói thọ thì có lợi ích, thì nay Đạo sĩ đeo phù sẽ được trường sinh, sinh dân không lục lẽ ra chết yểu. Việc đã không có chứng cớ, sao nói là có?

- Thứ mười: Nói về sinh chân ngụy.

Hai kinh thật bàn là chân, ba đổng hoang đường là ngụy.

Hỏi: Kinh của Lão Tử năm ngàn lời rất sơ lược, ba đổng của Thượng Thanh chính là sâu xa. Vả lại, linh bảo cấm kinh, thiên văn ngọc tự, vượt chín dòng, quá một trăm dân. Nho gồm đạo Lão há bì kịp đây ư?

Đáp: Đạo kinh của Lão Tử phác tố đáng tôn. Nội thiên của Trang Sinh thị sư đáng lãnh, ở đây đã ngoài chế từ phàm tình.

Huỳnh Đình, Nguyên Dương sưu tầm rút ra từ kinh Pháp Hoa, đem đạo đổi Phật, cải dùng rất vụng về. Linh bảo sáng lập từ Trương Lăng. Niên hiệu Xích Ô, thời Ngô, bắt đầu phổ biến ra. Thượng Thanh bắt đầu từ Cát Huyền, giữa đời Tống Tề mới lưu hành. Xét ra bậc Thánh thiên tự chỗ nào Huyền Đàm. Bắt đầu từ cổ văn hai triện văn đại và tiểu, để nêu câu đố đều không giống nhau. Quỷ thư của Dương Bình đối với đây xét biết. Đời Tấn, niên hiệu Nguyên Khương, Bảo Tỉnh lập Tam Hoàng kinh giúp việc trách phạt, sự việc ghi trong sử nhà Tấn, người đời sau kiêng nể đổi thành Tam Đổng. Tên kia tuy đổi nhưng thể vẫn còn. Dụ như nói Tam Hoàng cho là tôn cực, đây đều là lời nói từ tâm phàm, thật biết không phải là giáo. Không liên quan gì đến miệng Thánh, há cho là điển kinh. Mà học trò của Trương, Hạc đều xen lẫn phù cấm giáo hóa thế tục, kỳ quái hoang đường trái với vô vi. Than ôi! Sao lại chỉ dấu vết của con trùng mà so sánh với Thương văn; sữa độc mà sánh với cam lồ. (Y theo sách “Trương Lỗ Thụ Ký”, có hai mươi bốn trị. Mà trị Dương Bình là lớn nhất. Nay Đạo sĩ thượng chương và tấu phù yếm đều xưng là Dương Bình, trọng căn bản kia. Do Thượng Thanh là Đổng Huyền, kinh báu là Đổng Chân; Ba Hoàng là Đổng Thần, vì thế gọi là Ba Hoàng.

Hỏi: Kinh đạo u uẩn dón gọn vốn dắt dẫn lối người mau lẹ, kinh Phật hiển rõ rộng lớn vốn để cứu kẻ chậm chạp, ngu độn. Cùng lý thấu sự, rất dễ thấy.

Đáp: Kinh của đạo Phật sâu xa u hiển đều uẩn đủ. Huyền chương mênh mông, rộng lược đều thông.

Trong luận Đại Trí Độ nói: Vì người lanh lợi lược nói là vì giải nghĩa. Vì người lanh lợi nói rộng gọi là tụng trì. Vì người chậm chạp, ngu độn nói rộng là giải nghĩa. Vài mươi vòng, Trí điển đã như vậy, kinh khác đều như vậy.

Nói chung rộng ở người chậm chạp ngu độn. Sao quá vu khống. Hương thành kim giản, Long cung ngọc diệp, trên trời dưới đất, kinh Phật sao lường được. Tám âm bộ trật số kia vô biên. Mười hai cai không đâu chẳng hết. Có thể gọi là ba trăm thiên Thi Tế là một. Do đây nêu đó, rộng lược rất dễ thấy, rõ kinh của đạo Lão ba mươi sáu bộ, rộng thì nhất định rộng, không có lược thâu. Tức ở đây gồm thuần và độn sao có vì người lanh lợi. Rộng mà có thể lược thì chẳng phải nhất định rộng, lược có thể rộng thì không nhất định lược. Kinh điển Phật thật sâu xa, đối với ở đây.

- Thứ mười một: Giáo chỉ thông cuộc.

Điển khang trị đời mà không khỏi sinh tử gọi là cuộc. Cận tỉ vương hóa mà xuất thế được là thông.

Hỏi: Cơ Khổng lập giáo có thể an nước trị dân dời đổi phong tục. Lão Trang nói về huyền có thể quy thuần phản tố, tức trọng vô vi, đó là hóa đủ. Sao lại nhờ kinh Hồ (kinh Phật). Lại bỏ trâm cạo tóc, hủy dung nhan đổi họ, có thể giáo hóa cương Di kia không thể dùng giáo hóa Trung Hạ. Kia dụ như xe có thể vận chuyển trên đất liền. Không thể vận chuyển dưới nước, ghe thuyền có thể chạy dưới nước mà không thể chuyên chở trên đất liền.

Kinh Phật quái lạ hoang đường, nhiều mà không có bằng chứng. Khiến cho người sợ thì nói địa ngục, để họ khiếp vía ghê hồn. Dẫn dụ thì nói cõi trời khiến người ngu trông mong. Dọc thì nói trần kiếp còn gọi là không xa. Một bên thì nói sa giới, còn cho là chưa xa. Hoặc nói nghèo là do san tham keo kiệt, giàu là do bố thí mà có được. Quý là do cung kính, hèn là do khinh mạn. Cò lòng từ không sát sinh thì tuổi thọ lâu dài. Sát sinh nhiều hoặc săn bắn thì tuổi thọ giảm, chết yểu.

Xét thảo luận v.v..., khó phù hợp, có khi thấy có người ưa bố thí, không sát sinh mà nghèo khổ chết yểu, người san tham, thường sát sinh

mà giàu có sống lâu. Thiền giới khổ tiết, mắc các bệnh hoạn. Chôn sống nhiều, phong thưởng thỉ giáng, tin cho là khổ não do hoặc sinh ra, chức tước bổng lộc do giết hại mà được. Kia dụ như chủng giác sinh cỏ lau, mẹ con trái nhau. Ngưu mao (hông trâu) sinh cỏ bồ, nhân quả không giống. Tuy nói nghiệp báo mà không cho là vừa ý. Luống nói tương lai nào khác buộc ảnh. Chưa bằng thợ gốm bẩm thọ ở tự nhiên. Sâm la bằng nơi độc hóa, chợt vậy tự có, hoảng vậy tự không, lành dữ nhậm vận, lìa hợp vô ngã. Người chết thân diệt, kia dụ như đăng cao đầy đủ đều biết chỗ nào đến. Luống nhọc thiệp sâu nơi không bàn luận, đuổi theo chỗ không hiệu nghiệm.

Đáp: Khác chỗ trình bày của ông ư, sao cho là quê mùa. Quả cho là ràng buộc giếng sâu, phong thử một phương mà thôi.

Mạnh Tử nói: Chỗ biết của người, không bằng chỗ chẳng biết của người mà tin. Ta sẽ nói với ông: Xưa nói về đại đạo, năm biến mà hình danh không nêu, chín biến mà thưởng phạt có thể nói. Do đó, phương nội thứ lớp còn chưa thể đình đốn. Còn như móc câu, giáo thuận thời cấm sự bạo ác của bốn dân. Lễ ba thân hiển lòng nhân của Vương Tích. Có thể cho là đẹp mà chưa toàn thiện.

Tiên sinh chế tác hạn cuộc ở hoàn cầu. Trời chia ra mười hai cõi cùng tột sa mạc, đất chia chín châu cùng tột Hắc Thủy. Bàn về quá khứ, luận về vô lượng, việc đều một đời chưa luận ba đời. Há Thánh đạt không biết, tin duyên tốt chưa thành. Thích-ca phát ra lời chân thật tột nguồn, diễn hồn giữ thương xót. Trên cùng tột bậc Thánh, dưới đến loài trùng kiến đều không giết hại, đây là chỗ cùng tột của người có lòng nhân. Chính là đạo bao dung chân tục, nghĩa gồm tinh linh. Dời nhân thọ nơi Bồ-đề, đổi giáo nghĩa ở quyền thật. Khiến cho Tông hư ấy ngộ ý chỉ không không. Còn có là tiến đến chỗ quyền (phương tiện) của giới định, đối tuệ quang này xa chiếu. Trang Vương do ban đêm thấy sáng. Linh dịch phương tân, Minh Đế cho là thần mộng. (Xuân Thu Tả Truyện nói: Lỗ Trang năm bảy tuổi, tháng tư năm Tân Mão, ban đêm hành tinh không thấy, ngôi sao rơi xuống như mưa, tức Chu Trang Vương mười tuổi.

Trong sách “Trang Vương Biệt Truyện” chép: Vua bèn bói toán, quẻ ứng rằng: Ở Tây Vức có người màu sắc vàng đồng xuất thế, phương đó ban đêm sáng, không phải là tai họa của Trung Hạ.

Xét trong kinh Phật: Đức Như Lai nhập thai ngày mồng 8 tháng 4; sinh ngày mồng 8 tháng 2, cũng thành đạo vào ngày mồng 8 tháng 2. Ngày sinh và ngày thành đạo đều phát ra ánh sáng. Mà nói ngày xuất

thế tức là ngày thành đạo.

Nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng giêng. Xuân Thu tháng 4 tức hạ tháng 2. Theo Thiên Trúc dùng tháng giêng đồng với Hạ.

Đỗ Dự dùng lịch nhà Tấn thì ngày mồng 5 tháng 2 năm Tân Mão.

An Cộng Đổng Phụng Trung dùng lịch nhà Lễ tính thì ngày 7 tháng 2, dùng lịch nhà Tiền Chu tính thì ngày 8 tháng 2. Lại y theo niên kỷ của Pháp sư Thập và Thạch Uổng Minh đều giống với Xuân Thu. Đức Như Lai sinh vào thời Chu Hoàng Vương năm tuổi tức năm Ất sửu. Xuất gia vào năm Hoàng Vương hai mươi ba tức năm Quý mùi. Thành Phật vào thời Trang Vương được mười tuổi tức năm Giáp ngọ. Diệt độ vào thời Tương Vương mười lăm tuổi tức năm Giáp thân. Đến nay được một ngàn hai trăm lẻ năm năm.

Bởi cho là toại thông tư cảm, ngộ nhập nhờ duyên. Vận trị một trăm năm đều bằng muôn kiếp. Lúc Tần Cảnh Tây sứ mà Ma Đằng đông thệ, đạo mở mang triều Hoàng Hán, huấn dạy vào niên hiệu Vĩnh Bình. Vật không tước huỳnh nhân kỳ thảo yển mới biết phóng hoa còn mờ tối mà văn tuyên chưa sáng. Ông ban đầu nói kia đồng mà chưa biết chỗ khác kia. Vì thế, biết chỗ ban đầu đồng là không đồng; chỗ khác ở sau chẳng phải khác. Tại sao tu thuần đó lại chuyên nơi phản tục. Tục đã có thể phản, thì đạo có thể thuần. Mưu phản tức trước chớ cạo tóc mà cạo tóc hủy dung nhan sự còn cao tố. Từ thân cắt ái vượt phương của Thánh, trừ tham muốn ở sơ tâm, quên hình hài nơi chung quả. Sao lại quyến luyến nơi ba cõi, còn trôi lăn trong sáu đường, Thái Bá văn thân cạo tóc không phải Tây Di, Phạm Lễ đổi họ sửa tên đâu phải Đông Hạ. Gần thì nhường mười ngàn xe, luận Ngữ gọi đó kia là chí đức. Xa thì không nhận chín nhà há hạn cuộc ở dân tộc. Vì thế kinh A-hàm nói: Bốn họ xuất gia đồng một họ Thích. Thí dụ Trang Tử Chu xa, do xưa nay giống như lễ có tổn ích, nhạc có tướng công. Ông vì sao xen lạm rằng cõi nước chỉ có Thánh giáo vô phương, không cho là người trời trái ứng. Diệu hóa không ngoài, há cho là Hoa Nhung trở tình. Đây là do một âm tuyên xướng muôn phẩm đều ngộ, há cho là Di Hạ mà cách ư?

Kinh Duy-ma nói: Phật dùng một âm thanh giảng nói pháp, chúng sinh tùy loại đều được hiểu. Ác của sấm giới nhiều kiếp không quên. Thiện nhỏ bé thường làm thân dụng. Nhưng họa phước nương nhau không đâu chẳng nương dựa. Được mất hợp nhau kinh trọng thầm truyền. Phước thành thì cõi trời tự đến, gây tội thì địa ngục sẽ đến. Đây là lẽ tất nhiên, không có gì nghi ngờ. Nếu tạo nghiệp lành nơi u ẩn mà quả báo

nơi hiển thì người đời gọi là âm đức, mọi người đều tin, còn tạo việc ác nơi hiển mà quả báo ở u ẩn thì lý này như vậy, đâu không tin ư?

Kinh Dịch chép: Chứa nhóm điều lành thì sẽ có vui, chứa nhóm điều ác thì sẽ có họa, thế mà Thương Thần làm ác bèn được sống lâu, Nhàn Hồi ít có mà chết yểu, Bá Ngưu nhẫn được xung hòa mà nạp bệnh. Kẻ trộm hung nghịch mà khinh cường. Đây đều là thiện ác không bằng chứng, sinh mê hoặc này. Nếu không có giáo pháp của Phật thì đường này hằng trở ngại.

Kinh nói: Nghiệp có ba quả báo: Hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Hiện báo: Thiện ác thân này gây, quả khổ vui ngay thân này phải chịu.

Sinh báo: Thiện ác thân này tạo, thân kế phải chịu quả báo.

Hậu báo: Hoặc hai đời, ba đời, trăm ngàn muôn đời sau mới chịu quả báo, thọ đó không chủ quyết do tâm, tâm không nhất định quyết cảm ở sự. Duyên có mạnh yếu, nên quả báo có mau chậm. Vì thế kinh nói: Thí như thiếu nợ, nếu ai đòi gấpthì trả trước. Đây là nhân quả thưởng phạt, ba quả báo hằng đến. Tự không phải thông tài đạt thức ít được môn kia. Ở đời, hoặc có người chứa nhóm điều lành mà gặp phải tai ương; hoặc có người hung tà mà gặp điều vui. Đây là hiện báo chưa thành thục mà tiền báo đã ứng, vì thế nói làm việc lành gặp họa, yêu tà mà hưởng phước. Nghi ngờ điều này nên dường như chê bai ganh ghét đối với điều này.đâythì Nhan Hồi chết yểu, vận chung thuở xưa. Nay tích đức lợi ở tương lai, kẻ trộm sống lâu, hưởng nhân lành đời trước, nay làm ác sẽ suy vi đời sau.

Chủ giải rằng: Đời Sở, Mục Vương tự là Thương Thần, là Thái tử của Sở Thành Vương. Ở đời, có tội giết cha, tên thụy là Mục, danh thật khác nhau là do ở đây. Đây đều là hai quả báo: Sinh báo và hậu báo, không phải là hiện báo. Vì thế kinh nói: Tạp nghiệp nên tạp thọ. Như vua Ca-lợi chặt chân Sằn-đề, hiện đời bị sét đánh. Phu nhân Mạt-lợi cúng dường Tu-bồ-đề, hiện làm Hoàng hậu. Những trường hợp đây đều là hiện báo.

Ông nói: Sát sinh nhiều là nhân giàu có, trì giới là gốc bệnh hoạn. Kinh có thành thông, có thể được nói. Hoặc có duyên ác phát nghiệp lành, sát sinh nhiều mà được chức tước.

Hoặc có nghiệp chiêu cảm, há do tu thiện mà có. Giàu sang từ nghiệp lành khởi chẳng phải do giết người chôn sống mà cảm. Vì thế luận nói: Đây là duyên không định chẳng phải thọ báo không nhất định. Nếu nói thọ báo nhất định thì nhân không thể thay đổi. Dụ như gieo lúa thì

mọc lúa giê, quyết không mọc lúa mạch. Lúa mạch không mọc nhưng không thể do hạt giống và đất làm duyên, lúa giê làm nhân. Nhưng nhân quả rộng lớn, khó lường xét rõ ràng. Y theo văn kinh dạy lược nêu hai thứ: Sinh báo và thọ báo cùng thực hành mười nghiệp lành thì đồng được thân người là sinh báo. Giàu nghèo, sang hèn, thông minh đần độn, chết yểu sống lâu là thọ nghiệp. Vì thế, bố thí thì được giàu có, san tham thì bị nghèo khổ. Nhẫn nhục thì được đẹp đẽ,sân hận thì bị xấu xí, đây là nhân quả tương đương. Nghiệp báo nhỏ nhiệm, người thông suốt còn mê mờ chưa rõ, suy nghĩ không thể đến. Nêu tà kiến hưng khởi, hoặc nói người chết thần diệt không có sinh đời sau (đoạn kiến); hoặc nói tụ tán không cùng, tâm thần không thường kiến; hoặc nói lành dữ, khổ vui đều do trời ban (tha nhân của ngoại đạo); hoặc chấp các pháp tự nhiên không do nhân mà có quả (vô nhân của ngoại đạo). Cho là việc họa phước đều do nơi sáu phủ, quả báo khổ vui đắp đổi ở hai hạnh. Bèn khiến cho người gặp, không phải chỗ đối kia. Chính gọi là sách danh số, không y cứ ở trên, thiện ác báo ứng không chứng ở dưới. Nếu có thể xem ba quả báo để xem phần cùng thông thì Khổng Tử không đáp, Trọng do quyết đoán rất dễ biết.

Đây là do Văn Tử xưng lời của Huỳnh Đế rằng: Hình thì có tan rã mà thần không hóa. Do không hóa nương hóa mà kia thay đổi không cùng. Lại táng lễ của Doanh Bác nói rằng: Xương thịt trở về đất mà thần khí chẳng ở đâu không có.

Kinh Phật nói: Thần hình không hình, nương vào bốn đại, hình không có chủ, thần không có nhà, đây rốt ráo là minh chứng, thần rong ruổi trong sáu đường, là lãng thuyết (lời nói rõ ràng) hình trọn một đời, chưa thể tin kinh ít rõ lời răn dạy. Do đây mà quán xét, kinh Phật sở dĩ vượt hơn sáu điển, bặt chín dòng, há không cho là cùng thần đạt yếu, hun đúc linh phủ, tột nguồn tận hóa, thủy cảnh vô bờ hay sao.

- Thứ mười hai: Y theo pháp dứt nghi

Pháp có khuôn phép, người không nhất định, nếu y theo pháp thì các điều nghi ngờ tự dứt.

Lúc đó, đồng tử vẻ mặt không vui, tức giận nói rằng: Tôi nghe kinh Phật rỗng không chẳng sâu xa, danh giáo đã bàn, huyền phong lâu dài. Há khí tượng có thể bao gồm, vì thế người nhiễm thanh phong lưu, thì thoát hình cốc nơi tâm ban đầu. Người nghiên cứu cùng tận lý thì dẹp trừ tâm, trần nơi lo lự cuối cùng. Kháng chí cùng Di Hạo tích. Khiết Kỷ cùng Nghiêm Trịnh đồng tích, quên đồng vinh dự, bỏ tham

dục. Nhưng lời dạy của đạo Phật hơi trạnh canh vì xa xỉ. Trên thì giảm tư lương của cha mẹ, dưới tổn phần của vợ con. Trai hội thì nhiều món ăn ngon, chùa tháp thì quá sức đẹp đẽ trang nghiêm. Việc vui mừng cả năm, phí tư lương của nước. Nhưng các Sa-môn ưu tú thì ít, thọ trọng ân này chưa báo đức. Hoặc khai khiển ruộng vườn cùng nông phu đẳng lưu, hoặc tính toán cầu tài cùng người buôn bán tranh lợi. Hoặc giao du với người giàu sang để tự khoe mình là bậc hào kiệt. Hoặc bói toán tốt xấu quay cuồng theo danh dự. Bèn khiến cho nguồn lóng trong lần lần nhơ bẩn, nước trong thành đục.

Tôi sở dĩ cho là kỳ lạ vì lý do này. Mong muốn tâm thanh tịnh, nghiên cứu cùng tột Phật pháp, nhìn các phong tục khác, thấy đây mà rửa tâm không thác.

Tiên sinh bùi ngùi, cười nói rằng: Tôi nghe vật lân giới không đạt được việc cao hoại. Loài lông cánh đâu biết được thân lang thang đó đây. Loại thì khác; phân chia vốn kia như vậy mà thôi. Mười tánh sâu rộng hàm sinh đều có, hai đế gồm sâu, vật ngã suốt đây.

Nếu nói có thì chín đường ồn náo, nếu bàn không thì muôn tượng đều vắng lặng. Vì thế, Bát-nhã Tâm Kinh nói: Sắc tức Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức sắc. Song sắc là ngoan chất vô tri còn Tát-bà-nhã là linh chiếu của chư Phật. Nói có thì như vậy không phân biệt, nói không thì một chẳng khác. Cùng tột thay! Cùng tột thay! Hư vô của Lão Tử chính là có ngoài mà trương nghĩa, pháp tánh của đạo Phật chính là sắc mà dạo huyền. Dạo huyền không ngại nơi khí tượng, duyên gì nương đó có thể trừ. Tức sắc mà sâu xa nơi pháp tánh thì cảnh trí đều vắng lặng. Kinh Bát-nhã nói: Hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Kinh Duy-ma nói: Trừ bệnh kia mà không trừ pháp. Tin đạo này, ai có thể đến kịp, vì thế có thể cứu những kẻ chìm đắm nơi trầm luân, cứu căn cơ u tối trong nhiều kiếp. Xa khai bến ba thừa, mở rộng con đường trời người. Phàm Đại sĩ lập hạnh, dùng bố thí Ba-la-mật làm đầu. Tiêu biểu chỗ cùng tột của tông dùng chùa tháp trước tiên. Bố thí mà-có quả báo không thành hư phí. Ban ân mà có đức đâu gọi không làm. Vả lại, tinh vi cóchút kém mỏng, xa xỉ lần lần nổi lên. Lỗi ở vật hoài, đâu liên quan gì đến sự lo âu của bậc Thánh. Vì thế sùng hiên ngọc nhĩ chẳng phải là tâm của vua Nghiêu vua Thuấn. Nhà đẹp, ăn ngon đâu phải ý của Thích-ca. Nay Đại Chu ngự vũ, thuần phong xa giúp, chấn hưng giềng mối đạo nơi sáu hợp, lưu bố giềng mối đức ở tám hoang. Người không thể gõ sóng, trên sông, kẻ không thể gom tiếng trong hang, bốn dân đều an nghiệp, mười trăm dân đều phân rõ. Ngũ cốc tốt

tươi đầy mộng, tích chứa trong kho mà thành củ. Đem kích hoại để ca tụng thái bình. Vổ bụng mà xem thạnh hóa. Vì sao ông câu nệ ở vọng lự cùng kiệt.

Người xưa nói: Tài là khó, đáng tin. Khổng môn ba ngàn đều tốt đẹp trong biển. Lựa khắp bốn khoa không đầy mười. Trong đó, Bá Ngưu bệnh nặng, Nhan Hồi chết yểu. Thương cũng san tham bỏn sẻn. Cho thì hóa thực, xin thì vơ vét, do hung bướng, mà trị nước suy hao.

Đây là tông của nhân luân, cung kính tôn trọng phép tắc là biểu tấn thân. Trăm dân kính mến di phong kia, ngàn đời kính cảnh hành kia. Còn như Sa-môn khổ hạnh bỏ hết tiết tháo, bởi tóc, da vì việc nối dõi làchỗ quan trọng của người đời mà Sa-môn xả bỏ như tháo giày dép. Danh vị tài sắc là chỗ dính mắc của loài hữu tình mà Sa-môn thấy đó như vỏ hạt lúa. Đây là chỗ nhẫn mà người không thể nhẫn được, chỗ bỏ mà người không thể bỏ được. Có thể gọi là vượt hẳn bến cầu thế gian, là chỗ thù thắng của sự hoằng đạo. Lục kia mở lời rắn nhắc thế tục đủ hết bốn việc. Tìm thành tích cao thượng kia có thể báo đáp bốn ân, huống gì hơn nơi đây ư? Núi Côn Luân có nhiều ngọc quý còn có gạch cát. Nước nổi nhiều vàng đâu không có đất đá. Trong số sinh mạng giới cấm thật nhiều, không đâu chẳng có năm, ba điều thiếu sót ở giới luật. Chính gọi là đạo bỏ người, chứ không thể cho là người bỏ đạo. Vì sao ông xem đây bèn khen ngợi giáo pháp của Phật, vì thế kinh nói: Y theo pháp không y theo người, y theo trí không y theo thức. Không thể thấy dấu vết của vua mà lơ là khuôn phép của vua Nghiêu và Khổng Tử, xem thành tích của Điều Đạt mà quên phong cách của bậc diệu đức. Nay ta sẽ vì ông mà nói đại khái giáo pháp kia. Ba thừa đều ra khỏi sinh tử mà chỗ sâu kín có cạn có sâu. Chín dòng đều nói vũ trụ mà chỗ suy xét đâu không có chung, riêng.

Kinh của Nho giáo nói: Căn bản của hiến đức, dạy đó là do sinh. Đã nói là căn bản của đức, dấu vết của đạo cao nhân nghĩa, dạy đó do sinh. Sách vở kinh điển do đó mà mở mang. Nhưng cùng quy về mà đường thì có khác, một mối mà trăm lo. Hiếu từ là chung, sao ông lầm ư? Nho là nhiếp chung sao ông nghi ngờ?

Lúc đó, Đồng tử mỉm cười vui vẻ nói: Phàm dựng lập cây xà nhà to lớn mới biết sự thấp hèn của cỏ tranh, ngước lên nhìn mặt trời mặt trăng càng cao, đồi núi sao có thể chật hẹp. Xem chân thuyên rộng lớn, biết lời dạy là gần. Xét lời bàn chân thật của hai kinh, biết sự giả dối của ba trương. Phật sinh ở Tây Vức, hành nghi, giáo pháp truyền đến Đông Độ được nghe dư âm. Song thần tích rộng xa, lý trái xưng gọi.

Nhân quả vắng lặng, tin bặt danh ngôn. Nay dùng tâm thấp kém nghe luận cao xa, tiêu nghi hết chấp, hoán nhược xuân vĩnh mới biết kinh điển đạo Phật mênh mông, bao gồm hai đế. Nho giáo rộng xa gồm thâu chín dòng. Tin sợ lời bàn, không được mà xưng vậy.

Tôi thật không sáng suốt, xin thành khẩn vâng theo lời dạy bảo.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 9

THIÊN THỨ HAI BIỆN HOẶC (PHẦN 5)

Luận tiếu đạo (văn kia rộng, chọn điều đáng cười).

Thần Loan xin thưa! Phụng sắc chỉ làm rõ đạo Lão, đạo Phật và định sự trước sau, cạn sâu, đồng khác của hai giáo. Thần thông đánh giá chỗ yếu kém chỉ cẩn thận chép đủ chỗ thấy nghe, Thần trộm nghĩ, đạo Phật và đạo Lão dấu vết khác nhau, xuất hiện, mất đi, ẩn, hiển, biến, thông cũng khác, sâu xa nhiệm mầu chưa dễ gì rõ được. Vả lại, một phen đối nhau thì đạo Phật lấy nhân duyên làm tông, đạo Lão lấy tự nhiên làm nghĩa. Tự nhiên là vô vi mà thành, nhân duyên là nhóm hạnh bèn chứng. Giữ bổn thì sự tịnh mà lý đồng, trái tôn thì ý trái ngược mà giáo pháp dối ngụy. Lý đồng thì trước sau như một, giáo luống dối thì không chỗ nào không làm.

Xét nghĩa năm ngàn văn từ của Lão Tử thì đều vĩ đại, thiết nghĩ là đáng quý. Lập thân, trị nước là đạo giàu của vua dân, cho nên đạo Lão có phương pháp bùa chú nguyền rủa, đạo Phật cấm thuật yêu quái trái lòng thương xót, hình tướng kia đây, đến đỗi khiến cho người đời nghi là chánh là tà. Đây há là ý của đại đạo tự nhiên vắng lặng vô vi ư? Toan để người đời sau trái bổn vọng sinh xuyên tạc.

Lại phương thuật của đạo Lão lấy tiên làm thần, đó cuồng hoặc trộm thấm dưới mắt. Xưa Từ Phúc dối vọng chia nước ở Di Đan, Văn Thành Ngũ Lợi yêu mị dối trá ở đời Hán, Tam Trương cuồng hoặc Tây Lương, Tôn Ân quấy nhiễu đông Việt. Những con mọt nước quá lớn này từ xưa xứng sự xằng bậy, dùng họ để sửa chánh sách thì chánh sách phần nhiều là tà, dùng để dẫn dắt dân, dân phần nhiều dối trá mê hoặc. Nghiệm sách vở kia, từng quyển tự trái, luận nghĩa lý kia thì đầu đuôi không y cứ. Xưa Hành Phụ làm người thấy vua có lễ kính như con hiếu thờ cha mẹ, thấy vua vô lễ ghét như chim Ưng đuổi chim Sẻ.

Tuyên Ni nói: "Thờ quân tử là trên hết" suy nghĩ tiến thì tận

trung, suy nghĩ lui la giúp lỗi. Toan thuận điều tốt kia, sửa chữa lỗi kia, cho nên trên dưới có thể thân nhau. Truyện Xuân Thu nói: “Vua chỗ gọi là đáng có chăng? Thần hiến kia đáng để bỏ chăng? Thần cũng là người gì? Vâng sắc chỉ giáng hỏi dám đâu không đáp thật”. Đạo Đức một quyển có thể là tông của rừng nho, cái nghi sai lầm là bỏ, hai điềm kia xin lượng san định. Xét Ngũ Thiên Văn nói: “Kẻ bậc thượng nghe đạo mà siêng thực hành, kẻ bậc trung nghe đạo như còn như mất, kẻ bậc hạ nghe đạo thì cười to. Không cười không tên là đạo, thần liền dùng sự hiểu biết của kẻ bậc hạ soạn luận tiếu đạo ba quyển, gồm ba mươi sáu điều. Ba quyển là cười ba tên rỗng suốt kia, ba mươi sáu điều là cười kinh kia có ba mươi sáu bộ. Sợ toát mồ hôi trình lên, tâm hồn thất thủ. Kính dâng vào niên hiệu Thiên Hòa nhà Đại Chu ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm, trước ty Lệ, huyện Mẫu Cực, khai quốc bá thần Chân Loan, trình tấu.

Luận Tiếu Đạo quyển thượng:

1. Tạo lập trời đất.
2. Niên hiệu khác nhau.
3. Vốn vì trời người.
4. Kết cõi vì người.
5. Năm Phật đầu xuất hiện.
6. Năm luyện sinh cửa.
7. Quán Âm hầu Lão.
8. Phật Tây pháp là âm.

Luận Tiếu Đạo quyển trung:

9. Nhật nguyệt kinh khác nhau.
10. Côn Luân bay bổng.
11. Pháp đạo lập quan.
12. Xưng “Nam-mô Phật”.
13. Vết chim văn trước.
14. Trương Khiên chấp Kinh.
15. Nhật nguyệt nhóm khắp.
16. Thái Thượng tôn quý.
17. Ngũ cốc mạng tạc.
18. Lão Tử thành Phật.
19. Sai sử Cù-đàm.
20. Sự tà cầu đạo.
21. Tà khí loạn chánh.
22. Nghe giới cây chết khô.

Luận Tiếu Đạo quyển hạ:

23. Phương Bắc lễ trước.
24. Hại cha cầu đạo.
25. Phù phép kéo dài mạng sống.
26. Xét cùng kiếp trai.
27. Theo kiếp sinh tử.
28. Phục đơn sắc vàng.
29. Đổi Phật thành Lão.
30. Trộm nhân quả của Phật.
31. Kinh đạo Lão chưa xuất nói xuất.
32. Năm ức lớp trời.
33. Oai nghi ra vào.
34. Đạo sĩ thờ Phật.
35. Đạo sĩ hợp khí.
36. Sách đạo Lão của các nhà hiền triết.

1. Tạo lập trời đất:

Thái Thượng Lão Quân tạo lập trời đất, ban đầu ghi xưng là Lão Tử, do U Vương nhà Chu đức kém, muốn qua cửa Tây cùng Doãn Gia hẹn ba năm sau gặp nhau ở Trường An trong chợ bán gan dê xanh. Lão Tử sinh trong bụng Hoàng hậu, đến hẹn mừng gặp người bán gan dê xanh, đó hỏi thăm gặp Lão Tử trong bụng mẹ chui ra, đầu tóc đã bạc thân cao trượng sáu, đội mũ trời cầm gậy vàng, toan lúc Doãn ưa giáo hóa nước hồ, ẩn núi Thủ Dương mây tím che đó, vua nước Hồ nghi là yều quái bỏ cháo nấu mà không rục Lão Quân quá giận định giết chết vua Hồ bảy người con và một phần nhân dân nước Hồ, vua mới phục ra lịnh nhân dân nhận sự giáo hóa. Đầu trọc không vợ thọ hai trăm năm mươi giới, làm hình tượng hương lửa lễ bái. Lão Tử bèn biến hình, mắt trái là mặt trời, mắt phải là mặt trăng, đầu là núi Côn Luân, tóc là ngôi sao, xương là rồng, thịt là thú, ruột là rắn, bụng là biển, ngón tay là năm ngọn núi, lông là cỏ cây, tim là hoa lá, cho đến hai trái thận hợp thành chân yếu cha mẹ.

Thần Loan cười rằng: Sách Hán nói: "Trường An vốn gọi là Hàm Dương, Hán Tổ bình định thiên hạ đóng đô ở ấp Lạc, nhân Lâu Kính Chi can ngăn bèn than rằng: "Trẫm sẽ ở lâu tại đây" do đó đặt tên". Châu U chưa có được gì, Lão Tử dự biết hẹn cùng Doãn ở Trường An ư?

Lại xét Tam Thiên Chánh Pháp Hỗn Độn Kinh nói: Ban đầu hỗn độn, khí trong sạch làm trời, khí trược dơ làm đất, lại có bảy ngôi sao

sáng, hình vạn tượng đến lâu. Đâu có sau khi Lão Tử giáo hóa nước Hồ mới biến ra mặt trời, mặt trăng, núi, sông ư? Nếu vậy thì trước U Vương trời đất chưa sinh muôn vật, làm sao kinh đạo Lão có ba Hoàng, năm Đế, ba Vương? Vậy thì trời đất bắt đầu từ U Vương ư? Lại tạo trời đất ghi rằng: "Núi Côn Luân cao bốn ngàn tám trăm (4.800) dặm, trên có núi Ngọc Kinh, núi Đại La, đều cao bốn ngàn tám trăm (4.800) dặm, ba núi hợp lại cao một muôn bốn ngàn bốn trăm dặm (14.400)". Lại phẩm Quảng Thuyết nói: "Trời đất cách nhau muôn muôn năm ngàn dặm" tình cung Tử vi ở trên năm ức lớp trời. Đây thì độ cao của núi Côn Luân có mấy trăm muôn dặm, mà Lão Quân dùng tâm làm lọng hoa, gan làm cung Thanh đế, tỳ (lá lách) là cung Tử vi, đầu là núi Côn Luân, không biết Lão Quân mắc tội gì mà đứng chốc ngược ở đất, đầu dưới thấp, gan ở trên, do điên đảo cho nên thấy cũng lộn ngược ư? Cho Trường An là năm Độ Quan, U Vương là năm Khai Tịch, toan đem giáo hóa chúng sinh, làm sao đáng theo?

2. Niên hiệu khác nhau:

Bài tựa kinh Đạo Đức nói: Lão Tử lấy năm Đinh mão niên hiệu Thượng Hoàng năm đầu, dưới làm Thầy nhà Chu, niên hiệu Vô Cực năm đầu Quý Sửu bỏ Chu qua Quan. Thần cười rằng: Xưa vua Tiên Đế lập năm không hiệu, đến Hán Võ đế sáng lập Kiến Nguyên, vua sau do đó theo đến ngày nay. Thượng Hoàng Mạnh phóng đãng rất đáng chê cười.

Lại Văn Thỉ Truyện nói: "Lão Tử từ ba Hoàng trở lại đời đời làm Quốc gia giáo hóa nước Hồ". Lại nói rằng: "Thời Thang là Tích Thọ Tử, đầu nhà Chu là Quách Thúc Tử", đã là Quốc sư lẽ ra phải truyền sách sử, sao lại không thấy thuật? Nhưng nêu truyện Y Doãn nói Lữ Vọng là người Khang Thai ư? Mà truyền thuyết chỉ chú giải Lão Tử trụ ở Hạ Lại. Đạo gia chú là Thầy nhà Chu, lại là quan thế tục, thế nào sử truyện không nói? Lại Thượng Hoàng năm đầu là Đinh mão, tính Cơ Vương một đời hơn bảy trăm năm chưa nghe hiệu Thượng Hoàng, xem xét các sử truyện đều nói rằng: Lão Tử do thời Cảnh Vương qua Quan", nhà Lỗ thời Ai Công năm thứ mười sáu thì Khổng Khâu mất, tức thời Chu Kính Vương, Kính Vương là con Cảnh Vương, Cảnh Vương tức sau U Vương hơn mười đời, ở đây thì Khổng, Lão đồng thời, mà giáo hóa ở Hồ kinh bèn nói rằng: "Ngày U Vương qua Quan" không nghe trở lại, sao được gặp Khổng Tử?

Giáo hóa Hồ lại nói: "Vì Chu trụ sử bảy trăm năm", tính từ đầu nhà Chu đến U Vương chỉ có hơn ba trăm năm sao được vọng làm?

Nhưng năm của Thượng Hoàng là môn nhân đạo Lão dối gọi, cho nên Linh Bảo nói rằng: Ta vào năm đầu hiệu Thượng Hoàng độ người nửa kiếp, lúc ấy nhân thọ một muôn tám ngàn tuổi" làm sao vượt hơn nửa kiếp trước gọi tương lai, cận đời dùng ư? Nhất dâu đáng cười. Vả lại Thượng Hoàng Vô Cực đều là người vô ý thức xuyên tạc, người soạn muốn thần thuật kia, bèn lấy niên hiệu thêm ngày, hậu bối có tin mà theo.

Lại nói rằng: "Đời đời làm Quốc sư", trong bài tựa "Cát Hồng Thần Tiên" đều nói "Dỉ quái tầm" bậc Thánh đã sửa lại là tiên mà vua Kiệt nhà Hạ bạo ngược làm dân chúng lầm than. Thành Thang, Vũ Đinh Tư hiền như khát, Lão Tử vì sao vua hiền không giúp, bạo ngược không làm Thầy, chỉ tu thân dưỡng tánh tự giữ mà thôi? Hẹn Di Tương đến, biết cái chết đến ẩn qua Tây Độ, riêng nói cho Doãn nghe, thẳng khiến đọc tụng không dạy trao cho người, thân chết ở Quan, mộ phần vẫn còn thấy, Tần Thỉ làm bài điếu kêu ba lần mà ra, nghiên cứu kinh truyện trước là người sau vọng bàn, dẫu nói là tôn sùng lại thành hủy nhục đạo.

3. Vốn là người trời: Phẩm Thái Thượng Tam Nguyên nói: Thượng Nguyên một phẩm, nguyên khí thiên cung ban đầu ngưng, ba quang (mặt trời, mặt trăng và sao) khai sáng, khí xanh vàng đặt ba cung thượng nguyên ở bậc nhất tên là cung Huyền Đô Nguyên Dương Thất Bảo Tử Vi, thì có khí thanh nguyên Thỉ dương, gồm chủ Linh Bảo Thượng Hoàng, các vua Thiên đế, Thượng thánh, Đại thần ở cung Thượng Chân Tự Nhiên Vương, cung này đều năm ức năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi lăm ức vạn lớp khí thanh dương, trong đó thần tiên quan liêu dân chúng đều có năm ức năm vạn, cho đến muôn lớp như trên, đều kết khí tự nhiên thanh nguyên làm người, chín cung kia số lớp, quan liêu, dân chúng đều đồng cung Tử vi.

Thần cười rằng: Kinh Tam Thiên Chánh Pháp nói: "Thiên quang chưa sáng, chứa nhóm chưa trong, hơn bảy ngàn kiếp huyền cảnh mới chia, chín khí vẫn còn, mỗi khí cách nhau chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi dặm, khí trong thì lên cao, khí đục thì xuống thấp, mà chín trời Chân Vương nguyên ban đầu vua trời sinh trong chín khí, khí kết thành hình. Lại có vua Cửu Chân đều là khí thanh trong của chín trời ngưng kết thành vị chín trụ. Người trời ba Nguyên từ khí mà sinh, trong phòng rỗng suốt ở cung ngọc có ba ngàn ngọc nữ hầu hạ, cho trời là cha khí là mẹ sinh vua Tam Nguyên.

Lại xét phẩm Linh Bảo Tội Căn nói: "Thái Thượng Đạo Quân lễ

Nguyên Thỉ Thiên Tôn học mười điều lành,... các pháp, vì vậy Thiên Tôn gọi hết Thần tiên lại và nói nhân duyên, có hằng sa vị đắc đạo rồi thành Như Lai, còn những người chưa thành cùng nhiều như hằng sa". Lại truyện Nguyên Thỉ nói: "Thiên đường đối lại địa ngục, người thiện lên trời, kẻ ác vào địa ngục", nếu dùng đây nói lý thì không phải vậy. Vì sao? Vì Nguyên Thỉ Thiên Vương và Thái Thượng Đạo Quân, chư thiên thần nhân đều hết khí tự nhiên thanh nguyên mà hóa làm gốc, chẳng phải tu giới mà thành. Kia vốn không do trì giới mà thành, đâu được khiến ta làm riêng pháp lành mà mong được làm rồi ư?

Lại xét kinh Độ Nhân Bổn Hạnh nói: "Thái Thượng Đạo Quân nói: "Ta từ vô lượng kiếp độ người vô số, Nguyên Thỉ Thiên Tôn lấy ta làm nhân duyên siêng năng, cho ta hiệu là Thái Thượng." Suy theo đây có nghi, như có phẩm Vô Sinh Thành nói: "Hư không là mẹ của muôn vật, đạo là cha của muôn vật", ở đây thì trước có đạo sau mới có chúng sinh. Nhưng ở đây cha là đạo chứ chẳng phải chúng sinh làm, đạo đã như thế, chúng sinh đâu cần tu điều thiện làm gì? Lại đạo sinh muôn vật, lúc mới sinh vật thì là ban đầu, ta đã mới sinh chưa có tập nhiễm, sao lại có sáu đường bốn loài khổ vui khác nhau? Lại là không đúng. Lại nói rằng: Thần thức chúng sinh xưa nay tự có chẳng phải đạo sinh. Đạo đã có thể sinh muôn vật, thần thức đâu chẳng phải là vật? Lại là không đúng.

4. Kết đất thành người: Kinh Tam Thiên Chánh Pháp nói: "Chín khí đã chia, Cửu Chân Thiên Vương cho đến Tam Nguyên Thiên Nhân là vua của Tam Nguyên, Thái Thượng Đạo Quân vì thế mà so sánh, đợi đến Hoàng đế mới lập sinh dân, kết đất làm tướng ở đồng trống, ba năm có thể nói, đều ở một phương cho nên có Thương, Tần, Di, Khương, năm tình hợp đức, năm pháp tự nhiên, nương khí Thượng Chân mà được làm người.

Thần cười rằng: Phẩm Tam Nguyên nghiệp thiện ác dối đều do một thân. Lại truyện Nguyên Thỉ nói rằng: "Nếu dâm, trộm, bật hiếu, chết vào địa ngục chịu năm khổ tám nạn, sau đọa vào loài lục súc hay chỗ mọi rợ". Suy theo đây mà nói thì sai trái rất lắm. Vả lại tượng đất Hoàng đế trải qua ba năm có khí Thượng chân vào mới nói năng được. Khí thượng thanh này đồng nguồn với Thái Thượng, luận trước khi chưa có thiện ác thì cái gì là vào trong tượng đất, liền rơi vào tám nạn để làm man di ư? Đất đây làm tượng, trước cũng không nhân, làm sao sau khi tạo mà có giữa hay biên địa khác nhau ư? Lại khí thượng chân là si hay sáng suốt? Nếu là kia ngu si thì không nên vào đất để nói. Như kia là

sáng suốt, nên biết năm khổ tám nạn, sao không ưa thiện vui mà tham làm khổ nạn ư? Suy các điều đây rất đáng cười.

5. Nói năm vị Phật đều đồng xuất hiện. Truyện Văn Thỉ nói: "Lão Tử dùng Thượng Hoàng Nguyên Viên Hạ làm Thầy nhà Chu, Vô Cực Nguyên Niên cưỡi trâu xanh, xe vãn mỏng qua quan vì Doãn Hỷ nói Ngũ Thiên Văn rằng: "Ta dạo trong trời đất, ông chưa đắc đạo không thể theo ta, phải tụng Ngũ Thiên Văn một muôn biến, tai phải nghe suốt, mắt phải thấy suốt, thân sẽ bay đi sáu thông bốn đạt, hẹn ở thành đô". Hỷ y lời được đó, đã thăm hỏi gặp nhau, đến Kế Tân trong núi Đàn Đặc bèn đến vua dùng lửa đốt, nước chìm, Lão Tử vẫn ngồi trong hoa sen tụng kinh, vua ân cần xin hối lỗi, Lão Tử suy cử Doãn Hỷ làm Thầy, nói với vua rằng: Thầy ta gọi là Phật, thờ Phật là trên hết, đạo vua theo đó giáo hóa, nam nữ đầu trọc không cưới vợ, là đạo Vô thượng, nương oai thần Phật, gửi gắm cho Doãn Hỷ làm Quốc sư Kế Tân hiệu là Nho Đồng Minh Quang.

Thần cười rằng: Phẩm Quảng Thuyết nói: Thỉ Lão Quốc Vương nghe Thiên Tôn nói pháp, cùng vợ con đều được quả Tu-đà-hoàn. Thanh Hoà Quốc Vương cùng quần thần nghe pháp và làm Thiên Tôn, sáng ra đều bay lên trời, vua là chủ của Phạm thiên hiệu là Pháp sư Huyền Trung, vợ vua nghe pháp đồng bay lên làm Diệu Phạm Thiên Vương, sau sinh ở nước Kế Tân giận vua Đà Lực giết hại vô đạo. Pháp sư Huyền Trung đợi hóa độ bèn hóa sinh vào thai họ Lý, tám mươi hai năm mới xẻ hông trái mà ra. Lúc sinh ra đầu đã bạc. Qua ba tháng cưỡi con nai trắng cùng Doãn Hỷ dạo qua đây đến ẩn ở Huyền Trung chỗ Đàn Đặc. Ba năm sau vua Phẩn đà Lực săn bắn gặp liền đốt và nhận nước mà Lão Tử không chết, vua phục nên liền cạo tóc đổi y phục lấy họ Thích, Pháp hiệu Sa-môn, chứng quả thành Phật Thích-ca Mâu-ni, đến đời Hán, pháp truyền về Đông Tần". Lại truyện Văn Thỉ nói: "Lão Tử giáo hóa nước Hồ suy cử Doãn Hỷ làm Thầy (Quốc sư)". Kinh Tiêu Băng nói: "Doãn Hỷ suy tôn Lão Tử làm Quốc sư". Truyện Văn Thỉ nói: "Thầy ta là Phật, Phật thờ đạo vô thượng". Lại nói rằng: "Đạo Vô thượng nương oai thần Phật": Doãn Hỷ làm Phật. Suy lời này thì Thầy trò lộn xộn, sao gọi là sự tồn tại của giáo pháp.

Lại giáo hóa nước Hồ, kinh Tiêu Băng đều nói Lão Tử hóa thân ở Kế Tân tự là Phật. Phẩm Quảng Thuyết thì vua Phẩn Đà Lực là vợ của Lão đắc đạo hiệu là Phật Thích-ca Mâu-ni, tức lưu hành vào thời Tần, Hán.

Thiên Huyền Diệu nói: Lão Tử vào quan đến nước Duy-vệ ở

Thiên Trúc, vào trong miệng của phu nhân Thanh Diệu, đến năm sau ngày mồng tám tháng tư mở hông bên trái mà ra, giơ tay nói: "Trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý, ba cõi đều khổ đâu đáng vui". Xét ra nước Kế Tân có năm Đức Phật đều xuất hiện:

1- Doãn Hỷ hiệu Nho Đồng;

2- Lão Tử giáo hóa Kế Tân;

3- Vợ của Lão Tử tức vua Phẩn Đà Lực hiệu Thích-ca;

4- Lão Tử ở Duy-vệ làm Phật, cũng hiệu Thích-ca;

5- Tất-đạt-đa con vua Bạch Tịnh cũng làm Phật, hiệu là Thích-ca.

Xét truyện Văn Thỉ nói: "Năm trăm năm một vị hiền, ngàn năm một vị Thánh" nay năm vị Phật đều xuất hiện, chẳng biết có rắc rối không? Nếu nói bậc Thánh có thể phân thân hóa vật, nói kinh cũng quyết nhiều phương, sao lại là Lão Tử hóa thì nhiều mà kinh chỉ có hai quyển không thay đổi, đến kinh Nho Đồng Doãn Hỷ Phẩn đà Phật thì không nghe, đến nay chỉ là kinh của con vua Bạch Tịnh nói, do đây mà suy thì Lão Hỷ thành Phật là luống dối đáng cười. Vả lại kinh đạo Lão là mật thuyết không cho người nghe, trước sau thay nhau thành có ý xa. Nhưng Lão Tử có thể thành Phật, chỉ là một người Đạo sĩ mà không biết thờ Phật là lầm hoặc rất lắm. Như cha là Đạo nhân con là Đạo sĩ, há vì là Đạo nhân mà con lại không nhận kia là cha mình ư?

6. Ngũ Luyện Sinh Hộ ấy: Kinh Ngũ Luyện nói: Người diệt độ (chết) dùng sắc tơ lụa, Thiên tử một thất, công vương một trượng, thứ dân năm trước. Thượng kim năm lượng mà làm một rồng, thứ dân dùng thiếc năm sắc, đã năm mai để vẽ lẫn ngọc, thông sương đêm chân sâu ba thước". Nữ Thanh văn nói: U hồn Cửu Tổ liền xuất ra đêm dài nhập vào ánh sáng của trời, cùng cơm nhà bếp kia ba mươi hai năm, trở lại hình cũ mà sống lại.

Thần cười rằng: Trong phẩm Tam Nguyên trời đất nước ba cung chín phủ, chín cung một trăm hai mươi tào, tội phước công hạnh, quan xét viết đó không có sai lầm, người thiện càng thọ kẻ ác đoạt số, há có không nhân nơi nghiệp hạnh dùng thẳng năm thước lụa mà khiến u hồn Cửu Tổ nhập vào ánh sáng trời, ba mươi hai năm trở lại hình cũ ư? Không như vậy bàn đó, đây có thể thấy. Tính văn Ngũ Luyện đưa ra trước khi trời đất chưa chia đến nay cũng nên dùng thì ba mươi hai năm sau xoi mồ mà ra. Như mắt tai chỗ biết đâu là Hy, Hoàng đã đến không nghe Đạo sĩ thây chết, Cửu Tổ từ đất vọt ra ư? Trạng không như vậy lại đáng cười. Nay chỗ hoang vắng ngoài thành mã xưa cũng có hang mở,

chẳng phải chỗ Tổ phụ Đạo sĩ tái sinh ư? Cũng là đáng cười.

7. Quán Âm hầu Lão Tử: Có Đạo sĩ làm tượng Lão Tử có hai tượng Bồ-tát đứng hầu, một vị tên Kim Cang Tạng, một vị tên Quán Thế Âm. Lại Đạo sĩ đội khăn vàng, hoặc dùng khăn che cả thân mà mặc, trộm tướng pháp phục ca sa của chúng Tăng đạo Phật. Kia trùm khăn vàng chính là áo của bậc hiền khi xưa trùm ngang lại thêm hai dây ở trước, nay đều đã bỏ học theo y phục của Tăng.

Thần cười rằng: Xét văn Chư Thiên Hội Âm Bát Tự nói: Hình Phạm thiên rơi ở hư không, chín linh suy tìm trước thì Thiên Chân Hoàng Nhân giải rằng: Hình Phạm thiên là Nguyên Thỉ Thiên Tôn là hiệu rồng ở đời Hán đến niên hiệu Xích Minh hiệu là Quán Âm". Lại xét Thục Ký nói: Trương Lăng ở trong đền thờ Khâu trốn bệnh sốt rét được thuật chú quỷ, tự làm phù thơ để dối hoặc trăm họ bị rắn lớn nuốt, đệ tử xấu hổ nói là ngày nọ bay lên trời. Con của Lăng tên Hoành làm Hệ sư, con Hoành là Lỗ làm Từ sư, dùng pháp yêu tà của ông nội làm hoặc loạn thiên hạ. Sách Hán nói rằng: Lưu Yên cho Lỗ làm Duệ Nghĩa Tư Mã bèn giết Hán Trung Thái Thú là tÔ Cố liền được Hán Trung, lấy đạo quỷ giáo hóa người, thời truyền áo vàng cho vua lúc ấy, Lỗ bèn khiến bộ chúng kia sửa lại mặc áo vàng khăn choàng là điềm thay nhà Hán. Từ ấy đến nay áo vàng không dứt, giống áo Sa-môn thật đáng thương! Vả lại gốc lập thân lấy trung hiếu làm đầu, con là tượng, cha đứng hầu, trời đất không lập. Quán Âm là bậc Đại sĩ ngôi cao nhất, Lão Tử không bằng Đại thánh mà khiến Tổ phụ (cha ông) đứng hầu con cháu là bất hiếu. Lại mặc áo lễ của Trương Lỗ là người nghịch là bất trung. Đã là bất trung bất hiếu làm sao đáng theo?

8. Phật sinh ở Tây âm: Lão Tử có bài tựa nói: Đạo âm dương hóa thành muôn vật, đạo sinh ở Đông là mộc dương, Phật sinh ở Tây là kim âm. Đạo là cha Phật là mẹ, đạo là trời Phật là đất, đạo sống Phật chết, đạo là nhân Phật là duyên và một âm một dương không lìa nhau. Phật là do đạo sinh ra, Đại thừa là giữ đạo thiện, tự nhiên không chỗ theo sinh, Phật hội tòa lớn pháp là đất vuông, đạo hội tòa nhỏ pháp là trời tròn. Đạo nhân không binh là có thể biết đạo nhân thấy Thiên tử, Vương hầu không lễ bái, giống người nữ ở thâm cung, không can dự chính trị, Đạo sĩ thấy Thiên tử giữ lịnh lễ bái do can dự chính trị làm quan liêu. Đạo hội uống rượu không lỗi, Phật hội không uống, do người nữ uống rượu phạm bảy xuất. Đạo hội không trai giới do chủ sinh, sinh cần ăn. Phật hội trì trai do là chủ tử, chết không cần ăn. Lại do người nữ giảm ăn. Đạo nhân riêng nằm cho nữ nhân giữ một bên, Đạo sĩ nhóm lại ngủ

cho nên không chế.

Thần cười rằng: Truyện Văn Thỉ nói: “Đạo sinh phương Đông là mộc là nam. Phật sinh phương Tây là kim là nữ”. Nay dùng ngũ hành suy đó thì Phật là quan quỷ của đạo, đạo là thê tài của Phật. Lại nói rằng: “Đạo sinh Phật” lý thì không đúng. Âm dương ngũ hành đâu có mộc sinh kim, cho nên biết đạo không sinh Phật. Đạo nhân tòa lớn là quan phủ của đạo, Đạo sĩ tòa nhỏ là do trên ép ngặt quan. Đạo nhân không có binh tô (thuế) là do vốn dòng vua nên miễn, Đạo sĩ là thứ dân hạ tiện binh tô là chuyện thường. Kinh Đạo Lão như thế, nếu miễn binh tô lại trái đạo giáo. Lại Linh Bảo Đại Giới nói: “Đạo sĩ không uống rượu không liên can đến quý” như vậy sao cố trái phạm Đại giới ư? Về sau ồn ào toàn không chỉ mục đích. Lại nói rằng: Đạo sĩ cho trai giới là pháp chết cho nên không trì trai, sao không ăn no suốt ngày để nuôi hình hài mà lại khởi việc dứt ăn gạo phục khí để cầu thuật trường sinh? Cuối cùng không hề thấy làm luận bắt bóng. Lại nói rằng: “Đạo nhân nằm riêng, Đạo sĩ nhóm ngủ”, theo đây hợp khí thì sách vàng không là dối hay sao?

9. Chu vi và đường kính mặt trời mặt trăng: Truyện Văn Thỉ nói: Trời cách đất bốn mươi muôn chín ngàn dặm, mặt trời mặt trăng đi thẳng qua đều ba ngàn dặm, đi vòng là sáu ngàn dặm. Trời đất giờ tý giờ ngọ cách nhau chín ngàn muôn muôn dặm, giờ mão giờ dậu, góc Tây cũng khiến chuyển hình”. Kinh Tề Khổ nói: “Núi Côn Luân cao một muôn năm ngàn dặm”.

Thần cười rằng: “Nương kinh Tề Khổ nói: “Trời đất cách nhau muôn muôn năm ngàn dặm” hoàn toàn không giống với Văn Thỉ ở trước, Văn Thỉ Truyện nói: “Mặt trời mặt trăng chu vi sáu ngàn dặm, bán kính là ba ngàn dặm, y cứ pháp thì chu vi là chín ngàn dặm, vì sao chỉ có sáu ngàn? Lại trời tròn đất vuông đạo Lão hằng thuật, nay bốn góc cùng phương đồng lượng, thì trời đất đều tròn.” Hóa Hồ nói: “Phật pháp hạn cao nhất chỉ là cõi trời Tam thập tam không bằng đạo Lão ở trên cõi trời tám mươi mốt”. Lại nói rằng: “Núi Côn Luân chín lần chín lớp cách nhau chín ngàn dặm, núi có bốn mặt, mỗi mặt một cõi trời, cho nên bốn lần chín là ba mươi sáu cõi trời, lớp thứ nhất là Đế Thích ở. Nay tính núi Côn Luân cao một muôn năm ngàn dặm mà có chín lớp, lớp cao chín ngàn thành ra cao tám muôn một ngàn, mà nói một muôn năm ngàn dặm là quá sai, đều rất đáng cười.

10. Côn Luân bay nổi: Truyện Văn Thỉ nói: Muôn muôn ức muôn muôn năm có một đại thủy, núi Côn Luân bay nổi, bấy giờ tiên bay đón

lấy Thiên vương và dân lành để lên núi. Lại muôn muôn ức năm có đại hỏa xảy ra, bấy giờ bậc Thánh bay đón Thiên vương và người lành để ở trên núi.

Thần cười rằng: Kinh Tế Khổ nói: "Trời đất ở kiếp thiêu thấu suốt hư không như nước sôi, khí thanh làm trời, khí trược làm đất, bèn khiến cự linh hồ cai tạo lập núi sông mặt trời mặt trăng như trước". Núi Côn Luân nay nổi đâu cho có thể rước người để lên núi. Nếu trời đất rỗng suốt, núi bị đốt cháy, nghĩa không lập riêng, làm sao rước lấy vua và người đặt lên núi?

Lại kinh Độ Nhân Diệu chép: Trên năm ức lớp trời là trời Đại La, có núi Ngọc Kinh, tai không đến. Tính ta Thái Thượng thương xót sao không rước để ở núi Ngọc Kinh? Nếu thấy chết mà không rước là không từ. Nếu không thể rước là lừa dối. Lại kinh Độ Nhân Bổn Hạnh nói rằng: "Đạo nói ta tùy kiếp sinh tử", nhưng Thái Thượng Đạo Quân ở trên Đại La thủy hỏa tai không đến, còn nói rằng: "Tùy kiếp sinh tử" từ bao nhiêu tiên bay làm sao rước lấy Thiên vương và người lành đặt lên núi để khỏi chết. Rất là đại ngu, lại rất đáng cười.

11. Pháp đạo lập quan: Kinh Ngũ Phù nói: Trung Huỳnh Đạo Quân nói: "Trời sinh vạn vật, người là quý nhất, thân người bao gồm trời đất không đâu chẳng là pháp. Lập Thiên tử, đặt ba công, chín khanh, hai mươi bảy đại phu, tám mươi mốt nguyên sĩ, chín châu, một trăm hai mươi bộ, ngàn hai trăm huyện. Mật là Đại Đạo Quân con trời, tỳ (lá lách) là Hoàng hậu, tim là Thái úy, vai trái là Ty Đồ, vai phải là Ty Không, phong tám thần và rốn là chín khanh, Châu Lâu thần là mười hai, vị thần là mười hai Tiêu thần ba, hợp thành hai mươi bảy đại phu, tứ chi là tám mươi mốt, nguyên sĩ hợp thành một trăm hai mươi, dùng pháp là quận số. Lại phổi là phủ Thượng thư, gan là phủ Lan đài.

Thần cười rằng: Xét tên châu huyện trong kinh đạo Lão, văn dường như rút ra từ cận đại. Xưa huyện lớn mà quận nhỏ, thấy ở các sách nhà Chu và Xuân Thu, nay lại cho quận lớn hơn huyện là chẳng đúng. Kinh đạo Lão từ Xuân Thu về trước. Vua báng mê lầm không đáng xem mà đáng cười.

12. Xưng "Nam-mô Phật": Kinh Hóa Hồ nói: Lão Tử hóa Hồ, vua không nhận sự giáo hóa, Lão Tử nói: Nếu vua không tin, ta vào Nam Thiên trúc giáo hóa các nước, đạo kia rất hưng thịnh, từ đây "Nam-mô" tôn hỏi Phật, vua Hồ vẫn không tin nhận nói: "Nếu Nam hóa Thiên Trúc ta sẽ đảnh lễ xưng "Nam-mô Phật"." Lại Lưu Sa Tắc có thêm nước Di thường bị trộm cướp, vua Hồ lo lắng sai người nam giữ gìn, Tắc

thường lo lắng, do đó gọi người nam là Ưu-bà-tắc nữ lại sợ thêm di đã bị cướp và lo cho chồng bị Di vây khốn, do đó gọi là Ưu-bà-di.

Thần cười rằng: Tiếng Hồ nói: "Nam-mô" Hán dịch là quy mạng, cũng nói là "Cứu ngã". Tiếng Hồ nói Ưu-bà-tắc, Hán dịch là Thiện tín nam, Ưu-bà-di là Thiện tín nữ. Nếu cho Lão Tử nói Phật xuất hiện ở phương Nam, liền nói là "Nam mô Phật". Nếu xuất hiện phương Tây, thì sẽ nói là "Tây mô Phật" chăng? Nếu nói người nam giữ Tắc gọi là Ưu-tắc, người nữ lo chồng, sợ Di có thể gọi là Ưu-di, chưa biết "bà" là lo cho bà nội ư? Như đây y chữ giải thích thật là xấu hổ đần độn khốn nhục rất đáng cười.

13. Vết chim văn trước: Kinh Đổng Thần Tam Hoàng xưng Tiên vì Tây Vức nói Hoàng Văn chính là Tam Hoàng về trước, ban đầu vết chim là Văn Chương. Lại nói: "Tam Hoàng là tôn thần của Tam Đổng là tổ khí của Đại Hữu, Thiên Hoàng chủ khí, Địa Hoàng chủ thần, Nhân Hoàng chủ sinh, ba vị hợp thành đức muôn vật hóa sinh.

Thần cười rằng: Phẩm Nam Cực Chân Nhân Vấn Sự, xưng Linh Bảo Chân Văn ba mươi sáu quyển ở thất Huyền Đài Ngọc nơi núi Ngọc Kinh, Chân Văn Đại Tự đủ ở trong, trời đất chìm mất muôn thành muôn hoại, Chân văn riêng sáng? Chân văn đây tức là văn Tam Đổng. Tam Hoàng tức tôn thần của Tam Đổng quyết không ở sau Tam Đổng. Bấy giờ chưa có chim thú, đâu được nói là Tam Hoàng về trước là văn ban đầu của vết chim. Nếu cho Phục Hy là Tam Hoàng, xét bộ Hoài Nam Tử nói: "Hoàng đế sai Thương Giáp nhìn vết chim làm văn tự", ở đây thì chỉ ở thời Hoàng đế, đâu được nói là Tam Hoàng về trước bắt đầu có chữ dấu vết chim ư?

14. Trương Khiên Thủ Kinh: "Kinh Hóa Hồ nói: "Bồ-tát Ca-diếp nói rằng: Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm, ta đến phương Đông du hóa trao đạo cho Hàn Bình Tử, sáng ngày sau bay lên trời". Lại hai trăm năm, trao đạo cho Trương Lăng, lại hai trăm năm trao đạo cho Kiến Bình Tử, lại hai trăm năm trao đạo cho ngàn nhà". Bấy giờ cuối thời Hậu Hán Lăng Trì không thờ đạo ta. Đến Hán Minh Đế, Giáp tý, hiệu Vĩnh Bình năm thứ bảy ban đêm sao vẽ hiện phương Tây, Minh Đế mộng thấy vị Thần cao trượng sáu, đầu có ánh sáng, sáng ra hỏi quần thần, Truyền Cốc nói: Thái tử vua Hồ ở phương Tây thành đạo hiệu là Phật". Minh Đế sai Trương Khiên v.v... đi hết sông nguồn trải qua ba mươi sáu nước đến Xá-vệ thì Phật đã Niết-bàn, chép kinh sáu mươi muôn năm ngàn lời, đến niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười tám mới trở về.

Thần cười rằng: Sách Hán nói: Trương Lăng là người sau thời Thuận Đế của Hậu Hán, khách học ở Thục vào núi Hạc Minh bị rắn nuốt. Tính đời Thuận Đế chính là cháu bảy đời của Minh Đế, lý không ở trước Minh Đế hơn trăm năm. Lại nói rằng Minh Đế sai Trương Khiên theo sông ngòi, đây cũng là vọng làm. Xét sách Hán thì Trương Khiên là đời Võ Đế thời Tiền Hán theo nguồn sông, làm sao Minh Đế Hậu Hán lại sai được? Không biết Khiên là Hà Trường Thọ Tiên ư? Đời đời nhận sai sứ, một đâu khổ thay! Đáng cười kia dẫn lầm.

15. Mặt trời, mặt trăng khắp nhóm: Văn Chư Thiên Nội Âm Đệ Tam Tông Phiêu Thiên Bát Tự chép: "Trạch Lạc Giác Bồ Đài Lục Đại La", Thiên Thiên Chân Hoàng Nhân giải thích rằng: Trạch là tên núi Thiên Trung là hang. Các loài rồng ở, Lạc Giác là tên trong của Đạo Quân, Bồ Đài là hiệu ẩn của Chân Nhân, Ngọc Đài là phía Nam núi Trạch, ba muôn mặt trời, mặt trăng sáng ở hai bên, phu nhân La Hán Nguyệt đại kiếp đã giao, chư Thiên, mặt trời, mặt trăng hội dưới Ngọc Đài chia đại thiên thế giới, thiên hạ sửa đổi đại thiên rỗng suốt.

Thần cười rằng: Kinh Tế Khổ nói: Sau khi trời đất rỗng suốt bèn khiến Cự Linh Hồ Cai tạo núi sông, Huyền Trung làm mặt trời mặt trăng, phía Nam núi Côn Luân cách ba mươi triệu dặm lại có núi Côn Luân, như vậy thứ lớp có ngàn núi Côn Luân gọi là tiểu thiên thế giới, lại có ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, lại có ngàn trung thiên gọi là một đại thiên thế giới. Tính ra trong đại thiên thế giới có trăm ức mặt trời mặt trăng. Lại kinh nói rằng: Đại kiếp đã giao, thiên địa sửa đổi, mặt trời mặt trăng ngôi sao không tồn tại. Nếu mặt trời mặt trăng nhóm khắp thì trăm ức đều đến chứ sao lại chỉ có ba ngàn đến nhóm. Nếu bao nhiêu không nhóm là do thiên tai không đến hay là cõi nước nhỏ chật? Nếu hẳn là nhỏ thì người phàm trên đất còn nhờ mặt trời mặt trăng soi chiếu. Trên trời phước thù thắng sao lại riêng không chiếu? Lại dưới mặt trời, mặt trăng là cõi Dục, dưới người không có tên Đại La Thượng giới mà tai không đến. Nay không lại lý ở vậy ư? Phải biết người tạo kinh này chỉ nghe tên đại thiên mà mê mờ số mặt trời mặt trăng, cho nên viết như vậy.

16. Đại Thượng tôn quý: Truyện Văn Thỉ xưng Lão Tử cùng Doãn Hỷ dạo nơi trời, vào chín lớp bạch môn, Thiên đế thấy Lão Tử liền lạy, Lão Tử và Thiên đế lễ chào nhau. Lão Tử nói: "Thái Thượng Tôn Quý, khắc ngày dẫn thấy". Thái Thượng ở cung bảy báu nơi núi Vương Kinh, sinh ra các thiên thượng, vắng lặng mênh mông xa xăm.

Thần cười rằng: Truyện Thần Tiên nói: "Chẩm Hy ở quận Ngô

ngày nọ lên trên, bốn trăm năm sau trở lại nhà nói rằng: “khi mới lên trời muốn gặp Thiên đế tôn quý không thể gặp, bèn trước gặp Thái Thượng ngồi ở chánh điện, nam nữ đứng hầu có mấy trăm người”, như đây rõ thì biết Thái Thượng kém hơn Thiên đế. Nói Thái Thượng tôn quý trị ở trên thiên chúng là sai. Cung Ngọc Thanh kia ở trên Huyền Đô sao cùng Đồng lại ở trên Ngọc Thanh, lại cao hơn Huyền Đô hai lớp? Mà Lão Tử nói rằng: Thái Thượng trị ở trên chúng trời, sao lại lầm quá vậy.

17. Ngũ cốc mạng tạc: Kinh Hóa Hồ nói: “Tam Hoàng tu đạo người đều không chết, thời Thượng cổ trời sinh cam lồ đất sinh suối nước ngọt ăn uống được trường sinh. Thời Trung cổ trời sinh năm khí đất xuất hiện năm vị, ăn vào kéo dài tuổi thọ. Thời Hạ cổ đời mỏng trời sinh gió mưa, đất nuôi trăm thú, người bắt ăn, ta đau xót đất này cho nên thưởng trăm loại lúa đậu để triệu dân ăn”, vì vậy ba Hoàng đều thờ năm hộc lúa làm tin, cầu đời đời con cháu không dứt năm thứ lúa đậu sinh thần châu.

Thần cười rằng: Kinh Ngũ Phù nói: “Ba vị Tiên vương bảo Hoàng đế rằng: “Người sở dĩ sống già, là vì không ăn năm giống lúa đậu”. Kinh Đại Hữu nói: “Năm thứ lúa đậu đào tạo thân mạng, năm tạng hư thối mạng căn ngắn ngủi, lương thực này vào bụng không hy vọng sống lâu, ông muốn không chết trong ruột không nước đái. Kinh Ngũ Phủ nói: Tinh vàng là khí ba dương, trên cung Thái Thanh ăn đồ ngon ngọt lại sống lâu. Chưa hiểu Lão Tử sao không thưởng đây mà thưởng ngũ cốc hư vào bụng người? Lại ba Hoàng đều là Thần nhân, do vì không khiến con cháu vua ở nước trường sinh mà dùng năm thăng cốc thỉnh con cháu vua ở thần châu, cầu mổ bụng hư mạng ngắn ư? Lại là đáng cười.

18. Lão Tử thành Phật: Huyền Diệu Nội Thiên nói: “Lão Tử vào cửa đến nước Duy-vệ vào miệng phu nhân Thanh Diệu, sau mổ hông trái mà ra, đi bảy bước và nói: “Trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý” vì vậy nên có Phật pháp.

Thần cười rằng: Kinh Hóa Hồ nói: Lão Tử giáo hóa Kế Tân tất cả thờ Phật, Lão Tử nói: “Kiếp sau trăm năm trên trời Đâu-suất lại có chân Phật gá sinh vào cung vua Bạch Tịnh nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ ta cũng sai Doãn Hỷ hạ sinh theo Phật, hiệu là A-nan, tạo mười hai bộ kinh. Lão Tử cách trăm năm sau ở nước Xá-vệ vua quả nhiên sinh Thái tử, sáu năm khổ hạnh thành đạo hiệu là Phật tự là Thích-ca Văn, bốn mươi chín năm sau nhập Niết-bàn. Lão Tử lại thấy ở đời hiệu Ca-diếp

trong rừng Song Thọ vì đại chúng khải thỉnh Như Lai ba mươi sáu lần vặn hỏi xong Phật liền Niết-bàn, Bồ-tát Ca-diếp hỏa thiêu thân Phật xong thâu lấy xá-lợi, chia cho các nước xây tháp. Vua A-dục lại xây tám mươi bốn ngàn (84.000) tháp". Liền thấy việc này mà suy đoán thì Lão Tử vốn không thành Phật. Nếu thành Phật thì đâu thể Lão Tử lại tự nhiên thiêu thây Lão Tử mà xây tháp ư? Là điều đáng cười thứ nhất. Vả lại Lão Tử trong các kinh phần nhiều nói là thành Phật hoặc làm Quốc sư, đâu thể Quốc sư của thiên hạ cùng Phật đợi ở Bá Dương? Độ người giáo hóa thế tục phải đợi Lý Nhĩ ư? Nếu nói rằng: "Phật không thể làm, phải đợi đạo Lão" thì từ thai khí đến nay riêng một Lão Tử chứ không chấp nhận người khác ngộ đại đạo mà làm Quốc sư? Đây thì Lão Tử là tự khoe chỉ là ta mới có thể được. Nhưng kinh Phật người người tu hành đều chứng quả Phật, kinh đạo Lão không nói như vậy, chỉ có Lão Quân thì làm sao Phật giáo rộng như vậy mà kinh đạo Lão lại hẹp hòi như thế? Vả lại vọng nói thuật dối, đầu đuôi không có y cứ. Thục ghi Trương Lăng bị rắn nuốt mà chú là ngày nọ bay lên trời. Sách Hán nói Đặng An phục Việt mà nói trường sinh bất tử, đạo gia nói dối Lão Tử thành Phật rất đáng quái lạ.

Lại kinh Tạo Thiên Địa nói: "Qua Tây giáo hóa vua nước Hồ, Lão Tử biến hình mà đi, mắt trái là mặt trời, mắt phải là mặt trăng", xét kinh Huyền Diệu nói rằng: Lão Tử nương nhật tinh vào miệng Thanh Diệu" thì Lão Tử chỉ nương tinh của một mắt mà vào miệng. Kể ra đại đạo thần rỗng suốt chỗ nào lại không ở, bèn muốn nương một tinh mà vào thai ư? Nếu quyết nhờ tinh, tinh nương vào đầu, nếu nương đầu vào thì hai mắt đều vào, nay bèn nương một mắt mà vào liền thành thiên kiến của đại đạo ư? Cũng là đáng cười.

19. Sai khiến Cù-đàm: Lão Tử Hóa Hồ Ca nói: Khi ta ở Xá-vệ huyễn sai thân Cù-đàm "Ông cùng Ma-ha-tát đồng qua đến Đông Tần, trải qua cõi Thần Châu, thẳng đến trong biển Đông, rộng nói pháp Thế Tôn, dạy trao cho người điếc cùng pháp oai thần ông hóa đạo đủ ngàn năm, khi mãn hạn sẽ trở về, cẩn thận chớ luyến lưu Đông Tần, đừng để Thiên đế giận, Thái Thượng sân đạp đất.

Thần cười rằng: xét Cù-đàm tức Thích-ca. Kinh Hóa Hồ nói: Chu Trang vốn ba năm đầu là năm Bính thìn hoàng hiệu Thái Tuế thì con vua Bạch Tịnh đã chứng quả Chánh giác hiệu là Phật Thích-ca. Lão Tử thấy kia cách đời vợ người biếng nhác. Lại xuống Tụ Lạc Đa-la hiệu là Ca-diếp gần gũi với Phật, hỏa thiêu nhục thân Phật lấy xá-lợi xây tháp phân chia như văn trên. Thích-ca chưa sinh thì không được dự sai Cù-

đàm qua Đông Độ. Như Ngài đã sinh, thành Phật, thì chặng giữa không cho được nhận Ca-diếp hẹn sai đủ ngàn năm. Vì đâu có Bồ-tát thân hầu Phật mà lại sai khiến Phật ư? Lại chính sách của Chu Trang chỉ có mười lăm năm, năm đầu là Ất dậu hoàn toàn không có năm Bính thìn, vốn đầu niên hiệu sao lại lầm như thế? Đáng để bịt tai, cũng khiến Thái Thượng đạp đất mà giận?

20. Sự tà cầu đạo: Kinh Độ Nhân Diệu nói: "Ma vương ba cõi đều có lời ca, tụng đó trăm biến gọi là độ cung Nam, ngàn biến Ma vương bảo đảm sẽ rước, muôn biến bay lên trời, quá ba cõi lên tiên công". Lại kinh Huyền Trung Tinh nói: "Đạo sĩ nhận giới phù lục đặt ngôi ngũ nhạc lập rượu lại lạy".

Thần cười rằng: Quán Thân Đại Giới nói: "Học đạo Lão không được cúng tế quỷ thần và lễ bái họ." Đã là Ma vương cõi Dục, chưa vượt qua các cõi đâu thể tụng thông trăm biến để độ cung nam?

Lại xét pháp tam Trương, Xuân Thu chia làm hai tế Thần Thổ địa và Thần Táo, hai mùa Đông Hạ đều đồng chuyện cúng tế của thế tục, binh phù hợp thần, khế hợp quân tướng khiển binh, đều không có văn khuyên giới khuyên. Thần Thổ địa này là Thần hay là đạo? Nếu là thần thì Đạo sĩ không lạy. Nếu là đạo thì không lập tế rượu, đâu có miệng tụng ma mà nói thân làm việc cúng tế cầu ra khỏi ba cõi, rất là đáng thương.

21. Phật tà loạn chánh: Kinh Hóa Hồ nói: "Phật sinh nước Hồ, phương Tây khí Kim cứng mà vô lễ, kẻ sĩ Thần Châu bắt chước nghi pháp kia xây dựng chùa tháp nơi nơi chuyên thờ kinh Phật, trái gốc theo ngọn, ngôn từ phi lý không hợp diệu pháp, sửa khắc kinh tượng để dối hoặc vua quan, đến đổi thiên hạ nước suối cỏ binh đánh nhau, không quá mười năm tai biến xảy ra cùng khắp, năm ngôi sao mất chừng độ, núi lở sông cạn, vua giáo hóa không công bằng, đều do Phật mà loạn. Vua chúa không thờ tôn miếu, thú dân không hưởng lộc tiên Tổ, cho nên đạo khí thần kỳ không thể lại mai một.

Thần cười rằng: Phẩm Trí Tuệ Tội Căn nói: Nguyên Thỉ Thiên Tôn nói: "Ta ở nửa kiếp năm đầu của Thượng Hoàng độ người kéo dài mạng sống một muôn tám ngàn năm, ta bỏ người sau tâm đồi bại cúng tế tà thần, giết sinh mạng cầu cúng lại tàn hại lẫn nhau, tự chuốc lấy mạng yểu, tuổi thọ không lâu dài". Do đây mà suy thì cùng tế tà thần, muôn thân vui mừng, khí hợp với đạo nên lẽ ra được phước lợi, vì sao mạng ngắn thọ không định năm? Lại Hán Minh Đế về trước Phật pháp chưa lưu hành, đạo khí xương thạnh sao vẫn binh đao, thường làm nước

cỏ hại nhau? Mưa máu, núi lở, đói khát, cỏ hoang đầy đất? Lại có Kiệt Trụ xào nướng sinh linh. Từ Minh Đế về sau Phật pháp lưu hành hơn năm trăm năm đâu có yêu mị tai ương, chính sách bạo ngược như trước? Do nay nghiệm xưa, có ai cuồng dối việc rõ ràng như ban ngày không thể che giấu. Loan tôi dâng sớ rất mong hai giáo Phật và Lão hãy khiêm tốn, hành ngụy để hiển bày chân Phật, Phật pháp chánh trong giữ lý mà mở thông tánh cho muôn loài, nếu không như vậy mà thông đạo thì thật đáng cười chết người được.

22. Nghe giới cây chết khô! Lão Tử Bá Bát Thập Giới Trọng Luật nói: "Giới của ta rất trọng, nói với cây thì cây khô, nói với súc thì súc chết". Lại kinh Linh Bảo nói: Đạo nhiệm mầu trong sạch người xưa tu kéo dài tuổi thêm thọ mạng, người nay tu tiêu tổn tuổi thọ.

Lại Đạo sĩ thọ năm ba pháp tướng quân cấm nhàm chán. Có người hờn ghét biếng nhác nổi cuồng tổn mạng. Lại phẩm Độ Quốc Vương nói: "Phương Đông khai sáng vẫy gọi chân thần thân mặc áo đen, có lằn đỏ, chân bước rộng trăm bước, đầu trụ thiên chủ, ăn tà ma, miệng chứa được núi. Sáng ăn năm trăm chiều nuốt ba ngàn năm mươi năm hợp y.

Thần cười rằng: Tam Nguyên Đại Giới chép: Thiên Tôn nói các giới nhập Thập Thiện v.v..., vô lượng người đắc đạo, giới nói rằng: "Không được ôm lòng ác nghe giới sinh phỉ báng mắc tội", nay cây là vô tình không lo mắc tội khởi phỉ báng, đâu cần giới mà giới làm cho bị khô. Nếu quyết chết khô thì có hiểu biết, nếu có hiểu biết, nghe pháp lẽ ra phải ngộ. Nhưng không có lý này sao được nói lời này. Ông biết người đời nay tu thì tổn mạng, tai ương độc hại lưu hành. Đại đạo khoan dung nghiệm mà không nghiệm, đến đỗi khiến tai ương kéo dài, đời sau không dám chép ư?

Lại xét thuật của ba người họ Trương, khoa úy quỷ nói: "Tả Bội Thái Cực Chương, Hữu Bội Côn Ngô Thiếc, chỉ mặt trời thì mặt trời dừng ở hư không, nghi quỷ thì ngàn dặm máu." Lại tạo Huỳnh Thần Xích Chương giết quỷ, Châu Chương giết người, hoặc làm lầm than người trai giới, đất vàng mặt bùn lừa lăn lộn trong bùn, treo đầu dính trên trụ, đáng vỗ khiến cho nhừ. Từ trong đời Nghĩa Hy nhà Tấn, Đạo sĩ, Vương Công hẹn ước pháp đánh phách mà Lục Tu Tịnh vẫn dùng đất vàng mặt bùn lại treo đầu, cúng tế như vậy mọi người nhìn thấy đồng cười.

Lại xét nữ quan Tiệp dư nhà Hán, vua nghi kia nguyền rủa, kia thưa rằng: "Nếu quỷ thần có biết thì không nhận sự nguyền rủa vô lý, như kia không biết thì nguyền rủa nào có ích gì, cho nên không làm".

Lấy việc này mà suy lường thì trí người thường còn hiểu suốt huống gì quỷ có linh thần thông minh chánh trực mà nhận sự ngu nhàm là chưa có đó. Nay quán văn kia thì lời nghĩa không hợp, có đồng thế tục luống giải sai nhà Tần, sao hẹn đại đạo. Nếu đây bao dung mà không sai trái ư? Toan không ham đắm say mê dâm trọn năm ư? Dùng lý mà suy giới đâu được như vậy?

23. Khi lễ thì lễ phương Bắc trước: Y kinh Thập Giới Thập Tứ Trì Thân nói: Phương Bắc lạy một lạy, phương Bắc làm trước rồi đến phương Đông, rồi giáp vòng mười phương, tưởng thấy chân hình của Thái Thượng.

Thần cười rằng: Truyện Văn Thỉ nói: Lão Tử cùng Doãn Hỷ lên trời, Hỷ muốn gặp Thái Thượng, Lão Tử nói: “Thái Thượng ở Đại La Thiên Ngọc Kinh, núi rất xa tối, có thể ở xa lễ bèn thấy mà trở lại”. Do đây suy đó thì Huyền Đô Ngọc Kinh mà Thái Thượng ở đó, nay ở phương trên, sao không cho phương trên là đầu mà lãng lễ phương Bắc ư? Nhưng đạo sinh ở Đông dương, sao không từ phương Đông lễ trước. Phật sinh ở Tây là âm, Bắc cũng là âm, trước đã là quê mùa, nay lại tôn lượng mà lễ trước ư? Lại phẩm Tội Căn nói: “Thái Thượng Đạo Quân cùng Dương Quán Trung cúi đầu lễ Nguyên Thỉ Thiên Tôn hỏi các pháp thập thiện” giới đây chính Thiên Tôn nói sao không lễ Thiên Tôn mà tưởng gặp Thái Thượng? Bỏ gốc theo ngọn là lỗi của ai?

24. Giết cha cầu đạo: Kinh Lão Tử Tiêu Băng nói: “Lão Tử bảo Doãn Hỷ”: “Nếu cầu học đạo, trước phải bỏ năm tình: 1- Cha mẹ; 2- Vợ con; 3- Tình sắc; 4- Tài báu; 5- Quan tước, nếu bỏ được thì cùng ta đi Tây”. Hỷ vui mừng, do đó chặt đầu bảy người đem đến, Lão Tử cười: “Ta thử lòng ông việc không thể làm, người ông đã giết chẳng phải thân thuộc mà là cầm thú”, Hỷ cúi nhìn thì bảy cái đều là bảy báu, bảy thây chết là bảy con chim, Hỷ nghi ngờ trở về nhà thì bảy người thân đều còn sống”. Lại Tạo Lập Thiên Địa Ký nói rằng: Lão Tử giáo hóa nước Hồ, vua Hồ không phục, Lão Tử đánh chết bảy người con và một phần dân trong nước của vua Hồ.

Thần cười rằng: Tam Nguyên Giới nói: “Học đạo không được có tâm ác, bất hiếu cha mẹ, không thương vợ con”. Kể ra Hỷ đã giết cha mẹ, như biết là huyễn sao lại hoài nghi mà về lại xem, như là thật tâm y giới ôm lòng ác là đã phạm tội nặng, huống gì cắt đầu cha mẹ? Lại vua Hồ không phục mà giết bảy người con của vua đã là quá lắm rồi, lại giết một phần dân trong nước nữa, sao mà bất nhân lắm vậy! Nếu làm pháp ở đời sau thì khiến người cầu đạo đều giết cha mẹ vợ con. Lại

không thể do một vị vua không phục mà lạm giết dân nửa nước ư? Tới lui hai ba lân đáng cười là quái lạ.

25. Phù phép kéo dài mạng sống: Phẩm Tam Nguyên nói: Cung Tử vi có phù phép kéo dài tuổi thọ, tám phương thì tám khí ứng liền thành người, hủy phù phép đem đốt người theo khói hóa thành khí, văn kia bốn muôn kiếp xuất hiện một lần.

Thần cười rằng: Muôn muôn ức ức năm có một lần đại thủy tai, Côn Luân nổi lên có tiên bay rước Thiên vương và người hiền lành để lên núi. Cho đến muôn muôn năm trời đất hỗn độn như con gà vàng, gọi là một kiếp. Xét ngày đại thủy tai thì chư Thiên không chết, không nên rước lên núi.

Lại kinh Tế Khổ nói: Sau khi trời đất rỗng suốt, bỗng nhiên hư không nổi sóng, tính thời gian là một kiếp, người vật không còn, phù phép kéo dài tuổi thọ ấy bốn muôn kiếp mới xuất hiện, đâu thể trong bốn muôn kiếp không hề có chư Thiên, mờ mờ mịt mịt sao kia xa quá. Lại muôn muôn là một ức, ức ức là một triệu, chỉ nói một ức triệu năm mà lại nói là muôn muôn ức ức là bởi người mới học làm kinh nên không biết lớn nhỏ của số.

26. Xuân và kiếp trai: Động Huyền Đông Phương Thanh Đế tụng rằng: "Chín lần năm không thường ở, trời đất có nghiêng đổ nguy hiểm, đại kiếp trọn một cây mùa xuân, trăm sáu cổ xe chở về".

Thần cười rằng: Đại thủy tai đã khởi, núi Côn Luân nổi lên, sau có đại hỏa tai vàng thiếc cũng tan đất không cọng cỏ, cho đến muôn muôn ức năm trời đất như con gà vàng, đều gọi là một kiếp. Nhưng cây xuân là cây ở thế gian, lấy lửa thế gian đốt thì nó ra tro gặp kiếp hỏa liền tiêu mà nói đại kiếp giúp cây xuân, là rất lầm, cũng thật đáng cười.

27. Tùy kiếp sinh tử: Như kinh Độ Mạng Diệu nói: Đại kiếp giao khắp, trời lở đất chìm, cõi Dục diệt hết, kinh Đại Bình đạo Lão và phẩm Pháp Hoa Đại Tiểu của đạo Phật dạo khắp trên dưới trong mười tám tầng trời, ở trong cõi Sắc đến đại kiếp giao văn kia bèn mất. Kinh Ngọc Thanh Thượng Đạo Tam Đổng Thần và bài tựa Chân Văn Ngọc xuất hiện ở Nguyên Thỉ, ở trên hai mươi tám tầng trời cõi Vô sắc, núi Đại La Ngọc Kinh, Huyền Đài, thủy tai hỏa tai không đến cho nên văn tự nhiên đồng sinh đồng diệt với vận, có thể thờ thất Tổ sinh thiên. Chuyển luân thánh vương đời đời không dứt.

Thần cười rằng: Kinh Độ Nhân Bổn Hạnh nói: Đạo nói từ Nguyên Thỉ khai mở đến nay, năm đầu hoàng hiệu Xích Minh đã trải qua hơn chín ngàn ức kiếp, độ một hằng sa chúng sinh, như vậy đến niên hiệu

Thượng Hoàng năm đầu độ người vô lượng. Ta tùy theo kiếp sinh tử đời đời không dứt, thường cùng Linh Bảo đồng xuất hiện. Trải qua nhiều kiếp trọn chín khí, sửa vận mệnh gá thai. Hồng thị chứa hơn ba ngàn năm, đến Xích Minh năm Khai Thông ở Giáp ty, đản sinh nơi phò lực, bởi trời lại cùng Linh Bảo đồng xuất hiện độ người. Nguyên Thỉ Thiên Tôn do nhân duyên ta, ban cho ta hiệu Thái Thượng, ở Huyền Đô Ngọc Kinh. Do đây mà suy thì Chân Văn ở Ngọc Kinh tai không đến được mà nói rằng: "Văn của tự nhiên cùng vận đồng sinh đồng diệt", đồng sinh đồng diệt há chẳng phải là tai ư?

Lại nói rằng: "Ta cùng Linh Bảo đồng thời xuất hiện và biến mất", lại nói rằng: "Ta tùy kiếp sinh tử". Tính ra Linh Bảo vận mạng diệt thì Thái Thượng mất theo, mà nói là "trường sinh bất tử" là dối vọng. Lại Ngọc Kinh ở trên thiên chúng, tai không đến được, lẽ ra đúng nghi, tất cả hình sắc không có tồn tại, Ngọc Kinh, Ngọc Đài là cõi Sắc, cõi Sắc chẳng thường Ngọc Kinh há tồn tại sao? Lại Xích Minh hiệu Giáp tý đâu đồng thật của Hà Hán?

28. Phục đơn sắc vàng: Kinh Thần Tiên Kim Dịch nói rằng: Kim Dịch Hoàn Đơn mà Thái Thượng đã uống, nay thần đốt nước bạc trở lại làm đơn (viên), uống vào được thành tiên, một hơm bay lên trời, cầu tiên không được đây là học trò đạo Lão tự làm khổ (đốt đơn thành nước bạc (thủy ngân) đốt nước bạc thành đơn, nên gọi là hoàn đơn). Xưa Hàn Chung uống vào nên mặt có sắc vàng.

Lại thân Phật sắc vàng ròng, bởi đạo pháp linh nghiệm, nay thân trong ngoài cứng chắc như vàng nên gọi Phật là thân kim cương.

Thần cười rằng: Truyện Văn Thỉ nói: "Thái Thượng Lão Tử, Thái Nhất Nguyên Quân, hai vị thánh này cũng có thể là một thân". Kinh Kim Dịch nói: Thái Nhất chỉ có Trung Huỳnh Trượng phu và Thái Nhất Quân hai vị đứng đầu tiên nhân, uống Kim dịch bay lên trời thành Thiên thần, điều hòa âm dương. Xét Hán Chung khi chưa uống kim dịch chỉ là người thường, uống xong bay lên trời tức là Lão Quân, mà Lão Quân là Thái Thượng chủ của muôn chân. Sao chỗ không thể mà bàn phải uống kim dịch rồi mới điều hòa âm dương ư?

Lại Thái Nhất Đại Thần Thành là bao nhiêu người điều hòa âm dương thì cần bấy nhiêu người. Nếu nói người uống đều được, sao kia nhiều vậy? Lại đơn cùng thủy ngân khắp đất đều có, lửa đốt thành đơn thì làm ra nó không khó, sao Đạo sĩ không uống để có ngày lên trời làm chủ thiên tiên mà cực khổ gõ răng luống qua một đời rất đáng thương. Nếu không uống rõ biết là đơn lầm cho nên làm chuyện bắt bóng.

Lại nói rằng: Thân Phật sắc vàng do đơn làm nên. Đây chính không cần làm một phen đốn đơn, được sự xem trọng của tà kiến, thật đáng thương.

29. Trộm sửa kinh Phật thành kinh đạo Lão: Như kệ Diệu Chân nói rằng: "Dù cho chúng Thanh văn, số ấy như hằng sa, hết sức cùng nhau suy nghĩ suy lường cũng không thể suy lường được trí đạo".

Thần cười rằng: Đây là sửa chữ "trí Phật" ở kinh Pháp Hoa thành trí đạo, còn bao nhiêu đều đồng các văn chẳng sai một chữ. Xưa có người hỏi Đạo sĩ Cố Hoan, Hoan đáp: "Linh Bảo Diệu Kinh Thiên Văn Đại Tự xuất xứ từ tự nhiên, vốn chẳng phải Pháp Hoa, chính là La-thập vọng cùng Tăng Triệu sửa kinh đạo ta thành Pháp Hoa". Vả lại Linh Bảo trộm kinh Pháp Hoa có thể dối ở Đông Hạ (Trung Hoa), Pháp Hoa khác Linh Bảo không sai ở Tây Vức. Nay người dịch chỗ đưa ra không sai với văn kinh. Do đây mà suy cho nên biết trộm sửa thật là Linh Bảo. Vả lại kinh Phật rộng y cứ theo lời nghĩa rất sâu rộng, ngàn quyển trăm bộ không trùng văn, không như kinh Lão tự không sai lệch, nương dựa kinh Phật khai trương quyển bộ. Lại văn của Ngũ Thiên hoàn toàn không đề cập đến Phật, tám năm của Phật cũng không bàn đến đạo Lão, còn bao nhiêu sau này làm đều trộm kinh Phật, sau tự rõ đó, không rộng loại kia là do xưa nay Hiền Đạt tụng kinh Phật, đến nay truyền bá đời đời không mất, đạo pháp quyết thù thắng đâu không tụng trì, nêu bao gồm cả nước tụng kinh đạo Lão ai đúng, đây cho nên biết chẳng thể làm chuẩn đích.

30. Trộm kinh Nhân Quả của Phật: Phẩm Độ Vương nói: Thiên Tôn bảo Thuần-đà Vương rằng: Đắc đạo Thánh chúng đến hằng sa, Như Lai đâu không theo phàm nhóm hạnh mà được? Thập tiên vô số, cũng có khởi mà có ra một vị tiên, lại có nhiều kiếp mà lên do công cao. Một nêu công thấp, thì mười lần bay lên có mười giai cấp, từ Hoan Hỷ địa đến Pháp Vân Địa tướng tốt đầy đủ. Vì vậy các vua nghe nói được tứ quá. (A-la-hán)

Lại phẩm Độ Thân nói: Ni-kiền-tử ở chỗ Thiên Tôn nghe pháp được quả Tu-đà-hoàn.

Lại truyện Văn Thỉ nói: Lão Tử ở Kế Tân búng ngón tay, các vị Thiên vương, La-hán, năm thông, trời bay đều đến nhóm, sai Doãn Hỷ làm thầy, Bồ-tát đắc đạo là Lão Tử làm bài tụng.

Thần cười rằng: Đạo Phật cùng đạo Lão dấu vết khác nhau, biến thông có khác. Đạo Lão lấy tự nhiên làm tông, đạo Phật lấy nhân duyên làm nghĩa. Tự nhiên là vô vi mà thành, nhân duyên là nhóm hạnh mà

chứng. Đây do Tiểu thừa nêu cấp bậc bốn quả, Đại thừa có ngôi Thập đẳng, từ phàm vào Thánh đều có kinh luận, chẳng biết đạo Lão nêu tên bốn quả mười tiên có giống với Phật hay không, nhân duyên tu hành chưa thấy kia nói, nhưng đạo Lão tu hành là hấp khí lên trời, uống nước chứng đạo, nghe pháp bay lên hư không, ăn cỏ thây hiểu. Hành nghiệp đã khác, chứng quả lý chẳng đồng. Chỉ nói trời có năm lớp, hoặc ba ngàn, sáu ngàn, hoặc tám mươi mốt cõi trời, hoặc sáu mươi Đại phạm, hoặc ba mươi sáu hoặc ba mươi ba cõi trời, hoặc hơn năm ức năm vạn trời, hoặc chín chân Thiên vương, chín khí Thiên quân, bốn phương khí quân, Tam Nguyên Tam Thiên, chín cung, Thiên Tào, Ngọc Thanh Thái Hữu, Huyền Đô, Tử Vi, ba Hoàng Thái cực, các loại như thế lý có sở duyên, đâu có dối bày tự lấy kiêu dị, xin nói trời này là chồng lớp hay là ngang là dối hay là thật, uống đơn thảo nào mà được lên trời này? Chỗ uống chưa rõ thì luống là dối chỉ, lại càng đáng cười.

31. Kinh đạo Lão chưa xuất nói xuất: Xét Huyền Đô Đạo sĩ chỗ dâng mục lục kinh thì lấy bài soạn của Lục Tu Tịnh người đời Tống đã soạn, mục lục nói: Kinh Thượng Thanh một trăm tám mươi sáu quyển, một trăm mười bảy cuốn đã lưu hành. Thỉ Thanh trở xuống bốn mươi bộ sáu mươi chín quyển chưa lưu hành ở đời. Nghiệm kinh mục nay đều nói Thầy còn tồn tại, cho đến kinh Đổng Huyền mười lăm quyển còn ẩn ở Thiên cung, nay nghiệm mục lục kia đều chú giải thấy vẫn còn tồn tại.

Thần cười rằng: Tu Tịnh là người đời Tống Minh Đế. Thái Thỉ bảy năm nhân sắc chỉ mà dâng mục lục kinh, đã nói rằng “ẩn ở Thiên cung” vậy đến hơn trăm năm không nghe người cõi trời giáng xuống, không thấy Đạo sĩ lên trời, chẳng biết kinh này từ đâu đến đây? Xưa Văn Thành Thơ lấy cơm trâu dối nói bệnh của Vương Mẫu, mà Huỳnh Đình Nguyên Dương đem đạo Lão thay đạo Phật. Trương Lăng sáng tạo Linh Bảo, thời Ngô Xích Ô mới đưa ra. Thượng Thanh bắt đầu nơi Cát Huyền, giữa đời Tống Tề mới lưu hành. Bao Tịnh tạo Tam Hoàng, việc bại lộ mà bị giết, Văn Thành Thơ ăn cơm trâu đến đổi bị giết vào đời Hán. Kẻ học ngày nay lại theo thuật kia lại là đáng thương! Sách Hán nói: Tổ phụ (ông nội) Trương Lỗ là Trương Lăng ở thời Hoàn Đế làm sách phù chú để mê hoặc người, người muốn học đạo phải đóng năm đấu gạo, người đời gọi là giặc gạo. Lăng truyền cho con là Hoành, Hoành truyền cho con là Lỗ, gọi là ba sư, vợ của ba người là ba phu nhân, đều nói là sáng ngày đó bay lên trời. Ban đầu thọ đạo gọi là quỷ tốt, sau gọi là tế tửu, yêu mị xấu xa rất lắm, xuyên tạc lạm hành đều nêu ở đây.

32. Năm ức lớp trời: Truyện Văn Thỉ nói: Trời có năm ức năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi lăm lớp. Đất cũng có như vậy, dày một muôn dặm, bốn góc có trụ vàng trục vàng, vuông tròn ba ngàn sáu trăm dặm, được thần gió giữ gìn. Cho bốn biển là mạch của đất, trời, đất, núi, sông, Hán thông khí gió mây đều từ núi mà ra.

Thần cười rằng: Kinh Tam Thiên Chánh Pháp nói: Thiên quang chưa sáng hơn bảy ngàn kiếp Huyền Cảnh mới chia chín khí tồn tại. Cửu Chân Thiên Vương, Nguyên Thỉ Thiên Vương bẩm thọ dòng giống tự nhiên gọi thẳng là Cửu Thiên. Thượng, trung, hạ, chân chân là một nguyên. Nguyên có ba trời, cung Thượng Nguyên tức chỗ Thái Thượng Đại Đạo Quân cai trị. Kế một cõi trời cách nhau chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi dặm, thì chín trời cách nhau là bảy mươi chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi dặm, một dặm có ba trăm bước, một bước có sáu thước, cho nên có mười bốn ức ba ngàn chín trăm tám mươi lăm muôn sáu ngàn thước. Lấy năm ức lớp trời chia ra thì mỗi cõi trời cách nhau hai thước đâu có đất dày muôn dặm mà trên chở trời hai thước?

Truyện Văn Thỉ nói: Lão Tử dẫn Tứ Thiên Vương, đại chúng thân đều trượng sáu, người lùn thì trượng hai. Tính ra người thì cao lớn mà trời lại nhỏ đâu cho tự phải nằm không đứng? Ngạc nhiên quái lạ.

33. Nghi thức ra vào của Đạo sĩ: Kinh Huyền Trung nói: "Đạo sĩ cần thẻ bằng vàng ngọc, rộng một tấc dài năm tấc năm phân, cầm đó làm dụ. Thời trung cổ cầm Triều Sư Quân, hạ cổ vàng ngọc ẩn nên cầm cây tạp, dài chín tấc gọi là thủ giản. Cầm để bỏ kiêu mạn răn dè Đạo sĩ. Nếu vào cung vua, xóm làng, nhà người thì ở ngoài nhà mười bước đội khăn choàng cầm giản mà vào, chớ có nghiêng lưng. Ra khỏi nhà cởi khăn mặc áo trắng mà đi, chớ tự hiển tổn đạo pháp. Nếu vào nhà thế tục, oai nghi ngay thẳng cầm giản mà ngồi, chớ để cho thế tục lấy làm lạ. Đạo sĩ đi ngoài trăm dặm, cầm gậy, khăn choàng, lư hương bằng đồng, dụng cụ xuất gia tự mang theo, oai nghi đầy đủ được mười món công đức.

Thần cười rằng: Kinh tự nhiên chép: Đạo sĩ khăn vải thô pháp thô, dài ba trượng sáu thước, ba trăm sáu mươi tấc, pháp năm có ba mươi sáu câu, năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày, một thân hai (sừng) góc, mỗi góc có sáu điều, hai ống tay đều có sáu điều, hợp lại là hai mươi bốn điều, pháp hai mươi bốn khí, hai đới pháp âm dương, giữa hai góc pháp hai nghi. Cho đến pháp mũ, khăn hoa sen. Kinh Tự Nhiên đã có khoa luật do đâu không y theo mà mặc phép khăn vàng của Trương Lỗ? Trái luật mà không biết.

34. Đạo sĩ thờ Phật: Kinh Hóa Hồ nói: Nguyện đem hoa Ưu-đàm, nguyện đốt hương chiên-đàn cúng dường ngàn vị Phật, cúi đầu lễ Định Quang.

Lại nói rằng: Vì sao Phật sinh trễ, vì sao Niết-bàn sớm, không thấy Phật Thích-ca trong lòng sầu não.

Lại, Đại Giới nói rằng: Đạo học phải nghĩ dạo cung Đại Lưu cảnh, lễ Phật.

Thần cười rằng: Kinh Phu trai, Thiên Tôn dạy Hữu Huyền Chân Nhân rằng: Phật Thích-ca dùng pháp sinh tử xoay vần giáo hóa đời khiến trời già Hữu Huyền Chân Nhân dùng đạo tiên độ pháp bất tử". Lại tựa của Lão Tử nói: Đạo chủ trương sống Phật chủ trương chết, đạo Lão kỵ dơ, đạo Phật không kỵ, đạo Lão thuộc dương sống kỵ dơ, đạo Phật thì ngược lại. Y cứ đây trong, đục trời chia, sống chết phân rõ, vì sao không nghĩ đại đạo trong sạch mà nguyện xin sống chết dơ uế nơi đạo Phật? Cho nên xưa Thái tể nhà Ân hỏi Khổng Tử về bậc Thánh, Khổng Tử đáp: Ba Hoàng, Năm Đế, ba vua và Khâu tôi đều không phải Thánh, phương Tây có bậc Thánh. Cho nên biết Khổng Tử cho Phật là Thánh mà không cho đạo là Thánh.

Kinh Hóa Hồ nói: Đại thuật trong thiên hạ, thuật của Phật là bậc nhất. Thăng Huyền nói rằng: "Thầy ta du hóa Thiên Trúc". Phù Tử nói: "Thầy của họ Lão là Đức Thích-ca. Đây Đạo Tề kinh lại nói rằng: xưng tiên Phạm thiên, xưng Phật Ẩn Văn, người nước ngoài đọc kinh phần nhiều là Phạm thiên, Đạo sĩ chỗ kia Phạm tức là Phật, ở đây học Phật lâu rồi, nên gọi Phạm. Lại Linh Bảo ba mươi hai vị trời Đại Phạm Ẩn nói: Trời riêng tám chữ, tụng được muôn biến sẽ bay đi, bảy Tổ đồng bên cung Nam". Đây lại là chứng cứ Đạo sĩ học Phật. Nhưng Đạo sĩ chỉ biết học Phạm cũng không biết Phạm là Phật nào, ngu mà tin lẽ ra cũng có phước, chẳng biết có đáng cười hay không?

35. Đạo sĩ hợp khí: Luật Chân Nhân Nội Triều nói: Chân Nhân nói rằng: "Hễ nam nữ đến ngày sóc vong (mười lăm và mồng một) trước trai giới ba ngày vào phòng riêng, đến chỗ Thầy lập công đức, âm dương đều tiến, ngày đêm sáu thời, những điều tạp nhạp không đáng nghe nói". Lại Đạo Luật nói: Hành khí để thứ lớp không được mặc ý bày sắp xấu gần tốt, sao cắt vượt thứ lớp". Lại Huyền Tử nói: Không cách tội lỗi được độ đời, không ganh ghét thế gian thì có thể độ âm dương nên cưỡi rồng đi v.v...

Thần cười rằng: Thần khi hai mươi tuổi ưa đạo thuật đến xem học, trước dạy thần đạo Huỳnh Thơ Hợp Khí là ba, năm, bảy, chín đôi

nam nữ giao tiếp, bốn mắt, hai lưỡi đối nhau, hành đạo ở đơn điền. Có người thực hành để độ khổ ách kéo dài năm tuổi, dạy chồng đổi vợ, chỉ có sắc là đầu, cha anh đứng trước mặt mà không biết xấu hổ, tự xưng là trung khí chân thuật. Nay Đạo sĩ thường làm pháp này để cầu đạo, có chỗ chưa rõ.

36. Sách đạo Lão của Chư Tử: Huyền Độ Kinh Mục nói: Kinh đạo Lão truyện ký, phù đồ (bùa chú) luận có sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba (6.363) quyển, hai ngàn không trăm bốn mươi (2.040) quyển có gốc, cần bốn muôn năm mươi bốn trang giấy. Hơn một ngàn một trăm quyển kinh truyện, bùa chú, trong đó luận của chư tử là tám trăm tám mươi bốn quyển, còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển là của Lục Tu Tĩnh chép, có số mục kia và bổn đều chưa đưa.

Thần cười rằng: Đạo sĩ dâng mục lục kinh, trong mục lục của Lục Tu Tịnh thấy có kinh sách còn phương thuốc, bùa chú chỉ có một ngàn hai trăm hai mươi tám quyển (1.228) vốn không là tạp sách tên các nhà hiền triết, mà Đạo sĩ nay nêu hơn hai ngàn quyển là lấy từ Hán Nghệ Văn Chí Mục tám trăm tám mươi bốn quyển làm kinh luận của đạo Lão. Y cứ như trạng này, lý đáng nghi, vì sao đến như bọn Hàn Tử, Mạnh Tử, Hoài Nam v.v... đều không nói việc đạo? Lại có phương Bát Lão Huỳnh Bạch, thuật Đào Châu Biến Hóa, phù phép lật trời đảo đất, phép trừ binh giết quỷ và phương thuốc chú yểm được là sách của đạo Lão, có thể cần trích dẫn. Chưa biết Liên Sơn Quy Tạng, Dịch Lâm Thái Huyền, Hoàng đế Kim Quỷ, Thái Công Lục Thao, do đâu không nêu ở sách đạo Lão? Trong Mục của Tu Tĩnh vốn không có Chư Tử, nay bèn đặt dư là không biết y cứ vào đâu? Vả lại trong tháng bảy năm ngoái Đạo sĩ đã dâng mục lục kinh, chỉ chú ba trăm năm mươi quyển của chư tử là kinh đạo Lão, nay nói là hơn tám trăm quyển, vì sao trước sau khác nhau? Lại người có tật xấu chỉ sợ người khác biết, mình có điều hay lo người không biết cho nên Đạo sĩ từ sách nói "Người không thọ giới của đạo Lão không được đọc kinh đạo Lão", tức trạng như đây, sợ người biết chỗ xấu kia ư? Nếu cho chư tử làm sách đạo Lão, thì người trong chư tử đều cần truy tìm đâu được để sót. Vả lại Đạo sĩ trích dẫn đạo đức Lão Tử của ta vốn là chư tử, nay tôn là kinh lưu bày giúp nhau có lỗi gì ư? Cho nên biết Lão Tử, Huỳnh Tử, Chư Tử là một dòng, như vậy đâu được chống với bảy kinh của Nho lưu? Hai thiên sau của kinh Ban Cô Tiên Lục tựa đạo là Trung thượng hiền loại, ở đây thật chép.

Lại Đào Châu tức Phạm Lãi đã thờ Việt Vương Câu Tiễn, vua quan giam Ngô ở động đá cho ăn phân uống nước tiểu cũng là quá lắm

rồi, nay tôn sùng thuật kia đâu không mê muội lắm ư?

Lại Phạm Lãi bị giết ở đời Tề, sao là không làm cha của thuật biến hóa lại soạn kinh Thiên Địa. Lão Tử gá thai nơi Hoàng hậu của U Vương tức là con của U Vương, thân là trụ sử tức tôi của U Vương. Kinh Hóa Hồ nói: Lão Tử ở Hán làm Đông Phương Sóc, nếu vậy U Vương bị Thái Nhung giết, há có thể không trao cho vua cha thần chú khiến không chết ư?

Lại Hán Võ thiếu binh, bị bệnh ở giữa nước, hộ khẩu trong thiên hạ giảm quá một nửa, xưng Lão Tử là Đông Phương Sóc sao nở không cho chú tránh binh tránh chết, phương pháp yểm người chú quỷ để gìn giữ nước Hán ư? Mắt nhìn sự xấu xa tệ hại nếu không có tâm cứu giúp thì đâu chẳng phải dối lầm ư?

Lại nói gồm thâu mục lục kinh đạo Lão, có hơn sáu ngàn quyển, xem xét luận thấy bổn chỉ có hai ngàn bốn mươi quyển, còn bao nhiêu là dối chỉ, chưa nêu ra, có lẽ chẳng phải mài mực chưa đủ nên kinh bổn chưa thành ư? Còn bao nhiêu là đầu sóng phân vân, nói không đủ để càng rộng.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 10

THIÊN THỨ HAI BIỆN HOẶC (PHẦN 6)

Chiêu Châu Tổ bỏ hai giáo lập Thông Đạo Quán. Châu Võ Đế, Châu Tổ bình Tề ra lịnh Tăng Duệ bỏ việc lập Kháng Chiêu. Thích Tuệ Viễn.

Châu Tổ ở Tuần nghiệp xin mở việc Phật pháp. Nhậm Đạo Lâm.

Việc Châu Tổ Thiên Nguyên lập Vệ Nguyên Tung. Vương Quảng Minh.

Chiếu vua Châu Tổ bỏ hai giáo rồi lại lập Thông Đạo Quán, Châu đế Vũ Văn Ung.

Võ Đế nghi ngờ áo đen, thọ pháp Huỳnh Lão, muốn giữ đạo Lão, diệt Phật pháp, đều bàn vâng theo đạo Phật. Vua hằng ngày khác xa chẳng phải bản đồ, gặp Pháp sư Đạo An dâng luận Nhị giáo không nghe đạo pháp, ý càng không phục, không ngại lý thông mọi người nghĩa khó giữ riêng, bèn bỏ cả hai giáo, giận phát bên trong chưa đầy một tháng hạ chiếu rằng: Chí đạo rộng lớn sâu hỗn độn thành không bờ mé, thể bao trùm hư không có lý tột nhiệm mầu, nhưng nhánh nhóc đã chia, nguồn dòng càng xa, thuần lìa phác tán, hình khí trái đây, bèn khiến ba mặc tám Nho Chu Tử giao tranh, chín lưu bảy lược dị thuyết xung đột nhau, đạo ẩn tiểu thành, đến đây đã lâu. Không có hội quy tranh khu, chẳng có định mục. Nay có thể lập Thông Đạo Quán, lời nói vi diệu của Thánh triết, sách giáo huấn của tiên hiền, khoa vàng triện ngọc văn nhiệm mầu bí mật sâu xa, cho nên giúp nuôi muôn dân, phò thành giáo nghĩa, đều nên mở rộng một phen, để được thấu suốt, khiến cho người quen lờn nơi gò đất nhỏ biết sự cao vọt của núi Tung, núi Đại người ở nơi sa mạc ngộ được sự trong suốt của vùng biển, chẳng là cũng đóng ư? Sở ty lượng đặt số người bổng lộc, năng lực công việc khác thức thường, người chủ thi hành.

Vào lúc đặt viên chức một trăm hai mươi người lạm hộ, sức quan

lại đều có khác, đều lựa chọn môn nhân của Lý có danh tiếng ở đời lúc bấy giờ, cho mặc áo đội mũ cầm hốt mang giày gọi là học sĩ của Thông Đạo Quán. Có tiền Sa-môn ở Kinh Triệu là Phân Phổ Khoáng, Bành Hưởng lừa dối khắc cười động người, vua rất xem trọng đó, gọi vào Thông Đạo, vì bị ép nên thường cạo tóc mà để râu lại. Vua hỏi sao cái bỏ cái giữ, Khoáng nói: "Thần học Bệ hạ, hai giáo tuy trừ mà vẫn còn Thông Quán, râu là đồ trang sức của thế tục nên giữ lại, tóc chẳng phải giáo thế tục cho nên cạo bỏ". Vua nói: "Thế tục có giữ tóc lại thêm đội mũ, sao nói chẳng phải giáo", Khoáng nói: "Kẻ không có tóc há là giáo ư? Thần chuẩn bị bỏ đó, thêm đội mũ đâu tổn gì". Vua cười nói: "Tự người thường cạo sạch tóc đội mũ cổ đeo anh lạc, người có hỏi thì nói rằng "ta sợ nóng" v.v...

Châu Tổ bình Tề gọi Tăng Tự bỏ việc lập kháng cự. Sa-môn Thích Tuệ Viễn.

Chu Võ Đế cho Cao Đông Bình vào mùa xuân niên hiệu Thừa Quang năm thứ hai triệu tập các đại đức tu trước đều nhóm đến điện. Vua lên tòa ngự lập nghĩa nói: "Trẫm nhận mệnh trời an một khu vực, đời hoằng ba giáo, gió kia càng xa, khảo xét đến lý nhiều lỗi nung đúc giáo hóa, nay đều xả bỏ. Nhưng sáu kinh của Nho giáo văn rộng chánh thuật, lễ nghĩa, trung hiếu, đối với đời có đúng cho nên cần giữ. Vả lại từ chân Phật không tượng, xa đỉnh nêu tâm, kinh Phật rộng khen tạo lập chùa tháp sửa sang tráng lệ có phước rất nhiều, đây thật là vô tình đâu thể có ân huệ, người ngu vọng tin dốc hết tiền của luống làm việc phí, cho nên phải dứt bỏ, cho nên nếu là kinh tượng đều hủy diệt, cha mẹ ân nặng, Sa-môn không kính trái nghịch rất lắm phép nước không cho đều phải trở về nhà để tôn sùng hiếu thuận. Ý trẫm như vậy, các Đại đức nghĩ thế nào?

Bấy giờ, các Sa-môn Đại Thống v.v... có hơn năm trăm người đều cho là oai vua lớn lao quyết can ngăn cũng khó theo, nội quan đã trừ nghĩa chẳng phải lập riêng, mọi người đều im lặng, sau bị thúc giục trả lời đều ngó ngoái lại nhìn nhau tái mặt, cúi đầu rơi lệ. Lúc ấy có Pháp sư Tuệ Viễn tiếng tăm vang lừng, bèn tự nghĩ rằng: "Phật pháp nhờ bốn chúng là chỗ nương đâu do chấm dứt lời nói mà gọi là thông lý" bèn ra thưa rằng: Bệ hạ thống lãnh cõi lớn, được ngồi nơi tôn quý nhất, tùy thế tục đến nỗi có lời hiến chương ba giáo, chiếu rằng: "Chân Phật không có hình tượng". Thật như ý chỉ của trời. Nhưng tai mắt sinh linh, nhờ kinh nghe Phật nhờ tượng nêu chân, nay nếu bỏ đó không do đâu khởi tâm cung kính.

Vua nói: Hư không chân Phật đều tự biết đó, chưa có nhờ kinh tượng.

Viễn nói: Từ Hán Minh đế về trước, kinh tượng chưa đến, hàm sinh cõi này vì sao không biết hư không là chân Phật?

Vua im lặng không đáp. Viễn lại nói: Nếu không nhờ kinh tượng dạy, người tự biết có pháp, thì từ ba Hoàng về trước chưa có văn tự, người lẽ ra tự biết các pháp như năm thường v.v.... Lúc này mọi người vì sao chỉ biết mẹ mà không biết cha, giống như cầm thú.

Vua lại im lặng không đáp. Viễn nói: Nếu cho hình tượng là vô tình thờ sẽ không có phước, cho nên cần bỏ, thì tượng thất miếu của quốc gia há là hữu tình mà vọng tướng tôn thờ.

Vua không đáp lời nạn này mà nói: Kinh Phật là pháp nước ngoài, nước đây không cần, bỏ đó không dùng. Thất miếu đời trước lập, trẫm cũng không cho là phải toan đồng bỏ đó.

Viễn nói: Nếu cho là kinh nước ngoài chẳng phải cõi này dùng thì những lời Trọng Ni nói ra từ đất Lỗ, Tần, Tấn cũng nên bỏ mà không làm. Lại cho thất miếu là sai toan muốn bỏ đó thì là không tôn trọng cha ông, cha ông không tôn thì Chiêu mục mất thứ lớp, Chiêu mục mất thứ lớp thì Ngũ kinh không dùng, trước giữ Nho giáo nghĩa kia ở đâu? Nếu vậy thì ba giáo đồng bỏ lấy gì trị nước?

Vua đáp: Nước Lỗ cùng Tần, Tấn cõi nước khác nhau, đâu chẳng là vua giáo hóa, cho nên không giống nạn kinh Phật và bảy miếu, vua không cho thông.

Viễn nói: Nếu cho Tần, Tấn đồng tôn một giáo hóa, kinh giáo chung thực hành, thì Chấn Đán với Thiên Trúc cõi nước tuy khác mà đâu không đồng ở trong bốn biển của cõi Diêm-phù chung một Luân vương giáo hóa, sao không đồng tôn thờ kinh Phật mà nay lại bỏ?

Vua lại không đáp. Viễn nói: Chiếu rằng "Tăng lui về nhà tôn sùng hiếu dưỡng", kinh Khổng Tử cũng nói rằng: "Lập thân hành đạo để hiển vinh cho cha mẹ tức là hiếu hạnh", sao lại quyết hoàn tục?

Vua nói: Cha mẹ ân nặng giao sắc giúp nuôi dưỡng, bỏ thân đến sơ chưa thành chí hiếu.

Viễn nói: Như Phật nói, Bệ hạ hai bên đều có cha mẹ sao không buông đó để khiến lâu đến năm năm không gặp cha mẹ?

Vua nói: Trẫm cũng nương xét trên dưới để được về hầu hạ.

Viễn nói: Phật cũng cho Tăng mùa đông mùa hạ tùy duyên tu hành, mùa xuân mùa thu về nhà hầu nuôi. Cho nên Mục-liên xin ăn nuôi mẹ, Như Lai gánh quan tài đi chôn, lý đây rất thông, không thể xả

bỏ.

Vua lại không đáp, Viễn kháng cự nói: Nay Bệ hạ ỷ sức vua tự tại phá diệt Tam bảo, là người tà kiến, địa ngục A-tỳ không lựa sang hèn, Bệ hạ đâu được không sợ?

Vua đột nhiên đổi sắc mặt rất giận dữ nhìn thẳng Tuệ Viễn nói: Chỉ cần khiến nay trăm họ được vui, trẫm cũng không từ chối các khổ địa ngục.

Viễn nói: Bệ hạ dùng tà pháp giáo hóa người, hiện gieo nghiệp khổ sẽ cùng Bệ hạ đồng đến A-tỳ, chỗ nào có vui để được?

Vua đuối lý trước lời nói đầy ý đồ lại không đáp được chỉ nói: "Chúng Tăng hãy trở về", có quan Ty lục lấy tên họ của vị Tăng luận với vua. Vua đã thực hành bạo ngược ba năm, ở Quan Lũng, Phật pháp bị trừ diệt gần hết, đã được nước Tề lại chuẩn phê bỏ. Bấy giờ Ngụy, Tề, Đông châu Phật pháp được hưng thạnh, thấy xây thành chùa miếu bốn mươi ngàn ngôi, đều ban cho Vương Công làm dinh thự. Năm chúng đệ tử Phật giảm ba trăm muôn, đều làm quân dân hoặc trở về nhà, đập phá tượng Phật, thiêu đốt kinh sách, tiền tài của Tam bảo ghi chép vào của quan, xin lãnh nhận liền thưởng cho, phân tán hết sạch, vua cho là đắc chí với thiên hạ. Chưa đầy một năm, bên trong khí ôn dịch đốt, bên ngoài thân phát ghẻ, tướng ác đã hiện, sám hối không thể tiêu, bèn ẩn ở cung Vân dương vừa mới bảy ngày đã nghiêng đổ, niên đại Thiên Nguyên ở hai cung Đông và Tây lập chùa Trắc Hổ, phạt Bồ-tát Tăng để mở mang Phật hóa, không bao lâu vua băng, vận nước dời đổi đến thời Tùy Cao Tổ mới bắt đầu đại thông, như ở sau sẽ nói.

Gần đây, thấy Lại Bộ Thượng Thơ Đường Lâm Minh thời Đại Đường ghi rằng: Ngoại Tổ Tùy Văn là Bộc Tạ Tề Công, chính ông thấy Văn Đế hỏi người chết sống lại nói rằng: Lúc mới chết gặp Chu Võ Đế nói "Ông vì ta tau với Thiên tử nhà Tùy rằng "Xưa cho ta ăn chung ngọc lụa trong kho cũng là ta chịu thay đó, nay ta vì diệt Phật pháp tột thọ khổ lớn, xin vua làm công đức giúp ta." Văn Đế ra lịnh, khắp đến người trong nước vua xuất cho một tiền vì Võ đế mà làm phước.

Chu Cao Tổ ở Tuần Nghiệp diệt trừ Phật pháp, có Tiền Tăng Nhậm Đạo Lâm dâng biểu xin mở pháp sự.

Nhà Chu niên hiệu Kiến Đức, vào ngày mồng bốn tháng mười một năm thứ tư, lên đến cung nghiệp ở điện mới nhà nội sử văn Thượng sĩ Lý Đức Lâm nhận người dâng biểu, lúc này Nhâm Đạo Lâm dâng biểu lên, Thượng sĩ xem biểu nói: "Vua hai giáo, Thánh chủ cơ biện đặc biệt khó đáp, xin hãy suy nghĩ xem xét". Đạo Lâm thưa: "Chúa thượng biện tài bén nhọn, nổi tiếng khắp mười phương, Lâm tôi cũng có nghe, do nghe tài hùng biện cho nên đến, được biết không sai v.v...". Bèn dẫn

vào, trên bệ rồng, đứng hầu mé Tây, chiếu rằng: Khanh đã tâu việc giúp phò trị chánh trẫm rất vui, hãy dùng mắt thấy chớ rộng phí lời.

Đạo Lâm bèn tâu việc an ủi Tề, còn các việc xét giảm thuế dịch v.v... thì vua nhận đủ.

Đạo Lâm lại thưa: Lâm nguyện là thề hoằng hóa đạo Phật, từ trước lại chuyên nói chánh trị thế tục dường muốn dối phụ vua mà thật ra thiện tâm là hộ pháp. Từ họ Thích rộng dạy bảo, quyền ứng vô phương, trí phương cao vọt, rộng tuyên chánh pháp, cứu đời năm trược nhổ khổ ba cõi, trong loài người, trên trời, sáu đường, bốn loài thảy đều quy y hồi hướng nhận sự khai ngộ kia. Từ đời Hán đến nay trải qua năm trăm năm, vương công, khanh sĩ tôn thờ truyền thông, và đến Đại Chu liền bỏ dứt. Bệ hạ trị nước noi theo vua trước giáo hóa, vua sau nương nhờ, sao làm cho Phật giáo không có thầy xưa. Như kia chẳng phải thiện tài thì bậc tiên hiền diệt đã lâu, như lời có ích cho bệ hạ có thể làm nghĩa bỏ Phật, thần chưa hiểu được.

Chiếu rằng: Phật sinh ở Tây Vức truyền bá đến đông hạ, nguồn phong giáo khác với Trung Quốc, Hán Ngụy, Tấn Đường có mà như không. Ngũ Hồ loạn trị phong hóa mới thạnh, trẫm chẳng phải tâm Ngũ Hồ không kính thờ, đã chẳng phải chánh giáo cho nên dứt bỏ.

Tâu rằng: Phật giáo khi đông truyền đã quá bảy đời, Lưu Uyên Soán nhà Tấn vốn chẳng phải Trung Hạ, do chẳng phải chánh sóc xưng là Ngũ Hồ. Đời Hán, Ngụy, Tấn kia Phật hóa đã rộng, đời Tống, Triệu Phù Yên từ lâu tu tập hưng thạnh, bộ hạ hổ thẹn vì thạnh tu Phật pháp giống Ngũ Hồ thì xin như Hán Ngụy không dứt diệt tông kia.

Chiếu rằng: Nghĩa Phật tuy rộng trẫm cũng thường xem, nói nhiều thì dối nhiều, lời tốt là phù phiếm xa xỉ. Tội thì suy quá khứ, không phước thì chỉ đời sau, sự thì không chứng nghiệm, hạnh thì nhiều mê hoặc. Luận kia khuyên làm lành chưa khác với lễ xưa, nghiên cứu chỗ dứt ác đâu khác luật thế tục, xưa thường bị bỏ bởi do tạm học, quyết biết chẳng lợi ích cho nên dứt bỏ.

Tâu rằng: Lý sâu lời nhiều chẳng phải tình gần so lường được. Thời xa sự sâu đâu thể tiểu cơ muốn biện há lại dùng cái thấy cuộc hạn ở một đời mà chống cự việc thông bàn lâu xa, cái si mê lấp kín từ lâu nay bỗng ngộ cũng là lỗi ư? Do đây lý Phật tột pháp giới, giáo thể thông trong ngoài, bàn hạnh tự tha đều lợi ích biện quả, thường lạc vô vi cây đức ân thạnh. Trời đất nhân đạo rộng lợi vô biên, thấy kỳ lạ thì thần thông tự tại, rộng giáo hóa thì muôn nước đồng về nương, cứu độ thì oán thân bình đẳng, từ ái thì có hiểu biết không bị thương tổn. Giới

trừ ác ngoài, định dứt lỗi trong tâm. Tuệ soi chiếu xưa và nay trí cùng muôn vật. Nếu nhà nhà thực hành đây thì dân không đâu chẳng trị, nước nước tu hành thì binh đao không dùng đến. Nay lìa đó không tu hành thì ở chỗ nào mà cầu lợi ích? Nhân đó lại tâu rằng:

- Thần nghe hiếu là đạo của chí thiện, thuận là tột nuôi dưỡng của đất. Cho nên thần thông soi sáng bốn biển, trong trăm hạnh ai vốn là người tiên hiếu đây. Ngày xưa đạo sắp nghiêng nhà Ngụy băng loại, Thái Tổ chấn oai giúp nạn Thiên Di khai mở nghiệp đế, Bệ hạ nhân đầu mối to lớn đây mà lên ngôi tột đỉnh. Vua đến bốn biển đức giúp thiên hạ, chỉ tưởng nhớ chớ trọn đời không báo đáp, đâu có tin rồi tâm trí cố chấp sự hiểu biết của tự mình, ỷ vào móng vuốt mặc tình theo sức vua, tàn hại chùa miếu mà Thái Tổ đã lập, hủy phá linh tượng Thái Tổ đã thờ, phế bỏ giáo pháp Thái Tổ đã vâng làm, xóa bỏ Tôn sư Thái Tổ đã kính. Vả lại giường ghế của cha mẹ còn không dám tổn khuyết huống gì chỗ cha mình tôn thờ mà có thể khinh hoại. Ngôi vua cõi nước lâu bền hay ngắn ngủi chẳng do nơi Phật, chính trị hưng thạnh hay hủy diệt đâu quan hệ gì đến pháp, há tin trong nhất thời mà chiêu cảm chê bai trong muôn đời? Ngu thần chợt chết đặc biệt không thể.

Chiếu rằng: Nghĩa hiếu đạo đâu chẳng là chí cực, nếu chuyên giữ gìn chỉ lợi một đời, là khiến đại trí quyền phương ngược lại thường hợp đạo, Thang Võ giết chúa, nhân trí không lỗi, Vĩ Sinh thủ tín họa đến mất thân, sự như có ích giả trái nên làm, nếu chẳng hợp lý dù thuận cũng quyết bỏ, không thể được tiếng cho mình mà khiến bốn biển mê lầm, ngoài như trái Thái Tổ trong nhuận thấm cho dân đen.

Nay Sa-môn hoàn tục xét hầu cha mẹ thành hiếu trong thiên hạ, mỗi người tự nuôi sống không nhọc người khác, khiến đất nước được lợi, bỏ Nhung theo Hạ, đất trời đồng nhất, tức là nêu danh muôn đời để nói lên Thái Tổ là trọn hiếu, đâu được nói là lỗi?

Tâu rằng: Nếu nói loại Phật đất nước có lợi, hủy Tăng dân được ích. Xưa Thái Tổ Khang mặt trời nhiệm mầu soi muôn dặm, trí trùm ngàn đường, nếu Phật pháp tổn hóa liền tìm cách dứt bỏ chứ đâu chịu nhiều năm kính thờ để hưng thạnh khắp thiên hạ? Lại Phật pháp tồn tại là tổn xứ làm sao? Từ lúc phá đến nay thành lợi nhuận gì? Nếu thật không lợi ích thì đâu chẳng không hiếu?

Chiếu rằng: Pháp hưng thạnh có lúc, đạo cũng khó chuẩn, chế do trên làm, vua làm thì dầu có lợi nhỏ còn phải bỏ, huống chi Phật không lợi ích lý không thể dụng. Vì sao? Vì kính thờ không thấy điềm linh, chiêu cảm không hiệu nghiệm, tự cứu còn không nhờ được thì đâu thể

ích cho nước? Từ lúc bỏ đến nay dân dịch hơi ít, tô thuế mỗi năm tăng, binh sư ngày càng thạnh, phía Đông bình nước Tề, phía Tây định yêu Nhung, nước an vui đâu chẳng là có ích. Nếu việc có ích Thái Tổ còn thường bàn việc đánh Tề sao không thấy được. Trẫm hoại Phật pháp nếu là trái hại cũng sẽ mất thân, mà đã bình được Đông Hạ rõ biết là có ích, bỏ đó hợp lý, nghĩa không lại hưng thạnh.

Tâu rằng: Từ khi lập quốc chính sách chỉ quý nơi đạo, chỗ hóa dưỡng dân đâu gì cao hơn đức. Chỉ thấy đạo tiêu nước mất, chưa có chuyện binh mạnh ngôi lâu bền, thì do Trụ bạo ngược ỷ quyền các họa làm đổ nghiệp đế, Chu Võ tu đức phước nhóm ngôi vua, Phù Sai khiêu chiến đến nỗi diệt thân, Câu Tiễn dùng đạo Nguy mà lại an. Do đây luận đó nào có liên quan gì đến hoại Phật bỏ Tăng mới bình Đông Hạ? Thẳng là hủy Phật ngay lúc gá định, tình cờ gặp đây vọng cho là hoại pháp có lợi ích. Nếu vậy Thang phạt nước Hạ, Văn Vương diệt Tống, Vũ Vương giết Trụ, Tần gom thiên hạ, Xích Hán diệt Hạng, các vị vua đây đâu do hoại Phật.

Từ sau giao luận chê hủy nhân pháp, hoặc do kháng cự lễ vua cha, hoặc cho là vọng xưng Phật tánh, hoặc chê biện triết sắc tâm, hoặc lại thấy là phi nghiệp, hoặc chỉ thân vốn là âm dương, Lâm tôi đều tùy lời hỏi mà giải bày. Vua tuy tạo vặn hỏi trùng điệp ba lớp năm lớp cùng lý tận tánh, Lâm tôi thì không nghi không bỏ sót, có nạn thì đây thông.

Vua nói: Khanh nói nghiệp không trái lý, hễ có kỳ nhập thánh, tánh chẳng phải nghiệp ngoài, đạo có đường thông phàm, đây thì đạo không đâu chẳng là ở Thánh phàm gồm thông. Đây thì giáo không Khổng, Thích dối tôn sùng. Lời nói như thế, hình chung đạo tục, huống thêm trang sức cắt cạo, phải biết Đế vương tức là Như Lai nên dùng trượng sáu. Vương công là Bồ-tát xét việc Văn-thù, tuổi già có thể làm Thượng tòa, không dùng Tân Đầu, nhân tuệ thật là đàn độ, đâu nhờ bỏ nước, hòa bình thứ nhất Tăng tinh thuần, đâu nhọc gì Bồ-tát. Trinh tiết cẩn thận tức thành Mộc-xoa, đâu cần thọ giới, kiểm ước thật là ít muốn không cần hành đầu-đà, ăn dỡ rất tốt trước chay đâu phiền dứt cốc (lúa gạo). Phóng sinh nhiệm mầu đồng vô ngã, đâu nhờ Giải Không, quên công toàn lỗi Đại thừa, đâu mong Bát-nhã. Văn võ là hai trí, chẳng quán không có quyền mưu trọn thành phương tiện khéo léo đâu đợi biến hóa. Thêm quan chân là thọ ký không nhờ chứng quả, tước lộc giao được cõi trời, đâu đợi thượng giới phạt giết thấy cảm địa ngục không chỉ Nê-lê. Lấy dân làm con có thể gọi là đại từ, bốn biển làm nhà tức đồng pháp giới, chánh trị dùng lý nào khác cứu vật, an vui trăm họ đâu khác cứu

khổ, cắt phạt tàn hại lý là hàng ma, vua đến thiên hạ thật thành đắc quả, tràn trề đâu khác Tịnh độ, đông đúc đâu tạ Ca-duy, khanh hoại dị kiến vọng sinh thiên chấp, tức sự mà nói thì chỗ nào chẳng phải đạo.

Tâu rằng: Kính vâng Thánh chỉ, nghĩa rộng nói sâu, dung đạo lẫn tục, dời chuyên tán chấp, bèn khiến chạm chỗ nương chân hữu tình đủ đạo, người và ta đều dễ chịu, ngàn bước đồng mười, đẹp thì đẹp nhưng ngu thần còn nghi, nếu khiến chí đạo chỉ có một, thì không hai có thể dung. Nếu lý hằng ngoài trong thì tự có thể thường riêng, nếu một mà chẳng phải một, thí nửa phải nửa trái, hai mà không hai thì dối đạo dối tục, đây thì đạo tục lầm lộn, Nho, Thích mất tựa. Trong ngoài xen lẫn, trên dưới mất thứ lớp, đâu thẳng xa chìm thanh hóa, cũng là gần mê hoặc dân đen, đây do âm dương đồng khí, sống chết hằng khác. Trời đất đồng hình cao thấp thường khác, không thể cho kia chung hình mà khiến đất động trời tịnh. Kẻ hoặc thấy kia đồng khí mà khiến âm sống dương chết, tức sự hằng không có lý này. Lời dối khó có thể thành dụng cho nên hình đồng khí một, có thể được nói đồng, sống chết, cao thấp, nghĩa không đâu chẳng riêng, cho nên khiến đồng mà không đồng, một mà chẳng phải một, lý của đạo tục có đồng không cho không làm tự riêng. Lại nếu ba tên tuy một, phàm, thánh, khác xa, hình việc chẳng đồng, rộng hẹp hoàn toàn khác. Đây cho nên Nho, Thích cùng vô thỉ đồng hưng khởi, đạo và tục chung trời đất đồng hóa, nếu muốn tiêu đó thành một, chánh có thể dùng đạo bỏ tục, như kia đều luân vương với đời, thì hai lý hiển đều sáng, nay thì khởi một bỏ một, chân thành không thể.

Chiếu rằng: Khanh nói đạo, tục, trời, khác nhau toàn trái trong ngoài, cũng có thể đạo Lão ứng tự đạo Lão không dự với thế tục. Đạo Phật ứng tự đạo Phật chớ nương với Nho. Đạo Lão nếu chỉ có đạo Lão thì đạo Lão chỗ nào lợi, đạo Phật nếu riêng đạo Phật thì giáo hóa có công gì? Cho nên đạo tục giúp nhau, Nho, Thích càng hiển. Khanh không nhân lời trẫm, khanh muốn bàn gì? Do đây trong ngoài đè ép hay nêu lên, bỏ phế hay hưng khởi, đây hay kia. Nay phép nước không làm, phép vua ngăn cấm, bỏ hay khởi ở số thường lý không trái, nghĩa không thường khởi, bỏ có lỗi gì?

Tâu rằng: Kính vâng Thánh chỉ như vén mây thấy mặt trời. Cúi nghe sắc lệnh thật như Thánh nói. Đạo không tự đạo chẳng phải thế tục không hiển, Phật tự không tự Phật chỉ có vua không thể khởi. Do đây Thích giáo (giáo pháp đạo Phật) truyền về phương Đông trải qua trăm năm, mở mang pháp hóa muốn nương sức vua, mới biết đạo nhờ người

hoằng thần do vật cảm, Phật thạnh hay bị hủy công quy về Thánh chỉ, đạo Lão có hưng hay phế nghĩa không hằng lâu, pháp có ẩn hiển, lý khó thường còn, cho bỏ liền mất lý tự ứng cơ, đều từ vận thế đâu cũng nên ư?

Chiếu rằng: Phép vua chúa khéo quyết lấy bỏ, đoán rõ lấy bỏ, soi xét đồng khác, nhiệm mầu phi thường. Trẫm đối với đạo Phật, do thầm suy nghĩ trong nội phủ khảo xét xưa và nay, nghiệm đó để làm việc, tính toán đó để được mất, lý phi thường không muốn văn cao kỳ mà không dùng, chẳng phải không đầu mối mà dứt bỏ, nào thương ghét gì với Nho, Thích.

Tâu rằng: Gốc hoằng pháp quyết lưu tâm nơi đầu của đạt nhân thông hóa, muốn tồn chí nơi chánh đạo chớ thấy ngỗ nghịch với mình cho là xấu rồi ôm đó để xa cách, thấy dung hợp với mình cho là tốt, tâm vui vẻ để gần gũi. Đây thì tự mê hoặc điều thấy lầm lộn cá nghe, không thể thường nghe vì có lời ngay thẳng và dua nịnh bèn liền tin nhận theo xướng mà hòa, nương đó sinh ra thị phi, tìm kiếm lỗi lầm ngày ôm lòng ghét bẻ. Đây là lấy ngụy dời chân, các tiếng mê hoặc chí, cho nên nay ngay kẻ sơ lại tiến tới với người thân lại xa lìa, bèn khiến bàn luận rong ruổi lấy bỏ chuyên trái, đây chính là họa hoạn hại, thật là lụy yêu tán đức. Vì thế vua không đáp lại mở đường khác để khởi điềm luận.

Hỏi: Trẫm nghe quân tử việc làm phải hợp với lễ, bậc minh triết hành động ứng với cơ. Tỷ như thường cho khanh ăn khanh nói không uống rượu ăn thịt, vả lại rượu là thuốc hòa thần, thịt là đồ ăn đỡ đói xưa nay đồng vị, sao chỉ có khanh chê. Nếu thân bỏ uống, lễ chế không ăn, tức như nay cho tự có thể được ăn, có thể ăn hay không ăn đâu chẳng là tội?

Tâu rằng: Tham tài ưa sắc bậc trinh phu đã ghét, tham ngon thích đẹp bậc khiêm sĩ không ưa. Dứt tình theo đạo tiền hiền tán thán, ép dục sùng đức bậc Thánh xưa đều khen. Huống chi rượu do giết sinh mạng, rượu làm loạn thần, không ăn là có lý đâu thể cho là sai quấy.

Chiếu rằng: Thịt do hại mạng, cấm là đúng. Rượu không tổn mang sao lại cấm chế? Nếu khiến không tổn, tính tội không lỗi nói có lỗi, thì uống nước ăn cơm lẽ ra cũng mắc tội, mà thật không cấm, sao lại chỉ cấm rượu?

Tâu rằng: Kết giới tùy sự mắc tội y cứ nơi tâm. Thể của thịt nhân ì hại mạng, ăn thì mắc tội. Tánh của rượu chẳng tổn, lỗi do làm mờ tinh thần, ở chỗ khác sinh lỗi, lỗi sinh do rượu, cấm rượu thì trừ lỗi, cho nên ngăn chế khác nhau chẳng phải gọi là thể của rượu là lỗi.

Chiếu rằng: Tội có già tánh, thể rượu sinh tội, nay có người chịu rượu có thể uống không say lại không mê mờ tinh thần, cũng không sinh tội, người này uống rượu lẽ ra không mắc tội, đây thể uống mà không lỗi, không thể vời lấy tội lỗi, sao lại cấm đoán rượu để thành giới tốt? Có thể cho là uống mà chịu được rượu thường gọi là trì giới uống ít liền say người này tội lớn.

Tâu rằng: Chế lỗi ngăn quấy vốn là sinh thiện giới là chánh thiện khẩu không trái. Trong duyên dừng dứt, cả hai già tánh đều cấm gọi là giới lành. Nay người chịu rượu đã không loạn tinh thần không phá các giới khác, thật lý thì chẳng phải tội, chánh là do uống mà sinh tội, ngoài rượu trái ngăn, trong duyên giáo sinh phạm vẫn gọi là có tội, do trái không uống vẫn chẳng phải trì giới.

Chiếu rằng: Đại sĩ mến đạo bởi do khéo hiểu, bậc chí nhân cao đạt quý ở chỗ không chấp, dụng tâm và pháp tánh đồng rộng rãi, buông ý cùng hư không đồng lượng, vạn vật đều là thiện, tốt xấu đâu có chẳng là đạo này, là ngồi trong rượu nằm trong thịt đâu thể có tội, mang vợ ẵm con đi đâu nói là sinh lỗi. Cho nên khiến Thái tử lấy vợ mà đắc đạo, Chu Đà bỏ vợ mà trầm luân, Tịnh Danh ở thế tục mà hiểu biết cao sâu Thân Tử xuất gia mà ngu chấp, vì vậy người thiện chưa thể thành thiện, kẻ ác đâu chắc nói là xấu. Cấm rượu dứt thịt là sai trái với đại đạo.

Tâu rằng: Rồng cọp dùng vây nanh làm công năng, chim khỉ lấy bay liệng làm tay. Quân tử lấy giải hạnh làm đạo, hiền triết lấy chân thật để thành đức. Cho nên khiến trong ngoài xứng gởi, đạo tục cao thượng. Nếu chỉ có giải mà không hạnh thì đồng giếng cát chẳng thấm ướt, chuyên dối mà không thật thì tợ như hư không có mây mà chẳng mưa. Do đây thợ đúc muôn vật lấy giấy mực làm chánh, người ngự thiên hạ lấy pháp lý làm gốc cho nên có thể khéo ngăn mầm tà ngăn xét gian cứu. Cho nên một hạnh lỗi đau như cắt thịt, một lời lành trọng như ngàn vàng. Nếu khiến tâm căn diệu giải thì ở ác là thiện, thần trí sáng suốt thì chỗ tội thành phước cũng có thể dời quan thể chất hèn ở nơi trách nhiệm quan trọng, xoay Thánh cực tôn để ở chỗ quan thấp hèn, đây thì vua quan tạo loạn trên dưới đảo lộn, tức là việc không thể có được. Xưa nay chưa có, sao lại khác lời bàn trung hiếu mà thân thường phản nghịch, nói lòng từ bỏ hình mà thường sát sinh trộm vật miệng nói rảnh rỗi trăm nghề mà gặp việc không làm được, nói thông muôn dặm mà chân không ra khỏi cửa đây đều là tình tha thiết sự quá đáng, dối cao không dùng. Do đây tài có cao lớn mà không dùng, lý có nhỏ mà vừa vặn, chấp đây là đạo thật là khó tin.

Chiếu rằng: Người chấp tình chưa thể nói đạo, kẻ trí nhỏ khó nói chân với họ. Do đây cá ở giếng ao đâu biết được sự sâu rộng của biển Đông, chim Yến chim Sẻ liệng nơi hàng rào làm sao ham muốn chỗ bay xa của chim Bằng chim Phụng, đây đều vốn nhỏ cho trái đường lớn, chấp văn để hại đường thông. Nếu cho ngã ngã ở nơi vật thì không vật nào chẳng phải ngã, cho vật vật ở ngã không ngã nào chẳng phải vật, ngã đã chẳng khác vật, vật lại đâu khác với ngã, cả hai ngã vật đều mất, tự tha đồng nhất, tâm trống thì vật đều đồng, ra công thì chẳng việc nào không xong.

Tâu rằng: Kính nương Thánh chỉ danh nghĩa sâu rộng nguồn tông bao la, cứu xét chớ do, sự đồng dòm trời, ai so lường chỗ rộng kia, lại đồng lường biển cả đâu biết được chỗ sâu kia.

Nếu cho là nhỏ với lớn thì không lớn nào mà chẳng nhỏ.

Cho là lớn đối với nhỏ thì không nhỏ nào chẳng lớn.

Lớn không đâu chẳng nhỏ thì mảy may chẳng phải nhỏ.

Nhỏ không đâu không lớn thì Thái sơn chẳng phải lớn lớn.

Cho nên khiến lớn lớn chẳng phải lớn nhỏ, nhỏ nhỏ chẳng phải nhỏ lớn.

Đây thì nhỏ lớn khác với đồng, lớn nhỏ đồng với khác, không có khác đồng của lớn nhỏ đâu có đồng và khác của nhỏ lớn.

Mới biết chẳng phải khác có thể khác đồng, đâu có đồng có thể đồng khác, không có đồng có thể đồng khác, chẳng có khác với đồng.

Không khác có thể khác đồng, không đồng và khác.

Đây cho nên không đồng mà đồng chẳng đồng, không khác mà khác chẳng khác.

Há đồng khác mà có thể khác và đồng. Chẳng có khác đồng mà có thể đồng khác. Vua bèn không đáp vì vậy quân thần vắng lặng không nói rất lâu.

Chiếu bèn hỏi: Khanh sao lãnh đạm bèn muốn tan có quy về không, chớ lo bàn không đến nơi bèn dứt sự biện trong sáng.

Tâu rằng: Người xưa ngay lời nói mà sợ, phát ra lời mà lo, do đó xưa có vua không nói, đời truyền kẻ sĩ quên công, cho nên dứt lời tiêu biểu biết chẳng phải là không thích.

Chiếu rằng: “Chí nhân không làm mà chưa hề không làm, người trí không nói mà chưa từng không nói. Cũng có chim Oanh vũ nói mà không dùng, chim Phụng hoàng không nói mà thành tựu phép tắc, cây có không mặc tình được còn, chim có không mà kêu đến chết. Khanh nay lấy bỏ như là tự thích”. Lại nói rằng: “Kẻ sĩ có một lời mà biết

người, có mắt thấy mà đạo còn, cũng có thấy sắc xét tình, lại có nghe nói biện đức. Trẫm cùng khanh nói đã lâu rồi, mà ở trong ấy ý thú đâu không lược nêu, khanh có thể vì Trẫm ghi lại những lời đã nêu bày khiến cho mọi người biết được ý Trẫm, đây là giúp Trẫm vậy đâu xấu hổ trung thành.

Lâm tôi đem Phật pháp bị chìm lấp, liều chết bày ra. Vua tình so lường chấp, không theo chỗ nói, biện luận tuy rõ nhưng chẳng phải bổn ý. Nương Trường An bỏ giáo, sau lập riêng Thông Đạo Quán, trong ấy chỉ học về Lão và Trang, ưa lập dối bàn bày chung ba giáo, mong nhân nghĩa thế càng sáng bộ Thích bèn nêu. Sa-môn nghĩa học ở thành Nghiệp có mười vị đều là bậc thông minh sáng suốt, xin dự Thông Đạo Quán, vua xem biểu bèn nói: Khanh vào Thông Đạo Quán học rất tốt, đều có chí luận giúp mình rất là lợi ích". Bèn bày yến tiệc, ăn xong nói: "Khanh hãy lo hành trang vào cửa trước mọi người". Ngày mồng một tháng năm đến điện Diên Thọ ở Trường An ra mắt, ngày hai mươi bốn vua đến cung Vân Dương. Ngày mồng một tháng sáu vua băng hà, Thiên Nguyên lên trá ở Đồng Châu, đến ngày mười ba tháng chín Trường Tông Bá Kỳ Công tâu xong vua hứa rằng: "Lý Phật rộng lớn, đạo tột sự sâu xa, hưng thí có thì pháp cần nghiên cứu" như đây thường tâu e có khảo xét sai nên tâu rằng: Thần vốn nêu việc chỉ là hưng khởi pháp, thường xin hết lòng chỉ mong sớm thực hành. Nay Thánh thượng có thể bàn với nha quan tấu quyết, trên dưới hòa hợp định không khác đường, một ngày nào đó ban hành thiên hạ mừng khen, thần đâu dám nói."

Đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Đại Thành năm đầu mới ra chiếu rằng: Rộng dựng lập tông phong nhập môn, Tam bảo tôn quý, đặc biệt nên tu kính, pháp hóa rộng lớn, lý đáng quy sùng. Trong số Sa-môn người đức hạnh thanh cao có bảy người. Ở điện Chánh Võ đặt đường đi ở Tây An ngày hai mươi sáu tháng hai đổi niên hiệu thành Đại Tượng, lại ra lịnh: "Phật pháp rộng lớn ngàn xưa đều tôn sùng, đâu có chìm ẩn bỏ mà không làm, từ nay về sau Vương Công trở xuống và đến thứ dân đều nên tu thờ, phải biết ý Trẫm". Tức ở ngày kia điện nghiêm tôn tượng đủ đồ tu cúng thì thành cung kính. Bấy giờ hai chúng của đạo Phật đều chọn một vị Đại đức khiến lên tòa pháp khen ngợi kinh sách nhiệm mầu bèn khiến người có tâm không sợ sệt, xen nhau tuyên bày lý Phật tràn trề sâu thẳm chớ suy lường, đạo tông phiêu bạt sạch cạn có thể biết. Vấp váp trong tòa Vương Công than thở.

Đến ngày hai mươi tám tháng tư hạ chiếu rằng: Nghĩa Phật sâu

xa, thần nương mở rộng, hẳn mở rộng hóa nghi thông tu hành, người sùng phụng nương kinh tự nghiệm kẻ theo đạo chớ cần cắt tóc hủy hình để trái đại đạo có thể giữ râu tóc sửa y phục để tiến lên cao. Nay chọn trong cựu Sa-môn người ý đức trinh khiết học nghiệp sâu rộng tiếng tăm rực rỡ, đáng khen ngợi gồm một trăm hai mươi người, ở chùa Trắc Hổ vì nước hành đạo, sẽ cúng dường bốn thứ cần dùng không thiếu". Dân kia nghe thiền tụng một người cũng không nghi. Chỉ ở Kinh đô và Lạc Dương đều lập một chùa còn các châu quận khác vẫn chưa nhận chung.

Ngày hai mươi tám tháng năm niên hiệu Đại Tượng năm đầu nhà Chu, Pháp sư Nhâm Đạo Lâm ở nhà Vệ Đạo Kiền tại Đồng Châu thuật lại việc kia trình lên vua. Nội sử bái công Vu Văn Trạch đích thân xem, tiểu nội sử lâm kinh công Vu Văn Hoằng mở đọc, chưởng lễ Thượng sĩ nhờ phân biệt hạnh cung kính, còn tầm đô Thượng sĩ thí quát mắng thần xét lại.

Thiên Nguyên nhà Chu có lập người dâng sự đối chất với Vệ Nguyên Tung.

Ngày hai mươi bảy tháng hai niên hiệu Đại Tượng năm đầu, Vương Minh Quảng đáp việc Vệ Nguyên Tung tâu phá Phật pháp.

Ở thành Nghiệp cũ, thời Triệu Võ đế có đệ tử Vương Minh Quảng cháu của Phật Đồ Trừng tại chùa Bạch Mã thành thật e sợ tử tội dâng thơ.

Quảng nói: Vì ngụy tạo nhân Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An tại Châu Ích đã chon biện Thiên Dật Ức là che giấu lỗi, xin bỏ tượng Phật hoại diệt pháp Tăng. Đây chính là lời mê hoặc tâu lên Tiên chúa khó sáng rõ. Đại quốc tin lời can ngăn không nhận, khắp trời riêng bàn, triệu dân trông mong thật thay bất tiện, đâu hơn cái nhiều này. Quảng tôi học chẳng phải từ nhỏ thông minh, tài khước từ sinh hiểu biết, thường xem lời nhất chí hay đọc luận đa phương, tham hỏi trăm họ, lại xét sáu kinh, khảo nghiệm lời của Tung hoàn toàn không phù hợp. Than ôi! Phật pháp tồn tại đã lâu, chỗ buồn ngày nay chê bai gặp lăng trì, nịnh nọt để tạm khỏi thân mình là giặc của nước nhà, nói thẳng không tránh dầu tội chết là phước của nước nhà, kính nhờ nghĩa đây dám chết đầu thành, kiện đối Nguyên Tung sáu điều như sau:

Cúi xin Thiên Nguyên Hoàng đế mở bốn minh hiểu bốn thông, tạm giáng oai trời gạn quầy nỗi lo của Thánh một phen rũ lòng cho xem, khoa ân phạt phục đợi hình hiến, kính tấu.

Thần là Minh Quảng kính đối: Thi nói rằng: Không đức không

báo, không nói không đáp, tuy tầm thường ngu dốt mà nghe các bậc tiên đạt chí đạo tuyệt tâm lự, Đại đức vượt ngoài danh tiếng, quân tử không ngoài lời phù phiếm, chư Phật vì hết lòng luận, bỏ mê phá chấp, mở đường dẫn dắt chúng sinh, trời người kính thầy vồn đã lâu rồi. Khéo nói giáo dạy vật, phàm thánh quy về lòng nhân, cam lồ cỏ lan chi ai thấy đức, dầu khiến Nghiêu xưng chí đạo, không thấy mộng vàng bình dương, Thuấn gọi là vô vi, còn cách điềm sáng Bồ Phản, thương thay!

Luống sinh dễ chết, chánh pháp khó nghe, gió thuần thắng rất trái, lời dua nịnh khó dùng. Nếu khiến Tề Lương ngồi hưng Phật pháp ngôi vua không thạnh, Đường Ngu đâu bị nghiệp ở Tăng phường, Hoàng tông tuyệt tự, người đói sắc rau. Nếu nghe sử Lương nổi trời, nước hại đến từ Nghiêu Niên, toàn đạo cần gì là cõi Đường Ngu, dân hoại đâu chỉ cõi Tề Lương. Còn như nghĩa thực hành, nước dồi dào, điện báo là khởi chẳng nhọc, lễ bỏ cùng năm, chỗ bậc đất đó là khỏi, cho nên Truyền Nghị nói rằng: Người đời khen đẹp, Thần nông chính thân cây, Nghiêu Thuấn ở nhà tranh, bởi nói thời đại suy chẳng phải đạo Tiên vương. Tề Lương xây tháp tự mở nhân phước đức, đâu trách sự giúp đỡ của giao báo, cho nên Tăng Tử nói: “Điều tốt của người phước tuy chưa đến nhưng cách họa đã xa”. Bao Phốc Tử nói: “Hiền không hẳn là thọ, ngu không hẳn là chết, lành không gần phước, ác không giao họa”, đâu trách đây gần chứng nghiệm mà xa bỏ dấu hiệu lớn ư? Xưa nay đổi dời chất văn thay đổi, trị nước tề tục nghĩa quý hợp thời, thương sợ phong thắng của Đường Ngu, nói phải không riêng phải, mạt pháp của Tề Lương nói trái không riêng trái.

Trần Minh Quảng lại đối: Thi rằng: Có bậc giác ngộ đức hạnh, bốn nước thuận theo, tạo hóa tự nhiên đâu quan hệ đến việc người, sáu trời khuyến thỉnh muôn nước quy y, bảy chỗ tám hội nhà nào lường, đâu chỉ chùa ngàn Tăng. Không có đại hiền ai lại kính như vậy? Không có đại thánh ai lại đến như kia? Kinh Niết-bàn chép: Không đoạt tài vật người, thường bố thí ân huệ cho tất cả, tạo Tăng phường chiêu đề thì sinh về nước Bất Động. Các kinh đã hiển ngăn sự có lý do, không hợp tâm Phật là sao xằng bậy. Chùa tên Bình Diên, Tung bèn vọng bàn Phật lập già-lam sao gọi là khúc kiến, đây là so lường lỗi chia và đoạt trái nghi, chấp hạnh đâu khác đánh trống mà cười cửa sấm, đối thiên đình mà khoe hang kiến. Khuyên lấy chồng vợ làm Thánh chúng, buông lung hôn dâm. Nói quốc chủ là Như Lai mong tôn sùng nói dua nịnh, người can ngăn trong sạch như đây hay khác? Sao riêng Ngụy đến đó tìm Giao Sủng khuyên vua Sở đoạt vợ của con Tể cầu lợi gần vì vua

Ngô giải mộng bạc phơ, tâm biết không thuận, miệng nói lời tốt, kia tin lời tà do đây mất nước, Nguyên Tung quyết là tội lỗi. Tăng bị quan xua đuổi, giận dữ, xấu hổ, nhục báng chỉ do đó mà sinh, che ở phá chùa sợ lý không bày, quạt động tâm vua gọi tôn là Phật, riêng lấy ý một người chôn chìm ruộng Tam bảo. Phàm trăm nghe biết ai không than tiếc. Có Phật pháp đến lâu xa không bờ mé, trời ở đất dừng chỗ tôn sùng, tiên đế hậu vương ai không trọng, đâu riêng cõi này mà chê bai? Xưa Hạ Hòa vây khốn Sở Khổng Tử bày nguy, ngày nay nghĩ xưa sợ vời lấy sự chê cười.

Thần Minh Quảng lại thưa: Phật là cha lành là điều ngự của người trời, ba thời đều lành, lợi an tất cả, tự ẩn thần ở song thọ đất động mười phương. Tóc trao cho Tứ thiên vương, thân chia cho tám nước. Kinh Niết-bàn nói: Tạo tượng hoặc tháp Phật dụ như ngón tay cái, thường sinh tâm hoan hỷ thì sinh về cõi Bất Động". Rõ biết hầu cha thờ Thầy tự mở sách xưa, buộc tu phát khởi dẫn giáo, thành luân rất có thể. Vệ Tung hoành thêm phi nạn, vào nhà không lễ đâu hơn không nói? Xưa Đường Nghiêu thì trị trời, trời khỏi tai nước, Chu lễ thẳng tông miếu, miếu không sức giáng mưa, như cho là tháp không giao phước dùng họa thì quy về, cũng có thể miếu trời luống cầu lệ nên dừng bỏ. Nếu dùng lễ suy minh vận thì thức ăn miếu trời cũng có thể thường cùng mạng há nhà tháp mà cứu được, dù cho phí công rút ngắn đất. Lỗ Tử về trời, người không ngại quyết chết, đâu tiếp tục mạng mình thôi, mạng mà không định, phước cũng có thể sắp xếp, nghĩa khác hướng bàn quyết cần lòng từ giúp đỡ, còn như khắp tượng lành, bệnh hủi trược quy y đó được lành, tinh xá Kỳ Hoàn người bình phục hoạn chết, cứu khổ đuổi tai ương việc nhiều chẳng phải mộc lại đáp các nạn không có rộng bàn. Nếu đạo không riêng khắp, đức không đâu không tồn tại, ngàn đường một đầu mối, đâu chỉ nội tâm, nếu Châu Gia xây dựng bảo tháp, trăm quỷ giúp để ngày thành công, chim tước khởi phù đồ, Tứ thiên vương giúp sức ban đêm, lớn lao thay! Cảm trời đất động quỷ thần. Ngoài tu không phước là nói sao? Đây như thời khóa nghèo ức làm dân đều nhọc nhằn, nghĩa ra ngoài bao dung có thể bố thí quên mệt nhọc, nếu quyết nguyên do chùa tháp làm bại nước và dân, nay đã bỏ Tăng. Nghèo lẽ ra phải giàu, tần tiện khốn khổ ở thành thị lại hơn năm xưa, có thể do Phật. Quỷ chẳng như kính gọi đó là dua nịnh, lạy cầu cây sả đâu cảm rất nhiều. Nếu nói cây xả là chỗ nương của quỷ giúp phụng thờ mà chẳng lỗi, cũng có thể điện tháp là chỗ Phật ở tu tập nên tạo dựng quyết ứng như pháp. Nếu nói Phật ở hư không chẳng ở bùn cây, thì lẽ ra quỷ thần

cũng ở chỗ tối vắng, há lại ở trong cây?

Phàm thuận lý giúp vật, Thánh giáo rất hiện quán chẳng phải nghĩa lợi ích, kinh nói không chấp nhận rất có cung trời tháp Phật suốt làm cầu, làm bức tường che. Tượng thêu, cờ phướn, kinh, dùng y phục máu mủ, thiên hạ ngày ngày đói nghèo, trăm họ mỗi năm thêm tiều tụy. Quỷ thần, tiểu thánh còn đều rất dối, chư Phật đại linh đâu cho gá phụ.

Thơ nói rằng: Trời cao không lớn hơn đức kia, giáng tán đói khát là nghĩa này. Lại riêng đến thay công thần, kiện tướng thời nay, chiến tranh qua ổn định, hơi thở trong sạch phương xa, sống bèn riêng thọ công huân vinh hiển, cửa châu nhà tía, chết thì nhiều khiến dân phu cây miếu khởi mộ xét chết sát sinh. Sùng hư tổn thật, có nhọc mà không lợi ích, ban đầu chưa hợp lời, huống chi Thích-ca Như Lai đạo giúp tam thiên, hóa thạnh trăm ức, nhìn trước không ngại trông sau ai hơn, có thể bậc thầy của ngoại đạo, khéo phục bè đảng thiên ma, không dùng tấc binh chẳng nhọc thước đao, năm quang chiếu khắp không khổ nào chẳng tiêu. Bốn biện hoành lưu tha thứ mong an vui, làm tướng làm thầy danh cao ngôi lớn, chùa còn miếu lập nghĩa có ngại gì? Rồng đất không thể làm ra mưa còn được tôn thờ để cầu phước, Phật bùn dù cho không nói nhưng kính trọng đâu được không chứng nghiệm điềm lành. Xưa Mã Khanh mến mộ Khổng Phụ Mộng Chu cho nên trọng người xưa, kính vâng đức cũ. Huống chi chư Phật ba đời phong hóa lý đồng, đến nỗi khiến Di-lặc mới hưng khởi không nên bỏ ngang di pháp của Đức Thích-ca.

Thần Minh Quảng lại đối: Nay Tăng giàu vô hạnh theo thời khóa có lý, tăng nghèo có đức đoạt chùa không có tội. Còn như Quản Thái không làm quan, chưa thể Cơ Tông đều chết, bói toán bàn bạc, keo kiệt bủn xỉn đâu thể bọn Khổng liền chê. Bắt ngựa non nhỏ, trước bỏ ngựa loạn bầy, thả trâu lớn do mến trâu hộ bầy. Trang Tử nói: “Đạo không ở đâu chẳng tồn tại, người khế hợp thì không đến vừa được nhờ vậy. Người chưa hợp chí đạo chỉ đây mà thôi”. Còn như Đức Thích-ca, Chu Khổng, Nghiêu, Thuấn, Lão, Trang phát khởi đầu mối tuy khác mà tông quy về một. Đâu được kết dây đời riêng xứng chính trị, Tăng cạo tóc gọi riêng là quyền đạo, tình cuộc chấp rất lắm, giải giúp vật đâu lạ.

Lão Tử nói: “Người bậc thượng nghe đạo siêng thực hành. Người bậc trung nghe đạo hoặc còn hoặc mất, người bậc hạ nghe đạo cười lớn rồi bỏ đi”. Nguyên Tung đã là bậc hạ của Phật pháp, trộm hình pháp phục không biết gai hay vật báu, lầm lượng và vật báu, xấu hổ lời xuất ra từ miệng dối, không tôn quý nơi đầu bút. Nếu khiến đất của Tây thiếu

có người vật, sách không vậy ai chịu tin? Quảng tôi thường thấy khác trốn núi vượt biển, dân đông di Bắc địch, xưa mộ lành mà đến, nay do phá pháp mà lưu tán, có thể gọi là ham lợi không mến sĩ dân thì có lỗi lìa mất. Nhưng tiền tài hàng hóa nước ngoài chưa nghe thì không dùng, sư nước ngoài dạy riêng thấy không thờ. Thiên hạ quái lạ mong việc ở đây. Quảng tôi đã chí thành ở niệm trung tín làm tâm, lý tự có thể nói sớm mong tấu bày, nhưng trước vua giải bày riêng có thể dùng lời của Tung, đã theo nạn truy đuổi nên việc không can ngăn, ba năm đã lâu, ba lần suy nghĩ bèn nói, có một điều có thể theo xin tìm sự sửa đổi.

Thần, Minh Quảng lại đối: Trộm lấy núi bao cỏ lan ngãi, biển giấu rồng rắn, tốt xấu tạp loạn, hiền ngu lộn chỗ. Nếu rồng rắn đều yêu mến thì không có riêng phải quấy. Nếu cỏ lan cỏ ngải đều khuất thì ai rõ được mất. Nếu quyết giữ gìn có đức lựa bỏ kẻ chẳng ra gì, một là có thấm nhuần gia phong, hai là không mê hoặc chúng sinh, ba thì trời không chê bai dối thiện, bốn thì dân đức quy đầy. Đại Chu của ta ứng thời kỳ ngàn năm, ngay ngôi muôn nền, thuật lễ rõ nhạc hợp đất bình trời, võ anh liệt văn sáng, giúp chân rõ tục. Tăng hiền, đồ của nước, không tệ binh họ Diêu. Thánh chúng quy về đâu riêng trộm Quy Tư? Hoặc có từ bi ngoài tiếp thông, nói về bên trong khai phát ghe Đại thừa cho thứ dân, hoặc có Thiền lâm cụp cánh nước định dạo vẫy, cố giữ phao nổi, kiên trì giáp nhẫn, hoặc có sửa hình đổi áo tạm khác người thường, dâm buông lung không đầu mối lại đồng với kẻ tục ngu.

Nguyên Tung xin chọn sai đúng có lý, phàm trời đất chí công cũng có khi động tịnh, mặt trời mặt trăng kéo ra rút lại cũng có lúc dài lúc ngắn. Nay người học Trang Lão ở nhân gian ít gặp, dù cho hợp nước chung làm cũng trái cách thức là tội, đâu cho được biết hiện thấy khi người nhận thực hành Nho giáo, khắc hình lại bể chạm việc nhiều sai trái. Sách Lễ nói: "Đồ ăn khô không ăn, chưa thấy cho thịt mà xin rau. Rượu đầy không uống, chưa thấy chén đầy mà không khuyên". Lễ tột uống không quá ba chén, chưa thấy rượu ngon mà không say. Thiên tử không hợp vi, chư hầu không khép bầy, thứ dân không trứng hươu. Quảng đã thiếu nhiễm môn huyền, không rảnh việc che vi, mở mắt nhìn hết dân trứng hươu. Lại nói rằng: Sao kia không hợp lễ không bỏ áo Nho ư? Phàm hóa do đạo, hợp chính sách để lễ thành, vinh nhục chỗ chỉ bày quân tử, hình phạt chỉ bày ngự chế tiểu nhân, loại pháp cày ruộng, lúa cỏ phải phân biệt rõ, cưa cành chặt nhánh đâu phải là tận gốc.

Thần, Minh Quảng lại thưa: Nghĩa tôi trung con hiếu có nhiều đường, đâu thể trọn cây cấy tô đinh là trên hết. Sách Lễ nói: "Tiểu hiếu

dùng sức, trung hiếu dùng nhọc, đại hiếu là không thiếu". Sa-môn là người hiếu trên thuận chư Phật, giữa báo bốn ân, dưới vì hàm thức, ba món không thiếu là đại hiếu thứ nhất, cho nên sách Thi nói: "Quân tử vui sướng kính thuận, cầu phước không lời đáp". Nếu quyết sáu kinh không dùng, ngược chữ tín nói lời phù phiếm, chánh đạo bỏ thiếu, trộm là không nguyện cầu. Nếu chính thờ cha là dùng sức là chỉ xứng, với tiểu hiếu, tô đinh (thuế) dâng vua là dân tầm thường bố thí Tăng, cung kính tượng đều hợp lý, do Tung trước, sau mâu thuẫn tự ngăn ngại, trên nói mạn người, kính đá gọi là si tăng, kính tượng lại thành ngu tục, yêu vợ thương con súc sinh cũng hiểu, thường ôm lòng khắc niệm đâu phải chỗ hẹp hòi?

Hiếu Kinh nói: "Thân thể, tóc, da nhận của cha mẹ, không dám hủy bỏ, là đầu của hiếu. Lập thân hành đạo nêu danh ở đời sau để hiển danh cha mẹ là trọn vẹn của hiếu". Nếu nói Sa-môn xuất gia liền chê là trái đạo thờ cha, cũng có thể hiểu việc tham học Khổng Khâu là con bất hiếu. Do đạo dẫn phát nhau nghe kinh sách Thánh, buộc tu hợp lễ Tăng có lỗi gì? Lão Tử nói: "Bốn tượng không vận hành, đại tượng không do đâu mở mang. Năm âm không nghe, đại thinh không do đâu tột cùng". Nếu muốn diệt hẳn Nhị thừa cũng sẽ Đại thừa không mở mang. Nguyên Tung nếu chí rõ xuất gia không hối hận, chí hoặc không rõ, cần gì là đúng? Xưa Đình Công vào Hán, trước mắc cái chết nhỏ nhất, Mã Mẫu phản Khương tự vời lấy cái chết chìm nước, đây là nghiệm sư bại nước, không tín nhậm trung thần. Vợ trốn chồng mất hẳn tiếng trinh thục. Tung vốn quy y Thích-ca có thể nói là điều lành ban đầu, nhàm đạo về tục, chẳng khiến trọn vẹn, cùng người nữ vua yêu dấu loạn thần kế tướng đâu khác.

Trời không chứa ác, lâu gì toàn thân. Trái chân hướng tục là phản bội đâu sai. Xin người chọn Tăng lập chùa, rộng nghe vàng ngọc châu báu ở người cùng quý, huyền Nho nghĩa khác xa gần đồng vâng theo. Há do Khổng sinh ở nước mình liền muốn sư theo, Phật ở nước xa nên có tâm tổn bỏ, không kể nơi việc liền bày ngu dốt. Lý phải quấy không dám tự chuyên. Xưa lời thệ Khổng Khâu miếu làm phép tắc ngàn năm, lời Thích-ca xưa chùa là tháp linh của muôn đời, muốn khiến thấy hình khắc niệm, nhìn tượng quy tâm, kính Sư trung chúa nghĩa kia có một. Còn như Đinh Lan Thúc Đới hiếu thờ hình mẹ bằng gỗ, Vô Tận Ý cởi chuỗi anh lạc dâng tháp Phật Đa Bảo, mờ tìm rộng xưa, tưởng xa sạch trần, đã gieo thành rừng đối với lý không vượt. Lại xét kinh Lễ thì Thiên tử bảy miếu, chư hầu năm miếu, đại phu, khanh sĩ đều có giai cấp, cho

nên trời gọi là thần, tế trời ở gò tròn. Đất gọi là kỳ, tế đất ở đầm vuông. Người gọi là quỷ cúng tế ở tông miếu. Rồng quỷ nhọc làm mưa, bò súc có sức kéo cày. Còn đều lập hình thôn ấp cây tượng cửa thành đâu sánh với Đại sư trên trời dưới đất nơi ba cõi, với cha lành của bốn loài ở cõi đây cõi kia, oai đức trăm ức chỗ tôn sùng, phong hóa làm phép tắc cho muôn linh, cho nên người lành hồi hướng như các dòng quay về biển cả, đại quang nhiếp thọ các ngôi, sao là bạn của mặt trời, mặt trăng.

Từ mặt trăng sót bóng đâu đợi tro thân, xá-lợi khắp lưu, Kỳ Hoàn bèn xây dựng, cả hiền đến thánh nương đây mà phúc lớn, hoặc tôn hoặc quý nhờ đây được an, bỗng khiến bảy tầng chín lớp đổ khám sụp nhà, bốn cửa lớn tám cửa sổ có thể chung ở thất đạo. Không khiến mà trị, hình giáo tùy thời tổn ích, chí lý không nói mà được, kinh tượng tự có thể khiến làm, bậc nhân sĩ thông đạt tùy nơi hiển dụng. Nhờ chân rõ tục khi Thánh cảm ứng, như đãi Thái Công làm khanh tướng ngàn năm không có Thái Công, muốn được La-thập làm Thầy muôn đời không có La-thập. Pháp không tự hiển hoằng pháp do người, há khiến Đại Chu pháp luân diệt hẳn.

Thánh Thượng là điều ngự của mọi người, chín đức tự sáng, lý cong chớ lập bày, lời thẳng quyết dùng. Xưa Tần Thỉ Hoàng đào mộ Khổng Khâu, họa suốt ba ngày. Ngụy Thái Võ diệt Tăng-già-lam tai họa khởi bảy năm, thuyết của Thôi Hạo có thể biết, lời của Vệ Tung khó dùng. Người có lòng nhân không tổn lợi mình và người, kẻ trí không ưa họa mời danh, Nguyên Tung trời tán không nhờ, nhưng một khi bỏ thân người sẽ chỗ nào? Rộng biết tạ ơn lời chuẩn mực lần tin chánh, đây như không đối sợ tổn thương các điều lành, tha thứ lỗi người là hạnh dày, luôn nhớ đức người là trí của lòng nhân. Nay Tăng tốt xấu giả có một nửa chẳng lẽ đuổi hết không giữ lại hay sao? Khắp trời thất vọng, cả đất thở than, ngu tôi cho là đường này chưa sáng, Đức Chu là đâu?

Kính Nho sĩ để nói lên tôn trọng, chê Thích Tử để vui ý kia, chê vàng quý đá nào có khác gì? Kể ra vương đạo mênh mông há lý nên như vậy. Đất nhờ nước mà bằng, cây nhờ giấy mực mà thẳng. Minh quân nhận lời can ngăn không trái, kẻ đạt sĩ ưa nghe lỗi mình, người trí không giận việc nhỏ, kẻ hạ ngu thấy được liền bày, người có lòng nhân không dứt điều lành nhỏ, ruộng Tam bảo liền lập. Trời không đâu chẳng che, đất chở rộng hơn núi, biển lớn nhận chỗ nào không dung.

Trong mười nhà quyết có trung tín, trong một nước đâu không có Tăng hiền, cúi xin Hoàng đế Thiên Nguyên nêu đức nạp hiền, chiêu vời anh tài, lựa chọn tuấn kiệt, bỏ phiền xét mỗi châu còn một chùa,

núi rừng hang đá che ở tùy chỗ. Người có xá-lợi thì cho xây tháp, bảng chùa kia tên trùng hưng khắp (chùa khiến vui, người trí tuệ kính mến để mở chí dẫn dắt). Vắng bạn dứt lời để cầu thông, trong ngoài gồm lợi ích, công tư đều không tổn, tức là đạo tục rất may mắn, huyền nho vui chí. Vua thạnh nhà Chu, nghiệp trọng trăm vua. Vua đại tượng sáng nơi bốn biển, trời cao tiếng vang xa, khinh nêu lời tầm thường, khí sợ hồn nổi dùng sống mạo chết, xin giáng oai sấm sét, rải xuống gió mưa. Kính tấu dâng vua.

Ngày hai mươi bảy tháng hai nhận lời, Hàn Trương Loan nhận thơ. Nội sử thượng đại phu quỳ đọc, Công Vu Văn Dịch, Nội sử đại phu Thác Bạt hành cung đồng hỏi Quảng rằng:

- Phật Đồ Trừng là người ba trăm năm trước, xem ông chẳng qua hơn ba mươi năm xưng là đệ tử thượng Thánh, há không lầm ư?

Quảng đáp kia hoặc kế tục nhà Chu dẫu trăm đời cũng có thể biết, tiên sư tuy đã ba trăm năm, luận thời gian chưa quá mười đời đâu đáng nghi ngờ.

Dịch nói: Nguyên Tung dâng thấy già-lam hại dân tổn nước, nay ông khuyên lập là có ý gì?

Quảng đáp: Kiệt, Trụ mất nước, kẻ sĩ nhà Ân quy về nhà Chu, mất nước tan nhà không phải do Phật pháp, trong ngoài sách vờ đạo tục văn đã rõ, từ xưa đến nay không thể dùng bỏ, nên đây xin lập.

Dịch lại hỏi: Vua Tề là Cao Vĩ há không lập Phật pháp: Một là lịch số có cùng, khai mở đã đến, thiên hạ chưa thấy nước không mất. Hai thì yêu mến và phạt không trung, quân tử ghét ở hạ lưu lại quy về nhà Chu chứ không do Phật pháp.

Dịch lại hỏi: Kinh là sách huyễn vọng của người Hồ sao được dẫn lời thật?

Quảng đáp: Ông cho kinh Phật là vọng, Quảng cũng cho giáo pháp Khổng là chẳng chân.

Dịch hỏi: Ông y cứ vào đâu mà xét lời Khổng dạy là không chân thật?

Quảng đáp: Trang Chu có hạnh Khổng Tử, xa xưa việc đồng, đã bày vật bỏ đi, do khiến trăm họ khen ngợi di phong kia, ngàn đời ngâm khen không dứt, tìm khắp các nhà hiền triết không thấy một người mà gọi Phật là huyễn vọng.

Dịch lại hỏi: Đinh Lan, Mộc Mẫu ông dẫn không giống. Vì sao? Vì người xưa vấp ngã mẹ gỗ, mẹ gỗ liền chảy máu. Cao Tổ phá chùa đến nay Phật bàn tượng đá đâu có cái nào chảy máu?

Quảng đáp: Xưa nhà Hạ lập chín cái đảnh để trấn chín châu, một châu không tịnh thì một đảnh vọt ra, chín châu không tịnh thì chín đảnh đều vọt. Xét thấy hai nước giao binh, bốn phương nhiễu động sao không thấy một đảnh nào vọt ra? Nay trước điện còn y xưa lập đảnh lại riêng trách bàn, cây, đá không chảy máu, liền lại dừng bỏ.

Ngày mồng một tháng ba ra lịnh cho ăn uống, dự ngồi ở cung Bắc, ăn xong xe giá ra về kinh.

Hoàng đế ra cửa Nam cung Bắc, cho các vị Thượng Thơ bái chào nhau, chào xong Nội sử Thác Bạt Hành Cung tuyên sắc chỉ: Mặt trời mặt trăng tuy sáng nhưng vẫn nhờ các ngôi sao giúp. Minh quân chí thánh cũng nhờ các hạ quan giúp đỡ. Trẫm nhờ có âm đức, các khanh đều hiến mưu trung rất đáng khen ngợi, văn thơ đã rộng mà chưa nghiên cứu kỹ, liền phải mở xem riêng có xem xét. Các khanh đều nên ưa trụ.

Đến ngày mồng tám tháng tư, Nội sử thượng đại phu Vũ Văn Dịch tuyên bố sắc chỉ: Phật giáo hưng khởi đến nay đã qua nhiều năm, luận chí lý kia thật tự khó rõ, nhưng do đời tạm trôi nổi không nương Phật dạy, đến nỗi khiến pháp thanh tịnh biến thành trược uế. Cao Tổ Võ Hoàng đế sở dĩ không lập chánh là như vậy. Nay trẫm để tâm vào chí đạo, suy nghĩ hoằng mở mang pháp lành, mới muốn lựa chọn làm cung tu lý. Nay hình không sửa đức hạnh vẫn còn. Quảng lập đạo tràng muốn thực hành pháp lành, Vương Công trở xuống đều nên biết.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 11

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 7)

Đời Đại Đường, trên lược bỏ tờ biểu Phật tăng do Thái Sử Linh Truyền Địch.

Đại Đường, bỏ lược xét bài châm Phật tăng của Sa-môn Thích Pháp Lâm.

Đại Đường, luận phá tà của Sa-môn Thích Pháp Lâm.

Quan Đại phu Thái Sử Linh Triều Tán Truyền Địch trên giản lược xét chùa tháp, bỏ tăng ni việc ấy có mười một điều.

Quan Truyền Địch nói: Thần nghe Hy Nông, Hiên Húc trị hợp với phong cách Lý Lão. (Phê rằng: Lời thi nói "Trên dùng phong giáo hóa dưới, dưới lại châm biếm trên", Lão Tử ở nhà Chu làm chức Thủ Thơ Tàng Sử, như qua bí thư ngày nay, vốn chẳng phải Thiên tử có phong hóa gì, khiến Hy Nông, Thượng đế cùng hợp trị). Nhà Ngu Hạ Thang Cơ chính trị phù hợp giáo lý Khổng Tử nhà Chu. (Phê rằng: Chu Công, Khổng Tử đều là quốc thần, trên thuật giáo của Ngu Hạ, dưới hóa độ dân kiêu bạt, cũng chẳng phải nhân vương tự làm giáo chủ, đâu khiến bốn vua nhà Ngu Hạ lại phù hợp với giáo của Chu Khổng ư?). Tuy thánh có trước sau mà đạo đức chẳng khác, vua có đổi thay mà thuật trị nước vẫn đồng.

Trộm nghe ông già tám mươi vỗ đất mà ca, đứa trẻ mười lăm gõ trống làm nhạc. Cày có thể nhường bờ, đi đường không nhặt của rơi, con hiếu đầy nhà, trung thần khắp nước. Nhưng quốc quân (vua) có nạn thì liều chết để đáp đền (Phê rằng: Cả nước đều là trung thần sao lại có nạn? Ruộng thường có bọn xấu khanh không nên khởi nghịch). Cha mẹ có bệnh thì trọn đời hầu hạ, đâu chẳng là bạn của Tăng Sâm, Mẫn Tử thứ lớp thành rừng. Mặc Địch cung kính bạn bè đến giúp đỡ (Phê rằng: Hai mươi chín đời chỉ có một Tăng Sâm, từ Hán Cao về trước chỉ suy tôn Mẫn Tử. Nói thành rừng là không thật, giúp đỡ nhau là dối, sự

quá sai), bèn cố giữ gìn đạo đức không ham muốn không tham cầu (Phê rằng: Châu Hồ Thúc Giả không thể giữ đạo, vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân chỉ có việc tham cầu). Sủng nhục như sợ chức tham dự đội ngũ triều đình (Phê rằng: Phạm Sùng, Nghệ Nghiêu chưa chịu như sợ. Họ Lý, Dương Hóa cũng ở triều). Trên đỉnh Kinh Sơn nương vịn rồng bay, họ Câu bên gò theo nhau cưỡi hạc, sứ của Diêu Trì Vương Mẫu đủ lễ đến chầu, thần của Bích Hải Vô Di đi ra mắt vua, cho nên như vậy ngay lúc ấy cùng vâng theo giáo pháp Lý Khổng, (Phê rằng: Hoàng đế nương rồng bay là ở đời ba Hoàng, Diêu Trì Vương Mẫu lại thời Chu Mục, tính ra lúc này Lý Lão chưa ra đời, Khổng Khâu không có tên, không nên lại vâng theo Lão giáo học tập sách Khổng Tử) mà không có đạo Phật (Phê rằng: Ông đã nói không có đạo Phật thì cũng không được có đạo Lão).

Từ thời Hán Minh đế nằm mộng thấy người vàng vào cung Truyền Nghị đối chiếu, nói là "Thần nước Hồ" (Phê rằng: Đời Châu không đến thì Truyền Nghị đâu biết có Phật, ông lại nói không là năm tội nghịch nặng, tai ương tự mang nhiều kiếp). Đời Hậu Hán chưa có người hiểu, nói dối quá lắm), đến đời Ngụy Tấn, Di, Lỗ người tin một phần (Phê rằng: Lễ, nhạc áo, mũ triều Tấn mới đủ, ông đã chê là Di Lỗ thì Trung Hạ là ai). Phù Dung nhờ Phật giúp mà khởi nghịch chạy trốn ở Giang Đông, Lữ Quang nhờ chinh phạt Hồ mà phản vua nên đứng trở ở Tây Thổ (Phê rằng: Người bấy giờ ghét Dung chê rằng "kết tụ", Lữ Quang chinh phạt trở về, chúa Phù Kiên chết bèn ở lại Giang Hữu xưng bá ở Kinh Châu, cũng chẳng phải trong tăng nghịch ở Tây Thổ). Đến đây về sau yêu Hồ thái bình phồn thịnh (Bài châm rằng: Từ bi đã huân ra ở mạt kiếp đời ác, có duyên được độ chính là đây) cắm hốt vào đai trong cửa lại nhận giới tà đinh cùn, trong sĩ học nhà Nho lại nói yêu Hồ phóng túng (châm rằng: Cắm hốt vào đai tuân phục nhẫn nhục, Nho sĩ quý lời bàn của miệng vàng). Khúc loại ốc ca nghe đó tán gốc hôi đồng chợ cá, mất thơm (Phê rằng: Bỏ tiếng ông ca, khen ông chợ cá nghe đó quyết biết lỗi mất gốc, đâu không mất hương, ngước mặt nhổ nước miếng lên trời, tự nhận cái nhục kia, lời đây tin càng gấp bội), lại rộng ở già-lam tráng lệ chẳng phải mộc (châm rằng: Tạo nghiệp sinh Thiên, gieo nhân thoát khổ), công thợ nhọc nhằn ngồi riêng chấp Hồ (châm rằng: Tranh vận thân tay nghi tượng Thánh tôn). Động hồng chung (chuông lớn) của Hoa hạ, nhóm Phiên tăng dối chúng (châm rằng: Gọi thần chuông Bá Thuần, kêu ba ngàn thánh chúng) động tai mắt dân mộc mạc, đòi hối lộ hàng hóa buôn bán (châm rằng: Cảm tai mắt của tín tâm, phát hối lộ hàng hóa của tham si), nữ công lấy lụa cắt làm phan dâm phối thợ kim

hoàn khéo tán bột mỗ xá-lợi (châm rằng: Nữ công lấy lụa làm phướn nối mạng, thợ khéo lấy vàng bạc xây tháp lúc chết). Lúa Lương, bún gạo dựng hội tăng ni, nhang, dầu, đèn cầy luống chiếu nhà thần Hồ (châm rằng: Lúa Lương, bún gạo, tranh bày hội ruộng phước, nhang, dầu, đèn cầy cầu soi nhà từ bi), bóc lột tiền dân, cắt xén chứa để của nước. Hồ mời các quan không hề có chút ngộ bởi đáng đau xót (Phê rằng: Hồ mời khế hợp xưa nay bỏ lục về chân, tôn kính đạo Phật không giống như tà kiến) cúi xin!

Bệ hạ định mở cửa trời, đóng lại ngôi báu mới, có chung với truân chiên muôn vật chăng? Lại nuôi dưỡng nhân dân, trải gió vô vi của Lý Lão mà dân tự hóa, chấp lễ ái kính của Khổng Khâu mà thiên hạ hiếu từ. Vả lại, kinh giáo của Phật vọng nói tội phước (châm rằng: Sở do nguyên giáo chỉ bày người dứt cửa ác, mở đường hạnh lành cõi người), quân dân trốn sưu dịch cạo tóc trốn trong đó, không thờ cha mẹ, chuyên làm mười điều ác (châm rằng: Bỏ ân ái mẹ cha, tu nhân phong mười điều lành, nhẫn trái nghịch nhỏ để thành thuận lớn), năm tháng không dứt, gian ngụy càng nhiều. Thần xem sách kinh thấy từ Bào Hy đến Hán Cao có hai mươi chín đời hơn bốn trăm vua, chỉ nghe cúng tế Thượng đế (Phê rằng: Vườn Khâu Nam Giao chẳng khỏi lỗi sát sinh, đâu bằng theo giới Phật bất sát là trước tiên, so sánh đúng sai đoán có thể biết). Quan trị, dân xét, chưa thấy chùa chiền tượng đồng làm an ổn đất nước, mời tà giáo Phật Hồ trở về Thiên Trúc (châm rằng: Duyên cảm thì khởi sự đều liền dứt, qua lại ứng vật, ẩn hiện tùy thời). Nếu là Sa-môn bỏ về quê nhà khiến bọn trốn học vui khắp, bọn chở thuê trốn sưu dịch thường mừng, hiến công sức chớ độ tiểu ngốc mà hằng tổn quốc gia (Phê rằng: Xưa Nghiêm Tử không lạy Thiên Tử, Triệu Nguyên Thúc từ biệt hẳn Tư Không, Điển Tạ khen kia tốt. Huống chi Sa-môn là ruộng phước xuất thế, họ Thích là bậc sĩ phu cao vượt, muốn lạy, xá chào, chỗ lý sâu đâu có thể được). Tự đủ trung thần bảo vệ tông miếu thì Đại Đường nhất định làm chủ tạo hóa, trăm họ vô sự làm dân Hy Hoàng (Phê rằng: Tạo hóa người đời không chở thuê, dân của Hy Hoàng ôm bụng đói mà nằm, thánh minh ở trên đâu tin lời Thôi Hạo Khương Vũ), thần thành thật kinh sợ (Phê rằng: Hết lòng thờ vua, nói mà tin, nghe tâu không thật tội có chỗ quay về, lừa dối thì quốc gia trọn phải chém đó, đâu phải kinh sợ và có thể xong?). Chỉ trên ích nước lợi dân việc có mười một điều như vậy, kính lời! (Phê rằng: Như ông tâu việc tổn nước hại dân không thể được).

Dâng luận trình bày lên Tần Vương

Sa-môn Pháp Lâm đồng trình bày: Lâm tôi nghe tình tha thiết, tiếng kia hẳn bi ai; lý chánh lời kia chắc thẳng. Vì thế cùng tử nghĩ suốt lời kia, nhọc người muốn ca ngợi việc kia. Ai trộm thấy cuối năm thiên hạ tán loạn, hai nghi nhơ nhuốc, bốn biển sục sôi, sóng cuộn bụi bay, ruộng gò bị thiêu đốt, năm ngựa bặt đường Phù Giang, bảy lớp có bài ca Bình lũy. Khi ụ lửa trên đồi báo động, hịch truyền xong chạy, cửa ải đóng, nhiều lừa bịp, điêu ngoa không dứt, tiêu loạn đạo đức, cùng tận vận số. Đầu gặp ky liễm, thây nhóm như cỏ rậm, máu chảy thành sông, người không tạm sống, vật cũng nhọc ở, kiện cáo không có nơi, từ đâu mà gởi hình hài, trăm họ khổ treo ngược muôn nước khốn đốn vì không có chúa, đâu mưu toan pháp luân bặt âm vang, tan nát chánh giáo. Thánh thượng khởi tâm thương xót thuận mạng trời cao bèn nêu cờ nghĩa bình định một cõi, lúc ấy kẻ đạo người tục mong nhờ tươi tốt vui vẻ. Vì thế gọi trời đất mà thông tám gió, thì âm dương điều hòa bốn mùa. Đất nước hòa, nêu nhân luân, công trùm cả trời, thần mâu lập cực, giáng mây mưa mà sinh ra lớn lên, mở mặt trời mặt trăng để chiếu soi, phát huy đó để tiếng rõ, dứt đó để văn vật, thấm nhuần rau cỏ, hóa hợp trùng cá, mới muốn lại thuật chín trù, lại mở năm giáo, khởi học của Thạch Cừ, bày phong cách của Tường Tự, xa thì nối tiếp Hiên Hy, gần thì giống Văn Cảnh, công nghiệp hằng thạnh không biết tay múa chân đạp.

Trộm thấy việc Truyền Dịch đã tâu, kia xem chưa khắp năm nội chia đổ, tìm đọc Thỉ Chu sáu tình phá nát. Than ôi! Lời tà mê hoặc chánh, biện ma ép ngặt chân, vẫn chưa đáng tâu các hạ ngu huống gì muốn dâng lên Can Thiên nghe. Nhưng Dịch chức vị ở thời muốn mọi người quên chỗ hiểu biết, sao cho không gần nhân tình không tội khởi ác? Nhưng văn của Dịch lời thô cạn, sự lý không rõ, nhục mẫu mực của Tiên vương, mưu tổn phép tắc nhân luân. Vì vậy, hễ người không nói thì thôi, nói quyết có trúng. Phu Tử nói: “Một lời hợp lý thì thiên hạ theo về, một việc trái thường thì vợ con trái phản”. Xem việc Dịch đã tâu bao gồm đại bộ kia, cùng ngọn ngành kia chính là dối mạo cung đình rất nhiều, hủy nhục bậc Thánh rất lắm. Như ý này của Dịch vốn muốn do đây tự mưu cầu tiến đạt (thăng quan) thật chưa thể ích nước lợi dân, cuối cùng là hoặc lộng triều đình và dân chúng.

Nhưng bệ hạ nên hợp trời thuận thời, nắm cơ đồ thiên hạ, dự tâm muôn nước, phải mừng một người, ra sức phò nguy cứu đời, bỏ công hung bạo yên tai nạn, vốn do oai che Tiên vương tiếng cao bên vua trước, lại giữ tâm với Tam bảo, gìn ý nơi ruộng phước sẵn là người xuất

gia đâu không cảm động đất trời? Nhưng do chúng tăng không thể vâng giữ giới hạnh, báo đáp ơn nước, bọn vô ý thức sai trái tạo tội đến đỗi khiến Truyền Dịch nêu lời ác này, què quặt đau lòng, bỏ thân không đất chôn. Nhưng tăng ni có tội cam chịu nhận cực hình, hận Địch khinh nhục bậc Thánh nói lời rất hại, rất sợ người tà kiến do đây làm lỗi.

Xét sách Xuân Thu, Lỗ Trang Công bảy năm bốn tháng hạ, sao trời không hiện, đêm sáng như ban ngày tức điềm ứng Phật xuất hiện ra đời. Nhưng Phật có hai thân chân ứng, hai trí quyền thật, ba minh tám giải, năm nhãn, sáu thông, thần nói “không thể nghĩ bàn; pháp là chỗ tâm hành diệt”, là đạo Phật. Chở chúng Thánh đến Nê-hoàn là năng lực của đạo Phật. Dẫn hạ phàm vượt biển khổ. Từ sau niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba đời Hán Minh Đế, vua nằm mộng thấy người vàng về sau, tượng giáo lưu hành đến đông lưu, điềm linh ứng chẳng phải một, chép đủ ở các sử nhà Hán nhà Ngụy, các sách Diêu, Thạch. Đến như ngài Đạo An khai sáng, ngài La-thập, ngài Đồ Trừng đều có hạnh cao hiểu sâu, danh tăng lúc bấy giờ đều được biết đến và tôn sùng quý trọng. Từ năm trăm đời trở lại, chùa tháp ở khắp chín châu, tăng ni đầy ba phủ, đều do vua bấy giờ kính tin, triều đình dân chúng quy tâm, tượng giáo hưng thạnh đến nay không dứt, đây là năng lực của nhân vương gánh vác.

Thế gian vua thần, cha con vẫn gọi là ân trạch khó đến, trời cao không đáp, huống chi Phật là cha lành xuất thế của (bốn loài) chúng sinh, lại là thầy thuốc của Thánh phàm, muốn đè cho thấp, lấy tội mà làm nhục cũng không thể được. Kính tìm trí Như Lai nêu ra tâm có, ba Hoàng đâu thể so sánh, sức trùm tạo hóa chẳng phải hai nghi chẳng thể cùng hàng. Xưa Cao Thái Tổ hỏi Khổng Khâu rằng: Phu Tử có phải là bậc Thánh hay không?

Khổng Tử đáp: Khâu chỉ biết rộng nhớ dai, chẳng phải bậc Thánh.

Lại hỏi: Ba vương có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Ba vương khéo dùng trí dũng, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu tôi không biết.

Lại hỏi: Năm Đế có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Năm Đế khéo dùng nhân và tín còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu tôi không biết.

Lại hỏi: Ba Hoàng có phải là bậc Thánh hay không?

Đáp: Ba Hoàng khéo dùng thời, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu tôi chẳng biết.

Thái Tổ nạt lớn: Vậy thì ai là bậc Thánh?

Phu Tử hơi nhíu mày đáp: Phương Tây có bậc Thánh. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự thực hành, mênh mông không thể gọi tên, nếu ba vương năm Đế hẳn là Đại thánh thì Khổng Khâu đâu chịu giấu mà không nói, vì có lỗi giấu Thánh. Do đây so sánh, suy tôn Phật là Đại Thánh. Kinh Tây Thăng của Lão Tử nói rằng: Thầy ta du hóa Thiên Trúc khéo vào Nê-hoàn. Phu Tử nói rằng: Thầy của Lão tên là Thích-ca, thẳng đến kinh sách Khổng Lão, thầy kính Phật chỗ văn chứng không ít, đâu phải một người như Dịch có thể chê bai. Xưa Công Tôn Long soạn luận Kiên Bạch, tội ba vua chẳng phải năm đế, đến nay đọc luận người còn nhức răng, còn trước xem xét, thật đáng thương thay!

Chúa thượng là bậc chí Thánh sáng suốt, chợt muốn buông mà thả ngựa chăn trâu, khởi phong cách vua chúa, mở giáo hóa của Phật Lão, nói dối rất đáng đốt bỏ. Nếu nói Đế vương không Phật thì trị thạnh sống lâu, có Phật thì chính trị tàn ác ngôi vua ngắn ngủi. Xét vua Nghiêu vua Thuấn trị không kịp con cháu, các vua Hạ, Ấn, Chu, Tần chính sách đổi mấy lần mà trong nội bộ khởi nghịch loạn xâm hại nhau, lúc này không có Phật thì do đâu mà vận mạng ngắn? Nhưng Lâm tôi dự ở đời vua Nghiêu việc hằng ngày không biết, ở ngoài thấy không tiện việc, sợ Phiên Quốc xa nghe cho rằng Hoa Hạ không có tri thức. Phu Tử nói: "Lời này thiên hạ không qua miệng, hạnh này thiên hạ oán ghét". Nói đó là muốn cho không tội, người nghe đó đáng để tự răn dè. Truyền Địch phát ra lời không nhún nhường, người nghe đều kinh sợ, làm dơ tổn phong tục đặc biệt tốt đẹp của đất nước, xin ghi khoản son mạo muội tấu trình, cúi xin Đại vương điện hạ tột đỉnh anh linh tự nhiên, phong thân, khí cuộc hạn hàm rộng, khéo léo làm vui, vượt đông bình kia, ôn hòa đổi là vui lại mới Tây Sở thêm dùng sáu điều A, Hoành, Bá, Quỹ, Thức, Tựa, đức đã vén màn, nhân gồm chia cương, mở thứ bậc của Khang Trang, ngồi chỗ khách của Tuân Khanh, dựng vườn Tu Trúc, tiệc khách của Văn Nhã, đâu không thơ tội duyên tình mà phú với thể vật? Tin có thể khen bày triều đình, dân chúng tốt đẹp nối tiếp tốt đẹp đời trước. Nhưng Lâm v.v..., trong đoái hoài chỗ thiếu kém, biết vuông tròn riêng dùng, nghĩ Truyền Dịch ngu si rất lắm quở phàm tăng trọc đầu là cực ác, tội đâu không lớn? Từ Tôn Lư Hách Tư đến nay, sau trời đất khai mở, chưa có ai điên cuồng trái nghịch như Dịch, không kể đến đoạn cốt đau lòng. Kính ghi việc tai hại của Dịch, liền nói lời xấu, kiện đáp đúng sai, bụi nhơ nhuốc oai nghiêm, càng thêm mất dứt, kính tấu.

Dịch nói rằng: “Trong biển người làm việc vua thì ít ưa làm việc riêng thì nhiều” chính là bên ngoài thờ Phật bên trong sinh tà kiến, cạo cắt râu tóc, thay đổi y phục, ra cửa quan vào nhà tăng ni, đứng nhìn sân vua ngồi xem dưới gối, bất trung bất hiếu nhóm kết liền phòng. Vả lại, Phật ở Tây Vức nói yêu mị đừng xa bỏ thân thuộc, chạy theo tiền tài, sợ Trang mạn Lão, trọng kẻ mạnh giàu khinh người nghèo yếu, ưa kẻ kia trẻ đẹp mà chê người già, dùng huyễn hoặc mà làm khả năng thế lực, lấy dối kiêu làm tông chỉ. Nhưng Phật là một họ nhà quỷ, làm quỷ không gồm tộc khác, đâu thể thúc giục sinh Hán cung cấp tử Hồ, chê minh châu này mà quý mắt cá kia, xa lìa cha lành mà kính người ngoài. Đâu có quỳ trước mười pho tượng Phật đất mà làm khanh tướng, đặt một bốn cơm dở mà được làm đế vương, y cứ tà thuyết, Phật không gần nhân tình. Vả lại, Phật buồn cười đại ngôn kịp mạnh, xa xỉ tạo tội hơn Kiệt, Trụ, vô nhà phá nhà, vô nước hại nước. Đối rằng:

- Người xuất gia, trong từ bỏ ân ái thân thuộc, ngoài lìa vinh hoa quan quyền, chí cầu Vô thượng Bồ-đề, nguyện ra khỏi biển khổ sinh tử. Cho nên bỏ áo tông triều mặc y phước điền, hành đạo để báo bốn ơn, lập đức để nuôi ba cõi đại ý như vậy, nếu nói Phật là Hồ quỷ, tăng là đầu trọc thì xét kinh sách Khổng, Lão. Nhà Hán, nhà Ngụy đến nay trong ngoài các sách sử lược dẫn các chỗ kính Phật của các thầy Khổng thầy Lão, văn chứng như dưới đây để đáp người tà mong kia phục tội.

Pháp Luân Kinh của đạo sĩ nói: “Nếu thấy Sa-môn suy nghĩ vô lượng, nguyện sớm xuất thân để học tập chân Phật”. Lại nói rằng: Nếu thấy tranh Phật suy nghĩ vô lượng, sẽ xin tất cả khắp vào pháp môn.

Thái Thượng Thanh Tịnh Tiêu Ma Bảo Chân An Chí Trí Tuệ Bổn Nguyện Đại Giới Thượng Phẩm Kinh có bốn mươi chí nguyện rằng: Nếu thấy Sa-môn ni, phải nguyện tất cả minh giải pháp độ được đạo như Phật.

Lão Tử Thăng Huyền Kinh nói: Thiên Tôn bảo đạo sĩ Trương Lăng đi qua phương Đông đến chỗ Phật thọ pháp.

Đạo sĩ Trương Lăng riêng truyền rằng: “Lăng ở trong núi Hạc cúng dường tượng vàng chuyển đọc kinh Phật”. Lại nói: “Như Lai phương Đông sai đại sĩ Thiện Thắng đến Thái Thượng nói: “Như Lai nghe ông nói pháp cho Trương Lăng, cho nên sai tôi đến thăm ông” và bảo Trương Lăng rằng: “Khanh theo ta đến chỗ Phật” sẽ khiến ông được thấy được điều chưa thấy, nghe việc chưa được nghe”. Lăng liền lễ bái đại sĩ, theo đến chỗ Phật.

Lão Tử Tây Thăng Kinh nói: “Thầy ta du hóa Thiên Trúc khéo

vào Nê-hoàn”. Trí Tuệ Quán Thân Đại Giới Kinh nói: “Học đạo phải nghĩ trở về, đại phạm lưu bày cung lễ Phật”.

Thăng Huyền Kinh nói: “Nếu có Sa-môn muốn đến nghe kinh xem trai, cúng chủ, không được tính tiền ăn uống, cản trở thì không được, phải đặt lên trên tòa đạo sĩ, thầy tự ở dưới Sa-môn”. Lại nói: Đạo sĩ lập đàn cúng trai, nếu Tỳ-kheo đến thì hãy suy tôn làm thượng tòa, kinh sư đạo sĩ ưa lập cúng dường ở dưới Tỳ-kheo. Nếu Sa-môn ni đến nghe pháp, phải sắp đặt để suy tôn làm thượng tòa, chủ cúng đúng như pháp cúng dường, không được ngăn trở.

Hóa Hồ Kinh nói: “Nguyện nhặt hoa ưu-đàm, nguyện đốt hương chiên-đàn, cúng dường ngàn vị Phật, cúi đầu lễ Định Quang”. Lại nói: Ta sống đâu cho trễ, Nê-hoàn một phen đâu sớm, không thấy Phật Thích-ca, trong lòng thường buồn bã.

Linh Bảo Tiêu Ma An Chí Kinh nói: Đạo dùng trai giới làm đầu, siêng thực hành lễ làm Phật (bổn mới đều sửa rằng: “Siêng làm nên lầu vàng”) cho nên lập cầu đại pháp độ khắp các chúng sinh.

Lão Tử Đại Quyền Bồ-tát Kinh nói: Lão Tử là Bồ-tát Ca-diếp giáo hóa ở Trung Quốc.

Linh Bảo Pháp Luân Kinh nói: Cát Tiên Công sinh mới được mấy ngày, có Sa-môn nước ngoài thấy Tiên Công lễ bái liền ẵm lấy mà nói với cha mẹ Tiên Công rằng: “Đứa bé này là Bồ-tát Thiện Tư ở phương Tây, nay đến đất Hán giáo hóa chúng sinh sẽ đến đạo tiên, một hôm bay lên cõi trời”. Tiên Công nói với đệ tử rằng: “Thầy ta họ Ba Duyệt Tông, tự Duy Na Ha là người Tây Vức”.

Kinh Tiên Nhân Thỉnh Vấn Chúng Thánh Nạn nói: Cát Tiên Công bảo đệ tử rằng: “Xưa ta và bốn Thích Đạo Vi, Trúc Pháp Khai, Trương Thái, và Trịnh Tư Viễn cùng lúc phát nguyện, hai vị Đạo Vi, Pháp Khai nguyện làm Sa-môn, Trương Thái và Trịnh Tư Viễn vốn làm đạo sĩ”. Tiên Công khởi nơi chú giải rằng: “Khi sống ở nhà Cát Thượng thơ, Thượng thơ hơn tám mươi tuổi mới có đứa con này, lúc đó có Sa-môn tự xưng là Tăng Thiên Trúc, lúc mua hương ở chợ, người ở chợ lấy làm quái lạ hỏi tăng rằng: “Đêm qua tôi nằm mộng thấy Bồ-tát Thiện Tư hạ sinh nhà Thượng thơ Cát”. Ta đem hương này tắm đó, đến khi sinh tăng đến đốt hương, nhiễu bên phải bảy vòng lễ bái cung kính tắm rửa rồi dừng.

Kinh Tiên Công Thỉnh Vấn Thượng nói: Nói với Sa-môn, đạo sĩ thì chí ở nơi đạo. Kinh Thượng Phẩm Đại Giới ở phẩm So Sánh Công Đức nói: “Cúng dường tháp miếu Phật được quả báo ngàn lần, cúng

dường Sa-môn được quả báo trăm lần”. Kinh Thăng Huyền Nội Giáo nói: “Hoặc lại có người lúc bình thường không chịu làm phước, thấy Sa-môn, đạo sĩ nói pháp khuyến thiện, hoàn toàn không theo ý v.v...

Đạo sĩ Đào Ẩn Cư làm văn lễ Phật một quyển.

Trí Tuệ Bổn Nguyện Đại Giới Thượng Phẩm Kinh nói: Bố thí thức ăn cho tăng Phật trong chùa tháp một tiền trở lên đều được phước báo gấp hai muôn bốn ngàn lần, công ít báo nhiều đời đời bậc Hiền minh quen thích không dứt, tổ tiên bảy đời đều được sinh về cõi nước của vô lượng Phật.

Tiên Công Thỉnh Vấn Kinh nói: Lại có người phàm làm công đức này, xin được làm Sa-môn, Đạo sĩ, Đại huyền sĩ. Đến đời sau sinh làm Sa-môn rộng học Phật pháp làm Pháp sư trong chúng.

Lại có người thấy Sa-môn, Đạo sĩ trai giới thanh tịnh, đọc tụng kinh, cười rằng: “Người kia hướng lên hư không đọc kinh muốn cầu gì? Bụng đói giữa ngày ăn một bữa?” Người tội đây được đạo sĩ từ tâm tha thứ ý vẫn cố chấp không giải thích, chết bị đọa vào địa ngục xét độc hại khổ muôn phần.

Tiên Công Thỉnh Vấn Kinh nói: Năm kinh nghiệp của Nho tục, đạo Phật khen ngợi giáo pháp kia rộng quy về điều lành.

Thái Thượng Linh Bảo Chân Nhất Khuyến Giới Pháp Luân Diệu Kinh nói: Ta xem qua chư Thiên từ vô số kiếp đến nay thấy đạo sĩ và nam nữ trăm họ đã được đạo Vô Thượng Chánh Chân, Cao Tiên Chân Nhân Tự Nhiên, chư Phật mười phương đều nhận đời trước siêng năng cầu tạo không thể tính kể.

Pháp Luân Diệu Kinh nói: Đạo nói trời chuyển luân không diệt, được trở lại sinh lên làm người, người đại trí tuệ sáng suốt từ vô số đến nay học đã thành Chân Nhân Cao Sơn Tự Nhiên, Phật mười phương đâu không từ hạnh nghiệp cảm ra.

Xét Chu Thơ Dị Ký nói: Chu Chiêu Vương lên ngôi vào năm hai mươi bốn, ngày mồng tám tháng tư năm Giáp dần, sông ngòi khe rạch bỗng nhiên dâng tràn, giếng, suối đều đầy, cung điện, nhà dân, núi sông, mặt đất đều chấn động, đêm đó có ánh sáng năm sắc xông thẳng lên trời, khắp cả phương Tây đều có sắc xanh hồng, Chu Chiêu Vương hỏi Thái sử Tô Do rằng: “Đây là điềm lành gì?” Do đáp: “Có bậc Đại thánh sinh ở phương Tây, cho nên hiện điềm lành này”.

Chiêu Vương hỏi: Đối với thiên hạ thế nào?

Do đáp: Ngay lúc này không có gì khác, đến hơn ngàn năm sau kinh giáo được truyền đến cõi này.

Chiêu Vương liền sai khắc đá ghi lại, chôn ở trước miếu Nam Giao tế trời. Ngay lúc này là Phật đản sinh ở cung vua.

Mục Vương lên ngôi năm thứ ba mươi hai thấy phương Tây có mấy lần ánh sáng, trước hỏi điều Tô Do đã ghi biết hướng Tây có bậc Thánh xuất thế, Mục Vương không hiểu lý kia, sợ chẳng phải đạo do nhà Chu nói liền cùng tướng quốc Lữ Hầu vào phía Tây, họp các chư hầu ở Đồ Sơn để tế lễ xua đuổi điềm ánh sáng kia. Lúc ấy, Phật ở đời đã lâu, thời Mục Vương đến năm năm mươi hai, sáng ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Thân bỗng có gió mạnh nổi lên, trốc mái nhà dân, làm gãy cây cối, núi sông đất liền đều chấn động, sau ngọ (chiều) trời vẫn vũ mây đen, phương Tây có hai lần cầu vồng trắng, từ Nam đến Bắc suốt đêm không mất. Mục Vương hỏi Thái sử Hỗ Đa rằng: "Là điềm gì?" Đáp: "Phương Tây có bậc Đại thánh diệt độ, tướng suy xuất hiện". Mục Vương rất vui nói: "Trẫm thường sợ kia, kia nay đã diệt độ thì trẫm còn lo gì?" Lúc này là Phật nhập Niết-bàn.

Sử Lục nói: Ngô Thái Tổ hỏi Khổng Tử rằng: "Ai là bậc Thánh?" Khổng Tử nói: "Phương Tây có bậc Thánh nhân không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự làm, mênh mông không thể gọi tên".

Dịch nói rằng: Tăng ni sáu mươi trở xuống lựa chọn sai làm dân thì binh mạnh người đông.

Dịch nói: Chùa nhiều tăng chúng, tổn phí rất nhiều, nếu chùa tường ngói thì lấy cấp cho dân nghèo, người già và nghĩa sĩ không nhà. Châu có ba vạn nóc nhà chỉ để lại một ngôi chùa thôi. Chùa tranh tháp đất dùng chứa kinh tượng, đề Hồ Tăng hai người truyền bá pháp Hồ.

Dịch nói: Người Hồ ở Tây Vức ghét bùn mà khi sống lại thờ tất cả bùn. Nay hổ thẹn mặt người mà lòng thú, đạo nhân cú vọ, con la bốn sắc, giống ác tham nghịch. Phật sinh phương Tây chứ chẳng phải chánh tục Trung Quốc, bởi là tà khí yêu mị.

Dịch nói: Bào Hy về sau mười lăm đời, cha con, vua tôi, dựng lập trung hiếu, giữ gìn đạo đức, sinh trưởng thần châu được chánh khí Hoa Hạ, người đều thuần hậu chất phác vì đời không có Phật.

Dịch nói: Tần Khởi, Tần Trọng ba mươi lăm đời, có sáu trăm ba mươi tám năm.

Dịch nói: Đế vương không có Phật thì thạnh trị sống lâu, có Phật thì chánh sách bạo ngược ngôi vua ngắn ngủi. Từ Bào Hy về sau hai mươi chín đời mà không có Phật pháp, vua minh, tôi trung, ngôi nước lâu dài.

Dịch nói: Trước khi chưa có Phật nhân dân thuần hòa đời không có trái nghịch chiếm đoạt.

Dịch nói: Phật đến đất Hán chỉ có tổn chứ không lợi ích.

Dịch nói: Thời Triệu Kiến Vũ có đạo nhân Trương Quang Phản, thời Lương Vũ có Tăng Quang Phản, huống chi nay tăng ni có hai mươi vạn nên phải sớm lược bỏ bớt.

1. Đáp việc xét lược bỏ tăng ni

Thưa rằng: Hình hài dấu vết dễ xét mà chân ngụy khó rõ, tự chẳng phải chỗ lâu thì chưa thể biết. Xưa Pháp sư Viễn đáp Hoàn Huyền Thơ nói: Chỗ thuật của Kinh giáo có ba khoa: 1- Thiền tư nhập vi diệu; 2- Tụng vịnh kinh điển; 3- Khởi xây phước nghiệp. Nhưng có người khởi phước mà không giữ giới cấm, dấu vết chẳng phải hùa theo. Hoặc có người tụng nhiều văn kinh, ngâm vịnh không dứt mà không thể xướng nói nghĩa lý. Hoặc có người tuổi đã quá già, tuy không có ba khoa để làm giềng mối mà thể tánh chân chánh không phạm lỗi lớn. Do đây suy lường, lấy bỏ khó nói. Kinh Án Xuất Gia Công Đức chép: Độ một người xuất gia hơn xây tháp báu cao đến Phạm thiên, người nào có khả năng hoằng đạo tự lợi và lợi người, thanh khiết lập thân, làm cầu bến bảy đời. Xin người có tội y pháp khổ trị, người không lỗi thì vì nước hành đạo.

2. Đáp việc hủy chùa, cấp cho dân, chùa tranh thì để kinh tượng

Thưa rằng: Phật pháp truyền vào đất Hán hơn năm trăm năm, chùa chiền tăng ni xưa nay đã có, khám tháp điện chùa đều do đời trước xây dựng, phòng xá, cổng chùa đều do tín tâm xây dựng. Hoặc vì cha mẹ còn mất và bảy đời vãng sinh, cầu quả báo tốt đẹp ở tương lai mà gieo phước điền hiện tại. Hoặc xuất phát từ tâm tốt kia chứ chẳng phải Phật tăng dạy lập. Sách nói rằng: “Thành công không hủy hoại cho nên con sản nghiệp không hủy hoại ở triều đại Bá Di. Phu Tử bảo đó là người nhân từ”, huống chi Phật là ruộng tốt của ba cõi là cha mẹ của bốn loài, chỉ nên cúng dường chứ không nên hủy bỏ. Phật tuy diệt độ, pháp giao lại cho vua quan, cúi xin bệ hạ tái tạo nhân sinh trùng hưng đạo Phật tức là đại đàn-việt chủ của Như Lai, xin theo sự giáo hóa của Hán Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình, gần đồng thời với Văn Đến Khai Hoàng.

3. Đáp lời Dịch rằng nói: “Người Hồ - Tây Vức, mặt người lòng thú, giống ác tham nghịch, Phật sinh phương Tây là tà khí yêu mị”.

Thưa rằng: Xét sử ký nhiều đời Đế vương, kiểm nghiệm mục lục và niên kỷ Đào Ẩn Cư v.v... nói rằng: Họ Bào Hy thân rắn đầu người, họ Đại Đình thân người đầu trâu, họ Nữ Oa cũng thân rắn đầu người, Tần Trọng Viễn thân chim mặt người. Hạ Ngu sinh ở Tây phương, Văn

Vương cũng sinh Tây Khương, Giản địch nuốt trứng yến mà sinh Khế, Bá Ngu cắt lưng mẹ mà ra, Y Doãn sinh ở Không Tang, Ngụy chúa họ Nguyên cũng sinh ở Di Địch, nhưng đều hợp trời rõ mệnh, hoặc gọi riêng là phương Nam, hoặc vua đến muôn nước, tuy chỗ sinh thấp kém, hình mạo thô xấu mà ngự oai trời, người mến nhớ thánh đức.

Lão Tử cũng gá thai nơi Mục Mẫu, sinh từ kẻ thấp kém, sao lại cho là chỗ thường kém không sinh ra bậc Thánh? Phu Tử nói rằng: “Quân tử ở chỗ nào, nơi đó đâu có thấp kém!” Tin thay lời nói này. Nói thêm rằng: “Có đạo thì tôn trọng, đâu chọn thấp cao”. Cho nên biết Thánh ứng hiện không tính phương xứ, tùy cơ mà xuất hiện. Cha Đức Thích-ca là cháu Luân Vương ngàn đời, là Thái tử vua dòng Sát-lợi, điềm này đến thời kỳ cảm ứng muôn vật mà xuất hiện giữa tam thiên thế giới, nơi nước lớn tại Diêm-phù-đề, bày giáo lập phương tiện chỉ lấy lợi ích chúng sinh làm gốc. Nếu nói sinh ở Khương, Hồ, xuất hiện ở Nhung Ngu, liền cho là xấu thì Thái Hạo, Văn Mạng đều chẳng phải bậc Thánh, Lão Tử, Văn Vương không đáng làm thầy. Xét Địa Lý Chí Tây Vức Truyện nói: Người Tây Hồ chỉ là từ Thông Lãnh đến phía Đông, không quan hệ gì đến Thiên Trúc chỗ sinh ra Phật”. Nếu biết, vọng nói đâu tội chẳng sâu. Nếu không biết, nói buông thả chết có nợ dư.

4. Đáp lời Dịch rằng: Bào Hy trở xuống hai mươi chín đời, cha con, vua tôi, xây dựng trung hiếu, giữ gìn đức đạo, bẩm nhận sinh khí Hoa Hạ.

Thưa rằng: Sử Ký Hoài Nam v.v... nói: “Thời Huỳnh Đế, Si Vưu đầu đồng cổ sắt làm loạn thiên hạ, đánh nhau với Huỳnh Đế ở Phản Tuyến để lên ngôi vua, Si Vưu nghịch mệnh lại đánh ở ranh giới Trác Lộc lại qua năm mươi hai chiến trận. Thời Chuyên Húc lại giết Tam Miêu ở Tả Động Đình Hữu Bành Lãi”.

Cấp Trủng Trúc Thơ nói: Thuấn bỏ tù Nghiêu ở Bình Dương chiếm ngôi, vua nay thấy có thành giam Nghiêu. Thuấn lại cùng Hữu Miêu đánh nhau ở bên sông Đan Thủy. Nghiêu bắn chín mặt trời rụng cánh chim kia (Sở Từ nói mười mặt trời thay nhau xuất hiện ở Kim Điệp Thạch) nộp Đại Phượng ở Thanh Khâu, chặt tu xà ở Đổng Đình, chém Phong Thỉ ở Đại Trạch, giết Cửu Anh ở Hung Thủy. Thượng thơ nói: Hồng thủy ngập trời hoại núi hư gò, lê dân đói khổ trăm họ chết đuối, thời Ngu trăm họ đều dùng tâm kia mà Bá Cốc Tử bỏ cày ở ruộng. Tam Miêu không tu đức chánh bị Ngu giết. Vua Kiệt nhà Hạ bên trái là Hà Tề, bên phải là Thái Hoa, Y Khuyết ở phía Nam, Dương Tràng ở phía

Bắc, đốt ngôi vua giết Long Phùng, cầm tù Thành Thang, thả Muội Hy, Tu Chánh (bất nhân đổ nước sôi giết chết). Nhà Thang gồm chín lần chiến tranh, hai mươi bảy lần chiến tranh, đại hạn bảy năm, sông cạn lạch khô, tiêu vàng chảy đá. Cao Tông chinh phạt quỷ phương, vua Trụ nhà Ân bị mê hoặc bởi Đắc Kỷ ba năm, buông thả tai hại mười ác, lưu ngũ hình phạt bạo ngược, moi tim người hiền, mổ bụng phụ nữ có thai, cầm tù Văn Vương, giam Cơ Tử. Chu Võ Vương chinh phạt Trụ ở Mục Dã, máu chảy nổi chày, giết Trụ ở Lộc Đài, vương đích thân bắn Trụ, cung treo đầu cờ Thái Bạch mà Bá Di Thúc Tề cho là sai, không chịu ăn gạo nhà Chu.

Khổng Tử nói: "Võ Tân tốt đẹp, chùa tột sự khéo léo". Đời Võ Vương Tam Giám làm loạn, ngày Thành Vương Nhị Thúc buông lời, Tuyên vương tháng sáu làm thơ chiến tranh nói: Bắc có nạn Hiểm Duẫn, Tây có hoạn Côn Di". Thái Khởi lại nói: Tuyên Vương nam chinh (chinh phạt phương Nam).

Thưa rằng: Trước nay đã nói đều là thời Tam hoàng trở xuống ba vua quyết có thể giữ gìn đạo đức ôm trung thờ hiếu, lúc này không có Phật, đủ có thể thành bình, vì sao đời đời xảy ra chiến tranh không dứt. Còn như độc hại lưu hành ở trăm họ, tai ương đến vô tội vạ, chính là đời Diêu Thạch, Mộ Dung, Vĩnh Gia đâu gọi là thời vô vi mênh mông, tà kiến nói sai một lần đâu lầm ư?

5. Đáp lời Dịch nói: "Tần Trọng về sau năm mươi lăm đời hơn sáu trăm năm".

Thưa rằng: Sử ký nói: "Từ nhà Ân về trước, chư hầu không thể được vững lòng vì phần nhiều mất thứ lớp, niên đại khó biết, cho nên Thượng thơ chỉ dùng Giáp Tý làm thứ lớp, mà không năm tháng ấy bởi do sử thiếu không ghi, tà kiến mới ở Tần Trọng, Ngật Vu hai đời. Có hơn sáu trăm năm là một phen qua tợ như dài, chứng cứ rút ra ở đâu? Xét Xuân Thu về trước Tần vốn chưa có, Xuân Thu về sau mới có Tần Bá. Ngay thời Xuân Thu, thời Tần Trọng tuy dần chiếm cứ, nhưng là ấp nhỏ của nhà Chu. Đời Hiếu Vương khiến Phi Tử thả ngựa ở giữa Thông Vị, không tuân thiên mệnh chưa có mồng một tháng giêng hội cháu Tần Trọng. Đời Tuyên Vương mới nhận quan hầu đánh xe ngựa, Trong Tôn Tương Công do về Bình Vương Đông Thiên tiến cử chức bá. Văn Công về sau mới thấy sử ghi". Từ đây rồi diệt chẳng quá hai trăm đời, Sử Ký Trúc Thơ và Đào Công Niên Kỷ đều nói: "Đời Tần không niên đại, đời Chu theo quan", cho nên Ẩn Cư để ở sau các nước, do đâu có niên kỷ được? Kế đến Hồ Hợi, sử ký theo Lệ Công mà sắp, một trăm lẻ một

năm trọn ở hai đời, dầu có niên đại đều dựa vào Xuân Thu tự không có niên kỷ riêng. Cuối đời Vương, Tần Chiêu Tương Vương lợi dụng lúc nhà Chu suy yếu bèn diệt nước Chu, tiếm hiệu xưng vương, các sử theo nhau Tần chỉ có năm đời, bốn mươi chín năm. Bí thơ nhà Tề là Dương Giới Sử Mục nói: "Nhà Tần từ lúc mới lập ngôi đến khi diệt vong gồm có ba mươi lăm đời hơn sáu trăm năm" bởi lấy hiệu Tần lúc mới phong trải qua hơn sáu trăm năm, chẳng phải làm bá chủ thống lãnh Trung Quốc nhiều năm. Tà kiến mới nói Tần dài, ngôi ngắn, mạo tâu năm dài không luống dối sao?

6. Đáp lời Dịch nói: Đế vương không có Phật sống lâu, có Phật ngôi vua ngắn, từ Bào Hy về sau Hán Cao có hai mươi chín đời vua minh tôi trung mà không có Phật pháp.

Thưa rằng: Lý quý chỗ y cứ sâu chắc, lời giúp thật chép, vì sao Bào Hy riêng trị không đề cập con cháu? Nghiêu Thuấn hai vua ở ngôi chỉ năm năm? Nghiêu thì giúp Thánh truyền thiện, Thuấn cũng lòng nhân thạnh, Thánh hiền minh. Như hai bộ luận của Thượng thơ thì vua kia giáo hóa dân, trị đạo, sự nghiệp cao nhất, dân không thể gọi tên thì là minh quân của trời. Nghiêu lại phế anh mình để tự lên ngôi, con Nghiêu là Đan Chu lại bất tài. Thuấn thì cha ngu dốt, mẹ xảo trá, đều chỉ một thân không thể được nối dõi. Lúc này không có Phật sao không đời đời nối truyền nhau lại sớm vào hoại diệt?

Ẩn Cứ Niên Kỷ nói: Hạ Ngu trị chín năm. Nghệ chiếm ngôi mười lăm năm. Trác chiếm ngôi mười hai năm. Hạ Cao mười một năm. Hạ Phát mười hai năm.

Thưa rằng: Sách nói: Thuấn, Ngu có thiên hạ, vòi vòi ở chỗ kia có thành công, rực rỡ ở chỗ nọ có văn chương. Đại Ngu Mô nói: Ngu có thể ở nhà thấp xấu, ăn sơ sài, che màn đen, mặc áo vải sồi mà hết sức ở mương máng trị thủy (nước) cho dân, đối với dân có công, nếu Hoàng Thiên giúp đức, sao lại ngôi vua không bền lâu mà trị nước (quốc) chỉ có chín năm. Bộ Khám Niên Kỷ nói: "Hạ Hậu Tương đến đời Thiếu Khang, bề tôi là Hậu Nghệ ở Hữu Cùng Hàn Trác và Phong Di, Chuẩn Di, Huỳnh Di, Châu Tầm v.v... các nước đều lần lượt làm loạn hai mươi sáu năm soán đoạt nhà Hạ tự lên ngôi, lúc bấy giờ không có Phật, soán nghịch do ai?

Ân Thang trị nước mười ba năm. Thái Đinh trị nước ba năm. Trọng Nhâm trị bốn năm. Thái Giáp trị mười năm. Ốc Đinh trị mười ba năm. Thái Mậu trị mười năm. Thái Nhâm trị ba năm. Ốc Giáp trị bốn năm. Bàn Canh trị chín năm. Tiểu Tân trị bảy năm.

Thưa rằng: Thang nhân từ không giết hại mở lưới ba mặt, thả vua Kiệt nhà Hạ ở đồng trống Minh Điều thì rất có nhân được. Lúc bấy giờ không có Phật pháp, do đâu số trời không được lâu năm? Thái Đinh, Thái Nhâm năm trị nước càng ngắn. Thang chín lần đi chinh phạt, lại lập em Thắng là Trọng Nhâm, lại thả Thái Giáp ở Đồng Cung. Cấp Mông Thơ nói: Y Doãn tự soan ngôi, sau Thái Giáp thầm xuất hiện, đích thân giết Y Doãn mà dùng con Y Doãn, đã xưng là đời trung hậu chất phác, lúc này không có Phật sao lại khởi sự gây hấn thanh trừng, quân thần vô đạo?

Chu Võ Vương trị nước mười một năm. Ý Vương ba năm thì tuyệt tự. Hy Vương năm năm thì tuyệt tự. Khoảnh Vương sáu năm. Khuông Vương sáu năm. Nguyên Vương tám năm, Liệt Vương bảy năm. Tĩnh Vương sáu năm. Trinh Vương tám năm. Điệu Vương một trăm lẻ một ngày. Ai Vương ba tháng. Tư Vương năm tháng.

Thưa rằng: Võ Vương phạt Trụ, sư qua bến mạnh, cá trắng vào ghe, hợp với mệnh trời. Thụy Pháp nói: Khắc định họa loạn là Võ, dân nhờ Tô Thức, Lư Phong, Mộ Hưu, Ngư Phóng, Mão Trụ, có ra thái bình. Ông nói không có Phật tuổi thọ, vì sao ngôi vua lại ngắn ngủi trị mười một năm? Ý Vương, Hy Vương lại bị tuyệt tự, Chu Võ Vương là thời không có Phật, mà thọ mạng ngôi báu lại ngắn, con cháu hung dữ, phút chốc vận luống mất?

Nhà Tần năm đời, sáu vị vua, bốn mươi chín năm. Chiêu Vương năm năm (sau khi diệt Chu mới xưng vương, làm vua được năm năm). Hiếu Văn Vương một năm. Tương Vương ba năm. Thỉ Hoàng Vương hai mươi bảy năm. Hồ Hợi ba năm. Tử Anh bốn mươi sáu ngày.

Thưa rằng: Chu Hiển Vương năm năm. Tần Mục Công khi mới xưng bá bốn mươi bốn năm, quyền nhà Tần, chính sách nhà Chu. Trúc Thơ nói: “Từ trước Tần Trọng vốn không có niên kỷ, và đời”. Đào Công Tinh nói: “Tần là vua soán ngôi nên chính trị không nương đức”, thứ lớp không ở hạn ngũ vận, dầu năm dài xa, hoàn toàn chẳng phải Đế vương. Lấy ngắn làm dài, chỉ dối làm chân, có ý kiến gì? Thời Tần phía Bắc xây dựng trường thành đề phòng giặc Hồ. Dối giết, giúp Tô dối lừa lập hai đời. Trần Thắng Nghị nhóm làm loạn ở cửa đông.

Hán Cao tổ mười hai năm, Tuệ Đế bảy năm, Văn Đế, Cao Tổ thứ lớp bốn người con đều chẳng phải dòng (con) chính.

Võ Đế, Bổn Giao, Đông Vương, Cảnh Đế thứ lớp sáu con chẳng phải con dòng chính.

Nhà Hán ban đầu Hung Nô vào biên ải, khói lửa soi cung Cam

Tuyền, Nam Việt không phục bèn tập thủy chiến. Thời Hiếu Cảnh, Ngô, Tề v.v... bảy nước đều phản. Chiêu Đế băng hà lập con người anh là Xương Ấp, lên ngôi vua được hai mươi bảy ngày, có một ngàn một trăm hai mươi bảy (1127) tội Hoắc Quang truất phế, sau lập Tuyên Đế, lúc này không có Phật vì sao lại như vậy?

Hậu Hán có mươi hai vua, một trăm chín mươi lăm năm. Quang Vũ ba mươi ba năm. Hiếu Minh mười lăm năm. Chương Đế mười ba năm. Hòa Đế mười bảy năm. An Đế mười chín năm. Thuận Đế mười chín năm. Hoàng Đế hai mươi mốt năm. Linh Đế ba mươi mốt năm. Hiến Đế ba mươi năm.

Thưa rằng: Sách đời Hậu Hán nói: Quang Võ chuyển loạn thành chánh, Minh Đế đem lại sự trị nước thanh bình, dân không có nổi lo xa xôi, quân không phải bị sai dịch ra khỏi cửa. Kỳ lân vào vườn thú, phụng hoàng đậu cây ngô đồng, tước đỏ, rùa có văn lưng, quạ xanh, nai trắng, điềm lành tốt đẹp đến đầy đủ, triệu dân vui mừng, rũ ân huệ thấm nhuần tràn lan, trải khắp trời, thấm xuống ao rạch, các sách như Luận Hoành v.v... đều nói: "Đời Hậu Hán điều tốt đẹp không hổ thẹn với Châu Hạ", ông nói có Phật ngôi vua ngắn, vì sao ở đây lại được năm dài?

Ẩn Cư nói: Từ Ngụy Hoàng năm đầu đến cuối đời Túc Tề có hai trăm tám mươi hai năm.

Thác Bạt Nguyên Ngụy có mười bảy vị vua, cộng chung là một trăm bảy mươi chín năm lúc này có Phật vì sao ngôi vua lại lâu dài.

7. Đáp lời Dịch nói: Lúc chưa có Phật không có nghịch soán ngôi.

Thưa rằng: Vậy vì sao em Chu Liệt Vương là Hiển Vương lại soán ngôi? Bốn mươi tám năm thương tiếc ngôi vua, một trăm lẻ một ngày bị nhiều con em trong triều làm hại. Em Kỉnh Vương là Ai Vương trị nước năm tháng bị Tư Vương giết. Hiếu Vương lại giết Tư Vương. Ba vị vua đều ở trong một năm (rút ra trong Dương Giới Sử Mục Đào Công Niên Kỷ).

Dịch nói: Hồ - Tây Vức, lính nước Thự Mạt ba trăm hai mươi người, lính nước Tiểu Uyển hai trăm người, lính nước Nhung Lư, lính nước Cừ Lặc ba trăm người, lính nước Y Nại ba trăm năm mươi người, lính nước Úc Lập Sư có ba trăm ba mươi mốt người, lính nước Đan Tương bốn mươi lăm người, lính nước Cô Hồ bốn mươi lăm người, gồm tám nước Hồ binh lính cộng lại có một ngàn tám trăm chín mươi người đều được nối thạnh nghiệp đế, dựa vào đất nước tự chinh phạt nhau giết

chết nhân dân. Huống chi ngày nay Đại Đường có hai vạn chúng tăng và ni, cùng kết pháp Hồ đáng được lòng người đâu thể không chuẩn bị ư?

Thưa rằng: Xét sách Hán, Tây Vức Truyện nói: "Tám nước như Tha Mạt, Tiểu Uyển v.v... đều là nước Hồ ở Thông Lãnh phía Đông nước Hán, cách Trường An không quá muôn dặm, vốn chẳng phải nước Thiên Trúc là chỗ Phật đản sinh lại không có tăng ni ở trong bọn mưu nghịch, dù kia làm ác nào quan hệ gì đến tăng ở cõi này? Nhưng Dịch bị quỷ cuồng nhập tâm, bên ngoài khởi thuyết tà, luống dẫn việc xưa, dối chê Hiền thánh ngày nay. Người hiểu biết, biết kia nói bậy, người ngu sẽ sinh dị kiến, hoặc loạn triều đình và nhân dân, rất đáng thương thay!

8. Đáp lời Dịch nói: Phật đến đất Hán có tổn chứ không lợi ích, vào nhà phá nhà vào nước phá nước. Thời Hán Minh Đế Phật pháp mới đến.

Đại Đường, Thánh Triều Chánh Tín Quân Tử Luận nói: Chư Phật đại nhân dạo trong Niết-bàn nhiệm mầu, đến nơi Bát-nhã chân không, chẳng thể dùng lời để cầu, không thể dùng tình lự suy lường. Hình đồng pháp tánh thọ mạng bằng thái hư, nhưng ứng vật hiện thân như trăng trong nước, cho nên Cù Sư thấy diện mạo ba thước, La-hán thấy thân trượng sáu, lớn đầy hư không, nhỏ vào sợi tơ, cộng hành, tùy duyên ứng chất, hóa nghi vô thường. Tìm khởi đầu của Thích-ca nương Hậu Hán Giao Tự Tấn, Ngụy... các sách và Vương Kiệm Sử Lục, Phí Trường Phòng Tam Bảo Lục, khảo Hiệu Phổ Diệu Bổn Hạnh... các kinh đều nói rằng: "Phật là người ngày mồng tám tháng tư năm Quý tỵ, đời vua Trang Vương năm thứ chín, đời vị vua thứ mười lăm nhà Chu đã nương lầu gác chiên-đàn hiện hình voi trắng, từ cung trời Đâu-suất giáng thần đầu thai vào Ma-da đệ nhất phu nhân của Đại vương Tịnh Phạn, giòng vua Sát-lợi thành Ca-tỳ-la nước Trung Thiên Trúc, được mười tháng giờ quỷ túc hợp của đêm mồng tám tháng hai năm Giáp ngọ, ở dưới cây Ba-la nơi vườn Lam-tỳ từ hông phải của phu nhân Ma-gia mà sinh ra, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tam thiên thế giới. Kinh Thụy Ứng nói: "Phất Tinh hiện xuống hầu Thái tử đản sinh". Bổn Hạnh lại nói: "Hư không chẳng có mây mà tự nhiên đổ mưa". Tả Truyện nói: "Sao rơi xuống như mưa". Đỗ Thị chú giải rằng: "Bấy giờ không mây nhưng phù hợp với kinh Phật, tin biết giờ Phật sinh". Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, bốn mươi chín năm thuyết pháp ở đời, đến nửa đêm ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm tý thời Chu Khuông Vương

năm thứ tư, ở thành Câu-thi nhập Bát Niết-bàn. Từ khi diệt độ đến năm Nhâm ngọ đời Đại Đường hiệu Vũ Đức năm thứ năm, tính ra được một ngàn hai trăm hai mươi mốt (1221) năm. Một trăm mười sáu năm, sau khi Phật diệt độ, ở nước phía Đông Thiên Trúc có vua A-dục sai quan lính thâu lượm xá-lợi Phật xây tám mươi bốn ngàn (84.000) ngôi tháp báu đầy cả Diêm-phù-đề. Trong chín châu trên đất Hán của Trung Quốc đều có tháp ấy. Khi A-dục xây tháp nhằm năm Đinh mùi thời Chu Kỉnh Vương năm thứ hai mươi sáu, tháp xây ở đời Chu trải qua mười hai đời vua, đến thời Tần Thỉ Hoàng năm ba mươi bốn thiêu đốt kinh sách nên các tháp do A-dục xây, do đó cũng sa vào cảnh diệt vong, kinh truyện nhà Phật không biết chỗ tồn tại, như mục lục Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... các kinh đều nói "thời Tần Thỉ Hoàng có Sa-môn nước ngoài như mười tám Hiền giả Thích Lợi Phòng v.v..., đem kinh Phật đến giáo hóa Thỉ Hoàng, Thỉ hoàng không theo bèn cầm tù Phòng v.v... Ban đêm có người thân kim cang trượng sáu đến phá ngục dẫn ra, Thỉ Hoàng kinh sợ cúi đầu tạ tội.

Hỏi rằng: Dù có thuyết này, đâu biết niên kỷ thì lấy gì làm chứng, xin nêu quyết đoán kia?

Đáp: Trước thời Hán Thành Đế, sứ giả Đô Thủy là Quang Lộc Đại Phu Lưu Hướng Truyền nói: "Hướng Truyền xem sách sử, đọc hết kinh sách, thường tự xưng là "tôi khắp tìm sách vở thường thường thấy có kinh Phật" và soạn", Liệt Sơn Truyện nói rằng: "Tôi tìm tòi tạng sách tìm thái sử xa xôi, riêng chọn bản đồ Liệt Tiên".

Từ Huỳnh Đế về sau sáu đời đến đời này, người được đạo tiên hơn bảy trăm người, từ trước xem xét thật giả xác định được một trăm bốn mươi sáu người. Lại nói rằng: "Bảy mươi bốn người kia đã gặp kinh Phật". Suy lời Lưu Hướng nói tạng sách là tạng sách nhân gian thời Thỉ Hoàng, hoặc nói rằng: "Sách cất trong nhà Phu Tử", y theo đây mà nói đâu chẳng phải trước thời Tần Hán sớm có Phật pháp lưu hành ở Trung Quốc. Tìm chỗ chép mười hai Hiền giả của Đạo An cũng ở trong số bảy mươi bốn người, nay Liệt Sơn Truyện thấy có bảy mươi hai người.

Xét kinh Văn-thù-sư-lợi Bát-niết-bàn nói: Sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm, ngài Văn-thù vào núi Tuyết nói mười hai bộ kinh cho năm trăm vị tiên nghe xong, bèn trở về bổn độ nhập Niết-bàn, điềm lành Hằng Tinh là ở thời này. Xét truyện Địa Lý Chí Tây Vức nói rằng: "Núi Tuyết tức núi Thông Lãnh", dưới nó có ba mươi sáu nước từ trước đều thuộc nhà Tần Hán, do Thông Lãnh nhiều tuyết cho nên gọi là núi tuyết. Văn-thù đến giáo hóa các vị tiên tức là chỗ ấy. Rõ mà

xét thì Lưu Hướng đã bàn có thể làm chứng. Tuy gặp đời Tần đốt trừ thì vào đời Hán hưng phục lại, cho nên trải qua, Dương, ngô, thục, phò phong Lạc Dương, tất cả tháp báu đều phát ra điềm thần đều ở các sách, nương xem xét Thành Đế, hiệu Hồng Gia năm thứ ba thuộc năm Quý mão, Lưu Hướng chọn Liệt tiên Truyện đã rõ, cho nên biết đời nhà Chu, Phật pháp đến đã lâu. Kẻ mù lại nói: “Có Phật ngôi vua ngắn ngủi”, thật đáng thương xót thay!

Y kinh, luật nói rằng: Phật Thích-ca thời chánh pháp ngàn năm, tượng pháp ngàn năm, mạt pháp vạn năm. Năm ngàn năm trở lại, bốn chúng tu học được trí ba đạt, chứng bốn đạo quả. Mạt pháp trở đi vẫn đắp ca-sa. Xem sách Dị Ký nhà Chu nói: Mục Vương nghe phương Tây có Phật, bèn cưỡi xe tám ngựa khỏe tốt đến phương Tây cầu Phật do vì khiêm nhường. Y cứ theo đây mà suy giống như Pháp sư Thống Thượng đáp sứ Cao Lệ rằng: “Phật sinh năm Giáp dần thời Chiêu Vương vị vua thứ năm của nhà Chu năm thứ hai mươi bốn, đến hiệu Võ Đức năm thứ năm là được một ngàn năm trăm bảy mươi bảy (1577) năm. Tin thời Mục Vương pháp đã truyền đến phía Đông, thì lời của Lưu Hướng càng được minh chứng rõ hơn.

Lại thời Hán Võ Đế đào ao Côn Minh được tro đen, đem hỏi Đông Phương Sóc, Sóc nói: “Thần chẳng biết được, hãy hỏi người Hồ - Tây Vức”. Sau Sa-môn nước ngoài là Trúc Pháp Lan đến mới đem việc này hỏi, Pháp Lan đáp: “Đây là tro còn lại của kiếp thiêu”, Phương Sóc là người thông minh biết rộng, nhưng biết đây là dị nhân tài giỏi, không hỏi không trả lời, không nói không đáp, đâu cho là không thông đạt, trước ghi lời người Hồ. Vì Phương Sóc từ lâu biết Phật pháp hưng thạnh, người thù thắng quyết đoán cho nên có lời hỏi đáp này.

Phật diệt độ, A-nan tổng trì một lời cũng không mất. Ca-diếp kết tập ngàn vị La-hán, hoặc viết trên da, giấy và lá cây, đến nỗi khiến năm trăm năm Trung Quốc đều vâng hành trì, mười sáu Đại vương đồng thời xây tháp. Đến đời Hán, Đông Lưu hai kinh đô trải qua mười sáu đời vua phiên dịch kinh này từ tiếng Phạm thành tiếng Hán, nối nhau đến nay có đến sáu trăm đời. Do đây mặt trời Phật lại sáng rỡ, bắt đầu từ đầu hiệu Vĩnh Bình kinh tượng được trùng hưng cho đến đầu hiệu Khai Hoàng, người Ngụy Châu Sĩ Hành Sa-môn Vệ Đạo An v.v... đều làm ký lục cộng vừa Hoa vừa Nhung và kẻ đạo người tục có một trăm tám mươi hai người đã dịch kinh, luật hoặc luận đại Tiểu thừa ba tạng tạp ký v.v... là hai ngàn một trăm bảy mươi mốt (2171) bộ, cộng chung có sáu ngàn bốn trăm bốn mươi sáu (6446) quyển, đâu không rảy cam

lồ nơi cảnh bốn ma, lưu truyền tuệ nhật trong ba cõi. Gấp dẫn tương lai thường truyền thắng nghiệp, dạy người bỏ ác làm lành, Phật pháp ích nước lợi dân là trước hết, không ai có thể bì kịp. Ông nói phá nhà là phá nhà ai, phá nước là phá nước ai? Con người tà kiến, súc sinh không sừng, đời trước kết tâm lang sói, từ lâu ôm lòng trùng độc, không có mảy may điều lành, gánh tội như núi, chứa ác không sửa đổi mà ngày càng làm dữ, bèn lấy sự ngu dốt kẻ đui mù mà suy lường bậc Thánh, nào khác chim cút mà cười chim đại bàng, con ếch ở giếng không tin có biển cả, đáng gọi là giống nghịch xiển-đề, là tội nhân ở địa ngục, đáng thương xót thay! Cho nên soạn luận. Tìm Phu Tử bảy mươi hai vị vua, Ba Hoàng, Năm Đế, Khổng Khâu, Lý Đam, các Thánh hiền ở đất Hán đều chôn xương ở ba suối bỏ thay ở chín đất, chưa có ai bằng Phật để xá-lợi hiện điềm lành phóng ánh sáng, đốt không cháy giã không nát, đến nay thấy ở đời so sánh có thể rõ. Vả lại, y cứ một điều này đủ biết thần đức của Phật pháp. Các bậc Thánh của Trung Quốc ai dám cùng làm bạn? Bèn muốn hủy diệt, việc này khó chấp nhận, bại hoại phong tục, tổn khuyết phước điền, dối hoặc nhân dân, làm dơ triều chính, thật đang than thay!

Dịch nói rằng: Phật pháp đến Hán không có ích cho đời.

Thưa rằng: Nói theo trước thì bậc tiên Thánh cõi này cũng chưa thể mở mang nổi. Còn như Khổng Tử, Chu Linh Vương lúc sống, Kỉnh Vương lúc chết, tính ra họ ở đời hơn bảy mươi năm, đã là bậc Thánh quyết có thể sửa sang vua lúc này vì sao lại trong mười bốn năm đi bảy mươi nước, Tống chặt cây, Vệ cắt dấu, Trần dứt lương, lánh sự giết của loài gấu, trốn loài sói cắn, tuy đáng thỉnh rước mà các nước đâu thể dùng. Ngay đời Xuân Thu đạo văn võ sa sút, vua mê tối, quan gian xảo, lễ hư nhạc hoại. Bấy giờ không Phật, do đâu nghịch loạn quá lắm như thế? Soán ngôi giết chóc do đâu sinh? Khổng Tử vẫn phải mềm mại thuận theo thời rụt rè mà tránh nạn, khó bảo bọc vợ con. Thọ cả trăm năm cũng không giữ được, hoặc phát lời nói của trái bầu, khởi lời than Triết Xuyên nhưng lại tôn thờ họ Lý, hại chim phụng không đến sông chẳng ra, ở Tây đi săn bắt được kỳ lân bèn dùng tay áo lau mặt nói: "Đạo ta cùng rồi, dù môn đệ ba ngàn người, san thị định lễ, cũng chóng chìm mất ở đời, không được nổi tiếng, ta vì sao thấy được đời sau. Gặp cái nhục ăn trộm, bị chê bai trượng nhân", so đây mà nói đủ có thể biết. Nếu cho là không lợi ích cho đời thì hai vị thánh Khổng và Lão kia cũng có sao lại ấp úng lưỡi gỗ mà không bày bắn ra?

9. Đáp lời Dịch nói: Chùa nhiều tăng chúng quyết làm điều quái

gở như Sa-môn Trương Quang đời Hậu Triệu, Sa-môn Pháp Trưởng đời Hậu Yên, Nam Lương Đạo Mật, Pháp Tú thời Ngụy Văn Hiếu, Tuệ Ngưỡng thời Thái hòa v.v... đều phản loạn.

Thưa rằng: Xét Thôi Hồng mười sáu nước Xuân Thu đều không có hạng người này. Ông rút ra từ sách sử nào? Nếu sinh dối gạt mê hoặc quân vương, xem quốc sử biết kia tâu sai. Xét sách của Tiền Hán, Hậu Hán liền có Côn Dương, Thường Sơn, Thanh Nê, Lục Lâm, Hắc Sơn, Bạch Mã, Huỳnh Cân, Xích My v.v... mấy mươi bọn giặc đều là người tục không quan hệ đến Thích tử, vì sao không nói?

Sách Hậu Hán nói: Bái Nhân Đạo sĩ Trương Lỗ Mẫu có sắc đẹp gồm ôm ấp đạo quỷ qua lại nhà Lưu Điểu, sau bị Ích Châu giết, Nhậm Lỗ làm Đốc Nghĩa Tư Mã, Lỗ cùng Biệt Bộ Tư Mã Trương Tu đem binh chụp giết Thái thú Tô Cố ở Hán Trung, đoạn tuyệt lương thực giết sứ giả Hán. Lỗ đã bị Hán Trung trở lại giết Trương Tu mà chiếm chúng kia, lúc này nương lời thần nói: "Áo vàng sẽ làm vua", Lỗ do đó tương ưng với Trương Giác v.v..., nhóm họp mọi người đều đội khăn vàng mặc áo đạo sĩ, mấy mươi vạn người làm giặc hại thiên hạ, tự chiếm cứ Hán Trung ba mươi năm, sau bị Tào Công phá Huỳnh Y mới diệt. Lúc này không có một Sa-môn, riêng nhiều đạo sĩ sao nín không bàn? Nhưng danh tăng đức hạnh đời Ngụy, Hán lợi ích đất nước rất nhiều vì sao không nói? Chỉ bày ác chuyên làm người xấu đâu phải quân tử?

Ngụy Chí nói: Trương Lỗ tự Công Kỳ, ông nội là Lăng Khách Thục học đạo ở núi Hạc Minh, soạn sách đạo để mê hoặc bá tánh ai muốn theo học đạo phải nộp năm thăng gạo, người đời gọi là giặc gạo. Lăng chết con là Hoành nối nghiệp, Hoành chết Lỗ lại nối nghiệp cha. Lăng là Thiên Sư, Hoành là Tự Sư, Lỗ là Hệ Sư tự xưng là Ba Sư, đòi cùng Lưu Điểu Thiện làm chết con trai là Chương Lập, do Lỗ không chịu nên giết mẹ Lỗ và cả gia đình. Lỗ bèn chiếm cứ Hán Trung dùng đạo quỷ giáo hóa dân, sách phù chương cấm làm gốc, người đến học ban đầu gọi là quỷ tốt, người thọ đạo dùng vật bằng vàng lụa gọi là tế tửu, đều riêng lãnh bộ chúng, chúng nhiều gọi là trị đầu, người bị bệnh dạy chuyển đầu, phần lớn giống với Trương Giác. Hậu Hán Hoàng Phủ Tung Truyện nói: Cự Lộc Trương Giác tự xưng là đại Hiền lương sư, phụng thờ Huỳnh Lão làm thuật Trương Lăng, dùng chú pháp phù thủy để trị bệnh, sai tám người đệ tử ở bốn phương đi giáo hóa thay nhau cuồng hoặc đời trong hơn mười năm, chúng có mấy mươi vạn. Từ Thanh, Từ, U, Ký, Kinh, Dương, Duyễn, Dự người dân tám châu đều nên theo để ba mươi sáu phương, phương vẫn còn hiệu tướng quân.

Phương lớn thì có hơn vạn người, phương nhỏ có sáu ngàn người, lầm nói trời xanh chết trời vàng sẽ lên, vào năm Giáp tý thiên hạ đại kiết (rất an lành) dùng bạch sĩ vẽ cổng chùa Kinh Ấp đều viết chữ Giáp tý. Ngày mồng năm tháng ba niên hiệu Trung Bình năm đầu, trong ngoài đều nổi loạn, đều là đạo sĩ mặc áo vàng đội khăn vàng, hoặc giết người tế trời, lúc này bọn giặc đông mấy mươi vạn, ban đầu khởi ở Dĩnh Châu làm loạn thiên hạ đều bị Hoàng Phủ Tung đánh diệt.

Nam Trịnh phản Hán mà Thục mất (rút ra từ sách Ngụy).

Tôn Tư học đạo tiên mà bại Tấn ((rút ra từ sách Tấn).

Đạo Dục tế rượu do đó họa nhà Tống (rút ra từ sách Tống).

Vu Cát làm nguy cấm để nguy hiểm nhà Ngô (rút ra từ sách Ngô).

Công Kỳ học đạo tiên mà cả nhà bị giết (rút ra từ Hoa Dương Quốc Chí).

Trần Thụy học đạo Lão mà cả dòng họ bị diệt (việc chép từ Xuân Thu, Tấn Dương).

Ngụy Hoa phản chồng (rút ra từ bài tựa kinh Linh Bảo).

Trương Lăng bỏ vợ (thấy ở Lăng Truyện). Con leo lưng cha, Vệ Thúc bỏ anh (rút ra từ Thần Tiên Truyện)

Thưa rằng: Từ Lăng ba đời chuyên làm đạo quỷ, sách phù chép chương tế rượu rút ra từ đạo nhà, cấm bọn yêu nghiệt vọng làm lành dữ, gian dối do đây mà khởi, nhưng Ngô, Ngụy về sau, Tấn, Tống về trước, đạo tục làm yêu mị số đó cũng không ít, sao lại riêng dẫn chúng tăng? Không bàn hai giáo Nho và Lão, còn như đại nghiệp năm Mùi là Vương Thế Sung, Châu Sám, Đường Bật, Tiết Cử v.v... đều là người tục, còn họ Thích, sao lại không nói? Việc nghiêng lý cuộc hạn, bên vực kẻ ác, ganh ghét người hiền là thần bất trung đã rõ.

Dịch nói: Mời tà giáo Phật Hồ lui về Tây Vức, hễ là tăng ni đều bắt hoàn tục.

Thưa rằng: "Trang Chu nói: Trong sáu hợp, bậc Thánh luận mà không bàn. Ngoài sáu hợp, bậc Thánh giữ mà không luận". Lão Tử nói: "Trong cõi nước có bốn đại mà nói ở một kia, xét đầu mối của thi, thơ, lễ, nhạc chỉ muốn soạn tựa luân thường rõ trung liệt hiếu từ là trước tiên, ý ở chỗ kính thờ vua cha, dầu xưng chí đức chỉ là an ngôi trị dân, nhờ cốt yếu của đạo, không ngoài dời đổi phong tục, từ Vệ phản Lỗ, nếu nói thuật giải thoát thì sáu phủ chín ruộng chưa tuyên bố ý chỉ rốt ráo và bàn việc dưỡng sinh giúp vật, nói ghi phụng vẽ rồng cũng có thể ôm ấp nhân tín, tôn chí khuyến khích nhau, chép kinh tạo tượng, buông

văn thiếu lý. Kế nói chín lưu, cuối nói bảy lược, xét văn nghệ Tiền Hán chí ở chỗ ghi các sách có mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín (13.269) quyển, công lao đều ở lợi ích gần, chỉ chưa xướng đường xa, đều tự cuộc hạn trong một đời, chẳng phải xa nêu tiêu biểu ba đời, khiến cho sẽ hiện lý nhân quả, hợp sáng vẫn còn tối, nghĩa nghiệp báo lành dữ, đã lớn mà chưa hiểu, cho nên biết tiêu diêu một bộ còn mê tình vẫn có, hai thiên đạo đức chưa vào cảnh không không, đây chính là hoàn cảnh của sáu hợp, là kế sách năm thường, làm sao khỏi bốn dòng rộng lớn, là cờ phiền não, sáu đường ồn náo, tạo nghiệp trần lao.

Hễ thật tướng thì vốn là vắng lặng, càng nêu cốt yếu của đạo pháp thân vắng lặng đưa ra nhiệm mầu lại thêm nhiệm mầu. Chỉ có Đại sư của ta, thể diệu giác này đốn bỏ hai bên, vạn đức đều dung, không ồn ào không vắng lặng, đâu thể dùng cảnh trí để cầu. Chẳng sáng chẳng tối đâu thể dùng hình gọi tên, là nhỏ thì nhỏ mà không có gì ở trong nữa, lớn thì lớn mà không gì lớn ngoài nữa. Cho nên có thể lường pháp giới mà khởi bi, suy lường hư không mà lập thệ, cho nên hiện sinh cõi uế, hạ sinh cung vua, thị hiện thân sắc vàng, bày ra tướng sợi lông trắng, trải mây từ ở Linh Thứu thì nhà lửa dứt, quạt gió tuệ ở Khê Phong thì cuốn mây mù nơi đường tối, đi thì hoa sen đỡ chân, ngồi thì thân nương tòa báu, ra thì Đế Thích đi trước, vào thì Phạm Vương theo sau, hầu bên trái là thần Mật tích vì diệt ác làm công lao, hầu bên phải là thần Kim Cang vì nuôi lành làm sự việc. Thanh văn, Bồ-tát nghiễm nhiên như thị thần (quan hầu), tám bộ vạn linh bảo vệ oai nghiêm mà dày đặc, diễn Niết-bàn thì đất hiện sáu thứ chấn động, nói Bát-nhã thì trời rải bốn thứ hoa như mưa, trăm phước trang nghiêm, hành trạng như trăng tròn như biển cả, ngàn tia sáng soi chiếu giống như nhóm mặt trời sáng núi báu. Sư tử một phen rống thì ngoại đạo bị phá vỡ, trống pháp kêu lên thì thiên ma cúi đầu, cho nên gọi Phật là Pháp vương, đâu được cùng Suy Châu, Ca-diếp sánh đức tranh hoành, Nho đồng với mạt liền tướng nối loại. Vì vậy trên trời dưới đất riêng xưng gọi là Điều Ngự, tam thiên đại thiên đều kính ngưỡng ao trạch từ bi. Nhưng lý sâu ý thú xa phải nhờ nơm bẫy (phương tiện), sau mới ngộ giáo môn khéo léo, nương thầy bạn mới thông giềng mối của giáo pháp kia, tạng có tám muôn bốn ngàn, văn của hai đế mười địa, bàn về Lộc uyển, Kỳ Viên, ý chỉ cung rồng điện Hải vương, chữ ngọc sách vàng nói bảy chỗ tám hội, thảy đều gởi chí đạo nơi trăm vua, quạt gió mầu ở muôn xưa, như ngữ thật ngữ không thể nghĩ bàn, gần thì an nước lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh, cho nên hình khắp sáu đường giáo đầy mười phương, thật

là ruộng phước của thế giới, là chỗ nương về của chúng sinh. Bấy giờ bọn kính tin như bảy ngôi sao sáng xoay quanh Bắc đẩu, người được sự giáo hóa như muôn sông đổ ra biển lớn. Xét thần biến kia, công sức sự nghiệp lợi ích người trời, cho nên không được mà gọi tên, nhân đã khắp hằng sa cho nên được quả thường vui, lành thay! Không thể suy lường, nhưng do thời vận chưa cho bèn khiến Phạm Hán cảm khác, cho nên phương Tây trước thờ âm hình, nước Đông lần tạm có lợi ích thấy nghe, và mây lành cuốn nhuần, mặt trời tuệ phóng quang, chính là mộng thấy người vàng ở niên hiệu Vĩnh Bình, thấy xá-lợi ở niên hiệu Xích Ô. Vì vậy chính sách của Hán, Ngụy, Tề, Lương tượng giáo phát triển sôi nổi. Đời Yên, Tần, Tống trở lại, danh tăng xuất hiện, hoặc vẽ mặt trăng tròn bên Thanh Đài, nêu tướng vòng tròn ở ngoài Hùng Môn, tới Hà Bắc lật lời Hán Nam ghi chép, đạo khởi ba phủ tin khắp chín châu. Bước đến Giang Tả mà càng đầy đủ qua chốn Kim Lăng mà thêm hưng thạnh, nước sông Vị giúp vườn Tiêu diêu, Gò lư gồm đài Bát-nhã, văn chương ý chỉ phát Việt đến Nghi, cao tăng thạc học nối liền đến xa. Đến đời Lương Vũ ba giáo vận hành rộng rãi, hai thừa đều làm, tuy ở cực đỏ hợp xanh ở Phần Dương, vắng rượu thịt mà người dọn bữa, huân hương giới mà vị pháp hỷ, sợ bốn dòng khó nhổ, thân bảy biện có thể giữ, khinh đồ trang sức mà mặc áo nhuộm, bỏ xe chạm trổ mà trải tòa cỏ, bấy giờ rộng dựng nghiệp đài tuệ, mở lớn nền bảo tháp (đời Lương ghi rằng: Đài đông phủ Tây đại ngôi hơn tám mươi năm, đô thị thành ấy hơn bảy trăm chỗ, tăng ni giảng đạo người nghe có cả ngàn. Thi, luận, nội điển đều tôn nghiệp Thánh chăm chăm không mệt mỏi, đều nhàm vinh hoa ở đời), đều khiến hào tộc năm đô nhàm quan niệm mà quy y, danh gia bốn biển bỏ vinh hoa mà vào đạo. Từ cõi nước chỗ ở của vua chúa đến thành sâu rộng của thanh giáo đều đảnh lễ hồi hướng năm vóc quy y, cái sâu của lợi vật là rất lâu. Khổng, Lão giáo hóa đâu thể cùng sánh, xét ba mươi sáu nước Xuân Thu. Các ký truyện Cao tăng, Danh tăng, Mẫu tử...., bắt đầu từ niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười đời Hậu Hán về sau thì Phật pháp đến Đông độ, chính sách trải qua mười đời gần sáu trăm năm, danh tăng Đại đức được người đời tôn trọng có hai trăm năm mươi bảy nước nêu trên, giúp cho người thấy. Đến Vương Công Yến, triệu, Khanh tướng Tề, Lương có hai trăm năm mươi mốt có hai trăm năm mươi mốt người bày hành nghiệp kia, mở rộng mười việc:

1- Dịch kinh;
2- Giải nghĩa;
3- Thần dị;

4- Tập thiền;
5- Rõ luật;
6- Di thân;
7- Tụng kinh;
8- Khởi phước.
9- Kinh sư;
10- Xướng đạo.

Đây nêu cao tăng đều là đức sánh bốn y công giúp ba nghiệp, pháp truyền Trung Quốc là chỗ được nhờ (tà kiến ẩn mà không bàn, chỉ nói năm ba người ác. Trong núi Tuyết vốn nhiều cam lồ có cỏ độc, trong biển lớn có minh châu cũng nhiều La-sát, dụ như Côn Khâu thiếu tảng đá, rừng Đặng tổn một nhánh cây thì có gì quái lạ?).

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 12

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 8) QUYẾT ĐOÁN ĐỐI VỚI VIỆC TRUYỀN DỊCH PHẾ BỎ PHẬT PHÁP.

Sa-môn Thích Minh Khái chùa Chấn Hương ở Miên Châu.

Vị tăng tên Minh Khái nói: Khái tôi nghe Ba Hoàng thống lãnh trời, Ngũ Đế chế ngự đất, đạo rộng bao gồm mà xa lớn, đức khắp che mà bình quân, mở giáo lành để dạy dân, trải lòng từ mà giúp vật, đến trung cổ đạo kia không thiếu, cho nên Hán, Võ khâm phục, thấy rõ điều lành mà không kịp hiển bày tông thông minh sâu sắc, thể đạo mà không ở, bèn có thể khuất phục tôn nghi, Cam Tuyền lễ điềm lành người vàng, nằm mộng ngẩng đầu tưởng đức bày, giáng chứng cớ tượng đồng. Vì thế Tần Cảnh đi phương Tây, vượt sa mạc mà hỏi thăm đạo, Ma Đằng đến Trung Hoa vượt Thông Lãnh mà truyền chân, bèn được dần dần giáo hóa triều Hán, chùa dựng hiệu Bạch Mã, đạo lưu truyền khắp đời, chùa dựng tên Thanh Long trong ấy dành chép tôn nghi, tôn sùng chùa tháp, nổi mây từ ở Lạc Nhận, thông nước pháp ở tận nguồn điều khiển hữu thức đến rừng phước, đẩy chúng sinh lên đất lành, mở bày Phật pháp soi chiếu giáo hóa người ngu mê, cho nên niên hiệu Vĩnh Bình năm cuối, Gia Thụy đến nhóm mây mừng thấm nhuần cam lồ, bóng ngựa phi nhanh, chim thần nhóm liệng, anh tài đỏ nở hoa tuấn tú, tinh hoa tía sinh cành liền lý, có thể gọi là kỳ lạ không từng có ở đời là điềm lành phi thường. Vì vậy Tây Vức vào hầu Nam Việt quy lòng nhân, yên giáp thôi binh, tiêu vàng bãi đao, đâu không do cảm Thánh giáng sinh, phụng thờ giới pháp, làm lành, tinh thành soi chiếu, đến chỗ tối lẫn sáng?

Cho nên sách nói rằng: Trời sinh vật thần để làm bậc Thánh, không đức đây ẩn, có đạo thì hiện, làm sử đầy đủ nên được rõ ràng. Chỉ có Đại Đường của ta được thời kỳ mở vận mệnh nắm cơ hội, chế ngự

niên đại, ngày sinh ra, dựng xây gia nghiệp. Ban đầu khởi nghĩa thì đạo đến cuối trăm linh, mới lên ngôi thì oai hơn muôn nước, cho nên đời đầy đủ, giáo hóa đến nơi, trao đạo ở Đông Đô, dựng đức ở Vũ Châu, sấn thân ở Bắc Sóc, khắc định Kinh Ngô, quét sạch Tần, Lũng, mới ứng cưỡi xe bảy báu mà bay đi, ngồi xe ngàn vòng mà nhẹ chạy, vòi vọi không cùng, mênh mông đâu thể gọi tên, công đã thành, sự cũng xong. Càng để tâm nơi Phật pháp, nhớ lời giúp đỡ, cho nên trang nghiêm tổng trì, lại khởi chín cấp. Sa-môn Thích Tử lại độ ngàn người, tượng hóa càng thạnh ở triều trước, chùa tháp xây nhiều ở đời Thánh, mới là đầu đội Tam bảo rộng hộ bốn y, chắp tay cúi đầu, quên mình là đế vương quý phái, thúc liểm tâm cong đầu gối chí thành cung kính.

Khái tôi tự mừng gặp gỡ vận mệnh tốt đẹp đây mới nguyện dứt tâm sạch cõi dốc chí ở cửa mầu, sáu thời đều gắng gỡ để đáp đức Thánh ở đời, năm thể siêng năng để báo ân rộng lớn. Vậy mà Dịch buông lời dối hoặc tâu lên nhà vua, khinh lời Thánh tốt đẹp, nhọn miệng chê bậc Hiền, phát ra lời xấu xa như tiếng cú vọ, nói tiếng độc hại như âm vang chim chẫm, chuyên muốn phá diệt Phật pháp, hủy bỏ chúng tăng, cắt đứt cơm áo, giảm bớt chùa tháp là vì sao?

Dịch từng là đạo sĩ, ghen ghét tị hiềm trong bụng cho nên chê Thánh là thua phàm, kẻ ngu hơn người trí, sau nữa khoe khoang với kẻ trên, dùng xấu cho là tốt, trái ý nghịch tình đều ở nơi đây. Nhưng lời gièm pha hại đức, nghe ý nghiêng lệch tổn Thánh hiền, cho nên nhà Tống nhận lời Tư Hãn cầm tù Hắc Địch, vua Lỗ tin lời Lý Tôn bèn đối với tăng ni hai người con hiền của Phật bỏ phế hay tự khỏi chê bai tám điều, hoặc lụy đến người sau.

Chúa thượng anh minh đâu cho gièm pha nói xấu dầu kia ba lỗi đâu gây ra một mối nghi. Nhưng mây nổi ở trời xanh, giữa ban ngày có lúc cũng bị mờ, che lấp mặt trời, ánh dương vì vậy không sáng lắm. Mà Truyền Dịch dùng lời phù phiếm mê hoặc kẻ thấy nghe, lý tình huyễn hoặc, lời lẽ lẫn lộn đâu thể chuyên nghe, đâu nên riêng tin? Xin cùng quyết đối giữ phá nhân rõ, không xứng đáng ở trong tăng chúng, dự tham bạn pháp, bỗng nghe chê bai đâu không rất đau lòng, dầu quay đao khoét tim cũng chưa có gì là đau đớn, rút dao cắt thân đâu cho là chết, rất phỉ báng đau thương, dữ dội rất lắm. Kinh nói rằng: Quên thân ủng hộ pháp, bỏ mạng mà hoằng đạo” chính là đây, mới rút ruột nhỏ mật để báo cừu thù tà nghịch, thân bày chí thành hiến dâng, nhục mạ phỉ báng sư phụ trắng trong, mê muội không nghe theo, theo đuổi kinh hoàng. Kính lời.

Kính tâu quyết phá việc Truyền Dịch báng Phật chê tăng có tám điều nêu như sau:

1. Quyết phá việc tăng ni sáu mươi trở lại chọn làm lính tráng và nông dân.

Khái tôi nghe rằng: "Chí lý thì tuyệt lời, vốn ra ngoài sự khen chê. Tông nhiệm mầu lìa nói năng, vượt sự nói nín". Nhưng tình người không ngộ lời kỳ lạ cạn sâu, đạo đời phần nhiều mê hoặc bày tinh, thô. Cho nên có đạo trong ngoaì khác nhau, thuyết tà chánh khác nhau, vị phàm Thánh lập riêng, giáo lớn nhỏ phân chia. Nếu cho là đồng hội Nhất thừa, há chấp đó để phỉ báng Phật, trọn đến cực quả không đóng lại để lầm chân, thí như ngàn sông chảy về chỗ mênh mông, muôn dòng nước đều dồn về biển cả, trong ngoài chứng minh, đâu phải lời luống dối. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Đối với chư Phật quá khứ, hiện tại hoặc diệt độ, nếu có người nghe pháp đều sẽ thành Phật". Lại kinh Niết-bàn nói: "Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, rốt ráo đều sẽ thành Phật đạo". Lại Đạo Gia Pháp Luân nói: "Nếu thấy Sa-môn suy nghĩ vô lượng, nguyện sớm xuất thân để học tập làm chân Phật. Nếu thấy vẽ tượng Phật, suy nghĩ vô lượng phải nguyện tất cả khắp vào cửa pháp". Lại kinh Linh Bảo Đổng Huyền Chân Nhất nói: "Chúng chân cao tiên đã được Phật đạo". Lại kinh Linh Bảo Thái Thượng Bí Yếu nói: "Riêng ở hiện tại đồng được Phật đạo". Cho nên biết không hai cửa mầu trọn đồng vào, chỉ có một cực quả nên quyết cùng lên, nếu chấp dị đoan tự để lại mê đọa.

Người học thời nay lãnh chí tầm thường ngu muội, trộm lời chân vọng đặt sách ngụy, cho nên xoay chuyển trong năm đường giả làm kinh tiên, ba ngàn oai nghi dối xưng giới đạo. Đến Phật nhận pháp sửa làm đạo trời, khuyên làm hạnh Phật chuyển thành lời đạo Lão. Mượn ngang oai nghi Phật pháp, dối tập cách thức chúng tăng, hoặc đem chân chống ngụy đâu biết phải quấy, lật chánh vào tà đâu biết là điên đảo. Sự đồng giặc ngu si trộm áo da chồn mà mặc, có loại người ngu trộm châu anh lạc mà đeo lộn ngược, những loại như thế số cũng rất đông chỉ lược nêu hai ba điều không thể kể tỉ mỉ.

Nhưng Truyền Dịch từng là đạo sĩ, thân mặc áo vàng mà không vâng theo phong hóa vô vi của Lý Lão (Lão Tử), chuyên hành pháp binh sử của Trương Lăng, hoặc thân làm giặc gạo, nhóm họp thâu gom không đầu mối, danh gọi là quỷ tốt, chú trớ đâu có kỵ, tắm gội chải chuốt giống người thế tục, chìm đắm ái dục chẳng khác người đời. Lại thêm bên trong ôm ý ganh ghét ngoài buông lời gièm xiểm dối trá, chê

bai ồn ào, lớp lớp mắng nhiếc, đây mà có thể nhịn thì ai lại không thể dung. Nay y sự thứ lớp quyết phá, cúi xin gương Thánh soi xét rõ.

Dịch nói: "Chúng tăng cạo tóc nhuộm áo, không bái yết vua chúa, trái lìa cha mẹ, chẳng có trung hiếu". Nay đạo sĩ đội mũ mang khăn nên lạy vua, ở nhà hầu nuôi là trung hiếu chăng? Nay đã không vậy đâu lại trách riêng ai?

Hễ nói về người trung, thờ vua đến trọn đời, giữ nghĩa đến mất thân. Người hiếu là thờ cha mẹ chí thành còn mất để nuôi giúp. Cho nên Đạo an thẳng can ngăn để giúp Tần, Phật đồ lời ngay để giúp Việt, Mục-liên bưng bát mà nuôi mẹ, Thích-ca gánh quan tài mà chôn cha, an nước giúp nhà đâu chẳng phải là những bậc trung hiếu? Không như đạo sĩ Trương Lỗ loạn ở đời Hán, Tôn Ân phản ở nước Tấn, Trần Thụy học tập đạo Lão mà tru di cả tộc, Công Kỳ học đạo tiên mà giết môn đồ, loạn quốc phá nhà đâu có trung hiếu!

Lại nói: Chúng sinh ngang bằng nhau trong không áo ngoài hình cách, thai yêu, giết con, trái lễ, nghịch trời. Nay đạo sĩ đã ngậm khí tu trai giao tiếp nhận đạo nên hộ thai, sinh con, thuận lễ, hợp trời, đây thì vợ chồng sánh đôi thành đã lâu, âm dương vốn hợp mà không sinh sản thật là thai yêu, nên lựa bảo làm dân, khiến họ nuôi con để tăng thêm dân đủ thêm binh, đâu chẳng ích nước lợi dân ư?

Lại nói: "Tăng có mười muôn, người sáu mươi tuổi trở xuống chọn làm lính thì binh mạnh, nông được khuyến khích". Hễ nói về binh mạnh, xét loại chúng tăng lãnh nhận giáo pháp của Như Lai, ăn chỉ gạo bún, khoai, rau, thân thể gầy, sức yếu, tâm trống khí kém, không nhổ cỏ, chống đạp côn trùng, tu tập nhẫn nhục từ bi, ưa sinh ghét giết, đối địch nhiều khiếp sợ không có tay quyết nghi, luống nhọc hành quân không ích lợi cho khí thế của lính. Như nói về đạo sĩ người đủ mấy muôn, cúng ba thời năm thọ cấm hành thể, sớ tâu quyết cắt mề gà, cúng tế muốn cầu rượu thịt, thịt thái nhỏ, rượu ngon rượu tục buông lung sự no say cho họ, thân mập sức mạnh tâm khí dõng mãnh, đâu nhịn người không thân thích, ghét sinh ưa giết, lâm trận quyết mạnh tay hạ thủ không nghi, bày hàng quân ngũ quyết mạnh thế lính. Nếu so sánh sức kia thì đạo sĩ mạnh, nói về đức thì chúng tăng hơn, lấy bỏ nên chẳng đoán rất dễ hiểu.

Nếu nói lấy thân cày bừa để làm ruộng, đây là do kiến chấp hẹp hòi chưa phải thông thoáng. Phàm tục không thể dùng một lễ giúp, chính sách không thể dùng một đạo mà trị, sĩ không thể dùng một hạnh để giữ, dân không thể dùng một nghề mà thành, cho nên Hán Thơ Hóa

Thực Bộ nói: "Xưa bốn dân không được ở lẫn lộn, sĩ tướng cùng nói nhân nghĩa ở bữa tiệc, thợ thầy cùng bàn hay khéo ở quan phủ, người buôn cùng luận tài lợi ở chợ, nông dân cùng bàn cày cấy ở đồng ruộng, bốn hạng dân này riêng đặt chỗ ở mà vui nghề nghiệp của mình". Cho nên được tài thành nghi của trời đất, dùng tiền vật lợi quốc gia. Nay chúng tăng cũng có nghề riêng, luận bên trong dùng từ nhẫn đẩy tâm tức là nhân nghĩa của kẻ sĩ, nói bên ngoài thì lấy phương tiện khéo léo giáo hóa mọi người tức là kỹ năng của thợ, bàn về hạnh dùng cho trả đối nhau tức là chợ búa của người buôn, kể về đạo thì mình và người đều được giúp tức là sức làm ruộng của nông dân. Đây thì được sự thành thật có thể cảm quỷ thần, chỉ có đức mới có thể chấn động đất trời, vận tâm từ để giáng thấm nhuần, trải ân huệ để tưới ướt. Cho nên chính sách lành thì chợt mùa theo xe, sâu bay tránh cảnh, mì Lũng lúa Song thành gạo chín lần trồng, bởi do công của chính sách lành, chẳng phải chỉ có sức của nông dân.

Lại nói: "Muốn cho chúng tăng bái lạy đế vương khắp ở triều điển", đây là một cái chấp rất mê muội điên đảo, đã tự mình rớt hầm lại dẫn người rớt giếng, muốn cho cùng bị hãm thật có thể được chăng? Xưa, Hoàn Huyền soán nghịch, Cuồng Bội vô đạo, đã có luận này bàn tán không từ tốn rằng: "Sa-môn Thích tử cạo tóc nhuộm áo, kể kia là người phương ngoài, không câu nệ gì lễ của Trung Quốc, cho nên ca-sa bày vai chẳng phải triều phục của đời Tống, bát sành cây gậy đâu phải dụng cụ của lăng miếu mà Huyền, Bội nghịch phản cô chấp không sửa đổi, đã làm nhục ba tôn, bồng bềnh bảy miếu dân oán, thần giận, mọi người phản nghịch, thân thuộc xa lìa, quân bại ở Đông Lăng, mất thân ở Tây Phổ, soi rõ vết xe lật ai không răn dè?

Hoàng đế Đại Đường của ta, mạng Thánh lâu dài ứng thời kỳ nghỉ ngơi, ngay vận thịnh vượng, thôi bùn, dứt tro than cứu kẻ yếu đuối, giúp người chìm đắm, hoằng thánh giáo để dạy dân rủ lòng nhân để nuôi người, năm tháng hòa tiết được mùa, thời khí phồn vinh, đức lớn công khéo ai có thể dốc hết năng lực; lại thêm trong ôm bốn đức ngoài thờ ba tôn, dẹp xe ngựa mà quy y, bỏ mũ niện mà hồi hướng, cho nên được tám phương cúi đầu muôn nước đều ra mắt, đâu trách người lìa tục khiến đủ lễ tại gia. Nay đạo sĩ mặc áo, cầm bảng, đội mũ choàng khăn, đã mặc áo quan lại cần thực hành lễ yết kiến vua. Xưa thiên sư quý sĩ còn lạy đế vương, nay dân hèn lính mọn cần quỳ thưa khanh tướng, nên dạy đạo sĩ học tập phép thầy chầu bái đế vương, thăm lạy quan trường khắp ở triều đình đâu không nên sao?

Luận rằng xét từ Hán, Ngụy đến nay trải qua chín đời, trong thời gian ấy đạo sĩ tà đạo loạn triều, lời yêu mị phạm quốc, giở xem sách sử đời nào không có. Thời Hiến Đế Hậu Hán, Trương Lăng, Trương Lỗ dối nói lời ma giả làm sách sấm nói rằng: "Sau khi ngôi nhà Hán diệt áo vàng sẽ được thiên hạ", bèn cùng Cừ Lộc, Trương Giác Viễn làm ngoại ứng làm khăn đội vàng, mặc áo vàng, nhóm họp đồ chúng, lừa bịp dụ dỗ dân ngu, mưu hại xã tắc liền bị tru diệt. Cho nên sách lễ nói: "Tà đạo loạn quần phải giết", ngày nay đạo sĩ không mặc lễ phục tham triều của Lão Tử mà mặc áo loạn quốc của Trương Lỗ, thầy trò nối nhau làm giặc không đổi, số người đã đông cùng kết đảng giặc, hoặc gây ra sự dòm ngó thèm thuồng, đâu không chuẩn bị. Kể ra số kia có năm vạn, lựa chọn làm lính, thâu thuế đóng tô, sinh sản con cái, thì lợi nước ích dân, mạnh binh khỏe nông. Như ngu kiến của Khái tôi, người như phép vâng theo mà thờ, người trái cấm bỏ mà xử, ngõ hầu cỏ vực cỏ kê nếu nhổ bỏ thì ruộng lúa tươi tốt, gian tà đã đuổi thì đồ chúng tốt đẹp trong sạch, đâu không tốt hay sao?

2. Quyết phá thuyết: "Chùa bằng vách đất lợp tranh thì lấy thờ các vua có đức của Tần Hoàng, Hán Võ".

Khái tôi nghe rằng: Pháp thân không hình, ứng vật có nơi, cho nên giả hiện tòan thân đặt ở tháp Đa Bảo, quyền phân chất nát lưu lại ở khám của A-dục, cho nên sẽ hợp tan tùy duyên, còn mất mặc tình, năng lực quyền biến của bậc Thánh không thể nghĩ bàn. Nhưng Phật sinh ở Thiên Trúc, theo phong tục nước kia khi chôn thì hỏa táng, thâu lại để xây tháp. Tháp tức là miếu, miếu là mạo, cúng tế phụng thờ như dung mạo vẫn còn. Tông miếu xã tắc của quốc gia ngày nay giống như đây. Nhưng sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm có A-thâu-già làm Thiết luân vương ngự ở đời, dùng oai đức sai khiến quỷ thần, tu phước lực khởi linh miếu, cho nên tám muôn bốn ngàn tháp không phải một ngày mà thành, nhà ngàn cột trăm kèo đâu phải một sớm mà xong, đâu nhọc sức người, tự là công của thần linh, há lại lấy tình phàm phu mà nghi việc Thánh hiền, nào khác dùng rá vo gạo mà lường nước biển, đem thước tấc mà lường hư không có thể được sao?

Xá-lợi lưu hành đến đông độ Ngô Vương mới cảm, tăng từng cúi mời, Đan chí thành mà bỗng đến, Tôn Quyền thử nghiệm, chồng đá thớt hỏm xuống mà càng vững chắc, vì thế ánh sáng chiếu thẳng lên soi sáng mà phủ ỷ, phát màu ở kề bên, nổi bật dưới miếu đá, từng thời vui mừng rộng khen oai linh, bèn đến triều thần nghe đều tin phục liền xây tháp và tạo già-lam. Duyên là ở Giang Tả rộng là Phật sự, đâu như

Thái Thượng cốt khô ở Quan Trung, riêng không có xá-lợi, Thiên Sư thề chôn ở Xà Phúc đâu có di cốt, chỗ nào để nương tựa mà sinh dối trá. Nghe Phật có xá-lợi tám hộc để nêu di thân, bèn giữ lại một hai hòn đá nhỏ để thay thế trứng tiên. Nhưng trứng tiên vốn là âm của heo cuồng huyền đàn là miếu Lão quỷ, nếu nói xá-lợi là cốt Hồ lý hơn âm của heo cuồng, tháp Phật là mả Hồ đâu giống miếu Lão quỷ (quỷ già), đâu thể dùng cao thấp so sánh nhau đồng bậc. Cho nên ngày nay đạo sĩ thấy xá-lợi như gai trước mắt đâu chịu quy y, thấy tháp Phật như bị đâm tim chuyên âm mưu phá hủy, luống có tâm tà ác có đúng chăng? Nhiều đời đến nay người làm vua chúa đời trước đều có trồng gốc lành, ôm lòng chánh tín, dốc của quý xây tháp, rút tiền báu thờ chân, đều muốn duỗi sự chí thành ra xa, gây cho kia sự kính thờ như còn tồn tại, cho nên khéo xây tháp chín cấp đủ cả sự trang nghiêm, cách tạo trăm kèo cùng tột tráng lệ, khiến cho người nghèo bưng để thì cung Phạm Thiên lập thành, bậc Trưởng giả giăng dây thì cõi trời liền hiện, đạo nhân quả lý đây rõ ràng, bọn tối tăm mù mịt đâu thể ngộ được.

Luận nói: Xét kinh Nhân Vương thì vua chúa thế gian có năm hạng:

1- Vua Túc Tán, oai đức rất kém;
2- Vua Thiết Luân, cai trị cõi Diêm-phù-đề;
3- Vua Đồng Luân, cai trị hai thiên hạ;
4- Vua Ngân Luân, giáo hóa ba thiên hạ;
5- Vua Kim Luân, thống lãnh bốn thiên hạ.

Năm vị vua này nói về ngôi vị thì cao thấp khác nhau, nói về đức hơn kém có khác, xét Tần Hoàng, Hán Vũ thì trong Diêm-phù-đề chỉ có vua ở Chấn Đán là vua Túc Tán trong năm hạng vua. Đây là đức kém mà ở lầu đẹp, gôi thấp mà ở đài cao, không dùng ân huệ cảm người, chuyên lấy roi vọt sai khiến vật, đến đỗi thần kỳ trách giận, dân chúng thở than, cho nên sử chê đó cho là vô đạo. Lại sau khi chết xây dựng lăng tẩm, phí tổn muôn lượng vàng, nhọc nhằn trăm họ, vì vậy xương thịt tiêu tan, linh ảnh mất dấu vết, niên đại vắng vẻ, oai phước đâu còn.

Phật Thích-ca của ta ứng hiện ra đời, đức vị riêng cao, đạo trùm trăm linh, thần vượt vạn ức, là cực Thánh trong bậc Thánh, đức cao trước ngàn Thánh, vua pháp trong hàng vua, ngôi ở trên trăm vua, há Tần Hoàng, Hán Vũ mà so sánh hơn kém với Phật ư? Phật thì đức cao mà ở lầu đẹp, vị tột cùng mà ở đài cao, chỉ dùng đức cảm hóa người, không dùng roi vọt để sai vật, tự có vua chúa mừng bỏ linh thần bày gi-

úp, sau khi diệt độ lại xây tháp miếu xá-lợi không mất, oai linh thường còn, hủy tháp liền thấy điềm xấu, phá chùa mắt thấy họa đến, cho nên vua Ngô là Tôn Hạo xa xỉ, dâm ô, hà khắc, bạo ngược, không kỵ tội phước, nói không có báo ứng, đào được tượng đồng sai để chỗ nhà xí, đến mồng tám tháng tư, tiểu tiện lên đầu tượng nói rằng: "Nay ngày mồng tám ta rưới đảnh cho ngươi", trong phút chốc liền bị đau dương vật, khổ độc khó chịu nổi. Thái Sử xem bói nói: "Vì phạm lỗi với đại thần", cầu cúng khắp nơi đều không giảm bệnh. Sau nghe nói Phật mới kinh hoàng tự than thở ăn năn lỗi trước, liền sai rước tượng, dùng nước thơm tắm gội dập đầu tạ lỗi ứng tiếng bệnh liền lành, do đây sinh tin giới, sợ sệt trọn đời.

Lại đời Tống, quan Tạ Hối, đến thành Kinh Châu, trong thành có ngôi chùa năm tầng, trong chùa có tháp xá-lợi. Hối tánh tình hung ác bạo ngược, trước không thành tín nói rằng: "Chùa tháp không nên ở trong thành, bèn sai người phá hủy", bấy giờ, tự dẫn quân sĩ thẳng đến trước tháp, mọi người đều rùng mình run rẩy không dám giơ tay, Hối bèn đánh trống bắt buộc xua quân lính xông vào đạp cửa khám, chẻ phá tôn tượng, bỗng chốc mây vần vũ che mờ mặt đất, gió nổi bụi mù dâng lên đến trời, Hối và quân lính thân bị tro đất phủ, dùng tay phủi thì da thịt rớt theo, trở thành bệnh dữ khắp thân ghẻ lở, không bao lâu phản nghịch liền bị tru diệt. Việc này đều như Tống Tuyên Nghiệm Ký đã nói, lược nương ký truyện nêu các việc này để chỉ bày các người chưa ngộ hiểu bụng dạ tai mắt kia. Như ngu kiến của Khái tôi thì Đức Thích-ca ứng thế mọi người cùng tôn kính, lúc xưa đã có chùa tháp, nay người xây dựng xin hãy giữ gìn. Lão Tử qua đời chỉ còn hư không, khi còn ở đời không hề có nhà cửa, nay đua tranh quá đáng, xin nên lược bớt.

3. Quyết pha thuyết: "Các châu và huyện bỏ bớt chùa tháp thì dân an nước thạnh trị".

Khái tôi nghe lúc xưa bậc minh quân cung kính phương Nam, trí nghĩ trời đất không dứt lo, điều hòa vạn vật không tự nói, nào phải nhọc nơi cầu sĩ, khỏi trách nhiệm sai khiến, chỉ được người kia thiên hạ tự trị, cho nên hỏi thăm thất đạo tuyên suy nghĩ Chánh minh đường, đánh giá công vụ mà chia chức quan, theo phương mà trao chức, tám khúc khải hoàn đều bày, mười loạn phải chầu triều, do có thể che chở quốc gia, ổn định xã tắc. Vì vậy mở rộng từ bi để giáo hóa, hoãn thuế mà an ủi người nghèo, hành giáo pháp chín nhân, bớt hình phạt mà dè dặt ngục tù, mở đức thấm xa đến mà an kẻ gần, định thành công chế lễ mà làm vui, đó là chí cực của trị, có thể được mà xưng, cho nên sách nói rằng:

Trị quốc sự an dân làm nền tảng, an dân lấy quan lại tốt làm gốc, nếu được người như vậy thì nước yên, không có người như vậy thì dân loạn, cho nên biết thần trung quan hiền có thể trị nước an dân, nhưng phải kính điều thiện, dựng phước, trồng quả, tu nhân, kính thờ thần minh, tôn phụng linh miếu, đâu thể hủy tháp phá miếu chiếm chùa đuổi tăng, linh kỳ làm điềm, phước họa phải dè dặt, mà Dịch hung ngược chuyên buông lời dối trá, Thánh hiền soi sáng lý không đến nổi mê lầm.

Luận nói: "Trộm thấy cây nêu làm cõi, lập gạch đá để xưng vua, chồng đất thành đàn, buộc búi tóc mà làm trang sức, đến lúc nguy gấp cầu xin có chút oai linh, mưa hạn cầu thành khẩn thì tạo ra ân phước". Huống gì Phật thần dáng như núi nghi, linh tướng rõ ràng mà muốn khinh hủy là được chăng? Từ khi Hán Minh cảm điềm mộng, chùa xây đặt tên là Bạch Mã, Tôn Quyền nghiệm điềm lành tháp ban đầu hiệu là Kiến Sơ, từ đây về sau nối nhau mà khởi. Từ trước nếu thần đạo mất, không vua chúa đâu nên thờ kính, oai linh ẩn mất quốc chủ đâu còn tôn thờ, đều do thân gặp mắt thấy nên khiến quy y hồi hướng. Chưa bằng đạo Lão đều không nương cứ ngày Lý Lão thờ Chu, chưa có đàn tế nhiệm mầu của buổi sáng Trương Lăng mưu nghịch nhà Hán mới xây nhà quan sát, cho nên Hậu Hán Thuận Đế Trung có hoạn nạn, người là Trương Lăng làm khách đến đất Thục. Nghe người già cả truyền nhau rằng: "Xưa Hán Cao Tổ ứng hai mươi bốn khí, cúng tế hai mươi bốn núi, vua bèn có thiên hạ", Lăng không đức độ bèn tạo mưu, giết trâu cúng tế hai mươi bốn chỗ, đặt dùng đàn đất chở dùng nhà tranh xứng hai mươi bốn trị, lập xây quán trị bắt đầu từ đây. Hai mươi ba chỗ ở đất Thục, một nơi đứng đầu ở Hàm Dương, vì thế dối trá dụ dỗ người ngu, chiêu vời đảng ác, thâu lúa tô thuế mưu làm loạn, khi bị rắn nuốt mối nghịch hiểm không thành. Đến cháu là Trương Lỗ họa loạn mới khởi ở Hán Trung bị Tào Tháo diệt. Từ ấy đến nay bầy oan nghiệt nối nhau, nương gá trị quán hằng làm yêu tà, cho nên niên hiệu Trung bình năm đầu đời Hán Thuận Đế có Trương Giác người ở Cứ Lộc tự xưng Huỳnh Thiên Bộ Sư, có ba mươi sáu vị tướng, đều đội khăn vàng, xa tương ưng với Trương Lỗ, có chúng đến mười muôn thiêu đốt thành Nghiệp, Hán trừ đuổi đến Hà Nam quan đâu có tiến, binh tướng bị diệt.

Lại niên hiệu Hàm Ninh năm thứ hai đời Tấn Võ Đế bị đạo sĩ Trần Thụy dùng tà đạo mê hoặc mọi người, đồ chúng có mấy ngàn năm tháng lâu dài, sau bị Thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn giết.

Lại niên hiệu Thái Hòa năm đầu đời Tấn Văn Đế, ở Bành Thành có đạo sĩ Lư Tủng tự xưng hiệu Đại Đạo Tế Tửu, dùng tà thuật mê hoặc

chúng, nhóm họp bè đảng, trước cửa Thần Công Quảng Hán nói rằng: “Rước vào Hải Tây Công Điện”, Hoàn Bí v.v... cùng đánh nên bị tru diệt.

Lại niên hiệu Đại Đồng năm thứ năm đời Lương Võ Đế, đạo sĩ Viên Căng dùng lời yêu mị mê hoặc mọi người thực hành gò cấm bước, quan quân bất ngờ đánh úp liền bị giết chết.

Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười đời Tùy ở huyện Xương Long, Châu Miên, đạo sĩ Phổ Đồng cùng Tả Đồng quán Băng Hán tự xưng chứng thánh dối hoặc nhân dân, chồng giường cao đến nóc nhà rồi ngồi lên đó, nói rằng: “Đồng nữ mười lăm tuổi mới đáng nhận pháp”, khiến con gái lên giường dùng màn vây quanh, bèn liền gian dâm, như vậy qua nhiều tháng số gian nữ tính ra mấy trăm người, sau sự việc bị phát giác, do đó bèn trốn mất. Lại niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám ở Ích Châu có đạo sĩ Hàn Lãng, ở Châu Miên có đạo sĩ Huỳnh Nhu Lâm, mê hoặc vua Thục khiến khởi ác nghịch nói rằng: “Muốn dựng đại sự phải nhờ duyên tốt” bèn dạy vua Thục dốc hết kho vựa làm tượng đạo ngàn thước, dựng đại trai ngàn mặt trời, vẽ hình tiên đế buộc ngược đầu tay, chú thuật mà ếm đè. Ông Triệu Trọng Khanh ở Hà Bắc tra xét biết được sự thật, đưa về kinh tra hỏi mới chịu tội, bèn đưa ra ngoài chợ hành hình.

Nay Đại Đường đổi mới, lời yêu hoặc còn khởi, cho đến niên hiệu Vũ Đức năm thứ ba ở huyện Xương Long, Miên Châu có người dân tên Lý Vọng, trước thờ Huỳnh Lão, hằng làm yêu mị. Đại Nghiệp năm cuối có đạo sĩ Bồ Tử Chân hơi rỗi đạo thuật bị đưa về Đông Kinh, đến Lương Hán thì chết, vì chôn mất ở kia mà Lý Vọng kiêu ngạo nói: “Tử Chân gần về”, lại ở huyện kia trong núi có một hang đá, hang đá âm u không ai dám dòm ngó, Vọng bèn dựa vào đó làm yêu mị dối trá, ở chỗ sáng thì dài cổ lớn tiếng lãnh nhận truyền thống, vào chỗ tối thì nghẹn hơi nhỏ tiếng dối nói họa phước, bèn khiến đàn-việt ngay thẳng dường như muốn hồi tâm, tà khúc ngu phu lý nên tìm nói. Truyền thuyết đạo sĩ truyền khắp huyện cùng châu, quan dân ban đầu xem xét đều tin nhận, sau Thứ sử Lý Đại Lễ nói: “Việc này chẳng được xem thường, phải tấu trình vua, nên nhờ thân nghiệm mới định được đúng sai”, bèn cùng quan ở Hạp Châu và đạo sĩ hơn một trăm người cưỡi ngựa ngồi xe, sửa soạn khăn áo, sắm nhiều vật cúng tế, nào rượu nào thịt các đồ cần dùng đồng đến trước hang bái lạy cầu xin. Bấy giờ Vọng đối đáp, người nghe dốc lòng, chỉ có quan huyện Ba Tây là Nhạo Thế Chất bấy giờ rất hiểu cơ tình, biết kia dối trá, vào chỗ tối lén hầu thấy Vọng nuốt tiếng, Chất

quát mắng, Vọng liền khuất phục, bắt Vọng về giam ở Cấm Châu tính việc luận tội, chưa được mấy ngày Vọng uống thuốc tự tử.

Khái tôi tìm sử sách xa xôi, nghiên cứu xưa nay chỗ ghi truyền điều mắt thấy tai nghe bọn tà đạo loạn chính ở đời có mấy người, lược nêu năm ba chuyện để làm cớ soi xét răn dè, cúi xin đèn trời soi xét nên dẹp trừ. Như ngu kiến của Khái tôi thì nếu hành đạo thanh hư của Lý Lão y vậy mà giữ gìn thì còn đó, nếu tập theo pháp tạp uế của Trương Lăng thì loạn sẽ dấy khởi, đây thì gạt yêu tà kia, bỏ tàn giặc kia, có thể gọi là ngừng dứt bạo loạn, đâu chẳng phải là trị quốc an dân ư?

4. Quyết phá thuyết: "Tăng ni bớt khăn áo thì tằm không chết oan, người nghèo không đói".

Khái tôi nghe: Do khí hòa hợp thành thân luống dối, bên ngoài mạng căn cần nhờ áo cơm để nuôi sống, bên trong báo thân cần dựa hình thần để tồn tại. Hình thần không thể đứng riêng, nương áo cơm để giúp, áo cơm không thể quá phí, hạnh gồm hổ thẹn để tiết độ, cho nên kinh Di Giáo nói: "Tỳ-kheo nhận ăn đến được thân phần", lại nói "mặc y hoại sắc để bỏ sự trang sức tốt đẹp", đây là lời dạy sáng suốt, ai không vâng theo. Nhưng Như Lai chế giới theo nhiều căn cơ khác nhau, người có bậc thượng bậc hạ, chế giới có rộng có hẹp có gấp có huỡn. Bậc thượng thì chế gấp khiến họ đốn tu, bậc hạ thì trao cho hưỡn khiến họ dần tiến. Bậc thượng, gấp là ngày chỉ ăn một bữa, ăn chỉ rau củ, thân chỉ ba y, y chỉ vải thô. Bậc hạ, huởn là ăn cho hai thời, vị có bơ, sữa, áo khai cho chứa mười ngày, cho mặc tơ lụa. Hoặc có vị tăng già bệnh, thân đói lạnh, người bệnh trầm kha thân thể khốn đốn với đói lạnh, cần cấp cho họ áo cơm, giúp họ thuốc men. Đây thì thượng căn không cần nhờ các duyên tự ông chứng chân, người hạ căn cần nhờ duyên giúp mới được ngộ đạo, muốn khiến một chuẩn kia có thể được chăng?

Nếu bớt áo khăn của tăng ni để cứu giúp người nghèo khổ, tăng ni ngày chỉ ăn một bát, mặc chỉ áo lụa nhũn, mà nói tổn mười miệng nông phu, giết mười muôn con tằm. Còn tính đạo sĩ một phen tế tiệc cả trăm mâm, một mâm mạng mất ngàn con, nên tổn ăn của ngàn quân, giết tằm cả vạn ức, mà Dịch biết đạo sĩ tổn nhiều vẫn bày ngu si không tính, tăng ni tốn phí ít mà nhỏ nhặt bàn tính. Đây toàn đảng nói, quân tử uổng nghe, như ngu kiến của Khái tôi, nên dứt sự cúng tế rượu và giết sinh vật của đạo sĩ thì có ích cho quốc gia không tổn của dân, nếu buông lung không cấm thì tổn nước hại dân. Thánh thượng anh minh đâu không soi xét.

Luận nói rằng: Xét kinh Đạo Sĩ Minh thì trước thọ mười giới,

kế tám mươi giới, sai một tám mươi giới và ba trăm đại giới, cho đến ngồi, dậy, nằm nghỉ ba ngàn oai nghi đều nói là bí yếu không vọng trao cho người. Xét trong Linh Báo Trí Tuệ Thượng Phẩm thì mười giới trước tiên liền nói không sắc không dục, tâm không buông lung. Lại kinh Tiêu Ma Trí Tuệ nói: "Thấy vợ con người nguyện ra khỏi ngục ái dục", đạo sĩ lãnh thọ lý lẽ ra phải vâng dùng mà trước lại không làm chuyên việc trái phạm là sao? Đội khăn cầm bảng dường như muốn y kinh, mà chưa vợ nuôi con lại thành phá giới, đây thì ông hành sắc dục cuối cùng không biết hổ thẹn cho nên trái giới đâu có mắc cỡ, nào khác bầy gà trước cửa giao hội mà không thẹn, chó heo ngay đường đi hành dâm mà không xấu hổ, uống nhiều nước mặn quên mất suy nghĩ nhỏ nhặt, buông lung sáu tình trái phạm mười giới. Ban đầu một giới đã phá không giữ, ba ngàn giới sau bỏ đó không dùng, phù lục khoa cấm chỗ nào thực hành? Lại nương kinh Kim Đan của Lão Tử, luật Chân Nhân trong triều, cúng tế ngày sóc vọng, thấy trong phòng riêng, tình ý thân nhau, nam nữ giao tiếp, khiến bốn mắt, hai mũi trên dưới tương đương, hai miệng hai lưỡi kia đây đối nhau, âm dương đã tiếp nối, tinh khí giao thông, đây thì lễ vợ chồng thành, đạo nam nữ hợp, dùng đây tu đạo, đạo không thể tu, dùng đây xuất gia, gia đâu thể xuất, điên đảo mê hoặc sao quá lắm vậy?

Lại nói Phật là thông minh, lý đầy đủ trí tuệ. Quán Âm trêu đùa thật đủ quyền biến kỳ lạ, không giống cúng rượu loạn triều si mê không trí tuệ, thiên sư rắn rít, bò cạp đâu có thần thông. Giúp ra khỏi tù cấm là lòng đại từ của chư Phật, cứu khổ trừ hại là chí hành của Quán Âm, cầu ân tự bố thí, chẳng dối trá dụ dỗ mà cầu tìm tiền tài, báo đức xuất tâm đâu có bưu hông mà lấy vật. Nếu Quán Âm từ bi cứu ngục tức là dối tù, thiên sư hành cấm sát oán, lẽ ra là giết sĩ. Nhưng Phật thấy thiện thì khuyến khích nghe, ác thì thương xót, từ bi bình đẳng, oán hay thân không hai. Lão Tử cũng nói: "Người thiện ta cũng thiện, người không thiện ta cũng thiện", không bằng thiên sư thờ năm tướng, ba thần, bốn ty, chín phủ, nhận pháp chú trớ, hành thuật cấm yểm, người oán khiến điên cuồng mất tâm, kẻ ghét khiến kinh sợ mất mạng, đây thật là ác thần của thế tục, là quỷ giết người của nhân gian.

Như ngu kiến của Khái tôi thì ngày nay đạo sĩ bôi tro, hợp khí, cấm chú, bày phù phép, đây đều là chẳng phải chánh ngôn của Lý Lão mà là tà pháp của Trương Lăng, mê hoặc dối trá, tổn nước hại dân, xin nên cấm đoán dứt tà ngụy kia.

5. Quyết phá thuyết: "Cấm tăng ni chứa để thì trăm họ được đầy

đủ, tướng sĩ đều giàu sang".

Khái tôi nghe: "Tám hạnh đại giác, ít muốn là trước tiên, năm danh hiệu Tỳ-kheo thì khất sĩ đứng đầu. Cho nên ít muốn thì bớt việc, không còn lo buôn bán, khất sĩ tùy duyên đâu có lụy chứa để. Lão Tử nói: "Chứa nhiều quyết mất". Lại, Châu Lễ nói: "Chứa mà có thể tan, nhóm mà có thể rải, thì hạnh hợp đàn ra". Chứa nhiều quyết mất, lời ấy hợp với ý Thánh. Tìm ở đạo Lão Tử thực hành vô vi, chuyên chú nơi trong trẻo trống rỗng, tu tâm vắng lặng, bỏ việc buôn bán vinh hoa ở đời. Nhưng nay đạo sĩ đều không vâng theo cho nên nhị lục thì tiệc lớn, tam nguyên thì hội mừng, chiêu hợp đảng ngu dụ dỗ bọn cuồng mê, lập bếp núc đặt cá rượu để mời mọc đãi đằng khách khứa, bèn khiến mâm chay chia thịt việc đông đầu bếp, chủ quán làm cá lại như hàng mổ lợn, thịt cần hong khô, dính máu thì ăn liền, rượu phải trong thuần có nửa bã liền uống, ăn uống khó biết đủ, buông lung không thỏa mãn, thêm nhiều chất lliệu tơ lụa để làm sặc sỡ thân mạng, rộng nhiều họ lúa mạch đem làm tô thuế, bên đây phát sinh chứa nhóm đầy kho, do đây lần chuyển chất ngập vựa. Tâm hẹp như khe ngòi đâu biết sự cực đầy, đến chốn cửa cao tộc lớn phán không theo về, hàng nông phu dòng thấp kém riêng đến tụ tập, chẳng phải là tôn sùng đạo pháp kia, thẳng làm nghèo rượu cá kia, tạp nhạp phiền nhiều đâu thể nói hết, lại thêm đồ chúng thấp kém, nhân phẩm tầm thường. Cho nên Sa-môn xuất gia phần nhiều là cao quý thù thắng, đang nhìn đạo sĩ bày sự thấp hèn. Cho nên Lương Võ Đế sau khi lên ngôi, bỏ thân vào chùa cúng dường chúng tăng. Thời Tùy Văn Đế tâu Hiếu Vương nhị, bỏ ngôi xuất gia tu hành Phật pháp, không hề nghe một ông vua bỏ thân vào chùa, không hề thấy một vương tử xuất gia thờ đạo, từ các cao môn sĩ tộc hào gia sang giàu, hoặc có vợ chồng tạ từ nhau đồng thời lìa tục, nam nữ khuyên nhau cùng xuất gia, mắt thấy tai nghe đâu đợi lời lẽ.

Nếu nói cấm tăng ni chứa để khiến quân dân no đủ, thì nói về nghèo giàu đều là nghiệp duyên, sang hèn đều do vận mạng, ngu trí không thể đổi dời lo lắng, đẹp xấu đã định ở nghiệp. Sách nói: "Mạng tướng lành dữ xa ghi ở trời". Nói theo đây thì nghiệp nghèo của quân dân, cho đó cũng không được, quyết kia tướng giàu để đâu cùng no đủ. Cho nên Hán Văn Đế do nằm mộng mà sủng ái Đặng Thông, thầy tướng bói Thông nghèo sẽ chết đói, vua nói: Có thể giàu ở nơi ta sao gọi là nghèo? Cho đó là Đồng Sơn chuyên làm luyện đúc, sau gặp việc trốn chạy người nhà đều chết đói. Lại tỳ nữ của vua Cao Câu Lệ có thai, thầy tướng bói là quý nhân sẽ làm vua. Vua nói: "Chẳng phải dòng

dõi của ta" liền muốn giết chết, tỳ nữ nói: "Khí từ trời đến cho nên tôi có thai", đến khi sinh con, vua cho là điềm không lành, đem bỏ trong chuồng heo thì heo hà hơi, bỏ chuồng ngựa thì ngựa cho bú nên không chết, cuối cùng làm vua Phu Dư, cho nên biết nghiệp duyên mạng vận định ở cao xa, không hề thay đổi đâu thể tự định đoạt.

Luận nói: Xét kinh nói về nghiệp quả không lầm, làm lành được phước, làm ác mắc tai ương, lý này rõ ràng, làm sao mê hoặc? Nay nếu dẫn kinh xét lý càng bày kia rất mê lầm, vả lại y sách chỉ việc mở mang sự hiểu biết cạn cợt kia. Vì sao xưa thời Vũ Đinh, có mọc cây dâu ở triều, Thái tử bói rằng: "Cỏ đồng mọc trong triều, triều chắc chắn mất", Vũ Đinh sợ sệt sửa thân tu điều lành thì cây dâu chết khô. Ân Đạo Trung Hưng đâu chẳng phải làm lành mà có phước hay sao? Lại thời vua Đế Tân, có chim sẻ sinh quạ ở góc thành, Thái tử bói rằng: "Nhỏ sinh lớn, quốc gia sẽ hưng thạnh". Vua Tân kiêu bạo không làm chính sách lành, nước Ân bèn mất, há chẳng là làm ác có tai ương hay sao?

Như Dịch nói: "Đem lòng hóa thật khi còn sống mua hư danh sau khi chết", ý cho rằng khi sống có bố thí thì khi chết không có quả báo, thật ngu si tối tăm. Có thể nói: "Mắt thấy lúc mùa xuân gieo trồng, kho chứa trống không, mùa thu thâu vào, mùa dông cất đầy vào kho, cho nên bố thí thì có quả báo, cảm mầm mống lụa đẹp cùng tiền bạc, đức quyết hiện ra trả công, đến nỗi ngậm châu đem cho người mắc nợ. Đây đều nhờ kinh để chứng minh đâu thể nghi ngờ.

Lại nói: Lễ Phật không được giàu có, cúng trai tăng không được sang trọng. Xét thái miếu quốc gia, linh miếu của tiên hoàng, trăm thần hầu hạ, muôn dân cậy nhờ, quỳ lạy chí tôn, cho nên được ở vị lớn, danh tôn trọng, quan lại cúi chào, yêu mến hoa sen linh mà hưởng giàu sang. Huống chi Phật là bậc Pháp vương oai thần cao xa đức hơn ngàn thánh, đạo trùm trăm linh lễ bái cầu nguyện chí thành, lẽ ra sẽ sang giàu, quy y chí khẩn quyết được giàu sang, người xưa dùng một gáo đựng cơm chay cúng còn được quả báo giúp đỡ, nay một bữa chay để cúng dường Đại thánh, đâu không trả nhau phước lộc? Xét loại mà nói lý không đến đổi lầm.

Như Khái tôi đã thấy, chứa để có hai: một là chư Phật đã cho trước, hai là riêng Như Lai chế từ lâu. Đây khai chúng cấm, riêng Đại thánh dạy rõ, nên khiến đạo sĩ học tập đây thành quy cấm, riêng khai chúng lần học Phật pháp, cho nên sách Xuân Thu nói: Tề Hoàn Công học lễ với Tả Sư và Tử Sản, Tả Sư nói: "Lễ là kinh của trời, nghĩa của đất, hạnh của dân. Nước lớn thì dùng, nước nhỏ thì học", nay đạo học

Phật, đồng loại như thế.

6. Quyết pháp thuyết: Vua chúa không Phật thì sống lâu thạnh trị, có Phật thì chính sách bạo ngược, ngôi vua ngắn ngủi.

Khái tôi nghe Trung Quốc là chính giữa của ba ngàn mặt trời mặt trăng, vạn muôn hai ngàn trời đất, cho nên có Luân vương thay nhau xuất hiện làm Thánh chủ nối tiếp hưng thạnh, ngồi xe bảy báu mà làm vua bốn thiên hạ, hành mười điều lành mà giúp muôn nước, khai hóa bình đẳng, hòa kẻ oán thuận người thân. Quạt gió từ bi, thắng tàn hại mà bỏ giết chóc, cho nên được không oai không giận vật dùng đó làm hành, không nhọc không nhằn dùng đó trị dân, từ đại kiếp trở đi thuần phong thấm nhuần. Đến đức nói là suy, chánh khí từ đây dứt, vì thế năm trược rối loạn, ba tai tranh khởi, mười sáu đại quốc riêng tự ý tôn danh, tám mươi xóm làng đều xưng cõi bờ, gươm giáo đua tranh, giành việc bỏ sự xây dựng, kia đây tham tàn giết hại lẫn nhau. Cho nên Đức tất cả thương xót sự lầm than chìm đắm mới bày kinh giáo khuyên làm lành dụ người hiền, chế ra giới luật cấm ác trị tội, đều khiến dứt vọng về chân, trở lại cội nguồn. So sánh ở Trung Nguyên ban đầu từ thượng cổ, thời phác khi thuần hòa thơ khế chưa tạo tác, dân thấm nhuần tục ngụy sách vở mới khởi, cho nên Chu Công không xuất hiện ở thượng hoàng, Khổng Tử chỉ sinh đời thấp kém, chế lễ làm nhạc, dạy tục dẫn dắt dân, cho đến trị khởi phong khuông thời cứu độ, đều muốn khiến dừng dứt tranh giành trở lại sự trong sạch chất phác, so với tất cả đó chỉ là một. Nếu nói: "Vua chúa trước khi chưa có Phật pháp thì thạnh trị sống lâu, khi có Phật pháp thì chính sách bạo ngược ngôi vua ngắn ngủi, không được thờ tượng Phật không được xem kinh Phật". Xét loại mà nói, vua chúa trước khi chưa có Chu, Khổng thì thạnh trị sống lâu, khi có Chu, Khổng rồi thì chính sách bạo ngược ngôi vua ngắn ngủi, cũng không được tế thần Chu Khổng, hành giáo Chu Khổng, lý đâu vậy ư? Nhưng không Phật không pháp thì người không biết xả ác để tu thiện, không lễ không giáo đời không biết thờ vua hiếu dưỡng mẹ cha. Do đây mà suy thì lễ giáo không thể thiếu dù một ngày, Phật pháp đâu được tạm thời bỏ.

Luận rằng: Xét lời Dịch đã dẫn, từ Hán Quang Vũ về trước không có Phật pháp thì ngôi bền vững tuổi lâu dài, con quyết thờ cha, thần không đoạt ngôi vua. Từ Hán Minh Đế về sau vì có Phật pháp, con bỏ thờ cha, tôi phần nhiều chiếm ngôi chúa. Nghiệm lời Dịch này thì biết Dịch rất tầm thường mê tối, tuy dẫn sách sử mà chẳng nghiên cứu đầu đuôi. Xét kỹ từ thời thượng đại đến nay, người làm vua hoặc một thân

mà chết hoặc nhiều đời rồi mất, như vua Thiếu Hạo chính trị phiền tạp, lê dân làm loạn, kia thờ cúng xấc xược một đời mà diệt. Từ Hậu Đường, Nghiêu, Ngu, Thuấn con đều bất hiếu, một đời dứt diệt, nhà Hạ vua Kiệt, nhà Ân vua Trụ, đều bạo ngược bị quan thần giết, trong đó hoặc tôi đoạt ngôi chúa như Nghệ và Hán Trác, hoặc là em đoạt ngôi anh như Trọng Nhâm cùng Hùng Kỷ. Đến ở đời Chu, Tử Triều theo kính thờ vua, làm con bỏ cha, đến Tần Thất, Triệu Cao giết hai đời là tôi thần giết vua. Đến Tiền Hán, Lữ Hậu loạn triều, Vương Bôn đoạt chính quyền, đây há có Phật pháp khiến như vậy sao?

Nếu nói từ Hán Minh Đế về sau đến Túc Tề, đều là tôn sùng Phật pháp, chính sách bạo ngược ngôi vua ngắn ngủi, đến Vũ Văn đã phá diệt Phật pháp nên chính sách lành ngôi vua bền vững, mà Dịch trọn Túc Tề thì bàn, đến Vũ Văn thì không nói, chẳng phải chỉ là dối hoặc dân chúng, cũng chính là dối gạt thánh triều, nói theo đây, thì sự nên thẳng hạch, nhưng Vũ Văn đoạt nhà Ngụy mà lập chính sách bạo ngược vô đạo, vua quan nghi kỵ phản bội, anh em giết nhau, lăng nhục Thánh hiền, hủy phá Phật pháp, trị chỉ năm đời, được hai mươi bốn năm. Suy một điều này vua chúa không Phật pháp thì chính sách bạo ngược, ngôi vị ngắn ngủi, có Phật pháp thì chính sách lành ngôi vị lâu bền, thời cận đại đều biết đâu không tin? Nhưng Dịch là quan Thái sử được ủy nhiệm chỗ quan trọng, cần dè dặt cơ mật không được nói càn, cho nên bậc Thánh xưa nay ngay lời nói mà sợ, phát lời ra mà lo, mà Dịch không lo họa phước chỉ thờ yêu tà, hoặc dùng sau dẫn trước, hoặc giấu đầu lòi đuôi, che lấp đạo pháp hủy báng Phật tăng, chỉ thời lời riêng rốt cuộc không hồi chánh, Thánh triều minh giám đâu không soi xét.

Như ngu kiến của Khái tôi, vua chúa muốn được ngôi vị vững bền tuổi thọ lâu dài thì phải nối thạnh Phật pháp trồng công đức lành, từ bi giúp người dân, thắng tàn hại, bỏ giết chóc, rõ phần sinh tử, giữ tâm dùng đủ, nhận lời trung can ngăn, xa lìa lời nịnh thần gièm xiểm, như vậy thì kỳ hạn ba mươi tự xa, ngôi bảy trăm càng lâu bền, cho nên Hoài Nam Tử nói: “Thiên hạ có quý mà chẳng phải lập thế lực, có thọ mạng mà chẳng phải do ngàn năm”.

7. Quyết phá thuyết: “Phong giáo Chu Khổng đưa cho Tây Vức mà Hồ quyết không chịu thực hành”.

Khái tôi nghe rằng: Trọng Ni chết mà lời nhiệm mầu dứt, đệ tử mất mà đại nghĩa trái, từ đó sách phân tán lộn xộn, đến khi Tần Thỉ Hoàng đốt diệt, sách vở mất hết. Hán Vũ bèn hưng khởi văn nghệ lại mở rộng, đến ở chỗ quán có sân lớn, ở nhà đẹp đẽ, tu tập đạo vô vi, hành giáo

không nói, dùng khiêm hạ làm đức thấp lòng làm tâm, chuyên nhậm trong sạch, dứt bặt nhân nghĩa, việc tốt đẹp chạy trốn dứt bỏ thân danh, trong chín dòng thì thuộc phái đạo gia. Cho nên sách Hán là Nghê Văn Chí nói: "Đạo lưu bởi rút ra ở sử quan, ghi chép đạo thành bại xưa nay có ba mươi bảy nhà, nay Lý Lão là một trong số đó. Đến em của Kiến Khang Trang dựng cung bia đá mở mang tông Nho học, hoằng thuật văn nghệ, dựng nước chế trị dẫn tục dạy dân, gom nhóm sửa soạn lễ nhạc, sắp đặt tựa hiến chương, trong chín dòng thuộc phái Nho học, cho nên sách Hán là Nghệ Văn Chí nói: Nho lưu bởi xuất xứ từ quan Tư đồ, biện âm dương rõ giáo hóa, tông Nghiêu, Thuấn, thầy Trọng Ni, có năm mươi hai nhà, nay nhà Nho truyền bá, trong chín phái hai hóa là trên hết, trong trăm nhà hai học là trước tiên, dùng riêng có nghi, đâu thể bỏ. Cái gì xướng đạo pháp là hư không mà trái tục, không thể cứu độ, Nho thuật chính là bàn giáo hóa mà thuận dân, có thể dẫn dắt vật, khảo xét mà nói chẳng phải không hơn thấp. Xét Lý Lão chuyên nhậm vô vi chỉ cầu tự độ, không có tâm rộng giúp, hạnh thiếu khiêm tha, gần giống như tự lợi của Thanh văn. Cho nên kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: "Ma-ha Ca-diếp hóa thành Lão Tử" Ca-diếp đã là tiểu tâm, Lão Tử lại không có chí lớn, nói pháp hành tin mà chẳng lầm. Khổng Tử dùng nghệ thuật dạy dân lễ giáo giúp tục, ít tu tập lợi tha, lần học gồm giúp, lớn đồng lợi tha của Bồ-tát. Cho nên kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: "Bồ-tát Nho Đồng hóa thành Khổng Khâu", Nho Đồng đã là đại tâm, Khổng Khâu lại có gồm giúp, nói pháp hạnh lý đâu luống dối.

Xét sách Lý việc đến kinh Khổng, giáo tích bèn chia lý đến cuối là một, nếu nói phong giáo Châu, Khổng đưa cho Tây Vức mà Hồ quyết không hành, ý Dịch đâu không phải là: "Hồ giáo đến đây người Hán cũng không được nhận". Nói theo loại thì cao thấp rất xa. Phật là Đại thánh giáo hóa khắp mười phương xa giáng oai linh, Hán Minh Đế đích thân thấy, vua quan mừng cảm, thứ dân quy tâm, cho nên sai sứ đi Tây xa đến tận Thiên Trúc, Ma Đằng theo đến truyền hóa tới nay. Chu, Khổng là tiểu thánh, đức cuộc hạn một phương không thể xa giáng oai linh, khiến kia thân cảm, cho nên người Tây Vức không có duyên sinh lòng tin, cũng không đến đây rước kinh Chu Khổng, vì vậy giáo đạo Khổng Tử không đi về nước Tây, do đây mà suy ức đoán rất dễ hiểu.

Luận rằng: Năm Tân mão đêm có ánh sáng, sứ nhà Lỗ truyền hóa tích kia, Bính Tý sao bừng sáng, sách Hán ghi oai linh kia, rồi sau tượng giáo từ Tây dời đến dòng pháp lần vào Đông độ. Từ Ma Đằng hàng phục nhà Hán sáng lập nhà dịch chân ngôn (kinh Phật), rương hòm

phần nhiều vào cửa đầy sách nhà Phật bằng da cây, lá bối, xa truyền văn Thiên Trúc, lá ngọc thẻ vàng gần dịch lời Hán, từ ấy truyền bá cho đến nay, từ thời Hán Minh Đế trở lại trải qua mười lăm đời, người dịch có một trăm chín mươi sáu người, dịch ra kinh, luật, luận có hai ngàn một trăm bốn mươi lăm (2145) bộ, cộng chung có sáu ngàn một trăm năm mươi hai (6152) quyển, đây đều là âm Phạm giải thích chỗ truyền bá của Thiên Trúc. Luận kia hang rồng cất kinh trù mười phần chưa hết, núi Linh Thứu chứa pháp vạn bội mà nào cùng. Chỗ dịch ngày nay chỉ bấy nhiêu vậy. Xét đời vua kia ở sách sử kia, điển cáo làm minh cứ đâu đáng nghi ngờ? Xét kỹ đạo gia chú giải kinh sách, xưa không nay có, thật ít ngụy nhiều như Nghệ Văn Chí đã rõ. Đối đạo lưu tuy có ba mươi bảy nhà, bảy trăm chín mươi ba thiên, chỉ có bảy nhà và tám mươi hai thiên rõ là tự giữ đạo trong sạch của Lý Lão, còn ba mươi nhà và bảy trăm mười một thiên là đạo vua chúa trị dân giáo hóa xưa nay. Cho nên Thơ Pháp Bổn Nội nhà Hậu Hán truyền rằng: “Hán Minh Đế kế triều chính ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, năm gò, mười tám quán các núi, đạo sĩ Chử Thiện Tín v.v... sáu trăm chín mươi người nghe tiếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đem kinh tượng Phật đến Lạc Dương, ngưỡng quốc kính sùng, thống lãnh cả nước quy hướng, Tín v.v... trong lòng ghen ghét, cầu muốn so tài, đem hết kinh sách của nhà đạo gồm có ba mươi bảy bộ, bảy trăm bốn mươi bốn quyển, bấy giờ trước lửa đốt, đều cháy sạch, Thiện Tín v.v... xấu hổ giận dữ tức tối mà chết.

Do đay mà suy, thời Hán Minh Đế kinh sách nhà đạo chỉ có ba mươi bảy bộ và bảy trăm bốn mươi bốn quyển, tuy có nhiều cuốn chẳng phải là kinh đạo, mà chỉ có năm trăm lẻ chín quyển là Thiên Tôn Đạo Quân nói, còn hai trăm ba mươi lăm quyển kia là sách của chư tử như Huỳnh Lão v.v.... Từ đây về sau, hơn số này đều là do đạo sĩ vọng làm thêm, không đáng tin. Cho đến đời Tống, đạo sĩ Lục Tu Tĩnh đáp Tống Minh Đế rằng: “Kinh sách đạo gia và phương thuốc, phù đồ gồm có một ngàn hai trăm hai mươi tám (1228) quyển, chỉ đây là chính còn bao nhiêu đều là sai”, mà nay đạo sĩ hoặc xuất tình chế tạo, hoặc sửa đổi kinh Phật, thêm chân mục lục tăng thêm bộ hòm nói là có hai không trăm bốn mươi (2040) quyển, lại hơn số trước, bao nhiêu lời xằng bậy. Xin hỏi kinh xuất hiện sau của đạo sĩ là Thiên Tôn nói lại hay là Lão Tử bày trước? Dù cho nói kinh, nên có nơi chốn là ở tháng nào, năm nào, thời nào, vua nào? Như quyết có y cứ mới cho truyền bá, nếu dối vọng thì lẽ ra nên cắt bỏ. Lại, kẻ tục chế ra lấy làm kinh đạo, loại này số cũng

nhiều, như kinh Thái Huyền là Dương Hùng soạn, kinh Đổng Huyền là do Vương Bao soạn, kinh Chỉ Quy là Nghiêm Quân Bình soạn, kinh Tam Hoàng là Bào Tĩnh soạn, kinh Khai Thiên là Trương Phán soạn, kinh Hóa Hồ là Vương Phù soạn, hoặc lấy truyện ngày xưa, hoặc lấy bài của các nhà hiền triết, giả nhận sách tục đem làm giáo đạo, trộm kinh không đem làm kinh Lão.

Trước đã lược bày không thể nói lại nữa, như người nghèo túng quẩn trộm khánh báu của người làm tài bảo nhà mình, kẻ đói khốn cùng nuốt rau cải làm đồ ăn ngon. Như Khái tôi đã thấy, hai bài của Lão Tử chính là kinh của đạo, nương đó thực hành, còn bao nhiêu bộ khác đều là vọng nhận. Sự cần chánh, ngõ hầu biết đạo Lão khác với đạo Phật, Lý với Thích sai biệt, thì khiến chuột, ngọc không lộn, gay hay phụng phân biệt rõ, cho kẻ hậu học đâu nên lầm ư?

8. Quyết phá thuyết: "Gồm bàn Phật pháp dối nhiều thật ít, đạo nhân giả nói".

Khái tôi nghe rằng: "Chân thân tuyệt đối đãi, chẳng phải hình phương chất ngại để cầu. Chí lý xuất tình đâu thể lời lẽ nói bàn mà được". Lớn thay, mênh mông ngoài đại đạo, nhiệm mầu thay siêu vượt trong chân nhất. Vì thế bốn câu đốn quên, trăm phi rỗng suốt, cùng nói năng, tột suy nghĩ, vật đâu thể gọi tên. Nhưng vọng thức mênh mông, mê tình lúc nhúc, buông lung bốn cuồng mà chẳng tỉnh, đam mê năm say mà thêm nhiều tối tăm. Cho nên Đại thánh từ bi, chí ở cứu giúp, cho nên mở tích năm thừa, thông âm bốn biện, chẳng có thân mà hiện thân, thân đầy pháp giới, không nói mà bày nói, nói khắp đại thiên, cho nên có hóa thân như bụi cát phân tán mà chẳng hết, hằng sa pháp tạng giảng nói không cùng, cho nên kinh Tu-di Đồ nói: "Bồ-tát Bảo Ứng Thinh hóa thành Phục Hy, Bồ-tát Cát Tường hóa thành Nữ Oa, Nho Đồng hóa thành Khổng Khâu, Ca-diếp hóa thành Lý Lão, Diệu Đức gá thân Khai Sĩ, Năng Nhu đản sinh là Quốc sư".

Lại kinh Niết-bàn nói: Chỗ nào có kinh sách, ký luận, kỹ nghệ, văn chương, đều là Phật nói. Do đây suy ra, Ba Hoàng, Năm Đế, Khổng, Lý, Chu, Trang đều là hóa thân của Bồ-tát. Văn, chữ, tranh vẽ, thơ, chương, lễ, nhạc đều thuộc về tạng Phật pháp. Văn lý rõ ràng há là luống dối, mà Dịch chấp lời lầm lý, thấy hóa mê chân, chuyên dùng thấy hình vết mà chê bai, danh tướng cuộc hạn nơi đồ vật, dùng bùn gỗ để hủy Thánh, đem hình khắc vẽ để nạn chân. Nhưng khắc vẽ thay thế chân chứ đâu phải là chân Phật, bùn gỗ tiêu biểu cho Thánh, chẳng phải thật Phật có hình tượng, tượng giả chẳng phải chân, chẳng chân

mà lập tượng, vì khiến nhờ thấy tượng để ngộ chân. Chẳng phải thật để bày tên vì khiến nhờ tên để ngộ thật, không tên không thật, người ngộ sở dĩ rỗng suốt là vì chẳng phải tượng chẳng phải chân, cho nên người hiểu, hiểu được sự nhiệm mầu. Huyền diệu thay chí lý của lời này, sâu xa thay cùng tột của lý đây. Vậy mà Dịch mờ nơi lý sâu mê nơi nghiệp báo, bất kể thân sau, chỉ tính trước mắt. Nếu nói muốn cầu giàu sang, chỉ cần ngựa khỏe chở thiếc, ra sức giữ biên cương, không cần tạo tượng tu công đức để cầu phước đức, thì Võ Chu ngựa khỏe rất nhiều, Thế Sung giáp dày chẳng ít, ra sức chinh chiến, giữ vững biên cương, lẽ ra nên giàu sang mà nay đâu rồi?

Nếu nói muốn được vải lụa dồi dào, lúa bắp đầy đủ, mà chỉ trồng lại đậu mè, chứa nhóm phân hoại, không cần chép Niết-bàn ngàn bộ, tụng Pháp Hoa trăm biến để cầu phước lực. Kiến đức rộng chiếm ruộng dâu, Tiết Cử quá đủ phân ngựa, lẽ ra gieo trồng nhiều, đưa vào đầy kho, nay để ở đâu?

Nếu nói muốn được lúa thóc chứa đầy kho, cày bừa không sai, chỉ nên khai nương dẫn nước, tưới thấm ruộng gò, không cần chuyển kinh Hải Long Vương mười bộ để cầu mưa thấm, Túc Tiển chiếm cứ có Kinh Châu, đên đạp gấp bội, tưới thấm đúng thời thâu nạp, bảo vệ biên cương nay để ở đâu?

Do đây mà suy, hoàng đế Đại Đường của ta, trong thì trồng cội lành nương phước, ngoài thì ứng trời thuận dân, cho nên được Hoa Nhung dẫn theo đoàn hung trao đầu, kho vựa đầy ních, bờ cõi yên lành. Nếu chẳng trong ngoài hưởng phước thì đâu thể khắc phục khó khăn.

Nếu nó muốn cầu trung thần hiếu tử để giúp đời trị dân, chỉ đọc Hiếu Kinh một quyển, hai thiên Lão Tử, chứ không cần rộng đọc kinh Phật. Xét kinh này chỉ rõ trung hiếu của thế gian, chưa đề cập đến trung hiếu xuất thế. Vì sao? Vì phàm ở đời trọn đời cày cấy thờ cha hết sức, xuất gia tu đạo vâng theo pháp để khởi lòng từ. Hết sức là đáp ơn nhỏ hiện tiền, khởi lòng từ báo đức lớn tương lai, tuy tạm trái kính dưỡng, dường như khinh mạn mẹ cha mà trọn cứu giúp được mới là chí hiếu, đây thì lợi thấm ba đời, đâu chỉ nhọc nơi sớm tối, ân thấm trăm đời đâu trách sự nuôi nấng sáng chiều, so sánh tại gia xuất gia hơn kém thấy rõ.

Nói hai thiên Lão Tử đủ rõ tôi trung con hiếu giúp đời trị dân. Xét Lão Tử dứt lo, giữ chân, quên lòng, nhàm tục, bỏ cha chẳng đoái hoài, bỏ chúa như sót, thì chẳng lẽ luận thờ hiếu giữ trung trị dân giúp đời. Cho nên Lão Tử nói: “Ta sở dĩ có hoạn lớn vì ta có thân, ta không có

thân thì nào có hoạn gì?" Đây khiến nhàm thân bỏ đời, đâu thể giúp đời. Lại nói: "Thân sang có thiên hạ là có thể tạm gá chứ không lâu bền". Hà Thượng Công chú rằng: "Vua quý thân mà khinh người, muốn làm chủ thiên hạ thì có thể tạm gởi chứ không thể ở lâu", đây là dạy xả tục bỏ vinh hoa, không thể để trị dân. Truyền Dịch lại ỷ hung bạo ngu dốt mà khua môi múa mép, lời phiền lý thiếu, nói ít mắng nhiều, buông sự sân độc cho người trung, mặc sức lấy lời ác cho kẻ mê, vì vậy tiếng cú vọ, hơi hôi thúi xông đầy thôn xóm, âm thanh ác độc như chim chẫm lần khắp nẻo đường, khiến cho tà đảng không biết, vui sướng truyền nhau, suốt thấy sĩ lưu thương tổn mà thương xót, riêng hộ giáo đạo, ghen ghét Phật tăng, vật loại cảm nhau, người và súc sinh đồng.

Có loại chó Xi-vưu sủa càng xe, bọn ăn trộm ghét phu tử, rất là quái lạ. Nhưng Dịch thấy Phật pháp tôn cao, chúng tăng quý thắng, ngồi trên đi trước, vua chúa sùng bái, triều thần cúi lạy, chùa tháp hoành tráng, cúng trai đầy tràn, thứ dân tranh về, nam nữ giành góp phần. Đến như trong huyền đàn sự đồng thôn vắng, trong trị quán lại giống xả hoang phế, nhân khi tế rượu, nhờ rượu thịt để gọi người, hoặc cậy lành dữ giả đưa lương thực đến vật. Người có chút hiểu biết đâu vắng vẻ, thường có tâm ganh ghét, đến đổi hư cấu lời phù phiếm gượng tướng vấp ngã, mắng nhiếc rất là hôi dơ, nguyền rủa tột lời ác, phỉ báng đây kỵ tai ương, biết hủy nhục đâu kể tội phước, dầu khiến trước mắt lửa cháy nước sôi không xứng tâm kia, thủ hạ của bọn đồ tể đâu nhàm vui kia. Sách nói: "Dân ác trên họ thú ác cùng bọn với họ" chính là nghĩa này.

Xưa Thôi Hạo nói với Ngụy Thái Võ, khiến phá diệt Phật pháp giết hại tăng ni, tự ở trong nhà lễ thờ tôn tượng. Thái Võ xét được giận kia kiêu dối liền giết chết bêu thây ngoài chợ, ra lệnh người đi đường đều đi phân vào miệng kia. Thái Võ lại chấn hưng Phật pháp kính thờ như lúc đầu. Lại Chu Võ Đế cuồng nghịch vô đạo, hủy diệt Phật pháp, thiêu đốt kinh tượng, phá hoại chùa tháp, bãi bỏ chúng tăng, thân sinh ra ghẻ dữ đau đớn mà chết. Đây đều linh nghiệm rõ ràng ở thời cận đại, tôn sùng chép rõ, Thánh thượng suy nghĩ lâu rồi, soi xét tội nghiệp của Dịch, bị đọa ngục Nê-lê, nhiều kiếp trầm luân, rất đáng thương xót. Khái tôi thương tiếc bọn tà kia hiểu lầm, dùng lời chánh, nếu tỉnh lại bỏ đạo đâu xa, xin các đồng chí đều hiểu tâm này.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 13

THIÊN THỨ HAI: BIỆC HOẶC (PHẦN 9)

Biện chánh luận, mười dụ, chín châm. Thích Pháp Lâm

Thiên thượng của mười dụ, đáp Thập Dị Luận của Lý đạo sĩ.

Có đạo sĩ khăn vàng tên Lý Trọng Khanh, học với Tạ Quản khuy, trí hổ thẹn ức đoán, khoa cánh chim trắng vọng quấy nhiễu Tung Hoa, đội ánh sáng bó đuốc mà tranh sự sáng rỡ của mặt trời mặt trăng, bèn làm mười dị chín mê chê lường chí Thánh. Tôi tức giận kia không biết, nghĩ kia đâu có tội, liền làm mười dụ để hiểu, chín châm để răn nhắc, dùng cánh tay chỉ ngõ hầu rõ suốt quân tử, rõ đây mà sửa cho chánh.

- Ngoại, Dị thứ nhất nói: Thái Thượng Lão Quân gá thần nơi ngọc nữ Huyền Diệu, xẻ hông bên trái mà sinh. Thích-ca Mâu-ni gá thai vào phu nhân Ma-da, khai hông bên phải mà sinh.

- Nội, Dị thứ nhất nói: Lão Quân trái ngược lẽ thường, gá nơi mục nữ mà ra bên trái. Thế Tôn thuận hóa nhân Thánh mẫu mà sinh bên phải.

Khai Sĩ nói: Xét Lư Cảnh Dụ, Tải Tân, Vi Xử Huyền... các tập giải năm ngàn văn, và Lương Nguyên Đế, Chu Hoằng Chính... xét nghĩa loại nói rằng: “Thái thượng có bốn nghĩa Tam Hoàng và Nghiêu Thuấn:. Nói thượng cố có vua đức lớn đây đến trên muôn dân, cho nên nói là Thái thượng. Quách Trang nói: Thời đó người hiền làm vua, tài không xứng đời thì làm quan. Lão Tử chẳng phải vua chẳng phải chúa, không ở trong bốn bậc, có điển cứ gì mà xưng Thái thượng? Xét Đạo Gia Huyền Diệu và Trung Đài Châu Thao Ngọc Trát... các kinh và Xuất Tắc Ký nói: “Lão do Lý mẫu sinh nên không nói có Huyền Diệu Ngọc Nữ”, đã chẳng phải chánh thuyết, rất giả lầm bàn. Bộ Tiên Nhân Ngọc Lục nói: Vị Tiên không có vợ, Ngọc Nữ không có chồng, dẫu thọ thân nữ cuối cùng cũng không sinh đẻ”, nếu có điềm này thật nói là đáng tốt đẹp, sao lại sử ký không ghi sách Chu Khổng chép, cầu hư trách thật,

tin lời người luống dối.

Lễ nói rằng: “Thối quan không vị là tả thiên”. Luận Ngữ nói: “Mặc áo trái vạt chẳng phải lễ”, nếu cho trái hơn phải thì đạo sĩ hành đạo sao không xoay bên trái mà lại chuyển về bên phải ư? Chiếu thơ của nước đều nói là “như phải, đều thường thuận theo trời”.

- Ngoại, Dị thứ hai nói: Lão Quân dạy xuống khai mở không sinh không diệt là trường sinh. Thích-ca lập giáo chỉ bày không diệt không sinh là thường diệt.

- Nội, Dụ thứ hai nói: “Lão Đam bẩm chất có sinh có diệt, sợ hoạn sinh nên khi sinh ra đã bạc đầu”.

Thích-ca cưỡi voi thị hiện sinh diệt quy về vắng lặng của vắng lặng nên được thân sắc vàng sáng rỡ.

Khai Sĩ nói: Lão Tử nói rằng: “Ta có đại hoạn đâu gì bằng có thân, nếu ta không thân thì đâu có hoạn gì”. Lý do của hoạn đâu gì bằng thân. Lão Tử đã lo có thân muốn cầu không khổ não, chưa khỏi đầu bạc không khác với đời, nếu nói trường sinh thì do đâu lại chết sớm?

- Ngoại, Dị thứ ba nói: Lão Quân ứng sinh ra ở đông hạ.

Thích-ca giáng tích đản sinh ở Tây Nhung.

- Nội, dụ thứ ba nói: Lý Nhĩ đản sinh ở huyện Khổ của Đông Chu.

Năng Nhân giáng tích xuất hiện ở Thần Châu của Trung Hạ.

Khai Sĩ nói: Luận Trí Độ nói: Ngàn ngàn chồng số nên gọi là tam thiên, quá hai ngàn nên nói đại thiên. Ca-duy-la-vệ ở giữa. Kinh Lâu Thán nói: Thông Hà dùng phía Đông gọi là Chấn Đán, vì mặt trời lúc mới xuất hiện sáng rỡ ở góc phía Đông cho nên được tên. Chư Phật xuất hiện ở đời đều ở Trung Châu không sinh vùng biên ấp. Nếu sinh biên ấp thì đất bị nghiêng. Xét truyện Pháp Uyển, truyện Cao Tăng, Vĩnh Sơ Ký v.v... nói rằng: Nhà Tống, Hà Thừa Thiên cùng Pháp sư Trí Nghiêm tranh biện, Pháp sư nói: “Đất Trung Thiên Trúc, ngày hạ chí khi mặt trời ở giữa, cây thẳng đứng không có bóng. Nước Hán bóng đài đến kỳ lập biểu còn dư âm”. Kinh Y Toán nói: “Trên trời một tấc dưới đất ngàn dặm, sao ngộ được?” Trung biên mới định ước sự soạn luận, nước Trung Thiên Trúc là trung tâm của đất, pháp giới riêng, biển lớn hơn năm muôn dặm, nếu y cứ bờ biển cõi Đông này thì có thể Chấn Đán vốn từ phía Đông, Ca-duy chưa chịu là Tây, lý kia xét rõ.

- Ngoại, Dị thứ tư nói: Lão Quân ngày Văn Vương là tôn sư của Hàng Châu.

Thích-ca, thời Trang Vương làm giáo chủ ở Kế Tân.

- Nội, Dụ thứ tư nói: Bá Dương trông coi tiêu quan thêm đầy tạng sử, không ở ngày Văn Vương, cũng chẳng phải thầy Hàng Châu.

Mâu-ni địa vị ở Thái tử, thân chứng đặc tôn, ngay năm thạnh của Chiêu Vương là giáo chủ của Diêm-phù.

Khai Sĩ nói: Sách Tiền Hán nói: “Khổng tử là thượng thượng lưu, là Thánh. Lão Tử là trung thượng lưu, là Hiền. Hà Yến Vương Bật nói: “Lão chưa bằng Thánh”. Luận Nhị Giáo nói: “Trụ cột sử ở triều vốn chẳng phải hài hòa, ra Chu vào Tần vì Doãn nói đạo, không nghe chư hầu, không thấy Thiên tử”, nếu là thầy nhà Chu mà sử không chứng minh, không phù hợp chánh thuyết, kia đáng được chăng? Xét Sử Ký Vương Kiệm Bá Gia Phổ nói: Lý là sau Cao Dương, thỉ tổ Cửu Diêu là Thuấn Lý Quan, vì y theo họ. Họ Lý hưng khởi ở Đam, trước Đam chưa có họ Lý (bộ mộc), chỉ có họ Lý (bộ ngọc), do sinh dưới gốc cây nên xưng họ Lý (bộ mộc). Con Lão Tử tên Tông, làm quan thời Ngụy Văn Hầu, bởi là người sáu nước cuối thời Xuân Thu. Đời Văn Vương đã không có họ Lý thì đâu được có Đam xuất hiện làm thầy nước Chu. Niên đại sai lầm không có y cứ. Bảo Phúc nói: “Xuất hiện đời Văn Vương, Kê Khang Hoàng Phủ Mật đều nói là “sinh cuối đời Ân”, bởi chỉ văn dối của đạo chứ chẳng phải Quốc điển (sách nhà nước) chép.

- Ngoại, Dị thứ năm nói: Lão Quân giáng tích đời Chu Vương, ba ẩn ba hiện hơn năm trăm năm.

Thích-ca ứng sang thời Hồ Quốc một diệt một sinh thọ chỉ tám mươi tuổi.

- Nội, Dụ thứ năm nói: Họ Lý ba lần ẩn ba lần hiện, đã không có cớ đáng tin, giả khiến tính hơn năm trăm năm, vẫn xấu hổ với thọ mạng của rùa, hạc.

Pháp vương một lần diệt một lần sinh thị hiện bao gồm cả cát bụi, trong tám mươi năm dạy dỗ hằng sa chúng.

Khai Sĩ nói: Xét các sử chánh điển không có văn ba lần ân mất ba lần xuất hiện, Chỉ Tạng Căng các người điều khiển đồng xét nghĩa nêu rằng: “Vì Khổng nói gốc của nhân, nghĩa, lễ, nhạc bị một thời nghiền nát. Đời Vương ngàn nhà do tật bệnh gây ra”. Lão Quân thọ một trăm tám mươi giới và kinh Thái Bình một trăm bảy mươi thiên làm hai thời, đến thời Hán An Đế trao cho Trương Thiên Sư Giáo Chánh Nhất Minh Oai, ở thời đó tự xưng là trụ cột sử sách của nhà Chu, được Thái thượng sai làm ba thời. Phàm ứng hình lập giáo phải nhờ có duyên, khuyến hóa độ người đều giúp đồ chúng, đâu có thể trong năm trăm năm hoàn toàn không có đệ tử, ba lần ẩn ba lần hiện không thấy môn nhân bẩm học

nắm giữ. Thuyết yểu Nhiên Hà Hán Ô Hữu, truyện Ủy Hạng Không, ở nhà Chu xe cộ kém nhỏ bờm ngựa rủ tơ mượt, đến Hán thì sẽ có sáo, trống ồn ào, mây nhóm họp mưa ở Bảo Sưu Thần, chưa nghe thuyết kia. Hài Dị Ký nhà Tề không chép điềm linh này, vỗ ngực bàn tâm dối trá rất lắm.

- Ngoại, Dị thứ sáu nói: Lão Quân giáng thế ban đầu từ ngày thời Chu Văn, xong đến thời Khổng Tử (Khâu).

Thích-ca hạ sinh đầu tiên trong cung vua Tịnh Phạn, ngay đời Trang Vương của Trung Quốc.

- Nội, Dụ thứ sáu nói: Ca-diếp sinh năm Đinh mão thời Hoàn Vương, mất năm Nhâm ngọ thời Cảnh Vương, tuy qua thời Khổng Khâu nhưng chẳng xuất hiện ở đời Cơ Xương.

Điều Ngự đản sinh năm Giáp dần thời Chiêu Vương, thị tịch năm Nhâm thân thời Mục Vương là dòng dõi vua Tịnh Phạn, vốn sinh trước Trang Vương.

Khai Sĩ nói: Khổng Tử đến nước Chu, yết kiến Lão Đam mà học lễ, sử ký ghi đủ, còn làm thầy Văn Vương thì không có sách chứng minh. Xuất hiện cuối nhà Chu việc kia có thể tìm được. Nếu ở nhà Chu ban đầu sử văn không chép, lại xét Chu Lễ Quan Nghi đời Văn Vũ Thành Khang đều không có tên Trụ Sử Tàng Lại, phải là Chánh Phẩm Khuyết Điều là quan nhỏ ở cuối nhà Chu.

- Ngoại, Dị thứ bảy nói: Lão Quân lúc mới sinh là nhà Chu, già đến Lưu Sa, không lường đến chỗ mất đâu biết nơi chốn.

Thích-ca sinh ở Tây Vức chết ở Đề Hà kia, đệ tử đấm ngực quần chúng kêu khóc.

- Nội, Dụ thứ bảy nói: Lão Tử sinh ở làng Lại chôn ở xóm Hòe, rõ ở bài điếu của Tần Dật, nợ ở hình của Độn Thiên.

Cù-đàm xuất hiện ở cung vua, ẩn ở rừng hạc, truyền ở đời Hán Minh Đế, bí mật ở sách Lan Đài.

Khai Sĩ nói: Trang Tử Nội Thiên nói: "Lão Đam chết, Tần Dật điếu ba lần kêu mà ra, đệ tử Lão Đam thấy quái lạ hỏi: "Ông không phải học trò Phu Tử ư?" Tần Dật nói: "Từ trước ta vào thấy người trẻ khóc như khóc cha, người già khóc như khóc con, người xưa cho là hình của Độn Thiên bèn cho là người, mà nay chẳng phải. Độn là ẩn, Thiên là khỏi, hình là thân". Lời đầu cho Lão Tử là tiên khỏi ràng buộc ẩn hình, nay thì không đúng. Than ôi! Kia xu nịnh để lấy tình người cho nên không khỏi chết, chẳng phải bọn ta".

- Ngoại, Dị thứ tám nói: Lão Đam đạp năm cầm mười mày xinh

miệng vuông, hai chân xa nhau như góc mặt trời treo mặt trăng, đây là tướng bậc Thánh Trung Quốc.

Thích-ca mũi như kinh đỉnh (thẳng cao) mắt sáng như sao đẹp như sen xanh, đầu sinh búi tóc như xoắn ốc, đây là tướng Phật-đà Tây Vức.

- Nội, Dụ thứ tám nói: Lý Lão mày xinh miệng vuông, vì là tướng trưởng giả, đạp năm nắm mười chưa là tướng bậc Thánh.

Bà-già (Phật) nhóm mặt trời, dung mạo sắc vàng, đã bày điềm phải có, kỳ lạ là có chữ vạn, bánh xe ngàn căm, thật là nêu tướng bậc Thánh.

Khai Sĩ nói: Lão Tử trong thai các kinh nói rằng: Lão Đam sắc vàng, trán rộng, tai dài, mắt lớn, răng thưa, môi dày, tay có lằn chữ Thập, chân đạp vẽ hai chữ Ngũ, nhưng là tướng lạ của nhân gian, chẳng phải kỳ tư của Thánh. Truyện Ký nói: Lão Tử mũi thòng, đầu nhọn, miệng rộng, răng thưa, mắt lác, tai dài, tóc sắc xanh đen, môi dày, hình dáng như thế há lại so sánh với Phật ư? Như Lai thân cao trượng sáu, ngay thẳng không không nghiêng ánh sáng chiếu xa bảy thước, các chỗ tối, đảnh có cục thịt hình búi tóc, tóc Phật xanh biếc, tai kín phủ xuống, mắt nhìn mở sáng, gò má sư tử, bảy hợp lưới đầy, miệng bốn mươi răng trắng vuông bằng thẳng, lưỡi có thể che mặt hình dáng như lá sen, tay trong ngoài nắm xòe lằn đều thành, lời nói vang như sấm đủ tám món âm thanh, trên ngực có chữ Vạn, dưới chân có bánh xe ngàn căm, dung sắc đỏ tía, tướng tốt khó gọi tên, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phát ra một lần ánh sáng mà địa ngục được dừng nghỉ, một khi giảng pháp khiến khổ đau được an ổn, nêu đủ ở các kinh, không cần chỉ ra.

- Ngoại, Dị thứ chín nói: Lão Quân lập giáo, kính nhượng oai nghi tự nương Trung Hạ.

Thích-ca chế pháp, nghiêm túc nghi dung lại dẫn dắt nước ngoài.

- Nội, Dụ thứ chín nói: Lão là người tục, làm quan ở cuối phẩm áo mũ lạy phục tự thờ triều chương.

Phật là Thánh chủ đạo trái với tục, áo, diện mạo, oai nghi đâu đồng phàm chế.

Khai Sĩ nói: Xưa Đan Dương, Dư Cửu Hưng soạn luận Minh Chân để bác đạo sĩ, đưa ra ngụy dối kia, nói rõ lời kia. Mặc đội áo khăn vải thô, chính là ngày xưa Nho đen đã mặc. Thời xưa, năm Đế đội khăn nai, Hứa Do mũ da, đều là y phục của thế tục, thân áo dài ba trượng sáu thước, có ba trăm sáu mươi tấc, nói pháp một năm ba mươi sáu tuần, hoặc tượng một năm ba trăm sáu mươi ngày. Tà áo trước có hai đai. Nói

pháp âm dương hai phán, hai góc khăn lại pháp hai nghi. Họ Dư lại nói rằng: "Nếu hai đời Chu, Tần thì dùng mười tháng nhà Hạ làm năm, còn như phân chia thừa thiếu của thời đại mà chiết trừ, lại được số ba trăm sáu mươi ư? Xét Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng không bị phục đây. Xét Huỳnh Đế gặp linh của Hoàng Nhân Cửu Chân, lại hàng Đế Khốc đến Hạ Võ mở tạng Đồ Chung hai núi, cùng các y phục này không hề có y cứ. Xét nhà Chu có điềm chim sẻ đỏ, vả lại cảm điềm Đơn Trú tức phù hợp áo châu là y phục đời Hỏa Đức. Lão là người Chu gồm tiếp sử cuối, mũ giày bái phục tự thờ Hằng Nghi, tức nói là "Trị đầu vốn tên quỷ tốt, khăn vàng sách đỏ không bắt chước Bá Dương, chú nước hành thẻ thân sư họ Trương, chẳng phải đạo chẳng phải tục tổ tập học đạo phong của ai?"

- Ngoại, Dị thứ mười nói: Giáo của Lão Quân dùng phục lại hiếu từ làm gốc đức.

Pháp của Đức Thích-ca lấy bỏ thân thích làm hạnh đầu.

- Nội, Dụ thứ mười nói: Lão dạy cuồng trái giết hại cha mẹ làm hạnh đầu.

Thích-ca dạy nhân từ giúp bốn loài làm gốc đức.

Khai Sĩ nói: Nhữ Hóa Hồ Kinh nói: Hỷ muốn theo Đam, Đam nói: "Nếu có chí tâm theo ta đi, phải chặt đầu của bảy người như cha mẹ, vợ con... ông mới được đi". Hỷ bèn dốc lòng liền tự chặt đầu bảy người cha mẹ..., đem đầu đến trước Đam, liền thành bảy đầu heo". Đạo thuận trời đất, làm rồi không thương tổn hòa khí là hiếu. Đinh Lan cảm thông cây khô, Đổng Vĩnh hiếu cảm đến thiên nữ, cầm thú còn có mẹ con mà biết thân thuộc huống chi Đam, Hỷ, hành đạo ở thiên hạ mà chặt đầu cha mẹ mình, sao gọi là hiếu? Giết vợ con đâu gọi là từ?

- Nội, Dụ thứ mười đáp. Ngoại, Dị thứ mười.

Nội, tùng sinh có hơn kém thứ nhất, lập giáo có cạn sâu là thứ hai, lập đức có cao thấp là thứ ba, hóa duyên có rộng hẹp là thứ tư. Thọ yểu có dài ngắn là thứ năm, hóa tích có trước sau là thứ sáu. Dời đổi có sáng tối là thứ bảy. Tướng tốt có nhiều ít là thứ tám. Oai nghi có đồng khác là thứ chín. Pháp môn có đốn tiệm là thứ mười.

Ngoại, tùng sinh trải phải khác nhau thứ nhất.

Ngoại luận rằng: Vạt áo phải thì Nhung, Địch tôn trọng, mạng phải là Trung Hoa tôn trọng, cho nên sách Xuân Thu nói: Trủng khanh không mạng, giới khanh có đó, không có cũng trái ư? Sử Ký nói: "Lận Tương Như Công lớn vị ở góc tương đối phải, rất hổ thẹn". Lại nói rằng: "Trương Nghi Tương bên phải nhà Tần bên trái nhà Ngụy. Quần Thủ

Tương bên phải Hán mà bên trái nhà Ngụy, bởi nói rằng không tiện". Sách Lễ nói: "Tà đạo loạn quần phải giết chết", há chẳng phải là bên phải thì hơn mà trái là thua hay sao? Hoàng Phủ Mật Cao Sĩ Truyện nói: Lão Tử là tướng của Sở, nhà ở bờ nam Quá Thủy, thầy thời Thường Tử, đến lúc Thường Tử bị bệnh, Nhĩ lại đến thăm bệnh". Khể Khương nói: "Lý Nhĩ theo Quyên Tử học thuật cửu tiên". Xét các sách của Thái Sử Công v.v..., không nói rằng: "Lão Tử xẻ hông trái mà sinh" đã không chánh xuất, không thể nương tin đã rõ. Xét biết quơ dao cầm búa, bởi trước Văn Võ, năm khí, ba quang là đầu của âm dương, ở đây là do Thích môn xoay bên phải lại phù hợp người dùng. Trương Lăng tà đạo tin nghịch thiên thường, vì sao? Thích-ca khởi lòng từ vô duyên, ứng gọi người có duyên, nói dấu vết kia, thì hạnh đầy ba tăng kỳ, tướng tròn trăm kiếp, giáng thần mà cưỡi voi ngọc, che chói mà đản sinh sắc vàng ròng, ba mươi hai điềm lành mở suốt nơi địa phủ, mười tám điềm lành làm giật mình cung Phạm Thiên, tướng linh khắp cả mười phương, thần quang hiển ở tám cực thuật gốc kia, từ lâu chứng viên minh, cát bụi đâu thể tính thọ mạng kia, đâu chỉ đến vịn cây mà hiện điềm rộng lớn, nhỏ bạc đầu mà bắt chước điềm tốt giống như đom đóm tranh ánh sáng với đèn rồng, mắt cá mà sánh với xà châu, là sự thua kém của đạo ông.

- Ngoại, giáo môn sinh diệt, cái khác thứ hai.

Ngoại luận rằng: Hễ đồng không sinh diệt lý kia thì đồng nhưng dẫn dắt phàm phu ở đời thì đều có khác nhau. Nhưng sinh là lý do ưa thích của chúng sinh, diệt là lý do ghen ghét của chúng sinh. Nhưng sinh đạo khó được, phải đợi công tu, diệt pháp để cầu há nhọc lãnh học, phải biết cưỡi thần lái cảnh tự có thể nhiều kiếp còn thân, khí hết hình mất, vốn phải một thời thần dứt. Đây là thứ hai, điều sai khác của giáo môn.

Nội, lập giáo có cạn sâu.

Nội, Dụ nói: Phàm diệt thân do sợ đại hoạn, tuyệt trí để tránh nhọc lâu dài, bàn sinh linh ở Huyền Vưu, Tề mất tánh ở Vương Nhạc, bởi bàn Lão Trang, vả lại thầm thầm thường trụ, cổ hoàng thì không chết không mất, ràng buộc không tên, họ Lão thì lại trở về không vật nhưng xưng thường còn chẳng hằng mất, vật đâu thể giáo hóa trường sinh? Vả lại rõ kia sâu cạn, đến như giữ gìn văn yếu mềm, luận tâm dối hay thật lòng, xét phù sinh có lượng, than thở trí thủy không bờ. Nói lớn thì cuộc hạn ở trong cõi, vòng tròn đồ gốm thì không ngoài tánh phần, bởi chí kia, há mở duyên không cùng với bậc Đại giác, chiếu thẳng viên cực, so lường nhỏ nhặt thì cùng nơi tuyệt chỗ hở, nghiên cứu lý thì

khống chế nơi vô phương, mỹ khí mịt mờ chung hòa, thân thần đồng thái hư sánh bền chắc, lời lượng kia vậy, còn Tung Hoa và gò đất nhỏ khác ở sự cao lớn, biển cả đem so với giếng thì khác xa sự sâu, đây là kém thứ hai của đạo các ông.

Ngoại, Phương vị Đông tây khác nhau, thứ ba.

Ngoại, luận rằng: Hai phương Đông Tây tự có âm dương khác nhau, hai vị trái phải liền thành nhân nghĩa khác nhau, nhân chỉ lớn thiện, dương lại thông sinh, nghĩa chủ sẽ thành, âm luận trừng giết. Hai khí là giáo thì âm không bằng dương. Năm đức là lời thì nhân sâu nghĩa cạn, đây là Phương vị khác nhau thứ ba.

(Phê rằng: Càn là dương là cha, vị ở Tây bắc, Khôn là âm là mẹ, quẻ ở Tây nam mới thạnh làng âm, lại là vị trong nam. Phương Nam thạnh đất dương lại thành ở trong nữ, nam nữ đã không có phương nhất định, âm dương không câu nị mà hằng chuẩn mực, sở dĩ mộc hại thể cho nên dùng tỵ làm kế thân, kim khắc mộc cho nên dùng ất làm tiếp canh. Còn đã vị cao bèn ở Tây bắc, chân có thể sinh ra vua lại ở phương Đông, còn như chỗ lễ, nếu Nam bắc là lót liền dùng phương Tây để trên, nói thuận càn là tôn. Đông tây bày đó liền dùng phương Nam làm trên, nói theo dương thạnh thì hơn kém tự thấy là nghĩa ở đây).

Nội, đức vị có cao thấp, thứ ba.

Nội, Dụ rằng: Hễ kim chồng mộc vợ, âm dương ai có thể hằng chấp. Ly Nam, khảm Bắc, nam nữ đâu có phương nhất định, cho nên Tý ngọ dùng Đông làm dương, chấp nam nữ sinh ở phương Đông. Tý ngọ dùng Tây làm âm, nói cha mẹ già ở phương Tây. Đây thì từ sinh già để phán âm dương, chẳng phải cao thấp để nói hơn kém, dù cho cha mẹ ở Tây chưa hẳn thấp, con cái ở phương Đông đâu dám hơn cha mẹ, vì chẳng có nghĩa thì không thành, nghĩa chẳng có nhân thì không nên, cho nên Tý ngọ dùng Đông là nhân cũng như cha Tây là nghĩa, tùy chỗ vị y cứ không lầm phương lớn. Nếu cuộc hạn phán chỗ sinh mà cuộc hạn phong vức, cũng phải là tây khương là nói Đại Vũ xuất hiện, do đức của nhân rộng đến luống uổng, Đông Di là chỗ sinh Văn Vương, giáo cắt thành hằng thiếu, nuốt giang nhận Hán, chẳng phải ở chỗ nhỏ hép của tiểu ải, phù vị, y cứ kinh không thần trạch của Hoàng đế (trước dẹp tà sau khen chánh).

Họ Thích, trên trời dưới đất rõ ràng ở chỗ tôn quý, trong ba cõi sáu đường, sừng sững suy nhiệm mầu kia, thêm dùng bạn tiểu học Nhị thừa, hàng đại tâm năm phẩm, thí như các ngôi sao vây quanh sao Bắc đẩu, như biển xanh đeo dính núi vàng, đủ khiến cho đầu nai mặt voi uốn nắn

tâm chống cự. Sáu dị mười tiên thần lễ, đâu chỉ hạ thấp từ giáp xuống hạng tầm thường, tôn Doãn Hỷ lên nơi quan sử, bẩm học mé răng (Cao Sĩ Truyện nói: Thường Tùng Tử Nhân Trương Kỳ hỏi Lão Tử nói: “E chẳng phải răng cứng mà mất lưỡi mềm nên còn ư?” Thường Tử nói “đúng”) lấy danh ở trong tạng sử ư? Đây là điểm kém cỏi thứ ba của đạo ông.

Ngoại, Đốn giáo hóa Hoa Di khác nhau, thứ tư.

Ngoại luận rằng: Lễ cách của Hoa Di, cao thấp chép từ sách vở cổ, bên chánh, đạo trái, hơn thua còn ở sách sử. Chúa của Nhung Địch không chấp nhận bén xưng vương, làm vua của Sở Việt, cho nên chê là con, đâu thể nuôi dưỡng thợ nhỏ mình ta là đại sư của vua trời. Đây là điểm khác thứ tư của Hoa Di.

Nội, Hóa duyên có rộng hẹp.

Nội, Dụ rằng: Xét tựa đạo đức nói rằng: Lão Tử tu đạo tự ẩn, lấy vô danh làm sự việc, nêu ra liên quan, giáo của nhà Châu suy yếu bèn soạn hai thiên, nhưng sách vở nhà Châu là họ Lão soạn. Xét hai giáo, luận rằng: Năm ngàn văn cho thành lời mà Lão bàn với Doãn, bởi kể lại mà không làm ra.

Lại chức chỉ ở vị tàng sử chẳng phải A Hoành, thầy của Long Châu toan chẳng phải Ô Hữu (trước dẹp tà, kế khen chánh). Thích-ca giáng thần ở La-vệ gá chất ở cung vua, trí thật sinh biết đạo, chỉ khắp giác, diễn tuệ sáng nơi trăm ức, trải mây pháp ở đại thiên, tánh linh thấm khắp mười phương, thần hóa sâu ở bốn biển, kinh sách như núi cao như gò đất, văn chương như rồng bay, như tượng (voi) chở, đầy tràn trong đây. Tuy mở ra thuật ngầm tính, đâu thể ghi điều nhỏ nhắn kia. Luận Trâu diễn Đàm-thiên, không cho bàn tính điều rất nhỏ, đâu thể chương giải thích mười tám văn bày năm ngàn lời mà thôi ư? Hận con chưa dòm tường cao đến đổi có sự hủy hại Vũ Thúc, cũng lại sao thương tổn ngày tháng, cho nên phần nhiều nghĩ kia không biết, đây là điểm kém cỏi thứ tư của đạo ông.

Ngoại, bẩm sinh yểu hay thọ khác nhau thứ năm.

Ngoại luận rằng: Lão Quân đạo khế hợp trong vòng, đồng lượng với hư không, thần vượt ngoài tượng, tùy biến hóa không cùng, cho nên thọ mạng vốn không đồng với kẻ phàm, ẩn hiển rõ ràng khác với người tục.

Thích-ca mé sinh có hạn, thời kỳ thọ mạng ngắn ngủi, một lần diệt không thể tái sinh (Phê rằng: Lão Tử đã nói rằng trường sinh mà ngày nay ở quận huyện nào?). Tám mươi, sao thời kỳ nguy cấp dễ gãy

(không bền), đây là thọ yểu khác nhau thứ năm.

Nội, thọ yểu có dài ngắn thứ năm.

Nội, Dụ nói: Bài tựa nói rằng: Nhớ họ Lý hoài thai tám mươi mốt năm bởi số thái dương thọ một trăm sáu mươi tuổi, ở trong thai đã quá nửa, ba lần biến năm trăm toan chẳng phải giả xưng kỳ quái. Thái Sử Công cho là Sở Lão, Lai Tử và Châu Thái Sử Đam đều là Lão Tử. Hoặc nói hai trăm ba mươi năm, hoặc nói một trăm sáu mươi năm, Hoàng Phủ Mật nói: "Sách của các nhà hiền triết gần là khó tin, chỉ có Tần đật có bài điếu lúc Lão Tử qua đời là đáng tin", người đời thấy Cốc Thần không chết thì cho là Huyền Tẫn cho nên người ưa việc bèn giả nương vào. Thần Tiên Truyện nói: Uất Hoa Tử, Lục Hồi Tử, Truyền Dự Tử, Thái Thành Tử, Xích tinh Tử, Võ Thành Tử, Doãn Thọ Tử, Chân Hành Tử, Tích Xạ Tử và Ấp tiên sinh v.v... đều là Lão Tử, chỉ thấy Toái Thơ không nêu ra Thần Tiên Thánh Kinh, không đáng y cứ để dùng.

Hễ có trời đất thì có đạo thuật, người đạo thuật đâu lúc nào tạm thiếu há riêng thường là một Lão Tử thôi ư? Đều do bọn học sau này ưa tôn sùng điều kỳ lạ, nếu muốn suy tôn Lão Tử khiến cho vô hạn, đạo sĩ thấy cạn muốn dùng Lão Tử làm thần dị khiến người học đời sau tin tưởng cho nên nói dối. Thành thật thay lời nói này, có thể làm gương soi. Phàm diệu lạc giúp ba đức bèn thành, pháp thân vì năm phần chỗ lập, đây do sinh diệt liền sát, tánh viên giác liền bày, hư không có gồm dung, nhiệm mầu của linh nghi tồn tại, cho nên được hình vượt tiêu biểu thấy nghe, danh dứt ngoài tình trần, vắng lặng thường vui, văn hệ chưa giải thích, nghi nhĩ tròn sáng, lời tượng đâu thể so lường. Tuy vua tây, đào thật, thường thục mà chẳng lâu dài, biển đông, ruộng dâu thường biến mà chẳng hằng, năm mây chín chuyển, thương dây chim tạm lưu lại, tuyết bay, sương đen so sánh ngựa chạy để khó tin bền, Chung Quỳ không có lâu của cây đại xuân, phù du ít có tuổi của rùa hạc, đây là điểm kém yếu thứ năm của đạo ông.

Ngoại, tùng sinh trước sau khác nhau thứ sáu.

Ngoại luận rằng: Hai kinh đạo Phật riêng bày thuyết kia, hoặc nói kiếp kiếp ra đời tranh việc không trước, hoặc đời đời sinh ra đua bày lâu xa, cái mênh mông đây khó biết thủ chứng. Nay nương truyện sử định thời đại kia, nhân luân mà nói thì già tôn trọng mà trẻ thì thấp. Hương đảng mà nói thì cũng là huynh trưởng mà em nhỏ, đây là trước sau khác nhau thứ sáu.

Nội, hóa tích có trước sau.

Nội, Dụ nói: Thích-ca đản sinh ở ban đầu của Thạnh Châu. Lão

Tử sinh ở cuối của Cơ Quý. Luận năm thì hơn hai trăm năm, nói đời thì hơn mười đời vua, khí tỏ, năm xanh, phí ở thời Chiêu Trang, thần quang voi trắng chẳng quan hệ năm Hoàn Cảnh, nhưng mà sương mù tối trời người hèn dơ đất, Văn Trọng nghịch tế. Khổng Tử chẳng phải kia không trí, Tử Cầm hủy Thánh, ban cho cũng chê sai lời. Nói chút khó bốn ngựa theo không kịp, thành thật không dối (trước dẹp ngu sau khen Thánh). Rũ tích ứng phàm, gá chất nơi giả dối, đạp cơ hóa vật, đồng thọ trăm tuổi, cho nên quả cuộc hạn nhân tu, tướng tin do đây khởi hoặc, tuổi ngắn hóa rộng, Từ Thị dùng cho nên phát nghi, ngục lớn chẳng phải cân đá lường được, thí như tuổi thọ lâu dài mà còn xa tít, huyền linh chẳng phải trượng, thước chỗ biện, phương kiếp xa mà không cùng, đâu bằng hang rắn cầu tiên lật đời yểu kia, con sâu kén được thuốc còn chưa thể kéo dài tuổi bởi chim cút nương cánh chim bằng tình cờ bay cao, ngựa sâu, cùng ngựa lý tranh xa, đây là điểm kém thứ sáu của đạo ông.

Ngoại, dời thần trở về vắng lặng khác nhau thứ bảy.

Ngoại, luận rằng: Lão Quân ngày mới đản sinh đã không giống phàm, lúc mất đi cho nên phải khác đời. Sở dĩ Lưu Sa ở tây đi qua Hàm Cốc, bò xanh xuất hiện ở cõi nước, khí đỏ nổi trời, không lường trước sau đâu biết phương cõi, Thích-ca bệnh nguy ở Xá-vệ, bảo bỏ mạng ở song lâm, thiêu quan tài, đốt thi thể lại đồng pháp người Hồ. Khí tận thần dứt không hề khác phàm, đây là bỏ đời khác nhau thứ bảy.

Nội, dời đổi từ tạ có hiển có tối.

Nội, Dụ rằng: Bài tựa nói rằng: "Gá hình thai họ Lý, dạy người nghĩa có trước sau, đâu chẳng phải sinh diệt? Tức Trang Sinh nói rằng: "Lão Đam chết Tần đật phúng điếu, mà sinh thì nhờ làng, chết đến cây hòe ở thôn, trước sau chớ suy lường, sao như người mù kia ư? (Trước dẹp tà sau khen chánh). Đại từ giáo hóa, đức tròn duyên mãn từ tạ căn cơ liền mất, thuyền nhân chìm ở hai sông, mặt trời tuệ lặn ở Song Thọ, kia vị ở sáu trời tám nước, bạn pháp ngôi Thánh chúng. Vả lại chớp hợp với gió mạnh mây dồn mà mù nhóm, xá-lợi linh ứng điềm lành soi phước thù thắng ở cõi khác, tóc xanh móng hồng, hiển thần công ở khi hết cuộc đời, phải biết chỗ qua chớ lại, đức tốt rộng giúp. Chẳng hiển chẳng mờ gió thạnh Thinh Hoa, đâu đồng ở Đảnh Hồ mất, trở lại mả ở Kiều Sơn vẫn còn, Lưu Sa không quay về Phò Phong ở Sủng Không (Hoàng Giám nói: Mộ Huỳnh Đế ở Kiều Sơn, mồ Lão Tử ở Phù Phong), đây là điểm thua kém thứ bảy của đạo ông.

Ngoại, tướng tốt của Hiền thánh khác nhau thứ tám.

Ngoại luận rằng: Tướng tốt của bậc Thánh vốn khác phàm phu,

hoặc tám màu, hai tròng, mắt sông, miệng biển, mặt rồng, bước hạc, phản nhà gởi cửa, đến như tóc cuốn tròn màu xanh, vốn hình trạng người, mũi cao, mắt sâu, là hình bình thường của người Hồ, đâu thể bậc Thánh của ta lấy làm tướng kỳ lạ. Nếu thờ Phật được quả báo này thì nam nữ Trung Quốc lại làm hình người Hồ, đây là tướng tốt khác nhau thứ tám.

Nội, tướng tốt có nhiều ít.

Nội, Dụ rằng: Thánh nhân tướng chất vô thường, tùy nơi mà hiển bày sự nhiệm mầu, do đây bậc Thánh rắn đầu rồng, (180) Đạo Mục lại ở Thượng Hoàng, Song Đồng là vua của bốn Nhũ, Đức Chiêu ở Trung Cổ, Chu Công lại nắm vẫn là một sợi lông của ngựa ký, tai Võ mày Tề chính là Phiến Ngọc của Côn Sơn (trước giải thích nghi sau khen chánh). Pháp thân đồng với Như như, không phương hướng, lý tuyệt xưng gọi, hóa thể do ứng vật, diệu chất hợp với danh ngôn, cho nên có ánh sáng sợi lông trắng mi xanh, môi như trái tần-bà, mắt như hoa sen tuyệt đẹp, tướng chữ Vạn ngàn bức khác vẻ đẹp mặt trời mặt trăng, dung nhan tuyệt sắc mà chẳng phải sắc, thể lìa tướng mà đầy đủ tướng, Bạc-câu có mà không đủ, Luân Vương đủ mà không sáng (kinh Tát-già nói: Chẳng phải sắc sinh tánh các tướng thù thắng, trăm phước thù thắng, tám mươi món tướng tốt trang nghiêm thân Phật, thí như bốn loài chúng sinh trong ba ngàn thế giới đều thành Luân Vương, lại gấp trăm lần nữa thì mới bằng công đức như sợi lông của Như Lai, lại thêm trăm lần nữa mới thành công đức một tướng tốt, lại thêm trăm lần nữa mới thành một tướng phước công đức, lại thêm trăm lần nữa mới thành công đức tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chặng mày, lại thêm trăm lần nữa mới thành tướng vô kiến đảnh, lại thêm trăm lần nữa mới thành công đức tướng nhục kế). Vị Tiên thấy mà tự buồn than thở như lá sớm chiều, Phạm chí thấy mà khởi cảm mến khen linh hoa ít gặp, đâu chỉ đạp năm cầm mười để nêu sự kỳ lạ, Mông Đoạn để hiển dị (Tướng Luận của Tào Thực nói: Khổng Tử mặt như Mông, Chu Công hình như Đoạn). Há lại tranh đẹp với Dương Văn, mãnh thú tranh xinh với Sủng Liêm, đây là điểm thua kém thứ tám của đạo ông.

Ngoại, trung biểu oai nghi khác nhau thứ chín.

Ngoại luận rằng: Oai nghi đi đứng của Lão giáo là cúi lạy, vái chào, khăn đen, áo vàng, cầm hốt kéo che, pháp tượng nêu sáng, bởi là chế xưa của Hoa Hạ (Phê rằng: Đạo sĩ xưa nay vốn mặc áo nhà Nho không khác người đời. Đến thời Chu Võ mới có y phục riêng, hai mươi bốn đường may để ứng với hai mươi bốn khí âm dương, phát xuất tự

nhân tình chứ không có điển cứ). Thích-ca dạy: Ca-sa vạt ở vai trái, vén bày vai phải, quần thì toàn bức vải may ngang, áo kỳ chi nửa miếng, đầu trọc bày đảnh, ngồi xổm như chồn, chó, chẳng xếp vào hàng người, là phong tục của Nhung Địch, há lại dùng hình đây chế oai nghi bọn ta. Đây là hình dung y phục khác nhau thứ chín.

Nội, Oai nghi có đồng, khác.

Nội, Dụ rằng: Ngọc bội, kim điêu đâu có thí cho người đốn củi, áo hoa sen, đai hoa tuệ đâu lên sân vua, cho nên ứng khí chẳng phải linh miếu đã bày, áo nhuộm khác với y phục triều tông. Cho nên nương với đạo, hoặc thuận cơ mà làm phép tắc cho muôn loài. Y cứ nơi đức, hoặc sửa thời mà thuận thế, đủ để cắt tóc vẽ thân. Trọng Ni xưng khéo của Thái Bá, trái thường hợp đạo, thi nhân đẹp như hoa cây đường đệ. Huống gì bậc sắp phản tánh lặng thần xa phàm lên Thánh mà chẳng khác, hình dung y phục chưa từng có ư. Cho nên khiến y, tượng, ruộng phước, món đồ, dây buộc khó lường, tiếng tơ đồng đâu mê hoặc được lỗ tai, châu đỏ không huyễn hoặc mắt, nhỏ hay to chớ khinh thường thể kia, tranh thế chớ gồm tâm kia, cho nên kinh nói rằng: La-hán chân nhân thanh sắc không thể làm nhiễm ô, vinh hoa địa vị không thể lay động, cần gì mũ hạc nói tước lại tự bó buộc, gõ ràng hà hơi mà xưng đạo ư? Lên cây tìm cá cách đó càng xa, khắc ghe đợi kiếm đâu chẳng là dốt, đây là điểm thua kém thứ chín của đạo ông.

Ngoại, lập quy tắc nghịch thuận khác nhau thứ mười.

Ngoại luận rằng: Lão Quân làm phép tắc chỉ có hiếu và trung, cứu đời độ người tột cùng từ ái, do đây thanh giáo thường truyền, trăm vua không đổi, gió huyền hằng giúp, vạn xưa không sai, cho nên trị nước sửa nhà thường là cách thức. Đạo Phật bỏ thân thuộc, không nhân không hiếu, đốt vua giết cha lại nói không tội, Điều-đạt bắn anh mắc tội Vô gián, do đây dẫn dắt phàm, lại càng thêm nhiều điều ác, dùng phép tắc này ở đời đâu thể sinh thiện, đây là nghịch thuận khác nhau thứ mười.

Nội, pháp môn có đốn tiệm.

Nội, Dụ rằng: Nghĩa chính là đạo đức đã kém, lễ sinh trung tín mỏng, quấy rầy nhân, chê bai thất phụ (đàn bà), đại hiếu còn không thiếu, nhưng đối hung (dữ) thì ca cười, trái với dung mạo của Trung Hạ, mai táng gõ chậu chẳng phải cách dạy của hoa tục (Nguyên Nhưỡng mẹ chết cõng hòm mà ca, Khổng Tử cứu giúp chẳng chê. Tử Tang chết, Tử Cống điếu, bốn con nhìn nhau cười. Trang Tử vợ chết gõ chậu mà ca), cho nên dùng hiếu dạy đó, sở dĩ kính thiên hạ làm cha người. Dạy

đó dùng trung, kính thiên hạ làm vua người. Giáo hóa khắp muôn nước chính là minh quân chí nhân, hình ở bốn biển thật là hiếu lớn của vua Thánh. Kinh Phật nói: "Thức thể luân hồi trong sáu đường tất cả đều là cha mẹ, sinh tử thay đổi trong ba cõi, ai phân biệt được oán thân". Lại nói: "Vô minh che mắt tuệ, qua lại trong sinh tử, qua lại thường làm, lại xen nhau làm cha con, kẻ oán làm tri thức, tri thức làm kẻ oán, do đây Sa-môn bỏ tục theo chân đều giống với thiên thuộc, bỏ vinh là đạo, đồng hàm khí ở mình (tâm hành khắp chánh, ý đồng khắp thân). Vả lại đạo còn trong sạch trống rỗng, ông nặng ân ái, pháp bỏ bình đẳng chẳng lựa oán thân, đâu chẳng là lầm. Thế tranh bỏ thân thuộc văn sử rõ việc, Tề Hoàn, Sở Mục đều là hạng này, muốn so sánh với bậc Thánh đâu không lầm ư? Đây là điểm thua kém thứ mười của đạo ông.

Thiên cửu châm hạ

Đáp luân về chín mê.

1. Nhà Chu không cơ,
2. Xây dựng tượng tháp.
3. Oai nghi khí phục.
4. Bỏ cày khất thực.
5. Giáo là gốc trị.
6. Đâu trái trung hiếu.
7. Tam bảo không đổi dời.
8. Khác phương mà đồng chế.
9. Thân già chẳng phải Phật.

Ngoại luận rằng: Nói chẳng phải chỉ ở lời lẽ tốt đẹp mà quý ở lý trung. Người ca chẳng phải ở âm hưởng mà quý chỗ giúp hợp tiết. Kinh Phật nói: "Khi Như Lai thuyết pháp Thiên tử các nước đều đến nhóm nghe, hoặc Phật phóng ánh sáng khắp cõi đại thiên". Nhưng ngày Đức Thích-ca còn ở đời nhằm triều Chu của ta, sử sách đã chép vốn không sai sót, chưa nghe vua trời đến Thông Lãnh, há là vua của Trung Hoa, không thiện chẳng dự đạo tràng, vua ở vùng biên địa thấp hèn có duyên khắp thấm nhuần tòa pháp, ánh sáng chiếu đến thì chúng sinh lìa khổ mà cõi này may mắn riêng không người ngộ, riêng cách ân ngoài không hề thấy nghe, mà hóa độ thì Năng Nhân không cho chọn riêng (Phê rằng: Ông không thấy nghiệp Phật, có lỗi chê Thánh đâu được oán thần, chỉ cần tự trách móc). Cầu tâm thật trách sai sự trái lời, dối trá rõ ràng, đáng gọi là hư ngụy, phàm phu không ngộ bèn theo bóng, tiếng chó sủa, ma đời không thể biết mê kia là một.

Nội, thứ nhất đời Chu không cơ.

Nội, châm rằng: Thuần Hy đẹp trời, người mù chớ soi sắc kia, sấm sét rung đất người mù đâu sợ tiếng vang kia, bởi tuyệt sự cơ cảm. Làm kẻ trộm hung bạo, trí Khổng Tử không làm dần tâm kia, kết hận với người chẳng biết gì, cho sự biện luận đâu thể sự giận dữ kia, cũng khác tánh tình (Trang Tử nói: Khổng Tử thấy ăn trộm, ăn trộm lại trách Khổng tử, Khổng Tử sợ do dự mà lui. Lưu Tử nói: Ngựa Khổng Tử xâm hại lúa người, người kia chỉ giận con ngựa, Khổng Tử sai Tử Cống nói cho kia hiểu mà kia càng giận, bèn sai người nuôi ngựa nói thì kia lại vui). Cho nên sai hợp người thì muôn lý xa ứng, lực trái thì gan mật Sở Việt, huống gì từ vô thỉ rộng kết buồn thương sâu hơn biển cả, nghiệp hữu vi rộng, trần lao như gò lớn đối cao, các căn không thể đến ngay, cho nên dẫn dắt để chứa nhóm dần dần, các hạnh không thể tu đủ hết cho nên sách tấn để chia hạn, giống như trời đất ba lần biến hóa mới hợp với tự nhiên (Lão nói rằng: Người là pháp của đất, đất là pháp của trời, trời là pháp của đạo). Tề Lỗ lại biến bèn đến chỗ chí đạo, mây dày lúc trời mưa, nước cứng vừa đổ sương, đều là nghĩa lần nhóm. Cho nên Nhị Hoàng thống lãnh giáo hóa (kinh Tu-di Tứ Vức nói: Bồ-tát Ứng Thinh làm Phục Hy, Bồ-tát Cát Tường làm Nữ Oa) ở đầu của thuần phong, Ba Thánh lập lời (kinh Không Tịch Sở Vấn nói: Ca-diếp làm Lão Tử, Nho Đồng làm Khổng Tử, Quang Tịnh làm Nhan Hồi) khởi cuối cùng của kỷ thuần. Ý chỉ Huyền Hư Xung Nhất, Huỳnh Lão thạnh lời bàn kia, văn thi, thơ, lễ, nhạc, Chu Khổng thạnh giáo kia, rõ gồm giữ chất bèn lên bậc Thánh. Ba úy năm thường là lý do lần lần của trời, người, bởi thầm phù hợp lý Phật, chẳng phải cực âm bàn chánh biện. Vẫn như hỏi đạo ở người câm điếc, phương cờ đầu đâu cùng xa gần. Hỏi luật ở thơ ngựa, biết giúp mà không suy lường cạn sâu. Do đây mà bàn đời Ân Chu chẳng phải đạo Phật chỗ nên hành, dụ như ánh sáng mặt trời rực rỡ, trẻ nhỏ không thể nhìn thẳng mắt, sấm vang sét đánh người yếu không thể căng tai mà nghe, do đây ao sông tràn đầy, Chiêu Vương sợ ngày sinh mây chớp đổi sắc, Mục Hậu vui mừng kia mất Thánh (Chu Thơ Dị Ký chép: Chiêu Vương ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn, sông, suối, ao, rạch, đều đầy tràn, đến thời Mục Vương vào ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi hai gió dữ nổi lên, cây ngã cành gãy, mây đen vần vũ cả bầu trời, có điềm quái lạ là cầu vồng màu trắng) há có thể vượt sông mà lãnh thọ giáo hóa, băng qua Tuyết Lãnh mà bắt chước cho thành thật. Kinh Tịnh Danh nói: "Là lỗi ở người mù chứ chẳng phải mặt trời mặt trăng không sáng", còn như muốn cùng tột biện đục lỗ của kia sự thương tổn tình ngu tối của con ta, ông chẳng thể

biết được. Kia là sự đui mù thứ nhất.

Ngoại luận rằng: Phàm núi đồng lở đổ thì chuông ứng màng xám trăng khuyết thì ánh sáng thiếu, chưa thấy hổ gầm thét mà gió không sinh, rồng vọt lên mà mây không nổi. Nay Thích-ca nói là Phật lực trên hết, một niệm vận tâm không đâu chẳng đến ứng, cho nên phàm tục đều dốc tài sản tranh nhau xây dựng tháp miếu, không tiếc châu báu đua làm chùa chiền, hoặc khắc khuôn mẫu đất, tạc gỗ đàn, vẽ hình trang của Huân Hồ, nấu vàng dệt vải làm dung mạo Di Địch, nhiệm mầu tận Đan Thanh, khéo léo tột cung dao khắc, một bái một lạy trông mong cảm thông, từ pháp Hồ lần về Nam đã qua hơn sáu trăm năm, nước Hán chí thành cung kính mà không gặp Điều Ngự, nếu nói giáo hóa không đến đây, tức là không linh, cuồng hoặc người nghe, dối bàn oai lực mà đời không thể biết, đây là cái mê thứ hai.

Nội, xây tháp tạo tượng, thứ hai.

Nội, châm rằng: Tả Triệt mến Thánh, khắc tượng mà lạy Hiên Hoàng, Câu Tiển suy nghĩ bậc Hiền mà nấu vàng làm khuôn Phạm Lãi, Đinh Lan chí hiếu khắc hình thế người thân, Nhan Tại giúp nhân từ, lấy lụa màu mà vẽ Thánh, cho nên khiến hình lo mừng ở dung sắc, tinh thành thông nơi giấc mộng cũng là chí thành kia. Đâu bằng Đao-lợi không hai, Ưu Điền do đây khắc cây, Kiên Lâm mờ hình A Thâu vì thế đúc vàng, gá tướng đẹp ở Đan Thanh, gởi linh nghi ở Sằn Ốc, hoặc thấy chân ngồi tránh vẽ diện mạo xoay thân (Cảm Ứng Truyện nói: Chùa Trường Can ở Dương Châu có tượng vua A-dục, người muốn bắt chước khuôn đó vẽ, tăng trong chùa sợ tổn sắc vàng nên không cho, chủ tạo tượng bèn chí tâm phát nguyện: "Nếu tinh thành mà có cảm xin tượng xoay mình về hướng Tây". Vì thế, ở lầu cao đóng kín mà sáng ngày mai mở cửa ra thấy thân tượng rõ ràng đã xoay về hướng Tây, bèn cho vẽ), thần ứng không cùng xưa nay còn đó.

Từ khi tượng về hướng Đông giúp chánh hóa, dời về Nam đêm mộng thấy người vàng, sông nổi ngựa ngọc, ánh sáng thần dẫn dắt ở sông Tương, điềm ứng đẹp phát ở Đàn Khê (Cảm Ứng Truyện nói: Chùa Phát Mông ở Lư Lăng có tượng vua A-dục ghi rằng: Thân tượng xuất hiện ở Lư Lăng, ba lần sáng điềm lành phát sáng ở Tương Châu sáng tối đều phóng ánh sáng chiếu rực rỡ ven bờ. Chùa Đàn Khê ở Võ Xương có điềm tượng thân xuất hiện ở Đàn Khê ánh sáng rực rỡ trên mặt nước). Trường Sa nên vẽ đẹp như nhóm rộng, chỉ nói lược thôi. Như ở sông Thần Lâm Bảo Sưu có nói nghiệm chứng và điềm ứng Minh Tường U Minh Lục, Cảm Ứng Truyện v.v...

Từ thời Hán Minh Đế về sau đến Tề, Lương, vua quan giữ bờ cõi, thiện nam tín nữ và Tỳ-kheo ni v.v... thầm cảm đến Thánh, mắt thấy thần quang, có hơn hai trăm người, còn như thấy tích muôn núi nổi sáng rỡ Hổ Độc, dưới Thanh Đài thấy dung mạo mặt trăng tròn, ngoài Hùng Môn nhìn bóng tướng luân, Nam Bình được ứng ở điềm tượng, Văn Tuyên cảm mộng ở răng Thánh, Túc Mậu một phen đúc tức khắc thành, Tống Hoàng bốn lần đúc mà không xong, nêu điềm kia rất nhiều không thể bày đủ, đâu thể do ông không có mắt mà chê kia không có linh cảm ư? Nhưng đức không đâu chẳng đủ gọi là Niết-bàn, đạo đâu chẳng thông gọi là Bồ-đề, trí không nơi nào chẳng khắp gọi là Phật-đà, do đây tiếng Hán dịch lời Phạm kia thì Phật của đây kia rõ ràng đáng tin. Dùng gì làm rõ? Phàm Phật-đà tiếng Hán gọi là Đại Giác, Bồ-đề tiếng Hán gọi là Đại đạo, Niết-bàn gọi là Vô vi, mà ta suốt ngày đạp đất Bồ-đề, không biết đại đạo là tên khác của Bồ-đề, nhận hình cảnh đại giác chưa nghe đại giác là dịch tên Phật-đà. Cho nên Trang Chu nói: “Vả lại có đại giác mà sau mới biết đại mộng”. Quách chú rằng: “Giác là bậc Thánh”, nói ngu ở trong lòng là đều chưa ngộ, Khâu và ông đều là mộng. Chú giải rằng: Phu Tử cùng Tử Du chưa thể quên lời mà thần giải, cho nên chẳng phải đại giác”. Quân Tử nói: Khổng Khâu bàn đây cũng hết”, Niết-bàn tịch chiếu không thể biết được, không thể trí hiểu được, thì đường ngôn ngữ dứt mà chỗ tâm hành diệt, cho nên quên lời. Pháp thân chính là ba điểm bốn đức tạo thành, rõ ràng không lụy, nên gọi là giải thoát, đây là thần giải mà hoạn dứt. Phu Tử tuy là Thánh, xa dùng suy lường công với Phật. Vì sao? Vì xét Lưu Hướng Cổ Cựu Nhị Lục nói: “Kinh Phật đến Trung Hạ sau một trăm năm mươi năm, Lão Tử mới nói Ngũ Thiên Văn, nhưng Chu và Lão đều thấy kinh Phật đã nói ngôn giáo thường thường có thể nghiệm. Cho nên Phu Tử có nói rằng: “Lý Dịch là vô vi, không suy nghĩ, vắng lặng bất động, cảm mà thông, chẳng phải bậc chí thần trong thiên hạ thì ai sánh được với đây”. Nay tôi khởi lời, ông phải bỏ nhóm mê, mà đâu ngộ trễ. Chế tạo chi đề kia lưu càng xa, vừa đóng vừa trồng, so sánh bấy nhiêu dùng trung thành hiển mộ, chớ cắt chớ đốn lần lữa mỗi mùa để trong sạch mả cấm, bốn dân ôm ấp mười điều lành, xa xôi ân Luân Vương, ba cõi tôn quý sáu thông, tuyên dương đức La-hán (kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Bốn người được trồng”. Thâu-bà, tiếng Hán là trủng (mộ) nghĩa là Luân Vương, La-hán, Bích-chi, Phật (Như Lai), huống chi trí khắp mười lực, đức đủ bốn hoằng, diệu biện khế hợp với quên lời, hay rủ lòng dạy không suy lường, cực sáng nơi không gì soi đến, đem cho ngọn đuốc ở

chỗ tối tăm, cho nên có lò hương bình vàng, toàn thân khắp tám nước ánh sáng lành tốt đầy đủ, tán thể khắp cả mười phương, làm ánh sáng năm sắc, xoay ở hư không bày nơi đời Hán tám sắc màu sáng rỡ. Thần ứng hiển ở cung nhà Ngô, linh khám trăm gương, tháp màu ngàn hoa, tay nương mây sương, tiếng chuông nơi gió cao, trụ tím, cột hồng nổi xa cõi hư không, cánh côn, chân phụng xa đón hư không. Tột dung nhan tráng lệ, cùng đẹp đẽ thay đổi, đâu thể kính nhìn núi cao, chỉ không quên cảnh hạnh, sùng biểu tuấn thiếu cây, nêu kế hoạch lớn mà thôi ư? Không dùng biện bàn vách giếng mà chê biển cả rộng hẹp, trí cây du cây phương mà sánh cao thấp với Côn Luân ư, mà ông không biết, là sự đui mù thứ hai.

Ngoại luận rằng: Lễ nghĩa là lời dạy nhiệm mầu của thành đức, trung hiếu là hạnh gốc lập thân, chưa thấy thần dân mất lễ mà nước được tồn tại, con cháu bất hiếu mà nhà kia có thể đứng vững. Nay Cù-đàm chế pháp quyết khiến áo giống y phục Hồ, tức là thầy trong loài người, miệng tụng Di ngôn thì đó là tôn quý của thế gian, đến đỗi bọn vô lại do đây trái nghịch ngồi xổm trên cả cha anh, tự gọi là trong môn, ngạo mạn trước vua chúa bèn xưng là dòng Thích, không nhân không hiếu mình chấp nơi nhà, không lễ không kính phục hình nơi nước (Phê rằng: Lễ rằng "Con là làm cha tế mẹ lạy là sự dối cao cũng đáng là không lễ không hiếu") đây thì nhà nhà sinh ra con như chim cú, chim kính, người người nuôi dưỡng con như chó sói, vỗ ngực luận tâm thật đáng đau đớn. Thiên đạp không thân thuộc, Hoa Di cách xa chỉ có đức là giúp đâu chia Hồ Hán, há có thể đội khăn tu thiện riêng không hơn phước, đầu trọc hạnh đàn riêng có thể cảm quả, do tuệ đâu thể đợi cạo đầu giữ chân không nhọc hủy hình vóc, mà đời không thể biết đây là cái mê thứ ba.

Nội, chỉ oai nghi khí phục.

Nội, châm rằng: Huyền Thánh sáng lập kinh điển, dùng nhân quả làm tông, sách tấn vua bày sự dạy dỗ dùng danh giáo làm gốc, danh giáo tồn tại thì trị quốc thạnh. Nhân quả mong đợi nơi đạo lập, lập đạo đã bỏ ái ở đầu, thạnh trị cũng trung hiếu ở trước, hai nghĩa cách nhau xa, đâu thể cùng ngày mà nói. Sa-môn chính là hạnh vượt tục, nêu tâm ngoài trần tục oai nghi tiến đến phi pháp bất động, dung mạo, y phục, ứng khí không làm, cho nên nhuộm bùn là muôn chất đồng quy về, áo đen là các màu hoại sắc, giản dị dẫn dắt giải thoát, điều cách tượng trưng phước điền, mặc lệch chỉ bày có làm việc nhọc nhằn, (Lễ nói rằng: Chấp là tổ chức) thiếu tay áo là ở làm việc (Luận Ngữ nói:

Áo lông áo da tay phải dài ngắn là để tiện làm việc). Thánh chế có lý do không hề luống uổng. Do đây bỏ ái tổn thân thuộc kính mong các Thánh, xả bỏ thanh sắc, vâng theo phạm hạnh, cạo bỏ râu tóc xa lìa vinh hoa, hình dung nghiêm túc, chất không mất cung kính, dùng áo cắt rọc bảo vệ thân mạng, lời không dối trá lìa bỏ tà nịnh, tiếng hòa khí vui vào vô tránh (không tranh giành) bỏ nhận an tường dè dặt từng lời, đời quý đâu bị khuất phục mạnh mẽ giữ thẳng ngay, trong sạch không theo danh lợi thuận theo tánh đạo, tà tướng không cản trở, trụ nơi tám chánh, nhan sắc khiêm hạ cung kính thương xót các người bệnh, người trời kính ngưỡng, ba nghiệp trong sạch, cùng tột nhiệm mầu chân chánh vì chứng lấy rốt ráo, lòng nhân rộng giúp cũng giàu trung hiếu. Đạo sĩ thì không như vậy, nói mộ đạo mà tâm không chân thật, gọi là bỏ nhà mà hình không khác tục, đội mũ tròn mà không soi tượng đen, mang giày vuông mà thiếu rõ địa lý, mặc theo Nam Trịnh ngược khăn của Hán, cầm cờ công mà công kích cái hốt của nhà, trang sức mặt trời đạo họa y phục của Tống, con cháu ân bại áo của Tấn, nghiệp sống hằng ngày không bỏ, làm chuyện tầm thường trước không xấu hổ, cợt nhã cả đời lễ trung hiếu thiếu kém, cầu tiên thì đạo cao thượng lại thiếu, giống như con ruồi lại nói về trắng đen, con dơi bàn có chuột hay chim, bởi đều là bọn yêu hoặc, ông lại không tự thấy đây là sự đui mù thứ ba.

(Kinh Chánh Pháp Niệm nói rằng: Thí như con dơi, người đi bắt chim thì lại vào hang làm chuột, người đi bắt chuột thì ra khỏi hang làm chim. Nay tế rượu thản nhiên chứa vợ con cho là từ ái, khuyên cày cấy cho là không hủy tóc da, đến lúc vua đòi dịch điều động nhân lực thì lại nói là xuất gia cũng giống như con dơi ra vào hang).

Ngoại luận rằng: Bậc Thánh ứng thế vốn để giúp ích cho chúng sinh, không ngước xem cúi xét lợi an cho chúng sinh, do đây mùi cỏ không hợp tinh của ngũ cốc, trồng dâu đầy bông tơ miệng tằm, cho nên rũ ý áo giữ cày cấy, lập lúa thẳng ngay, dệt vải để lợi trăm họ, vì thế ở đây nếu một người phụ nữ không đệt vải thì thiên hạ bị khổ rét lạnh, một người nam không cày ruộng thì thiên hạ bị thiếu ăn. Nay Thích-ca lập pháp không dệt không cày, kinh không pháp tuyệt hạt, ruộng không người chồng cày cấy, giáo thiếu phương chuyển luyện, nghiệp bỏ không người vợ dệt vải, là biết ôm bát, cầm gậy nuôi miệng nhờ ai, y riêng che vai trái là nương ở đâu, cho nên phải trong một năm đói lạnh chung đến, chưa nghe có lợi ích, đã thấy khốn cùng đời không thể biết, đây là cái mê thứ tư.

Nội, thứ tư chỉ bỏ cày khất thực.

Nội, châm rằng: Mưu cầu đạo trước không phải vì ăn, giữ tín quyết sau bị đói, do đây Kiệt bị chìm đắm chuộng cày, Khổng Tử ví như các cầm thú, Phần cần học cấy, Trọng Ni chê là tiểu nhân, chức quan thấp không địa vị mà lãnh lộc là cao hiền, dân đen chẳng làm quan mà được ban cho là bậc trong sạch. Đạo của người lành cần gì phải cày cấy, ta xin nói với ông, giáo lý nhà Phật nghiệm ở nhân quả, gồm nguồn rộng lớn của ba đời. Tiên đạo còn ở vàng ngọc, luống nhọc một đời, vì sao ngu, hiền, thọ, yểu lại tin vào chỉ tay, nghèo, giàu, sang, hèn cảm nơi trước mắt, báo ứng thì hình bóng không sai, nghiệp duyên cũng như tiếng và âm vang chẳng khác, đây là ý chỉ nhà Phật, chữ ta chưa thấy uống thuốc chẳng chết ăn dịch trường sinh.

Thơ xưa nói: "Uống ăn cầu thần tiên, phần nhiều là thuốc lầm, không bằng uống rượu ngon, giúp mặc lụa cùng vóc, gởi lời người đời sau, chớ làm đạo sĩ, nói dối bỏ công phu, phí mất năm tháng". Ông có phương chuyển luyện, vì sao lại xin ruộng đất, lại bàn vợ đệt vải. Phải biết chứa vợ ở phòng cho nên đạo sĩ chuyên cày nữ giới, siêng dệt mũ, làm gì đâu đủ nuôi miệng, hằng thiếu giúp thân, như kia không dệt không cày, liền rơi vào chỗ thua, trộm thấy lầu nhìn khăn vàng, cởi bỏ da nai mà nhờ đất, huyền đô quỷ tốt bỏ áo choàng mà tròng cấy, đã không người gieo hạt lại hổ thẹn khách nhọc làm, tự buông thả tự giày vò, đói ở trong kia, nhọc hình xót tâm thì có đạo gì? Xét nhàn Hán đặt năm đầu ở năm Nhâm tý, đạo sĩ Trương Lăng phân chia Huỳnh Thơ nói: Nam nữ có pháp hòa hợp ba, năm, bảy, chín đạo giao tiếp, đạo kia thật quyết ở đơn điền, đơn điền là cửa ngọc. Chỉ dùng cấm bí là gấp, không chấp nhận tiết lộ ra đường, con đường chìm Khổng. Ôi! Thầy bạn cha mẹ là tên của gốc xấu xa". Lại nói rằng: "Con gái chưa gả, mười bốn trở lên có đạo quyết rõ", cho nên chú giải Ngũ Thiên Văn nói: "Đạo có thể nói gọi là sớm ăn ngon, chẳng phải thường đạo là chiều thành phân". Hai món đồng nêu ra mà tên khác, nghĩa là mũi và miệng, khen tốt thuật này con cháu ba đời nói nhau thực hành. Pháp ông như vậy dễ loạn nhân dân, nếu khuyên trăm họ làm theo pháp của ông thì bất hiếu bất kính, đời sinh ra giống sói lang không lễ không nghĩa, nhà sinh ra con cái như chim cú chim quạ. Nếu nói về người gởi hàng hóa, lượm ngựa châu không quên cái sâu của chín xoáy. Người tìm ngọc hoa phác theo sự lóng lánh không kiêng dè nguy hiểm của ba lần rập khuôn, là quý của báu. Người ngộ chí đạo dòm nơi cửa kia khinh lợi thế gian nhẹ như lông hồng, vào góc rẽ bỏ địa vị vinh hiển như dây củ là vì xem trọng chân, cho nên có thể khiến người nhọc mệt mà không kể sức

mình, khách nghèo không tiếc tiền của mình, bởi mong lợi ích thầm, chẳng phải kia mê.

Còn như tiên thuật vọng đản sinh nguồn gốc lâu xa. Nhà Hán hết, họ Từ có phước mới lừa bịp nước Tần, văn thành năm lợi nói sự dối trá ở nước Hán. Bày sự kềm chế chim hạc phí cái thật mây lục ở trước mắt, nói ăn ráng đỏ đâu thấy tin trị cơn đối, còn như có con khỉ làm bàn loài sò (Biện Đạo Luận của Tào Trực nói: Vị Tiên thuộc đàn khỉ vượn, cho người đời được đạo hóa thành tiên như gà xuống biển hóa thành sò, yến vào biển hóa làm nghêu, ngay lúc lưỡng lự thì cánh sa xuống ao, cánh còn tự biết, bỗng nhiên tự chìm thần thể biến hóa bèn làm con ba ba, há lại biết vỗ cánh đến rừng mỏng lầm ổ ư? Trâu bệnh yếu mà lại gặp hổ thì trâu kia bị hổ nuốt, nếu như vậy thì biến hóa đâu quý gì?). Bàn về buột gió bắt bóng, cho nên bỏ đồ thật dùng đồ giả, bỏ ruộng chai lại dùng nghề khó, chê tà đạo lại lấy sự dối trá, bởi xét thật thì nhóm chứa kia đã đồng, luống dối thì chứa nhóm kia đã khác, lý phù hợp thì đời trọng, tình dối trá thì mọi người lánh xa, đây là việc thường đâu thể gọi là mê? Đạo thấp Phật cao cũng là đúng, mà chẳng tự biết, là sự đui mù thứ tư của ông.

Ngoại luận rằng: Nước dùng dân làm gốc, gốc chắc thì nước an, do đây ban cho và nuôi dưỡng cửa con, ân lưu lại nhà thai vợ cho nên con cháu cúng tế đời đời không thiếu, dầu chí hiếu hủy thân cũng không đến nỗi dứt con cháu nối dòng, cho nên được nước nhà giàu mạnh, thiên hạ xương thạnh. Chưa nghe nhân dân điêu tàn nước nhà lại được tồn tại. Nay Phật giáo không vợ không thiếp gọi là thờ pháp, chỉ có việc chết sớm gọi là được Niết-bàn, đã thiếu phương thức trường sinh lại không có thuật bất tử, đây là trong một đời nước nhà hoang trống. Người đời tuy muốn cầu phước, không biết hình mạng đến chỗ tàn, tranh mộ an nhà đâu biết tông yên vào nơi diệt, có thể gọi là sợ chết mà uống câu vẫn, sợ chết chìm mà nhảy xuống sông lớn. Vả lại đời của Thiên Hoàng, Địa Hoàng không Phật mà ngôi bền vững, hậu Triệu, hậu Ngụy về sau có tăng mà vận nước ngắn, chánh là do chân ngụy lẫn lộn, lễ nhạc không luyện đời không thể biết, đây là cái mê thứ năm.

Nội, châm rằng: Lóng thần ngược tánh là cửa cốt yếu để vào đạo, dứt bỏ dục tình là gốc gần để lên Thánh. Cho nên nói rằng: "Đạo cao đức rộng là thưởng, dùng đạo truyền thần dùng đức trao Thánh, thần thánh truyền nhau gọi là lương tử". Chặn nguồn đạo chặt gốc đức gọi là vô hậu, chẳng phải nói rằng: "Bỏ dục là vô hậu". Ông không nghe ư? Lời xưa còn đâu, giáo hóa của họ Thích chẳng chỗ nào không đúng,

bao dung là nguồn giáo vào đạo, thành thật là đầu xưng giúp tục, hễ làm một điều lành thì bỏ một điều ác, bỏ một điều ác thì dứt một hình phạt. Dứt một hình phạt ở một nhà thì dứt vạn hình phạt ở một nước. Cho nên biết năm giới mười điều lành là gốc chánh trị. Lại tu năm giới thì đường ác giảm, mười điều lành thông suốt mà trời, người thêm nhiều, trời người phồn thịnh thì chánh hóa thạnh, đường ác suy mà tai hại dứt (Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Người không trì giới, chư Thiên giảm ít, A-tu-la thạnh, rồng lành không có sức mạnh, rồng ác có sức mạnh, rồng ác có sức mạnh thì giáng sấm sét, gió lớn mưa dữ trái thời, ngũ cốc không đầy đủ, tật dịch nổi lên, nhân dân đói khát giết hại lẫn nhau. Nếu người trì giới nhiều thì chư Thiên thêm nhiều ánh sáng, Tu-la giảm ít, rồng ác không có sức mạnh, rồng thiện có sức mạnh, rồng thiện có sức mạnh nên mưa gió thuận thời, bốn khí hòa thông, mưa ngọt tuôn xuống, lúa bắp đầy nhà, nhân dân an vui, binh đao dứt, tật dịch không lan truyền).

Giống như ngăn củi bỏ cỏ càng nặng mà khó bày, dứt lửa ngọn diệt tro nóng, công ích mà dễ hiển. Vả lại xương mạnh khí yếu, lời nói chí lý của ông lão họ Lý, thật tủy mến tinh là ý chỉ sâu xa của nhà tiên. Nay ngược ngạo bảo dâm dục là giáo huấn nhiệm mầu, vợ con là nguồn giáo hóa, tông Lão mà hủy lời kia, giáo tiên mà bỏ thuật kia, lại mến chó ngựa là quý nó biết ơn, không ưa con chim cú, con kính vì ghét nó ăn thịt mẹ nó. Ông thì giữ đêm thay công nhọc ít với chó ngựa, nghịch vảy ngược lưỡi sâu nơi cú, kính, rắn độc chín đầu không như vậy ư? Chở quỷ một xe, ôi đáng sợ!

Lại vận ngôi vị dài ngắn nói là thiên mạng, khởi hưng thạnh bị thay thế ngắn dài xét cũng có người phù hợp, cho nên Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang được thọ, Kiệt, Trụ, U, Lệ không trọn năm dài, Hy phát lý đạo mà tuổi thọ, yếu chính sách bày hình dâm mà ngôi ngắn (Trần Tư nói: Xưa, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Vũ, Chu, Chiêu, Thái, Công đều hưởng thọ trăm tuổi, bảy Thánh ba Hiền đều hành đạo sửa chính trị, Thánh trị thiên hạ không tổn thần, hiền làm chúa tể một nước không nhọc suy nghĩ, do đó hưởng trọn tuổi trời. Kiệt buông lời than thở, Trụ chết ở ngoài đồng trống, Khuyển Nhung giết vua U, Lệ không trọn với nhà Chu, ngôi tám trăm Tần diệt ở hai đời, lúc này không có Phật tăng). Kế sách bảo ở trước mắt chẳng phải nói dối bàn, đâu phải không Phật mà ngôi bền lâu, có Phật mà vận mệnh bị ngắn. Bàn đâu cho dễ, bàn đâu riêng đổi, tiếc thay, ông và tôi tự biếu chỗ thân thích rất đáng than tối như đi trong đêm, đây là sự đui mù thứ năm của ông.

Ngoại luận rằng: Hiếu là gốc đức, nhân luân ở trước, chớ tông lớn

chắc chỉ là nương dựa, ân huệ của trời cao đâu nói là có thể báo đáp, cho nên sống hết sức ôn hòa trong sạch, trọn đủ lễ lăng mộ. Nay Phật để lời dạy: "Quyết khiến bỏ hài cốt ông, chỉ để ở đồng cỏ này, thường xuất tiền của xây tháp miếu cho ta" bèn khiến dâm ngu bị hoặc loạn bỏ sách lễ này, khảo xét quan tài không có tâm trồng cây (Phê rằng: Xét đời Thượng Hoàng không làm lễ chôn cất, việc mồ mả bắt đầu từ Thánh nhà Chu, cho nên có keo dán bịt quan quách, ngói ém áo quan đều khởi từ thời trung cổ. Hủy mục văn nhà Chu để hài cốt bày ra nơi đồng trống, nhân lượm mà cất bắt đầu thực hành tang lễ cho nên nói tang là chôn cất. Muốn người không thấy là do Phu Tử bệnh, học trò muốn bàn việc chôn cất sau này, Khổng Tử bảo: "Ta dối trời ư? Phải chọn đất không lông, không trồng cây, chỉ có gai, chỉ có lời vui, nói nương đồng đời mạt làm lễ mai táng, bởi ta chưa thể ra khỏi thế tục"). Nhung, địch thây linh lại tô vẽ tột sự tốt đẹp trang nghiêm. Lại thần không hưởng vì chẳng phải họ kia, vật không cúng tế vì chẳng phải tổ tiên họ. Không kính cha mẹ mà kính người chính ngoài là loại này. Lại thủy táng, hỏa táng phong tục không giống, chôn thây, bày thây, làng nước vốn khác, bỏ mình theo người cho là cầu phước, đâu biết đất đai ở đây khác riêng tự như vậy, đời không thể biết, là cái mê thứ sáu.

Nội, thứ sáu chỉ "không trái với trung hiếu".

Nội, châm rằng: Dẫn dắt người câm điếc, quyết cúi ngước mà chỉ khiêm tốn. Giải thích cho người ngu trệ cũng nâng tai mà giở tay. Phàm con người vốn ở hiếu kính, hiếu kính giúp sinh thành, cho nên nói rằng: "Chẳng phải cha mẹ thì không sinh, chẳng phải bậc Thánh thì không lập", chẳng phải Thánh là không pháp, chẳng phải hiếu là không cha mẹ, đây thì nghĩa sinh thành thông, tình cha thầy rõ bày. Cho nên Nhan Hồi chết, Nhan Lộ thỉnh xe con cho Khổng Tử nói: "Hồi xem ta như cha, ta không được xem Hồi như con" bởi vì nghĩa ấy, vả lại nghĩa ái kính khác dung không ngoài hai lý, tánh hiền ngu khác phẩm không vượt ra giai cấp, cho nên sống thì hiếu dưỡng không trái, chết thì chôn cúng tế dùng lễ, lễ chế ở đây khác nhau. Tiểu hiếu dùng sức, trung hiếu dùng lao nhọc, đại hiếu không thiếu, đây tánh chia khác nhau. So với giáo lý họ Thích nghĩa kia tồn tại, đến như rưới máu chảy đốt thân, bảo tháp lễ nhân từ cúng tế, cũng là nghĩa kính trước dè dặt sau. Đã ở Luân Vương tám vạn, chúa Thích của ba ngàn (kinh A-dục Vương nói: "Vua giết tám muôn bốn ngàn cung nhân, nửa đêm nghe trong cung có tiếng khóc, vua hối hận sai làm tám muôn bốn ngàn tháp", nay cõi Trung Quốc cũng có. Thích-đề-hoàn-nhân ở trên trời tạo ba ngàn Du-bà).

Tát cạn biển cả tìm châu báu, sạch bụi đại lộ mà chỉ còn đá bởi nhọc sức. Cả chúng sinh vì minh tín nhiệm đồng ngậm khí ở thân thuộc trời. Thê Hoàng ôm hữu lậu, gánh vác bọn vô lại, bởi vì nhọc tâm. Quày xe về cõi thật tướng, ngưng thần ở chốn vắng lặng, chỉ Nê-hoàn mà quay về, nương pháp thân mà xem gần đây đạo không thiếu. Đã chính họ mẹ giáng thiên thì chẻ kim quan mà giảng câu cú, vua cha lìa đời cầm giường báu mà đưa chôn (Luận Trí độ nói: Vua Tịnh Phạn chết, Phật tự cầm giường dây đưa đến chỗ trà tỳ (thiêu) để dạy cho tất cả chúng sinh đời sau báo ơn sinh dưỡng) tiêu biểu hiếu kính nghĩa này cũng đã đủ.

Dạy bỏ hài cốt từ đâu mà có ra ư? Và lại kinh khuyên thây đà thí khắp cho loài bay chạy, ý còn trả nợ đời trước, khỏi thiếu đời sau, không như Trang Chu chẳng phải đời mạt chôn sâu gốc thất lễ mà nói rằng: "Sò kiến đâu thân, cầm thú đâu sở", sống đã cho thân là nghịch tộc, chết phải lấy đất trời làm quan quách, trở lại nương thượng cổ không chấp nhận chôn vật không thích là tệ khinh sống quý chết. Người cầu đạo tiên hoặc cũng mang tráp theo thầy, gánh dù núi xa, dây leo rủ xuống, hoa tuệ chim kéo lôi, gấu bày ra, bếp vàng ít thành, ngọc hoa khó gặp, ngưng tùy hóa cốt trống không gây ra lời bàn này. Chỗ cầu vồng nương rồng chưa thấy thật kia. Hoặc tổn hài nơi đất xương, tán cốt nói thiên thai. Sống thiếu ân nuôi dưỡng, chết không có lợi thầm giúp bày tâm nguy hiểm nơi vạn vật, lưới tà treo nơi chúng sinh, chín tộc kéo dài tai ương hủy chánh, sáu thân cảm nghiệp quên Thánh, vịn chỗ nguy, nương cây mục, tha thứ đủ lạnh lòng, cao ngọc không sợ sao lại ngu quá lắm, đây là sự đui mù thứ sáu của ông.

Ngoại luận rằng: Ngữ âm Hoa Di khác nhau, nhưng Phật từng xưng Thích-ca Mâu-ni, đây là tiếng Phạm, Hán dịch là Năng Nho, tên Năng Nho vị thấp hơn Khổng Tử, cho nên ẩn mất tên thấp kém là Năng Nho mà làm nổi hiệu chung của Thích-ca, cái gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tiếng Hán A là Vô, Nậu-đa-la là thượng, Tam-miệu Tam là Chánh biến tri, Bồ-đề là đạo. Trung Hoa đây trước đã có đạo Vô thượng chánh chân, giáo của Lão Trang pháp Hồ không cho là khác nên không dịch. Lại Bồ-tát Ma-ha-tát tiếng Hán gọi là đại thiện tâm chúng sinh (chúng sinh có tâm lành rộng lớn) đây là tên thấp kém chẳng phải là thượng sĩ, che cái xấu kia cũng đâu có dịch, hễ hạng không dịch đều nêu như vậy. Mong che thế tục, hoặc loạn tâm người, nhưng nhàm cũ chuộng mới, tệ thường của lưu đảng, xấu đồng tốt khác là tâm xấu của hằng tục, do đây Hàm Đan có khách trôi lăn, chết tán có kẻ quên về,

đời không thể biết, đây là cái mê thứ bảy.

Nội, chỉ cho thứ bảy, Tam bảo không dịch.

Nội, châm rằng: Tên không được vật bởi là thật khách, đâu cho thuận đời giả bàn cách hơn kém của huyền Thánh. Nếu nhà dùng đầu gọi chất, họ Trọng lấy núi chế tên, núi cao ở gò, Trọng nhân chưa rộng, Phu Tử đầu gồm cả lỗ tai. Nếu đức không mạnh Lão Đam thì tên Năng Nho đâu cho là thấp hơn Chu Khổng? Nhưng hiệu Thích-ca nghĩa gồm nhiều loại, khắp Năng suốt nơi vạn đức, không thể dùng nhân riêng dạy chung. Nhân dứt bốn câu, đâu được Năng định dịch thuật, sự bất đắc dĩ gượng giữ lại hiệu cũ kia. Lại nói: "Đạo gia xưa có Chánh biến tri, đạo chẳng khác với Bồ-đề", tin là chánh giáo lưu về sau, dối rình tên đây, xét thật tìm nguồn, đâu được hiệu này. Thượng pháp cao thắng đạo nghĩa sạch thông, chánh thật lật tà, chân do ngược ngụy. Nay phù sách chú trớ không thể gọi là chánh, du đảng lẫn lộn không thể gọi là chân (Đạo sĩ Uy Quỷ Chương Phù nói: Tả Phong Thái Vực Chương, Hữu Đới Côn Ngô Thiết Chỉ Mục, tức dừng ánh sáng rực rỡ, nghĩ quỷ ngàn dặm, máu tạp Huỳnh Thân Việt Chương giết quỷ. Lại tạo Pháp Xích Chương cũng giết người).

Giữ sự mềm yếu ham muốn là thấp là sai, tên là trên là cao (Lão nói: Chớ như giữ sự mềm yếu (giống núi). Lại nói: Đạo tánh gần nước). Kẹp miệng dán mắt đâu được xưng là đạo (Trang Tử nói: Dán mắt Ly Châu, kẹp miệng Dương Mặc). Như chim mùa xuân hót líu lo, hoặc giống như ca, thật ra chim không thể ca. Mùa thu con mọt cây gần như vẽ chữ mà thật con mọt không hiểu chữ, danh thật đây lạm, bởi là nghĩa này.

Lại nghi Bồ-tát không dịch, đây lầm rất lắm. Sách nói: "Thượng Thánh suốt nơi hồng minh, đều có tên trùng". Kinh nói: "Nhiều chân hai chân, Như Lai là tối tôn". Nhưng côn trùng gồm chung cả hàm linh, chúng sinh đâu vượt khỏi phàm Thánh, xưng đại tâm thì chẳng phải thấp kém, ông tuy rửa dơ tìm vết, không tổn nổi đẹp của Nam Oai, tâm nịnh tìm bệnh chưa biến nét xinh của Tây Thi, sẽ lại vì ông bày chỉ tay. Thích-ca là Phật bày tên, Bồ-đề là pháp tôn xưng, Bồ-tát là tăng dẫn đầu, thắng hiệu Tam bảo người dịch giữ tên gốc, chẳng phải như lời sấm của cửa châu trụ ngọc, ca dao dương cha âm mẹ (Huỳnh Thơ nói: Mở cửa mạng ôm chân nhân anh quýnh, rồng, cọp chở ba năm bảy chín thiên la địa võng. Mở cửa châu tiến trụ ngọc, dương ân âm mẹ nói rằng như ngọc âm ân dương cha tay xoa chân) gọi phân ngựa là củi linh, kêu đàm dãi là ngọc dịch (kêu gõ răng là trống trời, họng nhổ ra là nước

suối lễ, phân ngựa là củi linh, chuột già là ngọc phác, rút ra từ Thượng Thanh kinh). Việc xấu sợ bày, lời dở khó hiển, như linh phụng do chứa đức ít thấy, chuột già sợ xấu trốn thân. Tuy ẩn chất việc đồng mà tốt xấu có khác, thầm thầm không biết là sự đui mù thứ bảy của ông.

Ngoại luận rằng: Bậc Thánh ứng hóa tùy cách dắt dẫn, ở Hồ thì đầu trọc bày đảnh, ở Hán thì thẳng cung cắm hốt vào đai, là dáng vẻ bình thường của Hoa Di, chẳng phải sự hơn thua của giáo. Như Phật nếu khiến bỏ áo mão cân đai này mà mặc áo đen, bỏ phong tục Trung Hoa ta để giống tục Hồ thì không thể gồm thông mũ niệm, lại là sức trí không khắp, sao gọi là tùy phương hiện hình mà lập giáo. Nếu không thể thì Phật tự là thân Hồ của Thiên Trúc, chẳng phải Đại thánh của Trung Hoa, đâu có dạy trọc đầu cho chánh quốc. Nếu người Hán học hình Hồ, cạo tóc mà gọi là thờ Phật, thì người Hồ nên bắt chước phép Hán đội khăn cũng là thời đạo. Phải biết bày đảnh bỏ tóc, tục làng khác nhau, than ôi! Sĩ dân cho là tu thiện có thể gọi là cái tệ quý nhà hàng xóm mà chê áo phủ phất nhà mình, đời không thể biết, đây là cái mê thứ tám.

Nội, thứ tám, khác nơi mà chế giống.

Nội, châm rằng: Chí đạo thì ứng vận vô phương, Thánh hiền nương căn cơ dẫn dắt chúng sinh, ông ở cửu di không hoạn ngu dốt, Vũ vào nước mà người ở đó đều khỏa thân thì vui vẻ cởi y phục, Hy Bá đến nước Việt thì xâm mình, Võ Linh thuận thế mà mặc y phục Hò, tuy là thuật nơm bẫy có khác mà công đều là bắt cá thỏ. Huống chi biến tục khép tâm, hủy hình kết chí, dẹp tua mũ để hiểu đạo, bỏ râu tóc để tu chân, Thánh chế không luống kia có đầu mối. Nhưng nhân nghĩa khắp ở ba du, trộm cắp giúp năm thiện, Thánh giáo thầm xa trọn khiến chuột và ngọc phác lạm tên (Lưu Tử nói: Người Chu cho rằng chuột chết thành ngọc phác). Huyền hóa nơi xa tối bèn khiến gà phụng lộn chất (Văn Tử nói: Người Sở cho gà núi là chim phụng). Cho nên chín mươi lăm món bay lên ở Tây Nhung, ba mươi sáu bộ hỗn loạn ở Đông Quốc, đến như luận Ưu Thê Khư Tử, kinh Vệ Thế Sư Chủ (Niết-bàn nói về Vệ Thế Sư) tiên Kiết-đầu-di-la (ngoại đạo Hỏa tiên tên là Kiết-ba-đầu, ngoại đạo Thủy tiên tên là Di-thúc-la), đạo mạt Già-xà-dạ (ngoại đạo Nhược Đề Tử đoạn kiến). Hoặc nương nước lửa mà muốn làm Thánh nương mặt trời mặt trăng mà dạy thần, chấp bốn đại cho là không phải nhân, chỉ ba nghiệp là không quả báo, thức trệ cùng núi tối đồng mờ mịt, tâm tà cùng hang mờ đồng tối tăm, hạng như đây là tà luận cõi Tây. Kế kia quỷ cười dối bàn, vọng ca hoạt xướng, nuốt đao nhả lửa. Sợ hãi tâm xấu

của Trọng Khanh, súc mưa thở gió, sợ cái suy nghĩ của Lưu A. hoặc thân đeo bùa trung huỳnh, miệng tụng phù chú linh phi, đạp vàng thiếu mà dạo thần, nương ngọc kinh mà rửa lụy, như điều nên đây là dị học của khu đông, đều là lưới tà che tâm ngược kim châm mắt, giữ sâu hào hoặc xây cao thành nghi, riêng ôm một góc mê luân nơi ba cõi, tranh giữ biển sâu hai chấp ở chín dòng, thức thể luân hồi không rõ bệnh mờ trụ gốc kia, tâm dùng phù động, chấp tướng chìm ở nguồn sâu.

Đại thánh dùng đạo nhãn dự xem tùy cơ trao thuốc. Chất thân sinh ở cõi Tây mà chánh giáo chảy về đông, bệnh nặng thì chính thân giáng làm y vương, bệnh nhẹ thì gởi phương thuốc xa trao, thiên giáp để cắt chim cú kính, tướng trọng mà giết cá voi, đây cũng là cái thuật hòa riêng của giáo môn họ Thích, là cái thế của Pháp vương Tôn Ngô. Thánh không hai chế dung phục nghĩa đồng như những con sông Thanh, Tề, Trọc, Hà đều quy về biển cả mà đồng một vị, ngực xanh trán đỏ nhóm Tu-di mà chung sắc. Xung Hòa Tử nói: Người vẽ Tuyền Ni đều là cầu đạo bất tử của thần tiên kế thì nuôi thân mạng một ngày của ta, ở lại vẽ vời kéo dài sự đẹp đẽ đến ba năm trăm năm, dùng đây làm chân. Trường sinh thấy lâu nghĩa ở đây. Nay phép học của đạo sĩ lại không dùng đây làm sở học nhưng phần lớn đều chỉ khiến giống nhà Phật thân chết, thần sáng, tái sinh chỗ tốt đẹp. Nếu không quý thân này thì không bằng ta chuyên tâm học đạo Phật, đạo Phật rèn luyện tinh thần mỗi ngày thêm sáng thêm lợi ích, rất có danh lý pháp định tuệ, kẻ yếu đuối có thể tu nào có nhọc nhằn siêng năng khổ nhọc. Tự gọi là đạo sĩ mà thật là học tăng pháp nhà Phật, học lại không chuyên bởi là bọn vẽ rồng vẽ cọp. Sao không bỏ khăn nai, mặc áo vàng họ Thích, cạo râu tóc nhuộm ca-sa mà nương về với Thế Tôn?

Kinh và cách hành đạo của đạo sĩ ở thế gian nghĩa lý thì y cứ vào luận mà sau thông (nói là lượm kinh luận nhà Phật sửa thành sách đạo như Huỳnh Đình, Nguyên Dương, Linh Bảo, Thượng Thanh v.v... kinh và sách của Tam Hoàng đều sửa từ kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Thọ). Tu tâm thì vương phép ngồi thiền mà vọng cảm (nói sửa tên tọa thiền lấy hiệu là Tư Thiền). Thượng Thanh là cao nhất mà chưa vượt khỏi cõi thượng, Thái Thanh Tiên Pháp lại bỏ thẳng không bàn, chưa biết pháp nào chấp khác nhà Phật mà xưng là đạo sĩ. Người đắc ý chỉ phải là sư nhà Phật.

Ông là người phương Nam, thân học pháp của đạo sĩ Mao Sơn (núi cỏ tranh) là Xung Hòa Tử, Xung Hòa Tử và Đào Ẩn Cư thường lấy sự kính trọng Phật pháp làm sự nghiệp, nhưng gặp chúng tăng đâu không

lễ bái, trong hang núi đều an trí tượng Phật, tự dẫn đồ chúng và người thọ học sớm chiều sám hối, thường đọc kinh Phật, xét văn Tuyền Ky Sao, Xung Hòa đã viết chẳng phải đạo sĩ lúc bấy giờ không kính Phật, cho nên Đào Ẩn Cư trả lời thơ của Pháp sư Đại Loan rằng: Hôm qua tai mới nghe tiếng tăm, sáng nay mắt đã thấy văn chữ, hoặc do đảnh lễ nhiều năm cho nên có ra chân ứng đến nghi. Chính ông dọn dẹp dây mây cỏ lác, nhặt hoa mạng nước, thẳng áo, nghiêm chỉnh suy nghĩ đứng lâu lắng nghe ban cho lời dạy bảo. Đệ tử Hoa Dương Đào Hằng Cảnh kính lễ, Pháp sư thờ Phật kính tăng không hề thuyết khác, ông sao lại tự trái ngược bổn tôn, không nghĩa không nhân tội cảm phép rất nặng. Luận Mâu Tử nói: "Pháp hóa của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, Lão so với đạo Phật như nai trắng sánh với kỳ lân", mà ông không thể ngộ, đây là sự đui mù thứ tám.

Ngoại luận rằng: Trước chín kỷ Thiên Hoàng thờ khế chưa làm, sau sáu hào Thái Hạo văn chữ mới hưng khởi, từ đó đến nay lần rộng nương chở. Thánh hiền xưa nay đều chép sách vở, lấy lễ nhường nhau can qua giúp bày triện sách. Cho nên sử trái sử phải ghi việc chép lời. Ngụy Thơ Ngoại Quốc Truyện, Hoàng Phủ Mật Cao Sĩ Truyện đều nói rằng: Tang Môn Phù Đồ Kinh do Lão Tử soạn (Phê rằng: Kinh Phù Đồ, Ngụy Lược và Tây Vức Truyện nói: "Nước Lâm Nghê có vị thần tên Sa Luật truyền, Sa Luật tuổi già tóc bạc thường dạy người làm tháp, người nào có tai họa và không con, khuyên đến tháp trai giới, dạy bỏ tiền tài chuộc tội. Vua nước Lâm Nghê lâu ngày không có con, Hoàng Phi Nhạc Na nhân cầu cúng ở tháp mà sinh Thái tử đặt tên là Phù Đồ. Thời Tiền Hán nghiệp đế suy, Tần Cảnh khiến Nguyệt Thị Quốc Vương ra lệnh Thái tử đến Tần cảnh truyền miệng dạy kinh Phù Đồ, Tiền Hán sớm lưu hành sau đó sáu mươi ba năm nữa, Minh Đế mới cảm điềm mộng, đây xét kinh Tần Cảnh Truyền chẳng cho là Lão nói. Xét ở đời Tấn, đạo sĩ Vương Phù sửa truyện Tây Vức thành kinh Minh Oai Hóa Hồ, bèn xưng Lão Tử Lưu Sa dạy Hồ Vương làm Phù Đồ, biến thân thành Phật mới có Phật khởi bởi rất là dối gạt. Nhưng Kế Tân cách đây muôn dặm trở lại, thời Tân Hán đến nay người buôn ban qua lại không dứt, đâu có việc Lão Tử ở đó, thuyết hóa Hồ, kinh Phù Đồ và thân thành Phật cũng chưa nghe. Dẫu rằng Lão Tử làm tháp thì mới là báo ân cúng dường xá-lợi, mới hiển Thánh đức đâu gọi là đản sinh).

Viên Hoành Hậu Hán Ký nói: Lão Tử đến nước Hồ phân thân thành Phật, kinh nhà đạo nói thuyết kia rất nhiều (xét Viên Hoành Hán Ký vốn không có nói Lão Tử thành Phật, tức nói Hồ Diên người hiểu

rộng rất nhiều, đâu thể bịt tai trộm linh, chỉ nai là ngựa, sao ngu quá vậy). Minh Oai Hóa Hồ... các kinh đều nói rằng: Vua Hồ không tin Lão Tử, Lão Tử dùng thần lực hàng phục mới cầu xin hối lỗi, tự cạo tóc xin sám tạ tội lỗi, Lão Quân rất từ bi thương xót kia ngu muội mà nói quyền giáo tùy cơ giới ước, đều khiến đầu đà khất thực để chế tâm hung ác ngoan độn. Áo đỏ chừa một bên để thấp cái tánh cao mạn, hủy hại hình mạo chỉ bày thân bị cắt mũi, cấm hẹn phòng vợ dứt giống trái nghịch (Phê rằng: Ông cho cấm ước phòng vợ mà là tội, huyền đều hội thánh vẫn là phường yến nhĩ, chí đức trong sạch, liền là nhìn đồng chuồng. Đã học trường sinh ông hằng đối thân thường mến họ Lý, đều cần nuôi con. Nhưng Lý Nhĩ người Tống, người lấy vợ Trương Lăng, Trương Lỗ đời đời nuôi vợ cho nên có hai tên cung năm và nữ, hiệu riêng của hệ sư, tử sư. Ngụy, Tấn đã đến trong quán sinh con. Trần, Lương trong nhà nuôi con. Đổi phụ nữ là Châu Môn, thay trượng phu là Ngọc Trụ, dâm dục dơ xấu xuất phát từ đạo gia, bên ngoài giả trong sạch, bên trong chuyên tiết ra sự dơ xấu, thật đáng hổ thẹn). Cho nên gọi là bệnh nặng thêm thuốc độc, nên khiến mổ bụng rửa ruột, tội sâu phải dùng hình phạt nghiêm, quyết cần tru diệt tông tự. Nhưng cõi này người quân tử từ lâu lãnh nhận đạo chân thật (xét Hán Quan Nghi nói rằng: Cảnh Đế đã đến trong Quốc học lập đạo quán để dạy học trò, không cho người nghe lập quán xá riêng. Xét trước đời Lương, Trần, Tề, Ngụy chỉ dùng kinh Hồ Hư Thạnh vốn không có hình tượng thiên tôn. Xét Nhâm Tý Đạo Luận và Đỗ Dân U Cầu nói rằng: "Đạo không hình chất, bởi là tinh của âm dương". Đào Ẩn Cư Nội Truyện nói: "Ở trong núi tranh lập hai nhà Phật và đạo Lão, cách ngày sáng lễ nhà Phật có tượng, nhà đạo Lão không tượng". Vương Thuần Tam Giáo Luận nói: Gần đây đạo sĩ chấp sống mà không phương cách, muốn người quy tin bèn học nhà Phật chế lập hình tượng, giả gọi Thiên tôn và hai chân nhân ở hai bên, đặt ở đạo đường, để nhờ cơm áo. Lục Tu Tĩnh đời Lương cũng làm hình đây) không nhọc đầu trọc, vốn vâng theo lời dạy chí lý làm sao lại giả trọc đầu, nhà không người chết mà nhớ áo tang. Ngốc nghếch rất lắm, thật đáng thương xót! Xưa Hán Minh Đế cảm mộng đạo Phật mới đến, lại nay người Hồ lập miếu kẻ Hán không chịu vâng theo mà làm, nhà Ngụy nương phép tắc nhà Hán lại y tập quán xưa, ngày thạch lặc nghĩ gió Hồ kia cùng tăng lóng sạch người đạo đẹp đủ lông cánh, tránh dòng lao dịch tranh nhau cạo tóc, đời không biết, là cái mê thứ chín.

Nội, chỉ thứ chín, thân già chẳng phải là Phật.

Nội, châm rằng: Nhà rộng lớn là nhiều cây làm thành, chúng sinh

chẳng phải một người có thể giáo hóa, cho nên Thánh trí mười phương ví như cát bụi nhiều không cùng, tám muôn pháp môn, trút sông biển cũng không lường được. Cho nên có Thánh đây Thánh kia, khác phương loại mà chung so vai, Phật trước Phật sau khác đời mà đồng nối gót, tượng pháp chánh pháp khác thời, tịnh uế chia khu vực, trừng trị ác khuyên làm lành chỉ một mối. Vả lại Chu Khổng dạy đời còn không sửa ở trăm vua, yếu mạnh bàn dữ dội vẫn để sự tốt đẹp cho ngàn năm, đâu cho Chu Hy một đời mà ba đổi ba dời, họ Lão một thân mà thành đạo thành Phật, tức là người khác không đạt được lý của Thánh, bày mê tuyệt thời kỳ chứng đạo, lại trước chê mười khác sau khen giống như một, giữa đầu trục chê khen mâu thuẫn, cuốn lại dủ ra trước sau không bao giờ gặp nhau. Che mắt trộm áo tin có ngày lầm. Hình tướng chân ngụy giống như lúa với cỏ, khéo làm cỏ thì giữ lúa bỏ cỏ, người cầu đạo cũng nương chân bỏ ngụy, tông thù thắng của Sa-môn lưu hành đã lâu, còn như Hán Đế thi lễ với Ma Đằng (Như Pháp Bổn Truyện) Ngô Vương cúi mình với Khương Hội (Ngô Lục nói: Ngô chúa hỏi Tăng Hội: "Phật pháp vì sao khác với thế tục?" Đáp: "Làm ác rõ ràng, người biết được thì giết, làm ác trong chỗ tối quỷ biết được mà giết". Kinh Dịch nói rằng: "Chứa nhóm thiện thì có sự vui mừng", ngâm thơ cầu phúc không quay lại, tuy là cách ngôn của Nho tục mà cũng là lời dạy tiệm tu của Phật pháp).

Đàm Thỉ bị kéo lên sàn vua Ngụy (Ngụy Lục nói: Thác Bạt Đào dùng thuyết của Thôi Hạo nên diệt Phật pháp, hủy tượng, đốt kinh đuổi tăng hoàn tục, Đàm Thỉ sáng sớm chống gậy đắp y đứng ở cổng thành, có người thưa với Đào, Đào ra lệnh chém, chém ba đao mà đàm Thỉ không hề bị thương, người hành hình thưa với Đào, Đào tự cầm bội đao lại chém như trước, bèn nhốt Đàm Thỉ trong chuồng cọp, cọp nhắm mắt cúi đầu. Đào bèn thử đặt tượng thiên sư vào chuồng để so sánh thì cọp rống lên muốn cắn xé, Đào mới biết Phật pháp thanh cao, đạo Lão không sánh bằng bèn mời Đàm Thỉ lên tòa làm lễ tạ tội).

Đạo Lâm lên giường chúa Tấn. Đời Tấn ngài Đạo An vinh hiển ngồi chung xe với chúa. Nước Triệu, Đồ Trừng được chúa sủng ái mặc y mậu-miên (Phù Thơ nói: Chúa Phù Kiên ra ngoài du ngoạn, ra lệnh sư Đạo An ngồi chung xe. Cao Tăng Truyện nói: Thạch Hổ gọi Đồ Trừng là đại Hòa thượng, mỗi khi lên điện đắp y bằng tơ lụa, ra lệnh vương công đều giúp đỡ) đều là đạo chiếu cố cực tôn, đức về muôn thừa bởi có lý do. Thuật của Huỳnh Lão xưa nay không cạnh tranh, phí tài để giành thắng lợi tổn thân. Thôi Hạo dùng tà vu báng nên tán mất thân

thể (Ngụy Thơ nói: Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi khuyên Thác Bạt Đào diệt chánh giáo, Đào về sau thân phát bệnh dữ bèn giết hai người Thôi và Khấu).

Khương Võ do nhóm dối trá nên chết luống uổng. Vương Phù do tạo ngụy nên thân bị tai ương. Đều nghiệm nơi mắt thấy tai nghe chẳng phải lấy từ lời bàn hư dối, kia tôn kính cũng như đây, kia có dấu vết tội lỗi cũng như kia. Nhan Văn gặp ở cửa Khổng nêu đức hạnh làm đầu, Tô Trương gặp nơi hang quỷ dối trá trước tiên, chẳng phải riêng tánh người có hơn kém mà cũng là do sự học tập chân hay ngụy. Vả lại Hiền, nịnh lạm nhau, nịnh lẫn lộn mà hiển bày. Thánh và dối trá khó phân, dối trá cùng Thánh mới hiển, dụ như rắn đồng loại với cỏ mi vu, người thông đạt mới phân rành tánh chúng nó. Do đây chức quan truất bỏ mà lại giúp, cửa Khổng dối mà lại thạnh là có lý do.

Từ Hán Minh Đế thử ta kiến chẻ nhọn, mặt trời tuệ sáng rực, mây pháp che mắt, Khương, Phiên bỏ nhà vào đạo, Lữ, Tiêu bỏ ngụy theo chân. Tào, Mã truyền đến không cùng. Tần, Ngụy suối vọt lên không cạn. Ông nói mới ở Trừng, Thạch không phải cũng dối ư? Tự Huỳnh Lão phong tục khất khe dung phục cũng thay đổi, chẳng phải đạo chẳng phải tục kẻ quê mùa gọi là yêm nhân (kẻ bị thiến). Khéo chửi rủa xưa gọi là quỷ tốt, kia cứu khổ vậy, thì cởi tóc buộc cổ dùng dây tự trói, phân bò trét thân lấy roi đánh nhau là pháp luật kia. Nếu mất phù lục thì tay ván ngược hàm, quét đất ngược gió, cành dương trăm bó tự phá tự gánh, trộm Trần Chương, thì trôi lăn ngục lửa lưng gánh bọt nước (rút ra từ Đạo sĩ Tôn Thị Ốc Nghi). Trách phạt rất nặng như phép tôi tớ, tội bị phạt ngậm chịu giống như súc sinh.

Nhưng đạo Phật khi chuông khánh nhóm chúng răn nhắc, Hán, Ngụy về sau, đạo Lão chưa có Kim Cang Sư Tử thiện thần hộ pháp, bởi Phật giáo đã sáng rỡ, chẳng phải trước tạo Huỳnh đảnh, cũng bắt chước phép tắc thù thắng của người, rình bước theo bước Thánh của ta. Cho nên Nhan Chi Thôi nói: Việc thần tiên có phí vàng ngọc rất phung phí. Dưới Hoa Sơn xương trắng như cỏ rậm, đâu có được lý tiên, dẫu rằng được tiên trọn sẽ có chết không thể ra khỏi đời. Tôi khuyên bọn ông hãy học, việc ba đời của nhà Phật tin thì có chứng nghiệm, gia nghiệp quy tâm chớ khinh mạn. Nguyên bỏ bốn trần năm ấm xẻ cắt hình hài, sáu ghe ba xe chuyên chở chúng sinh, vạn hạnh quy về chung, ngàn môn vào thiện, biện tài trí tuệ, đâu luống rộng sáu kinh trăm họ ư? Hoàn toàn chẳng phải Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, Lão, Trang có thể sánh bằng, cho nên chép thiên quy tâm để răn dạy con em mà ông không thể

biết đây là sự đui mù thứ chín.

Có Khảo Cổ Thông Nhân và Triêm Hoành Quân Tử xem luận phỉ báng của Lý Khanh, xem bàn luận biện chánh của Khai Sĩ, rõ ràng bàn phát giận mà than, muốn cho tà chánh khác dấu vết, chân ngụy chia dòng, định đúng sai kia để rõ được mất, người tới lui hằng không nghi.

Thông Nhân nói: Tôi xem tạo hóa vốn ở âm dương, vật loại sinh khởi ở trời đất. Trải qua đời xưa, xét văn Ngũ Thánh, không thấy thần Thiên tôn, cũng không tượng đại đạo. Xét Linh Bảo Cửu Thiên Sinh Thần Chương nói rằng: Khí thanh cao lóng trong nhóm dương thành trời, khí kết ngưng cặn bả nhóm ngưng trệ thành đất, người sống cùng đều do tam nguyên nuôi dưỡng chín khí kết hình. Nhưng hậu sinh cũng biết âm dương là gốc của con người, đất trời là gốc của muôn loài, cội gốc là khí, không riêng đạo thần.

Quân Tử nói: Đạo sĩ Đại Tiêu Ẩn Thơ, Vô Thượng Chân Thơ v.v... nói rằng: “Vô Thượng Đại Đạo Quân trị ở trong năm mươi lăm lớp vô cực trời đại la trên ngọc cảnh, lâu đài bảy báu, giường vàng ghế ngọc, tiên đồng ngọc nữ hầu hạ, trụ ở cõi trời thứ ba mươi hai ở ngoài ba cõi”. Xét Thần tiên Ngũ Khâu Đồ nói rằng: Đại đạo Thiên tôn trị đô Đại huyền, châu Ngọc Quang, quận Kim Chân, huyện Thiên Bảo, làng Nguyên Minh, thôn Định Chí chỗ không có người đến. Kinh Linh Thơ nói: “Đại la là năm ức năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi lăm lớp trời trên trời”. Ngũ Khâu Đồ nói: Đô là thấy, Thái Thượng Đại Đạo là Đạo Thần Minh Quân trong đạo, tột giữ sự ở yên của đô Thái Huyền. Chư thiên Nội Âm nói: “Trời cùng các tiên đánh trống Lâu Đô, sớm yến ngọc kinh để vui với đạo”. Suy đây là lầm bàn vì vua đạo (Đạo Quân) là thần minh cõi trời, đã thuộc huyện châu thì Thiên tôn lại là dân của trời. Như kinh luận nhà Phật ngoài ba cõi thì gọi là ra khỏi sinh tử, không có thân phần đoạn, lìa cảnh tâm sắc, đâu được lại có đài báu, núi ngọc, châu, quận, làng xóm, rất là luống dối lại càng khó khoe khoang, nhưng Đạo gia dối nói không sự tích đáng xem, tập tục sinh thường là ngày đã lâu, bọn tà tranh bày rất có chỗ khác nhau. Nếu muốn chánh danh lý phải rõ ràng, nay lược nêu ra duyên khởi tùy ý mà xếp.

Xét bộ Châu Lễ, từ vua Nghiêu về trước chưa có quận huyện. Vua Thuấn tuần hành Ngũ Khâu mới thấy tên châu. Thượng thư Võ Cống Phương hiệu Trần Châu, thời Xuân Thu huyện lớn quận nhỏ, do quận lệ thuộc huyện. Từ Hán cao về sau dùng huyện lệ thuộc quận, sách vở đã rõ, cửu châu là dấu vết chân Võ, trăm quận là giếng Tần, dầu có đạo ở trên trời vẫn nên hiểu việc vô vi, sao nhân cửa thuộc ở làng không khác

với phàm? Đã có châu huyện thì có quan dân, châu thâu quận giữ họ gì tên gì? Trưởng thôn, quan huyện con ai em ai? Đều là quản học Đạo sĩ không biết khăn vàng, không đều xưa nay chưa dòm kinh sử, thấy nhân gian đặt bày châu huyện cũng nói trên trời giống với thế gian, bảo ngụy là chân rất đáng hổ thẹn. Nhánh nhóc gốc ngọn đều như rút ra trong Tiếu Đạo Luận.

Thông Nhân nói: Trang Chu nói rằng: Xét kia ban đầu mà vô sinh, chẳng phải luống vô sinh mà vốn không hình, chẳng phải luống không hình mà vốn không khí. Trong lờ mờ biến mà có khí, khí biến mà có hình, hình biến mà có sinh, người sinh khí nhóm nhóm là sinh, tan là chết, cho nên nói rằng: “Có và không sinh lẫn nhau”, muôn vật có một. Sao gọi là một? Vì thiên hạ một khí. Suy đây mà bàn, không có đạo riêng chỗ cao đại la gọi riêng là tôn quý.

Quân Tử nói: Kinh Dương Khí Huỳnh Tinh nói: “Lưu Đan chín lần chuyển, kết khí thành tinh, tinh hóa thành thần, thần biến thành người”. Khí dương đỏ gọi là Huyền Đan, khí âm vàng gọi là Huỳnh Tinh, âm dương giao hợp hai khí giáng tinh, tinh hóa thành thần, tinh thần ngưng kết trên chín trời, khí của chín trời giáng xuống đan điền, cùng thần hợp ngưng đến cửa mạng, cốt yếu đợi chín lỗi thì là chín đan. Trên hóa dưới ngưng để thành người, không nói rằng có riêng đạo thần để làm chùa tể muôn vật khiến cho sinh ra và lớn lên.

Thông Nhân nói: Xưa nay danh Nho và Hà Thượng Công giải Ngũ Thiên Văn xem trong đó không thấy tên gọi là Di tức tinh. Hỏi thăm cũng không nghe tên Hi là thần. Bắt lấy không được tên Vi là khí. Đây gọi là hình trạng của vô trạng, là tượng của vô vật (không vật không hình trạng), cho nên khí thể mờ mịt, ngược lên không thấy đầu. Khí hình trống ở trong cho nên nói là theo đó không thấy sau, đây thì bày gốc đạo theo khí mà sinh. Cho nên kinh Thượng Thanh nói: “Ta sinh trong mờ mờ mịt mịt, rất tối tăm, trong tối tăm sinh ra khác nhau trong khác nhau sinh ra thái nguyên, thái nguyên biến hóa ba khí sáng. Một khí xanh, một khí trắng, một khí vàng, cho nên nói là một sinh hai, hai sinh ba”. Xét chương Sinh Thần nói rằng: Lão Tử lấy ba khí nguyên thỉ làm một, là chủ nhân pháp thể, tinh là tinh linh, thần là biến hóa, khí là khí tượng, như Lục Giản Thúc, Tạng Căng, Cố Hoan, Mạnh Trí Chu cùng Lão Tử Nghĩa nói là “Hợp ba khí này để thành thể Thánh”. Lại nói rằng: “Tự nhiên là thể tướng chung, ba khí là thể của tướng riêng, xét đạo chỗ tôn dùng khí làm gốc. Xét trong ba khí có sắc có tâm, đã là sắc tâm tạo thành thì chưa khỏi họa sinh tử, đâu được gọi là thường?

Quân Tử nói: Nguyên đạo có trước dùng khí làm thể, lấy gì để rõ? Xét kinh Dưỡng Sinh Phục Khí nói rằng: "Đạo là khí, bảo vệ khí thì đắc đạo, đắc đạo thì còn mãi. Thần là tinh, bảo vệ tinh thì thần sáng, thần sáng thì trường sinh. Tinh là dòng sông huyết mạch, là linh thần giữ cốt, tinh mất thì cốt khô, cốt khô thì chết". Cho nên Trang Chu nói: "Thổi hơi hô hấp ra nên nhận khí mới vào, Bành Tổ tu cách này để được sống lâu". Xét lời này mà nói thì sẽ nuôi hòa khí để có được sự sống lâu, gọi là đắc đạo.

Thông Nhân nói: Dù cho có đạo, không thể tự sinh, từ tự nhiên sinh ra, đạo vốn tự nhiên thì đạo có chỗ đối đãi. Đã nhân người khác mà có tức là vô thường, cho nên Lão Tử nói rằng: Người là pháp của đất, đất là pháp của trời, trời là pháp của đạo, đạo là pháp của tự nhiên". Vương Bật Chi nói: "Trời đất, đạo vua đều không trái nhau nên gọi là pháp, tự nhiên không xưng là lời cùng cực. Đạo là trí tuệ gọi là linh tri, dùng trí không bằng vô trí, có hình không bằng vô hình. Đạo là có nghĩa không bằng vô nghĩa của tự nhiên.

Quân Tử nói: Dịch Càn Tạc Độ nói: Họ Toại do khi xưa ngước xem sao Bắc đẩu để đặt tên phương hướng, Bào Hy do đó vẽ bát quái, Huỳnh Đế vâng lịnh Đại Náo làm Giáp tý cho thành thứ lớp lịch số, thuyết ngũ hành cửu cung có ra từ đó. Cho nên thuyết quẻ nói: Dương lấy số chín. Nói lập thiên thì là dương và âm, âm hai dương một thì trời có ba. Nói lập địa thì là nhu và cương, cương hai nhu một thì đất cũng có ba. Nói lập nhân thì là nhân và nghĩa nghĩa hai nhân một thì người cũng có ba. Ba nhân ba là chín, âm dương bao nhau để thành muôn vật, chữ không nghe riêng có đạo thần ở đô Thái Huyền ngồi cao che trời trên trùm ba thanh dưới ôm ba cõi, ở phòng bảy anh xuất hiện trên chín cung, hành thần rải khí tạo ra muôn vật, đâu chẳng là hoặc loạn đọa lạc nhân gian ư? Xét công thì nghiệp khác nhau, so dấu vết thì sự khác nhau. Sa-môn tuyên dương đức mà chẳng trái, Đạo sĩ nói hạnh mà lỗi nhiều, lập không dấu vết lợi xa, xây dựng không sự cống hiến củi mục. Rõ ràng Phật đăng tôn trọng, kia chỉ có đạo Phật ư? Há cho ngoan cố nơi nhà nhỏ, con nước giúp san bằng sóng lớn là chẳng phải loại này.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 14

THIÊN THỨ HAI: BIỆN HOẶC (PHẦN 10)

Thiên, nói về nội đức. (Lý Sư Chánh)

Như Đức Điều Ngự thập lực Phật lái thuyền pháp nơi biển khổ, dẫn dắt ba thừa. Đản Di đi trong nhà lửa, rộng khuyên thiện tấn đức thì bảy kinh không kịp, sâu ngăn ác ngừa hoạn thì chín dòng đâu sánh được. Chỉ cùng thần biết hóa, lời kia rộng lớn mà có thể răn nhắc, bỏ hoặc dứt trần nên phép tắc trong sạch cao xa khó thực hành. Hoa, Di, sĩ, thuế sân, triều đình, đồng trống, văn Nho riêng giúp được an, nếm được vị ngon của đạo này, tự chẳng phải nghiêm tinh để xét chân vọng, suy nghĩ sâu mà xét khổ, không, chẳng cho lập gốc tin chẳng cứng chắc, bỏ nghi cái như lưới, xa thì Tịnh Danh, Diệu Đức biết đạo thù thắng mà siêng năng, gần thì Thiên Thân, Long Thọ ngộ lý chân mà đôn đốc, mừng La-thập, Đạo An dốc học nghiên cứu huyền tông mà càng cung kính, Tăng Duệ, Tuệ Viễn qui tín, đến Hạo Thủ mà càng bền chắc. Sách dâm của Mại Sĩ An, thậm chí sự lớn dễ của Tuyên Ni, ngàn vàng chưa đủ sức kinh động cái thấy kia, tâm âm không thể sửa sự nghe kia, nghe rộng mà ưa thích càng sâu, suy nghĩ mà tin càng chắc, đốc đều muốn bỏ mà không thể thì kia chẳng phải vọng là chắc chắn rồi.

Vua ta sinh ra ứng với Thiên mạng, rộng giúp nước nhà, che chở đồng như trời xanh, mang vác giống đất dày, quét khí xấu sạch tám biểu, cứu lầm than an triệu dân, năm giáo kính bày chín công, chỉ có bày tiếng tốt gồm vạn cổ, dâng sự sửa đổi tệ xấu của trăm vua, lưới che trùm thiện tôn sùng Tam bảo làm bốn cầu. Trừ bỏ bầy ác, ngăn chặn cỏ xấu của bốn bộ, vâng theo sự phó chúc của lời dạy để lại, rộng nối thạnh yếu thuật, công đức cao sùng trời xanh khó sánh. Nhưng bọn quan viên tổ thuật nhiều đường, sở học mỗi thầy dị luận bén nhọn, hoặc cho là ba vua không Phật mà tuổi thọ, hai người họ Thạch có Tăng mà chính sách bạo ngược. Tổn hóa do thờ Phật, ích nước vì bỏ Tăng. Nếu rõ thiên

kiến chưa thân thông lý, rộng xét hưng vong đủ chứng minh phù ngụy. Sao lại thì Tần mất Hồ hợi, thời không Phật mà đất lở. Phật hưng thịnh là đời Hán Minh Đế, đời có Tăng mà nước thạnh trị. Nhà Chu diệt chùa Phật mà ngôi thiên nguyên không bao lâu, nhà Tùy hoằng giáo pháp Phật mà Khai Hoàng khiến cho không còn bạo ngược. Thạnh suy do ban bố chánh trị, loạn ở thứ quan, quy lỗi cho Phật Tăng là chẳng thông luận. Vả lại Phật chỉ hoằng thiện không hề nuôi ác, đối với thần dân giới vốn ngăn lỗi, sao lại tổn trị với quốc gia được? Nếu người người giữ điều lành nhà nhà vâng theo giới, thì đâu có thi hành hình phạt, họa loạn không có lý do dấy khởi. Ngựa tốt tuy chạy giỏi nhưng nếu không xe thì chẳng đến xa được, thuốc hay dẫu nhiều, chưa uống thì đâu thể lành bệnh. Hạng Tịch chết thầy chẳng phải Phạm Tăng không thừa nhận, họ Thạch khởi bạo ngược đâu phải Phù đồ bất nhân! Nhưng vì trái đó mà bạo loạn, chưa có vâng theo đó nên hung bạo, do đây quán đó cũng đủ rõ.

Lại có người cho rằng: Chánh giác là yêu thần, sánh tịnh thí với dâm tế, chỉ trích chê bai không chỗ nào chẳng đến. Thánh triều khuyên thiện, lập chùa để tôn sùng phước, dân mê sinh phỉ báng, ngược công đức để tạo lỗi. Rất hổ thẹn với bọn quá sai trái vì hủy báng Phật này, ngu tôi trộm vuốt tim mà tức hơi, cho nên phát giận mà ngậm lông. Thêm nhờ ơn vua dự thấm mưa pháp, thiết tha điều hoặc đã chứa nhóm ở đây tin tùy chỗ được nghe khởi nghi ngờ, nhờ hiểu mà diệt. Xưa thường nếu chê bai mà không tin thì nay dốc lòng tin mà không hủy báng, gần thì suy nơi mình, rộng để lượng ở người, trăm điều khinh hủy mà chẳng khâm phục đều là vì thảo luận chưa rốt ráo, nếu khiến tham cứu chỗ sâu xa, cộng đồng với Đồ Trừng, La-thập, hẳn đều tin sâu chí kính, ý chí đều ở danh Tăng. Thầy chánh học không dẫn vào chỗ sâu xa, sự hiểu biết chẳng đến chỗ nhiệm mầu, sự thấy nghe đã ít, muốn dứt bỏ các hoặc kia bày sự học thường dở mà làm luận ba thiên biện hoặc, thứ nhất rõ thông tệ của tà chánh; thông mạng thứ hai biện kỳ phục của tai ương và vui mừng; không có thứ ba phá kiến chấp đoạn thường, hạch đó dùng các lời, xét đó dùng các điều lành. Trên hiển phước tịnh của Thánh triều, dưới bẻ dẹp dối trá của dâm tế, dầu có y theo đây mà thật thiếu tài kia, lời văn quê mùa, trao chứng cạn cợt, dẫu tột ngu đâu tuyên được đức Thánh, ngõ hầu cho người đồng bệnh mà chưa lành, nghe được lời cạn mà ngộ sâu, như dây cỏ bờ rào, hoặc bệnh nơi tim bụng, ăn rau lê rau hoắc để cứu đói lúc ở nơi hẻm núi, như kim đơn ở mắt, ngọc soạn đầy mâm, ngoái nhìn coi lược cũng rất đủ cho kẻ quê mùa.

Thiên Thứ Nhất: biện hoặc

- Hoặc thứ nhất: Phật ra đời ở Tây Hồ.
- Hoặc thứ hai: Chu Khổng Không nói.
- Hoặc thứ ba: Chê Phật khen đạo Lão.
- Hoặc thứ tư: Ví Phật như yêu mị.
- Hoặc thứ năm: Xưa có phản Tăng.
- Hoặc thứ sáu: Ví Tăng như chim cú đất.
- Hoặc thứ bảy: Chê bỏ râu tóc.
- Hoặc thứ tám: Giống Ni thờ Ni.
- Hoặc thứ chín: Có Phật chánh sách bạo ngược.
- Hoặc thứ mười: Không Phật dân hòa thuận.

Hữu Biện Thông Thư Sinh cho rằng: Trung Chánh Quân Tử nói: Bởi nghe Thích-ca sinh ở Thiên Trúc, Tu-đa xuất hiện tự Tây Hồ, danh hiệu không truyền đến Chu, Khổng, công đức chẳng xứng với sách xưa, là Sa-di tôn chẳng phải thầy Nho của Trung Hạ. Tiếp đến Ma Đằng vào đất Hán và Khương Tăng Hội đến đất Ngô, hiển xá-lợi ở nước Nam, dựng tháp ở Đông đô, từ đây về sau bèn tôn trọng phù đồ, chúng Sa-môn đông đầy như nước sông Thù sông Tứ, ở Tinh xá đẹp như nhà Vương hầu, đã ở nhà cao ráo sạch sẽ, lại giúp cho đó ruộng đất màu mỡ, đề bạt tu tràng mà mặt trời sáng chói, nghĩ thứ nhất mà ngay ngã tư, Vương công, Đại nhân giúp đỡ là dùng vàng lụa. Nhà nông, thương buôn, nhà giàu thí cho là dùng ruộng vườn, kia phước lợi ở đâu sao lại tôn sùng có dư? Chưa bằng xích tượng mà dứt việc khắc đúc, hàng hóa có thể không bị phí. Hủy kinh để cấm việc viết chép, bút giấy không vì đó quý. Bỏ Tăng để theo sắp xếp từng hộ, càng dư lúa gạo. Hoại tháp để giũp chỗ không đủ, rộng nhân tuệ an ủi cứu giúp. Muốn đến cửa mà hỏi thăm Ngu Trung Thượng Thư mà dâng kế này, trộm cho là có thể ích nước lợi dân. Ông cho là thế nào?

Trung Chánh Quân Tử nói: Đây sao nói là lỗi? Chẳng phải đạo trung hiếu. Hễ trung thần thờ nước, nguyện nhận phước không biên giới. Con hiếu lo cho cha mẹ việc là ngăn tai họa khi chưa khởi. Nghe nhân duyên nhiều phước, cầu đó nhưng không kịp, thấy mầm họa mau chóng tránh đó như dò nước sôi. Nước xem trọng việc cầu trời đất, là cầu phước. Nhà tránh kỵ âm dương là kỵ họa. Phước nghi theo lấy, họa nghi luống bỏ, chính là tình người, là đạo trung. Ông bèn bỏ cái gọi là cầu phước của người mà lấy tai ương của người, đâu là kế trung thần thờ nước? Chẳng phải sức con hiếu lo cho cha mẹ, xem kẻ thất phu tự mến mình còn không phản thầy thuốc mà trái quẻ bói, huống chi trung thần

mến vua, làm sao lại khuyên tai ương mà ngăn phước? Nào khác lượm thuốc vật dùng dâng cho vua mà lấy chỗ kỵ của nhà nông, cầu y thuật để dâng cha mà hòa ngược cái sâu đến của chim thước. Kia khuyên lấy kỵ dùng độc, bởi chẳng phải chí ý rất dè dặt, thí cho mình mà còn sợ, đâu dám vọng đặt nơi trời?

Nếu bỏ bánh nếp đầy của tông miếu mà cúng cá thịt của con cháu, hủy áo lễ mũ miện của cúng tế mà chứa đầy y phục của tôi tớ. Nếu cầu ân huệ ban xuống lại không sùng phước an trên, hận phí lương thực nuôi cha mẹ, suy nghĩ bỏ nuôi dưỡng để lo nhà, như thế có thể gọi là trung là hiếu ư? Vả lại nhà Chu bỏ hoằng giáo của Bá thực bèn thay cho đất nước để tôn sùng lâu, Câu Long lập công nước đất cũng vì xã tắc mà hằng kính. Phường Dung ích nhỏ còn tham gia cúng tế bát trá (lễ cuối năm), Lâm Trạch linh nhỏ còn cúng một hiến, huống chi là trí ba đạt vô ngại, trăm thần không cùng bọn, mười phương tôn không sánh bằng, ngàn Thánh không thể sánh ngang, vạn hoặc hết, muôn đức đủ, Phạm thiên kính mến, làm thầy Đế Thích, đạo giúp bốn loài hóa chung ba cõi, nhổ gốc sinh tử luân hồi, chỉ bày thường vui của Niết-bàn, thân chiếu sáng rực rỡ, vượt hơn ánh sáng mặt trời, hình tướng đoan nghiêm, đủ sự lạ kỳ của bậc Thánh, vi diệu huyền thông, Chu Khổng chưa đủ để nghĩ bàn. Rộng thì gồm giúp, Nghiêu Thuấn vẫn còn có các bệnh, từ bi bình đẳng mà không bỏ vật, có thể gọi là không nhân ư? Đủ trí mà có diệu giác có thể không gọi là Thánh ư? Phàm thể đức của nhân Thánh đâu là thuyết luống dối, yên lặng suy nghĩ đâu không tin.

Còn như lập chùa công sâu như biển lớn, độ Tăng phước trọng như núi cao, lời nói rõ của Pháp vương là chỗ dốc lòng tin của khai sĩ. Nếu khởi đó thì thêm mừng vui lợi ích cho nước, đâu không lớn ư? Người kính đó sinh điều lành lợi dân, không rộng ư? Hoặc tổn nhỏ mà ích lớn há chẳng là sự tôn sùng của nước ư? Hoặc ích nhỏ mà tổn lớn há chẳng là việc phải tránh cho dân sao? Pháp nhãn thấy rõ xem phước báu không lường, miệng vàng tin thật nói lỗi nhân không luống dối. Trăm dân đều chẳng phải mắt thấy, dầu chưa thể tin kia quyết như vậy, cũng đâu cho biết kia không. Mờ mịt chẳng thể dùng ý quyết, sâu xa chỉ phải dùng thánh chứng, đâu không mong phước tôn sùng giúp vua cha, sợ lụy hủy hoại đến với nhà với nước? Tôi mà không như thế, dè dặt với vua mình thì chẳng phải tôi trung. Con không như thế lo cho cha mình thì chẳng phải con hiếu. Ông muốn nếu theo tâm chật hẹp ganh tỵ của gái điếm không trọng sự trung sâu suy nghĩ dè dặt, ngăn trở đại duyên cầu phước, hủy nghiệp lành an trên, bèn lấy lỗi mà nói há là nghĩa tập trung ư? Tôi

xưa dốc chí vào rừng nho lại gởi tâm nơi văn phạm, rất giống ngôn luận của ông, bởi do nghe pháp muộn, nhờ chỉ nam để bỏ hoặc, may thay mất đường chưa xa, thường xét lỗi mà trách thân thì đến bữa quên ăn, nếu ông xét rộng mà tín sâu, cũng toan hối mê mà biết trái lại, trộm nghe có Thái sử khiến truyền vua, lại rất nhiều hoặc ngày xưa của tôi, trong tự xét mê xưa thì mười giống năm kia. Xin nói về hoặc truyền vua để giải thích tà chấp của ông.

Truyền cho rằng: Phật pháp vốn xuất xứ ở Tây Hồ, không nên thờ ở Trung Quốc, tôi khi xưa đồng với hoặc này. Nay thì ngộ Phật pháp không phải như vậy. Do tôi sinh ra Tây Nhung, giúp Tần, Mục để khai nghiệp bá. Nhật Đề sinh ở Bắc Địch hầu Hán Vũ mà trừ nguy hại, thần đã có, thầy cũng nên vậy, cần gì lấy đồng tục kia mà bỏ phương khác? Thầy dùng đạo cả làm tôn, bất luận đây kia. Pháp dấy thiện cao làm hơn, chẳng tính xa gần. Nếu tôn sùng nhân làm nghiệp, bỏ dục gọi thanh cao, ngăn dư ương nhóm ác, khuyên làm lành để hẹn phước, chỗ đồng của trăm nhà bảy kinh không bằng kinh Dịch nhưng hẹp cạn mà chưa sâu rộng, hẹp nhỏ mà không sâu rộng, kia tha thứ mình và người, ai rộng hơn Phật ư? Kia thấy ngọn chưa biết gốc, ai thấy xa bằng Phật? Khuyến thiện trừng ác ai rộng hơn Phật? Rõ không dẹp có ai sâu hơn Phật? Do đây mà quán, kia là đạo nhiệm mầu.

Đức của bậc Thánh do gì thêm, đâu được do sinh cõi khác mà hèn đạo kia, xuất hiện ở phương xa mà bỏ thật kia, tài giỏi siêu quần chẳng phải chỉ sinh sản ở giữa ấp, vật quý ở đời không hẳn là vật của Hoa Hạ. Hán tìm ngựa nổi tiếng của Tây Vức, Ngụy thâu minh châu của Nam hải, cống răng sừng của tê, voi, lượm lông cánh chim thúy, vật sinh cõi xa còn là đồ quý ở đây, đạo xuất hiện ở phương xa riêng sao đè ép mà có thể bỏ? Nếu vật thuốc xuất hiện ở Nhung, Di, cấm chú khởi ở Hồ, Việt, nếu có thể dùng trị tà bỏ bệnh há lại cho là từ xa đến mà không dùng ư? Diệt ba độc để chứng vô vi, kia là trừ tà rất lắm. Bỏ trừ tám khổ mà đến thường vui là bỏ bệnh sâu lắm. Sao lại câu nệ Di, Hạ, mà tính thân sơ? Huống chi dưới trăm ức mặt trời mặt trăng, trong tam thiên thế giới thì cõi kia ở giữa, không ở xứ này.

Truyền cho là thi thơ chỗ chưa nói vì Tu-đa không đáng tôn trọng. Xưa tôi cũng đồng hoặc này, nay lại hiểu kia không đúng.

Sự sâu xa bí ẩn của thiên văn, sự kỳ lạ khó hiểu của địa lý, chẩn đoán kinh mạch lỗ hang, sức thuật phù chú và thuốc châm cứu thi thơ có chỗ không chép, Chu Khổng chưa nói rõ. Nhưng xét lành dữ mà có chứng cớ, xét hạnh dụng kia mà phần nhiều bắt chước. Vả lại, vật Chu

Khổng chưa nói thì lúc nhúc không cùng, pháp thi thơ không chép mênh mông đâu có hạn. Tin vào sách không hết lời, lời nói không hết ý, đâu được câu nệ cuộc hạn giáo của sáu kinh mà trái ý chỉ chung của ba thừa. Có thể sự chưa khởi ở thượng cổ, bậc Thánh mở việc ở đời sau, cho nên nhà trụ cột đổi ở sào, văn tự thay thế bằng chế kết giây, bữa cơm uống máu ăn lông thì trước dung mà chưa quý, dùng lửa nấu cơm tuy làm sau mà chẳng phải tệ, kia dùng để bẻ, trước sau chẳng phải thông tệ của giáo lý, đâu được cho thi thơ sớm truyền mà đặc biệt hưng thạnh. Tu-đa đến trễ mà phải thay thế. Có người lúc nhỏ ăn rau lê rau hoắc, lớn ăn thịt cá, trẻ mặc vải bố, già mặc hầu phục (áo quần như Vương hầu), đâu được cho lê hoắc ăn trước là hơn vị ngon cá thịt, hầu phục mặc trễ lại không quý bằng vải bố ư?

Vạn vật có thay đổi, Tam bảo thường trụ, vắng lặng bất động, cảm mà đều gặp, hóa thân chỉ bày vết tích ẩn hiển, pháp thể tuyệt số hưng vong, chẳng phải đản sinh ở cung vua, không sống lâu, chết ở dưới song thọ, đâu được luận sinh diệt nơi phó cảm, tính sự tu ngắn ở đến đi ư?

Họ truyện khen Lão Tử mà chê Thích-ca, khen sách đạo Lão mà chê Phật giáo. Xưa tôi đồng hoặc này, nay lại hiểu đó là không đúng. Thích và Lão là giáo thể một mà không hai, đồng nêu lụy có dục, du hiển tông vô vi. Họ Lão rõ mà chưa dung, sách Phật nói đến sự cùng tột kia. Nếu Đạo Lão quả là đúng thì đạo Phật vốn đồng đúng mà không sai. Nếu Phật quả là sai thì đạo Lão cũng có thể là sai mà không đúng, lý chẳng mâu thuẫn. Người ôm sự khác nhau trước sau, đã đồng mừng giận của các con khỉ, lại giống ưa sợ của Diệp Công. Còn như ý chỉ đạo đức dưới trụ, bài trong ngoài của Tất Viên, nhã nhặn sâu xa mà khó thêm, thanh cao mà đáng tôn sùng, lên thường đọc không gián đoạn, đâu cho tin thờ sách Phật mà chỉ trích cẩu thả ư?

Vả lại luận đó duyên sinh tử không cùng, ý chỉ báo ứng chẳng hư, chỗ phát minh của họ Thích thì Huỳnh Lão chưa nói kịp. Không biết sách đạo Lão ngày nay do đâu mà đồng loại với sách Phật? Luận ba đời để khuyên giới, ra ngoài vết khuôn của chín dòng. Nếu mắt thấy mà nói thì đồng Phật mà chung soi chiếu kia, nếu tai nghe mà thấu suốt thì Phật là thầy mà vâng theo thuyết kia. Đồng soi chiếu thì đồng chẳng phải sai, với thầy thì thầy không thể chê, khen đạo Lão mà chê Phật, sao lại sáng lập quá vậy?

Truyện nói rằng: Phật là khí yêu mị, chùa là chỗ cúng tế tà dâm, đây là kia nói mà chưa siêng năng. Yêu chỉ làm ác nghiệt đâu có rộng hóa mười điều lành, mỵ quyết nương đâu có khởi đạo tám chánh. Yêu

còn sợ chó, quỷ cũng sợ mèo, đâu thể hàng tâm cao của Đế Thích, bỏ sức chống cự của Thiên ma? Lại như ngài Đồ Trừng, La-thập, Đạo An, Tuệ Viễn đức cao danh cao chẳng hề luống dối cuồng say, đâu cho bỏ ái lìa vinh hoa mà cầu tà đạo của ly mị, khuyên thân khổ sở tiết độ lại thờ yêu thần của Võng lượng.

Lại từ xưa, Đông Hán đến Đại Đường của ta đời đời màcấm lời yêu mị, chỗ chỗ mà dứt dâm tự, đâu cho bỏ tài lực kia, thả sĩ dân kia mà xây dựng nhà tháp của ly mị, vào đồ chúng của vọng lượng. Lại bậc tể phụ, quan cái, nhân luân vũ nghị, bọn Vương Đạo, Dữu Lượng, bầy Đới Quỳ, Kế Tuân, đặt mé tình trời người, giấu tiêu biểu dấu vết khói mây, đều bẩm thọ giáo pháp mà quy y, đều chống tâm mà sùng tín, đâu cho tôn thờ yêu mị mà tự khuất phục, bởi do biết chân thấy diệu khiến kia như vậy.

Lại Tiên Nghị của họ Truyền tự Võ Trọng, tài cao học rộng đời gọi ông là Thông nhân, biện mộng lành của Hiển Tôn, chứng thần cảm của người vàng, đạo Phật giúp Đông độ Nghị có công. Trộm xét tài hiểu biết của Truyền Linh chưa thể giúp cho Võ Trọng, sao lại hủy Phật báng pháp, trái với trước? Ngô Thượng Thơ ra lịnh Khám Trạch đối trước chúa Ngô là Tôn Quyền nói rằng: “Hai nhà Khổng và Lão so với Phật pháp hơn kém cách xa”. Do đâu mà nói vậy? Do Khổng Lão lập giáo, dùng phép chế của trời nên không dám trái trời. Chư Phật nói pháp, trời vâng làm mà không dám trái Phật, do đây mà nói thật chẳng đáng so sánh.

Ngu tôi cho là Khám Tử nói như thế là biết một góc hơn kém. Quân tử trăm nhà có thể không suy nghĩ lời kia ư? Đại sĩ cao Tăng quán sâu về lý, chúa minh, thần hiền mưu cầu trung với nước, mà của báu nhiều đời lại cho là lời dạy lớn sao? Biết kia cùng lý tận tánh, đạo đâu thêm ư? Họ truyền quán không sâu nơi danh tăng, suy nghĩ chưa tinh với hiền triết, riêng tâm thầy mà trái pháp, khinh dứt phước mà khởi lỗi, đâu là kia vì nước mưu kế mà không trung ư? Vì thân lo nghĩ mà không xa ư? Đại giác cùng thần mà biết hóa, rất khuyên suy nghĩ hoạn mà đề phòng, trước chỉ để hết trăm năm, ôi! Năm phước khó thường. Sông mạng chảy mà sấm dứt, nghiệp đất lâu mà trời dài, ba đường cực thuần mà thăm thẳm, bốn dòng không mé mà mênh mông, nương thuyền pháp mà lợi giúp, nhờ tín dung hòa để bay cao, nên chuyển lỗi thành phước, sao quên niệm mà làm cuồng.

Truyền nói rằng: “Thời Triệu, Lương đều có Tăng làm phản huống chi ngày nay trong thiên hạ tăng ni cả hai mươi vạn”. Đây lại là nói

không suy nghĩ. Nếu cho là xưa có Tăng làm phản mà bỏ pháp chúng ngày nay, há được cho là xưa có nghịch thần mà bỏ nhiều sĩ tử ngày nay, hàng xóm có con nghịch mà đuổi con hiếu của mình, xưa có dân loạn mà không nuôi dân thứ ngày nay ư? Khắp trong thiên hạ, chúng xuất gia chẳng phải là mây nhóm nơi một ấp, là ngôi sao chia chín cõi, tiếp đó để có châu huyện, hạn đó để khuyết sông, không có oai quyền trừng phạt, có cấm ước hiến chương. Dầu khiến năm ba hung hiểm, một hai xiển-đề, đã không duyên dùng ô hợp, cũng đâu lo kiến nhóm.

Vả lại, Sa-môn vào đạo đâu ôm mưu vong mạng, con trai con gái xuất gia đâu cầu dùng đại giáp, sao lại loạn tính số tăng ni lôi đồng bọn cú kính, tạo dối để loạn chân, che thiện mà xưng ác. Quân tử có ba điều sợ, há phải như vậy ư? Áo xanh có tội, chẳng phải lỗi của ni phụ. Áo đen làm lỗi há là tội của Thích Tôn? Tăng mắc lỗi với hiến pháp triều đình, Ni phạm hình phạt của thế tục, thí như tụng luật mà đào tường đọc sách lễ mà ngạo nghễ kiêu căng, chỉ do người bẩm thọ tánh ngang bướng ngu xuẩn mà không đổi làm lành, chữ chẳng phải là kinh mở nguồn nghịch loạn khiến nhiễm thói ác. Người không thể đều là hiền, pháp thật chẳng trọn là tốt hết, đâu được nhân giận ác mà lây đến thiện, do lỗi người mà bỏ pháp. Miệng bàn Di Tuệ thân hành theo Chân Kiệt, tai nghe thi lễ mà tâm giữ tánh tà kỳ hoặc, Ân, Hạ đã hàng đâu thay không đó, đâu được giận dấu gót chân mà oán trách Di Tuệ, ghét tà mà bỏ thi lễ. Nhưng người thì có tội đáng chết, pháp không có lỗi đáng bỏ, chỉ nên cấm quấy để hoằng pháp, không thể do người mà ghét đạo, trộm dốc tin nơi diệu pháp, không có cẩu đảng ở Sa-môn, đến nhổ cỏ đề cỏ kê để trồng lúa mạ. Nghiêm túc gian xảo trở lại để sạch đại giáo đã nguyện sâu.

Truyện nói rằng: Đạo nhân, đất, cú, lừa bốn sắc đều là giống ác nghèo nghịch, đây lại là lời không suy nghĩ.

Hễ do bỏ tục tu đạo nên gọi là đạo nhân, học đạo lìa nghèo đâu được gọi là tham nghịch. Nếu nói rằng: Tham đạo Bồ-đề ngược dòng sinh tử, thì Truyền Tử khởi lời chưa đạt ý chỉ đây, xem luật hành của Sa-môn, người đi không thể đi người ở không thể ở, đủ các kinh Phật có thể nghiên cứu được. Vật nhỏ nhít máy động còn không làm hại, huống chi là việc cú kính? Lễ giá thú còn bỏ không làm huống chi hạnh cầm thú? Sao dẫn thượng nhân lìa dục sánh với vật hèn hạ nhóm bụi trần. Viện hiền tuấn có đạo sánh cùng con lừa vô trí, hủy chúng lành đại từ sánh với chim ác không lành, cho rằng đạo nhân là giống nghịch, so phạm hạnh với tâm thú, hại một người lành đâu rất lắm ư? Ngược trắng

thành đen như thế ư?

Tôi xưa thường dẫn Hiếu Kinh không hủy hại tổn thương để chê trách Sa-môn cạo bỏ râu tóc, cho rằng kia ngược đạo Tiên vương, mất nghĩa hiếu trung. Nay hiểu đó là không đúng.

Nếu thờ vua cha mà trọn tiết, tuy giết thân mà gọi là nhân, thiếu trung hiếu mà tạm còn, luống toàn da mà phi nghĩa, luận đẹp thấy nguy mà trí mạng, lễ ngăn lâm nạn mà bỏ cách cẩu thả, đâu được tổng thể mà quở quỷ thương, hùa theo mà đoái hoài da tóc. Cắt đùi nạp gan là thương tổn rất lắm. Lóc bỏ râu tóc là hủy cái nhỏ. Lập trung không đoái hoài mạng mình, người luận đâu có lỗi, cầu đạo không tiếc lông mình, đâu riêng cho là lỗi, thuốc thang cứu giúp dân đông, tôn sùng thân Phạm để cầu ân huệ, huân tập đôn hậu khiêm ái, muốn xoa chân mà đến đảnh. Huống chi trên là vua cha sâu cầu phước lợi, hủy râu tóc đâu đáng đoái hoài.

Vả lại giáo pháp của bậc Thánh khác đường mà đồng về, đạo của quân tử hoặc ngược kinh mà hợp, nghĩa, thì Thái Bà kỳ nhân, bỏ nuôi nấng ở nhà, gá lượm thuốc mà không về, bỏ chương phục của Trung Quốc, nương cắt tóc để làm đẹp ngược kinh trái lễ có gì nhiều hơn đây. Nhưng Trọng Ni khen ngợi mà nói rằng: “Thái Bá có thể nói là chí đức”, là vì sao? Vì dẫu là vết tích trái vua cha mà tâm trung với quốc gia, hình thiếu trăm việt mà đức hoàn toàn ở ba nhượng, cho nên Thái Bá bỏ chế áo mũ mà không tổn chí đức, thì Sa-môn bỏ dung cài đai áo cũng đâu thương tổn đến diệu đạo, dù đổi y phục sửa diện mạo, trái nghĩa thường của Thần tử (tôi, con) mà tin đạo quy tâm cầu cho vua cha nhiều phước; ý khổ thân kia là tu các điều lành xuất gia khiến cho vua cha nhiều kiếp được nhiều vui mừng. Kia là trung hiếu không nhiều sao? Gọi thiện Sa-môn là bất trung, chưa hẳn là tin.

Truyện nói rằng: “Người Hồ ở Tây Vức nhân bùn mà sinh, do đây mà thờ bùn ngói”, đây lại là lời chưa suy nghĩ. Sùng lập linh tượng, đắp vẽ tôn hình sử dụng nhiều đồ chẳng riêng gì bùn ngói. Hoặc thêu hoặc đúc thì dùng sắt, cây, vàng, đồng. Vẽ thêu cũng đan xanh dệt trắng, lại cho rằng nam nữ Tây Vức riêng từ vật này sinh ư?

Vả lại miếu của Trung Quốc dùng cây là chủ yếu, cho nên là tông miếu. Phật không thể quên cho nên lấp hình để bày tâm vọng cực, dùng để bày sự cung kính như còn tại thế. kính ngưỡng thánh đức đâu có lỗi? Lại cho lỗi ấy nên cũng dùng ác làm công.

Truyện lại nói rằng: Đế Vương không Phật thì nước thạnh trị, tuổi thọ lâu, có Phật thì chánh sách bạo ngược, ngôi vua ngắn, đây lại là lời

chưa suy nghĩ.

Thời cho là Năng Nhân lập giáo đều là mở mang gió dâm bạo, Bồ-tát lập lời chuyên truyền việc Kiệt, Trụ. Dùng thật mà nói thì sai rồi, không đúng. Nhà Ân mất đại bảo, tai ương khởi là do lời Đắc Kỷ, nhà Chu mất chư hầu họa do nụ cười của Bao Tự, mất mát của ba đời đều do con người. Giáo pháp ba thừa há có thấp cao ư? Phật là đạo từ bi hỷ hộ, giúp chúng sinh bất luận kẻ oán người thân, cho an vui mà cứu nguy khổ. Xưa sở dĩ được lòng dân kia là Phật đã truyền rộng. Cho nên dân trốn vua kia là kinh rất ngăn cản. Đức của Hy, Can, Thuấn, Võ ở sáu độ mà bao trùm, lỗi của Nghệ Trác Quý Tân gồm mười điều ác để ngăn cấm. Từ trước khiến Kiệt hoằng giáo ít muốn, Trụ thuận đạo đại từ. Y, Lữ không dùng mưu kia, Thang, Vũ được hạnh đánh dẹp kia, có thể khiến tỏ điều khỏi họa cho nước, mục đồng dứt loạn chiến tranh. Hạ Hậu theo bài ca Lạc Nhuế, Cấm Tử trái nạn Càn Khê, cho nên sự giáo hóa của họ Thích là lợi ích chẳng nhỏ, kéo dài phước cho ngôi vua được lâu không cùng. Ngăn chặn nguy vong lúc chưa có điềm. Truyền cho rằng: Có Phật là tổn, không có Phật là lợi ích, đây là nói gì ư? Là nói sao ư? Có thù gì với Phật mà vu báng đến như vậy, Phật đâu có chỗ phụ bạc mà ghét như kẻ thù vậy?

Truyện lại nói: Trước khi chưa có Phật pháp, người đều thuận hòa, đời không kẻ soán nghịch. Đây lại là lời không suy nghĩ. Chín bỏ loạn đức này chính là năm không có Phật, Tam miêu trái mạng chẳng phải sau thời có pháp, mùa của Hạ Ân đâu có thuần hòa, thời Xuân Thu đâu không soán nghịch. Giặc cướp gian tà làm sĩ mạng ở Cao Đào, Hiểm Doãn, Khổng Xí, Bạc Phạt nhọc ở Kiết Phủ. Mà Truyền cho rằng: Phật khởi soán nghịch, pháp bại thuần hòa, chuyên tạo lời dối đều trái thật chép. Trộm một sợi chỉ Phật còn ngăn, há lại nuôi lớn mưu loạn soán nghịch? Nói một lời dối Phật cũng ngăn, sao lại bại đạo thuần hòa ư? Chỉ có giáo pháp của Phật là khuyên thần phải trung, con phải hiếu, khuyên nước dùng trị, khuyên nhà dùng hòa, hoằng thiện bày cái vui cõi trời, trừng lỗi để hiển bày nỗi khổ địa ngục. Không chỉ một chữ để làm giảm bớt, há ngăn năm hình mà làm giới, bèn gọi là thương tổn hòa mà nuôi lớn loạn, không là vu báng lắm sao? Cũng đâu tổn thương gì đến mặt trời Phật, chỉ tự trôi lăn nơi biển khổ, việc nhẹ mà không tránh rất là đáng thương. Vì thế sách sinh tâm phục mà sắc mặt xấu hổ, tránh tòa mà tạ tội rằng: Nô bộc dùng tập tục để sống, thường trái đạo tự sai lầm, bỗng ở chỗ chưa rốt ráo mà đùa giỡn cái mê trước. Trái chánh pháp mà luận khác, hận lời tà để chung lỗi. Nay nghe trí Phật suy xét

nhiệm mầu nên biết đạo Phật là thật là trung, bỗng nhiên thần ngộ mà lý vọt ra, đáng để dẹp sạch sự mê nghịch mau chóng, tuy năm xưa theo tà, ngày nay đây xin quay về với chánh, cẩn thận tụng đến giới để làm khẩu thật.

Thiên thứ hai: Nội đức nói về thông mạng.

Có chỗ nói rằng: Bậc Thánh bày phước để khuyến thiện, chỉ họa để ngăn ác. Tiểu nhân cho thiện không lợi ích mà không làm, cho ác là không có hại mà không bỏ, nhưng nói có ương có phước, chính là lời hoa mỹ không thật, luận không ích không hại thì tin mà có điềm chứng, vì sao nói vậy? Vì khi Bá Di bị đói, Khải Kỳ nghèo, Nhan Hồi chết yểu, Nhiễm Canh mắc bệnh, hoặc xa xỉ khoác lác mà giàu mạnh, ít nói đến nơi nghĩa, hoặc nghèo trắng tay mà sống thọ, danh không xứng đến tàn đời. Nhân mà không thọ, giàu mà chưa có nhân, sách kinh đã bày không thể nhớ xiết. Cho nên biết Trọng Ni nói tai ương mà vui mừng là luống dối người, dụ văn mạng ảnh hưởng đến khó tin. Có người đôn đốc làm hạnh lành mà không biếng nhác, ôi! Lời này càng mê hoặc. Bèn bàn mà giải thích rằng: "Ương họa hay phước đức bởi có gốc của nó, không thể chẳng có nhân mà vọng đến, thiện ác phải y cứ quả báo của nó, hẳn chẳng mất ứng mà luống qua". Nhưng gốc sâu mà báo xa, chỗ tai mắt không nợ, đầu tiên mà là sau rốt, chỗ Mặc Nho không sánh bằng. Cho nên tùy gặp, mạng độ nơi trời mà khó rõ, năm tuổi ương hay thọ xét ở người mà dễ ngờ. Người làm thượng phạt còn có thể rõ xét mà không lạm, trời giáng xuống hay phước đâu lại hỗn loạn mà không thứ lớp ư? Cho nên biết có tồn tại, không thể vu khống. Chẳng phải bậc đại giác có trí biết khắp thì ai có thể cùng lý mà dứt hoặc?

Đoán nghĩa buôn bán mà nói, Ban Vưu và Lý Khang soạn luận chỉ biết hỗn lộn mà gọi đó là Mạng, đâu biện được lý do hiển nhiên của mạng, đâu khác gì thấy lúa thóc ở trong kho mà không biết được là do cày cấy mà có. Thấy lụa ở trong va ly mà chưa biết do kéo dệt mà thành. Ngựa dời đổi báo thí rõ ràng, nhóm nghi mà đâu có thông. Phạm Bàng lầm nghi thức thiện ác, ôm giận mà không cho giải thích, đều thấy dòng mà bỏ nguồn, thấy một mà không biết hai, chỉ xem kinh luận của họ Thích mà có thể tột được trước sau của đạo Phật ư?

Quả báo làm thiện làm ác, cùng nhánh phái ở ngàn lá, mạng một dày một mỏng. Soi ngưng giây lát ở vạn cổ, làm việc qua lại ở sáu đường, chỉ bày ương phước của ba đời, bèn biết hình mất mà nghiệp không dối, người chết mà thần lại sinh. Hoặc Hiền thánh mà nhận tai ương đời trước, sáu thông mà thiếu bữa ăn đến miệng. Hoặc cầm thú

mà gánh mang phước dư, bốn chân mà ôm châu như ý, vì nghiệp chẳng phải một mối, cảm báo cũng ngàn sai. Nghiệp riêng khác mà theo tâm, báo khác nhau như mặt mình, vốn là do tâm, hoặc trước mê mà sau tỉnh, hoặc có ban đầu mà không có chung cuộc, hoặc hằng ác mà quên hối hận, hoặc thuần là thiện mà thường tôn sùng, hoặc làm công mà gồm lỗi, hoặc phước nhỏ mà tuệ thạnh, hoặc tội đồng mà tình khác, hoặc công khác chí đồng. Là do báo kia. Có người trước khóc sau cười, có người trước được sau mất, có người trẻ hèn già hung, có người ban đầu vinh hiển sau tốt lành, có người tiết tháo trong sạch mà mạng yểu, có người hạnh xấu mà tài của dồi dào, có người tội giống hình phạt lại khác, có người đức đồng mà sự cung kính có khác, nghiệp nhiều mối mà kết thêm, quả quá khứ trả mà xong cặn kẽ. Thí như thợ vẽ trải nét vẽ khéo, tượng gương ứng vẻ đẹp xấu, mạng chiêu cảm sáu ấn, đạt đến du đàm của Lý Tử. Nghiệp dẫn muôn vàng, quả thuật tính Chu Công, lấy xanh đỏ như cúi nhặt, có giúp nhân xưa. Hiểu lễ nhạc chấp chặt đến cùng thì không giúp cho phước đời trước. Đọc luận nối gót mà bày văn riêng hương vinh hoa. Nói thi so vai mà sửa đảnh riêng cao ngôi vị. Hoặc công siêng năng có thể ghi mà lộc không bằng mạng giới thôi. Hoặc sự lầm lỗi sơ hở đáng chém mà tước vị trước thêm như Ung xỉ. Thuật kinh Vi Hiền xa hơn thiếu sót của vàng vòng. Văn sách của Triệu Nhất không bằng tiền của Doanh Nang. Đây há là sự sai khác của nghiệp và công ư?

Cho nên do mạng đời trước mà có khác nhau. Hoặc tài nhỏ mà trách nhiệm lớn như Tể Hoành không có công hiển hách. Hoặc đạo xuất sắc mà thân nhỏ như Khổng, Mặc có nhục bận bịu. Cũng có người đức và ngôi vị đều hiển như Nguyên Khải Liệt ở đời Đường Ngu, tài và mạng đều thạnh. Truyền Lữ nhận gởi muối me, hai nhân đều tăng thêm thì bao gồm. Như vậy một nghiệp riêng tu thì phước riêng. Như kia Quản Trọng được tha tù rồi lên làm tướng. Lý Tư làm tướng mà bị hành hình. Phạm Huy trước nhục mà sau vinh. Đặng Thông ban đầu giàu mà sau lại đói, chẳng phải ban đầu ấp úng mà rốt sau biện tài, há là xưa ngu mà nay lại trí, vì quả đã thuần thục mà được bình yên thong thả, do phước hết mà truân chuyên lại đến. Nếu nói rằng: “Người đánh bại Ngũ Tư là Tể ý chứ chẳng do ương xưa. Người giúp Trương Thương là Vương Lăng, nào quan hệ gì đến phước cũ”. Đây là thấy duyên mà không biết nhân, có lỗi đoạn kiến. Nếu nói rằng: “Nghiệp ràng buộc chức tước tốt, không nghĩ ân đồng bên, mạng bất ngờ gặp gió tại nhân, không xấu hổ đến ân huệ của Tô”. Đây là biết nhân mà không biết duyên, có tội trái

ân. Nếu gồm suốt ý chỉ kia, hai lần dặn dò lụy kia, tiến tu đức nghiệp há lại có thể trở ngại ư?

Mùa xuân gieo giống lúa mới nhờ mưa mùa hạ để được đầy nhiều, đời trước trồng nhân lành nên nhờ duyên ngày nay mà phát khởi. Nhận đầm màu mỡ mà hoang vu không đất khai khẩn. Gặp thời sáng mà nghèo hèn là người không nhân. Ý chỉ nhân duyên đủ ở các kinh luận, chạm đường mà thường trụ đều là loại này. Nếu chỉ thấy một mà không hiểu hai thì mầm lỗi lụy làm tổn thương đức. Xem sách Phật đã rõ nghiệp tốt xấu, có nhất định và không nhất định. Quả báo phước họa có thể chuyển và không thể chuyển đức lỗi, chỉ nhường nghiệp có thể chuyển. Hoặc hiền hoặc ngu không đổi dời mạng quyết định. Nhóm đại thiện thì tai ương tiêu, các ác thạnh thì phước diệt, lý đó nhất định, tin mà không sai lầm. Thí như thuốc dược thạch thù thắng thì bệnh được trừ, nước mưa rưới thì lửa tắt, đập nước có đê lớn thì dòng sạch, búa tiêu chặt nấm sớm. Nhưng bệnh đã đến chỗ không còn cứu chữa được thì thuốc tốt cũng không cứu nỗi, lửa chảy phừng nơi ruộng mới vỡ thì nước nhỏ giọt vốn không dập tắt nổi lửa kia. Cây rừng đặng chẳng phải chỉ một đao mà có thể chặt hết. Dòng Trường Giang há một hòn đá có thể lấp ngăn. Đức lớn có thể che vết nhỏ, công nhỏ không đủ giúp lỗ lớn. Khắc vàng đá công rất khó, khắc cây khô mục thì sức dễ thành. Nghiệp nhỏ, quả báo không bền. Hạnh bền chắc thì quả quyết định. Không bền nên có thể chuyển, quyết định thì khó dời. Nạn có thể chuyển cho nên ta xương dứt sóng biển lớn, nguy khó dời thì bốn quả hại người dữ. Lưu Côn là tiểu Hiền đến đổi ngược gió và diệt lửa. Đường Nghiêu là đại Thánh gặp hồng thủy dâng cao, y theo đây mà bàn chưa đủ cảm. Tấn Văn chồng đức, dứt rắn dài ở góc đường. Tống Cảnh khởi lời lui sao yêu ở mé trời. Đây là nghiệp không nhất định. Chu Văn khinh mình mà lợi dân có đức mà không ứng. Chiêu dẫn tai ương mà nhường phước, nói lành mà thân dữ, chính là mạng quyết định. Hoặc ác đồng mà cảm khác, thiện đồng mà báo khác, đều là do nhân xưa gây ra, đâu đáng quái lạ ở một đời?

Khổng Tử nói: “Tiểu nhân không biết mạng trời nên chẳng sợ”. Lại nói: “Không biết mạng trời, không gọi là quân tử”. Phật gọi là nghiệp, Nho gọi là mạng, bởi nói khác mà lý giống, có thể được đồng luận ư? Mạng ràng buộc nghiệp, nghiệp khởi ở người, người bẩm nạn để cùng tột thông, mạng tùy nghiệp mà dày mỏng, mạng dày mỏng há chẳng do mình, oán trời trách người cũng không lầm hay sao?

Sách Thi nói: “Tai ương của hạ dân không chỉ giáng từ trời”.

Truyện nói: Họa phước không cửa, chỉ do người tự chiêu cảm". Ở đây nói: "Trời không thể đùn đẩy mà trách ở người". Mạnh Kha, Can Lễ không giận tệ Tang Thương. Trọng Do, Nhậm Lý, không hờn sự gièm pha của Bá Liêu, thì gọi là người không thể trách mà đùn đẩy ở trời. Lời kia nếu ngược thì gây ra kia không chỉ khác. Tóm lại, đồng quay về tấn đức khắc khe với mình ngăn ngừa người để khuyến khích chí càn càn, vui trời biết mạng, kia lo đau đáu, vì vậy cho nên trong là siêng công khắc niệm, ngoài là hoằng đức không tranh cãi, trên không oán lỗi trời, dưới dứt lụy trách người, hạnh trung hòa nhờ vậy mà tồn tại.

Người xưa cho thiện là đạo, kia theo việc ở đây ư? Người xưa ban đầu nghe kinh đạo Phật mà lòng tin không dốc chí, câu nệ trong tai mắt, nghi ngoài sự thấy nghe, cho rằng thuyết trước nhân sau quả, đồng với ngụ ngôn của Trang Chu, bàn trên trời dưới thế. Loại ô hữu của Tương Như thấy lưới lậu Gian Hồi thì là sai mà không lỗi, nghe gặp sai lầm của người trung thực thì khinh thiện mà không khuyên, rất là sai lầm. Biết nghiệp thì không vậy, hễ thấu đạt nghiệp gọi là quân tử không riêng ủy mạng. Ngước nhìn đức trong sạch của Thánh hiền, đôn đốc hạnh thanh cao như vàng ngọc, không buồn khi ở chỗ hẹp xấu, quên lòng tranh danh lợi, cho nên xong rồi dư nghiệp xưa, mở ra sự vui dài ở tương lai, không đoái hoài sự cười chê của thế tục, há lại cầu sự khen ngợi của nơi hẻo lánh?

Gieo trồng mà không thấy lớn, có thời mà trau dồi lớn đâu thấy khiếm khuyết kia, che lấp hoàn toàn sự hôn mê sâu. Nay bày báo thiện ác vì thời gần mà chưa thuần thục quả lành dữ đời xưa, phải thường trọn mà bèn từ tạ. Thí như cày cấy làm tự nguyện, không mong gieo mà được mùa cỏ ấu có gai, cũng mùa xuân sinh mà mùa thu có quả. Không cày mà được no là vì năm trước có lúa dư, không hiền mà giàu và thọ là gánh phước xưa của thân trước, đạo trời không thân sơ, nghiệp người có thừa thiếu. Do đây mà suy thiên mạng thì sẽ dứt được nghi ngờ.

Như sách của Ngu, Hạ, Thương, Chu, lời nói của Huỳnh Lão, Khổng, Mặc nói chỉ ở một đời, nói xa đến ba đời thì sẽ có sáu, hoặc không lời để thông.

Chỉ bày lợi làm lành là chức tước ban thưởng và danh dự, nêu hại làm ác là sự nhục nhã hổ thẹn và hình phạt. Nhưng người trốn thường ẩn danh thì lấy gì làm lợi? Nếu khỏi được tâm hổ thẹn thì không nhận cái hại kia, đâu đáng trừng trị và khuyên ư? Đây là điều hoặc thứ nhất.

Nói rằng trời cho thiện giáng cho trăm điềm lành, cho là thần sửa chữa dâm thêm cho đó sáu cực. Nhưng Bá Ngưu đức hạnh mà bị bệnh,

trời đâu lại ghét người kia làm lành ư? Bọn đạo chích hung bạo mà không tai ương, thần há lại ưa người kia làm ác ư? Sao họa phước lại lạm đến ư? Đây là điều hoặc thứ hai.

Người nói rằng: Tội theo thân mà đều diệt, công và thân cùng hư hoại. Thiện đâu có điều vui đáng để bàn, ác đâu có tai ương mà phải ngăn. Như báo thiện ác tin có mà chẳng phải không. Ăn rau núi mà chết đói, chỗ nào thêm phước. Ăn nêm gan người mà thọ trọn đời, lúc nào chịu họa kia, lại không có quả báo thiện ác ư? Điều đáng nghi thứ ba.

Nếu nói rằng: Phước họa do Tổ tiên, tai ương hay vui mừng từ con cháu. Xét ở đời trước chưa hẳn là vậy. Bá Tông Tế Xương dứt diệt ở triều Tấn, sau mừng răng cha chú phiền xương ở nước Lỗ, há là do Tổ tiên ư? Đây là điều đáng nghi thứ tư.

Nếu nói rằng: Quán sát thiện ác thì có lầm ở trên trời, cho nên khiến giáng phước lưu tai họa không đồng xuống đất. Nhưng trời rõ mạng đâu phải tối tăm nơi việc thưởng phạt? Từng cho là cõi trời không như pháp chế của vua. Đây là điều đáng nghi thứ năm.

Nếu nói rằng: Họa phước chẳng phải do người chiêu cảm, thiện ác không có quả báo ở đời sau, mà bá vương thưởng thiện phạt dâm, sáu kinh nhóm đức mà chê lỗi, thì là dối việc không lợi ích, vọng ngăn điều không tổn hại, đâu quý gì bằng giáo của Khổng Tử, đâu có lỗi sách phạm làm suy chính trị, là điều đáng nghi thứ sáu.

Nhưng thời thiện ác chỗ cảm ra, phước họa chỗ gởi phục, chỉ hạn cuộc trong một đời, không chung cho ba kiếp. Lý ấy cuộc hạn mà không rộng đâu dùng để biện hoặc của người? Ngăn ác chưa hết, dẫn thiện nhiều thiếu sót, kia chấp nghĩa còn cạn, lợi dẫn còn nhỏ, so với sự tin sâu diệu pháp ba thừa ở mười phương, giúp bốn loài nơi nhà lửa, vận hành sáu ghe ở biển khổ, cao thấp cách xa nhau, như gò đất nhỏ mà sánh với Côn Luân thì cạn sâu không giống nhau. Như ao tù nước đọng mà sánh với Giang Hán, đâu thể đồng năm mà nói ư?

Xưa, Duy-ma-cật rõ suốt đến Xá-lợi-phất thông biện, kinh luận đều rõ ràng được bắt chước, đáng để vượt hạng siêu hơn Khổng Khâu, quá Lý Lão, hơn Hứa Do, phục Mặc Địch, dẹp Trang Chu, nuốt trăm họ, gồm chín dòng, sách vở ghi chép đâu thể cùng bọn. Nhưng thọ các dị đạo không hủy chánh tín, tuy rõ sách đời mà thường ưa Phật pháp, thầy thờ Thích-ca, khéo được dẫn dụ, há không biết đạo thù thắng mà kính ngưỡng ư?

Thiên thứ ba: Nội Đức Luận Không và Có.

Hoặc có kẻ ác chấp không để sinh chấp đoạn, không có hổ thẹn

sợ sệt, tự cho là Đại thừa, đây là điều rất cấm trong chánh pháp. Kẻ chấp đoạn kia nói rằng: "Kinh dùng pháp dụ bào ảnh sinh đồng hoằng hóa", lại nói rằng: "Tội phước không hai, nghiệp báo chẳng có", cho nên biết là trồng nhân thâu quả, nói cõi trời, địa ngục, không có tướng khác như thuật cây quýt trên rừng, như Mạnh Đức chỉ vườn me trước đường, quyền dụ ngu mông giả xưng quý giá, có kia nói đâu không có thật ư? Còn như nhiễm bị bệnh, Nhan Hồi chết yểu để nhiếp sự trái nghi của nuôi dưỡng, Bành sống lâu, Đam tồn tại, do có thuật trái nhau. Sang hèn tự nhiên mà khác, khổ vui gặp là tình cờ, thí như các cỏ cây khu vực để riêng. Nếu quả đậu tiêu biểu điềm lành, liền lý ứng thôi sáng, danh chép trên lụa trúc, trạng đồ nơi nét vẻ đẹp, đây thì quý cỏ cây. Nếu được ba đường tắt mà dễ cỏ bò lan, nhưng bảy đầm khó cắt, đầy củi bốc lên của bộc thiếp giúp bước chân trâu dê, đây thì cỏ cây hèn. Nếu bày thẳng ngọn Thiên Vân, đất La Sinh bặt dấu vết, búa rìu không kịp, thợ đốn củi nghỉ ngơi không đến, đây thời cỏ cây toàn mạng. Nếu thợ đá thường chiếu cố đến, nông phụ bỏ vụ, gặp Hà Tiểu vung bừa, nhằm Ban Châu quơ búa, đây là cỏ cây yểu mạng. Nếu lúc nhỏ sánh chất với tùng bá, tuệ nhã đồng khí với lan chỉ, lạnh Thúy Lăng chưa thay đổi, cỏ phương ở tối tăm không thôi, hiền hậu tài giỏi như cỏ cây, nếu cỏ tật cỏ lê sinh mà thấy xấu cây chanh gai nhiều đâu có đẹp, ở giới văn tho so sánh lại lấy bọn gian mà dụ cho kẻ xấu, là cỏ cây tầm thường xấu xa. Nếu khác mùi sai vị, ngàn pha vạn hình do đất đai tăng thêm.

Hồ có thể thắng danh, nghiệp gì mà thấy nặng, nhân gì mà được nhẹ, lỗi gì mà mau chết, công gì mà sống lâu, tội gì mà tiều tụy, phước gì mà tốt tươi, tập gì mà ngậm độc, tu gì mà gieo tiếng thơm. Đây há là túc nghiệp gây ra ư? Chính là tự nhiên mà có muôn sai. Người có vận mạng khác nhau cũng vậy, đâu do đời trước khiến như vậy. Nhưng không thị không phi là lý sâu của Đại thừa, rõ thiện rõ ác là giáo cạn của Tiểu thừa. Ngốc thay!

Hợp chân, cẩn thận trái đạo đâu là bỏ ác hướng thiện mà khởi tâm phân biệt ư? Lại thuyết chê bai nghi ngờ Phật, phép ấy đầu mối rất nhiều, bàn không nói có tự sai trái nhau, đây là Phật đối với chúng sinh, đâu không chỉ là rõ pháp một loại ư? Thuyết tà không nói là đúng, chánh không thì chẳng phải. Nếu hiểu lý có không đâu phát ra lời như vậy? Đây đã dụ sai mà truyền lời ngụy biện, sợ kia mê lầm khiến người sau thêm lớn tà kiến. Tạm lấy chỗ đã nghe mà bàn rằng: Nếu như mộng, như huyễn, như vang, như bọt bóng, chẳng một pháp nào không như vậy, chung muôn tượng mà đều bao gồm. Bậc thượng sĩ quán đó

cho đến thành Thánh, đến Thánh thể hội mà riêng vượt, sông lớn tràn đến trời mà không bị chết chìm, gió lớn thổi nghiêng núi mà không bay, đầy đủ sáu thông tự tại, tiêu dao ngoài ba cõi. Nhưng lý không tự rõ, chánh quán để soi, tâm không tự vắng lặng nhiếp nhịp điệu này, chướng không tự bỏ đối trị mới buộc, đức không tự đủ siêng tu mới nhiều, sáu tệ đã dứt thì chân như sẽ rõ, ba chướng chưa diệt thì Bồ-đề rất xa, cho nên chân đế lìa tướng cấu tịnh, tục đế lập điều thị phi, chỉ việc quyết nhờ sự phân biệt, luận pháp đâu nên ở hỗn lộn, sáu độ không thể là nghiệp đọa khổ, ba độc không thể là cầu xuất thế, nhảy vào hang khó mà không rớt, đến với lửa làm sao không cháy. Nghiêu Thuấn không thể sánh với hôn Kiệt, thuyết Lệ không thể đồng với thánh Nghiêu, trung hiền không thể đày ra miền hoang dã, tà nịnh không thể lên triều sáng, không thể trắng làm đen, không thể khiến ngày làm đêm, không thể dùng tà hại chánh, không thể sánh phụng với chim cú, đâu được đồng nhân quả với sừng thỏ sánh tội phước với lông rùa ư?

Tuy dẫn lời màu của Đại thừa, không chứng chí chân của nhiệm mầu, nói nơi miệng như đồng, dùng ở tâm thì khác, khác là sao? Chánh pháp do không bỏ người nghèo kia, tà thuyết do không giúp người mến nó. Người trí quán không để dứt sân giận. Người mê bàn không mà buông lung. Người hiểu hành không mà tuệ giải. Người lầm chấp không để cuống trái. Đại sĩ thể hội không mà tấn đức, tiểu nhân nói không mà lui sụt điều lành, khác nhau như vậy há đồng được ư? Bởi dùng ngược lời chánh để sinh tà chấp. Ngựa ký lội nước siêng năng mà vô ích, ghe nhị leo núi nhọc mà không tiến, há ngựa ký nghe nhị là không tốt ư, nhưng lội nước leo núi là dùng ngược. Đọc Duy-ma lìa tướng mà bỏ tấn tu, tụng lời Trang Chu giúp vật mà buông lung tình dục, không khác buộc xe bốn ngựa mà đi ngược dòng, chèo ghe vuông để leo sườn núi, trông theo sự bôn ba giỏi của cha lại muốn so sánh cái lợi của người đi bộ, không phải là khó sao?

Tịnh Danh là hữu tình đức cao, Trang Chu không có lụy ham muốn tình dục, cho nên biết đoạn kiến bàn không là trái đạo vô vi. Tột nhiệm mầu của diệu đạo tức quần có để rõ không, đã chạm thật mà biết giả, cũng đến khác mà soi giống, kia là loại gì vậy? Thí như đối trước gương rộng mà xem bên, đến ao xanh mà nhiễm bóng, các hình ảnh rõ ràng mắt thấy được mà không có thật tánh, duyên sinh có mà thành hình, có duyên lìa thì chất tan, nước gặp lạnh thành băng, nước gặp nóng thì mất cứng. Hễ theo duyên mà có, tuy có lớn nhưng không thật, cho nên trời đất và ta đều không thật, ta cùng muôn vật là một, Bồ-đề không được

cho là có, huống chi chúng sinh và các pháp. Cho nên xét vật mà chẳng phải vật, chấp các thân mà chẳng có thân, chấp lệ thiên đều là dối, sùng trấn địa chẳng phải chân, nói bàn tột lý mà không nói, khách khứa đầy nhà mà không một người, sắc đẹp tuyệt thế mà chẳng đẹp, vòng báu đầy mắt mà không quý, lành dữ khác đường mà không hại, Thánh phàm đồng khác mà thường đều. Xét đại ý của kinh luận, theo duyên để rõ chẳng thật có, duyên khởi để nói chẳng phải không, sự có mà chẳng thật diệu, nghĩa không mà chẳng phải thái hư, không người chẳng quan hệ đến nhà tối, không thấy chẳng phải cái ngu của mặt tường, không nói chẳng phải miệng người vàng, không thể chẳng phải thân quan to, không động mà chẳng phải diện mạo núi lớn, không riêng chẳng phải a dua hùa theo, không chân chẳng phải báu mắt cá, không thật chẳng phải vẽ chân chim, tiền tài chẳng phải tài mộng mà đâu có khác, sắc và huyễn sắc chẳng có sai. Ỷ độn đồng sinh ra nguyên hiến. Tống Lý sánh với em gái Bình Thành. Đạo trí rõ không mà dứt ràng buộc, tình tục dính mắc có để thường câu nệ. Người cùng nghiệp báo chẳng thật có, thuyết báo theo người mà chẳng phải không. Thiên đường giống với trời mà chẳng phải vọng, địa ngục đồng với đất mà đâu dối, chẳng đồng giả của dương hùng xưng cây ngọc, cầu man đô thấy thần ở, đâu liền chấp không nói mà trái ý chỉ, níu cỏ cây mà so sánh.

Báu dạ quang kết duyên, sắc Nam Oai Mao Tuyền, người đều thấy nó có mà sinh tâm ưa mến, ai có thể hiểu kia là không mà chẳng nhiễm. Hiềm khích? Giới trọn mắt, ruồi xanh rất thù hằn con sò lộng lẫy, đâu không chấp tướng mà khởi ganh ghét, mới sánh được với hư không mà chẳng giận, riêng cho là hạnh xấu trống không mà chẳng ngăn, pháp lành trống không mà chẳng vâng theo. Ba hoặc nên bỏ mà chưa sửa chữa, năm đức nên tu mà lại bỏ, chẳng quán không để khiển lụy. Nhưng chấp không mà bỏ thiện, đây há là lý không hai sâu xa. Của Tịnh Danh, là ý chỉ mầu nhiệm giúp chúng sinh của Trung Chu ư? Lớn thay thể không của bậc chí nhân!

Chứng vốn vắng lặng của muôn vật, biết bốn đại là giả, thấy Tây Thi như vào nhà xí, sánh Nam Kim như ngói bể, năm dục không thể loạn tâm mình, bốn ma không thay đổi sự vốn thường kia. Trí ngày một sáng mà đức giàu thêm, hoặc ngày một trừ mà lỗi ít dần, cắt tay chân mà không tiếc, xin đầu mắt có thể cho, tám pháp không sinh hai tướng, vạn vật xem như một ngựa, cho nên sẽ chứng trí vô thượng làm Tát-bà-nhã, được lý kia thì giải thoát như thế, mất ý chỉ thì lỗi loạn như kia, đâu được là trái mà không sợ, tôn sùng tà cho là phải. Thấy ghe thấy

nước đều chẳng phải chân đế mà toan cho gặp sông lớn chẳng phải ghe không giúp. Thể bệnh tánh thuốc đều là trống rỗng, người do bệnh mà chết, bệnh nhân thuốc được trừ. Sừng tê lông chẩm đồng loại bọt bụi mà người uống nước có lông chim chẫm thì chết, uống nước sừng tê thì sống. Nước nhạt rượu nồng đều chẳng phải thật có mà nước không loạn, người say sẽ sinh lỗi. Trung thuận phản nghịch đều như tiếng vang mà phản nghịch bị giết trung thuận được thưởng. Tánh tội phước bình đẳng không hai mà phước do thiện nên có, họa do ác gây ra, các pháp thiện ác đồng như hư không chẳng có tướng mà pháp lành giúp đạo, pháp ác sinh chướng. Cho nên biết chân tánh muôn pháp đồng như một, trong pháp nhân duyên vô ngại có muôn vàn sai khác. Không có hai môn, chẳng có nghịch thuận, hai đế chân tục đồng chỗ quay về. Nếu cho là Tiểu thừa nói có tội phước, Đại thừa chẳng nói phải quấy, giống như Hồ, Việt cách xa. Nếu tướng mâu thuẫn chống nhau thì đồng tử còn tráo trở, gồm nhiếp đâu phải đầu chuột bởi nghe đạo mà nói đường, khiến lầm lượng mà chấp ác. Nếu xét rộng, suy nghĩ sâu, quyết giải thích nghi thì mê lầm hết. Cúi xin cha lành vô thượng, Thế hùng ở mười phương lời không đâu chẳng thật, lòng từ không đâu chẳng khắp, tướng không đâu chẳng lìa, nhìn không đâu chẳng khắp, đức không đâu chẳng cùng, lỗi không đâu chẳng bỏ, thiện không đâu chẳng khuyên ác không đâu chẳng ngăn, dùng hương thoa không mừng, lấy dao cắt không giận, không thương người thuận chẳng ghét kẻ nghịch, phước tuệ viên mãn mà chẳng dư, phiền não cạn sạch mà không đầu mối. Cứu lỗi chìm đắm ở ba cõi, mở bày sự đui điếc của bốn loài. Có không đều chiếu để giúp nhau, chân tục hội thông mà gồm nêu, lường bệnh mà cho thuốc, không thể trong nghịch mà riêng ở, như sóng Phương Đẳng Nhất thừa, như tột tuệ Thánh tám bộ, đầu tiên Đại thừa đâu không nói rộng lợi ích của thọ trì (nhận hiểu và hành trì), sâu bày lỗi của hủy báng.

Kinh lại nói rằng: “Tin sâu nhân quả không hủy báng Đại thừa”, đâu cho rằng lý Đại thừa đều không có nhân quả ư? Chấp tướng mà làm lành thì điều lành chưa tinh thuần, chấp tướng mà dứt ác thì dứt rồi lại sinh. Nếu ngộ tánh thiện vắng lặng mà không làm, nếu rõ thể ác trống rỗng mà chẳng dứt là khiến ba chướng hằng nêu mà vắng lặng, nhóm mây muôn đức mà rải khắp. Trí tuệ như biển không thể rót vào một vỏ sò. Đạo hơn người trời đâu được dùng ống trúc một tấc mà đo, mà dụ với gốc cây trọc, so với người ngu độn, không phải lầm hay sao?

Nói không mà buông lung tình, chẳng thể không có khổ. Bệnh tật đau đớn thì ngủ không yên, dao cắt bị thương thì thân thể không hoàn

toàn. Suốt ngày không ăn thì chịu đói, không may áo thì mùa Đông bị khổ lạnh. Nhưng nghiệp gây ra khổ đâu thể xem thường mà không tránh ư? Năm phước cùng sáu cực, nhân tình chẳng thể đồng, cho nên ở cùng tột mà suy nghĩ cho hiểu suốt, ở chỗ nguy mà cầu an, bệnh bướu cổ mà xin lành, ở chỗ buồn rầu mà muốn vui, ưa thọ mà kỵ yểu. Vinh hoa hưởng lộc mà hổ thẹn hình tàn tật. Thêm vui tươi thì mừng cười, khổ đến thì buồn than, đâu được hùa theo thiện ác mà không tu nhân phước ư?

Xem muôn họ bẩm thọ khác nhau, là ngàn muôn khác nhau, hoặc so thượng thọ có dư, hoặc sánh chết yểu không bằng. Hoặc mặc áo đơn vải thô mà không việc gì, hoặc mặc áo kép mà lạnh lại vào. Hoặc nhờ cỏ đất mà được an hòa, hoặc ở giường mền mà gió lạnh. Hoặc không trị mà tự lành, hoặc tuy có trị mà không khỏi. Hoặc không chú thuật mà thân thể mạnh khỏe, hoặc khéo nhiếp mà bệnh nặng đến. Bên ngoài thân đều có da tóc, mà bên trong phủ tạng khác nhau, đều chứa đủ máu huyết, bao thịt và gân vận chuyển, xương cốt chống đỡ, sao lại một người thọ một người yếu, sao người mập mạnh, người ốm gầy. Bẩm linh gì mà riêng thật, thọ khí gì mà lại hư? Hư không chẳng riêng xuống trần mà làm thể. Thật đâu riêng vàng đá để làm thân, chưa hẳn người thọ lâu là có y thuật, tuổi ngắn là không có sách thuốc. Đâu cho là chuyên do nhiếp dưỡng chứ không do nghiệp ư?

Cũng có bào thai yểu mạng, trẻ em bị bệnh nặng, mừng giận chưa tranh, ham dục chưa mở, chưa chạm lạnh nóng, chưa hủy nơi bi ai, thọ mạng do đâu mà yểu, tật bệnh từ đâu mà lại, thì kia sở dĩ là vậy, đâu chẳng do nghiệp đời trước ư? Còn như hai vua Chiêu, Ai nhà Hán, hai chúa Văn, Minh nhà Ngụy, hoặc chưa ba lần chín mà lên xa, hoặc chỉ năm tám lần mà tổn đời. Thuật nhân nhóm họp, chỉ đến linh của họ Lý, người các nơi như rừng không cứu được cái chết của Thương Thư. Quân vương không thiếu gì thuốc, thầy phù thủy đâu giấu kín nghề, há dừng bệnh mà phí tổn hại, đâu lại năm ngắn mà không nối tiếp, chẳng phải theo nghiệp mà cảm báo, chẳng phải đạo chỗ giúp chú thuật?

Nhưng kinh khen công thí thuốc, Phật tán thán đức y vương, Khổng Tử, Công Minh dè dặt phép bệnh, Lão Tử có phép tắc nhiếp sinh. Người không tin nghiệp đã là mê, không thuận thầy thuốc cũng là lầm, hay cỏ cạn sâu của nhân quả, bèn giải thích được chỗ thông bít của thuốc hay, có thể dùng trí tuệ để nghiên cứu khó dủ nơi Hàn, Mặc. Còn như Công Minh tôn sùng Biển Thước, trừ bệnh nặng lâu ngày khó chữa, Quách Phác ở Hà đông, Hoa Tha ở quận Tiều, Ngô Phổ ở Quảng Lăng, Phàn

A ở Bành Thành, hoặc trừ dữ làm lành, hoặc ngăn bệnh làm lành mạnh, đâu được không tin y thuật có lợi ích. Nhưng Cảnh Thuần biết ngày gia hình mà không thể khiến hình phạt đừng đến mình. Công Minh biết tuổi thọ hết mà không thể kéo dài thêm. Biển Thước, Hoa Đà không thể làm cho người thân của mình không chết, Ngô Phổ, Phàn A không thể khiến bản thân sống hoài, đâu được không tin thọ yểu là do nghiệp. Thầy thuốc do nghiệp mà gặp, thuốc uống nương duyên mà nhóm, thầy thuốc thật có công, thuốc uống chẳng phải không chấp. Bệnh quyết chết, dẫu là bậc Thánh cũng đâu thể trị hết. Bệnh có thể trị, đợi thầy thuốc mới lành. Hồn do nghiệp đến, thì Cương Hộ gặp thuốc sống lại, mạng do nghiệp mà chết thì Thánh y làm một áo quan mà chôn, mạng mà thọ thì sửa cho thể yểu đâu khổ được. Tùy gặp thân đẹp đẽ hay xấu xí, bị ung thư, ngàn phẩm muôn mối đều là nghiệp làm chính, ba cõi sáu đường theo nghiệp mà đến ở. Trăm cỏ vô tình cho nên đẹp xấu chẳng quan hệ gì đến nghiệp báo. Bốn loài có mạng thì nhân duyên khác với cỏ cây. Búa rìu chặt, cây không kinh động. Dao gậy đánh người sợ hãi. Trái bầu treo mà không ăn, cánh lông ăn mà chạy vội, so với hữu tình không biết đâu chẳng đồng loại dẫn dụ.

Lược bàn có hay không dẫn dắt do tâm nghiệp. Trước vả lại ca hát kia sống thường, nay thì chỉ bày chánh pháp. Tiểu thừa cho y báo là nghiệp có, Đại thừa cho muôn cảnh là do thức tạo ra, tùy nghiệp huyễn mà tạo lập trời đất, theo vọng tâm mà hiện cỏ thức. Nếu mắt bệnh lòa thấy hoa đốm trong hư không, ngủ thấy mộng hiện sống già. Nếu ngộ tâm nghiệp thì chỉ nghe đạo Phật, xưa nay Tiểu thừa và Đại thừa như tiểu học với đại học, nhỏ chỉ dạy thơ kế, lớn rộng dạy lễ nhạc, ban đầu mê muội như lông trâu, cuối cùng xuất sắc giỏi hơn người như sừng con lân, đây chính là thứ lớp dạy dỗ, há có đồng khác để phân chia. Bởi căn cơ chúng sinh có lợi có độn, cho nên bậc Thánh lập giáo có tiệm có đốn, hoặc có ra cạn sâu, hoặc tiến chia gang tấc. Dẫu là trăm lo mà chỉ một mối, chẳng khác đạo mà luận bàn trái nhau, bèn có chấp cửa không để ngược giáo pháp, bàn Đại thừa mà chê tiểu, Phật không sai sót với chúng sinh, vì chúng sinh tự không rõ, thí như nhà tối không đèn, như đi đêm chưa sáng, cho nên tước đoạt nhau ồn ào, tranh phải quấy nhốn nháo, đâu khác gì lượm hoa sen trên ngọn cây, tìm Ngô, Sở ở Yến, Triệu không phải là lầm lắm hay sao?

Một nước không dùng hòa canh, một cây không tạo thành nhà, một áo không xứng các thân, một vị thuốc không trị bệnh chết một chỉ màu không thể thêu đẹp được, một âm thinh không thể hòa đều cầm,

sắc, một lời không nói khuyên hết các điều lành, một giới không đủ để ngăn nhiều lỗi, đâu được quái lạ ở sự khác nhau giữa đốn tiệm, khiến cho pháp môn chuyên nhất, nhiều phẩm của pháp môn như công khác nhau của dược thạch, cứu lạnh lấy ôn cho người làm dụng, bỏ nóng thì thuốc lạnh nên dồi dào, hoặc đặc biệt nên ở chỗ ngự ẩm thấp, hoặc riêng cần dứt gió. Không thể đồng bệnh mà khác thuốc, không thể bệnh khác mà thuốc giống. Nếu giữ gốc cây mà quyết ngăn chặn, có thể hiểu biến mà sau thông, đâu được câu nệ một đường mà tước đoạt nhau, khởi chiến tranh ở trong ấy.

Nhân quả ba đời Phật không dối gạt, mười phương khuyên giới nghe phải không nghi. Khuyên đó nên tu, giới ấy nên xa, ép chỗ ham mê của phàm tình, hành sở nguyện của thánh trí, đâu được trái kinh luận đã nói, lấy bụng ngực mà đoán, cho rằng thiện ác đều không, chẳng lợi cũng không tổn. Pháp nhãn rõ suốt không pháp nào chẳng xong. Tướng lưỡi rộng dài lời đều thành thật. Chiết phục có thì một sợi lông là muôn vật, đồng không thì muôn tượng đều là một. Ngăn lỗi sinh ra đoạn thường, gồm có không để dứt bệnh. Diệu lý Bồ-đề thật rất sâu xa mà kín nhặt, nhàm trần lao cầu tuệ giải thoát, phải cẩn thận không nên buông lung. Chẳng là thành quyết sẽ dữ, thuận đạo trọn sẽ lành, chớ cho là không tin có như ánh sáng mặt trời.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 15

THIÊN THỨ BA: PHẬT ĐỨC (PHẦN 1)

Tựa rằng: Nhờ kẻ tục làm ngạnh, khéo léo nương ghe, lớn hơn thầy gọi là vua, cho nên vua là vãng (xưa), như chốn quy về của biển là trăm sông, chấp hiệu vua dụ ở đây. Nhưng nói chung vua là ước duyên nhiều, sự lý chia hai, nêu cốt yếu chỉ có hai: Ban đầu rõ sự, thứ hai rõ lý. Cho nên rõ sự, vua thì có vua loài người, vua cõi trời. Hạnh hóa ở sự, sự dừng ở thân, thân tồn tại mà hóa hạnh, thân diệt thì hóa dứt. Đây thì chấp ngoài thân mà không suy nghĩ thức bên trong, nên gọi hóa kia là ngoại giáo. Hai cho là rõ lý thì vua pháp là Phật giác, hành hóa nơi lý, lý ở nơi tâm, tâm tồn tại mà làm hóa, tưởng diệt mà cảnh dứt. Đây thì nghiệm tâm kia mà không duyên cảnh ngoài, nên gọi hóa kia là nội giáo. Cho nên hậu thân mà sinh, sinh sinh không cùng, tổn sinh bỏ tình, tình quên chiếu tịch. Dù cho giáo của tồn hình muôn nước đồng nghi thức, thì thuật luyện tâm của ngàn Thánh đồng là một, đây thì hai giáo đạo tục ra, vào, lên, xuống. Tục thì vào có chìm hình sáu đường dùng đó làm liên tục. Đạo thì ra không mà lên ngôi vị ba thánh từ đây xướng rõ.

Từ khi chánh đạo truyền đến đông độ, hơn sáu trăm năm, đạo Phật nhờ từ tin mà tín đồ chẳng phải một. Riêng cứu giúp bạo ngược mà hãm hại Tăng, đập tượng Phật hai ba chỗ. Rõ sau trọng đạo thì chùa tháp sùng cây cũng đông. Còn như vua Ngô rõ Phật thánh hiểu chỗ quay về của người trời, vua nhà Tống nêu đức của Phật là chỗ tôn dùng của triều hiền, còn những người mê muội khác thì không nói cho xiết. Cho nên bài tựa hiện dấu vết điềm lành, lại thuật tụng đức đầy đủ, tùy loại xem qua đâu không rõ bày tâm tánh ư?

Lời tựa đầu Hoằng Minh Tập của đời Lương, bài tựa về đức mục của Phật.

Tấn Tông Bính Minh Phật Luận.

Tổng mục thiên "Đức của Phật" ở Quảng Hoằng Minh Tập đời

Đại Đường, quyển mười lăm.

- Nhà Tấn, Sa-môn Chi Đạo Lâm khen tượng Phật, Bồ-tát.
- Nhà Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn chép ảnh hưởng của Phật.
- Nhà Tống, quan Thị trung Tạ Linh Vận chép bài khen Phật pháp.
- Nhà Lương, Thẩm Ước làm bài tựa Phật ký.
- Nhà Tấn về sau chép tướng tượng Phật cảm ứng.
- Nhà Lương, Cao Tổ nêu ra chiếu “Xá-lợi Dục Vương”.
- Nhà Lương, Tấn An “Bồ-đề Thọ Tụng”.
- Nhà Lương, Giản Văn Xương Đạo làm mười bài “Phật Đức Văn”.
- Nhà Lương, Giản Văn làm “Tạ Phật Sự Khải” mười bài.
- Nhà Lương, Thẩm Ước làm “Các Lục Chùa Phật Tượng Tháp” mười bài.
- Nhà Lương, Vương Tăng Nhụ làm “Xướng Đạo Phật Văn”.
- Nhà Lương, vua Cao Tổ ở trong nước lập tháp xá-lợi.

* Ban đầu của thiên “Phật đức” của bộ Quảng Hoằng Minh Tập.

- Khen tượng Phật Thích-ca, Bồ-tát v.v..., của Sa-môn Chi Đạo Lâm đời Tấn.
- “Phật Ảnh Minh” của Sa-môn Thích Tuệ Viễn, đời Tấn.
- “Phật Pháp Minh Tán” của quan Thị trung Tạ Linh Vận đời Tống.
- “Tựa Phật Ký” của Thẩm Ước đời Lương.
- “Phật Tượng Thụy Tập” của họ Thích ở núi Chung Nam đời Đường.
- Chiếu “Xuất Dục Vương Xá-lợi” của Cao Tổ Hoàng đế đời Lương.
- “Bồ-đề Thọ Tụng” của Tấn An Vương Túc Cương đời Lương.
- Nhà Lương, “Xướng Đạo Văn” của Túc Cương ở đất Phiên soạn.
- Văn thệ phát nguyện quy y Phật của Vương Tăng Nhụ, đời Lương.

Khen tượng Phật Thích-ca của Chi Đạo Lâm đời Tấn:

Đạo lập người nói nhân và nghĩa, nhưng nhân nghĩa có gốc gọi là đạo đức. Xưa Hy Chu chưa có hiệu Phật đại Thánh là Thái tử của vua Bạch Tịnh ở Thiên Trúc. Mẹ họ Tục, cha họ Cừu-đàm. Ngược lên linh trụ để nương, nhờ thông minh xinh đẹp, tiếng thơm lan xa, hấp thụ trung hòa mà đản sinh, bẩm thọ hạo nhiên của Bạch Tịnh, sinh ra từ hông bên phải. Còn nhỏ đã nói được, bao dung tước trời để không sang thêm, thật

khỏi lộc để chẳng cần là đủ, cho nên thường đêm cảnh giác trên ngôi vị, nghịch tế lữ sân tía, xót xa sầu muộn chứa trong cung mới dự định vượt ra bên ngoài, bỗng chốc mà cao vút trùm cả ngoại ô đồng trống, bốn cửa thành đều mở, ba lần xem xét bệnh khổ, gặp người nhẹ nhàng lời đẹp đẽ để khích phát, bèn cam tâm nhận mà không nghịch, hỏi thăm mưu kế lớn ở người có đạo, than thở chìm đắm ở đây, bèn rõ phát xa ra đi bồi hồi chốn thuyết nhàn, thoát ngôi báu nặng ở hoàng cung, mong không đợi để nhẹ gót, lột long bào đầy trang sức đổi áo thô gấp mấy lần của người trong núi sâu. Bạn bè đưa đến bờ rồi quay lại, Ngài dùng chí cao khiết chẳng giống như đá, đặt lòng nhân như núi, trải cỏ để ở, suy tâm lập thề, sửa sang mối hơi an ban, vận mười toán để chất tâm, đều vận tám ghi của bốn thẻ, theo hai tùy mà giàn tuần, dứt hai mé đưa rước, duyên diệu nhất ở đầu mũi, phát mờ tối của ba chỉ, rỗng suốt bốn quán mà hợp tan, năm ấm dời đổi nơi hoàng phủ, sáu tình trống rỗng nơi rừng vắng, để nguội năm lửa dục ở trong, khuếch rộng tâm chính đại, rửa Bát-nhã để tấn đức, ẩn thất trụ mà thêm nhiệm mầu.

Tìm minh ngư ở sáu tuyệt, răng thỏ đứng mà bỏ nơm rộng chừa nhóm trong muôn kiếp, đồng sinh biết ngay năm ấy. Che đậy trược để tự tiện chói lọi. Tế sáu Phật mà nhỏ truyền, y cứ to lớn trượng sáu, thân thể mang đầy ánh sáng, mở độ Trung Huỳnh, sắc đẹp hơn vàng ròng, vận động lên tận trời, qua lại thản nhiên. Tám âm vang xa, khỏi dự bày vỏ đẹp, nhiệm mầu xem chưa có điềm thì cao tuyệt sáu ngôi, bày thành nổi tiếng thì hóa thạnh năm ba chỗ. Xung lượng rộng nơi thái hư, Thần che trùm lưỡng nghi, dón gọn đợi thành thể, thái hòa dự định mà gọi là tốt đẹp. Cỏ thi tròn, tượng kia thần vắng lặng. Quẻ vuông, pháp kia trí trùm hết, chiếu nhóm sự giúp đỡ lưu giữ điềm lành nguyên túc mạng để chế tắc, hoặc giềng mối thì dùng đức nghĩa, hoặc đục chạm thì dùng gió mạnh, hình bóng loáng như ngày mới, trông mong nhiệm mầu đứng đầu ở vô tận. Thực hiện trăm lần luyện để đến chỗ thuần túy, dẫn dắt chúng sinh quay về tâm tôn, nhổ ngoại kiến của Nghiêu Khổng, dặn dò tám ức dùng lời tột, che trùm gò cao để khởi kinh điển, thâu nhặt ba không của đạo hạnh, bọc Đam Chu lại để hội sự nhiệm mầu, thần hóa nổi tiếng ở Tây Vức. Ánh nắng ban mai lên cao làm hang tạnh ráo, dân trông mong kính mến mà khởi hạnh, giống như khúc diệu ở cung thương là đúng thời.

Kính mến Hy Phong xa tít, thần gởi Trác tuyệt ở Hoàng Hiên, Uất Thái Xung Hán ở Châu Đường, khen ngợi có dư ở Trâu Lỗ. Tin có thể cho là đều lãnh hội thần hóa, khuôn phép của vua chúa. Năm càng

buông lung tâm mất dần dấu vết Nê-hoàn, hễ đến người lúc làm lúc nghỉ, hoặc ẩn đây hiển kia, dấu vết bặt ở cõi nhẫn, thầm trở về Duy-vệ. Kẻ tục vâng theo thường cho là kỳ lạ, vốn dùng còn mất mà bao gồm, còn như tánh linh giác, ba cõi thuần túy, rộng như sông nghiêng, đổ ào như trời sụp, dân đen cùng đêm dài đồng tối tăm, dòng khô cùng bến cạn đều thiếu. Sáu độ cùng lở núi đều mất cả, ba thừa cùng dứt trục mở cương, đệ tử khóc ra máu mà tâm tán, trăm sinh linh đau buồn mà đều sợ. Đạo cao ứng thấp, nhân tuần hoàn chính thân khen, cho nên không cầu khóc mà khóc, đâu chẳng phải gồm quên thiên hạ dễ khiến gồm quên. Nạn linh phong truyền trùm khắp đất trời, lịch số cuối cùng ở huyện Xích, sau chết cho nên cùng nghe, kính mến thần nghi mà việc dứt cả ngàn năm. Kỳ Hoàn đã phiêu lạc, thọ vương cuối cùng cũng hoang vu, đạo tan người mất thời cũng rồi. Chạy trốn do bất tài, vâng theo mưu kế lớn, đuổi theo ánh sáng ban mai mà không kịp, dựa cây dâu mà chưa lên, thần rong ruổi ở nguyện xưa nói lại khâm phục, bèn viện bút khởi thuật xưa nên suy nghĩ xa. Kia nói rằng: "Thái Thượng đã đi xa".

Có Đường Thống Thiên, Khổng Diệt Nhân Chu, Lư ba truyện nói Đức Thích-ca là Duy Đế trước ứng đây làm sự uyên thâm. Hóa dung ở Trúc Càn, giao tiếp nuôi dưỡng điềm nhiên, rửa giặt thuần túy lên đầu nguồn, đi xa phép tắc của vua chúa ở đời, lãnh tông trung huyền, rõ ràng mưu mô lớn, dựng lên sự tài giỏi viên linh, cao lớn như Côn Nhạc, lượng trùm thái thanh, thái tượng ít dòm mà kia tròn sáng. Huyền âm ít học, văn dùng tám tiếng, đuốc tuệ sáng rỡ, cây đèn ngã trong đêm xa, người kính ngưỡng nó sáng chứ ai biết cái tối kia. Trông ráng chiều thì cũng là bến mây, oai dương bày mùa hạ, ôn nhu trải mùa xuân. So đồ dùng hình, cơ cao do thần, cuốn thì khói diệt, vọt lên cũng là rồng duỗi mình, cổ vũ ghe rạch linh khí chỉ có mới, ai cùng làm đây, riêng vận hành vòng xoay đồ gốm, ba không trung huyền, tám ức đưa xa, hai bộ đã rộng mở, hai bút chỉ một sách, nạp đầy để có tâm kỳ lạ, thản nhiên để đơn giản dón gọn, cất các thứ vào hòm giấu đi, là đó khiến điều lành có thể khéo nhân lành, bèn giảng nói, đến nỗi còn nói tánh há y theo mở mang. Mặt trời mặt trăng sáng rỡ, hiển tối cùng khắp, sống như mây mù rối rắm, mập mờ đến tảng sáng, đến người toàn hóa, dấu vết theo đời mất giả gọi là Nê-hoàn, nói cáo nói quy dời gió trời đất, chứa cỏ thơm trong cửa đỏ, tượng võng không còn, ai cùng ngộ cơ, gương tâm nương bút ngõ hầu gặp sáng tối.

Khen tượng Phật A-di-đà:

Phàm ngoài trời đất sách vở chẳng bằng kịp. Thần đạo trái đời há

ý người suy lường được, cho nên nói rằng: Chỗ biết của người chẳng như chỗ không biết, mỗi khi ở thường liền muốn đem chỗ không thể thấy mà dứt chỗ chưa thể rõ, cho nên khiến ếch đáy giếng có sự khoe khoang nhà trũng, dựa Di có khoe khoang nước mùa thu, cho nên mù mịt.

Tôi dạo ở phương lớn, tâm mệt mỏi mà không hận nhân do yên nhân, lại trình bày các sự đẹp đẽ kỳ lạ. Kinh Phật ghi ở phương Tây có cõi nước tên là An Dưỡng xa tít mù xa trải qua đường xa hằng sa thảy đều đời người, không thể dạo ở biên cương kia mà chẳng phải không có người đến mau, đâu thể gây ra sự mau kia. Đức Phật ở cõi kia hiệu là A-di-đà, tiếng đời Tấn gọi là Vô Lượng Thọ. Nước không có vua và tước quan, chỉ có Phật làm vua, ba thừa làm giáo, nam nữ đều hóa sinh trong hoa sen, không có dơ uế của bào thai. Lầu gác cung điện đều bằng bảy chất báu, đều tự nhiên tạo thành chứ không do người xây dựng. Vườn tược ao hồ cỏ hoa rậm rạp, tốt tươi kỳ lạ. Bay lên chìm xuống trời khỏi đầm sâu, chết ở bẫy thú mà dùng chân, kêu đóng cửa không có cánh ở Hoàn Lâm, âm vang tiếng ngọc từ giai điệu ống sáo, khoảng trời hư không hoa rơi xuống để đậy cảnh thần gió quét, cho nên nhận mới, cam lồ hoa nhiệm mầu dùng rượu ngon giúp gió tuệ, đạo đức vang xa, thánh âm cảm ứng như sấm vang, đầu tuệ mây giăng mà xầm xập trong xanh. Học văn co lại mà quí lời. Chân nhân thần tôn, bỏ sự quen lờn mà lưu xuất nhiệm mầu, nên các sự mầu nhiệm mở rộng từ đây.

Thần hóa sở dĩ mở mang truyền bá riêng có kinh chép. Do sự ghi chép tốt đẹp kia nói rằng: Đây là đời ngũ vị của nước Tấn, có thờ chánh giới của Phật, đọc tụng kinh A-di-đà, thể sinh về cõi kia, không suy phế người thành tâm. Lúc qua đời tánh linh hóa sinh cõi ấy, gặp Phật, thần liễu ngộ liền chứng đạo. Tuần sinh chưa dấu, thêm tham gia tàn tích, đuổi tâm ở thần quốc, chẳng phải điều dám mong, bèn nhờ người thợ vẽ tượng thần để chiêm ngưỡng cao nghi, do tư chất như trời, ca vịnh không đủ, bèn dùng lời tụng nhiệm mầu, lời kia nói rằng:

Đạo vua cai trị bên ngoài, đạo thần dẹp yên bên trong. Vua mà Chánh giác thì gồm tông sư. Bình tên thương xót chói lọi trong thất bại dáng dấp ưu tú, ba đạt bình yên bày cảnh vàng mới, đường dài dần đặt trở về nơi thần hóa, ngộ cơ cảm ứng, năm độ đều thao tác, sáu tuệ nghiên cứu kỹ, có không đồng hình trạng, cửa màu rộng mở, ca vịnh sẵn có tinh nghĩa thuận thần, nhiệm mầu mênh mang, ba thừa đông đúc, vì giấu điều bắt chước xưa, biết đến chỉ có mới, hai tài ai hàng, lãng trệ do người, tạo hóa trông coi bờ cõi, mây liên lụy núi cao, nhà tím sáng sớm đứng trơ trọi, nhà đẹp như rải sao. Cửa ngọc thông phương, tường vàng

mở góc. Buổi sáng bóng nghiêng, ráng buổi sáng sớm xinh đẹp, thần đê xen xa chín nguồn càng sâu, sóng không nơm mất, vảy ít mà mồi quá nhiều, đầm không có ai trông coi kinh sợ mong mỏi nhớ rừng, có khách bỏ chạy, mưa vùi tâm cơ, cam lồ ai hòa hiệp, lan huệ giúp hương thơm, hóa theo mây dày đặc, tục khởi gió mát, sum suê tiêu tán, gió mạnh quét sạch, rừng Quỳnh hòa vang tám âm thành văn, ngọc mân dao trắng tinh, hoa sen lúc rạng đông, dòng nước lóng trong tinh khiết, nhụy hoa rải hương thơm, ẩn núp dưới hoa sáng tối, chở sự sáng suốt bay đến, thai ở trong hoa sen, kết tinh thơm ngát, giống các phong hóa nhiệm mầu và lâu dài, vạn phép biến thành một, đồng về ngồi quên.

Mười một bài khen các vị Bồ-tát.

Khen Văn-thù-sư-lợi:

Đồng chân lãnh đạo màu, linh hóa thật vang xa, xưa giác ngộ loài rồng, nay thời mộng du phương, bỗng lòng nương thần lãng, bước cao Duy-na hưởng, bỏ đây mong yên bình sáng rõ như hư không, chạm loại khởi trong sạch, mắt chạm đều rỗng suốt. Phạm thiên Đế Thích phục gia hội, tà nhàn nhận dòng thơm.

Khen ngài Di-lặc:

Đại nhân làm nề nếp nhiệm mầu độ đời, yếu tan bay dời lên không, Sư thông giúp tự bỏ. Thích-ca lên chỗ u nhàn, Di-lặc nương thần đậu, Thiên Thánh Lục Tải Linh, nương trời nhân năm chín chỗ, rồng bay lên trời Đâu-suất trống pháp chấn động huyền cung, khỏi âm vang lanh lảnh ba ngàn, sáng loáng ngưng đọng xinh đẹp, kết thêm hoa sen sáng long lanh, ánh sáng lưa thưa trên cao mong khởi, tám âm xướng tự nhiên, trí thản nhiên thật may mắn nhiệm mầu, thấp thoáng ca ngâm lớp huyền diệu, vòng quanh bốn mươi chín lớp, ứng vận đến trong ngọc phan kéo bốn mươi tám vẻ đẹp đây sáng rực cỏ hoa vườn rừng, tiến lên tâu vết màu ba lần bày tỏ ở duyên xưa.

Khen Duy-ma-cật:

Thể Duy-ma, tánh thần. Giáo hóa đất Lăng cảm sân cỏ, không thể mà có khởi, trôi dạt vào hình danh, dân động thì ta bệnh, người ngộ khí ta an. Điềm nhiên, dao động đâu hình bóng, hình bóng ứng cơ tình, âm vận màu chở bậc thập triết bay lên ngạo bốn hoa, chết hẹn gặp nhu đầu tiên lên khen sinh tử.

Khen Bồ-tát Thiện Tử:

Hòa đón nhổ khí trong, ngay thẳng đây đời trọc, lên đài phát ca xuân, cao hứng mong vết xa, nương hư không cảm linh giác, chấn hưng

giềng mối phát đồng mông, ngoài thấy nhờ vắng vẻ rộng lớn, có không tự thầm đồng, quên cao nên không thấp tiêu điều trong vài nhận, nhân hoa xin không chấp, lấn hư không rải hoa sen, Năng Nhân mở câu màu "ngay sắc tự nhiên không", vết có không giao suốt, thầm biết không công soi, thần mong phát nơm ngộ, rỗng rang tự linh thông.

Khen Bồ-tát Pháp Tác:

Chính xưa có gia hội, ngày nay nhiều thần linh, Duy-ma phát vang sâu, xin đặt tên Bất Nhị, âm màu đem đến hòa, pháp làm đốc suất hữu tình, tiến lên vận tâm màu, lác đác âm khí trong, trần hai nêu phân chia, diệu một gởi vô sinh.

Khen Bồ-tát Hãn Đầu:

Hãn Đầu giúp chúng ta tạo lý nhân hai trống, trống hai tự được nhiệm mầu, võng tượng lại vào trần, lấy gì dứt dấu trần, quên nhất về bổn vô, hư không đồng chỗ nào quý không quý bèn thản nhiên vui vẻ.

Khen Bồ-tát Bất Thuấn:

Có ái sinh bốn vực, vực dụ đường đời dài, chưa bằng quán vô đắc, đức vật vật tự tịnh, vì sao hư không nghe vắng lặng, điềm nhiên trí mờ thần, bặt dấu đổi linh thê, có không chẳng chỗ mở rộng Bất Thuấn thầm hòa nhiệm mầu, gá tâm không hai cảnh.

Khen Bồ-tát Thiện Túc:

Gá tâm ở vong giác, có suy tư chẳng biết lý, sắc đến chìm vào hư không, âm vang ánh sáng sinh nên thương xót, gá tối tăm dạo chơi càng tối tăm, tối mất đối với bóng rơi xuống, ba cõi đều siêng cầu, Thiện Túc riêng dứt mất.

Khen Bồ-tát Thiện Đa:

Từ lớn để bước qua nhỏ, nhỏ cũng lại nhảy qua lớn, đã gọi là đại đạo, khiến ngoài tâm, hình, danh đều quên dứt xấu xa, thầm lặng hội nhiệm mầu, Thiện Đa thể xinh đẹp, vòi vọi ôm Thái sơn.

Khen Bồ-tát Thủ Lập:

Làm nhọc do không nhọc, cảm ứng không suy nghĩ, du nhiên không biết vui, vật thông chẳng ta giữ, hình lộn đồng sắc dục, suy nghĩ ai đến đó Gia hội nói chí màu Thủ Lập hẳn thể này.

Khen Đồng tử Nguyệt Quang:

Linh đồng yên thần lý, điềm nhiên hòa thuận tự mất nhau, rộng quy tắc xót thương thế tục hôn mê mờ tối, thống thể xưng Nguyệt Quang, tâm làm uẩn lưỡng nghi, dấu vết là dòng nước mềm mại dưới cầu, xinh đẹp tài giỏi ở Càn Trúc, tên vang huyện xích thần hóa trái lưới tục, lưới màu trùm mọi nơi, gò cao nhóm bày bệnh nặng, khu xa may mắn có nhà

ngọc, cấp dẫn khởi có đối đãi, thầm quy về trước vô tận, giấu cánh ở lại non cao, gần gió mạnh gởi hương thơm.

Bài minh về bóng Phật:

- Nhà Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn soạn.

Phật Ảnh nay ở trong thất đá Cổ Tiên ở núi Nam Sơn, nước Tây-na-ca-ha-la, qua sa mạc theo đường tắt cách đây một muôn năm ngàn tám trăm năm mươi dặm, cảm đời ứng ra rõ ràng ghi ở trước.

Hễ dính mắc nơi cận tập thì không hiểu điều ít nghe ở đời. Vỗ về thường ngày, ít nhớ việc cảm ở ngoài, là khiến trần tưởng chế ở huyền khâm thiên la võng, thần lự kia nếu cho đó cùng năm thì đời nay đâu có gặp, cho đó mong tâm thì mở suốt chẳng phải thời kỳ, vì thế phát giận quên ăn ngủ, tình trăm tức giận kia ở chỗ vắng vẻ yên tịnh, lý khế hợp tâm kia, ông bèn suy nghĩ ân huệ thấm nhuần của chín trạch, lòng từ vô duyên của ba phục, nhiệm mầu ứng hóa của Pháp thân. Do thần thông lời nói là hóa, hóa không có sở cảm, từ không sở duyên thầm ôm tự đắc, thí như mặt trời mặt trăng ở bầu trời xán lạn thì ánh sáng càng rạng rỡ. Chúng sinh vinh quang sáng sủa, hữu tình đồng thuận, hoặc mừng ánh sáng treo cao ở mình, võng thức thành điều kỳ lạ, bàn vật nhiệm mầu công quy hết ở đây, định muốn soạn thảo điều tối cực để nói đạo kia phảng phất còn, mà không thể bàn thì nhờ đâu rõ đạo? Pháp thân chở vật, không mỗi vật mà cả triệu đầu mối kia, không vẽ trọn mà hội thành. Lý mầu nhiệm ở biểu ngoài của vạn hóa thường dứt ở vô danh. Nếu chính lời gởi nơm kia thì đạo không đâu chẳng ở đây, cho nên Như Lai hoặc ẩn vết trước để sùng hưng nền tảng, hoặc hiển đường sống mà định thể, hoặc riêng phát ở cảnh mò tìm, hoặc đợi nhau ở trường đã có, riêng phát loại ở hình, đợi nhau loại ở bóng, suy ra thầm gởi là có đối đãi? Hay không có đối đãi? Từ ta mà quán thì hữu gián mà vô gián.

Cầu pháp thân vốn không hai mối, chia hình bóng thuần thục mé đó ư? Không ngộ linh ứng ở đây, luống biết viên hóa chẳng phải hình mà động dừng mới là dấu vết kia, há không phải xằng bậy ư? Viễn tôi xưa thường hầu hạ Tiên sư nhiều năm, tuy mong cầu lời răn dạy từ bi, chí nương sách màu thường tưởng nghe điều kỳ lạ để đốc suất sự thành thật kia, gặp Sa-môn Tây Vức ngay bữa cơm nói du phương, cho nên biết có bóng Phật, mà người truyền còn chưa rõ ràng. Đến ở núi này gặp Thiền sư Kế Tân và Luật học Đạo sĩ nước Nam, đồng với chỗ nghe lúc xưa, đều là người kia đã xem qua kinh, do đó hỏi rõ mới có nhiều điều biết trước. Rồi sau nghiệm thần đạo không có mới chạm tượng mà

gởi, trăm lo gặp gỡ chẳng phải chỗ cảm ứng nhất thời, vì vậy ngộ suốt kia ứng thật, rất đáng tin, toan dắt dẫn đồng khế phát chân thú kia, nên cùng các bậc hiền tùy hỷ mà viết bài minh.

Khuếch là rộng lớn, lý màu không có tên, thể thần nhập hóa, lạc bóng lìa hình, xoay lại sáng tầng núi cao, ngưng đọng rực rỡ ở hư không, ở tối không mê, chỗ sáng càng thêm sáng, khéo léo như con ve lột xác. Triều tông trăm linh, ứng không đồng phương, bặt dấu vết mà thăm thẳm, mênh mông hoang vu, không khen ngợi không khuyến khích, bàn lui không tả dung mạo, chùi không trung truyền tượng, tướng đủ thể nhỏ, xinh đẹp tự sáng, lông trắng tuôn ánh sáng đẹp, trong đêm tối chợt sáng rỡ, cảm thành bèn ứng, hòa thành phát tiếng, lưu âm dừng núi, bốn ngộ thầm thưởng, vỗ về có hội, công phí do loại bỏ, xoay gót quên kính, quên lọ quên biết, che ánh sáng ba quang (mặt trời mặt trăng và sao), muôn tượng một sắc, sân nhà rậm rạp tối tăm, đường về chớ suy lường. Ngộ đó dùng tịnh, chấn thì dùng sức, gió tuệ tuy xa, chỉ có trần dứt, chẳng có y huyền giám, ai quạt tột kia. Mong âm vang xa, bèn quan tâm đến hướng Đông, ưa gió mộ đạo, ngưỡng mộ phép tắc huyền độ, tột nhiệm mầu điềm lành sợi lông trắng, chở chuyên nhẹ nhàng trắng sạch, nhờ vẽ màu luống ngưng, đợi ánh sáng mặt trời tiêu mây mù. Dấu vết do tượng chân, lý sâu đến kỳ thú, mở áo kỳ lạ rõ gió dẫn đường, hơi trong mát về hiên nhà, sáng tối giao nhau mà chưa rạng sáng phảng phất cảnh thần nghi, mang máng như thật gặp. Chép đó vẽ đó, làm gì cầu gì, thần đó nghe đó, soi xét ông chỗ tu, chẳng phải phép trần này, sáng rỡ dòng huyền diệu kia, thấu tình linh chiếu, uống hòa đến nhu, chiếu hư không ứng giản, trí lạc bàn trùm khắp, rất nhớ thầm gá tiêu tưởng thần dạo đi, xong mạng một đời, dứt bỏ trăm lo.

Ngày mồng một tháng năm năm Nhâm tý, nhằm năm thứ tám niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn cùng lập đài này, phát thảo tượng núi này, do đó liền cho gởi thành. Tuy thành do thợ mà không công thì không chỗ giúp thêm. Đến năm kế ghi sao, xích phân như gò lớn Trinh Vu, Thái Âm. Ngày mồng ba tháng chín bèn rõ xem xét ghi riêng chép trên bia đá, từ kinh ban đầu trăm người thành kia, đạo tục vui mừng cảm ứng dấu vết để vui tâm, vì thế do bổn ứng sự quên nhọc nhằn. Vào lúc khách múa phất trần nghiệm đâu đồng ca, hoặc ưa viễn du gá tường nghe lạ, ngõ hầu đến trọng pháp của bậc Hiền, cho nên đủ thời người ở hội ảnh nhóm đại thông, thật phi lý ở đây, đến khi đứng lâu tấm lòng xa khẳng khái vốn đã vượt cảnh thần.

Bài tựa khen kim tượng trượng sáu của Tương Dương đời Tấn:

Nhân Thích Hòa thượng làm tượng cao trượng sáu.

Xưa Phật giáng linh ở Thiên Trúc, thác hóa sinh vào cung vua ở thượng quốc, hiển tích trọng thầm khai mở đường thần, sáng rỡ vũ trụ, sáng nhà đại thiên, muôn dòng lóng nguồn tròn sáng không chủ, giác đạo ngưng đọng chiếu soi. Vì vậy trái biến hóa để động mọi người mà tâm xấu quần tà bước nửa bước thần để cảm thời các nghi đồng giải thích. Huyền vận pháp luân ba thừa đều theo dấu, đạo đời giao nhau, trời người mộng, tịnh âm đã xướng, tiếng dội vang xa, gió kín quạt xa sinh thiện giáo, cuối năm nương ngàn lễ cúng luống mừng đại hóa mà chuyên chở hội kia. Sa-môn Phất Hoạch Khấu Tân phát minh rất sâu, thần ma vọng lượng ăn mặc đều nói đến, dẫu khâm phục mà vị trần bị gió đạo thổi ra xa tít, dừng chân khỏi bước vì dấu nhiệm mầu đã xa. Mỗi khi mong tưởng ánh sáng mặt trời phảng phất dung nghi, thức ngủ đều mong nhớ như hình ở tâm mắt, thầm ứng có ngày, u tình chớ phát, khẳng khái tự thương tiếc, bi giận chẳng gởi, bèn xa thế trăm niệm dè dặt suy nghĩ kính mến, bèn thuật tám vua cảm đồng chí, hồn giao trong mộng mà tình ngộ ở trong, ra lệnh môn nhân đúc tượng đó. Hình lý tuy có khác nhau, bậc cấp có thứ lớp, tinh thô thanh khác ngộ cũng có nhân, cho nên phát thảo hình trạng khuôn mẫu, mở tâm khác bến, nghi hình thần mở ra hội trăm lo, khiến nhớ người xa, triệu huyền căn ở đời sau, còn người gần tạo duyên sâu dày nhiều kiếp. Bèn đường phước gồm rộng dấu vết chân thật đáng bước theo. Ba nguồn ngược dòng, chín thần đồng vực.

Bấy giờ bốn bọn vui mừng, đạo tục thích thú, dấu vết và âm vang hòa ứng như rừng, khuôn đúc có cùng nhà trống mà người đến giúp không mảy may làm trắc trở, khuyên giúp có siêng năng nhiều kiếp, mà người làm việc không cho là tối tăm mệt nhọc. Vì mọi người tín nhiệm có thể không phải một ngày mà thành, công ở nơi người mà việc thành còn ở nơi trời. Phàm rõ chí chớ như lời, tuyên đức chớ như tụng, cho nên chí dùng lời rõ mà công nghiệp có thể còn, đức do tụng tuyên mà hình dung có thể giống, chẳng lời chẳng tụng thì lấy gì làm đẹp. Bèn làm bài tụng rằng:

Đường đường thầy trời,
Rõ ràng đường xa.
Vượt bầy thẳng đàn,
Rõ hơn ngộ trước.
Tuệ ở hư không,

Khéo chẳng dùng số.
Cảm thời mà khởi,
Ứng thế thành việc.
Mặt trời phát sáng,
Tướng lạ rõ bày.
Nghiêm túc linh nghi,
Vòi vọi bước thần.
Mênh mang tạo vật,
Vận màu thầm truyền.
Lớn thay Thích-ca,
Cùng hóa đổi dời.
Tịnh, im như vực,
Động thì trời theo.
Dằng dặc xa khơi,
Gắng gỗ buộc dài.
Ngược tông không tượng,
Ẩn sáng lìa bóng.
Kính mến ngàn năm,
Là nghĩ là nghi.

Khen tượng Văn-thù của Tấn An đời Ân:

Văn-thù sâu sắc uyên thâm cách thức rực rỡ ngạt tiếng, tham cứu nhiệm mầu phát sáng rỡ, lên đường hoài nhớ tài hoa, lanh lãnh ba đạt. Như ánh sáng mặt trời, gắng gỏi thần thông, tại biến y hình, toan mở rộng hằng sa, đúc nấn chúng sinh, gió chân mờ mịt, ngàn lần tế càng linh, suy nghĩ tông thông minh xinh đẹp, nói mớ thần thành, tuyệt dứt trần riêng dừng chúc tưởng quá mờ tối.

Khen tượng Văn-thù-sư-lợi:

Văn-thù-sư-lợi là Bồ-tát du phương, do lìa cấu mà có tên gọi này, chẳng phải hiệu đó có trước. Vốn gọi là sinh cái chí đạo khởi mạo kia, sao lại luống dẫn tánh bày ở năm đức, nêu phép đời ở đồng chân, gồm gió tục dời thì cảm thời ở sách vở, cho nên nói là “Nho Đầu”, lại dùng Pháp Vương Tử làm tên.

Muốn cùng sự uyên thâm sâu sắc kia quyết trước giữ sự rất sâu kia trọn nơi xa xưa, há ngôn tương có thể tột được, cả kiếp cũng khó đếm hết, công cao nhóm bụi, thong thả xa rộng, có thể là nói xin lược bày cái tổng kia. Nếu người ban đầu đưa ra. Từ giáp trụ của vua tôn hiệu là Pháp vương, tâm vô thượng là điềm riêng ngộ, phát ra trong đó

cảm không đâu chẳng do người khác, gần đài gặp chánh giác mà trong ngọc linh sáng rỡ, cảnh huyền chưa dời bèn vượt lên vị đạo, vì vậy gốc sâu hằng tạo ở xung phong điều cánh thần, cán rìu mà đồng mậu, khí từ bi cùng gió tuệ đều quạt, rõ ba đạt cùng mặt trời mặt trăng và ánh sáng, đủ thể mà nhỏ nhiệm, vốn dĩ công bằng pháp thân.

Nếu chính thiên cơ toan chở tức thần thông là nhà ở, viên ứng thầm hội, dùng không tỳ để bày dấu vết. Đây sở dĩ động không lìa tịch mà càng trùm vũ trụ, bỗng cảnh vô thường mà gọi là mũ du phương. Thế Tôn xuất hiện bèn trao nhiệm mầu tiến ẩn hiển đức ở rừng thơm, nhân mừng mây mà sang Tây, lại rồng thấy ở cõi này. Pháp luân đã chuyển thì huyền âm sẽ xướng, đối chư Phật xưng khen tốt đẹp kia, sắc tuyệt trần tục cho nên người giặt mũ lèo cao dấu vết kia. Trái với kia, hợp thiên hòa để ngay thẳng, hấp thụ xung khí làm linh, duỗi tầng mây để xoay bóng mát, nhã âm đức để lưu tiếng thơm, ai có thể so sánh với đây?

Toan muốn làm nghiêng ngã tánh chúng sinh, nhà rất ư mềm mại, mở rộng nền nhà ở một sọt đất, khuếch trương hằng sa mà làm nhà. Nếu vậy mà không mừng gió Văn-thù thì chưa suốt lượng không cùng, cười dài ở tấc vuông vắng lặng. Tự Thế Tôn chấp nê rằng: "Đem ngàn lễ cúng tế lưu dời bóng thời gian, lại cùng thời giờ mà lên xuống", do đây thầm nhớ người tôn cực, cảm thương mất nguồn nơi bến dài, sợ gió làm tổn ẩn mặt trời, bèn cùng nêu dung mạo bằng vàng, đá và kề dùng văn tụng. Người suy nghĩ tự xong, ngăn mây sương để thêm thấm nhuần. Nay gặp gỡ bởi là thường giảm trăm năm, có Thiết luân vương làm vua cõi Diêm-phù tên là A-dục, kính mến phép tắc mà làm tượng. Tuy chân tể không còn ở hình mà linh vị như có chủ. Tuy âm ty không dùng tình cầu mà cảm đến ứng đây, cái khác của thần biến nhiều lần dân chúng nghe, nhân xét ngộ thì tin có tự đến. Ý cho là tiếp vận suy tàn thật do công thầm giúp, thông tục hôn phủ vốn chẳng phải một lý chỗ làm rộng, là do gá tưởng người hiền, thần thật nương nhờ, suy nghĩ hẹn ước toan tuyệt đầu mối, dẫn hào tâm để nêu ngôi vị, bèn từ xa bắt chước thợ giỏi làm tượng giống tượng trời, cảm đến tự đáy lòng bất giác vui mừng đồng ngâm vịnh.

Mờ mịt đồng chân, tuổi nhỏ mong nhờ, ngậm anh tài, nhổ ưu tú, trèo lên ngọn núi nhiệm mầu, thần cho đạo là vua, thể dùng xung thông, lãng hóa du phương bèn phép tắc giấu bước cao, để lại ánh sáng dời đổi ánh sáng, đến cõi này suy nghĩ đối vực sâu, yên tĩnh nhất chỉ thêm áo trống dứt thay thế, ngỏ hầu rơi rụng trần phong.

Bài minh về ảnh Phật của Tạ Linh Vận:

Phàm đại từ giúp vật, nhân cảm mà tiếp, duyên tiếp vật đầu mối chẳng phải một, khó dùng hình nghiệm, dễ dùng lý để suy lường, cho nên đã giúp chép kinh, truyện, đủ làm ký luận. Tuy nghe ở khe nước nhỏ, cảm tạ xa xôi, tượng pháp vẫn còn, cảm chở mừng vui gió, mặt trời, mặt trăng rộng sâu. Pháp bày đạo, người đến từ Kỳ Hoàn, đủ nói bóng Phật riêng là linh kỳ. Vách đá âm u tường khảm như có hình còn, dung nghi đoan trang, tướng tốt đầy đủ, đâu biết trước sau thường tự vắng lặng, Pháp sư ở Lô Sơn nghe gió vui mừng, vì vậy tùy hỷ nơi nhà tối liền xét vách đá không phía Bắc gối đèo dốc Nam nhiễm bóng Bưu Nhuận. Mò mẩm phát thảo khiến lượng gởi nương màu xanh, đâu chỉ có tượng hình cũng dốc lòng, cho nên cũng truyền tâm là tột. Đạo nhân nói thưa, xa nói ý chỉ, ra bệnh tôi soạn bài minh để khắc vào đá, ban đầu do công giúp, chưa có đạo rất tôn sùng. Nếu so sánh này há hạng nghĩ cạn và sở học ngoài da mà có thể nói được hay sao. Việc qua đến Tạ Vĩnh Quyến quên mình liền dốt hết tài sản sức lực hứa cho, đạo hay tốt bí mật sâu xa muôn điều không chép được một. Ngõ hầu đẩy tâm thành rất cảm chúng sinh, cú bay có hẹn được âm. Xiển-đề có được đường tự cứu, phải tìm nhau ở Tịnh độ, mở mặt nơi đạo tràng, bậc Thánh không có ngã ư? Gây ra chắc chắn có báo, vin bút khởi lời, tình ép ngặt kia khẳng khái.

Chúng sinh do nhiễm mà ràng buộc trong sáu đường, bảy thức thay nhau dùng, chín chỗ thường dời đổi, mạnh thay năm ấm cuốn cả bốn duyên, khiến khắp luân chuyển còn nơi mình mây mỏng bốn duyên, năm ấm như lửa nổi. Tiến lên Chánh giác là tột lý. Động không làm tổn thương tịch, hành không trái với chỉ, hiểu rõ mộng dài của ông, ngay thẳng của ông bị chìm nơi nghiêng lệch. Do thần mninh của ta thành linh trí của ông, ngã không tự ngã thật nương nghĩa kia. Nhĩ chẳng tự nhĩ quyết bỏ dối kia. Dối đã sai đường, nghĩa có nhiều mối, nhân tiếng mà thành âm vận, tức sắc là mở mặt, trông bóng biết dễ, tìm tiếng vang chẳng khó, ngoài tiếng và hình còn có cái đáng xem. Xem ra nêu tướng đền gần mờ mịt cảnh, chẳng phải chất chẳng phải hư không chớ suy lường chớ lãnh nhận, nương vách đá sáng rừng, dựa đầm soi giếng, nhờ hư không truyền xanh biếc, kích ánh sáng phát ra phân biệt, vàng tốt thầm yên lặng, lông trắng tối tăm mờ mịt, mặt trời mặt trăng ở các nơi. Hồ đâu than thở như đây, từng là vọng Tăng, ủng hộ thật đợi đối đãi, nương gió khiển tắc, rộng như có bao gồm, kính vẽ đánh để lại dấu vết, sợ tạc ngọn núi cao, khắp dòng hợp thềm, dịu dàng nơi cửa phòng, kích

động sóng bên thềm, dẫn trăng vào cửa sổ, mây qua vờn núi, gió thổi qua rừng thông, thế đất đã đẹp, tượng hình cũng dốc lòng, màu nhạt sắc nổi, rõ thấy chìm giác, hoặc diệt hoặc không, ở mô phỏng ở học tập, do trong sạch kia có thể cảm linh riêng, thành thật nói rằng "Phu", ân huệ cũng là lỡ nối. Ôi! Ông nhớ đạo dè dặt trong cảnh giác, suy tìm yếu đuối chết chóc, dịch xiển-đề ngược đường nay thấy, phát nhờ đây đi thăm, thức lệ tâm nó. Thời nhất quyết lưu đổi, dám chép nhà linh, kính cáo sự chấn tích.

Bài khen Phật của Phạm Quang Lộc vâng lệnh vua soạn:

Tinh thô sự ngăn trở, đầu ngọn lý thông, bỏ sự đến lý tức sáng sủa dứt bỏ mong nhờ, chỉ có linh giác này cho tâm thì tôn sùng, bốn đẳng giúp vật, sáu độ ở thân rõ phát để dành ngủ, ai là kẻ hóa ban đầu, vắng lặng nơi Song thọ, đâu lại vốn không, mờ mịt thần xa, mù mịt an như, xin nói đến kỳ khỏi sa vào mưu mẹo này.

Thơ của Phạm Đặt Tiến:

Khanh thường thế nào, từng xem Cao sĩ, nhiều loại hữu tình, ta cũng chấp nhận khanh, do đồng sao lỗi xa mù mịt lại chưa riêng rõ cửa tối. Ta vẫn còn tình xưa trông đông khái nhiên lại là có không chỗ chạy trốn. Thấy đèn bờ ruộng công như khanh hỏi thê Tăng ở núi thật là việc tốt đẹp, thường sửa đổi đời chọn, chưa phải là vui. Gậy sách tấn, quận đây thì tốt, trong Kỳ Hoàn chuyển có kỳ thú, phước nghiệp sâu rừng duyên đầy mắt, người thấy hình không thể truyền, nghe lời nói mà ngộ cũng khó, lời phiền mà thôi, ở đây dừng bút. Phạm Thái kính trọng.

Trong bài khen tháp Kỳ Hoàn Nhân Sí Sông chỉ bày nhau có thể ít lưu ý xét soi, và đồng tử cùng người ca mà tốt.

Tạ Linh Vận đáp thơ khen Phật của Phạm Quang Lộc:

Nhục bảo an ủi chân, trong thể lạnh nhiều hơn thường, gót chân Linh Vận nhiều bệnh tật, mùa xuân này lại thêm lo, lo người xưa có tình, tin Như Lai bảo chỉ ra đó kết thật qua cơn đói khát. Trong núi chỗ âm thuyết ngăn trở, âm trần thấm tuyệt, bỗng thấy các lời khen ngợi an ủi rất nhiều, có thể gọi là ca ngâm của thế tục ngoại đạo, tìm xem ba lần dạo chơi thêm nhớ, liền vâng lời hòa như riêng. Tuy lời không đáng xem nhưng ý gởi hết ở đây, con họ Tuệ Liên sau dâng văn ngộ thương, tốt đẹp của tông cũng có một bài. Và do xa tặng, nương pháp nghiệp Kỳ Hoàn ngày một tươi tốt, tùy hỷ đâu có tột. Sáu lương duyên nhỏ trộm trông chẳng dứt, tức thời kinh mới chiêu đề ở tại núi Nam, mái Nam

đến khen Bắc ngọn núi sau nhà, do đây dứt tâm sẽ không chỗ thêm ư? Bình sinh mãi vậy đến giấy phải lụy than, kính tiếc là trước kế dùng lời thưa, Thẳng Trực đi Lý Tiếp lại theo dõi. Ngày mồng một tháng hai, Tạ Linh Vận thưa.

Hòa Phạm Quang Lục khen tượng Kỳ Hoàn:

Phạm hầu xa đưa tượng đến khen và bảo tôi đồng làm, thần đạo mong vi diệu xin nói chỗ dặn dò, liền gồm ba bài của đạo tràng đây.

Khen Phật:

Chỉ bậc Đại giác này, nhân tâm thì linh, cầu hết trí soi chiếu, số tột tuệ minh, ba đạt chẳng phải ngã. Một giúp đỡ chúng sinh, lý ngăn tâm hạnh, đạo dứt tiếng hình.

Khen Bồ-tát:

Nếu người kính mến, pháp tánh bỏ suy lự, dùng định nuôi tuệ, hòa lý giúp đây, ban đầu là bốn đẳng sau là thập trụ, hợp cầu đến, ở ngoài đều bỏ.

Hợp khen Duyên giác, Thanh văn:

Nhàm khổ, tình nhiều, khiêm vật, chí ít, như hóa thành kia quyền sẽ được báu, dẫn dắt Niết-bàn cầu khỏi sinh tử, dụ cho nguyện ba xe lại về đạo Nhất thừa.

Bài tụng Vô Lượng Thọ (cùng em họ là Tuệ Liên)

Pháp tạng chứa ở cung vua, ôm đạo ra khỏi thành nước, nguyện bốn mươi tám lời, rộng thệ cứu chúng sinh, Tịnh độ là nhiệm mầu nhất, người đến đều trong sạch giỏi giang, tuổi già muốn an ổn, thừa hóa hẳn sớm đi xa.

Khen mười thí dụ trong kinh Duy-ma-cật. Có tám bài:

Nhóm họp bóng bọt:

Bổn tánh vốn không bọt, kính trọng dòng bèn nhóm bọt nước liền thành dáng mạo khác, tiêu tan bỗng về hư không, quân tử biết cội gốc, an sự nhọc tranh đoạt, ngu tục sợ biến hóa, lại sinh vui mừng ngang trái.

Diễm:

Trong tánh ngoài tướng trạng, chẳng có khói đâu biết lửa, thường dời đổi nhau luôn, sáng rực chẳng đến ba, như đâu người chấp trước, trọn đời mê nhân quả.

Cây chuối:

Sống chia gốc nhiều mối, bẹ chuối biết chẳng phải một hợp mộng không kết hình hài, trải hoa do đâu thật, kẻ trí khéo lấy thí dụ, không

chủ tể ai kiềm chế được, chớ thân mật lúc duyên hợp, phải xem ngay chia lìa.

Huyễn:

Huyễn công dụng đồng, khác, ai lại gọi chẳng phải chân, một theo vật mà qua, đã qua cũng đâu bày, người lầm nghi xa gần, kẻ hiểu đều là khách, chế khởi tình lìa hợp, người hiểu không trăm đời.

Mộng:

Thức bảo ngu không biết, lúc ngũ chẳng phải không thấy, ý trạng đầy trước mắt, tốt xấu muôn thay đổi, đã ngộ xa mù mịt, tiếc là phù vật đổi, ai thấy hết Ta-bà, đâu chẳng là huyện xích.

Bóng hợp với tiếng vang:

Bóng và vang thuận hình và tiếng, giúp vật cho nên sinh lý, một sáng sớm chợt đi, vì sao được gần giống, chúng sinh đâu không vậy, mờ mịt ở tự mình, bốn sắc còn không có gốc, tám vi tế lại muốn đặt nhờ.

Mây nổi:

Lan tràn mặt trăng sáng, um tùm mưa núi Nam, làm được dụng biến động, ở ta rốt ráo không, chốc lác đã bay mất, đâu lại được nhóm họp, các pháp đã không ngã do đâu có ngã sở.

Chớp:

Sáng rực ánh chớp qua, thấy được mà không thể theo, hằng sa chúng sinh khi sinh diệt ai lại xét sự mau chậm, dè dặt chớ lưu niệm hư không, tự nhiên khiến thần lý hổ thẹn, Phật đạo mình dễ tin, quên tình thì phước lâu.

Tựa Phật Ký của Thẩm Ước:

Vua Cao Tổ đời Lương ra lệnh rằng:” Năm ngoái sai Ngô Siển v.v... soạn Phật Ký và soạn Bài tựa. Thể bài tựa không xứng, thường sửa đổi vẫn chưa xong. Phật giáo nhân ba giả để gởi pháp, nhờ hai đế để rõ lý, rõ tướng cầu tông không chấp mình hiểu đạo, luận kia chỉ quy đường như chưa đến chỗ cùng tột, bèn không nên dùng tướng phiền đây, cũng là một việc lành, có thể được là lầm bút không lý do, cho nên ra lệnh cho Ngô Siển v.v... kết tựa ở cuối thể lại dường như hơi khác”. Quan y cứ nói: “Tựa Phật Ký nay cẩn thận dâng lên, lời nghĩa không chấp, cúi xin tự hổ thẹn”. Cẩn khải.

Sắc chỉ rằng: Tựa ký mới được xem, nay ra lệnh sao chép để truyền bá.

Tựa rằng: Hàm linh muôn phẩm, đã chẳng nhớ cho hết, vật vật bẩm sinh đâu thể y bụi trần mà tính kể được, đâu không vượt ư? Vô lý

mà đến vô sinh, tuy muốn trọn có nơi mà ban đầu chớ nghe, tự chẳng phải linh chiếu đặc biệt suốt được tông cực ở đây, thì lý che lấp, cơ ban đầu tìm tòi sâu nơi sự dứt. Chẳng phải chỉ có bốn quả không bàn mà vốn hàng Thập địa cũng quên dòm, xa tít nơi mù mịt, có đó mà đâu biết chỗ theo. Như Lai úp sọt ban đầu nói lên đường dài khởi diệt rồi trở về rong ruổi không thôi. Qua lại năm đường, đại thiên sánh với đầu lông, qua lại ba cõi kiếp tăng kỳ chưa đủ gọi là xa, chứa sáng nhóm chiếu niệm niệm không thôi, lìa sinh diệt này chứng thành diệu quả, vốn đã không có rơi rớt đâu luống đều dời đổi mà thôi ư? Mênh mông hay nhỏ hẹp, dụ như sự đâu xứng lời. Bậc chí nhân không vì mình đâu cho là nghĩa là quý, bởi muôn hoặc quyện nhau, mệ muội, sáng suốt thay nhay khởi. Nghiệp nhờ duyên khai, sự cần hiểu suốt. Một âm phát ra không suy nghĩ không phục, nghĩa ở theo người, động chẳng phải mình. Pháp nhủ rưới khắp không ở ngoài, cam lồ sáng chói ở long cung, diễn mở tông giáo gây ra có tiệm, nêu bốn đế ở vườn Lộc uyển, biện trăm phi ở rừng Song thọ khuếch trương pháp môn không hai, mở rộng đường dài Nhất thừa, mê đi lại có đường, yếu chết biết quy về, mà tự nên quay lại chứ đường kia chẳng phải một.

Sợi lông trắng chiếu đến khắp cõi nước hằng sa, bảy bước đi qua, ủng long được giúp, suy tột thần đạo nguồn gốc ở tâm linh chỗ bước đến vô biên mà chỉ có thước tấc, duyên đó trái mặt mà pháp thành không thấy, và tượng giáo nói là dời mạt pháp kinh ghi ở đông lưu, sườn dốc nóng khó khăn, núi lạnh dài trở ngại. Hạnh viết chữ trái lụy muôn phương chung, lá nhạt màu thành văn lại dịch chưa hiểu. Từ đó đến nay ngàn cúng tế đã hơn nữa, dấu vết linh ứng hơi mở ra, danh Tăng hỏi ra, Luật tạng, Phương Đẳng đi đến dần, cất chứa ở Ấn Độ chưa đến phần nhiều là sự sâu xa của pháp thân thường trụ, điều rộng lớn của hai đế ba giả, ngộ đạo cầu tông ở đây có đủ. Mà Năng Nhân lễ đại Thánh làm Bổn sư, mênh mông quần phẩm, tinh linh lệ thuộc, đến nhân trước nghiệp xưa phần nhiều mê muội, nhưng thần hóa cảm ứng tham gia xen thấy. Lại tên, họ, đất nước ở đời, tục duyên tan ra các bộ khó thảo luận nghiên cứu. Công sức nhiệm mầu như thần đồng nêu ra tên khác. Giáng thai cầu đạo đâu chỉ một tướng, gá sinh Ca-la vốn do quyền tích. Ra cửa Bắc chẳng phải ban đầu của ngộ pháp, chiếu khắp phương Đông há là cùng tột của thông hóa, chợt đạo đã đến, bốn mươi chín năm diệu ứng sự đã nhiều, nên thêm tập chung để cộng thành bờ ruộng, đến khi kinh tượng xưa chép, cõi nước ghi dấu, công khuyến mở từ đây xa. Đại quyền rộng lớn quên thân giúp vật, ứng chân ngay thẳng, nêu tâm chẳng phải

vì mình, chia dấu vết hoặc khác đến ngọn quyết giống.

Đường thần trách nhiệm xen khó khăn để ức biện, linh quái chứng chạc lời nói ở đây dứt, rồng của Đồ Trừng thấy Triệu Ngụy, phụng của La-thập nhóm giúp nhau, Kiền-đà dạo gần kinh Lạc, riêng mở xa đến La Phù, tuy dấu vết giống với thế tục mà ý không thể xét. Đường ra cửa ngọc tòa pháp không xa, bảy chỗ tám hội cao vượt ở mắt, linh ứng rất nhiều, khắp giàu mối ân trạch cho Tây, quang ảnh sum suê phần nhiều thấy ngoài trời núi, vị Tăng-kỳ lại có chí thường dạo qua, dấu thần chiếu rõ, hoặc có văn chú rườm rà lộn xộn cần phải chỉnh sửa, chưa năm đường ở người trời, lập ngục năng ở đất dày, đều tùy nghiệp lực không sai, đây đều là chân tục cuốn mở, danh tướng trước sau. Đường thánh nhiệm mầu lớn mà xa mù mịt, thì thẳng đến đạo tràng gạn chứng lại rất gần mà nhỏ, thì khuyến khích người học muộn, đây là thuyền phương tiện gồm giúp, là con đường rộng lớn đại bi. Dẫu lại trí mờ thấy hình thịt thân một thước đánh ngã, duyên động quyết ứng, lại so sánh tiến lên ở đây ư? Do đây bậc chí Thánh hết lòng thường giữ sự hấp dẫn, xem văn thấy ý để lại tương lai.

Hoàng đế hạnh thành không có ban đầu, đạo nương nhiều kiếp, mười hiệu ở thân, ba đạt chẳng ngại, khuất phục nhiệm mầu, ở đây có đồng Chuyển luân. Thương xót người mê mờ từ lâu mờ mịt đường chánh, tức tối luống phát dối ôm lòng kính ngưỡng, dòng nhỏ kéo dài sự rộng khó thống nhất, chí cạn nghiệp nhọc khi dùng đến không thành tựu, chẳng phải chỗ để tránh nhà lửa ra nơi ngã tư đường. Bèn ra lịnh cho Trung thư thị lang Ngô Siển, Thái tử Tẩy Mã, ký hậu quân ghi, nhà Chu bỏ, rộng tìm kinh tạng sưu tầm lượm lặt chú thuyết, điều riêng dòng chia riêng để giúp loại. Ngày ít công nhiều có thể dùng đây biện gọi là Phật Ký.

Phàm lệ có ba mươi thiên, trong đó có chuyện cảm ứng sự loại cần giống nhau thì chỉ lấy một chuyện còn bao nhiêu đều không chép. Hoặc sau khi chết mà sống lại bày nói thấy nơi kinh sự hợp tra cứu mà không thể chứng nghiệm cũng không chép giống đó giải quyết nghi ngờ. Hoặc nhờ người dùng lời gá tưởng thành mộng rất khó tin, hiểu một không có chỗ chép. Nếu muốn từ xa đến quyết giáo hóa từ chỗ xa nào đến, muốn ngộ đạo, quyết biết nhiệm mầu của sở tông, rồi mới có thể đầy đủ được môn kia chính thân nương âm chỉ, chưa ai không biết đường do đó chớ nói y người dán mắt mờ gót tự cho là hợp lý, cho nên dẫn các dòng kia quy về một nguồn, có thể khiến vô lượng hàm thức trông đường biết xét chỗ qua. Thi thố dồi mài mà nói quay về, không loanh quanh nơi đường

hẻm, giúp kẻ thanh tín ấy cũng có được như thế.

Nói rằng: Tôi dùng Phật hóa làm đê ngăn ba ngàn, bao vây tiểu thức thấy gần ở trong, vả lại hạn cuộc Nam Châu (Nam Thiệm-bộ châu), đây thì tính chung cả Thần châu đều nhờ tiếng giáo pháp, vết chân thần, dấu vết đóng ở cơ ban đầu. Tiền Hán về sau theo nhau xuất hiện, Lưu Hướng so lường sách Thiên Các thường thường thấy có kinh Phật. Huyện Xích núi nứt nước chảy ra, thời thường là điềm tượng đến hiện, hoặc tháp từ đất vọt ra, hoặc Phật giáng ở hư không, sự rất nhiều mối chỉ lược nêu mười mấy việc, có người chưa thấy cần hiển tướng kia nói rằng:

Lược nêu tháp xưa của vua A-dục ở đời Đại Đường nói rõ.

Tháp ở huyện Mậu Cách châu Việt về phía Đông khoảng ba trăm bảy mươi dặm, nhà Tây Tấn niên hiệu Thái Khương năm thứ hai, Sa-môn Tuệ Viễn cảm từ đất vọt ra, cao một thước bốn tấc, rộng bảy tấc, tháp có tầng sắc xanh như đá mà chẳng phải đá bốn mặt ngoài chạm vẽ các tướng khác trăm ngàn ức, Lương Võ Đế làm cái tháp gỗ bao nó lại, tám vua tự lấy kiệu đưa về châu lý, nay thấy điềm thần sáng tiếng thánh Tăng đủ như trong Liệt truyện có chép.

Tháp ở chùa Siêu Hóa của châu Trịnh, cách châu về hướng Nam hơn trăm dặm, nền Chích Biến, nay chùa viện đều thời xưa xếp đá xây tường rất kín, sắt là cốt yếu nhỏ, đá kia dài tám thước, bốn mặt là cốt yếu nhỏ dài một thước năm tấc, sâu năm tấc, dưới đá đều là bùn, nền phía Nam của tháp xuất hiện hơn mười dòng suối dài ba thước vọt lên mà không có tiếng, thường tốt, trong có hình Côn Luân, trong suối hướng tột dưới đáy chỉ có trụ đá la liệt, cuối cùng không lường được mé của nó, trong có tháp đá ở trong hư không, nước ngưng đọng mà không chảy đến.

Châu Ký, huyện Lâm Huỳnh hướng Tây Bắc cách ba mươi dặm có chùa Xá-lợi A-dục, gần đây là ni làm trụ trì chùa, có tháo cổ, trải đá làm nền, từ đáy nước vọt ra tháp ba mặt nước rất sâu, chỉ có mặt phía Tây là thông đường đi xưa chân có lá sen, người sợ không dám hái bẻ.

Châu Kỳ ở phía Nam núi Kỳ có huyện Kỳ Sơn, về phía Bắc huyện chừng hai mươi dặm có chùa Pháp Môn, tháp ở trên Bình Nguyên, xưa nay cứ ba mươi năm mở một lần, mở là chắc chắn có cảm ứng, hiển điềm vui mừng trong năm năm, ra lịnh tăng Trí Tông thường thỉnh có điềm khiến mở để nhờ ánh sáng rỡ, kẻ đạo người tục đều thấy, bèn đào ra tiến vào. Niên hiệu Long Sóc năm thứ hai trở về tháp cũ, xá-lợi như đốt xương ngón tay người lớn, dài chừng hai tấc, trong có lỗ vuông, có

ánh sáng sắc trắng như vẽ riêng hình trạng.

Tháp chùa Phước Cảm, dưới tường rào thành đô ở Châu Ích, vốn tên là chùa Đại Thạch, ở đời Tùy ban đầu Tân Luận sư tìm được vết tích xưa kia, muốn tìm xá-lợi đào đến nguồn suối chỉ là một tảng đá, thấy trên tảng đá có ngôi tháp gỗ chín tầng, có đủ linh tướng. Tùy Thục Vương bèn lại đào đến suối, gió mưa áo đến không thể kịp lúc, ở bên phá được một miếng đá, chính là Ngọc Hồ, nay thấy còn ở Châu Ích về phía Bắc trăm dặm trong tháp chùa Bảo Hưng. Dưới thành hào phía Bắc của huyện Lạc, chùa ấy vốn tên là Đại Thạch, việc kia phần lớn giống ở chùa Phước Cảm cách hơn trăm dặm về phía Tây nam của Châu Ích. Đời Tấn, các chùa tháp ở huyện Nguyên hơi giống như trên.

Phía Đông thành Cổ Việt, mé Đông nam cửa Châu Tước, đô Cổ, huyện Giang Ninh, châu Nhuận, trong chùa Phế Trường Can. Xưa vào thời Tây Tấn có vị Tăng là Tuệ đạt chiêu cảm ánh sáng, đào một trượng được ba hộp đá trong có hòm vàng chứa đầy xá-lợi và tóc, móng, tóc đó kéo ra dài cả ba thước, buông ra thì nó xoắn lại hình ốc. Nay có tháp ngói ba tầng và chùa Phật, còn bao nhiêu chỉ là bụi cây rậm rạp có côn trùng lớn, người dơ uế lên nền đó bị đánh kêu la kinh sợ, hoặc có người bị chết.

Tháp chùa Diệu Lạc cách phía Tây huyện Võ Trắc thuộc phía Đông châu Hoài, nền vuông mười lăm bộ và xếp bằng đá, đá dài năm thước, rộng ba tấc, ở dưới rất nhỏ kín. Người già xưa truyền rằng: Nền tháp kia từ trên suối vọt ra v.v...

Châu Qua, phía Đông thành chừng ba dặm, có tháp đất chùa Dục Vương, đời Chu, nay bỏ phế chỉ còn sót lại cái nền, trên dùng nhà che bốn bên bao tường, thường có ánh sáng, kẻ nam, người nữ, việc công, chuyện tư thường qua lại cầu phước.

Châu Thanh, trong thành Lâm Truy có chùa A-dục Vương hình, tượng linh tháp dưới gốc cây to trong rừng câu. Đời Thạch Triệu xưa, ngài Phật Đồ Trừng biết sai đến lấy, đào sâu xuống đất hơn hai mươi trượng mới được.

Châu Bồ Phản, ở Hà Đông, có chùa Dục Vương thường phát ra ánh sáng. Thời Diêu Tần đào được cốt Phật trong hòm đá đựng bằng hộp bạc, chiếu sáng khác thường.

Chùa Dục Vương ở phía Đông Tử thành thuộc châu Tinh, nay thấy ni trụ trì là chùa Tịnh Minh, mất nền chỗ ở.

Tháp nhỏ ở chùa Dục Vương dưới thành hào huyện Xã châu Tịnh, thấy có Tăng trụ trì.

Tháp Dục Vương ở phía Đông thành của châu Đại.

Tháp Dục Vương cách một dặm về mé Đông của chùa Bạch Mã, thuộc phía Tây Cố đô, châu Lạc.

Đồi đất phía Bắc Nhược Thủy, mé Đông thành của huyện San Đơn, cách phía Đông châu Cam một trăm hai mươi dặm. Người già xưa nói là tháp xưa của vua A-dục.

Nến tháp bị bỏ phế ở chùa Đại thừa trong thành ở Châu Sa, có người nói là tháp của vua A-dục.

Đồi đất mé Nam núi Hoắc thuộc phía Bắc Châu Tấn người già xưa nói đó là tháp vua A-dục.

Trước đã ghi các tháp, đều là ban đầu thời Hy Chu, có Đại Luân Vương tên là A-dục, Hán dịch là Vô Ưu, thống lãnh châu này có hơn vạn nước, sai khiến quỷ thần một ngày mà xây tám muôn bốn ngàn cái tháp, ở Trung Hoa cũng có, thường phát điềm thần rộng như truyện Cảm Ứng.

Tượng vàng ròng vua A-dục ở châu Dương. Thời Ngô Tôn Hạo, có được ở hậu viênđược đó. Hạo ban đầu nằm mộng thấy mà cho là dơ, bị bệnh thủng đau nhức khắp thân, quan Thái Sử bói nói rằng: “Vì phạm lỗi với Đại thần”, Hạo làm lễ tạ lỗi, có người hỏi “Nhờ ông mà khai mở lòng tin”.

Hai pho tượng đá nổi trên sông Tùng Giang. Xưa thời Tây Tấn trong niên hiệu Kiến Hưng tượng nổi lên ở Tùng Giang, có cư sĩ Châu Ứng vớt được, đưa lên cao bảy thước, ở chùa Thông Huyền, thấy sau lưng có bài minh, một tượng tên Duy-vệ, một tên Ca-diếp.

Chùa Trường Sa ở Châu Kinh có điềm tượng. Đời Đông Tấn hiệu Thái Nguyên năm đầu thấy thành Bắc của châu, người đi đường thấy lạ bèn thử, dùng dao chặt thì thấy là tượng vàng. Tăng ở chùa Trường Sa rước về chùa, trên ánh sáng có chữ Phạn là “Dục Vương Sở Tạo”, Lương Võ Đế nghe nói rước về kinh đô, phóng ra ánh sáng rực rỡ, đến khi nhà Lương mất bèn rước về Kinh châu, đến nay vẫn thấy còn. Điềm lành ánh sáng nhiều đời không thể chép đủ, như có trình bày riêng.

Tượng Đàn Ưu-điền Vương ở chùa Đại Minh, tại châu Kinh. Lương Võ Đế, niên hiệu Thiên Giám năm đầu, nằm mộng thấy tượng đàn vào nước, bèn chiêu mộ được tám mươi người đến Thiên Trúc, đến niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười mới trở về, Võ Đế đã băng hà Nguyên đế lên ngôi ở Giang Lăng, sai rước về kinh đô, sau chùa Trắc Lập ở Tịnh Lăng do đó đặt tượng.

Tượng A-dục Vương ở chùa Trường Can tại châu Dương. Trong

niên hiệu Hàm Hòa đời Đông Tấn ở Đơn Dương thuộc Doãn Cao.

Lý thấy bến sông Trương Hầu có ánh sáng, liền sai người tìm thì được một tượng không có ánh sáng và mu bàn chân, thuận đến chỗ Trường Can thì trâu không chịu đi nữa, do đó buông ra trâu bèn thẳng đến chùa Trường Can. Sau mấy năm, người ở biển Đông được mu bàn chân bằng đồng nổi trên biển, do đó đưa đến tượng quả nhiên giống. Bốn mươi năm sau lại được ánh sáng bằng đồng dưới đáy biển Nam, bèn đưa đến chỗ tượng quả nhiên phù hợp, từ Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường bảy đời không đời nào chẳng vào chùa cúng dường, điềm ánh sáng như đã nêu. Nay chùa Đại Hưng Thiện tại kinh đô bắt chước vẽ tượng.

Cách Châu Lương về phía Nam chừng trăm dặm, có tượng đất đi trong vách núi. Xưa cháu của Thư Cừ Mông Tốn là Vương Hữu Lương Thổ chuyên làm việc phước, ở trong vách núi tạo hình tướng lớn, ngàn biến vạn hóa làm hoa mắt người, có tượng Thánh tăng bằng đất giống như người, thường tự kinh hành, không lúc nào tạm bỏ, xa thấy liền đi, người đến liền dừng, xem diện mạo kia giống như người kinh hành, rây đất ra mặt đất, sau xem vết chân đóng vào, nay thấy như thế.

Chùa Đàn Khê ở châu Tương có tượng vàng đi. Trong niên hiệu Ninh Khương đời Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An làm vừa thành tựu đã đi đến muôn núi, sáng lại trở về chùa, đêm đó lại ra đến cửa chùa, đến núi đạp đá hiện ra tướng một chân. Thời Chu Võ diệt pháp, đàn áp con cháu phó trưởng thông minh. Triết chí tánh hung bạo trước muốn dứt trừ, khiến cả trăm người dùng dây buộc cổ kéo ra bất động (tự tử), Triết rất giận bèn giết thêm năm trăm người mới ngã xuống đất. Triết vui mừng rớt xuống ngựa bị chết. Ngay khi hủy tượng ở dưới nách rớt xuống bài minh trong áo rằng: “Tượng náy năm Giáp ngọ thời Tam Chu sẽ diệt” khám nghiệm thời đại phần lớn là phù hợp. Chở đạp đá kia ở chùa này nay gọi là mở pháp.

Điềm tượng đá ở huyện Phiên Hòa phía Tây Châu Lương. Trong niên hiệu Thái Diên thời Nguyên Ngụy, có Sa-môn Lưu Tát Hà đi đến phía Đông bắc của Phiên Hòa hướng về hang Thần Ngự lễ mà nói rằng: “Trong núi này có tượng Phật xuất hiện, nếu tướng không đủ thì nước hoại người khổ”. Tám mươi bảy năm sau, vào niên hiệu Chánh Quang thứ nhất gió mưa chấn động núi, tượng xuất hiện cao ba trượng mà không có đầu, Đăng liền ra lịnh làm đầu cho tượng vừa đặt lên liền rớt xuống. Đến đời Ngụy, đạo lăng trì chia Đông tây. Sau bốn mươi năm, cách phía Đông của châu này bảy dặm, trong khe nước được đầu Phật

bằng đá, liền đặt lên tượng y nhiên phù hợp. Trong niên hiệu Bảo Định nhà Chu đầu tượng lại rớt xuống. Năm đầu đời Tùy lại lập chùa Thụy Tượng, che mắt nhà vua lúc chinh phạt phía Tây đi ngang qua, bèn sửa tên là chùa Cảm Thông, nay họa vẽ phần nhiều y lượng bắt chước theo đó làm chuẩn.

Bóng tượng đá chùa Sùng Nghĩa tại kinh đô, hình cao tám tấc, thẳng năm tấc tám lăng sắc đá đỏ tím rất đẹp. Vào niên hiệu Thái Thanh thời Lương Võ Đế, có vị Tăng từ nước ngoài sắp đến, gặp loạn bèn đặt tượng lên đảnh Lô Sơn, Tùy Dương ở Phiên trấn thuộc Giang Dương thấy, riêng ghi nhớ đến cầu mà được tượng, bèn lên Trữ Nhị đưa về chùa Nhật Nghiêm ở Khúc trì, chùa bị bỏ phế lại đưa vào chùa Sùng Nghĩa. Ở kinh đô kẻ đạo người tục đều được thấy nhưng thường thì khác nhau, người thấy là Phật kẻ thấy là thần, núi, rừng, lọng báu, cờ phướn, trước sau, đồng khác. Niên hiệu Trinh Quán thứ bảy vua ra lịnh rước vào cung.

Thụy Tượng quặng thiếc của cung Ngọc Hoa ở châu Phường. Chu Võ diệt pháp, có Khương Minh làm Đốc sự đi đêm thường thấy nên núi có ánh sáng, sáng ra đến tìm thì có thần đá hình dáng như tượng, liền đào bốn bên, thì chính là quặng thiếc không thể làm thương tổn, giở thân ba trượng thì trong lòng có mu bàn chân, bèn cùng người trong thôn nâng lên mà không được, bỗng nhiên ở hạ lưu chảy thẳng đến lỗ dấu chân, đứng lên nổi bật, hình dáng giống như tâu, thời là lúc tế Thiên Nguyên, đổi niên hiệu là Đại Tượng, ra lịnh chỗ ấy lập chùa Đại Tượng, nhờ đó khai mở Phật pháp. Đời Tùy năm đầu đổi thành chùa Hiển Tế.

Thái Tôn khi ở trong cung thường đến lễ bái sửa sang trang nghiêm, Đại uyển nội cách cung ba mươi dặm về phía Đông, trong niên hiệu Vĩnh Huy sửa thành chùa Cung Lập, ban đêm tối mịt thường phóng ánh sáng.

Thụy Tượng Lô-xá-na của chùa Hoa Nghiêm trên núi Nghiễn tại châu Tương, vốn là tượng cổ đời nhà Chu, thời Phật pháp bị diệt đem giấu nên còn đó. Mỗi khi có tướng không lành dùng nước mắt chảy ra làm thời kỳ. Khi Tùy Văn Vương sắp băng hà thì một lỗ mũi chảy nước ra thấm dơ ở lớp vàng mỏng khiến bị tróc ra, dù sửa sang tu bổ lại nhưng vẫn khác, tháng tư năm cuối niên hiệu Trinh Quán tượng khóc liên tục không dứt, chảy nước mắt dơ cả ngực bụng vuông vức chừng cả thước. Thái Tôn băng hà mới nghiệm ra điềm trước. Đến tháng sáu lại chảy nước mắt nữa, hợp cảnh đồng sợ. Đến tháng bảy thì nạn hồng thủy ngập tràn thành quách sâu đến hơn trượng, nay thấy vẫn còn.

Đời Trần, điện Trùng Vân bay ra biển, điện này Lương Võ Đế lập, trong đặt tượng và các đồ quý báu. Nhà Lương mất nhà Trần lên, Võ Đế đã băng hà. Khi cần đồ mai táng, muốn lấy bức trướng châu ngọc trong điện, nhân lực đã đầy đủ bốn bên đều đến, bỗng thấy mây khí vây quanh, mưa lớn trút xuống, sấm chớp liên hồi, hàng trăm nhân công bỏ chạy. Lại thấy lửa dậy trong hư không, rải ngọn lửa nối nhau, tượng Phật và tất cả đồ trong đại điện Trùng Vân bay lên trên khói lửa, nương nhau sáng rỡ bay về hướng Đông. Quốc sĩ ngước xem mút mắt mới dừng, mưa tạnh mặt trời lại xuất hiện. Hơn thángh sau có người từ châu Đông đến nói ngày ấy thấy điện Phật nương hư không ra biển. Ngày nay khi trông ra biển thường thấy. Chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh đời Nguyên Ngụy, tháp trời chấn động biển Đông sự tích kia hơi giống như trên.

Thụy tượng Văn-thù-sư-lợi ở Lô Sơn tại Châu Giang. Xưa, đời Tấn có vị danh thần tên Đào Khản Kiến. Có ngư dân ở biển Nam thấy trên biển có ánh sáng, mới tâu Khản khiến đi tìm, bỗng chốc thấy tượng vàng lấn sóng đến bên thuyền, tiếp được bài minh nói chính là tượng Văn-thù do Dục Vương làm. Bèn rược đến chùa Hàn Khê ở Võ Xương, sau dời Kinh Châu rước tượng lên thuyền, thuyền liền bị chìm, Pháp sư Viễn liền rước vào Lô Sơn thì không có chút trở ngại, nay để ở lầu Đông Lâm trên núi.

Phía Bắc chùa Tương Tư cách Châu Du về phía Tây trăm dặm, trên núi đá có dấu vết mười hai pho tượng Phật, đều cao ba thước, rộng một thước một tấc, sâu chín tấc, trong có vẽ cá, ở phía Bắc Phật đường chừng mười lăm bộ thấy có Tăng ở.

Có hơn ba mươi Phật tích trên đá về phía Bắc chùa Linh Khám, huyện Hưng Ninh mé Đông Bắc châu Tuần, tương lớn cao năm thước trở xuống.

Chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô có điềm linh xuất hiện tượng Phật, cốt Phật và răng Phật v.v...

Ở châu Phủ, vào niên hiệu Hiển Khánh có tượng đi ở châu Đàm, tự dời đến châu Phủ về phía Đông khoảng hai mươi dặm. Con đường trong núi hiện hai dấu chân, dài ba thước, cách nhau hơn năm trăm dặm. Ban đầu không biết là tượng đi đến, có người thấy ở trong núi cho là quái lạ, bảo khắp người xa gần dời đến chùa mà không lay động được tượng. Quan Thứ sử và hạ quan cùng mọi người hết sức hối hận, đi đến bên tượng xin thỉnh về chùa ở châu này (Phủ) thì chỉ cần ba người là nhấc bổng lên và về đến châu, đi tời đâu mây che đến đó, đêm ấy trời

mưa to, mọi người cho là nămấy sẽ được mùa. Nay vẫn ở châu Phủ.

Đời Tùy, điện Phật chùa Hưng Hoàng ở châu Tương bị chảy, tượng đồng trượng sáu ở ngay dưới rường, lửa phát cháy cây rường rơi xuống, vô tướng tự dời qua mé Nam chừng năm sáu thước, hình tượng được an toàn. Bốn mặt ngói, đất, tro, lửa, cách tượng năm sáu thước lại không có một chút bụi nào dính. Nay tượng ở chùa Bạch Mã, chim chóc không dám đến làm dơ.

Chùa Tam Học Sơn ở châu Giản có Phật tích, mỗi đêm đèn thần ở hư không, từ xa thì thấy, đền gần lại mất đến đêm lục trai (sáu ngày chay) thì đèn càng nhiều.

Con Sông Từ Ô phía Đông bắc chùa Ngọc Hoa tại châu Phường, trong niên hiệu Võ Đức, người dân ở Hác Biện có lòng tin Phật, thấy bầy nai thường ở bên núi, lấy làm lạ bèn đào chỗ đất kia được một tượng bằng đá, cao bốn năm trượng bèn dời ra ở châu nơi nhà mình, tượng kia tướng lớn giống tượng ở chùa Ngọc Hoa phía Đông. Người già xưa truyền rằng: "Thời Phật Ca-diếp núi này giấu hơn bốn mươi tượng nay mới xuất hiện có hai, còn bao nhiêu chưa xuất hiện. (Một tượng xuất hiện ở châu Lương cũng giống).

Phật đồng bốn mặt ở huyện Sa Hà, Châu Na, cao chừng bốn thước. Đời Tùy, ban đầu có người vào núi thấy Tăng giữ gìn vô tướng đây, do đó xin cúng dường. Vị Tăng sau mất ở chỗ đó, người kia muốn đem ra mà không nhúc nhích được, người các nơi nghe đến giúp sức dời mà cũng vậy. Tăng ở chùa Sa Hà nghe, đến thửa dẫn tượng liền đi đến chùa. Về sau người ở bên chùa được một thỏi vàng, trên có hình con chim, có bài minh rằng: Bắt chước mạ tượng Phật bốn mặt, do đó lấy vàng mạ lên vô tướng thì trên tượng Phật đầy bóng chim. Sau vua nhà Tùy nghe có điềm lành bèn sai thợ bắt chước mà đúc, đúc mãi không thành, lại có khuyết thiếu, trải qua hai trăm ngày bèn thôi, nay vẫn ở trong chùa.

Từ trước đã nói tháp Thần thụy tượng khai tục dẫn phàm mà chưa rõ sâu, do đây phát lòng tin, đã tin tướng đặc biệt mới có thể nhiếp tâm. Đem kinh thảo luận giúp mở thần giải, mới biết bốn ma thường quấy nhiễu, sáu giặc thường xâm lấn, biết mà lại sợ, siêu phương có ngày, không như vậy thì đắm chìm lại đồng từ vô thỉ. Hoằng sáng đạo há lại có như vậy ư? Còn như quyển kinh không bị cháy thì phù hợp với sợ tấm giặt, sách chẳng ướt thì đồng với lọng trời, chùa Thánh thường bày, tiếng chuông vang xa gần, thần Tăng thường hiện, nhận cúng dường chung cả đạo lục, các chuyện này chép đủ trong Cảm Thông Ký.

Chiếu dụ xá-lợi Phật dưới tháp Dục Vương xưa xuất hiện của vua Cao Tổ đời Lương.

Tháng tám niên hiệu Đại Đồng năm thứ tư, mặt trăng phạm năm xe, người già xem sao hỏa bảo sửa chùa Trường Can, tháp vua A-dục, xuất hiện xá-lợi, tóc và móng tay Phật. A-dục là Thiếc luân vương làm vua một thiên hạ cõi Diêm-phù, một ngày đêm sai quỷ thần làm tám muôn bốn ngàn tháp, đây là một trong số kia. Cưỡi kiệu đến chùa Trường Can lập pháp hỷ thực vô ngại. Ra chiếu rằng: "Trời đất đầy hay trống cùng thời tiêu dứt, muôn vật không được đồng với côn trùng kia sinh, hai nghĩa không được hằng kia che chở, cho nên nhọc nhằn khỏi khác năm, vui mừng đau đớn khác ngày. Năm ngoái mất mùa lúa thóc đất đỏ, người dân khốn cùng bèn lạm đến đây. Nguyên tình xét lỗi, hoặc có khi đáng thương xót, dưới xe hỏi tội, nghe các nơi đến báo cáo. Đứng đầu trả nợ là thân trẫm, nếu đều dùng sợi dây pháp thì tự không có đường", sách không nói như vậy sao? Cho giết người không tội, thà mất chứ không làm. Kinh Dịch nói: "Nghĩa tùy thời là lớn", nay chân hình xá-lợi lại hiện ở đời, gặp việc ít có, nghĩ là khó gặp. Nay ra chùa A-dục Vương nói hội vô ngại, già trẻ đều vui mừng như đói lâu ngày mà được ăn, như người thân xa cách lâu ngày mà được gặp, chỗ u hiển đều quy tâm, xa gần đều kính mến, nam nữ như rải ráng trời, mũ lọng như mây che, nhân trời rải đức đầy khắp nhân linh, những người tội trong thiên hạ bất luận nhẹ nặng đều được tha thứ.

Tháng bảy niên hiệu Đại Đồng năm thứ tư, ra chiếu chỉ rằng: Lòng từ như trời che khắp, nghĩa không đâu chẳng nhiếp, phương tiện lợi chúng sinh đâu có nơi chốn. Có người dân huyện Thượng Ngô là Lý Dận Chi đáo đất được một ngà voi vuông chưa đến hai tấc, hai bên đều hợp thành hình thú, trong đó một bên tượng Phật mười hai thân, một bên mười lăm thân, khắc vẽ sáng sạch khéo léo tuyệt vời, e rằng thần linh chỗ làm thành chứ chẳng phải công sức con người, trong có sáu chân hình xá-lợi.

Châu Đông, lúc xưa có tâu, trên chưa cho là ý mà Dận Chi bị ngậm hàm thiếc và dây trói đông trị, chân hình xá-lợi giáng ở trong, ánh sáng hiển phát bày tướng ít có, đại bi cứu khổ rất có lý do, nên nương Phật lực hoằng từ rộng lớn. Nếu tội nặng hay nhẹ trong thiên hạ ở ngày 16 tháng này chưa sáng về trước đều được ân xá, lúc mặt trời xuất hiện khâm phục khát ngưỡng rước pháp thân trở về đài mà cúng dường.

Dâng bài tụng cây Bồ-đề của Tấn An Dương Cương, đời Lương.

Quan Cương nói: "Thần nghe Kích Viên xướng nhỏ có kính mến

phong nhã, người nước Ba cạn khúc thật kính mến dương xuân. Vì vậy cây hướng dương lá nhỏ còn ngửa lên mặt trời, ánh sáng nhỏ của bó đuốc mà không thể tự tắt. Cúi xin Bệ hạ chí đức khâm minh, đạo nhiệm mầu rộng lớn, chính là Thần là Thánh đạo vượt hiên Quy, Chánh giác Chánh chân công phu tròn đủ, thường trụ là vui, pháp hỷ là ngọt, mưa từ giúp người không có căn lành, hiểu thấu suốt giáo hóa sâu rộng chốn u hiển. Cho nên tám gió điều hòa bốn mùa đúng lúc, định thiên hạ, an ngoài biển, mở rộng hang rồng, nối thạnh pháp núi Thứu. Không trụ vô vi thật thương xót chúng sinh, dùng vô tướng dẫn dắt về cõi chân, khuôn phép đạo thọ đây hiển mặt vàng đây, khiến người thệ nguyện kết nhân, người đảnh lễ thêm phước, gặp đường đã là một, xưa nay gì là hai? Xin lấy đồ để nêu, nương bày dâng bài minh, mở điềm lành bài tụng Sơn Hưng trong Huỳnh Long. Thần dẫu rằng: Chẳng thông minh, thật có ngu ý, kính dâng một bài tụng "Cây Bồ-đề" học cảm tạ xét xưa suy nghĩ chẳng phải trầm uất, không đáng để sáng soi, thạnh đức phảng phất một góc, an ủi vỗ về lời thô thiển nơi giấy xấu hèn, kính cẩn xin!

Tay sắc lệnh xét mở, xem bài tụng "Cây Bồ-đề" đã dâng, nhặt nhạnh có ra lời hay ý trong sạch, ngước khen Pháp Vương ca ngợi đạo thọ, ý nghĩ miệng nói cho đến tay viết, ba nghiệp đều lành, nhưng chỗ nói nước tốt đẹp đều là việc chẳng nên làm thật là lỗi nói lời thêu dệt. Việt sắc chỉ.

Bài tụng "Cây Bồ-đề":

Trộm cho là nhân duyên giả có, chúng sinh kẹt ở căn. Pháp vốn là không, diệu lý của bậc chí nhân cho là ba cõi sáu đường vòng quanh nghiệp chướng mà tự mê. Tám môn giải thoát, mười trí dẫn dắt quy tôn mà trống rỗng. Vì thế Đại sư Năng Nhân tùy duyên rải đạo, xót xa nhà lửa đã bốc cháy, thương cho dòng dục hằng kinh khiếp. Gá thân cung Bạch Tịnh soi sắc tướng vàng ròng, ở đây ba hoặc chỉ bày vẽ hòm chẳng phải chân, ra bốn cửa kia sợ mây nổi dễ tan mất. Vì vậy mở mặt trời Phật, sấm sét pháp, bày tiệm giáo, hàng phục dấu vết quyến hiện, Tam bảo hiện ở đời, một đường biết trở về, rộng tiếp độ chúng sinh cứu người chưa được độ, mây pháp nước pháp khắp thấm nhuần, đồng với vô biên thế giới, đèn trí đuốc trí sáng rực, đồng hư không chớ có hạn cuộc, vật nhân khó lường, hóa duyên sắp dứt, rừng mở cây trắng, ngày sáng xanh cành. Thương thay! Sáu thức trầm luân nơi tám khổ, không có Đại thánh ai làm cầu tuệ. Hoàng đế thể rộng lớn sáng suốt bao trùm, bao gồm thuần thành của trời đất, chiếu thần gương ngọc, nắm vận thái bình, nuốt Ngô, mang thai Hạ, che trùm nhà Hán, nhốt lồng nhà Chu. Ngự sáu khí

mà con chúng sinh, quạt hai nghi khắp hưởng độc, sợi ngang sợi dọc của nhạc, kính lễ, im lặng võ đao, làm văn chương. Rau đồ mùa thu không có cổ bàn vật liệu nghiêm chín luật, mưa xuân mến sống, giải giềng mối kín của ba thân, vốn để linh hàm trì tự mất, nước sông phần đức biết hổ thẹn, Thiểu Dương khuyến khích thiện ở nguyên chân. Quan Phiên biến vị ở áo tang. Người tám khải ba tòa chín gai bốn liệu, trong Tuyên Vương việc chở kế sách đi ngang, chuyên thành tướng đẩy trục xe, ngoài giữ biên cương một đồng khuôn khổ văn chương, muôn phương cùng suốt đầu xuyên ngực chạm ức, sư thân ngắn tay dài. Nung đá Nam Việt, cát trời Bắc cực, nhánh mặt trời xa tít phía Đông, giềng mối mặt trăng vượt qua hướng Tây, đấu không nhờ núi nhọn, núi treo lên chót vót vượt xa giấy mực. Tàu biển đạp chỗ sâu, lông nổi trên sóng mang phương vào cống, tiến cử người trung, mời quan chức, dâng chim đồng tâm, cống thú đồng vai. Bấy giờ bèn tốt đẹp tranh phát điềm lành báu. Linh chi vọt bày mặt trăng vườn Giao cỏ um tùm. Nghĩa phụng, nhân từ của hổ, ngày nghe nước Quận. Như ngọc như châu, đã vậy thêm đèn soi trong cửa, như mây mà chẳng phải mây, cũng bồi hồi ở cung Trĩ.

Vì vậy điều khiển lê dân ở nhân thọ, giúp siêng trồng chỗ hào sâu. Năm trược mùa dân ân cần nhà nhà đầy đủ, đốm trắng không nêu ra, đồng nhà có khen ngợi, theo thiện như dòng, ứng gió như cỏ, mở nông vụ vốn đúc đao, tiêu, phong hột đỏ đầy rương, vịt xanh giao suốt. Trên chiếu trời, dưới lọt suối, trời đã thành, đất đã bằng, Thiên tử bèn đều thương bốn loài như con một, bày nhân hạnh vua, nêu ra đường cốt yếu, rộng bày đạo tràng diệu pháp rộng lớn, bàn báu Niết-bàn. Xét chúng mê hoặc ở trái dòng, ánh sáng từ bi chiếu quần mê nơi chưa hiểu, pháp luân khắp đại thiên, mát mẻ giúp hàng Tiểu thừa. Cho nên trời người ca múa, bỏ vườn soi mà khen tốt, Bồ-tát Phi Tượng vượt cõi thơm mà đến nghi, năm trăm lọng báu vọt ánh sáng rồi tự hợp lại, mười ngàn anh lạc treo hư không mà rớt xuống. Khám thất trang nghiêm, cõi nước đặc biệt, chế điện ba thời, xây đài bốn trụ, dầu Hán Hậu trông cung thần, Hiên Viên đợi xem tiên. Từng đâu đủ phảng phất mây báu, nghi hình đồng giáo. Vì vậy tưởng mới thành đạo dựng cây Bồ-đề, bốn biển trình của báu, trăm thợ bày khéo léo, chạm vàng khắc ngọc, nối gương treo châu, chế giống núi tuyết, hình đồng lòng bay, bốn phương che mát năm mặt lợi ích chúng sinh, danh cao khắp mặt trời, ân vượt cùng chốn, và cây đẹp ngàn ánh sáng, sáng chói hoa năm sắc. Mặt trời xanh rủ vẽ màu, đai ngọc sinh khói, gió nhẹ chầm chậm lay cành báu thành nhạc, nghiễm nhiên sắc kỳ diệu che chói cành cây này, hiển như núi vàng,

đặc tôn như trăng nhóm. Tín nữ ban đầu dâng trăm vị, chư Thiên cúng bốn bình bát, rải cỏ cát tường, luôn nhởn nhơ chim tước xanh, hàng phục ma gây sấm, khiếp vía quỷ gánh non, chất ngọc kỳ diệu không thể nói xiết. Đây thật là diệu duyên sinh thiện, là phước sâu tiến tu hành. Ngay lúc này dấy lên sự tốt đẹp giúp đời chưa nghe, mới ứng chiếu đức không cùng, treo mặt trời mặt trăng, vòi vọi hằng vui, vạn vạn năm, đây xin làm bài tụng rằng:

Sử dài xem chép, bài linh gương mờ, sách báo sum suê. Vua mưu đồ che ánh sáng, chim ghi khen lành, rồng viết nêu mến, đức rải chín châu, năm huyền làm vịnh, đuốc này lớn thay!

Đại Lương mở Thánh, công trùm trọn xưa, nghiệp cao thọ mạng, kim luân giáng đạo, ngọc hoàng giúp chánh trị, không suy nghĩ chẳng phục, có đức này thạnh, Nhất thừa chở ra, năm mắt thanh tịnh, bẩm thức vui ca, côn trùng được tánh. Bếp nhà Thuần có hoa sen linh, sân nhà Nghiêu đậu thần, đâu bằng đạo thọ thấm ướt rộng lớn, chẳng thầm rủ ánh sáng, cỏ thơm chồng chất, thời động trăm hoa chợt mở ngàn lá, hiện pháp thân kia, vẻ điềm lành này, sáu ghe vượt biển, thành an bốn nhiếp, đầm tuệ đã lan gió thuần thổi khắp, cảnh trí ngừng sáng, suối pháp lặng sóng, trăm thần khát ngưỡng, ngàn Phật xưng truyền, vẻ vang động chiếu đèn ngọc hòa cả băm, Bồ-đề thường lập, sóng như trường tuyên, minh hậu tráng lệ, vạn thọ như trời.

Văn Xướng Đạo của Giản Văn đời Lương.

Mười điều ác duyên mạnh dễ mê hoặc tâm người, muôn điều lành sức yếu khó cảm tánh linh, ngăn chặn đến lửa, lập chí đạo tràng. Tát-đỏa bỏ thân quyết lên Diệu giác, chúng sinh nhóm nhiễm, trôi nổi không trở về, biển khổ dễ chìm, sóng từ không giạt vào bờ được. Khát ái và sinh tử chung cửa, vô minh và lưới kiết sử chung đường, đều đến trăm ghi, ràng buộc bốn khổ. Người suy nghĩ chung sức rẻ ba minh kia, do đó Như Lai nhân căn cơ lập pháp giáo hóa, như đại y vương tùy bệnh cho thuốc. Nay ngay nền mở mang, ô trời lưới đất, quạt gió nhân nơi vạn cổ, sửa đời quý ở trăm vua, che chở chúng sinh, từ bi giúp lê dân. Bờ trời mé biển, thờ nghĩa ăn gió. Ôm (tố) diều, thổi môi, ngậm nhân, uống đức. Dân không hiền giống ái đều một con, mọi người đều phải khắc phục lòng mình, thành thật lóng tâm khiêm cung, vâng lời kính lễ bậc chí tôn là Phật Thích-ca. Văn ở thế giới Ta-bà, Phật Chiên-đàn Đức Tôn ở thế giới Hoan Hỷ, Đức Như Lai Nguyệt Điển ở thế giới Thủy Tinh, Phật Sơn Hải Tuệ ở thế giới Bảo Minh, cúi xin chư Phật cùng trời đất hưng thạnh, ánh sáng từ, cùng mặt trời, mặt trăng đồng chiếu, chín

cõi được thấm nhuần ân trạch, tám phương kéo dài ân nhân thọ. Đèn vua, mặt trời đẹp chiếu đến phương xa, kích phát khúc ca đầy đủ thiên hạ đều nghe. Kính do tâm khởi, năm lễ do ngoài cung kính. Tình phát ở trong, sáu thức vì vậy mà khắp đến. Cho nên một việc lành thấm vào tâm muôn kiếp không hư hoại. Trăm đèn chiếu rộng ngàn dặm chung sáng, nhờ pháp được an, nhóm lành điều vui kéo dài.

Ngày nay may mắn gặp lời dạy này, đâu lại không hết lòng vâng làm, làm Hoàng Thái tử kính lễ Phật Bảo Hải ở phương Đông, Phật Đăng Minh ở phương Nam, Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, Phật Tướng Đức ở phương Bắc. Cầu xin như lưu ly trong sáng rỡ, hợp với ngọc bích bên ngoài. Ngọc chấn mây nổi, vàng nêu rõ gương biển, nhan sắc mặt trời, bốn thiền nổi gió, đã giỏi về đức ôn văn, thật khéo trọng lạm quốc, chúng sinh uống đức, hữu thức ăn nhân?? hòa nội hóa, sự sáng rỡ kinh nhà Chu, khen đức hàm chương, dạy cao trọng sách sử. Cho nên để phối chánh thờ trời, nêu bảy giáo ở nhân đức, tuyên gió nối tuệ, mở mang sáu phục ở ôn từ, đều nên nhiếp tâm vâng nhờ làm Quý Tấn quy mạng kính lễ năm mươi ba vị Phật, ba mươi lăm vị Phật ở tương lai, Hiền kiếp một ngàn, hiện tại một trăm bảy mươi vị. Cúi xin tướng mặt trăng đồng với muôn thiện đều dừng, vàng thinh cùng bốn thời đều giúp, khởi bảy báu để chiếu sáng rỡ, hỏi mười trí ở thường lạc, khuê môn giữ thờ lòng nhân, cung các chứa khâm đức, sáng đồng điệp bích, rực rỡ như ngọc Côn.

Thường nghe núi Tung cao chỉ có non Nhạc là che Hoàng Gia, Tông Tử duy trì thành kiên cố như bàn đá, cho nên Thích Quân, Lỗ Vệ Nhậm đồng như Tiêu và Tào, ba đài giữa tòa ngồi mà bàn đạo, chín quan ngọc cần vui ở việc khó khăn, nên đều vận tâm thờ phụng làm Lâm Xuyên An, Thành Kiến An, Phiên Dương Thỉ, Hưng Dự Chương, lại phía Nam Khương Lô và Lăng Tương, phía Đông Võ Lăng các vua nhà nước thuộc sáu ty đảnh quý, quy mạng kính lễ xá-lợi, hình tượng, cây Bồ-đề, tháp Đa Bảo vọt lên hiện xá-lợi Đức Thích-ca. Cúi xin tâm gương ngưng sâu, thân trong sạch cao vọt. Khắc giáng xã tắc vua hằng tươi tốt cành chúa, mọi người đều nhất tâm quy y nương tựa Tam bảo, ba cõi khác thuật, năm đạo chia đường, trời người đồng nghiệp đều quy về một quả. Quỷ thần lôi kéo quả báo, sự tỏ rõ đường tối. Cõi lành hoa quả đã trái chánh lực, năm trược tâm phiền càng khởi nhiều não lụy dầu là thông minh chánh trực, cúng tế ba sinh chưa thiếu kém âm dương không suy lường, sáu căn trệ còn nhiễm. Mọi người nên đều bày thành khẩn vì tám bộ trời rồng ủng hộ tháp Thiện Vương, cho đến Tu-la tám

tay, Ma-hê ba mắt đều là kính lễ tôn kính, chánh điển, thanh tịnh Bát-nhã, rốt ráo Niết-bàn, văn Pháp Hoa một hội, Tịnh Danh nói không hai, nguyện tất cả thiện thần dứt hẳn vô minh, vâng theo chánh bổn, nằm ở cung báu, ngồi chỗ Hương Tích. Đế Thích sâu rộng, đi thuyền Bát-nhã, Tịnh Cư chìm sâu, cưỡi xe trâu đẹp, ân thấm ba cõi, soi rõ Tứ Thiên đại bi cứu khổ, việc sáng kinh trước, mở lòng từ ban cho niềm vui, nghĩa cao, danh thuận.

Vì thế linh huyền giáng tích ra vào khác nhau, Bồ-tát vị yên, hiển thông minh nhiều thuật, vô biên kịch não, quạt tám khổ nơi đường tu, có tình ràng buộc. Nhiễu sáu đường nơi hiểm nạn, xích vàng, giường ngọc còn nghĩ giải thoát, khắc châu ngọc trang sức trân kỳ không kịp giữa đường. Còn như bập bềnh gió nóng trôi nổi sóng nước. Nhà tối ngàn lớp, thành đen trăm nhận, vòng sắt nát thân, trụ đồng cháy ruột. Bên cạnh có ra đao nhọn, trục ngang, kiếm bén, các khổ như vậy rất là nguy hiểm. Một hơi không theo thì vạn kiếp lìa hẳn, sát-na tạm dứt thì ngàn đời lìa xa, chung nhau cùng gá huyễn chất bào thai ở Diêm-phù, huyễn chất dễ vỡ, có nạn phù du, gió sấm rong ruổi thành khó thể trụ. Huống chi ba tướng đều nhăn nheo, hai chuột đục khoét, tên độc rắn dữ rất là đáng sợ.

Ngõ hầu nhờ chánh pháp cứu lụy nhiễm này, hưởng lâu trăm phước, dứt hẳn sáu trần, đối đến không bờ cõi, chỉ có Phật là đáng nương tựa. Nay vì sáu đường, bốn loài, ba nẻo, tám nạn từ bi khẩn cầu nhất tâm khắp lễ Bồ-tát thập trụ, Thanh văn ba hạnh, lạy Quán Âm cứu đời, Bảo Tích dâng dù lọng, Đại Thế Chí phương Tây, Diệu Âm phương Đông, hai vị Đại sĩ Tứ Biện, Tịnh Danh, Loa Kế, Châu Đảnh, Thiện Túc, Di-lặc, Văn-thù, Kim Cang Tạng, Giải Thoát Nguyệt, Khí Âm Cái, Thường Cử Thủ, mười đại đệ tử và năm trăm La-hán, nguyện ngục tù rỗng không, tật bệnh phiền não tiêu dứt, trăm huyện trong thành, ngàn thành ngoài phương, phàm ở chỗ tối tăm chật hẹp đồng được rộng rãi thoáng đảng. Người chung sức che chở rắn, tục hóa giúp đỡ giúp hàm sinh không rách nát, người uống thuốc chậm không chết, cùng nhổ kiếm không lự thương, hàm sinh không tan nát, chuyển chết tự sống lại, cầu Vị ngày no thuốc dâu không đói đóng kín ba đường, đánh tam địa ngục, phá binh chúng của ma, hoại quân sinh tử. Diêm-la phát tâm mười điều lành, đầu trâu mở nghiệp năm giới, như cá thiếu nước, như chim chẳng có (cây) rừng, một phen nghe pháp âm liền bỏ chất dơ uế người vận năm thể quy mạng Tam bảo.

Văn lễ Phật phát nguyện:

Phàm chí giác vắng lặng vốn bặt tiếng tăm lời lẽ nhiệm mầu trông rỗng vốn lược nơm tượng, dẫu việc dứt trăm phi mà có đến đây ứng tích, lý quên bốn câu cho nên chẳng cảm không đèn. Hoàng thượng đạo soi cơ trước suy nghĩ vượt ràng buộc, ngưng thần nước sông Phần thì tâm tạ từ trong cõi. Đạo thấp binh cao thì hình nhọc trong vũ trụ, đây là pháp nhần giáng dấu vết, thị hiện cảnh Diêm-phù, đại quyền trụ địa ứng xuống cõi Ta-bà, cho nên muốn làm sạch vạn hữu độ thoát chúng sinh. Nước trơn sạch nơi ao báu, nhành cao mát ở cây đạo. Dùng lòng nhân chiết phục nhiếp thọ, gặp duyên mà đều cùng tột, đức nhẹ lời đắng miệng có cảm mà xướng đây. Hằng ngày chỗ làm không biết lợi ích đâu hạn cuộc, mọi người cùng nhau thêm được. Cúi lạy Đấng Chí Tôn, năm thể quy mạng v.v...

Ngước xin Hoàng đế Bệ hạ chí đạo cùng bốn thời đều vận, gió màu cùng tám cực chung rộng, lại thuần nguồn nơi ba xưa, bỏ sóng ác nghiệt ở chín đời, đến trị mình thấy ở ngày nay. Đại đạo lại thuộc lúc này, đạp hổ báo mà không sợ, giẫm lên rắn mà nó không cắn. Chôn vàng lấp ngọc hủy khế Phạm văn, lúa tươi tốt, suối rượu chảy. Xe vàng ngựa ngọc tự sáng rỡ soi rọi nhau. Hạt đen, phụng đỏ, bay qua lại, quang canh đèn đã chiếu, ghe xe chỗ nước tràn rong chạy, đâu không cong gối, buộc cổ, xoay đầu, lời sơ sài, vào hầu đường Lãi, ngưỡng lạy Vị Thủy, cùng trời đất mà lâu dài đồng đá vàng mà bền chắc. Giữa núi có thể chuyển, sông dài có trong mà vua Thánh của ta vừa mát vừa sáng ngời, không nói mà hành hóa, không làm mà giáo pháp nghiêm túc.

Đạo giúp vỗ về, vọng nêu tốt đẹp hàng đầu, xét xa biết nhỏ, suốt tông, trùm tột, không nhọc búa, rong không đợi xét dụ. Huống gì lại tỉnh ngộ có không, đồng quán chân tục, thực hành được nói được, đã tin đã giữ gìn, mọi người đều chí thành vâng làm Điện Hạ đại diện cho vua quy mạng kính lễ v.v...

Ngưỡng mong Hoàng Thái Tử Điện Hạ đức bày lễ trời xanh, rộng chở ngang nhau ở mênh mông. Sao trước chiếu rực rỡ, lìa phương Đông sáng chói, hiền thục nghe từ xa hòa khí đen trời, khác tay tranh vào, người ngay đều đến, thể ngọc mát mẻ vui mừng, tiếng vàng nhiệm mầu vượt hơn.

Thật tươi tốt, tiếng tăm tốt đẹp, đạo trùm, đức rộng. Quý ngọc khuê áo lót, ngồi nghĩ ở cây hòe tôn quý cây hải đường, vẫn ứng cùng tiếc vầng hồng phía Đông, đều tiếc phía Tây, ngộ bẹ chổi bông lau là chẳng thật, biết huyễn thuật gương và mặt trăng, tin sấm chớp không lưu dấu, nghiệm vẽ nước là tùy hợp chỉ nên dùng đèn trí soi chiếu, vọt

lên sóng báu, lại thêm căn lành lợi đây, thành gốc nhiệm mầu này, lại riêng thêm đến vâng làm Thái úy cùng các vua, Điện hạ quy mạng kính lễ v.v...

Ngưỡng mong các vua đã sáng suốt thông minh, tiếng vượt sông Sở, khiến nghe khiến trông mong, đạo đều ở sáng mai rực rỡ, đức suốt bà con đá, nghĩa ôn tồn khắp thân thuộc, làm cái đỉnh thì cùng hai diệu chung nhau, đến núi thì cùng bốn góc vốn đồng kiên cố, nếu xa lớn, nhỏ, hằng dụ tùng quân vui vẻ.

Lưng trời cao dầy thường rải hoa thơm đâu không ngọc chấn cỏ lan, lắc vàng leng keng, cây quế sặc sỡ, thấy tấc văn mà nghiệm lụa, nhìn một lông mà so sánh chim phụng, đều có thể tài cao như điện đồng lời giàu như đài mây, tiến lên hoàn mỹ, siêu vượt sáng rực. Do đây mà thiện thù thắng vâng làm, các vua điện hạ, lễ kính v.v...

Ngưỡng mong các vua, Điện hạ hòa thuận cùng gió mát đều quạt, tài hoa anh tuấn đem mây trắng cùng sáng sủa, hằng un đúc sự trong mát, hạnh phúc lâu dài, hưởng điềm lành. Ra bờ cõi thì tiếng cao hơn dân, vào triều nội thì khen ánh sáng vật đá, đức nặng hơn núi chúa, trí vượt biển sâu, tiếng leng keng xinh xắn của cây châu, sáng của ánh nơi ruộng ngọc.

Đạo lưu hành như mây nổi, đức cảm cả hậu cung, quyết nhờ nhân lành đời trước mà bẩm thọ tốt đẹp thường thường, huống chi thấm sâu mưa pháp lại mở mặt trời tuệ. Dẫu khác Khương Hậu cởi hoa tai để xin tội cho Chu Vương, không cần Phàn Cơ bỏ thịt để cảm động Kinh Hậu, mà cung kính vâng theo tiết kiệm bỏ ham muốn, bỏ ngọc chạm khắc vất đồ tốt đẹp, rõ tâm không ngăn trệ, chánh kiến không nghi, mọi người đều thành thật vì quyến thuộc sáu cung mà quy mạng kinh luận v.v...

Nguyện quyến thuộc sáu cung được nghiệp tươi đẹp, ngày tiếng tốt đẹp như Quy Thìn, chấn động màu sắc, khắc vẽ để truyền hương thơm ở thi sử, vị đồng Bảo Ấn, hạnh giống Nguyệt Quang, đủ sáu thần thông, được bốn món vô ngại.

Bẩm thọ đức trong sáng, ôm lòng nhiệm mầu sâu, há chẳng phải tu tập có gốc, cho nên có thể nương tựa không mệt mỏi, Nghĩa Hưng và các công chúa quên vinh hoa ngon ngọt này, trội hơn cả chỗ ghi nhớ riêng ở đời trước, cho nên hiện tiền sở dĩ tin rồi, ảnh hưởng đến chân thật huyền cực của thức và ngủ, người đều thêm đến, kính mến vì các công chúa quy mạng kính lễ...

Xin các công chúa, ngày tăng thêm trí tánh, thêm lớn gốc tuệ, bốn nhiếp bốn y đã vâng theo, bảy thiện bảy định chẳng lui chẳng thiếu,

hằng mặc lụa đẹp suốt mùa lạnh nóng mà chẳng có thân.

Ba tướng sấm chạy, tám khổ chớp kích động, hoặc nơi nhà lửa chợt nghĩ nhanh đến sông, cho nên thước sóng tấc phong cảnh sức lớn không thể trụ lại. Xe trăng xe mặt trời hùng tài đâu thể ngăn chặn. Ở trong đó uống khổ ăn độc ôm bệnh ngậm buồn thương, thân miệng là lý do của mười sử, ý tư là chủ của tám bệnh, mọi người cùng nhau kia đây đều đầy, sám hối nghiệp ràng buộc từ vô thủy đến nay đã gây ra mười điều ác, tự mình làm và xúi giục người làm, thấy thiện không khen, thấy ác mừng theo, đốt rừng, tát cạn đầm, chó chạy chim bay, cùng hưởng Trịnh Vệ, tột vị ngon ngọt, giỡn cười làm ác, bỗng chốc thành sai trái, khinh nhờn hình tượng, lấn tạp chùa tháp, không kính Phương Đẳng, hủy lìa hòa hợp (chúng Tăng), tự định quyền hành, bỏ sự suy lường của người, tâm hổ thẹn trái lý, muội chúa dối cha, dầu bảy thước chẳng khác tấc vuông, ở nơi ta mà có thể mặc tánh tình kia, ở người chưa dễ buông tha tâm miệng, các tội nhóm họp đều chở ghe thành khẩn năm thể sát đất quy mạng kính lễ v.v...

Nguyện mọi người hiện tiền thân miệng thanh tịnh, hạnh nguyện đầy đủ, tiêu ba nghiệp chướng, sáng suốt ba trí, năm nhãn, sáu thần thông, được ý tự tại.

Văn lễ Phật sám hối của họ Vương (đồng với trước):

Có chẳng phải tự có, vì có chấp cho nên có. Không chẳng tự không, vì không dính mắc cho nên không. Cho nên có chấp, mê hoặc khởi chợt thành muôn lỗi. Do không dính mắc, niệm khởi một phen vượt chín kiếp, phải biết là chỗ quý của đạo là có không đều quên, tôn trọng của hạnh là chân giả đều soi chiếu. Lãnh nhận khí linh chớ nghe bổn này, tiêu hình cho bóng chẳng suy lường lý do, cho nên phát hang thức này vẫn dài dằng dặc mà tối tăm, kia chớ nói đạo, đây là tướng ngu, còn tối tăm bí ẩn chưa ngộ, mờ mịt có đồng biển tối, mù tăm thật ở thành nguy hiểm, gió nghiệp ràng buộc, ba cõi chạy dài, nước hoặc xoay vần, hai tử thuộc căn, lấy khổ bỏ khổ, từ tối vào tối, tìm gốc không lìa sắc tâm, tức sự đâu chẳng là sinh diệt, là dùng ôm ràng buộc này mà luân hồi sinh tử, buông thả sáu ái, khởi tám tà, hoặc con khỉ lừa bịp mà khắc thịnh vượng, nổi lên nhân nghĩa mà bỗng chết, hoặc tài trí đồng nhau, đây khinh hào hiệp, hoặc cùng ngày và giờ, người lên ta xuống, chỉ nói báo thí vắng vẻ, không biết nhân đối sáng suốt, duyên xưa, quả nay, quá khứ, hiện tại thẳng thành, có như phù hợp không lầm mảy may, mà muốn lấy ngắn sinh ra vận dài kia, thuật mạng nổi lại mờ số kia. Phải biết sát-na từ tạ nhau, chớp mắt là hơi thở không còn, Đông phò cơ nhổ,

Tây yêm đã nghiêng, thí như xem dòng sông chảy mạnh như dùng ở đường nhỏ, thành dối chớ buông, cây độc tự trị. Nếu chẳng phải giả thật rõ cả hai, chân tục đều nói thì đâu thể chép thành thật hồi hướng, khắc ý tu tập không hề lui sụt, luôn luôn kiên cố.

Nam Bình Đại Vương Điện Hạ có chánh khí thìn tượng, chứa thuần linh biển núi, đêm hầu tám hằng, sớm dạo bảy giác, nhờ diệu nhân nhiều kiếp, cảm quả thù thắng ở cõi này. Như chân Kim cang sáng, ngọc tốc mài thành, là do chứa nhóm đã tan, không cất chứa mà bỏ, cho nên ngày nay cách thức gọi linh chỉ ở thần nghi cúi ngước, lập trai nghiêm túc cứng chắc như thế, thạnh đến Tăng tục giúp đỡ dồi dào, tiếng thơm đến khắp nhà báu hoa che đất cao sạch uyển chuyển, đâu chỉ động cây át cả mây, chiếc bè bằng tre nối dài chẳng thẳng hơn cá cưỡi ngựa, ngưỡng mong bốn bộ chí thành năm thể quy mạng phương Đông v.v...

Xin Đại vương Điện hạ xả bỏ năm úy, bên trong giữ gìn mười lực bên ngoài, trăm phước trang nghiêm, muôn phúc đều nhóm, mộng hoảng hốt không gây gỗ nên nổi lo, giấc ngủ ngon có sự yên tỉnh tinh thần, lại mở con đường báu, càng khởi nghiệp tuệ.

Huyền cực bất động chẳng phải chỗ người học dòm đến, gốc màu khó nghĩ, đâu hành nhân có thể suy lường, vì vậy bậc Thập địa nói rằng có nghi lưới kiếp, bậc ba thừa xưng thấy giống hoặc dê cuồng, tự chẳng phải soi cùng cỏ, giác chiếu tột tối, cùng lý tận tánh thể vốn là một, đâu thể giúp đời đời nhân thọ cứu vật nguy ách. Đạo trùm biển xanh, tiếng cao hơn huyện đỏ, xưa vua Nghiêu chói lọi chỉ ở ngay đời đó. Vua Thuấn tối đen không gồm quả sau, bốn vòng mệt dấu vết Vũ, sáu việc mỏi mệt thân Thang và sự nhọc nhằn trong nước sự ích lợi trong cõi đâu có trăm họ qua biển khổ, cứu hết chúng sinh ở đường sợ sệt, vận thần lực, nổi tiếng pháp, nghiên cứu lý nhiệm mầu ở thành thơm, tột lời sâu xa ở sông vàng. Tuệ Cao, Long Thọ, Trí Xuất, Mã Minh quyết mong rưới thấm thần dân, dẫn dắt kẻ đạo người tục, trời che đất nuôi nước bờ sinh ra, đều thạnh từ bi đều nhờ bình đẳng, nguyện vì Hoàng đế, Bệ hạ, các vua, Thái tử kính lễ v.v...

Ngưỡng mong Hoàng đế Bệ hạ ngôi vua cùng bảy chánh đồng nhau, xã tắc cùng mặt trời mặt trăng đều lâu bền, đất bằng trời thành, nhạc hòa, lễ hợp, đèn ngọc đạo chánh dày đặc không sai, gió mưa điều hòa thấm nhuần thuộc nhau, khước từ Mã Yểm, Bắc đúc kích, dao, giáo, Nam kịp, Bắc đến, Tây được, Đông từ từ. Rưới mưa ngọt rải mây tuệ, chỉ có dây có thể kết nơi mũ đã vẽ, mạnh thay! Huy hoàng thành! Là dẫn dắt, là làm đầu.

Lại xin Hoàng Thái Tử Điện Hạ nghiệp trí sáng suốt cùng trinh minh mà đều chiếu sáng, thuần túy giới hạn ôn hòa oai nghi từ núi Tung mà bỗng chốc đều cao vòi vọi, tiếng hơn Cơ tụng đạo vượt Hán Trang. Thường thấm nhuần nước trí, mặt trời tuệ soi lâu dài. Thượng diệu ở thân chí nhân ở mình, từ tám nhánh song thọ mất dần ánh sáng, thành báu không mở, quạt tuệ vừa che, mà Thánh sợ pháp luân nơi đường dài, chống ghe báu ở khe hẹp xa, đạo thêm người cầu thần phước giáng nơi đền thờ Tổ tiên, việc gấp, nhà tròn kiền thành kính phụng sự giúp đỡ, nhờ đây diệu quả càng mạnh, bảy triều Thánh linh quy mạng kính lễ v.v...

Kính mong lại sáng nhiều Thánh phảng phất như trước mặt, thần vọt, cõi nước sạch đều bay lên Thiên cung, gá thân cành sen vàng ngao du điện báu.

Thành tâm trong thương xót thì chí giáo như hiện tại, hình lực ở ngoài hết lòng thì pháp thân ở gang tấc. Mọi người cùng nhau đến thêm vì các anh em chị em quyến thuộc của vua quy mạng kính lễ v.v...

Mong các vua Điện hạ cắt sự đầy đủ giàu có với các người đẹp, lạnh cứng như tảng đá hơn thạnh Hán, đức cao hơn Lỗ bảo vệ nghĩa hơn Giang Bình. Luận đạo thì trăm hợp nương gió, làm sự bay cao thì muôn dân kính mến giáo hóa, rộng chí giáo nối thạnh quý tượng. Trong thứ bậc thiếu trưởng thượng và ứng đây nhiều phước, như mùa xuân có trăm hoa đẹp như mùa thu muôn báu thành, tin hiểu sâu chắc, hướng lên chẳng biếng nhác.

Chí Tiểu thừa kém, sự chỉ vì một mình, Đại sĩ ý đồng bao trùm sáu đường. Ngày nay đàn chủ, tin đồng với minh châu, không nhọc bên gương, chất đồng ngọc đỉnh, không đợi ánh sáng ngoài, thường muốn mình và người chung lòng oán thân xem đồng, mọi người đều quay về chí thành vì hai mươi tám cõi trời Tứ thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên, nhân gian người nghèo kẻ bệnh, sự đau khổ ở địa ngục, kính lễ tôn nghi linh tượng Bồ-tát và tháp báu v.v...

Tạng nhiệm mầu của Đại thừa, kinh sâu diệu pháp, đại thân mà vô biên thân, đại lực mà vô lượng năng lực, bốn hướng, bốn quả, tám hiền, tám thánh, sáu khí dày đặt, bốn tựa sáng sủa tráng lệ, đến trị sáng muôn nhà huyền hóa suốt chín chỗ tối tăm mang vi đội vảy thấp sinh noãn hóa, tám khổ, sáu cùng, ba đường năm nẻo đều nhờ tuệ sắc bén đều biết vâng theo, rừng dao dừng đao, cây kiếm gãy mũi nhọn, thành mê mở đường thẳng đến ngã tư đường, nhà tối sinh ánh sáng mở lớn ba diệu, đều hướng đạo tràng đồng lên chủng giác.

Văn đầu đêm:

Từ xa vô thỉ đến khi có thân này, sinh tử luân hồi kinh sợ, trần lao đè nén đâu thể lường, sáng tối thay nhau đến, củi lửa không thể dụ, nước chảy chẳng nhanh, ngàn mặt trăng khó bảo đảm rắn lục nhóm khổ, một cây mừng ngọt, ngủ say dữ dội nơi cứ ngô tối dài rất lắm nơi rượu chẩm, nghĩa chẳng phải người khác chiêu cảm, sự thật thì mình chuốc lấy, từng không biết bẩm thọ hình hài đây là có lý do mà đến, đêm tâm thức này cuối cùng muốn về đâu? Chỉ do thế vị đều cao, tranh kiêu hoa nơi một sáng sớm, xe chạy tự chỉnh đốn, tranh chạy kinh sợ ngay năm ấy chớ không ỷ tâm mạnh, răng cứng, mặt hồng, tóc đen kia, miệng buông lung thân mập thì đâu nhẹ nhàng, rắc rối giây cung nơi trụ ngắn, chìm ngập mà không nhàm, giường ngọc tòa tượng, cùng chẳng phải không có mà không nơi mình, nghĩa là câu chìm nổi nói suối bi không hề quan hệ với người. Chim ngồi quay đều lại lên xuống thường tự tại, kia đâu không biết mạng đều là nguy thân là món đồ khổ, nào khác bọn chó dê ở lò sát, như nai vào nhà bếp thành đồ ăn ngon, như con ngỗng bị ném vào lửa mà không nghi, như con tằm kéo tơ tự buộc mà không ngộ, chưa biện trước, gặp không biết là nhân tập và kia một phen chạm đường sợ sệt, cửa mạnh chẳng nguy hiểm, xe xé nát thân thể mới ở đây không tới được sự đau đớn kia, cắt chân lóc vai so với đây chưa tột sự khổ, luân hồi khởi hay núp thăm thẳm mênh mông, do đây bậc trời trong loài trời giáng lòng bi dắt dẫn, ngăn dòng nước chảy xiết của sông mùa hạ, đập ngọn đuốc mạnh ở nguồn mùa thu. Hoặc đồng thương chủ, chợt đồng y vương, hình khắp tam thiên, giáo truyền trăm ức. Hoặc buông thả thần lực, hoặc vắng các cảnh Phạm thiên, nói thì ba đường lìa khổ, cười thì bốn loài thọ vui, bèn ứng bệnh, đầu cơ, giải nhiều nói lý, chế đó ngày đêm xưng là tám cửa dùng tám khóa chánh làm dựng cửa pháp, đây thật là bến màu xuất thế, là hạnh mạnh mẽ của tại gia, mọi người cùng nhau vận lòng thành vâng lời xây dựng Điện Hạ Nam Bình Vương kính lễ quy mạng v.v...

Mong Đại vương Điện hạ nghiệp tuệ sáng rỡ cùng non Nam mà tướng kiên cố, tâm trong trắng cao vòi vọi, tiết hạnh đồng biển đông rộng lớn, muôn lụy tiêu như khói, trăm tai mất như mù sương, huyễn xảo không mê hoặc, ma mạnh đâu thể quấy nhiễu, bèn thong dong hợp thể tùy ấm mát mà đắc tánh, tự bẩm thọ khí nghi của trời, hằng vững chắc đạo của đường lành, chứng sáu năng lực thần thông, đủ bốn trí vô ngại.

Mặt trăng ở núi Côn Luân thì ta lo việc rắc rối nhiễu loạn ánh

nắng tắt xuống, mưa sa ràn rụa thì thần tịnh chí vui, trăng ngọc sao châu ngậm hoa chiếu nhau, mây nhẹ, sương mỏng, rõ ràng tự dập tắt. Chuông kêu nổi tiếng vang, đèn sáng thì tỏ rõ, tràng pháp cuốn mở, đuổi Cao Hiên mà thong thả, tiếng thơm ngào ngạt. Bỏ gánh nặng mà chuyển nhẹ, nêu vàng ngậm ánh sáng trụ châu rỗng sắc, huống gì bậc thiên tôn vòi vọi oai quang chiếu bốn phương, sáng sủa hoa sen xanh sánh cùng ngọc kha tuyết, biết thần vệ trong gang tấc, như vườn rừng tại đây, tập hợp khách lìa cấu, rộng nhóm bạn ứng chân, rõ ràng ngậm nhổ, một phen xướng ba lần khen, mặt nghĩa đè ép tuyên dương liên hoàn không dứt. Nam Bình Vương thể được cơ thông minh, giúp điềm nhập thần, ôm ngậm đức hòa, trải qua nhân nghĩa, điều lành không nhỏ mà chẳng cùng, lụy có nhẹ quyết bỏ, thọ đồng ống sáo rỗng, soi như gương treo, quên tôn cao của Lỗ Vệ, lược hoa dày của cây đường đệ, dựng tòa thù thắng ít có, đến cờ pháp khó gặp, cùng nhau năm thể quy mạng kính lễ v.v...

Nguyện Đại Vương Điện Hạ vào cửa không hai bên đường nhất tướng, bờ đức bất động, trí vượt đi xa, tiếng tuệ dâng tràn mênh mông cùng tám gió chung xa, thể ngọc ưu du cùng sáu luật điều nhịp nhau, ăn thuốc tốt ở núi Tuyết, rót vị ngon ngọt ở thành lộ, mặc long bào, cây hoàn, ngọc khuê cùng bốn mùa lâu dài, vòng châu màng lụa đỏ suốt ngàn năm mà thường còn.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 16

THIÊN THỨ BA: PHẬT ĐỨC (PHẦN 2)

Sách tạ thuật thờ Phật pháp mở (mười bốn bài) Lương Giản Văn chùa Sát Tượng v.v... chép mười bài. Lương Thẩm Ước v.v...

Chép tiến thờ ở chùa A-dục Vương, của Lương Giản Văn.

Thần Húy nói: Thần nghe tám nước đồng cầu, sự cao nơi gốc pháp, bảy khu đều chứa lý đủ nơi suối vọt, cho nên giường ngà lọng trắng không nhân thì chẳng thấy, bình vàng hòm báu có duyên ở đây nêu ra. Cúi xin Bệ hạ treo gương trời trong nước, vận đại quyền ở trong cõi, ba cõi đều là mộng thì đến đó dùng mặt trời tuệ, trăm thuộc đồng khô thì thấm nhuận đó do mưa từ, động lặng chẳng phải minh, đi ở do nơi người, không thể đặt tên. Thần đâu được xứng, cho nên dùng chiếu ánh sáng sách đỏ thì làm điềm ứng của tiền sử, hoa tai ngọc cảnh cười chê là châu báu đời xưa. Điều khó gặp là xá-lợi chén hình của Như Lai. Soi cảnh bình mật ánh sáng nổi nước đức, như xem xiếng xích, tợ thấy ngọc rồng, tự chẳng phải oai thần Thánh đức thì không có gì để gặp việc ít có này. Trời người đầu đội, xa gần quy tâm, cúi nghe chùa A-dục Vương mới cần trang nghiêm sửa chữa, thần cúng muôn lạng vàng, chiên-đàn đủ mười tạng, báu bày khắp sông, suối vọt nước ra. Tỳ-kheo đem đất dày lớn tạo vuông vức La-hán kéo dây tiêu biểu tháp cao, không kể xiết sự vui mừng kính dâng một trăm muôn tiền, tuy chí thành đồng rải tâm hoa gánh vác không hết mà từng giọt nhỏ đều lọt rất nhỏ như lan hư, nhẹ dùng bụi nghe, cúi xin sợ toát mồ hôi kính tấu.

Tạ sắc lệnh làm tướng Phật và Phật tích:

Thần Húy thưa: Xá nhân Cô Tiệp phụng tuyên sắc chỉ lấy vàng đồng làm tướng Phật và tích Phật, đồ cúng dường đầy đủ, ban cho để cúng dường, phục vì sáu năm đạo thọ vượt khỏi bốn ma, chân có bành xe ngàn căm, đức tròn muôn thiện, cho nên có thể nghe thấy ngộ hiểu gặp gỡ bỏ trần, trời nghe ân thạnh rủ lòng giúp đỡ, sửa soạn trang sức

lan can hiên nhà, trong sạch thân tâm rước đón từ quang, cúi chờ soi giáng, ngàn xướng bốn biện còn không tuyên tâm, lông nhẹ, thẻ mềm, đâu thể bày cảm ơn, không kể hạ tình kính thưa việc tạ ơn, nghe cẩn tấu.

Tạ sắc lệnh tham gia rước Phật:

Thần Húy thưa: Chủ thơ Châu Ngung phụng tuyên sắc chỉ ban ân tham gia, thần liền đến chùa Kiến Nguyên phụng hầu pháp thân, dừng lại ở núi vàng, Vương nhân mệt hỏi, ân vinh hiển rất dày, tạ ơn chẳng có lời nào kể hết, mặc cho tình thấp hèn cẩn tâu sự tạ ơn thấy nghe, cẩn tấu.

Đáp sắc chỉ cho theo xá-lợi vào điện lễ bái:

Thần Húy thưa: Xá Nhân Vương Cảnh Diệu phụng tuyên sắc chỉ rủ lòng thăm hỏi và cho thần theo xá-lợi vào điện lễ bái, vâng mệnh sắc thu soi sáng tiêu biểu điềm lành. Thần so sánh thân tâm được không chướng não, rõ càng theo sau hòm báu chí cẩn cung thân đến, nhưng không sinh được đôi cánh, không nhờ thần thông thân bay lên Tịnh độ cao bày tất cả, chân bước hoa sen, cõi này chẳng sánh, bay bước lên thang báu so đây chưa trọng, dạy dỗ dẫn dắt ân đặc biệt thật về ban đầu, ngó lại cõi này ràng buộc, mừng chép không xiết kính tâu.

Tạ sắc chỉ ban đồng để cúng tạo tháp Lộ Bàn ở chùa Thiện Giác.

Thần Húy thưa: Chủ thơ Trần Tăng Thông kính đọc sắc chỉ, ban cho một vạn ba ngàn cân đồng cúng tạo tháp Lộ Bàn ở chùa Thiện Giác là xứng châu báu của Na Dương, thật cũng là báu của Côn Ngô, nóng mát không biết, chín chợ thấy lạ kỳ, lạnh nóng được nghi, sáu luật thành tựu dụng, huống chi là rồng thần gánh vác ánh sáng của tháp màu này, chim vàng ngậm mang đồ trang sức nêu cao, hòm hang hổ thẹn sự ca ngâm kia, sông Truy hổ thẹn ứng điềm lành kia. Dương Toại ngậm cảnh lại sánh vòng mặt trời, cam lồ vào mâm đủ gọi là rượu trời, lời như rừng vốn thiếu tâm biện lại hổ thẹn, luống chỗ ân nặng trọn khó tỏ bày cảm ơn, không kể chép gánh vác thành thật, vâng lệnh mở nghe, kính tấu.

Tạ sắc chỉ sai vào điện Quang Nghiêm lễ bái.

Thần Huy thưa: Xá Nhân Vương Cảnh Diệu kính đọc sắc chỉ, đã rủ lời thăm hỏi và sai rõ vào điện Quang Nghiêm lễ bái pháp thân. Kính phụng thần thô nhờ ân tạo, rõ giữ mở kính đến bèn cho nhọc thường bay lên Tịnh độ, nhóm gió nước dày không đủ làm dụ, gạn tâm vui mừng, tạ ân vua không có lời nào xứng, không kể tình kém cẩn kính tâu nhờ tạ ân nghe, kính tấu.

Tạ sắc chỉ sai đến xem xây dựng chùa Thiện Giác:

Thần Húy tâu: Phục thấy sắc chỉ khiến đến làm Xá nhân vương Đàm Minh, Tài quan tướng quân Chẩm Vi Ngự, Phục Ngô Cảnh v.v... đến xem xây dựng chùa Thiện Giác, nhờ ân Thánh giáng thần lực ệnh đây làm việc tu đây nêu dài, tháp báu mây che, không đợi mừng tròn, đặc biệt dâng thủy tinh chẳng sai rồng biển, rùa lớn mang bùn chưa đủ là đầy, Thu Lộ (cò trắng) dẫn dây cõi này ngang bằng ngước xem lòng từ thấm ướt mừng chỗ không hết. Xin theo nguyện xưa riêng thêm khóc nghẹn, không kể ghi chép gánh vác xin vâng mở lòng nghe cảm tạ, kính tấu.

Tạ vua đến xem xây dựng chùa Thiện Giác:

Thần Húy thưa: Liền ngày mừng cùng xa giá đến chùa Thiện Giác, oai thần giúp vàng để xây dựng, đại khái được bình yên mà xây dựng, xét kho lầu mà lên xa, đã đồng vắng lặng chứa đồng Tịnh độ mới là Phật sự hằng lợi trời người, thành thật đầu đội thần trăm phẩm lâu dài, không kể tình hèn xin vâng lệnh mở việc tạ ơn, nghe lời kính tấu:

- Ông đã nhọc nhằn xây dựng chùa báu Từ bi, nhờ oai thần chư Phật không nhọc nhiều công sức, vừa muốn vận sức liền dựng đứng, chỗ tối nơi sáng kính ngưỡng ta cũng tùy hỷ, không cho ông cùng chiêm bái đây lấy làm ân hận. Việt sắc.

Tạ sắc chỉ ban cho tiền và hương bạch đàn đầy pháp hội:

Thần Húy tâu: Truyền chiếu vâng lệnh tuyên đọc sắc chỉ, để thần rõ pháp hội được ban cho hai mươi muôn tiền, xông huân Bạch Đàn, hương Lục Sạn mỗi thứ mười cân, giấy vàng thơ chiếu, trước mở suối phủ. Mây xanh khí tốt thứ lớp nhóm ở Cung Quế hàng hóa chồng văn mu rùa, cỏ đẹp thơm xa, rải vàng dày rậm dừng xuống chỗ quan quân, nhóm lúa gạo đầy nhà, vừa trở về thân tộc chưa bằng giúp ruộng tốt đây mở mang năm cái, vào pháp đây độ lớn ra bốn dòng, nhờ lời kính Tổ còn hổ thẹn khó nói, mượn biện vua quan vẫn biết chẳng phải tạ, không tin nhậm gánh vác, xin mở sự để nghe, kính tấu.

Tạ sắc chỉ ban cho trụ Bách Sái và muôn cân đồng:

Thần Húy tâu: Truyền chiếu Lữ Văn Cường kính đọc sắc chỉ ban cho thần trụ Bách Sát và một muôn cân đồng cúng dường xây chùa Thiên Trung Thiên, chín mục cống vàng, cây thẳng ngàn tầm, hằng sáng rễ Phạm luân mới xây bảo tháp. Hạ sai thần đảnh, Tấn xấu hổ tướng gió, khiến phước giúp trong nước công nêu chẳng ra ngoài. Thần do quê mùa ngu dốt bẩm thừa lành thù thắng, vui nhận khắp tâm, ân quang động sắc, thành thật gánh vác không lời tả xiết ơn không tín

nhậm đội mang, kính cẩn dâng lời cảm tạ, kính tấu:

Văn Nguyện Ngàn Phật của Lương Giản Văn

Thường nghe chín cõi phân chia, bốn dân khác phong tục. Sóng hôn mê dễ nhiễm, nghiệp tuệ khó xây nền. Cho nên pháp thân vắng lặng gương có chiếu đây mới cảm, rửa vô minh trong biển dục, vớt chúng sinh lên ghe báu, hoặc nhẹ nhàng lòng từ dẫn dắt, bỏ mỏng tệ cười lôi kéo lòng bi, khúc hay miệng tuyên, ánh sáng xuyên vào đảnh. Từ cây lộc nêu ánh sáng, sông vàng ẩn sự rực rỡ, cho nên đời tượng pháp chúng sinh hy vọng hướng có hình, dẫu ngàn Thánh khác dấu vết mà chung một đường trí, đệ tử là (A, B) từ lâu đã sóng mê trôi dài dòng khổ, không sinh cây ý chưa mở đèn tâm mà bởi sinh một niệm cung kính tạo ngàn Phật. Tuy là Vô thượng vô vi tột tướng khó biện, chẳng không chẳng có, diệu trí ai quán được, mà tóc xanh mắt sáng hoa sen mặt như trăng, giá có thể nêu bày thành kính hằng gởi tâm mong muốn.

Vì người mà đúc tướng bằng vàng mỏng cao trượng tám.

Tỳ-kheo mỗ giáp kính bạch: Trộm dùng mặt trời tuệ, lén bày từ luân bỏ ứng, nghiệp theo gió não, ái tùy lửa tình, luống thương xót áo châu, ôm danh quý mà bỏ ngộ đạo. Trẻ nhỏ khen lá vàng mê hoặc lời dối mà nín khóc, tự chẳng nêu cây nghiệp thù thắng đây và duyên nhiệm mầu kia, lấy gì bỏ nhà tâm này, dời hang thân này. Cho nên nước trong tháp rồng thường xót thương nơi râu sót, gương sáng, khám đá riêng bồi hồi giữ bóng. Mỗ giáp từ lâu phát thệ nguyện khắp vì chúng sinh sáu đường bốn loài tạo lập thân tượng Phật cao trượng tám, năm tháng đã qua nội duyên dễ mất, thường sợ thân tạm có bỗng chốc theo nước vẽ trở về với hư không trôi theo ánh chớp, nay liền dựng lập tâm thành theo bổn thệ đây khiến nhóm mặt trăng thấy dung nhan bày dấu vết núi vàng, thấy hình phát thiện nghe danh bỏ ác, nhổ đau khổ của sáu căn, bỏ thiêu đốt của năm lửa. Nhưng lầu bốn báu ở hư không, bảy tài pháp thiếu nhiều, ngước nhìn đôi mắt như hoa sen mà riêng cảm khái, thấy chữ Vạn mà không do dự, nếu có thể lìa mỏng năm nhà, tổn nhẹ bốn việc, kiết minh từ đây chung thành nhân quả thì công lụa là chẳng chỉ ở đời xưa, báo rải hoa mới nghiệm duyên đến. Lời lành không xa hoa, nơi lời nhiều hổ thẹn, kính bạch.

Cùng Tăng Chánh Giáo của Lương Giản Văn:

Châu này già-lam nền tháp bày nêu tuy nhiều lập bày trang nghiêm tu cúng đầy đủ, xem dấu vết ngoài kia quyết đủ hoa văn xa xỉ mà ở đời ý địa thật có chưa mở rộng. Vì sao? Phàm đúc vàng, khắc ngọc, thêu, sơn, vẽ, ngói, bởi sở dĩ ngưỡng truyền ứng thân xa chú linh giác,

ham muốn bình rồng buổi sáng sớm, theo rừng hạc lúc chiều tà, cho nên tế Thần như thế thì đại kính thần đã tột, cách Thánh đây xa lý nhớ Thánh sẽ sâu. Các chùa cõi này chỉ ở ngày ứng sinh thì tạm bày hình tượng, từ đây về sau đóng kín hòm rương, cho đến manh áo lìa thân, tìm lửa bỏ đầu, hoặc mười tôn năm Thánh cùng ở một kho, hoặc Đại sĩ Như Lai chung cất một tủ. Tin có thể cho là tâm trái với sự, tướng mạo thì tình sai, ý tăng thượng thì nhiều mà tâm tinh tấn ít. Trong tháp xưa hòm hồng chỉ chuyên chứa xá-lợi, dù trắng đầu tượng chẳng phải toàn thân. Nếu lấy tượng vẽ bày tướng nhớ còn khiến quan dân biết cung kính, nấu vàng vẽ mẫu mã, hoàn toàn khiến chúa Việt nhớ nghĩ, thợ dùng rồng A còn có thể gọt vỏ, huống chi cọp, tê giác còn xưng ra khỏi tráp, lại là bậc tối đại viên từ vô thượng thiện chứa nhóm, nghe danh bỏ phiền não, thấy hình vào đạo, mà có thể che hương thơm này, muốn che đậy cây này, che đậy nhà ngọc phong kín tay vàng, đã khác La-duyệt lâu vào Tứ Thiên, lại khác Kỳ Hoàn đóng cửa ba tháng, điện báu trống rỗng, đến thềm ngọc luống hư, màn dày không mở. Chẳng phải ở giữ mở khúc học, tường hồng che dài giống như tránh thù ở Bân Khanh. Vả lại rộng lớn như mây che, cây rui cao chim nhón chân, nếu thí tòa ngọc thì dùng hoa vàng cài đầu để trang sức, không cần bụi trần giúp điểm khuyết mặt trăng. Cửa sổ lưu ly dày tự gió nhẹ khó vào, râu rồng nhỏ cứng đủ khiến yến bay chẳng qua, gồm được lý chí thành chí kính hẳn tôn sùng, xét đáng tâm càng trọng, có thể liền tuyên sự siêng năng, khiến y cứ làm.

Gửi thơ cho Quảng Tín Hầu:

Lưới trắng rộng dứt, lời ý chỉ thường dùng gút dài. Gió mạnh rét dữ nguyện sánh vui vẻ, vâng theo tòa pháp Tịnh Danh, chính thân thừa nương miệng vàng, lời báu nơi Lộc uyển, lý vừa lòng nơi Linh Thứu, sâu kín nhiệm mầu ở đây đã thạnh, trang nghiêm đạo tràng từ đây càng mở rộng, đâu chỉ đèn tâm sáng rỡ ban đêm cũng chính là ý nhị sớm bay lên, suy nghĩ lý rộng rõ vốn chứa nội giáo. Nay chất xe mười điều lành mở đường tám chánh, dòng nước Bát-nhã rửa bụi ý thức, do đây cuối cuân mới là thật thu, đi buôn thường nhớ hoa rừng, nhóm thù thắng cũng được ngôi cuối, trọn sớm hết tối tăm gội lời màu, đến nơi tòa bỏ hơn ngày, lui về nghỉ riêng xét, nắm tay dắt lên gồm mở nói cười tợ như ngước nhìn chín tầng cúi xem trăm thước, do vàng động mặt trăng, cây ngọc ngậm đầy gió, ngay lúc này đủ gọi là pháp lạc. Nay cuốn màng thêm nương truyền một góc, nghe mưa tuệ dòng nước hoan hỷ tràn ra ràn rụa, chảy như sông treo không gì ngăn cản, hư không chẳng thật có, không

sáng suốt tình linh, duyên si có ái tự than khó nhổ, khiêm hạ xe đã đến, nghĩa lời càng ít, nhớ xưa đã hết, hiểu mới chưa ăn, đã thẹo miệng tụng lại chẳng phải tâm nói, hằng nhờ vẽ bình trọn hổ thẹn nhuộm vải. Đây thì mây từ đã dày, biển trí cũng sâu, cuối bóng sóng dư, ít thời rưới tưới. Nhưng xa trái chuyển nhóm khởi lời đầy mặt, xin thêm kính nhận, lời không nói hết lòng, kính cẩn thưa.

Thơ gửi Pháp sư Tuệ Diễm:

Năm cái mờ che tiêu hư không, ánh sáng tiêu biểu thời tiết, trăm hoa khác màu kết màu sặc sỡ thành mùa xuân. Thể đạo thế nào tình hằng tuyên. Đối hư không trong trẻo đã bày ở gió mây, dạo tâm nhập lý, riêng vui định tuệ. Đệ tử việc đời lăng xăng nhọc nhằn rất sâu, nhớ nghĩ núi Bắc khâm phục hiền đã nhóm, mong hội ngộ ngăn hẳn sẽ có hèn kém, bạn hữu duyên sự đồng đói khác, dường như mong đến hình thức một ngày ba năm. Tư tưởng rộng lợi ích lý sẽ không sai, chỉ sót lòng tin này không thuật tấc giềng mối, quy mạng kính lễ.

Sáng mưa đến khí khác lạ có hơi lạnh, tiếp Vệ đã lâu chuyển được sức kia, tuy tha phương pháp giới lược dứt hóa duyên, trong Kỳ Hoàn hằng có ngữ đối, nhớ nghĩ rất lâu không thời nào chẳng nhóm. Từ lâu nhờ thầy giúp nhiều lần thuật gang tấc, không biết khéo cười Tăng rất thường làm bến kịp không. Mới rồi đã đến gạn việc kiến nhóm, rồng voi đều đồng ứng cúng đều tu tập, đuốc tuệ khai tâm cam lồ nhập đầu, nghe đó khéo đùa đem hết sự vui mừng, ôm lòng tưởng nhớ lại càng không tột. Xưa, lúc nhỏ có nghe chế chỉ, thọ đạo ngày ngắn sánh mặt chưa sâu, tuy khác thiền-na sự đồng hoa nước. Nay nhờ Tây Hạ đặc biệt chứa bổn tâm, thăm hỏi lý, chất vận nghi thuộc ở minh đức, không cho là Bát-nhã lưu nạn, hiện tại bệnh chưa lành. Hỏi bến không nơi, than hận đâu xong, xin nương bên kiệu tìm đến già-lam, nhờ lúc này được một phen gặp gỡ, biện luận ở phòng đậu xanh, cảm ứng nơi nhà hoa đỏ, theo mong nhớ năm xưa thuật tấc lòng ngày nay. Việc đây lúc này hẳn nhớ chẳng sai chỉ để thăm hỏi chờ có thơ trả lời quy mang kính thưa.

Đáp thơ tương đông vương

Cảnh đẹp chiều xuân, mây gió tuyệt đẹp, lá lan được nắm, sông nghi có thể tấm. Đệ là Thiệu Nam gởi thư, thời liền phía sau Cam Đường, châu ký là chính tạm dừng việc vén áo choàng. Đường Cảnh dâng bài phú đại ngôn, An Thái thuật lời nối tiếp, tột tốt đẹp du ngoạn mới có đủ sự vui. Tôi đầu xuân bị bệnh nằm tột thành cái tệ, tuy núi Tây nai trắng sợ không thể lành bệnh. Ông dự xích hoàn còn lo chưa chấn, nằm cao sáu an thường suy nghĩ hỏi Biển Thước, ở an bốn phòng nghĩ dứt hương

Tu Đô, đâu mong Văn-thù đến, nghĩ riêng nói Ngô Dung. Bởi do Hoàng thượng lòng từ giúp đỡ cả nước cam lồ được giảng nói, đánh trống bạc ở phường báu, chuyển vòng vàng ở đất thơm, sấm pháp chấn kinh giấc mộng, mặt trời tuệ rực rỡ ban mai, đạo tục đều nhóm họp, xa gần đều đến nhóm, thính chúng đen trắng có thể cả hai ba muôn, do bệnh chướng riêng đến đỗi ngăn nghe đạo, đâu chỉ Dương Bộc có thương tổn ngoài cửa, Chu Nam khởi hận dính mắc. Ngày thứ mười ba mới hầu pháp, cho nên ở xa gần cũng chưa kham cầm bút. Kính Tổ trước đi xa xét định muốn y thù thắng, thường từ nghĩ đây thương xót nhưng lỗi lo xa dài của dòng sông. Thức hay ngủ lo lắng nhớ nhau, thường được thư Đệ bệnh tật đã giảm, xét riêng có tin ở đây không chỗ bày.

Các bài minh tụng ở chùa và tháp Phật của thẩm ước đời Lương

Phật giáo qua đông độ chưa nổi tiếng lắm, ban đầu từ Lạc Kinh thạnh ở Giang Tả, Tấn Cố đem xe ngựa tướng quân Ban Na Vương Thiệu, huyền ngộ riêng hiểu, tin giải sâu xa. Đối với Thái tổ Văn Hiến Công, phía Bắc thanh miếu xây tinh xá Chỉ Viên, kia ban đầu do hàng rào cây chỉ thơm cho nên tên nhân sự mà lập, tuy phòng điện nghiêm chỉnh mà huỳnh sát cúi cây, Thiệu Huyền Tôn Thượng Thư, quan Bộc xạ Nam Dư Châu, Đại trung chánh Vương Hoán hiểu sâu pháp tướng rõ suốt tông cực, siêng thành nổi bên ngoài, nhân từ ẩn trong rộng, mười một năm không ăn quá ngọ. Tuy giúp việc triều mà gần gũi Nại phủ. Ngày làm Hàn Lâm ở Châu Tương, cây cờ chỉ huy là áo Lãi. Ngôi vị cùng nằm bên, thu theo tuổi dày, nhưng chỉ có ân thạnh, chúa lườm yêu kết tình vua, tín nhậm ở phương Đông gởi sâu ngoài bình phong, luống muốn trọn sẽ hết lo lắng biết đều vì sao giúp dân, cùng nói ân Thánh, mà tự do sức yếu đường xa trọn xấu hổ hiệu lực dở.

Vả lại nghĩa chỉ đời nay, báo nêu quả đời sau, chẳng phải lý do thù đáp rộng lớn ban cho bến tối, vui vẻ đan thành ở kiếp xa. Tự trái bờ đầm từ tạ ra bãi cồn, thể ở chùa xưa, quang thọ năm tầng, tổn hại bổng lộc nước Phiên trong mười sót một, phàm thiếu đã lấy ba mươi sáu muôn. Ngày mộng ba tháng sáu niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ sáu đời Tề, bởi cây chở bệnh thìn tướng khải Thượng đế hợp ngày vui của trời bèn cao khiết tôn sùng nêu ở mây xanh, trồng chồng lớp cuộc hạn nơi gò đen. Ngưỡng mong ở thâm cung nhận giúp đỡ, phước che thâu về, tám thần kinh nhà muôn kỳ giúp thể, ngôi báu thạnh xa bền chắc càng lâu, linh thôi xa xôi, hằng đồng phép tắc thường trụ, các Thánh ban điềm lành lâu dài. Ném trời hòa cực nhỏ, vua Phiên to lớn tài giỏi truyền bá tông anh ở Lương Sở, đàn sau lưu phong cách thắng mà nhường, khen năm một

mùa, gặt hái lương thực ruộng mẫu mất mùa do gần bên thành mở tách ra. Nhà có mười điều lành, người nhớ sáu độ, chúng ma cúi đầu, ngoại đạo quì gối, rút củi dứt lửa, bẻ kiếm phá mũi nhọn, cứu tăm tối không lựa chọn, được thần hóa nơi hữu đảnh, ba cõi năm đường đều đồng nguyện này, khắc đá giàu có đầy đủ cách thức gọi là tâm khuyết.

Văn Tề cánh lăng vương đề phật quang (một bài).

Lý suốt vắng lặng dầu khuôn mẫu không thể truyền, nghiệp động nhân ứng chẳng có hình tướng thì không do đâu mà cảm. Đây cho nên màu sắc tươi đẹp mặt trời mặt trăng rực rỡ ngoài trời, khu vực tan cảnh, thước tấc bụi vuông. Thái tổ Hoàng đế, giặt áo ở nước tuệ, ngưng thần ở cõi tịnh, nơi thềm quý chán đời, dời tánh linh lên đất báu. Cánh Lăng Vương là tên húy, khóc không đến Minh Đài, thảm thiết núi cao phương xa, mộ Bình Vương luyến tình ân song thọ, hằng chỉ có thể phát sáng thần công nêu cao diệu nghiệp, chớ như thức vàng vẽ tốt thợ khéo truyền nghi. Do ngày tý đời vua Tề năm thứ tư, kính chế tượng Thích-ca xinh đẹp tợ thợ trời đùa chứ không phải thợ thế gian đúc, sắc tre lưu bóng nhiệm mầu hơn hương chiên-đàn, để suy nghĩ rừng cốc hằng tuyên dương ở muôn kiếp, dùng khắc cờ hiệu dấu vết cách thức rủ không hư mục, là như vậy.

Bài minh Phật Di-đà

Pháp thân không hình tướng, thường trụ vô hình, lý không phản ứng, trí diệt là linh, cùng vắng lặng chấn động âm vang. Đêm dài mở màn đêm mờ mịt xa thọ, chẳng tuổi chẳng năm, vật ưa khắc tô vẽ, người vinh quang báu trang sức sự nghiệm muốn khởi tình đầy lụy dứt, rất là Thánh sâu. Dòng nhân động xót xa, thuận tâm đời kia, thành nguyện lực này, chỉ có Tịnh độ đã đẹp lại trang nghiêm, cõi Dục ngọc đầy sắc lạ, rừng ao sáng sủa, chẳng có bào thai hóa đến từ phương khác mà thác sinh ở đây, đai đỏ nhà xanh, nhớ lời An dưỡng khởi lời đến xa, đường báo tuy xa, do tấc lòng hết sức chí thành kỳ lạ. Khắc linh nêu dấu vết, tôn nghi phảng phất, vẽ vàng viết đá, tùy cây đà cát ngọc, chợt đến chợt đi, cây báu xinh xắn, nhân gió phát ra tiếng, nguyện đến cõi kia, sáng nhớ chiều tưởng bảy món quý báu, chẳng ham muốn, ba đạt kính đây.

Bài minh thụy thạch tượng và lời tựa

Linh ứng xa nhỏ không dấu vết để đuổi theo, đường tâm chiếu thông, có cảm thuận đây. Vua ta thể thần ngự tột, thông minh đến trời, thuyết hiển thành pho, không suy nghĩ chẳng phục. Nếu nhị nghi (trời, đất) hòa hợp đức, năm tinh giúp giáo hóa, dưới rỗng suốt đầm suối, trên thấu đến trời xanh, trời không dứt điềm lành, đất không giáng điều tốt,

Thập trụ phảng phất ngang rừng, ứng chân vang tiếng ở đêm vắng, lông trắng treo trăng, vót ánh sáng nhà Phạm thiên, bước đi thần diệu, rải uy vũ nơi điện vua, còn sự phù hợp ở lụa vàng đã tiêu biểu điềm tốt lành, đều như mây sương giăng đầy lựa chọn giúp đỡ nhắc nhở chớ ba đen cách xa ngàn năm lại xuất hiện sương móc thấm nhuần màu mỡ, trông chim phụng che mà thấm thềm, ở đây đều ngày an lành như thời vua Thuấn chưa tối, năm như thời vua Nghiêu ít giáng, há gặp chim châu động sắc, lúa nếp đen đến nhau mà thôi. Gia ngọc xa từ Bắc Nhung, Lương chìm nước mà ủy chất, nhuận suốt vòng ngọc kỳ lạ nơi đời xa không thấy, vàng trắng gần phát núi Đông, phân tích u nhan mà mở điềm lành, gần được vách núi, linh to lớn chưa khắc, tuy lại tuyệt vòng trắng, ban cho ngọc dao báu của đèn bạc mới mộng bằng đây.

Nếu đồ vàng đá cứng chẳng phải chất dạo nước, tự chẳng phải rèn đức mà thấm tràn, cảm linh cực xa, đâu biến thể cứng chìm, hiển tướng nhẹ nổi. Chỉ có tháng ấy vào niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy, có rõ đá mờ mịt phát nơi bến trời, nhờ thủy triều lên thấy biển đầy, trái dòng xa đến, nếu dòng chảy khác dâng vườn cấm kỳ lạ, ngọc quỳnh ngọc du đồng thấm sánh sắc với tinh vàng, vua nhớ cửa tối dễ mở, bàn bạc huyền ứng vô phương, tuy phân tích việc vắng lặng mà nhân tấc lòng, ái kia tánh hằng trinh, khen ngợi kia giúp đỡ đã lâu, chớ như vẽ diệu tượng nơi chiên-đàn thơm, họa di ảnh ở cây lớn, bèn ra chiếu gọi thợ, là chạm khắc là mài giũa, linh tướng vẻ đẹp sáng đồng như thần làm. Còn như hơn khắc chạm đẻo cong gọt thẳng, vuông, tròn, lớn, nhỏ, chạm nước đây chìm, ít dừng chân nghỉ lại, đích thân đến thử. Bởi pháp thân là nương gá không chìm đắm ao ngọc, cắt chẻ đã lìa, nơi cần nước vàng nổi, tuyệt vời thay điềm lành phù hợp nhiệm mầu như thế, dám chép ban cho nhiều báu, phước đến trời người.

Kia lời rằng: Thượng giác xa vời, thần công rộng lớn, bốn thiền không hình tượng, ba đạt rỗng không, nêu linh giáng thế, giải bày mở mang. Chỉ có bậc Thánh chứa lòng nhân báu hóa thầm dung, đạo chẳng ứng dấu vết, sự để cảm thông, tình chìm chất nổi, xa tự Hà Thông, mờ mịt tuyên nước, mênh mông nhờ gió, bia đá mênh mang xa tít điềm lành phía Đông nước ta có thẻ hoàng đức, bèn nhìn lại cung vua hằng nói thứu thất đắp thành cung Phạm thiên vừa làm khuôn vừa khắc, thợ vẽ vẽ khéo nhờ năng lực nhiệm mầu này, ngày vàng mở mang nghiệp đế hưng thạnh, tua mũ miện mặt nam sánh cao cùng tuổi thọ.

****

BÀI MINH TƯỢNG PHẬT THÍCH-CA

Nhóm trí thành sáng nhóm nhân thành nghiệp, bậc Năng Nhân cảm ứng, dùng sữa diệu pháp dừng cảnh thượng thiên, giáng sinh hông phải, trước ra bốn cửa, sau vượt chín kiếp xa cầu tánh linh, rộng theo xe nhiệm mầu, đạo tuy có cửa, dấu vết không thể có điềm báo. Người và ta đều tạ ơn, tâm hạnh đồng vắng bặt, một phen bỏ hậu tâm trăm phi đâu hết, cảm giúp lý ngộ, hoặc dùng lời bày, lời không tự hỏi xuất ra nơi thân, có đến quyết ứng như bùn ở vòng xoay, bóng theo hình dáng đáp tiếng. Là vật hay người ứng ta dùng hình mà ông đui mù giữ chặt đêm dài, làm sao cứu khổ này, kính tìm tướng lính, pháp ngôn thoáng nói ra, không có tôn nghi huyên yên ai thấy.

BÀI TỤNG NGÀN PHẬT

Đạo có đều thích lý không hai quy, chiếu tịch đồng đúng hình tướng đều khác, ngàn giác phủ ứng, thay gọi cơ tối, bảy tôn nối dài, cảm tạ lỗi trước đã qua rồi, vị lai không tượng một sát-na chẳng dừng, ba niệm đồng qua, không thường không trụ, chẳng nay chẳng xưa. Hiền kiếp tuy xa, nhanh như tiếng vang, nương rừng nhờ cây, trái nhà ngược gia, trước Phật sau Phật dấu vết giáng sâu, hoặc dạo nơi kiên cố, hoặc ẩn long hoa, đạt được ý chỉ này sẽ đồng với hằng sa chúng sinh lúc nhúc, đồng diệu cực đây trước khỏi tham gia khác nhau, đều nguyện tùy sức Mật Tích hoằng đạo, thường trọn được thệ thấy vận sau hằng truyền cho biết.

KHEN BỒ-TÁT DI-LẶC.

Khen rằng:

Thừa giáo vốn một, pháp môn không hai, nền nghiệp sáng rỡ, công do nhóm đất, mờ mịt bốn xa, âm vang xa tít. Đạo có thường tôn, thần không hằng là món đồ, lột bỏ vương gia đến nương ngôi báu. Mặt trời tuệ khai sáng. Mưa thơm rưới xuống, nhờ cảm sẽ theo, nương duyên đến đây, nói rằng: Ta là bậc Thánh, nghi trời làm người phụ tá còn tưởng cành rồng, nhìn nói suy nghĩ nhu mì, khắc đá vẽ huy hiệu, chạm vàng tô thần, mong tột đồng công, nêu sáng đồng sâu sắc, vượt đến xa sáng ngời lý đủ, kính tạc dấu vết màu để tỏ truyền ý xa.

Đề khen tượng thêu và lời tựa

Nhà Tề niên hiệu Vĩnh Minh, vào ngày mồng một năm Kỷ mùi, mồng hai canh thân của tháng tám mùa thu năm Bính dần, Hoàng Tôn thứ ba do Trần phu nhân sinh ở nơi nhà nhỏ mà lý sáng tỏ trí tuệ thấu

hư không, kết lời ngôi báu, tâm vọt tịnh giác, nhân Tỳ-kheo Thích Bảo Nguyện tọa chủ chùa Nhạc Lâm thêu một bức tượng Phật Vô Lượng Thọ (Di-đà) bèn làm bài khen rằng:

Nêu tướng khác nghi, truyền hình chẳng phải một, chạm ngọc vẽ ánh sáng, khắc vàng tô thể chất, cũng có người hiền lành ngậm hương thơm thượng luật, phát tình đẹp rực rỡ, vẻ vời thuật báu, lụa đẹp sáng bên trong, linh tự tràn ra ngoài, nước sáng cát vàng, cây treo lưới ngọc, hiện hợp tịnh quả đến ứng diệu thường nuôi dưỡng hoa mỹ, chấn động khuê cung, hoa vọt đến nhà Phạm Chí có ức năm này ở vạn ngày đây.

BÀI MINH SÁT HẠ CHÙA QUANG TRẠCH

Chùa Quang Trạch là chỗ ở cũ của Thượng đế, là triệu xưa của hành cung, đất của làng ấy xóm ấy huyện Mạt Lăng, quận Đơn Dương ở Châu Dương, tự bỏ Bân Hào này đến nghi kinh phủ, nâng nhà mé Đông, hợp cũ cổng thành. Tâm thánh lưu ái nhàn rỗi, gánh dời tường nam, nghĩa đồng bỏ đất Phong, sự đều theo đất Cảo và khắc giúp hoành lưu ứng vận báu này, sai mở rộng của cung điện vua tức quá nhỏ mà làm nhà, đã đồng Hán Cao quyến luyến Phong Bái, cũng đồng Quảng Võ mến tiếc Nam Trần suy nghĩ lý do hằng lưu dấu Thánh nương đó không hư.

Nay sự đồng với Tu-di, lý vô tận với trời đất, đâu bằng bảo tháp Quang Kiến cách thức truyền về sau, bèn lấy tiết trọng đông ngày Mậu dần 23 tháng 10 là tháng toàn huỳnh chung nhuận năm kế tinh kỷ làm niên hiệu Thiên Giám năm thứ sáu đời Đại Lương. Cây cờ gò đen nêu tột mây xanh, dưới rỗng suối ao thúc ép sao Hán, mới phải buộc đá lớn ở Hiền kiếp, cứu cõi nhẫn đời vị lai. Như ánh sáng hạt châu chiếu đến rực rỡ mây màu đến, chẳng phải chỉ trời mến gồm nhân đức của đất, Hoàng đế bèn mở rộng cánh cửa làm ghe chuẩn, tiếp thần mà động xe ba ngựa, vượt phù lương mà thẳng qua, cỏ chi cho cùng hoa xanh sum suê, xe vua đi ngừng nghỉ, thân bày thành kính rộng nhóm bốn bộ lường cảnh đồng dòng hoằng nhân rộng đây giúp đỡ không ngoài, đồng do thiếu đường đều đến đạo tràng, bèn làm bài minh rằng:

Tám góc xa thẩm, chín phục mênh mông, đến đáy linh Thánh đều nêu điềm lành thọ khâu rạng rỡ sấm sáng chung quanh then cửa, khắp tha thứ vỗ về, năm vĩ vào phòng từ đây xa xôi, ở chỗ quên mất, đâu biết như nước thà nói cùng tột dâu, tự trời buông thà, với ta chỉ có vua tức nên xưa làm ghe thuyền cho đời, chồng mái chồng hiên cõi xa ngẩng cao. Cõi và Tịnh độ, đất tức giường vàng do đây rộng cứu giúp khắp bay liệng, há luống ba cõi đâu chỉ mười phương, thấm đủ vạn cổ, trao

tay trăm vua một niệm đáp đây muôn thọ không biên cương lâu như mặt trời dài như bầu trời.

BÀI MINH TINH XÁ THÊ THIỀN

Chùa này do Chinh Tây Thái Tông lập, xưa tham gia chỉ huy dự ban sáng lập kinh đầu tiên, nay lại dạo bước soi xưa khởi an ủi cho nên soạn bài minh này, để truyền hương thơm.

Ở châu Dĩnh vào ngày tháng ấy niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba ông Nhan Linh đi xa đến Thê Thiền chốn xa, phòng lan chất tuệ, rui nhọn chịu khói. Nhìn Nam thấy miếu đồng bóng trông Bắc thấy trời Hoài, xa thì rừng ao, rộng thì sông ruộng, tâm không nhìn vắng lặng tướng tuệ thuần nơm, mến chỉ bước chân đây thương xót thuộc năm xa, dạo nhân sánh xa nhà thường nhờ chiên-đàn, ban cho sáng lập vườn thần, giúp tạo linh chuyên. Xem vườn cấm thác trông núi Thứu Sơ, cắt đá đẻo vang, bồi hồi lý ngưng huyền, rộng dời cờ lông chim. Xa riêng suối thông, tổ chức nước Đông, hóa cảnh liên Tây, nơi núi cao hay chỗ trưng, để yên hay dời đổi, vỏ gai thô khắp, lại nương Hán xa, lại theo cờ hiệu treo xưa từ màn báu nay nương chiếu Phạm, tám lần biển hạc chín lần chim kêu núi nối liền, ngọc bội ngọc hoa che dài, dấu vết khuyến khích luống truyền, cách thức nhờ mây vây quanh, dám nói là duyên lành.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 17

THIÊN THỨ BA: PHẬT ĐỨC (PHẦN 3)

Nước Tùy, Tùy Cao Tổ ra chiếu chỉ lập tháp Xá-lợi. Xá-lợi cảm ứng ký nói nhà Tùy, Vương Thiệu làm. Mừng xá-lợi cảm ứng biểu. Nhà Tùy An Đức Vương hơn trăm quan v.v... Nước Tùy, Tùy Văn Đế ra chiếu chỉ lập tháp để xá-lợi Phật. (Tự chú mười sáu châu v.v...) chùa Phụng Tuyền ở châu Kỳ, chùa Tiên Du ở châu Ung, chùa Tung Nhạc ở châu Tung, chùa Đại Nhạc ở châu Thái, chùa Tư Giác ở châu Hoa, chùa Hoành Nhạc ở châu Hoành, chùa Hoằng Nhạc ở châu Định, chùa Liên Vân Nhạc ở châu Khuếch, chùa Cự Thần ở châu Mâu, chùa Cối Kê Sơn ở châu ngô, chùa Đại Hưng Quốc ở châu Đồng, chùa Thê Nham ở châu Bồ, chùa Hổ Khâu Sơn ở châu Tô, chùa Đại Hưng Quốc ở châu Kinh, chùa Vô Lượng Thọ ở châu Tinh, châu Tùy, châu Ích, châu Tần, châu Dương, châu Trịnh, châu Thanh, châu Hào, châu Nhũ, châu Qua, châu Phiên, châu Quế, châu Giao, chùa Đại Từ ở châu tương, chùa Đại Hưng Quốc ở Châu tương.

Môn hạ kính mong Chánh Giác đại từ đại bi cứu hộ chúng sinh, làm bến cầu cho các loài.

Trẫm quy y Tam bảo trùng hưng Thánh giáo, suy nghĩ với tất cả nhân dân trong bốn biển đều phát Bồ-đề cùng tu nghiệp phước, khiến hiện tại và đời sau thường làm nhân lành đồng lên diệu quả, nên thỉnh ba mươi vị Sa-môn am hiểu pháp tướng đến giảng nói đạo, đều đem hai vị thị giả và tán quan khách một vị, hương huân lục một trăm hai mươi cân, năm con ngựa chia đường rước xá-lợi. Từ trước đã cho văn kiện đến các châu xây tháp, kia chùa Mạt Chú thì có chùa Sơn Thủy xây tháp nương trước núi, núi Cựu Vô ở châu Đương trong chùa Thanh Tịnh dựng tháp, ty sở tạo dáng đưa đến châu Đương, Tăng nhiều là ba trăm sáu mươi vị, kế là hai trăm bốn mươi vị, kế nữa là một trăm hai mươi vị. Nếu Tăng ít thì tất cả Tăng đều vì trẫm, Hoàng hậu, Thái tử,

con cháu các Vương hầu, quan nhân trong ngoài và tất cả thứ dân, sinh linh thuyết hiển mà đều hành đạo và sám hối bảy ngày. Bắt đầu hành đạo, ngày đả sát bất luận cùng châu hay khác châu mặc tình người nào cũng bố thí, tiền hạn định chỉ mười văn trở xuống không được quá, tiền thí để cúng xây tháp, nếu ít không đủ xây thì dịch chính đinh và dùng vật trong kho cả nước, Tăng Ni các châu khắp vì xá-lợi lập trai, hạn giờ ngọ ngày mười lăm tháng mười đồng xuống vào hòm đá. Thứ sử tổng quản trở xuống, huyện úy trở lên nghỉ quân cơ dừng việc thường bảy ngày, chuyên xem xét hành đạo và đả sát... các việc hết sức thành kính, ý trẫm như vậy, người chủ thi hành.

Ngày 13 tháng 06 niên hiệu Nhân Thọ năm đầu, quan nội sử ra lịnh Dự Chương Vương tuyên đọc.

GHI CẢM ỨNG VỀ XÁ-LỢI

Hoàng đế xưa ở Tiềm Long, có Sa-môn Bà-la-môn đến nhà đưa cho một gói xá-lợi nói rằng: “Đàn-việt có tâm tốt nên cho để cúng dường”, Sa-môn đi rồi, tìm vẫn không biết chỗ ở của người. Sau đó Hoàng đế cùng Sa-môn Đàm Thiên đều để xá-lợi ra tay mà đếm, hoặc ít hoặc nhiều đều không thể định Đàm Thiên nói: “Có nghe Bà-la-môn nói pháp thân vượt ngoài số lượng, thế gian chẳng thể suy lường”, vì vậy bèn làm rương bảy báu để đựng. Thần Ni Trí Tiên nói: “Phật pháp sắp diệt, tất cả thần minh nay đã đi về Tây. Ông sẽ làm cha lành khắp trời trùng hưng Phật pháp, tất cả thần minh lại đến”. Về sau Chu Võ quả nhiên tiêu diệt Phật pháp, nhà Tùy lên ngôi bèn hưng phục lại, Hoàng đế thường dùng lời Thần Ni mà nói: “Ta hưng khởi là do Phật”, cho nên trong tháp xá-lợi khắp trong nước đều làm tượng Thần Ni.

Hoàng đế, Hoàng hậu ở chùa Ni Pháp Giới tại kinh đô tạo tháp Liên Cơ để báo đáp nguyện xưa, sau để xá-lợi. Đêm mùa thu năm niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm có ánh sáng thần từ nền trên đá nhiễu lộ bàn mạnh như lửa đài Lô, trong một tuần bốn lần như vậy. Hoàng đế lấy ngày 13 tháng 06 năm đầu niên hiệu Nhân Thọ để ngự đến điện Nhân Thọ của cung Nhân Thọ vốn làm ngày sinh nhật, mỗi năm đến ngày này thâm tâm hằng nhớ tu các phước lành để báo ân cha mẹ, cho nên rước các Sa-môn Đại đức cùng bàn chí đạo, đem các châu trong biển chọn ba mươi chỗ cao sáng thanh tịnh xây tháp xá-lợi.

Vì vậy Hoàng đế đích thân đem rương bảy báu bưng ba mươi xá-lợi để vào mà đặt trên tòa ngự cùng các Sa-môn đốt hương lễ bái, nguyện đệ tử thường dùng chánh pháp hộ trì Tam bảo, cứu độ tất cả

chúng sinh, và lấy bình vàng lưu ly đều ba mươi cái, dùng lưu ly đựng bình vàng để xá-lợi ở trong, dùng hương huân lục làm bùn trét nắp mà niêm ấn. Ba mươi châu đồng vào giờ ngọ ngày 15 tháng 10 vào hòm đồng hòm đá đồng loạt dựng tháp.

Các Sa-môn đều dùng tinh xá bưng xá-lợi mà đi, ban đầu vào châu Cảnh trước, khiến nhà nhà rưới quét che đồ dơ xấu, kẻ đạo người tục, kẻ nam người nữ đón rước từ xa. Thứ sử tổng quản và các quan nhân dẫn bộ trên đường, bốn bộ đại chúng dung nghi nghiêm trang, cùng dùng bảo cái, cờ phướn, đài hoa, tượng đài màn Phật, kiệu Phật, núi hương, bát hương, các món âm nhạc đều đến cúng dường, đều cầm hương hoa hoặc đốt hoặc rải, vây quanh khen ngợi, âm Phạm hòa nhã, nương phép rước xá-lợi vào thành Câu-thi-na của kinh A-hàm, xa gần lời nói việc làm đi đôi, mây sương nhóm đến, tuy là người mù, què, già, bịnh dẫu bò cũng đều đến.

Sa-môn đối trước bốn bộ đại chúng xướng rằng: "Đấng Chí tôn dùng đại từ của Bồ-tát không biên giới, không bờ mé, thương xót chúng sinh như cốt tủy cho nên phân rải xá-lợi khắp thiên hạ đồng làm nhân lành", lại dẫn văn kinh các món phương tiện quở trách dẫn dạy, thậm chí thương xót rơi nước mắt như mưa. Đại chúng nhất tâm chấp tay quỳ gối, Sa-môn đọc văn sám hối rằng: "Đệ tử Phật thọ giới Bồ-tát là Hoàng đế... kính bạch tất cả chư Phật mười phương ba đời, tất cả chư pháp, tất cả Hiền thánh tăng, đệ tử nhờ phước Tam bảo giúp đỡ làm vua cha chúng sinh, suy nghĩ cùng tất cả thứ dân cùng lập Bồ-đề, nay muốn phân chia xá-lợi cho các châu xây tháp, muộn khiến khắp nghiệp lành, đồng đến diệu quả, vì đệ tử và Hoàng hậu, Thái tử, con cháu các Vương hầu, quan nhân trong ngoài, sinh linh u hiển trong khắp pháp giới, ba đường, tám nạn mà sám hối hành đạo. Cung thỉnh chư Phật thường trụ mười phương, mười hai bộ kinh pháp tạng thâm sâu, chư tôn Bồ-tát, tất cả Hiền thánh, nguyện khởi từ bi cho đệ tử thỉnh, giáng đến đạo tràng chứng minh đệ tử vì tất cả chúng sinh phát lồ sám hối, vì vậy đúng như pháp lễ bái đều thọ ba quy y". Sa-môn lại xướng:

- Đệ tử Phật thọ giới Bồ-tát là Hoàng đế... khắp vì tất cả chúng sinh phát lồ, từ vô thỉ đến nay đã gây ra mười nghiệp ác, tự làm, dạy người làm, thấy làm vui theo. Vì nhân duyên tội này đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ, hoặc sinh vào nhân gian lại yểu mạng thường bịnh, thấp hèn, nghèo túng, tà kiến dày vò, phiền não vọng tưởng chưa thể tự thức tỉnh. Nay nhờ từ quang Như Lai soi chiếu đến, nơi các tội kia mới bắt đầu hiểu biết, thâm tâm hổ thẹn sợ sệt không thôi, đối trước Tam

bảo phát lồ sám hối. Nhờ mặt trời tuệ của Phật mà đều tiêu trừ, từ thân ngày nay cho đến thành Phật nguyện không gây ra các tội này nữa.

Đại chúng đã nghe lời này rất buồn, rất mừng, rất hổ thẹn, rất sợ sệt, ghi tâm khắc cốt, bỏ tài của xả y vật và cắt tóc để bố thí nhiều không thể tính kể, hằng ngày cùng lập đại trai đàn lễ sám thọ giới, xin từ nay về sau làm lành dứt ác, đời đời kiếp kiếp thường được làm con tôi Đại Tùy, bất luận già, trẻ, Hoa, Di, đều phát thệ này, dẫu kẻ giết mổ, người săn bắn, giặc cướp cũng trọn niệm lành.

Xá-lợi đưa vào hòm, đại chúng vây quanh đầy nghẹt, Sa-môn bưng cao bình báu xoay vòng chỉ bày cho bốn chúng, mọi người nhìn không chớp mắt, đồng thấy ánh sáng, luyến mến khóc lóc tiếng vang như sấm, trời đất chấn động. Phàm chỗ vào an trí đều như vậy. Chân thân đã ứng, linh tháp thường còn, thiên hạ ngước xem, quy y phước điền ngày càng nhiều không cùng.

Hoàng đế sáng sớm ngày xây tháp, ở sân điện Đại Hưng nơi cung Đại Hưng, đứng ở mặt phía Tây cầm ngọc khuê, thỉnh rước tượng Phật và ba trăm sáu mươi bảy vì Sa-môn, cờ phướn, lọng báu, hương hoa, tán tụng, âm nhạc, từ chùa Đại Hưng Thiện đến ở điện đường, Hoàng đế đốt hương lễ bái, đến ngự ở hiên mé Đông, đính thân vua dân bá quan văn võ, ăn chay trai giới. Lúc này nội cung, Đông cung đến ở kinh ấp, mênh mông nhà, ghe xe chỗ thông, tất cả quyến thuộc người dân đều vâng theo Thánh pháp. Khi chúng Tăng mới vào, vua sai tả hữu thầm đếm, tự cửa Hiển Dương đến bậc thềm đếm ba lần thường dư một người, Hoàng đế thấy một vị Tăng lạ che mâm đậy bát, vua nói với tả hữu: “Chớ có kinh động, để ông ta bỏ ông đi đã”, lại đếm thì người ấy quả nhiên không hiện lại. Lúc đem xá-lợi đi, Hoàng đế thưa: “Nay Phật pháp được trùng hưng, chắc chắn có cảm ứng”. Sau đó nơi nơi dâng tấu đều nói như vậy.

Chùa Tiên Du ở châu Ung xây tháp, lúc này trời âm u có tuyết, đem xá-lợi về hôm sau trời liền quang đãng, bèn đưa vào hòm, mây lại hợp.

Chùa Phụng Tuyền ở châu Kỳ xây tháp, lúc sắp làm hòm thì cách phía Đông bắc chùa chừng hai mươi dặm bỗng thấy bốn lằn đá sáng như ngọc, lớn nhỏ bằng thẳng, bèn lấy đó làm hòm lại, vì vậy vách Nam hòm lớn có màu sắc lạ sáng rỡ thành hình song thọ cao ba thước ba tấc, cành như tuyết trắng, lá như mã não, vách phía Bắc, phía Đông có hình chim, thú, rồng, voi, bốn vách đều có hình bông hoa xoay bên trái xoay bên phải, sau đó nền đá lần lần biến hết như thủy tinh, Sa-môn

Đạo Xán vẽ tượng song thọ này đặt ở châu Hứa, lá đều biến thành màu xanh. Năm sau, chùa Đại Bảo Xương ở châu Kỳ vẽ được điềm tướng ở châu Thiểm đặt tại Phật đường để cúng dường cho nhà đó, đại tượng ba lần phát ra ánh sáng đỏ ra khỏi cửa. Vì vậy mười tượng Phật ngoài cửa và tượng Bồ-tát Quán Âm cũng liền phát ra ánh sáng trong khoảng nửa tuần, trời lại rải hoa như mưa.

Chùa Đại Hưng Quốc ở châu Kinh xây tháp. Lúc sắp làm hòm, có ba nhà đều dâng đá tốt xưa mài, chẳng phải trong cõi nước này có được, lấy đó mà dùng thì tương xứng vừa vặn.

Chùa Tịnh Niệm ở châu tần xây tháp, trước vị Tăng ở chùa mộng có các vị tiên đến nhóm dùng dây đỏ đo đất, lấy cọc sắt đóng ghi chỗ và định nền tháp ngay chỗ ấy. Lại có mây lành đến che xá-lợi, lúc này tháng mười có tuyết rơi, mà gần chùa cỏ cây đều nở hoa. Xá-lợi đem vào hòm, ánh sáng thần chiếu xa, trong hư không lại có tiếng khen ngợi.

Chùa Tư Giác ở châu Hoa xây tháp. Trời lúc này tuyết rơi, xá-lợi đem về thì ngày sau trời liền sáng sủa, có ánh sáng năm màu cách đất mấy trượng giống như tướng bánh xe thẳng che trên tháp, ngoài mấy mươi dặm nhìn xa thì chánh sắc đỏ trên thuộc trời, đưa xá-lợi vào trong mây mù lại nổi, mây lành bay rải như hoa trời, dính vào áo người rất lâu mà không ướt.

Chùa Đại Hưng Quốc ở châu Đồng xây tháp. Đêm đó xá-lợi ở trạm ngựa gần đó, ban đêm trời mưa, sáng ra lúc làm lễ mây, mặt trời mở ra sáng rỡ, xá-lợi vào từ cửa Nam mà thành phía Bắc vẫn mưa như lúc đầu. Đã đến chùa, lại mưa đưa vào hòm thì mặt trời lại xuất hiện, các ánh sáng màu vây quanh mặt trời như vòng tròn. Trước đó vị Tăng ở chùa tên Tuệ Chân mộng thấy vị Thánh đảnh có vầng hào quang tròn chiếu khắp trời đất, đến từ phương Tây, vào cửa mà đứng. Khi kiệu xá-lợi đến vô cớ dừng ở chỗ đó, do đó mà định nền tháp, đêm mồng tám tháng mười hai có vầng hào quang tròn năm màu từ nền vọt lên chiếu khắp trong thành sáng như ban ngày, xa năm mươi dặm đều thấy rõ. Năm sau vào tháng tư ánh sáng trắng lại phát ra ở phía Tây tháp, chiếu qua phía Đông rất lâu mới tắt.

Chùa Thê Nham ở châu Bồ xây tháp. Ngày hai mươi sáu tháng chín xá-lợi ở chùa Nhân Thọ ở Đài Hạ, đêm đó trong chùa sáng như ban ngày. Ngày hai mươi tám định nền, sáng ra đất chấn động núi có tiếng vang lớn, trên chóp núi có tiếng chuông trống. Ngày mồng bảy tháng mười đem xá-lợi về Thê Nham, đất lại chấn động, ngày mồng

tám kiệu lên núi người theo cả ngàn, gió lớn thổi từ dưới lên, nhờ sức gió phút chốc đã đến điện Phật. Đêm ấy trên tháp có ánh sáng dài mấy thước chợt ẩn chợt hiện đến hơn mười lần, trong bình cũng có năm tia sáng vọt ra xoay vòng rồi vào trở lại bình. Lại có hai tia sáng rực rỡ như cái bát xuất hiện ở vách Tây, hợp thành một đường chảy thẳng vào nền tháp lát sau liền mất, lát sau lại xuất hiện lại vào điện đường. Đảnh núi cũng có ánh sáng rực rỡ chiếu xa hai trăm dặm, nhìn xa đều nói đốt núi. Đêm mồng chín lại có hai tia sáng nhiễu tháp, một tia ánh sáng chiếu vào hang Tây, một tia chiếu vào hang Nam. Ngày mười hai trong chùa lại có ánh sáng giống như lư hương rót vào lộ bàn nơi tháp đổi giờ thì mất, đêm đó trên lộ bàn lại có ánh sáng, hoặc tán hoặc tụ đều giống như hoa sen, đổi canh thì mất. Đêm mười ba trên tháp lại có ánh sáng, tượng ba vị Phật đều cao cả thước dừng trụ rất lâu. Đêm mười bốn có ba tia sáng từ chùa xuất hiện, một tia thẳng lên trời, một chiếu về phía Đông Bắc, một giống như lầu gác sáng rỡ cả châu thành. Từ mồng một đến rằm, chùa và trong thành thường nghe mùi hương lạ, đào, lý, mơ, hạnh, nở nhiều bông, người lượm đem cúng dường. Đặt xá-lợi vào hòm lại có ánh sáng từ tháp xuất hiện, tròn như tấm gương lớn, ánh sáng phần nhiều màu đỏ tía mà người thấy sắc màu hình trạng không giống nhau, hoặc nói rằng: Như tia chớp lớn, hoặc nói là như ngọn đuốc, có mười mấy người lại không thấy gì cả. Có người phụ nữ ôm đứa con nhỏ mới chết đến cầu cứu, đến đêm đứa bé liền sống lại. Người gặp ánh sáng lành bịnh thì chẳng phải một, các châu đều có cảm ứng mà chùa Thê Nham là nhiều nhất, bởi chùa là do Thái tổ Võ Nguyên Hoàng đế xây dựng.

Chùa Vô Lượng Thọ ở châu Tinh xây tháp. Xá-lợi ban đầu ở đạo tràng, đại chúng lễ bái, người bịnh nặng liền khỏi bệnh. Ngày xây tháp mây mù che tối, đến hôm sau thì quang đãng, mây năm màu kéo đến, xá-lợi đặt vào hòm thì phát ra ánh sáng hoặc một thước mười năm tấc, có vô lượng thiên thần đều cầm hương, hoa, cờ phướn, lọng báu che khắp thành châu.

Chùa Hằng Nhạc ở châu Định xây tháp. Có một ông lão kỳ lạ đến lễ bái và cúng một công gánh đất mấy lồng, có người hỏi tên họ mà ông không đáp, rồi bỗng nhiên biến mất. Chỗ nay khi xưa không có nước, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ ba, cách phía Tây chùa Sơ Doanh (mới xây) khoảng tám dặm, ao Bạch Long bỗng từ phía Đông chảy qua, làm dịch bỏ nước liền dứt, đến lúc sắp xây tháp nước lại chảy mạnh.

Chùa Đại Từ ở châu Tương xây tháp. Lúc này trời mù tối có tuyết,

xá-lợi đem về ngày sau trời xán lạn, bắt đầu đặt vào hòm trời mây lại kéo đến. Tháng tám năm sau xây tháp, Tăng Ni ở chùa Quang Thiên vẽ được tranh thụy tướng ở châu Thiểm, đặt ở điện Phật, thần quang thường phát như chớp, lại có mây năm sắc che chánh giữa trên chùa, một ngày thấy bốn lần. Lại có mây trắng hình dáng như rừng cây tuôn mưa hoa vàng, hình dáng hoa như con bướm lớn màu xanh lưu ly, bay liệng mà sa xuống rồi vọt lên hư không bay đi. Tháng giêng năm sau trong chùa lại mưa hoa trời. Chùa Định Giác ở châu Trịnh xây tháp. Khi xá-lợi sắp đến phía Đông chùa có ánh sáng như dòng sao lớn vào đến trước điện Phật thì mất, khi kiệu đến chỗ này vô cớ tự dừng, đã định nên tháp ở bờ Tây, bờ Đông kia tháp xá-lợi xưa có hai tia sáng chảy về Tây vào chỗ nền tháp, chùa cúng dường trai Tăng hai ngàn vị mà hơn muôn người ăn không hết, một vò cơm đơm ra hơn tám mươi bốn người ăn, cúng chúng trong chùa hai trăm người ăn mấy ngày mới hết. Khi đặt xá-lợi vào hòm, bốn mặt treo tràng phan không có giỏ mà đồng loạt hướng vào trong.

Chùa Nhàn Cư ở châu Tung xây tháp. Mọi người theo xá-lợi có hơn cả vạn, có con thỏ chạy ngược ván chạy qua dưới kiệu lúc này trời mây mù, xa lìa đến, ngày đó trời liền sáng sủa, bắt đầu đặt xá-lợi vào hòm mây liền che lại.

Chùa Khai Tịnh ở châu Hào xây tháp. Trong nước không có đá, xá-lợi đến thì ở ba chỗ đều được một tảng đá mài vuông vức, một tảng giống cái hòm mà không có đáy, bèn hợp lại dùng đó không cần đẽo gọt sửa sang. Khi đào nền tháp đến mâm đá có hai giống trong giáp đó, trời lúc này có tuyết, xá-lợi về ngày đó trời liền quang đãng, xá-lợi vào hòm mây liền che lại.

Chùa Hưng Thế ở châu Nhữ xây tháp. Lúc này trời mù mờ có tuyết xá-lợi đến, thì ngày đó trời liền sáng láng, xá-lợi bắt đầu đặt vào hòm mây liền che lại.

Chùa Đại Nhạc ở châu Thái xây tháp. Xá-lợi đến châu, đêm đó trong miếu núi Nhạc có tiếng trống, thiên tướng sáng rỡ, ba lớp cửa đều tự mở, hoặc thấy ba mươi con ngựa từ miếu vọt ra, bởi là thần núi nhạc. Xá-lợi từ chùa châu chưa đến, còn cách mấy dặm thì mây lọng báu xuất hiện ở đảnh núi, có năm sắc mà ba lớp, khí trắng như cầu vồng đến che xá-lợi, rải thành sương mù thấm ướt áo người, hình dạng như rủ châu, vị như cam lồ, từ sáng đến trưa hơi sương mới kiểm mà quay về núi, chia làm ba đoạn, chợt qua chợt lại như quân đi, bởi cũng là thần núi đến rước. Vì vậy trong bình có tiếng và phát ra ánh sáng cao hơn một

trượng, khoảng bữa ăn thì biến mất, người nhìn đều thấy, như thấy lưu ly trong bình vàng tự mở nắp, miệng bình có ánh sáng một tấc như đôi đũa, sáng rỡ chỉ về phía Tây, dầu chuyển gấp mà không hề quay mình, như vậy trải qua tám ngày. Khi sắp đặt vào hôm ánh sáng bèn mất vào lại bình vàng, mây mù lại nổi. Có đồng tử hay tụng kinh Pháp Hoa đến lễ xá-lợi, bèn đốt thân ở chỗ vắng để cúng dường. Mồng sáu tháng hai năm sau trống thần núi Thái kêu suốt đêm, phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều nghe tiếng.

Chùa Thắng Phước ở châu Thanh xây tháp. Lúc đào nền sâu năm thước gặp tảng đá tự nhiên thành hòm lớn bèn lấy mà dùng, đến khi đưa xá-lợi vào trong bình có ánh sáng chợt lên chợt xuống.

Chùa Cự Thần Sơn ở châu Mâu xây tháp. Lúc xá-lợi mới đến hai cỏ chi màu tím lớn bỗng hiện nơi đường, trời lúc này âm u có tuyết, xá-lợi đến, ngày đó trời xán lạn, bắt đầu đưa xá-lợi vào hòm mây kéo lại hợp như cũ.

Chùa Trí Môn ở châu Tùy xây tháp. Ngày mồng sáu tháng mười đào nền được rùa thần, bảy ngày cam lồ giáng nơi cây dương bên cầu đá, có ong đen nhiều không đếm xuể đến vây quanh, sáng mồng tám mây mù dày, xá-lợi đến chùa trời lại sáng, trải qua ánh sáng hóa huyện bỗng thấy Mộc Liên Lý trong cửa đi qua dưới cây dương, năm lần cam lồ treo chảy rưới trên kiệu mà chìm mát, xá-lợi về ngày đó trời liền sáng soi, lúc bắt đầu đặt vào hòm mây che lại như cũ. Rùa thần sắc trang khác thời, có lằn chữ dưới bụng rằng: “Vua châu Hưng” khiến tham gia quân hiến, hằng ngày cởi giáp muốn thấy đầu mà nó giấu kín không thấy được, quan Thứ sử coi làm là Vương Chiêu muốn xét nghiệm, rùa liền đưa cổ chân mặc tình người lật chuyển, luôn cả ngày như vậy, bèn thấy có chữ ở trên đầu rằng: “Thượng Đại Vương tám mươi bảy ngày muôn năm”, Hoàng đế đích thân vỗ về để thấy, nó bèn vào tay áo tự nhiên như quen thuần từ lâu, thả vào các cung đài và cỏ nó vẫn trở lại thẳng đến trước vua, thường thả luôn như vậy.

Chùa Đại Hưng Quốc ở châu Tương xây tháp. Lúc này trời âm u, xá-lợi đến thì ngày đó trời lại sáng, bắt đầu đặt vào hòm mây che lại như cũ.

Chùa Tây ở châu Dương xây tháp. Châu từ lâu xá-lợi đã vào, đêm đó mưa rất lớn.

Chùa Thê Hà ở châu Tương xây tháp. Người ở gần trước đã mộng thấy Phật từ phía Tây bắc đến, lọng báu, tràng hoa sáng đầy, chúng trong chùa cầm hoa hương ra đón rước. Khi xá-lợi đến quả như trong

mộng đã thấy.

Chùa Đại Võ ở châu Ngô xây tháp. Xá-lợi năm lần qua sông, sóng gió không dậy lên, đã đến chùa phát ra ánh sáng xanh vàng, đỏ, trắng, được tử chi cao hơn hai thước, bốn cành cộng ba cái. Lúc này trời âm u, xá-lợi đến ngày đó trời lại sáng, lúc bắt đầu đặt xá-lợi vào hòm mây lại che như cũ.

Chùa Hổ Khâu Sơn ở châu Tô xây tháp. Ở đất, Tấn Ty theo Vương Tuần Cầm Đài đào được hòm gạch, trong hộp bạc có một hạt xá-lợi, bát nổi trên nước xoay bên phải bốn vòng. Xá-lợi ban đầu xuất phát ở châu này, trời đổ mưa, lúc chưa đến chùa mặt trời liền xuất hiện, bèn có mây nhiều màu đi cùng kiệu, xoay quanh không tan, đến chỗ tháp, trong hư không có tiếng âm nhạc rồi trời lại âm u, xá-lợi đến mây tạm mở ra, xá-lợi đặt vào hòm mây che lại. Trước đây đào giếng đá chùa, giếng rỗng hai ngày, bởi ứng điềm xá-lợi sắp đến.

Chùa Hoành Nhạc ở châu Hoành xây tháp. Sa-môn bưng xá-lợi từ Giang Lăng theo đường thủy đi hơn hai ngàn dặm, bốn lần gió ngược, nguyện định liền định, bốn lần xin gió thuận đều được như lòng mong muốn. Lúc mới đào nền trên Dung Phong có mây trắng rộng hơn hai trượng, rất ngay thẳng, đến nền xoay bên phải ba vòng rồi tan, trời đang âm u xá-lợi về ngay ngày đó liền xán lạn, đặt xá-lợi vào hòm mây lại vần vũ.

Chùa Duyên hóa ở châu Quế xây tháp, Xá-lợi còn cách thành hơn mười dặm, có bầy chim hơn ngàn con bay đến đi cùng kiệu vào thành bèn tan, xá-lợi sắp đặt vào tháp mây năm sắc đến che.

Chùa Linh Thứu ở làng Sùng Dương huyện Hồng Dương thuộc châu Phiên xây tháp, đạo được ba hòm đá đặt vào cuối đời Tống, có hai cái đều có hòm thiếc, đựng hai tượng bạc nhỏ, một cái có bình bạc đựng bình vàng, nghi vốn có xá-lợi, nay thì trống không. Rồi trong hầm có tượng mây khí thần tiên, xưa thời Lưu Nghĩa Long vua nhà Tống, ở Thiên Trúc có Thánh tăng tên Cầu-na-bạt-ma, muốn đến Dương Đô đi qua chùa Linh Thứu, bảo các vị Tăng rằng: “Trong đây có điềm lạ, gồm gặp Vương giả lên đến xây dựng điềm ứng, gặp được Bồ-tát Thánh chúa cõi lớn rộng tu”. Mùa Đông năm ấy quả nhiền có bầy yến ngậm tượng thêu để trong chùa, và Tề chúa là Túc Đạo Thành bắt đầu xây chùa Hưng Thái, dạo qua chùa này mà xây tháp trắng. Nhà Trần niên hiệu Thiên Gia năm thứ ba trong chùa lập bia văn ghi. Như đây Thánh chúa rộng tu nghiệm đến ngày nay.

Chùa Thiền Chúng ở châu Giao xây tháp.

Chùa Pháp Tụ ở châu Ích xây tháp. Lúc này trời âm u, xá-lợi về ngay ngày đó trời liền quang đãng, xá-lợi bắt đầu vào hòm mây che lại như cũ.

Chùa Pháp Giảng ở châu Khuếch xây tháp. Xá-lợi ban đầu xuất phát ở kinh, đêm sau đến Lâm Cao, Sa-môn mộng mất xá-lợi, đêm đó châu Khuếch có ánh sáng cao vài trượng từ phương Đông đền vào chùa nhiễu bên phải tháp Phật, chiếu đến lầu thành trong ngoài đều rỗng suốt, người ở xa thấy nghi là chất củi đốt, ánh sáng lần lần chảy về Tây, khoảng bữa ăn thì biến mất, và định nền tháp ngay chỗ ánh sáng mất lại có hơi thơm dày đặc khác thường.

Biểu ngôn của châu Quắc. Châu này tuy không thờ xá-lợi, cũng thỉnh chúng Tăng hành đạo, có con chim lạ đến đậu trên cây kèo, ý dường như nghe kinh, không hề kinh động, một ngày một đêm bèn xuống đậu ở bàn đọc kinh, người người khen ngợi vuốt ve lại kính đó để hành đạo, pháp sư ở trước Phật trao giới cho nó, rất lâu nó mới bay đi.

Sách xâm châu Tùy, Vương Oai đưa đi chín mươi người, trên đường gặp xá-lợi bèn thả hết tù nhân kia, ngàn dặm hẹn nhóm không một người trái. Người châu Tùy ở Vân thủy làm ngục cá ba trăm, đã thấy xá-lợi cũng đều quyết thả, các châu khác giống như thế rất nhiều.

Hoàng đế ngay trong tháng mười thường nhân lúc ăn thì ở dưới răng được xá-lợi, Hoàng hậu cũng vậy, lấy chén bạc đựng nước, nổi một hạt xá-lợi, đem đưa cho trăm quan xem, phút chốc bỗng thấy có hòn đá xoay dính nhau. Hai quý nhần và Tấn Vương Chiêu Dự Chương, Vương Giản được ban sâu kén, ra lịnh lật xem đều thấy trong sâu kén có một viên xá-lợi. Chưa quá hai tuần trong cung được mười chín viên, phần nhiều phát ra ánh sáng. Từ đây kẻ đạo người tục xa gần, hễ chỗ nào có xá-lợi đều dâng cúng. Hoàng đế nói: "Đâu hẳn đều là thật", các Sa-môn cùng nhau đem thử quả nhiên có mười ba hạt lúa kê, còn thật xá-lợi thì sắt đâm mà không hư tổn.

Biểu mừng xá-lợi cảm ứng và lời đáp (nhà Tùy An Đức Vương hùng, trăm quan,v.v...)

Thần, Hùng v.v... nói: Thần nghe bậc đại giác tròn đủ, lý chiếu có, không. Chí Thánh luống nghi, nghĩa không sinh diệt. Cho nên dầu hình chia nhóm, hột cải còn chứa trong bình vàng, thể tan bụi bay còn khởi xây chùa báu. Từ Đế Thích sau khi xin tro, vua A-dục dựng tháp đến nay, chưa có phân chia xá-lợi nối thạnh thắng nghiệp, cúi xin Hoàng đế nhóm nhân nhiều kiếp, xưa chứng Bồ-đề, giáng tích làm vua loài người hộ trì thế giới. Xưa tạo tiêu nơi vận nhân tế phế bỏ, đèn tự diệt bóng,

biển trí tuyệt dòng, ngôi vua hưng thạnh trống pháp mới vang. Trong khu vực là Tịnh độ, sinh linh đều che mây Phạm thiên.

Tháng sáu mùa hạ, phát chiếu chỉ rước Sa-môn dâng về xá-lợi, ba mươi châu ngày mười lăm tháng mười đồng thời xây tháp. Mà châu Bổ chùa Thê Nham là đặt tháp quy mô, ở trên núi nơi ấy có tiếng chuông trống, xá-lợi trong giảng đường, ban đêm trước tháp phát ánh sáng lớn đến trong điện đường chiếu khắp nhà. Lúc sắp đặt xá-lợi vào hòm đồng, lại có ánh sáng như lư hương nương hư không mà lên đến bình báu trên tháp, lại khởi lửa đuốc đỏ tím, hoặc tan hoặc nhóm đều thành hoa sen. Lại có ánh sáng ở trên tháp dạng như tượng Phật, hoa quỳ đủ vườn, dừng lâu mới tiêu. Lại có ánh sáng nhiễu quanh bình báu trên tháp.

Chùa Nhân Thọ trong thành ở châu Bồ chúng Tăng từ xa nhìn đảnh núi thấy ánh sáng như lầu gác, ngọn núi, hang nhuận chiếu soi thấy rõ chiếu một góc Đông nam của thành ở châu, rất lâu mà không mất. Chùa Thê Nham kia là do Thái tổ Võ Nguyên Hoàng đế xây dựng.

Lại chỗ đặt tháp ở châu Hoa, lúc này mây mù tuyết sa nhiều, bỗng liền xán lạn, ngay trên tháp có luân tướng năm màu xá-lợi xuống xong lại khởi mây mù, Hoàng đế, Hoàng hậu lại được xá-lợi, lưu ánh sáng rải sắc đẹp hoặc nổi hoặc chìm chẳng phải chí đức tinh thành đạo hợp linh thánh thì đâu thể thần công diệu tướng đặc biệt như vậy. Chúng thần vâng lệnh xương năm, đã thấy đời thái bình, sống gặp nghiệp lành, mới ra khỏi cảnh trần lao, không kể xiết sự vui mừng, kính lạy nêu bày khen ngợi để tâu.

Đệ tử cúi xin bậc Chánh giác che chở ủng hộ chúng sinh, cứu sinh linh nơi biển khổ, cứu ngu mê nơi nhà lửa. Sở dĩ trẫm dốc lòng hồi hướng kết niệm quy y, suy nghĩ cùng thần dân trong nước và chốn u hiển, đồng tôn sùng nghiệp thù thắng cùng làm nhân lành, cho nên phân chia xá-lợi xây dựng tháp thần, mà Đại Thánh thương xót liền bày tướng sáng, trong cung điện xá-lợi giáng linh đâu suy lường nguyên do, tự nhiên biến hiện, vui mừng đảnh lễ được việc chưa từng có. Đây thật là chúng sinh nhiều may mắn kéo dài phước lành này, đâu phải Trẫm chí thành mà cảm ra. Xét vương công đồng nêu mừng kính càng sâu trẫm cùng Vương công và tất cả thứ dân nên lại càng thêm gắng gổ làm cho Tam bảo hưng thạnh. Nay chân hình xá-lợi còn có năm mươi, sở ty có thể nương cách thức trước chia rước vào trong nước, ngõ hầu ba đường sáu nẻo khỏi ràng buộc, bẩm thức hàm linh đồng lên diệu quả. Người chủ thi hành.

Sứ giả ba nước Cao Lệ, Bá Tề, Tân La, sắp trở lại, đều thỉnh một

viên xá-lợi về bổn quốc xây tháp cúng dường, chiếu chỉ đều chấp nhận. Chiếu chỉ cho chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô xây tháp, trước để xá-lợi ở nhà Thượng Thư Đô, sáng ngày mồng hai tháng mười hai xuất phát. Lúc này sắc trời trong sáng, khí hòa gió yên, kiệu báu, cờ phướn, hương, hoa, âm nhạc các món cúng dường cùng khắp nẻo đường, kẻ đạo người tục, kẻ nam người nữ không biết mấy ngàn vạn ức, phục chương hành ngôi vị theo dung nghi có thứ lớp.

Trên trụ quốc Không Công An Đức Vương Hùng trở xuống đều bước theo đến chùa, lập đại hội vô giá mà lễ sám. Có chim sẻ xanh đùa giỡn trong chúng như quen biết, hoặc rút dao đeo ném đi để bố thí, ngay cả người nhóm họp mà dưới đều không có ai bị thương. Ngày hai mươi ba tháng giêng năm thứ hai hiệu Nhân Thọ lại chia cho năm mươi mốt châu xây dựng linh tháp, ra lịnh Thứ sử Tổng quản trở xuống, huyện úy trở lên hãy bỏ việc thường trong bảy ngày để thỉnh Tăng hành đạo, giáo hóa, đã sát, thì tiền mười văn, một như cách thức trước, kỳ hạn là giờ ngọ ngày mồng tám tháng tư đồng đặt xá-lợi niêm phong vào hòm đá, chỗ có cảm ứng điềm lành chép riêng như sau:

Châu Hằng dâng biểu rằng: Xá-lợi đến châu xây dựng linh tháp. Ngày mồng bốn tháng ba xá-lợi đến châu, liền cùng quan nhân của châu phủ tuần qua xem xét chỗ định đặp tháp, chỉ có chùa Long Tạng ở Tự Hạ là đáng được xây dựng tháp. Ngày mồng mười tháng ba đào đất nền, đến ngày mười sáu vào giờ mùi có gió từ phía Nam thổi đến hơi thơm vào chùa rất kỳ lạ không thể so sánh, đạo hay tục, quan hay dân đều nghe, và có người già họ Kim tên Toản, hơn hai mươi năm qua bị bịnh mũi không nghe được mùi thơm hay hôi, mà lúc đó ở trong chúng cũng ngửi được hơi thơm và lành bịnh mũi. Đến ngày mồng tám tháng tư, trước giờ ngọ muốn hạ xá-lợi, quang cảnh trong sáng, bầu trời như rộng ra không có một áng mây, trong hư không liền mưa báu vụn hoa trời giống như vàng bạc nát vụn lớn nhỏ lẫn lộn rơi xuống lả tả, giống như tuyết rơi. Trước rơi trên hòm đá ở nền tháp, rơi khắp trong chùa Thành trị, đều có nhiều màu sáng rỡ, vàng, pha lê trong sáng như mặt trời, liền đem áo hứng lấy, lại bỏ trên đất. Kẻ đạo người tục đại chúng hơn mười muôn người đều thấy được. Lại trụ trong chùa hai chỗ Đông Tây bỗng có hơi lạ sắc vàng và trắng, ban đầu nhỏ sau to như khói ngọn đuốc, hình rồng uyển chuyển uốn cong thẳng lên xoay tròn đỉnh tháp vọt lên trời xanh chớ so lường dài ngắn, rất lâu mới mất. Lại có bốn con hạc trắng từ phía Đông bắc bay đến nhiễu quanh trên tháp rồi bay về phía Tây nam. Đến giờ Tỵ ngày hai mươi xây xong nền tháp lại mưa

báu vụn và hoa trời, hứng được đầy một thăng liền sai quân hành - tham là Vương Lượng đem dâng cúng trước. Hoàng đế nghe hoa trong báu vụn lại được ba viên xá-lợi rất là hoan hỷ.

Châu Doanh dâng biểu rằng: Đào đất để đặt hòm đá xá-lợi, thời có thể hơn sáu thước, trong đất bỗng có ánh sáng sắc tím phút chốc bèn mất. Đất kia liền có lằn đen xen lẫn thành chữ viết lối chữ triện rằng: "Tháp Phật Chuyển thánh vương" xin kính cẩn dâng biểu tâu vua biết.

Châu Lê dâng biểu rằng: Đào nền đặt tháp xá-lợi thì nhặt được dưới đất một bài minh bằng ngói viết rằng: "Ngàn thu muôn năm vui chưa hết."

Châu Quán dâng biểu rằng: "Trên tháp xá-lợi có mây năm màu như bánh xe, xuất hiện từ giờ ngọ đến chiều".

Châu Ngụy dâng biểu rằng: Chỗ đưa xá-lợi mấy lần phóng quang, lại có các người bịnh hoặc mắt mù hoặc bịnh ngũ tạng phát nguyện lễ bái bịnh liền được lành. Đến ngày mồng tám tháng tư, sắp hạ xá-lợi, giờ ngọ trời bỗng có một áng mây năm màu hương thơm kỳ lạ, trong chốc lát liền rơi xuống hoa vàng. Đến sáng ngày mồng chín lại mưa hoa bạc đầy khắp ao trong thành, hoa kia lớn như trái du, nhỏ bằng hỏa tinh, mọi người đều được hòm đầy dâng cúng. Ngày ấy lại có một con chó đen tai thòng, ngực trắng, ở trước tháp xá-lợi duỗi chân trái co chân phải, thấy người hành đạo liền đứng dậy hành đạo, thấy người trì trai nó cũng trì trai, phi thời cho ăn nó không ăn, chỉ muốn uống nước trong, đến sáng hôm sau giải trai giới, cho cháo mới ăn. Trong chùa kia trước có mấy con chó dữ, nếu thấy một con chó nào đến thì đều chạy ra sủa cắn, khi thấy con chó này vào chùa đều cúi đầu cụp đuôi. Ngay lúc đó có hơn ba mươi muôn người vừa nam vừa nữ đều không ai biết con chó này, chẳng biết nó từ đâu đến.

Châu Thái dâng biểu rằng: Bảy ngày trước lúc muốn hạ xá-lợi, đất chấn động nhẹ, ngày thứ tám chấn động mạnh.

Châu Duyễn dâng biểu rằng: Sắc lệnh chia đưa xây tháp, do huyện Hà Khâu có chùa Phổ Lạc rất thanh tịnh, liền ở đó đặt thờ xá-lợi. Cho đến ngày 25 tháng 03 mới cẩn thận sửa soạn làm nắp hòm, lúc mới mài thể chỉ có chất xanh, việc xong biến thành mã não, năm sắc xen nhau, sắc màu sáng rỡ, lại trong đó sinh ra ngọc trắng, trong ngoài thông suốt soi vật như nước, bên trong rỗng sáng soi người như gương, dùng kia đưa xá-lợi.

Châu Tào dâng biểu rằng: Ngày 29 tháng 03 xá-lợi ở trên Tử Thành hiện ánh sáng đỏ, giờ thân ngày mồng năm tháng tư xá-lợi hiện

song thọ và có hiện sư tử. Giờ hợi ngày mồng sáu hiện rồng, hoa, cây, sau có tượng Phật đều xuất hiện, cũng giờ mẹo ngày mồng sáu lớp sơn ngoài ván khám có ánh sáng hình dạng như sắc hoa vàng, giờ thân ngày ấy sơn trên ván phía Bắc khám hóa hình Phật, Bồ-tát, cây song thọ, giờ hợi xá-lợi trong tinh xá xuất hiện ánh sáng hoa vàng trắng dài bốn năm tấc. Giờ thìn ngày mồng tám sơn ván khám phía sau hiện hình dạng mây, sương, ánh sáng vàng, giờ tỵ sơn ván khám phía sau hiện các hình Ta-la song thọ, hoa sen, tượng Phật, chúng Tăng, sư tử v.v..., giờ ngọ trên tháp hiện mây năm màu. Sau giờ ngọ sơn trên ván trong khám hiện rừng Ta-la song thọ, lấu gác v.v... Ngày mồng chín, sơn trên ván trong khám có nhiều chồng đá chồng nến, giáp sau sơn ngoài ván khám có hình cây đại Ta-la và Tăng cầm lư hương, tượng Phật vàng hiện, giống như Thái tử lúc mới sinh, sắc như vàng ròng, phía sau có ba vị Tăng thân đắp pháp phục vàng tím, tay bưng lư hương cúng dường, hơi hương ấy không giống hương ở thế gian mà ta thường ngửi thấy mỗi ngày.

Châu Tấn dâng biểu rằng: Xá-lợi ở trước tháp phát ra ánh sáng ba lần, đều ánh sáng sắc tím, mọi người đều thấy.

Châu Kỷ dâng biểu rằng: Ngày bốn tháng ba đem xá-lợi đến châu, giờ thìn ngày mười bốn trong bình lưu ly có sắc trắng như ánh trăng, chốc lát liền biến thành sắc đỏ. Đến ngày hai tháng tư biến thành sắc sáng tím, hoặc hiện sắc xanh xoay chuyển trong bình, một cái qua một cái lại xoay vần không dứt, kẻ đạo người tục chiêm ngưỡng đều quy y thật tướng dung nghi, rất lâu mới tan. Giờ ngọ ngày bảy thần ảnh lại xuất hiện biến động sáng rỡ như trước chẳng khác.

Châu Dư dâng biểu rằng: Ngày 28 tháng 02 xá-lợi đến châu, ở trạm ngựa phía Tây Minh đêm, đêm sau trời mưa, xá-lợi phát ra ánh sáng hướng châu bốn mươi lăm dặm, châu này có chùa Tịnh Đạo, Tăng trong chùa hướng về phía Bắc núi xem ánh sáng, bóng từ chỗ xá-lợi ở trạm ngựa đến, nắp hòm đá đựng xá-lợi ngày năm tháng tư mài sửa mới xong, bèn biến thành hai vị tiên, bốn vị Tăng, một vị cư sĩ, một Kỳ lân, một Sư tử, hai con cá, còn bao nhiêu đều giống như hình non, nước.

Châu Đặng dâng biểu rằng: Ngày sáu tháng tư xá-lợi ở hòm đá biến thành ngọc và mã não, đá kia có lằn, hiện ra ba chữ "Chánh Đức Quốc" và có vị tiên, lân, phụng đều xuất hiện.

Châu An dâng biểu rằng: Chùa Tần đặt đưa xá-lợi, Pháp sư Tịnh Nghiệp cùng quan nhân trong châu đo nền, giờ thân bỗng có hơi thơm, dày đặt nương hư không mà đến, thơm tho nhiệm mầu chưa từng có, kẻ đạo người tục đều kinh ngạc theo đến, hương thơm đầy khắp đến canh

năm mới tan hết. Lại đến ngày 08 tháng 04 hành đạo xong lập đại hội cúng trai, giờ ngọ muốn hạ xá-lợi, lúc này có hơn một vạn người vừa đạo vừa tục, Pháp sư lên tòa cao, tay bưng xá-lợi để đưa cho đại chúng thấy, mọi người buồn thương không thể kể xiết, liền có sắc đỏ từ miệng bình trong tay Sư phát ra, lại hai lần phát ra ánh sáng cao một trượng. Lại sao hòm đá bỗng có mây trắng tròn trịa như lọng báu ngay trên hòm xoay mấy vòng, nhiễu xong trở lại chỗ xuất phát rồi mất.

Lại phía Nam tháp, trước có lầu thờ Phật, ngay khi chôn đóng xá-lợi ở dưới và lập đạo tràng và sai hai người trông coi giữ gìn, bỗng nghe trên lầu có tiếng nhiều người đi, xem cửa lầu gác vẫn đóng. Sau lại nghe tiếng đi liền chạy đi báo cáo, chủ chùa đến cùng mở cửa lầu lên xem thì chỉ có tượng Phật, từ ngoài đều không thấy. Lại ngày hạ xá-lợi xong đến giờ thân Pháp sư Tịnh Phạm và Tăng Đầu-đà là Tịnh Thao ở sau tháp xá-lợi đến bên Thủy Nham vì kẻ đạo người tục mà trao cho giới Bồ-tát, mọi người thấy bầy cá đi thành đội dưới nước, đầu đều quay về hướng Nam dường như muốn quy y, khoảng chừng hơn một vạn, thỉnh hai Thiền sư đi thuyền vào nước trao giới cho cá, bỗng nhiên các con cá trong nước đều quay đầu hướng về thuyền, theo nhau vâng hành như nghe pháp.

Châu Triệu dâng biểu rằng: Ngày 04 tháng 03 xá-lợi đến châu, các quan ở chùa Văn Tế ở chùa sắp đặt xây tháp, hai ngày đả sát hành đạo, xá-lợi ở tháp phát ra ánh sáng đỏ, từ giờ mùi đến giờ thân lại thấy khác nhau, hoặc giống hình tượng, hoặc giống lầu gác, hoặc thấy ánh sáng trắng chợt lớn chợt nhỏ nhiễu quanh xá-lợi, nhiễu bình hành đạo, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc chậm hoặc nhanh, quan nhân, đạo, tục, đều thấy vui mừng, kinh ngạc, reo hò nhảy nhót trong chùa, đến bốn ngày lại phát ra ánh sáng đỏ, sáng rỡ như sắc vàng, ngang dọc hơn một thước, duyên tướng đỏ tím trước sau ba lần rất sâu sau mới mất. Lại thấy một tượng Phật cao hơn hai thước ngồi xếp bằng trên tòa hoa sen, lại có hai Bồ-tát hầu hai bên cao hơn một thước, từ giờ mẹo đến giờ tỵ thấy các hình tướng, kẻ đạo người tục bốn bộ hơn hai vạn người đều chiêm ngưỡng.

Châu Dự dâng biểu rằng: Bình xá-lợi có ánh sáng trắng phút chốc thành năm màu xoay chuyển trong bình, hình tướng kỳ lạ. Lại khắc bài minh xá-lợi, đá kia lại không khác chất, khắc (đục) đến chữ Hoàng đế thì từ điểm trên và dọc kéo vẽ ngang, nếu đục chỗ nào thì thành như khắc vàng.

Châu Lợi dâng biểu rằng: Xá-lợi vào canh một đêm 26 tháng 03

phát ra ánh sáng, chiếu khắp nha môn như ánh sáng mặt trăng.

Châu Minh dâng biểu rằng: Ngày 08 tháng 04 hạ xá-lợi, đào đất đặt hòm đá thì được một bức tượng.

Châu Vệ dâng biểu rằng: Ngày 03 tháng 04 trai xong, ngoài bình vàng xá-lợi có sắc hồng đỏ đẹp đẽ khác thường, hoặc đi ở đáy bình lưu ly, hoặc dạo ngoài bình, duyên trên và dưới bình ánh sáng chiếu bên ngoài, đến ngày mồng tám chiếu như đầu.

Châu Minh dâng biểu rằng: Xá-lợi, ngày 11 tháng 03 trời mưa thấm ngọt, ngày mười ba mới hết, có Sa-môn giới đức là Tăng mạnh trước bịnh chân không thể đi được, trong ngày ấy nghe xá-lợi sắp đến sẽ đi qua chùa, Tăng Mạnh tự thân bị đau không ra đón rước được mới sai đệ tử là Pháp Tạng dìu ra cửa, hồi tâm chánh niệm bèn đi được, đi ra ngoài thành mười dặm, đích thân rược xá-lợi, nhờ dó bệnh lành dần dần đi được.

Châu Mao dâng biểu rằng: Ngày 27 tháng 02 xá-lợi đến châu, ngày ấy liền y cách thức sắp đặt, tất cả nam nữ đều phát tâm Bồ-đề tranh nhau đến quy y, người câm nói được, người què đều đi được, hòm đá biến thành lưu ly trong ngoài sáng chói. Ngày 12 tháng 04 trời mưa hoa bạc, biểu tấu dâng vua biết.

Châu Ký dâng biểu rằng: Xá-lợi phóng quang năm sắc, chiếu khắp cả thành. Lúc này có vị Tăng trước bị mù mắt cũng thấy được xá-lợi, lại có một người đau chân què co rút đã mười lăm năm, từ khi xá-lợi đến người bịnh này lễ bái phát nguyện liền đi đứng được.

Châu Tống dâng biểu rằng: Ngày 04 tháng 03 xá-lợi đến châu, ở chợ viện huyện thành bội Tống trước có giếng ngâm xưa, bởi do nước mặn và đắng có phèn nên hoàn toàn không thể uống được, có người dân của huyện tên Hồ Tử Càn hòa nước giếng với bùn thì lạ thay màu nước kia lại trắng, nếm thử rất ngọt. Ngày 03 tháng 04 xá-lợi trong tháp phát ra ánh sáng màu đỏ. Canh năm đêm mồng sáu trong chùa lại phát ra ánh sáng màu trắng, giờ thìn mồng bảy trong chùa trời mưa hoa trắng mắt thấy mù mịt giống như tuyết nhỏ mà không rơi xuống đất. Giờ Ngọ ngày mồng tám lúc sắp đưa xá-lợi vào hòm trên trời có hạt trắng bay liệng trên nền tháp.

Châu Hoài dâng biểu rằng: Xá-lợi thờ tại chùa Trường Thọ ở thành của châu, giờ thìn ngày mồng năm tháng tư, có một con chim trĩ trống bay đến đậu trên hòm, tâm nhàn từ cánh dung chất hoa tươi, tự bay tự dừng không hề sợ hãi, người dân huyện Hà Nội là Dương Mại đặc biệt chỉ bày, vừa đạo vừa tục hơn sáu ngàn người đều đồng thấy,

ra lịnh khiến Sa-môn Linh Xán liền cho thọ giới, trĩ kia hướng về Sư dường như nghe pháp. Sư nói rằng: "Chim trĩ đây là chim hoang, theo lý nội pháp không cho nhốt trong lồng.", liền sai đem vào núi Thái Hành ở phía Bắc thành mà thả. Nhà ngang tháp xá-lợi lại có một dấu vết, từ phía Đông nam tháp ba mươi bước mà đến thẳng tháp không còn thấy dấu, lại không vào chỗ, hoặc rộng bốn tấc, hoặc ba tấc, uốn lượn ngoằn ngoèo giống như hình rồng rắn, quan nhân đạo tục đều thấy. Mồng tám, đến trước giờ ngọ xá-lợi mới đưa vào hòm tháp, bèn phát ra ánh sáng ở ngoài bình, xoay quanh mấy vòng sắc màu sáng rỡ soi chiếu rất đẹp, hoặc trên hoặc dưới, chợt ẩn chợt hiện.

Châu Biện dâng biểu rằng: Ngày mồng hai tháng ba xá-lợi đến châu, tạm đặt ở Quán châu. Đêm mồng sáu Đại đức tăng là Tuệ Triệt v.v... bỗng nghe hơi thơm có điềm khác thường, đến mồng tám, chư Tăng rước xá-lợi đến trước tháp, Đại đức tăng là Tăng Xán cùng năm người lại nghe hơi thơm, cách cửa chùa Tuệ Phước hơn bốn mươi bước bèn phát ra ánh sáng xanh như màn sương che sáng rỡ rất lâu mới mất. Chùa kia có xá-lợi ở Tăng phòng cúng dường, ngày đó Trương Tương Nhân là người châu Kỷ ở Tăng phòng thấy xá-lợi trong chùa lại phát ra ánh sáng xanh giống tướng trạng sắc màu xá-lợi lúc mới đến. Ngày mồng mười lại đến thấy ánh sáng xanh ở Phật đường chùa Quang Lâm cao năm thước, canh tư đêm ấy lại thấy ánh sáng nhiều màu xanh đỏ ở chùa. Lại có một cụ bà bị đau lưng đã hơn hai mươi năm, chống gậy đi sát đất, nghe xá-lợi đến chùa, ráng đến lễ bái, ở trong đại chúng gặp ánh sáng xá-lợi, lưng đau liền được lành bỏ gậy mà đi.

Châu Lạc dâng biểu rằng: Ngày mồng sáu tháng ba xá-lợi đến châu, liền đặt thờ tại chùa Hán Vương, đến ngày hai mươi ba bỗng tỏa hơi thơm, thế gian chưa từng có, đến canh một đêm mồng bảy tháng tư mới hết, gió Đông bỗng nổi lên đèn hoa tắt lịm, ở phía Đông nam Phật đường có ánh sáng thần sáng rỡ, lại có gió thơm thổi đến, quan nhân đạo tục đều nghe thấy, vì thế càng thêm khắc niệm, đến mồng tám lúc sắp hạ xá-lợi, cành lá cây ngô đồng bên tháp rủ xuống.

Châu U dâng biểu rằng: Ngày 26 tháng 03 ở chùa Hoằng Nghiệp an trí xá-lợi, hôm đá mới mài, hai mặt dùng nước rửa mà sáng như gương nước, trong ngoài thông nhau, ánh sáng tím sáng rỡ, đá kia sặc sỡ, lại giống như mã não, thấm nhuần sáng rỡ như lưu ly, đến mồng hai tháng tư khởi cùng hành đạo. Đến giờ hợi mùng ba, trước xá-lợi đốt hương cúng dường, ánh đèn sáng rỡ sân, các ngôi sao sáng rỡ trong trời đêm, có ánh sáng co rồi duỗi ở trên kiệu Phật, đến mồng tám xá-lợi vào hòm,

tự sáng sớm đến giờ thìn hòm đá hiện lần phảng phất hình tượng có Bồ-tát ánh sáng màu đẹp đẽ hoa mỹ, lại giống như các vị tiên, nghe trong đó chim thú cây rừng các hình trạng mà không mê hoặc chúng thật khó nói hết, kia có văn lý chiếu soi rõ ràng, nay vẽ bản đồ tiến dâng.

Châu Hứa dâng biểu rằng: Đầu đêm mồng ba tháng ba ở cánh phía Bắc của châu chín mươi dặm, xá-lợi phát ra ánh sáng tím, đỏ hai màu sáng rỡ trong và ngoài thành châu, thứ dân đều thấy ánh sáng thần. Ngày mùng bảy tháng tư ở đại sảnh tại châu xá-lợi xuất hiện ngoài bình vàng, trong bình lưu ly hành đạo phóng quang, đến ngày mồng tám ở tháp của chùa Biện Hành lại phát ra ánh sáng, giờ ngọ xá-lợi sắp đặt vào hòm đá lại có ánh sáng năm sắc màu, mây màu rực rỡ đến che trên tháp, hình mây như cái lọng. Ngày đó ở phía Tây nam của tháp cách chừng hơn trăm bước, nương bổn ký tạo tháp A-dục, một ao khô không có bốn bên bờ, giữa ao có thể sâu đến chín thước, bỗng có giếng ngọt xuất hiện, nước trong giếng không thể nghĩ bàn, ngay lúc ấy kẻ đạo người tục hơn hai muôn người cùng uống, đều thấy và chép điềm linh ứng dâng biểu tâu lên.

Châu Kinh dâng biểu rằng: Xá-lợi hiện mây như xe, lọng. Ngay trên tháp trong mây mưa hoa bay liệng rơi xuống, các loài chim bay lượn trên tháp.

Ở châu Tề, xá-lợi vốn có một, đến kia thấy hai, phát ra ánh sáng soi thấy, nghe mùi thơm lạ, trong mây có tiếng tự nhiên như chuông trống và khen ngợi chim bay dưới tháp.

Ở châu Sở, ngay ngày hành đạo xá-lợi nai rừng đến nghe pháp chim hạc bay trên tháp.

Ở châu Cung, xá-lợi vốn có một, đến kia thấy ba, phóng quang sáng rỡ, đào dưới nền đất bỗng được ngôi tháp đồng, và người câm nói được.

Châu Doanh xá-lợi ba lần phát ra ánh sáng, sắc trắng rùa xưa, đá tự nhiên tách ra lấy làm hòm đá.

Xá-lợi ở châu Kháng. Trong núi đào nền được đá tự nhiên, làm hang động hòm xá-lợi.

Châu Đàm, chim sông đón rước xá-lợi.

Châu Lộ, xá-lợi lúc đến kia tự nhiên suối vọt lên, người uống nước suối được lành bịnh.

Châu Hồng, xá-lợi đến có chim cổ trắng dẫn đường.

Châu Đức, xá-lợi đến người què đi được, chim chó nhiễu tháp.

Châu Trịnh, xá-lợi phát ra ánh sáng, phướn lọng rủ bên trong.

Châu Giang, xá-lợi đến, ngày hành đạo, có người cày được tượng đồng.

Châu Lan, đào nền làm tháp thờ xá-lợi thì được một tượng đá. Lại đứa nhỏ cạy được hai tượng đồng.

Châu Cừ, xá-lợi hiện vầng mây trắng như vị tiên bay, tự nhiên suối vọt lên, người uống được lành bệnh.

Châu Liêm chưa được xá-lợi, chỉ được một hạt xá-lợi phát ra ánh sáng như hơi khói lư hương Phật, lại giống như hoa sen xanh và trắng, trời mưa báu vụn.

Châu Ung dâng biểu rằng: Ngày 12 tháng năm niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai, chùa Thắng Quang, chùa Đại Hưng Thiện, chùa Pháp Giới trong kinh thành, trong công sở quan châu và hẻm nhỏ đường lớn trong thành đều mưa vụn bạc, lớn như quả cây du, nhỏ như hạt cám, tiêu biểu cho đón rước. Giờ mùi ngày 12 tháng năm tại chùa Nhân Giác có gió từ hướng Tây nam thổi đến, hơi thơm dày đặc, Sa-môn và đạo tục đang sống đều nghe, ngay đêm đó mưa báu vụn và hoa trời, cây chuối, cành lá cây cọ, trên cộng hành, người đều leo lên được, cỡ lớn nhỏ như trước không khác.

Đêm mùng năm tháng sáu niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai, cung Nhân Thọ ở chùa Từ Thiện trong Phật đường mới có linh quang ánh sánh hiện, hình dạng như cái bát, từ trụ trước nhiễu cây lương, chúng Tăng đều thấy.

Đêm mồng năm tháng sáu niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai trời mưa vụn bạc và hoa trời, Tỳ-bà trên lá và trên đầu các lá cỏ rơi xuống đất.

Mồng tám tháng sáu niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai, các châu đón rước xá-lợi, Sa-môn khiến trở lại cung, gặp nhau hỏi thăm an ủi xong, đến ngày mồng chín nhân dịp chùa Từ Thiện làm trai Khánh Quang, Tăng chúng đến chùa tán tụng, kinh hành, nhiễu hương, thọ thực, trong hư không lại lác đác mưa vụn bạc và hoa trời, xá nhân là Thôi Quân Đức lượm đầy đem dâng cúng. Chùa Thắng Quang trong kinh thành bắt chước châu Thiểm làm hòm đá đựng xá-lợi được biến hiện điềm lành có hình tướng cây Sa-la song thọ, ngày 23 tháng 05 niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai về sau ở chùa mỗi ngày phát ra ánh sáng liên tiếp không dừng, duyên cảm liền phát không chỉ ngày đêm, thành trị đạo tục, người từ xa đến xem quy y lễ bái, chật cửa kín đường qua lại như chợ, gặp ánh sáng này chiếu động tâm quần chúng, người đều buồn vui lẫn lộn mà phát tâm, các chùa trong thành huyện ngoài các châu

lụa trắng mịn bắt chước đem đi, hoặc trên kiệu phát ra ánh sáng, hoặc soi chiếu trên đường, hoặc đến trước chỗ mở hiện sáng rỡ, sắc màu mỗi ánh sáng người thấy không giống nhau.

Ngày 15 tháng 07 niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai chùa Diên Hưng trong kinh thành làm lễ Quán Đảnh tượng Phật Thích-ca bằng vàng đồng cao trượng sáu, đêm đó trời mưa báu vụn và hoa bạc, hơi thơm rất lạ không gì sánh được.

Xá-lợi ở châu Thiểm từ giờ thân ngày 15 tháng 03 đến giờ Tuất ngày 08 tháng 04 gồm có mười một lần hiện điềm linh, gồm có hai mươi mốt việc và bốn lần phát ra ánh sáng.

Trong ánh sáng thấy hoa cây, hai lần thấy mây ngũ sắc, đào đất được chim, hòm đá thay đổi, tám cây Ta-la, dưới cây thấy nước, một tượng Phật nằm, ba Bồ-tát, một Thần ni. Trong hòm thấy chim, ba cành hoa vàng kiệu mây thành huân tướng, cờ phướn, lọng báu, tự nhiên, trong hòm phát ra mây thơm, lại phát sáng.

Xá-lợi ở thành châu Thiểm, trong canh hai đêm 23 tháng 03 chùa Đại Thông, chùa Thiện Pháp, chùa Xiển Nghiệp đều thấy ánh sáng mà chỉ có chùa Thiện Pháp là thấy trong ánh sáng có hai cây hoa hình sắc rõ ràng, rất lâu mới mất, sắc ấy ban đầu màu đỏ, sau lại biến thành màu trắng, rốt lại tan như thủy ngân, trong khắp nhà mọi vật đều sáng suốt. Xá-lợi trong chùa Đại Hưng Quốc, trong canh hai đêm mồng hai tháng tư chùa Linh Thắng thấy ánh sáng, rõ suốt cây trái trước sân và cỏ cây ở gò Bắc, ánh sáng chiếu thấy hình kia. Dưới nền tháp đào được chim, xá-lợi đến hướng chùa Đại Hưng Quốc. Giờ mẹo ngày 28 tháng 03, Tư Mã Trương Bị cùng Đại Đô Đốc Hầu Tấn xem xét việc xây nền tháp, đào đất sâu năm thước có dân làng Ngọc Sơn, của huyện Văn Hương thấy hóa mây, dưới cái cuốc bỗng xuất hiện một con chim màu xanh vàng lớn như chim cút, dần đi trong tháp an nhiên tự tại, cầm nõ không sợ, chưa đến lúc đưa thì chim kia bị chết, nay làm việc phước ở trong tháp xá-lợi được con chim khác thường cho xuất xứ là kỳ lạ nghĩa là hợp với sự tốt đẹp, nay sai vẽ riêng hình chim, kính cẩn tâu lên.

Mây ngũ sắc lại xã hội, giờ thân ngày 15 tháng ba, xá-lợi đến châu Thiểm nơi khe suối cách phía Nam thành chừng ba dặm có mây ngũ sắc từ phía Đông nam ùn ùn nổi lên phút chốc bỗng thành một cái lọng màu Tử La, lúc xá-lợi vào thành mới bản chất tan mất, mọi người lúc đó đều thấy.

Đến giờ mùi ngày hai mươi tám ở chùa Đại Hưng Quốc lại có mây ngũ sắc từ Đông nam và Tây bắc cùng đến hợp nhau ở trên tháp xá-lợi

chung thành một đoạn, lúc này có Văn Lâm Lang Vi Phạm Đại Đô Đốc Dương Mân và quan dân cùng thấy, mây kia chốc lát liền tan.

Hai lần phát tiếng, xá-lợi ở châu, đêm 23 tháng 03 từ tòa báu phát ra tiếng như người trong đêm vắng đánh tiếng đến ba lần mới thôi. Sau ở chùa Đại Hưng Quốc, giờ Dậu ngày 05 tháng 04 lại xuất hiện một tiếng lớn như trước kẻ đạo người tục đều nghe. Bốn mặt trong ngoài hòm đá thấy ánh sáng Phật, Bồ-tát, Thần ni và cây Ta-la. Giờ tỵ ngày 07 tháng 04, muốn sai người đưa đi liền phóng quang đồng tiêu biểu cho bốn điềm lành, khi chứa phát thì Tư Mã Trương bị cùng quan huyện Trịnh Càn Ý, huyện thừa Văn Hương là Triệu Hoài Đan, Đại đô đốc Hầu Tấn, tương tác nhân dân Hầu Khiêm v.v... đồng thấy phía ngoài bên Đông mặt đá có lằn văn nổi, Trương Bị v.v... lấy làm quái lạ, lại đến mặt Bắc thành ý dùng tay áo chùi, phía trên liền thấy một cặp cây Ta-la, Đông Tây đối nhau, cành lá đầy đủ có màu xanh đậu, chốc lát mọi người chạy đến, lại ở ngoài mặt Tây lấy nước rửa liền thấy hai cái cây lá có năm màu. Rễ mặt ngoài phía Nam lại có hai cây cành thẳng tắp lá sắc vàng nhạt. Kế ngoài mặt phía Đông lại có hai cây lá dài sắc xanh, dưới cây bốn mặt đều có lằn nước. Giữa hai cây này Sử Nhân Văn Lâm Lang Vi Phạm ban đầu thấy một con chim giống như nằm, Tư Mã Trương Bị lát sau xem lại thì chim kia đã đứng, trước chim có ba cành lá vàng, hình chim lớn nhỏ, màu lông, không khác với chim đào đất được lúc trước, chim kia lát sau bay về hướng Tây đến dưới Phật dừng lại trong hòm. Gần góc Tây nam lại có một Bồ-tát ngồi trên đài hoa mặt hướng về phía Đông, có một vị Ni đứng mặt hướng về Bồ-tát chắp tay cách nhau hai tấc. Ở mặt phía Tây lại có hai Bồ-tát đều đứng một sắc vàng, mặt hướng về phía Tây. Một sắc bạc mặt hướng về phía Bắc, cách nhau có thể ba tấc. Trên môi Tây có một Phật nằm, thân nghiêng, đầu hướng về phía Bắc, mặt hướng về phía Tây. Ba vị Bồ-tát kia ở trong hòm đá đều, phát ra ánh sáng hồng tím cao cả thước, từ giờ tỵ đến giờ mùi hình trạng không thay đổi, vẽ bản đồ rồi sau sắc dần dần diệt mất, kẻ đạo người tục thấy được số đó rất nhiều. Hòm này vốn là sắc đã xanh rất tối tăm, khi hiện điềm lành biến thành sắc trắng, bên trong sáng rỡ xoay vòng bốn mặt, đều khiến người ngồi thấy được nhau không bị trở ngại. Bốn mặt trong ngoài hòm kia đều thấy một Đức Phật, ba Bồ-tát và một ni, một chim, ba cành hoa, tám cây châu. Nay vẽ riêng hình trạng cẩn dâng tấu trình. Giờ ngọ, bốn phương mây nổi biến thành luân tướng, lại có cờ phướn, lọng báu tự nhiên, và trên tháp mây thơm hai lần thấy phát ra ánh sáng.

Giờ ngọ mồng tám tháng tư muốn hạ xá-lợi, lúc này đạo tục đều buồn khóc, bốn phương bỗng nhiên đồng thời nổi mây như khói mù, muốn hướng lên đến mặt trời, liền vây quanh mặt trời biến thành một vừng sáng dụ như bánh xe, trong thì có mây trắng vòng tròn che mặt trời, ánh sáng lần lần hơi tối còn như một cái chén nhỏ, ở ngoài luân bao quanh thứ lớp lấy mây làm bức, bức và luân kia đều có màu hồng tím. Đến lúc hạ xá-lợi xong, mây kia tan mất, mặt trời sáng sạch như trước. Lại ở ngoài tường mé Tây Bắc chùa tháp có cờ phướn, lọng báu tự nhiên thật lớn, cũng thấy cờ phướn, lọng báu vây quanh xá-lợi, ngay lúc đó cho là có người cầm cờ phướn cúng dường, đến lúc hạ xá-lợi xong thì cờ phướn, lọng báu kia bỗng biến mất, lúc này kẻ đạo người tục nhìn thấy rất đông. Đến giờ tuất, Tư Mã Trương Bị v.v... thấy trên tháp có khí mây xanh từ tháp bay ra, mây đó rật thơm, liền gọi Sử Nhân Văn Lâm Lang Vi Phạm và Tăng chùa Đại Hưng là Đàm xướng vào bên trong xem, bị và Vi Phạm đồng thấy ánh sáng phát ra từ hướng Tây Bắc và Đông Nam, phút chốc thì biến mất.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 18

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (PHẦN 1)

Pháp là gì? Cái gọi là làm chuẩn để nương tu hành, trong thần sạch hoặc mà làm thú hướng.

Nghĩa là gì? Cái gọi là rất có lý do ngàn Thánh không đổi được nghi kia, vạn tà chẳng quay được đầu mối kia.

Pháp năm thường của thế tục là: Nhân, Nghĩa, lễ trí, tín, trăm vua không khác sách kia, chúng hiền khen ngợi giúp đỡ mà không trụy đọa.

Đạo pháp có hai đế là chân và tục. Chư Phật do đó mà sinh, chúng sinh do đó mà ngộ. Nhưng thế tục giữ gìn năm thường, làn sóng mê hoặc nối kín. Đạo giúp hai đế thắng trí thêm sáng, cho nên chân tục là nền tảng xuất đạo, chánh pháp là phép tắc nhập không. Cho nên luận nói rằng: "Chẳng có tục thì không do đâu thông chân, chẳng có chân thì không do đâu sai khiến tục". Lại nói rằng: "Chư Phật thuyết pháp thường nương hai đế", đây là đại lược thành giáo. Còn hạng lớn, nhỏ, mãn, bán, sách ba hòm tám tạng, rõ hiển hối của tâm trần, hiểu đường khác nhau của nghiệp báo, thông tuệ giải để gượng mờ tâm, rõ tướng đời để thần quang soi chiếu, nếu dùng đây để nêu bày gọi là pháp nghĩa.

Còn lời nói tu hành, suy nghĩ phân biệt linh phủ, thì chánh pháp bốn y mới nghiên cứu thức đến đảo tình, tám trực minh đạo sách tấn tịnh tâm ở vọng cảnh. Ba học mở huyền phủ kia, một đầu mối gồm cả nguồn chân kia, lần nhiễm cơ cấu tự phải được bờ kia, chỉ do cửa tối khó mở, thợ đá dễ mê, chẳng nhờ phương ngôn thì không do đâu thăng lên được. Cho nên từ xưa đạo tục đồng mà hỏi bến, sơ luân tinh linh, thuật đào luyện tâm, hoặc như luận mà dẫn dắt kia hiểu, hoặc bàn thuật mà chép lòng kia, nhờ lời mà hiển bày ý thánh, nhờ dấu vết mà nêu lý nhiệm mầu. Xưa nhà Lương đã nêu bày đầu mối kia, nay đời Đường lại

mở rộng trần kia, đều có chí kia, rõ đời đời lời này không mất.

Chép chung Thiên Pháp Nghĩa Quảng Hoằng Minh Tập của nhà Lương.

Luận Dụ Đạo của Tấn Tôn Xước, Luận Canh Sinh của La Quân Chương, Luận Thần Bất Diệt của Trịnh Đạo Tử, Luận Báo Ứng của Thích Tuệ Viễn, Luận Tam Báo của Thích Tuệ Viễn, Luận Chiết Tam Phá của Thích Tăng Thuận, Luận Thần Minh Thành Phật của Lương Cao Tổ, Nạn Thần Diệt Luận của Túc Sâm, Nạn Thần Diệt Luận của Tào Tư Văn, Đáp Quan Thần Bất Diệt của Lương Cao Tổ, Thích Pháp Vân và Triều Quý Thư, Tập Tạc Xỉ và Thích Công Thư.

Gồm chép thiên Pháp Nghĩa của Quảng Hoằng Minh Tập đời Đường.

Bài tựa nhiều đời hiền minh giải thích nghĩa các nghi ngờ, Luận Thích Nghi của Tấn Tải An, Tấn Tải An Thư và Pháp Sư Viễn, Nạn Thích Nghi Luận của Chu Đạo Tổ, Thư Tải Trọng và Pháp sư Viện, Tải Đáp Chu Cư Sĩ Về Nạn Luận, thơ Viên Pháp sư cùng Tài, Hà Thừa Thiên Báo Ứng Vấn (Lưu Thiếu Phủ đáp). Đời Tống, Tạ Linh Vận cùng các đạo nhân biện Tông Luận. Hậu Tần, chúa Diêu Hưng gửi thư cho An Thành Hầu nói về nghĩa Phật. Thông Tam Thế Đẳng Luận (Pháp sư La-thập đáp). Diêu Tung, Biểu Vấn Chư Nghĩa (Diêu Hưng đáp). Đời Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tịnh soạn Luận Chiết Nghi (Thích Pháp Lâm thuật).

Đời Tề, Cảnh Lăng Vương gửi thư cho ẩn sĩ Lưu Cầu, bài tựa Tề Thẩm Ước Nội Điển, Tề Thẩm Ước vì Hoàng Thái Tử giảng giải sớ. Tề Thẩm Ước vì Cảnh Lăng Vương phát tâm giảng sớ. Tề Thẩm Ước vì Cảnh Lăng Vương giải thích sớ. Lương Thái Tử Cương Thỉnh Đế Giảng. Lương Lục Vân thuật Ngự giảng Kim Tự Ba Nhã Tựa. Lương Túc Tử hiển bày giảng nghĩa Ba Nhã. Hoàng Thái Tử cảm tạ giảng xong. Lương Thái Tử, Cương Thượng Đại Pháp Tụng. Tấn An Vương dâng Thái Tử Huyền Phố Giảng Tụng. Bài tựa Sớ kinh Niết Bàn của Lương Võ Đế. Pháp Bảo Liên Bích Tựa của Tương Đông Vương đời Lương. Bài tựa Luận Thành Thật của Giản Văn đời Lương. Bài tựa Nội Điển Bia Minh Tập Lâm của Nguyên Đế, đời Lương. Bài tựa Thiền Lâm Diệu Ký Tập của Sa-môn Thích Huyền Tắc. Bài tựa Uyển Châu Lâm của Ty Nguyên Đại Phu Lý Nghiễm pháp. Thái tử Chiêu Minh đời Lương đáp thơ thỉnh giảng (và ba bài khải đáp). Chiêu Minh Tạ Sắc Lại Mộc Thê Như Ý Khải. Chiêu Minh, Lập Nghĩa Nhị đế (giải thích cho hai mươi hai người vừa đạo vừa tục). Chiêu Minh, Lập Pháp Nghĩa thân (cho sáu vị Tăng

hỏi đáp qua lại). Chiêu Minh Tạ Sắc Khán Giảng Giải Nhị Khải, Chiêu Minh Tạ Sắc Lại Niết-bàn Kinh Sớ Giảng Khải, Chiêu Minh Tạ Sắc Lại Đại Tập Kinh Giảng Sớ Khải. Đời Lương, Tấn An Vương gởi thơ cho Quảng Tín Hầu. Tề Thẩm Ước Lập Luận Phật Pháp Nghĩa (năm bài). Tề Thẩm Ước Nạn Thần Diệt Luận của Phạm Chẩn. Trần Sa-môn Chân Quán Nhân Duyên Vô Tánh Luận (và Tự Nhiên Luận của Châu Thế Khanh).

Ngụy thâu Bắc Tề ba bộ Nhất Thiết Kinh Nguyện Văn. Vương Báo Châu Tạng Kinh Nguyện Văn. Tùy Dương Đế Bảo Đài Kinh Tạng Nguyện Văn. Bài Tựa Tam tạng Thánh Giáo của Đường Thái Tôn. Nay soạn bài tựa Tam tạng Thánh Giáo, đời Đường Lượng Thuật Chú Bát-nhã Kinh Tựa, đời Đường Liễu Tuyên gởi thơ cho các Đại Đức phiên dịch kinh.

Phần đầu của thiên Pháp Nghĩa thứ tư trong bộ Quảng Hoằng Minh Tập.

Luận Thích Nghi, Tần Xử Sĩ Tải An gởi thơ cho Pháp sư Viễn. Tải An Nạn Luận Thích Nghi. Chu cư sĩ Đạo Tổ lại gởi thư cho Viễn Pháp sư Tải An (lại đáp) hỏi báo ứng, Hà Thừa Thiên (Lưu Thiếu Phủ đáp) Luận Biện Tông (hỏi đáp qua lại) Tống Thị Trung Tạ Linh Vận, Thuật Phật Pháp Các Thâm Nghĩa. Diêu Hưng chúa nhà Tần (đáp) Chiết Nghi Luận Sa-môn Tuệ Tịnh đời Đường (thuật).

THÍCH NGHI LUẬN CỦA TẤN TẢI AN

An Xử Tử hỏi Huyền Minh Tiên Sinh rằng: Nghe rằng người làm lành chắc chắn là có vui mừng, người làm bất thiện chắc chắn là có tai ương, lại nói rằng: "Thiên đạo không thân thường cùng người lành", đây chính là cách ngôn của Thánh đạt, là tiêu rộng lớn của muôn đời. Đây thì hạnh thành ở thân mình, phước lưu ở đời sau. Ác hiển ở sự nghiệp, mắc tội chốn u minh. Nhưng bậc Thánh là lành, đều tận lý, lý tận thiện nhóm, nên nhiều đời đều không dời đổi. Hạnh không có một thiện, ác ác nương nhau, cũng phải trăm đời đều mờ tối là thiện có cửa thường, ác có định tộc, đời sau tu hành thì lợi ích gì? Lại có buộc tu che đạo, ngôn hạnh không tổn thương mà trời phạt, người cấm, trăm lưới đủ anh lạc, thả lòng tánh tình, buông lung việc bạo ngược. Sống bảo bọc vinh quý con cháu nhiều và mạnh mẽ, suy luận theo đây thì quả báo của nhóm thiện rốt cuộc ở đâu? Năm tình sáu dục, tâm người thường có, chặt lời hoa mỹ ngăn nhàn chí khổ của sự ngoài. Nếu người quỷ không rất thích ở thú hàm thì sao không thuận điều ngọt mà gượng lấy điều

đấng? Xin giải thích điều nghi để dứt bỏ hoặc ấy.

Tiên Sinh đáp: Lành thay! Lời hỏi này! Sử Thiên có nói: "Quả báo trời ban cho người lành thế nào ư?" Tuân Duyệt cũng nói: "Trang sức thay đổi mà làm gian ngụy, tự đủ trong một đời. Người giữ đạo thuận lý không phải hoạn chết đói, hai sinh nghi ở trước mà chưa thể hiện, ta, ông nghi ngờ ở sau có thể nên chăng? Xin thử nói: Người nhờ tánh nhị nghi để sinh ra và lớn lên, bẩm thọ khí năm thường để sống còn, tánh có thời kỳ dài ngắn nên có sống lâu chết yểu khác nhau. Khí có tinh thô không đồng, cũng có hiền ngu sai khác, đây là định lý tự nhiên không thể thay đổi, do đây Nghiêu Thuấn Đại Thánh Châu Quân là nuôi dưỡng, kẻ mù, ông già, hạ ngu đãn sinh có Thuấn, Nhan Hồi đại hiền trời sớm tuyệt tự. Thương Thần cực ác khiến con cháu đông đầy. Di, Thúc, chí nhân mà chết đói ở núi sâu. Kẻ trộm buông lung bạo ngược mà giàu vui trọn đời. Tỷ Cang trung chánh, chết không toàn thây. Trương Thang tàn ác làm quan bảy đời Nhĩ Điêu, phàm loại này không thể tính kể. Nghiệm đó Thánh hiền đã vậy, cầu người thường lại như đây, cho nên biết hiền, ngu, thiện, ác, thọ, đoản, nghèo cùng, hiển đạt đều có phần mạng, chẳng phải do nhóm hạnh gây ra.

Lấy sự nhiệm mầu sâu xa của trời đất, sự rộng lớn của âm dương, người ở trong đó đâu chỉ là lúa gạo trong kho lớn, là mảy lông ở thân ngựa thôi sao? Mà hạnh nhỏ của người, tập quán của việc người, một thiện một ác đều có ra báo ứng thầm thầm, muốn dời đổi sự sống lâu hay chết yểu của tự nhiên, đổi ngu thanh Châu, Thuấn, ở đây rõ ràng không thể biết. Nhưng bàn nhóm thiện chứa ác, bởi lập bày ở giáo khuyên. Vì sao mà nói như vậy? Vì người sống mà tịnh tánh của trời, cảm vật mà động dục của tánh, tánh dục đã mở dòng, buông lung chớ nghiệm, bậc Thánh cứu tệ kia, nương thần đạo để lập giáo, cho nên lý nhiệm mầu mà giáo hóa mở bày, thuận suy thiên mà rước dẫn, cho nên công nhiệm mầu mà sự vừa thích. Do đây trong sáu hợp (trời đất) luận mà không bàn, khen mà không biết lý do, hằng ngày mà không thấy chỗ tột cùng. Giả sử Lễ học đã mở rộng lớn kia, danh pháp đã buộc hình vết kia, người hiền nhờ đó để thành chí kia, kẻ chẳng ra gì ngóng trông và để khỏi lỗi kia, khiến ân sâu hiếu hữu, nghĩa vua tôi cùng thạnh. Lễ tựa già trẻ, ưa chấp bạn bè, trái đó thì là người mất đạo, chê cười để khởi, hướng đó thì là người danh giáo, tiếng khen do đó bày, đây là quân tử hành xử tâm hạnh mình, chẳng lẽ trong phút chốc mà quên lành ư? Cần gì theo giáo trách thật để hẹn báo ứng? Nếu thể hội được ý chỉ sâu xa của Thánh giáo, xét cùng phần mạng, ngõ hầu rộng mang nơi

tâm phủ không cầu xem xét ở trong sự mờ tối.

An Xử Tử bèn xuống tòa nói: Lý uẩn ngàn năm niệm buộc một đời. Nay nghe luận Đại Thông của Ngài đủ để giải thích trệ nghi bỏ chỗ tối tăm, bỏ kiết sử, tôi tuy không thông minh cũng xin lãnh nhận lời này.

THƠ CÙNG PHÁP SƯ VIỄN

An Công đảnh lễ: Đệ tử thường xem kinh điển đều cho nguyên do họa phước là ở nhóm hạnh, vì vậy từ nhỏ tu gấp đến nay đầu bạc, hạnh không phụ chỗ hiểu biết, lời không tổn thương mọi loài, mà một đời gian nan khổ sở đủ trải qua các sự đày đọa tàn tệ, nổi bất bình không kể xiết, chỉ có thân mình lý sâu khó suy tình gần dễ buộc, thường trong niệm mờ tối, buồn bã trong lòng, mới biết thọ, yểu, nghèo cùng, hiển đạt tự có định phần, bàn nhóm thiện chừa ác nởi là lời giáo khuyên. Gần đây soạn Luận Thích Nghi, nay đem trình Ngài tưởng các tin tức chợt có thể xét gạn. Tải An Công đảnh lễ.

PHÁP SƯ VIỄN ĐÁP

Thích Tuệ Viễn tôi ngu độn, xét ông riêng bày cho là khẳng khái, trước tuy chưa khéo đều nhau, người vật qua lại ngọn ngành tạm quên, phần mạng nghèo cùng mà hiển đạt, chẳng phải trí thường suy lường được, nhưng nương bên đại tông dường như có định kiểm. Mùa thu năm ngoái cùng mọi người chung đọc luận của ông đều cũng có đồng khác, xem ý đáp của Chu Lang cho là sách đối với kinh Phật là tạm được, trong đó nay gởi ông, nghĩ nhớ năng lực trí tuệ mặt trời mà xét gạn.

BẮT BẺ LUẬN THÍCH NGHI CỦA CHU ĐẠO TỔ

Gần đây thấy ông soạn Luận Thích Nghi, bởi tức tình mà làm, dự tính nghiệm lý muốn chỉ bình hữu, trong chỉ xét thủ phần mạng dường như chưa suốt gốc kia. Phước lành chớ nghiệm, cũng là ông thường mê mờ, tuy khắp xem sáu rương sách thì càng sâu thêm trệ kia và thấy kinh giáo mới soi nhưng có chỗ quay về, cho nên xin lấy lời bậc tiên giáo đương cự kẻ học ngày nay. Ông cho là xét phần mạng, đúc kết lại có thể không cầu nghiệm trong chỗ mờ tối, các lời vui khác chỉ tồn tại nơi khuyến giáo. Xin xét ý chỉ phần mạng làngay tình yên định đối lý nhậm mà luống nhọc ư? Là quên, nhớ, mê muội, ngay thẳng mà thôi ư? Nếu tình yên định ở lý thì lý chưa thể dụ, thiện ác xen phân, thuận nghịch chớ nghiệm. Nếu chẳng thầm bỏ đâu được luống nhọc, nếu thẳng đặt mà thôi thì tự chẳng phải ngồi quên việc, chí quyết có cảm, cảm nhân

sự thì tình cũng lên xuống lại tin được giúp đỡ đâu thể không mừng, làm ác bị phạt đâu được không oán, dẫu muốn quên mà đâu thể được? Lặng cầu các vị giảo minh.

Lại lập khuyến giáo quyết gần thật mà động, thẳng mà dạy mới không thể một được mà hết, cho nên dường như ngược mà sau hội, hoặc hiểu lờ mờ đối với lời nói, do đây đường xe sô linh, nhà cửa bảo khác, hoặc hiển xa kia hoặc gạn gần kia, khiến tín đồ theo giáo pháp không tạm cầu ở biểu phần. Người uống hòa tự đủ ở nhân nghĩa, cho nên sâu cạn đều dạy mà dân nghe không lạm, thần minh dưỡng nuôi nơi diệu vật há được gọi rõ là làm lành, chánh vị che sương mà sự ngược với giáo, lý trái với lời. Bá Di Thúc Tề tự được an nhẫn, Nhan Hồi lại buồn dài nơi lý hòa, sợ có người nói hoặc khác ở đây. Nếu cho là bọn thương buôn quan lại giáo lý không kịp dạy gấp dẫn đầu mối, bởi trong trí đã trở lại mà an ổn trong lòng, nhân từ không mất thân. Tạng Hội nhờ có nước Hậu lỗ thì phần mạng hun đúc do đâu mà xét, xướng Huyền Minh lại bị nghi che. Vì vậy xưa kia quân tử biết nguồn cơn của thông suốt hay hư hoại lỗi kia chẳng mới, hiền, ngu, thọ, yểu rõ ràng từ xưa. Sở Mục do phước dày được chết, Sái linh do thiện mỏng mà thọ họa, Hy Uyển do hiềm khích sâu chớ cứu, Tống Hoàn do lỗi nhỏ dễ xương, cho nên rửa tâm để ôm tông, huyện hình để nghe đạo, nhổ gốc sâu vô minh, che giây cương tham ái, không cầu nghiệm ở minh trung, bóng và tiếng vang tự rõ, không hẹn tồn tại báo ứng mà mừng phạt bóng mình cho nên có thể ngược bước tột nơi thủy cảnh muôn cõi, nhưng gạn rõ đạo lý, cách cõi thường Nghiêu, Khổng, cứu thô kia nên có chớ chưa cùng tận. Sự thiên tạo môn kia mà chưa đạp đến nhà, tiếc kia ở đời không nghe, cho nên buồn hẳn cả năm. Ông đã hiểu luật kia lẽ ra cũng không xa mà được, đây chính là chỗ kỳ lạ của u minh, đâu chỉ có lời nói mà thôi. Trái bày nhiều năm tạm để thay thể ân cần.

Đến luận lại cho là trời đất rộng xa, việc người nhỏ gần, một thiện một ác không quan hệ báo ứng. Vậy thì lưới trời lồng lộng thưa bèn lọt ư? Chớ thấy nơi an ổn, chớ hiển sự nhỏ nhiệm, chỉ đầy tràn dời đổi trong hằng ngày, giao hoãn mê mờ lý duyên, cho nên hoặc trái sự thấy nghe, núi lỡ hun đúc báo ứng, không do đường xa mất cảm, ao lửa tánh cỏ không đồng tượng thành thân, rõ nghiệm mấy điềm có thể dùng để có chút ngộ.

LẠI GỬI THƠ CHO PHÁP SƯ VIỄN

An Công đảnh lễ, bởi soạn Luận Thích Nghi là để gởi lòng kia,

cho nên trình đó người khéo suy nghĩ nghe nhờ dạy dỗ. Đã nhục lại bảo mở bày dấu vết tông môn và đưa cho Châu Lang nạn rất có ý thú, nhưng lý vốn khác nhau, chỗ thấy cũng khác. Nay lại bày ý hèn đáp Châu, lại đem trình Ngài, ý chỉ thành thật có thể cầu tìm mà lời không tự bày, tưởng thoát xem xét, Tải Công đảnh lễ.

LUẬN THÍCH NGHI ĐÁP LỜI VẶN HỎI CỦA CHU CƯ SĨ

(Tải An Công)

Nhờ mặt trời mà có sáng, nhân việc mà có ra cảm, thong thả soạn Thích Nghi để trình Pháp sư, đã nhục lại bảo đưa đến nạn, lời cùng trong sạch xem chỗ gây ra có ý chỉ quay về. Nhưng tự giác tuy người quán trước chớ ngộ, chỗ thấy đã khác ai là năng chánh? Nếu lòng chưa ngộ xin cùng tận tột đó. Tôi cho rằng có thể xét phần mạng, tự gọi là biết cứu thường đồng nhiệm mầu, soi lý tông suy lường danh thật, xét nghiệm xưa nay, không thể chìm đắm cõi sinh tử, mừng cảm luống được mất. Nếu có thể ngộ sống lâu hay chết yểu thì biết tự nhiên của ngắn dài. Xét Nghiêu Thuấn ở Chu Quân, đã được Ngu Thánh có phần, suy chỗ sâu xa của thiện ác, đủ rõ minh trung không phạt, đồng với Tỷ Can và kẻ trộm, có thể biết họa phước là phi hạnh, đã có thể đây nạn sự rồi sau phần mạng mới xét được, không cầu quả báo. Như Như Lai nạn, yên lặng tình nơi lý thì lý chưa thể dụ, lặng cầu mọi người rõ xét. Đây chính là chưa dụ lý do ở mình cầu, chẳng phải là vô lý mà dụ được, nếu bỏ mình mà xét ngoài thì chắc chắn không xa mà đến.

Nạn rằng: Khuyến giáo đó lập bày quyết nhờ thật mà động, thẳng vì dạy dỗ mới không thể do một đường mà cùng tận, tôi đâu là bậc Thánh làm giáo ngược chân không lập tà.

Đáp rằng: Thiện ác sinh ở thiên lý, thị phi do ở tâm người. Nhân thiên lý để lập giáo, thuận lòng người để thành việc. Cho nên u hoài ôm lòng nhân nắm gió màu mà chỡ vui, buông lung tình ngoài vết xe, đoái hoài danh mà lượm lấy bên trong. Công huyền vật nêu bày hằng ngày mà quên ân huệ kia, lý uẩn vắng lặng, thọ đó chẳng thấy tông kia, chẳng trái hư giáo để mê hoặc đời. Vì vậy trước luận rằng: Nhân thần thông để lập giáo, cho nên lý nhiệm mầu mà mở bày giáo hóa, thuận đổi dời mà dắt dẫn cho nên công nhiệm mầu mà sự thích hợp.

Bắt bẻ rằng: An đối với lòng nhân không mất thân, Tạng Hội nhờ có nước Hậu Lỗ, thì phần mạng rút lại ở đâu mà xét? Xướng Huyền Minh lại là nghi phủ?

Đáp rằng: Đây chính là lý do thấy rõ thiện ác là có định, không do

chứa hạnh. Nếu người nhân từ làm lành khen hạnh, an ổn trong lòng mà thọ phước, người giả mạo việc tà ngược lý, Tạng Hội vì đủ đó mà được hậu, bởi phần ứng mất thân, chẳng phải che nhân từ chỗ dời đổi mạng phải là hậu, hạnh giả dối chẳng thể phạt. Đâu khác Tỷ Can trung chánh mà bị mổ tim, Trương Thang làm quan tàn ác mà được nhờ cậy bảy đời. Nếu lý này không sai thì biết phần mạng có tiền định, chính đồng có phần của Huyền Minh, chẳng phải là thành nghi phủ.

Nạn rằng: Xưa người quân tử biết nguyên do thông suốt làm sụp đổ lỗi kia chẳng mới, hiền, ngu, thọ, yểu rõ ràng từ xưa, Sở Mục do phước dày được chết, Sái Linh do thiện mỏng mà nhận họa, Hy Uyển do hiềm khích sâu đâu cứu được, Tống Hoàn do lỗi nhỏ mà dễ xương.

Đáp rằng: Thông suốt hay sụp đổ chẳng phải mới, thọ, yểu từ xưa, tin chăng lời nói đây? Đây tôi cho là đều có phần mạng, nếu do phước dày được chết hiềm khích sâu chớ cứu, đây thì nguyên do báo ứng có như bóng và tiếng vang. Sái Linh do thiện mỏng mà thọ họa, Thương thần nên cho cực nghịch duy ương. Tống Hoàn do lỗi nhỏ mà dễ xương, Chu Văn ứng dụng hạnh lành nên sống lâu, mà tội đồng phạt khác, phước đồng báo khác, sao xét rõ ở Sái, Tống mà chỉ muội ở Sở, Chu? Ông cho là không cầu nghiệm minh trung, bóng và tiếng vang tụ gạn rõ, không hẹn nơi báo ứng mà mừng phạt để bày ở đây thất bại.

Bắt bẻ rằng: Lưới trời lồng lộng thưa mà khó lọt ư? Chớ thấy nơi ẩn, chớ hiển nơi nhỏ, nhưng tràn đầy thay đổi giấu nơi hằng ngày, lại muội chậm nơi lý duyên.

Đáp rằng: Thiên lý thầm muội biến trạng khó rõ. Vả lại phải suy mình điềm tốt đó trọn xưa. Xét báo ứng thành dấu vết. Còn như thiện ác phước họa đều có một cái thấy từ đây gặp cùng sự hiểu, chẳng phải chân nghiệm minh ty. Do đâu mà rõ đó. Nếu kia có ty sở, phải như một nhà chuyên trị nước, thiện không nhỏ mà chẳng thưởng ác không nhỏ quyết phạt, khiến người tu hành bảo bọc sự trong sạch, cho kẻ cực ác nghịch chịu họa tàn khốc. Nhưng người làm lành được sự vui mừng ở đời sau, người chẳng làm lành, dòng tai ương đến đời sau, mà nay thì không vậy, hoặc ác sâu mà chẳng phạt, hoặc chứa thiện mà họa tranh đến, hoặc làm nhân nghĩa mà quên thân, hoặc hạnh buông lung mà bạo ngược lại giáng phước, há chẳng phải không nơi chốn mà tự có phần mạng ư?

Nếu do dư thừa thay đổi chứa ở hằng ngày, giao xa mê muội ở lý duyên, nhưng khi quả báo đối đầu muộn màng không tha thiết ở trước mắt? Chẳng phải là thiện ác sai lầm, đúng sai chớ xét. Suy đây mà nói,

sinh do người, tánh chia định đời trước. Người lành tự làm lành chẳng phải trước có sinh mà sau làm lành để có ra điều lành. Người ác tự là ác, chẳng phải vốn chia không ác lâu dài mà làm ác để được có ác. Cho nên biết nghèo cùng, hiển đạt thiện, ác, trí, ngu, thọ, yểu đều có phần mạng. Phần mạng khéo định ở minh số, hạnh tính đâu thể đổi tự nhiên kia ư? Lưới trời không lọt, ẩn hiện nhỏ nhiệm cho nên là lời khuyên dạy. Chẳng phải cái mà Huyền Minh cho rằng bổn định tột đến. Đã chưa ngộ sự mầu nhiệm, suy đó có tông, cũng đâu thể phần mạng có thể xét? Toan sợ trước bậc tiên giác lại vì kẻ ngộ sau, lời mặt chưa rõ liền đem nêu bày.

THƠ CỦA CHU CƯ SĨ

Thấy lại bày Luận Thích Nghi, lời lý tha thiết nghiệm thiện nơi suy lường thật. Nhưng ý tôi vẫn có chỗ không chắc nên muốn nói lại chỗ nghi ngờ, một ngày nào hầu dưới tòa Pháp sư, thô cầu ý ông rằng: Khí lực nhỏ tốt phải tự có thù đáp, nhân ý chỉ luận của ông gồm có sở kiến, vì vậy tôi không lại chất thêm củi vào đống lửa cần thành ý chỉ nhân trên. Ông nói là “xét phần mạng chính là thể tột của con người đã khác nhau” lại chỗ lập của tôi không hẹn tồn tại ở ứng báo, mà mừng hay phạt đã bày cũng không như chỗ lập của ông, thơ không tả hết lời, ở đây cũng tin, trong đó phần nhỏ cũng nhiều chưa dụ, giao cho mà chưa gặp.

THƠ CỦA PHÁP SƯ VIỄN

Thấy ông qua lại với Chu cư sĩ đủ làm chủ khách, nhưng tinh tế của Phật giáo khó dùng sự vặn hỏi, đến nơi lý màu thường nêu nghĩa ẩn ở kinh không thể kể hết. Nhưng tiếc rằng ông làm đệ tử Phật mà chưa thể để tâm vào sách thánh, mới được thơ luận cũng chưa tạm quên, tuổi già thường bịnh không nhờ có lời đáp, chợt nhân dư giờ của giảng tập, tạm nối chỗ suy nghĩ gởi đến, thử cùng người đồng nghi chung tìm, nếu thấy họ kia thì Tỷ Can, Thương Quan có thể không suy nghĩ mà được, Thích Tuệ Viễn cúi đầu.

THƠ ĐÁP PHÁP SƯ VIỄN

An Công đảnh lễ, nhục cáo và thấy Luận Tam Báo chỉ dụ rộng xa, nhiệm mầu nói rõ tông lý, xem xét hai ba lượt mừng ngộ khiêm hoài, đệ tử dầu cúi nhận lời pháp huấn, lòng tin thành cáng chí kính, mà ít qua lại nhân lâm không được học kinh, từng do khó khăn vất vả ràng buộc

liền gởi nơi Thích Nghi để tự giải bày, đây bởi tình phát ở trong mà bày ra lời. Suy lòng tục kiến chấp kia thật là chưa hết, nhưng Tam Báo rộng xa khó mà giải thích rốt ráo, đệ tử xét phải quay về quyết yết kiến, gởi thân nương âm chỉ, càng bỏ trệ kia, các hoài nghi gởi Chu cư sĩ. Tải An Công đảnh lễ.

HỎI VỀ BÁO ỨNG CỦA HÀ THỪA THIÊN

Phương Tây nói báo ứng, nhánh ngọn kia tuy rõ mà gốc thường mê, lời kia xa mà ít cốt yếu, dụ kia xa mà không chứng cứ, trái với năm kinh cho nên thấy bỏ tiên thánh, dụ dỗ cận tình, cho nên được tin ở quý tục, muốn biết hành của ngày tháng phải nhờ xét cỏ tuần hoàn toan bày tin sâu tối, nên lấy thẻ nơi thấy việc, cho nên giám toại treo mà lửa nước giáng, mưa lìa đêm mà gió mây nổi. Đây đều xa do gần mà nghiệm, tối do sáng nổi, ngỗng là con vật nổi ở ao trong, nhai cỏ xuân chúng sinh máy động luống phạm, mà quả báo người đầu bếp đâu được khỏi dao thớt yến bay liện tìm đồ ăn, chỉ có trùng bay là ngọt mà người đều yêu mến, dẫu sáo ổ mà không sợ, chẳng gặp ngỗng, yến, chúng sinh muôn cõi thường như vậy. Phải biết sát sinh không ác báo, làm phước không ứng lành, sở dĩ dạy như thế, vì dạy đời như đây, tôi rất là mê hoặc. Nếu cho là yến chẳng phải là trùng không ngọt cho nên tội không kịp, dân ăn cỏ sô riêng bị mắc tội. Nếu cho là cầm thú không biết mà người biết kinh giáo. Vậy thì lúc chưa có kinh giáo, săn bắn, lưới cá, cũng không có tội. Vô cớ đem khoa pháp vào Trung Quốc, nên dân bị hãm nơi hố cạn, người nhân từ kia đâu lại như vậy? Cho nên tôi cho là kinh Phật chỉ là giả lập quyền giáo khuyên người làm lành, không quan hệ gì đến sự thật, cho nên bậc Thánh làm chế suy đức che vật ta làm ta hưởng là ứng thiên, nhờ vốn được ba phẩm khách nhà bếp. Nếu là thấy sống không nỡ thấy chết nghe tiếng không nỡ ăn thịt vốn là việc của quân tử, trộm xin bậc cao minh lại thêm suy nghĩ ba lần.

LƯU THIẾU PHỦ ĐÁP LỜI HÀ THỪA THIÊN

Kính xem lời cao, từ tha thiết chứng minh, cái gọi là bậc thượng nhân khó mà thù đáp, nhưng Như Lai cùng lý tận tánh, do cảm mà thành giáo, cho nên năm thiện suy nghĩ, giới phẩm nhờ đó bày, sáu tệ đợi bỏ, Bát-nhã vì đó soi chiếu, huân thì dùng mười điều lành, tịnh thì dùng vô lậu, rốt ráo giải thoát đến Bồ-đề mà thôi. Đây sở dĩ ngọn rõ mà gốc không mê muội. Khổng Tử dùng chí hiếu làm việc thì nhân từ giúp bốn biển, đạo Phật dùng đại từ làm đầu thì giáo hóa khắp năm đường,

dẫn dắt chúng sinh dấu vết chẳng phải vẫn thầm ư? Nhưng ứng có thô tế, hoàn toàn tự khác. Hễ xem Bát-nhã... các kinh không cho chẳng có Khổng là nghi, đâu riêng tụng sách Khâu mà có thấy lời bỏ ư? Do rồng quỉ là loài tệ xấu mà còn cảm Thánh đến dạy dỗ được tin, đâu chỉ lý tục mà thôi ư? Túc hạ y cứ thấy nơi giáo để cột biện ba đời, xa xôi quái lạ vốn không đợi lời, nếu chấp nhận nhân quả không lầm dụ như hình với bóng, gạn cốt yếu so sánh phù hợp, nếu hạnh ngày tháng, tin nơi sáng tối, giáng của nước lửa, nổi gió mây, đều trước nhân sau quả không ngoài đạo cảm vời, cho nên duyên khởi soi có thể đến nước, duyên diệt đuốc không vẫy gọi lửa, tất cả các pháp theo duyên mà khởi diệt. Nếu ngỗng đến chết vị lên thớt, vạc chảo, yến đó được khỏi không muối me, cho nên giết ngỗng đối với người dụ như trùng chết với yến, ngỗng, sâu thấy đời thọ, người, yến báo vị lai, báo do ba nghiệp, nghiệp có chậm mau. Nếu người vào ra hiếu để, khen ngợi nơi sân vua, vua cha không thương mà quyết giết, đây là hiện báo mau chóng chính thân thấy nghe. Nếu trung bị khiến đức mở tìm chìm sâu nhiều kiếp, buông lung giết hại, lại có may mắn mà khỏi, đây là chậm của hậu báo, thưa mà không mất.

Thiện ác là nghiệp, nghiệp đều có báo ứng, nhưng quá khứ hay vị lai chẳng phải tai mắt mà thấy biết được, cho nên người tin thì ít mà người nghi thì nhiều. Khoa pháp thanh tịnh rửa bụi mở tuệ, Trung Quốc luống suy nghĩ cho là bị hãm nơi giếng cạn, chẳng phải ta không mưu Tần phí dùng. Khuyên người làm lành, thành thật thay lời nói này, nhưng chắc chắn cho là thật chẳng phải giả hợp. Cho nên Văn Vương phế Bá Ấp Khảo mà lập Võ Vương Quyền. Chu đến chẳng có vua bỏ có thiên mạng, lễ là sơ chế lý vốn theo thật. Bá nhưng bỏ lập thật, đều từ thật đức kia dùng giao kết quay về, tự chẳng phải kẻ đại trí ai có thể dự đó?

Kinh chép "Thiện quyền phương tiện cũng lại như vậy", dân sinh mà muốn tánh sát sinh, uống máu trải lông ở đời Thượng Hoàng. Bậc Thánh bỏ sát sinh chẳng dạy sát sinh, nhưng dạy dân chưa hết mà hóa nghi tạm tổn, dẫu sắp hưởng tam phẩm tôn dâng khách nồng hậu. Nhưng Thang mở giềng mối kia, Khổng ước không cương yếu, Thi nhờ năm lộn, lễ phí thân tàn, y cứ đây mà quán, tâm tác giả thấy vậy. Nay nhịn không ăn thử tâm từ của mình, nếu suy không nhịn ở trong thấy nghe, đều không ăn ở trong thấy nghe, kia chí lý thay! Chí lý thay! Cầu nhờ đến bày mở dùng ống mà dòm, thật tướng không thể nói, nói thành hý luận, đã không tự phải, tưởng cũng đồng trái, nếu bậc cao minh dụ xin đợi các quân tử.

BIỆN TÔNG LUẬN CỦA TẠ LINH VẬN

Qua lại với các đạo nhân, đồng thời nghiệp tâm thần đạo cầu hiểu ngoài lời. Tôi gối bịnh, việc ít thời gian rảnh thì nhiều, liền bày ý xưa nay ngõ hầu định cầu ngộ tông.

Luận của họ Thích, Thánh đạo tuy xa, nhóm học có thể đến, nhiều tột soi đời nên phải tiệm ngộ. Luận của Khổng Khâu, Thánh đạo đã nhiệm mầu, tuy Nhan Hồi gần như thể không xét khắp, lý quy về một mối.

Có tân luận đạo sĩ cho là lặng soi nhiệm mầu không chấp nhận giai cấp, chứa nhóm học vấn không hạn chừng đâu là tự dứt? Nay bỏ tiệm ngộ của đạo Phật mà lấy năng đến của đạo Phật, bỏ cái thu của Khổng Khâu mà lấy một mối kia. Một mối khác lần ngộ, hay đến chẳng phải gần như thua, cho nên lý đã bỏ tuy hợp đều lấy, nhưng kia lìa Thích và Khổng. Tôi cho là hai nhà lời bàn cứu vật thì đạo Nho xướng thuyết đắc ý, dám lấy chiết trung, tự nhận trộm gọi là tân luận là như vậy, liền đáp ý sau, chậm có chỗ ngộ.

Pháp Húc hỏi: Kính xem Thanh Luận rõ tông tuy nhỏ mà một phen đốn ngộ, dầu ưa mới, mổ xẻ trộm có chỗ nghi. Nếu người rõ suốt cho thể lý dứt dục, kẻ mù mờ do mê hoặc bị lụy, bặt dục vốn do thấy lý, bị lụy do trái tông. Vì sao mà nói vậy? Kinh nói rằng: “Người mời học lìa Bát-nhã liền như mắt sáng, không người dẫn dắt là mất lý, buông lung hoạn nạn ở đây đã rõ. Nếu thiệp cầu chưa tiệm đối đại tông hy vọng, dụ như lụy ở bụi nhơ thì nhiều kiếp nhọc nhằn, hẹn quả nơi mù xa đã có tâm do dự, xin chậm khen dạy. Ban đầu đáp đạo ngược lý với tục không quan hệ nhau cho nên nhân quyền để nói, quyền tuy là giả mà ý chỉ chẳng giả, trí tuy là thật có thể là chẳng thật. Chẳng chân thật mà không tổn thương chân, mục đích là giúp chúng sinh. Chẳng giả mà không theo giả giúp vật thì trái bổn, nhiều kiếp như thế chẳng phải không, ân cần hẹn quả có như ánh sáng mặt trời.

Húc lại hỏi: Xét luận đạo Khổng và đạo Phật đã giống nhau, giả cứu vật cũng chẳng khác, mà cõi thần đạo, tuy Nhan, Khổng Tử chỗ không dạy. Nhiệm mầu của thật tướng dẫu ngu Phật quyết dạy. Nhưng thời hai Thánh lập lời đâu sai trái?

Lại đáp: Hai giáo đã khác nhau, tùy phương ứng vật nơi giáo hóa có khác, lớn mà bắt chước, soi ở dân Hoa, dễ nơi thấy lý khó nơi thọ giáo, cho nên đóng lụy học mà mở một mối. Di nhân dễ thọ giáo khó thấy lý cho nên đóng đốn ngộ mở môn tiệm ngộ. Tiệm ngộ tuy có thể đến mà muội cái thật của đốn, một mối tuy biết mà gởi tuyệt nhờ nhiều

học. Do người Hoa Hạ ngộ lý không tiệm mà bên cạnh không học. Người Man-di ngộ lý có học mà bên cạnh có tiệm, cho nên quyền thật dẫu đồng mà dụng kia đều khác.

Xưa Hướng Tử hẹn dùng cho Nho và đạo Phật là một Ưng Kiết Phủ cho là Khổng và Lão có thể đồng, đều muốn nhìn tông mà sánh với chân thật ư?

Húc ba lần hỏi, lại tìm đáp, do Hoa Hạ, Man-di có nghiệm tánh dễ, cho nên hai vị Thánh lập giáo có khác và đồng, trọng phương giúp tục có thể gọi là tốt đẹp. Nhưng sâu tột sự soi xét làm thì ở trên, ngu dân mê muội xin theo ở dưới, cho nên làm thì nên xét chánh kia, xin theo quyết là tông kia. Nay Khổng bỏ đường Thánh học mà đạo Phật mở đường tiệm ngộ, nơm bẫy đã lầm lộn rối rắm, lê dân nhờ đâu mà quy chân. Ba lần đáp, mùa Đông mùa Hạ khác tánh, giúp xuân thu là ngọn đầu, ngày đêm khác dụng, duyên nhục mộ để qua lại, huống chi đến chỗ tinh tế lý đâu thể tấc tiếp người chí thô, đây cho nên ở tiệm ngộ, lý do thầm tạo đốn hiểu, nhờ Khổng giáo cho nên tiệm thành Thánh học, Thánh học không ngoài sáu kinh, mà sáu kinh được đốn giải không thấy ba tạng mà lấy quả ba tạng nơm bẫy rõ ràng, đâu nghi lầm lộn, cá thỏ đã được lê dân dùng giúp đỡ.

Tăng Duy hỏi: Nương Pháp sư Tân Luận lấy tông cực vi diệu không chấp nhận giai cấp, khiến người học cùng cực có không, tự nhiên có như phù hợp, đâu cần nói không. Nếu giúp không để tận có, đâu được không cho là tiệm ngộ ư?

Ban đầu đáp: Lụy đã chưa hết đều không thật có, hết tệ lụy đó, mới có thể được không. Lụy hết thì không, thật như phù hợp định dứt lụy kia, cốt yếu phải nhờ giáo, ở lúc có học mà chẳng ngộ, ngộ ở có nên nhờ học để đến. Nhưng giai cấp bàn giáo ngu một phen ngộ luận đắc ý.

Duy lại hỏi: Luận nói rằng: “Ngộ ở có, nêu được không do tiệm, khiến thiệp học mong tông ngay ngày tiến rõ kia, chẳng bằng khiến rõ không ngày tiến cùng không nói đồng. Nếu ngày tiến kia là sáng thì chẳng phải tiệm ngộ ư?”

Lại đáp: Rõ chẳng phải tiệm đốn, tin do giáo phát, do đâu mà nói vậy? Do giáo mà tin thì có công ngày tấn, chẳng tiệm chỗ rõ thì không phân vào chiếu soi, nhưng hướng đạo tâm lành nổi, tổn lụy phát xuất cầu phục, phục dường như khác nhau, thiện dường như trái ác, đây sự vụ không đều chẳng phải tâm vốn không lụy, đến một phen ngộ muôn điều dính mắc đồng dứt.

Duy lại hỏi lần thứ ba. Đáp rằng: Do giáo mà tin thì có ngày công tiến, chẳng phải tiệm rõ thì chẳng xếp vào công chiếu soi, phàm tôn giáo mà suy tôn, tuy không hằng dụng, ngay khi phải suy đâu có thể không tạm khiến không ư? Nếu chấp nhận tạm khiến hợp kia, giống như tự hiền đối với không hợp, vì sao chẳng phải tiệm.

Ba lần đáp: Tiệm là giả, chân là thường. Giả biết vô thường, thường biết không giả. Nay há lại có thể lấy tạm của giả biết mà xâm lấn cái chân thường biết ư? Nay tạm hợp ở không hợp, thành thật thay! Lời nói của Như Lai, trộm có chứng cứ, các quan can ngăn Trang Vương rằng: Vật xa nơi mình cho nên lý là tình trước, và khi nạp Hạ Cơ đã giao hợp nơi vật cho nên tình đối với lý. Tình lý mây xen, vật mình khuynh nhau, cũng là suất nhậm trung trí. Nếu cho can ngăn gọi là ngộ há khi dung nạp là mê hoặc ư? Vả lại Nam là Thánh, Bắc là ngu, trái Bắc hướng về Nam, chẳng phải gọi là dừng Bắc. Hướng Nam trái Bắc, chẳng xưng là đến Nam. Nhưng hướng Nam có thể đến Nam trái Bắc chẳng phải dừng Bắc, chẳng phải dừng Bắc nên ngu có thể đi, có thể đến Nam, vì vậy ngộ có thể được.

HUỆ LÂN GIẢNG, TĂNG DUY HỎI

Ngay giả biết một phen hợp cùng chân biết là đồng hay khác?

Sơ đáp: Có khác với cái biết của chân.

Lân lại hỏi: Cho gì là khác?

Lại đáp: Giả biết là lụy phục, lý tạm là dụng, dụng tạm là lý, không hằng cái biết kia. Chân biết là chiếu tịch cho nên lý thường làm dụng, dụng thường ở lý, cho nên thường là chân biết.

Lân hỏi lần ba, lụy không tự dứt, cho nên cầu lý để dứt lụy. Nay giả biết một phen hợp lý thật ở tâm, ở tâm mà lụy không bỏ, thì bỏ cái gì?

Đáp lần ba. Lụy khởi vì tâm, tâm xúc thành lụy, lụy hằng xúc thì tâm ngày càng hôn mê. Giáo là dụng, tâm ngày càng phục, phục lụy càng lâu, đến lúc dứt lụy, nhưng khi diệt là ở sau phục lụy, phục lụy dứt lụy dáng mạo đồng mà thật là khác, chẳng thể không xét thể của diệt lụy, vật và ta đồng quên, có không một phen quán. Tướng trạng phục lụy, người và mình khác tình mà không thật khác thấy. Khác thật không khác mình và người là rơi vào dính mắc. Một phen có không đồng ta và vật là ra nơi chiếu.

Lân Duy hỏi: Ba đời dài cả trăm năm, ba ngàn rộng ở huyện xích, bốn bộ nhiều ở cửa khẩu, bảy báu nhiệm mầu hơn cát bụi, đây cũng mới

có lớn nhỏ cho nên hóa có xa gần, lý vậy được chăng?

Sơ đáp: Sự lý khác nhau, hằng thành bốn mối, tự có lớn nhỏ đều được nghi kia, cũng có hiền ngu mà trái phương xứ, cái gọi là đời đồng thời khác, vật phải người trái, dụ như mổ con ngỗng cũng có dao mổ bò, ngọc bội ấn vua mà cho há đều là Đường Ngu. Nay gọi là dạo thể tột ở Võ thành, nhiều đời đều rộng lan nơi thiên hạ, chưa nghe điều đó. Vả lại đều xưng Diệu giác mà cõi nước tinh thô, chẳng thể lấy cõi nước tinh thô mà nói Thánh có hơn kém, cảnh ứng dấu vết vốn chẳng phải là chỗ gạn chứng.

Duy lại hỏi: Luận nói rằng: “Hoặc đạo rộng mà sự hẹp, hoặc sự phải mà người trái, nay không thể cho sự lớn nhỏ mà cách chứa nhóm đạo thô hay diệu”, thành thật thay lời nói này! Nhưng chỗ nghi không ở đây, giả sử khiến Chu Khổ thật chưa tột cùng do đó ứng thế, cho nên ở tôn đây tự là đời cách xa Thánh chưa đủ rõ tột. Giáng nhiệm mầu thấy bậc để tiếp quần thô (chúng sinh thô) thì người thô không thể so lường. Nhưng mấy bậc mầu nhiệm chẳng gọi là tột diệu, nói suy theo đây thì an ủi đời đối với thô là diệu, nhưng đối với diệu còn thô. Lấy diệu tìm thô thì không trụ bất tận, lấy thô cầu diệu thì chớ thấy nguồn kia. Không trụ bất tận nên gọi là cùng lý, chớ thấy nguồn kia cho nên ngước lên càng cao, nay há có thể từ họ Nhan chỗ tôn sùng mà đồng cực diệu ư?

Lại đáp: Nay không nhờ Nhan để suy mà gọi là tột, nhưng cho Nhan là thứ cơ thì Khổng biết cơ. Vả lại Hứa Võ Xương nói: “Khổng chẳng vốn bàn, do Nghiêu thì thể trời chẳng phải đồng, đồng thể chí cực há chấp nhận có lớn nhỏ sao?”

Duy hỏi lần ba: Người đời không thể suy lường, lại xương nói, đều có thể cho là Thánh ư?

Đáp lần ba: Xương nói là hiền, còn chấp nhận hiền kia. Xương nói Thánh, đâu được chẳng phải là Thánh? Hằng ngày không biết mê mờ trăm họ, chỉ có Phật là biết tột sự cao sùng của thật tướng. Nay muốn đem tướng sùng cao mà khiến mê mờ biết được là chưa có. Nếu chỗ không biết đâu được chẳng lấy lời Xương làm tin, đã cho đạo Phật nói là phải, sao cho Khổng nói là trái ư?

Trúc Pháp Cương hỏi: Kính mở cao luận tham cứu cực tôn, diệu phán quyền thật, tồn ý chỉ Nho, Đạo, di giáo Khổng Thích nói lời chiết trung, rõ đầy ở Tân luận, có thể cho là khích dòng dẫn nguồn, phát huy sáng rõ?

Rõ phúc đáp lời hỏi của Húc duy, hoặc cho là nhân quyền để thông, hoặc học mà chẳng ngộ, là câu huyền luống lập, không quan hệ

với ngực bụng, trộm chỗ chưa an. Do đâu mà nói như vậy? Phàm đạo bày thiên cách cơ, hai hiểm dứt, học không tiệm tông, không hề phảng phất, ngang dọc có đầu mối, suy nghĩ chẳng ngoài ngôi vị, núi thần do gì mà lên, núi nhọn từ đâu mà vượt. Nếu ân cần đối với có mà ngồi thể đối với không, thí như khoa bút bày chung thì công bằng khả năng giúp dưỡng, không vậy đã rõ. Bởi đồng có chẳng phải rất ngại còn không thể lấy sự quen lờn này mà thiện kia, huống chi chỉ tột có không, trái ngược để thông nhau ư?

Lại nói rằng: "Lụy đã chưa hết, không thể đắc, hết tệ lụy mới có thể đắc chứng không.

Hỏi rằng: Mù đối với đại đạo, đòn xe gảy nơi đường huyền, đâu còn nơi lụy phong hữu. Bởi có không thể bỏ có, bỏ có quyết không chưa có, trước có lụy rồi mới không, còn như cái gọi là lụy hết thì không phải như vậy, vì lụy đó tự bỏ, thật chẳng phải không đợi, thật chẳng phải không đợi thì không thể chẳng không, cho nên không chẳng quý. Như kia trọng tối tự sáng không nhờ lửa và mặt trời, không nhờ lửa và mặt trời thì chẳng thể không lập, cũng rõ không còn, lạc đẳng cấp mà gởi đốn ngộ, chẳng lẽ ở đây thất bại ư? Các dấu vết khác may mắn suy nghĩ giải thích tốt đẹp.

Thích Tuệ Lâm hỏi: Ba lần lại bàn kỹ hai nhà châm chước Nho, Đạo, thật có nhớ nơi luận đến như bỏ tiệm ngộ của đạo Phật, sót gần như của đạo Khổng, nhờ trông chừng hoặc. Đạo Phật nói là có tiệm cho nên tự bày có tiệm, đạo Khổng cho là không tiệm cũng là không tiệm của tự đạo. Vì sao biết? Vì trung nhân có thể nói lời thượng nhân, tập lâu có thể đổi tánh, đó là lời dạy của họ Khổng. Một phen hợp với đạo tràng chẳng phải bậc Thập Địa là xướng của đạo Phật. Như vậy tiệm dứt văn luận hai Thánh rõ lời, đâu riêng gì Di, Thúc, đối với giáo Hoa câu nệ ở lý, toan sợ biện bác bỏ, lời dài đối với tân luận?

Húc Đạo nhân bắt bẻ rằng: Dứt dục do ở thể lý, phải gọi là ngày tổn, do lý tự ngộ.

Luận nói: "Đạo và tục ngược gốc không quan hệ nhau, cho nên nhân duyên để thông. Vật giúp thì ngược gốc". Hỏi rằng: "Quyền đó đã nhờ tập tâm, cũng trọn cho là lự ư? Vì ngày hiểu ngộ và lý không của kinh đều tự ngược ư? Nếu kia thường trái luống bàn lật làm ngọn thuyết, nếu đầu cuối phò nhau có thể tu giáo mà đến.

Sau đáp Duy Lân, trong giả biết khác nhau là hoa mỹ tuyệt đẹp, chỉ trái với lập luận. Giả là do xoay mê tán lý, không cho chui lửa gây ra mê hoặc. Nếu hướng Nam có thể tạo Việt, trái Bắc có thể bỏ Yên.

Tin Yên Bắc Việt Nam, lo luống không có thể rửa tâm, tổn có thể bỏ lụy, cũng có ngu mà không thánh. Như đây chỉ phải ân cần, Bát-nhã do mặt trời quên xem, Dĩnh lộ mà chạy nhanh, lại nào lo chỗ mất ư? E rằng một phen xướng ngộ, lại vấp váp nơi thí dụ Bắc Nam ư?

ĐÁP LỜI HAI VỊ PHÁP SƯ CƯƠNG VÀ LÂM

Mở xem hai nạn mừng như tạm đối, rong nhiều luận rộng, an ủi đầy mắt, có thể cho rằng miệng thắng nhân, nhưng chưa nhàm ở tâm, liền bày ý trước không do lời đối, cầm bút mở lòng, Tạ Linh Vận đảnh lễ.

ĐÁP LỜI BẮT BẺ CỦA CƯƠNG CÔNG

Lại nạn rằng: Đồng có chẳng phải xem kỹ còn không thể vui chơi đây mà thiện kia, huống gì tột của có và không trái mà ngược để thông nhau ư? Đây là câu nệ sở tập để sinh nghi này. Người chuyên đùa bút tự có thể không công ở cung tên, cung tên đã công lại đùa với bút, sao là không chung cả ư? Nếu phong có mà chẳng hướng tông, tự là lỗi của người phong, tạo không mà bỏ trệ sao lại không thể trái được. Nhờ không gồm cả có để hạn chế không của hay gồm, chẳng phải chỉ hun đúc hổ thẹn ta đối với canh lý. Nghệ nuôi, hổ thẹn sách nơi La, Triệu. Chạm loại vấp ngã mới đủ khéo, khen là lịch lãm, nay xin theo gốc kia, nhờ không để phục có, phục lâu thì có mất, lúc phục không thể biết, biết thì không còn nói, do đây ngồi quên ngày, làm tổn gần nêu ra Lão Trang. Số duyên mà diệt, kinh có thuyết xưa, như thế đâu lụy tự bỏ, thật không chỗ giúp. Vả lại nói là thông minh công mới ở ngày hỏa, nhưng ngày hỏa không xứng công ở u tối, Bát-nhã không nói nhờ ngu uẩn. Suy đây mà vãng, chẳng lẽ đợi có nhiều.

ĐÁP LỜI BẮT BẺ CỦA LÂM CÔNG

Khổng dầu nói lời trên rằng: Bậc Thánh không có giai cấp. Phật tuy nói rằng nhất hợp, mà nói "Chúng sinh có Phật tánh", chúng sinh có Phật tánh, đạo kia có quay về, chỗ nghi là tiệm giáo. Thánh không giai cấp lý kia đáng quý, chỗ nghi là đãi thứ. Há hai vị Thánh khác đường gần chớ khiến đó. Bác bỏ lìa đó, khen mới là có ở lời luận dài không có góc cung ư?

Bắt bẻ rằng: Nếu kia hằng trái hẳn, luống bàn dịch chưa nói. Nếu trước sau giúp nhau, có thể theo giáo mà đi, có thể gọi là lời giải thích của Công Tôn là bị đóng khung. Trí là gốc quyền, quyền là dụng của trí, nay theo ý Thánh thì trí là lời kinh, quyền nhờ quyền để làm nghiệm,

cho nên ba thừa đều là nơm bẫy, đã ý để quy tông cho nên Bát-nhã là cá thỏ. Bởi do dân nhiều ngu si, nên giác cố quanh co. Nếu người đều đắc ý cũng đâu quý ở tiếp ngộ. Luận giả biết, ý chỉ rõ ở có là có thể làm đạt lý can ngăn, đây là giao chậm khâm phục nhau, chẳng là lý của ngộ đạo, lập luận có gì trái với kia. Yến Bắc Việt Nam có ngu không Thánh lý kia đã đúng, rất được ở tâm. Nếu ân cần, ngày quên xem chạy nhanh nhóm họp, cũng thật là lời của Như Lai, nhưng ân cần chưa là được nhìn, chưa là chí phải, ngay khi kia đây có thể gọi là hướng tông, đã được đã đến có thể cho là một phen ngộ toan khác nhau, giây cương đến nhanh mà nói là vết xe khác?

VƯƠNG VỆ QUÂN HỎI

Luận nói: Do giáo nà tin có ngày công tiến, chẳng phải chỗ tiệm nói, không xếp vào phần chiếu.

Hỏi rằng: Do giáo mà tin không xếp vào phần chiếu, thì là rất tin bậc Thánh. Nếu tin thầm bậc Thánh lý không quan hệ tâm, chánh có thể chẳng chó gì không là tốt nhất, do đâu có ngày công tiến.

Luận nói: Tạm là giả, chân là thường. Giả biết không thường, thường biết không giả. Lại nói rằng: Giả biết lụy phục, lý tạm là dụng, dụng tạm ở lý, không thường biết kia.

Hỏi rằng: Tạm biết là giả biết, chẳng phải không biết. Nhưng thấy lý còn cạn chưa thể thường dụng, tuy không được cùng chân biết đồng chiếu, nhưng thà không phần vào chiếu, nếu tạm biết chưa phải là thấy lý, đâu được nói rằng: Lý tạm là dụng, lại không biết cho gì gọi là biết.

Luận nói: Giáo là dụng, tâm ngày phục, phục lụy càng lâu đến nơi diệt lụy.

Hỏi rằng: Giáo là dụng, mà lụy phục, làm thế nào phục ư? Nếu đều chưa thấy lý chuyên tâm thầm tin, phải chuyên tâm kia chỉ có tin mà thôi. cho rằng đây là lụy phục, đây là lự chẳng thể đồng, là đây thì kia bỏ. Chẳng phải lý lụy tương quyền để khiến lụy phục. Thiếu tâm mấy ai không đều như vậy, phục như đây cội gốc chưa khác, một bên dựa nương một bên phục, tuần hoàn không thôi, tuy là càng lâu lụy nhờ đâu diệt.

Hoằng nói rằng: Một phen bàn ngộ thường cho là có tâm, nhưng chưa dùng chiết trung bàn về đồng khác. Cho nên nạn ở lời lẫn lộn, tìm xem đến luận chỗ giải thích rất nhiều, nhưng vẫn có chỗ giải chưa tốt, thử điều như trên là hô có thể dung. Đây nghi không, đã muốn khiến ý

ta xem hết, rồi sau lại đối không triệu, gồm phải tạo gối, cầm bút thêm nhớ thật không thể nói.

VƯƠNG HOẰNG KINH ĐÁP LỜI VƯƠNG VỆ QUÂN HỎI

Hỏi rằng: Do giáo mà tin, mà không xếp vào phần chiếu thì là tin thầm bậc Thánh ư? Nếu tin thầm bậc Thánh lý không quan tâm, chánh có thể đều là tối ưu của Thánh, nhờ đâu có ngày công tiến?

Đáp rằng: Nhan Tử thể hai vị và ở chiếu soi thì hướng thiện, về trước chớ chẳng phải tin thầm. Nhưng giáo có lý do, ta có chí cầu lý cho nên nói là quan tâm, ban cho đó là hai, hồi đó là mười, há thẳng khỏi ưu mà thôi, thật có ngày công tiến.

Hỏi rằng: Tạm biết là giả, người trí thì chẳng phải không biết. Nhưng thấy lý còn cạn, chưa thể thường dùng, tuy không được cùng chân biết đồng chiếu, nhưng có thể cho là không xếp vào phần chiếu ư? Nếu tạm biết chưa là thấy lý, đâu được nói rằng lý tạm là dụng lại không biết do đâu gọi là biết.

Đáp: Không biết mà nói là biết, chính là giả biết mà được tên. Giả là tên, chẳng phải tạm biết như đâu, không hằng dụng kia há là nghĩa thường, đã chẳng phải thường dụng, cho nên giao chậm nghiêng nhau, cho nên người can ngăn thì lời chánh lý vui, mình thì phạm chỗ biết. Nếu cho khi can ngăn là chiếu, há có vui khi phạm, cho nên biết nói lý là bán nổi, phạm biết là hoặc chìm, suy theo đây mà phán, từ Thánh trở xuống, không chiếu cạn sâu, nhưng tánh người hạng trung thì tâm tôn sùng thay thế.

Hỏi rằng: Giáo làm dụng mà lụy phục, làm sao mà phục? Nếu đều chưa thấy lý, chuyên tâm tin thầm, ngay chuyên tâm kia chỉ có tin mà thôi gọi là lụy phục, đây là lự không thể đồng, thuộc đây thì kia bỏ, chẳng phải lý lụy duy nhau khiến cho lụy phục. Hễ thiếu tâm mấy ai không như vậy? Phục như thế cội gốc chưa khác, một nương tựa một lại xoay vần không thôi, dẫu lại càng lâu lụy do đâu mà dứt?

Đáp: Lụy phục thuộc đây thì bỏ kia, thật Như Lai bảo: “hễ thiếu tâm thì mấy ai không như vậy”, cũng là ý chỉ của Như Lai, lại tiếc không đến người học lập lời mà lấy hằng vật làm bàn? Thí như thuốc hiệu nghiệm thì bịnh dễ lành, lý nhiệm mầu thì bủn xỉn sẽ được rửa sạch, rửa sạch bủn xỉn há lại xoay vần, bịnh lành đâu thể khởi diệt, thì sự không bằng rõ ràng đã xong. Nhưng công vô lậu cho nên khéo giúp thế tục, tâm lành tuy nằm trong số năm phẩm mà có thể ra ngoài ba cõi. Bình lặng, cái gọi là tối tăm ngày mùa đông. Phụ Tử cũng nói rằng:

"Xa không cần dắt", liền nhờ lời này để so sánh nhập vào không quả không trở ngại, Linh Vận từ một phen ngộ lý, thẳng dùng kinh bảo, có thể gọi là bàn văn tục, nhưng thư không hết ý, cũng là cách ngôn đời trước, vắng lặng vô sự liền cùng đạo nhân đồng hạnh chung cầu trong sự hèn hạ kia nhục cao khó nói lý gạn phân tích đâu không nghiên cứu kỹ. Tìm xem lâu ngày mừng như tạm đối, liền lại bày luận trước, dẫu không biện đáp, giải thích lời hỏi, vả lại để bày tỏ tấm lòng. Biển, núi cao xa mở bày không kỳ hẹn, đến rõ thêm lòng, càng vui rất sâu. Tạ Linh Vận bái lạy.

VƯƠNG VỆ QUÂN LẠI ĐÁP THƯ

Lại theo lời đáp trước, siêu ngộ cũng không biết, cho nên là khác, chính đáng như thế. Đưa tiễn sinh công là đạo nhân ở đây, cho nên có tiểu tiểu khác nhau. Tiểu lương nên tạn mặt nhau, nếu có lời nói lầm, thì nói trước mặt, không do đâu gởi gắm. Ở đây tán ý vẫn nhiều.

TRÚC ĐẠO SINH TRẢ LỜI THƯ VƯƠNG LỆ QUÂN

Nghiên cứu luận của Tạ Vĩnh Gia, đều không như thế, có đồng giống như nhiệm mầu tốt đẹp, chẳng thể không cho là vui, đàn việt nạn ý chỉ rất cốt yếu, thiết tưởng xét quyết tốt đẹp thông suốt. Vả lại liền thử được lấy ý luận để bày lòng vui vẻ, vì nếu không biết đâu thể có tin, nhưng do giáo mà tin, chẳng phải không biết. Nhưng giúp kia biết lý ở trong ta, giúp kia có thể đến ta, đâu được không công nơi ngày tiến, chưa phải ta biết, do đâu có mà xếp vào phần chiếu, đâu không cho thấy lý ở ngoài chẳng lại toàn muội, biết không từ trong chưa thể chiếu ư?

THƠ CỦA TUNG GỞI CHO AN THÀNH HẦU (DIÊU HƯNG)

Ta từng cho là mình chỗ nhớ Sớ điều các nghĩa của Đại thừa. Đồ Trừng cùng La-thập bình rõ thiếu suy, nên có sự tốt lành, cho nên không còn có thể dứt lý. Không bao lâu La-thập xét lại có ra thay đổi, từ ấy tan ngã, tìm nhau không việc ý sau, bèn quên bỏ đó, gần đó phải sai khiến đưa đón tượng, muốn cùng ông soạn Sớ, trong rương tráp bỗng được điều gốc ngọn ở trước. Nay đưa bày cho ông từ từ tìm hiểu, nếu ông thấy có chỗ không đủ thì hãy đến hỏi, thấy ông đến ngày đều có thể ngay nói cười.

Ta trước dùng ba đạt quán của bậc Thánh để hỏi La-thập, ông bèn đáp, nay lại đưa đến, các việc đều là ý ngày xưa, như nay đều không tình nhớ là sao?

LUẬN CHUNG VỀ BA ĐỜI

Từng hỏi các Pháp sư rõ ba đời hoặc có hoặc không đâu vừa chỗ định, đây cũng là một đoạn trong đại pháp mà chẳng thuộc có không, tình thường bao gồm. Do đây bỗng từ sớ Dã Hoài liền thử lời Mạnh Lãng, thật biết lời Mạnh Lãng không đáng hiểu lý, nhưng trong ngực áo muốn có chút ý chấp nhận, rõ ràng không thể im lặng rồi, liền dâng sớ trình ông, người khác có thể điều hòa. Tôi cho là ba đời một mối xoay vần làm dụng, quá khứ tuy diệt lý kia thường còn. Cho nên còn là chẳng phải như lời chú A-tỳ-đàm, năm ấm trơ trọi, giống như dấu giày trên đất, bàn chân thật tuy đã qua mà dấu vẫn còn, thường đến như lửa trong gỗ, trong gỗ muốn có lửa ư? Nhìn thì không thể thấy. Muốn nói là không ư? Duyên hợp thì lửa xuất hiện. Kinh lại nói rằng: Bậc Thánh thấy ba đời, nếu kia là không, thì bậc Thánh không thấy. Nếu nói có ư? Thì phạm thường hiềm, rõ quá khứ vị lai tuy là không, mắt đối lý thường nhân nhau, nếu do lý không dứt, bậc Thánh thấy ba đời không có điều gì nghi ngờ.

PHÁP SƯ LA-THẬP ĐÁP

Xưa nay đại thông rất tốt, quá khứ vị lai định là không, ở đây làm không thông. Phật nói sắc ấm, ba đời hòa hợp gọi chung là sắc, năm ấm đều như vậy. Lại nói rằng: Từ tâm sinh tâm, như từ lúa sinh lúa, do đây cho nên biết chắc chắn có quá khứ, chẳng có lỗi không nhân. Lại nói: Ý thức của sáu thức nương ý đã diệt làm gốc mà sinh ý thức, lại chánh thấy danh quá khứ nghiệp vị lai trong quả pháp. Lại trong mười Lực, lực thứ hai là biết các nghiệp ba đời.

Lại nói rằng: Nếu không có nghiệp quá khứ thì không có quả báo ba đường, lại nói: Nếu người học sống trong tâm hữu lậu thì không nên gọi là bậc Thánh. Dùng đây so sánh, vốn biết chẳng nên không có quá khứ. Nếu không có quá khứ vị lai thì chẳng thông lý kinh, pháp không chấp nhận. Lại mười hai nhân duyên là sự sâu xa của Phật pháp, nếu nhất định có quá khứ vị lai thì trái với pháp này. Vì sao? Như có hột đậu nhờ đất nước thời tiết mầm gốc mới được sinh, nếu trước đã định có thì không cần đợi mới có, nếu trước có thì không gọi là từ duyên sinh. Lại nếu trước có thì là chấp thường, đây cho nên không được nhất định là có, không được nhất định là không. Thuyết có không chỉ có thời gian, nơi chốn thích nghi, do quá khứ khởi hạnh nghiệp, chẳng được nói là không.

Lại nói rằng: Nay không cùng tự đối, không được nói là có, thông

của Nhã Luận rất tốt đẹp. Lại Đại phẩm đã nói, quá khứ như không lìa vị lai hiện tại như, vị lai hiện tại như cũng không lìa quá khứ như. Đây cũng chẳng nói là không. Đây thật là đại yếu trong kinh, đợi được cao đối thông lại hết đó. Thông không trụ pháp, trụ Bát-nhã, chúng sinh sở dĩ không bậc thềm đạo là có chấp trước. Do đó giáo của bậc Thánh thường lấy sự bỏ chấp trước làm sự nghiệp, cho nên nói "do không trụ Bát-nhã" dẫu Đại Thánh huyền giám ứng chiếu không bờ mé, cũng không thể chấp, chấp cũng thành bịnh, muốn khiến người tu hành quên bỏ ngã sót chỗ gởi gắm, tràn lên như ghe không buộc, không chỗ nương nhờ thì phải đúng lý.

BẬC THÁNH PHÓNG HÀO QUANG LỚN KHẮP MƯỜI PHƯƠNG

Giáo của bậc Thánh huyền thông chẳng có bờ, cảm ứng nhiều phương, không thể làm một đường mà cầu, không thể dùng một lý mà suy, cho nên ứng thô cho thô, nên tế cho tế, lý vốn là vậy, cho nên phát ra ánh sáng lớn hiện các thần biến, đây là ứng với các Đại Bồ-tát ở mười phương sắp nối tôn vị. Nếu ở tục tiếp thô lại dung sự đây ư? Kinh A-hàm dạy: "Phật ở Thiên Trúc hơn bốn mươi năm, y phục, thức uống ăn, bị các bịnh hoạn, chẳng khác mọi người". Kinh lại nói rằng: Bậc Thánh cũng vào loài nai, ngựa để độ nó há là loài khác với nai ngựa ư? Nếu chẳng khác nai, ngựa, ứng đời thường lưu thông đợi thần biến này đã rõ, thường sự cốt yếu phải tự đồng với vật trước, rồi mới được thực hành giáo hóa kia.

THÔNG BA ĐỜI

Chúng sinh trải qua ba đời, kia vẫn xoay vần, quá khứ vị lai tuy không ở trước mắt mà lý kia thường tồn tại, do đó bậc Thánh tìm xưa để biết xưa, ngược số để biết vị lai.

THÔNG TẤT CẢ CÁC PHÁP KHÔNG

Đạo dùng vô vi làm tông, nếu kia vô vi thì chỗ nào là có?

AN THÀNH HẦU, DIÊU TUNG BIỂU

Thần nói, "Phụng Châu Tượng Thừa là di chúc của Hoàng hậu lập, ngày bái yết hằng mộ trời đất, cúi xin cảm xưa thêm nhớ". Thần nói: "Trước nhờ, bệ hạ chính thân lo lắng làm tượng, sự thường chú tâm, lâu dài thì mong, chậm thì gởi, tạm một lễ kình không ngộ ân thành rủ

đến bèn cùng thần cúng dường tượng này, đã công báu đều trọng. Vả lại ở lý chế tác nghĩ, nếu trong thần tạo đến, chỗ thấy châu tượng thật phải kỳ diệu. Nhưng mới đó ở đây tin lại có nghe thấy, vâng lịnh vui mừng khởi khắp thật vô lượng, thọ trời thí là vô báo, được nhờ ân giáng không tạ từ, dẫu muốn ức bày ngu thật, cũng đâu biết chỗ cùng tận. Thần nói.

Thần nói: Phụng bệ hạ chung các nghĩa, lý vị sâu xa, lời lẽ trong sạch thù thắng, trong đến dụ ở hai thiên, nhiệm mầu ngang bằng trung quán, vịnh đó vui chơi đó, giấy đã có ra nhọc mệt mà tâm vẫn không nhàm thật có thể gọi là cao xướng của đương thời, tôn phạm ở nhiều kiếp. Nhưng thần ngu si tối tăm không tham dự, ngày mở tìm thật lại ca ngâm chẳng dứt không ngộ. Rộng lòng từ khéo dẫn dụ muốn khiến tham gia cho nên có ra hỏi nạn, dám quên ngu độn, liền vị bày tấm lòng, đâu nói là giữ nạn, thẳng muốn thăm hỏi chỗ chưa ngộ. Lời thần.

Thần nói: Trên chung ba đời rất có đầu mối sâu đã xa khế hợp tâm thánh, gồm lại ức chánh lời mọi người, tông đồ gắng tiến nên siêu vượt cảnh thường, tột sự vui mừng càng khiến thưởng vị thêm sâu, thêm là La-thập nghiên cứu bao gồm đầy đủ, thật ngu thần chẳng thể xưng kể hết, ngay khi viết đó lòng ôm cho là cốt yếu của tâm. Lời thần.

Thần nói: Trên thông pháp không trụ, trụ Bát-nhã, nghĩa nói rằng: “Chúng sinh sở dĩ không thềm cấp với đạo là có chấp trước”. Tâm thánh nhiệm mầu đến thật không đâu không tận, nhưng đến nêu vị sáu độ mà dùng không chấp trước làm tông, chấp ở tâm thật như lời dạy sáng suốt, tức đó ở sự thoát có chưa tột. Phàm không chấp trước tuy nhiệm mầu dường như có không tức chân cả hai thần tốt, có không tức chân cả hai thầm tối sợ là tâm quên nghĩa đó, rình tìm huyền giáo như lại có cho, cẩn thận thành lời để giải bày ngu kiến. Cho nên kinh nói rằng: “Do không chỗ bẻ pháp đầy đủ đàn Ba-la-mật” vì ba việc này không thật có, ba là đã thầm có không, chẳng phải lý không phải tức đồng huyễn hóa, do đây mà suy, sợ gây ra không trụ, chẳng phải thật quên bỉ ngã sót chỗ gởi mà thôi.

Chiếu rằng: Phát ra ánh sáng lớn hiện các thần biến, đây là tự ứng mười phương các Đại Bồ-tát sắp tiếp nối làm hưng thạnh ngôi vị tôn quý. Lý này nhiệm mầu vốn chẳng phải tầm thường gần tham gia, nhưng tình không thôi, còn muốn nói chỗ chưa hiểu. Hễ muôn cõi không đồng tình thô có khác, ứng kia dầu khác mà tâm Thánh thường chỉ một, thường chỉ một cho nên tròn đủ ứng đó, không đồng cho nên quyền giúp. Dẫu nai, ngựa, mà đầu tiên trái to lớn kia, tuy hiện thần biến mà

ban đầu sót nhỏ nhiệm kia. Cho nên kinh Tịnh Danh nói: "Như Lai dùng ánh sáng làm Phật sự, hoặc lấy sự vắng lặng làm Phật sự, hiển ẩn tuy khác mà không hề có hai mối". Nhưng thì ở trong lớn nhỏ sợ lúc này xen nói, như kinh Hoa Thủ chép: Ban đầu Phật vì Đức Tạng phát ra ánh sáng lớn, khiến các chúng sinh khắp được thấm nhuần. Lại trong kinh Tư Ích, Cương Minh hỏi Như Lai có ba mươi ba thứ ánh sáng, ai được gặp đều được lợi ích. Kinh Pháp Hoa nói: "Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày cũng khiến cho bốn chúng tám bộ đều sinh nghi", lại nói rằng: "Chúng sinh ở chỗ tối tăm đều được thấy nhau, nếu người có duyên tuy ít cũng chắc chắn có lợi ích, nếu không nhân dẫu lớn đều trái người".

Cho nên kinh Bát-nhã nói rằng: "Nếu có chúng sinh gặp ánh sáng đây chắc chắn được đạo Vô thượng. Lại do thần biến khiến chúng sinh trong ba đường ác đều được sinh lên cõi trời", do đây mà nói về ánh sáng thần biến dường như bình đẳng, dám duyên từ đoái hoài liền cạn ân ngu. Nếu lại suy càng trọng khai đạo, đâu thẳng gạn thần riêng thọ ban ân kia.

BẮT BẺ VỀ THÔNG TẤT CẢ CÁC PHÁP ĐỀU KHÔNG

Chiếu rằng: Đạo dùng vô vi làm tông, nếu vô vi kia thì chỗ nào làm? Chí lý sâu xa thật không dung lời, nhưng chỗ ở hợp cầu địa, chẳng được không xét gốc để đến ngộ, không xét rõ đạo vô vi là đúng, lấy gì làm thể? Nếu dùng diệu làm tông, dẫu ở vua trước mà chẳng là tột, nếu dùng có không làm diệu, quyết phải có không là nhân của không, nhân xứng đều chưa thầm, đâu là không hai đạo ư? Cho nên luận nói rằng: Chẳng ở không quyết phải có ở có, tướng có không thí như hình tướng dài ngắn, lý không tuy mầu nhiệm toan dường như đồng với đoạn thường kia, thường còn không thể huống chi là đoạn ư? Nhưng luật có không vẫn là sự tồn tại của biên kiến, cho nên Trung Luận nói rằng: "Vì không phá thế đế thì không phá chân đế". Lại luận nói rằng: "Nếu các pháp thật thì không có hai đế, các pháp nếu không thì không tội phước nếu không tội phước, phàm thánh không phân, hai câu không phân đạo chỗ nào có lợi ích. Do thần ám muội chưa ngộ tông cực, cúi xin nhân từ lại thêm dạy dỗ.

DIÊU HƯNG ĐÁP

Lời hỏi của ông dẫn dụ giàu lý tột sâu xa, sự cạn cợt thật chẳng thể đáp đủ, nay phải điều cách để đáp nhau. Ông dẫn kinh Bát-nhã nói

rằng: “Nếu có chúng sinh gặp ánh sáng này chắc chắn được đạo Vô thượng.” Tức kinh đã nói chưa nghe có phàm lưu mà được thấy ánh sáng. Như Đức Thích-ca phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, ngay lúc này kinh không nói có quần phẩm mà được thấy sự quái lạ kia mà khác, đều là sáng khắp, luống dùng lời này chắc chắn không là việc nhỏ. Nếu ông cho chúng sinh là nghi thì trăm ức Bồ-tát há chẳng là chúng sinh ư? Nhưng kinh lại nói rằng: “Chiếu khắp đến Thích-ca, đều cùng kẻ thiện nam người thiện nữ cầm các hương hoa đến cúng dường Đức Thích-ca, và chúng đến cúng dường tự nhiên ứng khắp mong nhờ thấm nhuần ánh sáng kia. Nhưng ánh sáng tạo ra vốn không vì thiện nam tín nữ, cho nên được nhờ sóng dư, kia dụ như con ruồi nhờ đuôi ngựa mà đi xa ngàn dặm.

Ông lại dẫn “Thần biến khiến chúng sinh ba đường ác được sinh lên cõi trời, cõi người”. Nếu ở nai làm nai ở ngựa làm ngựa mà độ thoát đó há chẳng là thần biến ư? Các kinh Hoa Thủ, Tư Ích, Pháp Hoa đã nói. Nếu nói là phóng đại quang minh tự ứng với đại phẩm chẳng khác. Nếu mỗi tia sáng để ứng đến vật trước, việc làm này trời người chẳng thể thông hiểu. Ánh sáng đều cùng vắng lặng, đây thẳng phát ý có tham sai kia suy lường một phen.

Ông dẫn kinh nói: “Người thí, người thọ và tài vật đều không thật có, đều không trụ pháp, không trụ Bát-nhã, chưa hề có khác. Hai ấy, thẳng là giáo thỉ chung. Tóm lại, đều là lời phá chấp. Vì sao tội không tội, người thí người thọ tài vật đều không thật có? Nếu đều không thật có thì chấp chỗ nào? Là khuyên không chỗ chấp đã rõ. Ông lại hỏi: “Rõ đạo vô vi là thường đồng, các pháp tự không hay là diệu không, không do thành tột ư?” Lại dẫn hai đế trong luận hỏi rằng: “Ý đã không kịp đạo vô vi nương vào đâu?”

Ý tôi cho là vì đạo chỉ là vô vi chưa rõ lý do tông, vì sao chúng sinh trôi lăn sinh tử đều từ chấp trước? Nếu dục dứt ở tâm thì không còn sinh tử, đã không sinh tử, thầm thần huyền thờ ơ cùng không hợp thể kia là gọi Niết-bàn. Đã nói là Niết-bàn vì sao cho có tên ở trong ấy? Phàm đạo dùng không gởi làm tông, nếu cầu gởi sở tại e bàn là lầm lớn. Ta đã rõ vô vi không thể là có, ý sự như ẩn tìm cầu hoặc phải nạn nhỏ. Nay lại bày lại nghĩa trước. Ông đã dẫn Trung Luận, tức tông nghĩa của ta, nếu các pháp chẳng phải không thì không hai đế, nếu chẳng có cũng không hai đế. Ở đây định rõ có không chẳng lìa nhau, làm sao nếu định nói có thì không do cứu cao sĩ, nếu định rõ không thì không do đâu cứu hạng thường. Đây do bậc Thánh có không bao gồm mà không bỏ, chính

là nghĩa này. Nhưng các nhà thông Đệ nhất nghĩa, rỗng nhiên vắng lặng không có bậc Thánh, ta thường cho là quá sai, xa quá không gần tình người, nếu không có bậc Thánh thì người biết không là ai?

AN THÀNH HẦU TUNG LẠI DÂNG BIỂU

Thần nói: Ban cho chiếu chỉ lại, dạy dỗ cùng khắp, ngày phục tìm vui mừng không xiết kể. Bệ hạ phát đức âm quang giảng nói cực. Môn khai thác đạo nghĩa, trình bày chỗ sâu kín của Như Lai, thầm tông ẩn mà lại bày, cửa màu đóng mà lại mở, ý chỉ ngoài văn từ có thể gọi là rõ ràng như đèn ở chỗ tối. Lý mầu không thể dùng lời gọi, sự diệu vốn chẳng phải lời thường mà khen ngợi hết được, dầu tâm dục đè ép ca vịnh cũng quên biết chỗ tận. Do thần ngu độn mà mù quáng, nhờ bệ hạ thương xót tô điểm tốt đẹp cho, thành lại mừng chở che như quyến thuộc đặc tha thứ, ép vị gạn lời nghiên cứu ca vịnh càng sâu. Kia là nhờ ngộ đâu chỉ có lợi ích quá nửa. Nhưng thần vẫn sung túc dịch ngoài, không do chính thân thừa lãnh âm chỉ, thường mong mây xa đã thật ở trời đất, không hơn kéo dài chỉ để bày tâu. Thần Tung nói.

Được biểu đủ một, hai, ta thường gần lại thêm nhiều việc mờ mịt, gặp việc xoay mặt vô vách, không biết đạo lý, đâu ở là phục. Do ông ưa pháp mầu, do đây lại Mạnh Lãng dùng lời đó, mà đến dụ qua lợi ích tốt đẹp để không an.

LUẬN CHIẾT NGHI CỦA SA-MÔN THÍCH TUỆ TỊNH ĐỜI ĐƯỜNG

Thái tử Trung Xá Tân Tư, học gồm văn sử, cao ngạo kiêu căng tâm ưa đạo thuật, xem thường Phật pháp. Nhiễm Hàn Dũ soạn luận rõ lược Thích tông (đạo Phật). Lúc có người đối Tư quyết đập tan vụn dưới đất cho là trong Tăng không có người. Pháp sư Tuệ Tịnh không khỏi sự khinh lờn kia bèn cất luận để phát họa đó, nói rằng: "Mở xem Cao luận, rộng nghiên cứu tinh vi, ý chỉ dồi dào, văn từ hoa mỹ, kinh tâm lòa mắt, biện vượt bậc, nói năng suôn sẻ, lý khoe nối tiếp bắt bẻ bừng bừng ngang dọc, ánh sáng tảo rong lăng xăng ngựa trạm kia, chẳng phải bậc triết sĩ thì ai có được tâm kia, nhìn bậc thượng nhân kia vốn khó cùng đối, khinh giữ không thông minh thà trả lời khách đến hỏi.

Luận nói rằng: "Một âm giảng nói tùy theo loài đều được hiểu, chúng sinh loài máy động đều có Phật tánh". Nhưng Phật-đà cùng bậc Tiên giác lời theo thế tục mà khác, trí tuệ và nghĩa Bát-nhã vốn đồng nhiệm mầu, tu tập trí giác nếu chẳng thắng nhân niệm tuệ Phật thì đâu

thể lên diệu quả.

Đáp rằng: Lớn thay! Nêu đây, sâu xa bền chắc, lý hợp gồm nghi. Nay sẽ vì ông lược bày đại khái, nếu hỏi đồng đáp khác, văn rực rỡ là sực rỡ ở sách Khổng, danh một mà nghĩa trái, lý rõ là rõ ở kinh Phật, nếu tên đồng thì không chấp nhận nghĩa khác, thì hỏi một không được đáp khác, lệ này đã lên, kia đều tự chìm xuống. Như có chưa dụ lại là xé bỏ, hề do trụ không chỗ trụ, muôn thiện sở dĩ gồm tu, vô vi không làm, một âm cho nên đều ứng, đâu chỉ bặt Thánh dứt trí, ôm một giữ sự mềm yếu lạnh nóng độc thiện nghĩa không gồm tu, xét lời hơn kém kia có thể so sánh ư?

Hai tông đã nói trăm nạn trệ này, luận nói: Quyết danh ngôn kia đây có thể phân biệt. Một âm đều hiểu bèn đùa giỡn nói không. Đáp rằng: Thành thật ý chỉ Như Lai cũng phải phân biệt, trộm lấy tiêu dao một phen, chim bằng và chim cút không thể cùng bay chín muôn, héo, tươi không đồng, cây xuân cái nấm không thể đồng nơi tám ngàn, mà huống gì lửa đom đóm bằng với mặt trời mặt trăng, tưới rưới lúc mưa đâu có phân đồng rõ thấm nhuần mà đều thấm ướt kia ư? Còn như núi, hào, một kia lớn nhỏ, sống lâu chết yểu đều là thọ và yểu, kéo dài cột nhà loạn ngang dọc kia. Thí lộn lạo xấu ác kia, do đây đợi nhau không định đoạt nhau để mất. Trang Sinh sở dĩ dứt có phong kia, chẳng phải cái gọi là trước tiên không vật, ở đây thì do đôi phân biệt, chính ông phân biệt, ông quên phân biệt tức tôi quên phân biệt. Quân tử bàn luận dữ dội mà may mắn là không dối bàn, một lời dễ mất bốn ngựa khó theo. Thật thay văn này, rất đáng dè dặt.

Luận rằng: Các hành pháp là vô thường, gặp việc duyên khởi, lại tâm có đối đãi, giúp khí hợp cầu, nhưng ta tịnh thọ nơi huân tu, tuệ định thành nơi sửa chữa.

Đáp rằng: Vô thường, cho nên ta bỏ, duyên khởi là ta mới đến. Vì cũ nên ta bỏ vì ta đâu có thường? Ta mới đến vì ta đâu có dứt? Mới cho nên truyền nhau, giả huân tu để thành tịnh, tốt xấu lại đổi, chẳng sửa mà nạn công, ở đây thì sinh diệt phá bỏ đoạn thường nhân quả hiển bày trung quán, đây là Trang và Thích huyền đồng, đông tây lý hợp, mà chúng ta bỏ đây lấy kia thì không lầm ư?

Luận nói rằng: Nối vịt trời cắt chim hạc, tầm thường chống chân như, cỏ hóa ong bay, ở đâu chìm tán.

Đáp: Tự nhiên là báo phần, huân tu là nghiệp lý. Báo phần đã định, hai chim không ham dài ngắn, lý nghiệp giúp duyên, hai con côn trùng có đối đãi mà bay hóa. Nhưng sự tượng dễ nghi, chìm tối khó hiểu,

người tối tìm cầu chìm mê ở lưới quên. Cho đến đạo tròn bốn quả còn muội áo châu, ngôi vị giáng Thập địa vẫn còn hôn mê la cốc, Thánh hiền vốn vậy huống gì hạng tầm thường? Tự chẳng xem gương ba minh, hùng bay bảy biện, đâu thể diệu khế huyền cực, nghiên cứu sâu xa. Bần đạo nhờ do thọ nghiệp môn nhà bạn gởi từ đáy mong có thể chọn lành dám tiến sô nhiêu như hoặc tiếng leng keng xin rõ lá vàng. Vì vậy họ Tân lãnh nhận văn này liền dứt lưới tà (ở đây nghĩ trước, Chu Sa-môn, Diêu Đạo An hai người giáo luận đã có thành giải, nhưng người chưa thấy cho là Tân Thảo sáng lập). Có Lý Viễn hỏi Xá Nhân có đọc luận này, ý chỗ chưa rõ lại đem chỉ bày Sa-môn Pháp Lâm thỉnh càng rộng nghĩa kia giống với Lâm, bèn đáp rằng: "Nhờ chỉ bày họ Tân cùng Pháp sư Tịnh đồng vật luận, đại ước hai lời hỏi, lời lẽ ý chỉ rộng rãi đầy đủ, lý chí sâu xa tuyệt vời, đã khai nghĩa phụ đặt hiểu văn bén nhọn, bàn nêu Phật tánh bình đẳng, riêng nói chúng sinh đều hiểu. Bày hai nạn kia đây nói một môn huyền đồng, chẳng phải khế hợp trong cõi kia ai trấn giữ được Cao Luận này. Tốt thì tốt mà nghi rất nghi. Vì sao? Xét Thượng Hoàng sớm suốt tỏ, tên Tiên giác đầu dòng, Pháp vương ứng vật nêu hiệu Phật-đà, trí tuệ bởi tiểu thuật phân biệt. Bát-nhã chính là đại tông vô tri, phân biệt duyên khởi cho nên gượng gọi là tiên giác, tánh vô tri bất luận, ở đây giả gọi là Phật-đà. Phân biệt đã bày ở ngoài có số, vô tri thì ở trong không tâm. Ở ngoài có số, thấy phân biệt không mất. Đối với không tâm công dẫn dụ chẳng thiếu, vật rất nhỏ mới cự núi lớn vượt qua chim cút một thước sánh với đại bàng, không thể nói ngang nhau.

Trang Sinh nói: "Ta quên phải quấy không quên kia đây", thường chống vậy ư? Cho nên trí nhỏ không bằng trí lớn, tuổi nhỏ không bằng tuổi lớn, chỉ có Bành Tổ là đặc biệt, mọi người chẳng theo kịp. Huống chi lý ba đời không sai, môn hai đế có thể nghiệm. Do đây Thánh lập nhân quả, phàm phu có thời kỳ chứng Thánh. Đạo xứng tự nhiên, người học không mong thành đạo, từ nhỏ nhặt đến nổi tiếng nhờ sửa chữa mới nghiên cứu, từ nhân đến quả, nhờ huân tu mà chứng. Kia đã biết mà cố hỏi, tôi cũng thuật mà lược đáp, rõ một âm khắp giúp, chìm mất do đây đồng quay về, bốn trí rộng lớn, chân như nhờ đó tự hiển, tự hiển chỉ gạn chỉ bày đồng quy về, ai đến ai đi, càng biết tùy nghiệp mà thọ báo. Hai chim không chê dài ngắn, nhân ẩm thấp mà sinh, hai trùng không lựa phi hóa, không còn đợi và không đợi, rõ tức đợi chẳng phải đợi. Xin thử bàn đó, xưa Khám Trạch có nói: Khổng Lão chịu phép trời, chư Thiên nhận pháp Phật. Chín trù rộng lớn nhờ chế dụng của trời, trên mười phương khéo thờ từ phong của Phật. Nếu sánh Khổng Lão với Thánh

tôn, có thể gọi là Tử Cống hiền sánh với Trọng ni, ba ba què mà lấn ngựa ký, muốn nhìn cũng biển lại ôm nước nhỏ giọt, nào khác gì mắt nhòe mà nhìn đầu lông, đi thụt lùi mà muốn đến Dĩnh Lộ, chẳng phải việc nên làm, chẳng phải việc nên làm.

Vả lại, Vương Đạo Chu Nghĩ là đứng đầu tể phụ Vương Mông Tạ còn là vũ nghi của nhân luân, kế thì Hy Siêu, Vương Thụy, Lưu Cầu, Tạ Dung v.v... và hơn bảy mươi người ở Anh Ngạn, Giang Tả đều học tổng cữu lưu tài anh Thiên cô, đều nói tánh linh chân yếu có thể giữ thân giúp tục, chẳng phải lỗi ở giáo pháp của Phật và Tống Văn Đế cùng Vương Huyền Bảo ở Hà Thượng cũng có bàn việc này, như trong nhà kia đều tôn cốt yếu đây, ta sẽ ngồi tỏ ra thái bình ư? Từ trước lại nói rằng: “Mười điều lành được mở rộng thì người trời hưng thạnh, thực hành năm giới thì quỷ súc bặt dứt”. Thật ra! Phép tắc nhiệm mầu giúp đời có tạo tác mà có thể bàn ư? Trung Xá học giàu, tài cao, văn hoa mỹ, lý chí thiết. Tần treo một chữ, Thục quải ngàn vàng, do đâu phải kỳ lạ xinh đẹp. Không lường cái thấy của ống tre, khinh bày lý thô xấu, dám đây có đáp chỉ bày gai tục tổ. Lý Xá Nhân được Lâm giải thích lại, bỗng nhiên thần giải, nghi nặng liền dứt, vẫn do rộng xem nghe luận này, cho nên được hai văn cùng hiển đều cùng chí ư?

■